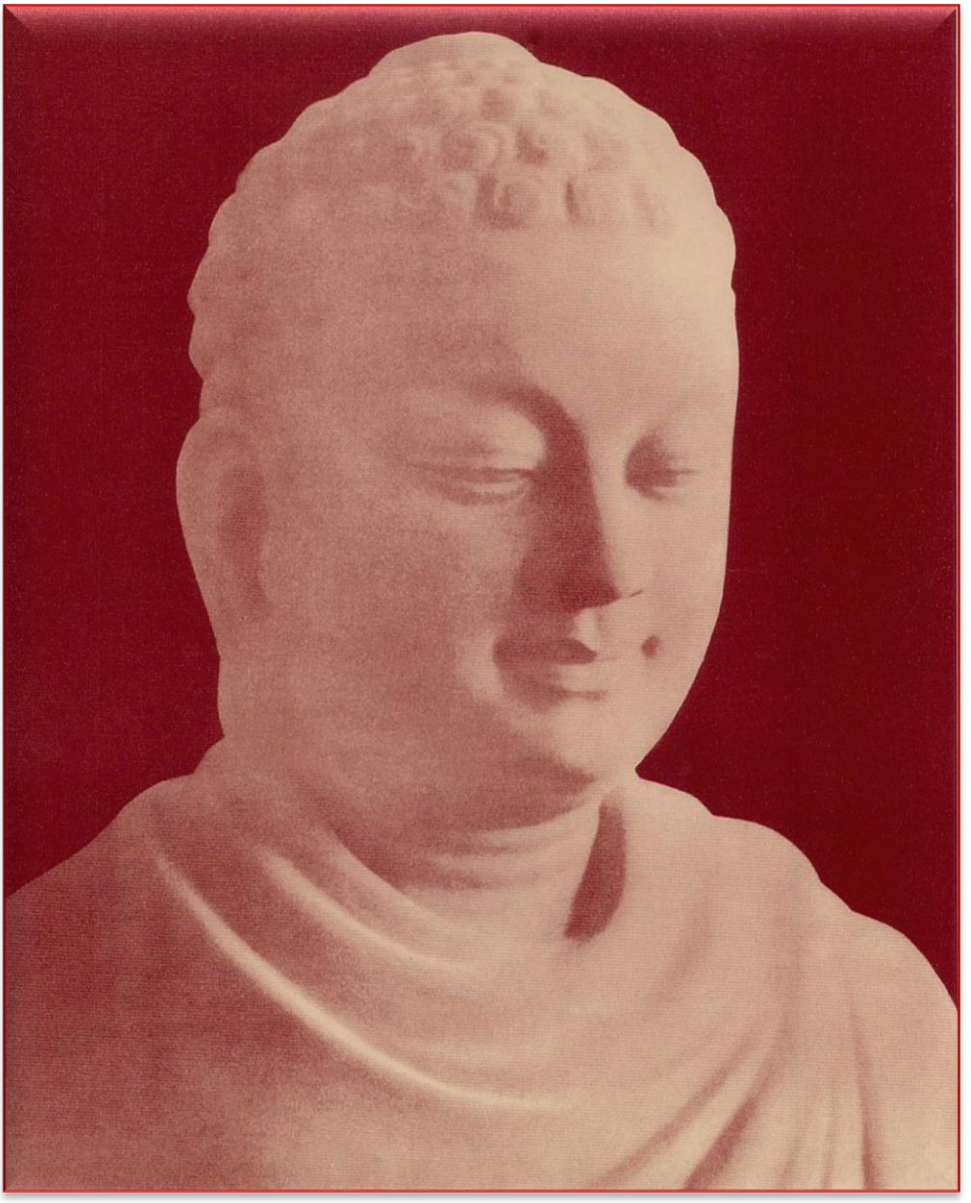


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 65

BỘ KINH TẬP XII

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 65

BỘ KINH TẬP XII

SỐ 674 → 720

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. Tên người: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...

2. Tên nước: Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...

3. Tôn xưng danh hiệu Phật: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...

4. Tác phẩm, kinh sách: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- <u>Viết hoa chữ đầu</u>:

1. Địa danh: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...

2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...

3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...

4. Chủng loại: chư Thiên

5. Phương hướng: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. Nhân danh: Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...

2. Địa danh: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...

3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...

4. Phẩm bậc, quả vị: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...

5. Chủng loại: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- <u>Số:</u>

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số) <u>ví dụ</u>: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
<u>ví dụ</u>: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- <u>Đặc biệt:</u>

Âm "y" và "i": dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ KINH TẬP 12 – T065

SỐ 674 3
KINH CHỨNG KHẾ ĐẠI THỪA 3
QUYỂN THƯỢNG 3
QUYỂN HẠ 28
SỐ 675 45
KINH THÂM MẬT GIẢI THOÁT 45
QUYỂN 1 45
Phẩm 1: Tựa QUY MẠNG ĐỨC PHẬT THÍCH-CA MÂU-NI 45
Phẩm 2: THÁNH GIẢ HỎI BỒ-TÁT THIỆN VẤN 46
Phẩm 3: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT THƯA HỎI 49
Phẩm 4: THÁNH GIẢ ĐẠI BỒ-TÁT THIỆN THANH TỊNH TUỆ THƯA HỎI 51
Phẩm 5: TUỆ MẠNG TU-BỒ-ĐỀ THƯA HỎI 54
Phẩm 6: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT QUẢNG TUỆ THƯA HỎI 57
QUYỂN 2 60
Phẩm 7: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT CÔNG ĐỨC LÂM THƯA HỎI 60
Phẩm 8: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT THÀNH TỰU ĐỆ NHẤT NGHĨA THƯA HỎI 63
QUYỂN 3 76
Phẩm 9: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT DI-LẶC THƯA HỎI (Phần 1) 76
QUYỂN 4 97
Phẩm 9: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT DI-LẶC THƯA HỎI (Phần 2) 97
Phẩm 10: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT QUÁN THẾ TỰ TẠI THƯA HỎI (Phần 1) 101
QUYỂN 5 116
Phẩm 10: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT QUÁN THẾ TỰ TẠI THƯA HỎI (Phần 2) 116
Phẩm 11: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT VĂN-THÙ-SƯ-LỢI PHÁP VƯƠNG TỬ THƯA HỎI 120
SỐ 676 133
KINH GIẢI THÂM MẬT 133
QUYỂN 1 133
Phẩm 1: MỞ ĐẦU 133
Phẩm 2: THẮNG NGHĨA (Thắng nghĩa đế tướng) 134
Phẩm 3: Tâm thức (Tâm ý thức tướng) 144
QUYỂN 2 147

Phẩm 4: TỰ TÁNH (Nhất thiết pháp tướng) 147
Phẩm 5: VÔ TÁNH (Vô tự tánh tướng) 149
QUYỂN 3 161
Phẩm 6: DU GIÀ (Phân biệt Du-già) 161
QUYỂN 4 181
Phẩm 7: ĐỊA ĐỘ (Địa Ba-la-mật-đa) 181
QUYỂN 5 199
Phẩm 8: PHẬT SỰ (Như Lai thành sở tác sự) 199
SỐ 677 210
KINH GIẢI TIẾT 210
Phẩm 1: BẤT KHẢ NGÔN, VÔ NHỊ 210
Phẩm 2: VƯỢT HƠN CẢNH GIỚI GIÁC QUÁN 213
Phẩm 3: QUÁN NHẤT DỊ 214
Phẩm 4: NHẤT VỊ 217
SỐ 678 222
KINH TƯƠNG TỤC GIẢI THOÁT ĐỊA BA-LA-MẬT LIỄU NGHĨA 222
SỐ 679 237
KINH TƯƠNG TỤC GIẢI THOÁT NHƯ LAI SỞ TÁC TÙY THUẬN XỨ LIỄU NGHĨA 237
SỐ 680 248
KINH PHẬT ĐỊA 248
SỐ 681 258
KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM 258
QUYỂN THƯỢNG 258
Phẩm 1: HỘI MẬT NGHIÊM 258
Phẩm 2: DIỆU THÂN SINH (Phần 1) 269
QUYỂN TRUNG 288
Phẩm 2: DIỆU THÂN SINH (Phần 2) 288
Phẩm 3: THAI SINH 300
Phẩm 4: HIỂN THỊ TỰ TÁC 301
Phẩm 5: PHÂN BIỆT QUÁN HÀNH 310
Phẩm 6: KIẾN LẬP A-LẠI-DA 313
QUYỂN HẠ 319
Phẩm 7: CẢNH GIỚI TỰ THỨC 319
Phẩm 8: A-LẠI-DA VI MẬT 320
SỐ 682 355
KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM 355
QUYỂN THƯỢNG 357
Phẩm 1: ĐẠO TRÀNG MẬT NGHIÊM 357

Phẩm 2: NHẬP MẬT NGHIÊM SINH THÂN VI DIỆU (Phần 1) 368
QUYỂN TRUNG 391
Phẩm 2: NHẬP MẬT NGHIÊM SINH THÂN VI DIỆU (Phần 2) 391
Phẩm 3: SINH THAI TẠNG 407
Phẩm 4: CẢNH GIỚI TỰ (GIÁC) TÁC 409
Phẩm 5: BIỆN QUÁN HẠNH 422
Phẩm 6: HƯỚNG VÀO A-LẠI-DA 427
QUYỂN HẠ 439
Phẩm 7: CẢNH GIỚI NGÃ, THỨC 439
Phẩm 8: A-LẠI-DA CHÍNH LÀ MẬT NGHIÊM 440
SỐ 683 485
KINH CHƯ ĐỨC PHƯỚC ĐIỀN 485
SỐ 684 493
KINH ÂN CHA MẸ KHÓ BÁO ĐÁP 493
SỐ 685 495
KINH VU-LAN-BỒN 495
SỐ 686 498
KINH BÁO ÂN PHỤNG BỒN 498
SỐ 687 500
KINH HIẾU TỬ 500
SỐ 688 502
KINH VỊ TẰNG HỮU 502
SỐ 689 506
KINH THẬM HY HỮU 506
SỐ 690 511
KINH HY HỮU GIẢO LƯỢNG CÔNG ĐỨC 511
SỐ 691 517
KINH TỐI VÔ TỶ 517
SỐ 692 525
KINH TẠO HÌNH TƯỢNG PHẬT 525
SỐ 693 528
KINH PHẬT THUYẾT TẠO LẬP HÌNH TƯỢNG PHƯỚC BÁO 528
SỐ 694 533
KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TẠO TƯỢNG CÔNG ĐỨC 533
QUYỂN THƯỢNG 533
QUYỂN HẠ 544
SỐ 695 556
KINH QUÁN TẨY PHẬT HÌNH TƯỢNG 556
SỐ 696 559

KINH MA-HA SÁT ĐẦU 559
SỐ 697 563
KINH DỤC TƯỢNG CÔNG ĐỨC 563
SỐ 698 567
KINH DỤC PHẬT CÔNG ĐỨC 567
SỐ 699 572
KINH TẠO THÁP CÔNG ĐỨC 572
SỐ 700 574
KINH CÔNG ĐỨC NHIỄU BÊN PHẢI THÁP PHẬT 574
SỐ 701 579
KINH ÔN THẤT TẨY DỤC CHÚNG TĂNG 579
SỐ 702 585
KINH THÍ ĐĂNG CÔNG ĐỨC 585
SỐ 703 603
KINH ĐĂNG CHỈ NHÂN DUYÊN 603
SỐ 704 613
KINH LÂU CÁC CHÁNH PHÁP CAM LỘ CỔ 613
SỐ 705 618
KINH BỐ THÍ 618
SỐ 706 622
KINH NGŨ ĐẠI THÍ 622
SỐ 707 623
KINH XUẤT GIA CÔNG ĐỨC 623
SỐ 708 629
KINH LIỄU BẢN SINH TỬ 629
SỐ 709 635
KINH ĐẠO VU 635
SỐ 710 642
KINH TỪ THỊ BỒ-TÁT SỞ THUYẾT ĐẠI THỪA DUYÊN SINH ĐẠO CÁN DỤ 642
SỐ 711 650
KINH ĐẠI THỪA XÁ-LÊ-SA-ĐAM-MA 650
SỐ 712 657
KINH ĐẠI THỪA ĐẠO VU 657
SỐ 713 666
KINH BỐI ĐA HẠ TƯ DUY THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN 666
SỐ 714 670
KINH DUYÊN KHỞI THÁNH ĐẠO 670
SỐ 715 674

KINH CỰU THÀNH DỤ 674
SỐ 716 678
KINH DUYÊN SINH SƠ THẮNG PHẦN PHÁP BẢN 678
QUYỂN THƯỢNG 678
QUYỂN HẠ 692
SỐ 717 708
KINH PHÂN BIỆT DUYÊN KHỞI SƠ THẮNG PHÁP MÔN 708
QUYỂN THƯỢNG 708
QUYỂN HẠ 721
SỐ 718 738
KINH PHÂN BIỆT DUYÊN SINH 738
SỐ 719 741
KINH THẬP NHỊ DUYÊN SINH TƯỜNG THỤY 741
QUYỂN THƯỢNG 741
QUYỂN HẠ 753
SỐ 720 761
KINH VÔ MINH LA-SÁT TẬP 761
QUYỂN THƯỢNG 761
QUYỂN TRUNG 772
QUYỂN HẠ 784

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 65

BỘ KINH TẬP XII

SỐ 674

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 674

KINH CHỨNG KHẾ ĐẠI THỪA

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Địa-bà-ha-la.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Bạc-già-phạm đang ở trong vườn cây rộng lớn bên ao nước trong mát trên đỉnh núi Đại Ma-la-da, là chỗ của các vị Thần linh trì chú và Phi nhân chứng quả, Tiên thông thành tựu vô thượng, cùng với đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người đầy đủ. Đều là các đại Thanh văn đã làm xong, nghĩa là vượt qua tất cả các địa vị Duy-na phàm phu. Những vị tên đó là Trưởng lão A-nhã Kiều-trần-như, A-thuyết-thị-đa, Đại Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đều là những bậc Thượng thủ, cùng với các Đại Bồ-tát, hết thảy đều là bậc chứng quả, các Bồ-tát chứng Đà-la-ni Tam-muội, hiện tiền tự tại vô ngại, trụ vào địa vị của tất cả Bồ-tát, những vị đó tên là Thánh giả Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Đại Tuệ, Bồ-tát Thắng Tuệ, Bồ-tát Kiên Tuệ, Bồ-tát Tịch Tuệ, Bồ-tát Vô Tận Tuệ, Bồ-tát Vô Biên Tuệ, Bồ-tát Hải Tuệ, Bồ-tát An Tuệ, Bồ-tát Vô Cấu Tuệ, Bồ-tát Trí Tuệ, những Đại Bồ-tát như thế đều là bậc đứng đầu, được thọ ký, ở trong thế giới chứng thành Chánh đẳng giác và chuyển bánh xe chánh pháp và các vị Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Tiên thông, Quỷ thần, vô số hình tướng, vô số y phục, vô số mũ đẹp, cầm vô số binh đạo, vô số cờ hiệu, đều đến trong hội nghe pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn diễn nói pháp vi diệu, đầu, giữa, sau đều thiện nghĩa lý rõ ràng, đại chúng đông như biển vây quanh chiêm ngưỡng, cúng dường, duy nhất khai mở giảng nói phạm hạnh thanh tịnh đầy đủ trọn vẹn.

Lúc ấy, ở đại thành Lăng-già, có La-sát vương tên Tỳ-tỳ-sản, làm chủ thành kia. Khi đó, Tỳ-tỳ-sản nghe có Đức Phật Thế Tôn đang ở trên đỉnh núi Ma-la-da nơi các bậc Đại tiên trú ngụ và đang trong vườn cây lớn, bên ao nước trong là chỗ dạo chơi của các vị Tiên, phi nhân tu hành chứng quả.

Cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và các Đại Bồ-tát với các chư Thiên… đều đến trong hội lớn vây quanh nghe giảng nói pháp vi diệu cho đến khai mở hiển bày, phạm hạnh thanh tịnh. Lúc đó, chủ Tỳ-tỳ-sản, suy nghĩ rằng: "Tiếng Phật khó được nghe như hoa Ưu-đàm, huống chi là gặp được Phật ở đời lãnh thọ chánh pháp, như rùa mù trong biển gặp được bọng cây nổi thật là rất khó. Đức Phật khó được gặp, giác pháp khó được nghe, nay được nghe pháp, hiểu đạo, gặp Đức Phật Thế Tôn đạt được đại Bồ-đề và giác ngộ chúng sinh. Rất khó gặp được! Rất khó gặp được! Ta bấy lâu nay rất khó gặp được, vậy phải mau chóng chuẩn bị đem vô số ngọc báu, chuỗi Anh lạc, vô lượng vòng hoa, hương đốt, hương xoa, hương bột, y phục, lộng lụa, phướn, cờ hiệu, các thứ kèn, trống, nhạc và các kỹ nữ, cùng những thuộc hạ đến chỗ Phật, cúng dường để thưa hỏi chánh pháp. Thật là chẳng uổng một đời, lại báo thân này được lợi ích lớn".

Bấy giờ, Tỳ-tỳ-sản bảo các thuộc hạ. Các ngươi mau đem nhiều của báu, như vàng, bạc, ma-ni, trân châu lưu ly, san hô, mã não, xích châu, ngọc kha, xâu chuỗi ngọc, hương hoa thượng hạng, cho đến các loại kèn trống nhạc và các kỹ nữ múa hát đến cúng dường, mau chuẩn bị cùng ta đem đến chỗ của Đức Như Lai Pháp chủ, Bậc tôn kính tối thượng của Tam giới với đầy đủ trí tuệ, tri kiến, phước báo vô lượng mà thân cận cúng dường. Vì sao? Vì Đức Phật ra đời rất khó gặp như hoa Ưu-đàm đúng thời hiện một lần và ruộng phước kia trong giây lát hiếm có, tiếng của Tam bảo thế gian khó được nghe, nên không thể bỏ lỡ, chủ Tỳ-tỳ-sản bảo bằng kệ:

Khi Phật hiện ra đời
Khoảnh khắc khó gặp được
Trải năm ngàn ức kiếp
Hiếm khi gặp được Phật.
Đạo sư rất khó gặp
Giống như hoa Ưu-đàm
Vô biên cõi chúng sinh
Lưu chuyển trong sáu nẻo,
Chịu khổ cực địa ngục
Súc sinh và ngạ quỷ
Sống ở trong tám nạn
Xa rời các Như Lai.
Ánh sáng Thánh ra đời
Lợi ích các chúng sinh
Mặt trời trí tuệ lớn
Chiếu sáng diệt tối tăm.

Hôm nay cùng đến có
Cùng sửa soạn cúng dường
Ma-ha Na-già Tôn
Đạo Sư các thế gian.
Thầy dẫn đường trời, người
Cúng dường được quả lớn.

Khi ấy, Tỳ-tỳ-sản nói kệ rồi, nhờ thần lực của Phật, cho nên ức na-do-tha trăm ngàn ánh sáng từ chỗ Đức Phật phát ra, bay lên giữa hư không chiếu vào đại thành Lăng-già, chiếu đến Tỳ-tỳ-sản và các thuộc hạ, Tỳ-tỳ-sản gặp được ánh sáng này hết sức vui mừng và trong vầng sáng nhiệm mầu bao phủ ấy tự phát ra bài kệ diễn pháp vi diệu, sâu xa:

Các pháp vốn lặng
Tánh không vô ngã
Tất cả chúng sinh
Đều không thể được.
Không đầu, không giữa
Cũng không sau cùng
Giả dối không thật
Như giấc chiêm bao,
Như mây, như chớp
Sóng nắng, bọt nước
Như vòng lửa tròn
Như nước tụ bọt,
Nhân duyên sinh pháp
Đều không tự tánh
Các pháp hữu vi
Thảy đều như thế.
Vô minh khát ái
Là gốc sinh tử
Chiêm nghiệm tu tập
Không vô minh, ái,
Tất cả các pháp
Xa lìa nói năng
Thật tánh thanh tịnh
Cũng như hư không.

Tiếng kệ phát ra trong ánh sáng vừa dứt, chủ đại thành Lăng-già Tỳ-tỳ-sản, liền đạt được pháp Nhẫn vô ngã thâm sâu, các bộ chúng thuộc hạ kia đạt được nhẫn, hoặc có người phát tâm Bồ-đề, hoặc có người đạt được

thuận nhẫn, hoặc có người Kiến đế (chứng ngộ chân lý), chủ Tỳ-tỳ-sản đã đối với Phật, Pháp, Tăng tâm đã đạt được tín tâm vô ngại, lại suy nghĩ: "Ta phải tin vững chắc để chứng được quả Phật", liền nói kệ:

Trời, Người, A-tu-la
Đạt vô thượng tối thắng
Chủ Phạm các Thiên chúng
Không thấy, chẳng hay biết.
Nay ta ở thế gian
Đạt được pháp như vậy
Trí của Nhất thiết trí
Chắc chắn không còn nghi.
Sẽ ở thế giới này
Thành Phật độ chúng sinh
Vô biên, vô số ức.
Khai bày pháp Phật tịnh
Vô lậu Bát giải chi
Đạo chân chánh vô thượng
Hiển bày trí vô biên
Đủ ba mươi hai tướng
Thành Phật chứng Bồ-đề
Dùng thân này trang nghiêm
Khiến cho khắp chúng sinh
Tu hành nghiệp thanh tịnh
Vượt khỏi dùng sinh tử
Diệt trừ các sợ hãi
Giữ gìn đức giới hạnh
Cứu vớt làm lợi ích
Thân như mặt trăng sáng
Diệt trần phá sinh tử
Giữ đức sẽ thành Phật
Thị hiện trong ba cõi.

Lúc đó, Tỳ-tỳ-sản nói kệ này rồi, liền đạt được tâm bất thoái chuyển Vô thượng Bồ-đề. Và đem theo vô lượng, các vật đặc biệt, diệu kỳ như tâm mong muốn, mỗi mỗi hiển hiện vô số vòng hoa, hương đốt, hương bột, hương xoa, y phục, cờ phướn, ma-ni, các thứ lụa báu màn che, chuỗi hạt trân châu trang nghiêm đầy đủ, kèn trống các thứ âm nhạc ca hát tiếng hay vừa lòng đầy khắp hư không, đều đến cúng dường khen ngợi công đức trang nghiêm sắc tướng của Phật, cùng các thuộc hạ từ giữa không trung,

bước xuống giống như ngỗng chúa đến trước chỗ Phật, đến bên Phật quỳ ngồi xuống đất đảnh lễ chân Phật trăm lạy, đi quanh bên Phật ngàn vòng, chủ Tỳ-tỳ-sản ở trước Phật cúi mình xuống đất, như cây lớn ngã, thưa rằng: "Nam-mô Nam-ma Vô Biên Diệu Đức Trang Nghiêm Thân Tôn Tối Thượng Trượng Phu Trượng Phu Sư Tử Tam Giới Tối Thắng Bà-già-bà-đê Thích-ca Mâu-ni Như Lai A-la-ha Tam-miệu-tam Phật-đà". Nói xong đứng dậy chắp tay nhất tâm ca tụng công đức của Phật.

Vô biên, vô lượng kiếp
Góp tu hạnh thanh tịnh
Làm những hạnh khó làm
Khó được nhân Bồ-đề
Ăn uống, áo, xe cộ
Chuỗi ngọc, vàng, bảy báu
Ban cho người cầu xin
Vô lượng trăm ngàn ức.
Bỏ cả nước, thành, ấp
Người thân và thuộc hạ
Phước Thắng vua giàu mạnh
Tích chứa nhiều của báu
Chí dũng đều song toàn
Cứu vớt không nghĩ bàn
Trăm ngàn vạn ức kiếp
Luôn làm không bỏ dở
Lúc xưa làm vương tử
Tên gọi Tu-đạt-nô
Ở trong rừng khổ hạnh
Bỏ vợ và nam, nữ
Xưa gặp cọp con đói
Từ bi bỏ thân mình
Vì cứu chim bồ câu
Cho thịt mình không tiếc
Thấy Bà-la-môn mù
Xin mắt liền móc cho
Chưa từng sinh khổ não
Tâm cũng không hối hận
Thấy người đến cầu xin
Cung kính vui bố thí
Vì tu nhân Bồ-đề

Bỏ đầu dâng người xin
Đêm dài giữ gìn giới
Không nhơ không thiếu sót
Thánh hạnh thuần trong sạch
Không còn các tạp xấu
Chẳng giết mạng chúng sinh
Không trộm vật người khác
Phạm hạnh luôn thanh tịnh
Không luyến tiếc đắm nhiễm
Miệng không nói giả dối
Không uống các loại rượu
Bình đẳng xem chúng sinh
Cùng với ta không khác
Nghe nói không làm theo
Gièm pha phá người khác
Không phát ra lời ác
Nói thêu dệt vô nghĩa.
Thường làm Thiện hữu ích.
Ngăn trừ các tổn hại.
Đối với các chúng sinh
Không khởi tâm giận tức
Thường đoạn dứt tà kiến
Chuyên giữ đức chánh thiện.
Đối với Phật, Pháp, Tăng
Chí thành tu cúng dường
Xưa xả bỏ ngũ dục
Xuất gia xa ái nhiễm
Giữ giới Phật thanh tịnh
Ba-la-đề-mộc-xoa
Xưa thực hành đức nhẫn
Bình thản nhận khổ đau.
Đánh đập giận mắng chửi
Ác độc khổ đều nhẫn.
Tâm chưa từng hối hận
Cũng chẳng sinh ác tâm
Đối với các chúng sinh
Không tổn thương, hiềm khích
Mắt từ xem chúng sinh

Khắp đều như con cả.
Để thoát khổ độc lớn
Vô lượng trăm ngàn ức
Trong đời đời kiếp kiếp
Luôn tu hạnh nhẫn lớn
Xưa là tiên Đại Nhẫn
Tu đạo diễn pháp mầu
Vương phi cùng cung nữ
Hoan hỷ lại nghe pháp
Vua tức, ghen Đại Nhẫn
Tâm an vui nhẫn nhục
Bậc Thánh tu vững tiến
Ức kiếp chẳng nghĩ màng
Tâm tà vạy, yếu đuối
Thường ngăn không để khởi.
Chí lớn luôn siêng năng
Khai ngộ Phật Bồ-đề
Lại lấy đạo Bồ-đề
Soi sáng khắp tất cả.
Xưa làm hạnh khó làm
Siêng năng không biếng nhác
Cúng dường và tôn trọng
Vô lượng các Như Lai
Cho đến vì chúng sinh
Mà ở nơi sinh tử
Thuận theo làm tôi tớ
Biết bao phương tiện dẫn
Vô lượng trăm ngàn kiếp
Siêng năng tu khổ hạnh
Tích góp tu pháp Phật
Mong chứng ngôi vô thượng.
Thuở xưa tu thiền định
Tịch tĩnh điều phục tâm
Tứ thiền và Ngũ thông...
Vô sắc đều đạt đến
Suy nghĩ về Tam-muội
Vô lậu định trọn đầy.
Khi xưa tu Bát-nhã

Đầy đủ trí vô lậu
Biết rõ pháp tánh không
Huyền, hư, giả, dối, hoặc
Không có ta, chúng sinh.
Thọ mạng và nuôi dưỡng.
Sống là Nhân, Nghiệp chuyển
Phiền não liên tục trói
Cõi dục thường bất tịnh
Bốn phiền não nhiễm đầy
Cõi chúng sinh thanh tịnh
Mới biết gốc phiền não
Được thanh tịnh chân thật
Thấy chúng sinh kiếp trước
Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Định,
Trí tuệ đều vượt qua.
Vì nghĩa gì khai mở?
Phương tiện và trí độ
Phước thù thắng vô biên
Thẳng đến ngôi Chánh giác
Siêng tu thân, khẩu, ý.
Chứng quả Phật chân thật
Con nay cúi đầu lạy
Bậc cha lớn thế gian.
Con nguyện ở đời sau
Sẽ thành Phật chánh giác.

Khi ấy, chủ Tỳ-tỳ-sản dùng kệ ca tụng Đức Phật xong, đem vô lượng, vô số vòng hoa đẹp nhất, hương đốt, hương xoa, hương bột, y phục, cờ hiệu, lọng, phướn, kèn trống, các thứ âm nhạc ca hát khen tụng, cùng thuộc hạ một lòng chí thành, cung kính như pháp cúng dường Phật và các chúng Thanh văn, Bồ-tát. Lúc đó, Tỳ-tỳ-sản bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con có vài điều muốn thưa Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, nguyện thương xót chấp nhận cho.

Phật bảo Tỳ-tỳ-sản:

–Ông cứ hỏi, tùy theo ý của ông, ta sẽ giải thích nói rõ.

Chủ Tỳ-tỳ-sản được Phật cho phép, tức liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ý nghĩa chúng sinh như thế nào?

Phật bảo chủ Lăng-già:

–Chúng sinh là: Do các tánh, tưởng hòa hợp. Đó là đất, nước, lửa, gió, không, thức, danh sắc, giới, nhập, duyên khởi và nhân, nghiệp, quả, hợp hội đối đãi nhau mà sinh ra. Như cỏ lau mọc trên đất, hoặc chấp ngã, hoặc chấp chúng sinh, con người, người nuôi dưỡng, người trượng phu, hoặc gọi Phú-già-la, hoặc xưng Ma-na-bà, hoặc gọi trí, hoặc là nhìn thấy, hoặc là tạo tác, thọ nhận, suy nghĩ. Này chủ Lăng-già nên biết! Chúng sinh đều tưởng như vậy.

Tỳ-tỳ-sản lại bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Những chúng sinh ấy lấy gì làm nguồn gốc? An trụ chỗ nào? Lưu chuyển ra sao?

Đức Phật dạy:

–Tất cả chúng sinh lấy vô minh làm gốc, an trụ vào ái, lưu chuyển theo nghiệp.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nghiệp có mấy loại?

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Có ba loại nghiệp và ba loại tướng của nghiệp. Thế nào là ba nghiệp? Đó là nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý. Thế nào là ba tướng của nghiệp? Đó là tướng thiện, tướng bất thiện và tướng thiện bất thiện.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Kích bạch Thế Tôn! Vì sao chúng sinh chết rồi lại thọ sinh? Khi bỏ thân này lại thọ thân mới như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Thân của chúng sinh chết rồi, nhưng thần thức theo gió nghiệp lưu chuyển thọ nhận quả do nghiệp thiện, bất thiện, thiện bất thiện đã tạo tác. Và theo như những nghiệp thiện đó dẫn đến nhận lấy báo thân, hoặc thọ noãn sinh, hoặc thọ thai sinh, hoặc thọ thấp sinh, hoặc thọ hóa sinh đều là theo gió nghiệp vận hành một cách tất nhiên.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Chúng sinh chết rồi thọ thân trung ấm, khi chưa thọ thân mới thì trụ ở đâu?

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Ý đó thế nào? Như hạt giống nảy mầm thì hạt giống diệt trước mầm sinh ra sau, vì mầm sinh ra trước hạt giống diệt sau, hạt giống diệt thì phải trải qua thời gian lâu mầm mới sinh ra.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không phải hạt giống diệt trước rồi mầm mới sinh sau, không phải mầm sinh trước rồi hạt giống mới diệt sau, sinh diệt đồng lúc, không trước không sau.

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Không phải thân cũ sau khi thức diệt rồi thì thân mới, mới bắt đầu thức sinh ra; cũng không phải thân mới mới bắt đầu thức sinh rồi thì thân cũ sau đó thức mới diệt, sinh diệt cùng lúc không có trước không có sau. Này chủ Lăng-già! Như nói di trùng bò đi, đầu đến chỗ nào thì toàn thân theo đến đó, không di chuyển một phần trước dễ gì mà đi, như vậy không có thức gá vào thân thì toàn cả thức đều thuộc vào đó, một khi đã nương gá thì không xa lìa cho đến chết mới rời bỏ.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Nếu như vậy thì có thân trung ấm không?

Đức Phật đáp:

–Này chủ Lăng-già! Như chúng sinh thuộc noãn sinh (sinh ra từ trứng) bỏ thân nương gá vào noãn (trứng) do gió nghiệp lực kết tụ lại ở trong trứng mà không biết, đến lúc trứng thành thục thì thức mới phân biệt. Vì nghiệp, pháp như thế. Vì nghiệp lực nên chúng sinh thuộc noãn sinh khi trứng chưa đến lúc thành thục không nhận biết gì được. Lại như, vua Chuyển luân và con của vua Chuyển luân, do bởi phước nghiệp nên lúc thọ thân, không bị thai uế làm ô nhiễm, không bị thai uế lẫn lộn, bởi không nhiễm thai uế nên phần nhiều là hóa sinh. Hoặc như thai sinh liền có phôi thai không nhiễm thai uế, đến lúc thành thục rồi thì tách phôi mà ra. Này chủ Lăng-già! Nên hiểu thân trung ấm là thế.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thần thức mức độ ra sao? Có hình sắc gì?

Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Thức không có hạn lượng, không sắc không hình, không thể hiển hiện, không ngăn ngại, không tương tự, không an trụ, không hình dạng.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thể của thức không hạn lượng, không sắc không hình, không thể hiển hiện, không ngăn ngại, không tương tự, không an trụ, không hình dạng, thì há không phải đoạn dứt tướng ư?

Phật nói:

–Không phải. Này chủ Lăng-già! Nay ta lấy ví dụ để khai mở tâm ngươi khiến cho ngươi tỏ ngộ, như ngươi đang ở trong cung điện của mình, có thể nữ, bộ thuộc hầu hạ vây quanh, giường nằm trải đủ các thứ ưa thích, vô số thứ đẹp dùng trang điểm nơi thân. Lúc đó, không nghĩ trong vườn cây lớn rải các thứ hoa đẹp phát ra, hoặc theo gió nhẹ nhàng thổi, hoặc gió mạnh nổi lên, không nghĩ hương thơm từ cây bay vào cung điện. Này chủ Lăng-già! Ý đó thế nào? Gió thơm ấy có thể ngửi biết không?

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có thể phân biệt biết rõ.

–Này chủ Lăng-già! Cũng có thể phân biệt biết hương thơm của hoa gì không?

–Bạch Thế Tôn! Có thể phân biệt biết.

–Này chủ Lăng-già! Nhờ ngửi nên có thể biết, nhưng có thể thấy thể của hương thơm có hạn lượng hình sắc không?

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể được. Vì sao? Vì thể của hương không có sắc hiển hiện, không thể nắm giữ, không có tương tự giống, không hình dạng, không an trụ, lẽ nào thấy được hạn lượng, hình sắc ấy!

–Này chủ Lăng-già! Ý đó thế nào? Đâu phải vì ngươi không thể thấy thể hương thơm có hạn lượng hình sắc mà cho là đoạn dứt tướng.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể. Nếu đã đoạn dứt tướng thì đâu thể ngửi biết. Đúng vậy! Đúng vậy! Này chủ Lăng-già! Nếu thể của thức chấm dứt tức không có tướng sinh tử rõ ràng. Này chủ Lăng-già! Nên biết thể của thức rất thanh tịnh vi diệu, nhưng bị nhiễm bởi khách trần ô nhiễm như bị vô minh che lấp, khao khát ái dục, nhiễm dần thành Nghiệp... ví như hư không vốn trong sạch, nhiệm mầu, nhưng bị vẩn đục bởi khói, mây, bụi bặm, sương mù bốn thứ. Này chủ Lăng-già! Thể của thức thanh tịnh không sắc, không hạn lượng, không nắm giữ, không gì ngăn được. Khách trần nhiễm uế cũng như vậy. Vì sao? Vì thật trí quán sát hoàn toàn không có chúng sinh, không sinh mạng, không sinh ra, không có trượng phu, không có Phù-dà-la, không nhận biết, không tưởng, không thọ, không làm, không nghe, cho đến không có sắc, thọ, tưởng, hành...

Này chủ Lăng-già! Thật trí quán sát rõ ràng không có đủ đắc, tự tánh các pháp đều hòa hợp sinh ra không có tánh khác. Này chủ Lăng-già! Nên tu tập như thế tức thành chúng sinh chân thật, vi diệu, chớ hướng theo cõi

sinh tử rỗng không. Thế nào là chúng sinh chân thật? Đó là sớm chứng đắc đại trí.

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Bị nghiệp dắt lưu chuyển
Chưa đạt tám Thánh đạo
Thoát nghiệp được vô lậu
Làm lợi ích cho đời.

Bấy giờ, Tỳ-tỳ-sản lại bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Cảnh giới của chúng sinh vô lượng, vô biên như cát trong sông Hằng, để được vượt qua ba cõi rộng lớn như biển ấy, hoặc dùng Thanh văn thừa vượt qua, hoặc dùng Độc giác thừa vượt qua, chứng đắc đại trí Vô thượng thành bậc Đẳng chánh giác, không có bờ mé không có tận cùng, vô lượng vô số, tương lai cũng vậy. Dùng ba thừa để vượt qua sớm chứng đắc Niết-bàn, số ấy vô lượng, vô biên như cát trong sông Hằng, mà cảnh giới của chúng sinh không tăng không giảm. Bạch thế Tôn! Con thấy việc này không biết chỗ nào bỏ nghiệp?

Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Chớ bỏ nghiệp. Vì sao? Vì cảnh giới của chúng sinh không có bắt đầu không có kết thúc, cảnh giới hư không và pháp giới cũng như vậy.

Này Chủ Lăng-già! Nên biết, cảnh giới của chúng sinh không thể nói tăng, không thể nói giảm, ba cõi rộng lớn như biển chúng sinh trong đó số đã vượt qua, đang vượt qua cũng nhiều vô số, mà cảnh giới của chúng sinh không tăng không giảm, như cõi hư không chẳng tăng chẳng giảm, không có đầu, giữa và cuối, mà cõi hư không biến khắp tất cả không chướng ngại, không tổn sức, không tạo tác, không phân biệt. Như vậy, chủ Lăng-già! Cảnh giới chúng sinh hoặc đầu hoặc giữa hoặc cuối đều không thể chứng đắc, hoặc chứng đắc pháp Thánh, thì cảnh giới của chúng sinh hoàn toàn không giảm hết, nhưng được vượt qua. Vì sao? Vì cảnh giới chúng sinh, pháp vốn như thế không có khởi đầu không có kết thúc.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Biển sinh tử như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Này chủ Lăng-già! Biển sinh tử giống như biển lớn.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Giáo pháp Phật dạy như thế nào?

Đức Phật nói:

–Giáo pháp của chư Phật phải biết như chiếc thuyền.

Lại hỏi:

–Xuất gia làm Tỳ-kheo đầy đủ pháp như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Tỳ-kheo đầy đủ pháp như thương nhân đi thuyền.

Lại hỏi:

–Đại sư dạy giới giữ gìn không thiếu sót như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Mến pháp, trì pháp, tri túc, giữ giới, tuân thủ nghiêm mật lời Đại sư dạy không thiếu sót. Ví như phải sửa sang thuyền cho chắc chắn, chuẩn bị mọi thứ đầy đủ thì thương nhân mới có thể vượt qua biển lớn.

Lại hỏi:

–Thế nào là Thiện tri thức?

Phật đáp:

–Thiện tri thức như người thuyền trưởng lèo lái con thuyền kia.

Hỏi:

–Năng lực của tám Thánh đạo như thế nào?

Phật đáp:

–Tám Thánh đạo như sức gió của chánh tín đưa con thuyền đi nhanh.

Hỏi:

–Thế nào là thiền định đạt đến Tam-muội Tam-bát-đề?

Đáp:

–Như thuyền đến được đảo châu báu.

Hỏi:

–Thế nào là bảy Bồ-đề phần?

Đáp:

–Bảy Bồ-đề phần như bảy loại báu vật.

Hỏi:

–Được bảy Bồ-đề phần chứng đắc Đại thừa như thế nào?

Đáp:

–Như người buôn kia lấy được bảy báu vật, tùy ý xử dụng trở nên giàu có.

Này chủ Lăng-già! Được bảy Bồ-đề phần, chứng đắc Đại thừa, tu

hành an ổn thành Phật vô thượng, cũng hiểu như thế. Lành thay! Được xuất gia ở trong giáo pháp của Như Lai. Lúc đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Những cõi khổ tối tăm
Trói buộc nơi chúng sinh
Cứu mình và mọi người
Dứt các khổ buộc kia
Xuất gia theo pháp Phật
Như con thật Như Lai.
Mang sứ mạng của ta
Cứu đời, nên tu tập.

Bấy giờ, Tỳ-tỳ-sản bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh xuất gia theo Phật thọ giới, không trì giới tốt, hủy phạm giới cấm, hoặc xuất gia không tu phạm hạnh, giữ giới thiếu sót, bỏ tu hoàn tục những người ngu này, nên hiểu thế nào?

Đức Phật đáp:

–Như người đi buôn nương vào thuyền vỡ, nước trôi mà chết. Này chủ Lăng-già! Hạng người ngu kia xuất gia tu theo giáo pháp của ta, thọ giới mà không trì giới tốt, hủy phạm rất nhiều, ắt phải luân hồi trong ác đạo. Phải hiểu như thế.

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người phá giới không tu phạm hạnh, mà tạo bề ngoài như là phạm hạnh thanh tịnh, hoặc phá giới bỏ tu hoàn tục, những hạng người này sau khi bỏ thân có sinh về cõi Thiện không? Ví dụ thế nào?

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Ví như thương nhân trên biển lớn, thuyền vỡ bị đắm, gặp được mảnh ván vỡ, hoặc thây người chết, hoặc ráng sức nương theo giòng nước xuôi đi. Được tấm ván vỡ nhờ sức gió đưa đến đảo. Được thây chết vì ở biển không giữ xác chết nên cứ thế trôi đi mà sống; nhờ chú tâm ráng sức nương theo dòng nước khiến cảm động Thần biển tiếp sức vào bờ còn nuôi hy vọng. Ở trong pháp của ta xuất gia phá giới, hoặc phá giới hoàn tục nhưng vẫn một lòng trong sạch, tin Phật, chí thành sám hối, hoặc thẳng thắng gột rửa trong sạch tâm ý, hoặc tuy phạm giới nhưng tâm vẫn thường muốn ban vui, cứu khổ chúng sinh, hoặc thọ giới lại rồi tự giữ gìn.

Này chủ Lăng-già! Vì những nhân duyên này nên ở trong pháp của ta xuất gia phá giới, hoặc bỏ giới hoàn tục, cũng được sinh trong cõi thiện.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Muôn ức kiếp nhiều đời

Tích tập bao nghiệp tội
Sám hối tự thọ giới
Tội hết không còn tăng.

Tỳ-tỳ-sản bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu pháp trợ Bồ-đề?

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Có ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề. Đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, gọi là ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có mấy cửa giải thoát?

Đức Phật đáp:

–Có ba cửa giải thoát, đó là cửa Không, Vô tướng, Vô nguyện.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Tu tập được thành tựu như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Tu tập được thành tựu có ba, đó là tu lìa nhiễm, tu diệt trừ, tu Niết-bàn độ.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Có mấy pháp đối trị?

Đức Phật đáp:

–Tóm lược có ba pháp: Người nhiều tham dục dùng pháp quán bất tịnh đối trị, người nhiều giận giữ dùng pháp quán từ bi đối trị, người nhiều ngu si dùng pháp quán duyên khởi đối trị.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Có mấy cách tu Thiện.

Đức Phật đáp:

–Có bốn. Đó là Ngũ ấm thiện, tu Lục giới thiện, tu thập nhị thiện, tu phương tiện thiện.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Phải quán sát như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Này chủ Lăng-già! Phải quán sát tường tận lý duyên khởi, nhân quả và Tứ diệu đế.

Bấy giờ, Tỳ-tỳ-sản nhiễu Phật ba vòng, dùng châu báu, hoa thơm, tung lên tán thán, rồi quỳ gối chắp tay hướng về Đức Phật, vui mừng khôn xiết như chưa từng có. Dùng kệ hỏi rằng:

Bồ-tát hành hạnh gì
Dũng mãnh lợi thế gian
Thí, Giới, Định, Nhẫn, Tấn
Phát Bồ-đề vô thượng.
Cầu chánh trí vô lậu
Dẫn dắt các chúng sinh
Ruộng tối thắng không nhơ
Thành Phật báu trang nghiêm.

Nói kệ rồi, Đức Phật bảo Tỳ-tỳ-sản:

–Lành thay! Lành thay! Này chủ Lăng-già! Người hỏi Như Lai về ý nghĩa này. Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ghi nhớ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho ông.

Này chủ Lăng-già! Bồ-tát thường luôn tu hành sáu pháp Ba-la-mật, đối với tất cả chúng sinh tâm không quản ngại. Này chủ Lăng-già! Bồ-tát thực hành như vậy, chớ để lui giảm, đừng nhiễm pháp đời, lại tinh tấn tu hành pháp tối thắng của Phật, thành tựu vô biên chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật, chứng đắc Đại trí vô chướng ngại Phật.

Tỳ-tỳ-sản bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay tu hành như thế nào để chứng được quả Vô thượng Bồ-đề?

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Phải bỏ sự kiêu mạn, lỗi xấu, không ghen ghét, không keo kiệt, thực hành bốn phạm hạnh, suy nghĩ làm lợi ích tất cả chúng sinh, không sát sinh, không nói dối, không uống rượu, không tà dâm, không trộm cắp, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói lời không, thích hợp thường tu hành tâm Bồ-đề, tâm sáu Ba-la-mật, tâm lợi ích chúng sinh, tâm tịch tĩnh thanh tịnh, quan sát các thứ lo sợ của các cõi, độ thoát chúng sinh khổ não nơi ba cõi. Này chủ Lăng-già! Hôm nay ngươi muốn cầu quả vị Phật, nên hiểu như thế. Nói là quả vị Phật, chỉ là ngôn từ mượn đặt ra thôi. Vì sao? Này chủ Lăng-già! Vì thể của Phật là vô thể, thể của Phật không nguồn gốc, thể của Phật không trụ, thể của Phật thanh tịnh, thể của Phật không trần cấu, thể của Phật vô ngã, thể của Phật không chấp chủ, thể của Phật không hình, thể của Phật không tướng, thể của Phật không nhập vào, thể của Phật không xuất ra, thể của Phật không mệt mỏi, thể của Phật không

có chi phần, thể của Phật không chấp trước, thể của Phật không đắm nhiễm, thể của Phật không hạn lượng, thể của Phật không có sở duyên, thể của Phật không có tạp nhơ, thể của Phật vượt qua các nhập, thể của Phật xa lìa tất cả phân biệt, vọng tưởng, tính toán, thể của Phật siêu vượt các cõi, thể của Phật khó nhập, thể của Phật khó biết, thể của Phật thâm sâu, thể của Phật không có tên, thể của Phật không có sắc, thể của Phật vốn vắng lặng, thể của Phật vi diệu không cấu uế, thể của Phật vô thượng, thể của Phật không thể ví dụ, thể của Phật không thể thủ đắc, thể của Phật không thể đoạn dứt, thể của Phật không thể phá hoại, thể của Phật không thể phân biệt, thể của Phật không thể suy nghĩ, thể của Phật không có tự tánh, thể của Phật không có xứ sở, thể của Phật không có thị hiện, thể của Phật không ngăn ngại, thể của Phật không tượng trợ, thể của Phật không phải đứt đoạn, thể của Phật không phải thường còn, thể của Phật như hư không, thể của Phật không mọi thứ..., thể của Phật không thể nói.

Này chủ Lăng-già! Thể của Phật là như thế, người muốn cầu thành Phật phải bằng tâm không cầu mà cầu quả vị Phật, vì sao? Vì không thể dùng tánh tưởng mà chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, không thể dùng ngã tưởng, chúng sinh tưởng mạng tưởng và các tưởng như sinh ra, nuôi dưỡng trượng phu, Phú-dà-la, tạo tác, thọ nhận, hiểu biết, nhìn thấy, suy nghĩ mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Không khởi tưởng hữu vi, không khởi pháp chấp, không khởi các chấp về ấm, giới, cho đến không khởi chấp về Phật, Bồ-tát mới có thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao? Này chủ Lăng-già! Vì Bồ-đề không thể chấp duyên, không thể chấp tánh, không thể chấp thường, chấp đoạn mà chứng đắc được. Vì sao? Này chủ Lăng-già! Vì bằng tất cả pháp ấy ắt về sau phải bị hủy hoại.

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp hữu vi như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Này chủ Lăng-già! Các pháp hữu vi như huyễn, như mộng, như sóng nắng, như trăng dưới nước, như thành Càn-thát-bà, phải nhận biết như vậy, phải giác ngộ như vậy.

Khi nói pháp này chủ Tỳ-tỳ-sản liền đạt được các pháp Tam-muội Cự trí quang tràng Bồ-tát, tất cả ngôn ngữ Đà-la-ni, vô lượng Tam-muội Đà-la-ni không gì bằng. Chủ Tỳ-tỳ-sản được các Tam-muội Đà-la-ni rồi liền bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Hôm nay con thấu hiểu các pháp hữu vi.

Đức Phật nói:

–Này chủ Lăng-già! Hôm nay, ngươi hiểu các pháp hữu vi như thế nào?

Tỳ-tỳ-sản thưa:

–Như mộng, như huyễn, như âm vang, như thác trên núi, như trăng dưới nước, như sức gió mạnh thổi hoa hư không, như mây mùa thu, như ánh điện chớp, như giọt sương trên ngọn cỏ, như bọt nước, như ngọn đèn, như thành Càn-thát-bà, như cầu vòng, như sóng nắng, hôm nay con đã hiểu rõ tự tánh của pháp hữu vi thảy đều như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ trên đỉnh đầu phóng ra vô biên ánh sáng và ức triệu trăm ngàn pha lê, dây bạc, vô số màu xanh, vàng, đỏ, trắng, xen nhau, chiếu soi đến các cõi Phật rồi, thu tướng ánh sáng vào lại trên đỉnh đầu. Bấy giờ, Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, quỳ gối chắp tay bằng kệ hỏi:

Thắng đức ở đời có nguyên nhân
Hiện vô biên ánh sáng trong suốt
Ai ngộ thắng tuệ được Phật ký
Mâu-ni chiếu soi trăm ánh sáng.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Ông thấy chủ thành Lăng-già tên Tỳ-tỳ-sản đang đứng chắp tay ở trước ta, nhờ cúng dường nhiều, cúng dường cho ta và các Thanh văn các chúng Bồ-tát, nhờ căn lành đó nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề không?

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch:

–Con thấy bạch Thế Tôn! Con thấy thưa Thiện Thệ!

Đức Phật bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Chủ thành Lăng-già Tỳ-tỳ-sản này cúng dường cho ta và ức triệu trăm ngàn Đức Phật rồi, giữ gìn căn lành này khi bỏ hóa thân sinh ra trên hoa sen, sống ở thế giới Đức Phật hiệu là Liên Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hiện đang thuyết pháp giáo hóa bền vững ở thế giới thanh tịnh, Đức Phật ấy sống lâu vô lượng, Tỳ-tỳ-sản sinh ở nước Đức Phật ấy, tức đạt được địa vị thứ nhất của Bồ-tát, cho đến đạt được địa vị thứ mười của Bồ-tát trải qua vô lượng kiếp sẽ ở thế giới Ta-bà này thành Bậc Đẳng Chánh Giác, hiệu là Diệu Hùng Mãnh Lôi Âm Hống Thượng Trang Nghiêm Kim Quang Oai Thanh Tịnh Vô Cấu Quang Minh Tràng Sí Thắng Bảo Tích Chức Công Đức Trang Nghiêm Đảnh Kế Trang Nghiêm Khai Phu Diệu Sinh Vô Biên Quang Tỳ-lô-giá-na Tự Tại Vương gồm đủ mười tên Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời,

thế giới tên là Điện châu man, cõi đó đất bằng thẳng không có cao thấp gò, núi hầm, hố sỏi đá đồ nhơ uế, không có người nữ và các cõi ác, nước ấy trang nghiêm thanh tịnh chúng Bồ-tát rất đông, qua thế giới của Như Lai Vô Biên Quang, kiếp tên là Chiếu ám, Đức Phật ấy sống lâu vô lượng, vô biên.

Này Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Vì nhân duyên này nên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác vui vẻ mỉm cười, trên đỉnh đầu hiện ra tướng ánh sáng.

Khi ấy, Tỳ-tỳ-sản được Đức Phật thọ ký Vô thượng Bồ-đề, hết sức vui mừng toàn thân rung động bay lên hư không cao bảy cây đa-la, ở giữa hư không nói kệ:

Tất cả các pháp
Giả dối, như mộng
Tự tánh tánh không
Tịnh như hư không
Ngã là vô ngã
Cũng không tự tánh
"Ngã" biết là giả
Như luồng sấm chớp
Mới có sinh tử
Mạng sống chúng sinh.
Đầu, giữa và cuối
Pháp thể không thiếu
Nhưng nghiệp quả khác
Chúng sinh các cõi
Nếu tu Bồ-đề
Tịnh trí mới biết
Pháp không tự tánh.

Lúc ấy, Tỳ-tỳ-sản nói kệ này rồi, từ hư không bước xuống quanh Phật ba vòng ngồi một bên thọ nhận lời Phật dạy. Bấy giờ, Trời, Rồng, A-tu-la ở trong đại hội chứng ngộ pháp như biển; Dạ-xoa, La-sát đều phát tâm Bồ-đề; Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già đối với pháp của Phật đạt được vô ngại tín; Ca-lầu-la, Càn-thát-bà, Trì Minh Tiên Thông đạt được Tam-muội Đà-la-ni, chứng ngộ pháp bất thoái chuyển, lúc đó đại địa chấn động, ánh sáng vi diệu chiếu soi tất cả, kể cả trong chỗ tối tăm của thế giới Đức Phật kia ánh sáng đều chiếu đến, tất cả đường ác và các khổ não đều chấm dứt, chư Thiên giữa hư không mưa các hoa trời, đánh trống, ca hát xen nhau các thứ

y phục vật báu xinh đẹp đặc biệt.

Bấy giờ, chủ La-sát Tỳ-tỳ-sản quay nhìn các thuộc hạ của mình và bảo:

–Các ông đều có thể cùng đến chỗ Phật tôn trọng cúng dường phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Lúc đó, vô lượng trăm ngàn La-sát đều đến chỗ Phật, nghiêng mình chắp tay, bạch:

–Hôm nay chúng con cùng ở trước Phật, xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, phát tâm Bồ-đề, hướng đến Đại thừa, thọ trì Đại thừa, nguyện ở đời vị lai ở cõi Ta-bà này thành Phật Thế Tôn diệt trừ tội lỗi không còn như trước, làm lợi ích lớn tất cả chúng sinh.

Phật khen:

–Lành thay! Lành thay! Hôm nay các ông vì muốn cầu thành Phật cho nên phát tâm Bồ-đề, phải tu bốn pháp. Những gì là bốn?

1. Nguyện tu hành không thiếu sót.

2. Đối với các chúng sinh luôn khởi tâm Từ.

3. Mỗi ngày ba thời đều chí thành cúng dường cung phụng Tam bảo.

4. Tâm không thích cầu quả Thanh văn, Độc giác, Nhị thừa.

Các ông chuyên cần tu bốn pháp này, tức không bị mê hoặc bỏ mất tâm Bồ-đề.

Bấy giờ, vua Rồng Bà-kiệt-la từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải quỳ xuống đất, chắp tay cúi xuống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chủ thành Lăng-già Tỳ-tỳ-sản này đời trước tu căn lành gì hôm nay làm việc cúng dường lớn như vậy? Cúng dường Như Lai, chúng Thanh văn và các Bồ-tát, phát tâm Bồ-đề lại được thọ ký, ở nơi Vô thượng Chánh đẳng giác không còn thoái lui.

Đức Phật bảo vua rồng Bà-kiệt-la:

–Thời quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, ở thế giới Ta-bà này có Phật tên là Đại Bi Sinh Trí Sí Tăng, đủ mười hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, thế giới cũng gọi là Ta-bà, cõi nước có trăm thứ ô uế giống như ngày nay, Đức Phật đó dùng pháp Tam thừa giáo hóa chúng sinh, có năm trăm Thanh văn Tỳ-kheo, lúc đó Đức Phật đang ở trên đỉnh núi Ma-la-da, có vô lượng trời, rồng, cho đến phi nhân, đại chúng vây quanh thuyết pháp. Chủ thành Lăng-già Tỳ-tỳ-sản này lúc đó là La-sát trẻ tuổi tên Tỳ-tỳ-sản, ở trong đại thành

Lăng-già, khỏe mạnh to người hàm răng xấu xí dung mạo đáng sợ, bụng lớn mặt nhỏ uống máu ăn thịt. Này Long vương! Lúc đó La-sát trẻ tuổi nghe Đức Phật đang ở trên đỉnh núi Ma-la-da, liền suy nghĩ: "Ta không thể chịu được, nay phải đuổi vị Sa-môn và chúng Tỳ-kheo ấy rời khỏi núi này đi khỏi địa phận của ta. Vì sao? Vì Sa-môn này còn ở trên đỉnh núi Ma-la-da, khiến cho ta không ở trong biển lớn bắt giết chúng sinh nên chịu đói khát liền nói với các chúng La-sát, các người đều có sức lực mạnh mẽ lớn, nên sửa soạn đầy đủ các thứ như áo giáp, cây gậy, cung tên, chó sóc, Già-la-đô, cá sấu, dao nhọn, kích dài, mâu ngắn, giáo vàng cứng chắc, xe chiến, đạn bắn, búa rìu và vô số dụng cụ chiến đấu, mau đến chỗ ta, phải đuổi Sa-môn và các đồ chúng kia đi ra khỏi địa phận của ta, cấm tuyệt đối không cho quấy nhiễu trong khu vực.

Lúc đó, vị thiếu niên La-sát Tỳ-tỳ-sản mặc áo giáp, cầm gậy cùng với các La-sát đem các đồ dụng cụ chiến đấu, bay đến chỗ Như Lai Đại Bi Sinh Trí Sí Tràng, đứng giữa hư không cùng với các La-sát nói với Đức Phật ấy rằng: "Này Sa-môn! Hãy đi mau, rời khỏi đỉnh núi này cách xa địa phận của ta, ngươi và đồ chúng chớ để bị giết." Bấy giờ, Như Lai Đại Bi Sinh Trí Sí Tràng hiện ra thần thông lớn, thần lực của Phật làm cho La-sát đều thấy thân mình bị năm thứ trói buộc, mười gốc lưới sắt bao vây ép lại, chạy trốn không được cũng không có chỗ đứng, các La-sát chiến đấu rất lo sợ, liền nghĩ, hôm nay chúng ta làm sao trở về và người nào có thể cứu giúp che chở?

Khi ấy, trong hội của Đức Phật kia có Trì Minh Tiên vương, tên là Diệu Thâm Định Đức Tích Oai Quang, cùng thiếu niên La-sát Tỳ-tỳ-sản trước đây là bạn thân, nên Trì Minh Tiên vương nói với thiếu niên: "Đại sư của trời, người phước đức vô biên, giáo pháp đầy đủ viên mãn, là bậc Đại bi tối tôn cứu giúp các chúng sinh khắp ba cõi. Đức Bạc-già-phạm biết là bạn bè, có thể cùng bộ chúng nhanh đến quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, ba quy đầy đủ rồi phát tâm Bồ-đề, các thứ trói buộc tự nhiên cởi ra." Khi Trì Minh Thiên vương nói rồi, nhờ thần lực của Phật nên thiếu niên La-sát cùng với bộ chúng, chắp tay đồng thanh thưa: "Nam-mô Nam-ma Vô Biên Diệu Đức Trang Nghiêm Thân Tôn Vô Thượng Đại Bi Tam-miệu-tam Phật-đà, hôm nay chúng con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, chúng con quy y Tam quy rồi, trụ vào Tam quy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác." Khi nói lời này, thiếu niên La-sát cùng các La-sát các thứ trói buộc xuống đều mở ra, từ giữa hư không bước xuống đến chỗ Phật Đại Bi Sinh Trí Sí Tràng Vương, đi quanh ba vòng đảnh lễ nơi chân Phật, sám hối Đức Phật rồi trở về chỗ cũ.

Này Long vương! Ngươi chớ có nghi ngờ, chủ Tỳ-tỳ-sản này tức là vị thiếu niên La-sát lúc xưa tên là Tỳ-tỳ-sản, các thuộc hạ bây giờ tức là các La-sát của thiếu niên La-sát lúc xưa, bạn thân của thiếu niên tên Diệu Thâm Định Đức Tích Oai Quang Trì Minh Tiên vương, tức là Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông.

Khi nói lời này thì tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động lớn, chao động không vững như thuyền giữa biển. Lúc đó, các chúng sinh không còn lo sợ tổn hại, tất cả an vui đều tu Thập thiện, tam thiên đại thiên thế giới này không còn Di-lâu, Tu-di và các sông, biển, thành ấp, xóm làng, núi đồi, bãi nước, chim chóc, gò đống, núi cao hiểm nguy, núi Hắc phong, hầm hố, vườn, rừng, ao tắm, suối hồ, chỗ cao thấp, gập ghềnh, cạm bẫy, đất, đá, cát, sạn, trùng bò, bùn, phân, các vật ô uế thảy đều thanh tịnh, tam thiên đại thiên thế giới, cõi Ta-bà này, ánh sáng lớn của vàng Diêm-phù-đàn chiếu rọi khắp cả, cho đến núi Thiết vi và các chỗ tối tăm ánh sáng của vàng chiếu đến đều diệt trừ tối tăm, ắt hẳn ánh sáng mặt trời, mặt trăng không hiện ra được; tất cả súc sinh và ngạ quỷ khổ đau đều chấm dứt, trời người vui vẻ không còn khổ hoạn, đói được ăn đồ thượng hạng, khát được uống nước thơm ngon, rách rưới được y phục, nghèo cùng được của báu, người mù có thể thấy, người điếc có thể nghe, người câm có thể nói, người bệnh có thể khỏi, người thiếu căn được toàn vẹn, người tụ tội được thả ra, lúc đó các chúng sinh được an vui khoái lạc, không bị tham, sân, si phiền não bức bách, không ganh ghét, không keo kiệt, cùng nghĩ đến nhau, giúp đỡ làm lợi ích cho nhau như cha mẹ anh em ruột thịt... hòa thuận vui vẻ, tai không nghe tiếng tranh cãi ầm ĩ, lo buồn mệt mỏi thảy đều chấm dứt. Đất bằng như bàn tay, xinh đẹp như ngọc lưu ly, vô số thứ trang hoàng lộng lẫy rất đẹp đẽ, các ao bằng bảy báu đầy nước tám Thánh đạo, cát vàng trải dưới đáy nước trong ngầm tinh khiết, các hoa sen xinh đẹp rực rỡ xòe nở như bánh xe lớn, ở trong ao sinh ra bảy thứ hoa sen báu trời, vô số ánh sáng màu sắc, vô số hương thơm, sờ vào hoa ấy mềm mại như Ca-già-lân-đà, chở trăm ngàn ức các thứ ưa thích thượng diệu khắp nơi xếp thành hàng lối, trong hoa sen báu ấy hoặc có hơn một do-tuần, hoặc hai do-tuần, hoặc ba, bốn, năm, cho đến mười do-tuần, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi do-tuần, cho đến nhiều trăm do-tuần, nhiều ngàn do-tuần, hoa sen báu trời hiện ra ở cõi Phật Ta-bà, ao thơm nước mát thuần nhã ưa thích hòa với gió thổi nhẹ, mưa các hoa đẹp, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa Nguyệt, hoa Đại Nguyệt, hoa Quang minh, hoa Đại quang minh, hoa Quảng nghiêm... đầy quanh rơi xuống, trầm thủy Đa-già hắc, trầm Ngưu đầu, Long trinh chiên-đàn, các

thứ khói bay ta thơm phức, bay đầy cõi Phật này ức na-do-tha trăm ngàn vạn ức vô lượng a-tăng-kỳ, các số ấy cao rộng hợp thành thể bảy báu, cây cổ thụ cao lớn, treo vô số trân báu y phục, lục thuê màu sắc nối nhau, cờ phất lam bà, chuông linh trang nghiêm các thứ rất đẹp, mưa xuống các thứ vàng, bạc, ma-ni, ngọc trân châu, lưu ly, ma-yết pha lê, san hô, mã não, xích châu, anh lạc, ngọc bích vô số bảy báu rực rỡ sáng ngời rơi xuống, lại mưa vô số lụa thêu y phục nhà cao đầy đủ, Già-thì-già, Kiều-thi-ca, lụa đẹp của chư Thiên, lại mưa xuống vàng Diêm-phù-đàn, vô số hoa báu đẹp trang nghiêm, đủ mũ đẹp hoa ngọc đeo trên cổ, trang sức nửa cổ sau cả cổ trước theo hình bán nguyệt, tai đeo châu ngọc, tay mang vòng ngọc và tay chân đeo xuyến trang sức như mưa, ở trên các cây cổ thụ và bốn góc đều một do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần rơi xuống đầy khắp, dưới các cây cổ thụ đều có ức na-do-tha trăm ngàn tòa Sư tử bảy báu xinh đẹp, tòa ấy đều cao đến bảy trượng, trên các tòa ấy có Bồ-tát hiện ngồi tòa ấy. Đầy đủ ba mươi hai tướng xinh đẹp trang nghiêm ánh sáng chiếu rọi rực rỡ, ở trước các Bồ-tát đều có ức na-do-tha xe bảy báu, trên các chiếc xe đều có hàng ngàn Thiên tử ngồi, vang lên năm thứ âm nhạc trời, âm thanh giai điệu hợp với lời hát xen nhau, cùng lời hay ý đẹp bằng giọng nói trong trẻo rất hay diễn kệ:

Vô đẳng, đẳng đẳng
Vô tánh, ngã tánh
Các đức, đức tánh
Thế gian đặc biệt
Tu tập giới hạnh
Đạt pháp thanh tịnh
Thắng diệu trang nghiêm
Hiện khắp thế gian
Chấm dứt địa ngục
Các đường khổ ác
Diệt trừ nhiễm hại
Ngu si, ganh ghét
Cho đến thanh tịnh
Thanh tịnh nhân gian
Cõi nước rộng lớn
Bằng phẳng không gò
Không núi ao biển
Di-lâu, Tu-di
Đất như bàn tay

Trong như trời xanh
Rừng báu đủ màu
Ngay hàng thẳng lối
Các chúng Bồ-tát
Đều ngồi tòa báu
Ánh sáng rực rỡ
Che lấp trời trăng
Vô số ao báu
Đầy nước tám Thánh
Sen báu như xe
Trong ao tươi tốt
Cung điện báu trời
Trăm ức rực rỡ
Chư Thiên, chúng sinh
Trổi nhạc trời hay
Âm điệu ngọt ngào
Vui tai thỏa thích
Như Lai thần lực
Giảng pháp an vui.

Trong các âm thanh ấy, diễn ra vô lượng, vô số câu pháp vi diệu. Lúc đó, các trời, người đang ở trong hội của Đức Phật, pháp tâm hướng theo Đại thừa, cầu Đại thừa, đều thấy vô biên ánh sáng thần thông Như Lai và công đức trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật như thế, các trời, người thực hành thừa Thanh văn, Độc giác, không thấy không biết cõi Phật thanh tịnh công đức trang nghiêm, các chúng Bồ-tát nhìn thấy ánh sáng thần thông trang nghiêm cõi Phật của Như Lai, liền đạt được vô lượng Tam-muội Đà-la-ni vô ngại giải thoát, các đại Thanh văn không hay biết không biết điều nhập diệt định.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện đủ sắc thân không ai sánh bằng, Bậc Chánh Đẳng ngồi kiết già trên tòa Sư tử cao rộng trăm ức do-tuần, được phủ bằng y báu của chư Thiên. Hiện ở trước Phật có bảy hoa sen báu, cao rộng bằng tám mươi bốn do-tuần, lại có vô lượng ức na-tha trăm ngàn hoa sen trang nghiêm xòe nở mềm mại ánh sáng hiện rõ, cây đó có vô lượng, vô số cờ hiệu, phướn, lọng báu trang hoàng rất đẹp, lại có vô lượng chuỗi ngọc, các chuông báu ở giữa hư không rủ xuống, đại thần thông và vô lượng, vô số công đức trang nghiêm như vậy, không thể nói hết, không thể nêu bày, thật chưa từng thấy, chưa bao giờ nghe, các pháp rất ít có thị hiện cõi Phật này.

-oOo-

KINH CHỨNG KHẾ ĐẠI THỪA

QUYỂN HẠ

Khi ấy, Đại Bồ-tát Di-lặc suy nghĩ: "Vì nhân duyên gì mà hôm nay Đức Phật hiện ra thần thông lớn trang nghiêm cõi Phật, là việc chưa từng có, vậy nên hỏi Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác giải rõ những điều chưa hiểu." Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc từ chỗ ngồi đứng dậy bày vai bên phải, quỳ gối phải trên hoa sen, chắp tay cúi xuống cạnh Đức Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Con có đôi điều nghi ngờ muốn thưa hỏi rõ ràng, xin được cho phép.

Đức Phật bảo:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Ông còn điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác sẽ giải thích dứt trừ cho ông.

Đại Bồ-tát Di-lặc được Đức Phật cho phép liền bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Vì nhân gì, duyên gì và là của ai mà thế giới Ta-bà này hiện ra pháp lớn đặc biệt chưa từng có: Thần thông của Đức Như Lai làm cho công đức trang nghiêm tất cả cõi Phật, ánh sáng lớn rực rỡ thanh tịnh, trừ tất cả việc xấu không thể nói, từ xưa chưa từng thấy, chưa từng nghe? Bạch Thế Tôn! Việc này thế nào? Tất cả Bồ-tát thấy thần thông lớn hiện ra ở thế giới này đều không hiểu được.

Bồ-tát Di-lặc dùng kệ hỏi:

Vì sao Đại Mâu-ni
Đặc biệt hiện điều này
Đất động thấu biển cả
Trụ thế giới thanh tịnh,
Ánh sáng vàng chiếu khắp
Diệt hết tối thế gian
Sen báu vô số ức
Cây báu hoa trang nghiêm,
Ức lộng, cờ và phướn
Ngọc châu báu chuông linh
Ánh sáng phước trí tuệ

Dứt sạch các đường ác
Ai nhân duyên trì đức
Ta-bà tịnh cõi Phật?

Nói kệ này rồi, Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Ông có thể ngồi, ta sẽ giảng nói nhân duyên, về pháp chưa từng có hiện ở thế giới này. Này Bồ-tát Di-lặc! Phương Đông cách đây vô số hằng hà sa cõi Phật có thế giới tên là Thắng diệu thanh tịnh công đức tụ bảo trang nghiêm tràng tác quang minh, Đức Phật hiệu là Tối Thượng Vi Diệu Khai Phu Quang Minh Trang Nghiêm Thần Thông Pháp Giới Tràng Nhất Cái Hiển Hiên Hống Âm Tự Tại Giáo Trí Tỳ-lô-giá-na Tạng Kiến Lập Thần Thông Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác. Hiện nay đang thiết lập sự an ổn nên thuyết giáp giáo hóa thế giới thanh tịnh không có các đường ác; chúng Đại Bồ-tát Địa thứ mười trụ trong đó. Cõi ấy có Đại Bồ-tát tên là Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông, thông đạt tất cả thiền định Tam-muội, thần thông Tam-muội, Đà-la-ni của Bồ-tát không ngăn ngại, nay cùng với cung điện trang nghiêm bằng các báu và hơn số lượng các Đại Bồ-tát, nương theo hư không đến cõi Phật Ta-bà này, bậc Chánh sĩ đó hiện thần thông trang nghiêm này để làm hiện tướng đầu tiên.

Khi Đức Phật nói lời này, thì ánh sáng lớn nơi cung báu hiện ra vô lượng ức lưới ánh sáng vây quanh trang nghiêm giữa hư không, phát ra trăm ngàn âm nhạc, ca hát hòa hợp, rải các thứ hoa trời, trăm ức na-do-tha các thứ ánh sáng rực rỡ chiếu soi khắp nơi, thấu đến thế giới Ta-bà này.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông, để cung báu trang nghiêm ở giữa cõi Dục và cõi Sắc, đồ chúng vây quanh từ hư không bước xuống, đi đến chỗ Đức Phật, chắp tay cúi đầu đảnh lễ nơi chân Đức Phật, đi quanh bên phải ba vòng, cung kính xong, Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin thương xót nhận cung điện báu trang nghiêm của con, Đức Phật và các Đại Bồ-tát ngồi trên cung điện này, giảng pháp vi diệu thâm sâu không gì bằng.

Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Thần Thông:

–Lành thay! Lành thay! Này Chánh sĩ! Ông đem cung điện báu trang nghiêm dâng cúng Như Lai Chánh Đẳng Giác. Đối với Đức Phật Tỳ-bà-thi và ngàn Đức Phật ở hiền kiếp, ông đã đem cung điện báu trang nghiêm lần lượt cúng dường, hôm nay lại cúng dường cho ta. Lành thay! Này Chánh sĩ! Đem cung điện báu trang nghiêm này mà trang nghiêm cõi Phật ở Ta-bà.

Khi ấy, Long vương Ta-kiệt-la bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cung điện báu trang nghiêm hôm nay ở chỗ nào, kích thước lớn hay nhỏ?

Đức Phật bảo vua Rồng Ta-kiệt-la:

–Cung điện báu trang nghiêm hôm nay đang trụ ở giữa hư không thuộc cõi Dục và cõi Sắc, kích thước lớn nhỏ như tam thiên đại thiên thế giới. Này Long vương! Cung điện báu trang nghiêm ấy, là tất cả oai lực thần thông Tam-muội của Phật, Bồ-tát phát ra; tất cả pháp của Bồ-tát là du hý, cúng dường Như Lai. Sở hành của Phật đã dừng căn lành của Phật đã thành tâm thanh tịnh của Bồ-tát chiếu sáng thế giới trong mười phương, làm cho tâm vô lượng chúng sinh tràn đầy vui mừng, vượt qua tất cả cung điện của chư Thiên. Bồ-tát ở khắp mười phương đều tụ hội, vô biên màu đẹp trang nghiêm rực rỡ.

Này Long vương! Cung điện báu trang nghiêm đó, đất làm bằng ngọc lưu ly trắng, tường vách làm bằng vàng Diêm-phù-đàn, lan can làm bằng tạng báu thù thắng, các cửa lầu gác đều làm bằng ngọc mã não, giường nằm bằng ngọc báu ma-ni, lan can làm bằng ngọc báu sáng trong suốt, đài điện làm bằng báu đẹp chiếu sáng, dùng các thứ báu đẹp hình bán nguyệt che phía trên, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp vô biên cõi, trong cung báu có tám mươi cây có ức na-do-tha trăm ngàn ánh sáng trang nghiêm hiện rõ, đủ loại vòng báu đẹp trang sức chính giữa, đều là thắng cảnh thích hợp với Như Lai, chuỗi anh lạc rủ xuống trên các cây, các cột cờ, treo vô lượng, vô biên, vô số phướn dù dây lụa, linh lưới đẹp đẽ, chiên-đàn Long trinh mãi bôi lên mặt đất, mùi thơm tinh khiết như nước hương trầm, hoa báu Long châu, đủ loại hoa trời rải khắp cúng dường, trên các cây cờ có ngàn ức chư Thiên, đồng tử ngồi tấu các loại âm nhạc, năm thứ tiếng hòa lẫn nhịp nhàng, trong trẻo rất hay, tâm vui tai thích, vang khắp thế giới thảy đều ưa thích.

Này Long vương! Phía trên cung điện báu trang nghiêm lâu lâu gió thổi; có ngàn ức các ao bảy báu, cát vàng trải đáy, trong sạch đẹp đẽ, mỗi ao có tám chi lưu đầy nước, vô lượng ức na-do-tha trăm ngàn các hoa sen bảy báu nhiều màu xinh đẹp có ánh sáng rực rỡ, nở ra to lớn giống như bánh xe, rừng báu vây quanh cây cối ngay hàng, đủ các loài hoa báu, đủ các loại lưới chuông, các thứ đồ đạc như chuỗi ngọc đeo cổ, dây lụa, y phục, ca-la-ba… đều trang nghiêm vi diệu, mùi thơm phảng phất đài báu san sát, ánh sáng rực rỡ phát ra mùi thơm, dưới những cây báu đều có tòa Sư tử cao rộng trang nghiêm đầy đủ, trải y trời đẹp rủ xuống che xung quanh, làm chỗ ngồi của Phật, Bồ-tát khắp mười phương thế giới đều đẹp

đẽ trang nghiêm rất đặc biệt và mưa xuống các hoa báu thơm, đều hiện ở trong cung báu ấy. Này Long vương! Hình dáng và kích cỡ của cung báu trang nghiêm là như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo chúng của Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông:

–Này các Chánh sĩ! Nên cùng ta đồng bay lên cung báu. Ta ngồi nơi cung báu sẽ làm cho sở nguyện của Đại Bồ-tát Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông được đầy đủ. Lúc đó, Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, vô số chúng Đại Bồ-tát cung kính, cúng dường vây quanh trước sau. Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông hầu bên phải, Bồ-tát Di-lặc hầu bên trái, nét mặt vui vẻ nương theo hư không mà đi. Đức Phật cùng chúng Bồ-tát bay lên giữa cung báu ngồi nơi tòa Sư tử cao rộng vô lượng do-tuần xoay mặt về hướng Đông. Khi Đức Phật bay lên tòa Sư tử, cung báu trang nghiêm chấn động sáu cánh, có ức na-do-tha trăm ngàn dây bạc, pha lê đủ loại màu sắc xanh, đỏ, vàng, trắng khác nhau, ánh sáng lớn từ nơi cung điện phóng ra, chư Thiên, đồng tử đánh thổi ca, xướng, tấu các thứ âm nhạc mưa xuống nhiều hoa trời, đốt hương thơm trời, mùi thơm ngạt ngào phảng phất rải xuống cùng khắp.

Đức Phật bảo các Bồ-tát:

–Các ông hãy ngồi lên mỗi hoa sen đã sắp đặt.

Lúc đó, các Bồ-tát vâng theo lời Phật ngồi lên. Khi các Bồ-tát đều ngồi rồi, Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông cùng các Bồ-tát đứng ở trước Đức Phật suy nghĩ: "Hôm nay chúng ta nên cúng dường Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và thưa hỏi Phật địa."

Khi đó, Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông, từ chỗ ngồi đứng dậy, như tâm đã nghĩ, làm vô lượng, vô biên đủ các loại vòng hoa, đốt hương bột hương xoa, sắm y phục, cờ phướn, đánh thổi ca hát, các thứ âm nhạc hơn hẳn cảnh giới người và phát ra tiếng khen ngợi, cùng các Bồ-tát cung kính tôn trọng, hết sức chí thành cúng dường Phật và Bồ-tát rồi, lại còn chuẩn bị việc cúng dường vô thượng để cúng dường Phật, chuỗi ngọc báu đeo nơi cổ và chiên-đàn long trinh, nhị hoa bảy báu, kho báu đầy ắp, báu Ma-ni lớn, ánh sáng trong suốt, đem rải chỗ Như Lai và dùng trải ra khắp đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, đi quanh bên phải trăm ngàn vòng, chắp tay hướng về Đức Phật nói kệ:

Hiện ra các tướng đẹp thù thắng
Thân trang nghiêm viên mãn ai bằng
Búi tóc trên đầu xoắn bên phải

Giống như khổng tước Hắc phong quang.
Trán rộng bằng thẳng tươi nhuận sáng
Lông dài trắng đẹp mọc đều đặn
Đôi mày cong như trăng đầu tháng
Tướng mũi thẳng cao đẹp tuyệt vời.
Mắt như cánh sen xanh mới nở
Tai dài mềm mại như ba tiêu
Răng đẹp trắng bóng đều và khít
Sáng sủa giống như hoa mới nở.
Lưỡi rộng dài đỏ như đồng đỏ
Hưởng vị ngon nhất trong các vị
Mặt như trăng tròn chiếu ánh sáng
Môi màu đỏ như trái Tần-bà.
Má, cằm đầy đặn lại cân phân
Cánh tay dài xuống như Sa-la
Ngón tay dài đẹp và có màng
Móng tay đẹp sáng như đồng đỏ.
Lòng bàn tay có tướng bánh xe
Chứa ức công đức bố thí lớn
Phần trước Mâu-ni như sư tử
Cổ cao xinh đẹp tướng trang nghiêm,
Lưng cứng chắc che sóng bụng
Tướng nam căn ẩn kín không hiện
Đùi chân thẳng dài như vòi voi
Ngón chân dài đẹp có màng mỏng,
Dưới chân bằng có tướng bánh xe
Thánh Tôn bước đi như sư tử
Đủ các tướng đẹp thành Chánh giác
Nay con đảnh lễ đức tướng Phật.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông nói kệ ca tụng Đức Phật xong, rồi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi, xin Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác thương xót cho phép.

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Tùy ý ông cứ hỏi, theo câu hỏi ấy ta giảng giải để cho ông hiểu.

Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông, được Đức Phật

cho phép, liền bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu ngôi vị của Như Lai mà tất cả Bồ-tát không thực hành được, không phải là cảnh giới của hàng Thanh văn và Độc giác?

Đức Phật khen Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông:

–Lành thay! Lành thay! Này Chánh sĩ! Hôm nay ông hỏi Như Lai về ý nghĩa này? Vì các Bồ-tát nên mới phát ra ánh sáng lớn khai bày trí chân thật của Phật, làm lợi ích lớn, an vui lớn. Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Suy nghĩ kỹ, ta sẽ giải rõ cho ông. Này Chánh sĩ! Ngôi vị của Như Lai có mười, tất cả Đại Bồ-tát còn không thể thực hành, huống chi các hàng Thanh văn và Độc giác. Mười ngôi vị của Như Lai:

1. Ngôi vị ánh sáng trí tuệ thù thắng sâu xa rộng lớn khó biết.

2. Ngôi vị ánh sáng oai lực vô cấu thân trang nghiêm không thể nghĩ bàn.

3. Ngôi vị hải tạng nguyệt tràng bảo sí ánh sáng vi diệu.

4. Ngôi vị trí thần thông công đức có ánh sáng vàng vi diệu thanh tịnh.

5. Ngôi vị vi tràng oai tạng ánh sáng chiếu soi khắp.

6. Ngôi vị đem ngọn đuốc thắp sáng khắp hư không thanh tịnh vô cấu.

7. Ngôi vị ánh sáng pháp giới tạng rộng lớn.

8. Ngôi vị ánh sáng của tạng Phật thanh tịnh tối thắng chiếu khắp làm thanh tịnh các chướng ngại do trí thông.

9. Ngôi vị ánh sáng vô biên trang nghiêm ức nguyện Tỳ-lô-giá-na.

10. Ngôi vị biển trí giúp Tỳ-lô-giá-na.

Này Chánh sĩ! Đó là mười ngôi vị của Như Lai trí không thể nêu bày.

Ngôi vị đầu tiên của Như Lai tập khí vi tế đều đã đoạn tuyệt, đối với tất cả các pháp tự tại vô ngại. Ngôi vị thứ hai của Như Lai chuyển bánh xe chánh pháp hiển hiện pháp sâu xa. Ngôi vị thứ ba của Như Lai trình bày giáo giới Thanh văn và an lập ba thừa. Ngôi vị thứ tư của Như Lai giảng nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, hàng phục bốn ma. Ngôi vị thứ năm của Như Lai bẻ gãy các luận thuyết đạo khác và pháp tà vạy của họ, điều phục tất cả những người đi theo con đường ác. Ngôi vị thứ sáu của Như Lai là an lập vô biên chúng sinh nơi sáu Thần thông và sáu Đại thông, nghĩa là thị hiện ra vô biên cõi Phật, dùng công đức trang nghiêm thanh tịnh của Phật, thị hiện vô biên Bồ-tát hầu cận vây quanh, thị hiện cõi Phật rộng lớn

vô biên, thị hiện tự thân ở trong vô biên cõi Phật, thị hiện diệt độ cho đến hiện pháp ẩn một, thị hiện vô biên thần lực, thần thông biến hóa. Ngôi vị thứ bảy của Như Lai đối với bảy phần pháp Bồ-đề không có tự tánh, không còn chấp trước, vì các Bồ-tát diễn rõ như thật. Ngôi vị thứ tám của Như Lai dùng bốn pháp thọ ký cho tất cả Bồ-tát chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngôi vị thứ chín của Như Lai dùng phương tiện thiện xảo chỉ bày cho Bồ-tát. Ngôi vị thứ mười của Như Lai là dùng tất cả pháp vô tánh dạy cho các Bồ-tát khai mở tiếng đại Bát-niết-bàn, giảng nói tất cả các pháp rốt ráo Bát-niết-bàn.

Khi Phật nói tên mười ngôi vị của Như Lai, từ cõi Phật Ta-bà, cho đến vô số cõi nước của chư Phật trong mười phương đều hiện ra mười tám tướng lớn, đó là chấn động, chấn động lớn và chấn động khắp, lay, lay lớn và lay khắp, chuyển, chuyển lớn và chuyển khắp, kêu, kêu lớn và kêu khắp, rống, rống lớn và rống khắp, va chạm, va chạm lớn, va chạm khắp, tất cả cõi Phật, hiện bên Đông ẩn bên Tây, hiện bên Tây ẩn bên Đông, hiện bên Nam ẩn bên Bắc, hiện bên Bắc ẩn bên Nam, hiện chính giữa ẩn một bên, hiện một bên ẩn chính giữa, các cõi Phật đều hiện mười hai tướng chuyển mà các chúng sinh không có lo sợ, đều được an ổn. Tất cả cõi Phật phóng ánh sáng lớn, tất cả thế giới tối tăm nhất cho đến thế giới tối tăm vừa đều chiếu sáng rõ ràng; tất cả thế giới hoặc thành, hoặc hoại, có Phật hay không Phật, đều hiện ở cõi này; các hoa trời xinh đẹp rơi xuống khắp vô biên cõi Phật không thể nói trong mười phương, đó là hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa ánh sáng, hoa ánh sáng lớn, hoa mặt trăng, hoa mặt trăng lớn, cho đến tất cả các dụng cụ âm nhạc của cõi Phật, không thổi mà tự kêu đều hiện ra pháp lớn chưa từng có. Tất cả thị giả của Phật trong các cõi Phật đều từ chỗ ngồi đứng dậy, thưa hỏi Phật của mình về pháp rất đặc biệt chưa từng có này. Chư Phật đều theo câu hỏi mà giảng giải rộng rãi.

Khi ấy, Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông đang ngồi trên cung điện báu trang nghiêm, các Bồ-tát trong hội đều khen ngợi. Sở hành của chư Phật là cảnh giới thâm sâu của Như Lai, vi diệu tối thượng khó biết khó thấy. Các Bồ-tát không thể làm được, huống là các hàng Thanh văn và Độc giác. Vì sao? Vì mười ngôi vị của Như Lai không thể nghĩ bàn này, chúng ta từ xưa chưa từng nghe đến, hôm nay cùng nhau thưa Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác giải rõ ý nghĩa này. Lúc ấy, các Bồ-tát đều từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu chắp tay, bằng kệ thưa:

Thế Tôn không ai bằng
Nói tên ngôi vị Phật

Từ xưa chưa từng nghe
Vô thượng không sánh kịp
Tâm vui mừng thưa hỏi,
Mong giảng ý nghĩa ngôi vị
Như đói nghĩ ăn ngon
Khát mong uống nước mát
Nguyện Phật rủ lòng thương
Nói ngôi vị Như Lai.

Các chúng Bồ-tát nói kệ thưa Đức Phật xong, đi quanh bên phải ba vòng đảnh lễ nơi chân Phật, đều lui về ngồi trên tòa hoa sen. Bấy giờ, Đức Thế Tôn như sư tử duỗi mình ngó khắp mười phương, bảo Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông:

–Này Chánh sĩ! Ý nghĩa ngôi vị của Như Lai vi diệu sâu xa vô cùng, khó hiểu, khó nhập, khó ngộ, chẳng phải là cảnh giới của ngôn ngữ, vượt qua tất cả âm thanh bàn luận. Vì sao? Vì ngôi vị của hàng Thanh văn, Độc giác còn không thể bàn luận, huống chi ngôi vị của Bồ-tát và ngôi vị của Như Lai mà có thể trình bày được.

Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hàng Thanh văn có mấy ngôi vị?

Đức Phật đáp:

–Hàng Thanh văn có mười ngôi vị. Đó là:

1. Ngôi vị An trụ tam quy hành.
2. Ngôi vị Tùy tín hành.
3. Ngôi vị Tùy pháp hành.
4. Ngôi vị Thiện phàm phu.
5. Ngôi vị Học giới.
6. Ngôi vị Bát nhân.
7. Ngôi vị Tu-đà-hoàn.
8. Ngôi vị Tư-đà-hàm.
9. Ngôi vị A-na-hàm.
10. Ngôi vị A-la-hán.

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu ngôi vị của Độc giác?

Đức Phật đáp:

–Độc giác có mười ngôi vị. Đó là:

1. Ngôi vị vốn liếng các thiện.

2. Ngôi vị tự giác ngộ duyên khởi sâu xa.

3. Ngôi vị hiểu rõ bốn Thánh đế.

4. Ngôi vị trí sắc bén thù thắng thâm diệu.

5. Ngôi vị con đường Thánh tám nhánh.

6. Ngôi vị biết pháp giới, hư không giới, chúng sinh giới.

7. Ngôi vị chứng diệt.

8. Ngôi vị tánh sáu thông.

9. Ngôi vị nhập vi diệu.

10. Ngôi vị tập khí mỏng.

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có mấy ngôi vị?

Đức Phật trả lời:

–Bồ-tát có mười ngôi vị. Đó là:

1. Ngôi vị Hoan hỷ.

2. Ngôi vị Vô cấu.

3. Ngôi vị Minh.

4. Ngôi vị Diệm.

5. Ngôi vị Cực nan thắng.

6. Ngôi vị Hiện tiền.

7. Ngôi vị Viễn hành.

8. Ngôi vị Bất động.

9. Ngôi vị Thiện tuệ.

10. Ngôi vị Pháp vân.

–Bạch Thế Tôn! Tất cả ngôi vị từ đâu sinh ra?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Từ ngôi vị Như Lai sinh ra ngôi vị ấy.

–Bạch Thế Tôn! Những sự giải thoát khác nhau như thế nào?

Đức Phật nói:

–Nước sông và nước biển cả khác nhau thế nào?

–Bạch Thế Tôn! Nước sông, nước biển có nhiều ít khác nhau.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này Chánh sĩ! Sự giải thoát của hàng Thanh văn, Độc giác như nước trong sông, sự giải thoát của Như Lai giải thoát như nước trong biển cả.

–Bạch Thế Tôn! Sông lớn, sông nhỏ và tất cả các dòng, há không

chảy vào trong biển chăng?

Đức Phật đáp:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời ông vừa nói, nếu pháp của Thanh văn, hoặc pháp của Độc giác, hoặc pháp của Bồ-tát, hoặc pháp của Phật, tất cả đều chảy vào trong biển trí Tỳ-lô-giá-na.

–Bạch Thế Tôn! Xin nguyện Thế Tôn hiện trụ ngôi vị đầu tiên của Như Lai. Cảnh giới của Như Lai, tất cả Bồ-tát đều không biết, huống chi các hàng Thanh văn, Độc giác.

Lúc ấy, Đức Phật hiện ra cõi Phật tên là Vô biên a-tăng-kỳ công đức bảo cái bất khả tư nghì trang nghiêm, cõi ấy rộng lớn có ức triệu hằng hà sa cõi Phật nhiều như số vi trần của tam thiên đại thiên thế giới, mỗi một thế giới đều nhập vào vô biên, vô số lọng báu, công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn trong cõi Phật chủ, trong cõi Phật chủ ấy, có núi Di-lâu, núi Tu-di, núi Đại di-lâu và các núi Hắc, những dòng sông, biển khơi, dòng suối, đồi núi hiểm trở, đất đá, gạch ngói, phân nhơ, các côn trùng, bùn lầy ô uế không sạch, cõi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, Diêm-ma, Quỷ, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân và cõi Phật cũ trang nghiêm thảy đều trừ bỏ, đất bằng phẳng như bàn tay, do ngọc lưu ly làm thành. Trong cõi Phật chủ đất báu xanh biếc, từ kim cang tế khởi, có hoa báu đẹp đẽ tối thượng trang nghiêm, thọ vương Bồ-đề vô ưu, thể bằng bảy báu, thẳng đứng, đẹp đẽ rực rỡ, cao vô lượng hằng hà sa thế giới như vi trần của cõi Phật, chiều rộng cũng như vậy, đủ các loại lá báu, hoa báu, trái báu trang nghiêm, cành nhánh gốc rễ tươi tốt, đều bằng báu xinh đẹp, ánh sáng của ngọc Ma-ni, nhụy báu đều phát ra, chuỗi ngọc, dây lụa, lưới linh treo rủ xuống, phát ra ánh sáng của điện chớp, ánh sáng tràng hoa, ánh sáng vàng, ngọc ma-ni đế thanh pha lê, mặt trời, mặt trăng, lại xuất ra mùi thơm như Trầm thủy, Đa-già-ha hắc trầm, Đa-ma-la diệp, Ca-la-nô-ba-lợi, chiên-đàn Long trinh, chiên-đàn Ngưu đầu và đủ các loại mùi thơm thắng diệu vừa ý đầy khắp cõi Phật. Các âm nhạc hòa theo âm thanh vang khắp tất cả thế giới, mưa xuống các báu. Phía Đông cây Bồ-đề có ao Bồ-đề chúa tên là Vô cấu tối thượng thanh tịnh; ao ấy rộng lớn bằng vô lượng hằng hà sa thế giới nhiều như vô số vi trần của tam thiên đại thiên thế giới, thể bằng bảy báu, có tám nhánh nước tràn đầy, cát vàng Diêm-phù-đàn trải khắp đáy ao, bốn góc, bốn thềm đều trang sức bằng các báu, đủ các thứ giường báu, lan can chung quanh, sắp xếp thẳng hàng.

Trong ao Bồ-đề có hoa sen Bồ-đề chúa tên là Diệu khai phu diện,

rộng lớn bằng vô lượng hằng hà sa thế giới nhiều như số vi trần của tam thiên đại thiên thế giới, cánh hoa sen ấy bằng vô lượng ức triệu trăm ngàn thứ báu trang nghiêm; cánh hoa mềm mại sáng bóng, hương thơm tinh khiết vi diệu, trên đài hoa sen có cung điện Bồ-đề chủ tên là Vô biên trang nghiêm, cao rộng bằng vô số hằng hà sa thế giới nhiều như sớ vi trần của tam thiên đại thiên thế giới, thể bằng bảy báu, hiển hiện thần thông vi diệu đẹp đẽ vô cùng, hơn cung điện báu trang nghiêm trước ức ức lần. Ví như ánh sáng đóm đóm so với mặt trời, cung báu trang nghiêm đối với điện Bồ-đề, các ánh sáng không hiện được, cũng như vậy, điện Bồ-đề chúa có vô biên ánh sáng thần thông trang nghiêm thù thắng rực rỡ nên ánh sáng của mặt trời, mặt trăng ngưng chiếu, màu sắc không còn oai lực; ánh sáng của tất cả Đế Thích, Phạm thiên, trời Tịnh cư… đều bị che lấp, không hiện ra được.

Trong điện Bồ-đề có tòa chúa Sư tử đại Bồ-đề, tên là Diệu quang minh bất không nhụy nghiêm. Tòa ấy cao rộng bằng nhau, như thế giới nhiều như số vi trần của vô lượng, triệu hằng hà sa thế giới, ánh sáng màu sắc rất đẹp, đủ loại bảy báu trang nghiêm xung quanh. Các loại lụa trời đẹp đẽ như Ca-thi-ca, Tỳ-đà-ha, Kiều-xà-da… đều che rủ xuống. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, hiệu là Như Lai Vô Cấu Quang Minh Công Đức Hoa Ly Nhiễm Nguyệt Chiếu Bội Lô-giá-na Tạng Tràng Tỳ-lưu-ly Tràng Trang Nghiêm Viên Quang Diệu Tướng Công Đức Thần Thông Tháng Tạng Nhật Nguyệt Trí Quang Vương, ngồi trên tòa Sư tử Bồ-đề, thân to lớn như tam thiên đại thiên thế giới nhiều như số vi trần của ức trăm hằng hà sa cõi Phật, thân thể đầy đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp; vòng hào quang trang nghiêm trên đỉnh không ai có thể nhìn thấy, ánh sáng thanh tịnh vi diệu giống như ánh sáng của mặt trời chiếu vào gương sáng, không phải thân Ca-la-la bằng máu thịt xương tủy, nên có ánh sáng rất vi diệu thanh tịnh, đỏ, như vàng Diêm-phù-đàn, ánh sáng rực rỡ trong suốt như ngọc báu Tỳ-lưu-ly, đế thanh… diệt trừ tất cả tập khí vi tế, Đại giác Thế Tôn là bậc Thầy đầy đủ tất cả sự tối thắng Nhất thiết trí, đối với tất cả pháp tự tại vô ngại, hiểu biết tất cả, vượt qua tất cả, là bậc Đại bi tối thượng, là bậc Trượng phu tối thượng, là bậc Sư tử trượng phu, dứt sạch dòng lậu, thân như Kim cang, trăm phước trang nghiêm, đầy đủ mười Lực của Phật, công đức lớn, bốn Vô sở úy và mười tám pháp Bất cộng của Phật, rống tiếng rống sư tử, sống lâu vô lượng, vô biên không có già yếu, ở cõi thanh tịnh, chứng đắc Chánh đẳng giác, nên có được ánh sáng tự thân chân thật, hóa sinh vô lượng chúng Đại Bồ-tát vây quanh cúng dường. Các Bồ-tát đó đều dùng sắc tướng của mình, ngồi trên tòa Sư tử dưới cây báu trong cung điện báu đài hoa sen

nơi ao báu, mỗi Bồ-tát đều tự trang nghiêm như Phật đã ứng hiện trang nghiêm. Thế giới của Phật này công đức trang nghiêm, thanh tịnh thù thắng. Thân Phật, đồ chúng đều thanh tịnh thù thắng vi diệu, kiếp thanh tịnh thắng diệu, kiếp tên là Đại kiếp vương, mức độ của kiếp và sự trang nghiêm của kiếp ấy đều không thể nói, giới hạn cõi Phật giống như cảnh giới của Như Lai, siêu vượt ngôn ngữ, không có nơi chốn, như vậy là chứng Chánh đẳng giác, gọi là trụ vào ngôi vị của Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông:

–Này Chánh sĩ! Ông thấy việc lớn ấy của Như Lai không?

Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông thưa:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Con đã thấy. Bạch Thiện Thệ! Con đã thấy.

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Thật là sâu xa tối thắng khó hiểu, trí tuệ sáng suốt rộng lớn làm ngôi vị thứ nhất của Như Lai, Phật trụ vào ngôi vị này thì thần thông như vậy. Giống như hôm nay Như Lai hiện thần thông, Đức Như Lai Quyết Định Nguyện Trang Nghiêm Công Đức Sí Tràng Nhất Cái Âm Tự Tại Oai Vương Bảo Tích Bội Lô-giá-na Tạng Thắng Tướng Khởi Đảnh Bối Thanh Tịnh Diện A-súc Vô Gián Quang, ở thế giới Hoan hỷ cũng hiện thần thông lớn như vậy, được trời, người cung kính phụng sự; lại có Như Lai Thắng Oai Đức Liên Hoa Sinh Chúng Đức Thắng Trang Nghiêm Ma-ni Quang Vương, Như Lai Vô Biên Quang, Như Lai Liên Hoa Khai Phu Túc Vương Thần Thông Na-già Tự Tại Vương, Như Lai Bảo Tích, các Đức Phật như vậy và chư Phật hiện tại, tương lai ở trong nước Thắng diệu thanh tịnh, nên biết sẽ trụ vào ngôi vị của Đức Phật ấy.

Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật hiện tại và tương lai, ở trong đời ác năm trược thành Bậc Đẳng Chánh Giác, lẽ nào không được ngôi vị của Như Lai chăng?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Chư Phật Bồ-tát dùng phương tiện đại Bi, thấy các chúng sinh chìm sâu nơi ba cõi, ở trong màn vô minh tối tăm, dây ai trói buộc tà kiến điên đảo, tín căn khuyết giảm rơi vào trong vô biên cõi khổ, qua lại nơi sáu nẻo, các chúng sinh bị trôi lăn trong dòng sinh tử từ vô thủy không biết rõ nguồn gốc của mình, không biết Phật, không biết pháp Phật, không biết pháp Bồ-tát, không biết như thật đạo xuất ly. Chư Phật, Bồ-tát

thương xót những chúng sinh ấy, cho nên bằng hóa thân xuất hiện ở cõi ác, hoặc hiện sự diệt, thiên chuyển, hoặc hiện vào bào thai sinh ra ở trong cung, lớn lên thọ hưởng sự vui chơi, hoặc hiện sự nhàm chán xuất gia tu khổ hạnh, đến nơi đạo tràng hàng phục ma quân chứng thành Chánh giác, chuyên thỉnh giảng pháp, chuyển bánh xe pháp lớn, bẻ gãy luận thuyết của ngoại đạo, phá tan pháp tà kiến, người theo đường ác đều làm cho trở về đường chánh, cho đến thị hiện mạng sống ngắn ngủi nhập đại Bát-niết-bàn, dùng oai lực Tam-muội đập nát chi phần nơi thân giống như hạt cải, xây cất vững chắc ức triệu trăm ngàn tạng xá-lợi. Vô lượng trời, rồng cho đến nhân và phi nhân… đặc biệt chí thành tôn trọng cúng dường, hoặc dạy thọ nhận giáo pháp xuất gia tu hành, hoặc gieo trồng quả Phật vượt thoát biển sinh tử.

Này Chánh sĩ! Pháp tánh vi diệu của chư Phật như vậy, nhằm cứu giúp vô biên, vô số chúng sinh bị lưu chuyển trong biển khổ sinh tử, dùng phương tiện thần thông thị hiện sinh ra cõi uế trược này, hoặc Bồ-tát dùng phương tiện thần thông để hóa thân, thị hiện Bồ-tát và chúng Bồ-tát.

Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai có mấy thân?

Đức Phật đáp:

–Này Chánh sĩ! Nói tóm lược thì Như Lai có ba thân. Đó là Mãn tư dụng thân, Hóa thân, Tự tánh thân.

–Bạch Thế Tôn! Mãn tư dụng thân của Như Lai như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Nay ông nhìn thấy ta, đó là Mãn tư dụng thân của Như Lai. Ngoài ra, chư Phật ở nước Thanh tịnh đã chứng đắc Chánh đẳng giác, hiện đang chứng đắc và sẽ chứng đắc. Gọi là Báo thân Như Lai.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Hóa thân Như Lai?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Như Phật Lực Siêu Dũng, Phật Phá Ma, Phật Đại Bi Tư và chư Phật khác, hiện ở cõi uế chứng thành Chánh đẳng giác, đã chứng đắc, hoặc sẽ chứng đắc, hoặc thị hiện tịch diệt, hoặc thị hiện trụ các pháp như chánh pháp, tượng pháp, thậm chí thị hiện tất cả pháp Phật diệt tận. Này Chánh sĩ! Ông chớ cho là thật. Vì sao? Vì các pháp này, ông nay nên biết, đều là phương tiện đại Bi như như cầu mà hóa hiện.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Pháp thân Như Lai?

Đức Phật đáp:

–Này Chánh sĩ! Pháp thân là không màu sắc, không hiển hiện, không ngăn ngại, không tương tợ, không biểu thị, không an trụ, không nương dựa, không chấp thủ, không diệt, không sinh, không thể ví dụ. Này Chánh sĩ! Như thế thì thân tự tánh của Như Lai không thể nói bàn, thân của Như Lai là thân pháp, thân trí, thân vô đẳng, thân vô đẳng đẳng, thân bội Lô-giá-na, thân hư không, thân bất đoạn, thân bất hoại, thân vô lượng, thân tối thượng, thân chân thật, thân không ví dụ, thân tự tánh

–Bạch Thế Tôn! Thân tự tánh Như Lai là vô sắc không hiển hiện cho đến không thể nói bàn, há không phải là tướng đoạn dứt sao?

Đức Phật đáp:

–Này Chánh sĩ! Ý ông thế nào? Cõi hư không là đoạn dứt chăng? Hay là có tướng chăng?

–Bạch Thế Tôn! Cõi hư không, chẳng phải đoạn, chẳng phải có. Vì sao? Vì cõi hư không nếu là đoạn thì chướng ngại, có tác dụng, nếu là có, thì tích chứa màu sắc vật thể. Bạch Thế Tôn! Vì thế nên cõi hư không, không phải đoạn, không phải có, mà cùng khắp tất cả.

Đức Phật khen:

–Lành thay! Lành thay! Này Chánh sĩ! Đúng vậy! Đúng vậy! Thân tự tánh của Như Lai không phải đoạn dứt không phải có. Vì sao? Này Chánh sĩ! Vì thân tự tánh của Như Lai nếu là đoạn diệt thì không có Phật xuất hiện ở đời, thị hiện vô lượng thần thông làm lợi ích lớn, còn nếu là có thì phải có chỗ tích chứa, có thể nắm bắt thì có khác gì tất cả phàm phu…, không có trước sau đồng cùng thành Phật, thế nên thân tự tánh của Như Lai chẳng phải đoạn chẳng phải có cùng tất cả chúng sinh làm Phật sự.

–Bạch Thế Tôn! Cúng dường thân tự tánh, thân Mãn tự dụng, thân biến hóa của Như Lai, phước lớn như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Nếu cúng dường một thân Như Lai tức là cúng dường tất cả thân Như Lai. Vì sao? Vì tất cả ánh sáng chiếu soi trừ hết tối tăm, không có ánh sáng nào cùng tồn tại với bóng tối. Này Chánh sĩ! Như thế, các thân của Như Lai tùy thuận sự cúng dường, đều là căn lành lớn, diệt trừ tất cả bóng tối vô minh, mở bày con đường Niết-bàn giải thoát, tất cả tối tăm không còn tồn tại.

–Bạch Thế Tôn! Xin chỉ dạy ngôi vị thứ hai của Như Lai.

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Ông có thể nhìn thấy chăng?

–Bạch Thế Tôn! Mong được nhìn thấy.

Lúc đó, từ một lỗ chân lông của Phật phóng ra ánh sáng vô tánh và chiếu khắp các cõi Phật không thể nói, không có tất cả sắc, phàm vết có tướng đều không hiện.

Đức Phật bảo các Bồ-tát:

–Hôm nay các ông đã nhìn thấy như thế nào?

Khi ấy, các Bồ-tát đều bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con chỉ thấy ánh sáng, còn không thấy gì hết.

Đức Phật hỏi:

–Các ông đã thấy ánh sáng, vậy ánh sáng ấy như thế nào?

Các Bồ-tát thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con chỉ nhìn thấy một làn ánh sáng chiếu khắp cõi Phật nhiều như số vi trần của vô lượng hằng hà sa ức triệu trăm ngàn cõi Phật.

Chư Bồ-tát nói:

–Như vậy rồi, Đức Phật thu nhiếp ánh sáng ở các cõi Phật trở lại.

Đức Phật bảo các Bồ-tát:

–Các ông đối với ngôi vị thứ hai của Như Lai, còn không thể biết, không hiểu rõ, huống là có thể nói, có thể nhìn thấy ngôi vị thứ ba cho đến ngôi vị thứ mười của Như Lai. Này các Chánh sĩ! Ví như mặt trời, mặt trăng, chúng sinh dựa vào ánh sáng ấy để nuôi sống mình, do mặt trời, mặt trăng xoay chuyển mà có ngày đêm, lấy thời gian tính làm năm, tháng cố định, phân khí hậu thời tiết để chúng sinh biết được, nhưng các chúng sinh chỉ nhìn thấy tướng ánh sáng của cung mặt trời, mặt trăng, chớ không nhìn thấy đầy đủ sắc tướng của mặt trời, mặt trăng. Này các Chánh sĩ! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nuôi dưỡng tất cả chúng sinh, nhờ Như Lai cho nên chúng sinh biết rõ pháp thiện, pháp thế gian và xuất thế gian, pháp hữu lậu và vô lậu. Các chúng sinh biết rồi tu hành chân chánh, vượt qua các con đường sinh tử khổ đau, nhưng các chúng sinh không thể nhìn thấy đầy đủ hình sắc thân Mãn tư dụng của Như Lai, chỉ nhìn thấy thần lực đại Bi phương tiện ứng hóa của Như Lai. Này các Chánh sĩ! Nên biết ngôi vị của Như Lai vượt hết tất cả âm thanh ngôn ngữ, nay ta chỉ dùng danh tự để nói thôi.

Bấy giờ, Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ai có thể vượt qua tất cả đường ác?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Người này nhập tất cả cảnh giới Phật trí, thêm vào mười Địa Như Lai sâu xa tối thắng của Tạng Tỳ-lô-giá-na, chứng khế nhập môn Đại thừa, hoặc nghe kinh điển, nghe rồi tin hiểu một cách sâu xa, tin rồi thọ trì, đọc tụng, ghi chép và giảng nói cho người khác, lưu truyền khắp nơi, hoặc chỉ thọ trì tên của pháp môn thôi, thì cũng được vượt khỏi tất cả các nẻo khổ của đường ác.

–Bạch Thế Tôn! Ai đã phát tâm Bồ-đề?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Người thọ trì pháp môn này, cho đến thọ trì tên (pháp môn) gọi là người phát tâm Bồ-đề.

–Bạch Thế Tôn! Ai đã thực hành hạnh Bồ-tát?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Thọ trì pháp môn này là người thực hành hạnh Bồ-tát.

–Bạch Thế Tôn! Ai có thể mau chóng đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Là người thọ trì pháp môn này.

–Bạch Thế Tôn! Ai có thể được thành Phật?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Người nghe pháp môn này.

–Bạch Thế Tôn! Ai có thể được thọ ký?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Là người giữ gìn pháp môn bí mật thâm thúy của Như Lai.

–Bạch Thế Tôn! Ai vì tất cả chúng sinh làm Đại sư dẫn đường?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Là người thọ trì Như Lai tạng.

–Bạch Thế Tôn! Ai là đệ tử của Phật?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Là người tin tưởng sâu sắc pháp môn này.

–Bạch Thế Tôn! Ai đạt được tất cả ngôi vị của Bồ-tát?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Người lắng nghe pháp môn này.

–Bạch Thế Tôn! Ai đạt được tất cả pháp của Phật?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Người cúng dường tôn trọng ngọn đèn chánh pháp này.

–Bạch Thế Tôn! Ai biết pháp của thừa Thanh văn và Độc giác mà không dùng thừa ấy để vượt qua?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Người tu hành kho tàng chánh pháp.

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Và phụng trì như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này Chánh sĩ! Kinh này tên là Chứng Khế Đại Thừa, cũng gọi là Nhập Nhất Thiết Phật Cảnh Trí Bồi Lô-giá-na Tạng. Phải thọ trì như thế.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu muốn chứng ngộ Chánh đẳng giác
Đạo chân thật bao la rộng lớn
Nghe trí tối thượng không nghĩ bàn
Chuyển bánh xe pháp mầu vô lậu
Muốn dựng cờ pháp, đánh trống pháp
Thắp sáng đuốc pháp, thổi loa pháp
Muốn dùng trí sáng phá vô minh
Giải thoát chúng sinh đến bờ giác
Hàng phục ma quân, cúng dường Phật
Ánh sáng tối thượng chiếu khắp cả
Pháp đời không chấp, chẳng đắm nhiễm
Làm lợi chúng sinh tu Tịnh độ
Đều nghe rồi thọ trì kinh này
Ghi chép, đọc tụng, lưu truyền mãi
Giảng nói, tư duy kinh tạng Phật
Các ngôi thâm diệu của Như Lai.

Phật nói kinh này rồi, Đại Bồ-tát Hải Thắng Trì Thâm Du Hý Trí Thần Thông và các Đại Bồ-tát, nghe Đức Phật giảng dạy, vui vẻ phụng hành.

-oOo-

SỐ 675

KINH THÂM MẬT GIẢI THOÁT

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi, người nước Thiên Trúc.

QUYỂN 1

Phẩm 1: TỰA QUY MẠNG ĐỨC PHẬT THÍCH-CA MÂU-NI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn đang ở tại điện Pháp giới, thuộc cảnh giới của Như Lai, là chỗ được trang nghiêm tốt nhất, bằng tất cả các loại báu sáng ngời, có ranh giới đến khắp vô lượng các thế giới. Đức Thế Tôn phóng ánh sáng lớn, chiếu khắp mọi nơi, vô lượng sự khéo léo, những nơi ở khác nhau, không có ngằn mé, hoặc quá hơn ngằn mé, quá hơn tất cả cảnh giới ba cõi, vượt lên trên cảnh giới thành tựu căn lành của xuất thế gian, khéo đến được nơi thanh tịnh tự tại giải thoát vô ngại. Đó là thần lực của chư Phật Như Lai nắm giữ; là nơi sở hành của vô lượng Bồ-tát; là nơi sở hành của vô lượng các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... là nơi đại pháp giới rốt ráo đầy đủ vui thích; là nơi hoàn toàn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh; là nơi lìa tất cả phiền não nhơ bẩn; là nơi lìa tất cả các ma oán địch, đạt được sự trang nghiêm trụ trì của chư Phật; là nơi đại pháp ý sáng suốt; là nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na Đại thừa; là nơi nhập vào Không, Vô tướng, Vô nguyện đạt đại giải thoát; là nơi được trang nghiêm bằng vô lượng công đức các hoa sen báu lớn. Đức Thế Tôn trụ ở những nơi không nghĩ bàn và tự tại như vậy.

Chư Phật Như Lai khéo hiểu điều cần hiểu, lìa hai hạnh đạt đến chỗ vô tướng. Thực hành hạnh chư Phật; đạt được tất cả bình đẳng cho đến không còn chỗ chướng ngại của các Đức Như Lai; có khả năng đạt đến tất cả pháp luân bất thoái; có khả năng đạt đến cảnh giới không thể hàng phục, thể tánh không thể nghĩ bàn; có khả năng đạt đến tất cả bình đẳng ba đời, thân bao trùm khắp tất cả pháp giới; có khả năng đạt đến các pháp vô ngại;

có khả năng đạt đến tất cả trí hạnh rốt ráo; có khả năng đạt đến pháp trí vô ngại, được tất cả các thân không phân biệt. Trí có khả năng trả lời tất cả các câu hỏi của các Bồ-tát; có khả năng đến bờ bên kia mà không hai hạnh; có khả năng đạt đến trí giải thoát không có sai biệt của chư Phật; có khả năng đạt đến Tam-muội vô biên vô trung, cảnh giới rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không cho đến tân vị lai. Cùng đầy đủ các chúng Thanh văn, tâm khéo điều phục, đều là Phật tử. Khéo được tâm giải thoát, khéo được tuệ giải thoát, khéo đạt được giới thanh tịnh. Người cầu pháp, ham thích sự thành tựu học rộng, nắm giữ sự học rộng, đầy đủ mọi sự học; khéo nghĩ những gì cần nghĩ, nói những điều cần nói, làm những việc cần làm, mau chóng đạt được tất cả trí tuệ; khéo đạt được trí tuệ mau chóng, đạt được trí tuệ dũng mãnh nhạy bén; đầy đủ ba minh, thấy pháp đệ nhất, được hạnh cứu cánh, tu hành thanh tịnh, thành tựu đầy đủ, lãnh thọ đại thí chủ, oai nghi vắng lặng, thành tựu rốt ráo, nhẫn nhục nhu hòa, khéo lãnh thọ lời Phật dạy, thực hành đúng như đã nói.

Lúc đó, có vô lượng đại chúng Bồ-tát, từ vô lượng các cõi Phật đến tập hội. Các Bồ-tát này, đều trụ vào tất cả chỗ sở cầu to lớn, nắm giữ rốt ráo đại pháp vô thượng, được tâm bình đẳng của tất cả chúng sinh, lìa mọi phân biệt, hàng phục tất cả các ma oán địch, lìa mọi chỗ sở niệm của Thanh văn, Bích-chi-phật, luôn ưa thích đầy đủ đại pháp vị, vượt qua năm sự sợ hãi, được địa vị bất thoái, thể tánh Nhất thừa, có khả năng diệt sự sợ hãi trước mắt của tất cả chúng sinh. Các vị Bồ-tát như thế nhiều không thể nói hết, không thể nghĩ bàn, không thể nêu bày, không thể đo lường, không thể đếm xuể.

-oOo-

Phẩm 2: THÁNH GIẢ HỎI BỒ-TÁT THIỆN VẤN

Khi ấy, Đức Thế Tôn được trăm ngàn vạn a-tăng-kỳ đại chúng, trước sau vây quanh vì các Bồ-tát nói pháp sâu dày.

Lúc đó, trong đại chúng, có Thánh giả Đại Bồ-tát, tên là Thiện Vấn, đang ngồi trong chúng, nương vào Đệ nhất nghĩa đế vô ngôn không có hai tướng, hỏi Thánh giả Bồ-tát Thâm Mật Giải Thoát:

–Thưa Phật tử! Nói tất cả pháp là không hai. Tất cả pháp không hai ấy, sao lại là tất cả pháp? Sao gọi là không hai?

Bồ-tát Thâm Mật Giải Thoát bảo Bồ-tát Thiện Vấn:

–Này thiện nam! Nói tất cả pháp, ấy là nói có hai pháp:

1. Pháp hữu vi.

2. Pháp vô vi.

Này thiện nam! Pháp hữu vi là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi. Pháp vô vi là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi.

Bồ-tát Thiện Vấn hỏi:

–Thưa Phật tử! Sao gọi là pháp hữu vi chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi? Sao gọi là pháp vô vi chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi?

Bồ-tát Thâm Mật Giải Thoát đáp:

–Này thiện nam! Nói pháp hữu vi, đó chỉ là danh tự nói pháp của Như Lai. Nói rằng Như Lai dùng danh tự nói pháp cũng chỉ là để phân biệt ngôn ngữ, gọi là nói pháp.

Này thiện nam! Nếu chỉ là danh tự để phân biệt ngôn ngữ, gọi là nói pháp, thì thường không bằng các danh tự tập hợp mà thành ngôn ngữ. Thế cho nên, nói không phải hữu vi.

Này thiện nam! Nói vô vi là chỉ cái thể của ngôn ngữ.

Này thiện nam! Giả sử lìa cả hữu vi, vô vi, thì pháp ấy cũng như vậy.

Này thiện nam! Tuy không ngôn ngữ, nhưng không phải không có việc gì để nói.

–Thưa Phật tử! Thế nào là việc, mà không có gì để nói? Nghĩa là Thánh nhân biết, Thánh nhân thấy, Thánh trí biết, Thánh trí thấy, không có pháp để ngôn ngữ chứng. Vì muốn nói pháp không ngôn ngữ ấy, cho nên nương vào tướng, mà nói hữu vi, vô vi.

Này thiện nam! Nói vô vi chỉ là danh tự nói pháp của Như Lai. Danh tự nói pháp chỉ là để phân biệt. Tướng phân biệt là tướng ngôn ngữ.

Này thiện nam! Tướng ngôn ngữ tức là pháp tập hợp của danh tự. Tập hợp danh tự tức là pháp giả dối. Pháp giả dối, thể của nó thường không như vậy, bởi do các sự phân biệt. Danh tự không thành, tức là tướng ngôn ngữ. Thế cho nên, ta nói chẳng phải vô vi.

Này thiện nam! Nói hữu vi, chỉ là danh tự. Nếu lìa pháp hữu vi, vô vi, thì nó cũng như vậy.

Này thiện nam! Nói như thế nhưng chẳng phải không có việc gì để nói.

Này thiện nam! Thế nào là việc mà nói Thánh trí biết, Thánh trí thấy, không có pháp để ngôn ngữ chứng? Vì ngôn ngữ không có pháp để chứng cho nên nói là chẳng phải hữu vi.

Bồ-tát Thiện Vấn hỏi:

–Thưa Phật tử! Sao gọi việc ấy là vô ngôn sở chứng? Thánh trí biết, Thánh trí thấy mà nói đó là vô ngôn chứng pháp, mà nói đó là ngôn ngữ hữu vi, vô vi?

Bồ-tát Thâm Mật Giải Thoát đáp:

–Này thiện nam! Ví như người làm trò ảo thuật và học trò của ông ta ở tại ngã tư đường chất chứa cỏ cây, nhánh lá, ngói gạch lại một chỗ, rồi biểu diễn các trò ảo thuật như binh lính, voi, ngựa, xe, bộ, ma-ni, trân châu, lưu ly, kha cụ, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, tiền tài, lúa thóc, gấm lụa và các kho chứa các vật. Biểu diễn rất nhiều trò khác lạ như vậy.

Này thiện nam! Nếu lúc đó, có những kẻ ngu si, vô trí, thấy nghe việc ấy, không biết đó chỉ là cỏ cây, ngói đá, mà sinh tâm cho là có thật, các loại voi, ngựa, xe, bộ, binh lính, ma-ni, trân châu, lưu ly, kha cụ, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, tiền tài, lúa thóc, vải vóc và kho chứa các vật. Do chứng kiến như thế, cho nên người ngu kia liền ôm giữ sự thấy nghe đó mà tu hành, cho việc đó là hoàn toàn có thật, ngoài ra đều là hư vọng.

Này thiện nam! Người ấy lại cần cầu pháp tối thượng.

Này thiện nam! Lại có người trí tuệ, không phải là ngu si, thấy voi, ngựa... biết rằng đó chính là cỏ, cây, ngói gạch.… thấy nghe thế rồi, người này sinh tâm biết voi ngựa, xe... không phải là thật, từ ảo thuật mà làm ra, là tướng giả dối, mọi việc khác thường chỉ làm mê hoặc mắt người. Thấy nghe như thế, người trí không cho nó là thật, cũng không dính mắc, cũng không bám lấy, rốt ráo là thật, ngoài ra là giả dối. Biết ý nghĩa để nắm lấy ngôn ngữ, người này không cần quán thắng pháp.

Này thiện nam! Chúng sinh phàm phu, chưa được trí Thánh nhân xuất thế gian, cũng lại như vậy. Phàm phu ngu si biết không đúng như thật pháp không ngôn ngữ, thấy nghe pháp hữu vi, vô vi, liền sinh tâm suy nghĩ: "Có pháp hữu vi, vô vi, như tôi thấy nghe". Thế nên, theo sự thấy nghe, người này ôm giữ nó cho đó là thật. Bởi thế, nên người này, đã lãnh thọ thực hành như đã thấy nghe, cho nó là thật còn các việc khác là giả dối. Người ấy liền siêng năng quán sát thắng pháp.

Này thiện nam! Lại có chúng sinh, không phải là ngu si, thấy rõ thật đế, đạt được trí Thánh nhân xuất thế gian, có khả năng biết như thật tất cả các pháp, chứng pháp thể chân thật không ngôn ngữ. Nhưng chúng sinh đó thấy nghe pháp hữu vi, vô vi, lại sinh tâm suy nghĩ: "Không có các pháp danh tự hữu vi, vô vi... như đã thấy nghe." Rồi lại nghĩ: "Lời nói hữu vi, vô vi là có đó." Từ hành tướng giả dối phân biệt sinh ra; như pháp ảo thuật ấy

mê hoặc người trí; sinh ra hữu vi, vô vi với danh tướng khác lạ. Người ấy hiểu biết như đã nghe thấy, nên không dính mắc vào những gì đã thấy nghe. Đó mới là chân thật, còn các cái khác là giả dối. Vì nghĩa rõ ràng ấy mà nắm bắt ngôn ngữ, người ấy không cần quán thắng pháp.

Này thiện nam! Trí Thánh nhân biết các việc như vậy. Thánh nhân trí thấy biết chứng được vô ngôn. Vì muốn chứng pháp vô ngôn ấy mà nói đó là danh tướng hữu vi, vô vi.

Lúc đó, Bồ-tát Thâm Mật Giải Thoát nói kệ:

Nghĩa sâu không ngôn ngữ
Chư Phật nói không hai
Người si nương vô minh
Hý luận chấp hai pháp,
Làm lớn đường thế gian
Qua lại không dừng nghỉ
Sinh trong loài súc sinh
Do lìa nghĩa thứ nhất.

-oOo-

Phẩm 3: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT THƯA HỎI

Lúc đó, Thánh giả Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, nương vào nghĩa Đế như thật thứ nhất, vượt qua tướng cảnh giới giác quán của thế gian, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nhớ đời quá khứ, lại còn vượt qua đời quá khứ đó nữa, cách thế giới này bảy mươi bảy hằng hà sa thế giới, vượt hơn vô lượng hằng sa thế giới ấy, có cõi Phật, tên là Thế giới danh xưng. Trong thế giới ấy, có Đức Phật, hiệu là Tỳ-ma-la-kiết-đế Như Lai, hiện đang ở cõi nước đó. Khi con giáo hóa chúng sinh, đến thế giới này thấy có một thầy ngoại đạo đang đứng một chỗ, đồng thời có bảy vạn bảy ngàn đệ tử cũng đang tụ tập nơi ấy, nương vào tướng Đệ nhất nghĩa mà suy nghĩ các pháp. Các ngoại đạo đó, cùng nhau suy tìm tướng Đệ nhất nghĩa, xưng lường tướng Đệ nhất nghĩa, suy nghĩ tướng Đệ nhất nghĩa, tuy quán sát nhưng không thấy tướng Đệ nhất nghĩa. Do đó sinh ra ý sai khác, thấy cũng sai khác, rồi dính mắc vào sai khác, thành lập bè phái khác, khởi lên tranh luận, hai bên đấu khẩu với nhau, buông ra những lời không tốt, cùng nhau nổi loạn rồi giải tán.

–Bạch Thế Tôn! Lúc đó con liền sinh tâm nhớ nghĩ, thật hiếm có chư

Phật Như Lai xuất thế. Do nương vào Như Lai xuất thế gian, cho nên, nay được thấy nghe tướng Đệ nhất nghĩa vượt qua khỏi cảnh giới thế gian, được chứng tướng Đệ nhất nghĩa, thấy tướng Đệ nhất nghĩa và chứng tất cả tướng diệt.

Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

–Này Đàm-vô-kiệt! Đúng vậy! Đúng vậy! Ta hiểu các tướng Đệ nhất nghĩa vượt qua khỏi cảnh giới thế gian. Hiểu như vậy rồi, đem nói cho mọi người, chỉ bày mọi người, hiện rõ cho mọi người tạo lập pháp này. Vì sao? Ta vì Thánh nhân nói pháp tự chứng của nội thân. Vì các phàm phu nói cảnh giới hiểu và thấy, cùng nhau biết được điều đó.

Này Đàm-vô-kiệt! Nay ngươi nên nương vào nghĩa này, mà biết đó là tướng Đệ nhất nghĩa vượt qua khỏi cảnh giới thế gian.

Này Đàm-vô-kiệt! Ta nói nghĩa thứ nhất là vượt qua khỏi cảnh giới của tất cả các tướng. Thấy, hiểu gọi là cảnh giới các tướng. Như vậy, ta nói nghĩa thứ nhất, là cảnh giới vô ngôn. Sự thấy hiểu gọi là cảnh giới lời nói.

Này Đàm-vô-kiệt! Ta nói lìa các ngôn ngữ là tướng của nghĩa thứ nhất, sự thấy hiểu danh tự là tướng thế đế. Như vậy, ta đã nói lìa các tranh luận là tướng của nghĩa thứ nhất, sự thấy hiểu danh tự là tướng tranh luận.

Này Đàm-vô-kiệt! Nương vào nghĩa tướng này, nay ông nên biết. Cảnh giới sự thấy hiểu vượt qua khỏi các thế gian, là tướng của nghĩa thứ nhất.

Này Đàm-vô-kiệt! Ví như có người, trọn đời ăn vị cay đắng, mà người ấy không biết, không cảm giác, không nêu bày được vị cay đắng đó và cũng không tin rằng có vị ngọt ngon của thạch mật A-bà-bà.

Này Đàm-vô-kiệt! Có người suốt đời tin vào cái vui ham muốn, đắm chìm vào ham muốn, bị lửa ham muốn thiêu đốt nội tâm, thân không thể biết, không thể giác ngộ, không thể so sánh, không còn khả năng tin lìa tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc, để không còn vui trong ham muốn nữa.

Này Đàm-vô-kiệt! Có người suốt đời tin vào phân biệt, vui với phân biệt, không thể biết, không thể giác ngộ, không có khả năng so lường, không còn khả năng tin vào cái vui không phân biệt của sự vắng lặng nội thân.

Này Đàm-vô-kiệt! Có người suốt đời thấy, nghe, hiểu, biết, vui, tin, ưa thực hành. Người ấy lại không thể biết, không thể giác ngộ, không thể so lường, không còn khả năng tin, lìa cái vui thấy nghe hiểu biết của sự vắng lặng nội thân.

Này Đàm-vô-kiệt! Như có người, suốt đời bám lấy chính mình ôm giữ tướng ngã, vui tin mà làm. Người ấy không thể biết, không thể giác ngộ, không thể so lường, không còn khả năng tin vào cái vui "Không có ngã, ngã sở của cõi Uất-đơn-việt phương Bắc."

Này Đàm-vô-kiệt! Người có thấy hiểu như vậy, không thể biết, không thể giác ngộ, không thể so lường, không có khả năng tin lìa các tướng thấy biết của nghĩa thứ nhất.

Lúc đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ta nói thân chứng pháp
Thứ nhất lìa ngôn cảnh
Lìa tướng thấy, hiểu, tranh
Vô ngôn, nghĩa thứ nhất.

-oOo-

Phẩm 4: THÁNH GIẢ ĐẠI BỒ-TÁT THIỆN THANH TỊNH TUỆ THƯA HỎI

Lúc đó, Thánh giả Đại Bồ-tát Thiện Thanh Tịnh Tuệ nương vào nghĩa thứ nhất vượt quá các tướng nghiêng về một phía bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn khéo nói tướng của nghĩa thứ nhất đế, thật là pháp mầu hiếm có, nghĩa rất sâu dày, đã vi tế càng vi tế, vượt qua mọi tư tưởng lệch về một phía, đúng là pháp rất khó chứng.

–Bạch Thế Tôn! Con nhớ thuở xưa, tại một chỗ nọ, thấy các Bồ-tát trụ hạnh Tín địa, ngồi một chỗ, suy nghĩ về hạnh hữu vi Đệ nhất nghĩa đế, nó là một hay là khác. Trong số đó có Bồ-tát nói: "Hành tướng hữu vi khác với nghĩa thứ nhất."

Lại có Bồ-tát nói: "Chẳng phải hạnh hữu vi khác nghĩa thứ nhất, mà hạnh hữu vi không khác với nghĩa thứ nhất."

Lại có Bồ-tát sinh tâm nghi, khởi lên ý khác, nói như vầy: "Trong số các vị Bồ-tát này, vị nào nói chân thật, vị nào nói giả dối, vị nào tu hành pháp nhớ nghĩ chân chánh, vị nào tu hành pháp nhớ nghĩ không chân chánh?"

–Bạch Thế Tôn! Con thấy các Bồ-tát suy nghĩ như thế. Các thiện nam này đều là ngu si, chẳng phải là người có trí tuệ, không khéo biết chánh pháp, rơi vào nhớ nghĩ không chân chánh. Vì sao? Vì không có khả năng biết hạnh của hữu vi, tướng của nghĩa thứ nhất vi tế, không tướng, nó vượt

qua tướng nghiêng về một phía.

Lúc đó, Đức Phật khen Đại Bồ-tát Thiện Thanh Tịnh Tuệ:

–Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Đúng vậy! Đúng vậy! Tất cả thiện nam đó đều là ngu si, không có trí sáng suốt, không biết chánh pháp, rơi vào tà niệm. Vì sao? Vì do không có khả năng biết được hành tướng vi tế, tướng nghĩa thứ nhất vượt qua tướng lệch một phía. Vì sao? Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu hạnh hữu vi không khác tướng của nghĩa thứ nhất, thì tất cả phàm phu ngu si, đều cũng ứng thấy nghĩa thứ nhất đế, tức là thân phàm phu, đều cũng ứng được cái vui Niết-bàn thanh tịnh vô thượng; đều cũng ứng được với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu hạnh hữu vi không khác tướng của nghĩa thứ nhất, thì khi thấy Đệ nhất nghĩa đế, cũng ứng thấy hành tướng hữu vi. Nếu hành tướng hữu vi là có tướng, thì tướng liền bị trói buộc, không ứng với giải thoát. Nếu thấy thật đế không lìa tướng trói buộc, thì không ứng với giải thoát, cũng không thoát khỏi sự trói buộc của phiền não. Do không lìa hai thứ trói buộc này, cho nên không ứng với cái vui Niết-bàn thanh tịnh vô thượng, cũng không ứng với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Vì nghĩa đó, cho nên kẻ ngu si phàm phu, không thấy thật đế, không thể từ thân phàm phu này mà chứng đắc Niết-bàn thanh tịnh và cũng không thể từ thân phàm phu này mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên, người thấy thật đế thì không ứng với hành tướng hữu vi, hành tướng nghiêng về một phía. Người ấy thấy hành tướng hữu vi, tức tướng của nghĩa thứ nhất, nghĩa của nhất dị bất thành nhất dị.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Ông nên biết! Các Bồ-tát ấy nói hạnh hữu vi của tướng nghĩa thứ nhất là một, là khác. Các Bồ-tát ấy, chẳng phải có nhớ nghĩ chân chánh mà là nhớ nghĩ tà vạy.

Lại nữa, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu hành tướng hữu vi, tướng nghĩa thứ nhất, cả hai không khác, thì hạnh hữu vi ấy rơi vào nhiễm tướng, tướng nghĩa thứ nhất cũng rơi vào nhiễm.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu hành tướng hữu vi lìa tướng nghĩa thứ nhất khác, như vậy, tất cả hạnh hữu vi không đồng với nghĩa thứ nhất.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Đệ nhất nghĩa đế không rơi vào tất cả nhiễm phiền não. Do vậy cho nên, nói hạnh hữu vi đồng tướng với Đệ nhất nghĩa đế. Thế nên, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Ông không nên nói hành tướng hữu vi, Đệ nhất nghĩa đế có một, có khác.

Lại nữa, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu hành tướng hữu vi và tướng Đệ nhất nghĩa, cả hai không khác, thì Đệ nhất nghĩa đế không khác tất cả các hạnh hữu vi. Tất cả hạnh hữu vi như vậy, cũng không khác tướng Đệ nhất nghĩa. Nhưng hữu vi lại khác Đệ nhất nghĩa. Nếu không khác, thì người thấy nghe hiểu biết hành tướng hữu vi sẽ thực hành như thật, không cần cầu pháp thù thắng vô thượng.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu hành tướng hữu vi, tướng Đệ nhất nghĩa không khác, thì hạnh hữu vi mới gọi là không ngã, không có tướng tự thể, mới là tướng Đệ nhất nghĩa.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu lại có lỗi lầm, nhất thời phân biệt các tướng khác nhau, cho đây là tướng nhiễm, đó là tướng tịnh. Thế nên, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Tướng Đệ nhất nghĩa khác hành tướng hữu vi, mà chẳng phải không khác hành tướng hữu vi. Thế nên, người thực hành như thật, về thấy nghe hiểu biết lại cầu ở thắng pháp. Do biết hạnh hữu vi như thật, cho nên được gọi vô ngã Đệ nhất nghĩa. Nhưng không phải trong một lúc, có hai tướng có nhiễm, có tịnh, sai khác. Thế nên, lìa hành tướng hữu vi, tướng Đệ nhất nghĩa không một, không khác. Nghĩa cũng không thành.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Các Bồ-tát ấy nói như vầy: "Hành tướng hữu vi, tướng Đệ nhất nghĩa không một, không khác." Các Bồ-tát ấy nói như vậy thì không được gọi là khéo nói.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Ông nên biết, các Bồ-tát ấy không được gọi là chánh niệm tu hành như thật. Đó gọi là tà niệm.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Ví như bạch mã não, không thể nói một, không thể nói khác. Như vậy, tiếng kim huỳnh vi diệu của đàn không hầu, hương thơm trầm thủy, vị cay của lá lốt, vị cay của cây Ha-lê-lặc, vị ngọt của cây mía, Đâu-la nhu nhuyến, tô cho đến Đề hồ, không thể nói một, không thể nói khác.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Tất cả hạnh hữu vi, hình thể là tướng vô thường, không thể nói một, không thể nói khác. Tất cả hữu lậu với mọi tướng khổ của nó, không thể nói một, không thể nói khác. Tướng vô ngã trong tất cả pháp, không thể nói một, không thể nói khác. Tướng tham, sân, si, nhiễm, không vắng lặng, không thể nói một, không thể nói khác.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Như vậy tất cả hạnh hữu vi, tướng Đệ nhất nghĩa, không thể nói một, không thể nói khác.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Như vậy là ta được tế vi tế, sâu dày, thật khó chứng, vô cùng khó chứng, vượt qua khỏi "nhất dị tướng", hiểu nghĩa

thứ nhất đế. Hiểu rõ rồi, đem diễn nói mở bày và tạo dựng cho mọi người.

Lúc đó, Đức Như Lai liền nói kệ:

Cõi hữu vi thật đế
Phải lìa "tướng nhất dị"
Nếu phân biệt một, khác
Là si, không chánh niệm,
Người ấy bị tướng trói
Bị phiền não ràng buộc
Tu Tỳ-bà-xá-na
Xa-ma-tha, được thoát.

-oOo-

Phẩm 5: TUỆ MẠNG TU-BỒ-ĐỀ THƯA HỎI

Khi ấy, Đức Thế Tôn nương vào Nhất thiết xứ, nhất vị, đẳng vị, Đệ nhất nghĩa đế, bảo Tuệ mạng Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Ông có biết! Trong tất cả cõi chúng sinh có bao nhiêu chúng sinh, nương ngã, nương mạn, nói ngã sở đắc?

Này Tu-bồ-đề! Ông có biết! Trong tất cả cõi chúng sinh có bao nhiêu chúng sinh lìa ngã, lìa mạn, nói ngã sở đắc?

Tu-bồ-đề bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với cõi chúng sinh, con thật ít thấy chúng sinh lìa ngã, lìa mạn, nói ngã sở đắc. Bạch Thế Tôn! Nhưng con thật thấy vô lượng a-tăng-kỳ bất khả thuyết chúng sinh, ở trong cõi chúng sinh lại nương ngã, nương mạn, nói ngã sở đắc.

Bạch Thế Tôn! Con nhớ đời quá khứ, ở một nơi trong vườn A-lan-nhã, lúc đó có rất nhiều Tỳ-kheo đang ở xung quanh con. Bạch Thế Tôn! Lúc mặt trời lặn dần về Tây, con thấy các Tỳ-kheo ấy, tụ tập lại một chỗ đem các pháp tướng ra nói và cho là đã chứng đế pháp. Bạch Thế Tôn! Có các Tỳ-kheo bám lấy tướng của ấm nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo thấy ấm sinh tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo thấy ấm diệt tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo nói ấm diệt pháp.

Có các Tỳ-kheo nói ấm diệt hiện chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo thấy nhập tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng mười hai nhân duyên nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng khởi hành nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo nắm lấy đế tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ nhân tướng của đế nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng biết đế nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo quăng bỏ đế tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo thủ chứng đế tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ sự tu hành đế tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ giới pháp tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ nơi giới tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng đủ các loại giới tướng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng của vô lượng giới nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng diệt giới nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng diệt giới chứng nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo như vậy ôm giữ tướng bốn Niệm xứ nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng của bốn Niệm xứ nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng bốn Niệm xứ đối trị nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ tướng tu hành bốn Niệm xứ nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ bốn Niệm xứ chưa sinh làm tướng tu hành sinh khởi bốn Niệm xứ nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ bốn Niệm xứ đã sinh làm tướng tu hành không mất nói là chứng pháp.

Có các Tỳ-kheo ôm giữ bốn Niệm xứ tướng đã sinh làm tướng tu hành tăng trưởng rộng nói là chứng pháp.

Các Tỳ-kheo này ôm giữ bốn Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác đạo, chưa sinh, là sinh, là trụ, là không quên mất, là tăng trưởng, ôm giữ tướng đó nói là chứng pháp.

Bạch Thế Tôn! Con thấy các Tỳ-kheo ấy sinh ý niệm như thế. Các Tỳ-kheo này do dính mắc vào ngã tướng, ôm giữ tướng ngã mạn nên nói chứng như vậy. Vì sao? Vì không có khả năng biết tướng Đệ nhất nghĩa đế nhất vị đẳng vị. Bạch Thế Tôn! Do vậy con nghĩ: "Đức Thế Tôn ra đời thật

là hiếm có! Thật hiếm có! Khéo nói pháp thù thắng Nhất thiết xứ, Đệ nhất nghĩa, Nhất vị đẳng vị rất hay, rất sâu xa, khó hiểu, khó biết. Như thế, hàng ngoại đạo làm sao có thể hiểu được!"

Đức Phật khen Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Pháp mà ta đã chứng là vi diệu và thật hết sức vi diệu; là sâu dày và cực kỳ sâu dày, khó giác ngộ và thật khó giác ngộ là tướng Nhất thiết xứ, nhất vị đẳng vị. Đệ nhất nghĩa đế là sở chứng của ta. Chứng rồi, ta vì mọi người mà mở bày, giảng nói rộng rãi, cho thật sáng tỏ, rõ ràng, cụ thể. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì đó là những gì được gọi là ấm, giới, nhập, nhân duyên, khởi hành, cảnh giới thật đế, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo...

Này Tu-bồ-đề! Ta nói trong năm ấm quán thanh tịnh, ba mươi bảy phẩm là tướng Đệ nhất nghĩa. Tất cả ấm, giới, nhập, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo là tướng nhất vị, đẳng vị.

Này Tu-bồ-đề! Nương vào nghĩa này nay ông nên biết, Nhất thiết xứ, Nhất vị đẳng vị là tướng của nghĩa thứ nhất.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tỳ-kheo tu hành như thật, biết đúng như thật, một ấm như là pháp Đệ nhất nghĩa đế vô ngã; ngoài ra giới, nhập, nhân duyên, khởi hành giới, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo... thì không quán riêng pháp chân như Đệ nhất nghĩa vô ngã, chỉ nên nương và tùy thuận chân như, nương vào pháp không hai mà chứng Nhất thiết xứ, Nhất vị đẳng vị, tướng Đệ nhất nghĩa.

Này Tu-bồ-đề! Ông nương vào nghĩa này, nên biết như vầy: Cái được gọi là nhất vị đẳng vị là tướng Đệ nhất nghĩa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như ấm, giới, nhập, nhân duyên, khởi hành giới, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo... ấy, có sai khác. Nếu pháp chân như Đệ nhất nghĩa đế vô ngã mà có tướng sai khác, thì việc chứng đắc pháp chân như Đệ nhất nghĩa đế, cũng ứng có nhân. Nếu có nhân, thì ứng với nhân mà sinh. Nếu từ nhân sinh ra thì ứng với hữu vi. Nếu là hữu vi, thì không được gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Nếu chẳng phải Đệ nhất nghĩa đế, thì nên tìm cầu Đệ nhất nghĩa đế.

Này Tu-bồ-đề! Thế nên, pháp chân như Đệ nhất nghĩa đế vô ngã, chẳng phải từ nhân sinh, cũng không phải là pháp hữu vi, cũng chẳng phải là không Đệ nhất nghĩa đế, cũng chẳng phải đó là Đệ nhất nghĩa đế, phải liền cầu Đệ nhất nghĩa đế. Đó là phải làm thường xuyên, luôn luôn làm. Như Lai ra đời, hoặc không ra đời, pháp tánh vẫn thường trụ, pháp giới vẫn thường trụ, pháp thể vẫn thường trụ.

Này Tu-bồ-đề! Ông nương vào nghĩa này, mà biết tất cả các pháp tướng ấy là Nhất vị đẳng vị, Đệ nhất nghĩa đế.

Này Tu-bồ-đề! Ví như vô lượng sự sai biệt các thứ sắc tướng, không tướng, không có phân biệt, không có sai khác, tất cả nơi chốn, hư không, vị bình đẳng, một thể, một tướng.

Này Tu-bồ-đề! Tự tướng của tất cả các pháp là sai biệt. Nhất thiết xứ, nhất vị đẳng vị là tướng của Đệ nhất nghĩa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai ứng nói pháp
Tất cả tướng một vị
Không lìa nghĩa thứ nhất
Thấy khác là kiêu ngạo.

-oOo-

Phẩm 6: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT QUẢNG TUỆ THƯA HỎI

Khi ấy, Thánh giả Đại Bồ-tát Quảng Tuệ nương vào tướng của tâm, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai nói, các Bồ-tát khéo biết tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát khéo biết tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa?

Bạch Thế Tôn! Vì nghĩa gì mà Thế Tôn nói, các Bồ-tát khéo biết tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa?

Đức Phật khen Bồ-tát Quảng Tuệ:

–Hay thay! Hay thay! Này Quảng Tuệ! Chỉ có ông, mới có khả năng, hỏi Như Lai về nghĩa sâu xa như thế.

Này Quảng Tuệ! Ông nay đã có khả năng làm an ổn cho tất cả chúng sinh và cũng khiến cho họ được đầy đủ.

Này Quảng Tuệ! Ông vì thương xót các hàng trời, người, đã làm nhiều an lạc và nhiều lợi ích cho phần đông, cho nên mới hỏi ta nghĩa như vậy.

Hay thay, này Quảng Tuệ! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông, nói về tâm ý, ý thức, nghĩa bí mật sâu xa.

Này Quảng Tuệ! Đối với việc sinh tử trong sáu đường; các loài chúng

sinh nào là sinh từ trứng, sinh từ bào thai, sinh do ẩm thấp, sinh do biến hóa; thọ thân, rồi sinh thân và thân được nuôi lớn. Ban đầu, tất cả chủng tử tâm tánh đó hòa hợp, không đồng, tăng trưởng, sai biệt; mọi sự thành tựu đều nương vào hai thứ chấp giữ:

1. Nương vào sắc, tâm căn mà chấp giữ.

2. Nương vào tướng không phân biệt, huân tập ngôn ngữ hý luận mà chấp giữ.

Này Quảng Tuệ! Trong cõi Sắc nương vào hai thứ chấp giữ mà sinh, trong cõi Vô sắc chẳng phải hai thứ chấp giữ mà sinh.

Này Quảng Tuệ! Thức ấy được gọi là A-đà-na thức (tâm thức). Vì sao? Vì A-đà-na thức đó bám lấy thân tướng ứng thân này. Này Quảng Tuệ! Thức đó cũng gọi là A-lê-da thức (Thánh giả thức). Vì sao? Vì trụ dính vào thân ấy, cho nên tương ưng nhất thể.

Này Quảng Tuệ! Thức đó cũng gọi là tâm. Vì sao? Vì tâm ấy là sự tăng trưởng của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Này Quảng Tuệ! Nương vào A-đà-na thức có thể sinh ra sáu thức. Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, thức.

Này Quảng Tuệ! Nếu một cảnh giới hiện tiền, một thức thân được phát khởi, thì không thể phân biệt ý thức liền với nhãn thức cùng lúc đều sinh ra.

Này Quảng Tuệ! Nếu hai, ba, bốn, năm cảnh giới hiện tiền, năm thức thân được phát khởi, thì không thể phân biệt ý thức liền với năm thức cùng một lúc đều sinh.

Này Quảng Tuệ! Ví như dòng nước chảy, nếu có một duyên khởi lên thì một gợn sóng sẽ nổi lên. Nếu hai, ba cho đến rất nhiều nhân duyên đồng khởi lên, thì nhiều đợt sóng lại nổi lên. Này Quảng Tuệ! Nhưng dòng nước ấy, vẫn không bị ngắt quãng.

Lại nữa, này Quảng Tuệ! Ví như mặt gương sạch không nhơ. Nếu có một hình đối diện thì liền thấy một bóng. Nếu có hai, ba hoặc nhiều hình tượng thì liền thấy rất nhiều hình tượng sai khác. Này Quảng Tuệ! Nhưng mặt gương sáng đó vẫn chiếu rõ các hình tượng, không có gì khác.

Này Quảng Tuệ! Như vậy dòng nước chảy, gương sáng, hình bóng đều nương vào A-đà-na thức, nắm giữ A-đà-na thức; nếu một nhãn thức nhân duyên hiện ra trước, thì một ý thức cùng với nhãn thức đồng thời ôm giữ lấy cảnh.

Này Quảng Tuệ! Nếu năm thức thân, năm loại nhân duyên mà nhất

thời hiện ra, thì ý thức không phân biệt liền cùng với năm thức, nhất thời giữ lấy cảnh.

Này Quảng Tuệ! Như vậy, Đại Bồ-tát nương vào pháp trí trụ, sẽ khéo biết như thật tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa.

Này Quảng Tuệ! Nhưng Phật không nói các Bồ-tát... là phải khéo hiểu biết tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa.

Này Quảng Tuệ! Nếu Bồ-tát không thấy trong ngoài A-đà-na, không thấy A-đà-na thức, có khả năng biết như thật, không thấy A-lê-da, không thấy A-lê-da thức, không có tâm hý luận, không thấy mắt, không thấy sắc, không thấy thức của mắt; không thấy tai, không thấy tiếng, không thấy thức của tai; không thấy mũi, không thấy hương, không thấy thức của mũi; không thấy lưỡi, không thấy mùi vị, không thấy thức của lưỡi; không thấy thân, không thấy tiếp xúc, không thấy thức của thân.

Này Quảng Tuệ! Bồ-tát không thấy ý trong ngoài, không thấy pháp trong ngoài, không thấy ý thức trong ngoài có khả năng biết như thật.

Này Quảng Tuệ! Ta nói, các Bồ-tát như vậy, khéo biết nghĩa thứ nhất.

Này Quảng Tuệ! Thế nên, ta nói Bồ-tát nên biết tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa.

Này Quảng Tuệ! Bồ-tát hiểu biết tâm ý, ý thức, pháp bí mật sâu xa như vậy rồi, ta cho rằng, người này là Bồ-tát chân chánh.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Các thứ A-đà-na
Hay sinh ra các pháp
Ta dụ như nước, gương
Không vì người ngu nói.

-oOo-

KINH THÂM MẬT GIẢI THOÁT

QUYỂN 2

Phẩm 7: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT CÔNG ĐỨC LÂM THƯA HỎI

Khi ấy, Thánh giả Đại Bồ-tát Công Đức Lâm, nương vào tất cả các pháp tướng, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói các Bồ-tát khéo biết pháp tướng. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát khéo biết các pháp tướng ấy, sao gọi là khéo biết các pháp tướng?

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có khả năng biết được bao nhiêu pháp mới được gọi là khéo biết tất cả pháp tướng, đúng với Như Lai đã nói Bồ-tát khéo biết tất cả pháp tướng?

Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Công Đức Lâm:

–Hay thay! Hay thay! Này Công Đức Lâm! Chỉ có ông mới có thể hỏi ta về nghĩa này.

Này Công Đức Lâm! Ông vì tất cả chúng sinh, mà khiến họ được đầy đủ sự an ổn, vui vẻ.

Này Công Đức Lâm! Ông có lòng thương xót tất cả hàng trời, người, làm an lạc và đem nhiều lợi ích cho phần đông; nên mới có thể hỏi ta về nghĩa này. Hay thay! Hay thay! Này Công Đức Lâm! Ông nay hãy một lòng lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói.

Này Công Đức Lâm! Tất cả pháp tướng có ba loại tướng: Là giả dối phân biệt tướng, nhân duyên tướng và tướng Đệ nhất nghĩa.

Này Công Đức Lâm! Thế nào là tướng giả dối phân biệt? Là tên gọi tướng "sở thuyết pháp thể" và đủ các loại tướng dùng gọi tên các nghĩa.

Này Công Đức Lâm! Sao gọi là pháp nhân duyên tướng? Là mười hai nhân duyên, nương vào pháp này, sinh ra pháp kia. Nghĩa là nương vào vô minh duyên hành, cho đến sinh đại khổ tụ xứ.

Này Công Đức Lâm! Sao gọi là các pháp Đệ nhất nghĩa tướng? Đó là thể chân như của các pháp. Các Bồ-tát chánh niệm tu hành, cho đến tâm tu hành chứng pháp không hai. Chứng pháp đó rồi mới thành tựu Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác.

Này Công Đức Lâm! Ví như có người mắt bị màng, nhãn thức bị mờ. Này Công Đức Lâm! Giả dối phân biệt, cũng lại như vậy.

Này Công Đức Lâm! Ví như có người mắt bị bệnh, thấy cuộn dây tơ và hạt mè xanh mà thành ra các tướng xanh, vàng, đỏ, trắng...

Này Công Đức Lâm! Tướng nhân duyên cũng lại như vậy.

Này Công Đức Lâm! Ví như có người mắt sáng, không bị bệnh, thì mắt người ấy sẽ thấy cảnh giới của tự tánh không sinh sai lầm.

Này Công Đức Lâm! Tướng của Đệ nhất nghĩa cũng lại như vậy.

Này Công Đức Lâm! Ví như ở thế gian, có ngọc lưu ly trong sáng, đặt nó vào chỗ màu xanh, tức thì Nhân-đà-la màu xanh phát ra ánh sáng đại Nhân-đà-la ma-ni báu. Nhân-đà-la màu xanh và ánh sáng đại Nhân-đà-la ma-ni báu hiện ra, mê hoặc chúng sinh, nên cho báu đó là thật.

Này Công Đức Lâm! Thể lưu ly trong sáng đó, đặt trong màu đỏ, thì báu Ba-đầu ma-ni đó, phát ra màu đỏ. Chúng sinh mê hoặc, cho đó là báu đỏ.

Này Công Đức Lâm! Thể lưu ly trong sáng đó, đem đặt trong màu lục, thì báu ma-ni này, phát ra ánh sáng màu lục. Chúng sinh mê hoặc, cho là báu màu lục.

Này Công Đức Lâm! Thể lưu ly trong sáng đó đặt vào trong màu vàng, thì báu ma-ni này, phát ra ánh sáng màu vàng. Chúng sinh mê hoặc, cho đó là màu vàng.

Này Công Đức Lâm! Lưu ly trong sáng ấy, có đủ màu sắc như thế. Như vậy, trong tướng nhân duyên tha lực; hình thể của giả dối phân biệt, danh tự, chương cú, huân tập, cũng vậy.

Công Đức Lâm nên biết! Như lưu ly Nhân-đà-la trong sáng ấy, nó là màu xanh Nhân-đà-la; nhân màu xanh mà có màu đỏ, màu xanh lục, màu vàng, màu vàng ròng; các báu đó mỗi mỗi hiện ra. Chúng sinh mê hoặc, cho đó là báu.

Này Công Đức Lâm! Như vậy, trong tướng tha lực nhân duyên, giả dối phân biệt, danh tự, chương cú cũng vậy.

Công Đức Lâm nên biết! Như thể lưu ly trắng trong sáng đó, thì tha lữ nhân duyên cũng vậy.

Công Đức Lâm nên biết! Thể lưu ly trong sáng kia, không có Nhân-đà-la màu xanh, đại Nhân-đà-la màu xanh, thì không có báu màu xanh, cũng không có các báu màu đỏ, màu lục, màu vàng, vàng ròng. Như vậy,

thể của báu là luôn luôn như thế, mãi mãi như thế. Tất cả thể của các loại báu, không hề có như vậy.

Này Công Đức Lâm! Đó tức là trong tướng tha lực nhân duyên, thì giả dối phân biệt, danh tự, chương cú luôn như thế, mãi mãi như thế. Nhưng với thể của giả dối phân biệt, danh tự, chương cú thì không có tướng như vậy.

Công Đức Lâm nên biết! Nhưng lại cứ nương vào tướng nhân duyên danh tướng, tướng nhân duyên phân biệt.

Công Đức Lâm nên biết! Nương vào nhân duyên giả dối, dính mắc danh tướng. Thế nên thấy tha lực nhân duyên.

Này Công Đức Lâm! Nương vào tha lực nhân duyên, dính mắc vào tướng giả dối phân biệt, thấy tướng của nghĩa thứ nhất.

Này Công Đức Lâm! Bồ-tát đối với tướng nhân duyên ấy, có khả năng biết như thật. Đó là biết được tướng giả dối phân biệt. Bồ-tát được như vậy, thì gọi là có khả năng biết các pháp vô tướng.

Này Công Đức Lâm! Bồ-tát nếu biết nhân duyên pháp tướng, biết các pháp nhân duyên như thật rồi, thì có khả năng biết các pháp nhiễm tướng như thật. Biết các pháp nhiễm tướng như thật rồi thì có khả năng biết tướng của nghĩa thứ nhất. Biết tướng của nghĩa thứ nhất như thật rồi, thì có khả năng biết pháp tướng thanh tịnh như thật.

Này Công Đức Lâm! Bồ-tát nếu đối với pháp nhân duyên tha lực, có khả năng biết như thật pháp vô tướng. Biết như thật rồi, xa lìa pháp nhiễm. Xa lìa pháp nhiễm rồi, liền chứng được tất cả pháp tướng thanh tịnh.

Này Công Đức Lâm! Bồ-tát có khả năng biết như thật pháp tướng giả dối thì có khả năng biết pháp tướng tha lực nhân duyên; có khả năng biết tướng của nghĩa thứ nhất là vô tướng; có khả năng biết như thật nhiễm tướng, tịnh tướng, lìa pháp tướng nhiễm, chứng pháp tướng tịnh.

Này Công Đức Lâm! Đại Bồ-tát nên khéo biết các pháp như vậy. Thế nên Phật nói, Đại Bồ-tát khéo biết các pháp!

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Biết các pháp như tha biết
Liền bỏ tướng nhiễm pháp
Bỏ tướng nhiễm pháp rồ
Chứng được pháp thanh tịnh.
Không quán lỗi hữu vi
Biếng nhác, buông lung, hại
Các pháp thường không động

Lìa tướng là Bồ-tát.

-oOo-

Phẩm 8: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT THÀNH TỰU ĐỆ NHẤT NGHĨA THƯA HỎI

Khi ấy, Thánh giả Bồ-tát Thành Tựu Đệ nhất nghĩa, nương vào vô thể tướng Đệ nhất nghĩa tướng, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lúc một mình con ngồi ở chỗ vắng lặng, sinh tâm thấu hiểu, bèn suy nghĩ: Đức Như Lai dùng mọi cách nói về pháp tướng tự thể của các ấm. Nghĩa là, có khả năng biết được tướng sinh diệt, lìa các nhập nhân duyên, khởi lên các hành như vậy. Nói tướng tự thể của các đế như vậy. Nghĩa là biết lìa chứng tu. Nói tướng tự thể của các giới như vậy, mỗi mỗi biệt tướng, mỗi mỗi giới tướng, vô lượng giới tướng. Nói các Niệm xứ, Chánh cần, Như ý, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo, tự thể, đối trị mà tu hành như vậy, chưa sinh khiến sinh, sinh rồi khiến tăng rộng.

Bạch Thế Tôn! Lại nói tất cả pháp, xưa nay không có thể tánh; tất cả pháp, xưa nay không sinh; tất cả pháp, xưa nay không diệt; tất cả pháp, xưa nay vắng lặng; tất cả pháp, xưa nay tự tánh Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Vì thế, nên con thưa hỏi Đức Như Lai về nghĩa này. Vì sao ý Như Lai nói như thế?

Lúc đó, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa:

–Hay thay! Hay thay! Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ông cứ như vậy mà chánh niệm, suy nghĩ, sinh sự thấu hiểu này. Hay thay! Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Chỉ có ông mới có khả năng hỏi Như Lai về nghĩa này. Vì sao? Vì ông muốn làm an lạc cho tất cả chúng sinh, làm an ổn cho tất cả chúng sinh, vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh, an ổn tất cả hàng trời, người, cho nên mới hỏi ta về nghĩa này.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nay ông một lòng lắng nghe ý của ta. Vì sao ta nói: Tất cả pháp xưa nay không thể tướng, tất cả pháp xưa nay không sinh, tất cả pháp xưa nay không diệt, tất cả pháp xưa nay vắng lặng, tất cả pháp xưa nay Niết-bàn.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ý của ta là nương vào ba thứ tướng vô thể của các pháp mà nói như vậy. Tất cả các pháp không có tự thể. Những gì là ba? Là nương vào các pháp không có tướng tự thể, không sinh thể tướng, Đệ nhất nghĩa đế, không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Các pháp không có tướng tự thể, ấy là các tướng phân biệt. Vì sao? Vì các pháp ấy tùy danh tướng mà nói, chẳng phải có tự thể. Vì thế, ta nói không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thế nào là các pháp không sinh thể tướng? Nghĩa là các pháp không thể tướng. Vì sao? Vì sinh các pháp ấy phải nương vào tha lực nhân duyên, nên chẳng phải tướng tự thể. Thế nên, ta nói không sinh thể tướng.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thế nào là Đệ nhất nghĩa không có tướng tự thể? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Đệ nhất nghĩa không có tướng tự thể là thể của tất cả các pháp vốn không sinh. Thế nên, ta nói tất cả các pháp không có tướng tự thể; do nương vào nhân duyên mà sinh, do nương vào Đệ nhất nghĩa không có thể tướng. Vì sao? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ở trong các pháp, quán tướng thanh tịnh. Ta nói đó là tướng Đệ nhất nghĩa.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ở trong tha lực tướng, quán thanh tịnh. Thế nên, ta nói Đệ nhất nghĩa đế không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Tất cả các pháp không có tướng thành tựu. Thế nên, ta nói Đệ nhất nghĩa đế không có tướng tự thể. Vì sao? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Vì các pháp vô ngã, vô ngã thể tướng. Thế nên, ta nói tất cả pháp không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Do pháp ấy nương vào vô thể, mà được tên. Thế nên, ta nói Đệ nhất nghĩa đế, không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Như hoa giữa hư không, không có tướng tự thể. Tất cả các pháp không có tướng tự thể, cũng lại như vậy. Thế nên, ta nói tất cả các pháp, không có tướng tự thể. Pháp ứng như vậy.

Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa nên biết! Ví như người làm trò ảo thuật, làm ra các sắc tượng. Các pháp nhân duyên không có tướng tự thể, cũng lại như vậy. Thế nên, ta nói tất cả các pháp, không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Đệ nhất nghĩa đế không có tướng tự thể, cũng lại như vậy. Thế nên, ta nói Đệ nhất nghĩa đế không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Như hoa giữa hư không, sắc không có thể tướng, mà được tên. Như vậy, Đệ nhất nghĩa đế không có tướng tự thể, cũng lại như vậy.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ý ta là nương vào ba pháp này, không có tướng tự thể, cho nên nói các pháp không có tướng tự thể.

Lại nữa, này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ý của ta là nương vào tướng, không có tướng tự thể. Thế nên nói, các pháp không có tướng tự thể. Pháp ấy xưa nay không sinh, pháp ấy xưa nay không diệt, pháp ấy xưa nay vắng lặng, pháp ấy xưa nay Niết-bàn. Vì sao? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nếu tất cả pháp không có tướng tự thể, thì pháp ấy không sinh. Nếu pháp ấy đã không sinh, thì pháp ấy không diệt. Nếu không diệt, không sinh, thì pháp ấy xưa nay vắng lặng. Nếu pháp ấy xưa nay vắng lặng, thì pháp ấy xưa nay thanh tịnh. Nếu pháp ấy xưa nay thanh tịnh, thì pháp ấy xưa nay Niết-bàn. Nếu như thế, thì pháp ấy, không có một pháp nhỏ nào có thể diệt, khiến nhập Niết-bàn.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thế nên, ý ta là nương vào tướng đó, mà nói pháp ấy không có tướng tự thể. Do vậy, ta nói tất cả các pháp xưa nay không sinh.

Lại nữa, này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Đệ nhất nghĩa là nương vào vô ngã mà được tên. Thế nên, ý ta nương vào Đệ nhất nghĩa không có tướng tự thể, cho nên nói, các pháp xưa nay không sinh. Vì sao? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Vì pháp Đệ nhất nghĩa vô ngã mà được danh. Thế nên gọi là Đệ nhất nghĩa đế không có tướng tự thể, luôn luôn thế và mãi mãi như thế. Thể của tất cả pháp là thường trụ, thể của vô vi là lìa tất cả các phiền não tương ưng. Nếu pháp luôn luôn như thế, mãi mãi như thế, thì nương vào thể của pháp ấy mà trụ; pháp ấy không sinh, không diệt vì đó là vô vi. Nếu pháp vô vi thì pháp ấy xưa nay vắng lặng; Nếu pháp ấy xưa nay vắng lặng, thì pháp ấy xưa nay Niết-bàn. Do xa lìa tất cả độc hại của phiền não tương ưng, cho nên pháp Đệ nhất nghĩa vô ngã mà được tên. Ta nói các pháp không có tướng tự thể, tất cả pháp xưa nay không sinh, tất cả pháp xưa nay không diệt, tất cả pháp xưa nay vắng lặng, tất cả pháp xưa nay Niết-bàn là vì vậy.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Tất cả chúng sinh, trong cõi chúng sinh, không hay không biết thể của pháp giả dối phân biệt là sai biệt, cũng không có khả năng biết thể của pháp tha lực nhân duyên là sai biệt, cũng lại không thấy thể của pháp Đệ nhất nghĩa đế là sai biệt. Thế nên, ta nói ba thứ pháp không có tướng tự thể.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nhưng các chúng sinh, lại giả dối phân biệt thể tướng của các pháp, thể pháp tha lực, thể của Đệ nhất nghĩa đế; giả dối phân biệt thể tướng danh tự; nói là pháp nhân duyên, pháp Đệ nhất nghĩa.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Tất cả chúng sinh là như vậy, nói

như vậy, thọ dụng như vậy, tâm nương vào danh tự; tâm nương vào sự tùy thuận; tâm nương vào tên được sử dụng; nương vào sự phân biệt danh tự thể tướng, dính mắc vào thể của pháp tha lực nhân duyên, thể của Đệ nhất nghĩa.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Dính mắc như vậy, như vậy. Cứ nương vào pháp tha lực như vậy, như vậy. Giả dối dính mắc vào thể pháp nhân duyên; nương vào nhân duyên đó sinh đời vị lai thể pháp tha lực, bị phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm, sinh nhiễm; luân chuyển sáu đường, chịu khổ muôn đời, không thể thoát khỏi sự trói buộc của khổ sinh tử; trong các nẻo địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la, Trời, Người.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Chúng sinh theo nghiệp không trồng căn lành, không thể làm trong sạch tất cả tội nghiệp, không thể thành tựu các sức căn lành, ít tin pháp, không tích tập sự nghiệp công đức trí tuệ. Ta vì chúng sinh ấy nói các pháp không sinh. Các chúng sinh này nghe ta nói thế, nhân duyên hòa hợp, sinh hạnh hữu vi. Chúng sinh ấy biết các pháp là vô thường, không lâu bền, không thể nương tựa, lần lần chuyển diệt; đối với tất cả các hạnh hữu vi sinh tâm sợ hãi, sinh tâm xa lìa. Sinh tâm sợ hãi, xa lìa, rồi không làm ác pháp, tu hành pháp lành. Người tu hành pháp lành nương vào nhân pháp lành. Người không trồng căn lành, thì nay lại trồng căn lành. Người tội, nghiệp không trong sạch thì nay tội nghiệp trong sạch. Người các căn không thành thục, khiến được thành thục, nương vào sức căn lành thành thục, đó mà có thể đặt nhiều lòng tin nơi chánh pháp. Người có nhiều lòng tin nơi chánh pháp, thì có khả năng tích tập kho tàng công đức trí tuệ.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Các chúng sinh ấy, tuy trồng căn lành, cho đến tích tập tất cả các tạng công đức trí tuệ; nhưng này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Các chúng sinh ấy, đối với thể nhân duyên các pháp lại không sinh thể tướng và Đệ nhất nghĩa không có pháp thể tướng, không biết như thật. Do không biết như thật, cho nên, đối với tất cả các hạnh hữu vi, không sinh nhàm chán, không thể xa lìa. Thế nên, các chúng sinh ấy, không thể thoát khỏi phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm và sinh nhiễm.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Như Lai vì các chúng sinh ấy, một lần nữa, nói lại pháp ấy. Điều mà gọi là nhân duyên không thể, Đệ nhất nghĩa không thể; khiến chúng sinh ấy, đối với hạnh hữu vi, sinh tâm nhàm chán, xa lìa, liền được giải thoát phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm và sinh nhiễm. Do các chúng sinh ấy, nghe ta nói thế, nên ở trong các pháp đó không sinh tướng; ở trong tất cả pháp giả dối phân biệt, ở trong nghĩa đế

thứ nhất không có thể tướng; liền sinh chánh tín suy nghĩ pháp ấy để hiểu biết như thật. Đối với tha lực không sinh sự dính mắc, giả dối phân biệt thể tướng của các pháp, biết đó chỉ là tên sử dụng mà được danh; chỉ là tùy thuận tên sử dụng mà được danh, chỉ là tùy thuận tên sử dụng các phiền não ấy, mà được danh. Thế nên, các chúng sinh đó, có khả năng diệt các tướng tha lực nhân duyên, nương vào sức trí tuệ hiện pháp, cắt đứt tất cả nhân duyên vị lai. Thế nên, nương vào nhân duyên chánh kiến ấy, thì có khả năng lìa tất cả các hạnh hữu vi; nhàm chán, xa lìa các hạnh hữu vi rồi, sẽ được chánh giải thoát, xa lìa nghiệp nhiễm, phiền não nhiễm và sinh nhiễm.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Chúng sinh tánh Thanh văn, nương vào đạo này, nương vào pháp này mà được Niết-bàn Thanh văn. Chúng sinh tánh Duyên giác cũng lại như vậy. Nương vào đạo này, nương vào pháp này, mà được Niết-bàn Duyên giác. Chúng sinh tánh Phật thừa, cũng lại như vậy; nương vào đạo này, nương vào pháp này, mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thế nên, ta nói Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đều một đạo thanh tịnh.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Chỉ có một đạo thanh tịnh, chứ không có hai. Ý ta nương vào đó mà nói Nhất thừa.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nhưng trong cõi chúng sinh, chẳng phải không chủng chủng tánh, chúng sinh các căn nhu nhuyến trung thượng!

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Người tánh Thanh văn vắng lặng, tất cả chư Phật sẽ tận lực giáo hóa, nhưng không thể khiến họ, ngồi nơi đạo tràng, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Vì tự tánh của chúng sinh ấy, xưa nay yếu kém hạn hẹp, tâm Từ bi lại cạn cợt, luôn sợ hãi mọi khổ đau. Do Từ bi kém cỏi, cho nên không làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nếu chỉ sợ khổ, lìa các hạnh hữu vi, thì người ấy xa lìa lợi ích chúng sinh, xa lìa khả năng hóa độ nghiệp tội chúng sinh. Thế nên, ta nói, người ấy không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà chỉ là Thanh văn vắng lặng.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thanh văn phát tâm Bồ-đề, thì ta gọi người ấy là Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy, trước đã lìa chướng phiền não, được tuệ giải thoát; sau lìa trí chướng được tâm giải thoát. Bồ-tát ấy ban đầu đã được Như Lai giáo hóa, nương vào lợi ích của tự thân, mà được giải

thoát. Thế nên, ta nói người tánh Thanh văn ấy là Bồ-tát.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Trong pháp lành mà ta nói, trong pháp như ý, trong pháp Tỳ-ni, trong pháp lành thanh tịnh, trong pháp thanh tịnh không có sai lầm, nương vào đủ các pháp tánh mà nói đủ các pháp tướng.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thế nên, ý Như Lai là nương vào ba tướng pháp vô thể này, mà nói pháp Tu-đa-la bất liễu nghĩa. Đó là điều mà gọi là các pháp xưa nay không sinh, xưa nay không diệt, xưa nay vắng lặng, xưa nay Niết-bàn.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nếu có chúng sinh trồng tất cả căn lành tăng thượng, thanh tịnh được tôi nghiệp, thành tựu các căn, có nhiều lòng tin nơi chánh pháp, khéo tích tập tất cả căn lành trí tuệ. Các chúng sinh ấy nghe ta nói pháp, có khả năng biết đúng như thật. Các chúng sinh ấy, tin pháp của ta, tin nghĩa của ta, trí tuệ quán sát giác ngộ như thật; nương vào pháp chứng ấy, tùy thuận vào sức mà hành, mau chóng chứng đắc rốt ráo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả chúng sinh ấy, nương vào ta, đối với thân ta, sinh tâm cung kính tự nói ra: "Đây là Bậc Chánh Giác, biết tất cả pháp. Thế nên gọi là Ứng Cúng, Chánh Biến Tri."

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nếu có chúng sinh không trồng tất cả căn lành tăng thượng, không thể thanh tịnh tất cả tội nghiệp, không thể thuần thục tất cả thiện căn, ít có lòng tin chánh pháp, không có tâm tăng thượng, không có tích tập tạng công đức trí tuệ, trực tâm thể tánh, không thể quán sát pháp đúng pháp sai, pháp nào nên giữ, pháp nào nên bỏ. Nương vào sự nhận thức của tự tâm, rồi dính mắc vào đó, mà thực hành. Các chúng sinh ấy, tuy nghe ta nói pháp, nhưng lại không biết rằng ta nương vào ý nào mà nói. Các chúng sinh ấy, tin vào pháp của ta, cung kính pháp của ta và nói rằng: "Con tin vào Tu-đa-la mà chư Phật đã nói, tướng thật sâu xa, thật sâu xa; nương không tương ưng, khó thấy khó biết, không thể hiểu được hình tướng, không thể hiểu các vi tế và rất vi tế. Người sáng suốt cảnh giới trí tuệ, Như Lai nói các nghĩa Tu-đa-la, con không thể biết, im lặng tin theo, rồi nói Bồ-đề của chư Phật sâu xa! Thể tướng của các pháp cũng lại sâu xa, chỉ có Phật mới biết, chẳng phải cảnh giới của con. Chư Phật Như Lai, tùy theo mỗi mỗi lòng tin của chúng sinh, mà nói các pháp. Do các Đức Như Lai có vô lượng trí tuệ, sự hiểu biết như biển; còn cái biết của con, thì như nước đọng dấu chân bò." Thế nên, chúng sinh đối với Tu-đa-la, có khả năng chí tâm, thọ trì, ghi chép, chép rồi giữ gìn đọc tụng, cúng dường, truyền đạt cho mọi người tụng, thường tùy hỷ tụng cho người khác. Nhưng chúng sinh

ấy, không thể tu hành như thật. Do chưa biết được ý sâu xa của ta, do bất giác vậy.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Các chúng sinh ấy, nương vào nhân công đức trí tuệ tăng trưởng đầy đủ đó, cũng có thể khiến cho người tâm chưa thuần thục được thuần thục.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Lại có chúng sinh, trong cõi chúng sinh, không thể gieo trồng tất cả căn lành, cho đến không thể thành tựu sự nghiệp công đức trí tuệ, tâm không ngay thẳng, ý lại quanh co. Nhưng mà chúng sinh ấy, biết được pháp đúng pháp sai, cái nào nên giữ, cái nào nên bỏ, tự trí thấy được cái nào có thể giữ, cái nào có thể bỏ. Những chúng sinh ấy, nghe ta nói pháp sâu xa, không biết ý ta, thế nên không thể biết pháp như thật. Bởi không biết pháp như thật, cho nên không có khả năng hiểu biết tất cả các pháp. Nghe tiếng đã dính mắc, nghĩa cũng lại như vậy. Do đó, tất cả các chúng sinh ấy, đều nói: "Các pháp không có thể tướng, tất cả pháp xưa nay không sinh, xưa nay không diệt, xưa nay vắng lặng, tất cả pháp xưa nay Niết-bàn." Nhưng các chúng sinh lại nương vào cái nhân thấy đó, cho nên đối với các pháp, khởi lên tà kiến; không có các pháp tướng, rơi vào tà kiến, do thấy các pháp không không tướng. Bởi do thấy các pháp không không tướng, cho nên chê bai tất cả các pháp là không. Đó là tướng giả dối phân biệt, thể tướng của pháp nhân duyên, thể tướng của pháp Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nương vào thể tướng nhân duyên tha lực ấy, nương vào thể tướng Đệ nhất nghĩa đế, có tướng danh tự.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nếu chúng sinh thấy thể tướng nhân duyên, tướng Đệ nhất nghĩa mà nói là vô tướng, thì chúng sinh ấy, chê bai giả danh tướng danh tự. Thế nên, ta nói các chúng sinh ấy chê bai ba tướng.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Các chúng sinh ấy, đối với không pháp, khởi lên pháp tướng; đối với vô nghĩa sinh nghĩa tướng, không pháp nương pháp để gìn giữ, không nghĩa nương nghĩa để giữ gìn.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Các chúng sinh ấy, nương vào ta, mà tin pháp, làm tăng trưởng pháp lành, nhưng lại cho phi nghĩa là nghĩa trí, không tăng trưởng. Người mà trí không tăng trưởng thì lìa các pháp lành. Chúng sinh nghe pháp nắm giữ phi pháp mà cho là pháp, phi nghĩa mà cho là nghĩa, tức rơi vào tà kiến. Chúng sinh ấy ôm giữ không pháp cho là pháp tướng, vô nghĩa cho là nghĩa tướng. Bởi do ôm giữ không pháp cho là pháp, phi nghĩa cho là nghĩa tướng, cho nên các chúng sinh đó, đã nương vào nhận thức sai lầm nên lìa các pháp lành.

Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa nên biết! Lại có chúng sinh nghe pháp sai lệch của người tà kiến; họ cho rằng các pháp là vô thể, không sinh, không diệt, vắng lặng, Niết-bàn, nên sợ hãi kinh hoàng mà nói: "Đây chẳng phải lời Phật nói, mà là ma nói." Thế nên, các chúng sinh tà kiến đó, chê bai các Tu-đa-la, lừa dối Tu-đa-la, hủy phá các Tu-đa-la, nói đó chẳng phải pháp. Các chúng sinh này, do chê bai pháp, nên mắc vô lượng tội, phải gánh lấy vô lượng nghiệp tội cực ác.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thế nên, ta nói chúng sinh chê bai chánh pháp, thấy không có các pháp, cũng không có nghĩa, nương nghĩa đó mà nói pháp, thì phải chịu vô lượng tội nghiệp cực ác, nhưng cũng khiến cho vô lượng chúng sinh sinh nhiều tội nghiệp.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Nếu có chúng sinh, không trồng các căn lành, không thanh tịnh tội nghiệp, không thuần thục thân nghiệp, ít có lòng tin nơi chánh pháp, không có khả năng tích tập công đức trí tuệ, tâm không ngay thẳng, không tùy thuận tâm ngay thẳng; nhưng lại nương vào cái nhận thức tà trí của chính mình, mà phân biệt pháp đúng, pháp sai, pháp này có thể giữ, pháp này có thể bỏ. Các chúng sinh ấy tuy nghe pháp ta, nhưng không hiểu ý ta, không sinh lòng tin, cũng lại không có khả năng biết như thật ý ta nói. Thế nên, các chúng sinh ấy, đối với phi pháp, lại tưởng là chánh pháp; đối với phi nghĩa, lại tưởng là nghĩa; dính mắc phi pháp tưởng là chánh pháp, dính mắc phi nghĩa tưởng là chánh nghĩa. Lại còn nói: "Đây chẳng phải lời Phật nói ra, mà là ma nói." Những chúng sinh ấy là tà trí nên mới hiểu như vậy. Từ đó sinh ra chê bai các pháp, không thuận các pháp, hủy hoại các pháp, coi thường luận pháp, đối với chánh pháp gá thêm tà pháp. Như thế là diệt Tu-đa-la, là hoại Tu-đa-la, là không thực hành Tu-đa-la, là không nói Tu-đa-la, đối với người tin Tu-đa-la lại sinh ý tưởng oan gia. Các chúng sinh ấy, có vô lượng nghiệp chướng nặng. Lại nhân cơ hội chê bai pháp rồi lại chê bai người. Do vậy, càng tăng trưởng vô lượng tội chướng. Cội rễ tội chướng ấy, không bao giờ nói hết; huống chi là tội hủy báng chánh pháp, sẽ đọa vào địa ngục lớn không có kỳ ra, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp. Số năm ấy nói mãi cũng không thể hết.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ta nay khéo nói các pháp như vậy; khéo khai thị, khéo thanh tịnh, khéo nói về mỗi mỗi lòng tin sai khác, mỗi mỗi nhận thức sai khác của chúng sinh như vậy.

Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

Không pháp thể không sinh

Vốn vắng lặng không diệt
Pháp tự tánh Niết-bàn
Thế nên ta nói thường.
Ba thứ không thể tướng
Đệ nhất nghĩa không thể
Nếu hay biết ý ta
Là người được giải thoát.
Hướng đến pháp nhất đạo
Các chúng sinh giải thoát
Thế nên pháp Nhất thừa
Tùy nghe nói sai biệt.
Các chúng sinh vô lượng
Là thân cầu Niết-bàn
Như Lai rất hiếm có
An ổn các chúng sinh.
Nếu chứng pháp vô lậu
Tướng bình đẳng không hai
Thành tựu nghĩa chư Phật
Người ấy lìa phiền não.

Khi ấy, Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa bạch Đức Phật:

–Thật hiếm có! Bạch Thế Tôn! Chưa từng có, chưa từng nghe! Lời dạy của Như Lai vi tế, cực vi tế như vậy, sâu xa rất sâu xa, khó giác ngộ, thật khó giác ngộ! Ý hướng của chư Phật Như Lai khó biết.

Bạch Thế Tôn! Con biết nghĩa ý mà Như Lai đã nói; đó là cảnh giới phân biệt, nó nương vào đó mà phân biệt hành tướng hữu vi; đối với danh tự, nói sắc ấm là tướng tự thể, tướng danh là thắng tướng. Đó là sắc ấm sinh, sắc ấm diệt, lìa sắc ấm, biết sắc ấm. Thế nên, Như Lai nương vào pháp tướng ấy, nói các pháp đó là không có thể tướng.

Bạch Thế Tôn! Cảnh giới phân biệt ấy, nương vào cảnh giới phân biệt hành tướng là tha lực tướng. Thế nên, Như Lai nương vào pháp ấy, mà nói các pháp không sinh, các pháp không thể, cũng nương vào pháp ấy, mà nói Đệ nhất nghĩa, là không thể tướng.

Bạch Thế Tôn! Con biết nghĩa mà Đức Như Lai nói pháp, tức là nương vào cảnh giới phân biệt; giả dối phân biệt hành tướng hữu vi, tức là tướng giả dối phân biệt ấy. Không có tướng như vậy, tức là không thể tướng ấy. Pháp không thể tướng là vô ngã, là tướng chân như thanh tịnh quán, là Đệ nhất nghĩa. Thế nên, Đức Như Lai nương vào Đệ nhất nghĩa, nói các

pháp ấy, là không thể tướng. Như một sắc ấm, nhiều ấm cũng vậy. Như vậy, mười hai nhập, mười tám giới, mỗi mỗi nhập, tất cả pháp cũng đều như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con biết nghĩa của pháp mà Đức Như Lai đã nói. Nào là trong cảnh giới phân biệt, giả dối phân biệt những hành tướng hữu vi. Nào là Khổ đế, biết Khổ đế nương vào danh tự, nói tự thể tướng thắng tướng, giả dối phân biệt. Như Lai nương vào đó nói, các pháp không có thể tướng.

Bạch Thế Tôn! Tướng cảnh giới phân biệt ấy, chỉ nương vào hành tướng phân biệt hữu vi, gọi là tướng nhân duyên.

Bạch Thế Tôn! Thế nên, con nói, con biết nghĩa của pháp mà Đức Như Lai đã nói. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Tức là cảnh giới phân biệt, các tướng phân biệt, nó chỉ nương vào hành tướng giả dối mà sinh. Nhưng hành tướng giả dối phân biệt ấy, không có thể như vậy, không có tướng như vậy, đó là pháp vô ngã, chân như thanh tịnh, xem xét và gọi là Đệ nhất nghĩa. Cho nên, Đức Như Lai nương vào pháp ấy, nói Đệ nhất nghĩa là không có thể tướng.

Bạch Thế Tôn! Như Khổ đế, các đế khác cũng lại như vây. Như thế, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần, tám Thánh đạo; nói tóm lại, tất cả các pháp cũng lại như vây.

Bạch Thế Tôn! Con biết nghĩa của pháp mà Đức Như Lai đã nói, đối với cảnh giới phân biệt, nương vào giả dối phân biệt các hành tướng hữu vi. Chánh giác Tam-muội đối trị, đối trị sinh chánh Tam-muội. Sinh Tam-muội rồi, lại nắm giữ không quên, không mất, tu hành tăng trưởng, danh tự sở thuyết pháp tướng, thắng tướng, là phân biệt tướng. Thế nên, Đức Như Lai nương vào pháp tướng ấy, mà nói các pháp không có thể tướng.

Bạch Thế Tôn! Cảnh giới phân biệt ấy, nương vào tha lực. Nhân duyên hành tướng là tướng tha lực. Thế nên, Đức Như Lai nương vào pháp tướng ấy, nói các pháp không có thể tướng, cũng nói Đệ nhất nghĩa không có thể tướng.

Bạch Thế Tôn! Con biết Thế Tôn đã nói nghĩa tướng, tức là cảnh giới danh tự phân biệt; nương vào hành tướng danh tự phân biệt, thì sự phân biệt ấy không có tướng như vậy; không tướng, tức là không tướng thể. không thể pháp, là vô ngã, là quán tướng chân như thanh tịnh, tức là Đệ nhất nghĩa. Thế nên, Đức Như Lai nói các pháp, không có thể tướng là tướng Đệ nhất nghĩa.

Bạch Thế Tôn! Ví như cây cỏ thuốc Tỳ-thư-bà, nó nhiễm vào trong

các cây thuốc khác và cả trong thức ăn.

Bạch Thế Tôn! Như Lai nói pháp cũng lại như vậy. Các pháp không thể tướng, các pháp không sinh, các pháp không diệt, các pháp vắng lặng, các pháp tự tánh Niết-bàn. Nói hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la phải đặt nó vào trong tất cả không hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la.

Bạch Thế Tôn! Ví như vẽ xuống đất mỗi một tướng với các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, thì sẽ có khả năng phân biệt rõ mỗi một tướng được vẽ.

Bạch Thế Tôn! Như Lai nói pháp, cũng lại như vậy. Các pháp không thể tướng, không sinh, không diệt, vắng lặng, tự tánh Niết-bàn. Hiểu rõ nghĩa của những lời chỉ giáo, đặt vào trong tất cả cái không hiểu rõ nghĩa, thành tướng nhất vị, cũng có thể hiểu khác cái không hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la... danh tự ấy.

Bạch Thế Tôn! Ví như các món ăn, nếu đặt trong sinh tô, thì nó càng tăng thêm thượng vị. Đức Phật nói pháp này, cũng lại như vậy. Nương vào tất cả pháp không có thể tướng, không sinh, không diệt, vắng lặng, tự tánh Niết-bàn. Nói hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la này, đặt vào trong tất cả cái không hiểu rõ nghĩa, có khả năng làm cho sự vui vẻ hớn hở tăng trưởng.

Bạch Thế Tôn! Ví như hư không, nhất thiết xứ... đối với tất cả mỗi loại tạo nghiệp không có chướng ngại, thảy đều thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Như Lai cũng vậy, nói các pháp không có thể tướng, các pháp không sinh, các pháp không diệt, các pháp vắng lặng, tự tánh các pháp là Niết-bàn. Nói hiểu rõ nghĩa kinh, đối với tất cả là không hiểu rõ nghĩa kinh, thảy đồng một vị. Thành tựu cho tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật; Đại thừa tu hành, cũng không bị chướng ngại.

Lúc đó, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa:

–Hay thay! Hay thay! Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa!

Rồi khen tiếp:

–Hay thay! Hay thay! Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ông có khả năng biết đúng như thật, về ý nghĩa của chư Phật Như Lai khi nói pháp. Ông nay khéo nói các nghĩa thí dụ này: Như cây cỏ thuốc Tỳ-thư-bà, như vẽ đất, như đặt thức ăn vào trong sinh tô, như hư không... như các dụ trên…

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Đúng vậy! Đúng vậy! Thật đúng như lời ông nói! Ông nói không sai khác, cứ nên thọ trì như vậy.

Lúc đó, Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lúc Như Lai mới thành Ứng Cúng Chánh Đẳng

Giác, tại vườn Tiên nhân tập, thuộc thành Ba-la-nại, đó là chỗ của các cầm thú dạo chơi, vì các vị tu hành hạnh Thanh văn; lần thứ nhất chuyển xe pháp Tứ đế hiếm có. Tất cả Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian; Trời, Người, Ma, Phạm đều không thể chuyển. Nếu ai có khả năng chuyển y pháp tương ưng, thì không thể có!

–Bạch Thế Tôn! Chuyển xe pháp lần thứ hai này, nói tướng thượng pháp, có thể nhập vào pháp tướng, phân biệt các "bất liễu nghĩa" Tu-đa-la ấy. Vì các chúng sinh trụ Đại thừa mà nói các pháp không có thể tướng, các pháp không sinh, các pháp không diệt, các pháp vắng lặng, các pháp tự tánh Niết-bàn. Trong cái hiếm có lại thêm hiếm có.

–Bạch Thế Tôn! Chuyển xe pháp lần thứ ba; vì tất cả chúng sinh trụ Đại thừa, nói các pháp không thể tướng, không sinh, không diệt, vắng lặng, tự tánh Niết-bàn; khéo nói tướng sai biệt hiếm có của bốn Đế, thật là hiếm có! Không ai có khả năng ngộ nhập, không ai có khả năng đối đáp, không ai có khả năng tranh luận không có gì sánh bằng, không có gì cao tột hơn, hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la, không còn chỗ bàn luận.

Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa lại tiếp tục bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào, nghe Như Lai nói, các pháp xưa nay không thể tướng, xưa nay không sinh, xưa nay không diệt, xưa nay vắng lặng, xưa nay tự tánh Niết-bàn; có lòng tin chân chánh, ghi chép rồi thọ trì, cúng dường, ban bố cho mọi người. Lại tự nói, tự tụng, tự đọc, tu hành tùy hỷ. Như thế thì thiện nam, thiện nữ ấy, sẽ có được bao nhiêu công đức?

Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa vừa thưa xong, Đức Phật liền bảo:

–Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Thiện nam, thiện nữ ấy thành tựu vô lượng a-tăng-kỳ công đức.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Công đức của thiện nam, thiện nữ ấy, không thể thí dụ được, huống gì là nói. Nói tóm lại, chỉ nêu ra một phần nhỏ nào thôi.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ví như đất trên đầu móng tay, so với đất của đại địa; trăm phần không bằng một, ca-la phần không bằng một, ưu-ba-ni-sa-đà phần không bằng một, cho đến tính đếm thí dụ cũng không thể bằng một.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ví như đem nước có dưới dấu chân bò, so với biển cả, trăm phần không bằng một, ca-la phần không bằng một, ưu-ba-ni-sa-đà phần không bằng một, cho đến tính đếm thí dụ cũng không bằng một.

Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Ta nói như vầy: Tin không hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la, cho đến tu hành không hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la, công đức có được, cũng nương vào đó mà nói về hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la; đối với lòng tin, cho đến tu hành đều đạt được công đức; thọ trì đọc tụng, không hiểu rõ nghĩa Tu-đa-la ấy, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, vạn phần không bằng một, ca-la phần không bằng một, ưu-ba-ni-sa-đà phần không bằng một, cho đến tính đếm thí dụ cũng không thể biết.

Bấy giờ, Bồ-tát Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa bạch:

–Bạch Thế Tôn! Pháp môn Tu-đa-la bí mật sâu xa giải thoát này, tên gọi là gì và phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo:

–Này Thành Tựu Đệ Nhất Nghĩa! Pháp môn này tên là: "Đệ nhất nghĩa liễu nghĩa Tu-đa-la." Ông nên như vậy thọ trì.

Đức Phật nói pháp môn này, có sáu ngàn chúng sinh, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; có ba trăm ngàn Thanh văn xa lìa trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Lại có năm trăm ngàn Thanh văn được tâm vô lậu giải thoát. Bảy vạn năm ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn.

-oOo-

KINH THÂM MẬT GIẢI THOÁT

QUYỂN 3

Phẩm 9: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT DI-LẶC THƯA HỎI (Phần 1)

Khi ấy, Thánh giả Đại Bồ-tát Di-lặc nương vào Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na (Chỉ Quán), sở nhiếp pháp tướng, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nương vào pháp nào, nắm giữ pháp nào, ở trong Đại thừa tu hạnh Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Di-lặc! Nương vào tướng sai biệt để nói các pháp và có khả năng giữ vững tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Di-lặc! Như ta đã nói bốn quán pháp. Bồ-tát nương vào bốn pháp quán ấy mà tu hạnh Đại thừa Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Bốn pháp quán ấy là:

1. Phân biệt quán.
2. Vô phân biệt quán.
3. Sự biệt.
4. Việc làm thành tựu.

Bồ-tát Di-lặc thưa hỏi Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu loại Xa-ma-tha quán?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Chỉ có một Xa-ma-tha quán. Đó là vô phân biệt quán.

Bồ-tát Di-lặc lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu Tỳ-bà-xá-na quán?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Chỉ có một thứ là sai biệt quán.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu gọi là hướng đến hai quán?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Có hai thứ:

1. Sự biệt.

2. Sự hoặc tựu.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát nương vào bốn pháp tu hạnh Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na quán, khéo biết Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta đã nói pháp tướng sai biệt, cho các Bồ-tát. Đó là Tu-đà-la, Kỳ-dạ, Hòa-già-la, Na-già-tha, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-bà-đà-na, Y-đế-ưu-đa-già, Xà-đa-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đàn-ma, Ưu-bà-đề-xá.

Này Di-lặc! Tất cả Bồ-tát đối với các Tu-đa-la như vậy, phải khéo lắng nghe, miệng thường khéo tụng, tâm thường khéo biết, trí thường khéo quán, tuệ giác như thật.

Này Di-lặc! Các Bồ-tát đã khéo suy nghĩ Tu-đa-la rồi, nên ngồi ở chỗ vắng lặng mà quán sát. Quán sát tâm ấy bên trong luôn tùy thuận. Quán sát tâm như vậy, không cắt đứt tâm như vậy, thì Bồ-tát ấy, thân được vui và tâm cũng được vui.

Này Di-lặc! Đây là ta nói pháp tu hạnh Xa-ma-tha của Bồ-tát. Thân tâm của Bồ-tát ấy đã vui mừng rồi, thì nương vào thân tâm vui ấy, mà quán pháp đã được nói ra. Như vừa rồi, suy nghĩ tất cả các pháp, trong tâm quán sát cảnh tượng thế giới Tam-muội, để có khả năng tin các pháp, lìa hẳn sự suy nghĩ.

Này Di-lặc! Các Bồ-tát quán cảnh tượng Tam-muội như vậy, thì có thể biết nghĩa ấy, dò xét suy nghĩ, nhẫn mong được thấy ý hiểu biết được hiện tiền.

Này Di-lặc! Ta nói, các Bồ-tát tu hành Tỳ-bà-xá-na là như vậy. các Bồ-tát cũng nên biết như vậy về Tỳ-bà-xá-na.

Lúc đó, Thánh giả Bồ-tát Di-lặc, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát trong tâm chưa được quán cảnh tượng, chưa được thân vui; chưa được tâm vui, Đức Phật nói quán, gọi là những quán gì?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Chẳng phải là Xa-ma-tha, mà là tùy thuận Xa-ma-tha. Thế nên, ta nói đó là tùy thuận tín Xa-ma-tha.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chưa được tâm vui, thân vui, trong thân quán cảnh giới Tam-muội, suy nghĩ về pháp ấy, tâm quán như vậy; Đức Phật

nói, quán ấy là những quán gì?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta nói quán ấy chẳng phải là Tỳ-bà-xá-na, mà gọi là tùy thuận tín Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nói hạnh Xa-ma-tha, hạnh Tỳ-bà-xá-na, là một hay là khác?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta nói chẳng phải khác, chẳng phải không khác.

Này Di-lặc! Vì nghĩa gì ta nói không khác? Vì quán Tỳ-bà-xá-na, không lìa Xa-ma-tha. Thế nên không khác.

Này Di-lặc! Vì nghĩa gì ta nói là khác? Vì quán phân biệt, cảnh tượng phân biệt. Thế nên là khác.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cảnh giới Tam-muội Tỳ-bà-xá-na là khác tâm ấy hay là không khác tâm ấy?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta nói không khác. Nghĩa thế nào là không khác? Chỉ là tâm quán cảnh tượng ấy. Vì sao? Vì ta nói chỉ là tâm ý thức quán được danh.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu cảnh tượng của tâm ấy, không khác đối với tâm, thì sao gọi là tâm có thể quán tâm?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nơi ấy không có một pháp, có thể quán một pháp, nhưng tâm ấy sinh thì thấy ngay như vậy.

Này Di-lặc! Ví như gương sáng; nếu có cảnh tượng đối diện, thì thấy được cảnh tượng. Nhưng không khởi tâm, ta vẫn thấy cảnh tượng, nương vào cảnh tượng đó mà thấy ngay cảnh tượng. Này Di-lặc! Như tâm sinh ấy không lìa nơi tâm, lìa tâm thấy cảnh, cảnh tượng Tam-muội ấy thấy ngay cảnh giới.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cảnh giới mà tất cả chúng sinh có được sắc của tâm pháp, là khác tâm hay không khác tâm?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Không khác tâm. Nhưng vì phàm phu ôm giữ trí điên đảo, không thể biết được đó chỉ là tâm pháp. Do không biết như thật các loại cảnh tượng ấy ôm giữ điên đảo, cho là pháp điên đảo.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát nhất hướng tu hành Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát tùy thuận quán tâm tướng ấy không dứt. Như vậy là Bồ-tát nhất hướng tu hành Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát nhất hướng quán pháp Xa-ma-tha ấy?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát tùy thuận quán tâm tướng ấy không dứt, thì đó là Bồ-tát nhất hướng quán pháp Xa-ma-tha ấy.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát nhất thời tu hành hai pháp hòa hợp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát quán tâm nhất tâm, thì đó là Bồ-tát nhất thời tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là tâm tướng?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Đó là phân biệt cảnh tượng của cảnh giới Tam-muội, quán Tỳ-bà-xá-na. Đó gọi là tâm tướng.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tâm không gián đoạn?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Là quán tượng tâm Xa-ma-tha quán. Đó gọi là tâm không gián đoạn.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tâm, nói là nhất tâm?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Là quán cảnh tượng Tam-muội ấy, để hiểu biết tâm này. Hiểu biết tâm này rồi, tu quán chân như.

Này Di-lặc! Đó gọi là nhất tâm.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hạnh Tỳ-bà-xá-na có bao nhiêu thứ?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Tỳ-bà-xá-na có ba thứ:

1. Tướng.

2. Tu hành.

3. Quán.

Này Di-lặc! Thế nào là tướng Tỳ-bà-xá-na? Nghĩa là Chỉ Quán cảnh giới Tam-muội, phân biệt cảnh tượng. Đó gọi là tướng Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Thế nào là tu hành Tỳ-bà-xá-na? Nghĩa là trí tuệ khéo thấy được đây đó pháp tướng. Đó gọi là tu hành Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Thế nào là quán Tỳ-bà-xá-na? Nghĩa là trong mỗi pháp đây đó ấy, trí tuệ khéo quán đây đó pháp tướng, nhưng không chứng được giải thoát vắng lặng ấy.

Này Di-lặc! Đó gọi là khéo quán sát tu hành Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hạnh Xa-ma-tha có bao nhiêu thứ?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Căn cứ theo pháp, trước sau có ba thứ, cũng nên biết như vậy.

Lại nữa, này Di-lặc! Xa-ma-tha có tám thứ:

1. Sơ thiền Xa-ma-tha.

2. Nhị thiền.

3. Tam thiền.

4. Tứ thiền như vậy.

5. Vô biên không xứ.

6. Vô biên thức xứ.

7. Kiến thiểu xứ.

8. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, này Di-lặc! Cũng có bốn loại Xa-ma-tha:

1. Từ Xa-ma-tha.

2. Bi Xa-ma-tha.

3. Hỷ Xa-ma-tha.

4. Xả Xa-ma-tha.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Đức Thế Tôn nói, nương tựa vào Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, hay không nương tựa vào Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Bạch Thế Tôn! Thế nào là nương tựa pháp, thế nào là không nương pháp?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Như pháp đã nghe, tùy thuận pháp tướng.

Này Di-lặc! Đó gọi là nương tựa pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Lìa pháp đã nghe, suy nghĩ giữ pháp, nương theo lời dạy của người khác, mà quán nghĩa Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Nghĩa là, quán các tướng xanh, vàng, đỏ, trắng, hôi thối rã ra. Tất cả hữu hành đều là vô thường, khổ; tất cả pháp đều là vô ngã, tất cả pháp đều là vắng lặng, tất cả pháp đều là Niết-bàn. Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na... cũng đều như vậy.

Này Di-lặc! Đó gọi là pháp không nương tựa Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Di-lặc nên biết! Điều mà gọi là nương tựa pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na là do ta vì lợi căn các Bồ-tát, mà tùy thuận pháp tướng nói ra như vậy.

Này Di-lặc! Không nương pháp để tùy thuận lời dạy của người khác, nhưng ta vì Bồ-tát căn cơ còn yếu mà nói ra như vậy thôi.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Đức Thế Tôn nói, có sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, hay không có sai biệt quán Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Bạch Thế Tôn! Thế nào là sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na? Thế nào là không sai biệt quán Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát cứ nhất nhất quán các pháp Tu-đa-la, nắm bắt những gì đã nghe, suy nghĩ các pháp, tu hạnh Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Đó gọi là sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát tu các pháp Tu-đa-la, mà hành trì từng đoạn, từng phần, từng tụ, suy nghĩ tất cả pháp như vậy, tùy thuận chân như, thuận theo chân như, tùy hướng chân như. Tùy thuận chân như ấy, là tùy thuận Bồ-đề, tùy thuận Niết-bàn, tùy tâm thức chuyển, tùy thuận pháp ấy, tùy hướng pháp ấy, có khả năng biết như thật vô lượng a-tăng-kỳ các tướng pháp lành.

Này Di-lặc! Đây gọi là không sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói: Thiểu tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na; đại tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Bạch Thế Tôn! Thế nào là thiểu tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na? Thế nào là đại tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na? Thế nào là vô lượng tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát sai biệt quán từng mỗi một Tu-đa-la, cho đến Ưu-ba-đề-xá, suy nghĩ từng đoạn.

Này Di-lặc! Đó gọi là thiểu tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát thực hành Tu-đa-la... không sai biệt suy nghĩ từng đoạn.

Này Di-lặc! Đó gọi là đại tướng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát, chư Phật, Như Lai nói vô lượng pháp, vô lượng danh tự, vô lượng câu sách, vô lượng thượng thượng trí tuệ, nhạo thuyết biện tài, suy nghĩ từng đoạn.

Này Di-lặc! Đó gọi là vô lượng sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát chứng đắc sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Có năm cách để quán pháp ấy. Những gì là năm? Đó là:

1. Suy nghĩ Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, từng niệm diệt tất cả phiền não.

2. Thân lìa các tướng, đạt được pháp lạc.

3. Biết như thật mười phương vô lượng không ngằn mé.

4. Biết ánh sáng pháp vô lượng, việc làm thành tựu tương ưng phần thanh tịnh, tướng không phân biệt hiện tiền.

5. Vì được thành tựu Pháp thân, chứng được nhân tối thượng tối thắng.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có cách nào, để tùy thuận tu hành, sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na? Cách nào chứng được sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Đại Bồ-tát ở bậc Sơ địa Hoan hỷ, đã tùy thuận chứng được một ít. Ở Địa thứ ba Quang minh Bồ-tát sẽ khéo chứng đắc. Di-lặc nên biết! Bồ-tát mới học, cũng phải tu hạnh sai biệt quán pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, học tập suy nghĩ không dừng nghỉ.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na có giác có quán Tam-muội? Thế nào là không giác có quán Tam-muội? Thế nào là không giác không quán Tam-muội?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát nhiếp thọ các pháp theo những gì đã nghe, đối với tất cả tướng pháp giác quán, tùy thuận thô tế, thì có thể sinh pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Đó gọi là có giác có quán Tam-muội.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát đối với pháp tướng ấy, không hiểu rõ tường tận tướng thô tế, tùy thuận pháp ấy mà tu hành, chứng đắc được pháp Quang minh chánh niệm tâm, tùy thuận tinh tế việc xem xét kỹ Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Đó gọi là không giác có quán Tam-muội.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát xa lìa tất cả tướng, tự nhiên tùy thuận pháp, suy nghĩ xem xét kỹ Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Đó gọi là không giác không quán Tam-muội.

Lại nữa, này Di-lặc! Mới bắt đầu tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Đó gọi là có giác có quán Tam-muội.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát quán tất cả pháp, thì đó gọi là không giác thiểu quán Tam-muội.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát quán pháp không sai biệt Tam-muội, thì đó gọi là không giác không quán Tam-muội.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng Xa-ma-tha? Thế nào là nắm giữ tướng Xa-ma-tha? Thế nào là bỏ tướng Xa-ma-tha?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát tâm dao động, tâm nghi hoặc, tâm sinh sợ hãi hoặc muốn xa lìa, suy nghĩ các pháp mà không cắt đứt. Đó gọi là tướng Xa-ma-tha.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát tâm chìm đắm, tướng nghi ngờ chìm đắm, suy nghĩ về pháp, sinh tâm vui vẻ. Đó gọi là giữ tướng Xa-ma-tha.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát hướng thẳng đến đạo Xa-ma-tha, hướng thẳng đến đạo Tỳ-bà-xá-na, quán cả hai pháp ấy mà tâm không nhiễm phiền não, suy nghĩ tự nhiên; tự nhiên, tùy thuận tu hành theo pháp ấy. Đó gọi là bỏ tướng Xa-ma-tha.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn dạy, Bồ-tát tu hành pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, biết pháp như thật, biết nghĩa như thật.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát biết pháp, biết nghĩa?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát biết năm cách quán pháp, thì được gọi là biết pháp như thật. Những gì là năm?

1. Tên gọi.

2. Câu.

3. Chữ.

4. Sai biệt.

5. Đồng.

Này Di-lặc! Thế nào là tên gọi? Nghĩa là đối với pháp nhiễm, pháp tịnh, xem xét tự thể tướng nói pháp tướng. Này Di-lặc! Đó gọi là tên gọi.

Này Di-lặc! Thế nào gọi là câu? Nghĩa là pháp ấy có đủ các danh tướng, tích tụ pháp nhiễm, pháp tịnh là tên gọi, nương vào nắm giữ mà dùng. Đó gọi là câu.

Này Di-lặc! Thế nào là chữ? Nghĩa là tên gọi câu ấy, nương vào tên gọi một pháp. Đó gọi là chữ.

Này Di-lặc! Thế nào là sai biệt? Nghĩa là nhất nhất các pháp sai biệt đều phải quán. Đó gọi là sai biệt.

Này Di-lặc! Thế nào là đồng? Nghĩa là quán pháp không sai biệt. Đó gọi là đồng.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát quán như vậy, thì gọi là biết pháp như thật.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát quán nghĩa? Bồ-tát quán nghĩa có mười

thứ.

1. Tu hành ứng hợp với trình độ.

2. Tu hành đạt đến chỗ rốt ráo.

3. Biết có khả năng nắm giữ nghĩa.

4. Biết có thể nắm bắt nghĩa.

5. Biết gìn giữ nghĩa.

6. Biết thọ dụng nghĩa.

7. Biết nghĩa điên đảo.

8. Biết nghĩa không điên đảo.

9. Biết nghĩa nhiễm.

10. Biết nghĩa tịnh.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát ở trong pháp nhiễm, pháp tịnh, tu hành tất cả các thứ sai biệt. Nghĩa là ấm có năm loại số, nội nhập có sáu loại số, ngoại nhập có sáu loại số, tu hành sai biệt như vậy. Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát tu hành ứng hợp với trình độ.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát ở trong pháp nhiễm, tịnh, biết như thật về chân như. Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát tu hành đạt đến chỗ rốt ráo.

Lại nữa, này Di-lặc! Chân như có bảy thứ. Nghĩa là vô thủy hữu vi hành tướng chân như. Tướng chân như là ngã không pháp không. Duy thức chân như là biết hành hữu vi chỉ là tâm. Dính mắc chân như là ta nói Khổ đế. Tà hạnh chân như là ta nói Tập đế. Thanh tịnh chân như là ta nói Diệt đế. Chánh tu hành chân như là ta nói Đạo đế.

Này Di-lặc! Hành tướng chân như, dính mắc chân như, tà hạnh chân như; ba chân như này, tất cả chúng sinh đều bình đẳng, không sai khác.

Này Di-lặc! Tướng chân như, duy thức chân như; hai chân như này, tất cả pháp đều bình đẳng, không sai khác.

Này Di-lặc! Thanh tịnh chân như, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều bình đẳng, không sai khác.

Này Di-lặc! Tu hành chân như, như nghe pháp vi diệu, sai biệt quán Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, thu giữ trí tuệ bình đẳng, không sai khác.

Này Di-lặc! Bồ-tát có khả năng giữ nghĩa, đó là năm thứ nhập tướng và tâm ý, ý thức, tâm số pháp. Đó gọi là có khả năng giữ nghĩa.

Này Di-lặc! Có thể giữ nghĩa, đó là sáu nhập bên ngoài.

Này Di-lặc! Người hay giữ nghĩa, tức có thể giữ nghĩa. Đó gọi là biết giữ, có khả năng giữ nghĩa.

Này Di-lặc! Bồ-tát biết giữ gìn nghĩa, là thế giới trụ xứ của chúng sinh, nương vào trụ xứ ấy, có thể thấy chúng sinh. Đó là xóm, làng, ruộng, đất; trăm xóm làng đất đai, ngàn xóm làng đất đai, ngàn vạn xóm làng đất đai, thì gọi là tận bờ cõi biển cả. Trăm ngàn, trăm ngàn Diêm-phù-đề, trăm ngàn, trăm ngàn vạn, thì gọi một ngàn thế giới. Gấp trăm lần một ngàn thế giới, gấp trăm ngàn lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần, thì gọi là hai ngàn trung thế giới. Gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần hai ngàn trung thế giới, thì gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Gấp trăm lần tam thiên đại thiên thế giới, lại gấp ngàn lần, gấp ngàn lần ấy, lại gấp trăm ngàn vạn lần, gấp trăm ngàn vạn lần ấy, thì gọi là một ức. Gấp trăm lần một ức, gấp trăm lần, lại ngàn lần, gấp ngàn lần lại một ức, một ức lại ngàn ức, lại trăm ngàn ức thì gọi là một a-tăng-kỳ. Trăm ức, ngàn ức, ngàn ức, trăm ngàn ức, trăm ngàn ức a-tăng-kỳ, a-tăng-kỳ, trăm a-tăng-kỳ, trăm a-tăng-kỳ, ngàn a-tăng-kỳ, trăm ngàn a-tăng-kỳ, trăm ngàn vạn tam thiên đại thiên, trăm ngàn vạn a-tăng-kỳ thế giới, trăm ngàn vạn số vi trần, mười phương thế giới, vô lượng thế giới.

Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát biết giữ gìn nghĩa.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết nghĩa tư sinh? Nghĩa là ta vì chúng sinh nói đủ các thứ vật dụng riêng tư cần cho đời sống.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết nghĩa điên đảo? Nghĩa là nắm giữ sự thọ dụng ấy. Đối với nghĩa vô thường, lại sinh tướng luôn điên đảo, tướng tâm điên đảo, tướng thấy điên đảo; đối với khổ, sinh tướng vui điên đảo; đối với cái không sạch sinh tướng sạch điên đảo; đối với không ngã, sinh tướng ngã điên đảo, tâm tướng tâm điên đảo, tướng thấy điên đảo.

Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát biết nghĩa điên đảo.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết không phải nghĩa điên đảo?

Này Di-lặc! Là xa lìa bốn điên đảo ấy. Đó là Bồ-tát biết không phải nghĩa điên đảo.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết nghĩa nhiễm tướng?

Này Di-lặc! Ở trong ba cõi, có ba thứ nhiễm tướng là phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm và sinh nhiễm.

Này Di-lặc! Đó là Bồ-tát biết nghĩa nhiễm.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết nghĩa tịnh?

Này Di-lặc! Là xa lìa ba thứ nhiễm ấy, tu hành pháp Bồ-đề phần.

Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát biết nghĩa nhiễm tịnh.

Này Di-lặc! Mười nghĩa này tóm thâu tất cả nghĩa.

Di-lặc nên biết! Đó gọi là Bồ-tát biết nghĩa tướng như thật.

Lại nữa, này Di-lặc! Nếu Bồ-tát biết năm pháp, thì Bồ-tát ấy, được gọi là khéo biết nghĩa. Những gì là năm?

1. Có thể biết cảnh giới.

2. Có thể biết nghĩa.

3. Biết pháp.

4. Nương vào sự hiểu biết mà chứng quả.

5. Thọ pháp như thật.

Này Di-lặc! Thế nào là có thể biết cảnh giới?

Này Di-lặc! Tất cả cảnh giới đó là năm ấm, các nhập bên trong và các nhập bên ngoài. Đó gọi là biết cảnh giới.

Này Di-lặc! Thế nào là có thể biết nghĩa?

Này Di-lặc! Có vô lượng cách quán để biết pháp ấy như thật. Đó là thế đế, Đệ nhất nghĩa đế, pháp công đức, pháp lỗi lầm, pháp nhân duyên, pháp ba đời, pháp sinh, pháp trụ, pháp diệt, các pháp bệnh... pháp khổ tập... pháp chân như, pháp thật tế, pháp pháp giới, pháp sơ sài, pháp rộng rãi, pháp nhất hướng sai biệt thưa hỏi, pháp trả lời thẳng, pháp bí mật, pháp nói thẳng.

Này Di-lặc! Các pháp như thế, có thể biết nghĩa.

Di-lặc nên biết! Thế nào là biết pháp? Di-lặc! Là có khả năng phát sinh sự hiểu biết ba mươi bảy phẩm như bốn Niệm xứ,… cho đến tám Thánh đạo.

Này Di-lặc! Đó gọi là biết pháp.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát nương vào sự hiểu biết mà được chứng pháp? Nghĩa là, diệt trừ tham, sân, si, phiền não; xa lìa tham, sân, si, phiền não, đạt được bốn quả Sa-môn. Nghĩa là, ta nói tất cả công đức của Thanh văn, Như Lai, thế gian và xuất thế gian, các công đức ấy đều chứng biết như thật.

Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát nương vào sự hiểu biết mà chứng pháp quả.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát thọ pháp như thật?

Này Di-lặc! Là chứng pháp ấy, biết giải thoát, thọ giải thoát, lại giảng nói, mở bày, chỉ rõ cho mọi người. Di-lặc nên biết! Năm pháp này tóm thâu tất cả nghĩa.

Lại nữa, này Di-lặc! Bồ-tát biết bốn cách quán, thì gọi là biết như thật

nghĩa. Những gì là bốn?

1. Biết nghĩa tâm sinh.

2. Biết nghĩa thọ dụng.

3. Biết nghĩa tùy tâm.

4. Biết nghĩa tịnh nhiễm.

Này Di-lặc! Bồ-tát được bốn nghĩa rốt ráo, cũng gọi là tóm thâu tất cả nghĩa, nên biết như vậy.

Lại nữa, Bồ-tát biết như thật ba thứ pháp, cũng gọi là biết như thật nghĩa. Những gì là ba?

1. Tự nghĩa.

2. Nghĩa của nghĩa.

3. Giới nghĩa.

Này Di-lặc! Thế nào là tự nghĩa? Đó là danh thân... Di-lặc nên biết! Đó gọi là tự nghĩa.

Này Di-lặc! Thế nào là nghĩa nghĩa? Nghĩa nghĩa có mười thứ. Đó là thật tướng; tri tướng; viễn ly tướng; chứng tướng; tu hành tướng tức là thật tướng... ấy; chủng chủng sai biệt tướng; y chỉ sở, y chỉ tướng; ứng tướng tức là tri tướng... ấy, chướng ngại tướng; tùy thuận pháp tướng, bất tri quá cửu tướng; tri lợi ích tướng. Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát biết tướng nghĩa nghĩa.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết giới nghĩa tướng?

Này Di-lặc! Giới nghĩa tướng có năm. Đó là:

1. Thế giới.

2. Cõi chúng sinh.

3. Pháp giới.

4. Khả hóa giới.

5. Khả hóa phương tiện giới.

Này Di-lặc! Nên biết, năm giới này tóm thâu tất cả nghĩa.

Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Điều gọi là văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ, Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, ba nghĩa tu hành, ba tuệ này sai biệt như thế nào?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Người tu hành văn tuệ, nương theo danh tự, như nghe rồi mà không xứng ý, chẳng phải hiện tiền giải thoát, tùy thuận giải thoát.

Này Di-lặc! Đó gọi là nghĩa Văn tuệ tu hành.

Này Di-lặc! Nghĩa tư tuệ tu hành là, này Di-lặc! Tư tuệ cũng nương tựa danh tự, chỉ như nghe, mà tâm không tùy thuận như vậy, chẳng phải hiện tiền giải thoát, nhưng lại chuyển chuyển tùy thuận giải thoát, chẳng phải hiện chứng giải thoát.

Này Di-lặc! Đó gọi là nghĩa Tư tuệ tu hành.

Này Di-lặc! Nghĩa tu tuệ tu hành là, này Di-lặc! Bồ-tát nương vào danh tự mà không nương danh tự, nương như đã nghe, không nương như đã nghe, tùy thuận tâm, tùy trí có thể biết pháp, cảnh giới Tam-muội, tượng hiện tiền, chuyển chuyển tùy thuận giải thoát, tăng trưởng giải thoát.

Này Di-lặc! Đó gọi là nghĩa Tu tuệ tu hành.

Này Di-lặc! Đó là nghĩa tam tuệ tướng sai khác.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, những gì là trí, những gì là thấy?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta cho rằng, những điều ấy, có vô lượng tướng trí kiến. Nói tóm lại, đối với tướng pháp sai biệt Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, Bát-nhã đó là trí.

Này Di-lặc! Quán các pháp, không có tướng sai biệt, đó là kiến.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, dùng những tâm nào quán những pháp tướng nào?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Quán tâm chân như, tu hành nghĩa tướng, pháp tướng; cũng không thấy tên gọi cũng không thấy thể tướng của tên gọi, cũng không thấy tướng nhân duyên của danh tự ấy. Như vậy nên biết câu chữ, tất cả nghĩa, cho đến không thấy tướng tự thể của mười tám giới, cũng không thấy tướng nhân duyên của tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, nên biết, đó gọi là nghĩa tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành nghĩa tướng chân như, có tu hành tướng ấy không?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Hình tướng chân như là không tướng, có thể thấy. Nếu không tướng thì làm sao tu hành. Này Di-lặc! Bồ-tát tu hành tướng chân như, là hàng phục tất cả pháp, tất cả nghĩa tướng. Nhưng các pháp ấy thì

không thể hàng phục nghĩa tướng chân như.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thường nói, khí cụ không thanh tịnh, gương không trong sáng, các dòng nước đục không thể thấy hình bóng. Các khí cụ mà trong sáng thì thấy được hình tướng. Như vậy, bạch Thế Tôn! Người có tâm không tu hành như thật, thì không thể thấy tất cả các pháp tướng, còn người tu hành thì thấy được.

Bạch Thế Tôn! Nương vào những tâm nào để quán? Những chân như nào để quán, mà nói nghĩa như vậy?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta nương vào ba cách quán mà nói nghĩa như vậy. Những gì là ba? Là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Với ba cách quán, tâm có thể biết được chân như. Này Di-lặc! Ta nương vào nghĩa như vậy mà nói.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy Bồ-tát hiểu nghĩa các pháp, tu hành tướng các pháp, có bao nhiêu tướng pháp khó tu hành, dùng những pháp nào, những quán gì, để quán các pháp khó tu hành đó?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Có mười thứ tướng khó tu hành, phải nương vào mười tám không, để quán tướng khó tu hành đó. Những gì là mười?

Này Di-lặc! Quán tướng pháp nghĩa, tướng chủng chủng danh tự, nương vào tất cả pháp không, có thể đoạn khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ tướng thọ dụng như thật. Đó là tướng sinh, tướng diệt, tướng trụ, tướng dị, tướng tương ưng hành, nương tựa vào tướng không, vô thủy, không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ có thể thủ nghĩa tướng, đó là nương vào thân tướng, nương vào ngã tướng, nương vào nội không, nương vào bất kiến không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ có thể nắm giữ tướng, đó là tướng tư sinh, nương vào ngoại không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ nghĩa thọ dụng tướng. Nam nữ với đủ các loại tư sinh. Nghĩa là tướng trong ngoài thanh tịnh, nương trong ngoài không, tự tánh không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ nghĩa gìn giữ, có vô lượng tướng, nương vào đại không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ tướng vô sắc tu hành, tướng bên trong vắng

lặng giải thoát, nương vào hữu vi không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ nghĩa tướng chân như, nghĩa là ngã không pháp không, chỉ là tướng tâm Đệ nhất nghĩa, nương vào vốn không, vô vật không, tự thể không, vô thể tự thể không, Đệ nhất nghĩa không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ tướng nghĩa chân như vô vi thanh tịnh, các tướng lìa, tướng không khác, nương vào vô vi không, không khác không, để đoạn tướng khó tu hành ấy.

Này Di-lặc! Nắm giữ vô vi không, không khác không ấy, là đoạn tướng không đó. Đối trị vô vi không, không khác không, nương vào không không, để đoạn nhị không ấy.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành mười tướng như vậy, đối với những tướng trói buộc nào mà được giải thoát?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Tu hành cảnh giới Tam-muội, thấy tướng hình tượng, bị phiền não nhiễm trói buộc, mà được giải thoát, tức là quán cảnh tượng ấy mà không nắm giữ tướng cảnh giới. Đó gọi là đoạn tướng khó tu hành ấy.

–Di-lặc nên biết! Đứng trên lập trường sai biệt mà nói, thì các cái không này đối lại với mười thứ tướng, chẳng phải cứ mỗi cái không, không có khả năng đối trị đoạn mười thứ tướng.

Này Di-lặc! Ví như vô minh, không thể sinh ra sinh, cho đến già, chết bị phiền não nhiễm... chỉ nương vào căn bản mà nói, thì vô minh duyên hành sinh, nương vào nhân duyên gần, nên nói như vậy. Này Di-lặc! Nên biết nghĩa như vậy.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng không sơ lược? Bồ-tát biết tướng không ấy không mất tất cả tướng không, lìa tất cả sự kiêu mạn tướng không.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Di-lặc:

–Hay thay Di-lặc! Hay thay Di-lặc! Ông nay có khả năng hỏi Như Lai về nghĩa này. Này Di-lặc! Ông có thể vì các Bồ-tát, không mất tướng không, cho nên hỏi nghĩa như vậy. Hay thay câu hỏi này. Vì sao? Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát không biết tướng không, thì mất hết tất cả pháp tướng Đại thừa.

Này Di-lặc! Ông nay hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói sơ

lược nghĩa tướng không.

Này Di-lặc! Đối với tướng tha lực, tướng Đệ nhất nghĩa, tướng không nhiễm tịnh trong tất cả pháp, thì tướng giả dối phân biệt kia, thường lìa tướng ấy, không thấy có tướng. Đó gọi là lược nói tướng không trong Đại thừa.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na nhiếp bao nhiêu Tam-muội?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Ta nói đủ các loại Tam-muội đó là những Tam-muội của Thanh văn, Bồ-tát, Như Lai. Nên biết các Tam-muội ấy gom thu nắm lấy tất cả Tam-muội.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na đó, có thể thành tựu nhân của những pháp nào?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Có thể thành tựu nhân của giới thanh tịnh, có thể thành tựu nhân của văn tuệ, tư tuệ và kiến.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nhân của giới thanh tịnh văn, tư, tuệ, thành tựu những quả gì?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Có thể thành tựu quả tâm thanh tịnh, quả trí tuệ thanh tịnh.

Lại nữa, Di-lặc nên biết! Cũng có thể thành tựu tất cả các pháp lành thế gian và xuất thế gian; thành tựu tất cả quả Thanh văn, Bồ-tát, chư Phật, Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na tạo những nghiệp gì?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Xa lìa hai thứ trói buộc. Hai thứ đó là lìa xa tướng trói buộc và xa lìa phiền não trói buộc. Đó gọi là nghiệp Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đức Phật nói có năm thứ chướng, vậy có bao nhiêu

thứ chướng Xa-ma-tha, có bao nhiêu chướng Tỳ-bà-xá-na, có bao nhiêu thứ hướng đến hai chướng?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Tiếc thân, tư sinh; hai cái này làm chướng ngại Xa-ma-tha.

Này Di-lặc! Thánh nhân đã nói: Tất cả pháp lành được nghe đều không vui, cái này hay làm chướng ngại Tỳ-bà-xá-na.

Này Di-lặc! Ưa ở chỗ ồn ào, được ít cho là đủ; hai cái này hay làm chướng ngại Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na.

Di-lặc nên biết! ưa ở chỗ ồn ào thì không thể phát tâm tu hành giáo pháp; được ít cho là đủ, thì không thể rốt ráo được chỗ rốt ráo.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai nói có năm thứ che lấp; vậy có bao nhiêu thứ làm chướng ngại Xa-ma-tha, bao nhiêu thứ làm chướng ngại Tỳ-bà-xá-na, có bao nhiêu thứ chướng ngại hướng đến hai pháp này?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Cái tâm ăn năn, day dứt không yên, là chướng ngại của Xa-ma-tha. Nghi ngờ và mất tri giác là chướng ngại của Tỳ-bà-xá-na. Dục, sân: Hai thứ chướng này, làm chướng ngại hướng đến hai pháp.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là khéo thanh tịnh đạo Xa-ma-tha?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Khéo điều phục sự hôn mê mất tri giác như vậy, là khéo thanh tịnh đạo Xa-ma-tha.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là khéo thanh tịnh đạo Tỳ-bà-xá-na?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu có khéo đoạn trừ cái tâm ăn năn, day dứt không yên, hai thứ che lấp như vậy, thì gọi là khéo có khả năng thanh tịnh đạo Tỳ-bà-xá-na.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành hạnh Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na; có bao nhiêu pháp, có khả năng biết tâm tán loạn, không gọi là tương ưng?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Bồ-tát biết năm pháp:

1. Chánh niệm tán loạn.

2. Ngoại tâm tán loạn.

3. Nội tâm tán loạn.

4. Tướng tán loạn.

5. Phiền não tán loạn.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát xả bỏ tướng chánh niệm Đại thừa tương ưng, theo đó nhớ nghĩ đến tướng tương ưng Thanh văn, Bích-chi-phật. Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát chánh niệm tán loạn.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát ngoại tâm chìm đắm năm dục, ưa thích chỗ ồn ào, chìm đắm trong các giác quán, nhớ nghĩ tùy thuận vào phiền não. Đó gọi là ngoại tâm tán loạn.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát mất khả năng tri giác, bất lợi, tâm chìm đắm trong Tam-muội và ngoài Tam-muội, còm đắm trong Tam-ma-bà-đề, đó là chỗ để đắm chìm. Này Di-lặc! Đó gọi là nội tâm tán loạn.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát nương vào ngoại tướng, nội thân, Tam-muội cảnh giới tướng suy nghĩ. Đó gọi là tướng tán loạn.

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát nương vào nôi tâm suy nghĩ về nhân duyên, sinh giác quán phiền não. Như vậy, tâm là ngã. Này Di-lặc! Đó gọi là tâm phiền não tán loạn.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na; từ Bồ-tát Sơ địa cho đến Như Lai địa, đối trị những pháp nào?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na; đối với Sơ địa, nó đối trị nghiệp ác đạo phát sinh phiền não nhiễm. Trong Địa thứ hai, đối trị lỗi lầm vi tế. Trong Địa thứ ba, đối trị lỗi lầm ham muốn, đạt được pháp lành. Địa thứ tư, đối trị với ái được tâm Tam-ma-bạt-đề. Địa thứ năm, đối trị lỗi lầm thế gian, Niết-bàn, nhất hướng hiện tiền, không nhất hướng hiên tiền. Địa thứ sáu, đối trị các lỗi của hành tướng. Địa thứ bảy, đối trị lỗi hành tướng vi tế. Địa thứ tám, đối trị lỗi của hạnh vô tướng, hạnh tự nhiên. Địa thứ chín, đối trị tất cả lỗi nói pháp không được tự tại. Địa thứ mười, đối trị lỗi chưa được Pháp thân đầy đủ.

Này Di-lặc! Trong Địa thứ mười một, đối trị chướng ngại của trí tế, cực tế, vi tế.

Này Di-lặc! Bồ-tát cắt đứt tất cả chướng đó rồi, liền được Nhất thiết trí không chướng ngại, thành tựu pháp mong cầu, được Pháp thân thanh

tịnh.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Bồ-tát tu hành Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, nương vào bảy thứ Chân như làm gốc. Ví như nghe, rồi suy nghĩ pháp, nhập vào định tâm, tức là đã nhớ nghĩ pháp ấy. Như văn, tư, tuệ, khéo suy nghĩ sai biệt trong tâm quán chân như ấy. Bồ-tát quán pháp chân như đó, còn xả tâm tu hành vi tế, huống là pháp thô thiển!

Này Di-lặc! Thế nào là tu hành tâm tướng vi tế? Nghĩa là sinh tâm thức, thọ tâm thức, nhiễm tịnh thức, trong ngoài và hai sự tu hành lợi ích tất cả chúng sinh. Trí chân như là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, hữu vi, vô vi, thường, vô thường. Khổ tập không khác, tự tánh nghiệp là tướng hữu vi. Tất cả nhân vô ngã, pháp vô ngã tướng, các pháp như vậy là tu hạnh xả tâm.

Này Di-lặc! Bồ-tát phát tâm tu hành như vậy, tu hành nhiều như vậy, trong từng sát-na lìa tất cả sự che lấp, đạt được tâm thanh tịnh. Được tâm thanh tịnh rồi, nhập vào bảy chân như. Nên biết, trong thân đã chứng bảy thứ giác tướng ấy.

Này Di-lặc! Đó gọi là Đại Bồ-tát đạt được Kiến đạo. Bồ-tát đạt được trí Kiến đạo rồi, thì gọi là Bồ-tát định tụ, sinh vào nhà Phật, thọ dụng lợi ích vui vẻ ở Địa thứ nhất. Bồ-tát này trước đã tu hành đạo Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, nên đối với pháp này được xem xét rốt ráo. Bồ-tát này tu hành trong các Địa càng cao hơn, nhớ nghĩ đến hai quán đó, nên lìa các tướng vi tế.

Này Di-lặc! Giống như có người khéo léo, dùng cái chốt nhỏ, để đẩy cái chốt lớn.

Này Di-lặc! Bồ-tát tu hành cũng lại như vậy, quán tướng nội tâm, lìa tất cả các phần tướng nhiễm. Lìa các phần tướng nhiễm rồi, lìa sự nắm bắt tất cả các tướng pháp lành. Lìa sự nắm bắt tất cả các tướng pháp lành rồi, lìa tất cả tướng. Như vậy, lần lượt trong các Địa thượng thượng, nhớ nghĩ pháp tương tợ, trong tâm thanh tịnh, cho đến chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; như vậy là sự tu hành giác hạnh đã được thành tựu.

Này Di-lặc! Bồ-tát tu hành như vậy, sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

-oOo-

KINH THÂM MẬT GIẢI THOÁT

QUYỂN 4

Phẩm 9: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT DI-LẶC THƯA HỎI (Phần 2)

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát tu hạnh Bồ-tát, hiện được quả thù thắng vi diệu?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát, có khả năng biết như thật sáu pháp, thì người ấy đạt được quả Bồ-tát vi diệu. Những gì là sáu? Đó là:

1. Khéo biết tâm sinh.

2. Khéo biết tâm trụ.

3. Khéo biết tâm khởi.

4. Khéo biết pháp lai.

5. Khéo biết pháp lành tăng trưởng.

6. Khéo biết phương tiện khéo léo.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát khéo biết tâm sinh? Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát biết mười sáu loại tâm sinh. Nghĩa là không hay, không biết, không động, khí thế gian thức. Ví như A-đà-na thức, nắm lấy đủ các tướng quán thức. Ví như nhất thời nắm lấy sắc... có thể nắm lấy, cảnh giới không phân biệt, ý thức, biết sắc trong ngoài. Trong khoảng một niệm, nhập vào vô lượng Tam-muội, thấy vô lượng cõi Phật, thấy vô lượng chư Phật.

Này Di-lặc! Tướng nhỏ quán tương ưng thức. Ví như tướng cõi Dục, tương ưng thức.

Này Di-lặc! Tướng lớn quán tương ưng thức. Ví như tướng cõi Sắc, tương ưng thức.

Này Di-lặc! Tướng vô lượng quán tương ưng thức. Ví như tất cả hư không, tất cả tướng thức, tương ưng thức.

Này Di-lặc! Tướng rất nhỏ quán tương ưng thức. Ví như tướng nhỏ tương ưng thức.

Này Di-lặc! Tướng rộng khắp quán tương ưng thức. Ví như phi tưởng

phi phi tưởng tương ưng thức.

Này Di-lặc! Tướng vô cùng nhỏ quán tương ưng thức. Ví như tướng xuất thế gian tương ưng thức.

Này Di-lặc! Tướng khổ quán tương ưng thức. Ví như ác đạo thức.

Này Di-lặc! Tướng tạp tướng thọ quán tương ưng thức. Ví như cõi Dục thức.

Này Di-lặc! Tướng vui quán tương ưng thức. Ví như Sơ thiền, Nhị thiền thức.

Này Di-lặc! Tướng ưa thích quán tương ưng thức. Ví như đệ Tam thiền thức.

Này Di-lặc! Tướng không khổ, không vui quán tương ưng thức. Ví như đệ Tứ thiền cho đến phi tưởng phi phi tưởng thức.

Này Di-lặc! Tướng nhiễm quán tương ưng thức. Ví như nhiễm phiền não tùy thuận phiền não thức.

Này Di-lặc! Tướng pháp lành quán tương ưng thức. Ví như tu hành tín... tương ưng thức.

Này Di-lặc! Tướng vô ký quán tương ưng thức. Ví như xa lìa hai pháp thức ấy.

Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát biết các pháp sinh.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát biết như thật các pháp trụ?

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát có khả năng biết như thật, thì chỉ là thể của thức. Đó gọi là Bồ-tát biết các pháp trụ.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát khó biết các pháp khởi?

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát có khả năng biết như thật hai thứ tướng phiền não trói buộc, biết điều đó rồi, liền suy nghĩ bỏ pháp ấy.

Này Di-lặc! Bồ-tát như vậy là khéo biết các pháp khởi.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát khéo biết pháp lai?

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát khéo biết phiền não ấy đối trị tâm tăng trưởng. Biết các pháp tăng trưởng rồi, thì gọi là Bồ-tát khéo biết pháp tăng trưởng của ta.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát khéo biết các pháp hạ?

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát biết đối trị pháp ấy, tướng phiền não nhiễm, tâm hạ tổn, khéo biết các pháp tổn.

Này Di-lặc! Đó là Bồ-tát khéo biết các pháp hạ.

Này Di-lặc! Thế nào là Bồ-tát khéo biết phương tiện khéo léo?

Này Di-lặc! Nếu Bồ-tát quán sát chỗ tất cả nhập hơn cả giải thoát.

Này Di-lặc! Đó gọi là Bồ-tát khéo biết phương tiện khéo léo.

Này Di-lặc! Đại Bồ-tát khéo biết như vậy, tu hành hạnh Bồ-tát, thì có khả năng đạt được quả Bồ-tát tối thắng vi diệu. Tất cả Bồ-tát ở quá khứ cũng như vậy. Tất cả Bồ-tát vị lai cũng như vậy. Tất cả Bồ-tát hiện tại cũng như vậy, tu hành hạnh Bồ-tát thì được quả Bồ-tát vi diệu.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói, trong cảnh giới Vô dư Niết-bàn, tất cả thọ diệt hết, không còn gì.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là thọ tướng, mà nói rằng tất cả thọ tướng diệt?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Lược nói, có hai thứ thọ diệt, đó là kiến thân thọ tướng diệt, thọ cảnh giới quả ấy thọ tướng diệt.

Này Di-lặc! Thân thọ tướng diệt, là nên biết, có bốn thứ thọ:

1. Nương vào sắc thọ tướng.

2. Nương vào phi sắc thọ tướng.

3. Thành tựu quả thọ tướng.

4. Không thành tựu quả thọ tướng.

Này Di-lặc! Thành tựu quả thọ tướng là hiện tiền thọ tướng. Không thành tựu quả thọ tướng là thọ nhân đời vị lai. Cảnh giới của quả báo thọ tướng, cũng có bốn thứ. Đó là trụ trì thọ tướng, tư sinh thọ tướng, thọ dụng thọ tướng và đối thọ tướng.

Này Di-lặc! Trong cảnh giới Hữu dư Niết-bàn, chẳng phải thành tựu thọ tướng quả, minh xúc thọ tướng thọ. Thế nên, nương vào đó, đối với tất cả thọ tướng, chưa diệt do có thừa thọ tướng.

Này Di-lặc! Thành tựu quả tướng thọ tướng tất cả thứ, hai thọ tướng diệt đó chỉ có minh xúc thọ tướng thọ. Trong cảnh giới Vô dư Niết-bàn, thọ ấy cũng diệt. Vì trong vô dư Niết-bàn không có minh xúc tướng. Thế nên ta nói, trong vô dư Niết-bàn, diệt tất cả thọ tướng.

Lúc đó, Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Di-lặc:

–Hay thay! Hay thay! Này Di-lặc! Ông nương vào sự tu hành như thật, nên mới hỏi Thế Tôn về hành tướng thanh tịnh đầy đủ của Bồ-tát.

Này Di-lặc! Ông đối với pháp, tu hành như thật, khéo học đầy đủ, cho nên mới hỏi ta về hành pháp như thật.

Di-lặc nên biết! Ta cũng đã khéo nói pháp tu hành thanh tịnh đầy đủ của Bồ-tát.

Này Di-lặc! Chư Phật quá khứ, cũng nói như vậy; chư Phật vị lai, cũng nói như thế; chư Phật hiện tại, cũng nói như vậy. Các thiện nam đời quá khứ vị lai và hiện tại cũng hỏi như vậy. Thế nên, các thiện nam, thiên nữ... phải nên hết lòng thực hành hạnh Bồ-tát.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Trong hạnh nói pháp này
Nếu người không buông lung
Người trí nghĩ chân chánh
Hay được đạo Vô thượng.
Nếu người nắm pháp tướng
Muốn được thể pháp ấy
Lìa hạnh như thật đó
Không địa bất tương ưng.
Thấy là tánh chúng sinh
Lợi chúng sinh dũng mãnh
Được tướng không dính mắc
Tất cả xuất thế gian.
Vì muốn cầu thuyết pháp
Người ấy lại được pháp
Được pháp bảo vô giá
Khất cầu hạnh thế gian.
Giải thoát các hý luận
Tinh tấn hành kiên cố
Vì lợi ích chúng sinh
Tu hành thật hạnh này.

Đại Bồ-tát Di-lặc bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong kinh Thâm Mật Giải Thoát này nên gọi pháp môn đó là gì, phụng trì ra sao?

Đức Phật nói:

–Này Di-lặc! Pháp môn này tên là Tu Hành Liễu Nghĩa Tu-đa-la Như Thật, ông nên phụng trì.

Khi Đức Phật nói về Tu Hành Liễu Nghĩa Tu-đa-la Như Thật này, có sáu ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ba ngàn Thanh văn xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Mười vạn năm ngàn Thanh văn lìa các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Bảy vạn năm ngàn Bồ-tát

được quán thành tựu tu hành như thật của Đại thừa.

-oOo-

Phẩm 10: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT QUÁN THẾ TỰ TẠI THƯA HỎI (Phần 1)

Khi ấy, Thánh giả Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã vì các Bồ-tát nói sự sai biệt của mười Địa như Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Quang minh địa, Diệm địa, Nan thắng địa, Hiền tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa; thứ mười một là Phật địa.

Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu thứ thanh tịnh? Nhiếp các Địa này có bao nhiêu phần?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có bốn thứ thanh tịnh, mười một phần nhiếp các Địa này, nên biết như thế.

Này Quán Thế Tự Tại! Tăng thượng thanh tịnh nhiếp Địa thứ nhất; tăng thượng giới thanh tịnh nhiếp Địa thứ hai; tăng thượng tâm thanh tịnh nhiếp Địa thứ ba; tăng thượng tuệ thanh tịnh nhiếp Địa thứ tư; cho đến thượng thượng thắng diệu, sau Địa thứ tư cho đến Phật địa.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết đó là bốn thứ thanh tịnh nhiếp các Địa.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nào là mười một phần, nhiếp nghĩa các Địa?

Này Quán Thế Tự Tại! Từ lúc Bồ-tát khởi tín hạnh Địa, tu hành mười thứ tín tâm, có khả năng khéo suy nghĩ Bồ-tát thừa. Việc tu hành tín hạnh địa vượt hơn tín địa ấy, nhập vào định tụ, đầy đủ phần ấy.

Này Quán Thế Tự Tại! Các Bồ-tát đó tuy đầy đủ các phần ấy, nhưng trong hạnh vi tế, không có khả năng tu hành như thật, nên các Bồ-tát đó chưa đầy đủ các phần đó; vì muốn đầy đủ, cho nên tinh tấn mong cầu được phần đầy đủ; tuy đầy đủ phần ấy, nhưng vẫn không thể đầy đủ thế gian Tam-muội Tam-ma-bạt-đề như thật và chưa đầy đủ Văn trì Đà-la-ni. Các Bồ-tát này, không đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ, cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu chứng đắc phần đầy đủ ấy; tuy đầy đủ phần ấy, như Bồ-đề phần; nhưng vẫn chưa thể tu hành như thật; tâm không thể xả bỏ Tam-muội

ái pháp. Các Bồ-tát không thể đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ, cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu được đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy, nhưng vẫn không thể quán sát như thật tất cả các đế, cũng không thể xả bỏ phương tiện đã nhiếp Tu-bồ-đề phần; Niết-bàn thế gian nhất hướng hiện tiền, nhất hướng không hiện tiền. Các Bồ-tát ấy không thể đầy đủ phần đó, vì muốn đầy đủ, cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu, chứng đắc đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy, nhưng vẫn không thể biết như thật các sinh tử thế gian; hiện tại thấy tu hành, vô tướng chánh niệm, không có khả năng tu nhiều. Các Bồ-tát này không thể đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu chứng đắc đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy, nhưng vẫn không thể biết như thật vô gián bất đoạn, vô tướng chánh niệm, không có khả năng tu nhiều. Các Bồ-tát này không đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ nên tu hành tinh tấn, tìm cầu chứng đắc đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy nhưng vẫn không thể xả bỏ hạnh vô tướng tự nhiên mà thực hành hạnh vô tướng không được tự tại. Các Bồ-tát này không đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu được đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy nhưng vẫn không thể đối với các tướng của đủ các loại danh tự vô ngại mà nói tất cả các pháp và không có khả năng nói pháp tự tại. Các Bồ-tát này không đầy đủ phần ấy vì muốn đầy đủ cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu chứng đắc đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy, nhưng không thể đầy đủ Pháp thân và không có khả năng được thọ lạc Pháp thân. Các Bồ-tát này không đầy đủ phần ấy; vì muốn đầy đủ cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu chứng đắc đầy đủ phần ấy; tuy đầy đủ phần ấy, nhưng không thể được ở trong tất cả các cảnh giới tướng, không chướng, không ngại, đầy đủ trí tuệ. Các Bồ-tát không đầy đủ phần ấy vì muốn đầy đủ cho nên tu hành tinh tấn, tìm cầu chứng đắc đầy đủ phần ấy được đầy đủ phần ấy rồi, gọi là đầy đủ tất cả Bồ-đề phần. Được đầy đủ Bồ-đề phần thì gọi là Phật.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, mười một phần như vậy nhiếp các Địa.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có gì Thế Tôn nói Địa thứ nhất là Hoan hỷ địa, cho đến Phật địa gọi là Phật địa?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát ban đầu lìa sinh tử, được lợi lớn xuất thế gian, được thanh tịnh thù thắng, vi diệu hoan hỷ, phấn khởi. Thế nên Địa thứ nhất gọi là Hoan hỷ địa. Xa lìa tất cả những cái nhỏ nhất chướng ngại, phá giới, thế nên thứ hai gọi là Ly cấu địa. Nương vào ánh sáng trí

tuệ vô lượng, chiếu rạng ngời các Tam-muội và Văn trì Đà-lân-ni mà đạt được sự tự tại phóng ánh sáng; thế nên thứ ba gọi là Quang minh địa. Lửa trí hừng hực đốt sạch phiền não tập cấu của Bồ-đề phần; thế nên, thư tư gọi là Diệm địa. Khó vượt nhưng đã vượt qua phương tiện tu hành Bồ-đề phần đó; thế nên, thứ năm gọi là Nan thắng địa. Chánh niệm tư duy các hạnh hữu vi, hiện tiền chứng biết các pháp vô tướng; thế nên, thứ sáu gọi là Hiện tiền địa. Không gián, không đoạn, vô tướng chánh niệm, từ xa đã nhập hạnh vi diệu, gần với thanh tịnh địa; thế nên, thứ bảy gọi là Viễn hành địa. Không có các tướng, tướng tu hành tự nhiên không thể lay động; thế nên, thứ tám gọi là Bất động địa. Nói tất cả pháp, tất cả các loại trí, vô ngại tự tại, được trí to lớn, kẻ khác không thể hàng phục; thế nên, thứ chín gọi là Thiện tuệ địa. Thân chúng sinh phiền não lỗi lầm như hư không; Pháp thân Như Lai cũng giống như đám mây lớn che mát cõi chúng sinh, hiện ra nói pháp; thế nên thứ mười gọi là Pháp vân địa. Lìa tất cả vô minh, tập khí nhỏ nhất, lìa tất cả cảnh giới, tập khí trí chướng, không chướng, không ngại, tự tại trong tất cả pháp; thế nên, thứ mười một gọi là Phật địa.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các địa này có bao nhiêu thứ vô minh, có bao nhiêu thứ chướng đối?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có hai mươi hai thứ vô minh, mười một thứ chướng đối.

Này Quán Thế Tự Tại! Đối với Địa thứ nhất dính mắc vào nhân ngã, pháp ngã vô minh và ác đạo phiền não nhiễm tướng vô minh, mê muội chìm đắm trong hai con đường ấy, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ hai, lỗi vi tế vô minh và các nghiệp đạo vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ ba, muốn cầu pháp vô minh, muốn đầy đủ văn trì Đà-la-ni vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ tư, yêu thích Tam-ma-bạt-đề vô minh và yêu thích pháp vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ năm; đối với thế gian chánh niệm suy nghĩ, chẳng phải nhất hướng trái với thế gian, chẳng phải nhất hướng hiện thế gian vô minh; đối với Niết-bàn chánh niệm suy nghĩ, chẳng phải nhất hướng trái với Niết-bàn, chẳng phải nhất hướng thú Niết-bàn vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ sáu, không biết như thật hạnh hữu vi hiện tiền vô minh, tích tập nhiều tướng vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con

đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ bảy, tướng hạnh vi tế vô minh, nhất hướng suy nghĩ phương tiện vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ tám, không tự nhiên không tướng vô minh, các tướng không được tự tại vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ chín, nói pháp vô lượng, danh cú vô lượng, trí tuệ vui nói tối thượng Đa-la-ni vô minh, nhạo thuyết biện tài tự tại vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Địa thứ mười, đại thông vô minh; nhập vào bí mật vi tế vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng. Đối với Phật địa, với tất cả cảnh giới cực vi tế vô minh, tha chướng vô minh, mê muội chìm đắm vào hai con đường đó, cho nên gọi là chướng.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó gọi là hai mươi hai thứ vô minh, mười một thứ chướng, nói các Địa sai biệt.

Này Quán Thế Tự Tại! Nhưng bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không tướng ưng với các pháp này.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại khen ngợi:

–Thật hiếm có! Bạch Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là lợi lớn quả lớn. Các Bồ-tát phải cắt đứt lưới lớn vô minh chìm đắm, cũng diệt tất cả rừng rậm giả dối đối ngại, mới chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Quán Thế Tự tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói các Địa này có bao nhiêu việc thù thắng?

Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có tám thứ thanh tịnh:

1. Tâm ngay thẳng thanh tịnh.

2. Lòng lành thanh tịnh.

3. Lòng thương xót thanh tịnh.

4. Đáo bỉ ngạn thanh tịnh.

5. Thấy chư Phật cúng dường thanh tịnh.

6. Giáo hóa chúng sinh thanh tịnh.

7. Sinh thanh tịnh.

8. Sức thanh tịnh.

Này Quán Thế Tự Tại! Đối với Địa thứ nhất, từ tâm ngay thẳng thanh tịnh, cho đến sức thanh tịnh. Lại có thượng thượng địa cho đến Phật địa,

cũng tâm ngay thẳng thanh tịnh, sức thanh tịnh, thanh tịnh cực thanh tịnh, tăng thượng thanh tịnh, nên biết như thế.

Này Quán Thế Tự Tại! Trừ Phật địa, sinh thanh tịnh, nghĩa là các công đức Địa thứ nhất, của các Địa tiếp theo, cho đến thượng thượng địa, thì công đức của Địa thứ nhất ấy, bình đẳng, không sai khác. Nhưng trong từng địa, có công đức thù thắng, nên biết như thế.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cớ gì Đức Thế Tôn nói trong tất cả các sinh, các Đại Bồ-tát sinh là tối thắng?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có bốn pháp, đó là:

1. Khéo tập hợp các căn lành thanh tịnh.

2. Được nội tâm phương tiện.

3. Khởi đại Từ bi cứu độ các chúng sinh.

4. Chính mình không dính mắc và cũng có khả năng khiến cho tất cả chúng sinh không dính mắc.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có gì Đức Thế Tôn nói, các Bồ-tát có khả năng phát tất cả diệu nguyện, thắng nguyện, thù thắng lực nguyện?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có bốn pháp.

1. Bồ-tát có khả năng biết như thật cái vui Niết-bàn vi diệu, mau chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

2. Lại có thể xả bỏ sự mau chóng chứng được hạnh vui Bồ-đề thắng diệu.

3. Không vì báo ân mà phát đại tâm.

4. Vì lợi ích chúng sinh trong sáu đường mà nhiều kiếp chịu mọi khổ não.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nên ta nói, các Đại Bồ-tát diệu nguyện, thắng nguyện, thù thắng lực nguyện.

Bồ-tát Quán Thế Tự tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát có bao nhiêu thứ việc phải học?

Đức Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Tự Tại:

–Này Quán Thế Tự Tại! Việc học của Bồ-tát có sáu. Đó là:

1. Bố thí ba-la-mật.

2. Trì giới ba-la-mật.

3. Nhẫn nhục ba-la-mật.

4. Tinh tấn ba-la-mật.

5. Thiền định ba-la-mật.

6. Trí tuệ ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sáu thứ học này, có bao nhiêu tăng thượng giới học? Bao nhiêu tăng thượng tâm học? Bao nhiêu tăng thượng tuệ học?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Ba pháp học đầu, là Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật là tăng thượng giới học. Thiền định ba-la-mật là tăng thượng tâm học. Trí tuệ ba-la-mật là tăng thượng tuệ học. Tinh tấn ba-la-mật có mặt khắp cả các Ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, ba thứ tăng thượng nhiếp sáu thứ việc phải học.

Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sáu pháp tu hành này, có bao nhiêu công đức trang nghiêm? Bao nhiêu trí tuệ trang nghiêm?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Tăng thượng học giới là công đức trang nghiêm. Tăng thượng tuệ học là trí tuệ trang nghiêm. Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật có khắp các Ba-la-mật. Nên biết như thế.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát học các học này?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có năm cách quán pháp để học về các học này. Những gì là năm? Nghĩa là nương vào các Ba-la-mật mà nói pháp; nương vào Bồ-tát tạng từ đầu cho đến tín tâm.

Lại có mười thứ pháp hạnh, tu hành văn, tư, tu, tuệ, trí như thật, đạt được các tâm Bồ-đề, gần kề bạn lành, tu hành tất cả các căn lành không dứt.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đây gọi là Bồ-tát học các việc phải học.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các việc phải học này, cớ gì nói là sáu thứ số?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có hai nghĩa. Những gì là hai?

1. Nắm bắt lấy tất cả chúng sinh.

2. Đối trị các chướng.

Này Quán Thế Tự Tại! Ba thứ học nắm bắt lợi ích chúng sinh; ba thứ học để đối trị các chướng.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát tu hành về Bố thí ba-la-mật, đem lợi ích tư sinh nắm bắt chúng sinh. Bồ-tát tu hành Giới ba-la-mật, không não không hại, đem vô úy thí nắm bắt chúng sinh. Bồ-tát tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật, lấy tâm không báo oán nắm bắt chúng sinh.

Này Quán Thế Tự Tại! Đem ba học này mà nắm bắt chúng sinh.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát tu hành Tinh tấn ba-la-mật, làm chuyển động các phiền não, sát hại các sử; trong phần tu hành không bị phiền não làm động. Bồ-tát tu hành Thiền ba-la-mật trói chặt các phiền não. Bồ-tát tu hành Trí tuệ ba-la-mật cắt đứt tất cả sử.

Này Quán Thế Tự Tại! Ba thứ Ba-la-mật này, đối trị sở trị phiền não.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cớ gì Đức Thế Tôn nói, ngoài bốn Ba-la-mật, chỉ có bốn số?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Vì muốn thành tựu sáu Ba-la-mật bạn, cho nên nói có bốn Ba-la-mật khác.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát có ba Ba-la-mật nắm bắt chúng sinh, việc đó phải có sự phương tiện, để nắm bắt chúng sinh đặt vào trong pháp lành. Thế nên, ta nói phương tiện Ba-la-mật cùng với ba Ba-la-mật kia là bạn.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát hiện thân, nương vào nhiều phiền não mà loạn tâm ấy, không thể tu hành các pháp như thật, nhưng lại tin vui, ít hành, ít pháp, tâm ngay thẳng mỏng manh, không thể nắm lấy sự chánh định trong tâm, nghe Bồ-tát tạng như để nghe mà xem xét, chứ không thể nhập định, không thể khởi trí xuất thế gian, chỉ tu một ít phần công đức về tướng trí tuệ trang nghiêm. Nương vào ít phần trí tuệ trang nghiêm đó, làm mỏng dần phiền não ở vị lai, mà khởi nguyện. Bồ-tát tu hành Nguyện ba-la-mật này, nguyện đời vị lai, làm mỏng các phiền não, có khả năng thành tựu Tinh tấn ba-la-mật. Thế nên, ta nói, Nguyện ba-la-mật cùng làm bạn với Tinh tấn ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát gần gũi với bạn lành tri thức, cho nên nghe được chánh pháp, có khả năng suy nghĩ mà như thật tùy thuận, tu hành như thật, chuyển tâm mỏng manh tăng trưởng sức lành. Đối với pháp giới chân như, được sức tăng thượng, đó là Bồ-tát Lực ba-la-mật định được nội tâm. Thế nên, ta nói Lực ba-la-mật cùng làm bạn với Thiền ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát nương vào Bồ-tát tạng, xét chân chánh văn, tuệ, tu Thiền ba-la-mật. Đó là Bồ-tát Trí ba-la-mật. Bồ-tát này nương vào Trí ba-la-mật để có khả năng phát sinh Trí tuệ ba-la-mật xuất thế. Thế nên, ta nói Trí ba-la-mật cùng làm bạn với Trí tuệ ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cớ gì Đức Thế Tôn nói sáu Ba-la-mật thứ lớp như vậy.

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Nương trước sau thượng thượng chuyển thắng. Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát xa lìa thọ dụng của lòng ham muốn, thọ trì giới trong sạch. Thọ trì trong sạch giới rồi có khả năng nhịn nhục các ác. Có khả năng nhịn nhục các ác rồi, thì có khả năng sáng suốt tiến tới. Có khả năng thành tựu sự sáng suốt tiến tới rồi, thì có thể nhập vào các thiền. Có khả năng nhập váo các thiền rồi, thì có khả năng được trí tuệ xuất thế gian.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nên, ta nói sáu Ba-la-mật thứ lớp là như vậy. Phải nên biết như thế.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói các Ba-la-mật, mỗi thứ có bao nhiêu sai biệt?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Các Ba-la-mật mỗi thứ có ba sai biệt.

Này Quán Thế Tự Tại! Bố thí ba-la-mật có ba thứ là Bố thí pháp, bố thí của cải và bố sự không sợ hãi. Giới ba-la-mật có ba thứ: Giới lìa các ác, hạnh giới, tu các hạnh lành giới, lợi ích cho cõi chúng sinh. Nhẫn nhục ba-la-mật có ba thứ: Nhẫn các ác nhẫn, nhẫn các khổ nhẫn, nhẫn các pháp nhẫn. Tinh tấn ba-la-mật có ba thứ: Tinh tấn phát khởi, tinh tấn tu hành pháp lành, tinh tấn vì lợi ích chúng sinh. Thiền ba-la-mật có ba thứ: Không phân biệt vắng lặng, cực vắng lặng, đối trị phiền não, thọ vui mà hành thiền; khởi các công đức mà hành thiền; khởi lợi ích chúng sinh mà hành thiền. Trí tuệ ba-la-mật có ba thứ: Xét xem thế đế bằng trí tuệ, xem xét Đệ nhất

nghĩa bằng trí tuệ, xét xem lợi ích chúng sinh bằng trí tuệ.

Này Quán Thế Tự Tại! Đấy là các pháp Ba-la-mật, mỗi pháp đều có ba thứ sai biệt. Nên biết như thế.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nghĩa gì nói các Ba-la-mật là Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có năm loại nghĩa, gọi là Ba-la-mật. Đó là không chìm đắm, không hy vọng, không lỗi lầm, không phân biệt và hồi hướng.

Này Quán Thế Tự Tại! Không chìm đắm là không dính mắc vào các việc trái với Ba-la-mật.

Không hy vọng, là đối với các Ba-la-mật lãnh nhận và chịu sự quả báo, trong báo ân không có tâm mong cầu.

Không lỗi lầm, là xa lìa các Ba-la-mật, không có pháp phương tiện tạp nhiễm.

Không phân biệt, là trong các Ba-la-mật, không như đã nghe mà dính mắc tự tướng.

Hồi hướng là đem những gì đã tu tập đã làm về các Ba-la-mật, hồi hướng về quả đại Bồ-đề.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nên, ta nói đó là Ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các việc trái với Ba-la-mật có bao nhiêu thứ?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Việc trái với Ba-la-mật, có sáu thứ. Đó là, đối với năm dục tư sinh tự tại; ta thọ vui thấy lợi ích công đức mà tự tại; tùy việc làm của thân, miệng, ý, mà tự tại; đối với người khác coi thường làm cho bực tức, tâm không có sự chịu đựng nhịn nhục, dính mắc vào các thứ vui tự thân, chỉ nhớ nghĩ chuyện thế gian, tu hành tán loạn; đối với việc thấy, nghe, giác tri, danh tự phân biệt ở thế gian, cho đó là công đức cao hơn cả.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó gọi là các việc, trái với Ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là quả báo của các Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Quả báo của các Ba-la-mật, có sáu thứ nên

biết. Những gì là sáu? Đó là:

1. Đạt được nhiều của cải.

2. Hướng đến con đường lành.

3. Không có các oán địch.

4. Không hoại.

5. Nhiều vui thích.

6. Thường vì các chúng sinh, không hại tự thân, có sức oai đức lớn.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó là sáu thứ quả báo của các Ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là pháp tạp nhiễm của các Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Các Ba-la-mật có bốn thứ hành không như pháp, gọi là tạp nhiễm. Những gì là bốn? Đó là:

1. Không hạnh từ tâm.

2. Không hạnh chánh niệm.

3. Không đoạn ác hạnh.

4. Không hạnh chí tâm.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là suy nghĩ không chân chánh?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Đó là tu hành các Ba-la-mật, lìa trừ hạnh Ba-la-mật. Đó là suy nghĩ không chân chánh.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát không có hạnh phương tiện tu hành?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Nếu Bồ-tát tu hạnh Ba-la-mật, nắm lấy chúng sinh, chỉ cho họ ăn uống, những vật cần thiết và sự vui thích rồi cho là đã đầy đủ; mà không có khả năng khiến họ lìa chỗ ác đến ở trong chỗ lành. Đó gọi là Bồ-tát không có phương tiện tu hành. Vì sao? Này Quán Thế Tự Tại! Chẳng phải đem cho đồ ăn, thức uống, các thú vui như vậy mà gọi là lợi ích.

Này Quán Thế Tự Tại! Ví như phân uế dù nhiều dù ít, không ai có khả năng khiến chúng phát ra mùi thơm.

Này Quán Thế Tự Tại! Tất cả hành khổ hữu vi là như vậy; tự tánh các khổ của tất cả chúng sinh, đồ ăn, thức uống, đời sống, sự nắm lấy chúng sinh, không thể là vui.

Này Quán Thế Tự Tại! Nếu đặt chúng sinh vào trong chỗ vui rốt ráo của pháp thượng lành đê nhất, thì đó mới gọi là nắm lấy và đem lợi ích cho chúng sinh.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật có bao nhiêu thứ thanh tịnh?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Ta không nói lìa năm thứ thanh tịnh thì lại có thanh tịnh. Này Quán Thế Tự Tại! Nhưng ta sẽ nương vào năm thứ thanh tịnh này, nói rộng nói hẹp về các tướng Ba-la-mật thanh tịnh.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nào là nói hẹp về các tướng Ba-la-mật thanh tịnh?

Này Quán Thế Tự Tại! Tất cả Ba-la-mật, có bảy thứ thanh tịnh. Những gì là bảy? Đó là:

1. Bồ-tát lìa ngã nói pháp.

2. Lại đối với người khác không cầu trí tuệ.

3. Thấy các pháp này không sinh dính mắc.

4. Biết tất cả pháp có khả năng giữ đại Bồ-đề.

5. Không sinh ý khác, nghi khác, không khen chính mình, không chê bai người khác, không khinh khi, không kiêu mạn, không buông lung.

6. Được chút ít pháp lành không cho là đã đầy đủ.

7. Được các pháp này rồi, đối với người khác lạ không sinh tâm ganh ghét keo kiệt.

Này Quán Thế Tự Tại! Đây gọi là nói hẹp về các thứ thanh tịnh của các Ba-la-mật, nên biết như thế.

Này Quán Thế Tự Tại! Ta lại nói rộng về tướng các Ba-la-mật thanh tịnh, nương vào bảy thứ ấy nói các Ba-la-mật thanh tịnh. Những gì là bảy? Này Quán Thế Tự Tại! Ta nói bảy thứ thanh tịnh về Bố thí ba-la-mật của các Đại Bồ-tát tu hành như thật. Những gì là bảy? Đó là:

1. Nương vào tâm Bi mà bố thí thanh tịnh.

2. Bố thí thanh tịnh tức là giới thanh tịnh.

3. Kiến thanh tịnh.

4. Tâm thanh tịnh.

5. Khẩu thanh tịnh.

6. Trí thanh tịnh.

7. Ý thanh tịnh.

Nên biết, đó là bảy thứ thanh tịnh của Bố thí ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Như vậy giới Ba-la-mật cũng có bảy thứ thanh tịnh. Những gì là bảy? Đó là:

1. Đại Bồ-tát đối với Bồ-tát phải thọ trì giới.

2. Biết tất cả giới như thật.

3. Có khả năng biết như thật lìa tất cả các pháp lỗi.

4. Pháp ấy thường giữ giới kiên cố.

5. Hết lòng với giới.

6. Luôn tùy thuận giới.

7. Đối với việc học phải giữ giới như thật.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó là bảy pháp thanh tịnh của giới Ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Như vậy Nhẫn nhục ba-la-mật cũng có bảy thứ thanh tịnh là:

1. Bồ-tát tự tin nghiệp báo, đối với tất cả các việc không có ích, tâm không sân hận.

2. Nếu có người đến mắng chửi, hoặc hành hung, hoặc đánh đập, tất cả việc ác ấy ập đến thân mình, nhưng mình không sinh tâm báo oán.

3. Không ôm ấp hận thù.

4. Nếu người ấy hối hận đến xin lỗi, mình cũng ghi nhận việc đó, không để cho họ buồn.

5. Không mong cầu việc của người khác cầu.

6. Không vì sợ hãi, không vì ăn uống mà thực hành nhẫn nhục.

7. Thọ ân người khác không quên sự báo đáp.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó là bảy thứ thanh tịnh của Nhẫn nhục ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Tinh tấn ba-la-mật cũng có bảy thứ thanh tịnh là:

1. Bồ-tát biết như thật tinh tấn bình đẳng.

2. Không vì tinh tấn mà đề cao chính mình, coi thường người khác.

3. Thân thể vững vàng như ngọn núi không lay động.

4. Luôn siêng năng tinh tấn.

5. Đối với các pháp lành khởi tâm tinh tấn không dừng nghỉ.

6. Tâm không khiếp nhược.

7. Vững vàng việc tu hành.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó gọi là bảy thứ thanh tịnh của tinh tấn ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Thiền Ba-la-mật cũng có bảy thứ thanh tịnh. Đó là:

1. Bồ-tát khéo quyết định.

2. Biết các tướng Tam-muội Thiền ba-la-mật.

3. Đầy đủ Tam-muội Thiền ba-la-mật.

4. Biết như thật hai phần Tam-muội Thiền ba-la-mật, biết tùy thuận pháp Thiền ba-la-mật như thật.

5. Không nương vào Tam-muội Thiền ba-la-mật.

6. Khéo rèn luyện các nghiệp đã làm lành Tam-muội Thiền ba-la-mật.

7. Quán Bồ-tát tạng vô lượng Tam-muội Thiền ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó gọi là bảy thứ thanh tịnh của Thiền ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Trí tuệ ba-la-mật cũng có bảy thứ thanh tịnh. Đó là:

1. Lìa sự chê bai không có trong đạo Bát-nhã.

2. Nương vào lực trí tuệ có khả năng biết như thật nghĩa ba giải thoát, là không, vô tướng, vô nguyện.

3. Có khả năng biết như thật ba thứ phân biệt tha lực Đệ nhất nghĩa đế.

4. Có khả năng biết như thật tự thể của ba loại danh tướng, sinh tướng và Đệ nhất nghĩa tướng.

5. Có khả năng biết như thật năm minh và chân lý thế gian; có khả năng biết như thật Đệ nhất nghĩa đế.

6. Đối với bảy thứ chân như không phân biệt, không hý luận.

7. Nỗ lực tu hành nhất vị, quán pháp vô lượng sai biệt, Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, tùy theo sự ghi nhận mà tu hành thành tựu như thật.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó gọi là bảy thứ thanh tịnh của Trí tuệ ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm thứ quán này, trong mỗi mỗi loại quán, có ba nhiêu nghiệp?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, năm thứ quán này đều có năm nghiệp. Đó là:

1. Bồ-tát không vào quả báo trước mắt, luôn hết lòng thực hành các Ba-la-mật không hề buông lung.

2. Không mong cầu vào sự báo ân, nắm giữ đời vị lai không có buông thả, không có các lỗi lầm, mà có khả năng tạo đầy đủ các việc lành, khéo thanh tịnh khéo bạch tịnh, tu các Ba-la-mật.

3. Nương vào phương tiện khéo léo không phân biệt, mau chóng được viên mãn các Ba-la-mật.

4. Nương vào sức hồi hướng của tất cả chỗ sinh để được quả báo lành.

5. Nương vào sự tu hành như thật các Ba-la-mật, không bao giờ cùng tận, cho đến khi đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó là các Ba-la-mật nghiệp sai khác của Bồ-tát.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này cái nào là tối thắng?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Không tham lam gian lận trong đời sống, không dính mắc quả báo, hồi hướng đại Bồ-đề.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó gọi là cao tột hơn hết.

Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp không nhiễm?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Không có các lỗi, không có phân biệt. Nên biết, đó gọi là pháp không nhiễm.

Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là minh diệu?

Đức Phật nói:

–Nên biết đó là duyên diệt của các pháp.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát bất động địa?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát nhập vào địa Hoan hỷ thứ nhất có đầy đủ lực lớn, đối với các pháp không thoái chuyển. Nên biết, đó gọi là Bồ-tát Bất động địa.

Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những pháp nào là pháp thanh tịnh của Bồ-tát?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó là đầy đủ Thập địa, cho đến đầy đủ Phật địa.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có gì các Ba-la-mật của Bồ-tát không tận? Yêu thích quả báo cũng không tận?

Đức Phật nói:

–Nên biết, đó là nhân sinh và diệu quả đắp đổi cho nhau.

-oOo-

KINH THÂM MẬT GIẢI THOÁT

QUYỂN 5

Phẩm 10: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT QUÁN THẾ TỰ TẠI THƯA HỎI (Phần 2)

Thánh giả Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có gì các Bồ-tát tâm không thích nhiều quả báo của Ba-la-mật, mà lại rất ham thích các hạnh Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết có năm pháp, đó là: Vui với cái vui mừng rỡ tăng thêm; nắm giữ lợi mình và lợi người; vui với đời vị lai; vui với báo ân; không dính mắc các pháp, không mất pháp ấy.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này, mỗi pháp có bao nhiêu sức thù thắng vi diệu?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, các Ba-la-mật này, mỗi pháp đều có bốn sức thù thắng vi diệu. Đó là: Bồ-tát tu hành các Ba-la-mật, xa lìa tâm xan lận ganh ghét, xa lìa tâm phá giới, xa lìa tâm sân hận, xa lìa tâm biếng nhác, xa lìa tâm tán loạn, xa lìa tâm các kiến. Có khả năng thành tựu các công đức Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trước mắt thân nắm lấy thân của mình và thân của người. Ở đời vị lai, có khả năng đạt được quả báo tốt đẹp rộng lớn vô tận.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này những gì là nhân? Những gì là quả? Những gì là lực?

Đức Phật nói:

–Đại Bi là nhân; ham thích nắm giữ chúng sinh là quả; có khả năng đầy đủ Bồ-đề là lực. Nên biết như vậy.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả vật chất của các Bồ-tát, tùy ý mà sử dụng

không thể cùng tận. Bồ-tát lại có tâm đại Bi thương xót, thì có gì chúng sinh ở thế gian chịu mãi nỗi khổ nghèo cùng?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Các chúng sinh này, tự gây ra nghiệp tội lỗi. Bồ-tát với lòng từ thường muốn cho tất cả chúng sinh giàu có, vui thích vô tận; trong lòng lúc nào cũng giữ vững niềm thương nhớ không chút lay động.

Này Quán Thế Tự Tại! Nếu các chúng sinh, tự mình không gây ra tội chướng, thì chúng sinh ở thế gian không có nghèo cùng.

Này Quán Thế Tự Tại! Ví như tất cả các ngạ quỷ bị cái khát bức bách, nhưng từ xa trông thấy mọi sông, suối, biển cả đều khô cạn. Như thế, đâu phải là lỗi của sông, suối, biển cả. Bởi do các ngạ quỷ này, tự gây ra nghiệp báo. Các vị Bồ-tát đã đem tất cả của cải cho chúng sinh. Như biển cả ấy, không có lỗi lầm. Nhưng các chúng sinh phải tự chịu khổ nghèo cùng. Như các ngạ quỷ ấy tự tạo ra ác nghiệp, cho nên có quả báo như vậy. Đó chẳng phải là lỗi của Bồ-tát.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là Ba-la-mật của Bồ-tát nắm giữ các pháp không thể tướng?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Trí tuệ ba-la-mật nắm giữ các pháp không thể tướng.

Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Trí tuệ ba-la-mật của Bồ-tát nắm giữ các pháp không có thể tướng, thì có gì, Trí tuệ ba-la-mật không nắm giữ các pháp có thể tướng?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Ta nói nắm giữ không thể tướng. Không thể tướng ấy có nghĩa là ông chớ dính mắc vào ngôn ngữ. Vì sao? Vì pháp không thể tướng, lìa tất cả danh tự, ngôn ngữ; nội thân chứng pháp không thể đem tên gọi câu pháp ra để nói. Ta chỉ nương vào tên gọi, lời nói của trí tuệ để nắm giữ các pháp không thể tướng.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo như lời Đức Thế Tôn nói, các Ba-la-mật, tùy cận Ba-la-mật, đại Ba-la-mật.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Ba-la-mật? Thế nào là cận Ba-la-mật?

Thế nào là đại Ba-la-mật?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát từ vô lượng kiếp đã tu hành bố thí... và các Ba-la-mật; có khả năng đạt được tất cả pháp lành rốt ráo. Nhưng Bồ-tát ấy còn đủ tánh phiền não, hiện hành trong tâm, phiền não đó không làm nhiễm Bồ-tát, trái lại, Bồ-tát có khả năng hàng phục phiền não. Đó là tín hạnh địa đối với nhu nhuyến tín tâm để tu các hạnh. Đây gọi là Ba-la-mật.

Này Quán Thế Tự Tại! Lúc còn ở trong vô lượng kiếp, tu hành pháp lành tăng thượng rốt ráo, tâm hành phiền não; Bồ-tát ấy, có khả năng hàng phục phiền não, phiền não không thể hàng Bồ-tát. Nghĩa là chưa nhập được Địa thứ nhất, nên biết như thế.

Này Quán Thế Tự Tại! Đó gọi là cận Ba-la-mật.

Lại nữa, này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp, tu hành rốt ráo pháp lành thượng thượng, tất cả phiền não không hiện hành trong tâm của Bồ-tát ấy. Đó là từ Địa thứ nhất đến Địa thứ tám, Địa thứ mười.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó gọi là đại Ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong các Địa này, có bao nhiêu phiền não kết sử?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Có ba thứ phiền não kết sử. Hại bạn sử phiền não, bạc sử phiền não, vi tế sử phiền não.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nào là hại bạn sử phiền não? Nghĩa là từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ năm không câu sinh phiền não, nhưng lại câu sinh phiền não bạn, hại bạn sử phiền não không hiện hành trong tâm Bồ-tát ấy. Thế nên, ta nói hại bạn sử phiền não.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nào là bạc sử phiền não? Nghĩa là, Địa thứ sáu, Địa thứ bảy, vi tế vô minh sử phiền não được Bồ-tát tu hành, làm cho mòn đi vô minh phiền não đó. Đó gọi là bạc sử phiền não.

Này Quán Thế Tự Tại! Thế nào là vi tế, cực vi tế phiền não? Là từ Địa thứ tám đến các Địa thượng thượng, tất cả vô minh kết sử phiền não không hiện hành trong tâm, chỉ có chương vi tế của tất cả cảnh giới.

Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, đó gọi là ba thứ kết sử phiền não.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo lời Đức Thế Tôn nói, Bồ-tát cắt đứt tất cả lỗi lầm, tức là cắt đứt các sử.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đoạn bao nhiêu lỗi lầm mới gọi là cắt đứt các

sử?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Bồ-tát đoạn ba thứ lỗi lầm, thì mới có thể cắt đứt các sử. Những gì là ba? Là da, da trong và xương.

Này Quán Thế Tự Tại! Ban đầu, cắt đứt chướng ngại của da, lìa được lỗi lầm thứ nhất. Kế đến, cắt đứt chướng ngại của da trong, lìa được lỗi lầm thứ hai. Tiếp nữa, là cắt đứt chướng ngại của xương, lìa được lỗi lầm thứ ba. Ta nói rằng, đến giai đoạn này là dứt sạch tất cả sử. Nên biết, đó gọi là Phật địa.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bao nhiêu a-tăng-kỳ kiếp, mới đoạn được các lỗi ấy?

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Phải trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp vô lượng thời, vô lượng tháng, vô lượng nửa tháng, vô lượng đêm, vô lượng ngày, vô lượng niệm, vô lượng sát-na, vô lượng vô-hầu-đa, vô lượng la-bà kiếp… mới đoạn được các lỗi ấy. Nên biết như vậy.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong các Địa này, phiền não của các Bồ-tát, có những tướng gì? Có những công đức nào? Cúi xin Đức Thế Tôn nói điều đó để cho con được biết.

Đức Phật nói:

–Này Quán Thế Tự Tại! Nên biết, không có nhiễm tướng sinh các phiền não; có vô lượng công đức sinh các phiền não. Vì sao? Vì tự tánh của Bồ-tát ở trong Địa thứ nhất, đã chứng đối với tất cả pháp giới, khéo có khả năng hiểu biết tất cả pháp giới. Thế nên, Bồ-tát có khả năng biết như thật, các phiền não sinh, chứ chẳng phải là không biết. Thế nên trong tự thân không có nhiễm tướng, do không thể sinh các lỗi lầm khổ sở, nên không có các lỗi và vì cõi chúng sinh mà cắt đứt nhân quả. Vô lượng công đức của Bồ-tát sinh các phiền não.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại khen ngợi:

–Thật là hiếm có, bạch Thế Tôn! Là đại Bồ-đề thì có khả năng làm lợi ích lớn. Do các Bồ-tát sinh các phiền não, hàng phục tất cả Thanh văn, Duyên giác, tất cả căn lành, huống gì là vô lượng các công đức khác.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Đức Thế Tôn nói, Thanh văn thừa, Đại thừa là

Nhất thừa. Vì ý gì mà Đức Thế Tôn nói như thế?

–Này Quán Thế Tự Tại! Trong Thanh văn thừa, ta nói đủ các loại pháp; nào là năm ấm, sáu nhập trong, sáu nhập ngoài... Những pháp như thế, ta nói đó là pháp giới một nhất vị, nhưng Thanh văn thì không thể hay biết. Thế nên, ta nói có đủ các loại thừa.

Này Quán Thế Tự Tại! Có chúng sinh, nghe nói như vậy, phân biệt rồi dính mắc, người ấy không biết thể của Nhất thừa, bám lấy các thừa, để chứng cho được pháp ấy. Mỗi người nắm giữ mỗi thừa khác nhau, rồi cùng nhau tranh luận. Nên biết ý ta là như vậy.

Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Mỗi mỗi các pháp tướng
Ta nương một lý, nói
Sinh ra hiểu thấp kém
Ta gọi là Nhị thừa.
Như nghe tiếng phân biệt
Nhưng không biết nghĩa ấy
Nên các thừa trái nhau
Chúng sinh kiêu mạn, tranh.
Biết diệu tướng các Địa
Và các chỗ nguyện sinh
Thắng tướng đối trị này
Ta nói là Đại thừa.

Khi ấy, Bồ-tát Quán Thế Tự Tại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trong Tu-đa-la Thâm Mật Giải Thoát thì pháp môn này tên là gì và phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Tự Tại:

–Này Quán Thế Tự Tại! Tu-đa-la này tên là Địa Ba-la-mật Liễu Nghĩa Pháp Môn, nên thọ trì như vậy.

Lúc Phật nói kinh Địa Ba-la-mật Liễu Nghĩa này, có bảy vạn năm ngàn Bồ-tát được Đại thừa Quang minh Tam-muội.

-oOo-

Phẩm 11: THÁNH GIẢ BỒ-TÁT VĂN-THÙ-SƯ-LỢI PHÁP VƯƠNG TỬ THƯA HỎI

Khi ấy, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, nương vào sở tác

trụ trì nghiệp sai biệt của Như Lai, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp thân của Như Lai có những tướng gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Tu hành như thật Thập địa Ba-la-mật, chuyển thân thành tựu được Pháp thân vi diệu. Nên biết, đó gọi là tướng Pháp thân của chư Phật Như Lai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp thân của chư Phật, có hai thứ tướng không thể nghĩ bàn; đó là Pháp thân lìa các hý luận, lìa tất cả các hành tướng hữu vi nhưng các chúng sinh lại dính mắc vào hý luận, vào hành tướng hữu vi.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thanh văn, Duyên giác đã đạt sự chuyển thân, thì gọi là Pháp thân, hay không phải Pháp thân?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Không phải Pháp thân.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không phải là Pháp thân thì là thân gì?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Gọi là thân giải thoát, chứ không phải là Pháp thân. Thanh văn, Duyên giác nương vào thân giải thoát; chư Phật Như Lai chuyển thân, ấy là bình đẳng. Nhưng Pháp thân của Phật sai biệt thù thắng. Pháp thân thù thắng là hơn hẳn tất cả Thanh văn, Duyên giác, công đức vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ, thù thắng, đặc biệt, kỳ lạ không thể thí dụ. Vì để phân biệt, đối trị điên đảo, cho nên người ấy nói Như Lai sinh.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật sinh ra đời, có những tướng gì?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Hóa thân sinh tướng, tướng tùy thế giới, tướng của tất cả loài, tất cả công đức trang nghiêm gìn giữ sẽ tương ưng. Nên biết, đó là tướng hóa thân sinh ra thế gian.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng Pháp thân chư Phật Như Lai thì không sinh.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con làm sao biết được tướng phương tiện hiện ra sự hóa thân đó?

Đức Phật bảo:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả cõi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới; ở những nhà có thế lực lớn và nhà có ruộng phước; cùng lúc có sự hạ cung nhập thai, rồi trụ thai và xuất thai; sinh rồi lớn lên thọ vui năm dục, rồi thực hành đại Xả, xuất gia, khổ hạnh, chứng Bồ-đề, chuyển bánh xe pháp, rồi nhập Niết-bàn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nên biết, đó gọi là phương tiện hiện ra sự hóa thân.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nương vào sức gìn giữ Pháp thân của Như Lai, có bao nhiêu ngôn ngữ nói pháp cho chúng sinh? Như Lai nói pháp nương vào đó, có thể giáo hóa chúng sinh, người chưa được thuần thục khiến được thuần thục; người được thuần thục rồi, khiến được giải thoát.

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai có ba ngôn ngữ, đó là nói Tu-đa-la, Tỳ-ni và Ma-đắc-lặc-già (là Khế kinh, Luật tạng và Luận tạng). Này Văn-thù-sư-lợi! Đó là ba thứ nên biết.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là Tu-đa-la? Những gì là Tỳ-ni? Những gì là Ma-đắc-lặc-già?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Một ít pháp sự ta đã nói, đó gọi là Tu-đa-la. Một ít pháp sự là bốn việc, là chín việc, là hai mươi chín việc.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bốn việc là việc nghe, việc quy y, việc học, việc Bồ-đề. Đó là bốn việc.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói chín việc là việc chỉ bày bố thí; việc chỉ cho chúng sinh cách thọ dụng; chỉ việc sinh; chỉ việc sinh trụ; chỉ việc nhiễm tịnh; chỉ đủ các loại việc; chỉ việc hay nói; chỉ việc có thể nói; việc của quyến thuộc. Đó gọi là chín việc.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói hai mươi chín việc là việc nương vào phiền não đối nhiễm các hành. Việc tùy thuận. Thế nào là việc tùy thuận? Là tùy thuận tướng người ấy, đời vị lai sinh việc nhân, nương vào pháp tướng ở vị lai mà hành nhân. Việc nương vào tịnh phần quán, tức là việc tu hành xứ ấy. Việc khiến tâm trụ. Việc hiện thân thọ lạc pháp hạnh. Việc vượt qua tất cả khổ quán hạnh, tức là biết việc ấy như thật. Việc ấy có ba thứ: Nương vào điên đảo nắm giữ, nương vào tướng chúng sinh, bên ngoài quán tướng tà hạnh nắm giữ, trong tâm không kiêu mạn nắm giữ. Việc tu hành trụ. Việc

hiện chứng. Việc tu hành. Việc tác hướng kiên cố. Việc quán chín thứ ấy. Việc quán sát xa lìa không xa lìa phương tiện. Việc hướng tán loạn. Việc không tán loạn, không mất. Việc tu hành không chướng ngại. Việc tu hành lợi ích. Việc hướng đến kiên cố. Việc hướng đến thật chứng ấy. Việc đầy đủ được Niết-bàn, Như Lai khéo nói pháp Tỳ-ni. Việc thế gian chánh kiến vượt hơn tất cả thù thắng của ngoại đạo. Việc không tu hành pháp ấy. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với pháp Tỳ-ni của Như Lai đã khéo nói, mà không thể tu hành, thì khiến cho pháp lành thoái lùi, đó không phải là lỗi tà kiến.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng Tỳ-ni?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Tướng Tỳ-ni là: Ta vì Thanh văn và các Bồ-tát, nói Ba-la-đề-mộc-xoa (giới luật) và pháp tương ưng Ba-la-đề-mộc-xoa. Đó là việc Tỳ-ni.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có bao nhiêu pháp, để nhiếp Ba-la-đề-mộc-xoa?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát có bảy pháp để nhiếp Ba-la-đề-mộc-xoa; đó là Bồ-tát biết nói pháp thọ trì, biết nói việc Ba-la-di (trọng tội), biết nói việc lỗi lầm, biết nói cái thể của việc lỗi lầm, biết nói cái thể của việc không lỗi lầm, biết nói về việc khởi lên lỗi lầm, biết nói về việc mất pháp thọ trì.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đó gọi là bảy pháp nhiếp Ba-la-đề-mộc-xoa của Bồ-tát, nên biết như vậy.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Ma-đắc-lặc-già?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Ta đã nói mười một thứ tướng, thị hiện liễu nghĩa kinh. Đó gọi là Ma-đắc-lặc-già.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là mười một tướng Ma-đắc-lặc-già?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Đó là tướng thế đế, tướng Đệ nhất nghĩa đế, tướng quán pháp Bồ-đề phần, tướng pháp ấy, tướng tự thể, tướng pháp quả ấy, tướng ghi nhận lời nói pháp ấy, tướng pháp chướng ấy, tướng pháp tùy thuận ấy, tướng lỗi lầm của pháp ấy, tướng lợi ích của pháp ấy.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng thế đế?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Tướng thế đế, có ba thứ, đó là: Nói về nhân tướng, nói về phân biệt thể tướng, quán các pháp suy nghĩ tạo ra đủ các loại nghiệp tướng, nên biết như thế.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng Đệ nhất nghĩa đế?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Tướng Đệ nhất nghĩa đế, có bảy thứ, như bảy thứ chân như đã nói ở trước:

1. Hành tướng Đệ nhất nghĩa đế, hữu vi từ vô thủy.

2. Tướng Đệ nhất nghĩa đế nghĩa là ngã không, pháp không.

3. Duy thức Đệ nhất nghĩa đế, biết hạnh hữu vi chỉ là tâm thức.

4. Dính mắc Đệ nhất nghĩa đế. Nghĩa là, ta nói Khổ đế.

5. Tà hạnh Đệ nhất nghĩa đế. Nghĩa là ta nói Tập đế.

6. Thanh tịnh Đệ nhất nghĩa đế. Nghĩa là, ta nói Diệt đế.

7. Tu hành chân chánh Đệ nhất nghĩa đế. Nghĩa là, ta nói Đạo đế.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hành tướng Đệ nhất nghĩa đế, dính mắc Đệ nhất nghĩa đế, Tà hạnh Đệ nhất nghĩa đế. Ba Đệ nhất nghĩa đế này, tất cả chúng sinh bình đẳng, không sai khác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tướng Đệ nhất nghĩa đế, Duy thức Đệ nhất nghĩa đế. Hai Đệ nhất nghĩa đế này, tất cả pháp bình đẳng không sai khác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thanh tịnh Đệ nhất nghĩa đế; Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bình đẳng, không sai khác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tu hành chân chánh Đệ nhất nghĩa đế, cũng như nghe pháp vi diệu sai khác, như quán Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, như nắm giữ Trí tuệ ba-la-mật, bình đẳng không sai khác, nên biết như thế.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là quán tướng của Bồ-đề pháp phần?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Quán tướng của pháp Bồ-đề phần, là quán tất cả các việc.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp tướng ấy?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp tướng ấy là như trong tám cách quán, nên biết.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là tám cách quán?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Là nương vào thật đế, trụ đế, lỗi lầm, công đức, thông tướng, hình tướng, tướng ưng tướng, rộng hẹp nói tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thật đế tướng là chân như, Trụ đế tướng là nhân tướng, phân biệt thể sai khác. Tướng trả lời thẳng. Tướng phân biệt trả lời theo câu hỏi. Tướng trả lời trực tiếp. Tướng thị hiện việc bí mật.

Tướng lỗi lầm là ta nói về lỗi của các pháp nhiễm.

Tướng công đức là ta nói tất cả tịnh pháp là tướng vô lượng lợi ích.

Tướng thông là nên biết có sáu thứ: Chân thật nghĩa thông, đắc thông, thuyết thông, lìa hai bên thông, không thể nghĩ bàn thông và ý thông.

Tướng hình là ba tướng thứ hữu vi, bốn thứ nhân duyên của ba đời.

Tướng tương ưng, nên biết có bốn thứ: Tương ưng tướng đãi, tương ưng với năng tác và sở tác, tương ưng sinh, tương ưng pháp thể.

Tương ưng tướng đãi là những nhân gì, những duyên gì có khả năng sinh hạnh hữu vi danh tự đẳng dụng. Đó gọi là tương ưng tướng đãi.

Tương ưng năng tác sở tác, là những nhân gì, những duyên gì mà có khả năng đạt được pháp, có khả năng sinh pháp. Có khả năng sinh pháp rồi, liền có khả năng thành biện nghiệp. Đó gọi là tương ưng năng tác sở tác.

Tướng ưng sinh, nghĩa là những nhân gì, những duyên gì để biết pháp, nói pháp, hiện ra pháp, có khả năng thành tựu, có khả năng hiểu biết chân chánh. Đó gọi là tương ưng sinh.

Tương ưng pháp thể, nói sơ lược có hai thứ sạch và không sạch. Này Văn-thù-sư-lợi! Tịnh có năm tướng, bất tịnh có bảy tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tịnh có năm tướng?

1. Hiện tiền thấy tướng.

2. Nương vào hiện tiền đó thấy tướng.

3. Tự tướng thí dụ tướng.

4. Thành tựu tướng.

5. Nói thanh tịnh A-hàm tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là hiện tiền thấy tướng? Nghĩa là, tất cả hạnh hữu vi là vô thường. Tất cả hạnh hữu vi là khổ. Tất cả pháp là vô ngã, hiện tiền thấy pháp thế gian. Nên biết, như vậy... gọi là hiện tiền thấy tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là nương vào hiện tiền mà thấy tướng? Nghĩa là, tất cả hạnh hữu vi là nhất tướng, không mất nghiệp lành và nghiệp ác ở đời vị lai, nương vào thô pháp đó để hiện thấy; nương vào đủ các

nghiệp thấy đủ loại chúng sinh để hiện thấy; nương vào nghiệp lành và ác để hiện thấy sự chịu khổ, hưởng vui. Đối với pháp hiện thấy, những thí dụ, như vậy đều nương vào tướng để hiện thấy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tướng của tự tướng thí dụ, là trong ngoài, tất cả thế gian hiện thấy thí dụ nhân duyên. Nên biết, như thế gọi là tự tướng nhân duyên thí dụ. Nương vào tướng hiện thấy đó, nương vào tướng hiện thấy tướng thí dụ, hướng thẳng đến thành tựu việc ấy. Nên biết, đó gọi là tướng thành tựu.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tướng A-hàm thanh tịnh? Nghĩa là người Nhất thiết trí, nói tướng Niết-bàn vắng lặng. Nên biết như thế... gọi là tướng A-hàm thanh tịnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông nên xem xét một cách sâu xa, về năm tướng thanh tịnh như vậy. Xem xét một cách thấu triệt rồi, sẽ biết là thanh tịnh. Nên biết, biết thanh tịnh rồi sẽ tu hành như vậy.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu pháp, biết được tướng của người Nhất thiết trí?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Có năm pháp để biết tướng của người Nhất thiết trí; đó là:

1. Có người xuất thế, đối với tất cả các hàng trời, người ở thế gian, gọi là Nhất thiết trí.

2. Có người thành tựu rốt ráo ba mươi hai tướng đại nhân, đạt được pháp mười Lực.

3. Có khả năng cắt đứt mọi nghi ngờ cho tất cả chúng sinh.

4. Có đầy đủ bốn Vô úy, hàng phục tất cả oán địch của ma.

5. Nói pháp không ai có thể vấn nạn, gây ra chướng ngại; khi nói pháp, khéo nói về tám Thánh đạo và Bồ-đề phần, hiện chứng và thành tựu bốn quả Sa-môn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nương sinh nương tướng như vậy, cắt đứt nghi ngờ, hàng phục không còn ai có thể làm khó dễ, hiện thấy năm pháp Sa-môn hiện tiền. Nên biết, đó gọi là tướng người Nhất thiết trí.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nương vào tương ưng sinh thành, tương ưng hiện thấy, tương ưng lượng, tương ưng tỷ trí, tương ưng Thánh nhân nói pháp, biết năm tướng. Nên biết, đó gọi là tướng thanh tịnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là bảy tướng không thanh tịnh? Nghĩa

là, tướng ấy giống như kiến tướng, không tướng ấy giống kiến tướng, có tất cả tướng giống kiến tướng, tất cả không tướng giống kiến tướng, tự thí dụ dị tướng, tướng bất thành, nói pháp tướng A-hàm không thanh tịnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tất cả tướng giống kiến tướng? Nghĩa là, tất cả pháp nương vào ý thức biết đồng tướng. Như vậy,... gọi là tất cả pháp tướng giống đồng kiến tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tất cả pháp không tướng, giống kiến tướng? Nghĩa là, pháp tướng thể tướng, nghiệp pháp nhân quả dị tướng, mỗi mỗi tướng là dị tướng, rốt ráo đủ các tướng đó là đại dị tướng. Như vậy,... gọi là tất cả không tướng giống không đồng kiến tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tự thí dụ dị tướng? Nghĩa là, tướng ấy giống kiến tướng thí dụ, có tất cả không tướng giống không đồng tướng. Vì thành việc ấy, nhất hướng không thành. Thế nên, ta nói tướng không thành ấy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trong tự thí dụ không tướng ấy giống kiến tướng, có tất cả tướng giống đồng tướng. Vì thành việc ấy, nhất hướng không thành. Thế nên, ta nói tướng không thành. Nếu tướng không thành thì pháp ấy không thanh tịnh. Nếu pháp ấy không thanh tịnh, thì không nên tu hành. Thế nên, ta nói tướng A-hàm không thanh tịnh. Nên biết, bởi tự tánh không thanh tịnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là pháp thể? Nghĩa là, Như Lai ra đời và không ra đời thì vẫn có pháp trụ, pháp thể, pháp giới. Nên biết, đó gọi là tướng pháp thể.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng hẹp rộng?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nghĩa là lược nói một câu. Một câu ấy là thượng thượng câu sai biệt của vô lượng câu, cho đến nói chỗ nên đến. Nên biết, đó gọi là nói hẹp.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là đắc tướng?

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nghĩa là nắm lấy các pháp, xét thấy Bồ-đề pháp phần. Ta nói Bồ-đề pháp phần, bốn Niệm xứ... Đó gọi là pháp tự thể tướng, cùng với thế gian, xuất thế gian xa lìa nhiễm tướng. Quả của pháp ấy phát khởi công đức thế gian và xuất thế gian. Đó gọi là đắc tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp ấy, nương vào trí giải thoát mà thọ dụng. Nên biết như thế. Giảng nói khai thị rông rãi cho mọi người. Đó gọi là pháp

tùy thuận thị hiện tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tu hành Bồ-đề pháp phần ấy, là lìa tướng đạo, trái với nhiễm pháp. Đó gọi là hướng đến chướng pháp. Nên biết như thế.

Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp kia sinh nhiều, tăng trưởng, gọi là tùy thuận pháp tướng ấy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chướng ngại các pháp, gọi đó là tướng lỗi lầm.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tùy thuận pháp công đức ấy, gọi là tướng lợi ích. Nên biết như thế.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn vì các Bồ-tát một lần nữa, lược nói về nghĩa của Tu-đa-la, Tỳ-ni, Ma-đắc-lặc-già (ba tạng Kinh, Luật, Luận); không cùng với tướng của tất cả ngoại đạo, Nhị thừa Đà-la-ni; chư Phật Như Lai nói pháp sâu xa, các Bồ-tát được ý sâu dày, khi được rồi, có khả năng nhập vào tất cả pháp Phật.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nay ông hãy lắng nghe. Ta sẽ vì ông mà lược nói nghĩa Đà-la-ni. Các Bồ-tát... nghe pháp ta rồi, có thể được ý ta. Được ý ta rồi, thì nhập vào pháp của ta.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là lược nói nghĩa Đà-la-ni? Đó là tất cả nhiễm pháp, tất cả tịnh pháp, tất cả pháp bất giác, tướng vô tác, tướng không phân biệt, tướng vô ngã. Ta đã nói các pháp như vậy, như vậy. Ta đã nói rằng bất giác, vô tác, không phân biệt, không ngã tướng. Do tất cả tướng vô giác, vô ngã, thế nên là nhiễm pháp. Chứ chẳng phải trước thì nhiễm, sau được tịnh, các tịnh pháp cũng chẳng phải trước thì tịnh sau gọi là nhiễm. Ngu si phàm phu nương vào cái nhiễm không thật, thân dính mắc ngã pháp, tìm tướng tự thể, nương vào nhân tà kiến mà nói có ngã. Nghĩa là, ta có thể thấy, có thể nghe, có thể ngửi, có thể biết vị và có thể giác xúc. Ta có thể biết ta, có thể ăn, ta nhiễm, ta tịnh, từ đó sinh ra các hạnh tà kiến. Như vậy, nếu người có khả năng như thật biết lìa thân phiền não như vậy, thì người ấy, có khả năng lìa hết các phiền não, cắt đứt mọi hý luận, rốt ráo trong sạch, được thân vô vi, không còn tất cả các hạnh hữu vi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nên biết, đây gọi là lược nói nghĩa Đà-la-ni.

Lúc đó, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Các pháp vốn không nhiễm
Sau thời không thanh tịnh
Nhiễm cùng với thanh tịnh

Là các pháp vô ngã.
Thân nhiễm thấy có ngã
Sinh ra ngã sở tưởng
Ngã nhiễm và thanh tịnh
Ngã kiến và bữa ăn.
Nếu hay biết như vậy
Người ấy lìa phiền não
Là được thân vô nhiễm
Thế nên gọi vô vi.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tâm sinh của Như Lai Thế Tôn có những tướng gì? Xin vì con mà nói.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai chẳng phải tâm ý, ý thức được danh, mà do không có các hành nghiệp, tâm sinh được danh. Nương vào thân Ứng hóa, nói đó là sinh.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Pháp thân lìa các hành nghiệp, thì tại sao lìa các hành do tâm tạo ra mà có thể sinh tâm?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nương vào cái gốc là phương tiện trí tuệ để tu hành, tự nhiên mà sinh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như ngủ nghỉ, tâm không giác khởi, nhưng vẫn có thể giác khởi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như nhập diệt tận định, không khởi tâm, nhưng nương vào cái gốc do tâm tạo ra, tự nhiên mà khởi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như hai việc ngủ nghỉ và diệt tận; tâm định không khởi, chỉ nương vào cái gốc mà khởi. Như vậy, tâm sinh của Như Lai nương vào cái gốc là trí tuệ và phương tiện, tu hành thành tựu. Nên biết như thế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật nói Như Lai ứng hóa sở tác hóa thân, là có tâm hay là không tâm?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nói có tâm cũng được, nói không tâm cũng được. Vì sao? Vì tự tâm không được tự tại cho nên nói là không tâm, phải

nhờ tha lực cho nên nói là có tâm.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói: Hành xứ của Như Lai, cảnh giới của Như Lai, hai pháp này có sai biệt gì?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nói hành xứ của Như Lai, là tất cả chư Phật công đức bình đẳng, không thể nghĩ bàn; là vô lượng công đức trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Đó là hành xứ của chư Phật Như Lai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói cảnh giới của Như Lai là nói đến năm thứ: Chúng sinh giới, thế giới, pháp giới, khả hóa cõi chúng sinh và phương tiện giới.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nên biết, hành xứ Như Lai, cảnh giới Như Lai khác nhau như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn Như Lai chứng đắc đại Bồ-đề; chuyển bánh xe đại pháp; nhập đại Niết-bàn. Ba tướng này, sai khác thế nào, con làm sao để biết?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Không có hai tướng. Không chứng Bồ-đề, chẳng phải không chứng Bồ-đề; không chuyển pháp luân, chẳng phải không chuyển pháp luân; chẳng phải nhập đại Niết-bàn, chẳng phải không nhập đại Niết-bàn.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu nghĩa Đức Thế Tôn dạy. Vì sao? Vì Pháp thân của Như Lai xưa nay luôn thanh tịnh, hiện ra bằng thân Ứng hóa.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh thấy thân Ứng hóa ấy, nghe thân Ứng hóa, hiểu thân Ứng hóa, cúng dường ca ngợi thân Ứng hóa, mà đạt được các công đức; vậy đối với thân nào mà được?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Do có khả năng nhớ nghĩ chân chánh về thân Như Lai, do thân Ứng hóa nương vào sức giữ gìn Pháp thân của Như Lai mà được.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đẳng vô tâm không tạo tác, không hành; vì nghĩa

gì, Pháp thân của Như Lai, vì các chúng sinh mà phóng ánh sáng lớn và hiện ra vô lượng cảnh tượng ứng hóa; còn thân giải thoát của các Thanh văn, Bích-chi-phật... không có tướng như vậy.

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Đẳng vô tâm không tạo tác, thí như châu ma-ni nhật nguyệt... vì các chúng sinh mà phát ra ánh sáng lớn và các vật. Nhưng nước lưu ly, châu pha lê, đẳng vô tâm không tạo tác, không phát ra tất cả ánh sáng... các vật. Vì sao? Vì nương vào sức giữ gìn của đại chúng mà sinh, nương vào tăng thượng nghiệp của chúng mà sinh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như châu báu, khéo mài giũa, nó liền phát ra ảnh tượng; còn các cái không được mài giũa, thì không thể phát ra ánh sáng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai cũng lại như vậy. Nương vào vô lượng pháp, xem xét chân chánh, tu hành trí tuệ phương tiện, tạo các nghiệp lành, vun bồi căn lành, nương vào Pháp thân Phật, trí tuệ phương tiện, phát ra các ánh sáng và phóng vô lượng ứng hóa sắc tượng. Thân giải thoát của Thanh văn, Duyên giác, không thể tu tập tất cả căn lành, cho nên không thể phát.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói nương vào sức giữ gìn của chư Phật, Bồ-tát, tất cả chúng sinh thành tựu thân công đức thế gian. Đó là được sinh trong dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, nhà Đại trưởng giả, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; ở mọi nơi, hết thảy thân đều thành tựu tất cả quả báo công đức; tất cả đều nương vào sức giữ gìn của chư Phật Bồ-tát mà được. Vì ý gì mà Thế Tôn nói như thế?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Sức giữ gìn của Như Lai và sức của Bồ-tát; nói ra tùy theo những đạo nào, tu hành những gì. Nếu có người, có khả năng nương vào đạo đó, mà tu hành như thật, thì người ấy thành tựu tất cả chỗ sinh ra, tất cả thân, tất cả quả báo thế gian.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu người không thể tin theo đạo ấy, lại không thể tu hành như thật, chê bai pháp của ta, tranh luận pháp ta; đối với thân ta sinh tâm sân hận ác độc, người ấy khi chết, thân sinh ra nơi nào, luôn phải chịu tất cả những xấu xa thấp hèn... chịu quả báo ác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nương vào nghĩa đó, ông nay nên biết! Chẳng phải chỉ thành tựu thân tối thượng vi diệu và quả báo thù thắng, do nương vào sức trụ trì của Như Lai; mà khi chịu thân xấu xa thấp hèn và quả báo không tốt, cũng nương vào sức trụ trì của Như Lai mà được.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ở trong các cõi nước không sạch, pháp nào dễ được, pháp nào khó được?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Trong các cõi nước không sạch có tám việc dễ được, hai việc khó được. Những gì là tám? Đó là:

1. Ngoại đạo dễ được.

2. Chịu khổ chúng sinh dễ được.

3. Sinh vào nhà thấp hèn, thế lực bại hoại dễ được.

4. Chúng sinh ác hạnh dễ được.

5. Chúng sinh phá giới dễ được.

6. Chúng sinh vào đường ác dễ được.

7. Chúng sinh phát tâm Tiểu thừa thấp hèn dễ được.

8. Bồ-tát phát tâm hẹp hòi dễ được.

Này Văn-thù-sư-lợi! Những gì là hai việc khó được? Bồ-tát tu hành tâm cao thượng khó được, chư Phật Như Lai ra đời khó được.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trong cõi Phật trong sạch có tám việc khó được và hai việc dễ được, nên biết như vậy.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp môn Tu-đa-la thâm mật giải thoát này, gọi tên là gì và phụng trì như thế nào?

Đức Phật dạy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp môn này tên là kinh Thuyết Chư Phật Như Lai Trụ Trì Lực Liễu Nghĩa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Những gì Như Lai đã nói nghĩa, đó là Tu-đa-la Liễu Nghĩa, ông nên phụng trì.

Khi Đức Phật nói kinh Như Lai Trụ Trì Lực Liễu Nghĩa này, có bảy vạn năm ngàn Bồ-tát đạt được Pháp thân đầy đủ. Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử và tất cả các hàng Trời, Người, A-tu-la và đại chúng đều vui vẻ thọ nhận tu hành.

-oOo-

SỐ 676

KINH GIẢI THÂM MẬT

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Huyền Trang.

QUYỂN 1

Phẩm 1: MỞ ĐẦU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở trong cung điện lớn, được làm bằng bảy báu rực rỡ lạ thường, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô biên cõi nước, nơi đó có vô số khu vực được trang hoàng xen nhau rất tuyệt diệu, vô giới hạn khó mà ước tính được, vượt lên trên ba cõi. Nơi đây được tạo thành do các thiện căn tối thượng, nơi lấy tâm thức trong sạch và tự tại vô ngại làm bản thể, nơi Đức Thế Tôn an trú, nơi các Đại Bồ-tát vân tập, nơi vô số tám bộ chúng thường xuyên đến hội họp, nơi sinh hoạt bằng sự vui thích mùi vị chánh pháp, nơi xuất phát mọi sự ích lợi chân thật cho chúng sinh, nơi dứt hẳn phiền não, tai ương, buộc ràng và nhơ bẩn, nơi tách rời các loại ma, nơi được sự trang nghiêm của Như Lai, nơi lấy đại niệm, đại tuệ và đại hạnh làm đường đi, nơi lấy đại chỉ, diệu quán làm phương tiện, nơi lấy đại không đại vô tướng đại vô nguyện làm cửa vào, nơi được kiến lập bởi các đại bảo hoa vương, nơi được trang nghiêm bởi vô lượng công đức.

Trong cung điện, Đức Thế Tôn tuệ giác thanh tịnh hiện hành pháp bất nhị đạt đến vô tướng, an trụ nơi trụ địa chư Phật đạt tính bình đẳng không chướng ngại, không lay chuyển. Chỗ thành lập của Đức Thế Tôn không thể nghĩ bàn, thấu suốt pháp tánh bình đẳng trong ba đời. Thân Phật lưu bố khắp tất cả thế giới, trí không nghi ngại đối với tất cả các pháp, các hạnh đều thành tựu đại giác, trí không nghi hoặc đối với các pháp. Tất cả hiện thân của Phật đều không thể phân biệt. Đó chính là cái trí tuệ vô nhị, thắng bỉ ngạn, không xen tạp, là diệu trí giải thoát của Như Lai, rốt ráo chứng không ở giữa không ở hai bên của Phật mà tất cả Bồ-tát đều mong cầu.

Cùng với Đức Thế Tôn, bấy giờ có đủ vô lượng chúng đại Thanh văn, tất cả đều là Phật tử thuận thành. Tâm của các vị rất giải thoát, tuệ rất giải thoát, giới rất thanh tịnh cùng hướng cầu cái vui của giáo pháp. Đây là những bậc học hỏi nhiều, giữ gìn và tích chứa nhiều học hỏi. Suy nghĩ ý tốt, nói việc tốt, làm điều tốt. Trí tuệ các vị nhanh chóng, mẫn tiệp, sắc bén và quyết đoán. Trí tuệ thì rộng lớn không gì bằng, thành tựu quý báu đầy đủ ba sáng suốt. Đây là những bậc đạt được niềm vui đệ nhất hiện pháp, an trụ đại tịnh phúc điền, là những bậc đầy đủ oai nghi vắng lặng, thành tựu nhu hòa nhẫn nhục lớn không suy giảm, khéo vâng giữ Thánh giáo của Như Lai.

Lại có vô lượng Bồ-tát Ma-ha-tát từ các cõi Phật về tập hợp. Các vị đều an trụ trong Đại thừa, du hóa pháp Đại thừa, tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, lìa các phân biệt và không phân biệt mọi thứ phân biệt, hàng phục tất cả ma oán, xa lìa mọi tác ý của Thanh văn, Độc giác, giữ pháp vị hỷ lạc rộng lớn, vượt qua năm thứ sợ hãi, một mạch thẳng vào địa vị không thoái chuyển, dứt hết mọi bức bách khổ não của chúng sinh hiện đã có mặt trước Đức Thế Tôn.

Tên các vị thượng thủ đó là Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý, Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn, Đại Bồ-tát Pháp Dũng, Đại Bồ-tát Thiện Thanh Tịnh Tuệ, Đại Bồ-tát Quảng Tuệ, Đại Bồ-tát Đức Bản, Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Từ Thị, Đại Bồ-tát Mạn-thù…

-oOo-

Phẩm 2: THẮNG NGHĨA (Thắng nghĩa đế tướng)

Bấy giờ, ở trước Đức Thế Tôn, Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn hỏi Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý:

–Tối thắng tử! Nói các pháp Bất nhị thì các pháp là những gì? Tại sao lại bất nhị?

Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý trả lời Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn:

–Này thiện nam! Các pháp đại khái có hai: Một là hữu vi; hai là vô vi. Trong ấy, hữu vi không phải là hữu vi, không phải là vô vi; vô vi không phải là vô vi, không phải là hữu vi, nên nói là bất nhị.

Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn lại hỏi Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý:

–Tối thắng tử! Như thế nào gọi là hữu vi không phải là hữu vi, vô vi, vô vi không phải là vô vi, hữu vi?

Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý trả lời Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn:

–Này thiện nam! Nói hữu vi thì đó là cái đức của Bản sư giả thiết; nếu là cái đức của Bản sư giả thiết thì cái ấy là Biến kế chấp trước và được ngôn ngữ diễn tả; nếu là cái Biến kế chấp trước và được ngôn ngữ diễn tả thì cuối cùng chỉ toàn là cách Biến kế chấp trước và ngôn ngữ diễn tả chứ không phải chân thật, vì vậy mà không phải là hữu vi. Nói vô vi thì cũng rơi vào ngôn ngữ; ngoài hữu vi vô vi mà nói chút ít gì đi nữa thì cũng là như thế. Thế nhưng, không phải không sự thể mà có nói phô; sự thể ấy là gì, là các Thánh giả, bằng sự thấy biết rất bậc Thánh, tách rời ngôn ngữ nên thể hiện sự Chánh biến giác đối với pháp tánh; rồi chính nơi pháp tánh tách rời ngôn ngữ ấy, các vị muốn làm cho người khác cũng thể hiện Chánh biến giác, nên giả thiết ngôn từ mà nói là hữu vi.

Thiện nam! Nói vô vi thì đó cũng là cái đức của Bản sư giả thiết; nếu là cái đức của Bản sư giả thiết thì cái ấy là Biến kế chấp trước và được ngôn ngữ diễn tả; nếu là cái Biến kế chấp trước và được ngôn ngữ diễn tả thì cuối cùng chỉ toàn là cách Biến kế chấp trước và ngôn ngữ diễn tả chứ không phải chân thật, vì vậy mà không phải là vô vi. Nói hữu vi thì cũng sa vào ngôn ngữ; ngoài vô vi hữu vi mà nói chút ít gì đi nữa thì cũng là như thế. Thế nhưng, không phải không sự thể mà có nói phô; sự thể ấy là gì, là các Thánh giả, bằng sự thấy biết rất bậc Thánh, tách rời ngôn ngữ nên thể hiện sự Chánh biến giác đối với pháp tánh; rồi chính nơi pháp tánh tách rời ngôn ngữ ấy, các vị muốn làm cho người khác cũng thể hiện Chánh biến giác, nên giả thiết ngôn từ mà nói là vô vi.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn lại hỏi Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý:

–Tối thắng tử! Như thế nào gọi là sự thể các Thánh giả, bằng sự thấy biết rất bậc Thánh, tách rời ngôn ngữ nên thể hiện sự Chánh biến giác đối với pháp tánh; rồi chính nơi pháp tánh tách rời ngôn ngữ ấy, các vị muốn làm cho người khác cũng thể hiện Chánh biến giác, nên giả thiết ngôn từ mà hoặc nói là hữu vi, hoặc nói là vô vi?

Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý trả lời Đại Bồ-tát Như Lý Thỉnh Vấn:

–Thiện nam! Như nhà ảo thuật, hay đồ đệ của nhà ảo thuật, đứng giữa ngả tư, gom cỏ lá ngói gạch và những vật liệu cùng việc, làm ra những ảo trạng tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, ma-ni, chân châu, lưu ly, loa bối, bích ngọc, san hô, kho tàng tiền của, kho tàng thóc gạo… Những kẻ

thuộc loại ngu đần, hiểu sai, không trí thức, thì thấy nghe những ảo trạng trên với các vật liệu rồi, thì rằng những gì mình thấy nghe thật là tượng binh cho đến kho tàng thóc gạo…, lại y như sự thấy nghe ấy mà cố chấp và diễn tả, cho rằng chỉ sự thấy nghe ấy là đúng, ai nói khác đi là dốt và dối cả. Những kẻ như vậy sau đó rất cần quan sát lại. Còn những người thuộc loại không ngu đần, hiểu đúng, có trí thức, thì thấy nghe những ảo trạng trên với các vật liệu rồi, nghĩ rằng những gì mình thấy nghe toàn không thật: tượng binh cho đến kho tàng thóc gạo…, thế nhưng có những ảo trạng mê hoặc thị giác, nên tưởng đây là bản thân con voi và đây là chi tiết trên bản thân ấy, cho đến tưởng đây là bản thân kho tàng thóc gạo và đây là chi tiết trên bản thân ấy; họ không y như sự thấy nghe mà cố chấp và diễn tả, cho rằng chỉ sự thấy nghe ấy là đúng, ai nói khác đi là dốt và dối cả. Nhưng họ muốn làm cho người khác cũng biết sự thật như vậy nên cũng sử dụng ngôn từ. Những người như vậy sau đó không cần quan sát nữa.

Tương tự như vậy, những kẻ thuộc loại ngu phu, thuộc loại dị sinh, chưa được tuệ giác siêu việt thế gian của các vị Thánh giả, thì không thể thấu hiểu pháp tánh tách rời ngôn ngữ của các pháp, nên thấy nghe các pháp hữu vi, vô vi rồi, nghĩ rằng cái mình thấy nghe được đó quyết định thật là hữu vi hay vô vi, lại đúng như sự thấy nghe ấy mà cố chấp và diễn tả, cho rằng chỉ sự thấy nghe ấy là đúng, ai nói khác đi là dốt và dối cả. Những kẻ như vậy sau đó rất cần quan sát lại. Còn những người không thuộc loại ngu phu, đã thấy chân lý của Thánh giả, đã được tuệ giác siêu việt thế gian của Thánh giả, thì thấu hiểu một cách đúng như sự thật về pháp tánh tách rời ngôn ngữ của các pháp, nên thấy nghe các pháp hữu vi hay vô vi rồi nghĩ rằng cái mình thấy nghe được đó quyết định không thật là hữu vi, vô vi; thế nhưng, có hành tướng của sự phân biệt như ảo trạng mê hoặc tuệ giác, nên có ý tưởng về bản thân hữu vi hay vô vi, có ý tưởng về chi tiết nơi bản thân hữu vi hay vô vi; nghĩ như vậy nên không y như sự thấy nghe mà cố chấp và diễn tả, cho rằng chỉ sự thấy nghe ấy là đúng, ai nói khác đi là dốt và dối cả. Nhưng họ muốn làm cho người khác cũng biết sự thật như vậy nên cũng sử dụng ngôn từ. Những người như vậy sau đó không cầu quan sát nữa.

Vì vậy, này thiện nam! Trong sự thể này các vị Thánh giả, bằng sự thấy biết rất Thánh, tách rời ngôn ngữ nên thể hiện sự Chánh biến giác đối với pháp tánh, rồi chính nơi pháp tánh tách rời ngôn ngữ ấy, các ngài muốn làm cho người khác cũng thể hiện Chánh biến giác nên giả thiết ngôn từ mà nói là hữu vi, nói là vô vi.

Đại Bồ-tát Giải Thâm Nghĩa Ý muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ:

Pháp tánh bất nhị
Tách rời ngôn ngữ
Mà Thế Tôn nói
Thì rất sâu xa,
Không phải người ngu
Có thể hiểu biết
Với pháp tánh ấy
Những kẻ ngu phu
Thì bị mê hoặc
Vì sự ngu dốt,
Nên thích nắm lấy
Hai pháp y cứ
Vận dụng ngôn từ
Hý luận đủ cách.
Họ thành những kẻ
Thuộc nhóm bất định
Hay còn hơn nữa
Thuộc nhóm tà định
Nên đã trôi lăn
Ở trong cái khổ
Của sự sống chết
Rất là lâu dài
Nay lại trái nghịch
Đối với tuệ giác
Cùng với ngôn luận
Rất là chính xác,
Nên trong vị lai
Họ phải sinh vào
Loài bò, loài dê
Các loài như thế.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Pháp Dũng bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Ở phía Đông cõi này, qua bảy mươi hai hằng hà sa thế giới hệ, có thế giới hệ tên Đủ tiếng khen lớn, Đức Thế Tôn giáo chủ hiệu Tiếng Khen Rộng Lớn. Trước đây con từ cõi Phật ấy mà đến cõi này. Tại cõi Phật ấy, con từng thấy một nơi có bảy mươi bảy ngàn ngoại đạo, gồm cả các bậc thầy của họ, cùng ngồi với nhau. Để nghĩ về sắc thái của thắng nghĩa nơi các pháp, họ chung nhau bàn luận, cân nhắc, xem xét. Suy tầm khắp cả mà rốt cuộc họ không biết được thắng nghĩa của các pháp,

chỉ có những cái biết phức tạp, mâu thuẫn, bất định, nên họ chống nhau, cãi nhau, miệng lưỡi xuất ra giáo với lao mà đâm thọc nhau, quấy phá nhau, rồi họ giải tán. Lúc ấy con nghĩ riêng như vầy, sự xuất thế của các Đức Thế Tôn thật là hiếm có, bởi vì nhờ sự xuất thế ấy mà đối với cái thắng nghĩa siêu việt lĩnh vực tầm tư vẫn có những người thấu suốt chứng ngộ.

Đức Thế Tôn bảo:

–Thiện nam! Đúng vậy! Đúng như ông nói! Đối với thắng nghĩa siêu việt tầm tư, Như Lai đã thành tựu Chánh biến giác và nói rõ cho mọi người.

Này Pháp Dũng! Như Lai nói thắng nghĩa thì Thánh giả tự chứng ngộ từ bên trong, còn đối tượng tầm tư thì dị sinh chuyền cho nhau mà hiểu biết; thế nên, do điều này mà ông nên biết thắng nghĩa siêu việt lĩnh vực tầm tư. Này Pháp Dũng! Như Lai nói thắng nghĩa thì tuệ giác vô tướng lãnh hội, còn tầm tư thì chỉ biết về đối tượng hữu tướng; thế nên, Pháp Dũng! Do điều này mà ông nên biết thắng nghĩa siêu việt lĩnh vực tầm tư. Pháp Dũng! Như Lai nói thắng nghĩa thì không thể nói phô, còn tầm tư thì chỉ biết bằng sự nói phô, do điều này mà ông nên biết thắng nghĩa siêu việt lĩnh vực tầm tư. Pháp Dũng! Như Lai nói thắng nghĩa thì tuyệt hết mọi sự biểu thị, còn tầm tư thì chỉ biết bằng sự biểu thị; thế nên, Pháp Dũng! Do điều này mà ông nên biết thắng nghĩa siêu việt lĩnh vực tầm tư. Pháp Dũng! Như Lai nói thắng nghĩa thì tuyệt hết mọi sự tranh luận, còn tầm tư thì chỉ biết bằng sự tranh luận; thế nên, Pháp Dũng! Do điều này mà ông nên biết thắng nghĩa siêu việt lĩnh vực tầm tư.

Này Pháp Dũng! Nên nhận thức rằng, tựa như có kẻ suốt đời đã quen mùi vị cay đắng, thì đối với mùi vị của mật và đường, kẻ ấy không thể tầm tư, so sánh, tin hiểu. Hoặc như những kẻ trong bao thời gian khẳng định dục vọng, lửa dục nung đốt, thì đối với cái vui siêu thoát tinh tế do từ bên trong đã loại bỏ năm dục, kẻ ấy không thể tầm tư, so sánh, tin hiểu. Hoặc như những kẻ trong bao thời gian khẳng định ngôn từ, ưa thích ngôn từ hoa dạng của thế gian, thì đối với cái vui lặng thinh thánh thiện do sự yên tĩnh từ bên trong, kẻ ấy không thể tầm tư, so sánh, tin hiểu. Hoặc như những kẻ trong bao thời gian khẳng định sự biểu thị của thấy nghe hay biết, ưa thích những sự biểu thị có tính thế gian, thì đối với Niết-bàn toàn hảo do hủy diệt mọi sự biểu thị và cái thân năm uẩn, kẻ ấy không thể tầm tư, so sánh, tin hiểu. Hoặc như những kẻ mà trong bao thời gian khẳng định về ngã sở, chiếm hữu và tranh luận, ưa thích mọi sự tranh luận của thế gian, thì đối với sự không ngã sở, chiếm hữu và tranh luận của nhân loại ở đại lục Bắc Câu-lô, kẻ ấy không thể tầm tư, so sánh, tin hiểu. Tương tự như vậy, Pháp

Dũng! Những kẻ tầm tư thì đối với thắng nghĩa siêu việt cái biết của tầm tư, họ không thể tầm tư, so sánh, tin hiểu.

Để lặp lại ý nghĩa đã nói, lúc ấy Đức Thế Tôn nói bài tụng sau đây:

Chứng ngộ từ trong
Vô tướng lãnh hội
Không thể nói phô
Tuyệt hết biểu thị,
Đình chỉ tranh luận
Thắng nghĩa như vậy
Siêu việt hết thảy
Sắc thái tầm tư.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Thiện Thanh Tịnh Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thật diệu kỳ, thật khéo giảng nói, nói thắng nghĩa rất vi tế, rất sâu, khó thấu, vượt trội đặc tính đồng nhất hay dị biết đối với các hành.

Bạch Thế Tôn! Chính tại cõi này, con từng thấy một nơi có các vị Bồ-tát đồng đẳng tu hành chân thật về quả vị Thắng giải hành cùng ngồi với nhau, chung nhau nghĩ bàn về thắng nghĩa đối với các hành là một hay khác nhau. Trong đó, một số nói thắng nghĩa với các hành hoàn toàn là một; một số nói không phải thắng nghĩa với các hành hoàn toàn là một, mà là tuyệt đối khác nhau; một số nghi hoặc, do dự, nói các vị ấy ai thật ai dối, ai đúng ai sai, khi một số nói thắng nghĩa với các hành là một, một số nói thắng nghĩa với các hành khác nhau.

Bạch Thế Tôn! Thấy như vậy, con nghĩ rằng các thiện nam này ngây thơ, không sáng, không khéo và không đúng; đối với thắng nghĩa rất vi tế, rất sâu và siêu việt nhất dị đối với các hành, họ không thấu hiểu.

Đại Bồ-tát Thiện Thanh Tịnh Tuệ kính bạch như vậy rồi, Đức Thế Tôn nói:

–Thiện nam! Đúng vậy! Đúng như ông nói! Các thiện nam ấy ngây thơ, không sáng, không khéo và không đúng; đối với thắng nghĩa rất vi tế, rất sâu và siêu việt nhất dị đối với các hành, họ không thấu hiểu. Lý do là vì, đối với các hành, không phải khi nhận thức như vậy mà gọi là thấu hiểu hay chứng ngộ thắng nghĩa.

Trước hết, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu thắng nghĩa với các hành là một thì đáng lẽ hiện nay tất cả dị sinh đã thấy đế lý, đã được Niết-bàn yên ổn, đã chứng Bồ-đề tối thượng; nếu thắng nghĩa với các hành khác nhau thì đáng lẽ người đã thấy đế lý không thể trừ khử các hành, không trừ

khử các hành thì không thể giải thoát tướng phược, không giải thoát tướng phược thì không thể giải thoát trọng phược, không giải thoát hai phược ấy thì không thể được Niết-bàn yên ổn, cũng không thể chứng Bồ-đề tối thượng. Nhưng, vì hiện nay các loại dị sinh không phải đã thấy đế lý, không phải đã được Niết-bàn yên ổn, không phải đã chứng Bồ-đề tối thượng, nên cho thắng nghĩa với các hành là một thì phi lý, nói thắng nghĩa với các hành là một thì do đạo lý này mà ông nên biết họ nói không đúng; mặt khác, vì hiện nay không phải những người thấy đế lý không thể loại bỏ các hành mà là loại bỏ được, không phải không thể giải thoát tướng phược mà là giải thoát được, không phải không thể giải thoát những ràng buộc mà là giải thoát được, giải thoát được hai phược nên cũng được Niết-bàn yên ổn và chứng Bồ-đề tối thượng, nên cho thắng nghĩa với các hành khác nhau thì phi lý, nói thắng nghĩa với các hành khác nhau thì do đạo lý này mà ông nên biết họ nói không đúng.

Thứ nữa, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu thắng nghĩa với các hành là một thì đáng lẽ các hành là tạp nhiễm, thắng nghĩa cũng tạp nhiễm; nếu thắng nghĩa với các hành khác nhau thì đáng lẽ không phải cộng tướng của các hành gọi là thắng nghĩa. Nhưng, vì hiện nay thắng nghĩa không phải là tạp nhiễm, mặt khác, vì cộng tướng của các hành gọi là thắng nghĩa, nên cho thắng nghĩa với các hành là một hay khác nhau thì đều phi lý, nói thắng nghĩa với các hành là một hay khác nhau thì do đạo lý này mà ông nên biết họ nói không đúng.

Sau nữa, này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu thắng nghĩa với các hành là một thì đáng lẽ thắng nghĩa là phi sai biệt, các hành cũng phi sai biệt, đáng lẽ hành giả tu quán, thấy nghe hay biết các hành rồi sau đó không còn tìm biết thắng nghĩa; nếu thắng nghĩa với các hành khác nhau thì đáng lẽ không phải cái được hiển lộ bởi các hành vô ngã vô tánh chính là thắng nghĩa, đáng lẽ tạp nhiễm và thanh tịnh cùng lúc dị biệt mà song lập. Nhưng, vì hiện nay các hành là sai biệt chứ không phải phi sai biệt, vì hành giả tu quán, thấy nghe hay biết các hành rồi sau đó còn tìm biết thắng nghĩa, mặt khác, vì chính cái được hiển lộ do các hành vô ngã vô tánh gọi là thắng nghĩa, vì không phải tạp nhiễm và thanh tịnh cùng lúc dị biệt mà song lập, nên cho thắng nghĩa với các hành là một hay khác nhau thì đều phi lý, nói thắng nghĩa với các hành là một hay khác nhau thì do đạo lý này mà ông nên biết họ nói không đúng.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Như sắc trắng nơi loa bối, không dễ gì nói là một hay khác nhau với loa bối. Như sắc trắng nơi loa bối, sắc vàng

nơi vàng cũng vậy. Như khúc nhạc hòa nơi âm thanh đàn hầu, không dễ gì nói là một hay khác nhau với âm thanh đàn không hầu. Như hơi thơm hòa nơi trầm đen, không dễ gì nói là một hay khác nhau với trầm đen. Như vị cay nơi hạt tiêu, không dễ gì nói là một hay khác nhau với hạt tiêu. Như vị cay nơi hạt tiêu, vị bùi nơi trái ha-lê cũng vậy. Như sự láng mịn nơi lụa tơ tằm, không dễ gì nói là một hay khác nhau với lụa tơ tằm. Như váng sữa nơi sữa chín, không dễ gì nói là một hay khác nhau với sữa chín. Như sự vô thường nơi các hành, sự khổ não nơi hữu lậu, sự vô ngã nơi các pháp, không dễ gì nói là một hay khác nhau với các hành, hữu lậu và các pháp. Sự thác loạn và tạp nhiễm nơi tham, không dễ gì nói là một hay khác nhau với tham; như nơi tham, nơi sân và nơi si cũng vậy. Tương tự như thế, Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Không thể quy định thắng nghĩa với các hành là một hay khác nhau.

Này Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Đối với thắng nghĩa siêu việt một, khác các hành như vậy, rất vi tế rất sâu và rất sâu, khó biết và cực kỳ khó biết, Như Lai đã đạt được Chánh biến giác. Chánh biến giác rồi, Như Lai nói rõ cho người.

Lúc này, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây:

Thắng nghĩa các hành
Siêu việt một, khác
Phân biệt một, khác
Là biết không đúng.
Chúng sinh thì bị
Tướng phược trọng phược
Siêng tu Chỉ Quán
Mới giải thoát được.

Khi ấy, Đức Thế Tôn hỏi Trưởng lão Thiện Hiện:

–Thiện Hiện! Trong chúng sinh giới, Trưởng lão có biết bao nhiêu người có tăng thượng mạn, do tăng thượng mạn chi phối mà xác định sự hiểu biết của mình? Bao nhiêu người không tăng thượng mạn mà xác định sự hiểu biết của mình?

Trưởng lão Thiện Hiện bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong chúng sinh giới, con biết chỉ có một số người không tăng thượng mạn mà xác định sự hiểu biết của mình, nhưng có vô số người có tăng thượng mạn, do tăng thượng mạn chi phối mà xác định sự hiểu biết của mình.

Bạch Thế Tôn! Có một lần con ở chỗ thanh vắng trong rừng cây lớn. Bấy giờ có nhiều vị Tỳ-kheo cũng ở trong rừng ấy, gần con. Các vị Tỳ-kheo này, trong phần sau của ban ngày, lần lượt hội lại, căn cứ sự hiện quán có thủ đắc mà nói các pháp, xác định sự hiểu biết của mình. Tóm lại một số do thủ đắc về uẩn tức thủ đắc đặc tính của uẩn, thủ đắc sự phát sinh của uẩn, thủ đắc sự tận diệt của uẩn, thủ đắc sự tác chứng về sự tận diệt của uẩn, nên xác định sự hiểu biết của mình. Như một số do thủ đắc về uẩn, một số do thủ đắc về xứ và một số do thủ đắc về duyên khởi thì cũng như vậy. Một số do thủ đắc về thực: thủ đắc đặc tính của thực, thủ đắc sự phát sinh của thực, thủ đắc sự tận diệt của thực, thủ đắc sự tác chứng về sự tận diệt của thực, nên xác định sự hiểu biết của mình. Một số do thủ đắc về đế: thủ đắc đặc tính của đế, thủ đắc sự biến tri về đế, thủ đắc sự vĩnh đoạn về đế, thủ đắc sự tác chứng về đế, thủ đắc sự tu tập về đế, nên xác định sự hiểu biết của mình. Một số do thủ đắc về giới: thủ đắc đặc tính của giới, thủ đắc chủng loại của giới, thủ đắc đa dạng của giới, thủ đắc sự tận diệt của giới, thủ đắc sự tác chứng về sự tận diệt của giới, nên xác định sự hiểu biết của mình. Một số do thủ đắc về niệm trú: thủ đắc đặc tính của niệm trú, thủ đắc về chủ thể đối trị và đối tượng được đối trị của niệm trú, thủ đắc sự tu tập về niệm trú, thủ đắc sự chưa phát sinh thì làm cho phát sinh của niệm trú, thủ đắc sự đã phát sinh thì làm cho kiên cố, bội phần tu tập cao lên và rộng ra của niệm trú, nên xác định sự hiểu biết của mình. Như một số do thủ đắc về niệm trú, những số do thủ đắc về chính đoạn, do thủ đắc về thần túc, do thủ đắc về căn, do thủ đắc về lực, do thủ đắc về giác chi, thì cũng như vậy. Một số do thủ đắc về tám chi Thánh đạo: thủ đắc đặc tính của tám chi Thánh đạo, thủ đắc về chủ thể đối trị và đối tượng được đối trị của tám chi Thánh đạo, thủ đắc sự tu tập về tám chi Thánh đạo, thủ đắc sự chưa phát sinh thì làm cho phát sinh của tám chi Thánh đạo, thủ đắc sự đã phát sinh thì làm cho kiên cố, bội phần tu tập cao lên và rộng ra của tám chi Thánh đạo, nên xác định sự hiểu biết của mình.

Bạch Thế Tôn! Con thấy như vậy thì nghĩ rằng các vị trưởng lão này căn cứ sự hiện quán có thủ đắc mà nói các pháp, xác định sự hiểu biết của mình như thế, thì biết các vị toàn là tăng thượng mạn, bị tăng thượng mạn chi phối, nên không thể thấu hiểu đặc tính phổ biến toàn thể và đồng nhất tính vị của thắng nghĩa. Vì thế nên Thế Tôn thật kỳ diệu, Thế Tôn thật khéo nói, ấy là Thế Tôn nói thắng nghĩa rất vi tế và cùng cực rất vi tế, rất sâu và cùng cực rất sâu, khó biết và cùng cực khó biết, phổ biến toàn thể và đồng nhất tính vị. Bạch Thế Tôn! Các vị Tỳ-kheo tu học trong chánh pháp mà còn khó thấu hiểu đặc tính phổ biến nhất vị của thắng nghĩa, huống chi

những người ngoại đạo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Thiện Hiện:

–Đúng như vậy! Trưởng lão Thiện Hiện! Đối với thắng nghĩa rất vi tế và cùng cực rất vi tế, rất sâu và cùng cực rất sâu, khó biết và cùng cực khó biết, phổ biến toàn thể và đồng nhất tính vị, Như Lai đã thể hiện Chánh biến giác. Chánh biến giác rồi, Như Lai nói rõ cho mọi người.

Trước hết, này Thiện Hiện! Như Lai đã nói cái đối tượng được duyên thanh tịnh nơi toàn thể năm uẩn chính là thắng nghĩa; Như Lai đã nói cái đối tượng được duyên thanh tịnh nơi toàn thể mười hai xứ, mười hai Duyên khởi, bốn Thực, bốn Đế, mười tám Giới, bốn Niệm trú, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo, chính là thắng nghĩa. Cái đối tượng được duyên thanh tịnh ấy, nơi toàn thể năm uẩn, nó là đồng nhất tính vị, không có dị biệt; như nơi toàn thể năm uẩn, thì nơi toàn thể mười hai xứ, cho đến nơi toàn thể tám Thánh đạo, nó cũng là như vậy, đồng nhất tính vị, không có dị biệt. Thế nên, Thiện Hiện! Do đạo lý này mà trưởng lão hãy nhận thức thắng nghĩa là phổ biến toàn thể, đồng nhất tính vị.

Thứ nữa, này Thiện Hiện! Các vị Tỳ-kheo tu quán, thấu hiểu chân như thắng nghĩa vô ngã nơi một uẩn, thì không cần tìm cầu chân như thắng nghĩa ấy riêng biệt nơi các uẩn khác, nơi mười hai xứ cho đến nơi tám Thánh đạo. Và chính cái trí thích ứng với chân như thắng nghĩa bất nhị này làm căn cứ mà thẩm cứu tiến chứng chân như thắng nghĩa phổ biến toàn thể và đồng nhất tánh vị. Thế nên, Thiện Hiện! Do đạo lý này mà trưởng lão hãy nhận thức thắng nghĩa là phổ biến toàn thể và đồng nhất tính vị.

Sau nữa, này Thiện Hiện! Như năm uẩn thì triển chuyển khác nhau, như mười hai xứ cho đến tám Thánh đạo thì cũng triển chuyển khác nhau, nếu chân như thắng nghĩa vô ngã của toàn thể các pháp ấy mà cũng khác nhau, thì chân như thắng nghĩa này đáng lẽ cũng có nhân tố, do nhân tố xuất sinh; nếu do nhân tố xuất sinh thì đáng lẽ là hữu vi, nếu là hữu vi thì đáng lẽ không phải thắng nghĩa, nếu không phải thắng nghĩa thì đáng lẽ phải tìm cầu thắng nghĩa nào khác nữa.

Nhưng, này Thiện Hiện! Do chân như thắng nghĩa vô ngã không có nhân tố, không phải nhân tố xuất sinh, cũng không phải hữu vi, mà đích là thắng nghĩa, nên chứng ngộ thắng nghĩa ấy rồi thì không còn tìm cầu thắng nghĩa nào khác nữa, mà thấy chỉ có thường xuyên, vĩnh viễn, Như Lai xuất thế hay không xuất thế, pháp tánh các pháp vẫn an lập, pháp giới các pháp vẫn an trú. Thế nên, này Thiện Hiện! Do đạo lý này mà trưởng lão hãy nhận

thức thắng nghĩa là phổ biến toàn thể và đồng nhất tánh vị.

Thiện Hiện, tựa như trong toàn thể hình sắc khác nhau, đa dạng và đa số, hư không vẫn không hình sắc, không phân biệt, không biến đổi, mà là phổ biến và nhất vị. Tương tự như vậy, nơi toàn thể các pháp khác đặc tính và khác sắc thái, thắng nghĩa vẫn là phổ biến và nhất vị.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây:

Chính cái thắng nghĩa
Phổ biến nhất vị
Như Lai nói là
Không có khác nhau.
Nếu có kẻ nào
Phân biệt khác nhau
Kẻ ấy tối mê
Thượng mạn chi phối.

-oOo-

Phẩm 3: TÂM THỨC (Tâm ý thức tướng)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quảng Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Bồ-tát khéo biết mật nghĩa tâm ý thức, vậy Bồ-tát khéo biết mật nghĩa tâm ý thức như thế nào mới được gọi là Bồ-tát khéo biết mật nghĩa tâm ý thức? Và cho rằng do đâu mới được Thế Tôn quy định vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát khéo biết mật nghĩa tâm ý thức?

Đại Bồ-tát Quảng Tuệ bạch hỏi như vậy rồi, Đức Thế Tôn nói:

–Tốt lắm! Quảng Tuệ! Ông có thể hỏi Như Lai cái nghĩa sâu xa như vậy. Vậy là ông muốn tạo lợi ích yên vui cho vô lượng chúng sinh. Ông thương tưởng cả thế giới loài người và tám bộ loại khác, muốn làm cho họ được lợi thật, được yên vui, nên phát ra câu hỏi vừa rồi. Ông hãy nghe kỹ. Như Lai sẽ nói cho ông về mật nghĩa tâm ý thức.

Trước hết, này Quảng Tuệ! Ông nên nhận thức rằng sự sinh tử trong sáu đường, chúng sinh chết ở thế giới nào rồi sinh vào thế giới nào, thì thân thể hoặc sinh trong loài sinh bằng trứng, hoặc sinh trong loài sinh bằng thai, hoặc sinh trong loài sinh bằng ẩm thấp, hoặc sinh trong loài sinh bằng biến hóa. Sự sinh ấy đầu tiên do chủng tử thức vốn đã thành thục nay triển chuyển hóa hợp, tuần tự lớn lên, với hai sự chấp thọ của thức ấy: Một là

chấp thọ các sắc căn và đối tượng được nương dựa của các sắc căn; hai là chấp thọ chủng tử của tướng, danh và phân biệt, loại chủng tử do ngôn từ hý luận mà có. Sinh trong thế giới có hình sắc thì có đủ hai sự chấp thọ vừa nói, còn sinh trong thế giới không hình sắc thì không đủ hai sự chấp thọ ấy.

Thứ nữa, này Quảng Tuệ! Thức ấy cũng tên là A-đà-na, vì nó theo mà nắm giữ thân thể; cũng tên là A-lại-da, vì nó chấp thọ mà cùng yên cùng nguy với thân thể; cũng tên là Tâm, vì nó do sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tích tụ tăng trưởng.

Sau nữa, này Quảng Tuệ! Chính thức A-đà-na làm nền tảng và xây dựng mà phát sinh sáu thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý: Do nhãn căn và sắc cảnh làm duyên tố mà phát sinh nhãn thức, đồng thời đồng cảnh có ý thức cùng phát sinh với nhãn thức ấy; do các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân và các cảnh thanh, hương, vị, xúc làm duyên tố mà phát sinh các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, đồng thời đồng cảnh có ý thức cùng phát sinh với các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân ấy. Như vậy nếu một lúc nào đó chỉ có một thức phát sinh thì lúc đó chỉ có một ý thức cùng phát sinh với một thức ấy, nếu một lúc nào đó có hai đến năm thức phát sinh thì lúc đó cũng chỉ có một ý thức cùng phát sinh với hai đến năm thức ấy. Ví như dòng nước chảy vừa mạnh vừa lớn, nếu có duyên tố nổi một cơn sóng thì một cơn sóng nổi lên, nếu có duyên tố nổi hai đến nhiều cơn sóng thì hai đến nhiều cơn sóng nổi lên, nhưng bản thân dòng nước vẫn chảy mãi, không dứt không hết. Lại như mặt gương tốt và sáng, nếu có duyên tố hiện một hình ảnh thì chỉ một hình ảnh hiện ra, nếu có hai đến nhiều duyên tố hiện hai đến nhiều hình ảnh thì hai đến nhiều hình ảnh hiện ra, nhưng không phải mặt gương biến thành hình ảnh, cũng không có sự hết hiện hình ảnh. Tương tự như vậy, do dòng nước thức A-đà-na làm nền tảng và xây dựng, nên một lúc nào đó có duyên tố phát sinh của một thức thì lúc đó một thức phát sinh, nếu một lúc nào đó có duyên tố phát sinh của hai đến năm thức thì lúc đó có hai đến năm thức phát sinh.

Này Quảng Tuệ! Như trên là Bồ-tát do cái trí pháp trú làm nền tảng và xây dựng mà khéo biết mật nghĩa tâm ý thức. Thế nhưng Như Lai không do đây quy định vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát khéo biết tất cả mật nghĩa của tâm ý thức. Quảng Tuệ! Nếu Bồ-tát từ bên trong và rành rẽ, đúng như sự thật mà không thấy A-đà-na và thức A-đà-na, không thấy A-lại-da và thức A-lại-da, không thấy tích tập và tích tập tâm, không thấy nhãn căn sắc cảnh và nhãn thức, cho đến không thấy ý căn pháp cảnh và ý thức, như thế mới gọi là vị Bồ-tát khéo biết thắng nghĩa và do đây Như Lai quy định vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát khéo biết thắng nghĩa; cũng ngang đây gọi là vị Bồ-tát khéo biết

tất cả mật nghĩa của tâm ý thức và cũng ngang đây Như Lai quy định vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát khéo biết tất cả mật nghĩa của tâm ý thức.

Muốn lặp lại ý nghĩa đã nói, nên lúc này Đức Thế Tôn nói bài tụng sau đây.

Thức A-đà-na
Cùng cực vi tế
Tất cả chủng tử
Như dòng nước mạnh.
Như Lai không nói
Cho kẻ phàm phu
Sợ họ phân biệt
Chấp làm bản ngã.

-oOo-

KINH GIẢI THÂM MẬT

QUYỂN 2

Phẩm 4: TỰ TÁNH (Nhất thiết pháp tướng)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đức Bản bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Bồ-tát khéo biết tánh của các pháp, vậy Bồ-tát khéo biết tánh của các pháp như thế nào mới được gọi là Bồ-tát khéo biết tánh của các pháp? Và do đâu mới được Thế Tôn quy định vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát khéo biết tánh của các pháp?

Đại Bồ-tát Đức Bản bạch hỏi như vậy rồi, Đức Thế Tôn nói:

–Tốt lắm! Đức Bản! Ông có thể hỏi Như Lai cái nghĩa sâu xa như vậy. Vậy là ông muốn tạo lợi ích yên vui cho vô lượng chúng sinh. Ông thương tưởng cả thế giới loài người và tám bộ loại khác, muốn làm cho họ được lợi thật, được yên vui, nên phát ra câu hỏi vừa rồi. Ông hãy nghe kỹ. Như Lai sẽ nói cho ông về tánh của các pháp.

Này Đức Bản! Tánh của các pháp đại lược có ba mặt: Một là tánh Biến kế chấp; hai là tánh Y tha khởi; ba là tánh Viên thành thật. Tánh Biến kế chấp là thế nào, là tự tánh và sai biệt của các pháp, được giả thiết nhờ danh từ, cho đến làm cho theo đó mà phát sinh ngôn ngữ. Tánh Y tha khởi là thế nào, là đặc tính duyên sinh của các pháp, cái này có thì cái kia có, cái này sinh thì cái kia sinh, vô minh duyên sinh hành, cho đến lớn lao. Tánh Viên thành thật là thế nào, là chân như nhất quán của các pháp, chân như mà Bồ-tát phải do các duyên tố tinh tấn dũng mãnh, tác ý đúng lý và tư duy không ngược mới thông đạt, bằng vào sự thông đạt này mà tuần tự tu tập, cho đến Vô thượng Chánh biến giác mới chứng ngộ viên mãn.

Đức Bản! Như người bị bệnh màng mắt, cái màng mắt ấy tánh Biến kế chấp cũng vậy. Như người bị bệnh màng mắt thấy những ảo ảnh tóc, lông, ong, ruồi, lá diếp, dây sắn hay xanh vàng đỏ trắng, những ảo tượng ấy tánh Y tha khởi cũng vậy. Như người mắt đã trong sáng, hết hẳn màng mắt, bản tánh con mắt trong sáng nhìn thấy cảnh vật không thác loạn, cảnh vật không thác loạn ấy tánh Viên thành thật cũng vậy.

Tựa như ngọc bạch châu trong suốt, nếu nhuộm màu xanh thì thấy

như ngọc đế thanh, do ngộ nhận là ngọc đế thanh mà làm cho người lầm lẫn thác loạn; nếu nhuộm màu đỏ thì thấy như ngọc hổ phách, do ngộ nhận là ngọc hổ phách mà làm cho người lầm lẫn thác loạn; nếu nhuộm màu lục thì thấy như ngọc sát sắc, do ngộ nhận là ngọc sát sắc mà làm cho người lầm lẫn thác loạn; nếu nhuộm màu vàng thì thấy như hoàng kim, do ngộ nhận là hoàng kim mà làm cho người lầm lẫn thác loạn. Tương tự nơi ngọc bạch châu trong suốt mà có màu sắc, nơi tánh Y tha khởi mà có tập khí ngôn từ của tánh Biến kế chấp thì cũng như vậy; tương tự nơi ngọc bạch châu trong suốt mà có những ngộ nhận đế thanh hổ phách sát sắc hoàng kim, nơi tánh Y tha khởi mà có tánh Biến kế chấp thì cũng như vậy; tương tự ngọc bạch châu trong suốt, tánh Y tha khởi thì cũng như vậy; tương tự nơi ngọc bạch châu trong suốt, đế thanh hổ phách sát sắc hoàng kim luôn luôn và vĩnh viễn không thật có và không đặc tính, nơi tánh Y tha khởi, cái tánh Viên thành thật mà tánh Biến kế chấp luôn luôn vĩnh viễn không thật có và không đặc tính thì cũng như vậy.

Này Đức Bản! Biết do tướng và danh tương ứng làm duyên tố thì biết được tánh Biến kế chấp; nơi tánh Y tha khởi, biết cái chấp của tánh Biến kế chấp làm duyên tố thì biết tánh Y tha khởi; nơi tánh Y tha khởi, biết không có cái chấp của tánh Biến kế chấp làm duyên tố thì biết tánh Viên thành thật.

Lại nữa, nếu Bồ-tát có thể nơi tánh Y tha khởi của các pháp mà đúng như sự thật biết tánh Biến kế chấp, thì thế là đúng như sự thật biết sự vô tướng của các pháp; nếu Bồ-tát đúng như sự thật biết tánh Y tha khởi, thì thế là đúng như sự thật biết sự tạp nhiễm của các pháp; nếu Bồ-tát đúng như sự thật biết tánh Viên thành thật, thì thế là đúng như sự thật biết sự thanh tịnh của các pháp. Bồ-tát nếu nơi tánh Y tha khởi mà đúng như sự thật nhận biết sự vô tướng thì có thể hủy diệt sự tạp nhiễm, nếu có thể hủy diệt sự tạp nhiễm thì có thể chứng đắc sự thanh tịnh.

Này Đức Bản! Bồ-tát do đúng như sự thật mà biết tánh Biến kế chấp, tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật, nên cũng đúng như sự thật mà nhận biết sự vô tướng, sự tạp nhiễm và sự thanh tịnh. Đúng như sự thật mà nhận biết sự vô tướng nên hủy diệt sự tạp nhiễm, hủy diệt sự tạp nhiễm nên chứng đắc sự thanh tịnh: Do đây mà gọi là vị Bồ-tát khéo biết tánh của các pháp và cũng do đây mà Như Lai quy định vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát khéo biết tánh của các pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây:

Nếu không biết rõ
Về sự vô tướng
Thì sự tạp nhiễm
Không thể hủy diệt,
Nếu sự tạp nhiễm
Không thể hủy diệt
Thì sự thanh tịnh
Không thể chứng đắc.
Không hề quan sát
Lỗi lầm các hành
Sự phóng dật này
Làm hại chúng sinh.
Nên trong hai mặt
Trú pháp, động pháp
Sự nhác làm cho
Đã không lại có:
Mất hỏng đến thế
Thật đáng xót thương.

-oOo-

Phẩm 5: VÔ TÁNH (Vô tự tánh tướng)

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con từng một mình ở nơi thanh vắng, tâm trí tầm tư như vầy, bằng nhiều mặt, Thế Tôn đã giảng nói về đặc tính, phát sinh, tận diệt, vĩnh đoạn và biến tri của năm uẩn; như Thế Tôn đã nói năm uẩn, thì Thế Tôn đã nói mười hai xứ, mười hai duyên khởi và bốn thực cũng như vậy; cũng vậy, Thế Tôn đã nói về đặc tính, biến tri, vĩnh đoạn, tác chứng và tu tập của bốn Đế; Thế Tôn đã nói về đặc tính, chủng loại, đa dạng, vĩnh đoạn và biến tri của mười tám giới; Thế Tôn đã nói về đặc tính, chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị, tu tập chưa sinh thì phát sinh, đã sinh thì kiên cố, bội phần tu tập cao lên và rộng ra của bốn Niệm trú; như Thế Tôn đã nói bốn Niệm trú, thì Thế Tôn đã nói bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo cũng như vậy. Nhưng Thế Tôn lại nói các pháp toàn không, không sinh, không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Con chưa hiểu rõ do mật ý nào mà Thế Tôn nói như vậy? Con xin thỉnh vấn Thế Tôn về nghĩa ấy; xin Thế Tôn

thương mà giải thích cho chúng con về mật ý mà Thế Tôn nói các pháp toàn không, không sinh, không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh:

–Tốt lắm! Thắng Nghĩa Sinh! Sự tầm tư của ông rất đúng lý. Tốt lắm! Thắng Nghĩa Sinh! Ông có thể hỏi Như Lai cái thâm nghĩa như vậy. Vậy là ông muốn tạo lợi ích yên vui cho vô lượng chúng sinh. Ông thương tưởng cả thế giới loài người và tám bộ loại khác, muốn làm cho họ được lợi thật, được yên vui, nên phát ra câu hỏi vừa rồi. Ông hãy nghe kỹ. Như Lai sẽ giải thích cho ông về mật ý mà Như Lai đã nói rằng các pháp toàn không, không sinh, không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn.

Này Thắng Nghĩa Sinh! Hãy nhận thức rằng Như Lai căn cứ ba vô tánh sau đây mà mật ý nói các pháp toàn không, ấy là Tướng vô tánh, Sinh vô tánh, Thắng nghĩa vô tánh.

Tướng vô tánh là thế nào? Là chính tánh Biến kế chấp của các pháp. Vì sao? Vì tánh ấy do giả danh thiết lập chứ không phải do tự tướng thiếp lập, nên gọi là tướng vô tánh.

Sinh vô tánh là thế nào? Là chính tánh Y tha khởi của các pháp. Vì sao? Vì do cái khác là duyên tố mà có chứ không phải tự nhiên mà có, nên gọi là sinh vô tánh.

Thắng nghĩa vô tánh là thế nào? Là một mặt các pháp do sinh vô tánh mà nói là vô tánh, có nghĩa chính các pháp duyên sinh cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh. Vì sao? Vì nơi các pháp, nếu là đối tượng được duyên thanh tịnh thì Như Lai nói là thắng nghĩa vô tánh, mà tánh Y tha khởi không phải đối tượng được duyên thanh tịnh nên cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh.

Mặt khác tánh Viên thành thật của các pháp cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh. Vì sao? Vì pháp vô ngã của tất cả các pháp thì gọi là thắng nghĩa, thắng nghĩa này cũng gọi là vô tánh, vì nó mới là thắng nghĩa của các pháp và do vô tánh hiển lộ, nên tánh Viên thành thật gọi là thắng nghĩa vô tánh. Tương tự không hoa, tướng vô tánh cũng vậy. Tương tự ảo tượng của ảo thuật, sinh vô tánh cũng vậy, thắng nghĩa vô tánh mặt thứ nhất cũng vậy. Tương tự hư không do sắc tướng vô tánh hiển lộ và phổ biến tất cả, thắng nghĩa vô tánh mặt thứ hai cũng vậy, vì do pháp vô ngã hiển lộ và phổ biến tất cả. Như Lai căn cứ vào ba vô tánh như vậy mà mật ý nói rằng các pháp toàn không.

Này Thắng Nghĩa Sinh! Ông nên biết Như Lai căn cứ tướng vô tánh mà mật ý nói các pháp không sinh, không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn. Vì sao? Vì nếu tự tướng các pháp toàn không thì không sinh,

không sinh thì không diệt, không sinh diệt thì bản lai vắng bặt, bản lai vắng bặt thì tự tánh Niết-bàn, trong đó không có chút gì gọi là có để còn phải làm cho nhập vào Niết-bàn, nên Như Lai căn cứ tướng vô tánh mà mật ý nói các pháp không sinh không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn. Thế nhưng, Như Lai cũng căn cứ thắng nghĩa vô tánh được hiển lộ do pháp vô ngã mà mật ý nói các pháp không sinh không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn. Vì sao? Vì thắng nghĩa vô tánh do pháp vô ngã hiển lộ thì, luôn luôn và vĩnh viễn, pháp tánh các pháp là an trú, vô vi, không thích ứng với tất cả tạp nhiễm: Luôn luôn và vĩnh viễn, pháp tánh các pháp là an trú nên vô vi, là vô vi nên không sinh diệt, là không thích ứng với tất cả tạp nhiễm nên bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn. Thế nên, Như Lai căn cứ thắng nghĩa vô tánh do pháp vô ngã hiển lộ mà mật ý nói các pháp không sinh không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn.

Thắng Nghĩa Sinh! Nhưng không phải vì trong chúng sinh giới có những kẻ nhìn riêng Biến kế chấp cho là tự tánh, cũng không phải vì những kẻ ấy nhìn riêng Y tha khởi hay Viên thành thật cho là tự tánh cả, mà Như Lai thiếp lập ba vô tánh. Như Lai thiếp lập ba vô tánh là vì những kẻ nơi tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật mà tăng thêm tánh Biến kế chấp. Những kẻ ấy, do tánh Biến kế chấp quá khứ nên hiện tại nơi tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật mà hiện khởi ngôn ngữ; như ngôn ngữ hiện khởi như thế nào thì ngôn ngữ huân tập vào tâm như thế ấy, ngôn ngữ phát sinh ra biết, ngôn ngữ liên tục trong tâm, nên nơi tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật mà tăng thêm tánh Biến kế chấp. Vì, như tánh Biến kế chấp thế nào thì, nơi tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật mà tăng thêm tánh Biến kế chấp như thế ấy, nên phát sinh tánh Y tha khởi trong vị lai, nghĩa là bị hoặc tạp nhiễm, bị nghiệp tạp nhiễm, bị sinh tạp nhiễm, nên trong phạm vi sinh tử, những kẻ ấy mãi hoài giong ruổi, trôi lăn, không hề ngừng nghỉ, chịu mọi khổ não trong Nại-lạc-ca (địa ngục), trong bàng sinh, trong ngạ quỷ, trong chư Thiên, trong A-tu-la, trong nhân loại.

Này Thắng Nghĩa Sinh! Với những người từ trước đến giờ chưa gieo trồng thiện căn, chưa làm sạch chướng ngại, chưa thành thục liên tục, chưa tu nhiều thắng giải, chưa thể tích chứa hai thứ tư lương phước đức, trí tuệ, thì Như Lai vì họ, căn cứ sinh vô tánh mà tuyên thuyết pháp chính yếu; nghe pháp chính yếu này rồi, họ có thể tùy sức mà lý giải các hành duyên sinh là không thường hằng, không yên ổn, biến động, hư rã; lý giải như vậy rồi, đối với các hành, họ sợ sệt, chán ghét sâu xa; sợ sệt chán ghét như vậy nên họ kềm chế điều ác, với điều ác thì có khả năng đình chỉ, với điều thiện thì có khả năng tu tập; tu tập điều thiện nên chưa gieo trồng thiện căn thì

có thể gieo trồng, chưa làm sạch chướng ngại thì có thể làm sạch, chưa thành thục liên tục thì có thể thành thục và do vậy mà tu nhiều thắng giải, dồn nhiều hai thứ tư lương phước đức, trí tuệ. Tuy gieo trồng thiện căn cho đến dồn nhiều hai thứ tư lương phước đức, trí tuệ, nhưng đối với sinh vô tánh, họ vẫn chưa như thật thấu triệt tướng vô tánh và hai thắng nghĩa vô tánh, nghĩa là đối với các hành, họ vẫn chưa chán ghét chính xác, chưa lìa dục chính xác, chưa giải thoát chính xác, chưa giải thoát toàn thể hoặc tạp nhiễm, chưa giải thoát toàn thể nghiệp tạp nhiễm, chưa giải thoát toàn thể sinh tạp nhiễm, nên Như Lai nói thêm pháp yếu cho họ về tướng vô tánh và thắng nghĩa vô tánh, vì muốn làm cho họ đối với các hành có thể chán ghét chính xác, lìa dục chính xác, giải thoát chính xác, vượt qua toàn thể hoặc tạp nhiễm, vượt qua toàn thể nghiệp tạp nhiễm, vượt qua toàn thể sinh tạp nhiễm; được nghe pháp yếu Như Lai nói thêm cho như vậy, nên, đối với sinh vô tánh, họ có thể tin hiểu tường tận về tướng vô tánh và thắng nghĩa vô tánh, lựa lọc suy xét, thấu suốt chính xác, nghĩa là nơi tánh Y tha khởi họ không còn chấp tánh Biến kế chấp, cái trí không còn huân tập theo ngôn ngữ, không còn nhận thức theo ngôn ngữ, không còn liên tục theo ngôn ngữ, nên họ có thể hủy diệt tánh Y tha khởi, ngay trong hiện tại họ được nắm giữ bởi sức mạnh của cái trí như trên nên vĩnh viễn diệt được cái nhân đời sau, tức là đối với các hành họ chán ghét chính xác, lìa dục chính xác, giải thoát chính xác, giải thoát toàn thể hoặc, nghiệp, sinh, ba loại tạp nhiễm.

Thắng Nghĩa Sinh! Những người có chủng tánh đi theo Thanh văn thừa cũng do con đường và dấu đi này mà được Niết-bàn yên ổn tối thượng, những người có chủng tánh đi theo Độc giác thừa, những người có chủng tánh đi theo Như Lai thừa, cũng do con đường và dấu đi này mà được Niết-bàn yên ổn tối thượng; tất cả các vị Thanh văn Độc giác Bồ-tát cùng đi con đường sạch sẽ tinh tế và duy nhất này, cùng được sự thanh tịnh toàn hảo và duy nhất này, chứ không có con đường và sự thanh tịnh thứ hai, nên Như Lai căn cứ sự thể ấy mà mật ý nói chỉ có Nhất thừa. Chứ không phải trong chúng sinh giới không có những chủng tánh khác nhau, hoặc độn căn, hoặc trung căn, hoặc lợi căn. Do vậy, nếu người có chủng tánh Thanh văn một chiều đi đến Niết-bàn, thì dầu được ơn Phật thiếp lập đủ cách cải hoán hướng dẫn cho họ tu hành dũng mãnh đi nữa, cũng không bao giờ có thể làm cho họ sẽ ngồi nơi Bồ-đề tràng mà chứng được vô thượng giác. Vì sao? Vì họ vốn chỉ có chủng tánh thấp kém, một chiều Từ bi bạc nhược, một chiều khiếp sợ khổ sở; vì một chiều Từ bi bạc nhược nên họ một chiều trái bỏ những công hạnh tạo lợi ích cho chúng sinh, vì một chiều khiếp sợ khổ

sở nên họ một chiều trái bỏ những thệ nguyện phát khởi công hạnh và Như Lai không bao giờ nói những người một chiều trái bỏ công hạnh tạo lợi ích cho chúng sinh và một chiều trái bỏ thệ nguyện phát khởi công hạnh sẽ được ngồi nơi Bồ-đề tràng và thành tựu vô thượng giác, nên Như Lai gọi những người này là Thanh văn một chiều đi đến Niết-bàn. Nếu người có chủng tánh Thanh văn xoay lại hướng về Bồ-đề, thì Như Lai cũng dùng cách nói khác mà nói họ là Bồ-tát. Vì sao? Vì họ giải thoát phiền não chướng rồi, khi được ơn Phật thức tỉnh cho, thì đối với sở tri chướng họ cũng sẽ được giải thoát; chỉ do từ nguyên thỉ họ vì tự lợi mà tu hành những cách giải thoát phiền não chướng, nên Như Lai nói họ là chủng tánh Thanh văn.

Này Thắng Nghĩa Sinh! Như thế, trong chánh pháp mà Như Lai khéo tuyên thuyết, khéo quy định và được nói ra do ý muốn rất trong sạch, vẫn có những nhận thức khác nhau của nhiều hạng người. Như Lai vốn căn cứ ba vô tánh như trên, nhưng do mật ý sâu xa, nên trong những kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo mà Như Lai đã nói, Như Lai nói pháp yếu theo cách nói kín đáo, rằng các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn.

Một, đối với kinh pháp như vậy, người đã gieo trồng thiện căn thượng phẩm, đã làm sạch chướng ngại, đã thành thục liên tục, đã tu nhiều thắng giải, đã dồn chứa được hai thứ tư lương phước đức trí tuệ thượng phẩm, thì nghe kinh pháp như vậy rồi, người ấy thấu hiểu đúng như sự thật lời nói mật ý sâu xa của Như Lai: Người ấy tin hiểu sâu xa kinh pháp như vậy, đối với nghĩa lý của kinh pháp như vậy người ấy dùng cái trí tuệ không đảo ngược mà thông suốt đúng như sự thật, rồi dựa vào sự thông suốt này mà khéo léo tu tập, nên mau chóng đạt đến sự cứu cánh cùng cực; và đối với Như Lai, người ấy phát sinh một cách sâu xa đức tin trong sáng, nhận thức Như Lai là Bậc Ứng Cúng Chánh Biến Giác, đã Chánh biến giác tất cả các pháp.

Hai, người đã gieo trồng thiện căn thượng phẩm, đã làm sạch chướng ngại, đã thành thục liên tục, đã tu nhiều thắng giải, nhưng chưa dồn chứa được hai thứ tư lương phước đức trí tuệ thượng phẩm, mà tính họ chất trực, họ thuộc loại chất trực, dầu bất lực trong việc suy nghĩ chọn lựa những sự phế bỏ và thiếp lập, họ vẫn không đứng yên trong sự giữ chặt ý kiến của mình; do đó, họ nghe kinh pháp như vậy rồi, dầu bất lực trong sự thấu hiểu đúng như sự thật lời nói mật ý sâu xa của Như Lai, nhưng đối với kinh pháp như vậy họ vẫn có thắng giải, vẫn sinh đức tin trong sáng: Tin rằng kinh

pháp như vậy là do Như Lai nói, là rất sâu xa, biểu lộ sự sâu xa, thích hợp đạo lý không, khó thấy khó hiểu, không thể tầm tư, không phải là lĩnh vực tầm tư biết thấu, mà là nhỏ nhiệm, xác thật, những người tuệ giác sáng suốt biết thấu; đối với nghĩa lý được nói trong kinh pháp như vậy thì họ khiêm tốn mà tự nói rằng tuệ giác Thế Tôn cực kỳ sâu xa, pháp tánh các pháp cũng cực kỳ sâu xa, chỉ Thế Tôn mới thấu triệt một cách khéo léo chứ không phải là cái mình hiểu nổi; Thế Tôn thuyết pháp cho những người thắng giải khác nhau, thấy và biết của Thế Tôn không có giới hạn, thấy và biết của mình chỉ bằng lỗ chân trâu bò; đối với kinh pháp như vậy họ tôn kính như thế và đem nói cho người, sao chép, bảo tồn, đọc tụng, truyền bá, thiết tha, hiến cúng, học hỏi, tụng thuộc, ôn tập, nhưng chưa thể đem cái tu của mình mà làm theo. Do vậy, họ chưa thể thông suốt lời chữ của Như Lai mật ý sâu xa nói ra, nhưng cũng do vậy mà họ vẫn tăng trưởng được hai thứ tư lương phước đức trí tuệ và người đời sau thì thành thục được cái chưa thành thục.

Ba, người chưa gieo trồng thiện căn thượng phẩm, cho đến chưa dồn chứa được hai thứ tư lương phước đức trí tuệ thượng phẩm, tính không chất trực, không thuộc loại chất trực, dầu có sức lực trong việc suy nghĩ chọn lựa những sự phế bỏ và thiếp lập, nhưng vẫn đứng yên trong sự giữ chặt ý kiến của mình, thì họ nghe kinh pháp như vậy không thể thấu hiểu đúng như sự thật lời nói mật ý sâu xa của Như Lai, dầu tin hiểu kinh pháp như vậy nhưng đối với nghĩa lý kinh pháp như vậy thì chấp trước theo ngôn ngữ, cho các pháp quyết định toàn không, quyết định không sinh không diệt, quyết định bản lai vắng bặt, quyết định tự tánh Niết-bàn. Do vậy, đối với các pháp, họ thấy không, thấy không tánh, vì thấy không và thấy không tánh nên phủ nhận rằng các tánh đều không tánh, nghĩa là họ bài bác tất cả tánh Biến kế chấp, tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật của các pháp. Vì sao? Vì biết họ bài bác tất cả, vì có tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật mới thiếp lập tánh Biến kế chấp, nếu tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật mà thấy là không tánh cả thì thế là bài bác cả tánh Biến kế chấp, thế nên Như Lai nói họ bài bác tất cả ba tánh và như thế thì dầu đối với kinh pháp của Như Lai họ thấy là kinh pháp, nhưng đối với phi nghĩa lý họ thấy là nghĩa lý, vì kinh pháp thấy là kinh pháp nhưng phi nghĩa lý thấy là nghĩa lý, nên họ nắm lấy kinh pháp làm kinh pháp và nắm lấy phi nghĩa lý làm nghĩa lý: Họ tin hiểu kinh pháp nên phước đức tăng trưởng, nhưng chấp trước phi nghĩa lý nên trí tuệ lui mất, trí tuệ lui mất nên lui mất vô số pháp thiện quảng đại. Người nào nghe họ nói một cách cho kinh pháp là kinh pháp nhưng cho phi nghĩa lý là nghĩa lý, rồi chấp thuận kiến thức của

họ thì cũng cho kinh pháp là kinh pháp nhưng cho phi nghĩa lý là nghĩa lý, vì cho kinh pháp là kinh pháp nhưng cho phi nghĩa lý là nghĩa lý nên, cũng như họ, người này lui mất pháp thiện. Còn người nào không chấp thuận kiến thức của họ, nhưng đột nhiên nghe họ nói các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn, thì sinh ra sợ hãi, sợ hãi như thế nên nói kinh pháp như vậy không phải Phật nói mà là ma nói; do nhận định này mà phỉ báng lăng mạ kinh pháp như vậy, do phỉ báng thóa mạ kinh pháp như vậy mà bị đại suy tổn, chạm đại nghiệp chướng, vì thế, Như Lai nói ai cho các tánh toàn là không tánh, nghĩa là lấy phi nghĩa lý làm nghĩa lý, thì đó là phương cách tiện lợi nổi đại nghiệp chướng, vì họ làm cho vô số chúng sinh phải bị sa đọa mà tạo đại nghiệp chướng.

Bốn, người chưa gieo trồng thiện căn, chưa làm sạch nghiệp chướng, chưa thành thục liên tục, không tu nhiều thắng giải, chưa dồn chứa hai thứ tư lương phước đức trí tuệ, tính không chất trực, không thuộc loại chất trực, dầu có sức lực trong việc suy nghĩ chọn lựa những sự phế bỏ và thiếp lập, nhưng thường đứng yên trong sự cố thủ kiến thức của mình, thì nghe kinh pháp như vậy họ không thể thấu hiểu đúng như sự thật về lời nói mật ý sâu xa của Như Lai, cũng không tin hiểu kinh pháp như vậy, nên kinh pháp cho là phi kinh pháp, nghĩa lý cho là phi nghĩa lý; kinh pháp cho là phi kinh pháp và nghĩa lý cho là phi nghĩa lý, nên nói rằng kinh pháp như vậy không phải Phật nói mà là ma nói và nhận định này làm cho họ phỉ báng thóa mạ kinh pháp như vậy là hư dối, bằng lắm cách, họ hủy diệt, xô đổ kinh pháp như vậy, những ai tin hiểu kinh pháp như vậy thì bị họ coi là kẻ thù; họ, trước kia bị nghiệp chướng làm cho chướng ngại, nay do lý do trên mà bị nghiệp chướng tiếp tục chướng ngại và nghiệp chướng này mở đầu có vẻ giản dị, nhưng rồi chịu khổ trong thời kỳ bằng trăm ngàn câu-chi na-do-tha, khó có lúc thoát khỏi.

Này Thắng Nghĩa Sinh! Như thế, trong chánh pháp mà Như Lai khéo tuyên thuyết, khéo quy định và được nói ra bởi ý muốn cực kỳ trong sạch, vẫn có những nhận thức khác nhau của nhiều hạng người như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây:

Tất cả các pháp
Toàn là không cả
Không sinh không diệt
Bản lai vắng bặt,
Tự tánh các pháp

Vốn thường niết-bàn
Lời có trí này
Sao không mật ý?
Tướng vô tự tánh
Sinh vô tự tánh
Nghĩa vô tự tánh
Ba thứ như vậy
Như Lai căn cứ
Mà nói lời trên
Nếu không biết được
Mật ý như lai,
Thì mất đường chính
Không đi đến đâu
Các vị trong sạch
Toàn do đường ấy
Đường ấy duy nhất
Không đường thứ hai
Do sự thể này
Lập ra nhất thừa
Không phải chúng sinh
Chủng tánh đồng nhất.
Nên trong chúng sinh
Có vô số người
Chỉ đưa bản thân
Đi đến Niết-bàn,
Và thật hiếm có
Những ai đại Bi
Tinh tấn dũng mãnh
Chứng đại niết-bàn
Không hề bỏ rơi
Hết thảy chúng sinh.
Trong giới vô lậu
Nhiệm mầu khó xét
Thì sự giải thoát
Thật là đồng đẳng,
Hoàn thành chân thật
Thoát ly khổ não
Nên còn được gọi

Hai cách gọi khác
Hoặc gọi là thường
Hoặc gọi là lạc.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ngôn ngữ mật ý của Thế Tôn thật rất kỳ lạ, rất hiếm có! Cho đến tinh tế và rất tinh tế, sâu xa và rất sâu xa, khó thấu triệt và rất khó thấu triệt. Nay, theo ý nghĩa của Thế Tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì nơi các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào mà giả danh thiếp lập làm tự tánh và sai biệt của sắc uẩn, giả danh thiếp lập làm tự tánh và sai biệt của sắc uẩn phát sinh, của sắc uẩn diệt tận, của vĩnh đoạn sắc uẩn, của biến tri sắc uẩn, sự giả danh thiếp lập ấy gọi là tánh Biến kế chấp, cũng vậy Thế Tôn căn cứ tánh Biến kế chấp như vậy mà thiếp lập tướng vô tánh; còn chính các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào thì gọi là tánh Y tha khởi và Thế Tôn căn cứ tánh Y tha khởi như vậy mà thiếp lập sinh vô tánh và một phần của thắng nghĩa vô tánh; và cứ như thế, theo ý nghĩa của Thế Tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì chính nơi các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào mà thấy tánh Biến kế chấp không thật có: cái tánh không thật có tánh Biến kế chấp này, tức chân như do pháp vô ngã hiển lộ và là đối tượng được duyên thanh tịnh này, gọi là tánh Viên thành thật và Thế Tôn căn cứ tánh Viên thành thật như vậy mà thiếp lập một phần nữa của thắng nghĩa vô tánh. Như đối với sắc uẩn được nói như vậy thì đối với các uẩn khác cũng nên nói rõ như vậy; như đối với năm uẩn được nói như vậy thì đối với mười hai xứ, mỗi xứ cũng nên nói rõ như vậy, đối với mười hai hữu chi mỗi hữu chi cũng nên nói rõ như vậy, đối với bốn thật mỗi thật cũng nên nói rõ như vậy, đối với ba lần sáu giới tức mười tám giới mỗi giới cũng nên nói rõ như vậy.

Nay, theo ý nghĩa của Thế Tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì nơi các hành của phân biệt biết đến và Biến kế dựa vào mà giả danh thiếp lập làm tự tánh và sai biệt của Khổ đế và của Biến tri khổ đế, sự giả danh thiếp lập ấy gọi là tánh Biến kế chấp và Thế Tôn căn cứ tánh Biến kế chấp như vậy mà thiếp lập tướng vô tánh; còn chính các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào thì gọi là tánh Y tha khởi, cũng vậy Thế Tôn căn cứ tánh Y tha khởi như vậy mà thiếp lập sinh vô tánh và một phần của thắng nghĩa vô tánh; và cứ như thế, theo ý nghĩa của Thế Tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì chính nơi các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào mà thấy tánh Biến kế chấp không thật có, tức cái tánh không thật có của tánh Biến kế chấp này, tức chân như do pháp vô ngã hiển lộ và là đối

tượng được duyên thanh tịnh này, gọi là tánh Viên thành thật và Thế Tôn căn cứ tánh Viên thành thật như vậy mà thiếp lập một phần nữa của thắng nghĩa vô tánh. Như đối với Khổ đế được nói như vậy thì đối với các đế khác cũng nên nói rõ như vậy; như đối với bốn Đế được nói như vậy thì đối với bốn Niệm trú, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo, mỗi thứ cũng nên nói rõ như vậy.

Nay, theo ý nghĩa của Thế Tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì nơi các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào mà giả danh thiếp lập làm tự tánh và sai biệt của chánh định, của các sự của chánh định là chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị, chính tu chưa sinh thì phát sinh, đã sinh thì kiên cố, bội tu thì cao lên và rộng ra, sự giả danh thiếp lập ấy gọi là tánh Biến kế chấp, Thế Tôn căn cứ tánh Biến kế chấp như vậy mà thiết lập tướng vô tánh; còn chính các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào thì gọi là tánh Y tha khởi; Thế Tôn căn cứ tánh Y tha khởi như vậy mà thiết lập sinh vô tánh và một phần của thắng nghĩa vô tánh; và cứ như thế, theo ý nghĩa của Thế Tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì chính nơi các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào mà thấy tánh Biến kế chấp không thật có, tức cái tánh không thật có tánh Biến kế chấp này, tức chân như do pháp vô ngã hiển lộ và là đối tượng được duyên thanh tịnh này, gọi là tánh Viên thành thật, cũng vậy Đức Thế Tôn căn cứ tánh Viên thành thật như vậy mà thiết lập một phần nữa của thắng nghĩa vô tánh.

Bạch Thế Tôn! Như thuốc Tỳ-thấp-phược thì nên để khắp trong các phương thuốc tán và thuốc tiên; tương tự như vậy, "do ba vô tánh nên các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn", pháp thoại mà nghĩa lý đã hoàn hảo này nên để vào khắp trong các kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo. Như bột vẽ màu thì có khắp trong tất cả nét vẽ, làm cho những nét vẽ ấy đều cùng một màu hoặc xanh hoặc vàng hoặc đỏ hoặc trắng, lại làm cho rõ ra những nét vẽ ấy; tương tự như vậy, "do ba vô tánh nên các pháp toàn không cho đến tự tánh Niết-bàn", pháp thoại mà nghĩa lý đã hoàn hảo này có khắp trong tất cả các kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo, làm cho các kinh ấy cùng một ý vị, lại làm cho rõ ra nghĩa lý chưa hoàn hảo trong các kinh ấy. Như những thực phẩm bánh trái đã chín và quý mà bỏ sữa chín vào thì càng thêm mùi vị đặc biệt; tương tự như vậy, "do ba vô tánh nên các pháp toàn không cho đến tự tánh Niết-bàn", pháp thoại mà nghĩa lý đã hoàn hảo này đặt vào các kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo thì càng làm sinh ra nỗi thích thú siêu việt. Như hư không thì khắp nơi đều cùng một đặc tính, ấy là không trở ngại mọi sự việc; tương tự như vậy, "do ba tự tánh nên các pháp toàn không cho đến tự tánh Niết-bàn", pháp thoại

mà nghĩa lý đã hoàn hảo này thì khắp trong các kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo đều cùng một đặc tính, ấy là không trở ngại việc tu của Thanh văn, Độc giác và Đại thừa.

Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh thưa như vậy rồi, Thế Tôn bảo:

–Tốt lắm! Thắng Nghĩa Sinh! Ông khéo lý giải về ý nghĩa của lời nói mật ý rất sâu xa mà Như Lai đã nói. Ông lại khéo ví dụ về ý nghĩa ấy, ví như thuốc Tỳ-thấp-phược, như bột vẽ màu, như sữa chín, như hư không. Thắng Nghĩa Sinh! Đúng vậy! Đúng như ông nói chứ không có gì khác hơn nữa. Ông hãy tiếp nhận và lý giải đúng như vậy.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xưa kia, trong thời kỳ đầu tiên, khi ở trong rừng ban cho loài nai, chỗ Tiên nhân Ba-la-niệt-tư-sa xuống, Thế Tôn chỉ vì những vị có xu hướng Thanh văn thừa, căn cứ đạo lý Tứ đế mà chuyển pháp luân, tuy rất lạ, rất hiếm, bao nhiêu người trời trong thế giới không ai chuyển được đúng cách, nhưng pháp luân được chuyển trong thời kỳ này vẫn có cái trên nữa, vẫn chịu đựng đả phá, là nghĩa lý chưa hoàn hảo, là nơi đặt chân của sự tranh luận. Kế đó, trong thời kỳ thứ hai, Thế Tôn chỉ vì những vị có xu hướng Đại thừa, căn cứ đạo lý "các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn", dùng sự ẩn mật mà chuyển pháp luân, tuy càng rất lạ, càng rất hiếm nhưng pháp luân được chuyển trong thời kỳ này vẫn còn có cái trên nữa, vẫn còn chịu đựng đả phá, vẫn là nghĩa lý chưa hoàn hảo, vẫn là nơi đặt chân của sự tranh luận. Còn nay, trong thời kỳ thứ ba, Thế Tôn khắp vì các vị có xu hướng Nhất thế thừa, căn cứ đạo lý "do ba vô tánh nên các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn", dùng sự minh bạch mà chuyển pháp luân, càng rất lạ nhất, càng rất hiếm nhất và pháp luân được chuyển hiện nay không còn có cái gì trên nữa, không còn chịu đựng sự đả phá nữa, nghĩa lý đích thật hoàn hảo, không còn là nơi đặt chân của sự tranh luận.

Bạch Thế Tôn! Đối với pháp thoại rất sâu xa và rất hoàn hảo của Thế Tôn căn cứ đạo lý "do ba vô tánh nên các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bặt, tự tánh Niết-bàn" mà nói ra đây, nếu thiện nam hay thiện nữ nào nghe rồi tin hiểu, sao chép, bảo tồn, hiến cúng, truyền bá, học hỏi, tụng thuộc, tu tập, tư duy đúng lý và đem sự tu của mình mà nỗ lực tu tập, thì phát sinh được bao nhiêu phước đức?

Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh thưa như vậy rồi, Đức Thế Tôn nói:

–Này Thắng Nghĩa Sinh! Thiện nam hay thiện nữ như vậy được phước vô số, vô lượng, khó thể đối chiếu và nhận thức. Như Lai nay chỉ

nói cho ông một phần nhỏ. Đất nơi móng tay mà so sánh với đất cả đại địa thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn, không bằng một phần số, toán, kế, dụ, Ô-ba-ni Sát-đàm. Nước trong lỗ chân trâu bò mà so sánh với nước cả bốn đại dương thì không bằng một phần trăm, cho đến không bằng một phần Ô-ba-ni Sát-đàm. Tương tự như vậy, đối với các kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo mà nghe rồi tin hiểu, cho đến đem sự tu của mình mà nỗ lực tu tập, cái phước như vậy đem so sánh với cái phước nghe rồi tin hiểu, cho đến đem cái tu của mình mà nỗ lực tu tập đối với pháp thoại nghĩa lý đã hoàn hảo này, thì không bằng một phần trăm, cho đến không bằng một phần Ô-ba-ni Sát-đàm.

Khi Đức Thế Tôn dạy như vậy rồi, Đại Bồ-tát Thắng Nghĩa Sinh lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trong toàn bộ pháp thoại Giải Thâm Mật, pháp thoại này nên mệnh danh là gì? Chúng con phải kính cẩn ghi nhớ như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Thắng Nghĩa Sinh! Pháp thoại này tên là Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Thắng Nghĩa. Ông hãy kính cẩn ghi nhớ theo cái tên như vậy.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp thoại Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Thắng Nghĩa này thì trong đại hội có sáu trăm ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề; ba trăm ngàn Thanh văn lánh xa bụi bặm, tách rời dơ bẩn, đối với các pháp thì được mắt pháp trong sáng; một trăm năm mươi ngàn Thanh văn hết hẳn mọi lậu hoặc, tâm được giải thoát; bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn.

-oOo-

KINH GIẢI THÂM MẬT

QUYỂN 3

Phẩm 6: DU GIÀ (Phân biệt Du-già)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong Đại thừa, các vị Bồ-tát y cứ vào chỗ nào và trú vào chỗ nào để tu tập Chỉ Quán?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Hãy nhận thức rằng trong Đại thừa, các vị Bồ-tát tu tập Chỉ Quán thì lấy giáo pháp của Như Lai thiết lập mà làm chỗ y cứ, lấy sự không bỏ mất tâm nguyện Vô thượng Bồ-đề mà làm chỗ an trú.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói có bốn đối cảnh của đối tượng được duyên:

1. Có phân biệt.

2. Không phân biệt.

3. Biên tế của các pháp.

4. Sở tác thành tựu.

Bốn đối cảnh này mấy là đối tượng được duyên của chỉ, mấy là đối tượng được duyên của quán, mấy là đối tượng được duyên của cả Chỉ Quán?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Một là đối tượng được duyên của chỉ, đó là đối cảnh không phân biệt; một là đối tượng được duyên của quán, đó là đối cảnh có phân biệt; hai là đối tượng được duyên của cả chỉ và quán, đó là đối cảnh biên tế của các pháp và đối cảnh sở tác thành tựu.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát do bốn đối cảnh của đối tượng được duyên như trên mà cầu về chỉ và khéo về quán là như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Giáo pháp của Như Lai thiết lập cho Bồ-tát là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghị; đối với giáo pháp ấy, Bồ-tát khéo lắng nghe, khéo tiếp nhận, văn khéo rành rẻ, ý khéo tìm tòi, thấy khéo thông suốt; rồi chính nơi giáo pháp phải khéo tư duy như vậy, Bồ-tát một mình ở chỗ không phiền không ồn mà tác ý tư duy; sự tư duy này phải được nội tâm liên tục tác ý tư duy: hễ đứng vững rất nhiều trong cái chánh hạnh ấy, sinh ra sự khinh an nơi thân và sự khinh an nơi tâm, thì đó là chỉ và Bồ-tát như vậy là cầu về chỉ. Bồ-tát này do cái thân tâm khinh an trên đây làm nền tảng, đối với ấn tượng chánh định theo giáo pháp phải khéo tư duy nói trên, hãy quan sát, thắng giải, bỏ cái tâm tướng về chỉ: Hễ đối với ấn tượng chánh định cần phải chứng biết ấy mà chính xác quyết trạch, cùng cực quyết trạch, tầm tư toàn bộ, tứ sát toàn bộ, rồi xác nhận, ưa thích, hiểu biết, nhìn thấy, xét thấy, thì đó là quán và Bồ-tát như vậy là khéo về quán.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát từ khi lấy ấn tượng của tâm mà làm đối tượng, nội tâm tư duy tâm, cho đến lúc chưa được thân tâm khinh an, thì sự tác ý trong thời gian đó nên gọi là gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam, đó chưa phải là tác ý về chỉ, mà là tác ý thích thú sự thắng giải tùy thuận với chỉ.

–Bạch Thế Tôn! Cho đến lúc chưa được thân tâm khinh an, Bồ-tát có sự tác ý tư duy đối với ấn tượng chánh định theo giáo pháp phải tư duy, sự tác ý đó nên gọi là gì?

–Thiện nam! Đó chưa phải là tác ý về quán, mà là tác ý thích ứng sự thắng giải tùy thuận với quán.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ với quán nên nói có khác nhau hay nên nói không khác nhau?

Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Nên nói không phải có khác nhau, cũng không phải không khác nhau. Tại sao không phải có khác nhau, vì chỉ lấy cái tâm đối tượng của quán mà làm đối tượng của nó; tại sao không phải không khác nhau, vì ấn tượng có phân biệt của quán không phải là ấn tượng của nó.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ấn tượng chánh định của quán cùng với tâm thức

chánh định ấy nên nói có khác hay nên nói không khác?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Nên nói không khác.

–Bạch Thế Tôn! Vì sao không khác?

–Thiện nam! Vì ấn tượng ấy chỉ là tâm thức. Thiện nam! Như Lai nói cái gì thức biết thì cái ấy chỉ do thức hiện.

–Bạch Thế Tôn! Nếu ấn tượng tâm thức không khác tâm thức thì làm sao tâm thức trở lại nhận thấy tâm thức?

–Thiện nam! Ở đây không có chút pháp nào nhận thấy chút pháp nào, nhưng chính tâm thức khi sinh ra thế nào thì hình thành đối tượng thế ấy. Như có kẻ nhờ mặt gương trong sáng rồi chính thân mình làm duyên tố mà thấy thân mình, nhưng bảo mình thấy hình ảnh, lại bảo hình ảnh đó biệt lập với thân mình; tương tự như vậy, khi tâm thức sinh ra thì thấy như có ấn tượng chánh định biệt lập hình thành.

–Bạch Thế Tôn! Như vậy thì chúng sinh ở trong đặc chất của mình chứ không phải ở trong chánh định mà nhận thức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấn tượng ấy với nhận thức ấy cũng không khác nhau chăng?

–Thiện nam! Cũng không khác nhau; nhưng kẻ ngu ngơ thì vì ảo giác thác loạn, không nhận thức ấn tượng một cách đúng như sự thật của chúng chỉ là tâm thức, nên sinh ra ngộ nhận.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Căn cứ vào đâu mà nói Bồ-tát một chiều tu quán?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Y cứ nơi sự liên tục tác ý chỉ tư duy ấn tượng của tâm.

–Bạch Thế Tôn! Y cứ vào đâu mà nói là Bồ-tát một chiều tu chỉ?

–Thiện nam! Y cứ nơi sự liên tục tác ý chỉ tư duy tâm ấy liên tục.

–Bạch Thế Tôn! Y cứ vào đâu thì nên nói là Bồ-tát chỉ quán hòa hợp cùng có?

–Thiện nam! Y cứ nơi sự chính xác tư duy về tâm đồng nhất cảnh.

–Bạch Thế Tôn! Ấn tượng của tâm là gì?

–Thiện nam! Đó là ấn tượng có phân biệt của chánh định mà quán chuyên chú vào.

–Bạch Thế Tôn! Tâm ấy liên tục là gì?

–Thiện nam! Là cái tâm chuyên chú ấn tượng nói trên mà chỉ chuyên chú vào.

–Bạch Thế Tôn! Tâm đồng nhất cảnh là gì?

–Thiện nam! Là thấu triệt rằng ấn tượng chánh định là duy thức, hoặc thấu triệt như vậy rồi lại tư duy về chân như.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Quán có mấy thứ?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Đại khái quán có ba thứ, một là có tướng, hai là tầm cầu, ba là tứ sát. Quán có tướng là gì, là sự quán thuần tư duy ấn tượng có phân biệt của chánh định; quán tầm cầu là gì, là sự quán nhờ tuệ nên tác ý tư duy để khéo thấu hiểu đối với toàn bộ các pháp chưa khéo thấu hiểu; quán tứ sát là gì, là sự quán nhờ tuệ nên tác ý tư duy để khéo chứng ngộ và cực giải thoát đối với các pháp đã khéo thấu hiểu.

–Bạch Thế Tôn! Chỉ có mấy thứ?

–Thiện nam! Do chính cái tâm liên tục theo quán nên chỉ cũng có ba thứ; lại có tám thứ, đó là bốn Tĩnh lự và bốn Không định, mỗi thứ là một chỉ; lại có bốn thứ, đó là bốn vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả, mỗi thứ là một chỉ.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Chỉ Quán dựa vào pháp, lại nói Chỉ Quán không dựa vào pháp, vậy thế nào là Chỉ Quán dựa vào pháp, thế nào là Chỉ Quán không dựa vào pháp?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Nếu Bồ-tát tùy thuận cái pháp đã tiếp nhận và tư duy và Chỉ Quán đạt được bởi nghĩa lý của pháp ấy thì gọi là Chỉ Quán dựa vào pháp; nếu Bồ-tát chưa có cái pháp đã tiếp nhận và tư duy, chỉ dựa vào sự chỉ dạy của người khác và Chỉ Quán đạt được bởi nghĩa lý của sự chỉ dạy ấy, như quán thân thể bất tịnh, các hành vô thường, các hành khổ não, các pháp vô ngã, Niết-bàn vắng lặng, những loại Chỉ Quán như vậy gọi là Chỉ Quán không dựa vào pháp. Dựa vào pháp mà được Chỉ Quán thì Như Lai quy định đó là Bồ-tát tùy pháp hành, là Bồ-tát lợi căn; không dựa vào pháp mà được Chỉ Quán thì Như Lai quy định đó là Bồ-tát tùy tín hành, là Bồ-tát độn căn.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Chỉ Quán để nương vào pháp riêng biệt, lại nói Chỉ Quán vin vào pháp tổng quát, vậy Chỉ Quán nương vào pháp riêng biệt là thế nào, Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát là thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Nếu Bồ-tát nương vào mỗi pháp Khế kinh cho đến Luận nghị, đúng như pháp đã tiếp nhận và tư duy mà tu Chỉ Quán, thì gọi là Chỉ Quán nương vào pháp riêng biệt; nếu Bồ-tát nương vào các pháp Khế kinh cho đến Luận nghị, tập hợp lại làm một viên, một phần, một khối, tác y tư duy các pháp ấy bằng cách tùy thuận chân như, xu hướng chân như, đi vào chân như, tùy thuận Bồ-đề, tùy thuận Niết-bàn, tùy thuận chuyển y, xu hướng các pháp này, đi vào các pháp này, từ các pháp này thuyết ra vô lượng, vô số pháp thiện, tư duy như vậy mà tu Chỉ Quán thì gọi là Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát nhỏ, Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát lớn, Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát vô lượng, vậy thế nào là Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát nhỏ, thế nào là Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát lớn, thế nào là Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát vô lượng?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Nếu nương vào mỗi Khế kinh riêng biệt cho đến mỗi Luận nghị riêng biệt mà làm một viên một khối để tác ý tư duy, thì nên biết như thế đó gọi là Chỉ Quán nương pháp tổng quát nhỏ; nếu nương vào các Khế kinh cho đến các Luận nghị đã tiếp nhận và tư duy mà làm một viên một khối để tác ý tư duy, chứ không phải chỉ nương vào mỗi giáo pháp riêng biệt, thì nên biết như thế đó gọi là Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát lớn; nếu nương vào vô lượng giáo pháp của Như Lai bằng cách nương vào vô lượng văn từ pháp nghĩa của giáo pháp ấy, vào vô lượng pháp được soi tỏ bởi vô lượng tuệ của các giai đoạn liên tiếp sau đó, mà làm một viên một khối để tác ý tư duy, chứ không phải chỉ nương vào các pháp đã tiếp nhận và tư duy, thì nên biết như thế đó gọi là Chỉ Quán nương pháp tổng quát vô lượng.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát y cứ vào đâu thì gọi là đạt được Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Y cứ vào năm hiệu quả sau đây thì gọi là đạt được:

1. Khi tư duy thì trong từng sát-na đã tiêu dung chỗ dựa của mọi thứ thô trọng.

2. Bỏ phân biệt mà được pháp lạc.

3. Mở tỏ vô số ánh sáng của cái pháp không phân biệt khắp trong mười phương cõi nước.

4. Đã thường xuyên hiện ra cái trí không phân biệt do việc làm đã thành mãn và đã thích ứng với phần thanh tịnh.

5. Những giai đoạn sau đó vẫn thể hiện những nhân tố tinh tế hơn lên để làm cho Pháp thân thành mãn.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ Quán nương vào pháp tổng quát như trên thì từ đâu gọi là thông đạt và từ đâu gọi là chứng đắc?

Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Từ Địa thứ nhất là Cực hỷ thì gọi là thông đạt, từ Địa thứ ba là Phát quang mới gọi là chứng đắc. Thiện nam! Các vị Bồ-tát mới tu học cũng tác ý học theo Chỉ Quán này, tuy chưa đáng tán dương nhưng đừng nên nhác bỏ.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ Quán như vậy tại sao gọi là chánh định có tầm có tứ, chánh định không tầm chỉ tứ, chánh định không tầm không tứ?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Đối với ấn tượng đã thủ đắc từ giáo pháp đã tầm tứ, những Chỉ Quán có sự tiếp nhận quan sát rất thô thì gọi là chánh định có tầm có tứ; đối với ấn tượng ấy, những Chỉ Quán tuy không có sự tiếp nhận quan sát rất thô nhưng có sự tiếp nhận quan sát của ký ức sáng tỏ rất nhỏ, thì gọi là chánh định không tầm chỉ tứ; đối với ấn tượng của tất cả giáo pháp, những Chỉ Quán mà sự tiếp nhận quan sát không có mọi sự tác ý, thì gọi là chánh định không tầm không tứ. Lại nữa, thiện nam! Chỉ Quán có tầm cầu thì gọi là chánh định có tầm có tứ, Chỉ Quán có tứ sát thì gọi là chánh định không tầm chỉ tứ, Chỉ Quán vin pháp tổng quát thì gọi là chánh định không tầm không tứ.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đình chỉ là thế nào? Phấn chấn là thế nào? Xả bỏ là thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Khi tâm quấy động, hay khi phòng tâm quấy động, thì sự tác ý về cái đáng chán và sự tác ý về cái tâm ấy liên tục, gọi là đình chỉ; khi tâm chìm đắm, hay khi phòng tâm chìm đắm, thì sự tác ý về cái đáng vui và sự tác ý về cái tâm ấy, gọi là phấn chấn; hoặc chỉ có chỉ, hoặc chỉ có

quán, hoặc cả Chỉ Quán song hành, mà khi bị nhuốm bẩn vì hai thứ tùy phiền não là quấy động và chìm đắm như trên thì sự tác ý trong vô công dụng mà vận chuyển tự tại, gọi là xả bỏ.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ-tát tu tập Chỉ Quán thì phải biết pháp và biết nghĩa, vậy biết pháp là thế nào? Biết nghĩa là thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Các vị Bồ-tát ấy do năm sự sau đây mà biết về pháp:

1. Biết tên.

2. Biết câu.

3. Biết văn.

4. Biết riêng.

5. Biết chung.

Tên là thế nào, là sự giả thiết về tự tánh của tất cả các pháp nhiễm, tịnh. Câu là thế nào, là sự quy tụ của tên, thành cấu trúc diễn tả về nghĩa nhiễm hay tịnh của các pháp. Văn là thế nào, là chữ mà tên và câu dựa vào. Biết riêng những thứ trên là thế nào, là tác ý nhận thức mỗi thứ riêng ra. Biết chung những thứ trên là thế nào, là tác ý nhận thức các thứ trên chung lại. Tất cả những sự trên đây tổng lược nhất trí thì gọi là biết về pháp và biết về pháp như vậy thì gọi là Bồ-tát biết pháp.

Thiện nam! Các vị Bồ-tát ấy do mười sự sau đây mà biết về nghĩa:

1. Tánh tận hữu là biên cương tất cả chủng loại của các pháp nhiễm tịnh, biên cương ấy gọi là tánh tận hữu, tức năm số về uẩn, sáu số về nội xứ, sáu số về ngoại xứ, những pháp số đại loại như vậy.

2. Tánh như hữu là chân như nơi các pháp nhiễm tịnh, chân như ấy gọi là tánh như hữu. Chân như ấy có bảy: Một là chân như nơi sự lưu chuyển, tức cái tánh không mở đầu không chấm hết của các hành; hai là chân như nơi các tướng, tức cái tánh nhân vô ngã và pháp vô ngã của các pháp; ba là chân như nơi sự phân biệt rõ ràng, tức cái tánh duy thức của các hành; bốn là chân như nơi sự an lập, tức Thánh đế về khổ mà Như Lai nói; năm là chân như nơi sự tà hành, tức Thánh đế về tập mà Như Lai nói; sáu là chân như nơi sự thanh tịnh, tức Thánh đế về diệt mà Như Lai nói; bảy là chân như nơi sự chánh hành, tức Thánh đế về đạo mà Như Lai nói. Nên biết trong đây do chân như nơi sự lưu chuyển, nơi sự an lập và nơi sự tà hành nên tất cả chúng sinh rất là bình đẳng; do chân như nơi các tướng và nơi sự phân biệt rõ ràng nên tất cả các pháp rất là bình đẳng; do chân như

nơi sự thanh tịnh nên Thanh văn Bồ-đề, Độc giác Bồ-đề và Vô thượng Bồ-đề rất là bình đẳng; do chân như nơi sự chánh hành nên cái tuệ của Chỉ Quán siêu việt vin vào pháp tổng quát, sau khi nghe giáo pháp, rất là bình đẳng.

3. Nghĩa chủ thể chọn lấy là năm sắc xứ ở trong, là tâm ý thức và các tâm sở.

4. Nghĩa đối tượng được chọn lấy là sáu xứ ở ngoài và những nghĩa chủ thể thủ cũng là nghĩa đối tượng được thủ.

5. Nghĩa dựng nên là giới thế giới, trong giới thế giới này có thể dựng nên giới chúng sinh, tức ruộng đất một thôn, trăm, ngàn hay trăm ngàn ruộng đất thôn ấy; hoặc một lục địa giới hạn do đại dương, trăm, ngàn hay trăm ngàn lục địa ấy; hoặc một đại lục Thiệm-bộ, trăm, ngàn hay trăm ngàn đại lục ấy; hoặc một bốn đại lục, trăm, ngàn hay trăm ngàn bốn đại lục ấy; hoặc một thế giới ngàn nhỏ, trăm, ngàn hay trăm ngàn thế giới ngàn nhỏ ấy; hoặc một thế giới ngàn vừa, trăm, ngàn hay trăm ngàn thế giới ngàn vừa ấy; hoặc một thế giới ngàn lớn, trăm, ngàn hay trăm ngàn thế giới ngàn lớn ấy; hoặc một ức, trăm, ngàn hay trăm ngàn ức thế giới ngàn lớn ấy; hoặc một vô số, trăm, ngàn hay trăm ngàn vô số thế giới ngàn lớn ấy; hoặc tại một phương hướng, thế giới ngàn lớn ấy nhiều đến vô số mà có cả trăm ngàn lần, hay nhiều như số lượng vi trần; và ở khắp mười phương hướng có vô lượng, vô số những giới thế giới như vậy.

6. Nghĩa hưởng dụng là đồ dùng của chúng sinh thu thập mà Như Lai đã nói.

7. Nghĩa đảo ngược là đối với những sự từ nghĩa chủ thể thủ sắp đi trên đây mà tưởng thác loạn tâm thác loạn và thấy thác loạn cho vô thường là thường, tưởng thác loạn tâm thác loạn và thấy thác loạn cho khổ là vui, cho bất tịnh là tịnh, cho vô ngã là ngã.

8. Nghĩa không ngược thì nên biết là mâu thuẫn với những sự đảo ngược ở trên, có sức đối trị những sự đảo ngược ấy.

9. Nghĩa tạp nhiễm là ba sự tạp nhiễm khắp cả ba cõi: Một là hoặc tạp nhiễm; hai là nghiệp tạp nhiễm; ba là sinh tạp nhiễm.

10. Nghĩa thanh tịnh là những pháp Bồ-đề phần có sức cởi mở sự thắt buộc của ba sự tạp nhiễm nói trên.

Mười sự như trên đây, nên biết đã bao quát tất cả các nghĩa.

Thiện nam! Các vị Bồ-tát ấy lại còn do biết năm sự sau đây nên gọi là biết về nghĩa. Năm sự ấy là những gì?

1. Sự biến tri thì nên hiểu là tất cả pháp của đối tượng được nhận thức, tức các uẩn, các nội xứ, các ngoại xứ, những sự như vậy.

2. Nghĩa biến tri là bao nhiêu phẩm loại khác nhau mà cần biết về sự ở trên, tức hoặc Thế tục đế với Thắng nghĩa đế; hoặc công đức với lầm lỗi; hoặc duyên tố với thời gian; hoặc sinh, trú và diệt; hoặc như bệnh tật, (như ung thối, như trúng tên, như đau đớn); hoặc khổ, tập, diệt, đạo; hoặc chân như, thật tế, pháp giới và những danh hiệu cùng loại; hoặc phong phú với khái quát; hoặc bốn cách phán quyết là quyết định, phân tích, hỏi lại và lặng bỏ; hoặc ẩn mật với minh bạch; những pháp như vậy nên biết là nghĩa biến tri.

3. Nhân biến tri là những pháp Bồ-đề phần có sức thủ đắc hai loại biến tri ở trên, tức bốn Niệm trú, tám Chánh đoạn và những pháp số cùng loại.

4. Quả biến tri là các Sa-môn quả đã tạm diệt tham, sân, si và vĩnh diệt tham, sân, si, cùng với những công đức chứng Sa-môn quả mà Như Lai đã nói, tức những công đức cộng hữu hay đặc hữu mà bao gồm cả thế gian và xuất thế gian của Thanh văn và của Như Lai.

5. Biết sự ấy là chính những công đức chúng Sa-môn quả nói trên, các trí giải thoát khai thị và tuyên dương phong phú cho người.

Năm sự như trên nên biết cũng bao quát tất cả các nghĩa.

Thiện nam! Các vị Bồ-tát ấy lại do biết bốn sự sau đây nên gọi là biết về nghĩa. Bốn sự ấy là những gì?

1. Chấp thọ.

2. Lãnh nạp.

3. Phân biệt rõ ràng.

4. Nhiễm tịnh.

Bốn sự như trên nên biết cũng bao quát tất cả các nghĩa.

Thiện nam! Các vị Bồ-tát ấy lại còn do biết ba sự sau đây nên gọi là biết về nghĩa. Ba sự ấy là những gì?

1. Văn.

2. Nghĩa.

3. Giới.

Văn là danh thân cú thân và văn thân. Nghĩa thì có mười:

1. Sự chân thật.

2. Sự biến tri.

3. Sự vĩnh đoạn.

4. Sự tác chứng.

5. Sự tu tập.

6. Sự chi tiết của các sự nói trên.

7. Sự tương thuộc của đối tượng được nương dựa và chủ thể nương dựa.

8. Sự chướng ngại của sự biến tri cho đến sự tu tập.

9. Sự tùy thuận của sự biến tri cho đến sự tu tập.

10. Nhược điểm với ưu điểm của sự bất tri với sự biến tri, cho đến sự bất tu với sự tu tập.

Giới là năm giới:

1. Giới thế giới.

2. Giới chúng sinh.

3. Giới các pháp.

4. Giới người được thuần hóa.

5. Giới phương pháp thuần hóa.

Năm sự như trên nên biết cũng bao quát tất cả các nghĩa.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cái tuệ do nghe mà có và biết nghĩa của cái nó nghe, cái tuệ do nghĩ mà có và biết nghĩa của cái nó nghĩ, cái tuệ do tu Chỉ Quán mà có và biết nghĩa của cái nó tu, ba cái tuệ như vậy khác nhau thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Cái tuệ do nghe mà có thì dựa vào văn từ, chỉ như lời nói, chưa khéo biết ý nghĩa, đồng loại với cái nghĩa đã biết là ấn tượng chánh định chưa hiện trước mắt, tùy thuận với giải thoát, nhưng chưa lãnh nhận được sự giải thoát thành đạt. Cái tuệ do nghĩa mà có thì cũng dựa vào văn từ, nhưng không phải chỉ như lời nói, lại khéo biết ý nghĩa, đồng loại với cái nghĩa đã biết là ấn tượng chánh định chưa hiện trước mắt, nhưng càng thuận với giải thoát, dù cũng chưa lãnh nhận được sự giải thoát thành đạt. Còn cái tuệ do tu mà có của Bồ-tát thì cũng dựa vào văn từ mà cũng không dựa vào văn từ, cũng như lời nói mà cũng không như lời nói, khéo biết ý nghĩa, đồng loại với cái nghĩa đã biết là ấn tượng chánh định đã hiện trước mắt, cực thuận với giải thoát, đã lãnh nhận được sự giải thoát thành đạt. Đó là sự biết nghĩa mà khác nhau của ba tuệ.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ-tát tu Chỉ Quán thì phải biết pháp biết nghĩa, vậy biết là thế nào? Thấy là thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Bằng nhiều mặt, Như Lai đã nói sự khác biệt của biết và thấy. Như Lai nay nói khái lược cho ông về sự ấy: Cái tuệ tinh tế vin vào pháp tổng quát mà tu Chỉ Quán thì gọi là biết, cái tuệ tinh tế vin vào pháp riêng biệt mà tu Chỉ Quán thì gọi là thấy.

Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ-tát tu Chỉ Quán là do tác ý nào? Trừ khử tướng gì? Và làm sao trừ khử?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Do tác ý chân như và trừ khử pháp tướng nghĩa tướng. Đối với cái danh của pháp nghĩa và tự tánh của cái danh ấy, khi vô đắc thì cũng không thấy cái tướng của cái danh ấy dựa vào: trừ khử như vậy đó; như đối với danh thì đối với câu, đối với văn và đối với nghĩa nên biết cũng như vậy; sau hết đối với cái giới của pháp nghĩa và tự tánh của cái giới ấy, khi vô đắc thì cũng không thấy cái tướng của cái giới ấy dựa vào: Trừ khử như vậy đó.

–Bạch Thế Tôn! Thấu triệt chân như thì tướng chân như ấy cũng bị trừ khử chăng?

–Thiện nam! Thấu triệt chân như hoàn toàn vô tướng và vô đắc, vậy trừ khử cái gì. Như Lai nói rằng khi thấu triệt chân như thì trừ khử được pháp tướng và nghĩa tướng, chứ không phải chân như được thấu triệt đó cái khác có thể trừ khử.

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói đồ chứa nước nhơ bẩn, tấm gương không sáng sạch, suối hồ nước xao động, thì không thể nhìn thấy hình ảnh mặt mình, nhìn thấy thì không phải những thứ trên đây; tương tự như vậy, cái tâm mà không tu thì không thể chính xác nhìn thấy chân như, khéo tu cái tâm thì có thể nhìn thấy. Lời này nói về quán trí nào và nói về chân như nào?

–Thiện nam! Lời này nói về ba quán trí là quán trí do nghe mà có, quán trí do nghĩ mà có và quán trí do tu mà có, căn cứ chân như nơi sự phân biệt rõ ràng mà nói.

–Bạch Thế Tôn! Để trừ khử các tướng nên các vị Bồ-tát biết pháp tướng nghĩa tướng phải nỗ lực tu tập phương cách trừ khử, vậy có bao nhiêu cái tướng khó trừ khử? Và cái gì trừ khử được?

–Thiện nam! Cái tướng có mười thứ và cái Không có thể trừ khử. Mười thứ ấy là những gì?

1. Biết pháp biết nghĩa thì có cái tướng văn từ, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do các pháp không.

2. Biết chân như nơi sự an lập thì có cái tướng sinh trụ diệt và cái tướng liên tục chuyển biến, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do tướng không và vô tiền hậu không.

3. Biết nghĩa chủ thể chọn lấy thì có cái tướng luyến tiếc thân thể và cái tướng ngã mạn, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do nội không và vô sở đắc không.

4. Biết nghĩa đối tượng được chọn lấy thì có cái tướng luyến tiếc tài sản, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do ngoại không.

5. Biết nghĩa hưởng dụng, trong đó có trai gái phục dịch và đồ dùng thích hợp, thì có cái tướng trong thấy thích thú và cái tướng ngoài thấy tốt đẹp, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do nội ngoại không và bản tánh không.

6. Biết nghĩa dựng nên thì có cái tướng thế giới bao la, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do đại không.

7. Biết không hình sắc thì có cái tướng bên trong vắng lặng giải thoát, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do hữu vi không.

8. Biết chân như nơi các tướng thì có các tướng nhân vô ngã, tướng pháp vô ngã, tướng duy thức và tướng thắng nghĩa, bốn cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do cứu cánh không, vô tánh không, vô tánh tánh không và thắng nghĩa không.

9. Biết chân như nơi sự thanh tịnh thì có cái tướng vô vi và cái tướng không biến dịch, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do vô vi không và vô biến dị không.

10. Chính sự tác ý tư duy về cái không để đối trị các cái tướng nói trên thì có cái tướng không, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử do không không.

–Bạch Thế Tôn! Như vậy khi trừ khử mười cái tướng là trừ khử cái gì? Và giải thoát cái gì?

–Thiện nam! Trừ khử cái tướng của ấn tượng chánh định và giải thoát sự tạp nhiễm thắt buộc, rồi sự trừ khử ấy cũng không còn. Nhưng ông nên biết Như Lai căn cứ phần đặc thù mà nói cái không này trừ khử cái tướng kia, chứ không phải mỗi cái không không trừ khử được mọi cái tướng. Thí

dụ vô minh không phải không sinh ra mọi thứ tạp nhiễm từ hành cho đến lão tử, nhưng căn cứ phần đặc thù nên nói vô minh sinh ra hành, vì nó là duyên tố gần nhất của hành. Đạo lý ở đây ông nên biết cũng lại như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Ở đây cái không nào là cái không tổng quát? Bồ-tát hiểu được cái không ấy thì không có những sự mất mát hư hỏng, bỏ được sự tăng thượng mạn đối với cái không.

Đức Thế Tôn, vào lúc ấy, khen ngợi Đại Bồ-tát Từ Thị rằng:

–Tốt lắm! Thiện nam! Tốt lắm! Ông có thể hỏi Như Lai cái nghĩa sâu như vậy để làm cho các vị Bồ-tát không bị mất bị hỏng về cái không. Các vị Bồ-tát mất hỏng về cái không thì mất hỏng toàn thể Đại thừa. Do vậy, ông hãy nghe cho thật kỹ, Như Lai nói cho ông về cái không tổng quát. Ấy là, nơi tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thật, mọi tánh Biến kế chấp dầu thuộc loại tạp nhiễm hay thuộc loại thanh tịnh đều rốt ráo rời bỏ, hoàn toàn vô đắc, như vậy gọi là cái không tổng quát của Đại thừa.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ Quán như thế này bao gồm được mấy thứ chánh định siêu việt?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Vô lượng chánh định siêu việt của Thanh văn của Bồ-tát và của Như Lai mà Như Lai đã nói, thì ông nên biết tất cả đều bao gồm trong Chỉ Quán ở đây.

–Bạch Thế Tôn! Chỉ Quán như thế này lấy gì làm nhân tố? Thiện nam! Nhân tố của Chỉ Quán như thế này là giới thanh tịnh, là chánh kiến được có do nghe thanh tịnh và nghĩa thanh tịnh. Bạch Thế Tôn! Chỉ Quán như thế này lấy gì làm thành quả?

–Thiện nam! Thành quả của Chỉ Quán như thế này là tâm thanh tịnh và tuệ thanh tịnh, còn nữa, hết thảy pháp thiện thuộc loại thế gian và thuộc xuất thế gian của Thanh văn và của Như Lai, nên biết toàn là thành quả của Chỉ Quán như thế này tạo ra.

–Bạch Thế Tôn! Chỉ Quán như thế này làm được công việc gì?

–Thiện nam! Làm được công việc giải thoát tướng phược và giải thoát trọng phược.

–Bạch Thế Tôn! Trong năm thứ ràng buộc mà Thế Tôn nói, mấy thứ là sự cản trở của chỉ? Mấy thứ là sự cản trở của quán? Mấy thứ là sự cản trở của cả hai?

–Thiện nam! Sự luyến tiếc thân thể và luyến tiếc tài sản là những sự

cản trở của chỉ, không thích Thánh giáo là sự cản trở của quán, thích ở xen lẫn và được ít đã đủ là những sự cản trở của cả hai: vì sự thứ nhất mà việc tu không làm được, vì sự thứ hai mà việc tu không trọn được.

–Bạch Thế Tôn! Trong năm thứ ngăn che, mấy thứ là sự cản trở của chỉ? Mấy thứ là sự cản trở của quán? Mấy thứ là sự cản trở của cả hai?

–Thiện nam! Trạo cử ố tác là sự cản trở của chỉ, hôn trầm thụy miên và nghi pháp là những sự cản trở của quán, tham dục và sân hận là những sự cản trở của cả hai.

–Bạch Thế Tôn! Y cứ vào đâu thì gọi là được trong sáng đầy đủ về chỉ?

–Thiện nam! Cho đến lúc bao nhiêu hôn trầm thụy miên được chính xác và khéo léo loại trừ thì ngang đó gọi là được trong sáng đầy đủ về chỉ.

–Bạch Thế Tôn! Y cứ vào đâu thì gọi là được trong sáng đầy đủ về quán?

–Thiện nam! Cho đến lúc bao nhiêu trạo cử ố tác được chính xác và khéo léo loại trừ thì ngang đó gọi là được trong sáng đầy đủ về quán.

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát khi Chỉ Quán đã hiện ra thì phải biết có mấy thứ làm cho tâm xao động?

–Thiện nam! Phải biết có năm thứ: Tác ý, ngoại tâm, nội tâm, cảnh tướng, thô trọng.

1. Nếu Bồ-tát rời tác ý hợp với Đại thừa mà rơi vào những tác ý hợp với Thanh văn, Độc giác thì gọi là tác ý xao động.

2. Nếu bao nhiêu tầm tư đều xuôi theo phiền não khi đối trước đa dạng của năm thứ dục lạc, nếu buông thả tâm trí ra chảy tràn vào ngoại cảnh, thì gọi là ngoại tâm rối loạn.

3. Nếu vì hôn trầm và thụy miên, vì trầm một, vì đam mê về định, vì sự nhuốm bẩn của một tùy phiền não nào đó chướng ngại cho định, thì gọi là nội tâm xao động.

4. Nếu đối với cảnh tướng ngoài định mà nghĩ là cảnh tướng của định bên trong thì gọi là cảnh tướng xao động.

5. Nếu những cảm giác do tác ý sinh ra mà cho là do cái thân thô trọng nên chấp tự ngã, nổi kiêu mạn, thì gọi là thô trọng xao động.

–Bạch Thế Tôn! Từ Bồ-tát Địa đầu tiên cho đến địa Như Lai, Chỉ Quán như thế này đối trị được những sự chướng ngại nào?

–Thiện nam! Chỉ Quán như thế này trong Bồ-tát địa đầu tiên thì đối trị được sự chướng ngại vì hoặc nghiệp sinh tạp nhiễm của cõi ác, trong

Bồ-tát Địa thứ hai thì đối trị được sự chướng ngại vì hiện hành của sự lầm lỡ vị phạm rất nhỏ, trong Bồ-tát Địa thứ ba thì đối trị được sự chướng ngại vì tham lam của dục, trong Bồ-tát Địa thứ tư thì đối trị được sự chướng ngại vì định ái và pháp ái, trong Bồ-tát Địa thứ năm thì đối trị được sự chướng ngại vì một chiều chống sinh tử hướng Niết-bàn, trong Bồ-tát Địa thứ sáu thì đối trị được sự chướng ngại vì hiện hành nhiều của tướng thô, trong Bồ-tát Địa thứ bảy thì đối trị được sự chướng ngại vì hiện hành của tế tướng, trong Bồ-tát Địa thứ tám thì đối trị được sự chướng ngại vì phải gia công dụng đối với vô tướng và không tự tại đối với hữu tướng, trong Bồ-tát Địa thứ chín thì đối trị được sự chướng ngại vì không tự tại đối với ngôn từ khéo léo về mọi chủng loại, trong Địa Bồ-tát thứ mười thì đối trị được sự chướng ngại vì không chứng đắc Pháp thân viên mãn. Và Chỉ Quán như thế này, trong địa Như Lai thì đối trị được sự phiền não chướng và sở tri chướng cực vi tế; và tối cực vi tế, vì vĩnh viễn hại được hai chướng như vậy nên chứng được một cách cứu cánh cái trí thấy biết hoàn toàn, không còn vướng mắc không còn chướng ngại, lại do đối tượng được tạo tác thành tựu của cái trí nói trên nên lập ra Pháp thân tối cực thanh tịnh.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát do nỗ lực tu hành Chỉ Quán mà chứng đắc Vô thượng Bồ-đề là thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Nếu Bồ-tát đã được Chỉ Quán bằng cách căn cứ bảy chân như, đúng như cái pháp đã nghe và đã nghĩ, do tâm trí của chánh định siêu việt mà bên trong tự chánh tư duy về tánh chân như đã khéo thẩm định khéo tư lượng và khéo thiếp lập, thì vì chánh tư duy chân như nên đối với sự hiện hành của tế tướng tâm trí còn bỏ được, huống chi là đối với sự hiện hành của thô tướng. Tế tướng là ấn tượng chấp thọ, lãnh nạp, phân biệt rõ ràng và nhiễm tịnh, là ấn tượng pháp trong, pháp ngoài và trong ngoài, là ấn tượng cho rằng mình làm mọi sự lợi ích cho chúng sinh, là ấn tượng chánh trí, chân như, là ấn tượng khổ tập diệt đạo, là ấn tượng hữu vi, vô vi, là ấn tượng hữu thường, vô thường, là ấn tượng khổ có biến dị, khổ không biến dị, là ấn tượng hữu vi đa dạng, hữu vi đồng nhất, là ấn tượng tất cả được có bởi biết tất cả là tất cả, là ấn tượng nhân vô ngã, pháp vô ngã, mọi ấn tượng như vậy tâm trí Bồ-tát loại bỏ được cả. Bồ-tát ở nhiều trong sự tu hành như thế này nên lúc nào cũng khéo sửa trị tâm trí của mình trong mọi sự ràng buộc, ngăn che và xao động. Từ đó về sau, đối với bảy chân như có bảy cái trí thông suốt, tự chứng bên trong, được riêng biệt sinh ra và gọi

là Kiến đạo vị. Do được như vậy nên gọi là vị nhập vào chánh tánh ly sinh của Bồ-tát, vị sinh vào nhà Như Lai, vị chứng đắc Bồ-tát địa đầu tiên, vị hưởng dụng mọi thành quả siêu việt của địa Bồ-tát này. Bồ-tát như vậy, trước đây được Chỉ Quán bằng cách được đối tượng có phân biệt và đối tượng không phân biệt, nay được Kiến đạo vị là được thêm đối tượng biên tế của các pháp. Rồi các giai đoạn liên tiếp về sau, trong tất cả địa Bồ-tát còn lại, thì tiến tu tu đạo vị, bằng cách tác ý tư duy cả ba đối tượng nói trên. Tựa như có kẻ lấy chốt nhỏ đẩy chốt to ra, vị Bồ-tát này, với cách lấy chốt tháo chốt mà trừ khử mọi ấn tượng có từ bên trong, nên bao nhiêu cái tướng thuộc loại tạp nhiễm đều trừ khử cả và tướng phược được trừ khử nên trọng phược cũng trừ khử. Vì vĩnh viễn trừ được tướng phược và trọng phược nên tuần tự trong các địa Bồ-tát về sau, vị Bồ-tát này y như cách luyện vàng mà luyện tâm mình, cho đến chứng được Vô thượng Bồ-đề, nghĩa là chứng được đối tượng sở tác thành tựu. Thiện nam! Như thế đó gọi là Bồ-tát từ bên trong tu hành chính xác về Chỉ Quán nên chứng được Vô thượng Bồ-đề.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như thế nào là Bồ-tát tu hành Chỉ Quán dẫn ra uy đức cao rộng của Bồ-tát?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Bồ-tát khéo biết sáu sự sau đây thì có thể dẫn ra uy đức cao rộng của Bồ-tát:

1. Khéo biết tâm phát sinh là chính xác biết mười sáu tâm phát sinh khác nhau, đó là thứ nhất, sự phát sinh của cái thức mà hành tướng chủ thể được duyên khó biết, liên tục chấp thọ sắc căn và liên tục chấp trì thế giới, đó là A-đà-na thức; thứ hai, sự phát sinh của cái thức mà hành tướng đa dạng vin theo đối cảnh đa dạng, đó là phân biệt ý thức nhận thức một lúc tất cả đối cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc và cảm nhận một lúc tất cả ấn tượng của giác quan ở trong và đối cảnh ở ngoài, đó là phân biệt ý thức trong một tháng mà nhập nhiều chánh định, thấy nhiều cõi Phật, thấy nhiều Đức Phật; thứ ba, sự phát sinh của cái thức mà đối cảnh nhỏ hẹp, đó là thức hệ thuộc cõi Dục; thứ tư, sự phát sinh của cái thức mà đối cảnh rộng lớn, đó là thức hệ thuộc cõi Sắc; thứ năm, sự phát sinh của cái thức mà đối cảnh vô lượng, đó là thức hệ thuộc Không vô biên xứ và Thức vô biên xứ; thứ sáu, sự phát sinh của cái thức mà đối cảnh vi tế, đó là thức hệ thuộc vô sở hữu xứ; thứ bảy, sự phát sinh của cái thức mà đối cảnh tận biên, đó là thức hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ; thứ tám, sự phát sinh của cái thức mà

đối cảnh vô tướng, đó là thức siêu thoát thế gian và thức vin theo Niết-bàn; thứ chín, sự phát sinh của cái thức mà đi đôi với khổ thọ, đó là thức địa ngục; thứ mười, sự phát sinh của cái thức đi đôi với tạp thọ, đó là thức cõi Dục; mười một, sự phát sinh của cái thức đi đôi với hỷ thọ, đó là thức Sơ thiền và Nhị thiền; mười hai, sự phát sinh của cái thức đi đôi với lạc thọ, đó là thức Tam thiền; mười ba, sự phát sinh của cái thức đi đôi với xả thọ, đó là thức Tứ thiền cho đến phi phi tưởng xứ; mười bốn, sự phát sinh của cái thức đi đôi với các pháp nhiễm, đó là thức thích ứng với mọi phiền não và tùy phiền não; mười lăm, sự phát sinh của cái thức đi đôi với các pháp lành, đó là thức thích ứng với tâm sở thiện; mười sáu, sự phát sinh của cái thức đi đôi với pháp vô ký, đó là thức không thích ứng cả hai loại tâm sở nói trên.

2. Khéo biết tâm trú ở là biết chính xác chân như nơi sự phân biệt rõ ràng.

3. Khéo biết tâm thoát ra là biết chính xác rằng phải thoát khỏi hai thứ tướng phược và trọng phược và đó là khéo biết rằng phải làm cho tâm mình thoát ra hai thứ như vậy.

4. Khéo biết tâm thêm lên là biết chính xác về cái tâm trí đối trị được tướng phược và trọng phược khi nó lớn thêm khi nó dồn lại, những gì tùy thuộc nó cũng được lớn thêm cũng được dồn lại.

5. Khéo biết tâm bớt đi là biết chính xác về cái bị đối trị, tức cái tâm trí bị bẩn vì tướng phược và trọng phược khi nó lui lại khi nó bớt đi, những gì tùy thuộc nó cũng bị lui lại cũng bị bớt đi.

6. Khéo biết các phương tiện là biết chính xác về tám Giải thoát tám Thắng xứ và mười Biến xứ, về cách tu tập và về sự trừ khử của các pháp này.

Thiện nam! Bồ-tát nào khéo biết như vậy thì uy đức cao rộng của Bồ-tát hoặc đã được dẫn ra, hoặc sẽ được dẫn ra, hoặc đang được dẫn ra.

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói trong Niết-bàn hoàn toàn thì hết thảy cảm giác vĩnh viễn diệt hết, không còn thừa sót, vậy những cảm giác nào bị vĩnh viễn diệt hết ở đây?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Lấy cốt yếu mà nói thì ở đây có hai loại cảm giác vĩnh viễn diệt hết, không còn thừa sót, đó là một, cảm giác xuất từ giác quan và hai, cảm giác xuất từ đối cảnh. Cảm giác xuất từ giác quan lại có bốn loại: Thứ nhất là cảm giác dựa vào giác quan có sắc chất, thứ hai là cảm giác

dựa vào giác quan không sắc chất, thứ ba là cảm giác của kết quả hoàn thành, thứ tư là cảm giác của kết quả chưa hoàn thành, kết quả đã hoàn thành là cảm giác hưởng chịu trong hiện tại, kết quả chưa hoàn thành là cảm giác làm nhân cho vị lai. Cảm giác xuất từ đối cảnh cũng có bốn loại: Thứ nhất là cảm giác do thế giới đang sống, thứ hai là cảm giác do đồ dùng để sống, thứ ba là cảm giác do hưởng dụng hai loại trên, thứ tư là cái giác do luyến tiếc hai loại trên. Trong Niết-bàn chưa toàn thì đã diệt hết tất cả cảm giác của kết quả chưa hoàn thành, còn lại là cảm giác phát sinh từ tuệ giác đối trị, là cảm giác mà Thánh giả và phàm phu đều có, là cảm giác của kết quả đã hoàn thành; lại nữa, trong Niết-bàn chưa toàn cũng diệt hết cả hai loại cảm giác của kết quả là đã hoàn thành và chưa hoàn thành, còn lại chỉ có cảm giác phát sinh từ tuệ giác đối trị. Còn Niết-bàn hoàn toàn mà nhập vào thì lúc đó cái cảm giác phát sinh từ tuệ giác đối trị cũng không còn. Do vậy nên Như Lai nói rằng trong Niết-bàn hoàn toàn, hết thảy cảm giác đều vĩnh viễn diệt cả, không còn thừa sót.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dạy như vậy rồi lại nói với Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Tốt lắm! Thiện nam! Hôm nay ông khéo căn cứ nơi pháp Du-già tinh tế, cùng cực trong sáng và hoàn toàn đầy đủ mà xin hỏi Như Lai. Đối với pháp Du-già, vốn ông đã được sự khéo léo hiểu biết một cách quyết định và tột bậc. Như Lai cũng đã nói cho ông về pháp Du-già tinh tế, cùng cực trong sáng và hoàn toàn đầy đủ. Trong quá khứ và trong vị lai, bao nhiêu bậc Chánh biến giác đã nói và sẽ nói thì cũng toàn là nói như vậy. Các thiện nam và thiện nữ nên dựa vào pháp thoại này, dũng mãnh tinh tấn mà chính xác tu học.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây.

Đối với Du-già
Giáo pháp lập ra,
Ai sống buông thả
Mất đại Niết-bàn;
Dựa vào Du-già
Giáo pháp lập ra,
Chính xác tu tập
Được đại Bồ-đề.
Thấy mà thủ đắc,
Khó mong giải thoát
Cho cái thấy ấy
Là đã được pháp,

Kẻ ấy rời xa
Khỏi pháp Du-già
Như là mặt đất
Cách xa không gian.
Lợi ích chúng sinh
Một cách bền bỉ
Mà không nghĩ rằng
Mình làm như vậy:
Lãnh hội như vậy
Càng làm lợi người.
Ai người có trí
Làm hết kiếp lượng
Thì được cái mừng
Cao cả trong sáng.
Ai vì dục vọng
Mà thuyết chánh pháp,
Thì người như vậy
Phải được gọi là
Đã bỏ dục vọng
Lại theo dục vọng
Ngu si như vậy
Mà được pháp này
Thì như một kẻ
Được ngọc vô giá
Mà đi lang thang
Làm kẻ ăn mày
Cái lối luận bàn
Vô ích ồn náo
Thì phải bỏ đi
Để mà khởi dậy
Hạnh nguyện tinh tấn
Vào bậc thượng thừa:
Vì để hóa độ
Cả trời và người,
Hãy siêng tu học
Pháp Du-già này.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Từ Thị lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong toàn bộ pháp thoại Giải Thâm Mật, pháp thoại

này nên mệnh danh là gì? Chúng con phải kính cẩn ghi nhớ như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Thiện nam! Pháp thoại này tên là Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Du-già. Ông hãy kính cẩn ghi nhớ theo cái tên như vậy.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp thoại Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Du-già thì trong đại hội có sáu trăm ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề; ba trăm ngàn Thanh văn lánh xa bụi bặm, tách rời nhơ bẩn, đối với các pháp thì được mắt pháp trong sáng; một trăm năm mươi ngàn Thanh văn hết hẳn mọi thứ lậu hoặc, tâm được giải thoát; bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát được tác ý về Du-già rộng lớn.

-oOo-

KINH GIẢI THÂM MẬT

QUYỂN 4

Phẩm 7: ĐỊA ĐỘ (Địa Ba-la-mật-đa)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói mười địa Bồ-tát: Thứ nhất là địa Cực hỷ, thứ hai là địa Ly cấu, thứ ba là địa Phát quang, thứ tư là địa Diệm tuệ, thứ năm là địa Nan thắng, thứ sáu là địa Hiện tiền, thứ bảy là địa Viễn hành, thứ tám là địa Bất động, thứ chín là địa Thiện tuệ, thứ mười là địa Pháp vân, lại nói địa Như Lai làm thứ mười một; các Địa như vậy được bao gồm vào mấy sự thanh tịnh và mấy phần viên mãn?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Nên biết các Địa như vậy bao gồm vào bốn sự thanh tịnh và mười một phần viên mãn. Bốn sự thanh tịnh bao gồm được các Địa là:

1. Sự thanh tịnh do tác ý lạc tăng thượng thì bao gồm Địa thứ nhất.

2. Sự thanh tịnh do giới tăng thượng thì bao gồm Địa thứ hai.

3. Sự thanh tịnh do tâm tăng thượng thì bao gồm Địa thứ ba.

4. Sự thanh tịnh do tuệ tăng thượng thì trong các Địa sau đó càng siêu việt và tinh tế hơn lên nên bao gồm từ Địa thứ tư cho đến địa Như Lai.

Đó là bốn sự thanh tịnh bao gồm tất cả các Địa.

Thiện nam! Mười một phần viên mãn bao gồm được các Địa là:

1. Các vị Bồ-tát trước tiên ở địa Giải hành dùng mười pháp hạnh mà rất khéo tu tập về thắng giải và thắng nhẫn, nên vượt qua Địa ấy mà nhập vào chánh tánh ly sinh của Bồ-tát.

2. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ nhất đã viên mãn; nhưng chưa thể chánh trí tu hành trong hiện hành của sự lầm lỡ vi phạm rất nhỏ, vì vậy mà phần Địa thứ hai chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

3. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ hai đã viên mãn; nhưng chưa thể đạt được đẳng trì đẳng chí viên mãn và văn trì Đà-la-ni

viên mãn thuộc loại thế gian, vì vậy mà phần Địa thứ ba chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

4. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ ba đã viên mãn; nhưng chưa thể làm cho pháp Bồ-đề phần nào đã được thì tu tập nhiều lên, tâm trí chưa bỏ được định ái và pháp ái, vì vậy mà phần Địa thứ tư chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

5. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ tư đã viên mãn; nhưng chưa thể chính xác quan sát các đế lý, chưa bỏ được cái tác ý một chiều bỏ sinh tử hướng đến Niết-bàn, chưa tu được các pháp Bồ-đề phần bao gồm trong phần phương tiện, vì vậy mà phần Địa thứ năm chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

6. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ năm đã viên mãn; nhưng chưa thể chính xác quan sát sự sinh tử lưu chuyển, lại vì quá chán sự sinh tử lưu chuyển ấy, nghĩa là chưa thể ở nhiều trong sự tác ý về vô tướng, vì vậy mà phần Địa thứ sáu chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

7. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ sáu đã viên mãn; nhưng chưa thể làm cho sự tác ý về vô tướng được không thiếu sót không gián đoạn và tu tập nhiều, vì vậy mà phần Địa thứ bảy chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

8. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ bảy đã viên mãn; nhưng chưa thể hết được sự dụng công về vô tướng, lại chưa được tự tại với hữu tướng, vì vậy mà phần Địa thứ tám chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

9. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ tám đã viên mãn; nhưng đối với những danh và những tướng diễn đạt khác nhau về hết thảy chủng loại để tuyên thuyết chánh pháp thì chưa được đại tự tại, vì vậy mà phần Địa thứ chín chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

10. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ chín đã viên mãn; nhưng chưa thể hiện tiền chứng thọ Pháp thân viên mãn, vì vậy mà phần Địa thứ mười chưa viên mãn; để phần này được viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được.

11. Các vị Bồ-tát này do lý do này mà phần Địa thứ mười đã viên mãn; nhưng đối với toàn thể cảnh giới của đối tượng được nhận thức, vẫn chưa được cái trí thấy biết tinh tế không còn vướng mắc, không còn chướng ngại, vì vậy mà phần Địa thứ mười một chưa viên mãn; để phần này được

viên mãn nên tinh cần tu tập thì chứng được. Chứng được phần này viên mãn là viên mãn tất cả các phần.

Đó là mười một phần viên mãn bao gồm hết cả các Địa.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Địa đầu tiên tên là địa Cực hỷ, cho đến vì sao địa cuối cùng tên là địa Như Lai?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Thành tựu lợi ích chân thật và vĩ đại, được tâm trí xuất thế mà trước đây chưa được, sinh hoan hỷ lớn lao, nên Địa đầu tiên tên là địa Cực hỷ. Rời xa hết thảy mọi sự phạm giới rất nhỏ, nên Địa thứ hai tên là địa Ly cấu. Chánh định và văn trì Đà-la-ni mà ở đây đạt được thì có thể làm chỗ dựa cho vô lượng ánh sáng trí giác, nên Địa thứ ba tên địa Phát quang. Do pháp Bồ-đề phần ở đây thành đạt mà thiêu đốt phiền não, trí giác ở đây như ngọn lửa, nên Địa thứ tư tên là địa Diệm tuệ. Chính pháp Bồ-đề phần nói trên, ở đây phương tiện tu tập cùng cực khó khăn mới được tự tại, nên Địa thứ năm tên là địa Nan thắng. Quan sát các hành lưu chuyển như ở trước mắt, nhưng đối với vô tướng thì tu nhiều về tác ý mới hiện ở trước mắt, nên Địa thứ sáu tên là địa Hiện tiền. Đứng xa mà đã được cái tác ý không còn thiếu sót và gián đoạn về vô tướng, tiếp cận với vị trí thanh tịnh, nên Địa thứ bảy tên là địa Viễn hành. Đã được vô công dụng đối với vô tướng, trong các tướng thì không còn bị phiền não hiện hành làm xao động, nên Địa thứ tám tên là địa Bất động. Đối với sự thuyết pháp bằng tất cả chủng loại thì đã được tự tại, đã được trí tuệ rộng lớn và không tội lỗi, nên Địa thứ chín tên là địa Thiện tuệ. Cái thân nặng nề thì như hư không, còn sự viên mãn của Pháp thân thì như mây lớn giăng che khắp cả, nên Địa thứ mười tên là địa Pháp vân. Diệt trừ vĩnh viễn phiền não chướng và sở tri chướng cùng cực vi tế, không còn vướng mắc không còn chướng ngại, đối với cảnh giới của đối tượng được nhận thức, tức toàn thể chủng loại, đã thể hiện Chánh biến giác, nên Địa thứ mười một tên là địa Như Lai.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong các Địa như thế này có mấy thứ ngu tối? Có mấy sự nặng nề?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Trong các Địa như thế này có hai mươi hai thứ ngu tối và mười một sự nặng nề, toàn là những cái bị đối trị.

1. Trong Địa đầu tiên có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì chấp ngã và pháp chấp, hai là ngu tối vì những sự tạp nhiễm trong cõi ác, cùng với

sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

2. Trong Địa thứ hai có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì sự lầm lỡ vi phạm rất nhỏ, hai là ngu tối vì các nghiệp, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

3. Trong Địa thứ ba có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì tham lam của dục, hai là ngu tối đối với văn trì Đà-la-ni viên mãn, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

4. Trong Địa thứ tư có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì định ái, hai là ngu tối vì pháp ái, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

5. Trong Địa thứ năm có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì tác ý một chiều bỏ sinh tử, hai là ngu tối vì tác ý một chiều hướng Niết-bàn, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

6. Trong Địa thứ sáu có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì hiện tiền quan sát các hành lưu chuyển, hai là ngu tối vì hiện hành nhiều về hữu tướng, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

7. Trong Địa thứ bảy có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì hiện hành của tế tướng, hai là ngu tối đối với tác ý mong thuần vô tướng, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

8. Trong Địa thứ tám có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì dụng công về vô tướng, hai là ngu tối đối với sự tự tại về hữu tướng, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

9. Trong Địa thứ chín có hai thứ ngu tối, một là ngu tối đối với sự tự tại về tuệ biện Đà-la-ni của các Địa sau nữa, trong sự thuyết pháp vô lượng và trong vô lượng pháp nghĩa văn tự, hai là ngu tối đối với sự tự tại về biện tài, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

10. Trong Địa thứ mười có hai thứ ngu tối, một là ngu tối đối với đại thần thông, hai là ngu tối đối với sự ngộ nhập về bí mật vi tế, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

11. Trong Địa thứ mười một có hai thứ ngu tối, một là ngu tối vì sự vướng mắc cùng cực vi tế về toàn cảnh giới của đối tượng được nhận thức, hai là ngu tối vì sự chướng ngại cùng cực vi tế về toàn thể cảnh giới của đối tượng được nhận thức, cùng với sự nặng nề của hai thứ ngu tối ấy, là những cái bị đối trị ở đây.

Do hai mươi hai thứ ngu tối cùng với mười một sự nặng nề như vậy

nên lập ra các Địa và được Vô thượng Bồ-đề thì thoát ly hết cả mọi ràng buộc ấy.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vô thượng Bồ-đề rất là kỳ lạ, rất hiếm có, cho đến đạt được lợi ích lớn lao và thành quả lớn lao, là làm cho các vị Bồ-tát phá được cái lưới ngu tối lớn lao đến thế và vượt được cái rừng nặng nề lớn lao đến thế, mà hiện tiền chứng được Vô thượng Bồ-đề ấy.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Địa như thế này được lập ra do mấy thứ đặc thù?

Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Khái lược có tám thứ:

1. Sự thanh tịnh của ý lạc tăng thượng.

2. Sự thanh tịnh của tâm tăng thượng.

3. Sự thanh tịnh của bi tăng thượng.

4. Sự thanh tịnh của độ tăng thượng.

5. Sự thanh tịnh của sự phụng sự chư Phật tăng thượng.

6. Sự thanh tịnh của sự làm thành thục cho chúng sinh tăng thượng.

7. Sự thanh tịnh của sự thọ sinh tăng thượng.

8. Sự thanh tịnh của uy đức tăng thượng.

Sự thanh tịnh của ý lạc tăng thượng cho đến sự thanh tịnh của uy đức tăng thượng trong địa đầu tiên, cùng với sự thanh tịnh của ý lạc tăng thượng cho đến sự thanh tịnh của uy đức tăng thượng trong các Địa sau đó cho đến trong địa Như Lai, nên biết những sự thanh tịnh này triển chuyển hơn lên, chỉ trong địa Như Lai thì trừ sự thanh tịnh của sự thọ sinh tăng thượng. Thêm nữa, công đức mà địa đầu tiên có thì các Địa trên nữa cũng có một cách bình đẳng, nhưng nên biết cái công đức đặc thù của bản địa thì vẫn là đặc thù; công đức của mười địa Bồ-tát toàn là còn có cái trên nữa, còn công đức của địa Như Lai thì nên biết không có gì trên nữa.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà nói sự thọ sinh của Bồ-tát đặc thù nhất đối với mọi sự thọ sinh khác?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì bốn lý do:

1. Do thiện căn cực kỳ trong sạch mà có sự thọ sinh ấy.

2. Do sức mạnh của sự cố ý chọn lựa mà lấy sự thọ sinh ấy.

3. Vì thương xót cứu vớt chúng sinh mà phải thọ sinh.

4. Bản thân không ô nhiễm vì sự thọ sinh mà còn trừ được cho người sự ô nhiễm ấy.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do lý do nào mà nói các vị Bồ-tát làm theo cái nguyện rộng lớn, nhiệm mầu và siêu việt?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Do bốn lý do:

1. Bồ-tát biết rõ và biết khéo cái vui của Niết-bàn và mình đủ sức chứng lấy một cách mau chóng.

2. Nhưng vẫn bỏ sự mau chóng chứng lấy cái vui ấy.

3. Mà không cần mời mọc, không đợi biết ơn, vẫn phát ra tâm nguyện vĩ đại.

4. Nguyện vì lợi ích chúng sinh mà ở trong cái khổ lớn lao vừa đa dạng vừa lâu dài.

Vì vậy Như Lai nói với Bồ-tát làm theo cái nguyện rộng lớn, nhiệm mầu và siêu việt.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ-tát trong mười Địa như vậy có mấy sự phải tu học?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Sự tu học của Bồ-tát có sáu: Thí độ, Giới độ, Nhẫn độ, Tấn độ, Định độ, Tuệ độ.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sáu sự phải tu học như vậy, mấy sự thuộc về giới học tăng thượng? mấy sự thuộc về tâm học tăng thượng? mấy sự thuộc về tuệ học tăng thượng?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Nên biết (Thí độ, Giới độ, Nhẫn độ) ba việc đầu ấy chỉ thuộc về Giới học tăng thượng, Định độ chỉ thuộc về Tâm học tăng thượng, Tuệ độ chỉ thuộc về Tuệ học tăng thượng và Như Lai nói rằng Tấn độ thì khắp trong tất cả.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sáu sự phải tu học như vậy mấy sự thuộc về phước

đức tư lương? mấy sự thuộc về trí tuệ tư lương?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Sự nào thuộc về Giới học tăng thượng thì thuộc về phước đức tư lương, sự nào thuộc về Tuệ học tăng thượng thì thuộc về trí tuệ tư lương, còn hai sự Tấn độ và Định độ thì Như Lai nói khắp trong tất cả.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đối với sáu sự phải tu học như vậy, Bồ-tát phải tu học như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Phải tu học bằng năm cách thức sau đây: Một là đầu tiên, tin hiểu sức mạnh đối với giáo pháp tinh tế tương ứng với sáu độ, thuộc về Bồ-tát tạng; hai là đối với mười pháp hạnh thì đem cái trí được tác thành do sự nghe sự nghĩ sự tu mà tinh tấn tu hành; ba là theo mà giữ tâm nguyện Bồ-đề; bốn là thân gần các vị tri thức thiện đích thực; năm là siêng tu các loại pháp thiện một cách không có gián đoạn.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà quy định sự phải tu học như vậy chỉ có sáu số?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì hai lý do:

1. Lý do tạo lợi ích cho chúng sinh.

2. Lý do đối trị phiền não.

Ba độ trước là để tạo lợi ích cho chúng sinh, ba độ sau là để đối trị phiền não, nên nhận định như vậy. Ba độ trước tạo lợi ích cho chúng sinh là Bồ-tát do bố thí nên thu thập đồ dùng để tạo lợi ích cho chúng sinh, do trì giới nên không tổn hại bức bách quấy rối để đem lại lợi ích cho chúng sinh, do nhẫn nhục nên chịu đựng sự tổn hại bức bách và quấy rối của chúng sinh để tạo lợi ích cho chúng sinh. Ba độ sau đối trị phiền não là Bồ-tát do tinh tấn nên dẫu chưa trừ hẳn phiền não, cũng chưa diệt hẳn tùy miên, mà vẫn dũng mãnh tu hành các loại pháp thiện, phiền não không thể khuynh động sự tu hành ấy; rồi do thiền định mà trừ hẳn phiền não; do tuệ giác mà diệt hẳn tùy miên.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà quy định các Độ khác chỉ có bốn số?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì lý do làm sự hỗ trợ cho sáu Độ:

1. Bồ-tát tạo lợi ích cho chúng sinh bằng ba độ trước là dùng các nhiếp pháp làm phương tiện mà thu nhận họ, đặt họ vào pháp thiện, nên Như Lai nói Phương tiện độ làm sự hỗ trợ của ba độ trước.

2. Bồ-tát nếu vì hiện tại nhiều phiền não nên không thể tu hành một cách liên tục; vì ý lạc hèn kém và vì thắng giải xao động của cõi Dục nên không thể nội tâm an trú; vì không thể lắng nghe, vin theo và khéo tu giáo pháp Bồ-tát tạng nên sự tĩnh lự không thể dẫn ra cái tuệ xuất thế; vì ba lý do như vậy vị Bồ-tát ấy tích lũy phước đức tư lương đang ít và kém mà phát thệ nguyện chính yếu, để đời sau phiền não được nhẹ và nhỏ đi, như thế đó là Nguyện độ; do nguyện này mà phiền não nhỏ và mỏng, có thể thực hành tinh tấn, nên Như Lai nói nguyện độ làm sự hỗ trợ của Tấn độ.

3. Bồ-tát nếu thân gần các bậc Thiện sĩ để lắng nghe chánh pháp và tác ý đúng lý, do nhân tố này mà xoay ý lạc hèn kém thành ý lạc siêu việt, lại được thắng giải bình lặng của cõi trên, như thế đó là Lực độ; do lực này mà có thể nội tâm an trú, nên Như Lai nói Lực độ làm sự hỗ trợ của Định độ.

4. Bồ-tát nếu đã lắng nghe, tin theo và khéo tu giáo pháp Bồ-tát tạng thì có thể phát ra tĩnh lự, như thế đó là Trí độ; do trí này mà có thể dẫn ra cái tuệ xuất thế, nên Như Lai nói Trí độ làm sự hỗ trợ của Tuệ độ.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà nói sáu Độ theo thứ tự như vậy?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì lý do dẫn ra các Độ về sau: Bồ-tát nếu không luyến tiếc thân mạng và tài sản thì có thể lãnh thọ và chấp trì tịnh giới, để chấp trì tịnh giới nên thực hành nhẫn nhục, thực hành nhẫn nhục thì phát ra tinh tấn, phát ra tinh tấn thì có thể thành đạt tĩnh lự, thành đạt tĩnh lự thì đạt được cái tuệ xuất thế. Vì thế mà Như Lai nói sáu độ theo thứ tự như vậy.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sáu Độ như vậy mỗi độ có mấy loại khác nhau?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Mỗi độ có ba loại. Ba loại Thí độ là bố thí chánh pháp, bố thí tài sản, bố thí vô úy. Ba loại Giới độ là tịnh giới diệt ác, tịnh giới sinh thiện, tịnh giới lợi người. Ba loại Nhẫn độ, là nhẫn chịu oán hại, nhẫn chịu khổ cực, nhẫn chịu chân lý. Ba loại Tấn độ là tinh tấn áo giáp, tinh tấn sinh

thiện, tinh tấn lợi người. Ba loại Định độ là tĩnh lự dẫn ra pháp lạc, tĩnh lự dẫn ra công đức, tĩnh lự dẫn ra lợi người. Ba loại Tuệ độ là tuệ giác vin Thế tục đế, tuệ giác vin Thắng nghĩa đế, tuệ giác vin lợi ích người.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà sáu Độ gọi là độ?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì năm lý do:

1. Vì không nhuốm bẩn.

2. Vì không lưu luyến.

3. Vì không tội lỗi.

4. Vì không phân biệt.

5. Vì chánh hồi hướng.

Không cấu bẩn là không cấu bẩn vì những cái trái ngược với các Độ. Không lưu luyến là tâm không buộc vào các thành quả và quả dị thục của các Độ và vào sự trả ơn về các Độ. Không tội lỗi là đối với các Độ, không có sự tạp nhiễm xen vào và tách rời sự phi phương tiện. Không phân biệt là đối với các Độ không theo ngôn từ mà chấp đặc tính. Chánh hồi hướng là đem các Độ đã làm đã quy tụ xoay lại mà cầu thành quả Vô thượng Bồ-đề.

–Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là cái trái ngược với các Độ?

–Thiện nam! Những cái ấy đại khái có sáu:

1. Ưa thích dục lạc và giàu có tự do mà cảm thấy sâu xa là hay và hữu ích.

2. Đem thân, miệng, ý vào cái mình ưa thích mà cảm thấy sâu xa là hay ho và hữu ích.

3. Không nhẫn nhịn nổi khi kẻ khác khinh miệt mà cảm thấy sâu xa là hay ho và hữu ích.

4. Không siêng tu tập và đắm say dục lạc mà cảm thấy sâu xa là hay ho và hữu ích.

5. Ở chỗ ồn náo và làm việc tạp loạn mà cảm thấy sâu xa là hay ho và hữu ích.

6. Thấy nghe hay biết rồi ngôn từ hý luận mà cảm thấy sâu xa là hay ho và hữu ích.

–Bạch Thế Tôn! Những gì là quả báo của các Độ?

–Thiện nam! Quả báo ấy đại khái cũng có sáu:

1. Được giàu có lớn.

2. Sinh chỗ tốt lành.

3. Không có thù oán, không bị phá hoại, lắm nỗi vui vẻ.

4. Đứng đầu mọi người.

5. Thân không tổn hại.

6. Thuộc dòng họ lớn.

–Bạch Thế Tôn! Những gì là sự tạp nhiễm xen vào của các Độ?

–Thiện nam! Đại khái có bốn cách làm:

1. Làm mà không tình thương.

2. Làm mà không hợp lý.

3. Làm mà không thường xuyên

4. Làm mà không thiết tha.

Làm mà không hợp lý là khi làm một độ mà tách rời và đánh mất các Độ khác.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là phi phương tiện của các Độ?

–Thiện nam! Bồ-tát muốn đem các Độ lợi ích cho chúng sinh, nhưng chỉ tạo lợi ích cho chúng sinh bằng tiền của mà cho là đủ rồi, không đưa họ thoát chỗ ác, không đặt họ vào chỗ lành, thì như thế đó là cách làm phi phương tiện.

Bởi vì, thiện nam! Không phải chỉ làm như thế cho chúng sinh mà gọi là lợi ích thật; tựa như phấn uế thì nhiều ít gì cũng không bao giờ làm cho thơm lên được, chúng sinh cũng vậy, vì là hành khổ nên bản chất chúng sinh là khổ, không cách gì chỉ lợi ích tạm thời bằng tiền của mà có thể làm cho họ chuyển thành ra vui, chỉ có cách đem họ đặt vào trong pháp thiện tuyệt hảo mới được gọi là lợi ích bậc nhất.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các độ như thế này có mấy sự thanh tịnh?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Như Lai không bao giờ nói ngoài năm sự nói trên mà các Độ có sự thanh tịnh nào khác. Nhưng nay Như Lai căn cứ chính năm sự ấy mà nói tổng quát và nói riêng biệt về sự thanh tịnh của các Độ. Nói tổng quát về sự thanh tịnh của các Độ thì ông nên biết có bảy sự:

1. Không cầu ai biết các Độ ấy.

2. Tự thấy có các Độ ấy mà không sinh ra chấp trước.

3. Không hoài nghi chính các Độ ấy rằng đạt được quả Vô thượng

Bồ-đề hay không.

4. Không bao giờ khen mình chê người mà khinh miệt ai.

5. Không kiêu ngạo buông thả.

6. Không bao giờ được chút ít mà đã mừng rằng đủ rồi.

7. Không bao giờ vì các Độ này mà ganh ghét keo kiệt với ai khi thấy họ cũng có các Độ ấy.

Nói riêng về tướng thanh tịnh của tất cả Ba-la-mật cũng có bảy thứ. Những gì là bảy? Đó là các Bồ-tát tùy thuận tu hành bảy tướng thanh như ta đã nói.

1. Do vật bố thí thanh tịnh mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.

2. Do giới thanh tịnh mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.

3. Do tri kiến thanh tịnh mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.

4. Do tâm thanh tịnh mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.

5. Do lời nói thanh tịnh mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.

6. Do trí thanh tịnh mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.

7. Do thanh tịnh các cấu uế mà làm hạnh bố thí thanh tịnh.

Đó là bảy tướng thanh tịnh của Bố thí.

Lại nữa các Bồ-tát có thể:

1. Hiểu biết rõ ràng việc Phật chế lập luật nghi cho tất cả học xứ.

2. Biết rõ cách thoát khỏi những vi phạm.

3. Thường đầy đủ giới luật.

4. Kiên cố giới luật.

5. Thường hành giới luật.

6. Thường chuyển giới luật.

7. Thụ học tất cả những chỗ phải học.

Đó là bảy tướng thanh tịnh của Giới.

Nếu Bồ-tát tin sâu vào nghiệp quả dị thục đã tạo thì:

1. Khi những gì không thuận lợi xảy đến không sinh phẫn uất mắng lại.

2. Không giận, không đánh đập, không khủng bố, không giễu cợt.

3. Không vì những gì không có lợi ích mà hại người.

4. Nếu ai can gián không đem lòng oán kết.

5. Không buồn giận cũng không mong ai đến an ủi.

6. Không vì lòng sợ sệt hay ái nhiễm mà nhịn nhục.

7. Không vì làm ơn mà bỏ qua.

Đó là bảy tướng thanh tịnh của Nhẫn.

Nếu các Bồ-tát thông đạt tánh tinh tấn bình đẳng thì:

1. Không vì dũng mãnh tinh tấn mà tự cao khinh người.

2. Đầy đủ thế lực lớn.

3. Đầy đủ sức tinh tấn lớn.

4. Có khả năng kham nhiệm.

5. Kiên cố.

6. Dũng mãnh.

7. Quyết không từ bỏ các pháp lành.

Đó là bảy tướng thanh tịnh của Tinh tấn.

Nếu các Bồ-tát được:

1. Thông đạt tướng Tam-ma-địa tĩnh lự.

2. Viên mãn Tam-ma-địa tĩnh lự.

3. Câu phần Tam-ma-địa tĩnh lự.

4. Vận chuyển Tam-ma-địa tĩnh lự.

5. Vô sở y Tam-ma-địa tĩnh lự.

6. Khéo tu trị Tam-ma-địa tĩnh lự.

7. Vô lượng Tam-ma-địa tĩnh lự đối với sự tu tập trong tạng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát.

Như vậy là bảy tướng thanh tịnh của Tĩnh lự.

Nếu các Bồ-tát xa lìa sự tăng, ích, tổn, giảm nhị biên, thực hành trung đạo thì gọi là Tuệ. Do tuệ này mà:

1. Biết được nghĩa như thật của cửa giải thoát, tức là ba cửa giải thoát: Không, Vô tướng, Vô nguyện.

2. Biết được nghĩa như thật của hữu tự tánh, tức là ba tự tánh: Biến kế sở chấp, y tha khởi, viên thành thật.

3. Biết được nghĩa như thật của vô tự tánh, tức là ba thứ: Tướng vô tính, sinh vô tính và thắng nghĩa vô tính.

4. Biết được nghĩa như thật của Thế tục đế, tức là nghĩa năm minh.

5. Biết được nghĩa như thật của Thắng nghĩa đế, tức là nghĩa bảy chân như.

6. Lại không phân biệt, lìa các hý luận, hướng đến lý thuần nhất.

7. Vì nhiều chỗ trụ, vì duyên vô lượng các pháp nói chung và Tỳ-bát-

xá-na mà khéo thực hành biện pháp, tùy pháp.

Đó gọi là tướng thanh tịnh của bảy thứ Tuệ.

Bồ-tát Quán Tự Tại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy năm tướng trên mỗi tướng đều có những nghiệp gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Nên biết mỗi sự có một tác dụng: Các vị Bồ-tát vì không cấu bẩn nên trong hiện tại luôn luôn thiết tha, nỗ lực tu tập các Độ chứ không phóng túng; vì không lưu luyến nên tạo thành cái nhân không phóng túng trong vị lai; vì không tội lỗi nên chính xác tu tập các Độ một cách rất khéo hoàn hảo, trong sáng và tươi trắng; vì không phân biệt nên mau chóng viên mãn các Độ bằng phương tiện khéo léo; vì chánh hồi hướng nên sinh ra ở đâu, các Độ và những thành quả cùng quả dị thục khả ái của các Độ, đều có đặc tính vô tận, đến hướng Vô thượng Bồ-đề.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các độ được nói như vậy, cái gì rất rộng lớn? Cái gì không nhiễm ô? Cái gì rất sáng rực? Cái gì không thể động? Cái gì rất thanh tịnh?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Đặc tính không bị cấu bẩn, đặc tính không lưu luyến và đặc tính chánh hồi hướng là rất rộng lớn; đặc tính không tội lỗi và đặc tính không phân biệt là không nhiễm ô; tư duy quyết trạch mà làm là rất sáng rực; nhập vào vị trí không còn thoái chuyển là không thể động; gồm trong Địa thứ mười và địa Như Lai là rất thanh tịnh.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà những thành quả và quả dị thục khả ái của các Độ luôn vô tận và chính các Độ cũng vô tận?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì triển chuyển dựa nhau mà sinh mãi và tu tập không hề gián đoạn.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà các vị Bồ-tát ưa thích sâu xa đối với các Độ chứ không đối với quả dị thục khả ái của các Độ?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Vì năm lý do:

1. Vì các Độ là nhân của sự vui mừng tối thượng.

2. Vì các Độ là nhân của sự lợi ích rốt ráo cho mình người.

3. Vì các Độ là nhân tố của quả dị thục khả ái trong thời gian vị lai.

4. Vì các Độ không phải là chỗ dựa của mọi sự tạp nhiễm.

5. Vì các Độ không phải là những cái cuối cùng rồi cũng suy tàn và hỏng mất.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các Độ, mỗi độ có mấy thứ uy đức tối thắng?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Tất cả các Độ, mỗi Độ đều có bốn thứ uy đức tối thắng:

1. Tu tập chân chánh các Độ thì trừ bỏ keo lẫn, phạm giới, căm phẫn, lười nhác, loạn động, kiến hoặc.

2. Tu tập chân chánh các Độ thì làm tư lương chân thật Vô thượng Bồ-đề.

3. Tu tập chân chánh các Độ thì tự thuần hóa và lợi ích cho người.

4. Tu tập chân chánh các Độ thì vị lai được những quả dị thục khả ái vừa quảng đại vừa vô tận.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các Độ như vậy nhân của nó là gì? Thành quả là gì? Thật lợi là gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Tất cả các Độ như vậy lấy tâm đại Bi làm nhân tố, lấy sự ích lợi cho chúng sinh của quả dị thục khả ái làm thành quả, lấy Vô thượng Bồ-đề làm thật lợi.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các vị Bồ-tát đầy đủ tiền của vô tận và thành tựu từ bi rộng lớn thì vì sao thế giới này hiện có những người nghèo khổ?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Ấy là lỗi vì cái nghiệp của họ. Nếu chúng sinh không có nghiệp ác của mình cản trở lấy mình thì thế giới này làm gì có người nghèo khổ khi Bồ-tát thường có lòng làm lợi ích cho người, lại thường có tiền của vô tận. Tựa như quỷ đói bị nóng khát dữ dội hành hạ cơ thể, vậy mà thấy nước biển khô cả. Như thế đâu phải lỗi ở biển, lỗi vì nghiệp của quỷ đói mà thôi. Tương tự như vậy, Bồ-tát bố thí tiền của thì như biển cả, nên không vì Bồ-tát, mà chỉ vì nghiệp ác của chúng sinh, như vì nghiệp ác

của quỷ đói làm cho quỷ đói có cái ác báo không có nước uống.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát dùng Độ nào lãnh hội cái tánh không tự tánh của các pháp?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Dùng Tuệ độ thì lãnh hội được cái tánh không tự tánh của các pháp.

–Bạch Thế Tôn! Nếu Tuệ độ lãnh hội cái tánh không tự tánh thì sao không lãnh hội cái tánh có tự tánh?

–Thiện nam! Như Lai không bao giờ nói đem cái tánh không tự lãnh hội cái tánh không tự tánh như ý ông hỏi, bởi vì cái tánh không tự tánh thì siêu việt văn tự mà chứng ngộ bên trong. Nhưng không thể bỏ ngôn ngữ văn tự mà nói được, nên Như Lai nói Tuệ độ lãnh hội cái tánh không tự tánh của các pháp.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Độ, Độ gần và Độ lớn, vậy Độ là thế nào? Độ gần là thế nào? Độ lớn là thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Nếu các vị Bồ-tát trải qua vô số thời gian, tu tập thí cho đến tuệ, pháp thiện thành tựu mà phiền não vẫn còn hiện hành như cũ, chưa chế ngự được chúng mà lại bị chúng chế ngự, thì đó là thắng giải bậc kém và bậc vừa trong địa Giải hành và gọi là Độ. Trải qua vô số thời gian nữa, tu tập Thí cho đến Tuệ, pháp thiện thành tựu được tăng thượng dần lên mà phiền não vẫn còn hiện hành như cũ, nhưng chế ngự được chúng chứ không bị chúng chế ngự, thì đó là từ Địa thứ nhất sắp lên và gọi là Độ gần. Trải qua vô số thời gian nữa, tu tập Thí cho đến Tuệ, pháp thiện thành tựu càng tăng thượng hơn nữa, mọi phiền não không còn hiện hành, thì đó là từ Địa thứ tám sắp lên và gọi đó là Độ lớn.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong các địa Bồ-tát ấy, tùy miên của phiền não có thể có mấy loại?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Khái lược có ba loại:

1. Tùy miên hỗ trợ, ở trong năm địa Bồ-tát trước. Vì sao? Vì chính hiện hành của phiền não không phải câu sinh là những thứ hỗ trợ cho hiện hành của phiền não câu sinh và lúc bấy giờ vĩnh viễn không còn nữa, nên

gọi là tùy miên hỗ trợ.

2. Tùy miên yếu kém, là hiện hành nhỏ nhiệm trong Địa thứ sáu và Địa thứ bảy, nếu tu đạo chế ngự thì chúng không hiện hành nữa.

3. Tùy miên nhỏ nhiệm, là sở tri chướng trong Địa thứ tám sắp lên, ở đó mọi phiền não không còn hiện hành nữa.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những loại tùy miên này do mấy loại thô trọng bị diệt trừ mà làm rõ ra?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Chỉ do hai loại:

1. Do loại thô trọng da ngoài bị diệt trừ mà làm rõ ra loại tùy miên thứ nhất và loại tùy miên thứ hai.

2. Do loại thô trọng da trong bị diệt trừ mà làm rõ ra loại tùy miên thứ ba.

3. Loại thô trọng xương cốt bị diệt trừ thì Như Lai nói vĩnh viễn diệt trừ toàn thể tùy miên và vị trí là ở địa Như Lai.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phải trải qua mấy vô số kiếp mới diệt trừ được những loại thô trọng như vậy?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Phải trải qua ba vô số kiếp lớn, hoặc vô lượng kiếp mà sát-na, nháy mắt, chốc lát, nửa buổi, một buổi, ngày đêm, nửa tháng, một tháng, một năm, không thể lấy những thời gian này làm đơn vị mà tính kể.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong các địa Bồ-tát, Bồ-tát phát ra phiền não thì phiền não ấy là sắc thái gì? Có nhược điểm gì? Có ưu điểm gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Phiền não ấy là sắc thái không ô nhiễm. Vì sao? Vì các vị Bồ-tát này, ngay trong Địa thứ nhất, quyết định đã khéo thông đạt pháp tánh các pháp, do đó, các vị phải biết rõ có cần thiết mới để cho phiền não phát ra, không phải không biết, thế nên Như Lai nói là sắc thái không ô nhiễm. Trong bản thân các vị Bồ-tát này, phiền não ấy không thể gây ra khổ não, nên không có nhược điểm gì. Phiền não được các vị Bồ-tát này để cho phát ra như vậy có năng lực cắt đứt cái nhân đau khổ trong giới chúng sinh, nên nó có vô số ưu điểm.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Thật là kỳ lạ! Bạch Thế Tôn! Vô thượng Bồ-đề có công đức lớn lao đến như vậy, ấy là làm cho phiền não của Bồ-tát phát ra mà còn hơn cả thiện căn của chúng sinh, của Thanh văn và Độc giác, huống chi là vô lượng công đức khác.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn dạy Thanh văn thừa hay Đại thừa chỉ là Nhất thừa, lời này có mật ý gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Như trong Thanh văn thừa, Như Lai nói những tiết vấn đề của các pháp là năm uẩn, sáu xứ ở trong, sáu xứ ở ngoài và các tiết mục đồng đẳng như vậy, thì trong Đại thừa Như Lai nói chính các pháp ấy là đồng nhất pháp tánh, đồng nhất lý thú. Thế nên Như Lai không nói các thừa có tính sai biệt. Chỉ có những kẻ y theo ngôn từ mà vọng phân ý nghĩa, mới thành một số thêm lên, một số bớt đi, lại cho những điểm sai biệt của các thừa là mâu thuẫn nhau, rồi cứ thế mà triển chuyển tranh luận. Mật ý ở đây là như vậy.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây.

Mười Địa Bồ-tát
Bao gồm những gì
Danh nghĩa thế nào
Đối trị cái gì.
Đặc thù có gì
Phát sinh những gì
Đại nguyện ra sao
Và bao tiết mục;
Đó là Đại thừa
Như Lai đã nói
Qua các Địa ấy,
Khéo léo tu tập
Thì sẽ thành tựu
Đại giác vô thượng.
Như Lai tuyên thuyết
Tiết mục các pháp,
Lại nói các pháp
Đồng nhất lý thú;
Nghĩa là đối với

Thừa thấp thừa cao,
Như Lai nói rằng
Không tánh dị biệt.
Chỉ có những kẻ
Y theo ngôn từ
Vọng phân ý nghĩa
Mới có thêm bớt,
Cho rằng hai thừa
Mâu thuẫn với nhau,
Nhận thức ngu ngơ
Thành ra tranh cãi.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong toàn bộ pháp thoại Giải Thâm Mật, pháp thoại này nên mệnh danh là gì? Chúng con phải kính cẩn ghi nhớ như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thiện nam! Pháp thoại này tên là Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Các Địa Độ. Ông hãy kính cẩn ghi nhớ theo cái tên như vậy.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp thoại Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Các Địa Độ thì trong đại hội có bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát được chánh định ánh sáng Đại thừa của Bồ-tát.

-oOo-

KINH GIẢI THÂM MẬT

QUYỂN 5

Phẩm 8: PHẬT SỰ (Như Lai thành sở tác sự)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Mạn-thù bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Pháp thân Như Lai, vậy Pháp thân Như Lai có những tướng gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Khéo tu rốt ráo các Độ của các Địa mà hoàn thành chuyển y, thì chuyển y đó là tướng của Pháp thân Như Lai. Tướng này vì hai nhân duyên nên chẳng thể nghĩ bàn, đó là siêu việt hý luận và siêu việt thi vi, mà chúng sinh thì hý luận và thi vi.

–Bạch Thế Tôn! Chuyển y của Thanh văn và Độc giác được gọi là Pháp thân không?

–Thiện nam! Không.

–Bạch Thế Tôn! Vậy nên gọi là gì?

–Thiện nam! Nên gọi là Giải thoát thân. Do Giải thoát thân nên nói Thanh văn, Độc giác cùng với Như Lai rất bình đẳng, nhưng do Pháp thân nên có khác biệt. Pháp thân Như Lai khác biệt là vì có vô lượng công đức vừa tối thắng vừa khác biệt, toán số ví dụ không thể diễn tả.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nên hiểu như thế nào về tướng trạng sinh khởi của Như Lai?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Hóa thân Như Lai mà động tác thì cũng như thế giới sinh khởi mọi thứ; hóa thân ấy được mọi công đức của Như Lai trang sức và duy trì. Ông nên biết hóa thân thì có sinh khởi, Pháp thân thì phi sinh khởi.

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nên hiểu như thế nào về phương tiện khéo léo của Hóa thân Như Lai đã thị hiện?

–Thiện nam! Khắp cả cõi Phật của Như Lai là đại thiên thế giới này,

ở trong vương gia tăng thượng mà ai cũng công nhận hay trong gia đình đại phước mà ai cũng công nhận, Như Lai cùng lúc vào thai, đản sinh, lớn lên, hưởng dục, xuất gia, thị hiện khổ hạnh, rồi bỏ khổ hạnh mà thành Đẳng chánh giác, thị hiện với tuần tự như vậy thì gọi đó là phương tiện khéo léo của Hóa thân Như Lai thị hiện.

Đại Bồ-tát Mạn-thù bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có mấy loại tiếng nói của Hóa thân Như Lai chủ trì, tiếng nói mà nhờ đó những người được hóa độ chưa thành thục thì thành thục, đã thành thục thì cũng nương vào đó mà mau được giải thoát?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Tiếng nói Như Lai khái lược có ba loại: Một là khế kinh; hai là điều phục; ba là bản mẫu.

–Bạch Thế Tôn! Khế kinh là gì? Điều phục là gì? Bản mẫu là gì?

–Thiện nam! Chỗ nào Như Lai căn cứ những sự bao quát mà thuyết pháp thì đó là khế kinh. Những sự ấy có bốn, có chín và có hai mươi chín.

Bốn sự là những gì?

1. Lắng nghe.
2. Hướng đến.
3. Tu học.
4. Chứng ngộ.

Chín sự là gì?

1. Thiết lập chúng sinh.
2. Thiết lập sự thọ dụng của chúng sinh.
3. Thiết lập sự sinh khởi của chúng sinh.
4. Thiết lập sự tồn tại của chúng sinh.
5. Thiết lập sự nhiễm tịnh của chúng sinh.
6. Thiết lập sự sai biệt của chúng sinh.
7. Người nói.
8. Pháp được nói.
9. Chúng hội nghe nói.

Hai mươi chín sự là gì:

Loại tạp nhiễm có:

1. Các hành.
2. Các hành lưu chuyển.

3. Nơi đó chấp ngã nên vị lai lưu chuyển.

4. Nơi đó chấp pháp nên vị lai lưu chuyển.

Loại thanh tịnh có:

5. Chánh niệm pháp được nghe.

6. Tinh tấn về pháp ấy.

7. Tâm an định.

8. Sống trong pháp lạc.

9. Phương pháp giải thoát khổ não.

10. Biến tri khổ não, sự này có ba: Biến tri chỗ của những thứ điên đảo, biến tri chỗ của những thứ tà hành, biến tri chỗ của những thứ nội ly thượng mạn.

11. Diệt nhân.

12. Tác chứng.

13. Tu tập.

14. Cứng chắc.

15. Hành tướng của sự cứng chắc.

16. Đối tượng được duyên của sự cứng chắc.

17. Sự khéo quan sát cái đã đoạn và cái chưa đoạn của sự cứng chắc.

18. Sự tán loạn của sự cứng chắc.

19. Sự không tán loạn của sự cứng chắc.

20. Chỗ dựa của sự không tán loạn.

21. Tu tập một cách cần cù nỗ lực.

22. Thắng ích của sự tu tập.

23. Sự bền chắc của sự tu tập.

24. Thu hoạch tuệ giác của Thánh giả.

25. Thu hoạch sự hỗ trợ của tuệ giác ấy.

26. Thông suốt chân như.

27. Chứng đắc Niết-bàn.

28. Sự siêu việt trên đỉnh chánh kiến ngoại đạo của sự chánh kiến về pháp Như Lai thiện thuyết, dù sự chánh kiến ấy đang còn hữu lậu.

29. Sự thoái lui của sự chánh kiến ấy, nhưng không tu tập pháp thiện thuyết nên nói là thoái lui, chứ không phải sự chánh kiến ấy có gì sai lầm mà gọi là thoái lui.

Thiện nam! Chỗ nào Như Lai do các vị Thanh văn và các vị Bồ-tát

mà nói về pháp biệt giải thoát và pháp tương ưng với biệt giải thoát thì đó là điều phục.

Bạch Thế Tôn! Biệt giải thoát của Bồ-tát bao gồm vào mấy tướng?

Thiện nam! Nên biết có bảy tướng, một là nói về quy tắc thọ giới, hai là nói về các giới pháp nặng, ba là nói về sự phạm giới, bốn là nói về tánh tình còn phạm giới, năm là nói về tánh tình không phạm giới, sáu là nói về cách sám hối sự phạm giới, bảy là nói về sự xả giới.

Thiện nam! Chỗ nào Như Lai đem mười một tướng mà thuyết pháp thì đó là bản mẫu. Mười một tướng ấy là gì?

1. Thế tục đế.
2. Thắng nghĩa đế.
3. Đối tượng được duyên của các pháp Bồ-đề phần.
4. Hành tướng.
5. Tự tánh.
6. Quả của tự tánh.
7. Sự tiếp nhận khai thị của tự tánh.
8. Chướng ngại của tự tánh.
9. Tùy thuận của tự tánh.
10. Lỗi lầm của tự tánh.
11. Thắng ích của tự tánh.

Tướng thứ nhất, Thế tục đế có ba loại:

1. Nói về chấp ngã.
2. Nói về Biến kế chấp.
3. Nói về tác dụng của các pháp.

Tướng thứ hai, Thắng nghĩa đế là nói về bảy chân như.

Tướng thứ ba, đối tượng được duyên của các pháp Bồ-đề phần là nói về tất cả chủng loại nơi đối tượng được nhận thức.

Tướng thứ tư, hành tướng là nói về tám hành quán:

1. Đế thật.
2. An lập.
3. Quá thất.
4. Công đức.
5. Lý thú.
6. Lưu chuyển.

7. Đạo lý.

8. Tổng biệt.

Mục một, đế thật là nói về chân như của các pháp. Mục hai, an lập và lập ra ngã chấp, là lập ra Biến kế chấp, là lập ra quyết định, phân tích, hỏi lại và lặng bỏ, là lập ra ẩn mật và minh bạch hay ký biệt và sai biệt. Mục ba, quá thất là nói pháp tạp nhiễm có nhiều mặt tội lỗi. Mục bốn, công đức là nói pháp thanh tịnh có nhiều mặt thắng ích. Mục năm, lý thú có sáu thứ: Lý thú chân lý, lý thú chứng đắc, lý thú giáo hóa, lý thú siêu việt nhị biên, lý thú bất khả tư nghì, lý thú mật ý. Mục sáu, lưu chuyển là ba thời gian, ba hữu vi tướng và bốn duyên tố. Mục bảy, đạo lý là bốn đạo lý: Thứ nhất là đạo lý quán đãi, thứ hai là đạo lý tác dụng, thứ ba là đạo lý chứng thành, thứ tư là đạo lý pháp nhĩ. Thứ nhất, đạo lý quán đãi là do nhân tố và duyên tố mà phát sinh các hành và phát sinh ngôn từ liên quan các hành. Thứ hai, đạo lý tác dụng là do nhân tố và duyên tố mà các pháp sinh, các pháp thành, các pháp sinh thành rồi tác dụng. Thứ ba, đạo lý chứng thành là do nhân tố và duyên tố mà làm cho ý nghĩa nói ra được xác lập và làm cho người nghe hiểu biết chính xác. Thứ tư, đạo lý pháp nhĩ là Như Lai xuất thế hay không xuất thế, pháp tánh các pháp vẫn an lập, pháp giới các pháp vẫn an trú. Mục tám, tổng biệt là trước nói tổng quát bằng một câu về pháp, sau đó nói những câu phân tích khác nhau làm cho rõ ràng trọn vẹn.

Thêm nữa, đạo lý chứng thành có hai loại, là loại trong sáng và loại vẩn đục. Do năm tướng mà trong sáng và do bảy tướng mà vẩn đục. (Thứ nhất), do năm tướng mà trong sáng là hiện thấy, suy luận, luận cứ, toàn hảo và chánh giáo. Hiện thấy là các hành vô thường, các hành khổ não, các pháp vô ngã, đại loại như vậy, đó là những điều mà hiện lượng thấy được. Suy luận là dựa vào sự hiện thấy, tức xét thấy các hành là tính sát-na, là tính có đời sau, là tính nghiệp lành nghiệp dữ không mất; tính sát-na là do sự vô thường thô thiển mà biết, tính có đời sau là do chúng sinh có nhiều loại vì có nhiều loại nghiệp mà biết, tính nghiệp lành nghiệp dữ không mất là do chúng sinh có vui có khổ mà biết, đại loại như vậy, đó là những điều không hiện thấy mà có thể suy luận. Luận cứ là dẫn chứng từ những thí dụ cùng tính chất, tức đối với các hành nơi bản thân hay nơi ngoại giới đều có thể dẫn sự sống chết mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn mọi sự khổ não của sự sống chết mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn sự bất tự do mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn sự thịnh suy mà ai cũng biết để ví dụ, đại loại như vậy. Toàn hảo là do hiện thấy, do suy luận và do luận cứ mà làm cho chủ thuyết lập ra được quyết định. Chánh giáo là những giáo huấn tốt đẹp trong sáng, tức

những tuyên thuyết của Bậc Toàn Giác, như tuyên thuyết Niết-bàn là vắng lặng trọn vẹn, đại loại như vậy. Do năm sắc thái như vậy mà gọi là khéo quan sát về đạo lý trong sáng và do sự trong sáng ấy mà đạo lý như vậy đáng được học tập.

–Bạch Thế Tôn! Bậc Toàn Giác thì có mấy tướng?

–Thiện nam! Đại khái có năm tướng:

1. Xuất hiện thế giới thì cái tiếng toàn giác ai cũng nghe cả.

2. Toàn hảo ba mươi hai tướng quý của bậc Đại trượng phu.

3. Đầy đủ mười trí lực loại được mọi nghi hoặc cho chúng sinh.

4. Đầy đủ bốn Vô úy tuyên thuyết chánh pháp, không bị sự biện luận của ai khuất phục mà lại khuất phục được những sự tà luận.

5. Trong chánh pháp được tuyên thuyết thì tám Thánh đạo và bốn Thánh quả toàn là những cái có thể thực hiện ngay trong hiện tại.

Sự xuất hiện thế giới (với cái tiếng toàn giác và đủ các tướng quý), sự giải quyết nghi hoặc, sự không bị khuất phục mà khuất phục được người khác, sự hiện tại có thể thực hiện Thánh đạo và Thánh quả, năm sự như vậy là tướng của Bậc Toàn Giác mà ông nên biết. Và, như thế, đạo lý chứng thành do hiện lượng, do tỷ lượng cùng những luận cứ và sự toàn hảo của tỷ lượng ấy và do chánh giáo lượng, do năm tướng như vậy mà gọi là trong sáng. (Thứ hai), do bảy tướng mà vẩn đục là một, một phần cùng tính chất; hai, một phần khác tính chất; ba, toàn phần cùng tính chất; bốn, toàn phần khác tính chất; năm, ví dụ khác tính chất; sáu, không phải toàn hảo; bảy, không phải chánh giáo. Nếu đưa ra lý do vì ý thức nhận biết thì đó là toàn phần cùng tính chất. Nếu đưa ra lý do vì tướng, vì đặc tính, vì tác dụng, vì nhân quả, mỗi lý do riêng biệt của mỗi pháp, quyết định khác nhau, thì đó là toàn phần khác tính chất. Nếu đưa ra lý do mà một phần cùng tính chất và ví dụ lại toàn phần khác tính chất thì vì vậy mà chủ thiết lập ra không được quyết định, nên đó là không phải toàn hảo. Nếu đưa ra lý do mà một phần khác tính chất và ví dụ lại toàn phần cùng tính chất thì vì vậy mà chủ thuyết lập ra không được quyết định, nên đó là không phải toàn hảo. Không phải toàn hảo, không phải khéo quan sát đạo lý trong sáng, thì do sự vẩn đục ấy mà không đáng học tập. Ví dụ khác tính chất và không phải chánh giáo, thì ông nên biết bản chất toàn là vẩn đục.

Tướng thứ năm, tự tánh là sự tu hành và sự y cứ theo lời mà Như Lai nói cho để thủ đắc các pháp Bồ-đề phần và niệm trú và các đồng loại.

Tướng thứ sáu, quả của tự tánh là những sự diệt trừ phiền não và những thành quả công đức thuộc cả phạm vi thế gian và phạm vi xuất thế

gian.

Tướng thứ bảy, sự tiếp nhận khai thị của tự tánh là đối với cái quả nói trên, đem cái trí giải thoát mà lãnh nhận và khai thị phong phú cho người.

Tướng thứ tám, chướng ngại của tự tánh là chính các pháp ô nhiễm gây chướng ngại cho sự tu hành các pháp Bồ-đề phần.

Tướng thứ chín, tùy thuận của tự tánh là những gì làm cho sự tu hành ấy nhiều hơn lên.

Tướng thứ mười, tội lỗi của tự tánh là những tội lỗi của các pháp chướng ngại nói trên.

Tướng thứ mười một, thắng ích của tự tánh là những công đức của các pháp tùy thuận nói trên.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn nói tóm tắt cho các vị Bồ-tát biết sự Tổng trì Kinh, Luật, Luận, một sự Tổng trì không cộng hữu với ngoại đạo; do sự Tổng trì không cộng hữu này mà làm cho các vị Bồ-tát ngộ nhập được mật ý sâu xa của các pháp Đức Thế Tôn tuyên thuyết.

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Ông hãy nghe kỹ. Như Lai nay sẽ nói tóm tắt cho các ông về sự Tổng trì không cộng hữu, để làm cho các vị Bồ-tát khéo ngộ, nhập những ngôn từ mật ý mà Như Lai tuyên thuyết. Thiện nam! Dù pháp tạp nhiễm, dầu pháp thanh tịnh, Như Lai nói tất cả toàn không tác dụng, toàn không bản ngã, bởi vì hết thảy chủng loại đều là phi thi vi. Không phải pháp tạp nhiễm trước bẩn sau sạch, không phải pháp thanh tịnh sau sạch trước bẩn. Nơi cái thân nặng nề, những kẻ phàm phu chấp pháp chấp ngã với bao đặc tính và chi tiết. Chính vọng kiến tùy miên này làm duyên tố nên chấp ta và của ta. Chính vọng kiến tùy miên này bảo ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta chạm, ta biết, ta ăn, ta làm, ta bẩn, ta sạch, đại loại như vậy chuyển thành tà hành. Nếu ai biết đúng như thế này thì vĩnh viễn loại bỏ cái thân nặng nề, đạt được sự không còn phiền não, cùng cực thanh tịnh, siêu việt hý luận, không làm chỗ nương tựa, không có sự sắp đặt bày biện. Đó là tóm tắt về Tổng trì không cộng hữu.

Lúc ấy Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa đã nói nên nói bài tụng sau đây.

Tất cả các pháp
Nhiễm cũng như tịnh,
Toàn vô tác dụng

Toàn phi bản ngã:
Phi nêu bày này
Mà như lai nói,
Thì bẩn với sạch
Không phải trước sau.
Vọng kiến tùy miên
Làm duyên tố chính,
Thấy thân nặng nề
Là ta của ta,
Và vọng nói rằng
Ta thấy ta biết,
Ta ăn ta làm
Ta bẩn ta sạch.
Đúng như sự thật
Mà biết như vậy,
Vĩnh viễn diệt được
Cái thân nặng nề,
Được phi nhiễm tịnh
Và siêu hý luận,
Không là chỗ dựa
Không là sắp đặt.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Mạn-thù bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nên nhận thức như thế nào về trạng thái sinh khởi nơi tâm của Đức Thế Tôn?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Như Lai thì không phải được biểu thị bằng sự sinh khởi của tâm ý thức. Thế nhưng Như Lai có sự sinh khởi của cái tâm không cần gia hành và sự sinh khởi ấy nên biết tựa như sự biến hóa.

–Bạch Thế Tôn! Pháp thân Thế Tôn tách rời mọi sự gia hành, gia hành không có thì làm sao có sự sinh khởi của tâm?

–Thiện nam! Do sức mạnh gia hành mà trước đó đã tu tập về Tuệ độ nên tâm sinh khởi. Tựa như kẻ đang ngủ một cách không có tâm thức gì trong giấc ngủ thì không có gia hành gì để thức cả, nhưng do sức mạnh gia hành trước đó nên vẫn thức dậy. Lại như vị đang nhập định diệt tận thì không có gia hành gì để xuất định, xuất định là do gia hành trước đó. Như ngủ và định diệt tận mà tâm sinh khởi trở lại, Như Lai cũng do sức mạnh gia hành mà trước đó đã tu tập về Tuệ độ, nên vẫn có sự sinh khởi của tâm.

–Bạch Thế Tôn! Hóa thân của Thế Tôn có tâm thức hay không có tâm thức?

–Thiện nam! Không phải có tâm thức, cũng không phải không tâm thức, vì không có cái tâm do nơi mình nhưng có cái tâm nơi người.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sở hành và cảnh giới của Như Lai, hai thứ ấy có gì khác nhau?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Này thiện nam! Sở hành của Như Lai là tất cả các thứ vô lượng công đức không thể nghĩ bàn mà chư Như Lai cộng hữu đã làm trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh. Cảnh giới của Như Lai là tất cả năm thứ cảnh giới sai biệt. Năm thứ cảnh giới ấy là gì? Một là hữu tình giới, hai là thế giới, ba là pháp giới, bốn là điều phục giới, năm là điều phục phương tiện giới. Như vậy gọi là hai thứ sai biệt.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn thành Đẳng chánh giác, chuyển chánh pháp luân, nhập đại Niết-bàn, ba sự như vậy con nên hiểu là tướng gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Nên biết ba sự như vậy đều không có hai tướng: Phi thành Đẳng chánh giác, phi không thành Đẳng chánh giác; phi chuyển chánh pháp luân, phi không chuyển chánh pháp luân; phi nhập đại Niết-bàn, phi không nhập đại Niết-bàn. Tại sao, bởi vì Pháp thân Như Lai thì cứu cánh thanh tịnh mà hóa thân Như Lai thì thường xuyên thị hiện.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các loại chúng sinh chỉ thấy nghe và phụng sự hóa thân Thế Tôn mà sinh công đức, vậy Thế Tôn là nhân duyên gì của họ?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Như Lai là nhân duyên cho tăng thượng duyên của họ, bởi vì hóa thân Như Lai là do cái lực của Pháp thân Như Lai gìn giữ.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cùng là không có gia hành mà tại sao Pháp thân Thế Tôn vì chúng sinh mà phóng ánh sáng lớn của trí giác vĩ đại, lại xuất ra vô lượng ảo tượng hóa thân, còn giải thoát thân của Thanh văn và Độc giác lại không có những sự ấy?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Tựa như cùng là không có gia hành, nhưng tinh thể của

nhật nguyệt thì phóng ánh sáng lớn chứ không phải những tinh thể khác, ấy là vì chúng sinh đại oai đức giữ gìn, vì nghiệp lực tăng thượng của chúng sinh; thêm nữa, như từ viên ngọc ma-ni được chạm khắc bởi tay thợ lành nghề mới xuất hiện đường nét, chứ không phải từ những viên ngọc không được chạm khắc. Tương tự như vậy, do cái Tuệ độ y hết vào vô lượng pháp giới cùng cực khéo léo tu tập mài giũa mới thành Pháp thân Như Lai, từ Pháp thân này mới phóng được ánh sáng trí giác vĩ đại và xuất ra vô lượng ảo tượng hóa thân, chứ không phải chỉ từ giải thoát thân mà có những sự ấy.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói, do oai đức giữ gìn của Thế Tôn và của chư Bồ-tát mà làm cho chúng sinh ở trong cõi Dục thì sinh vào nhà đại phú quý của đẳng cấp Sát-đế-lợi hay đẳng cấp Bà-la-môn, cái thân con người cùng với tài sản, bảo vật không thứ nào không toàn hảo; sinh trong chư Thiên cõi Dục, sinh trong cõi Sắc và cõi Không, thì cũng toàn hảo thân thể và tài bảo ở những cõi ấy.

Bạch Thế Tôn! Lời này có mật ý gì?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Như Lai với Bồ-tát đem oai đức mà giữ gìn chánh pháp; bất cứ chỗ nào có thể làm cho chúng sinh được thân thể và tài bảo toàn hảo, thì Như Lai tùy nghi mà nói chánh pháp ấy cho họ. Rồi ai có năng lực chính xác tu hành chánh pháp ấy, thì sinh ra chỗ nào, thân thể và tài bảo nhận được cũng đều toàn hảo; ai chống đối khinh phá chánh pháp ấy, lại quấy phá tức giận Như Lai, thì mạng chung rồi sinh ra ở đâu, thân thể và tài bảo nhận được cũng toàn thấp kém. Do vậy, oai đức giữ gìn của Như Lai và Bồ-tát không những làm cho chúng sinh, thân thể và tài bảo đều toàn hảo, mà oai đức giữ gìn của Như Lai và Bồ-tát cũng làm cho chúng sinh thân thể và tài bảo đều thấp kém.

Đại Bồ-tát Mạn-thù lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong những thế giới nhơ bẩn thì việc gì dễ có và việc gì khó có? Trong những cõi tịnh thì việc gì dễ có và việc gì khó có?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Trong những thế giới nhơ bẩn thì có tám sự dễ có và hai sự khó có. Tám sự dễ có là dễ có ngoại đạo, dễ có kẻ khổ, dễ có đẳng cấp gia tộc lắm sự thịnh suy, dễ có sự làm ác, dễ có sự phạm giới, dễ có các đường dữ, dễ có giáo lý thấp, dễ có Bồ-tát ý lạc gia hành đều thấp kém; hai sự khó có là khó có sự đến đó của các vị Bồ-tát mà ý lạc và gia hành đều

tăng thượng, khó có sự xuất hiện của Như Lai. Trong những cõi tịnh thì trái ngược với trên đây, có tám sự rất khó có và có hai sự dễ có.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Mạn-thù bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong pháp môn Giải Thâm Mật, giáo pháp này gọi tên là gì? Chúng con phải kính cẩn ghi nhớ như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Mạn-thù:

–Thiện nam! Giáo pháp này tên là Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Phật Sự. Ông hãy kính cẩn ghi nhớ theo cái tên như vậy.

Khi Đức Thế Tôn giảng nói giáo pháp Nghĩa Lý Hoàn Hảo Về Phật Sự thì trong đại hội có bảy mươi lăm ngàn Đại Bồ-tát đều được chứng ngộ Pháp thân viên mãn.

-oOo-

SỐ 677

KINH GIẢI TIẾT

Hán dịch: Đời Trần, Tạm tạng Pháp sư Chân Đế, người nước Thiên Trúc.

Phẩm 1: BẤT KHẢ NGÔN, VÔ NHỊ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo, gồm chín vạn chín ngàn vị, đều là hàng A-la-hán, đã sạch hết các lậu, đã làm xong việc, đã bỏ mọi gánh nặng, đạt được lợi lạc cho mình, không còn phiền não ràng buộc, tâm được tự tại giải thoát, khéo được Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na (Chỉ Quán).

Tên của những vị ấy là Tịnh mạng A-nhã Kiều-trần-như… cho đến trụ vào định A-la-na Tam-muội, Trưởng lão Tu-bồ-đề…

Lại có đông đủ chúng đại Tỳ-kheo-ni, gồm ba vạn sáu ngàn vị, Ma-ha Ba-xà-ba-đề cho đến Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-ca-tỷ-la… làm người dẫn đầu.

Lại có vô lượng, vô số Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,… vua Tần-bà-sa-la, làm người dẫn đầu.

Lại có vô lượng trăm ngàn Đại Bồ-tát, các chúng Bồ-tát này, hoặc ở trong Hiền kiếp, hoặc ở cõi này, hoặc từ phương khác đến; các vị Nhất sinh bổ xứ như Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Quán Thế Âm… làm người dẫn đầu. Tất cả đều thông đạt pháp tánh sâu xa, điều thuận, dễ giáo hóa, hạnh lành bình đẳng, tu đạo Bồ-tát. Tất cả chúng sinh là bạn lành chân thật, đắc Đà-la-ni vô ngại, chuyển pháp luân không thoái, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật. Những chúng như vậy đều đến tụ hội.

Khi ấy, Bồ-tát Như Lý Chánh Văn hỏi Bồ-tát Năng Giải Thậm Thâm Nghĩa Tiết:

–Này Phật tử! Tất cả pháp không có hai, tất cả pháp không có hai, nói như thế nghĩa là sao?

Bồ-tát Năng Giải Thậm Thâm Nghĩa Tiết đáp:

–Này thiện nam! Tất cả pháp ấy không vượt qua hai điều này. Đó là

sở tác, phi sở tác. Sở tác là phi sở tác phi phi sở tác. Phi sở tác là phi phi sở tác cũng phi sở tác.

Bồ-tát Như Lý Chánh Văn hỏi:

–Này Phật tử! Như thế nào gọi sở tác là phi sở tác, phi phi sở tác và phi sở tác là phi phi sở tác cũng phi sở tác?

Bồ-tát Năng Giải Thậm Thâm Nghĩa Tiết đáp:

–Này thiện nam! Sở tác, đó là câu nói của Đại sư chỉ dạy chân chánh. Nếu câu nói của Đại sư chỉ dạy chân chánh, tức là đã lập ngôn thuyết của thế gian, từ phân biệt mà khởi lên. Ngôn thuyết của thế gian này, từ phân biệt khởi lên, mà các loại phân biệt và sở ngôn thuyết nhất hướng không thành, cho nên gọi là phi sở tác.

Này thiện nam! Phi sở tác là nhiếp thuộc ngôn giáo. Nếu có pháp lìa sở tác và phi sở tác; thì pháp ấy cũng như vậy, cũng như vậy. Nếu như vậy, là Đại sư thuyết giáo vô nghĩa chăng? Chẳng phải không có nghĩa. Nếu có nghĩa, thì tướng của nghĩa như thế nào? Có nghĩa là cái thể không thể nói, chỉ là cái điều thông tỏ rõ ràng bằng sự thấy biết vô phân biệt của Thánh nhân, vì muốn khiến cho người khác thấu đạt, như vậy không thể nói cái thể được. Thế nên, Đại sư nói ngôn giáo này, gọi là pháp sở tác.

Này thiện nam! Phi sở tác, đó là câu nói của Đại sư chỉ dạy chân chánh. Nếu là câu nói của Đại sư chỉ dạy chân chánh, tức là đã lập ngôn thuyết của thế gian, từ phân biệt mà khởi lên. Ngôn thuyết của thế gian thì từ phân biệt mà khởi lên; các loại phân biệt và sở ngôn thuyết thì nhất hướng không thành; nên gọi là phi phi sở tác.

Này thiện nam! Sở tác là nhiếp thuộc ngôn giáo, nếu có pháp lìa phi sở tác và sở tác, thì pháp ấy cũng như vậy, cũng như vậy. Nếu như vậy, là Đại sư thuyết giáo vô nghĩa chăng? Chẳng phải không có nghĩa. Nếu có nghĩa, thì tướng của nghĩa như thế nào? Có nghĩa là không thể nói cái thể, đó chỉ là cái điều thông tỏ rõ ràng bằng thấy biết vô phân biệt của Thánh nhân, vì muốn khiến người khác thấu đạt. Như vậy không thể nói cái thể. Thế nên, Đại sư nói ngôn giáo này, tức là pháp phi sở tác.

Này thiện nam! Giống như thầy trò nhà ảo thuật, ở giữa ngã tư đường, hoặc lấy là, cỏ và cây, đá… tụ tập một chỗ, rồi hiện ra tất cả việc huyễn như hình voi, hình ngựa, hình xe, hình người, hình ma-ni, trân châu, san hô, ngọc thạch và kho tàng… Nếu có những đứa nhỏ phàm phu, ngu si trí kém không thể phân biệt, đó là cỏ, lá, cây, đá… vốn là ảo thuật. Kẻ ấy hoặc thấy, hoặc nghe, suy nghĩ cho các hình voi: "Tượng hình ngựa, hình xe, hình người và kho tàng… là thật"; hoặc thấy hoặc nghe tùy theo năng lực

dính mắc vào sự thấy nghe, nói lời như vầy: "Đó là chân thật! Còn những cái khác không phải là chân thật." Người này cần suy nghĩ kỹ lại.

Nếu có những kẻ chẳng phải anh nhi phàm phu, ngu si, tà trí, hiểu biết đó là cỏ, lá, cây, đá vốn là ảo thuật; hoặc thấy, hoặc nghe, suy nghĩ, không cho đó là hình voi, hình ngựa, hình xe, hình người và kho tàng… người này hoặc thấy, hoặc nghe, tùy theo năng lực, không dính mắc vào cái thấy nghe, mà nói: "Như tôi suy nghĩ, đây là chân thật, khác với đây chẳng phải là chân thật, tùy theo lời nói của thế gian để rõ thật nghĩa." Người này không cần phải suy nghĩ.

Này thiện nam! Như anh nhi phàm phu này, chưa được chân như Thánh tuệ xuất thế, chưa hiểu các pháp, nên không thể nói cái thể; người này hoặc thấy hoặc nghe các pháp sở tác và phi sở tác, suy nghĩ: "Như vậy, thật có các pháp sở tác và phi sở tác." Vì sao? Vì có thể thấy, có thể biết vậy. Người ấy hoặc thấy, hoặc nghe, tùy theo năng lực dính mắc vào cái thấy nghe; tùy theo cái thấy nghe, nói đó là chân thật, khác đấy chẳng phải chân thật; người ấy cần phải suy nghĩ lại.

Nếu có những kẻ chẳng phải anh nhi phàm phu, đã thấy chân thật và được chân như Thánh tuệ xuất thế, đã hiểu các pháp, không thể nói cái thể. Hoặc thấy hoặc nghe, suy nghĩ như vầy: "Như đã thấy biết các pháp sở tác và phi sở tác, đều không thật có; chỉ có tướng giả, từ phân biệt mà khởi lên, giống như việc ảo thuật biến hóa, lừa dối tâm phàm phu, ở trong đó khởi lên cái tên sở tác phi sở tác và những tên khác."

Người này như đã thấy nghe không sinh dính mắc, không nói như vầy: "Đây là chân thật, khác đây thì chẳng phải chân thật", tùy theo lời nói thế gian, để rõ thật nghĩa. Người này không cần phải suy nghĩ.

Này thiện nam! Như Thánh nhân nhờ vào cái thấy biết của bậc Thánh đã hiểu rõ ràng; không thể nói cái thể, vì muốn khiến người khác thấy thật tướng của pháp, nên nói giáo cú, tức là sở tác, phi sở tác…

Khi ấy, Bồ-tát Năng Giải Thậm Thâm Nghĩa Tiết nói kệ:

Phật thuyết pháp dứt lời
Không hai, phi phàm cảnh
Phàm phu ở trong mê
Chấp hai duyên, hý luận.
Không quyết tà hay chánh
Thường luân chuyển các cõi
Người trí lìa thấy nghe
Lựa chọn nghĩa chân thật.

-oOo-

Phẩm 2: VƯỢT HƠN CẢNH GIỚI GIÁC QUÁN

Lúc đó, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt bạch:

–Bạch Thế Tôn! Từ thế giới Sa-ha này, về hướng Đông rất xa, tận thế giới phương Đông, qua bảy mươi bảy hằng hà sa số thế giới, có thế giới tên là Thiện danh văn, chỗ ở của Đức Phật hiệu là Quảng Đại Thiện Văn Tu-già-đà. Một thời, con đi đến chỗ Đức Phật đó, vào được trong đó, con thấy một tại nơi, có bảy mươi bảy ngàn các chúng ngoại đạo, cùng với thầy tụ tập, ngồi ở đó, để cùng suy nghĩ về thật tướng của các pháp. Khi ấy, chúng ngoại đạo suy nghĩ, đề cao, chọn lựa, an lập thật tướng của các pháp, nương vào sở học của họ để tìm cầu thật tướng, nhưng không thể tìm được, lại khởi lên đủ các loại dính mắc chống trái nhau, đấu tranh nhau, cho đến dùng cả lời nói để hại lẫn nhau; nói toàn những lời giống như dao, gậy để hủy hoại làm tổn thương lẫn nhau, nên cuối cùng phân tán. Con thấy sự việc này rồi, liền suy nghĩ: "Chư Phật Thế Tôn đã xuất hiện ở thế gian thì thật là điều hiếm có, thật là hiếm có, do Phật ra đời, nên thông đạt và hiểu rõ pháp tướng sâu xa hơn cảnh giới giác quán; và sẽ được hiện ra rõ ràng."

Bồ-tát nói xong, Đức Phật liền bảo:

–Đúng vậy! Này Pháp Thượng! Thật tướng là như thế, nó vượt hơn cảnh giới giác quan; ta hiểu rõ, rồi giải nói cho người khác, an lập chánh giáo, mở bày rõ ràng làm cho nghĩa được dễ hiểu. Vì sao? Vì ta nói chân thật, chỉ có Thánh nhân tự mình chứng thấy được. Nếu là cảnh giới giác quán của phàm phu thì ta và người có thể chứng.

Này Pháp Thượng! Với nghĩa như vậy, nên biết thật tướng luôn vượt hơn tất cả cảnh giới giác quán.

Lại nữa, này Pháp Thượng! Ta nói chân thật, tức chẳng phải chỗ hành tướng, vì tất cả giác quán đều duyên với chỗ hành tướng. Vì lý do đó, nên biết, thật tướng vượt hơn cảnh giới giác quán.

Lại nữa, này Pháp Thượng! Ta nói chân thật; tức không thể nói năng, vì tất cả giác quán chỉ do nói năng; nên biết, thật tướng vượt hơn cảnh giác quán.

Lại nữa, này Pháp Thượng! Ta nói chân thật, tức dứt hẳn bốn việc: thấy, nghe, hay, biết; vì tất cả giác quán duyên với bốn việc khởi lên.

Lại nữa, này Pháp Thượng! Ta nói tướng chân thật lìa mọi đấu tranh,

tất cả cảnh giới giác quán là cảnh giới đấu tranh. Vì lý do đó, nên biết, thật tướng vượt hơn cảnh giới giác quán.

Này Pháp Thượng! Ví như có người, suốt một đời, luôn ăn uống cực khổ, thì làm sao có thể giác quán, so lường, nhớ nghĩ đến những vị ngon ngọt, không bao giờ có chuyện đó.

Lại nữa, ví như có người luôn ham muốn những dục trần tức sẽ bị dục trần thiêu đốt nóng bức, thì làm sao có thể giác quán, so lường, nhớ nghĩ để không duyên với trần tướng nữa, mà nương vào cái vui đang lìa bỏ ở trong lòng, không bao giờ có chuyện như vậy.

Lại nữa, ví như có người chỉ ưa thích đấu tranh, đàm luận những việc không chính đáng, lý lẽ giỡn chơi, không thật, mà lại có thể giác quán, so sánh, nhớ nghĩ đến cái lặng lẽ tự nhiên, cái định mặc trong thiền của bậc Thánh; thì không bao giờ có chuyện đó.

Lại nữa, ví như có người luôn ưa thích thực hành, thấy, nghe, hay, biết; mà lại có thể giác quán, so lường, nhớ nghĩ, dứt hẳn bốn việc, trừ diệt xa lìa thân kiến, được Bát-niết-bàn; thì không bao giờ có chuyện đó.

Lại nữa, này Pháp Thượng! Ví như có người tự mình lo dự trữ của cải, để làm việc chinh phạt, mà lại có thể giác quán, so lường, nhớ nghĩ đến Bắc Câu-lô châu, nơi không có ngã sở, không có sự tích trữ, không xảy ra đấu tranh, luôn hiện ra pháp vui, không bao giờ có chuyện như vậy.

Này Pháp Thượng! Như vậy, người đang ở trong giác quán, lại hay lo nghĩ tính toán, so sánh, nhớ nghĩ đến cảnh giới chẳng phải giác quán; thì không bao giờ có.

Đức Phật nói xong liền nói bài kệ:

Tự chứng pháp vô tướng
Lìa ngôn, dứt bốn việc
Không tranh luận pháp tướng
Vượt hơn cảnh giác quán.

-oOo-

Phẩm 3: QUÁN NHẤT DỊ

Khi ấy, Bồ-tát Tịnh Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Lời nói này là chân chánh sâu xa, hiếm có, như Đức Thế Tôn nói lý chân thật này rất tinh tế vi diệu và sâu dày, khó có thể thông đạt; nó vượt lên tướng một và khác.

Bạch Thế Tôn! Một thời, con thấy ở một nơi có chúng Đại Bồ-tát, tu hạnh Bồ-đề, ở địa vị nguyện lạc; đối với nơi này, họ tụ tập và ngồi lại với nhau, vì muốn lo nghĩ tính toán về thật tướng của các pháp, cùng với các pháp hành, là một hay là khác?

Khi ấy, trong chúng có các Bồ-tát nói lời như vầy: "Tướng chân thật này không khác các hành."

Lại có Bồ-tát nói: "Tướng chân thật cùng với các hành, chẳng phải một."

Lại có Bồ-tát khởi tâm nghi hoặc, không tin là một hay là khác, nói lời như vầy: "Trong một và khác đó, người nào nói đúng, người nào nói sai? Sao lại là chánh hạnh? Sao lại là tà hành? Vì sao phải cho là một, vì sao phải cho là khác?"

Bạch Thế Tôn! Con thấy việc ấy, nên suy nghĩ: "Các thiện nam là những anh nhi ngu si; họ không hiểu, không rõ, chẳng hành như lý. Vì sao? Vì thiện nam này chưa có thể không đạt pháp chân thật vi diệu sâu xa tinh tế cùng với các hành, vượt qua tướng một và khác."

Bồ-tát nói xong, Đức Phật liền bảo:

–Đúng vậy! Này Tịnh Tuệ! Đúng thật là các thiện nam anh nhi ngu si, không hiểu, không rõ, chẳng thực hành như lý. Như Lai thông đạt pháp vi diệu sâu xa tinh tế chân thật, vượt lên tướng một, tướng khác của các hành. Vì sao? Này Tịnh Tuệ! Nếu cứ ôm giữ như vậy, mà nương vào các pháp hành, để tu quán chân thật rồi có thể thấu đạt, có thể chứng đắc được lý của chân như sao, không bao giờ có như vậy. Vì sao? Này Tịnh Tuệ! Nếu chân như cùng với hành tướng là chẳng khác nhau, thì tất cả phàm phu lẽ ra cũng thấy chân như sao.

Lại nữa, tất cả chúng sinh, chính tại địa vị phàm phu, lẽ ra cũng được vô thượng như an Niết-bàn.

Lại nữa, tất cả chúng sinh ở trong địa vị phàm phu, cũng có khả năng có thể đạt được Vô thượng Bồ-đề. Nếu tướng của chân như, khác với hình tướng; tất cả Thánh nhân đã thấy chân như, thì không thể hàng phục diệt trừ được hành tướng. Do không hàng phục, diệt trừ các hành tướng; nên tuy thấy chân như, nhưng không thể giải thoát các tướng ràng buộc. Nếu đối với các tướng, không được giải thoát; cũng không giải thoát thô trọng ràng buộc; nếu không giải thoát hai thứ ràng buộc, thì không thể được Vô thượng như an Vô dư Niết-bàn, cũng không được Vô thượng Bồ-đề.

Này Tịnh Tuệ! Do các phàm phu không thấy chân như, ở địa vị phàm phu không được Vô thượng như an Niết-bàn, cũng không có khả năng được

Vô thượng Bồ-đề; vì lý do đó, nên lý của chân như cùng với các hành là một, nghĩa này không đúng. Nếu có người nói chân như cùng với hành tướng không khác, do nghĩa này, nên biết, người ấy không thực hành như lý.

Lại nữa, này Tịnh Tuệ! Tất cả Thánh nhân do thấy chân như, rồi có thể hàng phục diệt trừ các tướng hành, chẳng phải là không thể được; đã có thể giãi thoát tất cả tướng kết và các nghi hoặc thô trọng chẳng phải là không giải thoát. Do hai giải thoát, nên được Vô thượng như an Niết-bàn, cho đến được Vô thượng Bồ-đề. Thế nên, chân như cùng với hành tướng là khác; nghĩa này không đúng. Nếu có người nói, chân như khác hành tướng, vì lý do đó, nên biết, người này không thực hành như lý.

Lại nữa, này Tịnh Tuệ! Nếu như chân cùng với hành tướng không khác; giống như hành tướng rơi vào tướng hoặc, tướng chân cũng rơi vào tướng hoặc vậy.

Lại nữa, này Tịnh Tuệ! Nếu tướng chân như khác với hành tướng, thì tướng chân như chẳng phải thông với các hành.

Này Tịnh Tuệ! Vì chân như này, không rơi vào tướng nghi hoặc, lại thông với tướng của tất cả các hành; do nghĩa này, nên chân như cùng với hành cũng một, cũng khác, nghĩa này không đúng. Nếu có người nói, chân như cùng với hành cũng một, cũng khác, vì lý do đó, nên biết, người này không thực hành như lý.

Lại nữa, này Tịnh Tuệ! Nếu chân như cùng với hành tướng không khác; thật tướng của chân như ở trong các hành, thông suốt không sai khác; hành tướng cũng vậy, thông suốt không sai khác. Thế nên, người tu quán hạnh, ở trong các hành, không nên vượt qua thấy, nghe, hay, biết mà tu quán thắng chân.

Lại nữa, tướng của chân như khác với hành tướng; vì lý do đó, nên tất cả các hành chỉ là vô ngã và vô tánh, chẳng phải chân thật. Lại nữa, đồng thời phẩm sạch và không sạch mỗi mỗi tướng sai khác.

Này Tịnh Tuệ! Do các hành tướng chỉ khác không thông; do người quán hạnh, ở trong các hành vượt qua thấy, nghe, hay, biết mà tu quán thù thắng chân thật. Do các hành vô ngã, vô tánh, tỏ rõ là chân, cho đến phẩm sạch và không sạch cũng chẳng đồng thời, mỗi mỗi tướng sai khác. Vì lý do đó, nên chân như cùng với hành; cũng một, cũng khác, nghĩa này không đúng. Nếu có người nói chân như cùng với hành cũng một, cũng khác, nên biết, người ấy không thực hành như lý.

Này Tịnh Tuệ! Ví như con ốc báu màu trắng, không thể an lập cùng

với một con ốc khác màu đỏ, cùng với màu vàng không một không khác, cũng lại như vậy.

Ví như âm thanh của Tỳ-noa rất hay, không thể an lập cùng với Tỳ-noa một cùng Tỳ-noa khác.

Lại như hương khí của trầm hương rất đáng yêu, thì không thể an lập cùng với một trầm hương khác.

Cũng như mùi vị của Ma-lê-giá cay đắng, không thể an lập cùng với Ma-lê-giá là một là khác. Ma-lê-lặc chát, cũng lại như vậy.

Lại như xúc chạm bông tơ mền mại, không thể an lập cùng với một bông tơ khác.

Sữa cùng với đề-hồ không một, không khác; cũng lại như vậy.

Lại như, tất cả các cõi đều là khổ, tất cả hành là vô thường, tất cả pháp là vô ngã. Như vậy, những nỗi khổ, không thể an lập cùng với một pháp khác. Cũng như tham dục, sân giận, ngu si, ngã mạn, … tướng không vắng lặng; không thể an lập, cùng với một cái gì khác.

Này Tịnh Tuệ! Như vậy chân như, cùng với tất cả hành, không thể an lập, là một, là khác.

Này Tịnh Tuệ! Như vậy, chân như vi diệu tinh tế, sâu xa, khó có thể thông đạt. Ta hiểu rõ, rồi giải nói, an lập chánh giáo, mở bày cho rõ ràng cái nghĩa, để cho người khác dễ hiểu.

Đức Phật nói kinh này xong, liền nói bài kệ:

Chân thật cùng hành pháp
Tướng không một, không khác
Nếu chấp một và khác
Nói hành không như lý.

-oOo-

Phẩm 4: NHẤT VỊ

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Như chỗ ông thấy biết thì có bao nhiêu chúng sinh, ở trong cõi chúng sinh có tăng thượng mạn? Do tâm tăng thượng mạn này, tự cho là mình có được? Lại nữa, như chỗ ông thấy biết, có bao nhiêu chúng sinh, ở trong cõi chúng sinh không tăng thượng mạn? Do tâm không tăng thượng mạn, tự cho là mình có được?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như chỗ thấy biết của con, có một số ít chúng sinh, ở trong chỗ chúng sinh không tăng thượng mạn, do tâm không tăng thượng mạn, tự cho là mình có được.

Bạch Thế Tôn! Như chỗ thấy biết của con, có vô lượng, vô số không thể kể hết các chúng sinh, ở trong cõi chúng sinh có tăng thượng mạn, do tâm tăng thượng mạn này, tự cho là mình có được.

Bạch Thế Tôn! Một thời, con ở trong A-luyện-nhã xa lìa mọi ồn ào, ở trong rừng vắng lặng; có nhiều chúng đại Tỳ-kheo tụ tập ở chỗ A-luyện-nhã, cách chỗ con không xa. Phần sau trong một ngày, có lúc con lại thấy đại chúng này, cùng nhau tụ tập, tùy chỗ chứng được, các ngài nói đủ các loại pháp tướng, nói rồi thì tu hành theo những gì mình có được.

Có Tỳ-kheo do chứng thấy ấm, liền nhớ nghĩ đến cái có được đó.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy tướng ấm.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy ấm sinh.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng ấm biến đổi khác lạ.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy ấm diệt.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng được con đường ấm diệt, như ở trong ấm có sáu tướng chứng.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy các nhập, tự cho là mình có được, cho đến diệt các nhập và con đường diệt các nhập.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy duyên sinh, tự cho là mình có được, cho đến diệt các duyên sinh và con đường diệt duyên sinh.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy các thực.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy bốn Đế.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy các cõi và tất cả các cõi sai khác, cho đến diệt các cõi và con đường diệt các cõi.

Hoặc có Tỳ-kheo chứng thấy niệm xứ; niệm xứ, tướng niệm xứ; đối trị niệm xứ, đối trị đạo niệm xứ; tu tập chưa sinh niệm xứ; chứng thấy niệm sinh rồi sinh niệm xứ; chứng thấy niệm trụ và tăng trưởng tròn đầy không quên mất, tự cho là mình có được; như là chứng được Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Căn, Lực, Giác phần, Thánh đạo; Thánh đạo tướng Thánh đạo, đối trị Thánh đạo, đối trị đạo Thánh đạo, tu tập chưa sinh Thánh đạo, chứng sinh Thánh đạo rồi sinh Thánh đạo, chứng Thánh đạo trụ và tăng trưởng tròn đầy không quên mất, tự cho là mình có được.

Bạch Thế Tôn! Con thấy việc này rồi, con liền suy nghĩ: “Như vậy,

các trưởng lão này đã theo chỗ chứng thấy tất cả pháp tướng, rồi tự cho là mình có được. Các trưởng lão này, có tăng thượng mạn, do tâm thượng mạn này, mà tự cho là mình có được; việc này đúng là như vậy. Vì sao? Vì như đã nói, pháp là tự chứng thấy; nên biết, người ấy chưa có thể phân biệt rõ nhất vị chân như biến Nhất thiết xứ."

Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói: "Nhất vị chân thật biến nhất thiết xứ, nó vi diệu sâu xa tinh tế, khó thể thông đạt", lời này thật hiếm có, là lời nói vô đối.

Bạch Thế Tôn! Nếu trong chánh giáo của Đức Thế Tôn, có các Tỳ-kheo… siêng năng tu quán hạnh, nhất vị chân thật biến nhất thuyết xứ còn khó thông đạt, huống nữa là các ngoại đạo ở ngoài chánh giáo, làm sao có thể chứng biến nhất vị chân thật.

Đức Phật khen:

–Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Như vậy vi tế càng vi tế, sâu xa càng sâu xa, khó thấy càng khó thấy đối với nhất vị chân thật biến nhất thiết xứ. Ta hiểu rõ rồi, vì người khác giảng nói, an lập chánh giáo, mở bày chỉ cho rõ cái nghĩa, khiến người khác dễ hiểu. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Ở trong năm ấm là cảnh giới trong sạch, thì ta nói là chân thật.

Này Tu-bồ-đề! Trong cảnh giới thanh tịnh, đối với mười hai nhập, mười hai Duyên sinh, bốn Thực (đoàn, xúc, ý chí, thức), bốn Đế, các cõi, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Căn, Lực, Giác phần, tám Thánh đạo thì ta nói là chân thật. Cảnh giới thanh tịnh này, tất cả ấm xứ bình đẳng một vị, tướng không sai khác. Như ở trong ấm, cho đến Thánh đạo phần, trong cảnh giới thanh tịnh bình đẳng, một vị đều không sai khác.

Này Tu-bồ-đề! Vì lý do đó, nên biết, nhất vị chân như biến Nhất thiết xứ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Tỳ-kheo tu hành, đã thông đạt một ấm chân như, nhân, pháp, vô ngã, không còn lao nhọc, xem xét mỗi một ấm khác, mà có được chân như đối với mười hai nhập, mười hai Duyên sinh, bốn Thực (đoàn, xúc, ý chí và thức), bốn Đế, các cõi, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Căn, Lực, Giác phần, tám Thánh đạo phần; còn nếu đã thông đạt một phần chân như, nhân, pháp, vô ngã, không còn lao nhọc; xem xét Thánh đạo phần khác mà có được chân như, xa lìa vô phân biệt hậu trí, quán không còn phân biệt, thì có thể thuận theo quán chân như. Ngoài ra, pháp nhất vị chân thật, biến nhất thiết xứ, chỉ dùng vô phân biệt hậu trí, tùy thuận tiền vô phân biệt trí, quán tất cả pháp nhất vị chân thật, từ nhớ nghĩ

cho đến đạt được.

Này Tu-bồ-đề! Vì lý do đó, ông phải nên biết, lý của chân thật biến nhất thiết xứ, chỉ có tướng nhất vị.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Giống như các ấm hỗ trợ nhau mà có tướng sai khác. Như vậy, mười hai nhập, mười hai Duyên sinh, bốn Thực (đoàn, xúc, ý thức, thức), bốn Đế, các cõi, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Căn, Lực, Giác phần, Thánh đạo phần, cũng hỗ trợ nhau để có tướng sai khác.

Nếu các pháp chân như, nhân, pháp, vô ngã, hỗ trợ để có tướng sai khác; thì các pháp như như, nhân, pháp, vô ngã, không thành chân thật, phải do nhân duyên sinh. Nếu do nhân duyên sinh thì thành hữu vi. Nếu là hữu vi thì chẳng phải là chân thật. Nếu chẳng phải là chân thật, thì ở đây sẽ phải cầu chân thật khác.

Này Tu-bồ-đề! Do chân thật này không từ nhân duyên sinh, chẳng phải là hữu vi, chẳng phải không chân thật, ở trong đó, không lao nhọc, tìm cầu chân thật khác. Vì sao? Vì pháp này luôn như vậy, nếu Phật xuất hiện ở đời, hay không xuất hiện ở đời; thì pháp tánh, pháp giới, pháp trụ đều là thường trụ.

Này Tu-bồ-đề! Vì lý do đó, ông phải nên biết, nhất vị chân thật bình đẳng nhất thiết xứ.

Này Tu-bồ-đề! Ví như các sắc, mỗi mỗi đều sai khác, xen lẫn không đồng. Đối với các sắc, trong hư không, nó vô tướng không có sai khác, không có thay đổi; đối với nhất thiết xứ cùng tướng nhất vị. Như vậy, các pháp mỗi mỗi đều sai khác. Ông phải nên biết, đối với nhất vị chân như trong các pháp, đều không sai khác, cũng lại như vậy.

Đức Thế Tôn nói kinh này rồi, liền nói bài kệ:

Thông pháp tướng nhất vị
Chư Phật nói bình đẳng
Nếu ở trong, chấp khác
Là người tăng thượng mạn.
Ngược con đường sinh tử
Vi tế, rất khó thấy
Nhiễm dục si che lấp
Người phàm không thể thấy.

Lúc đó, Bồ-tát Quán Thế Âm, gối phải quỳ sát đất, chắp tay, cung kính, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nay con nghe pháp Giải tiết sâu dày, từ Đức Phật như vậy, đó là việc chưa từng có, con cúi đầu thọ lãnh tu hành. Bạch Thế

Tôn! Kinh này tên là gì? Phụng hành như thế nào?

Đức Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

–Kinh này tên là Liễu Nghĩa Chánh Thuyết, cũng tên là Chân Thật Cảnh Trí Chánh Thuyết, cũng tên là Thập Địa Ba-la-mật Y Chỉ Chánh Thuyết, các ông phải nên như vậy mà thọ trì.

Phật nói kinh này xong, có tám vạn Bồ-tát đạt được Đại thừa oai đức Tam-muội; vô lượng, vô biên các chúng Bồ-tát, đối với pháp vô thượng, được Vô sinh pháp nhẫn; vô số chúng sinh còn trôi nổi, tâm được giải thoát, vô số chúng sinh đối với pháp Đại thừa sinh tâm tin vui.

-oOo-

SỐ 678

KINH TƯƠNG TỤC GIẢI THOÁT ĐỊA BA-LA-MẬT LIỄU NGHĨA

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la, người nước Thiên Trúc.

Như kinh Tương Tục Giải Thoát nói, Bồ-tát Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có mười Địa, đó là Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Minh địa, Diệm địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa và thứ mười một là Phật địa. Trong các Địa này, có bao nhiêu loại nhiếp thanh tịnh và có bao nhiêu phần?

Đức Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

–Nhiếp các Địa này có bốn loại thanh tịnh và mười một phần.

Này Quán Thế Âm! Sơ định nhiếp vào hy vọng thanh tịnh. Địa thứ hai nhiếp vào tăng thượng giới thanh tịnh. Địa thứ ba nhiếp vào tăng thượng tâm thanh tịnh.

Tăng thượng tuệ tịnh, tăng thượng thượng thượng diệu tịnh, nhiếp vào Địa thứ tư cho đến Phật địa.

Đó là bốn loại nhiếp thanh tịnh đối với các Địa đó.

Thế nào là mười một phần?

–Này Quán Thế Âm! Bồ-tát ở địa vị giải hạnh có mười pháp phải làm; Bồ-tát khéo tu tập Nhẫn giải thoát, vượt qua được địa vị này rồi, Bồ-tát vượt lên trên Ly sinh phần để được đầy đủ, vượt qua được địa vị này rồi, Bồ-tát vượt lên trên Ly sinh phần để được đầy đủ; nhưng chưa có thể, đối với vi tế phạm giới thực hành chân chánh biết trụ. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể đầy đủ Tam-muội chánh thọ thế tục và đầy đủ Văn trì Đà-la-ni. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể nắm bắt được sự luôn tụ tập pháp Bồ-đề phần, cũng chưa có

thể bỏ tâm thích pháp chánh thọ. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ, nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể xem xét kỹ chân đế; không thể bỏ tất cả, để quay lưng với sinh tử, ý hướng đến Niết-bàn, thực hành phương tiện nhiếp tu pháp Bồ-tát phần. đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể hiện tiền xem xét kỹ các hành sinh, phần nhiều trụ vào yểm ly, phần nhiều trụ vào vô tướng. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể trụ phần nhiều vào không đoạn, không gián, không tướng, suy nghĩ. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể lìa bỏ vô tướng, hữu hành và được lực tướng. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể rốt ráo phân biệt các tướng, phân biệt các danh, nói tất cả các pháp được tự tại. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể thọ được Pháp thân đầy đủ. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; nhưng chưa có thể thấy biết được tất cả cảnh giới trí tuệ không ngại không chướng. Đó là một phần không đầy đủ.

Vì muốn đầy đủ nên phương tiện tiến cầu phải được đầy đủ; một phần kia đầy đủ, nên tất cả các phần, đầy đủ.

Này Quán Thế Âm! Đó là bốn loại thanh tịnh và mười một phần nhiếp thuộc vào các Địa.

Quán Thế Âm Bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Sơ địa gọi là Hoan hỷ địa, cho đến Phật địa gọi là Phật địa?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Vượt lên trên đại nghĩa, thì được tâm xuất thế gian vui vẻ tốt đẹp hơn hết; nên Địa thứ nhất gọi là Hoan hỷ địa.

Lìa tất cả sự phạm giới dù là rất nhỏ nên Địa thứ hai, gọi là Ly cấu địa.

Nghe Tam-muội đó và thọ trì, nương vào ánh sáng vô lượng trí, nên Địa thứ ba, gọi là Minh địa.

Dùng trí hỏa diệm đốt hết phiền não, tu tập pháp Bồ-đề phần; nên Địa thứ tư gọi là Diệm địa.

Phương tiện tu tập các pháp Bồ-đề phần kia là vô cùng gian nan khổ nhọc, mới được tự tại; nên Địa thứ năm, gọi là Nan thắng địa.

Hiện tiền xem xét kỹ các hành sinh và suy nghĩ nhiều về tướng; nên Địa thứ sáu gọi là Hiện tiền địa.

Suy nghĩ không dứt, không gián đoạn, không có tướng xa gần, nhập vào địa thanh tịnh; nên Địa thứ bảy gọi là Viễn hành địa.

Không tướng, không khai phát tướng; phiền não không hành, không động; nên Địa thứ tám gọi là Bất động địa.

Tự tại nói tất cả các pháp, được trí rộng lớn, không lỗi lầm; nên Địa thứ chín gọi là Thiện tuệ địa.

Như hư không, bình đẳng, không lỗi lầm, dùng Pháp thân như mây che lớn, che cùng khắp; nên Địa thứ mười, gọi là Pháp vân địa.

Phiền não vi tế, chướng ngại cảnh giới trí tuệ, đã được đoạn trừ; hiểu được tất cả cảnh giới trí tuệ, không ngại, không chướng; nên Địa thứ mười một gọi là Phật địa.

Quán Thế Âm Bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Địa này có bao nhiêu loại ngu si, bao nhiêu loại để sửa đổi lỗi lầm?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có hai mươi hai loại ngu si và mười một loại để sửa đổi lỗi lầm:

Chúng sinh ở vào Sơ địa, ngu si chấp pháp kế và và ngu si phiền não trong nẻo ác. Lỗi lầm đó cần phải sửa đổi.

Địa thứ hai ngu si phạm phải giới hạnh dù rất nhỏ và ngu si tạo nghiệp trong các nẻo. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ ba, ngu si ái dục và ngu si bởi nghe và giữ đầy đủ. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ tư, ngu si thích chánh thọ và ngu si thích pháp. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ năm, ngu si suy nghĩ trái với sinh tử và ngu si suy nghĩ trái với Niết-bàn. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ sáu, ngu si quan sát sự sinh trưởng của các pháp hiện tiền và ngu si trong nhiều hành tướng. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ bảy, ngu si trong các hành tướng rất nhỏ và ngu si suy nghĩ

phương tiện thực hành hướng đến vô tướng. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ tám, ngu si phát khởi vô tướng, vô khai và ngu si với tướng tự tại. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ chín, ngu si thuyết pháp vô lượng, với vô lượng câu chữ của pháp thượng thượng trí tuệ, thích nói Tổng trì tự tại và ngu si thích nói tự tại. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Địa thứ mười, ngu si với đại thần thông và ngu si nhập vào vi tế bí mật. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Phật địa, ngu si với tất cả cảnh giới trí tuệ vi tế chánh thọ và ngu si chướng ngại. Lỗi lầm ấy cần phải sửa đổi.

Này Quán Thế Âm! Đó là hai mươi hai loại ngu si và mười một loại để sửa đổi lỗi lầm. Đối với sự kiến lập của các Địa kia, không tương ưng cùng với Vô thượng Bồ-đề.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay! Bạch Thế Tôn! Vô thượng Bồ-đề là lợi lớn là quả lớn, nên các Bồ-tát kia, phá trừ lưới nghi ngại lớn, vượt qua được những lỗi lầm, đạt được Vô thượng Bồ-đề.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đối với sự kiến lập các Địa này, thì có bao nhiêu loại thù thắng?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có tám việc, nghĩa là:

1. Tăng thêm hy vọng thanh tịnh.

2. Tâm thanh tịnh.

3. Bi thanh tịnh.

4. Ba-la-mật thanh tịnh.

5. Thấy Phật cúng dường thanh tịnh.

6. Thành thục chúng sinh thanh tịnh.

7. Sinh thanh tịnh.

8. Lực thanh tịnh.

Này Quán Thế Âm! Ở trong Sơ địa, tăng thêm hy vọng thanh tịnh, đến lực thanh tịnh, cho đến thượng thượng địa, cho đến Phật địa cũng tăng thêm hy vọng thanh tịnh, đến lực thanh tịnh. Nên biết, trong các thanh tịnh kia, ở trong Phật địa, chỉ trừ sinh thanh tịnh. Từ Sơ địa đến thượng thượng địa, công đức đó bình đẳng. Nên biết, tự địa công đức thù thắng, tất cả Bồ-

tát địa là có công đức trên; chỉ có Như Lai địa mới được công đức vô thượng.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do những gì mà Bồ-tát đối với sự sinh trưởng tối thắng hơn tất cả?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có bốn loại, nghĩa là tập hợp các căn lành trong sạch nhất, tùy theo trí tuệ mà giữ gìn. Từ bi cứu tất cả chúng sinh, tự mình lìa nhiễm ô và khiến người khác cũng xa lìa.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát phát nguyện vi diệu, nguyện thù thắng, gọi là nguyệt lực?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có bốn việc, Bồ-tát khéo trụ vào Niết-bàn, có thể kham nhận những điều mau được và có thể bỏ những điều mau được, thích trụ vào vô sở nhân, vô sở vi, phát nguyện lâu dài chịu các khổ cho chúng sinh; thế nên nguyện vi diệu, nguyện thù thắng, gọi là nguyện lực.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Học Bồ-tát có bao nhiêu việc?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Học Bồ-tát có sáu việc, đó là sáu pháp Ba-la-mật; từ Bố thí ba-la-mật cho đến Trí tuệ ba-la-mật.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Học sáu việc này có bao nhiêu tăng thượng giới học, bao nhiêu tăng thượng tâm học, bao nhiêu tăng thượng tuệ học?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, ba việc này là tăng thượng giới học. Thiền định là tăng thượng tâm học. Trí tuệ là tăng thượng tuệ học. Tinh tấn thì thông suốt tất cả.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sáu việc này đầy đủ bao nhiêu phước đức? Đầy đủ bao nhiêu trí tuệ!

Phật bảo Quán Thế Âm:

–Đầy đủ tăng thượng giới học là phước đức, đầy đủ tăng thượng tuệ học là trí tuệ; thuyền và tinh tấn thì thông suốt tất cả.

Quán Thế Âm bạch Phật;

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đối với sáu việc này nên học như thế nào?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có năm loại tương ưng cùng với Ba-la-mật đó là:

1. Nói chánh Bồ-tát tạng, trước hết phải rất tin hiểu.

2. Thực hành mười pháp hạnh.

3. Văn-tư-tu-tuệ luôn luôn bảo vệ tâm Bồ-đề.

4. Học tập gần gũi bạn lành.

5. Phương tiện tu học thiện nghiệp không gián đoạn.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao các học này lại đặt ra có sáu loại?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Vì để làm hai việc:

1. Thu giữ chúng sinh.

2. Sửa đổi phiền não.

Ba loại học trước là nhiếp thủ chúng sinh. Ba loại học sau là sửa đổi phiền não. Bồ-tát đầy đủ bố thí, thì có nhiều lợi ích nhiếp thủ chúng sinh đầy đủ. Bồ-tát trì giới không làm gì não hại, cũng không khủng hoảng, không sợ hãi, nhiều lợi ích nhiếp thủ chúng sinh. Bồ-tát nhẫn nhục thì đối với sự não hại, bức bách khủng bố; có thể nhẫn chịu, để có nhiều lợi ích nhiếp thủ chúng sinh. Dùng ba học này, nhiếp thủ chúng sinh. Do siêng năng tinh tấn tách bỏ và hàng phục các phiền não, đoạn trừ phiền não, tu học nghiệp lành; không bị tất cả phiền não làm lay động, dùng thiện định hàng phục phiền não, dùng trí tuệ đoạn các sử, dùng ba học này để sửa đổi phiền não.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao lại đặt ra bốn Ba-la-mật khác?

Đức Phật Bảo Quán Thế Âm:

–Đấy là bạn của sáu Ba-la-mật. Ba-la-mật kia thu giữ chúng sinh. Bồ-tát thu lấy việc phương tiện, kiến lập nghiệp làm, vì thế, ta nói phương tiện Ba-la-mật là bạn của Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ-tát Quán Thế Âm, hiện pháp lưu hành nhiều phiền não, không thể kham nhận để tu tập nhẫn nhục, ham thích hạ giới, hy vọng yếu kém; không thể một lòng nghe duyên tụ tập Bồ-tát tạng, không thể dẫn mở tuệ xuất thế gian, thọ trì thực hành được một ít phước, nguyện ở đời vị lai,

phiền não giảm bớt, với Nguyện ba-la-mật này, phiền não giảm bớt rồi, thì có thể siêng năng tinh tấn. Thế nên, ta nói, Nguyện ba-la-mật, là bạn của Tinh tấn ba-la-mật.

Bên trong suy nghĩ chân chánh, thân cận bậc Thiện tri thức, lắng nghe pháp lành, chuyển hy vọng thấp kém, thành hy vọng có năng lực, thượng giới thù thắng, bên trong một lòng. Thế nên, ta nói Năng lực ba-la-mật là bạn của Thiền định ba-la-mật.

Đối với Bồ-tát tạng, nghe duyên tu tập thiền định. Đó là Trí tuệ ba-la-mật, có thể dẫn mở tuệ xuất thế gian. Thế nên, ta nói Trí ba-la-mật là bạn của Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nói thứ tự trước sau sáu Ba-la-mật như thế?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Dựa theo ý ở trên đã nói; Bồ-tát trước phải xả bỏ thân mạng của cải để thọ trì tịnh giới, giữ giới nên Nhẫn nhục rồi Tinh tấn, Tinh tấn rồi Thiền định, đầy đủ Thiền định rồi, được Tuệ xuất thế gian.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật kia, nếu phân biệt thì có bao nhiêu loại?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Mỗi thứ đều có ba loại:

Bố thí ba-la-mật có ba loại: Tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Ba loại Trì giới ba-la-mật: Giới xả bỏ việc ác, giới phát sinh điều lành, giới làm lợi ích cho chúng sinh.

Ba loại Nhẫn nhục ba-la-mật: Nhẫn nhịn không vì nhiêu ích, nhẫn nhịn để được an vui trong các sự thống khổ, nhẫn nhịn để xem xét pháp.

Ba loại Tinh tấn ba-la-mật: Tinh tấn phát lời thề rộng lớn, tinh tấn dùng phương tiện khéo léo, tinh tấn làm lợi ích chúng sinh.

Ba loại Thiền định ba-la-mật: Lìa vọng tưởng khổ, phiền não vắng lặng; đối trị cái ưa thích ở trong thiền định; thiền định khai dẫn công đức, thiền định khai dẫn làm lợi ích chúng sinh.

Ba loại Bát-nhã ba-la-mật: Duyên với thế đế, duyên với Đệ nhất nghĩa đế, duyên làm lợi ích chúng sinh.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao các Ba-la-mật này tên là Ba-la-mật?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có năm loại:

1. Vô ngại.

2. Vô cố.

3. Vô quá.

4. Vô vọng tưởng.

5. Hồi hướng.

Vô ngại gọi là Ba-la-mật chống trái việc không dính mắc.

Vô cố gọi là quả báo lợi ích hiện tại của Ba-la-mật, tâm không trói buộc.

Vô quá gọi là các Ba-la-mật lìa các tạp nhiễm nhơ bẩn bằng pháp không có phương tiện.

Vô vọng tưởng gọi là các Ba-la-mật không như lời nói tính toán chấp vào tự tướng.

Hồi hướng gọi là các Ba-la-mật đã làm thì nên nuôi dưỡng cho lớn để cầu quả Vô thượng đại Bồ-đề.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những việc gì là trái với Ba-la-mật?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Nên biết có sáu việc:

1. Ham thích tiền tài, làm chủ tự tại tăng thượng, tự thấy an lạc công đức phước lợi.

2. Tùy theo những điều ham muốn đó, mà buông thả thân-khẩu-ý.

3. Đối với người khác thì khinh khi ngạo nghễ, tâm không thể nhẫn nhịn.

4. Đối với các pháp lành không siêng năng dùng phương tiện.

5. Tu tập gần gũi các việc tạp loạn, thấy, nghe, hay biết của thế gian.

6. Thấy thế gian hý luận mà tạo phước lợi.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này có quả báo gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có sáu loại:

1. Nhiều của cải.

2. Nẻo thiện.

3. Không oán giận.

4. Không hủy hoại.

5. Chúng sinh nhiều vui thích tăng thượng chủ.

6. Không hại thân mình, có khả năng chịu đựng.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này có những tạp pháp nhiễm ô gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Nên biết, có bốn loại:

1. Phương tiện không có Từ bi.

2. Phương tiện không suy nghĩ chân chánh.

3. Phương tiện bất thường.

4. Phương tiện không đốn.

Phương tiện không suy nghĩ chân chánh có nghĩa là: Đối với các Ba-la-mật này, thì các Ba-la-mật khác, tu tập tạp loạn.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là phi phương tiện?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Đối với các Ba-la-mật đã được nuôi lớn, nhiếp thủ được chúng sinh, dùng một ít của cải nhiêu ích, tâm rất vui vẻ không khiến chúng sinh giác ngộ điều ác; mà lại còn an lập chỗ lành. Đó gọi là phi phương tiện. Vì sao? Vì chẳng phải Bồ-tát này nhiêu ích chúng sinh. Ví như vật không sạch hoặc nhiều hoặc ít, không có phương tiện khiến phát ra mùi hương. Như vậy, các hành tánh khổ của chúng sinh, chẳng phải thiếu lợi lạc nhiêu ích, có thể khiến được an lạc đệ nhất. Còn nhiếp thủ là an lập chỗ lành.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này có bao nhiêu loại thanh tịnh?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Ta không nói các Ba-la-mật này, lìa năm loại kia, liền được thanh tịnh; nhưng ngày nay ta đối với việc đó nói tổng quát và nói phân biệt. Nói tổng quát, là tất cả Ba-la-mật đều thanh tịnh; nên biết có bảy loại. Những gì là bảy? Đó là:

1. Bồ-tát đối với pháp này không mong cầu người biết.

2. Bồ-tát đối với pháp này không dính mắc.

3. Bồ-tát đối với pháp Bồ-đề này, thấy không sinh nghi hoặc.

4. Bồ-tát hoặc phải, hoặc trái cũng không khen mình, chê người.

5. Bồ-tát không cao ngạo, không buông thả.

6. Bồ-tát không thấp hèn, sinh ý tưởng biết đủ.

7. Bồ-tát đối với pháp này, tâm không khởi lên lòng keo kiệt, ganh ghét.

Nay ta nói phân biệt là nói tướng Ba-la-mật thanh tịnh; nên biết mỗi một đều có bảy loại, đó là: Bồ-tát đối với ngã sở, nói có bảy loại bố thí thanh tịnh nên thọ trì tu hành. Những gì là bảy? Đó là:

1. Thí vật thanh tịnh, thanh tịnh thí.

2. Giới thanh tịnh, thanh tịnh thí.

3. Kiến thanh tịnh. thanh tịnh thí.

4. Tâm thanh tịnh, thanh tịnh thí.

5. Ngữ thanh tịnh, thanh tịnh thí.

6. Trí thanh tịnh, thanh tịnh thí.

7. Cấu thanh tịnh, thanh tịnh thí.

Đó là bảy thứ Bố thí ba-la-mật thanh tịnh.

Bồ-tát khéo chế ra tất cả giới luật nghi, giới khéo xuất tội, giới bỉ hằng, giới kiên cố, giới thường tác, giới thường chuyển, giới thọ học. Đó là bảy loại Trì giới ba-la-mật thanh tịnh.

Bồ-tát tự nương vào nghiệp báo, đối với mọi việc không nhiêu ích, tâm không sân hận; hoặc bị mắng chửi, sân giận, đánh dập, tranh cãi đều không nhiêu ích, không báo thù. Đối với mọi oán ghét, tâm không ôm giữ. Nếu họ mong cầu ăn năn hối lỗi, thì không gây trở ngại. Nếu người khác có xúc phạm, không mong xin lỗi. Như pháp mà thương xót, không sợ, không cầu, thường hành nhiêu ích, tâm không phế bỏ. Đó là bảy loại Nhẫn nhục ba-la-mật thanh tịnh.

Bồ-tát tinh tấn, khéo biết bình đẳng, không vì tinh tấn khen mình chê người. Đối với các pháp lành thì một lòng chăm chú, cố gắng lãnh, kham thọ cho vững vàng, không bỏ. Đó là bảy loại Tinh tấn ba-la-mật thanh tịnh.

Bồ-tát khéo nhập vào thiền định Vô hướng Tam-muội, đầy đủ thiền định Tam-muội, giới đầy đủ thiền định Tam-muội, nhập vào thiền định Tam-muội, vô y thiền định Tam-muội. Khéo tu tập thiền định Tam-muội. Đối với Bồ-tát tạng, nghe nhân duyên, tu tập vô lượng thiền định Tam-muội. Đó là bảy loại Thiền định ba-la-mật thanh tịnh.

Bồ-tát đối với tạo lập và phá bỏ đều lìa bỏ. Tuệ ở trong trung đạo xuất ra, liền dùng tuệ ấy, biết rõ như thật nghĩa của giải thoát môn. Biết rõ như thật nghĩa tự tánh của tam giải thoát môn: Không, vô tướng, vô tác. Hoặc

vọng tưởng, hoặc duyên khởi, hoặc thành tựu, ba loại này tự tánh lìa nghĩa tự tánh, cũng đều biết rõ như thật. Hoặc tướng, hoặc nhân duyên, hoặc Đệ nhất nghĩa, ba loại này lìa tự tánh và nghĩa thế đế, cũng đều biết rõ như thật. Nghĩa của ngũ minh xứ và Đệ nhất nghĩa đế, cũng đều biết rõ như thật. Phần nhiều an trụ vào bảy loại như: Không vọng tưởng, lìa hư ngụy, vượt qua các môn, khởi lên vô lượng hạ địa pháp duyên, quán pháp rồi hướng đến pháp. Đó là bảy loại Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Năm loại đó, mỗi loại có nghiệp gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Nên biết có năm nghiệp:

1. Bồ-tát vô ngại là hiện pháp Ba-la-mật, phương tiện đốn tu, không buông lung.

2. Vô cố là nhiếp thọ cái nhân đời vị lai, không buông lung.

3. Vô quá là tu tập Ba-la-mật thanh tịnh đầy đủ rốt ráo.

4. Vô vọng tưởng là phương tiện khéo léo để mau đầy đủ Ba-la-mật.

5. Hồi hướng là đối với tất cả chúng sinh, luôn được thọ vô lượng quả báo lành của Ba-la-mật, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này cao tột như thế nào?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Nghĩa là không trở ngại, không nhìn lại hồi hướng.

Sao gọi là không cấu nhiễm? Nghĩa là không lỗi lầm, không vọng tưởng.

Sao gọi là xí nhiên? Nghĩa là không tính đếm.

Sao gọi là bất động? Nghĩa là nhập vào địa vị pháp bất thoái.

Sao gọi là khoái tịnh? Nghĩa là trụ nơi Thập địa, mong cầu Phật địa.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát luôn được thọ quả báo Ba-la-mật vô tận?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Vì lần lượt nương vào nhau để xả bỏ tu tập.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát rất thích thọ quả báo Ba-la-mật?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Bồ-tát có năm việc:

1. Các Ba-la-mật là nguyên nhân làm tăng cao sự vui thích chân thật.

2. Nguyên nhân để giữ gìn lấy mình và người.

3. Nguyên nhân đời sau được thọ quả báo.

4. Lìa được các việc phiền não.

5. Không trụ vào nẻo ác.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này mỗi mỗi đều có năng lực, công đức gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Nên biết, mỗi thứ có bốn loại:

1. Khi Bồ-tát tu các Ba-la-mật, thì sẽ lìa bỏ được sự bỏn sẻn keo kiệt, phạm giới, lười biếng, loạn tâm, các kiến.

2. Chân thật đầy đủ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

3. Trong hiện tại đó là pháp gìn giữ lấy mình và người.

4. Đối với đời vị lai, được quả báo rộng lớn vô tận.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Ba-la-mật này có nhân gì, quả gì, nghĩa gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Các Ba-la-mật này: Bi là nhân, được quả báo thu giữ chúng sinh là quả, đầy đủ đại giác ngộ là đại nghĩa.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát đã có vô tận của cải và lòng thương rộng lớn, vì sao ở thế gian vẫn có chúng sinh bần cùng?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Đấy là tự nơi lỗi nghiệp của chúng sinh. Nói cách khác, con người luôn làm việc thì kẻ đó tất sẽ có vô tận của cải, nhưng sao chúng sinh ở thế gian vẫn có người nghèo khổ? Và nếu như thế, thì chúng sinh tạo ác, sẽ không bị chướng ngại sao.

Này Quán Thế Âm! Ví như ngạ quỷ bị cái khát bức bách, chỉ thấy toàn là trống không và khô khan; đấy không phải lỗi của biển mà chỉ là tự nghiệp của ngạ quỷ. Biển cả không có lỗi lầm, Bồ-tát cũng lại như vậy, không có lỗi lầm. Giống như tự nơi nghiệp quả báo của ngạ quỷ; thì nghiệp báo của chúng sinh cũng lại như vậy.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp đều không có tự tánh, vậy Bồ-tát nắm giữ các Ba-la-mật nào?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Đó là Trí tuệ ba-la-mật.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nắm giữ Trí tuệ ba-la-mật là không có tự tánh. Vì sao không nắm giữ tự tánh.

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Ta không nói vô tự tánh là nắm giữ vô tự tánh; nhưng phải tự biết vô tự tánh là không chữ; tự tánh kia không thể lìa chữ; nói chỉ để mà nói. Vì thế, lìa tự tánh tức là nắm giữ lìa tự tánh.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đã nói Ba-la-mật, thượng Ba-la-mật, đại Ba-la-mật; những gì là Ba-la-mật, là thượng Ba-la-mật, là đại Ba-la-mật?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Đối với vô lượng thời khắc tu tập bố thí… thì pháp lành thành tựu mà phiền não cũng lưu hành; không thể hàng phục nó được, mà cũng không bị nó vượt hơn mình. Ở trong giải hành địa, chuyển đổi cái tên, gọi là Ba-la mật.

Lại nữa, với vô lượng thời khắc tu bình đẳng như thế, pháp lành thành tựu, phiền não cũng lưu hành, không thể hàng phục phiền não, nhưng phiền não cũng không hơn mình được. Nghĩa là từ Sơ địa khởi lên thì gọi là thượng Ba-la-mật.

Lại nữa, với vô lượng thời khắc tu hành bình đẳng như thế, pháp lành thành tựu, hết thảy phiền não không còn lưu hành. Nghĩa là Đệ bát địa khởi lên thì gọi là đại Ba-la-mật.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Địa này có bao nhiêu loại phiền não kết sử?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có ba loại:

1. Hại bạn. Đó là Địa thứ năm. Này Quán Thế Âm! Không thực hành câu sinh phiền não và thực hành câu sinh phiền não. Thế nên gọi là hại bạn.

2. Lụy sử; nghĩa là tu theo hạnh vi tế của Địa thứ sáu, Địa thứ bảy, dù ngăn ngại không hành.

3. Vi tế kết sử; nghĩa là Địa thứ tám trở lên, tất cả phiền não, tất cả

bất hành và nương vào một phần của cảnh giới trí tuệ.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đoạn lỗi lầm, có bao nhiêu loại gọi là đoạn kết sử?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có ba loại:

1. Đoạn lỗi lầm ở ngoài da.

2. Đoạn lỗi lầm ở nơi thịt.

3. Đoạn lỗi lầm ở trong xương.

Người lìa tất cả kết sử, ta nói chỉ có Phật địa.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có bao nhiêu a-tăng-kỳ kiếp để đoạn mọi lỗi lầm kia?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Có ba vô lượng. Hoặc sát-na. Hoặc La-bà-ma Hầu-đố-lộ. Nửa giờ, một giờ, ngày, đêm, nửa tháng, một tháng ly đâu (một tháng là một tiết, một tiết gọi là ly đâu).

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các Địa của Bồ-tát, khởi lên phiền não, có tướng gì, lỗi gì và đức gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Này Quán Thế Âm! Tướng không cấu nhiễm. Vì sao? Vì Bồ-tát ở Sơ địa, nhập vào tất cả pháp giới, biết phiền não kia khởi lên, không phải không biết, thế nên gọi là tướng không cấu nhiễm, không thể khiến tự thân sinh khổ, nên không có lỗi lầm. Vì cõi chúng sinh tạo nguyên nhân lìa khổ, cho nên Bồ-tát khởi lên phiền não, mà có vô lượng công đức.

Quán Thế Âm bạch:

–Kỳ lạ thay, bạch Thế Tôn! Khiến cho các Bồ-tát khởi lên phiền não, cho đến đại nghĩa Chánh giác, đã hơn hẳn tất cả công đức căn lành của chúng sinh và Thanh văn, Duyên giác; huống nữa là công đức khác.

Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã nói, Thanh văn thừa và Đại thừa tức là Nhất thừa. Vậy là có nghĩa gì?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Ta nói pháp Thanh văn thừa, nghĩa là năm ấm, trong sáu nhập, ngoài

sáu nhập. Như vậy… ta nói vậy tức là Đại thừa một pháp giới, một đạo. Thế nên, ta không nói có tất cả thừa, như nghĩa đã nói đó, mà khởi lên vọng tưởng, hoặc tạo dựng nên, hoặc chê bai nói là tất cả thừa. Vì thấy tướng chống trái kia cứ mỗi chút mỗi tranh luận; nên ta nói lời này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói rõ lại nghĩa này, liền nói bài kệ tụng:

Nói đủ các tự tánh
Đều là cùng một đạo
Hàng hạ liệt, thượng diệu
Không có các loại khác
Như nói theo vọng tưởng
Tạo dựng hoặc chê bai
Thấy nghĩa chống trái kia
Ngu, hoặc hiểu đủ cách
Tướng nhiếp địa đã sửa
Thắng sinh và Nguyện học
Nói đạo Đại thừa này
Siêng tu mau thành Phật

Khi ấy, Bồ-tát Quán Thế Âm bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong kinh Tương Tục Giải Thoát, thì kinh này tên gì? Và phụng hành như thế nào?

Đức Phật bảo Quán Thế Âm:

–Kinh này tên là Địa Ba-la-mật Liễu Nghĩa Thuyết, nên phụng hành thọ trì như vậy.

Khi Đức Phật nói kinh Địa Ba-la-mật Liễu Nghĩa Thuyết, có bảy vạn năm ngàn Bồ-tát đạt được Đại thừa quang Tam-muội.

-oOo-

SỐ 679

KINH TƯƠNG TỤC GIẢI THOÁT NHƯ LAI SỞ TÁC TÙY THUẬN XỨ LIỄU NGHĨA

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la, người nước Thiên Trúc.

Như kinh Tương Tục Giải Thoát nói, Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói Pháp thân của Như Lai. Vậy Pháp thân của Như Lai có tướng gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Khéo tu tập, thân chuyển đổi tập thành địa Ba-la-mật. Này Văn-thù-sư-lợi! Tướng Pháp thân của Như Lai là như vậy. Nên biết, lại có tướng không thể nghĩ bàn, có hai nhân duyên. Nghĩa là xa lìa giả dối, không có hành; chúng sinh thì tính toán chấp lấy giả dối đó mà hành.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thân của Thanh văn, Duyên giác chuyển đổi, cũng là Pháp thân phải không?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Không gọi là Pháp thân.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Không gọi là Pháp thân thì gọi là thân gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Gọi là thân giải thoát. Này Văn-thù-sư-lợi! Thân giải thoát, đối với Thanh văn, Duyên giác và các Đức Như Lai đều bình đẳng, chỉ có Pháp thân là sai khác. Pháp thân sai khác, nghĩa là vô lượng công đức thù thắng vi diệu đặc biệt, không thể ví dụ.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai nhân khởi lên có tướng gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Tướng hóa thân, giống như thế giới khởi lên, tất cả các công đức, an trụ vào tướng trang nghiêm thanh tịnh của Đức Như Lai; nên biết, tướng

Hóa thân khởi, Pháp thân không khởi.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Dùng những phương tiện thiện xảo gì, hiện ra hóa thân?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Tất cả tam thiên đại thiên thế giới của chư Phật sinh vào nhà Tăng thượng chủ, sinh vào nhà ruộng phước, vào thai, ra khỏi thai, lớn lên, thọ ngũ dục, xuất gia khổ hạnh, đi đến đạo tràng, ngồi dưới cội Bồ-đề, hàng phục ma, thành Phật, chuyển xe pháp, rồi hiện Bát-niết-bàn. Nên biết, đó là phương tiện tiện khéo léo hiện ra Hóa thân.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hóa thân của Như Lai có bao nhiêu loại, vì chúng sinh nói pháp, những người chưa thành thục thì điều phục khiến họ được thành thục, người đã thành thục khiến họ kết duyên với giải thoát.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Như Lai nói, là nói lời Tu-đa-la, lời Tỳ-ni, lời Ma-đức-lặc-già.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tu-đa-la? Thế nào là Tỳ-ni? Thế nào là Ma-đức-lặc-già?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu ta nói các pháp nhiếp vào việc giới hạn, thì gọi là Tu-đa-la. Đó là cái nhân của bốn việc, chín việc, hai mươi chín việc, bốn mươi hai việc như vậy.

Những gì là bốn việc? Đó là:

1. Việc nghe.
2. Việc quy y.
3. Việc giới.
4. Việc Bồ-tát.

Những gì là chín việc? Đó là:

1. Việc bố thí cho chúng sinh.
2. Việc thọ dụng.
3. Việc nhân khởi kia.
4. Việc khởi lên rồi an trú.
5. Việc ấy diệt.
6. Tất cả việc kia.

7. Việc nói.

8. Việc đã nói.

9. Việc đồ chúng.

Những gì là hai mươi chín việc? Đó là:

1. Những việc nhiếp thuộc từ phần cấu nhiễm.

2. Việc cấu nhiễm kia lần lần tùy theo đó mà khởi lên.

3. Khởi lên như vậy rồi, đó là cái nhân để sinh trong đời vị lai.

4. Tác pháp tưởng đó rồi, đó là cái nhân sinh ra trong đời vị lai.

5. Từ duyên trong phần thanh tịnh mà thuộc vào sự buộc niệm.

6. Đối với các việc phải có quyết định.

7. Tâm được an trụ.

8. Hiện ra pháp lạc an trụ.

9. Khởi lên tất cả phương tiện khổ duyên.

10. Biết việc phải đoạn. Có việc như vậy, đó là: Đoạn biết chỗ điên đảo; đoạn biết chỗ hướng đến từ nơi chúng sinh tưởng, bên ngoài chúng sinh tà; đoạn biết chỗ bên trong xa lìa tăng thượng mạn.

11. Việc tu xử.

12. Việc tác chứng.

13. Việc tu.

14. Việc ấy đã tạo kiên cố.

15. Thực hành việc ấy.

16. Kết duyên với việc kia.

17. Việc đoạn không đoạn.

18. Quán sát phương tiện khéo léo.

19. Việc đó tán loạn.

20. Việc đó không tán loạn.

21. Việc chỗ đó không tán loạn.

22. Việc đã tạo tu tập không nhàm chán.

23. Không bỏ phương tiện.

24. Việc tu phước lợi.

25. Việc kia tu tập kiên cố.

26. Việc hiểu biết chân thật.

27. Việc đến Niết-bàn.

28. Việc khéo nói chánh kiến pháp luật thế gian, được tất cả chánh

kiến trong ngoài.

29. Việc ấy tu thoái.

Này Văn-thù-sư-lợi! Khéo nói pháp luật, không tu tập thoái lui thì không phải lỗi lầm.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu ta vì đệ tử Thanh văn, Bồ-tát nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Ba-la-đề-mộc-xoa tương ưng với học, thì gọi là việc Tỳ-ni.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát có bao nhiêu Ba-la-đề-mộc-xoa?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Có bảy loại:

1. Nói thọ oai nghi.

2. Nói việc xử Ba-la-đi.

3. Nói phạm tự tánh.

4. Nói không phạm tự tánh.

5. Nói ra ngoài phạm vi.

6. Nói thọ luật nghi.

7. Nói xả luật nghi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Có mười một loại tướng, rộng nói hiển thị tuyên thông phân biệt. Đó là Ma-đức-lặc-già.

Thế nào là mười một loại tướng?

1. Đẳng tướng.

2. Đệ nhất nghĩa tướng.

3. Pháp Bồ-đề phần phan duyên tướng.

4. Hành tướng.

5. Quả tướng.

6. Thần lực hiển thị tướng.

7. Tự tánh tướng.

8. Bỉ trì tướng.

9. Bỉ thuận pháp tướng.

10. Bỉ hoạn tướng.

11. Bỉ lợi tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đẳng tướng là nói việc người, nói việc vọng tưởng, nói tự tánh các pháp hoạt đang tạo ra nghiệp. Đệ nhất nghĩa tướng là nói bảy loại. Như duyên tướng là nói tất cả các việc cảnh giới trí tuệ.

Hành tướng là nói tám hạnh quán sát. Tám hạnh quán sát là những gì?

1. Đế.

2. Lập.

3. Quá.

4. Đức.

5. Thông.

6. Sinh.

7. Thành.

8. Lược quảng.

Đế là như.

Lập là tạo dựng chúng sinh… hoặc tạo dựng tự tánh vọng tưởng hoặc tạo dựng hướng đến thưa hỏi, đối đáp, phân biệt, hoặc tạo dựng giấu kín, hiện rõ, ghi nói.

Quá là ta đối với vô lượng nhân duyên, nói pháp phiền não lỗi lầm.

Đức là ta đối với vô lượng nhân duyên, nói phước lợi thanh tịnh.

Thông là có sáu loại:

1. Thông suốt nghĩa chân thật.

2. Được thông suốt.

3. Nói thông suốt.

4. Thông suốt lìa nhị biên.

5. Thông suốt không thể nghĩ bàn.

6. Ý thông suốt.

Sinh là vì tướng ba thiền, ba hữu và bốn nhân duyên.

Thành là có bốn loại:

1. Có thành tựu

2. Được thông suốt.

3. Hỗ trợ thành.

4. Pháp thành.

Nếu nhân hoặc duyên và các hành khởi lên, tùy theo đó mà nói, thì gọi là có thành tựu; nếu nhân nếu duyên các pháp; hoặc đắc hoặc thành; nếu đã khởi, đã tác thì gọi là thành tựu; nếu nhân, nếu duyên, hoặc tông, hoặc thuyết; hoặc thọ, hoặc nghĩa, mà thành tựu, mà hiểu biết.

Lại lược nói có hai loại:

1. Sạch.

2. Không sạch.

Sạch có năm loại tướng, không sạch có bảy loại tướng.

Những gì là năm thứ tướng tịnh?

1. Hiện tiền được tướng ấy.

2. Nương theo Hiện tiền được tướng.

3. Tự chủng tỷ tướng.

4. Thành tựu tướng.

5. Khoái tịnh ngữ thuyết tướng.

Tất cả hành là vô thường, tất cả hành là khổ, tất cả pháp là vô ngã. Nếu Hiện tiền ở thế gian được bình đẳng như thế, thì gọi là Hiện tiền đắc tướng.

Tất cả hành sát-na nên có thế giới khác và nghiệp sạch, không sạch đều không hoại; hoặc nơi hiện thấy cái thô của vô thường mà được; hoặc nương hiện thấy của các loài chúng sinh và các loại nghiệp mà được; hoặc nương nơi đang thấy nghiệp của chúng sinh khổ vui, sạch, không sạch mà được; lấy đó mà so sánh lại được không hiện tiền. Như vậy gọi là nương nơi hiện tiền mà được tướng.

Hoặc các hành trong ngoài, tất cả duyên khởi sống chết của thế giới, so sánh nỗi khổ mà được như vậy. Sự so sánh đó không phải tự tại mà được. Như vậy, so sánh sự thành, bại duyên khởi ở ngoài thế gian mà được. So sánh như thế, bình đẳng như thế, thì gọi là Tự chủng tỷ tướng.

Hiện tiền đắc tướng ấy là nương nơi hiện tiền mà đắc tướng; Tự chủng tỷ tướng, tạo một hướng thẳng đến Thành tướng rồi.

Nên biết, tướng này nếu diễn giảng rộng đó là điều nên nói của Nhất thiết trí, nghĩa là Niết-bàn vắng lặng, bình đẳng như vậy, gọi là Khoái tịnh ngữ thuyết tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vì thế nên quán năm tướng thành tựu thanh tịnh này và vì thanh tịnh nên phải tu tập.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tướng Nhất thiết trí có bao nhiêu loại?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Có năm loại:

1. Danh văn của bậc Nhất thiết trí vượt hẳn thế gian.

2. Thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân.

3. Dùng mười Lực nhất định cắt đứt lưới nghi của tất cả chúng sinh.

4. Nói pháp bốn Vô úy, tất cả luận nghị của ngoại đạo, không thể tra hỏi, không thể khuất phục.

5. Biết pháp luật ấy, có tám Thánh đạo, bốn quả Sa-môn. Phải biết năm hạnh này là tướng Nhất thiết trí.

Nếu hỗ trợ thành tựu hiện tiền lượng, tỷ lượng, tín ngôn lượng như vậy, thì gọi là năm loại tướng khoái tịnh.

Bảy loại tướng là những gì?

1. Tướng khác này giống như đắc tướng.

2. Không tướng này giống như đắc tướng.

3. Tướng Nhất thiết trí giống như đắc tướng.

4. Không tướng Nhất thiết trí giống như đắc tướng.

5. Dị tướng dị sinh tỷ.

6. Tướng bất thành.

7. Tướng nói năng bất tịnh.

Nếu tất cả pháp, ý, ý thức gọi là tướng Nhất thiết trí giống như đắc tướng.

Nếu hình thể, tự tánh, nghiệp, pháp nhân quả, dị tướng, mỗi mỗi gọi là dị tướng, mỗi mỗi dị tướng quyết định thì gọi là Nhất thiết bất tướng giống như đắc tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Có thể so sánh tướng Nhất thiết khác giống như đắc tướng, Nhất thiết bất tướng giống như tướng. Vì tướng ấy thành tựu không phải là một, nên gọi là tướng bất thành.

Lại nữa, có thể so sánh bất tướng khác giống như đắc tướng, có tướng Nhất thiết giống như tướng, vì tướng ấy thành tựu không phải một, nên gọi là tướng bất thành. Bất thành là quán thanh tịnh không thành tựu. Không thanh tịnh cho nên không được gần gũi tu tập. Tướng nói năng không sạch; nên biết tánh ấy cũng không sạch trong. Nếu Như Lai xuất hiện ở đời, hay không xuất hiện ở đời, thì pháp trụ, trụ pháp giới, như thế gọi là pháp hành.

Lược giảng là nói tổng quát một câu pháp, dần dần khai triển rộng ra, phân biệt giải nói cho đến rốt ráo. Nếu có thực hành, có phan duyên, nhất định ta nói pháp Bồ-đề phần, Niệm xứ… gọi là tướng tự tánh. Đạo của thế gian và xuất thế gian cùng cắt đứt các phiền não, chiêu cảm dẫn dắt quả công đức thế gian và xuất thế gian, gọi là đắc quả tướng. Nếu biết trí ấy giải thoát, rộng vì chúng sinh giảng nói, chỉ bày rõ ràng gọi là tướng thần lực hiển thị. Tu pháp Bồ-đề phần mà chống trái, cấu nhiễm nơi đạo như vậy, gọi là tướng chướng ngại pháp. Được nhiều lợi ích gọi là tướng tùy

thuận pháp. Nếu chướng ngại lỗi thì gọi là tướng lỗi lầm. Nếu tùy thuận công đức thì gọi là tướng lợi ích.

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì chúng Bồ-tát, mà nói sơ lược nghĩa thọ trì của Tu-đa-la, Tỳ-ni, Ma-đức-lặc-già; khiến cho chư Bồ-tát cùng tất cả các ngoại đạo, đối với pháp nhiệm mầu mà Như Lai đã nói, sẽ lần lượt tùy thuận nhập vào.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu pháp cấu nhiễm, nếu pháp thanh tịnh; thì ta nói tất cả pháp là vô tác vô nhân, tất cả không có chỗ nắm bắt; chẳng phải pháp cấu nhiễm, thì trước cấu nhiễm, sau thanh tịnh; chẳng phải pháp thanh tịnh, là sau thanh tịnh, trước thì cấu nhiễm. Phàm phu ngu si, đối với tội lỗi nơi thân, hoặc nơi pháp hoặc nơi nhân, cố chấp vào tự tánh, vọng thấy nhân duyên mà nói rằng: "Đây là ngã, đây là ngã, đã thấy, nghe, ngửi, nếm và xúc chạm với thức tướng, vọng tác, tịnh, uế, mà khởi lên tà hạnh." Nếu có người biết như thật, liền lìa bỏ lỗi nơi thân, tất cả phiền não còn không thể nhiễm, được rốt ráo khoái tịnh, lìa mọi giả dối, được thân vô vi, lìa hẳn các hành.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nên biết đó là lược nói nghĩa thọ trì.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này, liền nói kệ tụng:

Pháp cấu nhiễm, thanh tịnh
Vô tác cũng vô nhân
Ta nói không nắm bắt
Sạch, nhơ không trước sau
Ngu si lỗi nơi thân
Chấp ngã và ngã sở
Duyên kia khởi kiến chấp
Ngã là ngã sở tác
Đây là ngã phiền não
Đây là ngã thanh tịnh
Biết chân thật như thế
Quyết bỏ thân lỗi lầm
Không dính mắc phiền não
Rốt ráo được thanh tịnh
Lìa hẳn mọi giả dối
Thân được trụ vô vi

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tâm của Như Lai khởi lên có tướng gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không khởi tâm, ý, ý thức; Như Lai không khởi tâm hành; nên biết như là biến hóa. Nếu Pháp thân của các Đức Như Lai lìa tất cả hành, vì sao trong khoảng giữa không khởi tâm hành?

Này Văn-thù-sư-lợi! Sự tu hành vốn đã khởi lên trí tuệ.

Ví như người chẳng phải vô tâm mà ngủ, lại tác giác hành; tất nhiên có giác vốn là nhờ năng lực của tác hành. Giống như chẳng phải nhập Diệt thọ tưởng định, mà tác giác hành; tất nhiên có khởi vốn là nhờ vào sức tác hành. Ngủ và diệt thọ tưởng định, tâm khởi lên như vậy; Như Lai tâm khởi cũng lại như vậy; vì sự khởi lên vốn là việc tu tập trí tuệ.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thân của Như Lai là có tâm hay không có tâm?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Không tâm, tâm không tự tại mới là đại tự tại.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hành xứ của Như Lai, cảnh giới của Như Lai có gì sai khác?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Hành xứ của Như Lai cho đến hết thảy Như Lai cộng lại, là không thể nghĩ bàn, vì đó là công đức trang nghiêm thanh tịnh của các cõi Phật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cảnh giới của Như Lai có năm loại:

1. Cảnh giới của tất cả loài chúng sinh.

2. Cảnh giới thế gian.

3. Cảnh giới của pháp.

4. Cảnh giới của sự điều phục.

5. Cảnh giới của phương tiện điều phục.

Đó là sai khác.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai từ lúc thành Chánh giác và chuyển bánh xe pháp, cho đến đại Bát-niết-bàn, có những tướng gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Không có hai tướng: Không thành Chánh giác và chẳng phải không thành Chánh giác; chẳng phải chuyển xe pháp và chẳng phải không chuyển bánh xe pháp; không đại Bát-niết-bàn và chẳng phải không đại Bát-niết-

bàn. Pháp thân rốt ráo thanh tịnh như vậy, đều từ Hóa thân mà hiện ra.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Là Hóa thân, thì làm sao chúng sinh thấy, nghe, cúng dường để có được công đức?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Phan duyên vào tịnh tâm của Như Lai. Hóa thân là do Đức Như Lai hóa hiện, nên có hành bát Niết-bàn.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đồng hữu vô hành. Vì sao? Vì Pháp thân của Như Lai, vì chúng sinh có thể phóng ra ánh sáng trí tuệ rộng khắp và phóng ra vô lượng hình tượng biến hóa, mà thân giải thoát của Thanh văn, Duyên giác chẳng thể nào có được?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như mặt trời, mặt trăng, lửa, nước, pha-lê, châu báu đều là vô hành, mà lại phát ra ánh sánh, chiếu khắp chúng sinh. Chúng sinh cũng có đại oai công đức, chúng sinh cũng có tăng thượng nghiệp; còn pha-lê trong suốt ấy thì hiện ra các màu sắc hình tượng, sẽ phan duyên với vô lượng pháp giới như vậy, tu tập phương tiện trí tuệ thì được thiện trị. Vì Pháp thân Như Lai phóng ra ánh sáng trí tuệ và biến hóa ra những sắc tượng, chẳng phải là thân giải thoát.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đã nói Thần lực của Như Lai, khiến người ở cõi Dục tự thân đầy đủ. Dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, nhà đại tánh, trời ở cõi Dục, tự thân đầy đủ tất cả. Trời ở cõi Sắc tự thân đầy đủ tất cả. Trời ở cõi Vô sắc tự thân đầy đủ tất cả. Nói như vậy có nghĩa gì?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Thần lực của Như Lai tạo dựng hoặc đạo hoặc dấu vết, khiến cho khắp tất cả mọi nơi được tự thân đầy đủ tất cả. Nghĩa là đối với đạo, với dấu vết đó, tùy theo sở thuyết tu hành; khắp mọi nơi kia, được tự thân đầy đủ tất cả. Nếu chống trái chê trách, hủy hoại đạo đó, dấu vết đó; và đối với ngã sở lại khởi lên tâm sân giận não hại; thì khi chết, khắp mọi nơi thân, bị những điều hạ liệt. Thế nên, này Văn-thù-sư-lợi! Nên biết, không những nhờ thần lực của Như Lai tạo dựng được tự thân đầy đủ, mà còn do nơi ở Đức Như Lai. Nếu khởi lên tâm giận dữ não hại, thì thân bị hạ liệt.

Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cõi Phật bất tịnh, như thế nào là khó được, dễ được? Cõi Phật thanh tịnh, như thế nào là khó được, dễ được?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Cõi Phật bất tịnh có tám việc dễ được, hai việc khó được.

Đó là ngoại đạo, chúng sinh bần cùng, sinh vào nhà hạ tánh, đầy đủ hay không đầy đủ, hoại hành các ác hạnh, phạm giới, nẻo ác, thực hành phương tiện mong cầu thấp hèn. Bồ-tát gọi đó là tám việc dễ được.

Thực hành phương tiện mong cầu thù thắng. Bồ-tát và Như Lai xuất hiện ở đời. Đó là hai việc khó được.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cõi Phật thanh tịnh cùng với cõi Phật bất tịnh trái nhau; ở đấy có tám việc khó được và hai việc dễ được.

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trong kinh Tương Tục Giải Thoát thì kinh này tên là gì và phụng hành như thế nào?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Kinh này tên là Như Lai Sở Tác Tùy Thuận Liễu Nghĩa, nên như vầy mà phụng hành.

Khi Đức Phật nói kinh Như Lai Sở Tác Tùy Thuận Xứ Liễu Nghĩa có bảy vạn năm ngàn Bồ-tát đạt được Tam-muội, phân biệt đầy đủ Pháp thân.

-oOo-

SỐ 680

KINH PHẬT ĐỊA

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.

Tôi nghe như vầy:

Có một thời, Đức Thế Tôn trụ nơi tối thắng quang diệu bảy báu trang nghiêm, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả vô biên thế giới; ánh sáng đẹp đẽ mầu nhiệm, xen kẽ lẫn nhau, trùm khắp không có ranh giới. Ánh sáng ấy khó lường, vượt cả mọi chỗ sở hành trong ba cõi; trội hơn mọi căn lành khởi lên của xuất thế gian; hết sức tự tại, lấy tịnh thức làm tướng. Là nơi Như Lai ở, là nơi hội họp của các chúng Đại Bồ-tát; là nơi mà vô lượng các hàng trời, rồng, người, phi nhân luôn được giúp đỡ để nương theo; là nơi nắm giữ pháp vị vui thích rộng lớn, làm mọi nghĩa lợi cho các chúng sinh, diệt mọi phiền não tai ương trói buộc, xa lìa các ma, vượt hẳn mọi trang nghiêm; là nơi nương tựa trang nghiêm của Như Lai; đại "niệm, tuệ, hành" được làm đường đi; đại "chỉ, diệu, quán" được làm cổ xe; đại "Không, Vô tướng, Vô nguyện giải thoát" được làm cửa vào; là nơi được trang nghiêm bởi vô lượng công đức; là nơi được tạo dựng bởi các đại bảo hoa vương. Khi ấy, trong cung điện lớn, Đức Thế Tôn là Bậc Giác Vương rất là trong sáng, hiện hành bất nhị đến tận pháp vô tướng, trụ nơi Phật trụ, đạt tánh bình đẳng của tất cả Phật, đã đến chỗ không bị chướng ngại, không thể chuyển pháp, việc làm không bị ngăn ngại. Những gì được thành lập là không thể nghĩ bàn, dạo ở ba cõi bằng Pháp tánh bình đẳng. Thân Phật trải khắp tất cả thế giới; mà với tất cả pháp, trí đều không bị ngưng trệ, đối với tất cả hạnh đều thành tựu đại giác, đối với các pháp trí không có nghi hoặc. Những thân hiện ra là không thể phân biệt, tất cả Bồ-tát lấy đó làm chỗ mong cầu chân chánh, để được vô nhị của Phật, trụ nơi bờ giải thoát thù thắng không có tạp nhiễm xen giữa. Như Lai cởi mở diệu trí rốt ráo, chứng vô trung biên Phật địa bình đẳng, cùng khắp thế giới, cùng tận tánh hư không, cùng tận ngằn mé vị lai.

Cùng với Đức Thế Tôn, có đầy đủ vô lượng chúng đại Thanh văn.

Tất cả những vị này đều tùy thuận, là những Phật tử, tâm lành giải thoát, tuệ lành giải thoát, giới lành giải thoát, rất mong tìm cầu pháp lạc đa văn để nghe và giữ. Văn ấy chứa nhóm khéo nghĩ những điều cần nghĩ, khéo nói những điều cần nói, khéo làm những điều cần làm, thành tựu đủ các tuệ báu như tập tuệ, tốc tuệ, lợi tuệ, xuất tuệ, thắng quyết trạch tuệ, đại tuệ, quảng tuệ và vô đẳng tuệ; đầy đủ ba minh, đã đạt được hiện pháp lạc thứ nhất, trụ nơi ruộng phước thanh tịnh lớn, thành tựu không giảm, oai nghi vắng lặng, đại nhẫn nhu hòa, đã phụng thờ và thực hành một cách khéo léo, Thánh giáo của Như Lai. Lại có vô lượng chúng Đại Bồ-tát, từ các cõi Phật khác, cùng nhau đến tập họp. Đều là những vị trụ vào Đại thừa, thực hành theo pháp Đại thừa, tâm bình đẳng với mọi chúng sinh, lìa các phân biệt và không phân biệt hết mọi phân biệt, phá tan các ma oán, xa lìa tất cả nhớ nghĩ ràng buộc, phân biệt của hàng Thanh văn, Duyên giác, vui thích gìn giữ pháp vị rộng lớn, vượt thoát năm sợ hãi, chỉ hướng vào địa vị không thoái chuyển, chấm dứt mọi sự bức bách của khổ não ở địa vị chúng sinh, đã xuất hiện ở trước Đức Thế Tôn. Trong chúng Bồ-tát này, Bồ-tát Diệu Sinh làm người đứng đầu.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với Bồ-tát Diệu Sinh:

–Này Diệu Sinh! Nên biết, có năm loại pháp nhiếp thu địa đại giác. Đó là thanh tịnh pháp giới, Đại viên cảnh trí, Bình đẳng tánh trí, Diệu quán sát trí và Thành sở tác trí.

Diệu Sinh nên biết! Thanh tịnh pháp giới giống như hư không, tuy bên trong biến đủ mọi tướng của các màu sắc, nhưng không thể nói là nó có mọi tướng, thể của nó chỉ có một vị. Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai, tuy cũng biến trong hết thảy mọi loại tướng, mọi cảnh giới sở tri; nhưng không thể nói là có hết thảy mọi tướng; thể của nó chỉ một vị.

Lại như hư không, do có khắp trong các sắc, không cùng xa lìa rời bỏ; nhưng không vì sắc mà bị ố nhiễm bởi lỗi lầm. Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai, tuy biến (khắp trong) tâm tánh của tất cả chúng sinh; do chân thật, không cùng rời bỏ xa lìa, nhưng không vì đó mà bị ố nhiễm bởi lỗi lầm.

Lại như hư không bao hàm, dung chứa hết thảy nghiệp về thân, miệng, ý, nhưng hư không đấy, không có sự khởi tác. Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai, bao hàm dung chứa những việc, do biến hóa làm lợi ích cho chúng sinh của Nhất thiết trí; nhưng pháp giới thanh tịnh ấy không có sự khởi tác.

Lại như ở trong không trung, đủ mọi tướng màu sắc hiện sinh hiện

diệt; nhưng hư không này thì không sinh không diệt. Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai, có các việc do biến hóa, làm lợi ích cho chúng sinh của các trí hiện sinh hiện diệt; nhưng pháp giới thanh tịnh này, không sinh không diệt.

Lại như mọi sắc tướng trong hư không, hiện tăng hiện giảm; nhưng hư không này thì không tăng, không giảm. Như vậy, Thánh giáo cam lộ được hiển thị trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai có tăng có giảm; nhưng pháp giới thanh tịnh thì không có sự tăng giảm.

Lại như sắc tướng ở mười phương, trong hư không thì vô biên, vô tận, cõi hư không này cũng vô biên, vô tận; nhưng hư không vẫn là không đi, không đến, không lay động, không chuyển dời. Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai, mọi tác dụng của việc xây dựng lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh trong mười phương vô biên, vô tận, vì pháp giới thanh tịnh cũng vô biên vô tận; nhưng pháp giới thanh tịnh này, vẫn không đi, không đến, không lay động, không chuyển dời.

Lại như tam thiên thế giới trong hư không, đang mất, đang thành, nhưng cõi hư không thì không mất, không thành. Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai đang có vô lượng tướng thành Đẳng Chánh Giác, hoặc lại thị hiện nhập đại Niết-bàn; nhưng pháp giới thanh tịnh, chẳng thành Đẳng chánh giác, chẳng nhập vắng lặng. Lại như dựa vào mọi sắc tướng trong hư không như hư, mục, khô, dòn biến khác, để có thể nắm bắt được; nhưng cõi hư không chẳng phải thay đổi kia, cũng không khó nhọc. Như vậy, dựa vào cõi tịnh của Như Lai, cõi của chúng sinh, đối với mọi học xứ, thân, khẩu, ý nghiệp hủy phạm có thể nắm bắt được, nhưng pháp giới thanh tịnh chẳng phải đổi khác kia, cũng không lao tệ. Lại như dựa vào mặt đất, núi lớn trong hư không; ánh sáng của nước, lửa, của Đế Thích cùng các quyến thuộc, cho đến ánh sáng của mặt trời, mặt trăng; mọi ánh sáng đó, đều có thể nắm bắt được; nhưng cõi hư không, chẳng phải là các tướng đó. Như vậy, dựa vào cõi tịnh Như Lai, thì có thể nắm bắt được giới uẩn; định uẩn; tuệ uẩn; giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn; nhưng pháp giới tịnh ấy chẳng phải là các tướng đó.

Lại như trong hư không, mọi nhân duyên lần lượt thay nhau sinh khởi, tam thiên đại thiên vô lượng thế giới xoay vòng có thể nắm bắt được; nhưng cõi hư không thì vô sở khởi tác. Như vậy, trong pháp giới tịnh của Như Lai, đủ vô lượng các tướng chúng hội của Phật xoay vòng có thể nắm bắt được; nhưng pháp giới tịnh ấy thì vô sở khởi tác.

Lại nữa, này Diệu Sinh! Đại viên kính trí như là dựa vào các hình

ảnh, hiện tướng, hiện trong gương tròn. Như vậy, dựa vào kính trí của Như Lai, thì mọi ảnh tượng, ở mọi nơi, đều hiện trong cảnh thức. Lấy gương tròn làm thí dụ, nên biết, giữa gương tròn và kính trí Như Lai, bình đẳng như nhau. Do đó, trí kính còn gọi là viên kính trí.

Như tấm gương tròn lớn, không bị lay động bởi có người ưa phước đức, treo gương nơi chỗ cao đẹp, để vô lượng chúng sinh, có điều kiện qua lại, đối với nó mà quan sát kỹ việc được mất của tự thân, để rồi muốn giữ cái được, bỏ cái mất. Như vậy, treo viên kính trí của Như Lai, ở nơi pháp giới thanh tịnh, không bị gián đoạn, nên cũng không bị dao động. Sở dĩ muốn khiến cho vô lượng, vô số chúng sinh quán sát nhiễm tịnh, cũng vì muốn lưu giữ cái tịnh, mà bỏ cái nhiễm.

Lại như tấm gương tròn, hết sức tốt như ngọc đã được mài giũa, gương sạch không nhơ, ánh sáng sẽ chiếu khắp. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai ở trên trí của Phật hoàn toàn lìa khỏi mọi cấu bẩn của hết thảy phiền não đã biết là chướng ngại, hết sức tốt như ngọc đã được mài giũa vì dựa vào mà định ra, bởi có sự nhiếp trì, nên gương sạch không nhơ, làm các việc lợi lạc cho chúng sinh; ánh sáng sẽ chiếu khắp.

Lại như tấm gương tròn, bản chất dựa vào duyên, có đủ các ảnh tượng, tướng mạo sinh khởi. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai, vì dựa vào các duyên ở bất cứ lúc nào, nên có đủ mọi trí, ảnh, tướng mạo sinh khởi.

Như trong gương tròn có rất nhiều các ảnh tượng khởi lên, chớ chẳng phải một; nhưng trên gương tròn không có các ảnh tượng, mà gương tròn này thì không động không tác. Như vậy, ở trên viên kính trí của Như Lai, có rất nhiều trí ảnh khởi lên, chớ chẳng phải một; nhưng trên viên kính trí không có các trí ảnh, mà kính trí này thì không động, không tác.

Lại như gương tròn cùng với các ảnh tượng, chẳng phải hợp, chẳng phải lìa; không có sự nhóm họp để hiện ra duyên ấy. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai cùng các trí ảnh, chẳng hợp chẳng lìa, không nhóm họp, không tán mất.

Lại như gương tròn trong suốt đều khắp, tất cả mọi ảnh tượng, ở khắp mọi nơi, dựa vào bề mặt mà khởi lên. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai không cắt đứt vô lượng mọi hành động sáng rỡ, vì các trí ảnh dựa vào duyên mà khởi lên khắp. Nghĩa là, các trí ảnh tượng của hàng Thanh văn thừa, các trí ảnh tượng của Duyên giác thừa, các trí ảnh tượng của vô thượng Đại thừa; vì muốn khiến cho những người thuộc Thanh văn, phải dựa vào Thanh văn thừa mà lìa khỏi; người thuộc Duyên giác phải dựa vào

Duyên giác thừa mà lìa khỏi; người thuộc Đại thừa phải dựa vào vô thượng thừa mà lìa khỏi.

Như trong gương tròn, các ảnh tượng lớn có thể hiện được. Đó là các ảnh tượng như mặt đất, núi lớn, cây to, nhà cửa, cung điện lớn, nhưng gương tròn này, không bằng lượng ấy. Như vậy, trong Đại viên kính trí của Như Lai, từ Cực hỷ địa đến Phật địa, trí ảnh có thể nắm bắt được và cùng với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, trí ảnh có thể nắm bắt được. Tuy nhiên, viên kính trí chẳng phải phân lượng ấy. Lại như tấm gương tròn, chẳng phải nơi chướng chất ảnh tượng khởi duyên. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai, chẳng phải thuộc bạn ác, chẳng phải pháp bất chánh, chướng ngại chúng sinh trí ảnh khởi duyên. Nó chẳng phải loại đó.

Lại như tấm gương tròn, chẳng phải nơi ám chất ảnh tượng khởi duyên. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai, chẳng phải nơi ưa ghét chúng sinh ngu muội trí ảnh khởi duyên. Nó chẳng phải loại đó.

Lại như tấm gương tròn, chẳng phải nơi viễn chất ảnh tượng khởi duyên. Như vậy, Đại viên kính trí của Như Lai, chẳng phải nơi bất tịnh, cảm lấy cái nghiệp tối tăm, không tin chúng sinh trí ảnh khởi duyên. Nó chẳng phải loại đó.

Lại nữa, này Diệu Sinh! Bình đẳng tánh trí là do thành tựu mười tướng tròn đầy. Chứng đắc các tướng tăng thượng yêu thích, thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng; chứng đắc tất cả sự lãnh thọ duyên khởi; thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng. Chứng đắc sự xa lìa dị tướng phi tướng, thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng. Lòng đại từ cứu giúp rộng rãi; thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng. Lòng đại Bi không chờ đợi, thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng. Thị hiện tùy theo mọi điều vui thích của các chúng sinh; thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng. Tất cả chúng sinh cung kính lãnh thọ những gì được nói; thành tựu pháp tánh tròn đầy bình đẳng. Thế gian vắng lặng đều đồng một vị; thành tựu pháp tánh bình đẳng tròn đầy. Các pháp khổ vui ở thế gian đều cùng một vị, pháp tánh bình đẳng, thành tựu tròn đầy. Tu tập gieo trồng vô lượng công đức rốt ráo, pháp tánh bình đẳng, thành tựu tròn đầy.

Lại nữa, này Diệu Sinh! Diệu quan sát trí ví như thế giới, nắm giữ cõi chúng sinh. Như vậy, Diệu quán sát trí của Như Lai, nắm giữ tất cả môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, biện thuyết vô ngại pháp vi diệu của chư Phật.

Lại như các chúng sinh trong thế giới, phát sinh tức khắc hết thảy mọi vô lượng nhân duyên tướng thức. Như vậy, Diệu quan sát trí của Như Lai, có khả năng phát khởi tức khắc mọi điều hiểu biết, diệu trí vô ngại, hết thảy

vô lượng nhân duyên tướng thức.

Lại như thế giới, có thể dạo chơi khắp những nơi đẹp đẽ như vườn, ao, rừng, rất là yêu thích. Như vậy, Diệu quan sát trí của Như Lai, có thể dạo khắp ở những nơi trang nghiêm trong pháp Ba-la-mật-đa, pháp Bồ-đề phần, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng của Phật, thật là ưa thích.

Lại như các bãi sông, các vầng nhật nguyệt, cõi trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến hóa, trời Tha hóa tự tại, Phạm thiên, ở trong thế giới... có màu sắc đẹp đẽ xen kẽ lẫn nhau. Như vậy, Diệu quán sát trí của Như Lai, biết nhân quả thạnh suy của thế gian và xuất thế gian; hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát chứng đắc một cách trọn vẹn, quán sát vẹn toàn màu sắc đẹp đẽ, xen kẽ lẫn nhau.

Lại như thế giới, vì các chúng sinh mà thọ dụng rộng lớn. Như vậy, Diệu quán sát trí của Như Lai, thị hiện tất cả chúng hội của chư Phật, làm mưa đại pháp, khiến cho chúng sinh thọ đại pháp lạc.

Như trong thế giới, năm nẻo có thể nắm bắt được. Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời. Như vậy, trong Diệu quán sát trí của Như Lai, vô biên nhân quả, sai khác trong năm nẻo, hiển hiện đầy đủ.

Như trong thế giới, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, có thể nắm bắt được. Như vậy, trong diệu quán sát trí của Như Lai, có vô biên nhân quả sai khác trong ba cõi, hiển hiện đầy đủ.

Như trong thế giới, Tô-mê-lô-đẳng, Đại Bảo Sơn vương hiển hiện, có thể nắm bắt được. Như vậy, trong Diệu quan sát trí của Như Lai, có thể nắm bắt được những oai thần được dẫn ra của chư Phật Bồ-tát, những giáo pháp rộng lớn sâu xa.

Như trong thế giới rộng lớn sâu xa, không thể khuynh động biển lớn có thể nắm bắt. Như vậy, trong Diệu quán sát trí của Như Lai, không bị đảo động bởi tất cả thiên ma, ngoại đạo, dị luận, pháp giới sâu xa, giáo pháp có thể nắm bắt được.

Lại như thế giới, từng dãy núi lớn nhỏ, bao vây xung quanh. Như vậy, Diệu quán sát trí của Như Lai, không mê muội, tất cả tự tướng đều có sự cộng tướng bao quanh.

Lại nữa, này Diệu Sinh! Thành sở tác trí như là khích lệ chúng sinh cố gắng tạo thân nghiệp; do đó, chúng sinh cố tìm cầu những công, những việc, quay theo những lợi lộc, trong các việc của nghề nông...

Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là cần thân hóa nghiệp; do vậy, Như Lai khéo léo dùng sức phương tiện, hiện ra đủ mọi công việc tốt

đẹp, ở khắp mọi nơi, thu phục những chúng sinh có tài năng mà cao ngạo; dẫn dắt họ, khiến họ nhập vào Thánh giáo, thành thục giải thoát. Lại như chúng sinh, vì thọ dụng thân nghiệp, do đó, chúng sinh thọ dụng mọi cảnh giới của sắc... Như vậy, thành sở tác trí của Như Lai, là thọ thân hóa nghiệp, vì thế, Như Lai sẽ tới những nơi các chúng sinh được sinh ra, hiện ra cùng loài sinh, nhưng ở địa vị được tôn trọng.

Do thị hiện đồng loại sinh ấy, nên thu phục được tất cả chúng sinh khác loại. Do khéo léo dùng sức phương tiện này, mà Như Lai đã dẫn dắt chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thục sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì lãnh thọ thân nghiệp, do đó chúng sinh phải lãnh thọ nghiệp quả thiện ác đã tạo ra. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là lãnh thân hóa nghiệp, vì thế, Như Lai sẽ hiện ra để lãnh thọ những bản sự, bản sinh, các hạnh khó tu hành. Rồi dùng sức phương tiện khéo léo này dẫn dắt, khiến cho chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thục sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì trau chuốt ngữ nghiệp, do đó, chúng sinh lần lượt cùng nhau đàm luận, cùng nhau khích lệ. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là Khánh ngữ hóa nghiệp. Vì thế, Như Lai sẽ tùy thuận mà diễn nói hết thảy pháp lạc, với văn nghĩa khéo léo mầu nhiệm, làm cho hàng chúng sinh ít trí mới nghe tin được. Nhờ khéo léo dùng sức phương tiện như vậy dẫn dắt, Như Lai đã khiến các chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thục sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì phương tiện ngữ nghiệp, do đó, chúng sinh lần lượt tạo nếp sinh hoạt: Chỉ bảo lẫn nhau, chuyên làm những việc khen cái tốt chê điều xấu ác. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là những phương tiện khởi lên ngữ biến hóa nghiệp; vì thế, Như Lai lập chánh học xứ, chê bai các việc buông thả, khen ngợi sự cẩn thận, rồi lại tạo dựng tùy, tín, hạnh, để mọi người tùy theo pháp mà thực hành. Do đã dùng sức phương tiện khéo léo, nên Như Lai đã dẫn dắt, khiến cho các chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thục sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì hiện dương ngữ nghiệp; do đó, chúng sinh phải lần lượt mở bày, giải thích, bàn bạc những điều chưa rõ nghĩa. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là biện ngữ hóa nghiệp; vì thế, Như Lai đoạn dứt vô lượng nghi hoặc cho các chúng sinh; rồi dùng sức phương tiện khéo léo dẫn dắt, khiến cho chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thục sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì quyết lựa chọn ý nghiệp; do đó, chúng sinh

quyết lựa chọn những gì nên làm và không nên làm.

Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là quyết ý hóa nghiệp; vì thế, Như Lai quyết lựa chọn cho được tám vạn bốn ngàn tâm hành sai biệt của chúng sinh; rồi dùng sức phương tiện khéo léo, dẫn dắt, khiến cho các chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thục sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì tạo tác ý nghiệp; do đó, chúng sinh phải làm ra phải khởi lên vô số nghiệp. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là tạo ý hóa nghiệp. Vì thế, Như Lai phải xem xét các hạnh trong mọi hành động của chúng sinh, những việc nên làm hay không nên làm, những việc hoặc được hoặc mất, để nắm giữ hoặc buông bỏ; rồi tạo ra cách thức để sửa trị. Dùng sức phương tiện khéo léo như vậy dẫn dắt, Như Lai đã khiến cho chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thục sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì phát khởi ý nghiệp; do đó, chúng sinh bắt đầu phát ra, tạo nên các nghiệp. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là phát ý hóa nghiệp. Vì thế, vì muốn tuyên nói pháp sửa trị ấy, Như Lai đã hiển hiện tên gọi, chữ nghĩa mà chúng sinh ưa thích; rồi dùng sức phương tiện khéo léo dẫn dắt, Như Lai đã khiến cho chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thục sự giải thoát.

Lại như chúng sinh, vì thọ lãnh ý nghiệp. Do đó, chúng sinh phải chịu thọ nhận những khổ vui. Như vậy, Thành sở tác trí của Như Lai là thọ ý hóa nghiệp. Vì thế, đối với định và không định, Như Lai đặt ra vấn đề thọ ký và không thọ ký; rồi theo sự thích ứng của riêng họ, mà nhận lãnh được các nghĩa quá khứ, hiện tại và vị lai. Như Lai dùng sức phương tiện khéo léo như vậy dẫn dắt, khiến cho các chúng sinh nhập vào Thánh giáo, thành thục sự giải thoát.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Diệu Sinh bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đối với pháp giới thanh tịnh, chỉ Như Lai thọ dụng hòa hợp nhất vị sự trí, còn các Bồ-tát cũng có thể như vậy?

Phật bảo Bồ-tát Diệu Sinh:

–Các Bồ-tát cũng có thể thọ dụng hòa hợp nhất vị sự trí.

Bồ-tát Diệu Sinh lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những gì mà Bồ-tát thọ dụng hòa hợp nhất vị sự trí?

Phật bảo Diệu Sinh:

–Bồ-tát chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn. Do trong pháp Vô sinh Bồ-tát ấy khi đắc được nhẫn giải, thì sửa trị được hai tưởng; do loại bỏ hai loại tưởng ta và người mà đạt được tâm bình đẳng. Từ đó trở lên, những tưởng

khác về ta và người của các Bồ-tát ấy, không còn hiện tiền, đó là thọ dụng hòa hợp nhất vị sự trí.

Bồ-tát Diệu Sinh lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Như Lai rộng nói thí dụ, để khiến cho các Bồ-tát thấu rõ nghĩa sâu xa, tùy nơi hóa duyên mà lưu truyền rộng khắp, khiến cho các chúng sinh nghe rồi sẽ mau hiểu rõ Vô sinh pháp nhẫn.

Phật bảo Diệu Sinh:

–Ví như cõi trời Tam thập tam chưa nhập vào tạp lâm, thì hoàn toàn không thể, đối với hoặc sự, hoặc thọ, vô ngã ngã sở mà hòa hợp thọ dụng được, nếu nhập vào tạp lâm, tức không phân biệt, tùy ý thọ dụng. Do tạp lâm này, có đức như vậy, có thể khiến các cõi trời nào nhập vào rừng này, thì các quả báo cõi trời hoặc sự, hoặc thọ, không có chỗ để suy nghĩ hòa hợp thọ dụng. Như vậy, nếu Bồ-tát chưa chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, trọn không thể đạt được tâm bình đẳng, xả bình đẳng và chẳng khác nào như tất cả các hàng Thanh văn, Duyên giác. Do có hai tưởng, Bồ-tát này không thể trụ, thọ dụng hòa hợp, nhất vị sự trí. Nếu đã chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, loại bỏ hai tưởng, đạt được tâm bình đẳng, thì hoàn toàn có sự khác biệt đối với các hàng Thanh văn, Duyên giác; do tâm bình đẳng, mà có thể trụ xả, thọ dụng hòa hợp, nhất vị sự trí.

Lại nữa, này Diệu Sinh! Ví như tất cả các dòng nước lớn nhỏ, khi chưa chảy vào biển lớn, thì mỗi dòng dựa theo hình dạng của dòng chảy mà nước có tăng giảm. Tùy theo lượng nước mà tạo ra mỗi dòng có sự khác nhau, phân chia thành dòng nhỏ, tùy theo đó mà có các loài thủy tộc sinh sống. Nếu nước đã chảy vào biển cả, thì không chia theo như cũ, nước không sai khác và lượng nước không hạn lượng, không tăng giảm, bản chất chỉ một mà thôi và dựa theo sự rộng lớn của nước, mà có các loài thủy tộc sinh sống. Như vậy, nếu Bồ-tát chưa nhập vào bể cả pháp giới thanh tịnh của Như Lai, tùy theo sự khác biệt nhau về trí khác về trí nhiều ít, mà có sự tăng giảm; tùy theo trí nghiệp ấy mà tạo ra sự khác biệt nhau, phân nhỏ ra làm chỗ nương dựa cho chúng sinh thành thục thiện căn. Nếu đã chứng nhập vào bể cả pháp giới thanh tịnh của Như Lai, thì không dựa theo như cũ, trí không sai khác, trí không hạn lượng, trí không có sự tăng giảm, thọ dụng hòa hợp nhất vị sự trí, làm chỗ nương tựa cho vô lượng chúng sinh thành thục thiện căn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Tất cả pháp Chân như
Hai chướng, tướng thanh tịnh

Pháp trí đó sở duyên
Tự tại, tướng vô tận.
Trí chân như biến khắp
Tu tập chứng đầy đủ
An lập chúng sinh nhi
Các giống, quả vô tận.
Thân ngữ và tâm hóa
Nghiệp phương tiện khéo léo
Định và môn Tổng trì
Vô biên đều thành tựu.
Pháp tự tánh thọ dụng
Biến hóa xoay chuyển khác
Như vậy tịnh pháp giới
Là điều chư Phật nói.

Lúc bấy giờ, thì Đức Thế Tôn đã nói xong kinh này. Sau khi nghe những lời Phật nói, tất cả đại chúng: Đại Bồ-tát Diệu Sinh... chư đại Thanh văn, cùng thế gian hàng Trời, Người, A-tố-lạc... đều hết sức vui mừng, tin tưởng, lãnh nhận tu hành.

-oOo-

SỐ 681

KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Địa-bà-ha-la, người nước Thiên Trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: HỘI MẬT NGHIÊM

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở cõi nước Mật nghiêm, ngoài các cõi Dục, Sắc, Vô sắc và Vô tưởng, chứng đắc lực thần thông, đối với các pháp tự tại vô ngại, chẳng phải là chỗ hoạt động của các ngoại đạo và hàng Nhị thừa, cùng với vô số Đại Bồ-tát ở mười ức cõi Phật, những vị hành giả tu tập thân cận, tất cả đều vượt khỏi cảnh giới của tâm, ý, thức, đạt được trí như ý, thân vượt khỏi sinh y, thành tựu Tam-muội Như huyễn Thủ-lăng-nghiêm pháp vân. Các vị Bồ-tát ấy tên Bồ-tát Tồi Dị Luận, Bồ-tát Đại Tuệ, Bồ-tát Như Thật Kiến, Bồ-tát Trì Tấn, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Thần Thông Vương, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Kim Cang Tạng. Những vị Đại Bồ-tát này đều là vị thượng thủ. Bấy giờ, Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác từ Tam-muội Tự chứng trí cảnh hiện pháp lạc trú thần thông biện tài hiện chúng sắc tượng, đứng dậy phát ra ánh sáng như điện chớp hình cầu vòng đẹp đẽ trang nghiêm rồi cùng với các vị Đại Bồ-tát vào trong điện Vô cấu nguyệt tạng, ngồi trên tòa Sư tử Mật nghiêm, các chúng Bồ-tát cũng đều theo ngồi, đại chúng đã ngồi ổn định. Lúc ấy, Đức Thế Tôn nhìn khắp bốn phương, từ giữa chặng mày phát ra ánh sáng hào quang thanh tịnh tên là Kế châu trang nghiêm, có vô lượng ánh sáng xung quanh giao hòa phản chiếu tạo thành lưới ánh sáng. Khi lưới ánh sáng này chiếu khắp thì tất cả cõi nước Phật đều có tướng trang nghiêm vi diệu giống như vi trần, cõi Phật Mật Nghiêm hơn tất cả các cõi Phật, không có mặt trăng, mặt trời và các ngôi sao, như tánh vô vi chẳng đồng như hạt bụi. Chư Phật và các vị Bồ-tát trong hội Mật nghiêm cùng nhiều vị từ khắp các cõi nước khác đến hội này đều như Hư không Niết-bàn và Phi trạch diệt vô vi. Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện khắp các cõi nước bằng công

đức thù thắng của Phật, Bồ-tát rồi lại dùng Phật nhãn nhìn khắp mười phương các chúng Bồ-tát, bảo với Bồ-tát Như Thật Kiến:

–Này Như Thật Kiến! Nay cõi nước này tên là Mật nghiêm, các Bồ-tát từ trong cõi các Sắc, Vô sắc, Vô tưởng dùng sức Tam-muội phát sinh lửa trí tuệ thiêu đốt sắc, thọ và vô minh, chuyển chỗ lệ thuộc mà đạt được Trí định, dùng lực thần thông của ý sinh thân mà tự trang nghiêm, không có chỗ hở, không có thể chất như hình ảnh của mặt trăng, mặt trời, luồng điện chớp, ngọc sáng màu vàng tía, pha lê, san hô, cây Chiêm-ba-ca, chim công, trăng hoa ở trong gương, nhờ Tam-muội tự tại trụ ở nơi các cõi hữu lậu thanh tịnh, đầy đủ Thập nguyện, Thập hồi hướng nên được thân vi diệu thù thắng đến đây.

Khi ấy, Bồ-tát Như Thật Kiến ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải quỳ gối chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay con có điều muốn hỏi, xin Đức Như Lai thương xót chấp nhận giảng nói cho con.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Ông cứ tùy ý hỏi, ta sẽ khai thị giảng nói cho ông.

Bồ-tát Như Thật Kiến liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ cõi Phật này là hơn cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, cõi Vô tưởng và cõi chúng sinh chăng?

Đức Phật đáp:

–Này Thiện nam! Ở phương trên cách đây hơn trăm ức cõi Phật có các cõi Phật Phạm Âm, cõi Phật Ta-la Thọ Vương, cõi Phật Tinh Tú Vương. Ngoài các cõi nước này, lại có vô lượng trăm ngàn cõi nước rộng lớn xinh đẹp với đủ loại trang nghiêm. Trong các cõi ấy, chư Phật đều vì các Bồ-tát mà nói pháp Hiện lạc trụ, tự chứng trí cảnh, xa lìa các phân biệt, đạt được cảnh giới Niết-bàn, chân như thật tế một cách hoàn toàn. Do đó nên biết ngoài cõi Phật này còn có vô lượng các cõi Phật như vậy.

Này Như Thật Kiến! Trong cõi Phật và hội chúng Bồ-tát này, chẳng phải chỉ có ông đang sinh tâm nghi ngờ muốn thưa hỏi Như Lai, còn có Bồ-tát tên là Trì Tấn cũng nghi ngờ. Vị ấy liền dùng thần thông bay lên phương trên vượt hơn trăm ngàn ức cho đến như hằng hà sa thế giới chư Phật nhưng cũng không thể một lần nhìn thấy được đỉnh đầu của Như Lai, tâm nên thán phục tưởng đến sự không thể nghĩ bàn của Phật, Bồ-tát rồi trở lại thế giới Ta-bà trong thành Xá-vệ, đến chỗ của ta sám hối tội lỗi rồi tán thán vô lượng chư Phật giống như hư không và trụ ở trong cảnh tự chứng, đến nước

Mật nghiêm.

Lúc ấy, trong chúng hội có Bồ-tát Kim Cang Tạng có thể khéo giảng nói về tướng của các cõi vi diệu, xác định rõ hết nguồn gốc, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bên phải, quỳ gối sát đất, chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đối với pháp của Đấng Như Lai Ứng Chánh Giác muốn thưa hỏi, xin Đức Phật Từ bi giảng nói cho con.

Đức Phật bảo Kim Cang Tạng:

–Ông có điều gì cứ hỏi, Như Lai sẽ tùy thuận theo tâm của ông mà khai thị giảng nói.

Được Đức Phật cho phép Bồ-tát Kim Cang Tạng liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật giác ngộ là nghĩa thế nào? Đã giác ngộ rồi sao lại thỉnh giảng nói pháp tánh để hiển bày cảnh giới Đệ nhất nghĩa. Trừ Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, những người đang tu hành còn thấy sắc tưởng và chấp theo luận thuyết ngoại đạo, vẫn còn khởi cảnh phân biệt nhiều hơn cả vi trần, tánh tự tại mới là như hư không, ngã, ý, căn, cảnh hòa hợp, những sự thấy như vậy lại có chấp thủ, vô minh, ái nghiệp, nhãn sắc và minh, bấy giờ lại có xúc và tác ý, các pháp này lại làm nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên hòa hợp sinh ra thức nhớ nghĩ hư vọng, rồi khởi các thứ luận bàn về có không. Ở trong pháp này, lại có những người đối với năm uẩn của chúng sinh rơi vào kiến chấp về tánh không. Vì để đoạn dứt sự biết phân biệt vọng tưởng như vậy, xin Thế Tôn nói về sự biết rõ xa lìa năm thức chúng con mới có thể đối với các pháp được tự tại, hiểu biết về nghĩa giác ngộ của Phật, làm cho những người nghe đều được giác ngộ như Phật, biết rõ năm thứ uẩn để chứng đắc quả vị chánh giác.

Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng:

–Lành thay! Lành thay! Này Kim Cang Tạng! Mười Địa tự tại vượt qua cảnh giới phân biệt, bậc có trí tuệ lớn có thể hiển bày. Chủng tánh Phật pháp là tối thượng, quý báu chẳng phải chỉ mình ông đối với ý nghĩa sự giác ngộ của Phật mà sinh tâm mong cầu muốn thưa hỏi ta còn có vô lượng Bồ-tát trong những Hiền kiếp do ý nghĩa này cũng khởi tâm mong cầu hiếm có, suy nghĩ đủ cách để hỏi Phật: Như Lai là nghĩa gì? Sắc là Như Lai chăng? Đối với uẩn, giới xứ và các hành cũng như vậy, trong ngoài mong cầu cũng không thấy được Như Lai, đây điều là những việc làm hoại diệt chánh pháp, dùng trí thiền định quán sát kỹ thậm chí phân tích nhỏ như hạt bụi đều không thể thấy được vì các uẩn thô xấu, còn Như Lai là Pháp thân thường trụ.

Lành thay! Thiện nam! Ông có thể vào sâu pháp giới, lắng nghe và khéo nhớ kỹ, ta sẽ nói rõ cho ông.

Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con xin vâng lời.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Tạng Kim Cang Tam-muội thù thắng tự tại, Như Lai chẳng phải uẩn cũng không khác uẩn, chẳng phải nương nơi uẩn, chẳng phải không nương nơi uẩn. Chẳng phải sinh, diệt, chẳng phải trí, chẳng phải không trí, chẳng phải căn, chẳng phải cảnh. Vì sao? Vì uẩn, giới, xứ các căn, cảnh đều là thô xấu, không thể trụ ở bên trong hay bên ngoài mà thấy được Như Lai.

Này thiện nam! Sắc không có giác tri, không có suy nghĩ, sinh rồi chắc chắn sẽ diệt giống như các loại cỏ cây, ngói đá, hạt bụi tụ hợp lại, như bọt nước. Thọ do hai pháp hòa hợp mà sinh giống như bong bóng nước như bình và vỏ. Tưởng cũng do hai nhân duyên hòa hợp mà sinh như sóng nắng. Ví như trời quá nắng, mặt đất bốc hơi nóng lên, ánh sáng mặt trời chiếu vào trông như sóng nước, những con ngựa vì quá khát, từ xa trông thấy tưởng là nước thật, tưởng cũng như vậy, không có thể tánh, hư vọng không thật. Người phân biệt thấy như có tánh, thể, tướng và tên gọi khác nhau. Người tu định thì quán như sừng thỏ, như con của Thạch nữ, chỉ là giả danh không có thật. Như trong mộng thấy sắc là chỉ do vọng tưởng mà thấy, tỉnh mộng liền chẳng có. Trong giấc mộng vô minh thấy có các thứ hình sắc nam nữ, lúc thành Chánh giác thì không còn thấy. Ví như cây chuối lột bỏ hết vỏ thì bên trong không có lõi, hành cũng như vậy, xa lìa thân và cảnh thì không có thể tánh. Thức như việc huyễn, giả dối không thật. Ví như ảo thuật gia hay đệ tử của ông ta dùng các thứ cỏ, cây… giả làm hình người, voi, ngựa đủ thứ hình hài đẹp đẽ, người ngu tham cầu tướng huyễn ấy, người trí sáng suốt thì không như vậy. Thức cũng như thế, nương nơi các thứ khác mà có sự phân biệt chỉ do năng thủ, sở thủ mà sinh ra. Nếu tự mình hiểu rõ thì diệt mất, do đó thức không có thực thể giống như việc huyễn.

Này Kim Cang Tạng! Như Lai thường trụ không biến đổi. Trong cảnh giới tu pháp quán hành nhớ nghĩ đến Phật gọi là Như Lai tạng. Giống như hư không, không thể hoại diệt, gọi là cảnh giới Niết-bàn, cũng gọi là pháp giới. Chư Phật Thế Tôn thuở quá khứ, hiện tại, vị lai cũng đều theo như đây mà tuyên thuyết. Như Lai xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời thì tánh này vẫn thường hằng gọi là pháp trụ tánh cũng gọi là pháp Ni-dạ-ma tánh.

Này Kim Cang Tạng! Thế nào gọi là Ni-dạ-ma? Điều ác đời sau nhờ đây mà xa lìa, lại Tam-muội này có thể quyết định diệt trừ các điều ác về sau, do nghĩa này nên gọi là Ni-dạ-ma. Nếu có người trụ trong Tam-muội này, đối với các chúng sinh tâm không còn vướng mắc thì chứng được thực tế Niết-bàn giống như thanh sắt nóng bỏ vào trong nước mát lạnh. Các Bồ-tát xả bỏ, không dừng lại nơi chỗ chứng đắc, thường vì chúng sinh mà làm lợi ích, không lìa tinh tấn, đại Bi và các Ba-la-mật, không đoạn giống Phật, không đi theo con đường của Nhị thừa, ngoại đạo. Như voi có sức mạnh lớn không bị lún vào bùn Tam-muội, tâm không đắm trước cảnh giới của thức, đối với pháp môn của Phật thường không thoái chuyển, dùng trí tuệ rốt ráo hội nhập vào Pháp thân của Phật, hiển bày oai đức rộng lớn của Như Lai, thành Bậc Chánh Giác, chuyển diệu pháp luân, trí dùng Bằng cảnh các sắc làm tư lương nhập vào định của Như Lai ở trong cảnh Niết-bàn, lần lượt tu hành vượt khỏi tám Địa, khéo dùng phương tiện tu tập đạt đến Địa thứ mười, nhờ oai đức rộng lớn của Như Lai trụ nơi cõi tự chứng của chư Phật cùng tương ứng với Tam-muội Vô công dụng đi khắp mười phương mà không rời khỏi chỗ cũ, thường nương cõi Phật Mật Nghiêm của Phật mà chuyển sinh y của mình. Thân bằng trí, định, ý, có sức thần thông tự tại đều được đầy đủ, ví như bóng trăng giữa không trung hiện khắp các dòng nước. Đức Phật cũng như vậy, hóa hiện thân hình khắp các thế gian tùy theo tâm ưa thích của chúng sinh làm cho người nhìn thấy đều được lợi ích, lại khiến họ đến cõi Mật nghiêm tùy theo căn tánh ưa thích dần dần khai thị giáo hóa, vì tất cả chúng sinh ở cõi Dục, cõi trời Tự tại và các Bồ-tát mà thuyết pháp, đem đến sự lợi ích an lạc cho các cõi, mười phương cõi Phật công đức trang nghiêm đến đời vị lai tùy theo căn cơ mà ứng hiện. Nhờ trì chú An-thiện-na dược mà ở chung với các vị thần cung điện Tiên linh và người nhưng họ không thể thấy được, Như Lai thị hiện biến hóa rồi lại trụ trong thân chân thật không hiện nữa, cũng như vậy.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Căn uẩn như đống rắn
Xúc cảnh giới làm duyên
Nghiệp si ái đã sinh
Không thoát được phiền não.
Tâm và các tâm sở
Lo nghĩ mãi không an
Giác quán bị quấn quanh
Như rồng bị quấn chặt.
Độc sân từ đây khởi

Như ngọn lửa cháy mạnh
Người tu pháp Quán hành
Là bỏ các pháp uẩn.
Nơi đây thường quán sát
Nhất tâm không biếng trễ
Ví như giữa hư không
Không cây mà có hình.
Đường gió cùng dấu chim
Thấy được đều rất khó
Năng tạo, pháp được tạo
Sắc cùng chẳng phải sắc.
Thấy Như Lai ở đó
Cũng đều khó như vậy
Các chân như thật tế
Và thể tánh chư Phật.
Chỗ thực hành tự chứng
Vượt các cảnh ngôn ngữ
Niết-bàn gọi là Phật
Phật cũng là Niết-bàn.
Lìa các tưởng phân biệt
Làm sao có thể thấy
Vàng vụn nơi quặng vàng
Trong quặng không thấy vàng.
Người trí khéo luyện nấu
Vàng rồng mới hiện ra
Nghiền nát hết các sắc
Cho đến thành bụi nhỏ.
Và phân chia các uẩn
Hoặc một hoặc tánh khác
Tánh Phật không thể thấy
Chẳng phải không có Phật.
Người định quán Như Lai
Đủ ba mươi hai tướng
Cùng những sự khổ vui
Thể hiện đều rõ ràng.
Vì thế không nên nói
Như Lai là không có
Phật Tam-muội nhất duyên

Phật Thiện Nhân, Thiện Căn.
Phật Nhất Thiết Thế Thắng
Và Phật Chánh Đẳng Giác
Năm vị Phật như vậy
Ngoài ra đều biến hóa.
Ba mươi hai tướng tốt
Như Lai tạng có đủ
Nên Phật chẳng phải không
Người định có thể thấy.
Vượt ra khỏi ba cõi
Vô lượng các nước Phật
Cõi Như Lai vi diệu
Thanh tịnh nhiều đệ tử.
Định, Tuệ cùng tương ưng
Thành tựu tánh kiên cố
Đến cõi nước Mật nghiêm
Tư duy oai đức Phật.
Người trong hội Mật nghiêm
Tất cả đồng như Phật
Vượt qua sát-na diệt
Thường ở trong Tam-muội.
Thế Tôn có định lớn
Trụ thiền định vắng lặng
Các tướng tốt công đức
Trong ngoài đều trang nghiêm.
Các thân Phật biến hóa
Từ cõi Đâu-suất xuống
Phật thường ở Mật nghiêm
Hiện thân từ cõi ấy.
Trụ chánh định chân thật
Tùy duyên hiện các hình
Như trăng giữa hư không
Bóng hiện khắp trong nước.
Như ảnh các viên ngọc
Hợp sắc nên mắt thấy
Như Lai trụ chánh định
Hiện thân cũng như vậy.
Ví như hình và tượng

Chẳng phải một, chẳng khác
Đấng Trượng Phu tối thắng
Thành tựu các sự nghiệp.
Chẳng phải tánh vi trần
Không thời, không tự tại
Cũng chẳng ngoài các duyên
Mà hiện ở thế gian.
Như Lai dùng tánh nhân
Trang nghiêm tự báo thân
Tùy cõi mà ứng hiện
Tất cả đều thấy rõ.
Tự tại nơi Tam-muội
Trong ngoài đều thể hiện
Sông, núi và rừng vắng
Bạn bè các quyến thuộc.
Mặt trời, trăng và sao
Ánh sáng hiện hình tượng
Như vậy, các thế gian
Bao hàm hết trong thân.
Đặt trong lòng bàn tay
Nhỏ bằng như hạt cải
Phật thiền định tự tại
Đấng Mâu-ni tối thắng.
Thế gian không thể làm
Chỉ do Phật biến hóa
Người vô trí mù tối
Chạy theo vọng phân biệt.
Chấp trước nơi hữu vô
Có ngã hoặc không ngã
Hoặc nói tất cả diệt
Hay chỉ diệt một phần.
Những người như thế ấy
Thường tự làm hại mình
Vì sao ở trong đây
Lại sinh các kiến chấp.
Phật ở khắp ba cõi
Bậc Đại Sư quán hành
Xem đời như thành Càn

Tạo tác ra các việc.
Cũng như sắc trong mộng
Loài vật khát tìm nước
Do các thứ gió nghiệp
Ràng buộc bị thoái lui.
Phật ở trong phương tiện
Thấy, biết đều tự tại
Ví như người thợ giỏi
Khéo điều khiển máy móc.
Cũng như người thuyền trưởng
Giữ lái mà chuyển động
Như Lai rất vi diệu
Tịch tĩnh không biên giới.
Vượt các căn chấp trước
Chứng đắc được tịnh căn
Người tu hành định này
Nương vào định vi diệu.
Tất cả người tu quán
Hiểu rõ chỗ trụ tâm
Tánh Phật rất thanh tịnh
Chẳng có cũng chẳng không.
Xa lìa các giới hạn
Không lệ thuộc căn trần
Tâm tương ưng diệu trí
Của cảnh giới tối thượng.
Biết tướng đều không tánh
Tức là thấy Như Lai
Phá các tâm phiền não
Chẳng chấp vào Tam-muội.
Trụ nơi đạo thanh tịnh
Tất cả chẳng nhiễm ô
Chư Thiên, Càn-thát-bà
Tu-la, Khẩn-na-la.
Tiên nhân và ngoại đạo
Tán thán và cúng dường
Nơi ấy không mê đắm
Và tạo nghiệp thế gian.
Trụ ở chỗ thanh tịnh

Khế hợp với diệu lý
Các trời, người nhìn thấy
Tạo tác của biến hóa.
Phật chẳng hiện đây, kia
Như mặt trời, mặt trăng
Trụ ở đạo viên mãn
Hiện trừ các cống cao.
Đối các phái ngoại đạo
Tùy nghi mà nhiếp phục
Vô số các pháp trí
Chủ luận bốn Vệ-đà.
Đều là các Như Lai
Nương sức định mà thuyết
Các quốc vương, vương thần
Cho đến chốn núi rừng.
Tất cả các phép tắc
Đều do Phật sinh ra
Mười phương các kho báu
Phát sinh ngọc thanh tịnh.
Là oai thần tự tại
Của Đấng Thiên Trung Thiên
Tất cả trong ba cõi
Có những người trí sáng.
Tạo vô số phương tiện
Nhờ Phật mà thành tựu
Hiện từ cõi Đâu-suất
Các thể nữ vây quanh.
Ca hát và đùa vui
Đêm ngày thường tụ tập
Hoặc như Kiên-lợi-chí
Cư sĩ Xá-lăng-ba.
Đoạn dứt và ra khỏi
Cảnh ràng buộc thế gian
Tuy ở tất cả chỗ
Hiện làm người trí sáng.
Trong trang nghiêm sâu kín
Tịch nhiên không lay động
Cảnh Mâu-ni lớn này

Kẻ ngu sinh phân biệt
Như người bệnh nhặm mắt
Giống bày thú khát nước
Quán thấy đời như huyễn
Như được ở trong mộng
Cảnh giới của Như Lai
Phật tử thấy chân thật
Người tu quán như vậy
Từ mê đến giác ngộ
Na-la cùng Y-xá
Phạm thiên, Bà-đán-na
Nan-đà, Cưu-ma-la
Cùng Kiếp-tỷ-thủ-ca
Chỗ thiền định quán xét
Nơi đây thường mê hoặc
Đời khứ, lai, hiện tại
Tất cả các Mâu-ni
Bị phiền não che tâm
Cũng chẳng thể thấy được
Lành thay Kim Cang Tạng
Đi khắp trong các cõi
Là nhờ oai thần Phật
Được ở cõi Mật nghiêm
Cảnh giới của ông đây
Ta nay vì ông nói
Hoặc có vọng phân biệt
Tánh thù thắng vi trần
Như người thợ tạo ra
Đủ hình tướng các vật
Sinh chỉ là pháp sinh
Diệt cũng là pháp diệt.
Vọng chấp tất cả vật
Chỗ tạo tác vi tế
Từ nhân rõ ở quả
Ví như đèn chiếu vật
Trước không được tướng vật
Đèn tắt rồi cũng vậy
Chẳng phải trong quá khứ

Có tánh nắm bắt được.
Vị lai cũng như vậy
Lìa duyên không có tánh
Mỗi mỗi duyên bên trong
Biến tìm không có thể
Không thấy tánh có, không
Cũng không thấy không có
Các uẩn như bình, vỏ
Vi tế mà phân biệt
Có ba trăm sáu mươi
Đại tà hoại đạo chánh
Qua lại trong sinh tử
Không có pháp Niết-bàn.

-oOo-

Phẩm 2: DIỆU THÂN SINH (Phần 1)

Bấy giờ, Bồ-tát Như Thật Kiến có oai lực lớn, tự tại trong thế gian, trên thân Bồ-tát pháp phục tốt đẹp trang nghiêm, đứng cách xa chỗ Phật, cúi mình chắp tay, nhất tâm, cung kính hướng đến Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, thưa:

–Tôn giả khéo thông đạt được trí cảnh hiện pháp lạc trú, đối với ba thừa thế gian tâm không còn chống trái, là bậc Thầy đại định, nơi định Tự tại có thể tùy thuận thuyết giảng tướng các cõi, thường ở trong tất cả các cõi nước Phật vì các bậc Thượng thủ diễn giải pháp Vi diệu thâm sâu, cho nên nay tôi xin thỉnh Tôn giả thuyết về cảnh chứng đắc bên trong Hiện pháp lạc trú của các Thánh nhân không theo hạnh người khác, khiến cho tôi và các Bồ-tát khác được thấy pháp đó, an lạc tu hành ở trong cõi Phật được ý sinh thân và ngôn thuyết thân, sức Thần thông tự tại đều được đầy đủ, chuyển sinh y của mình mà không dừng lại nơi quả vị chứng đắc, như các tia sáng của ngọc ma-ni hiện lên các hình sắc, nơi tất cả nước Phật thuyết hạnh Mật nghiêm.

Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bảo:

–Lành thay! Nhân giả! Có thể thỉnh ta thuyết pháp vô ngã để vào cõi Mật nghiêm.

Nhân giả! Trước nên hiểu rõ các cảnh phân biệt là tướng của tâm, ở

trong cảnh giới ấy, xả bỏ những sự phân biệt. Nhân chủ, thấy tất cả thế gian là phân biệt, thấy thể của thế gian tức ở nơi duyên mà được Tam-muội.

Nay tôi vì ông khai thị pháp đó. Nhân chủ nên lắng nghe. Bồ-tát nói kệ:

Tất cả các thế gian
Hư ảo như sóng nắng
Do các tướng không thật
Không mà lầm phân biệt.
Biết do đối tượng sinh
Đối tượng hiện do biết
Lìa một tức không hai
Như ánh sáng cùng ảnh.
Vô tâm cũng vô cảnh
Lượng và đối tượng lượng
Chỉ nương vào một tâm
Như vậy mà phân biệt.
Pháp biết và sự biết
Chỉ theo tâm vọng chấp
Nếu rõ sự biết không
Thì biết tức chẳng có.
Tâm là tự tánh pháp
Thân là chỗ cấu uế
Nhập vào Địa thứ tám
Từ đó được thanh tịnh.
Thiền định Địa thứ chín
Địa thứ mười giác ngộ
Nước pháp rưới vào đảnh
Thành tối thượng trong đời.
Pháp thân không có tận
Đây là cảnh giới Phật
Rốt ráo như hư không
Tâm thức cũng như vậy.
Không tận cũng không hoại
Dùng các đức trang nghiêm
Thường trụ chẳng nghĩ bàn
Các cõi Phật Mật nghiêm.
Ví như bình đã vỡ
Nhờ đó đất hiện rõ

Đất vỡ hiện ra bụi
Bụi phân ra cực vi.
Như vậy từ hữu lậu
Mà thành pháp vô lậu
Như lửa cháy hết củi
Lửa lại cháy chỗ khác.
Chuyển y lìa phân biệt
Chứng được trí bất động
Trong nước Phật Mật nghiêm
Như vậy mà thường hiện.
Không phẩm loại chúng sinh
Chớ trụ ở thế gian
Bỏ tất cả kiến chấp
Trở về với vô ngã.
Đoạn các tướng lưu chuyển
Không sinh cũng không diệt
Dứt hết các kiến chấp
Chứng được pháp vô ngã.
Các hoạn nạn đã hết
Tịnh trú không nghĩ bàn
Diệt hết các kiến chấp
Trở về với vô ngã.
Hết thảy pháp thế gian
Xưa nay tánh vô ngã
Chẳng do hoại thành không
Do ví dụ mới rõ.
Như lửa cháy củi hết
Tự ở trong đó diệt
Quán sát nơi ba cõi
Trí vô ngã cũng vậy.
Gọi là hiện pháp lạc
Cảnh trí của Thánh nhân
Nương đây vào các Địa
Diệt hết tội từ xưa.
Vượt lên khỏi thế gian
An trụ đạo xuất thế
Chuyển tâm thành thanh tịnh
Thường ở cõi Mật nghiêm.

Bấy giờ, Bồ-tát Như Thật Kiến và các Đại chúng đều thưa:

–Bồ-tát Kim Cang Tự Tại, chúng tôi đều muốn được quy y, nguyện xin chỉ bày pháp ấy.

Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói kệ:

Tánh Phật chẳng phải có
Chẳng phải không có Phật
Cây uẩn đã thiêu đốt
Quân ma đều thoái lui
Trú nơi cõi Như Lai
Nước vi diệu Mật nghiêm
Thấy rõ tịnh không cấu
Nhân chủ muốn quy y
Lìa xa các phân biệt
Chứng nơi không xứ sở
Chỗ các định Mật nghiêm
Nhân chủ muốn quy y
Cõi Mật nghiêm tối thắng
Chỗ nương các bậc Thánh
Hành giả quán đầy đủ
Trở về cõi Mật nghiêm.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng lại bảo Bồ-tát Như Thật Kiến:

–Nhân chủ! Muốn quán các trụ địa, những người tu pháp Quán hành quán tất cả thế gian như trong tượng vẽ có cao, thấp; như mộng thấy nữ sắc đoan trang; như người nữ đá bỗng mộng thấy mình sinh con; như những sinh hoạt trong thành Càn-thát-bà; như vòng lửa thành bánh xe; như tóc treo rũ giữa không trung; như người ảo thuật tạo ra hình ngựa, rừng cây, hoa quả; như bóng mây nổi; như ánh điện chớp đều là giả chẳng phải thật có, do sự phân biệt tạo thành giống như người thợ tạo ra đồ dùng.

Nhân chủ! Tập khí chúng sinh ở thế gian che mờ tâm tánh sinh ra các loại hý luận, ý cùng ý thức và các thức khác khiến cho năm pháp, ba tánh chuyển biến liên tục cùng tương ưng với hai thứ vô ngã; ví như dòng nước do gió thổi mà tạo nên các làn sóng, sóng khởi liên tục mà dòng nước chảy không ngừng. Thức A-lại-da ở trong thế gian cũng vậy. Tập khí vô thủy giống như dòng nước bị gió cảnh giới khuấy động, sinh ra những làn sóng thức liên tục không dứt.

Nhân chủ! Tâm này tuy thể tánh khác nhau mà thường duyên theo nhau dần dần sinh khởi, hoặc sinh khởi một lúc, khi tâm sinh chấp lấy các

cảnh giới cũng có sự nhanh chậm khác nhau như vậy. Như nhà cửa, các ngôi sao, chỗ quân trận, núi rừng, cây, nhánh lá, hoa quả những chỗ như vậy cùng một lúc chấp lấy nhiều thứ hoặc lần lượt từng thứ, nếu ở trong mộng thấy lại chuyện đã qua, hoặc nhớ lại thuở mới sinh ra đến lúc già chết và tính toán các vật, suy nghĩ các câu nghĩa, thấy các màu sắc đẹp lạ, cảm nhận ăn uống ngon, đối với cảnh giới này lần lượt biết rõ; hoặc có lúc chỉ một lúc biết rõ tất cả.

Nhân chủ! Tâm tánh vốn thanh tịnh không thể nghĩ bàn. Các tạng Như Lai vi diệu như vàng trong quặng, ý từ tâm sinh, sáu thức khác cũng vậy. Như thế nhiều pháp ở trong thế gian tạo ra sự khác nhau. Nhân chủ! Thức A-lại-da tuy có thể hòa hợp cùng các tâm pháp cho đến tất cả chủng tử nhiễm ô, thanh tịnh cùng dừng lại trụ nơi tánh thường sáng suốt; nên biết chủng tánh của Như Lai cũng vậy, dù phân biệt định hay bất định, thể tánh cũng thường thanh tịnh, nhu biển luôn yên lặng mà sóng thường chuyển động, lần lượt tu tập từng bước hạ, trung, thượng riêng biệt; xả bỏ các tạp nhiễm thì được sáng suốt.

Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng lại nói kệ:

Lành thay! Tuệ Như Thật!
Chánh pháp vi diệu này
Từ lúc ta vừa nghe
Tâm định đã khai ngộ.
Tất cả nước mười phương
Các đại chúng trong hội
Ông nên tùy thuận theo
Vì họ tuyên thuyết rộng.
Nếu người nghe thuyết rồi
A-lại-da thanh tịnh
Hoặc là được làm vua
Chuyển luân bốn thiên hạ.
Hiện làm trời Đế Thích
Đâu-suất, Tu-dạ-ma
Hoặc chủ trời cõi Dục
Đến cung trời Tự tại,
Hoặc làm chủ cõi Sắc
Sinh vào trời Vô sắc
Sinh trong cõi Vô tưởng
Hưởng hỷ lạc Thiền định,
Chứng chân thật không trụ

Ví như Sư tử hống
Tự tại trong các định
Nhờ tương ưng hỷ lạc
Nhất tâm cầu Mật nghiêm
Không đắm nhiễm ba cõi
Đến cõi Mật nghiêm rồi
Lần lượt mà khai ngộ
Chuyển y được an lạc
Thường an trú tịch tĩnh
Có vô lượng Phật tử
Vây quanh để trang nghiêm
Bậc pháp vương tự tại
Tối thượng ở trong chúng
Chẳng như ngoại đạo thuyết
Hoại diệt là Niết-bàn
Hoại nên đồng với có
Có chết lại sinh ra
Mười nghiệp thượng, trung, hạ
Vượt ra khỏi ba thừa
Sinh Mật nghiêm tối thượng
Siêng năng chuyển các Địa
Được trí tuệ giải thoát
Thân Như Lai vi diệu
Vì sao nói Niết-bàn
Đó là pháp hoại diệt
Nếu Niết-bàn hoại diệt
Chúng sinh có tận cùng
Chúng sinh nếu có cùng
Cũng có điểm khởi đầu
Nên pháp chẳng có sinh
Từ đầu làm chúng sinh
Chẳng không có chúng sinh
Mà sinh cõi chúng sinh
Cõi chúng sinh đã tận
Phật không đốt đuốc pháp
Thì không thể giác ngộ
Cũng không có Niết-bàn
Người vọng chấp giải thoát

Như hạt giống đã cháy
Đèn tắt và lửa hết
Nói tánh giải thoát đó
Là có hoại không thành
Xa lìa không thể chứng
Nơi giải thoát diệu lạc
Biến xứ và các thiền
Vô sắc vô tưởng định
Sức thần thông tự tại
Nghịch thuận mà ra vào
Ở đó không thoái lui
Thường không bị chìm đắm
Biết rõ các pháp tướng
Khéo đạt được các cõi
Như vậy mà trang nghiêm
Đến trụ nước Mật nghiêm
Nếu nói tánh giải thoát
Có hoại nhưng không thành
Người này trụ các cõi
Mãi mãi không thể ra
Phá hoại ba hòa hợp
Nhân nơi bốn thứ duyên
Mắt duyên sắc trong, ngoài
Hòa hợp sinh ra thức
Pháp thế gian trong, ngoài
Do sức mạnh tướng sinh
Như vậy với các nghĩa
Tất cả đều chống trái
Nếu biết chỉ thức hiện
Lìa tâm mới chứng được
Không sinh ra phân biệt
Cũng không trụ tánh đó
Lìa các duyên vin vào
Tâm thiền định tịch tĩnh
Bỏ kiến chấp thế gian
Năng chấp và sở chấp
Xa lìa chuyển y thô
Trí tuệ bất tư nghì

Mười thứ ý sinh thân
Tốt đẹp và trang nghiêm
Làm chủ của ba cõi
Đến cõi nước Mật nghiêm
Sắc tâm và tâm pháp
Bất tương ưng, vô vi
Trong ngoài các thế gian
Thật quán không riêng khác
Những người trí như vậy
Đến cõi nước Mật nghiêm
Danh tướng cùng phân biệt
Chánh trí và như như
Thiền định soi thấy rõ
Thể tánh đều bình đẳng
Vào cõi tịnh Mật nghiêm
Được chư Phật khen ngợi
Nếu hoại ba hòa hợp
Và nhờ bốn thứ duyên
Chính mình không vững chắc
Đồng các vọng phân biệt
Tập khí ác phân biệt
Bị năm thứ hý luận
Ví dụ không thành lập
Các nghĩa đều trái nghịch
Năm thứ phiền não loạn
Tuệ nhãn cùng vượt qua
Điên đảo không điên đảo
Pháp này không dị hoại
Xả bỏ đạo pháp mình
Nương theo đạo pháp khác
Các kiến chấp ban đầu
Đều từ hoại diệt sinh.
Đại vương phải nên biết
Chúng sinh trong các cõi
Như vòng xe xoay chuyển
Không có điểm bắt đầu
Như Lai dùng bi, nguyện
Tùy duyên hiện các cõi

Như vầng trăng trong sáng
Hiện khắp cả mọi nơi
Tùy căn tánh chúng sinh
Thích hợp mà thuyết pháp
Nếu diệt Niết-bàn là diệt
Phật có công đức gì?
Tăng thượng có ba thứ
Giải thoát cũng như vậy
Tứ đế và thần thông
Niệm xứ, vô ngại biện
Bốn duyên trụ vô sắc
Căn lực và thần thông
Các Độc giác, Bích-chi
Pháp hữu vi, vô vi
Cho đến các Thánh nhân
Đều nương thức mà có
Khổ trí, khổ pháp trí
Và khổ tùy sinh trí
Tập trí gồm có ba
Diệt, đạo cũng như vậy
Mười hai loại trí này
Điều gọi là hiện quán
Học nhân có mười bậc
Sinh trở lại bảy, tám
Gia gia, nhất vãng lai
Một lần rồi diệt độ
Trung ban cùng sinh ban
Hữu hành và vô hành
Bậc thượng lưu khắp nơi
Sau đó nhập Niết-bàn
Tất cả bậc như vậy
Phẩm vị của các trí
Người tu pháp Quán hành
Thượng, trung, hạ khác nhau
Bồ-tát tu tinh tấn
Sự nghiệp rất thù thắng
Mười một cùng mười hai
Cho đến thứ mười sáu

Người tu các định này
Lại diệt dừng tâm vọng
Tận cùng chẳng phải tâm
Chẳng phải tâm cùng trụ
Tâm vị lai chưa đến
Chưa đến nên chẳng có
Tâm duyên không hòa hợp
Chẳng đây, chẳng đó sinh
Thiền thứ tư vô tâm
Có nhân không thể hại
Có nhân là các thức
Ý thức và năm loại
Vọng tưởng không tự biết
Giống như gợn sóng nổi
Người định quán Lại-da
Có thể lìa phân biệt
Vi diệu không chỗ có
Chuyển y mà không hoại
Ở trong chốn Mật nghiêm
Như trăng thường chiếu sáng
Các bậc Trí Mật nghiêm
Cùng Phật thường tụ hội
Luôn ở trong cảnh định
Một vị không khác nhau
Người ở định Mật nghiêm
Sức định sinh nơi đó.
Vì vậy nên tu tập
Tướng tâm định diệu này
Dục giới có sáu trời
Phạm ma mười sáu xứ.
Vô sắc và vô tưởng
Trong tất cả các cõi
Nếu sinh nước Mật nghiêm
Làm Thiên chủ ở đó
Muốn cầu cõi Mật nghiêm
Nên tu mười loại trí
Pháp trí, tùy sinh trí
Thế tục trí tâm khác

Trí Khổ, Tập, Diệt, Đạo
Tận trí, vô sinh trí
Nhân giả thấy chân thật
Dòng vua Xá-luân-la
Cùng vua Nguyệt-cam-giá
Dòng họ không khác nhau
Nên tìm nước Mật nghiêm
Chớ thoái tâm hoài nghi
Như dê bị dắt đi
Lo sợ mà lùi bước
Ý ở tại trong thân
Giống thú giả nương ở
Cũng như giả làm cây
Cỏ lau ở trong sông
Như vua chơi vườn cảnh
Cả thân thể vận động
Ý cùng với ý thức
Tâm, tâm pháp cùng khởi
Giống như mây giữa không
Tụ thành mà không thật
Chủng tử thức Lại-da
Bị tập khí che mờ
Ví như ngọc ma-ni
Tùy duyên hiện các sắc
Nhưng lìa thân chúng sinh
Tánh thanh tịnh không nhiễm
Chủng tánh quyết định này
Cũng là đại Niết-bàn
Gọi là nhân tướng sinh
Tướng từ nhân duyên khởi
Do nơi các hình tướng
Mà khởi lên phân biệt
Phân biệt từ hai nhân
Tướng ngoài, tập khí trong
Mạt-na thức thứ bảy
Nên biết cũng như vậy
Các căn, ý duyên nhau
Pháp sinh nơi năm thức

Cùng tương ưng tâm pháp
Như vậy trụ trong thân
Chánh trí thường quán sát
Tất cả các thế gian
Từ nhân duyên như vậy
Mà sinh các quả ấy
Chân như chẳng khác đây
Các pháp hỗ tương sinh
Cùng tâm lý tương ưng
Quán thấy rất rõ ràng.
Đây tức là các pháp
Tánh chân thật cứu cánh
Cũng là pháp vọng chấp
Tất cả pháp không sinh
Tánh các pháp thường, không
Chẳng không cũng chẳng có
Như huyễn mộng, ráng nắng
Như thành Càn-thát-bà
Vô số loại hình tướng
Danh cú và văn thân
Do chấp trước sinh ra
Thành ra tánh biến chấp
Căn, cảnh, ý hòa hợp
Huân tập thành hạt giống
Cùng tâm không phân biệt
Các thức từ đây sinh
Tạo thêm vốn cho nhân
Gọi là Y tha khởi
Trong chứng trí chân thật
Ngoài hiện ra pháp trụ
Tức là nói viên thành
Cảnh giới các bậc Thánh
Phật và các Phật tử
Chứng pháp này là Thánh
Nếu người chứng pháp ấy
Tức thấy được chân tế
Thuyết giảng pháp đã hết
Phạm hạnh đều lập xong

Việc làm đã thành tựu
Vĩnh viễn lìa các cõi
Giải thoát tất cả khổ
Diệt trừ những sợ hãi
Sinh hai pháp vô ngã
Có thể khéo biết rõ
Đốt cháy các tập khí
Đoạn dứt các phân biệt
Từ vô thủy đến nay
Tích tụ các hý luận
Vô lượng các tội lỗi
Tất cả đều trừ hết
Ví như hoàn sắt nóng
Hết nóng, sắt không hư
Giải thoát cũng như vậy
Nhận hết mà trong sáng
Vào cảnh giới vô lậu
Cõi vi diệu Mật nghiêm
Cõi này rất tối thắng
Ngoài ra chẳng sánh bằng
Chỗ cư trú thanh tịnh
Của Phật và Bồ-tát.
Hiện tiền vui Tam-muội
Dùng đây làm thức ăn
Người muốn sinh cõi này
Nên tu quán chân thật
Lại vì có các duyên
Như lý, tuyên thuyết rộng
Danh sinh vốn ở tướng
Tướng khởi lại theo duyên
Đủ các loại phân biệt
Đều nhân tướng mà có
Căn, cảnh như bình, vỏ
Uẩn pháp hợp lại thành
Phân biệt từ đây sinh
Biết rõ phân biệt đúng
Hoặc động hoặc chẳng động
Tất cả các thế gian

Đều nhân si ám sinh
Lấy ngu tối làm thể
Dài, ngắn các màu sắc
Âm thanh cùng hương vị
Ngọt, đắng, bền chắc, trơn
Chỗ duyên của ý thức
Tánh thiện và bất thiện
Pháp hữu vi, vô vi
Cho đến cảnh Niết-bàn
Đây đều cảnh của trí
Niệm niệm thường chuyển biến
Đều do nương thức sinh
Như lực đá nam châm
Hút sắt khiến di chuyển
Nên biết thức Mạt-na
Ở tàng thức cũng vậy
Như rắn có hai đầu
Mỗi đầu làm một việc
Ý nhiễm ô cũng vậy
Chấp thủ A-lại-da
Vì ngã tạo nên nghiệp
Tăng trưởng thêm ngã sở
Cùng kết hợp ý thức
Làm chỗ nương mà chuyển
Trong thân sinh hơi ấm
Vận động tạo các nghiệp
Ăn uống và y phục
Tùy việc mà thọ dụng
Nhảy nhót hoặc ca múa
Mỗi loại tự vui thích
Giữ thân các chúng sinh
Đây do công của ý
Như trong giấc mộng thấy
Tất cả các cảnh giới
Khởi các loại phân biệt
Không biết chỉ tự tâm
Như người ở trên không
Chạy trên tơ đùa giỡn

Nguy hiểm không an ổn
Phân biệt cũng như vậy.
Phân biệt không chỗ nương
Chỉ làm theo mỗi cảnh
Như hình tượng trong gương
Do thức động nên thấy
Kẻ ngu mê hoặc này
Chẳng phải bậc Trí sáng
Nhân chủ phải nên biết
Ba thứ này thức hiện
Nếu xa lìa chỗ này
Thì gọi là chân thật
Các Bồ-tát, Trì Tấn
Và Thánh Mục-kiền-liên
Quán sát khắp ức cõi
Mỗi thứ đều tốt đẹp
Trong chỗ trang nghiêm đó
Cõi này rất thù thắng
Cực lạc hiện an vui
Cho đến ở phương dưới
Trong vô lượng ức cõi
Được chư Phật tán thán
Đều bảo nước Mật nghiêm
Tự nhiên hiện oai đức
Vô thủy cũng vô chung
Vốn là cõi Như Lai
Nhưng ra khỏi ba cõi
Tịch tĩnh chốn vô vi
Lợi mình và lợi người
Sự nghiệp đều viên mãn
Đây chính là thành Phật
Muốn thực hành Phật sự
Cốt yếu từ Mật nghiêm
Hóa làm vô lượng ức
Thường nương theo chánh định
Hiện ra các thần thông
Trong tất cả cõi nước
Như mặt trăng không thấy

Tùy các loại chúng sinh
Ưng hóa làm lợi ích
Mười cõi của Hoa nghiêm
Đại thọ cùng thần thông
Thắng-man và kinh khác
Đều từ kinh này ra
Kinh này thù thắng nhất
Các kinh không thể bằng
Nhân chủ và các vua
Nếu hết mực tôn kính
Cõi Dục, Sắc, Vô sắc
Vô tưởng các cung trời
Phật đã vượt ra khỏi
Trụ vào chốn Mật nghiêm
Các cung điện cõi này
Như hoa sen nhiều sắc
Tất cả Đức Như Lai
Tướng đẹp, trí thanh tịnh
Phật và các Bồ-tát
Thường trụ ở trong này
Thế Tôn luôn thiền định
Tịch tĩnh rất tối thượng
Tự nương định khó nghĩ
Hiện các sắc tốt đẹp
Sắc tướng không giới hạn
Ngoài kiến chấp năng, sở
Cõi Cực lạc trang nghiêm
Thế Tôn thọ vô lượng
Các hành giả tu quán
Sắc tướng đều như vậy
Hoặc thấy Thiên trung thiên
Sắc vàng sáng rực rỡ
Sư tử màu kim sắc
Chân kim cang, nguyệt quang
Con công lông trắng nõn
Sen lưu ly sáng chói
Hoặc thấy thân gầy yếu
Rách rưới dáng lùn xấu

Hoặc như ngàn mặt trời
Chiếu trên hoa sen lớn
Hoặc thấy các Bồ-tát
Đỉnh đính tóc Long vương
Dùng vật báu của vua
Làm mũ báu trang nghiêm
Hoặc thấy các hình tượng
Bánh xe, cờ, cá, ốc
Chiếu ra màu sắc đẹp
Như cầu vồng trên không
Hoặc thấy núi Tu-di
Đặt trong lòng tay phải
Hoặc đem nước biển cả
Gom như dấu chân bò
Hoặc thấy được làm vua
Mặt áo mũ sang trọng
Hai bên quan vây quanh
Cùng tuyên chiếu việc nước
Hoặc thấy các Bồ-tát
Bậc tu hành tối thượng
Nói về cảnh giới mình
Biết các pháp của Phật
Hoặc dùng trí thiền định
Vội chuyển chỗ nương tựa
Chứng được thân như huyễn
Tất cả đều vô ngại
Hoặc thấy rõ các cảnh
Đoạn các nghiệp chấp trước
Các kiến chấp đã trừ
Không trở lại các cõi
Như mỡ dầu đã hết
Đèn tắt mà Niết-bàn
Hoặc thị hiện tu hành
Tất cả Ba-la-mật
Diễn bày ở đại hội
Ban khắp vô cùng tận
Khổ hạnh và trì giới
Các phép nghi mỗi loại

Nước cực lạc trang nghiêm
Người chẳng phải thai sinh
Thân tướng như vàng ròng
Tỏa màu sắc khắp nơi
Tương ứng được tự tại
An lạc và sáng suốt
Cảnh giới của người này
Trăm phần không phải một
Người trong cõi Cực lạc
Thức ăn theo ý muốn
Đấng Mâu-ni tự tại
Định là vị cam lộ
Cây báu tên Như ý
Dạo chơi nghỉ dưới đó
Vàng ròng làm miếng mỏng
Trải khắp đất trang nghiêm
Mặt đất nhiều hoa sen
Cùng các hoa tươi tốt
Mến mộ công đức Phật
Nhất tâm để hồi hướng
Nơi cõi Phật thù thắng
Từ hoa sen hóa sinh
Đủ các tướng trang nghiêm
Sáng trong không trần cấu.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói kệ này rồi, hiện thân mình như đốt tay hoặc như hạt cải cho đến một phần trăm đầu sợi lông, hoặc hiện thân Phật, hoặc hiện thân Độc giác hoặc hiện thân Thanh văn và hiện vô số thân hình khác để thuyết pháp. Hoặc nói Bồ-tát chứng nhập các Địa, biết rõ năm pháp, tám thức, ba tánh, hai vô ngã, đắc Tam-muội như huyễn tùy ý thọ thân, thần thông tự tại, lực Vô sở úy đều không thoái chuyển, an trụ vào nơi chốn thanh tịnh, nhập vào cõi Phật, vô lậu uẩn, giới thường không biến đổi. Hoặc nói Bồ-tát có thể dạo khắp, như mộng, như tượng, như trăng trong nước. Người hành đạo thực hành các pháp quán này chứng được Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, thân như mười huyễn, các nguyện hoàn toàn được thành tựu, đạt được Bậc Chánh Giác ngồi trên hoa sen báu, các chúng Bồ-tát đều vây quanh. Hoặc nói Bồ-tát nhờ nguyện lực hiện vô số hình ở các cõi ma mà làm Phật sự. Thân vi diệu của các Bồ-tát này không còn vướng vào có, không. Ví như các Trời, Tiên, Càn-thát-bà ở núi Tu-di hoặc

ở hư không, cõi của chúng sinh không thể nhìn thấy, thân các Bồ-tát ấy cũng như vậy, người không tu Quán hành thì không thể thấy được. Hoặc nói Bồ-tát đắc Thiền định, lực Tam-muội tự tại ở cung điện hoa sen của mười phương cõi nước thị hiện thọ sinh và nhập Niết-bàn. Hoặc nói Bồ-tát nhờ lực Tam-muội chuyển sở y mà không trụ vào chân như, ở nơi tất cả cõi chúng sinh hiện các thân khác nhau, tâm của Bồ-tát bình đẳng như đất, như nước, như mặt trời, mặt trăng. Hoặc nói Bồ-tát đem tâm đại Từ thương sót chúng sinh lưu chuyển sinh tử, nghèo cùng, cô độc bị các khổ dày vò như con ong đen đậu vào thuyền nên đi khắp biển cả, theo thuyền chạy một do-tuần cho đến trăm ngàn vô lượng do-tuần để thuyết về vô ngã, sinh tử, vô thường khiến cho họ biết được sát-na chống diệt không dừng; hoặc nói chư Phật và các Bồ-tát thấy tất cả chúng sinh khát ái mê loạn, phân biệt, bị các khổ bức bách ở trong pháp vô tướng mà chấp thủ tướng, chấp trước có năng sở hư vọng, do năng chấp và sở chấp này trói buộc tâm chúng sinh dong ruổi khắp trong biển sinh tử không dừng nghèo cùng, cô thế không có chỗ nương, như nhện, sâu bị mắc lưới trong biển cả. Phật và Bồ-tát giống như người ở trên thuyền đối với chúng sinh khởi tâm thương xót, muốn làm cho thoát khỏi nạn khổ sinh tử tùy theo tâm chúng sinh mà hiện thân, thuyết pháp, bố thí làm tất cả các hạnh.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

QUYỂN TRUNG

Phẩm 2: DIỆU THÂN SINH (Phần 2)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Phổ Hiền phát ra ánh sáng lớn nhiều màu sắc cùng với các vị Bồ-tát: Bồ-tát Trì Thế, Bồ-tát Trì Tấn, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Thần Thông Vương, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Thánh Giả Nguyệt, Bồ-tát Kim Cang Tề, Bồ-tát Đại Thọ Vương, Bồ-tát Hư Không Tạng cho đến vô lượng chư Thiên ở cung điện ngọc ma-ni các chúng Bồ-tát trong cõi Mật nghiêm và những người trong cõi Phật khác đến nghe pháp; nghe thuyết pháp vi diệu ở cõi Mật nghiêm được công đức lớn quyết định chuyển y thường ở cõi này không sinh ở cõi khác, tự nhiên đều nhớ nghĩ đến chúng sinh đời vị lai, vì muốn làm lợi ích khắp chúng sinh nên các vị Bồ-tát ấy thưa với Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng:

–Xin Tôn giả vì chúng tôi mà giảng nói tất cả thế gian có bao nhiêu hình sắc, do ai làm ra? Như người thợ gốm nhồi đất dính lại làm nên cái bình, những hình tượng của thế gian cũng làm nên như vậy chăng? Như người tạo âm nhạc kết hợp các loại dây, ống trúc, gỗ thành âm thanh. Tất cả thế gian cũng vậy chăng? Như một vật có ba tự tánh, các vật thế gian đã thành tướng, thể, nếu chưa thành thì đều ở trong một vật chăng? Cõi trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Tha hóa tự tại, trời Đại thọ Khẩn-na-la, trời Thiện hiện, trời Sắc cứu cánh, Phạm thiên vương, cõi Vô sắc là do tất cả Thiên chủ đồng tâm hợp lực mà tạo ra chăng? Chư Phật Bồ-tát ở phương này và phương khác dùng sức biến hóa tạo ra hình tượng của thế gian, chúng sinh ở trong đó khởi lên các mê hoặc, sự mê hoặc này xem như sóng nắng, như bình và vỏ, sự tạo ra công đức, tất cả những người trong thế trụ vào đó, người chẳng tạo các công đức mà bị lệ thuộc vào công đức, cũng chẳng phải đó là công đức mà nương vào công đức, cho nên lần lượt tích tập các công đức. Như vậy, thế gian có bao nhiêu hình sắc chỉ là mê hoặc mà có chăng? Hoặc cho rằng trời Đại phạm, Phạm thiên vương, cõi trời Tự tại đều tự tạo ra. Hoặc cho rằng Tiên Sa-ca-noa-đề-na Kiếp-tỳ-la tự tạo ra năng lực. Hoặc có lúc vọng chấp từ tánh tự nhiên, do nghiệp vô minh, ái

mà sinh khởi. Tất cả chư Thiên, Tiên và những người tu định ở thế gian đều hoài nghi mê hoặc vì không có thể tánh, như huyễn như mộng; như sóng nắng, như thành Càn-thát-bà đều do vô thi phân biệt chấp có năng, sở; như rắn hai đầu, như thây chết biết đi; như người gỗ nhờ máy mà chuyển động; như vòng lửa, tóc rũ xuống giữa hư không chăng?

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng dùng kệ đáp:

Các hình sắc thế gian
Không từ đâu sinh ra
Chẳng phải Ca-tỳ-la
Nhân-tỳ-la tạo ra
Cũng không do phước quả
Bố thí hay cúng dường
Do Phệ-đà giảng thuyết
Nghĩa cùng, khác không định
Cũng chẳng phải có không
Hay chấp giữ thế gian
Gọi là A-lại-da
Thức thứ tám thù thắng
Tất cả đều vận chuyển
Như nhiều bình lăn tròn
Như dầu lẫn trong mè
Trong muối có vị mặn
Cũng như tánh vô thường
Ở khắp trong các sắc
Trầm, xạ đều có hương
Ánh nhật, nguyệt cũng thế
Chẳng năng tác, sở tác
Chẳng hữu cũng chẳng vô
Xa lìa các ngoại đạo
Các kiến chấp đồng dị
Chẳng phải trí tìm cầu
Không thể phân biệt được
Người định tâm không ngại
Chứng được trí bên trong
Nếu lìa A-lại-da
Tức không có thức khác
Như sóng trong biển cả
Tuy cùng biển không khác

Biển lặng sóng mất đi
Cũng không thể nói một
Ví như người tu định
Trong định tâm thanh tịnh
Người thần thông tự tại
Đạt được các thông tuệ
Quán hành có thể thấy
Chẳng ngoài sự hiểu biết
Tạng thức cũng như vậy
Cùng thức đồng hành chuyển
Phật và các Bồ-tát
Người định thường quán thấy
Tàng thức chấp thế gian
Giống như tìm ngọc báu
Cũng như xe có bánh
Theo gió nghiệp lưu chuyển
Thợ gốm quay bánh xe
Tạo thành vật cần dùng
Tạng thức cùng các giới
Hợp sức lại mới thành
Trong ngoài các thế gian
Bày ra khắp mọi nơi
Ví như các vì sao
Xuất hiện khắp hư không
Nương theo sức của gió
Vận hành luôn không dừng
Như vết chim trong không
Tìm kiếm không thể được
Nhưng chim chẳng lìa không
Mà bay lượn lên xuống
Tạng thức cũng như vậy
Không lìa thân tự, tha
Như biển cả dậy sóng
Hư không trùm vạn vật
Tàng thức cũng như vậy
Che lấp các tập khí
Ví như trăng trong nước
Và như các hoa sen

Không xa lìa khỏi nước
Cũng không dính vào nước.
Tạng thức cũng như vậy
Không bị nhiễm tập khí
Như mắt có con ngươi
Mắt không tự thấy được
Tạng thức ở nơi thân
Thâu giữ các chủng tử
Duy trì mãi thức ấm
Như mây che thế gian
Nghiệp dụng tăng không dừng
Chúng sinh không thể thấy
Thế gian vọng phân biệt
Thấy trâu, bò có sừng
Không rõ sừng chẳng có
Nên nói thỏ không sừng
Phân tích đến hạt bụi
Tìm sừng thật không có
Do nương vào pháp có
Mà thấy có pháp không
Pháp có vốn tự không
Không thấy gì đối đãi
Hoặc pháp có, pháp không
Lần lượt hỗ tương nhau
Trong hai pháp có không
Không nên khởi phân biệt
Nếu xa lìa sở giác
Năng giác tức không sinh
Ví như vòng lửa quay
Che lấp các việc huyễn
Đều do ít kiến chấp
Mà sinh các giác này
Nếu là khỏi nhân đó
Giác này tức không có
Danh tướng hỗ tương nhau
Tập khí không giới hạn
Tất cả các phân biệt
Cùng ý mà sinh khởi

Chứng được cảnh chân thật
Tập khí tâm không sinh
Từ vô thủy đến nay
Mê theo các vọng cảnh
Hý luận và huân tập
Sinh khởi vô số tâm
Năng chấp và sở chấp
Tâm chúng sinh tự tại
Các tướng như bình vỏ
Lìa tâm không thật có
Tất cả chỉ có giác
Nghĩa sở giác đều không
Tánh năng giác, sở giác
Chuyển tự nhiên như vậy
Tập khí tâm ô trược
Phàm phu không thể thấy
Như biển bị gió động
Sóng dậy không thể dừng
Tâm là cảnh gió động
Gió thức sinh cũng vậy
Vô số các phân biệt
Từ bên trong chấp thủ
Như đất không phân biệt
Vạn vật nhờ đó sinh
Tạng thức cũng như vậy
Chỗ nương của các cảnh
Như người dùng tay mình
Trở lại giữ lấy thân
Cũng như voi dùng vòi
Lấy nước thấm gội mình
Lại như những đứa trẻ
Đưa tay vào miệng ngậm
Như vậy trong tâm mình
Hiện cảnh lại tự duyên
Cảnh giới của tâm này
Hiện khắp cả ba cõi
Người tu quán hạnh lâu
Mới khéo thông đạt được

Các thế gian trong ngoài
Tất cả chỉ tâm hiện.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói lời này rồi, im lặng ngồi xuống, an trụ vào thiền định vi diệu, ở cửa pháp giới nhập vào cảnh giới của chư Phật, thấy có vô lượng chư Thiên sắp đến cõi này để an trú tu tập, liền từ chỗ ngồi đứng dậy phóng ra ánh sáng lớn, ánh sáng ấy chiếu đến cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc, vô tưởng, thiên cung, từ trong ánh sáng này lại hiện ra vô lượng cõi Phật thù thắng, có vô lượng Đức Phật tướng tốt đẹp trang nghiêm, tùy theo sự mong muốn của các thế gian mà làm việc lợi ích, đều khiến cho thọ trì danh hiệu Mật Nghiêm. Các vị Bồ-tát ấy cùng nhau quán sát và bảo rằng:

–Cõi Mật nghiêm của Phật có thể làm thanh tịnh các phước đức, diệt trừ tất cả tội, những người tu pháp quán hành trong cõi ấy thì các cõi Phật tối thượng khác không thể sánh bằng. Chúng ta nghe danh hiệu cõi nước này trong tâm vui mừng, hãy cùng nhau đi đến đó.

Bấy giờ, chư Thiên từ chỗ ở của mình đi đến cõi này. Chư Thiên cõi Tịnh cư, Sắc cứu cánh và Phạm thiên vương cùng tụ hội, đối với Phật và các Bồ-tát ở cõi này đều sinh ý nghĩ mong cầu hiếm có nên thưa Phạm vương:

–Thưa Thiên chủ! Chúng tôi cùng có ý niệm: Lúc nào được theo Thiên chủ đi đến cõi Mật nghiêm.

Phạm vương nghe lời này rồi, cùng với chư Thiên vội vàng đi. Giữa đường, đi chậm lại vì không biết chỗ đến, Phạm vương liền suy nghĩ: "Cõi Mật nghiêm của Phật là cảnh giới để tu pháp quán hành, chẳng phải người nào cũng có thể đến đó được, chẳng phải là chỗ đến của chư Thiên ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và các ngoại đạo có thần thông. Nay, chúng ta làm sao đến?" Lại nghĩ rằng: "Giả sử ta có được oai lực của Phật hộ trì thì đến đó." Nghĩ rồi nói lời đảnh lễ, ngay lúc đó, Phạm thiên thấy có vô lượng chư Phật ở giữa hào quang uy nghiêm chiếu sáng. Phạm vương bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con làm sao có thể đi đến cõi Phật Mật Nghiêm?

Đức Phật bảo:

–Ông nên trở lui. Vì sao? Vì cõi Phật Mật Nghiêm là cảnh giới quán hành, là chỗ an trụ của bậc đắc chánh định, các cõi Phật khác tối thắng cũng không thể sánh bằng: Chẳng phải là chỗ đến của người có hình sắc.

Phạm thiên vương nghe Phật bảo rồi, liền cùng với chư Thiên trở về Thiên cung. Bấy giờ chư Thiên cõi Tịnh cư cùng suy nghĩ: "Phạm thiên

vương có oai lực lớn mà không thể đến được, nên biết cõi ấy rất là thù thắng, đó là cảnh giới của những bậc tu pháp quán hành chứng đắc Tam-muội Như huyễn.” Họ tán thán công đức của cõi Mật nghiêm như vậy, âm thanh ấy liên tục truyền đi, khắp nơi cùng nghe. Các Bồ-tát trong hội nghe lời này rồi càng thêm vui mừng cung kính, bạch Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng:

–Chúng tôi hằng khát ngưỡng mến mộ pháp thâm sâu vi diệu, xin bậc Đại trí giảng nói cho chúng tôi.

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp:

–Pháp của Đức Phật thuyết không ai có thể diễn thuyết đầy đủ, chỉ trừ được sự hộ niệm của Như Lai, vì Như Lai là Bậc Giải Thoát tối thắng đối với pháp Quán hành, có cảnh giới không thể nghĩ bàn, làm thế nào đối với người không tu pháp Quán hành mà khai thị giảng thuyết được.

Lúc ấy, Bồ-tát Trì Tấn, Tu-dạ-ma và các Bồ-tát liền đồng thanh thỉnh. Bồ-tát Thần Thông Vương, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Khẩn-na-la và vô lượng các Bồ-tát khác lại thưa:

–Lành thay! Nhân giả! Hãy mau thuyết giảng, lại có vô lượng chư Thiên trỗi nhạc trời giữa hư không đồng tâm khuyến thỉnh.

Khi ấy, Phạm thiên vương nhờ oai lực của Phật đến hội này hướng về Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói kệ:

Hôm nay đại chúng này
Trang nghiêm chưa từng có
Đều là đệ tử Phật
Thông tuệ không ai bằng
Các Tôn giả ở đây
Khát ngưỡng mong cầu pháp
Con nay còn chưa biết
Nên thưa hỏi đều gì
Là hỏi Hữu Thắng Biên
Thắng Đọa và Đảnh Sinh
Cho đến vua Chuyển luân
Có đầy đủ oai lực
Hỏi dòng vua Cam Giá
Thiên cung Trì Quốc vương
Pháp của hàng trời, người
Cõi Dục, Sắc, Vô sắc.
Là hỏi hạnh Bồ-tát

Độc giác và Thanh văn
Cho đến A-tu-la
Các Luận phái chiêm tinh
Bao nhiêu việc như vậy
Nguyện xin hãy giảng thuyết
Chúng con và trời, người
Đều nhất tâm lắng nghe.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bảo Đại chúng:

–Các ông có nghe Phạm thiên vương, chư Thiên cõi trời Tịnh cư và các Bồ-tát một lòng cầu pháp chăng?

Khi ấy, các Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Bồ-tát Vô Tân Tuệ, Bồ-tát Hư Không Vương, Bồ-tát Trì Thế, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Đà-la-ni Tự Tại, Bồ-tát Bảo Kế, Bồ-tát Thiên Quan, Bồ-tát Kim Cang Thủ, Bồ-tát Bảo Tích Tuệ, Bồ-tát Bảo Thủ với vô lượng chư Phật và Đại chúng ở trong cõi này cùng chiêm ngưỡng Bồ-tát Kim Cang Tạng và nói kệ:

Quá khứ và vị lai
Trí Như Lai thanh tịnh
Tôn kính, thân cận Phật
Tâm sáng suốt không nghi.
Đại chúng này thích nghe
Xin Bồ-tát giảng nói.

Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng Tam-muội Vương nhìn khắp đại chúng, dùng kệ đáp:

Pháp của Như Lai thuyết
Tôi không thể nói đủ
Chỉ nhờ Phật, Bồ-tát
Dùng oai lực hộ trì
Tôi thành tâm đảnh lễ
Cung tự tại thanh tịnh
Điện Bảo tạng ma-ni
Phật và các Bồ-tát
Tôi bằng tâm kính thuyết
Trí thanh tịnh Như Lai
Nối tiếp chủng tánh Phật
Các ông nên lắng nghe
Không thuyết Pháp quá khứ

Và các pháp tối thắng
Chỉ ở cõi Mật nghiêm
Hiển bày chủng tánh Phật
Trí Phật rất vi diệu
Công đức Phật thù thắng
Người tu hành chánh quán
Lìa các tâm vọng chấp
Nên chẳng phải sức tôi
Giảng pháp thâm sâu này
Nhờ oai đức của Phật
Từ Phật nên được nghe
Trí này rất vi diệu
Là hoa các Tam-muội
Phật ở cõi Mật nghiêm
Nhập thiền định hiển bày
Xa lìa các ngôn thuyết
Và tất cả kiến chấp
Hoặc có hoặc không có
Bốn thứ chấp như vậy
Chân lý của Trung đạo
Là thanh tịnh tối thượng
Người tu định Mật nghiêm
Hay quán sát như vậy
Lìa bỏ chấp chuyển y
Chóng vào cõi Như Lai.

Khi ấy, chúng Bồ-tát trong hội nghe Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói lời này rồi, cúi đầu cung kính thưa:

–Chúng tôi đối với pháp thâm sâu sinh tâm mến mộ, như khát nhớ nước, như ong nhớ mật. Chư Phật và các Bồ-tát trong hội này đối với trí thiền định thâm sâu đều được tự tại, có oai lực thù thắng là vua các cõi mong được nghe pháp của Như Lai thuyết giảng, nguyện xin Tôn giả dùng tiếng Phạm âm, tiếng trời Đế Thích và âm thanh vi diệu của Như Lai đã được nghe, diễn thuyết lại nghĩa thù thắng rõ ràng.

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp:

–Như Lai thuyết giảng pháp ngữ, nghĩa chân thật, hy hữu khó thấy ví như trong không, chẳng có cây và các vật, để thấy được hình ảnh thì rất khó, pháp Như Lai thuyết giảng cũng như vậy. Như gió và dấu chim ở giữa

hư không, không thể thấy được, Đức Phật thuyết giảng vô số nghĩa lý khó có thể thấy được cũng như vậy. Pháp của thế gian người có trí tuệ mới có thể dùng ví dụ phân biệt giảng nói rõ ràng. Lời của Phật nói ra hơn các ví dụ, chẳng phải dùng ngôn ngữ sánh bằng. Sự thấy biết của tôi giống như cảnh mộng thành Càn-thát-bà. Nay trong hội này những bậc tu pháp Quán hành có trí tuệ lớn đối với nghĩa chân thật đã được hiểu rõ. Nay tôi làm sao có thể giảng nói về cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Phật. Tuy nhiên tôi nhờ nương nhờ oai lực của chư Phật và đại chúng mà tuyên thuyết. Các Bồ-tát hãy nên lắng nghe, pháp Như Lai thuyết giảng văn nghĩa tương ưng, vượt quá tâm ý, chẳng có ví dụ nào sánh kịp. Ví như hoa thơm loài ong tranh nhau hút mật, con nào đến trước hút được phần tinh tuý của hoa, con nào đến sau chỉ được hương vị dư thừa. Như Lai chứng đắc pháp Cốt lõi, còn tôi vì đại chúng chỉ giảng nói phần còn lại của pháp ấy.

Vị ấy liền nói kệ:

Cảnh giới của Như Lai
Bậc trí mới hiểu rõ
Ngoài năng, sở tâm, khẩu
Vượt lời nói phân biệt
Muốn nhiếp phục tất cả
Tâm kiêu mạn thế gian.
Cùng hình tướng con người
Tướng Phật thì trang nghiêm
Hào quang luân ở chân
Các tướng đều thành tựu
Dạo khắp các cung điện
Trời, người đều chiêm ngưỡng
Như Lai trong bốn thời
Thường ở cõi Mật nghiêm
Ở nơi các thế gian
Thị hiện và Niết-bàn
Lúc điều thiện giảm dừng
Ác sinh cùng trược loạn
Tùy các loại chúng sinh
Ứng hợp làm lợi ích
Tạo nghiệp không tạm dừng
Mật nghiêm thường bất động
Mật nghiêm không cấu uế
Người quán hành nương ở

Lúc sinh ác trược loạn
Hiển bày tánh Như Lai
Ví như vầng trăng sáng
Bóng hiện khắp trong nước
Như vậy các hình sắc
Thị hiện khắp thế gian
Cảnh trí tịnh Như Lai
Người trí quán thấy được
Vì các loại chúng sinh
Sự ưa thích khác nhau
Phật dùng vô số thân
Tùy nghi mà giáo hóa
Hoặc thấy Đại tự tại
Hoặc thấy Na-la-diên
Hoặc thấy Ca-tỳ-la
Ở hư không thuyết pháp
Hoặc thấy bậc Trí tuệ
Hoặc lại thấy thường hành
Hoặc thấy Bà-đát-na
Cưu-ma và Thi-khí
Hàng A-tu-la vương
Cho đến Khẩn-na-la
Dòng vua Nguyệt-cam-giá
Tất cả đều chiêm ngưỡng
Các thứ báu Kim cang
Cho đến loại chì, thiết
Đều nhờ oai lực Phật
Ứng hợp mà sinh ra
Thiên nữ và Long nữ
Cùng Càn-thát-bà nữ
Tìm đến nơi bào thai
Tâm không bị mê hoặc
Trong các cảnh cõi Dục
Như Lai đã hàng phục
Sắc, Vô sắc cũng vậy
Không thể làm mê động
Người hành định Vô tưởng
Chưa lìa sự mê chấp

Chẳng an lạc, thanh tịnh
Bị đọa lạc, lưu chuyển
Người có chỗ sinh thân
Không ở nước Mật nghiêm
Cõi Mật nghiêm vi diệu
Thanh tịnh phước trang nghiêm
Người giải thoát tri kiến
Được ở chỗ tối thắng
Mười thứ Đại tự tại
Thần thông, pháp Tam-muội
Được ý sinh diệu thân
Trang nghiêm giống như Phật
Tu hành đủ mười Địa
Bố thí ba-la-mật
Được các tướng trang nghiêm
Thân ấy rất thanh tịnh
Xa lìa sự phân biệt
Thì giác ngộ hoàn toàn
Không có ngã, ý, căn
Tuệ căn thường an vui
Các công đức bố thí
Nghiệp thanh tịnh viên mãn
Được chỗ Phật thù thắng
Cõi thanh tịnh Mật nghiêm
Cõi này rất vi diệu
Không do mặt trời sáng
Nhờ hào quang chiếu sáng
Của Phật và Bồ-tát
Ánh sáng ấy rực rỡ
Hơn cả ngàn mặt trời
Không thời gian đêm, ngày
Cũng không già, bệnh, chết
Cõi Mật nghiêm thù thắng
Chư Thiên đều kính ngưỡng
Bậc tu hành tối thượng
Lần lượt mà tấn tu
Biết rõ tất cả pháp
Đều do nơi tâm tánh

Khéo thuyết A-lại-da
Ba tánh, pháp vô ngã
Chuyển thân ấy thanh tịnh
Được sinh đến cõi này.

-oOo-

Phẩm 3: THAI SINH

Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng bảo Phạm thiên vương:

–Thiên chủ nên biết! Thân của chúng sinh gồm chín vật làm tánh, các tướng hữu vi thường biến đổi, các đại chủng sắc chứa nhóm vi trần, do các thứ bất tịnh, tinh trùng, huyết mủ hợp thành, tạo vô lượng nghiệp thường bị trói buộc ngăn che. Ví như cây độc, cành nhánh liền nhau um tùm, tham, sân, si cùng tăng trưởng, trải qua chín tháng hoặc mười tháng, theo nghiệp lực sinh ra sự vận động, từ sản môn, đảo ngược đầu lại mà ra, nhọc nhằn, sợ hãi, bức bách, chịu vô lượng khổ. Này Thiên chủ! Các chúng sinh này hoặc từ trong loài người, hoặc từ các loài súc sinh, ngạ quỷ, la-sát, A-tu-la mà sinh, hoặc từng làm vua Chuyển luân, cho đến ở trong chư Thiên có oai lực tự tại. Hoặc là hàng ngoại đạo, Tiên nhân trì chú cùng các quyến thuộc, hoặc người tu thiền bị lạc mất thiền định, từ những nơi như vậy mà sinh, khi sinh rồi các căn lớn mạnh, theo chỗ thân cận tích tập nhân duyên mà tạo các nghiệp. Do nghiệp ấy nên bị luân hồi trong các cõi. Nếu người có trí gặp Thiện tri thức, nghe pháp tư duy sẽ được giải thoát giác ngộ, không chấp văn tự, lìa các phân biệt, nhập vào ba cửa giải thoát, thấy chân lý, pháp tối thượng thanh tịnh, đạt được sự thanh tịnh tột cùng đến cõi Phật Mật Nghiêm, ở trong vô lượng ức các cõi Phật tùy thuận ứng hiện.

Này Thiên chủ! Người ấy được giải thoát hẳn các đường ác sinh tử, gọi là bậc Trượng phu, người trí, Thiên trung thiên được chư Thiên thường thân cận vây quanh.

Thiên chủ! Thân của thai tạng hư dối không thật, cũng chẳng phải tự tánh sinh, cũng chẳng phải do vô minh, ái nghiệp sinh. Vì sao? Vì vô minh, ái nghiệp do tướng mà có, nếu hiểu rõ thì diệt hết không còn, cũng không tên gọi và phân biệt, người ấy được sinh về cõi Mật nghiêm. Này Thiên chủ! Nếu những người tu định trú ở Tam-muội, tâm còn phan duyên thì bị sắc, tướng âm thanh mê hoặc dẫn dắt sinh ra chấp thủ, không thể giữ vững, đây gọi là Thiền định bị loạn động. Lực Tam-muội này sinh vào các cõi

Dục, Sắc, Vô sắc cho đến Vô tưởng và cõi chúng sinh, người ấy bị vướng mắc nơi Tam-muội, nếu ở trong Tam-muội khéo điều phục tâm, xa lìa chấp thủ đối đãi, lìa hai thứ chấp này rồi thì tâm không sinh, ấy gọi là người thực hành pháp quán chân thật, nếu muốn sinh vào cõi Phật Mật Nghiêm thường phải trụ vào Tam-muội chân thật này.

-oOo-

Phẩm 4: HIỂN THỊ TỰ TÁC

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng lại bảo Phạm thiên vương:

–Này Thiên chủ! Tâm có tám hoặc chín loại cùng vô minh sinh khởi làm nhân cho thế gian. Thế gian đều do tâm và tâm pháp biến hiện. Tâm, tâm pháp này và các căn, sinh diệt lưu chuyển, bị vô minh làm biến đổi, nhưng tâm căn bản kiên cố không động. Này Thiên chủ! Nhân duyên thế gian có mười hai phần, hoặc có căn, hoặc cảnh, sinh, sự sinh chỉ trong sát-na hoại diệt. Từ cõi Phạm thiên, thế gian cho đến Phi tưởng, Phi phi tưởng đều do nhân duyên sinh khởi, chỉ có Như Lai mới xa lìa các nhân duyên. Này Thiên chủ! Pháp thế gian trong ngoài, động và bất động đều như tánh hoại diệt của cái bình. Này Thiên chủ! Các thức vi thế biến chuyển nhanh chóng là cảnh giới của Phật còn thế gian, Tiên, nhân, ngoại đạo không thể thấy biết. Các Tiên nhân, ngoại đạo bị ái ràng buộc không thể biết tướng sai biệt của tâm.

Này Thiên chủ! Giả sử có người thường làm những việc ca múa, tán thán, tế tự pháp Tỳ-đa cúng tế trời, trải qua một tháng hoặc bốn tháng, một năm cho đến một ngàn năm, được sinh về cõi Phạm thiên rồi cuối cùng cũng bị trở lại cõi dưới. Này Thiên chủ! Ông biết chăng? Thực hành ba pháp Tỳ-đà được kết quả giống như tánh chất của cây chuối không chắc thật. Này Thiên chủ! Sự giải thoát của chư Như Lai ở cõi Phật Mật Nghiêm từ trí định mà được, nếu người nào muốn giải thoát thì cần phải tu hành đầy đủ.

Thiên chủ! Người trong cõi Mật nghiêm không có nạn quyến thuộc, sinh tử, tâm của họ không bị các tập khí làm ô nhiễm, như hoa sen vươn lên khỏi mặt nước, như hư không, không có bụi trần như mặt trời lên cao xua tan hết mây mù, được tất cả chư Phật hộ trì, tắm trong dòng giới thanh tịnh, uống nước trí tuệ, vượt qua bờ sinh tử, được giải thoát chân thật.

Này Thiên chủ! Thân của chúng sinh ở trong các giới, năm uẩn, thức

và các pháp đều không thật có. Mắt duyên sắc sinh ra thức, ví như do củi mà có lửa cháy. Tất cả cảnh giới theo vọng thức mà chuyển, như sắt bị hút theo đá nam châm, như sóng nắng, thành Càn-thát-bà, những con nai ngu muội chạy theo vào cảnh huyễn. Trong cõi này không có chủ thể tạo ra các vật, chỉ do tâm biến đổi của phàm phu. Này Thiên chủ! Như thấy những người qua lại nhanh chóng trong thành Càn-thát-bà, nhưng không có thật, thân của chúng sinh lui tới cũng như vậy. Như thấy trong mộng, tỉnh dậy chẳng có. Người thế gian thấy có các uẩn, pháp. Người giác ngộ tâm sáng suốt thì biết các pháp ấy xưa nay vốn tịch tĩnh.

Này Thiên chủ! Các thế giới do vi trần hòa hợp mà thành. Nếu lìa tâm thì không thật có, các vật thế gian có thể tồn tại đều do tứ đại hợp thành. Ví như bệnh phong đàm, vì mê man nên thấy các vật rối loạn. Lại như làm cho thây chết đứng dậy không có người nào tạo ra cả, các pháp thế gian cũng vậy. Các ông nên siêng năng quán sát.

Này Thiên chủ! Tất cả vật thế gian thường chuyển động như bọt nước tụ lại thành hình, như chiếc bình… tưởng giống như sóng nắng, các thọ khổ, vui giống như bong bóng nước, hành như cây chuối bên trong không có lõi, thức như việc huyễn thuật, giả dối không thật.

Này Thiên chủ! Pháp động và bất động trong ba cõi đồng với cảnh mộng lúc tâm mê thì hiện, cũng như việc huyễn thuật, thành Càn-thát-bà, chỉ làm mê hoặc phàm phu. Nếu các ông đối với pháp này tâm không sợ hãi, thấy biết chân chánh, dùng lửa trí tuệ thiêu đốt tất cả các nhân duyên hoạn nạn thì liền sinh vào cõi Mật nghiêm vi diệu an lạc.

Này Thiên chủ! Tất cả thế gian đều không có tướng, chấp có tướng là bị ràng buộc, không tướng là được giải thoát. Tướng là cảnh của tâm, cảnh của tâm thì không thật, cảnh giới trí tuệ là pháp chân thật, xa lìa các tướng, ngoài hoạt động của tâm. Tất cả các tướng là pháp của tam giới, sắc, thanh… pháp đều gọi là tướng, các căn, cảnh, giới là nhân trói buộc tất cả chúng sinh. Nếu đối với các tướng không tham chấp thì dứt trừ các phiền não được an lạc giải thoát.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Bảo Kế ngồi trên tòa báu ở giữa đại chúng, hướng về Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng thưa:

–Tôn giả là bậc đứng đầu trong chúng Bồ-tát ở các ức cõi Phật, thành tựu trí tuệ tối thượng hiểu rõ các pháp, đều đã thấy rõ vô lượng Tất-đàn, đối với các pháp quán hành có thể dứt hết những đều nghi ngờ cho họ, khéo biết nguồn gốc sinh khởi của thân chúng sinh, có thể ở trong một kiếp hay hơn một kiếp dùng âm thanh vi diệu diễn nói các pháp mà không mỏi mệt.

Vì sao ông không vì các nhân giả giảng nói các nhân xa lìa những sự giống như thuận nghịch mà chẳng phải thuận nghịch, thuyết pháp chân thật khiến cho các bậc Trí tuệ tâm được thanh tịnh không còn nghi ngờ, xa lìa các nhân duyên, uẩn, chóng được giải thoát. Pháp cùng phi pháp là nhân duyên sinh ra thân này và thân sau, bậc Trí có thể thoát khỏi khổ của ái ràng buộc.

Thưa Tôn giả! Tâm của chúng sinh nhân nơi sắc và ánh sáng mà tác ý duyên theo các cảnh, tâm ấy rất nhanh khó nhận biết được, vì vô minh ái nghiệp làm tán loạn nhiễm ô.

Thưa Tôn giả! Vô số các pháp trong thân chúng sinh ý là dẫn đầu, là nhanh nhất, là thù thắng, ý cùng tương ưng với pháp hiện đang có, pháp ấy đều lấy ý làm tánh như ngọc ma-ni hiện rõ ánh sáng rực rỡ. Vì sao nhân giả không thuyết nghĩa như vậy?

Lại như màu sắc của ngọc ma-ni tùy theo mỗi chỗ mà hiện rõ. Nhân giả cũng như vậy, có đủ hình tướng Như Lai ở trong cung trời Tự tại có chư Thiên vây quanh cũng nên tùy theo đó mà thuyết pháp như vậy.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bảo:

–Cõi Phật Mật Nghiêm là tối thắng, tịch tĩnh là trí tuệ và thần thông, là chỗ an trụ của các bậc tu pháp quán hành, xưa nay thường trụ không hoại diệt. Nước không thể thấm ướt, gió không thể làm khô, cũng chẳng phải như cái bình do cố công để làm thành lại bị phá hoại, chẳng phải giống các nhân và không sự thành lập do giống các nhân. Vì sao? Vì tông và các phần khác là pháp bất định, các tông và nhân, đều sai khác. Cõi Phật Mật Nghiêm là thức chuyển y vượt khỏi tâm phân biệt, chẳng phải cảnh hoạt động của các vọng tình. Cõi Phật Mật Nghiêm là chỗ của Như Lai chẳng phải do vi trần sinh không có đầu mối, kết thúc, chẳng phải tự tánh sinh, chẳng phải dục lạc sinh, không từ cõi trời Ma-hê-thủ-la sinh, cũng chẳng phải do vô minh, ái nghiệp sinh, mà là chỗ sinh khởi của trí Vô công dụng, vượt qua khỏi lưới tối tăm của trời, Dục, Sắc, Vô sắc, Vô tưởng. Cõi Phật Mật Nghiêm A-nhã Tất-đàn, chẳng phải nhân nơi cảnh giới hiện lượng của bậc Trí tuệ, cũng chẳng phải tánh thù thắng tự tại, chỗ hiểm bày của các tông phái Thanh luận, Tỳ-đà cho đến năng lực trí tuệ của tư lương vi cũng không thể soi tỏ, chỉ là cảnh trí tu hành thanh tịnh của mười phương Như Lai.

Này các Nhân giả! Tất cả phàm phu mê muội ở thế gian vì nghiệp hay chẳng phải vì nghiệp. Nay ta sẽ giảng nói về nghĩa của nghiệp hay chẳng phải nghiệp khiến cho những người tu thiền định được an lạc. Vị ấy nói kệ:

Tất cả vật trong ngoài

Thấy được do tự tâm
Tâm chúng sinh hai tánh
Chấp và chấp đối tượng
Tâm thể có hai pháp
Tức tâm thấy các vật
Tánh phàm phu mê hoặc
Tự mình không thể rõ
Các cảnh giới được thấy
Đều là tự mình tạo
Tướng những bình đáng có
Tìm không có thể tánh
Các vị tiên trí kém
Không thể biết rõ ràng
Xa lìa lý chân thật
Theo con đường phân biệt
Tâm này có hai tánh
Như các hình trong gương
Như trăng hiện trong nước
Người nhặm thấy vòng lòa
Vòng lòa, chuỗi anh lạc
Đều là không thật có
Nhưng do bệnh nhặm mắt
Lại thấy có hiện rõ
Bình, vỏ đều do thức
Chúng sinh cũng như vậy
Người hư vọng phân biệt
Không biết luôn chấp thủ
Những chúng sinh và bình
Vô số các hình tướng
Trong ngoài không giống nhau
Tất cả từ tâm sinh
Định Mật nghiêm vi diệu
Ngoài các pháp hiện hữu
Nếu có thể tu hành
Ở đó sinh các phước
Được giải thoát cõi Dục
Và cõi trời Sắc giới
Cho đến trời Vô tưởng

Cùng trời Sắc cánh cung
Cõi Không, thức vô biên
Phi tưởng, Phi phi tưởng
Trong các cõi như vậy
Lần lượt trừ tham dục
Ở đó chẳng rốt ráo
Tìm đến cõi Mật nghiêm
Các Bồ-tát vây quanh
Giải thoát và tự tại
Ông nên tu định này
Sao còn chấp quyến thuộc
Tướng thân thuộc trói buộc
Nhân sinh tử luân hồi
Tướng nam nữ tham ái
Tinh huyết cùng hòa hợp
Như trùng ở bùn nhơ
Ở trong đó cũng vậy
Chính tháng hoặc mười tháng
Các căn dần thành tựu
Lúc ra khỏi thai mẹ
Như con trùng cựa quậy
Từ đây mà lớn lên
Đến khi tâm hiểu biết
Ta thấy các chúng sinh
Sinh ra cũng như vậy
Cha mẹ có vô số
Vợ con cũng như vậy
Có mặt khắp mọi nơi
Trong tất cả thế gian
Ví như đàn bà đá
Vừa mộng thấy sinh con
Được bồng con vui thích
Tìm lại thấy mất con
Thương khóc không ngừng lại
Bỗng nhiên tỉnh thức dậy
Không thấy có con mình.
Lúc sinh và lúc chết
Lại mộng thấy núi, sông

Đồng trống, thôn, xóm làng
Mọi người đều đông đủ
Cùng nhau làm các việc
Người này giúp người kia
Như thế giới có thật
Và từ lúc tỉnh dậy
Tất cả đều chẳng có
Có người nhiều tham dục
Nằm mộng thấy nữ sắc
Hình dáng rất đẹp đẽ
Trang sức đồ quý báu
Ở trong mộng rất vui
Tỉnh giấc thì không thấy
Tất cả pháp thế gian
Nên biết đều như vậy
Ngôi vua và dân chúng
Cha mẹ cùng thân quyến
Thể tánh đều không thật
Do phàm phu điên đảo.
Ông đối với định này
Sao không siêng tu tập
Vô lượng hàng Thanh văn
Độc giác và Bồ-tát
Ở nơi chốn vắng lặng
Núi rừng thường tịch tĩnh
Hoặc ở trong biển sữa
Cùng với Ma-la-diêm
Tu-di cùng Tẫn-đà
Ma-hê, Nhân-đà-la
Kê-la-bà-lợi Sư
Cho đến ở núi Tuyết
Hoặc nơi cây Kiếp-ba
Ba-lợi Da-đa-la
Dưới cây Câu-tỳ-la
Hoặc trên cây Bà-la
Ăn vị quả Xà-phù
Và thức ăn bất tử
Đầy đủ các thần thông

Thường tu pháp quán này
Đời quá khứ, vị lai
Thường ngồi trên hoa sen
Kiết già thân bất động
Chánh định luôn quán sát
Khéo điều phục các căn
Không tán loạn theo cảnh
Như voi bị giam giữ
Lìa dục được Tam-muội
Nếu ra khỏi thế gian
Trong tất cả các định
Định Phật tịnh không cấu
Tham, ái đều trừ bỏ
Trụ trong định Vô sắc
Và các thiền Vô tưởng
Thấy trời, trăng, hoa sen
Tướng nước, lửa, hư không
Nếu lìa các phân biệt
Tâm không còn dao động
Lìa ở trong Tam-muội
Thấy vô lượng chư Phật
Một lúc đưa cánh tay
Lấy nước rưới trên đầu
Vào cõi Phật như vậy
Tất cả đều sáng suốt
Đầy đủ các sắc thân
Tùy nghi mà ứng hiện
Những thần thông tự tại
Tam-muội Đà-la-ni
Các công đức như vậy
Tất cả đều thành tựu
Phân tích về các sắc
Cho đến quán vi trần
Tự tánh không có thật
Ví như sừng thỏ, hổ
Đều hoàn toàn không có
Các uẩn cũng như thế.
Giống như tạo việc huyễn

Tất cả đều như vậy
Ở đây không nghiệp quả
Cũng không người tạo nghiệp
Thế gian không chủ thể
Dù có chẳng thể tạo
Chủ thể và đối tượng
Sao gọi là chủ thể?
Lời nói này thành sai
Người nói chẳng thanh tịnh
Vì sao lại bảo có
Thủy luân cùng Địa luân
Và chúng sinh, thế gian
Lần lượt mà bày ra
Các nẻo đều khác nhau
Qua lại lẫn đó đây
Ai tạo ra các căn
Vọng tình chấp lấy cảnh
Cảnh này đều phân biệt
Liên tiếp mà biến đổi
Giống như sữa, lạc, tô
Trụ sinh diệt như vậy
Hoặc nghiệp, chẳng phải nghiệp
Đây do vọng chấp sinh
Người định thường xem đây
Như mộng, thành Thát-bà
Chúng sinh xưa đến nay
Bị huân tập hý luận
Sinh khởi các phân biệt
Vô số các lỗi lầm
Các căn giống như huyễn
Cảnh giới đồng như mộng
Chủ thể và nghiệp tạo
Người định không phân biệt
Vọng sinh các ác kiến
Chấp có các chủ thể
Tạo tất cả thế gian
Hoặc ngọc báu ma-ni
Và các mỏ vàng bạc

Cầm thú sắc khác nhau
Đầu mũi gai bén nhọn
Những thứ này ai làm
Nên biết không người tạo
Vượt ngoài tánh thế gian
Các duyên tạo vi trần
Chẳng phải không có nhân
Tự nhiên mà có được
Người tâm mê chấp ngã
Không biết thể tánh này
Là nghiệp chẳng phải nghiệp
Như vậy mà phân biệt
Như độc ở trong sữa
Cùng tương ứng biến đổi
Các pháp cũng như vậy
Thường sinh khởi phân biệt
Pháp tánh chẳng phải sinh
Cũng chẳng phải hoại diệt
Người mê không hiểu rõ
Phân biệt đủ các thứ
Người định nên quán sát
Thế gian chỉ tích tụ
Hoặc nghiệp chẳng phải nghiệp
Ở đây chớ tư duy
Các cõi cùng qua lại
Như mặt trời, mặt trăng
Không nương dựa hư không
Theo gió mà vận chuyển
Tánh nghiệp rất sâu kín
Mật nghiêm có thể thấy
Người tu tập quán hành
Không bị nghiệp ràng buộc
Ví như lửa đốt cây
Chốc lát thành tro tàn
Lửa trí đốt củi nghiệp
Nên biết cũng như vậy
Như đèn sáng phá tối
Một niệm đều dứt hết

Các nghiệp chướng tối tăm
Nhiều kiếp đã huân tập
Đèn trí tuệ Phật chiếu
Sát-na đều trừ diệt.

-oOo-

Phẩm 5: PHÂN BIỆT QUÁN HÀNH

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng lại bảo đại chúng:

–Này các Nhân giả! Ví như có người ở chỗ đất trống, lấy bùn, ngói, cỏ, cây tập hợp lại làm thành cái nhà, làm xong lại quán sát kỹ mọi vật thì không phải là nhà, lại như nhiều ngón hợp lại thành nắm tay, rời ngón tay mà tìm nắm tay thì không thật có. Quân lính, xe cộ, thành ấp, núi rừng, bình, vỏ, tất cả đều do hòa hợp mà thành. Người trí quán sát tất cả đều như những việc trong mộng, thân phàm phu, ngôi nhà cũng như vậy. Các cõi tích tụ, ví như núi cao nguy hiểm, tạm bợ không an ổn, như nhà mục nát, không sinh, không diệt, chẳng này chẳng kia, như thành Càn-thát-bà, như ảnh, như mây, như sóng nắng, như tượng vẽ tuy có thể hiện tại thấy tánh thường thanh tịnh, xa lìa tất cả sự phân biệt có, không. Như người mù què chân giả có tướng đi, nhưng không có tánh chắc thật, dù cho phân tích đến như hạt bụi nhưng chỉ là tên gọi, không có thật các vật. Nếu những người tu tập thiền định tư duy như vậy thì đối với sắc, thanh pháp không sinh giác niệm, ai diệt được giác niệm thì tâm được dừng nghỉ, tự tại giải thoát không thọ các nghiệp, thường tu tập thiền định rất thâm sâu, các Tiên nhân, Thiên nữ xinh đẹp đến cúng dường xem như việc nằm mộng không sinh khởi sự tham đắm. Thân tuy ở đây mà các Tiên nhân, ngoại đạo trì trú cho đến Phạm thiên cũng không thể thấy được đỉnh đầu. Người ấy không lâu được sinh trong cung điện Bảo Tạng ma-ni, đạt được thần thông, đầy đủ các công đức, pháp quán hành này là cảnh giới thực hành của người có tâm rộng lớn. Các ông nên nhanh chóng phát tâm Bồ-đề. Người có tâm rộng lớn mau được sinh vào cung điện hào quang sáng chói, xa lìa các tham dục, sân giận, ngu si, sẽ được đến cõi Mật nghiêm. Cõi này rộng lớn vi diệu tịch tĩnh, không có các hoạn nạn già, bệnh, chết, xa lìa các tướng, chẳng phải là chỗ hành của thức. Người vọng chấp thì không thể đạt được.

Này các Nhân giả! Cõi này thanh tịnh, là chỗ quán hành, người nào mong đạt được phải siêng tu tập, đoạn trừ tham, sân, si, xa lìa ngã và ngã

sở. Vì sao? Vì tham, sân, si và phiền não chấp các cảnh giới, nếu chấp thủ đối với cảnh giới thì sinh nhị giác. Như có người nữ xinh đẹp khả ái, người có nhiều lòng dục nhìn thấy sinh tâm tham muốn, mê loạn. Lúc đi, ngồi, ăn uống, ngủ nghỉ người ấy luôn tưởng nhớ đến cô ấy, không nghĩ việc khác. Hình dáng của người nữ kia thường hiện trong tâm, tâm người này bị cảnh làm nhiễm ô tán loạn, vì thế đối với cảnh giới không nên tham đắm. Này các Nhân giả! Ví như có người thấy có loài bò, nai, dê có sừng, liền biết hổ và thỏ là không có sừng. Giả sử không thấy bò, nai, dê… có sừng thì đối với thỏ và hổ nhất định không sinh sự thấy là không có sừng. Người thế gian vọng thấy cũng như vậy. Người chấp có thì sinh phân biệt có, về sau tìm thể tánh của nó không có, nên cho rằng các pháp nhất định là không, cho đến nếu người chưa xa lìa tâm phân biệt, thường sinh sự hiểu biết không bình đẳng cũng như vậy.

Này các Nhân giả! Nên dùng trí tuệ quán sát tất cả cảnh giới hoạt động của tâm đều như người vọng chấp thấy bò và thỏ. Nếu các ông quán sát như vậy thì được tùy theo ý của mình hoặc sinh trong loài người được làm vua Chuyển luân có oai lực lớn vượt hư không mà đến đây, hoặc sinh vào cung điện trên mặt trăng, mặt trời và các ngôi sao, cõi Tứ Thiên vương, Tam thập tam thiên, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, cho đến trời Tự tại làm chủ kho tàng cung điện báu. Hoặc sinh trong các cõi trời cõi Sắc làm thân Phạm thiên, ở cõi Phạm thiên tu mười pháp định. Trong các cõi trời Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến. Này Thiện Hiện! Sắc cứu cánh, Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu, Phi tưởng phi phi tưởng, dần dần trừ hết tham dục, từ đó mà được sinh về cõi Phật thanh tịnh, thường ở trong định vi diệu giải thoát chân thật.

Lúc ấy, Bồ-tát Kim Cang Tạng liền nói kệ:

Do như bình vỡ
Mà thành gạch vụn
Sát na khác biệt
Liên tục vô thường.
Do giống sinh mầm
Mầm sinh giống hoại
Như người thợ gốm
Dùng đất làm bình.
Đất là pháp chỉ
Màu bình như đất
Nếu dùng thêm loại
Đất sắc khác làm.

Lửa nung chín rồi
Sinh nhiều màu sắc
Tiễn trúc sinh hành
Sừng sinh từ tỏi.
Ở chỗ nhơ bẩn
Ruồi sinh từ trùng
Pháp trong thế gian
Có quả giống nhân.
Hoặc có các vật
Chẳng giống với nhân
Do nhân biến hoại
Mà có quả sinh
Vô số các nhân
Thể không biến hoại
Chẳng nên vọng chấp
Phân biệt như vậy
Không ngã chủ tể
Thắng ngã trong ngã
Chẳng có ý ngã
Cảnh giới các căn
Hòa hợp làm nhân
Sinh từ nơi thức
Bậc trí phương tiện
Khéo biết các cảnh
Phá trừ phiền não
Tất cả các ma
Thế gian tham ái
Như lạt được mật
Nếu trừ tham ái
Giải thoát trói buộc.
Như loài rắn độc
Độc sân cũng vậy
Trong nẻo sinh tử
Bị nhiều khổ não
Các vị nếu muốn
Dứt trừ khổ não
Hãy nên chuyên tâm
Tu tập quán hành.

-oOo-

Phẩm 6: KIẾN LẬP A-LẠI-DA

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bảo đại chúng:

–Các Nhân giả! Ta nhớ thuở xưa nhờ oai lực của Phật mà được định vi diệu, bỗng nhiên thấy rõ những người thế gian tu tập thiền định và chư Phật Bồ-tát cùng ở trong các cõi nước khắp mười phương. Trong đó cõi Phật Mật Nghiêm là an lạc nhất. Chư Phật Bồ-tát số như vi trần ở Liên hoa tạng. Lúc ấy ta nhất tâm chiêm ngưỡng, từ trong định tự thấy thân mình cùng các Bồ-tát ở trong cõi Mật nghiêm, lại thấy tạng giải thoát bằng như đốt ngón tay ở trong cung, sắc tướng sáng như hoa A-đát-tư, cũng như trăng sáng giữa hư không. Vừa thấy ta liền nghĩ: Đây là gì mà có việc không thể nghĩ bàn như vậy? Lúc đang nghĩ, ta liền thấy thân ta ở trong thân đó, ở trong đó thấy khắp thế gian. Bấy giờ, vô lượng Bồ-tát ở trong Liên hoa tạng cũng đều thấy và nghĩ: "Đây là việc không thể nghĩ bàn. Khi Đức Phật thể hiện những việc ấy rồi, liền thâu thần lực, các Bồ-tát đều trở lại như cũ. Ta thấy việc hy hữu này rồi, biết vô số Bồ-tát thị hiện, cảnh giới của Phật đây không thể nghĩ bàn." Các Nhân giả! Như Lai xưa, lúc còn làm Bồ-tát, từ địa Hoan hỷ thứ nhất đến địa Pháp vân, được pháp Tổng trì câu nghĩa vô tận và các Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, ý sinh thân, tám thứ giải thoát, ứng hiện Thần thông giáo hóa gọi là Quang minh, tất cả công đức như vậy đã thành tựu, được thanh tịnh, mau thành Chánh giác, trụ cõi Mật nghiêm, tùy nghi giáo hóa. Vô số hình tượng Phật và Bồ-tát tự nhiên hiện khắp tất cả thế gian chuyển diệu pháp luân, khiến các chúng sinh diệt trừ ngu si, tu hành thiện pháp. Hoặc có Bồ-tát thấy thân tướng Phật Thi-lợi-bà-tha đủ tướng trang nghiêm, tự nhiên chiếu sáng, như ánh lửa lớn cùng các Bồ-tát trụ trong cung hoa sen thanh tịnh, thường ở trong định vi diệu an lạc. Hoặc thấy Đại thọ Khẩn-na-la vương, hiện trăm ngàn ức các thứ biến hóa như ánh trăng sáng chiếu khắp các cõi nước, hoặc thấy vô lượng chư Thiên trí tuệ thiện xảo, các tướng trang nghiêm, đầu đội mão báu, thân đeo chuỗi ngọc ở các cõi trời Đâu-suất… Hoặc thấy Phổ Hiền có oai lực lớn, được Nhất thiết trí biện tài vô ngại, ánh sáng nơi thân không có ai bằng, ở nơi cung điện như trăng tròn sáng, tuy ở trong biển chánh định Mật nghiêm mà hiện các hình tượng biến khắp tất cả, được các Hiền thánh cùng khen ngợi, tán thán. Vô lượng Trời, Tiên, Càn-thát-bà, Quốc vương, Thái tử cùng quyến thuộc vây quanh hầu hạ. Hoặc thấy có vị tu pháp quán hành, các

chúng chư Thiên vây quanh, trụ thiền vắng lặng giống như đang nằm ngủ mà xa lìa sự hôn trầm biếng nhác, đã từng hầu hạ vô lượng chư Phật. Hoặc thấy bậc Đại Đạo sư thị hiện đản sinh, xuất gia, khổ hạnh, tu tập chánh định cho đến nhập Niết-bàn, hiện các thần thông đi, đứng, nằm, ngồi giữa cõi hư không khiến cho chư Thiên và loài người từ cõi Diêm-phù-đề cho đến trời Sắc cứu cánh đều được chiêm ngưỡng.

Các Nhân giả! Thể tánh chư Phật chỉ có Phật mới biết, trí tuệ của Phật tối thượng không ai bằng. Như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã được làm Bậc Sư Tử trong loài người, các ông cũng sẽ được như vậy. Vì thế các ông nên sinh lòng tin thanh tịnh, tin vào tánh Phật thì được giải thoát. Người ấy, hoặc sẽ được làm Chuyển luân thánh vương và các Tiểu vương cho đến sinh ở trong cung Phạm thiên được làm Thiên chủ. Các chư Thiên này chuyên cần tinh tấn ở nơi cõi Phật Liên hoa tạng thanh tịnh cùng các Bồ-tát từ hoa sen hóa sinh, nhập vào đạo Nhất thừa xa lìa tập khí tham, sân, thu phục các thiên ma ở cõi Dục, tinh tấn chí không khiếp nhược, làm cho ánh sáng Phật pháp chiếu khắp các cõi nước.

Các Nhân giả! Nếu muốn làm Phật thì chủng tánh Phật phải thanh tịnh, chủng tánh ấy thanh tịnh rồi tức được Như Lai thọ ký thành Vô thượng Chánh giác, làm lợi ích cho tất cả những người tu hành. Ví như đại địa làm chỗ nương cho tất cả chúng sinh. Như lương y khéo bào chế thuốc khi khắp thành ấp, bình đẳng cứu giúp tất cả người bệnh, Đức Phật cũng như vậy, tâm bình đẳng giáo hóa không phân biệt, dù có bị chúng sinh cắt da thì tâm cũng không động.

Các Nhân giả! Cảnh giới sở hành trong ngoài của tâm, đều chỉ là thức mê loạn mà thấy, ở đây không có ngã và ngã sở, năng sở cả hai tất cả đều là cảnh giới của ý thức, nương vào A-lại-da mà phân biệt như vậy. Ví như có người đặt viên ngọc vào trong nắng mặt trời, hoặc do đồ lấy lửa mà sinh ra lửa, lửa này chẳng phải ngọc, đồ lấy lửa sinh, cũng chẳng do người làm. Tâm, ý, thức cũng như vậy, do căn cảnh tác ý hòa hợp mà sinh, tánh này có phải của mê hoặc như sóng nắng, mộng huyễn sự chấp thủ, hay giống lông rùa sừng thỏ, như sét đánh ra lửa, là từ nước, từ điện, từ sấm mà sinh chăng? Không thể nhất định biết chỗ sinh. Như thấy người thợ gốm tạo ra các loại bình, các thứ dục, tâm, pháp cùng tâm sinh cũng như vậy.

Các Nhân giả! Thể tánh của tâm không thể nghĩ bàn, người trong cõi Mật nghiêm mới có thể thấy biết hoàn toàn.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da của chúng sinh xưa nay viên mãn thanh tịnh, vượt ngoài thế gian cùng ở Niết-bàn, như ánh trăng sáng hiện khắp

các cõi nước, người thế gian thấy có khuyết tròn nhưng thể tánh của trăng vẫn chưa từng tăng giảm, tạng thức cũng như vậy, hiện khắp trong cảnh giới của tất cả chúng sinh, tánh thường viên mãn thanh tịnh không tăng, không giảm, người vô trí vọng sinh chấp trước. Nếu có năng lực hiểu biết chân chánh thì được chuyển y vô lậu sai biệt, được pháp sai biệt này rất khó. Như trăng ở trong mây mà tánh vẫn thường sáng tỏ, tạng thức cũng vậy, thức lưu chuyển trong cảnh giới tập khí nhưng vẫn thường thanh tịnh. Như cây ở trong sông theo dòng trôi, nhưng cây cùng với dòng thể tướng khác nhau, tạng thức cũng vậy, các tập khí khác thường sinh khởi mà thức không bị nhiễm ô.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da thường làm chỗ y cứ của các pháp nhiễm tịnh, là cảnh giới thiền định hiện pháp lạc trú của các Thánh nhân và các cõi trời người. Các cõi nước chư Phật đều lấy đó làm nhân, thường làm chủng tánh cho các thừa. Nếu ai giác ngộ được tức thành Phật đạo.

Các Nhân giả! Tất cả chúng sinh có đủ công đức oai lực tự tại cho đến sinh chỗ hiểm nạn, thức A-lại-da thường ở trong đó làm chỗ y cứ. Chúng sinh từ vô thủy ở trong cảnh giới này, tự mình làm tăng trưởng tập khí các nghiệp, cũng có thể tăng trưởng bảy thức khác, do hàng phàm phu chấp có chủ thể và đối tượng ở trong ngã.

Các Nhân giả! Ý ở trong thân như gió thổi nhanh, gió nghiệp thổi làm các căn chuyển biến, bảy thức đồng thời chuyển như sóng dậy. Tánh vi trần thù thắng, thời gian tự tại, thế gian của ngoại đạo chấp đều là thức A-lại-da thanh tịnh.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da do nghiệp lực cũ và ái làm nhân, tạo thành thế gian bao nhiêu phẩm loại, người vọng chấp cho mình tạo ra, thể tướng của thức này vi tế khó biết, người mê chưa thấy rõ tâm chân thật, đối với căn, cảnh ý sinh tham ái.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng lại nói kệ:

Này Phật tử các ông
Vì sao chẳng nghe thấy
Tánh tạng thức thanh tịnh
Chỗ nương tựa các thân.
Hoặc đủ ba mươi hai
Tướng Phật và Luân vương
Hoặc vô số thân hình
Thế gian đều thấy được.
Như trăng sáng giữa không

Các sao cùng vây quanh
Các thức, A-lại-da
Ở trong thân cũng vậy.
Như Thiên chủ cõi Dục
Người hầu trong cung báu
Các thần ở sông biển
Trong nước được tự tại.
Tạng thức ở thế gian
Nên biết cũng như vậy
Như đất sinh các vật
Tâm này hiện nhiều nơi.
Ví như vua mặt trời
Rực sáng ngự cung báu
Đi quanh núi Tu-di
Chiếu sáng khắp trời, người.
Chư Thiên và thế gian
Thấy rồi liền kính lễ
Phật trong cõi tạng thức
Tướng ấy cũng như vậy.
Hành các hạnh mười Địa
Hiển bày pháp Đại thừa
Ban vui khắp chúng sinh
Thường tán thán Như Lai.
Ở nơi thân Bồ-tát
Đây gọi là Bồ-tát
Phật cùng các Bồ-tát
Đều là A-lại-da.
Phật và các Phật tử
Đã thọ, sẽ thọ ký
A-lại-da rộng lớn
Sẽ được thành Chánh giác.
Các định ở Mật nghiêm
Cùng định diệu tương ứng
Ở nơi A-lại-da
Quán sát thấy rõ ràng
Phật và Bích-chi-phật
Thanh văn, các ngoại đạo
Người thấy lý không sợ

Quán sát nơi thức này
Vô số các cảnh thức
Đều từ tâm biến hiện
Bình, vỏ và các vật
Như vậy tánh đều không
Đều nương A-lại-da
Chúng sinh thấy mê mờ
Do vì các tập khí
Chấp và đối tượng chấp
Tánh này chẳng như huyễn
Sóng nắng và quáng mắt
Chẳng sinh, chẳng không sinh
Chẳng không cũng chẳng có
Ví như tướng dài ngắn
Lìa một tức là không
Người trí quán việc huyễn
Đấy chỉ là huyễn thuật
Chưa từng có một vật
Mà đồng sinh cùng huyễn
Sóng nắng và quáng mắt
Hòa hợp có thể thấy
Lìa một, không hòa hợp
Quá khứ, vị lai không
Những việc huyễn như thế
Mỗi mỗi tướng các vật
Đều do tâm biến hiện
Không thể cũng không danh
Người mê hoặc trong đời
Tâm họ không giải thoát
Vọng thuyết có việc huyễn
Huyễn thành vô số vật
Huyễn sư dùng ngói gạch
Tạo ra các đồ vật
Chuyên cần hoặc đến đi
Thấy việc này chẳng thật
Như sắt nhờ nam châm
Mà di chuyển vị trí
Tạng thức cũng như vậy

Tùy chỗ phân biệt chuyển
Tất cả các thế gian
Đều hiện khắp mọi nơi
Như mặt trời, ngọc báu
Không tư duy phân biệt
Thức này hiện khắp nơi
Thấy cho là lưu chuyển
Không sinh cũng không chết
Pháp vốn chẳng lưu chuyển
Người định thường quán sát
Sinh tử vốn như mộng
Khi ấy liền chuyển y
Gọi là được giải thoát
Đây tức là giáo lý
Tối thượng của chư Phật
Tư duy tất cả pháp
Như cân, như gương sáng
Lại như đèn sáng lớn
Cũng như thử đá vàng
Xa lìa nơi đoạn diệt
Nêu lên tướng chánh đạo
Người tu hành diệu định
Đạt được nhân giải thoát
Xa lìa các tạp nhiễm
Mà hiện rõ chuyển y.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

QUYỂN HẠ

Phẩm 7: CẢNH GIỚI TỰ THỨC

Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng quán khắp mười phương, từ trong ngọc châu nơi búi tóc phóng ra ánh sáng lớn, ánh sáng ấy chiếu khắp tất cả cõi nước và các chúng Bồ-tát trong hội Mật nghiêm. Phóng ánh sáng rồi, vị này liền bảo Bồ-tát Như Thật Kiến:

–Nhân chủ! Trong núi tuyết có một con thú dữ gọi là Năng hại, dùng trăm ngàn sự biến hóa bắt các loài thú ăn thịt. Nếu nó thấy nai cái có con liền giả tiếng kêu bi thương của nai con, hoặc thấy nai cái liền hiện có sừng giống như vậy để gần gũi, khiến cho nai cái kia không sợ rồi hại mà ăn thịt, thấy các loài bò, ngựa và các loài cầm thú đều giả hình dạng giống như vậy tùy ý làm ác. Này Nhân chủ! Tất cả ngoại đạo đối với A-lại-da sinh ngã kiến cũng như con thú dữ kia biến hóa vô số hình, người chấp ngã và ngã tướng mỗi thứ sai khác cho đến rất nhỏ như vi trần. Này Nhân chủ! Các ngã chấp này trụ ở đâu? Chỉ trụ nơi thức của mình không trụ ở chỗ khác. Người chấp ngã cho rằng: Ngã cùng ý căn hòa hợp, ý căn, cảnh hòa hợp mà có thức sinh vốn không có ngã. Như duyên bên ngoài cùng hòa hợp với hoa mà có mùi hương, khi chưa hòa hợp thì không có hương. Do đó nên biết, chỉ có tâm thức và tâm pháp không có ngã riêng, như quả ở trong mâm, như đèn ở trong lồng, như người được cỏ Y-thi-ca văn đồ, chỉ do tâm nhân duyên và tâm pháp sinh, trong này không có ngã cũng không có sinh, chỉ một tướng vi diệu xưa nay vắng lặng, là cảnh giới tự chứng của người tu pháp Quán hành của chư Phật, Bồ-tát, hàng ngoại đạo không hiểu do thức nên sinh ngã kiến, không biết pháp trí mà phân biệt chấp trước có không, hoặc luận về một hoặc nhiều ngã và ngã sở. Như con thú dữ kia giết hại rất nhiều loài vật, kiến chấp này cũng như vậy, khiến cho các chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử, không chịu gần gũi Phật, Bồ-tát và các bậc Thiện tri thức, thế nên, lần lượt xa lìa, không có lúc hướng về trái với Thánh đạo, mất hết lợi ích. Đối với pháp Tam thừa cho đến Nhất thừa cũng không được chứng đắc, do chấp trước ràng buộc nên không thấy sự thật, không

được dự vào cõi Mật nghiêm cho đến tên gọi cũng không được nghe. Này Nhân chủ! Những người tu Quán hành đều nhân nơi thức thanh tịnh này mà trừ ngã kiến, ông và các Đại Bồ-tát cũng nên siêng tu như vậy, lại giảng nói cho các người khác khiến chóng hội nhập vào cõi Phật Mật Nghiêm.

-oOo-

Phẩm 8: A-LẠI-DA VI MẬT

Bấy giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên là Bảo Thủ nói với vua chúng Sắc Tối Thắng:

–Nhà vua nên thưa hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng trụ ở trong Tam-muội, tất cả thế gian có các pháp xa lìa các phân biệt và danh tự, không tương ưng với danh tướng, tự tánh của pháp ấy trụ ở đâu, các Phật tử này nhất tâm mong được nghe.

Khi ấy vua Sắc Tối Thắng liền theo nghĩa đó mà hỏi:

Danh tướng các cảnh giới
Tất cả pháp thế gian
Đây chỉ là phân biệt
Do lìa phân biệt có.
Như vậy mà lập danh
Danh ấy trú chỗ nào
Bậc Kim cang tự tại
Xin giảng nói cho tôi.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng dùng kệ đáp:

Các pháp trong thế gian
Tất cả chỉ có danh
Do tưởng mà lập nên
Lìa danh không nghĩa khác.
Bốn uẩn chỉ danh tự
Vì thế gọi là danh
Như tên gọi trưởng giả
Chỉ danh không có thể.
Phật và các Phật tử
Chỉ nhân tướng gọi tên
Lìa tướng mà có danh
Là phân biệt không thành

Do vì nương nơi tướng
Phân biệt vô số danh
Như cung kính, nói năng
Đây đều không thật có
Chỗ phàm phu phân biệt
Đều nương chấp theo tướng
Vì vậy pháp thế gian
Lìa tướng tức là không
Bình, vỏ và xe cộ
Tên gọi đều khác nhau
Sắc tướng có thể thuyết
Thể tánh không thật có
Các sắc pháp thế gian
Chỉ có tướng không khác
Nương vào tướng lập danh
Danh này không thật có
Vua nên quán thế gian
Lìa danh không thật có
Chỉ do tâm phân biệt
Sinh khởi sự chấp trước
Nếu xa lìa phân biệt
Thì chấp thủ không sinh
Vô sinh tức chuyển y
Chứng được pháp vô tận
Vì thế nên Đại vương
Thường phải quán tưởng pháp
Chỉ là tâm phân biệt
Lìa đây thì không có
Hình tướng và thể chất
Tăng trưởng cùng hoại diệt
Những tên gọi như vậy
Đều chỉ là tưởng sắc
Danh, tướng và phân biệt
Thể tánh vốn không khác
Tùy theo nghĩa thế tục
Kiến lập không giống nhau
Nếu xa lìa danh tự
Tìm kiếm thể của vật

Quá khứ và vị lai
Việc này không có được
Biết các thức sinh khởi
Biết pháp không thật có
Biết nó chỉ là danh
Pháp thế gian như vậy
Do danh phân biệt pháp
Pháp không đúng với danh
Các pháp tánh như vậy
Không trụ nơi phân biệt
Do pháp chỉ có danh
Tưởng thì không có thể
Tưởng không, danh cũng không
Nếu không còn phân biệt
Thân tâm đều thanh tịnh
Như lửa đốt cây rồi
Hoàn toàn không sinh hại
Ví như người gánh nặng
Tên người gánh nặng này
Tùy gánh nặng nên khác
Tướng người gánh khác nhau
Danh như vật được gánh
Phân biệt tên người gánh
Do nơi các loại danh
Phân biệt tên khác nhau
Như thấy người làm ác
Thấy người do làm ác
Người ác phân biệt hai
Chỉ có nơi danh tự
Trong các đại hòa hợp
Do phân biệt có sắc
Nếu xa lìa các đại
Sắc tánh tức không có
Như đức y nơi bình
Bình theo tên cũng vậy
Bỏ tên mà lấy bình
Bình hoàn toàn không có
Bình không trụ thể bình

Danh đâu trụ ở danh
Cả hai sinh phân biệt
Danh lượng cũng chẳng có
Người trụ định như vậy
Tâm không bị dao động
Ví như vàng và đá
Xưa nay tướng nước không
Cùng với lửa hòa hợp
Hoặc như nước lưu chuyển
Tạng thức cũng như vậy
Thể pháp chẳng lưu chuyển
Các thức cùng tương ưng
Cùng pháp đồng lưu chuyển
Như sắt nhờ nam châm
Mà di chuyển qua lại
Cả hai không quan hệ
Tướng trạng có quan hệ
Lại da cùng bảy thức
Nên biết cũng như vậy
Bị tập khí trói buộc
Không người mà vẫn có
Ở khắp thân chúng sinh
Đi khắp các đường hiểm
Như sắt cùng nam châm
Cả hai chẳng biết nhau
Hoặc xa lìa đường hiểm
Mà trụ nơi các Địa
Lực thần thông tự tại
Thủ-lăng-nghiêm Như huyễn
Cho đến Đà-la-ni
Đều thành tựu tất cả
Tán thán công đức Phật
Và làm việc cúng dường
Hoặc hiện vô lượng thân
Một thân vô lượng tay
Vai, đầu, miệng và lưỡi
Dần dần đến vô lượng
Đi đến mười phương cõi

Cúng dường các Như Lai
Hoặc mưa các hoa đẹp
Y báu và chuỗi ngọc
Chất thành đống to hơn
Như ngọn núi Tu-di
Cúng dường các Như Lai
Và các vị Bồ-tát
Hoặc làm cung điện báu
Như mây sáng rực rỡ
Hóa hiện các Thiên nữ
Dạo chơi ở trong đó
Dùng đủ thứ âm nhạc
Để dâng cúng chư Phật
Hoặc cùng Phật, Bồ-tát
Thường ở chung một chỗ
Tự tại mà nhiếp phục
Tất cả các ma oán
Tự chứng đắc Tam-muội
Chuyển được chỗ sở y
Xiển dương năm loại pháp
Tám thức và vô ngã
Liên tục không dừng nghỉ
Nhất tâm mà cúng dường
Hoặc hiện làm thân nhỏ
Số đó như vi trần
Hoặc hiện làm thân lớn
Vô biên không thể lường
Đủ các loại sắc tướng
Để cúng dường Như Lai
Hoặc ở trong thân mình
Thâu nạp các thế giới
Đặt ở trong hạt cải
Đem biển cả gom thành
Bằng như dấu chân bò
Trong các chúng sinh này
Thân tâm không loạn động
Dùng tất cả vật dụng
Bình đẳng làm lợi ích

Như nhật, nguyệt, như đất
Như nước và lửa, gió
Lại như cõi báu lớn
Cũng như vị thuốc hay
Các pháp không sinh diệt
Không đoạn cũng không thường
Một, khác và đến đi
Như vậy đều không có
Giả lập các thứ danh
Đây là tánh Biến kế
Các pháp giống như huyễn
Như mộng thành Thát-bà
Sóng nắng, trong sắc nước
Vòng lửa, mây, điện chớp
Trong đó vọng chấp thủ
Đây là tánh Biến kế
Đủ các thứ tên gọi
Vô số pháp thuyết giảng
Đây đều không thật có
Là do tánh Biến kế
Tất cả pháp thế gian
Không xa lìa danh sắc
Đây đều chỉ có danh
Lìa danh không nghĩa khác
Tánh Biến kế như vậy
Ta vì thế gian thuyết
Mắt duyên theo các sắc
Hòa hợp cùng sinh khởi
Tiếng phát theo dùi trống
Mầm từ đất mà sinh
Cung điện và bình, vỏ
Đều do các duyên khởi
Chúng sinh và các pháp
Đều nương theo tha tánh
Hoặc là pháp vô lậu
Không thể lìa nghĩa này
Tự chứng trí sinh khởi
Tánh này là chân thật

Tướng các pháp sai biệt
Tự tánh pháp đã thuyết
Nếu xa lìa tự tánh
Các pháp không hiện rõ
Như người dùng các vật
Làm đủ thứ hình giả
Sắc tướng tuy không đồng
Tánh đều chẳng chắc thật
Thế gian đều như vậy
Các thứ đều không thật
Do vọng tình chấp trước
Biến kế chẳng có khác
Ví như ngọc Ma-ni
Tùy sắc mà hiện hình
Thế gian cũng như vậy
Chỉ do phân biệt có
Thể dụng không tồn tại
Vì tánh Biến kế này
Như thành Càn-thát-bà
Không thành mà giống thành
Cũng chẳng phải không nhân
Có thể thấy như vậy
Thế gian vô số vật
Nên biết cũng như vậy
Mặt trời và các núi
Nhà cửa và khói mây
Mỗi thể tướng khác nhau
Chưa từng có xen lẫn
Không cùng không tự, tha
Thể tánh đều không thành
Chỉ là chỗ phân biệt
Tự tánh của Biến kế
Các vật ngoài nhân sinh
Chẳng phải không có nhân
Hoặc có hoặc không có
Đây đều là vọng chấp
Danh nương tướng sinh khởi
Hai thứ phân biệt sinh

Chánh trí và như như
Xa lìa sự phân biệt
Tướng tâm như hiện rõ
Ý cùng làm sở y
Ý và năm tâm sinh
Cũng giống như sóng biển
Tập khí không bắt đầu
Cảnh giới cũng như vậy
Do tâm tập khí sinh
Cảnh khiến tâm mê loạn
Nương theo thức Lại da
Tất cả các chủng tử
Cảnh giới tâm như hiện
Vì thế gian mà thuyết
Bảy thức, A-lại-da
Lần lượt sinh ra tướng
Tám loại thức như vậy
Không thường cũng không đoạn
Tất cả các thế gian
Tợ có sự sắp đặt
Chấp có các chúng sinh
Ngã và ba hòa hợp
Phát sinh các thứ thức
Phân biệt các cảnh giới
Hoặc vọng chấp là có
Do người tạo nghiệp nhân
Sinh ở cõi Phạm thiên
Trong ngoài các thế gian
Thế gian chẳng ai tạo
Nghiệp và vi trần nghiệp
Chỉ là A-lại-da
Biến hiện giống với cảnh
Tạng thức không duyên tạo
Thức cũng không tạo duyên
Các thức tuy lưu chuyển
Không có ba hòa hợp
Thể Lại-da thường trụ
Các thức cùng sinh khởi

Như bánh xe, thủy tinh
Cũng như trăng và sao
Từ đây sinh tập khí
Mỗi loại tự tăng trưởng
Lại tăng trưởng thức khác
Các thức khác cũng vậy
Thường lưu chuyển như vậy
Người ngộ tâm mới biết
Ví như lửa đốt cây
Lần lượt mà lan khắp
Cây này đốt cháy rồi
Lại đốt sang cây khác
Nương theo thức Lại-da
Tâm vô lậu cũng vậy
Trừ dần các hữu lậu
Đoạn dứt pháp luân hồi
Đây là hiện pháp lạc
Nơi cảnh giới Tam-muội
Con đường của bậc Thánh
Truyền khắp mười phương nước
Như vàng ở trong quặng
Không thể thấy được vàng
Người trí khéo nung luyện
Vàng ấy mới sáng ra
Tạng thức cũng như vậy
Bị tập khí trói buộc
Tam-muội đã tịnh trừ
Người hành định thấy sáng
Như lạc chưa đong váng
Hoàn toàn không thấy tô
Cho nên các bậc Trí
Nấu lạc mà được tô
Tạng thức cũng như vậy
Bị che bởi các thức
Những người định Mật nghiêm
Siêng quán mới chứng được
Ánh sáng lớn Mật nghiêm
Đáng xưng trí vi diệu

Phật tử siêng tu tập
Thường sinh trong nước này
Cõi sắc và Vô sắc
Không, thức, phi phi tưởng
Ở đó thường siêng tu
Mà sinh đến chỗ này
Các Phật tử trong đây
Oai quang giống mặt trời
Ở nơi chỗ tu hành
Giảng ý nghĩa tương ứng
Pháp chứng của Như Lai
Theo thấy mà chuyển y
Tất cả Phật Thế Tôn
Thọ quả vị Quán đảnh
Tuy trụ cõi Mật nghiêm
Tùy nghi hợp với vật
Hoặc thấy, hoặc nghe pháp
Giữa không mà biến hóa.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng lại bảo đại chúng:

–Các Nhân giả! Thức A-lại-da từ vô thủy đến nay huân tập các tập khí hý luận, lại bị các nghiệp trói buộc luân hồi không dừng. Như biển nhân nơi gió mà khởi lên các sóng thức thường sinh diệt không ngừng. Chúng sinh không tự biết được, theo thức của mình hiện ra các cảnh giới. Nếu tự biết rõ như lửa đốt củi, thì tập khí đều dứt trừ, đi vào quả vị vô lậu gọi là Thánh nhân.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da biến hóa tựa như các cảnh, hoàn toàn đối với thế gian ý nhiễm ô, duyên chấp theo ngã và ngã sở, các thức đối với cảnh, mỗi mỗi đều phân biệt.

Các Nhân giả! Tâm tích tập ý nghiệp cũng vậy, ý thức biết rõ tất cả các pháp, năm thức phân biệt cảnh giới hiện tiền, như người bệnh nhặm mắt thấy tựa như vầng quáng, ở trong tâm tựa như có sắc, chẳng phải sắc chấp là sắc.

Các Nhân giả! Như ngọc báu Ma-ni thể tánh thanh tịnh, nếu đặt giữa ánh sáng mặt trời, tùy theo chỗ thích ứng của viên ngọc mà mưa xuống các vật báu. Thức A-lại-da cũng vậy, là kho tàng thanh tịnh của các Như Lai cùng với tập khí hòa hợp biến chuyển giống như các sắc trong khắp thế gian, nếu hợp với tướng vô lậu thì mưa xuống các pháp công đức. Như sữa

biến thành ván sữa cho đến thành sữa đặc, thức A-lại-da cũng vậy, biến đổi giống như các sắc của thế gian, như người bị đau mắt, do bệnh nhặm mắt nên thấy giống như vầng quáng, tất cả chúng sinh cũng như vậy, do tập khí che lấp, ở trong tạng thức, mắt sinh ra các sắc cũng vậy. Sự thấy sắc này giống như sóng nắng xa lìa có, không đều là sự biến hiện của A-lại-da.

Này các Nhân giả! Nương theo nhãn sắc tựa có thức sắc, như việc huyễn sinh ở trong mắt, tướng ấy dao động như khi đốt ngọn lửa.

Các Nhân giả! Tất cả các sắc đều là A-lại-da cùng với sắc huân tập tương ưng biến hóa tựa như tướng của nó chẳng có thể khác biệt, đồng với sự phân biệt của phàm phu.

Các Nhân giả! Tất cả chúng sinh hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc đi, hoặc đứng, say sưa, ngủ nghỉ cho đến chạy tán loạn đều do thức A-lại-da. Ví như ánh sáng nắng gay gắt của mặt trời chiếu xuống mặt đất làm lay động giống như dòng nước làm cho những con thú đang khát mê lầm chạy theo. Thức A-lại-da cũng như vậy, thể tánh chẳng phải sắc mà hiện giống như sắc. Người phân biệt vọng sinh chấp trước như sức hút của nam châm khiến sắt di chuyển, tuy không có tâm tựa như có tâm. Thức A-lại-da cũng như vậy. Vì chấp giữa pháp sinh tử qua lại trong các nẻo, chẳng phải ngã mà giống ngã. Như trong nước có vật, tuy không có sự hiểu biết mà theo dòng nước chuyển động không dừng, thức A-lại-da cũng vậy, tuy không phân biệt mà nương thân vận hành. Như có hai con voi mạnh khỏe đấu nhau. Nếu một con bị thương nó liền rút lui. Nên biết thức A-lại-da cũng như vậy. Thức này đoạn các phần tập nhiễm, nhưng không bị lưu chuyển. Ví như hoa sen ra khỏi bùn sáng suốt thanh tịnh lìa khỏi phiền não, chư Thiên quý nhân thấy đều kính trọng, thức A-lại-da cũng vậy, ra khỏi bùn tập khí trong sáng, được chư Phật, Bồ-tát và bậc Đại nhân quý trọng. Như thế gian mong cầu có ngọc báu, đối với kẻ ngu thường bị nhiễm ô, bậc Trí được rồi liền dâng lên vua, dùng để trang sức làm mũ báu đội cho vua. Thức A-lại-da cũng vậy, là chủng tánh thanh tịnh của các Như Lai, đối với hàng phàm phu thường bị tạp nhiễm. Bồ-tát chứng đắc, đã đoạn dứt các tập khí cho đến thành Phật thường giữ gìn vật báu đó. Như ngọc quý ở trong nước bị vỏ ốc bao chung quanh, thức A-lại-da cũng vậy, ở trong biển sinh tử bị các tập khí ác ngăn che nên không hiện ra.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da có năng thủ, sở thủ, sinh ra hai tướng giống như rắn hai đầu muốn đến chỗ ưa thích. Cũng vậy thức này cùng với sắc tướng sinh khởi, người thế gian chấp làm sắc, hoặc chấp ngã, ngã sở hoặc có hoặc không, có thể tạo ra thế gian mà đối với thế gian được tự tại.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da tuy biến hiện nhiều loại mà tánh rất thâm sâu, người vô trí không thể hiểu rõ, ví như huyễn sư giả tạo ra các con vật hoặc đi hoặc chạy cũng như chúng sinh đều không nhất định là thật. Thức A-lại-da cũng như vậy, tạo ra các thế gian và chúng sinh nhưng không phải thật, kẻ phàm phu không hiểu, vọng sinh chấp trước. Bậc trượng phu khởi tánh thù thắng tự tại mà không thấy.

Các Nhân giả! Ý có thể phân biệt tất cả thế gian, cái thấy phân biệt này như tính chất trong tranh, như hình trong gương, như người nằm mộng thấy vật, như cung Thích Đề-hoàn Nhân, như thành Càn-thát-bà, như âm vang trong núi, như sóng nắng, như bóng cây trên dòng, như bóng trăng trong ao, người phân biệt đối với A-lại-da cũng vọng chấp như vậy. Hoặc có người đối với thức này có thể chân chánh quán sát, biết các thế gian đều là tự tâm thì sự thấy phân biệt này đều là chuyển diệt.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da là sở y và các pháp tập khí, là tâm phân biệt tán loạn, nếu xa lìa tâm phân biệt liền trở thành vô lậu, giống như hư không. Nếu các Bồ-tát ở nơi A-lại-da đắc Tam-muội sinh ra thiền định giải thoát vô lậu, được sức phương tiện thần thông tự tại, các pháp công đức, mười nguyện viên mãn thì ý sinh thân, chỗ chuyển sở y của thức thường trụ đồng với tánh của hư không chẳng hoại diệt.

Các Nhân giả! Như Lai thấy khắp tất cả thế gian không có hoại diệt. Người nhập Niết-bàn chẳng phải là hoại diệt, cũng chẳng phải không có chúng sinh mà nay mới sinh cõi nước trong mười phương đồng một pháp tánh. Chư Phật xuất hiện hay không xuất hiện ở thế gian, tất cả các pháp trụ nơi pháp tánh vẫn không thường không đoạn. Nếu người giải thoát cảnh giới sinh diệt của chúng sinh tức là hoại tánh Nhất thiết trí của Như Lai. Phật biết pháp quá khứ, vị lai, hiện tại không bình đẳng, nếu chúng sinh diệt Niết-bàn thì ai xa lìa khổ, hữu dư, vô dư và những việc hàn phục các ma đều là vọng thuyết. Do đó nên biết những người tu quán hành chứng được thân thường trụ giải thoát, xa lìa các uẩn, diệt các tập khí, ví như thanh sắt nóng bỏ vào nước lạnh, sức nóng tuy không còn nhưng thanh sắt vẫn không hoại diệt.

Các Nhân giả! Biển thức A-lại-da bị hý luận thô trọng va chạm nên năm pháp, ba tánh, sóng các thức tương tục sinh khởi, có cảnh giới và tướng dao động, ở nơi chỗ vô nghĩa mà hiện nghĩa như thật.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da đi trong rừng các uẩn, ý thì đi trước, ý thức quyết định sắc và các cảnh. Năm thức nương theo căn hiện rõ cảnh giới, chấp thủ cảnh giới đều là thức A-lại-da.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da cùng mạng sống, hơi ấm, xúc hòa hợp mà trụ. Ý trụ nơi thức này, thức này lại trụ nơi ý, ngoài ra năm thức cũng trụ nơi tự căn.

Các Nhân giả! Tâm ý, thức trụ nơi các uẩn bị nghiệp dẫn dắt lưu chuyển không dừng, ái nhân nơi nghiệp mà sinh, do nghiệp thọ thân, thân lại tạo nghiệp, bỏ thân này rồi lại thọ thân khác như trùng bò trong hang, tâm và tâm pháp sinh khởi các nẻo, lại chứa nhóm các uẩn.

Các Nhân giả! Mạng sống, hơi ấm và thức nếu xa lìa thân này thì không còn sự hiểu biết giống như gỗ, đá.

Các Nhân giả! Tâm chấp ngã tạng thức này gọi là ý, chấp thủ các cảnh giới gọi là thức, tâm có thể nương thân, ý chấp các cõi, ý thức hiện rõ năm thứ phân biệt. Tạng thức là nhân sinh khởi các thức, ý và ý thức lại từ đẳng vô gián duyên mà khởi, năm thức lại nương vào tăng thượng duyên mà sinh, đồng thời do tự căn làm tăng thượng.

Các Nhân giả! Thân như thây chết mà đứng dậy, như sóng nắng tùy theo các hành làm nhân duyên mà di chuyển, chẳng phải hư vọng, chẳng phải chân thật, bị tham ái dẫn dắt tánh không, vô ngã.

Các Nhân giả! Ý, các thức cùng tâm sinh, năm thức lại cùng ý thức sinh. Đại địa thường sinh khởi lưu chuyển như vậy.

Các Nhân giả! Thức A-lại-da bị ái huân tập mà được tăng trưởng, tự tăng trưởng rồi lại tăng trưởng các thức khác như bánh xe quay không dừng, vì các thức cho nên sinh ra các cõi, ở trong các cõi thức lại tăng trưởng, thức cùng thế gian hỗ tương làm nhân, như trong sông nước đầu dòng cuối dòng đều không ngừng chảy, như mầm cùng hạt giống tương tục mà sinh mỗi loại khác nhau hiện ra rõ ràng. Thức hành cũng vậy, hòa hợp ba thứ rồi rồi lại tiếp tục hòa hợp phân biệt mà sinh không đoạn dứt, nhân nơi các pháp trong, ngoài mà sinh khởi. Tất cả phàm phu không được tự tâm. Phật tử các ông nên siêng quán sát.

Lúc đó, vua chúng Sắc Tối Thắng lại hướng về Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói kệ:

Người được sự không sợ
Tạng Kim cang Tam-muội
Khéo nhập vào Mật nghiêm
Thuyết giảng tất cả pháp.
Phật và các Phật tử
Chánh tư duy Tam-muội
Thấy được tướng các pháp

Vi diệu không gì bằng.
Nguyện xin Bậc Đại Trí
Vì chúng tôi tuyên thuyết
Tôn giả thường an trụ
Cung Nguyệt tạng ma-ni.
Ngồi trên tòa Sư tử
Các Bồ-tát vây quanh
Mong vì các Đại chúng
Thuyết pháp Định Mật Nghiêm.
Đây là Phật Nguyệt Tràng
Vì Đại chúng diễn thuyết
Đại chúng sẽ đến đây
Xin thuyết không mỏi mệt.

Lúc đó, nơi vô lượng thân của Đức Phật Nguyệt Tràng ở cung điện chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc, có vô số Bồ-tát và chư Thiên vây quanh cúng dường, thuyết pháp Tu quán hành thật tướng và các pháp Vô sở úy ở trong hội Mật nghiêm, các vị Bồ-tát đó nghe rồi chứng được Tam-muội trí tương ưng, tâm không thích trụ vào quả vị cũng không thích trụ nơi thật tế, ở trong định cùng nhau quán sát. Tâm mỗi vị đều nghĩ: Ai đã thấy và chứng đắc pháp Thật tướng quán hành? Làm sao mà thấy được người này? Tâm họ sinh khát ngưỡng, cùng nhau im lặng. Các Phật tử đó lại nghĩ: Đây là định gì? Thế nào là chẳng phải định? Định ở chỗ nào? Những gì là đối tượng của định ấy? Nghĩ như vậy rồi, thấy vị đứng đầu của các Bồ-tát trong cõi Mật nghiêm, đầu đội mũ báu trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt các Vị Bồ-tát đó từ định xuất ra, mặc y phục tốt đẹp, ở vô lượng cõi Phật từ phương khác đến, nhất tâm chiêm ngưỡng Bồ-tát Kim Cang Tạng.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nhìn khắp bốn phương thấy các Đại chúng, liền sinh ý nghĩ muốn thuyết pháp, vui vẻ mỉm cười phát ra âm thanh hòa nhã nói kệ:

Này Phật tử các ông
Nên nhất tâm lắng nghe
Cảnh định khó nghĩ bàn
Chẳng do phân biệt biết
Định và người hành định
Duyên định cũng như vậy
Lìa các dục bất thiện
Sẽ có được giác quán
Tịch tĩnh sinh hỷ lạc

Là nhập vào thiền định
Lần lượt sinh như vậy
Bốn, tám cho đến mười
Ngoại đạo chấp trước ngã
Thường tu các định này
Tất cả hàng Thanh văn
Bích-chi-phật cũng vậy
Biết rõ ở thế gian
Tự tướng của các pháp
Uẩn, xứ như nhà trống
Trong này không có ngã
Không ý nghĩ, động tác
Như các phần thây chết
Chỉ có ba hòa hợp
Vốn không người tạo tác
Hàng ngoại đạo tu định
Khởi chấp về tánh không
Người này mê tướng pháp
Hoại diệt tất cả pháp
Nếu có thể tu hành
Định vi diệu Như Lai
Biết rõ uẩn vô ngã
Thì các chấp đều diệt
Tất cả chỉ có thức
Các pháp tướng đều không
Không tướng năng, tướng sở
Không giới cũng không uẩn
Phân tích đến vi trần
Cũng đều không chỗ trụ
Đất, nước cùng các vật
Đều từ phân biệt sinh
Người không biết tánh ấy
Chấp thủ tướng như vậy
Sắc xấu cùng sắc đẹp
Các sắc khác cũng vậy
Ví như trong hư không
Mây, sấm các tia chớp
Tư duy như bộ sương

Ở khắp cả thế gian
Và quán tưởng biến xứ
Quán ở trong các đại
Thân có sắc không sắc
Người định tư duy đúng
Nếu duyên theo một tâm
Gọi là duyên thanh tịnh
Như đối tượng phân biệt
Cảnh ấy thành sở duyên
Người tà định, định sai
Vọng chấp cho là định
Người định ở trong định
Rõ đối là tạng thức
Pháp và các pháp tướng
Tất cả đều diệt hết
Người được định thù thắng
Khéo giảng thuyết các định
Phá những người tu định
Biết pháp bằng trí sai
Hoặc người có trí kém
Chấp pháp và chấp ngã
Cho mình nói chân thật
Khéo thuyết giảng các pháp
Chấp trước các pháp tướng
Hại mình và hại người
Không tướng năng tướng sở
Vọng sinh thấy phân biệt
Vị ngọt hay trừ nóng
Đắng, chua, mặn trị đàm
Sự cay biến đổi lạnh
Mặn hay sinh bệnh phong
Trong thân có đàm, nhiệt
Cùng sinh ra bệnh sốt
Hoặc lại chỉ do gió
Ba thứ hòa hợp sinh
Do mỗi bệnh khác nhau
Lương y nói các cách
Đường phèn và đường cát

Cùng sáu loại thúc ăn
Trừ được các bệnh sốt
Và nhiều bệnh trong thân
Nếu pháp có tự tánh
Và cùng tất cả tướng
Người bệnh uống không đúng
Thuốc không trừ được bệnh
Người đời làm sao thấy
Uống thuốc bệnh được lành
Người định quán thế gian
Chỉ là thức Lại-da
Biến dị mà lưu chuyển
Như các con vật giả
Không tướng năng, tướng sở
Uẩn cùng với các uẩn
Cũng không khác chi phần
Do có các chi phần
Trong đời không chủ tể
Mà tạo ra thế gian
Gom tất cả vi trần
Chẳng phân tán mười phương
Lần đầu chẳng nhỏ nhất
Tiếp theo như ngón tay
Hai ngón hoặc ba ngón
Các vật hòa hợp chuyển
Mạt-na mỗi sai khác
Nghĩa như vậy đều không
Phi thời, phi thắng tánh
Và ba pháp tạo ra
Chẳng phải không có nhân
Tự nhiên mà có được
Đây do tập khí nghiệp
Làm cấu vế trong tâm
Nương tâm và nhãn căn
Các thứ vọng phân biệt
Ý cùng với ý thức
Và thêm A-lại-da
Hiện ra khắp thế gian

Như huyễn tạo các vật
Bình cùng các cảnh giới
Đều lấy tâm làm thể
Chẳng phải bình, giống bình
Cho nên nói là không
Các sắc của thế gian
Cung điện các cõi trời
Đều là A-lại-da
Biến đổi có thể thấy
Thân thể của chúng sinh
Từ đầu đến chân tay
Sinh nhanh hoặc sinh chậm
Không ngoài A-lại-da
Phiền não ở trong tâm
Phàm phu không thể thấy
Tánh này chẳng có thật
Cũng chẳng phải là không
Như người dùng các vật
Đánh vỡ những cái bình
Tánh vật nếu là không
Chẳng thể làm bình vỡ
Như lượng núi Tu-di
Ngã kiến chưa là ác
Kiêu mạng và chấp không
Ác này còn ác hơn
Tánh không, tùy căn thuyết
Không nên giảng sai chỗ
Nếu thuyết giảng sai chỗ
Cam lộ thành thuốc độc
Tất cả các chúng sinh
Sinh khởi các kiến chấp
Muốn đoạn trừ các kiến
Vì vậy thuyết lý không
Nghe không chấp làm thật
Không thể đoạn kiến chấp
Chấp này không thể trừ
Như bỏ việc chữa bệnh
Ví như lửa đốt cây

Cây hết, lửa không còn
Cây chấp nếu đã đốt
Lửa không, cũng tắt hết
Lúc lửa trí tuệ sinh
Các kiến chấp được trừ
Đốt hết các phiền não
Tất cả đều thanh tịnh
Mâu-ni dùng trí này
Giải thoát nơi Mật nghiêm
Không thấy dùng rừng thỏ
Phá hoại ở núi cao
Thạch nữ chẳng có con
Cầm tên bắn vào vật
Chưa nghe muốn chiến đấu
Mà tìm cung sừng thỏ
Ai tạo nên phòng nhà
Khiến con Thạch nữ tạo
Tất cả pháp tánh không
Cùng pháp thường đồng thể
Lúc đầu ở thai tạng
Sắc sinh thường hoại diệt
Lìa không chẳng có sắc
Lìa sắc chẳng có không
Như trăng cùng ánh sáng
Trước sau thường không khác
Các pháp cũng như vậy
Tánh không vẫn đồng nhất
Lưu chuyển không khác nhau
Chỗ làm được thành tựu
Thân này như tử thi
Xưa nay không tự tánh
Luôn bị ái ràng buộc
Bị cảnh động dẫn dắt
Phật thuyết giảng lý không
Vì muốn đoạn các kiến
Các ông người có trí
Phải nên nhất tâm học
Ví như nhà huyễn thuật

Dùng lực các chú thuật
Cỏ cây và các duyên
Tùy ý tạo các vật
Nương theo mắt và ái
Ý theo sắc, ánh sáng
Như vậy, nhãn thức sinh
Như huyễn, như sóng nắng
Thức này không chỗ đến
Cũng không có chỗ đi
Tánh các thức như vậy
Không nên chấp có, không
Như Thạch nữ có con
Như sừng thỏ, lông rùa
Xưa nay không có tánh
Vọng lập nên tên gọi
Loài sư, tử, gấu, bi
Đều là không có sừng
Vì sao chẳng phân biệt
Chỉ bảo thỏ không sừng
Người đàm luận khéo léo
Sao không thể tuyên thuyết
Những bậc Trí đời trước
Chỉ nói thỏ không sừng
Người mê vọng phân biệt
Như câm và điếc mù
Người này không có trí
Không thể tự chứng pháp.
Chỉ theo lời khác chuyển
Đâu cần phải phân biệt
Nếu xa lìa phân biệt
Nên sinh cõi Mật nghiêm
Trong chánh định nhất tâm
Hiện khắp mười phương cõi
Ví như cung điện trời
Các sao và mặt trăng
Nương ở núi Tu-di
Nhờ sức gió chuyển động
Bảy thức cũng vậy

Nương vào A-lại-da
Giữ gìn các tập khí
Mỗi mỗi thường lưu chuyển
Ví như nương nơi đất
Sinh trưởng tất cả vật
Tất cả loài hữu tình
Cho đến những ngọc quý
Tạng thức cũng như vậy
Chỗ nương của các thức
Ví như con chim công
Lông cánh nhiều màu sắc
Trống, mái ưa thích nhau
Cùng vui vẻ náo nức
Người định quán Lại-da
Nên biết cũng như vậy
Chủng tử và các pháp
Cùng lần lượt nương nhau
Ví như trăm dòng sông
Ngày đêm chảy ra biển
Dòng sông vẫn không cạn
Biển thì cũng chẳng khác
Tạng thức cũng như vậy
Thâm sâu không có bờ
Tập khí của các thức
Ngày đêm thường lưu chuyển
Như đất có nhiều báu
Và các loài vật khác
Ban cho các chúng sinh
Tùy theo người lấy dùng
Tạng thức cũng như vậy
Cùng khởi các phân biệt
Tăng trưởng ở sinh tử
Chuyển y thành Chánh giác
Hành thiện, hành thanh tịnh
Ra khỏi cả mười Địa
Vào trong địa Như Lai
Mười lực đều viên mãn
Chánh trụ nơi thực tế

Thường hằng không ngoại diệt
Như đất không phân biệt
Ứng hóa không tận cùng
Như mùa xuân hoa nở
Chim, người đều vui thích
Thức chấp trì cũng vậy
Người định nhiều mê chấp
Như vậy các Phật tử
Không tuệ lìa chân thật
Không hoàn toàn biết nghĩa
Vọng nói sinh quyết định
Lời phi pháp, lý gian
Mê hoặc các chúng sinh
Trụ ở các pháp khác
Sinh lời nói khác nhau
Ví như nhà huyễn thuật
Khéo dùng các chú thuật
Ở chỗ không hoa quả
Hiện đủ thứ hoa quả
Trí phương tiện thiện xảo
Phật, Bồ-tát cũng vậy
Trụ thế gian khác nhau
Mà an lập riêng biệt
Thuyết vô số pháp môn
Dẫn dắt không cùng tận
Pháp chân thật quyết định
Trong Mật nghiêm hiện rõ
Sáu giới và mười tám
Mười hai xứ thù thắng
Dây ý bị dẫn dắt
Nên chúng sinh lưu chuyển
Tám thức các giới, xứ
Cùng hòa hợp sinh khởi
Thân trước và thân sau
Từ nơi ý mà chuyển
Phật thuyết Tạng thức này
Nhân biến thiên lưu chuyển
Sinh ra tất cả thân

Liên tục không đoạn dứt.

Lúc Bồ-tát Kim Cang Tạng thuyết về nghĩa tối thắng của các giới, xứ rồi, các Đại Bồ-tát ở trong cung điện Ma-ni bảo tạng thanh tịnh được sự không sợ hãi liền đến trước đảnh lễ. Lại có vô lượng chư Phật, Bồ-tát từ cõi nước đến đồng tán thán:

–Lành thay! Lành thay!

Trong chúng lại có vô lượng Bồ-tát, chư Thiên và các Thiên nữ đều đứng dậy chắp tay cùng nhau chiêm ngưỡng và nói kệ:

Trong tất cả người định
Nhân giả là Thượng thủ
Nay vì các Bồ-tát
Thuyết pháp diệu tối thắng
Xa lìa các ngoại đạo
Và các luận chấp ngã
Nhân giả đã chỉ rõ
Sáu giới tịnh tối thắng
Chỉ các giới hợp lại
Theo nhân để duy chuyển
Ví như trong hư không
Có dấu chim hiện rõ
Cũng như lìa nơi cây
Lửa được cháy hừng hực
Dấu chim hiện trong không
Lìa cây mà có lửa
Ta và các thế gian
Chưa từng thấy việc này
Chim bay nhờ lông cánh
Không có vết trong không
Nhân giả thuyết tối thắng
Cùng giống tướng dấu chim
Vì sao nơi các cõi
Có được nghĩa luân hồi
Mà thuyết giới tối thắng
Thường lưu chuyển sinh tử
Thọ các quả khổ vui
Nghiệp đã tạo không mất
Như nông phu trồng trọt

Chưa từng gặt được quả
Thân người cũng như vậy
Trú thân tu hạnh lành
Đời nay và đời sau
Hưởng quả vui trời, người
Hoặc thường tu phước đức
Tích tập nhân làm Phật
Trí tuệ và giải thoát
Mau thành Bậc Chánh Giác
Sinh cõi trời Tự tại
Quán hành thấy nghĩa thật
Nếu lìa cõi tối thắng
Tất cả đều không có
Bậc trượng phu lưu chuyển
Ở trong chốn sinh tử
Dưới từ ngục A-tỳ
Trên đến các cõi trời
Nghiệp này phải chịu quả
Sự tạo tác không mất
Hoặc trong ngoài thế gian
Hỗ tương mà sinh khởi
Pháp này giống pháp kia
Pháp kia từ đây sinh
Tuy lìa cõi tối thắng
Làm người cõi luân hồi
Như nói con Thạch nữ
Uy nghi đi tới lui
Thỏ có sừng bén nhọn
Trong cát sinh ra dầu.

Lúc ấy, các Bồ-tát, chư Thiên và Thiên nữ nói lời này rồi, cùng nhau cúng dường Bồ-tát Kim Cang Tạng và các Bồ-tát. Cúng dường xong, họ lại đồng tâm mà nói kệ:

Pháp nhẫn đủ không khuyết
Nhân, dụ đều trang nghiêm
Bao gồm luận thuyết khác
Tự hiển bày công đức.
Nên bậc Đại tinh tấn
Ứng hợp mau khai diễn

Trời, người trong hội này
Đều nhất tâm lắng nghe.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng dùng kệ đáp:

Pháp này sâu khó bàn
Không thể phân biệt được
Lý Quán hành thanh tịnh
Nhân, dụ đã mở bày.
Ta ở cõi Mật nghiêm
Tu định rồi tuyên thuyết
Hàng trời, người các ông
Nên nhất tâm lắng nghe.

Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói lời này rồi, hướng về Đại thọ Khẩn-na-la vương nói kệ:

Đại Thọ Khẩn-na-la
Ông nên biết pháp tánh
Các pháp làm sao trụ
Tánh không không thật có.
Thấy tương ưng như vậy
Thiền định không mê hoặc
Như ăn một hạt cơm
Có thể biết hạt khác.
Các pháp cũng như vậy
Biết một tức biết nhiều
Như váng sữa đông lại
Dùng đầu lóng tay biết.
Các pháp tánh như vậy
Đem một pháp quán sát
Pháp tánh chẳng phải có
Cũng chẳng phải là không.
Biến đổi của tạng thức
Lấy tạng không làm tướng.

Lúc ấy, Đại thọ Khẩn-na-la vương nói kệ:

Vì sao trong tâm lượng
Mà có cõi và người
Vì sao sinh các cõi
Cứng ướt và nóng động.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nghe nói rồi dùng kệ đáp:

Lành thay! Đại thọ vương
Nay ông hỏi điều này
Muốn khiến người tu hành
Tâm họ được chân thật.
Nay ta vì ông nói
Đàn sư nên lắng nghe
Ông xưa ở cung điện
Cùng với các quyến thuộc.
Từ trên không ca múa
Mà đi đến chỗ Phật
Tay ông thường gảy đàn
Dùng lưu ly trang sức
Tấu lên tiếng hòa nhã
Làm vui lòng mọi người
Vô lượng các Thanh văn
Ở chỗ Phật thấy nghe
Không thể ngồi yên được
Đều đứng dậy múa hát
Lúc Đại sĩ Thiên Quang
Bảo với Ca-diếp rằng
Các ông, bậc lìa dục
Vì sao còn nhảy múa?
Bấy giờ, Đại Ca-diếp
Thưa Đại sĩ Thiên Quang
Bồ-tát có sức mạnh
Ví như cơn gió lốc
Thanh văn trí vô định
Như hắc sơn lay động
Tuy lìa hoặc phân biệt
Còn nhiễm tập khí xấu
Bỏ hết các tập khí
Tâm tịnh nên thành Phật.
Ông đối cảnh vi tế
Tâm ấy đã thông đạt
Nhiều Luận thuyết trong đời
Biết rõ và quyết định
Khéo đối với các tướng
Và pháp Phật thanh tịnh

Ông ở trong cung điện
Cùng quyến thuộc vây quanh
Thanh tịnh và tốt đẹp
Ví như trăng rằm sáng
Có thể tu quán hành
Ở trong chúng tự tại
Hỏi ta cõi và người
Vì sao từ tâm khởi
Ông và các Phật tử
Nên nhất tâm lắng nghe
Trong cảnh giới các ông
Tâm là cõi tối thắng
Các cõi nhân đây sinh
Nghĩa này ta sẽ thuyết
Như ẩm ướt sinh nước
Nóng quá sinh ra lửa
Tạo các nghiệp dao động
Nhân đó sinh ra gió
Từ sắc phân chia ra
Có đất và hư không
Cảnh giới và các tập
Tụ tập do thức sinh
Nhãn đối với các sắc
Mỗi tướng trạng khác nhau
Đây sinh ra cửa rộng
Các cõi thường tương trụ.

Khi ấy, ở trong cung Ma-ni bảo tạng tự tại, Bồ-tát Trì Tấn cùng vô lượng Bồ-tát từ chỗ ngồi đứng dậy cúi đầu, đảnh lễ, đem các thứ tốt đẹp cúng dường Bồ-tát Kim Cang Tạng, lại giăng lưới báu che khắp phía trên Bồ-tát, cùng tán thán:

–Lành thay! Lành thay! Và nói kệ:

Tôn giả trụ mây pháp
Khéo nhập vào cõi Phật
Thường vì các Bồ-tát
Khai thị cảnh Như Lai.

Bấy giờ, Đại thọ Khẩn-na-la vương cùng các thể nữ đem đủ thứ phẩm vật tốt đẹp cúng dường xong liền nói kệ:

Lành thay! Kim Cang Tạng
Bậc đắc Vô sở úy
Vì chúng tôi khai diễn
Pháp vi diệu Như Lai
Nay điện ma-ni này
Rất thanh tịnh tốt đẹp.

Lúc ấy, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Bảo Kế, Bồ-tát Thiên Quang, Bồ-tát Tổng Trì Vương Bồ-tát Nhất Thiết Nghĩa Thành. Những vị Đại Bồ-tát như vậy cùng với vô lượng người tu Quán hành đều là những chư Thiên có oai đức lớn có thể mở bài được tâm Quán hành, từ chỗ ngồi đứng dậy cùng nhau quan sát hướng về Bồ-tát Kim Cang Tạng, mà nói kệ:

Xin nguyện Kim Cang Tôn
Chỉ rõ pháp Nhãn tạng
Tôn giả hiện tướng lành
Tất cả đều thấy biết.
Thường giữ niệm Như Lai
Được chư Thiên tôn kính
Nay cả đại chúng này
Đồng tâm cùng khuyến thỉnh
Bậc quán hành tự tại
Xin khai thị Mật nghiêm
Khiến khắp các thế gian
Được pháp chưa từng có
Pháp này rất thanh tịnh
Xa lìa pháp ngôn thuyết
Hóa thân Phật, Bồ-tát
Trong kinh chưa khai diễn
Các Thánh hiện pháp lạc
Thấy cõi chân vô lậu
Tự thấy biết chỗ hành
Thanh tịnh không ai bằng
Đầy đủ các Tam-muội
Và các Đà-la-ni
Được tự tại giải thoát
Mười thứ ý sinh thân
Cõi nước Phật Nghiêm Tịnh
Số không thể nghĩ bàn

Phật và các Bồ-tát
Hóa thân như vi trần
Đến như đầu sợi lông
Một phần trong trăm phần
Cõi nước Phật Mật Nghiêm
Tối thắng trong các cõi
Người tu pháp Quán hành
Sinh đến trong cõi này
Đây do nhân duyên gì?
Xin Phật tử tuyên thuyết.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm trên thân, vì muốn chỉ bày pháp không phân biệt, lìa phân biệt, trước hết dùng mắt Phật pháp như Sư tử chúa quán sát khắp đại chúng biết trí lực của họ có thể nghe và thọ trì, liền dùng tiếng Phạm âm, tiếng Ca-lăng-già, tiếng tướng lưỡi rộng dài trong sáng, âm thanh ấy không thô bạo, nhẹ nhàng, dễ nghe, khiến đại chúng được nghe đều vui mừng, tiếng Kiện-la-ma, Ô-tha-đa, Tất-lợi-đa, Ly-sa-bà, Bàn-giá-ma, Tỳ-lam-nhị đam-độ-lộ, đều đầy đủ vô lượng công đức giống nhau. Những âm thanh ấy làm cho người nghe tâm không mê chấp, có thể hiểu rõ tướng các âm thanh ấy. Tất cả Trời, Người, Càn-thát-bà đều vui thích. Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng không dùng lời nói chỉ dùng nguyện lực của mình, trên thân từ đỉnh đầu, vầng trán, lông mi, mũi cho đến hai vai, đầu gối giống như biến hóa tự nhiên phát ra những âm thanh như vậy, thuyết giảng pháp Nhãn cho đại chúng. Như ngỗng chúa che chở cho đàn ngỗng ở trên bãi cát trắng đẹp, ở trong cung Tự tại thanh tịnh, đại chúng vây quanh cũng trong nghiêm như vậy. Như ánh sáng của mặt trăng và các ngôi sao ở giữa hư không, Bồ-tát Kim Cang Tạng cũng như vậy, ngồi trên tòa Sư tử tỏa ánh sáng che khắp tất cả những người tu hành, như ánh sáng mặt trăng không khác. Phật và Bồ-tát Kim Cang Tạng cũng giống nhau chẳng khác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Như Thật Kiến là bậc Thượng thủ trong Đại chúng trụ trong địa tu hành từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay cung kính nhìn các Bồ-tát mà nói kệ:

Hay thay! Pháp Đại thừa
Vi diệu khó nghĩ bàn
Cảnh giới của Như Lai
Đại chúng nên đảnh lễ
Pháp lìa cấu không lường
Hy hữu rất khó gặp

Trong tất cả cõi nước
Được chư Phật quán sát
Nghĩa Đại thừa chân thật
Thanh tịnh không luận bàn
Xa lìa các phân biệt
Đạt đến đạo vi diệu
Cảnh giới của tám thức
Các tự tánh sai khác
Năm pháp và vô ngã
Riêng biệt mà khai thị
Năm phiền não trói buộc
Sinh vào các cõi ác
Gặp pháp vi diệu này
Thanh tịnh như vàng ròng
Người đã được thanh tịnh
Trụ trong chủng tánh Phật
Tánh Như Lai vi diệu
Hơn Thanh văn, ngoại đạo
Trong tất cả cõi nước
Mật nghiêm là hơn hết
Thành tựu chủng tánh rồi
Sinh vào cõi nước này
Tôn giả Kim Cang Tạng
Đã đắc Tam-muội gì
Mà thuyết pháp thanh tịnh
Là cảnh Tam-muội gì?

Bấy giờ, trong hội có vô lượng chúng Bồ-tát cúi đầu làm lễ mà nói kệ:

Đại trí Kim Cang Tạng
Nguyện vì tôi giảng nói
Trụ trong Tam-muội gì
Để thuyết giảng pháp này
Các Đại chúng ở đây
Tất cả đều muốn nghe.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bậc Vô úy quán khắp trong chúng hội xem lực trí tuệ của họ có thể nghe và thọ nhận pháp khó nghĩ bàn này hay không? Quán sát rồi, biết đại có thể nhận pháp này, liền nói kệ:

Nay đại chúng các ông

Nên nhất tâm lắng nghe
Ta sẽ vì các ông
Thuyết pháp diệu chuyển y
Tam-muội ta đã chứng
Là Đại thừa oai đức
Bồ-tát trụ trong đó
Giảng thuyết pháp thanh tịnh
Cũng thấy ức cõi nước
Có các Đức Như Lai
Ức số như vi trần
Ở trước mà khen ngợi
Lành thay! Ông đã thuyết
Pháp quán hành như vậy
Các Đức Phật Như Lai
Đều hành Tam-muội này
Ở đây được tự tại
Thanh tịnh thành Chánh giác
Chưa từng có một Phật
Sinh ngoài Tam-muội này
Vì thế Tam-muội này
Tư duy không thể được
Nếu có các Bồ-tát
Trụ ở Tam-muội này
Tức trụ trong cảnh giới
Chư Phật khó nghĩ bàn
Tự chứng cảnh trí tuệ
Và thấy các Đức Phật
Biến hóa trăm ngàn ức
Cho đến như vi trần
Tự chứng được diệu lý
Chư Phật đã an trú
Pháp không có các tướng
Xa lìa các thanh sắc
Danh từ nơi tướng sinh
Tướng từ nhân duyên khởi
Đây sinh hai phân biệt
Các pháp tánh như như
Ở đây khéo quán sát

Đây gọi là Chánh trí
Gọi là tánh Biến kế
Là tướng Y tha khởi
Hai danh, tướng đều chuyển
Đây là Đệ nhất nghĩa
Tạng thức ở trong thân
Tùy chỗ mà lưu chuyển
Tập khí chất như núi
Ý nhiễm bị ràng buộc
Mạt-na có hai cửa
Ý thức đồng thời khởi
Năm cảnh hiện tại chuyển
Các thức thân hòa hợp
Giống như có ngã, nhân
Đang trụ ở trong thân
Dòng nước của Tạng thức
Bị gió cảnh giới thổi
Sinh các làn sóng thức
Liên tục không gián đoạn
Phật và các Bồ-tát
Biết pháp đều vô ngã
Đã được thành Phật rồi
Lại vì người giảng nói
Phân tích nơi các uẩn
Thấy không tánh ngã, nhân
Biết pháp chẳng có không
Đây vì Thanh văn thuyết
Bồ-tát khéo quán sát
Nhân pháp nhị vô ngã
Quán rồi liền xa lìa
Không trụ nơi thật tế
Nếu trụ vào Niết-bàn
Thì bỏ tâm đại Bi
Công đức không thành tựu
Chẳng đắc thành Chánh giác
Trí hy hữu khó bàn
Lợi khắp các chúng sinh
Như sen ra khỏi bùn

Sắc tướng rất trang nghiêm
Chư Thiên và Thánh nhân
Thấy đều sinh cung kính
Như vậy Phật, Bồ-tát
Ra khỏi bùn sinh tử
Thành Phật tánh thanh tịnh
Được chư Thiên kính ngưỡng.
Từ Bồ-tát Sơ địa
Hoặc Chuyển luân thánh vương
Thiên chủ, A-tu-la
Và vua Càn-thát-bà
Người liễu ngộ Đại thừa
Đều được thân như vậy
Dần dần mà tu hành
Quyết định sẽ thành Phật
Vì thế các Phật tử
Phải nên nhất tâm học
Các thế gian chúng sinh
Cùng các pháp nhiễm tịnh
Đều nương vào thức này
Làm nhân mà được sinh
Nhân này hơn tất cả
Bậc thật chứng nêu bày
Chẳng phải do ai tạo
Giải thoát cũng như thế
Thế Tôn thuyết thức này
Vì trừ các tập khí
Hiểu biết giải thoát rồi
Thức này cũng chẳng có
Lại-da có thể được
Giải thoát chẳng phải thường
Tạng Như Lai thanh tịnh
Cũng gọi vô cấu trí
Thường trụ không đầu, cuối
Lìa tứ cú ngôn từ
Phật thuyết Như Lai tạng
Dụng là A-lại-da
Ác tuệ không thể biết

Tạng thức tức Lại-da
Tạng Như Lai thanh tịnh
A-lại-da thế gian
Như vàng ròng và nhẫn
Tương đương không sai khác
Ví như người thợ vàng
Đem vàng ròng sạch, đẹp
Làm những đồ trang sức
Dùng để đeo ở tay
Các vật tướng khác nhau
Gọi tên là vòng, nhẫn
Các Thánh nhân hiện tại
Tự chứng được trí cảnh
Công đức dần tăng trưởng
Tự biết không thể nói
Người tu các pháp định
Biết cảnh chỉ là thức
Chứng đắc Địa thứ bảy
Chuyển diệt không còn sinh
Sở hành của tâm thức
Tất cả các cảnh giới
Sự thấy tuy khác nhau
Chỉ là thức không cảnh
Bình, vỏ và các vật
Cảnh giới đều là không
Tâm biến hiện cảnh sinh
Có năng chấp sở chấp
Ví như trăng và sao
Nương Tu-di vận hành
Các thức cũng như vậy
Thường nương Lại-da chuyển
Nên biết thức Lại-da
Tức gọi là Mật nghiêm
Ví như vàng ròng quý
Đủ ánh sáng, màu sắc
Tự chứng cảnh thanh tịnh
Ngoài cảnh giới phân biệt
Tánh xa lìa phân biệt

Phân biệt không thể có
Thể tánh chân thật thường
Người định có thể thấy
Cảnh hành của ý thức
Chỉ trói buộc phàm phu
Bậc Thánh thanh tịnh thấy
Giống như những sóng nắng.

Lúc Thế Tôn nói kinh này rồi, Bồ-tát Kim Cang Tạng cùng vô lượng Bồ-tát và vô số chúng từ các phương khác đến trong hội này nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 682

KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Bất Không,
chùa Đại hưng thiện.

Bài tựa Bản dịch mới kinh Mật Nghiêm đời Đại Đường

Trẫm từng nghe ở phương Tây có vị Thánh nhân, diễn nói lời pháp vô ngôn, rủ lòng dạy pháp mà không dạy, bày giải quyền thật, cứu giúp kẻ mù lòa, khiến cho kẻ làm việc lành không nhanh được nhanh, lợi ích cho người, từ địa vị phàm phu, liền thành Thánh quả, hướng dẫn kẻ mê muội đến đỉnh cao tột, chỉ cho người đạt quán bằng thế giới Mật nghiêm siêu việt chẳng nhiễm tịnh, do ngã mà có thật đúng sai. Song nước Sở, nước Việt chẳng sinh ra chỉ trong tâm niệm, tức thì hiện trước mắt, đâu phải việc cá lặn chim bay.

Hay thay Mật Nghiêm! Dấu vết thì vượt khỏi ba cõi, lượng thì bao trùm pháp giới, tướng lìa dù là rất nhỏ, chẳng phải là chỗ Thanh văn nghe được, đâu phải là sắc, là có thể thấy được, vì thường giữ tâm thanh tịnh, cho nên được dặn dò giao phó. Mục đích kinh này muốn thức suối lặng yên, là hạt ngọc làm sạch nguồn ý, cuối cùng cậy nhờ đó mà sự ngay thẳng có thể có được; soi sáng cảnh sạch trong sáng suốt của tự giác, đi sâu đến chỗ cao tột của tâm, chỉ có kinh này mà thôi.

Phàm làm việc phiên dịch kinh này, là nhằm mục đích như vậy. Tuy phương ngôn có khác, mà bản chất vẫn đồng. Kinh này viết bằng tiếng Phạm toàn là kệ tụng. Trước hết, dịch giả dịch bằng văn xuôi, rắn hóa thành rồng đâu cần đổi vảy, nhà trở thành quốc gia đâu cần đổi tên họ, như vậy có lầm lẫn đâu mà cho là nặng, nhẹ, cho là cùng hay khác. Ngược lại càng thêm rõ ràng hết sức tốt đẹp.

Tam tạng Sa-môn Bất Không, ở chùa Đại hưng thiện, là bậc rường cột của thuở thượng pháp, chèo mái thuyền trong biển ái; cầm hạt ngọc giới, làm gương sáng nhập tâm; đi trên tuyết, cõi trên mây, hiểu cùng tận chân đế của "Lộc dã." Làm cánh buồm lướt trên biển, nghiên cứu sự sâu xa của ngài Mã Minh. Tiếng miêu tả có tám cách chuyển âm, lời lẽ hoàn mỹ

cả hai bên, đủ để ta có được cái cửa mà dòm ngó, soi xét những ý nghĩa rốt ráo được phơi bày.

Chiếu theo lệnh vua, chiêu tập Sa-môn nghĩa học mau đến kinh thành, ban cho chức Hàn lâm học sĩ như Liễu, Kháng… để dịch rõ kinh này, làm kinh hộ quốc… Đối chiếu với nhiều kinh chữ Phạm, phiên âm các chữ giản tự; căn cứ vào bản chánh, y theo lời tụng, làm cho mùi các chánh bản không thay đổi, tinh hoa như trăng sáng của kinh vẫn luôn luôn đầy đủ. Như vậy, chẳng phải không đẹp sao? Chẳng phải không đẹp sao?

Lời của trẫm kém hoa mỹ, văn thì không đủ tráng lệ, nhưng chí của trẫm, thì muốn lưu hành nghĩa lý sâu xa này, truyền bá cho đến muôn đời. Vì vậy mà có bài tựa của kinh này.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: ĐẠO TRÀNG MẬT NGHIÊM

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật với tất cả pháp tự tại vô ngại, trụ khỏi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, vô tưởng; Đức Phật dùng sức Thần túc thông du hý ở thế giới Mật nghiêm. Thế giới này chẳng phải là cảnh giới ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, đến được. Cùng với Phật là những vị tu tập thắng Du-già và những vị Đại Bồ-tát trong ức cõi Phật, nhiều như vi trần, điều có mặt.

Những vị ấy tên là Đại Bồ-tát Tối Nhất Thiết Ngoại Đạo Dị Luận, Đại Bồ-tát Đại Tuệ, Đại Bồ-tát Nhất Thiết Phật Pháp Như Thật Kiến, Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Đắc Đại Thế, Đại Bồ-tát Thần Thông Vương, Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, Đại Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Đại Bồ-tát Trì Tấn làm người đứng đầu; tất cả các vị đều vượt qua cảnh giới tâm, ý, thức của ba cõi, ứng thân theo sở nguyện, chuyển được sinh y, thành tựu Thủ-lăng-nghiêm địa Tam-muội Pháp vân như huyễn, được vô lượng chư Phật dùng tay xoa đầu, trụ ở cung Liên hoa ngoài ba cõi.

Bấy giờ, Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri từ chỗ an trú pháp lạc, trong cảnh giới Thánh trí tự giác sâu xa vi diệu, phóng ra vô lượng màu sắc; rồi từ Tam-ma-địa, rời khỏi điện Đế lôi quang diệu trang nghiêm, cùng chư Bồ-tát vào điện Vô cấu nguyệt tạng.

Đức Phật bước lên tòa Sư tử đạo tràng Mật nghiêm; ngồi yên chỗ xong xem sét bốn phương, rồi từ ánh sáng trang nghiêm giữa hai lông mày phóng ra vô lượng trăm ngàn ánh sáng sạch trong, vây bủa đan nhau thành võng lưới ánh sáng. Khi ánh sáng đó chiếu đến, tướng trang nghiêm của tất cả cõi Phật, đều hiện ra rõ ràng như là một cõi Phật. Những cõi Phật khác cũng được tô điểm trang nghiêm rất tinh tế nhiều như vi trần. Thế giới Mật nghiêm vượt trội hơn các cõi Phật khác, xa lìa mặt trời, mặt trăng và các vì sao, như là tánh vô vi, không giông vi trần. Trong cõi Mật nghiêm, Đức Phật và đệ tử, cùng những vị ở thế giới khác đến hội này, đang như trong

Niết-bàn, lấy hư không Phi trạch diệt tánh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sau khi hiện những oai thần công đức tốt đẹp của Phật và Bồ-tát ở thế giới đó xong lại dùng Phật nhãn xem khắp các chúng Bồ-tát trong mười phương, rồi bảo Đại Bồ-tát Nhất Thiết Phật Pháp Như Thật Kiến:

–Này Như Thật Kiến! Thế giới gọi là Mật nghiêm này trong đó đối với cõi Dục, Sắc, Vô sắc và nơi hữu tình vô tưởng Bồ-tát dùng sức Tam-ma-địa, sinh ra lửa trí tuệ, thiêu đốt hết sạch sắc cho đến vô minh, chuyển sinh y, được thăng tỳ sở nguyện, trong sức bằng sức thần túc thông, cả toàn thân lúc này giống như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, ngọc ma-ni và điện, như đế cung, san hô, hạt lợi-đa-la, vàng ròng, chiêm-bặc, khổng tước và ảnh tượng của trăng, hoa trong gương. Sắc thân như vậy, trụ ở các Địa, làm nhân tu vô lậu, nhờ Tam-ma-địa mà được tự tại; đem mười nguyện Vô tận hồi hướng hết, sẽ được thân thù thắng và đến được cõi Mật nghiêm.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Nhất Thiết Phật Pháp Như Thật Kiến từ chỗ ngồi đứng đậy, trịch áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, lễ Phật, chắp tay, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi cúi xin Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri rũ lòng thương xót, cho phép con nói.

Phật bảo Như Thật Kiến:

–Hay thay! Hay thay! Tùy theo lời ông hỏi, ta sẽ nói để làm cho tâm ông được vui lòng.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Nhất Thiết Phật Pháp Như Thật Kiến, được Đức Phật cho phép, liền bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có phải chỉ có cõi Phật này là siêu việt hơn cõi Dục, Sắc, Vô sắc và cảnh giới của hữu tình vô tưởng không?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Từ đây trở lên, qua trăm ức cõi Phật, có các cõi Phật như Phạm âm, cõi Phật Ta-la Thọ Vương, cõi Phật Tinh Tú Vương; qua những cõi Phật như vậy, lại có vô lượng trăm ngàn cõi Phật khác rộng lớn, nguy nga, tráng lệ; là chỗ trang nghiêm của chúng hội Bồ-tát. Chư Phật trong đó, đều vì Bồ-tát, nói về pháp lạc hiện tại tự giác Thánh trí, xa lìa phân biệt, đạt được chân như thật tế, là pháp rốt ráo của cảnh giới đại Niết-bàn. Cho nên phải biết, ngoài cõi này, còn có vô lượng cõi Phật như vậy.

Này Như Thật Kiến! Trong chúng hội Bồ-tát, nơi cõi Mật nghiêm này, không phải chỉ có ông sinh tâm hạn lượng, thưa hỏi Như Lai đâu. Ở đây có Đại Bồ-tát, tên là Trì Tấn, đối với cảnh giới của Phật, đã sinh tâm

hạn lượng, dùng thần thông, bay lên phương trên, vượt qua trăm ngàn câu-chi và Căng-già sa… thế giới chư Phật, như không thể thấy được cảnh của Như Lai, liền cho là điều hiếm có, biết Phật và Bồ-tát là không nghĩ bàn, đành phải trở lại thành Xá-vệ, ở thế giới Ta-bà, vội tới gặp ta, sám hối tạ tội; khen công đức của Phật là vô lượng, vô biên, giống như hư không, trụ trong cảnh tự chứng, đến cõi Mật nghiêm.

Bấy giờ, trong hội, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, là vị có khả năng diễn thuyết tướng của các Địa rất sâu sắc, vững chắc, đến tận nguồn gốc của các Địa ấy; từ chỗ ngồi, đứng dậy, trịch áo vai hữu, gối phải quỳ sát đất, đảnh lễ Phật, chắp tay, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con có ít việc muốn hỏi Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, cúi xin Thế Tôn Từ bi dạy cho con.

Phật bảo:

–Này Kim Cang Tạng! Ông muốn hỏi ta điều gì? Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác sẽ tùy theo chỗ nghi của ông mà giảng thuyết cho.

Được Phật cho phép, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật nghĩa là gì? Giác ngộ về điều gì? Cúi xin Thế Tôn giảng nói về cảnh giới thắng nghĩa, cho biết pháp tánh của Phật; để cho những vị tu hạnh Bồ-tát trong ba đời, đối với cái thấy về các sắc tướng đã tích tập và để cho các ngoại đạo dị luận còn bị dính mắc tu hành theo cảnh giới phân biệt, khởi lên những hiểu biết vụn vặt về tánh tự tại, thời, phương, hư không, ngã, ý căn, cảnh và hòa hợp; những cái thấy biết như vậy, sinh ra sự dính mắc vô minh, ái, nghiệp, nhãn sắc với nhãn, lúc đó lại duyên sắc và tác ý; những pháp như vậy, làm nhân duyên cho nhau, như đẳng vô gián duyên; tăng thượng duyên, sở duyên duyên, chúng hòa hợp sinh ra thức dính mắc vào hành, rồi sinh ra có, không… cùng đủ các loại ác giác ở trong ngã pháp, lại có những người đối với các uẩn của hữu tình, rơi vào không tánh kiến. Vì muốn cắt đứt sự hiểu biết mê lầm như vậy, cúi xin Thế Tôn chỉ cho phương pháp thoát ly tướng sở tri của năm loại thức, để có thể đối với các pháp được sự tự tại; làm cho chúng con nghe và hiểu được về nghĩa Phật, về giác ngộ đại Bồ-đề, rồi nhờ giác ngộ về tướng sở giác tri của năm loại thức mà thành Chánh giác.

Bấy giờ, Phật khen Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng:

–Hay thay! Hay thay! Kim Cang Tạng! Tự tại mười Địa có đại thông tuệ, vượt qua cảnh giới phân biệt, thường muốn hiện bày pháp tánh Phật chủng tối thắng Du kỳ; không phải chỉ có ông, đối với nghĩa Phật Bồ-đề sở giác mà sinh ý niệm hiếm có, thưa hỏi ta đâu. Đã có Hiền Huyễn và vô

lượng Phật tử, đối với nghĩa này, sinh tâm hiếm có, dùng đủ các loại suy nghĩ để chọn lựa tìm cầu thể Phật.

Như Lai nghĩa là gì? Sắc là Như Lai chăng? Khác với sắc là Như Lai chăng? Như vậy, ở trong uẩn, xứ, giới và các hành, trong ngoại mà tìm cầu thì không thể thấy Như Lai; vì tất cả đều là pháp được tạo ra, nên hoại diệt; trong uẩn không có Như Lai, phân tích cho đến cực vi, đều không thấy được. Vì sao dùng diệu trí tuệ, định ý, quán đúng, cũng không thấy được? Vì uẩn là thấp hèn, nhiễm ô; còn Như Lai là Pháp thân thường trú.

–Thiện nam! Ông có thể nhập vào pháp giới sâu xa. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ kỹ! Ta sẽ vì ông nói.

Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng yên lặng thọ giáo.

Phật nói:

–Thiện nam! Tam-ma-địa Thắng tự tại kim cang tạng. Như Lai chẳng phải uẩn, cũng chẳng phải khác uẩn; chẳng phải nương uẩn, cũng chẳng phải không nương uẩn; chẳng sinh, chẳng diệt; chẳng tri, chẳng sở tri, chẳng căn, chẳng cảnh. Vì sao? Vì uẩn, xứ, giới và căn, cảnh… đều là hữu lậu, không nên trong ngoài ở chúng mà tìm kiếm Như Lai. Vả lại, sắc là vô tri giác, không có sự nhớ suy, sinh rồi phải diệt, giống với cây, cỏ, gạch, ngói, do vi trần hợp thành, như bọt nước tụ. Còn thọ thì nhờ hai pháp hòa hợp mà sinh; giống như ý tưởng về bọt nước, áo, bình… cũng từ hai nhân duyên đó, hòa hợp mà sinh ra; như bóng nắng, do ánh sáng mặt trời chiếu xuống đất, hơi nóng bốc lên như làn sóng nước; những loài chim thú… vì quá khát, ở xa nhìn thấy, cho đó là nước thật. Tưởng cũng như vậy, không có thể tánh, giả dối, không thật, chỉ là trí phân biệt, giống như thấy tánh của mọi thể tướng khác nhau phải nhờ danh tự mới được. Định là quán sát chúng thật kỹ, ví như thỏ có sừng, Thạch nữ có con… đó chỉ có giả danh; như sắc trong mộng, chỉ vọng tưởng mà thấy, thức dậy thì chẳng có, trong mộng vô minh thấy đủ các loại hình sắc của nam nữ… khi thành Bậc Chánh Giác, thì không còn thấy cái đó. Hình như thân cây chuối, bên trong không có lõi; lìa khỏi cảnh của thân, thì không có thể tánh. Hiểu biết các việc đều như mộng ảo, trống rỗng, giả tạo, không thật. Ví như nhà ảo thuật hoặc học trò ông ta, dựa vào những loại cây, cỏ, gỗ, gạch, ngói mà bày ra các hình tượng đầy màu sắc; còn giả làm hình dạng người, voi, ngựa… với đầy đủ các loại hình tướng trang nghiêm xinh đẹp. Người ngu tham cầu cái không thật, đó chẳng phải là trí sáng. Sự hiểu biết cũng lại như vậy, dựa vào cái khác mà hoạt động, toan tính phân biệt cùng khắp, sinh ra ôm giữ hai loại là năng thủ và sở thủ. Nếu tự mình biết rõ như vậy, tức là chuyển đến chỗ

diệt hết. Cho nên thể của chúng vốn không, giống với kẻ không thật.

Này Kim Cang Tạng! Như Lai là thường trụ, luôn không thay đổi, là cảnh giới tu quán hạnh niệm Phật, gọi là Như Lai tạng; giống như hư không, chẳng thể hoại diệt, gọi là cảnh giới Niết-bàn, còn gọi là pháp giới. Ba đời chư Phật Thế Tôn, đều tùy thuận theo đây mà tuyên thuyết. Như Lai ra đời hoặc không ra đời, thì tánh này vẫn thường trụ, gọi là pháp trú tánh, pháp giới tánh và Ni-dạ-ma tánh.

Này Kim Cang Tạng! Vì nghĩa gì, gọi là Ni-dạ-ma? Vì xa lìa được tất cả lỗi lầm đưa đến thân sau; lại nữa, Tam-ma-địa này, chắc chắn dứt trừ những điều ác, cho thân sau, nên gọi là Ni-dạ-ma. Nếu có người, trụ ở Tam-ma-địa này đối với các hữu tình, tâm không luyến ái, nên chứng được thật tế và Niết-bàn, thì cũng như cục sắt nóng, bỏ vào nước lạnh, xả bỏ hữu tình cũng vậy. Chư Bồ-tát xả, mà không chứng. Vì sao? Vì đại tinh tấn, đại Bi và các Độ, là các đoạn hạt giống Phật, hướng theo Thanh văn thừa, đi trên con đường ngoại đạo tà kiến? Vì bùn lầy Tam-ma-địa sẽ làm chìm mất, giống như voi già lún nơi bùn lầy; mùi vị cảnh giới định cũng lại như vậy, thoái chuyển tất cả pháp môn của Phật, thì không được nhập vào rốt ráo tuệ. Thế nên, Bồ-tát xả mà không chứng, chỉ trụ đến gần kề mà thôi; dùng rốt ráo tuệ, nhập vào Pháp thân Phật, giác ngộ được oai đức rộng lớn của Như Lai, sẽ thành Chánh giác, chuyển bánh xe diệu pháp, thì cảnh giới của trí và các sắc sẽ là những tư dụng, nhập vào định Như Lai, vui trong cảnh giới Niết-bàn. Tất cả Như Lai làm cho thoát ra khỏi định, lần lượt gia hạnh, vượt qua Địa thứ tám, khéo léo quyết chọn đến địa Pháp vân, thọ dụng oai đức rộng lớn của Như Lai, nhập vào cảnh giới nội chứng của chư Phật, cùng với Vô công dụng đạo Tam-ma-địa tương ưng, dạo khắp mười phương, không rời chỗ cũ, mà vẫn luôn dựa vào cõi Phật Mật Nghiêm. Đầy đủ Kim cang tự tại đại biến hóa, hiện ra cõi Phật, mà thành tự tại, chuyển sinh y thành trí Tam-ma-địa và tùy nguyện thọ thân, đầy đủ Thần thông, bước đi oai đức giống như ngỗng chúa. Ví như trăng sáng, bóng hiện khắp những nơi trong nước, Phật cũng như vậy, tùy theo các hữu tình mà hiện các sắc tướng, đối với các chúng hội đều đem lại lợi ích; lại còn khiến đến cõi Phật Mật Nghiêm, tùy theo tánh muốn đó mà mở bày chỉ bảo dần dần, sẽ vì tất cả Bồ-tát, tất cả Thiên vương tự tại ở cõi Dục mà nói, sẽ làm thanh tịnh cung điện ma-ni bảo tạng, làm cho mọi nơi đều an lạc… lần lượt cho đến các Địa, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, hiện ra sự giàu có, an vui, công đức trang nghiêm cho đến tận đời vị lai, tùy theo căn cơ mà ứng hiện. Giống như các tiên thành tựu được sức Tổng trì… và các thần ở cung điện Linh tiên cùng nhân hành mà không thể thấy.

Như Lai trụ nơi chân thân, ẩn hiện biến hóa chỉ dạy đã xong mà không thể thấy, cũng như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài kệ:

Căn, uẩn như ổ rắn
Cảnh giới duyên chỗ xúc
Vô minh sinh ái, nghiệp
Huân tập trói buộc chặt
Tâm, tâm sở, ác giác
Vây trói như rồng quấn
Độc giận lại nổi lên
Như ngọn lửa bùn cháy.
Những người tu quán hạnh
Thường nên quán như vầy:
Xả bỏ các uẩn, pháp
Một lòng không biếng trễ
Như ở giữa hư không
Không cây mà có bóng
Làn gió, dấu chân chim
Muốn thấy, khó thể được
Với năng tạo, sở tạo
Trong sắc và phi sắc
Muốn tìm thấy Như Lai
Điều đó khó cũng vậy.
Chân như và thật tế.
Cùng thể tánh chư Phật
Sở hành của nội chứng
Cảnh giới không nói được
Niết-bàn gọi là Phật
Phật cũng gọi Niết-bàn
Lìa năng sở phân biệt
Làm sao mà thấy được.
Vàng vụn còn ở quặng
Trong quặng không thấy vàng
Người trí khéo nấu lọc
Vàng ròng mới hiện ra.
Phân tích nơi các sắc
Cho đến cùng cực nhỏ
Để tìm cầu các uẩn

Hoặc một hoặc tánh khác
Thể Phật không thấy được
Cũng chẳng không, có Phật.
Người định, quán Như Lai.
Ba mươi hai tướng tốt
Và các việc khổ, vui
Đều làm cho sáng tỏ.
Vì vậy không nên nói
Định Như Lai là không
Có Phật Tam-ma-địa
Phật, thiện căn, thiện xảo
Phật, Nhất Thiết Thế Thắng
Và Phật, Chánh Đẳng Giác
Năm Đức Phật như vậy
Và những biến hóa khác
Như Lai tạng, có đủ
Ba mươi hai tướng tốt.
Cho nên Phật chẳng không
Người định thường quán thấy
Vượt ra ngoài ba cõi
Vô lượng chư cõi Phật
Cõi Như Lai vi diệu
Đầy khắp Phật tử tốt
Định tuệ cùng giúp nhau
Làm thành tánh vững chắc
Vui ở cõi Mật nghiêm
Tất cả đồng tướng Phật
Siêu việt hơn sát-na
Thường đến Tam-ma-địa.
Định Thế Tôn hơn hết
Các tướng để trang nghiêm
Quán các pháp như mộng
Hiện rõ nơi các pháp
Chúng là Phật hóa thân
Từ trời Đâu-suất xuống
Phật đang trú Mật nghiêm
Thân Phật hiện nơi đó
Trụ chân mà chánh thọ

Tùy duyên sinh các tướng
Như trăng giữa hư không
Hiện rõ nơi có nước
Như bóng ngọc ma-ni
Màu sắc đều hiện rõ.
Như Lai trụ chánh định
Ảnh hiện cũng như vậy
Ví như hình với bóng
Chẳng một, cũng chẳng khác
Đấng Trượng Phu hơn vậy
Thành tựu các sự nghiệp
Chẳng hơn tánh cực vi
Lúc nào cũng tự tại
Cũng chẳng ngoài các duyên
Mà làm ra thế gian.
Như Lai dùng nhân duyên
Trang nghiêm thân mình tạo
Tùy chỗ cầu của đời
Mới thấy đều hiện rõ.
Tam-ma-địa du hý
Trong ngoài đều có hết
Núi, sông, rừng, đồng trống
Bạn bè cùng quyến thuộc
Các sao và nhật, nguyệt
Hiện hình trong gương sáng
Các thế gian như vậy
Thân này có tất cả
Như tay năm hạt cải
Rải ra khắp mọi nơi.
Phật ở định tự tại
Mâu-ni tôn quý nhất.
Không làm ra thế gian
Chỉ có Phật hóa ra.
Người ngu si vô trí
Bị ác giác trói buộc
Ôm lý lẽ có, không
Thấy ngã và phi ngã
Hoặc nói hoại hết thảy

Hay nói một phần nhỏ
Những loại người như vậy
Thường tự tại thân mình.
Phật khắp trong ba đời
Làm Đại sư quán hạnh
Xem đời như thành hờ
Làm ra các sự nghiệp
Cũng như sắc trong mộng.
Nai khát thấy bóng nắng
Cố sức làm các nghiệp
Như dây mà buộc gió
Phật dùng trí phương tiện
Tự tại mà thấy biết
Ví như người thợ giỏi
Khéo điều khiển máy móc
Như thuyền trưởng giữa biển
Tay giữ chắc lái thuyền
Vô biên tịch diệu nhất
Đấng Trượng Phu đầy đủ
Bậc lợi căn dễ chứng
Người độn căn xa lìa
Là người tu hành định
Sở y của diệu định
Người có đủ định tuệ
Rõ biết ở nơi tâm
Thể Phật thanh tịnh nhất
Chẳng có, cũng chẳng không
Xa năng giác sở giác
Và lìa nơi hạng lượng
Tâm diệu trí tương ưng
Là cảnh giới thù thắng
Các tướng vọng hiện ra
Lìa tướng là Như Lai
Thường đoạn các phiền não
Định không bị nhiễm ô
Không động và bị động
Ở trên đường vô nhiễm
Đủ các trời vi diệu

Càn-thát, A-tu-la…
Chúng tiên và ngoại đạo
Luôn ca ngợi cúng dường
Nơi kia, vui không sợ
Tâm không bị lay động
Do Du-già vốn tịnh
Cho nên vượt bờ kia
Phật hóa hiện dấu vết
Vì trời, người dạy nghiệp.
Phật chẳng hiện đây, kia
Như mặt trời, mặt trăng
Trụ nơi trí viên ứng
Lìa dục, hiện cõi người
Loài khác, các ngoại đạo
Đều tùy nghi điều phục
Đủ những loại trí, pháp
Vương luân, tứ phệ-đà
Đều là chư Như Lai
Giữ định lực mà nói
Hiện quốc vương triều hội
Và các lệnh các nước
Chốn sơn lâm tu đạo
Đều do Phật hiện hóa
Mười phương các kho báu
Sinh ra báu trong sạch
Là oai thần tự tại
Của Bậc Thiên Trung Tôn
Trí tuệ vượt ba cõi
Và các loại tài trí
Làm ra những phương tiện
Nhờ Phật mà thành tựu
Làm nhiều loại vòng hoa
Nghiệp hành đó là nhân
Vui cười những lành xảo
Giảng thuyết hiện ca vịnh.
Hoặc hiện sinh Đâu-suất
Nghiệp Thiên nữ vây quanh
Ca múa hòa vui sướng

Ngày đêm thường tập hợp
Hoặc hiện làm ma vương
Đầu đội bằng mão báu
Quản lý cả thế gian
Cho, lấy và bắt, thả
Tuy ở trong các loài
Hiện làm người trí sáng
Thường ở trong Mật nghiêm
Vắng lặng không cử động
Cảnh Đại Mâu-ni này
Phàm ngu vọng phân biệt
Như người bị đau mắt
Như nai thấy sóng nắng
Như đời xem ảo thuật
Nắm lấy điều trong mộng
Cảnh giới Thiên trung thiên
Phật tử thấy rất thật
Vì do cảnh thù thắng
Như tỉnh ra khỏi mộng
Na-la, Y-xá-phạm
San-na, Đơn diệu hỷ
Đồng tử Kiếp-tỳ-la
Các Thủ-ca, Thị Tưởng
Cảnh giới hoặc loạn kia
Không thấy chánh Du-già
Tương lai, tiên khổ hạnh
Quá khứ và hiện tại
Vì tập khí che tâm
Đều không thể biết được
Lành thay! Kim Cang Tạng!
Đi khắp trong các Địa
Lại nhờ oai thần Phật
Mà ở cõi Mật nghiêm
Kim cang tạng này đây
Thị hiện nhập đẳng trì
Cảnh giới chánh định ấy
Do đây cùng tương ưng
Nếu có vọng phân biệt

Thắng tánh cùng vi trần
Như thợ làm đồ vật
Các hình tướng khác nhau
Sinh chỉ là pháp sinh
Diệt cũng chỉ pháp diệt
Vọng chấp tất cả vật
Đều vi trần làm ra
Ví như đèn soi vật
Từ nhân biết được quả
Tướng đầu không nắm bắt
Về sau hoại cũng vậy
Chẳng phải trong quá khứ
Có thể mà tìm được
Vị lai cũng như vậy
Lìa duyên không có tánh
Xa lìa các loại duyên
Khắp cầu không có thể
Không thấy tánh có, không
Cũng không thấy có không
Phân biệt ngã, vi tế
Hữu tình như cái, bình
Dòng tà hoại chánh đạo
Có ba trăm sáu mươi
Qua lại trong sinh tử
Không có pháp Niết-bàn.

-oOo-

Phẩm 2: NHẬP MẬT NGHIÊM SINH THÂN VI DIỆU (Phần 1)

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Nhất Thiết Phật Pháp Như Thật Kiến, với vô lượng oai lực, tự tại trong thế gian, đội mão báu, chuỗi ngọc trang nghiêm đầy thân; từ tòa đứng dậy, quỳ gối phải xuống đất, thưa Tôn giả Kim Cang Tạng:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả có thể khéo léo thông đạt ba thừa ở thế gian, tâm không có sự chống trái, đang trong pháp lạc, trụ ở trí nội chứng, là bậc Thầy đại định, đối với định, được tự tại, có thể tùy thuận nói về tướng của các Địa, thường ở trong tất cả cõi Phật, diễn thuyết pháp mầu sâu xa cho

các vị đứng đầu. Cho nên, nay tôi mời Ngài, nói về sự không tùy thuận hạnh khác, về cảnh giới trụ trong nội chứng, lạc thú trong hiện pháp, của các bậc Thánh, khiến cho tội và trong chúng các Đại Bồ-tát được thấy pháp ấy, để an vui tu hành, hướng tới Phật địa, để được thân do ý thành và thân do ngôn thuyết, lực thông tự tại đều được đầy đủ, chuyển hóa chỗ nương tựa, không trụ thật tế, giống như các sắc màu của ngọc Chân-đa ma-ni, hiện các sắc tượng, có thể dẫn tới các cõi cung điện của Thiên vương và trong tất cả cõi Mật nghiêm của Phật, để nói về hạnh Mật nghiêm.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, nói bài kệ đáp lại:

Lành thay! Chủ trời, người
Thù thắng, trong Bồ-tát
Thỉnh nói nhập Mật nghiêm
Pháp tánh của vô ngã
Nên biết cảnh phân biệt
Tướng sở thủ của tâm
Nếu xả sự phân biệt
Mới thấy đời phân biệt
Biết rõ duyên của đời
Liền được Tam-ma-địa
Nay ta sẽ nói, bày
Nhân chủ, hãy lắng nghe!
Trời nóng, thấy sóng nắng
Tướng thế gian cũng thế.
Nhân của năng sở tướng
Không mà vọng phân biệt
Năng giác sinh sở giác
Sở giác nương năng hiện
Lìa kia tức không đây
Như ảnh sáng tương tùy
Không tâm cũng không cảnh
Lượng năng, sở đều không
Chỉ nương nơi một tâm
Như vậy mà phân biệt.
Pháp năng tri, sở tri
Chỉ tâm lượng sở hữu
Tâm sở tri đã không
Năng tri không thể được
Tâm là tự tánh pháp

Có tánh bị nhiễm đục
Địa tám được thanh tịnh
Địa chín được Tĩnh lự
Giác tuệ là Địa mười
Quán đảnh, chứng Như Lai
Pháp thân được vô tận
Là cảnh giới của Phật
Rốt ráo như hư không
Tâm thức cũng như vậy.
Vô tận không thể hoại
Các đức đã trang nghiêm
Luôn là không nghĩ bàn
Chư Phật cõi Mật nghiêm
Ví như bình bị vỡ
Mảnh sành mới hiển hiện
Ngói vỡ, bụi nhỏ hiện
Chia bụi thành rất nhỏ
Nhân hữu vi như vậy
Mà thành pháp vô lậu
Như lửa đốt hết củi
Lại đốt cháy chỗ khác
Chứng như được chuyển y
Xa lìa sự phân biệt
Trụ nơi thí bất động
Hiển hiện trong Mật nghiêm.
Vô sinh hiện các sắc
Không trụ các thế gian
Thường cắt đứt các kiến
Nương về vô ngã này
Cắt dòng chảy liên tục
Không hoại cũng không sinh
Dứt hết tất cả kiến
Nương về vô ngã này
Các nghi hoặc đã diệt
Vắng lặng, không nghĩ bàn
Làm sạch tất cả kiến
Nương về vô ngã này.
Các thứ pháp thế gian

Xưa nay tánh vô ngã
Chẳng vì phá hoại không
Và dụ được hiện rõ
Như lửa đốt hết củi
Với nó liền tự tắt.
Quán sát ở ba đời
Trí vô ngã cũng vậy
Gọi là hiện pháp lạc
Cảnh giới của nội chứng
Nương đó nhập các Địa
Trừ sạch ác vô thủy
Lìa bỏ chỗ nương đời
Xuất thế mà an trụ.
Tâm ấy chuyển thanh tịnh
Luôn ở cõi Mật nghiêm.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Như Nhật Kiến và các vua… hướng về Bồ-tát Kim Cang Tạng cùng thưa:

–Nay chúng tôi đều muốn nương về, cúi mong Tôn giả chỉ cho chúng tôi chỗ nương về.

Lúc đó, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng dùng bài kệ, đáp lại:

Thể Phật chẳng có, không
Đã đốt cháy cây uẩn
Vượt lên chúng ma vương
Mà trụ trước Mật nghiêm
Giác ngộ tịnh, vô cấu
Chủ nhân hãy nương về
Xa lìa nơi giác lượng
Chứng được vô sở hữu
Các thiền định Mật nghiêm
Chủ nhân hãy nương về
Cõi Mật nghiêm hơn sạch
Chỗ các Thánh nương tựa
Bậc quán hạnh đầy đủ
Nên nương tựa Mật nghiêm
Hãy quán sát thế gian
Cả những nơi cao thấy
Trong mộng thấy sắc đẹp

Thạch nữ bỗng sinh con
Cũng như thành Kiền-thát
Vòng lửa, tóc giữa trời.
Như các thứ hình giả
Người, ngựa, cây, hoa, trái
Do ảo thuật biến hóa
Tất cả đều chẳng thật
Như điện chớp mây trôi
Đều giả, chẳng phải thật
Như thợ làm ra bình
Do phân biệt mà thành.
Chủ nhân, nên lắng nghe!
Các hữu tình thế gian
Tập chí luôn che tâm
Sinh đủ thứ hý luận
Mạt-na và ý thức
Và thức khác liên tục
Năm pháp và ba tánh
Với hai thứ vô ngã
Mãi cùng nhau tương ưng
Như gió thổi vào nước
Chuyển khởi các sóng thức
Sóng từng đợt không dừng
Lại-da cũng như vậy!
Các tập khí vô thủy
Giống như mặt nước ấy
Gió cảnh mà động vào
Khởi lên các sóng thức
Không lúc nào dứt sạch
Tám thứ tâm luân chuyển
Tuy không có thể tánh
Mà tùy duyên liền khởi
Hoặc có khi sinh chậm
Thủ cảnh cũng như vậy
Mau, chậm, có sai biệt
Tâm chuyển nơi nhà cửa
Nhật nguyệt và tinh tú
Cây, nhành, lá, hoa, quả

Núi rừng với chúng quân
Ở những chỗ như vậy
Đều hay sinh mau chậm
Phần nhiều hay hiện mau
Hoặc chậm khởi, sai biệt
Hoặc khi ở trong mộng
Thấy cảnh xưa đã gặp
Và tưởng niệm mới sinh
Cho đến lúc già chết.
Toán số với các vật
Suy tầm nghĩa các câu
Quán nơi nào văn hay
Thọ việc ăn uống ngon
Với cảnh giới như vậy
Dần dần sẽ hiểu rõ
Hoặc có lúc sinh mau
Mà hay giữ lại được
Tâm tánh vốn thanh tịnh
Nghĩ bàn không thể được
Là diệu tạng Như Lai
Như vàng ở trong quặng
Ý sinh từ tạng thức
Sáu thức khác cũng vậy
Thức sáu loại, phần nhiều
Sai biệt nơi ba cõi
Lại-da với năng huân
Và các tâm pháp khác
Các chủng tử nhiễm tịnh
Đồng trụ mà không nhiễm
Chủng tánh Phật cũng vậy.
Định, chẳng định, thường định
Như nước biển luôn vậy
Sóng, triều làm chuyển dời
A-lại-da cũng vậy
Tùy các Địa sai biệt
Tu có thấp, vừa, cao
Bỏ nhiễm là sáng tỏ
Kim Cang Tạng lại nói:

Như Bồ-tát Thật Kiến
Bậc thấy nghe giác ngộ
Tự tánh tuệ như thật
Mười phương các cõi nước
Các vua, dân trong hội
Ngươi đã nghe ta nói
Tùy theo đó rộng nói
Nếu ai nghe pháp xong
Tịnh gần A-lại-da
Hoặc làm vua loài người
Hoặc chuyển luân thiên hạ.
Hoặc lại làm Đế Thích
Đâu-suất, Tô-diệm-ma
Cho đến cung Hóa lạc
Tự tại chủ cõi Dục
Hoặc sinh ở cõi Sắc
Hay sinh trời Vô sắc
Trong hữu tình vô tưởng
Tĩnh lự thọ an lạc
Chứng chân mà không trụ
Giống như Sư tử rống.
Với các định tự tại
Nhờ tương ưng pháp vui
Một lòng cầu Mật nghiêm
Không dính mắc ba cõi
Đã đến được Mật nghiêm
Dần dần được giác ngộ
Nương chuyển được an lạc
Luôn an trụ vắng lặng
Vô lượng các Phật tử
Vây quanh để trang nghiêm.
Là Pháp vương tự tại
Tối thượng ở trong chúng
Chẳng như ngoại đạo nói
Hoại diệt là Niết-bàn
Hoặc đồng với hữu vi
Có, không lại tạo lỗi
Mười nghiệp cao, vừa, thấp

Ba thừa mới sinh ra
Tối thượng sinh Mật nghiêm
Từng Địa được thăng tiến
Được trí tuệ giải thoát
Thân Như Lai vi diệu.
Vì sao nói Niết-bàn
Đó là pháp hoại diệt
Nếu Niết-bàn hoại diệt
Hữu tình có kết thúc
Nếu hữu tình kết thúc
Cũng phải có khởi đầu
Phải có pháp chẳng sinh
Ban đầu tạo hữu tình
Không có phi hữu tình
Mà sinh cõi hữu tình
Cõi hữu tình đã tận
Phật không pháp sở tri
Tức là không năng giác
Cũng chẳng có Niết-bàn!
Người vọng chấp giải thoát
Mà nói về giải thoát
Như củi hết, lửa tắt!
Cũng như thân cây chuối
Họ nói tánh giải thoát
Là hoại có thành không.
Với diệu lạc giải thoát
Xa lìa không thể chứng
Biến xứ và tĩnh lự
Định vô sắc, vô tưởng
Nghịch thuận mà vào ra
Lực, thông đều tự tại
Với họ không lui lại
Cũng không mãi chìm đắm
Thấu đạt nơi pháp tướng
Khéo léo được các Địa
Nếu trang nghiêm như vậy
Sẽ đến cõi Mật nghiêm.
Nếu nói tánh giải thoát

Hoại có để thành không
Người ấy trụ các hữu
Rốt ráo không ra khỏi
Đã hoại ba hòa hợp
Nhân và bốn thứ duyên
Nhãn sắc duyên trong ngoài
Hòa hợp mới sinh thức
Pháp thế gian trong ngoài
Giúp nhau mới cùng sinh
Các thứ nghĩa như vậy
Tất cả đều trái ngược
Nếu biết chỉ thức hiện
Lìa nơi tâm có được
Phân biệt không hiện tiền
Cũng không trụ tánh ấy
Bấy giờ, lìa sở duyên
Tâm lặng yên chánh thọ
Vất bỏ sự thế gian
Thấy sở thủ, năng thủ
Lìa nương chuyển thô trọng
Trí tuệ chẳng nghĩ bàn
Thân mười loại ý thành
Trang nghiêm các tướng đẹp
Làm vị chủ ba cõi
Mới sinh nơi Mật nghiêm.
Sắc, tâm và tâm sở
Đã tương ưng vô vi
Với trong ngoài thế gian
Quán kỹ không sai khác
Các người trí như vậy
Đi vào nước Mật nghiêm
Danh tướng và phân biệt
Chánh trí và như như
Tam-ma-địa, Mâu-ni
Thể tánh đều bình đẳng
Phải nên đến Mật nghiêm
Cõi được Phật khen ngợi
Nếu hoại ba hòa hợp

Cùng với bốn thứ duyên
Không kiên cố tự tông
Đồng các vọng phân biệt
Kẻ tập ác phân biệt
Năm thứ luận của họ
Thí dụ không thành lập
Các nghĩa đều chống trái
Năm luận đều thành lỗi.
Mắt hoặc loạn giác trí
Chấp dụ và tợ dụ
Điên đảo, không điên đảo.
Chấp hư vọng như vậy
Tất cả hủy hoại này
Xa lìa nơi tự tông
Nương vào tông pháp người
Các kiến lúc ban đầu
Đều trừ hoại diệt sinh.
Đại vương phải nên biết
Hữu tình ở ba cõi
Như bánh xe quay lăn
Không thể có khởi đầu
Như Lai dùng bình đẳng nguyện
Cứu độ các hữu tình
Như trăng rằm chiếu sáng
Không chỗ nào không có
Tùy loại nghiệp trước kia
Ứng cơ mà thuyết pháp
Nếu hủy hoại Niết-bàn
Với Phật đâu ích lợi!
Có ba loại tăng thượng
Giải thoát cũng như vậy
Bốn Đế và Thần túc
Niệm xứ vô ngại giả
Bốn duyên, vô sắc trụ
Căn lực và Thần thông
Giác chi và các Địa
Pháp hữu vi, vô vi
Cho đến các Thánh nhân

Đều nương thức, mà có
Trí khổ pháp nhẫn pháp
Trí khổ loại nhẫn loại
Bốn tập trí cũng vậy
Diệt đạo cũng như thế
Như vậy mười sáu loại
Đó gọi là Hiện quán
Số người học có mười
Thức tám, bảy ngược lại
Mỗi nhà một lần lại
Một phen mà diệt độ
Trung bát và sinh bát
Hữu hành và vô hành
Thượng lưu là nơi nơi
Sau đó Bát-niết-bàn
Như vậy tất cả loại
Phẩm vị của các trí
Người tu hành quán hạnh
Cao, vừa, thấp không đồng
Bồ-tát tu tăng thượng
Công đức rất thù thắng
Mười một và mười hai
Cùng với mười sáu thứ
Các người tu định này
Lại diệt dần nơi tâm
Chấm dứt, chẳng phải tâm
Cũng chẳng cùng tâm trụ
Tâm vị lai chưa đến
Chưa đến nên chẳng có
Tâm duyên không hòa hợp
Chẳng sinh đây, sinh kia
Thiền thứ bốn, vô tâm
Có nhân không thể hại
Có nhân là có thức
Ý thức và năm thứ
Vọng tưởng không hay biết
Lưu chuyển như sóng dồn
Định ấy quan Lại-da

Lìa phân biệt năng sở
Vi diệu không sở hữu
Chuyển y mà không hoại
Trụ cõi Phật Mật Nghiêm
Hiện rõ như mặt trăng
Các bậc Trí Mật nghiêm
Thường chung sống với Phật
Mãi rong chơi cảnh định
Một vị không sai biệt
Cảnh quán hạnh khó nghĩ
Đã sinh ra định lực
Vua nên thường tu tập
Tương ưng định vi diệu
Dục giới có sáu trời
Phạm ma có mười hai
Vô sắc và Vô tưởng
Trong tất cả các Địa
Nếu sinh cõi Mật nghiêm
Làm Thiên chủ các cõi
Muốn cầu cõi Mật nghiêm
Nên tu mười thứ trí
Pháp trí và loại trí
Trí thế tục tha tâm
Trí Khổ, Tập, Diệt, Đạo
Trí tận, trí vô sinh
Chủ nhân chỗ ngươi sinh
Xả thân tộc Đát-la
Nguyệt vương và Cam Giá
Chủng tánh đều bình đẳng
Tuy ở trong các tộc
Họ ngươi rất thù thắng
Nên cầu cõi Mật nghiêm
Đừng hoài nghi thối tâm
Như dê bị dắt đi
Lo sợ mà bước tới!
Mạt-na ở trong thân
Giống nai giả đang đứng
Cũng như ảnh cây giả

Lau sậy trong dòng nước
Như vua dạo ngự uyển
Để vận động thân thể!
Ý cùng với ý thức
Tâm cùng với tâm pháp
Pháp ấy không tự tánh
Như mây tụ chẳng thật
Hết thảy thứ tạng thức
Bị tập khí ngăn che
Như hạt ngọc Ma-ni
Tùy duyên hiện đủ màu
Tuy trong thân hữu tình
Như ngỗng chúa, không nhơ
Quyết định là chủng tánh
Cũng là đại Niết-bàn
Danh theo tướng mà sinh
Tương do nhân duyên khởi
Bởi có các hình tướng
Nên khởi các phân biệt
Phân biệt do hai nhân
Tâm tập khí tướng ngoài
Thức Mạt-na thức bảy
Nên biết cũng như vậy
Các căn duyên hội ý
Pháp sinh ra năm thức
Cùng tâm sở tương ưng
Trong thân như cung điện
Chánh trí luôn quán sát
Tất cả cả các thế gian
Từ nhân duyên như vậy
Mà sinh các quả đó
Chân như chẳng khác nó
Các pháp hỗ tương sinh
Tâm cùng lý tương ưng
Quán thấy rất rõ ràng
Đó chính là các pháp
Tánh viên thành rốt ráo
Cũng là vọng chấp thôi

Tất cả pháp không sinh
Tánh các pháp thường không
Chẳng không, cũng chẳng có
Như huyễn và như mộng
Như thành Càn-thát-bà
Bóng nắng và xe lông
Khói mây và các vật
Tất cả các hình tướng
Danh cứu và văn thân
Dính mắc sinh như vậy
Thành ra tánh Biến kế
Căn, cảnh, ý hòa hợp
Huân tập thành hạt giống
Với tâm không có khác
Các thức do đó sinh
Nhờ sức nương với nhau
Gọi là Y tha khởi
Khéo chứng trí tự giác
Hiện trú nơi pháp lạc
Đó gọi là viên thành
Là cảnh giới của Thánh
Phật và các đệ tử
Chứng được gọi Thánh nhân
Nếu ai chứng pháp này
Liền thấy được thực tế
Bảo rằng: "Sinh đã tận
Phạm hạnh cũng đã lập
Việc làm đã thành tựu
Không còn tái sinh nữa."
Giải thoát tất cả khổ
Đoạn diệt sự lay động
Cháy sạch sự huân tập
Kiếp tận vẫn không dời
Hai vô ngã: Sinh, pháp
Chiếu kiến thảy đều không
Tích tập từ vô thủy
Tất cả các hý luận
Vô biên các lỗi lầm

Tất cả đã đoạn trừ
Thí như cục sắt nóng
Hết nóng, sắt như cũ
Như vậy, người giải thoát
Hết mê, được mát mẻ
Nhập vào cõi vô lậu
Cõi Mật nghiêm vi diệu
Cõi ấy rất mầu nhiệm
Không có nơi nào bằng
Chỉ Phật với Bồ-tát
Thanh tịnh được ở đó
Trước mắt Tam-ma-địa
Lấy đó làm món ăn
Muốn sinh về cảnh đó
Khéo tập Thắng Du-già
Vì các người có duyên
Rộng khai thị phân biệt
Danh vốn từ tướng sinh
Tướng lại từ duyên khởi
Từ tướng sinh phân biệt
Không đủ tánh viên thành
Căn cảnh bình y đẳng
Pháp giả cùng hòa hợp
Từ đó sinh phân biệt
Hiểu rõ thấy sai khác
Hoặc động hoặc chẳng động
Tất cả các thế gian
Đều do si ám sinh
Ngu tối cho là thể
Ngắn, dài với các sắc
Âm thanh và hương giới
Ngọt, đắng, cứng và trơn
Ý thức cùng sở duyên
Chỗ của các tốt xấu
Pháp hữu vi, vô vi
Cho đến với Niết-bàn
Đó là cảnh của trí
Chuyển đổi trong từng niệm

Đều do thức sinh ra
Mạt-na duyên tạng thức
Như nam châm hút sắt
Như rắn có hai đầu
Nó đều có nghiệp riêng
Ý nhiễm cũng như vậy
Ôm giữ A-lại-da
Hay làm sự nghiệp ngã
Tăng trưởng nơi ngã sở
Cùng ý thức câu khởi
Làm nhân mà chuyển lui
Sinh noãn xúc nơi thân
Vận động tạo các nghiệp
Ẩm thực và y phục
Tùy vật mà thọ dụng
Bay nhảy hoặc ca múa
Các thứ để vui chơi
Giữ thân các hữu tình
Đều do sức của ý
Như vòng lửa trên đầu
Thành của Càn-thát-bà
Không rõ, chỉ tự tâm
Vọng khởi các phân biệt
Thân tướng: Khí thế gian
Như sức động cây đu
Không lực, không kiên cố
Phân biệt cũng như vậy.
Phân biệt không chỗ nương
Chỉ làm theo tự cảnh
Ví như ảnh trong gương
Chủng thức động mới thấy
Kẻ ngu mê hoặc nó
Chẳng phải người trí sáng
Nhân chủ phải nên biết
Cả ba đều thức hiện
Nơi đó nếu xa lìa
Tức đúng là thành thật
Trì tấn các Bồ-tát

Và Thánh Mục-kiền-liên
Theo tiếng và quán khắp
Trăm ngàn vạn ức cõi
Đủ các báu trang sức
Tráng lệ không đâu bằng
Với cảnh vi diệu ấy
Mật nghiêm rất thù thắng
Cõi Cực lạc, Diệu hỷ
Câu-đê cõi phương dưới
Tất cả các Thế Tôn
Đều khen cõi như vậy
Rằng không có đầu, cuối
Oai đức tự nhiên hóa
Thuở xưa Phật ở đó
Vượt ra khỏi ba cõi
Không chấp thọ giàu vui
Tự vô vi vắng lặng
Lợi mình và lợi người
Công nghiệp đều thành mãn
Không ở trong Dục giới
Thành Phật, làm Phật sự
Cần đến cõi Mật nghiêm
Chứng ngộ Vô thượng giác
Câu-đê các Thế Tôn
Trong muốn làm Phật sự
Trước ở trong nước này
Hóa làm vô lượng ức
Thường tương ưng chánh định.
Thần thông và du hý
Biến khắp các cõi nước
Như trăng sáng nơi nơi
Tùy các loại chúng sinh
Mong cầu mà hóa độ
Hàng Hoa nghiêm, Thập địa…
Cây lớn và Thần thông
Thắng-man và các kinh
Đều từ kinh này ra
Như vậy kinh Mật Nghiêm

Vượt trên tất cả kinh
Chủ nhân và các vua
Phải hết lòng cung kính
Cõi Dục, Sắc, Vô sắc
Các cõi trời Vô tưởng
Như Lai đều không ở
Chỉ trụ cõi Mật nghiêm
Các cung điện cõi này
Như son để trang sức.
Tất cả các Như Lai
Bậc Diệu tướng tịnh trí
Phật và các Bồ-tát
Thường sống ở trong đó
Thế Tôn mãi trụ thiền
Vắng lặng tối vô thượng
Tự nương định khó nghĩ
Hiện ra các sắc đẹp
Sắc tướng không có biên
Không ai có thể thấy
Nước Cực lạc trang nghiêm,
Thế Tôn Vô Lượng Thọ
Các hành giả tu quán
Sắc tướng đều như vậy.
Hoặc thấy được Đức Phật
Sáng ngời các sắc đẹp
Chiêm-bặc, thư hoàng sắc
Vàng ròng ánh mặt trăng
Khổng tước, cổ như sen
Tụ của Tương Tư Tử
Chớp hồng, sắc san hô
Hoặc hiện thân yếu ốm
Hoặc mặc áo sô ma
Hoặc ngủ trong nhà tranh
Hoặc ở trên hoa sen
Giống như ngàn mặt trời
Hoặc thấy các Bồ-tát
Búi tóc như rồng cuốn
Báu Kim cang đế thanh

Trang nghiêm làm mão quý
Hoặc thấy vẻ cờ tròn
Các tướng ngư, thương, khư
Hoặc thấy sắc sáng đẹp
Như cầu vòng trên trời
Hoặc lấy núi Tu-di
Đặt trong lòng bày tay
Hoặc lấy nước biển cả
Đổ trong lỗ tai trâu
Hoặc hiện làm vị vua
Đội mão, đứng lan can
Các phụ tá cung kính
Cùng bàn việc trị dân
Hoặc tại Mật nghiêm tràng
Người tu định vắng lặng
Nói về cảnh tự chứng
Pháp sở tri của Phật
Hoặc nói được chuyển y
Tâm tuệ đều giải thoát
Tự tại Tam-ma-địa
Thân vô ngại như huyễn
Hoặc hiện cảnh vô nhiễm
Đoạn các dính mắc nghiệp
Lấy trí đốt "củi kiến"
Không thọ nơi các hữu
Ví như tim dầu hết
Đèn tắt là Niết-bàn
Hoặc hiện tu các Độ
Thí vô giá đại hội
Trì giới và khổ hạnh
Đủ các thức nghi tắc
Cõi Cực lạc trang nghiêm
Người không sinh bào thai
Thân sắc vàng vi diệu
Ánh sáng tịnh, tròn đầy
Cảnh giới những vị ấy
Đều đầy đủ Du-già
Nếu so với Mật nghiêm

Trăm phần không bằng một
Người trong cõi Cực lạc
Tự nhiên tùy niệm thực
Bậc Mâu-ni tự tại
Định là vị cam lộ
Đủ các rừng cây báu
Vui chơi nghỉ dưới đó
Cát vàng trải mặt đất
Hiện rõ cõi tuyệt đẹp
Sen báu thật sạch đẹp
Nở trên nước công đức
Cảnh tuyệt đẹp như vậy
Không thể ví dụ được
Đều do hoa sen sinh
Cung kính Vô Lượng Thọ
Khéo tu Tam-ma-địa
Ưa thích công đức Phật
Người chuyên tâm hồi hướng
Đều sinh về nước ấy
Các tướng tốt trang nghiêm
Như gương sáng không bụi
Kim Cang Tạng nói xong
Tự hiện nơi thân hình
Hoặc như một lóng tay
Hoặc như một hạt cải
Hoặc nhỏ như sợi tóc
Chỉ bằng một phần trăm
Hoặc hiện thân Thiện Thệ
Thanh văn và Duyên giác
Các sắc và các loại
Cho đến đủ thứ hình
Tùy theo điều họ nói
Mà tuyên thuyết các pháp
Hoặc nói về Bồ-tát
Nhập các Địa đã biết
Năm pháp, ba tự tánh
Tám thức, hai vô ngã
Đạt được định như huyễn

Tùy ý thân được thành
Các Thần thông tự tại
Mười Lực, bốn Vô úy
Trụ nơi không thoái chuyển
Được sở y thanh tịnh
Nhập vào trong Phật địa
Uẩn, giới của vô lậu
Mãi xa lìa biến đổi
Lặng yên mà thường trụ
Hoặc nói về Bồ-tát
Khéo đẹp mà lại vui
Như mộng, trăng dưới nước,
Bậc hành đạo Du-già
Được định Thủ-lăng-nghiêm,
Mười thứ thân như huyễn
Trọn mười Vô tận nguyện
Chứng thành Đẳng chánh giác
Ngồi tòa hoa sen đẹp
Tướng tốt thật trang nghiêm
Vô lượng các Phật tử
Cung kính mà vây quanh
Hoặc nói các Bồ-tát
Nguyện lực hiện các hình
Dạo khắp cả mười phương
Phụng sự hằng sa Phật
Các vị Bồ-tát này
Thân thể đều vi diệu
Ra vào luôn tự tại
Không trụ trong hữu, vô
Ví như Trời, Thần, Tiên
Và các Kiền-đạt-phược
Trụ trên núi Diệu cao
Hoặc ở trong hư không
Các hữu tình trên đất
Đối diện mà không thấy
Các Bồ-tát như vậy
Hiện hình cũng như thế
Người không tu quán hạnh

Thì không thể thấy được
Hoặc nói các Bồ-tát
Được Tĩnh lự thù thắng
Hiện thọ sinh mọi chỗ
Hiện nhập cõi vô dư
Hoặc nói các Bồ-tát
Có thể dùng định lực
Tự tại chuyển sở y
Không trụ chân thật tế
Vô lượng cõi hữu tình
Tùy sai biệt hiện thân
Thân tuy có sai khác
Mà tâm vẫn bình đẳng
Giống như nước trên đất
Cũng như với trời, trăng
Hoặc nói các Bồ-tát
Thường dùng tâm đại Bi
Xót thương các hữu tình
Xoay tròn trong sinh tử
Lang thang bị cùng khốn
Vì bệnh tham, khổ đốt
Thấp hèn và tàn tật
An ủi khỏi sầu lo
Như con ong trên thuyền
Phiêu lưu trong biển cả
Ngược dòng mà qua lại
Phút chốc mấy vạn dặm
Nói cho pháp phi ngã
Sinh tử, nhanh, vô thường
Khiến họ biết hoại diệt
Chẳng dừng trong sát-na.
Hoặc nói về chư Phật
Cùng với các Bồ-tát
Thấy rõ các hữu tình
Say trong biển khát ái
Khổ, phân biệt, bức bách
Ở trong pháp Vô tướng
Vọng chấp đủ thứ tướng

Chấp trước Năng sở thủ
Tâm luôn bị trói buộc
Không thể được giải thoát
Chìm trong biển sinh tử
Phiêu lưu không dừng nghỉ
Nghèo hèn và cô đơn
Không chỗ nào nương tựa
Ví như trong biển cả
Nhện, sâu, khó tránh lưới
Chư Phật và Bồ-tát
Như người ở trên thuyền
Thương các loại hữu tình
Cứu thoát nạn sinh tử
Tùy theo loại chúng sinh
Mà hiện thân sai biệt
Thuyết thí, giới các môn
Vô số các thắng hạnh.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

QUYỂN TRUNG

Phẩm 2: NHẬP MẬT NGHIÊM SINH THÂN VI DIỆU (Phần 2)

Bấy giờ, trong đại hội, có Đại Bồ-tát Phổ Hiền Chứng Sắc Đại Oai Đức, cùng với các chúng Đại Bồ-tát như Đại Bồ-tát Trì Thế, Đại Bồ-tát Trì Tấn, Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi, Đại Bồ-tát Thần Thông Vương, Đại Bồ-tát Đắc Đại Thế, Đại Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Đại Bồ-tát Kim Cang Tề, Đại Bồ-tát Đại Thọ Khẩn-na-la Thọ Vương, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng… cho đến vô lượng chư Thiên ở tại Đại bảo tạng điện Ma-ni.

Lại còn có các chúng Du-kỳ ở trong cõi Mật nghiêm, cùng các vị ở vô lượng câu-đê cõi Phật, đến để nghe pháp. Được nghe công đức sâu dày của Mật nghiêm, tất cả liền đối với pháp rất cung kính, nhất định sẽ được chuyển y, mãi ở trong cõi nước ấy, không còn sinh ở chỗ khác nữa; tất cả đều đem lòng Từ bi thương xót tất cả hữu tình trong đời vị lai, tung rải lòng Từ bình đẳng để làm lợi ích cho tất cả. Họ cùng nhau chiêm ngưỡng Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, một lòng, đồng thanh dùng kệ hỏi:

Tôn giả đủ biện tài
Xin ngài hãy chỉ bày
Các sắc tượng thế gian
Là do ai làm ra?
Như người thợ làm bình
Nhồi bùn mà nặn ra
Ví như người chơi nhạc
Kích động thành ra tiếng
Thí như một vật thể
Có ba thứ tự tánh
Đã, đang và sẽ thành
Đều ở một vật thể
Vì sao đủ loại sắc?
Một vật được tạo ra
Do Đâu-suất làm ra

Hay là trời Dạ-ma
Hay Tha hóa tự tại
Đại Thọ Khẩn-na-la
Hay là trời Thiện kiến
Là trời Sắc cứu cánh
Phạm vương Loa Kế làm
Hay trời Vô sắc làm
Tất cả Thiên chủ làm
Hay tự nhiên mà làm
Tay biến hóa mà có
Hay do chư Phật tạo?
Trong các thế giới khác
Phật tử đã tạo ra?
Những người tạo các sắc
Do hoặc, loạn tạo ra
Các hoặc loạn đã khởi
Như nai thấy sóng nắng
Ví như chỗ cái bình
Đức là chỗ nương tựa
Tất cả các thế gian
Người hay trụ nơi đó
Cái phi đức, thuộc đức
Phi đức, nương nơi đức
Nên dần dần hòa hợp
Các đức được tập thành
Sắc chỉ từ hoặc, loạn
Là cũng có trụ sao?
Là Phạm vương tạo ra
Hay Na-la-diên tạo?
Hùng mãnh và thắng luận
Hay số luận tự làm?
Thắng tánh đã làm ra
Tự tại tự nhiên sao?
Khi vô minh đã sinh
Nghiệp ái tạo ra chăng?
Thiên tiên và thế định
Đều ôm lòng nghi hoặc
Trước đã không có thật

Giống như ở trong mộng
Cũng như nóng phát lửa
Và thành Càn-thát-bà
Vô thủy vọng phân biệt
Tùy theo đó liên tục
Khởi ra năng hay sở
Như rắn có hai đầu
Cũng như tử thi đi
Người gỗ máy chuyển động
Trong không thấy tóc rũ
Và vòng lửa xoay quanh.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, bảo Đại Bồ-tát Phổ Hiền Chúng Sắc Đại Oai Đức và đại chúng, bằng bài kệ:

Các sắc tượng thế gian
Không sinh từ tác giả
Chẳng phải Kiếp-tỳ-la
Hay Nhân-đà-la làm.
Cũng chẳng do cúng tế
Chẳng phải Vi-đà giáo
Chúng do nhiều nhân duyên
Tu hành thường không trụ
Cũng lại chẳng không, có
Hãy giữ nhân thế gian
Là trượng phu thứ tám
Gọi đó là tạng thức
Do đó, thành các sắc
Như các hình xoay chuyển
Như dầu do mè làm
Trong muối có vị mặn
Như vô thường sắc khắp
Trượng phu biết cũng vậy.
Như hương trong trầm, xạ,
Và ánh sáng trời trăng
Xa lìa năng, sở tác
Cùng với hữu, vô tông
Cũng xa lìa một, khác
Tất cả lỗi ngoại đạo
Người trí chẳng tìm cầu

Phân biệt không thể được
Người định tâm giải thoát
Sở chứng của tự giác
Nếu lìa A-lại-da
Liền không có thức khác
Giống như sóng trên biển
Với biển sóng không khác
Biển yên đâu thấy sóng
Cũng không thể nói một
Ví như người tu định
Nội định, tâm thanh tịnh
Người thần thông tự tại
Có các thứ thông tuệ
Người quán hạnh hay thấy
Người khác chẳng biết được
Thức lưu chuyển như vậy
Nương tạng thức mà trụ.
Phật và các đệ tử
Nhờ định, thường quán thấy
Tạng thức giữ thế gian
Như lấy chỉ xâu ngọc
Như bánh hợp với xe
Bị gió nghiệp chuyển động.
Thợ gốm dùng bánh xe
Theo ý thành đồ dùng.
Tạng thức cùng các cõi
Cộng sức thành tất cả
Các thế gian trong ngoài
Cung cấp đều cùng khắp
Giống như các ngôi sao
Phơi bày trên hư không
Do sức gió chủ trì
Vận hành không dừng nghỉ
Như dấu chim trên trời
Không bao giờ thấy được
Nếu lìa khỏi hư không
Chim không thể bay được.
Tạng thức cũng như vậy

Không lìa thân ta, người
Như biển nổi sóng cả
Hư không chứa vạn vật
Thức trượng phu cũng vậy
Uẩn tạng các tập khí
Ví như trăng trong nước
Cùng với các hoa sen
Không thể trộn trong nước
Nhưng lại không dính nước.
Tạng thức cũng như vậy
Tạp khí không thể nhiễm
Như mắt có đồng tử
Riêng mắt không tự thấy
Lại-da ở trong thân
Nhiếp chứa các hạt giống.
Giữ các thọ, noãn, thức
Như mây che thế gian
Nghiệp dụng không hề dừng
Hữu tình không thể thấy
Thân do các sắc thành
Lại hay tạo các sắc
Như thợ gốm tự động
Dùng bùn nặn các vật
Thế gian vọng phân biệt
Thấy con trâu… có sừng
Không rõ sừng chẳng có
Nên nói thỏ không sừng
Phân tích đến rất nhỏ
Tìm sừng, không chỗ có.
Cố đợi cho có pháp
Mới khởi sự không thấy
Pháp có vốn tự không
Không thấy, đâu cần đợi.
Pháp hoặc có, hoặc không
Nhân dần dần hỗ tương
Trong hai pháp có, không
Không nên khởi phân biệt
Nếu lìa khỏi sở giác

Năng giác liền không sinh
Ví như xoay vòng lửa
Che lấp Càn thành giả
Đều do ít sở kiến
Mà sinh các giác này.
Nếu lìa khỏi sở nhân
Giác ấy, liền không có
Danh, tướng trói buộc nhau
Tập khí không ngằn mé
Tất cả các phân biệt
Câu khởi cùng với ý
Nên hữu tình lưu chuyển
Không chứng được viên thành
Tích tập từ vô thủy
Đắm chìm trong cảnh vọng
Vì huân tập hý luận
Sinh ra đủ thứ tâm
Năng thủ và sở thủ
Tự tánh tâm hữu tình
Bình, y phục, các tướng
Thật thấy không thể nghe
Tất cả chỉ có giác
Nghĩa sở giác đều không
Tánh năng giác, sở giác
Tự nhiên chuyển như vậy
Kẻ ngu không đoạn trừ
Tạp khí, tâm mê hoặc
Lại-da và bảy thức
Có lúc lại sinh vội
Giống như biển nổi sóng
Do gió tác động vào
Sóng từng đợt lên xuống
Không bao giờ chấm dứt.
Sóng thức cũng như vậy
Gió kích động cảnh giới
Vô số các phân biệt
Tự ôm giữ bên trong.
Như đất không phân biệt

Vạn vật nhờ đó sinh
Tạng thức cũng như vật
Chỗ các cảnh nương tựa
Như người dùng tay mình
Lại đánh vào thân mình.
Cũng như voi lấy vòi
Hút nước tắm thân nó
Lại như các đứa bé
Dùng miệng ngậm tay mình
Đó là thức phân biệt
Lại tự duyên hiện cảnh
Cảnh giới của tâm này
Biến khắp cả ba cõi
Người tu quán hạnh lâu
Có thể khéo thông đạt
Trong ngoài các thế gian
Tất cả chỉ tâm hiện.
Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Nói diệu pháp này xong
Đứng lặng yên một chỗ
Suy nghĩ về pháp giới
Định vi diệu phổ biến
Nhập vào các cảnh Phật
Thấy vô lượng Phật tử
Đang tụ tại Mật nghiêm
Liền ra khỏi thiền định
Phóng ánh sáng chiếu khắp
Cõi Dục, Sắc, Vô sắc
Cùng cung trời Vô tưởng
Trong ánh sáng như vậy
Lại hiện các cõi Phật
Đều thấy vô lượng Phật
Tướng tốt đẹp, đoan nghiêm
Đủ các sắc vi diệu
Từ thân Phật phóng ra
Tùy theo sự ái lạc
Lợi ích cho thế gian
Khiến các Phật tử ấy

Khen ngợi tên Mật nghiêm
Vui mừng ngắm nhìn nhau
Lại nói lời như vầy:
Mật nghiêm đẹp không dơ
Có thể trừ các tội
Chỗ hành giả quán thắng
Cõi ấy rất diệu kỳ
Chúng tôi nghe tên gọi
Trong lòng rất vui sướng.
Họ từ chỗ đang ở
Đều đi đến Mật nghiêm.
Phạm Loa Kế, sắc tận
Cùng với trời Tịnh cư
Hâm mộ cõi Mật nghiêm
Chỗ Phật tử sinh đến
Đồng tâm tụ hội lại
Đều thưa với Phạm vương:
Chúng tôi làm thế nào
Được đến cõi Mật nghiêm
Nếu thiên vương đến đó
Chúng tôi sẽ đi theo.
Bấy giờ, Phạm Loa Kế
Nghe các chúng trời nói
Liền đi đến với họ
Nữa đường quên đường đi!
Phạm vương trước giác ngộ
Dùng kệ quán sát kỹ
Cảnh thắng quán hạnh ấy
Hạnh nào mới đến được?
Kẻ dục, sắc, tự tại
Thì không thể đến được
Chẳng phải không, thức xứ
Chẳng phải phi phi tưởng
Chẳng phải các ngoại đạo
Tà định… mà đến được
Khéo léo làm cách nào
Đến được cõi Mật nghiêm?
Hoặc nhờ Thiên trung thiên

Sức oai thần gia hộ
Mới khiến được tới nơi
Tại hội cung Mật nghiêm.
Phạm Loa Kế phát tiếng
Mọi người đều vâng theo
Thấy Phật đầy hư không
Với oai quang rực sáng
Bảo Phạm vương ấy rằng:
Ngươi về cung điện mình
Cõi Mật nghiêm Như Lai
Là cảnh của quán hạnh
Phi tưởng còn khó lên
Cõi Sắc làm sao đến?
Phạm vương từ chỗ Phật
Nghe bảo vậy xong
Liền trở về nước mình
Tìm đến cung Phạm thiên
Lúc các trời Tịnh cư
Đang cùng nhau bàn luận:
Phạm Thiên vương Loa Kế
Oai thần, không đến được
Nên biết cõi Mật nghiêm
Cao tột khó nghĩ bàn
Chẳng phải định như huyễn
Ai đến được cõi đó.
Chúng trời trong hội ấy
Nghe tiếng khen công đức
Sinh tâm rất lạ kỳ
Bèn thưa Kim Cang Tạng:
Chúng tôi đều muốn nghe
Mong ngài nói pháp sâu.
Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Liền bảo đại chúng rằng:
Như Lai đã thuyết pháp
Ai diễn đạt cho hết
Thánh trí của tự giác
Cảnh giới không nghĩ bàn
Trừ người quán hạnh sâu

Còn làm sao chỉ bày.
Lúc Trì Tấn, Dạ-ma
Và Phật tử tự tại
Khác miệng đồng thanh thưa:
Mong ngài sớm tuyên thuyết
Thần thông và Mạn-thù
Từ Thị, vua Khẩn-na
Cùng người tu định khác
Thảy đều thỉnh như vậy
Các trời, tiên Trì Minh
Trong không tấu các nhạc
Đồng tâm mà khuyến thỉnh:
Xin xót thương tuyên thuyết.
Khuyến thỉnh như vậy xong
Đều ngồi nơi tòa đẹp
Phạm vương nương sức Phật
Lại trở vào trong hội
Và thưa Kim Cang Tạng
Xin hỏi lời như vầy:
Nay các đại chúng này
Trang nghiêm chưa từng có
Chính là Tôn giả tử
Thông tuệ không ai bằng
Nên đối với Tôn giả
Khát ngưỡng mong cầu pháp
Nay con vẫn chưa biết
Mới hỏi vì sao những
Kiều Lạp và Thắng Đạo
Với Đản Sinh, Luân vương
Chính là Thiếu niên Mã
Chính là Cổ tiên truyện,
Con của dòng Cam Giá
Quốc vương Thiên cung trì
Trong Dục, Sắc, Vô sắc
Pháp của các trời, người
Đó là hạnh Bồ-tát
Độc giác và Thanh văn
Cho đến Tu-la minh

Các luận về tịnh tượng
Mong ngài những việc ấy
Thứ lớp mà diễn nói
Chúng con và trời, người
Một lòng thích lắng nghe.
Bấy giờ, Giải Thoát Nguyệt
Trì Thế, Hư Không Tạng
Đại Thế, Quán Tự Tại
Tổng Trì Tự Tại vương
Bảo Kế và Thiên Quan
Kim Cang Thủ Tịch Tuệ
Cùng Đại sĩ Bảo Thủ
Và các Tối thắng tử
Đều từ câu-đê cõi
Đến ngồi cung Liên hoa
Đồng thỉnh Kim Cang Tạng:
Cúi xin Đại Tuệ nói
Quá khứ và vị lai
Trí Mâu-ni thanh tịnh
Nhân giả, được gần Phật
Tâm sáng tỏ không nghi
Chúng này đều thích nghe
Mong Tôn giả diễn nói
Định Vương Kim Cang Tạng
Bảo khắp đại chúng rằng:
Như Lai đã thuyết pháp
Ta không thể nói hết
Chỉ trừ Phật, Bồ-tát
Được oai thần gia hộ
Ta nay chí tâm lạy
Cung kính lễ tự tại
Điện Mâu-ni bảo tạng
Phật và các đệ tử
Tâm kính tin, ta nói:
Trí Như Lai thanh tịnh
Khiến gieo hạt giống Phật
Các ngươi hãy lắng nghe.
Đây chẳng phải vương luận

Và luật lệ luân vương
Mà là cõi Mật nghiêm:
Chủng tánh của Như Lai
Cảnh giới Bậc Chánh Định
Việc thù thắng chư Phật
Trí Như Lai vi diệu
Lìa năng giác, sở giác
Nên chẳng phải sức ta
Diễn được pháp mầu này
Phải nhờ oai thần Phật
Theo Phật mà thỉnh thọ
Trí này rất vi diệu
Là hoa Tam-ma-địa
Phật ở trong Mật nghiêm
Chánh thọ mà khai diễn
Xa lìa mọi nói năng
Và với tất cả kiến
Hoặc có hay hoặc không…
Bốn chủng biên như vậy
Gọi là tối thanh tịnh
Diệu lý của Trung đạo
Các thiền định Mật nghiêm
Có thể quán sát được
Lìa chấp mà chuyển y
Mau vào cõi Như Lai.
Khi các chúng Phật tử
Theo ngài nghe lời ấy
Đầu, mặt, hai chân lạy
Cung kính mà thưa rằng:
Chúng con ưa thích pháp
Như người khát muốn uống
Như con ong nhớ mật
Bậc Du-già tự tại
Cúi mong ngài giảng nói
Làm cho chúng Bồ-tát
Được tự tại với định
Trí tuệ, đại oai đức
Và các vua Sát-lợi

Bậc Quán hạnh hiểu sâu
Đều muốn nghe Như Lai
Nói pháp môn sâu xa
Lại muốn nghe tôn giả
Lợi thật, phạm vi diệu
Đẹp lòng Đức Như Lai
Tiếng sâu xa khéo léo
Diễn nói nghĩa thù thắng
Khiến tất cả được rõ.
Kim Cang Tạng bảo rằng:
Như Lai đã nói nghĩa
Chân thật rất hiếm có
Lìa tướng khó thấy được
Như hư không không vật
Thấy hình là hiếm có
Như Lai đã thuyết nghĩa
Hiếm có cũng như vậy.
Dấu chim, gió trong không
Không thể thấy hình dạng
Mâu-ni nói diệu lý
Khó thấy cũng như vậy
Việc thí dụ thế gian
Bậc Trí hay hiểu rõ
Chư Phật đã tuyên thuyết
Ví dụ không thể biết
Nay những đều ta thấy
Như mộng và Càn thành…
Kẻ quán hạnh hội này
Đầy đủ đại trí tuệ
Thông đạt nghĩa chân thật
Không đều gì không biết
Tại sao vì người ấy
Nói cảnh Phật khó nghĩ
Nhưng nay đã khai diễn
Nhờ sức oai thần Phật
Tất cả vì tối thắng
Hãy chí tâm lắng nghe
Như Lai nói lời đẹp

Câu nghĩa đều tương ưng
Vượt qua cảnh giới tâm
Xa lìa mọi ví dụ
Ví như ong hút hoa
Trước lấy các tinh túy
Với những con đến sau
Chỉ hút thứ còn lại
Thắng Mâu-ni cũng vậy
Trước được vị pháp hay
Ta hưởng thứ còn lại
Nay vì chúng tuyên thuyết
Cảnh giới Thiên trung thiên
Người trí sáng thêm vui
Chẳng phải ý so lường
Lấy voi làm biểu tượng
Cũng như hình sắc người
Tướng tốt trang nghiêm thân
Hiện ở cung thắng diệu
Nón báu để trang sức
Ánh sáng tròn, bánh xe
Tất cả đều thành tựu
Chiếu sáng nơi cung điện
Trừ ngoại đạo ngạo khinh
Chư Phật trong bốn mùa
Mãi sống nơi Mật nghiêm
Với tất cả mọi nơi
Hiện sinh và Niết-bàn
Thuần thiện ít tổn giảm
Ác sinh và loạn, bẩn
Tùy ý chúng ưa thích
Lợi ích các hữu tình
Nghiệp dụng, không phút dừng.
Thường trụ cõi Mật nghiêm
Đó là nơi thanh tịnh
Cung Du-kỳ an lạc
Ít khi có cấu bẩn
Hiện rõ tướng Như Lai
Ví như trăng tròn sáng

Ảnh chiếu các dòng nước
Phật dùng tất cả thân
Tùy nghi mà ứng hóa
Cảnh tịnh trí Như Lai
Người quán hạnh đều thấy
Hoặc hiện Đại tự tại
Hoặc hiện Na-la-diên
Hoặc hiện Ca-tỳ-la
Trụ trên không thuyết pháp
Hoặc hiện ra Vi-đà
Thường hành và diệu hỷ
Đồng thiên và Thi-khí
La-hộ-đô Mâu-lô
Hoặc hiện Khẩn-na-la
Cam giá, hoặc mặt trời
Cùng với các quốc vương
Tất cả đều chiêm ngưỡng
Hoặc là đại Y vương
Hiện ra trong mọi người
Kim cang và các báu
Đồng sắt các khoáng sản
Minh châu và chì thiếc
Ngọc hồng và pha lê
Tùy theo các hữu tình
Ưa thích và hiện rõ.
Do sức gia trì Phật
Khiến họ được an lạc
Thiên nữ và long nữ
Và Càn-thát-bà nữ
Nữ tự tại cõi Dục
Không thể động tâm họ
Vượt hơn cảnh giới dục
Và hơn sắc, Sắc giới
Không xứ và thức xứ
Và vô sở hữu xứ
Phi tưởng, phi phi tưởng
Với họ, không mê hoặc
Các bậc Định vô tưởng

Chưa lìa, hoặc trói buộc
Chẳng an, chẳng thanh tịnh
Lưu chuyển nơi các hữu
Đã sinh ra có thân
Không bằng cõi Mật nghiêm
Cõi Mật nghiêm vi diệu
Phước thanh tịnh, trang nghiêm
Người giải thoát tri kiến
Là chỗ nương tối thắng
Đủ mười thứ tự tại
Sáu thông, Tam-ma-địa
Đều do ý thành thân
Như Phật hiện nơi đó
Tu hành về Thập địa
Đàn… các Ba-la-mật
Tất cả tướng tốt đẹp
Thường trang điểm thân thể
Xa lìa sự phân biệt
Cũng luôn luôn biết rõ
Cũng không ngã, ý, căn
Tuệ căn thường vui sướng
Các công đức của thí…
Tịnh nghiệp đều tròn đầy
Được nương tựa nơi Phật
Cõi thanh tịnh Mật nghiêm
Cõi ấy rất vi diệu
Không nhờ mặt trời, trăng
Phật và các Bồ-tát
Sáng thanh tịnh mãi chiếu
Các Thánh trong Mật nghiêm
Ánh sáng hơn mặt trời
Không có ngày hay đêm
Cũng không bị già chết
Cung Mật nghiêm thù thắng
Được chư Thiên hâm mộ
Bậc Du-già tối thắng
Siêng tu từng cấp bậc
Biết rõ tất cả pháp

Đều lấy tâm làm tánh
Giỏi nói A-lại-da
Ba tánh, pháp vô ngã
Thân họ thành thanh tịnh
Được sinh nước Mật nghiêm.

-oOo-

Phẩm 3: SINH THAI TẠNG

Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Bồ-tát Ma-ha-tát
Lại bảo Loa Kế Phạm:
Thiên chủ nên biết rằng
Tất cả thân hữu tình
Lấy chính vật làm tánh
Tướng hữu vi biến động
Đủ năng tạo, sở tạo
Tinh huyết cùng hòa hợp
Tăng trưởng sự bất tịnh
Làm vô lượng các nghiệp
Thường ngăn che, trói buộc
Như cây độc sinh ra
Gai gốc rất sầm uất
Tham, sân, các phiền não
Cứ như thế tăng trưởng
Chín tháng hay mười tháng
Thời gian đã đầy đủ
Từ thai tạng sinh ra
Lộn ngược thọ các khổ
Thiên chủ nên biết rằng
Các loại hữu tình này
Đều do nghiệp lực sinh
Nghiệp xưa đuổi, vận động
Hoặc sinh trong loài người,
Hoặc sinh vào bàng sinh
Phi thiên và La-sát
Rồng và các loài quỷ

Hoặc dòng họ Trì Minh
Thân cõi Thiên thù thắng
Hoặc ở trong Du-kỳ
Thoái mất Tam-ma-địa
Trong luân vương quý tộc
Được sinh vào trong đó.
Như vậy, khi đã sinh
Các căn liền tăng trưởng
Tùy nhiều đời thân cận
Lại tạo ra các nghiệp
Bởi do nghiệp lực này
Xoay tròn trong các nẻo
Nếu những người có trí
Nghe pháp được giác ngộ
Lìa văn tự phân biệt
Nhập ba cửa giải thoát
Được chứng lý chân thật
Rất thù thắng, thanh tịnh
Và thanh tịnh tột cùng
Liền sinh cõi Mật nghiêm
Hay đến câu-đê cõi
Tùy nghi mà ứng hiện
Thiên chủ sinh như vậy
Mãi thoát các nẻo hiểm
Đó gọi là trượng phu
Cũng gọi là bậc Trí
Cũng gọi Thiên trung thiên,
Chúng Phật tử vây quanh
Thiên chủ, phải nên biết
Thân thi tạng giả tạo
Chẳng từ tự tánh sinh
Chúng từ nghiệp si ái
Bởi do tướng mà có
Hiểu rõ, diệt trừ hết
Cũng lìa sự phân biệt
Cả đối với văn tự
Hay quán sát như vậy
Liền đến Mật nghiêm tràng

Nếu những người tu tịnh
Trụ định, phan duyên cảnh
Liền bị tiếng và sắc
Mê hoặc sinh dính mắc
Không thể được kiến cố
Cũng gọi tâm loạn động
Bởi tà định ấy trói
Lưu chuyển sinh ba cõi
Nếu có thắng Du-kỳ
Khéo trụ Tam-ma-địa
Xa lìa năng, sở thủ
Lặng yên tâm không sinh
Gọi là tu chân thật
Hành giả quán vô tướng
Muốn sinh cõi Mật nghiêm
Thường nên quán như vậy.

-oOo-

Phẩm 4: CẢNH GIỚI TỰ (GIÁC) TÁC

Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Bồ-tát Ma-ha-tát
Lại bảo Loa Kế Phạm:
Thiên chủ nên biết rằng
Tám loạn, chín loạn tâm
Thường bị vô minh trói
Hay sinh các thế gian
Đều tâm hiện, tâm pháp
Bởi do chúng lưu chuyển
Các thức cùng các căn
Bị vô minh biến khác
Tâm vốn tịnh, không động
Thế gian và căn cảnh
Đều theo mười hai chi
Năng sinh và sở sinh
Từng sát-na hoại diệt
Phạm thế đến phi tưởng

Cũng từ nơi nhân duyên
Chỉ có Thiên Trung Thiên
Mới lìa tác, sở tác
Hữu tình và vô tình
Pháp động và bất động
Đều giống như cái bình…
Tánh nó là hoại diệt
Thiên chủ nên biết rằng
Các thức rất vi tế
Lưu chuyển rất nhanh chóng
Là cảnh giới của Phật
Chư tiên và ngoại đạo
Giả xưng là Mâu-ni
Dùng lời trói buộc nhau
Nên tham đủ thứ sắc
Với thức sinh diệt này
Thảy đều không thể biết
Giả sử một ngàn năm
Suy nghĩ bốn phệ-đà
Hành thí được Phạm thiên
Cũng bị rơi rớt lại
Hoặc khổ hạnh bốn tháng
Cúng tế được quả báo
Tu các loại đàn tràng
Thờ lửa để cầu phước
Hoặc tu Tam thú pháp
Giết dê để khẩn cầu
Được quả, cũng rơi rớt
Sao Phạm vương không ngộ?
Quả ba đức lệ thuộc
Không chắc như thân chuối
Chỉ nhờ trí giải thoát
Được sinh cõi Mật nghiêm
Thiền định chứng cảnh ấy
Mới có thể đến đó
Cho nên, Đại Phạm thiên
Phải nên khéo tu tập
Người trong cõi Mật nghiêm.

Không quyến thuộc, sinh tử
Các thức của hữu tình
Không dứt cũng không mất.
Không dính mắc các nghiệp.
Không huân tập nhiễm ô
Như sen không dính nước
Hư không, không dính bụi
Trời, trăng không mây che
Bậc Du-già cũng vậy
Mau tu quán hạnh này
Được Như Lai thu giữ
Tắm trong dòng tịnh giới
Uống bằng nước trí tuệ
Do trí tu tịnh giới
Giải thoát được sinh tử.
Thiên chủ nên biết rằng
Uẩn, xứ, giới hữu tình
Các pháp được hợp thành
Thảy đều không chỗ có
Nhãn và sắc… làm duyên
Nên mới sinh ra thức.
Như lửa do củi đốt
Thức khởi sinh cũng thế
Do vọng tâm, cảnh chuyển
Như nam châm hút sắt
Như Càn thành, sóng nắng
Ngu khát thấy như thật
Trong không vật chẳng tạo
Chỉ tùy tâm biến hiện
Lại như người càn thành
Qua lại đều không thật
Thân chúng sinh cũng thế
Tiến, dừng, đều không thật
Cũng như trong mộng, thấy
Thức rồi, chẳng có gì
Vọng thấy uẩn và pháp
Ngộ rồi, vốn lặng yên
Bốn đại, như vi trần

Lìa tâm, chẳng có gì
Vật sở hữu thế gian
Cho chẳng phải bốn đại
Giống như gió tật duyên
Làm hiện thấy các cảnh
Xác chết đứng, không động
Pháp thế gian cũng thế.
Này hỡi các Phật tử!
Phải nên khéo quán sát
Động, thực vật thế gian
Giống như đống bọt nước
Bình, áo… vọng tưởng
Không thật, như quán nắng
Các thọ về khổ, vui…
Khác nào bong bóng nước
Các hành như cây chuối
Bên trong không chắc thật
Thức này như việc ảo
Giả tạo vốn chẳng thật
Ở trong ba cõi ấy
Pháp động và bất động
Đều giống như cảnh mộng
Do tâm mê hiện ra
Cũng như việc ảo thuật
Và thành Càn-thát-bà
Chỉ lừa dối kẻ ngu
Từ đầu vốn không thật
Phật tử hiểu pháp này
Sẽ được tâm vô úy
Lửa tuệ đốt các nạn
Liền sinh cõi Mật nghiêm
Thế gian đều vô tướng
Tướng là chỗ trói buộc
Vô tướng mới tốt lành
Tướng là cảnh giới tâm
Cảnh giới tâm, không thật
Cảnh giới tuệ mới thật
Xa lìa hết các tướng

Là việc làm Từ bi
Vô tướng trùm tất cả
Ba cõi đều thanh tịnh
Sắc, thanh… và các tướng
Gọi là pháp ba cõi
Tất cả các căn cảnh
Nhân trói buộc hữu tình
Nhờ tuệ được giải thoát
Mới an vui và tự tại.
Khi Bồ-tát Bảo Kế
Ngồi trên tòa tuyệt đẹp
Hướng về Kim Cang Tạng
Mà nói lời như vầy:
Cùng khắp câu-đê cõi
Tôn giả là đứng đầu
Thành tựu trí tối diệu
Hiểu rõ pháp sở tri
Với vô lượng Tất-đàn
Đều được thấy rõ cả.
Nay lại chúng tu hành
Thanh tịnh các nghi ngờ
Quán sát thân hữu tình
Gốc khởi đầu tất cả
Dùng diệu âm diễn thuyết
Cùng kiếp không thể hết
Hãy nên vì chúng hội
Nói xa lìa thuận, nghịch
Các nhân giống, chẳng giống.
Và dùng pháp chân thật
Khiến các người trí này
Tâm tịnh không còn nghi
Xả bỏ nhân các uẩn
Không lâu được giải thoát
Nhân uẩn pháp, chẳng pháp
Sinh thân này, thân sau
Kẻ trí sẽ thoát khổ
Kẻ ái bị buộc chặt
Tâm hữu tình đã khởi

Do sắc lại vì minh
Tác ý… và các duyên
Chạy tán loạn các cảnh
Nhanh chóng như điện chớp
Khó có thể biết được
Vô minh và nghiệp ái
Do đó bị vẩn đục
Các pháp, ý dẫn đầu
Ý nhanh chóng, thù thắng
Pháp cùng ý tương ưng
Đều lấy ý làm tánh
Ví như ngọc Ma-ni
Hiện rõ các sắc thái
Các diệu nghĩa cũng vậy
Sao Phật tử không nói
Như các sắc Ma-ni
Tùy màu mà hiển hiện
Nhân giả, trong Du-già
Sáng rực cũng như vậy
Tượng Như Lai đầy đủ
Thường ở cung tự tại
Chúng Phật tử vây quanh
Tùy nghi mà nói pháp
Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Bồ-tát Ma-ha-tát
Bậc tự tại với pháp
Lại bảo đại chúng rằng:
Cõi Mật nghiêm vi diệu
Là vắng lặng bậc nhất
Cũng là Đại Niết-bàn
Pháp giới tịnh giải thoát
Cũng là Đại Niết-bàn
Pháp giới tịnh giải thoát
Cũng là cảnh diệu trí
Lại dùng đại thần thông
Của bậc tu quán hạnh
Nương tựa tốt cõi này
Không dứt cũng không mất.

Thường trụ không thay đổi
Nước không thể trôi được
Gió không thể lay động
Thể tánh chẳng như bình…
Tuy đã thành vẫn hoại
Nhân chẳng giống, không giống,
Hai thứ đã thành lập
Lập tông và các phần
Đều là pháp bất định
Dùng tông và lại dùng nhân
Mới dính mắc sai biệt
Cõi Mật nghiêm vi diệu
Thể là thức chuyển y
Vượt khỏi tâm phân biệt
Chẳng vọng tình cảnh giới
Cõi Mật nghiêm Như Lai
Không đầu cũng không cuối
Tự tánh chẳng vi trần
Chẳng phải do lạc dục
Chẳng đại tự tánh làm
Chẳng nghiệp ái vô minh
Chỉ do vô công dụng
Trí vi diệu sinh ra
Thoát dục, sắc, vô sắc
Vượt lưới tối vô tưởng
Cõi Mật nghiêm vi diệu
Là A-nhã Tất-đàn
Chẳng phải các nhân minh
Cảnh giới của sở lượng
Chẳng do nơi thắng tánh
Tự tại cùng thanh luận
Và Phệ-đà… các tông
Mới có thể mở bày
Cho đến vị tư lương
Trí tuệ không thể hiểu
Chỉ có Đức Như Lai
Và cảnh trí mười Địa
Nhân giả! Nay lắng nghe!

Kẻ ngu mê thế gian
Là nghiệp và chẳng nghiệp
Nay ta nói nghĩa này
Khiến kẻ tu thắng định
Đạt được sự an vui
Tất cả vật trong ngoài
Chỉ tự tâm mới thấy
Tâm hữu tình hai tánh
Năng thủ và sở thủ
Tâm thể có hai cửa
Tức tâm thấy các vật
Phàm phu tánh mê hoặc
Tự mình không hiểu hết
Như bình hiện sắc tướng
Vô thể, chỉ tự tâm
Định yếu và các tiên
Mê loạn nơi nghĩa này
Bỏ nơi lý chân thật
Mà theo đường phân biệt.
Tâm này có hai tánh
Như ảnh trăng trong gương
Như người bị nhặm mắt
Vọng thấy có hoa đốm
Cũng không chuỗi ngọc báu
Chỉ do mắt bị nhặm
Cho nên mới thấy vậy
Kẻ dính mắc hư vọng
Không hiểu, luôn chấp thủ
Rộng hiện các trang sức
Những tướng Phạm, các thứ…
Tất cả các hữu tình
Với bình và y phục…
Tất cả việc trong ngoài
Thảy đều từ tâm khởi
Diệu định Mật nghiêm này
Ngoài tâm, không hề có
Nếu những người tu hành
Sinh những nới phước địa

Hoặc sánh dục tự tại
Hoặc ở trời Sắc giới
Cho đến cung Vô tưởng
Cõi trời Sắc cứu cánh
Không thức, không chỗ có
Phi tưởng phi phi tưởng
Vô số các cung điện
Dần dần trừ tham dục
Không lâu, được sinh đến
Cùng quán hạnh Mật nghiêm
Chúng Phật tử vây quanh
Tự tại mà vui chơi
Ngươi nên tu định này
Mà sao đắm quyến thuộc
Quyến thuộc thường trói buộc
Nguyên nhân sinh tử chuyển
Nam, nữ, ý hoặc, loạn
Tinh huyết cùng hòa hợp
Như trùng sinh bùn hôi
Trong sinh cũng vậy đó.
Chín tháng hoặc mười tháng
Thân thể lớn dần lên
Đến khi ra khỏi thai
Ví như trùng chuyển động.
Từ đó ngày càng lớn
Phải chánh tâm hiểu rõ
Ta xem các hữu tình
Sự sinh đều như vậy
Cha mẹ không tính đếm
Vợ con cũng như thế
Ở trong các thế gian
Không nơi nào không có
Ví như người Thạch nữ
Mộng bỗng thấy sinh con
Sinh rồi liền vui mừng
Tìm con chẳng thấy đâu
Buồn thương thật não nùng
Bỗng nhiên tỉnh giấc mộng

Không thấy có con mình.
Từ lúc sinh đến hết.
Lại mộng dạo sông núi
Thành ấp và hoa viên
Tất cả các cảnh giới
Cùng thế gian thọ dụng
Mình người, cùng thấy nhau
Chạy, nhảy, đi qua, lại
Vận chuyển và co duỗi
Cảnh giới thật vô lượng
Tùy theo lúc thức, ngủ
Tất cả đều chẳng có
Như người nhiều ham muốn
Mộng thấy có người nữ
Nhan sắc thật tuyệt vời
Y phục, rất quý lạ
Nên tự ý hoan lạc
Thức dậy chẳng có gì!
Tất cả các thế gian
Nên biết cũng như thế!
Ngôi vua, nhiều kẻ hầu
Cha mẹ và họ tộc
Chỉ lừa dối kẻ ngu
Thể tánh đều chẳng thật
Người với Tam-ma-địa
Vì sao không siêng tu
Vô lượng các Thanh văn
Độc giác và Bồ-tát
Sống dưới cây, trong núi
Chỗ tu thiền yên tịnh
Biển sữa Ma-la-đa
Tần-đà, Bà-lợi-sư
Ma-hê, Nhân-đà-la
Kê-la và núi tuyết
Hoặc ở Viên sinh thọ
Hoặc tại Kiều-vi-na
Hay giữa núi Tu-di
Nghỉ tại cây Như ý

Kiếm-ma-la hiểm trở
Tĩnh tọa ở trong đó
Hoặc ăn quả Chiêm-bộ
Và uống vị cam lộ
Đầy đủ các thần thông
Mà thường tu quán này
Đời quá khứ, vị lai
Ngồi trên đài Liên hoa
Kiết già trụ đẳng dẫn
Thường quán sát như vậy
Nhờ khéo nhiếp các căn
Tất cả cảnh không tan
Như móc câu giữ voi
Trụ định cũng như vậy
Thế gian hay xuất thế
Tất cả các định khác
Định Phật sạch, không nhơ
Tham ái đều trừ bỏ
Định vô sắc biến ái
Trong các thiền vô tưởng
Thấy hình trời, trăng đó
Hoa sen và vực thẳm
Như các màu hư không
Định ấy chẳng rốt ráo
Trừ bỏ tướng như vậy
Được sạch, không phân biệt
Sẽ thấy câu-đê cõi
Chư Phật trụ định tâm
Đồng lúc, cũng duỗi tay
Lấy nước rưới đầu họ
Liền nhập vào Phật địa
Hiện ra các sắc hình
Đã được các thứ thân
Sẽ đủ Nhất thiết trí
Lực, thông và tự tại
Chánh định, Đà-la-ni
Những công đức như vậy
Tất cả đều thành tựu

Phân tích với các sắc
Cho đến quán rất nhỏ.
Tự tánh không chỗ có
Ví như sừng con thỏ
Không phân, không phân biệt
Uẩn, hữu uẩn cũng vậy
Đều là ảo thuật làm
Tất cả đều như vậy
Trong đó không nghiệp quả
Cũng không người tác nghiệp
Không thể tạo thế gian
Giả sử có thể tạo
Có thể tạo với tạo
Sao gọi người năng tác!
Lời đó thành lỗi lầm
Nói tạo ấy thanh tịnh
Ngã ấy thành các cảnh
Địa Luân nương thủy luân
Và hữu tình thế gian
Theo thứ lớp an cho
Các nẻo đều sai biệt
Đây kia cùng qua lại
Với các căn khởi sự
Mới giữ lấy các cảnh
Việc ấy chẳng do ngã
Đều là do phân biệt
Thay nhau mà đổi khác
Đồng với sữa, lạc, tô
Như vậy sinh, trụ diệt
Kế nghiệp và phi nghiệp
Người định thường quán vậy,
Như Càn thành và mộng
Hý luận từ vô thủy
Huân tập nơi hữu tình
Vô số các lỗi lầm
Mới sinh nghiệp phân biệt
Các căn giống như huyễn
Cảnh giới khác nào mộng

Nghiệp năng tác, sở tác
Người định hay xa lìa
Kẻ ác giác yếu hèn
Mê hoặc sinh vọng chấp
Phân biệt với năng tác
Tất cả các thế gian
Hoặc là ngọc Ma-ni
Vàng bạc các khoáng sản
Sắc chim, thú, sai khác
Bị vật nhọn đâm thẳng
Việc ấy không giống nhau
Nên biết không ai làm
Tướng thế gian sai khác
Đều từ phân biệt sinh
Chẳng thắng tánh vi trần
Tự nhiên, không nguyên do
Kẻ ác giác vọng chấp
Không biết thể tánh nó
Là nghiệp hay phi nghiệp
Khởi phân biệt như vậy
Như chất độc trong sữa
Tùy tương ưng biến chuyển
Phân biệt tất cả xứ
Các pháp cũng như vậy
Tánh ấy cũng không sinh
Tánh ấy cũng không diệt
Kẻ mê không thể hiểu
Các thứ phân biệt khác
Thế gian chỉ tích tập
Người định mới quán được
Các ngươi hãy siêng tu
Không nghĩ nghiệp, phi nghiệp
Cùng hữu tình qua lại
Như trời trăng xoay vần
Trên không, không chỗ nương
Tùy gió mà vận chuyển
Tánh nghiệp rất sâu kín
Thấy được cõi Mật nghiêm

Tu các thắng quán hạnh
Không bị nó chi phối
Như ngọn lửa bốc cao
Khoảnh khắc thành tro khói
Lửa trí đốt củi nghiệp
Nên biết cũng như thế
Lại như đèn trời tối
Huân tu từ vô thủy
Đèn trí Mâu-ni thắp
Sát-na liền diệt sạch.

-oOo-

Phẩm 5: BIỆN QUÁN HẠNH

Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Bồ-tát Ma-ha-tát
Lại bảo đại chúng rằng:
Các nhân giả lắng nghe
Ví như chỗ vắng vẻ
Muốn tạo dựng phòng ốc
Người thợ lo vật liệu
Sau đó mới thành được.
Xem kỹ trong các vật
Từng vật không thành nhà
Cũng như các ngón tay
Hợp lại thành bàn tay
Bỏ ngón tay tìm kiếm
Thể nắm tay đâu có.
Quân sư và xe cộ
Thành ấp cùng vườn rừng
Mây vật và núi sông
Binh, áo với các tướng
Đều là giả hòa hợp
Bậc trí hiểu như mộng
Như vậy thân nhà cửa
Các giới đã tạo thành
Uẩn chứa như núi cao

Nguy hiểm như nhà mục
Không sinh, cũng không diệt
Chẳng mình chẳng phải người
Như thành Càn-thát-bà
Như mây và như ảnh
Cũng lại như quáng nắng
Giống như xem tranh vẽ
Tướng tự hư vọng hiện
Tánh tịnh lìa có, không
Như người mù lại què
Tướng giả mà đi được
Tự tánh không thể giữ
Thân phàm ngu cũng vậy
Phân tích đến cực vi
Tên rỗng, vật không thật
Vi trần không nắm bắt
Các pháp cũng như vậy
Bậc Tịnh tuệ Du-già
Khi suy nghĩ như vậy
Liền đối với sắc, thanh…
Xa lìa sự nhớ hiểu
Chấm dứt tất cả ý
Quả nhiên được giải thoát
Không luyến ái các hữu
Luôn ưa thích đẳng trì
Dầu cho các tiên trời
Hay người đẹp lộng lẫy
Có đến cúng dường ta
Xem như mộng, không nhiễm
Thân tuy đứng tại đây
Ngoại đạo không thể thấy
Trì Minh và Phạm thiên
Cũng không thấy đỉnh ta
Sẽ sinh cung Ma-ni
Tự tại mà vui chơi
Cùng các Đà-la-ni
Lìa Dục thường hoan lạc
Đây là pháp quán hạnh

Cảnh giới của Tát-đỏa
Nhân giả, sớm tu tập
Với phát tâm dũng mãnh
Sẽ sinh cung Quang minh
Lợi ích cả ba cõi
Đoạn trừ phần tham dục
Và lìa sân, nhuế, si
Hãy đến Đại mật nghiêm
Nơi vắng lặng thù thắng
Cảnh giới ấy không chết
Không có thức hoạt động
Xa lìa với các tướng
Chẳng phân biệt chỗ được
Đây là xứ vi diệu
Tương ưng pháp Du-già
Cho nên tu quán hạnh
Mong cầu đến cõi đó
Đã thắng được tham sân
Không ta, cũng không người
Người nên tu thắng định
Chớ sinh ra ba độc
Hoặc chấp vào cảnh giới
Liền sinh ra hai giác
Giống như cô gái đẹp
Mang những vòng hoa tươi
Kẻ nhiều dục thấy rồi
Say đắm trong tưởng nhớ
Cái biết nhiễm mê hoặc
Chuyên nghĩ việc đó thôi
Lúc đi đứng hay ngồi
Ăn uống và ngủ nghỉ
Dung nhan cô gái ấy
Luôn hiện trong tâm tưởng
Những ác tuệ như vậy
Do cảnh giả dối sinh
Chìm trong cảnh bùn lầy
Cho nên đừng tham đắm
Hoặc như các thế gian

Tuệ, tà phân biệt dối
Với trâu và dê núi
Thiết bà và hươu nai
Vì thấy chúng có sừng
Ôm giữ đó là thật
Nên đối với hổ, thỏ…
Lại hiểu là không sừng
Nếu không thấy sừng trâu
Đâu chấp thỏ không sừng!
Thế gian cũng như vậy
Vọng thấy có chỗ được
Sao thấy thể chẳng thật
Liền nói pháp định không
Vì chưa bỏ phân biệt
Nên tà giác luôn sinh
Nhân giả xem xét kỹ
Tâm hành các cảnh giới
Đều như vọng sở đắc
Có sừng hay không sừng
Nếu như người tu hành
Phải nên quán như vậy
Từ đó được ý vui
Hoặc làm Chuyển luân vương
Trên không mà qua lại
Có đủ đại oai lực
Hoặc sinh điện nhật nguyệt
Và các cung tinh tú
Bốn vua trời Đao-lợi
Diêm-ma và Đâu-suất
Hóa lạc và Tha hóa
Trong bảo điện Ma-ni
Các thân phạm sắc giới
Và cõi trời Thập phạm
Không phiền và Không nhiệt
Thiện kiến và Thiện hiện
Cung A-ca-ni-tra
Tự tại mà vui chơi
Không thức, vô sở hữu

Phi tưởng, phi phi tưởng
Tại đó, trừ dần dục
Cho đến các cõi Phật
Thường vui định vi diệu
Cảnh giới của giải thoát
Ví như thân bình vỡ
Mới có những mãnh sành
Tánh hoại, hiện sát-na
Với thường, thấy vô thường
Hạt giống sinh ra mầm
Mầm sinh loại rồi mất
Lại như người thợ gốm
Lấy bùn tạo ra bình
Nếu bùn là Xa-ma (chỉ)
Bình cũng như sắc nó
Hoặc lúc thợ gốm ấy
Dùng bùn đủ loại sắc
Đến khi nung đã thành
Mỗi cái tùy sắc bùn
Tên, tre thành cửa sổ
Từ sừng thành bầu đựng
Ruồi nhơ và mật thối
Thảy đều sinh ra trùng
Nên biết quả thế gian
Giống nhân, không giống nhân
Do nhân đã biến hoại
Nên mới sinh ra quả
Nơi làm thành cát bụi
Thể tánh không biến hoại
Do kẻ ngu ở đời
Sinh giả dối phân biệt
Tạo ra ta trong ta
Không có gì hơn ta
Với ý, ngã cũng không
Nhân tích tập cũng không
Cùng nhân gần nhất sinh
Chẳng cần có duyên thức
Cảnh giới của bậc Trí

Sức khéo léo sinh ra
Nhổ sạch gai phiền não
Hàng phục ma, quyến thuộc
Tham ái thế gian hết
Như mật hay trị bệnh
Chư tiên do lòng tham
Lưu chuyển sinh các nẻo
Do huân tập lâu dài
Ví như rắn phùng mang
Lửa phiền não thiêu đốt
Lưu chuyển đường ác hiểm
Lìa tham liền giải thoát
Phải siêng tu quán hạnh.

-oOo-

Phẩm 6: HƯỚNG VÀO A-LẠI-DA

Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Bồ-tát Ma-ha-tát
Lại bảo các đại chúng:
Các nhân giả phải biết
Xưa, ta nhờ Phật lực
Gia trì, được diệu định
Thấy rõ câu-đê cõi
Tu hành định thế gian
Chư Phật cùng Phật tử
Trụ ở nơi thanh tịnh
Trong đó chỉ Mật nghiêm
Là an vui đệ nhất
Chư Phật ngồi hoa sen
Như cung điện tuyệt diệu
Ta liền từ định dậy
Hết lòng mà chiêm ngưỡng
Tự thấy nước Mật nghiêm
Chúng Phật tử vây quanh
Lại thấy tạng giải thoát
Trụ ở trong cung ấy

Thân lượng như lóng tay
Sắc tướng thật sáng rạng
Như trăng rằm trên không
Như hoa A-hằng-tư
Tâm ta liền suy nghĩ
Việc khó nghĩ là gì?
Liền thấy ngay thân mình
Chính ở tại trong bụng
Ở trong đó thấy hết
Tất cả các thế gian
Liên hoa tạng Phật tử
Nhờ thần lực của Phật
Cũng đều thấy như vậy
Vui vẻ không nghĩ bàn
Thiên Trung Thiên tạo ra
Liền thâu oai thần lực
Đại chúng đều như vậy
Tốt hiếm có khó nghĩ.
Du-kỳ đủ thứ sắc
Là cảnh giới của Phật
Các nhân giả nên biết!
Xưa Phật là Bồ-tát
Từ nơi địa Hoan hỷ
Đạt đến địa Ly cấu
Phát quang và Diệm tuệ
Nan thắng và Hiện tiền
Viễn hành với Bất động
Thiện tuệ, Pháp vân địa
Đạt được Đà-la-ni
Sinh các nghĩa vô tận
Các định Thủ-lăng-nghiêm
Và dùng ý thành thân
Tế tánh và khinh tánh
Đại tánh và ý lạc
Tôn quý và dục thọ…
Được tám tự tại ấy
Như, ứng liền hiển hiện
Vui chơi nơi Mật nghiêm

Gọi là Diệu quang minh
Công đức đều thành tựu
Trở lại được thanh tịnh
Hiện thành Đẳng chánh giác
Hóa thành Phật, Bồ-tát
Vô số sắc tượng đẹp
Tự nhiên biến khắp cả
Mà chuyển xe diệu pháp
Mau khiến các chúng sinh
Dùng trí đoạn các hoặc
Lợi lạc khắp các nẻo
Lại ở trong Mật nghiêm
Hoặc có các Đại sĩ
Thấy Phật hiện sắc thân
Tướng trang nghiêm tốt đẹp
Tự nhiên phát ánh sáng
Rực rỡ như đống lửa
Ở tại cung Liên hoa
Cùng các người quán hạnh
Vui chơi định an lạc
Tam-ma-địa tự tại
Là nơi rất thù thắng
Hoặc thấy nơi đại thọ
Thân vua Khẩn-na-la
Hiện ra trăm ngàn ức
Vô số các biến hóa
Ánh sáng rực như trăng
Chiếu khắp các cõi nước
Hoặc thấy trời Đâu-suất
Vô lượng các Phật tử
Thân như sắc đế thanh
Tướng công đức trang nghiêm
Đầu đội mũ Ma-ni
Ngồi cung điện tuyệt đẹp
Ánh sáng chiếu cùng khắp
Thông đạt Nhất thiết trí
Hoặc thấy đức Phổ Hiền
Có đủ oai lực lớn

Đạt đại Nhất thiết trí
Bốn Vô ngại, Biện tài
Thân tướng hiện ánh sáng
Tối thắng không ai bằng
Ở cung điện Mãn nguyệt
Của biển định Mật Nghiêm
Hiển hiện các sắc tướng
Hiền thánh đều khen ngợi
Vô lượng chúng, các trời
Cùng với Càn-thát-bà...
Minh tiên và quốc vương
Các quyến thuộc vây quanh
Hoặc thấy Tối thắng tử
Cùng các quán hạnh sư
Vắng lặng mà thiền định
Uy nghiêm nơi giấc ngủ
Xa lìa sự chậm chạp
Phụng hành lời Phật dạy
Cần khổ mà sạch nhẹ
Như ngoại đạo hiển bày
Lục dục và Phạm thiên
Hữu đảnh đến Thiệm-bộ
Trong đó mà hóa hiện
Có nhiều thứ ánh sáng
Bậc Thần thông điều ngự
Nổi rõ lên rực rỡ
Hoặc thấy Bậc Đạo Sư
Nhập thai hiện Đản sinh
Xuất gia tu thiền định
Cho đến Bát-niết-bàn
Trí Phật không nghĩ bàn
Tất cả đều trọn thành
Được tự tại vô úy
Người, trời đều nương về
Nhân giả nên biết rằng
Thể tánh của chư Phật
Trí tuệ không ai bằng
Chỉ Phật mới biết được

Như Thích-ca đã chứng
Thắng sư tử, loài người
Các ngươi sẽ đạt được
Hãy tin, chớ hoài nghi
Tin chính là Phật thể
Chắc chắn được giải thoát
Hoặc làm chúa cõi trời
Và các vị Tiểu vương
Cho đến sinh Phạm cung
Mà làm Chuyển luân vương
Lại sánh Tạng liên hoa
Ở trong hội Phật ấy
Do liên hoa hóa sinh
Được sức lớn tinh tấn
Do đó hàng phục ma
Muốn nhân đó huân tập
Ý chí không khiếp nhược
Chứng thành pháp Nhất đạo
Kế thừa các việc Phật
Làm vua các cõi nước
Nếu muốn được làm Phật
Phải sạch Phật tánh đạo
Chủng tánh đã tịnh rồi
Chư Phật liền thọ ký
Du-già được giác ngộ
Không lâu sẽ thành Phật
Tất cả bậc tu hành
Đều nương tựa vào đó
Ví như mặt đất này
Là chỗ mọi vật nương
Như với bậc Diệu hạnh
Có thể trị các bệnh
Bậc Giác ngộ cũng vậy
Hay trừ bệnh giả dối
Được tâm vô phân biệt
Hiểu rõ, không lay động
Cảnh giới của trong ngoài
Rõ đạt đều do thức

Hãy xa lìa nơi ngã
Cũng lìa cả ngã sở
Không năng hại, sở hại
Đối với cả vật hại
Tất cả đều như vậy
Cảnh giới của ý thức
Đều nương A-lại-da
Phân biệt dối như vậy
Như ngọc cùng mặt trời
Tương cảm sinh ra lửa
Lửa này chẳng từ ngọc
Cũng chẳng từ mặt trời
Tâm ý thức cũng vậy
Căn, cảnh, ý hòa hợp
Hay sinh ra các tâm
Như biển nổi các sóng.
Tánh này chẳng giả tạo
Cũng chẳng phải ảo mộng
Chẳng giống các loại ấy
Do mê hoặc nắm giữ
Chẳng giống như lông rùa
Cũng chẳng giống sừng thỏ
Lại như sấm và chớp
Chấn động sinh ra lửa
Lửa này chẳng do nước
Chỉ có vì sấm chớp
Ý, không từ định biết
Lửa này theo nơi sinh
Như lửa theo nước sinh
Tạo ra các đồ gốm
Dục và các tâm pháp
Với tâm mà cộng sinh
Tánh hòa hợp không định
Nên biết phải như vậy
Tâm cảnh không nghĩ bàn
Bị Mật nghiêm thấy biết
Tàng thức của hữu tình
Câu sinh từ vô thủy

Như Niết-bàn hư không
Tánh trạch diệt vô vi
Xa lìa khỏi ba cõi
Thanh tịnh thường tròn đầy
Như trăng có tròn khuyết
Hiện rõ các cõi nước
Xoay vần thể là một
Tánh nó không tăng giảm
Kẻ ngu bị phân biệt
Thấy trăng có đầy vơi
Qua lại khắp bốn châu
Kỳ thật không tròn khuyết
Tạng thức vốn như vậy
Hiện khắp cõi hữu tình
Thể tánh không tăng giảm
Tròn sạch thường chiếu sáng
Kẻ ngu vọng phân biệt
Đối với thức Lại-da
Cho là có tăng giảm
Phải nên biết như vậy.
Nếu đối với thức này
Mà chân chánh biết rõ
Liền đạt được vô lậu
Chuyển y, sự sai biệt
Đó là pháp sai biệt
Đạt được, rất là khó
Tạng thức cũng như vậy
Cùng bảy thức đồng chuyển
Vì tương ưng huân tập
Thể tánh vốn không nhiễm
Giống như cây trên sông
Theo nước mà trôi nổi
Song cây cùng với nước
Thể tướng đều sai khác
Tạng thức cũng như vậy
Các thức tập khí đủ
Tánh luôn luôn thanh tịnh
Không bị nó tạo nghiệp

Thanh tịnh và tạp nhiễm
Đều nương A-lại-da
Bậc Thánh vui tại pháp
Cảnh giới của định tâm
Người, trời và các nẻo
Tất cả các cõi Phật
Đó là pháp tịnh nhiễm
Như Lai tạng là nhân
Do giác ngộ thành Phật
Là chủng tánh các thừa
Tất cả các chúng sinh
Có đủ các oai lực
Các công đức tự tại
Các tốt đẹp thù thắng
Cho đến nơi hiểm ác
Thượng, trung, hạ sai khác
Lại-da mãi ở trong
Luôn làm chỗ nương tựa
Đều do các hữu tình
Quả, từ vô thủy đến
Do các nghiệp tập khí
Làm cho tự tăng trưởng
Cũng lại từ tăng trưởng
Với bảy thức còn lại
Do vậy kẻ ngu si
Chấp cho là nội ngã
Năng tác, ngã sở y
Luân hồi nơi sinh tử
Ý thức ở trong thân
Nhanh chóng như gió chuyển
Bị gió nghiệp chuyển động
Lan khắp nơi các căn
Thường cùng đủ bảy thức
Lưu chuyển như cơn sóng
Vi trần và thắng tánh
Tự tại và thời, phương
Đều là tịnh Lại-da
Ở trong vọng phân biệt

Lại-da do nghiệp lực
Và lấy ái làm nhân
Thành tựu các thế gian
Có vô số phẩm loại
Kẻ ngu mãi không rõ
Chấp là có kẻ làm
Thể tướng của thức này
Vi tế rất khó biết
Chưa thấy được chân thật
Tâm mê không thể hiểu
Thường với căn, cảnh, ý
Mà sinh đắm nơi ái
Kim Cang Tạng nói:
Các Phật tử không sợ
Thể Lại-da là vậy
Vì sao không thấy nghe
Chỗ nương tựa các thân
Tánh tịnh luôn không nhiễm
Đầy đủ ba mươi hai
Tướng Phật và Luân vương
Biến khắp trong ba cõi
Hiện ra đủ thứ sắc
Giống như trăng tròn sáng
Các ngôi sao vây quanh
Tạng thức cùng các thức
Trụ thân cũng như vậy
Như các trời cõi Dục
Có Thiên nữ vây quanh
Rực sáng cung điện báu
Tạng thức cũng như vậy
Như các thần sông, biển
Tự tại ở trong nước
Tạng thức ở thế gian
Nên biết, cũng như vậy.
Như rồng nương nước trời
Như trăm sông đổ biển
Như cây vua nương đất
Hiện tâm cũng như vậy

Mặt trời ở cung điện
Xoay quang núi Diệu cao
Chư Thiên đều kính lễ
Phật địa, tâm cũng vậy.
Mười thứ trong các Địa
Tu hành tất cả hạnh
Ở trong thân Bồ-tát
Hiện rõ nơi pháp lớn
Lợi ích và an vui
Như Lai luôn khen ngợi
Từng địa vị thanh tịnh
Nên gọi là Phật tử
Ở trong thân Bồ-tát
Đó chính là Bồ-tát
Phật và các Bồ-tát
Đều gọi là Lại-da
Phật và Tối thắng tử
Đã và đang thọ ký
A-lại-da rộng lớn
Sẽ thành Đẳng chánh giác
Chính thể Lại-da này
Bậc Mật nghiêm hay thấy
Nhờ Du-kỳ tối thắng
Nên tương ưng diệu định
Chư Phật và Duyên giác
Thanh văn và ngoại đạo
Người chứng lý vô úy
Quán sát nhờ thức này
Vô số các thức cảnh
Đều từ tâm biến ra
Bình, áo và các vật
Tánh như vậy, đều không
Đều nương A-lại-da
Cái thấy đều mê hoặc
Nghĩa là dùng huân tập
Dối sinh năng, sở thủ
Thể chẳng, như ảo thuật
Chẳng quáng nắng, lông tròn

Chẳng sinh, chẳng không sinh
Không tánh, không xa lìa
Có, không, đều không tánh
Dài ngắn cũng như vậy.
Kẻ trí quán việc giả
Thảy đều do ảo thuật
Chưa từng có một vật
Đồng khởi lên với huyễn
Hữu tình đã phân biệt
Như huyễn mà vẫn thấy
Tướng quáng nắng, lông tròn
Cả hai không thể có
Lìa một, không có hai
Không đời trước, đời này
Đều do thức biến khác
Không giả, không giả tên
Các tánh không nắm bắt
Là giả, giả làm ra
Kẻ thế gian mê hoặc
Tâm đó không tự tại
Dối nói có thể giả
Giả thành đủ các vật
Chuyển động và qua lại
Tuy có nhưng không thật
Như sắp gặp nam châm
Bị hút nên di chuyển
Tạng thức cũng như vậy
Tùy theo loại phân biệt
Tất cả các thế gian
Không nơi nào không có
Mặt trời, ngọc Ma-ni
Không suy nghĩ, phân biệt
Thức này biến khắp cõi
Thấy nó là lưu chuyển
Không chết cũng không sống
Pháp vốn chẳng lưu chuyển
Như mộng thấy sinh tử
Giác ngộ liền giải thoát

Đó chính là chư Phật
Giáo lý bậc tối thắng
Suy nghĩ tất cả pháp
Như cân, như gương sáng
Chiếu rõ như đèn sáng
Thử nghiệm như vàng đá
Chánh đạo như tướng tiêu
Xa lìa sự mất đứt
Bậc tu tập thắng định
Đều nhờ nhân thanh tịnh
Khiến lìa các tạp nhiễm
Chuyển y mà hiện rõ.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA MẬT NGHIÊM

QUYỂN HẠ

Phẩm 7: CẢNH GIỚI NGÃ, THỨC

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, xem khắp mười phương, rồi từ hạt ngọc trên búi tóc, phóng ra luồn ánh sáng lớn, chiếu các thế giới và cung trời Tha hóa tự tại, cùng với các chúng Phật tử ở trong cõi Mật nghiêm xong liền bảo Bồ-tát Nhất Thiết Phật Pháp Như Thật Kiến:

–Này Nhân chủ! Trong núi Tuyết sơn có một con ác thú tên là Năng hại. Nó có trăm ngàn lối biến hóa để lừa bắt các thú. Khi nào thích ăn, nó liền giết để ăn thịt. Nếu gặp những con thú mạnh, có tên là Năng, nó liền cất tiếng gọi: "Này con!" rồi giết mà ăn thịt. Hoặc lúc thấy những con thú có sừng, nó liền hiện ra thú có sừng giống hệt đến gần để làm thân, khiến cho con vật ấy không sợ, rồi lừa giết để ăn thịt. Nếu thấy trâu, dê… vô số các thú nó liền hiện hình giống như chúng rồi tự ý mà giết hại.

Này Nhân chủ! Con Năng hại ấy, hiện ra các thứ thân hình, để giết hại các loại thú. Tất cả ngoại đạo cũng như vậy. Đối với A-lại-da, sinh ra các ngã kiến, dính mắc vào ngã tướng, giống như ác thú biến ra vô số hình. Cũng như có rất nhiều kẻ tự tạo đủ loại chấp ngã mà mỗi mỗi đều sai khác, cho đến rất là nhỏ, giống như vi trần.

Này Nhân chủ! Việc chấp ngã này, nương vào đâu mà trụ? Không trụ nơi khác, mà chỉ trụ nơi thức tự tại? Những người chấp ngã nói rằng, ngã cùng với ý, căn, cảnh hòa hợp để có thức sinh ra, ngã vốn không có, như hoa và áo mà hợp lại, liền có mùi thơm; nếu khi chưa hòa hợp, thì áo vốn không có mùi thơm. Cho nên biết rằng: Chỉ có thức tâm và tâm pháp. Nếu lìa thức tâm, tâm sở pháp; liền không có ngã. Như trái cây để trong hủ, như đèn chiếu trong bình, như cỏ Y-thi-ca-văn-xà. Nếu muốn có được, chỉ nhờ nhân duyên sinh tâm, tâm pháp; nhưng trong đó, không có ngã, cũng không có sinh, một tướng vi diệu xưa nay vắng lặng. Đó là cảnh giới tự chứng, mà bậc thắng quán hạnh giác ngộ. Như con ác thú kia, đã giết hại và làm thương tổn nhiều sinh vật. Các ngoại đạo cũng giống như vậy, ở thế gian họ nuôi dưỡng, làm tăng trưởng ác kiến, không biết đến pháp trí, lại cưỡng

ép phân biệt, cho là có, là không, hoặc một, hoặc nhiều lần làm luận về ngã hay ngã sở.

Vì sao? Vì do không giác ngộ tánh duy thức vậy, chỉ khát khao nghĩ đến tuệ đang qua lại, chạy nhảy, sống chết, lưu chuyển; lại xa lìa chư Phật, Bồ-tát, bạn lành, chống đối lại với giải thoát, chánh tuệ dao động, không thể tu giữ tám chi Thánh đạo; đối với ba thừa, cho đến Nhất thừa, hoàn toàn không thể chứng đắc. Do khởi lên sự dính mắc, nên không thấy được Thánh đế, đối với danh từ Mật nghiêm, còn không thể nghe được, huống chi nơi đó, mà có thể đến được.

Này Nhân chủ! Các bậc có định sâu dày đối với thức này, đều trừ sạch ngã kiến. Vậy ngươi và các Đại Bồ-tát, cũng nên làm như vậy. Tự mình đã không siêng tu, lại còn nói cho người khác nghe nữa, khiến cho họ mau nhập vào cõi Mật nghiêm của Phật.

-oOo-

Phẩm 8: A-LẠI-DA CHÍNH LÀ MẬT NGHIÊM

Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Làm rõ tạng thức này
Chính là nghĩa Mật nghiêm
Bèn bảo Như Thật Kiến:
Như nam châm hút sắt
Thường hay tự chuyển động
Như định tánh xe uẩn
Chuyển động do tập khí
Cỏ, cây, đất và tre..
Nhờ dây buộc thành nhà
Hòa hợp nên thấy được
Thân uẩn cũng như vậy
Khởi thi, nam châm, sắt
Chuyển động như hữu tình!
Tất cả đều như vậy
Đó là uẩn vô ngã.
Khi Bồ-tát Bảo Thủ
Thưa với vua Chúng Sắc:
Nay vua nên thưa hỏi
Bậc định Kim Cang Tạng.

Tất cả các thế gian
Với các thức có được
Không hiểu lìa nơi giác
Xa lìa lời nói đúng
Tương ưng, không tương ưng
Danh tự của hai thứ
Mà thế gian sở hữu
Tự tánh làm sao trụ?
Các Phật tử hội này
Chuyên lòng, đều muốn nghe
Vua Chúng Sắc tối thắng
Liền theo nghĩa mà hỏi
Danh tương và cảnh giới…
Tất cả pháp thế gian
Đều chỉ là phân biệt
Hay là lìa phân biệt?
Đã lập danh như vậy
Danh ấy nương đâu trụ?
Kim Cang Tạng nghe xong.
Liền bảo vua Chúng Sắc:
Tất cả chỉ có danh
Cũng do tưởng lập ra
Từ năng thuyên đã khác
Nên sở thuyên không có
Bốn uẩn chỉ tên gọi
Cho nên nói là danh
Như tên Ma-nạp-bà
Có tên không có thể.
Chư Phật và Phật tử
Nói danh chỉ tại tướng
Lìa tướng mà có danh
Không thể có phân biệt
Cho nên nương nơi tướng
Phân biệt có các danh
Như chưa biết sừng thỏ
Giả danh không thể được
Với tướng vốn không có
Kẻ ngu vọng phân biệt,

Thế gian cũng như vậy
Lìa tướng, không có tên
Bình, áo và xe cộ
Do tên gọi, phân biệt
Sắc tướng tuy nói được
Thể tánh vốn không có
Các sắc pháp thế gian
Ngoài tướng, chẳng có gì
Chỉ dựa tướng đặt tên
Tên ấy cũng không thật
Vua nên xem thế pháp
Lìa danh vốn không có
Bởi dùng tâm phân biệt
Mới sinh ra dính mắc
Nếu lìa sự phân biệt
Dính mắc liền không sinh
Không sinh là chuyển y
Chứng được pháp vô tận.
Cho nên, này Đại vương!
Thường phải nên quán tưởng
Chỉ là tâm phân biệt
Lìa nó liền có không
Hình tướng thể tăng trưởng
Tan mất chất và thân
Các tên gọi như vậy
Đều là tưởng của sắc
Danh tướng và phân biệt
Thể tánh vốn không khác
Tùy theo cách thế tục
Mà đặt tên khác nhau
Nếu xa lìa danh tự
Mà cầu nơi vật thể
Quá khứ và vị lai
Thảy đều không thể được
Do các thứ chuyển biến
Không có pháp sở tri
Sở tri chỉ là danh
Thế gian đều như vậy

Gọi là pháp phân biệt
Pháp không xứng với danh
Tánh các pháp như vậy
Không trụ nơi phân biệt
Vì pháp chỉ có danh
Nên tướng không thật thể
Tướng không, danh cũng không
Nơi nào có phân biệt?
Nếu được không phân biệt
Thân tâm mãi vắng lặng.
Như lửa đốt củi xong
Cuối cùng chẳng còn cháy
Ví như người gánh vác
Gọi là kẻ gánh vác
Tùy theo gánh vật gì
Tướng người gánh sai khác
Danh như vật được gánh
Phân biệt danh: Người gánh.
Vì danh có rất nhiều
Phân biệt không giống nhau
Như thấy thú là người
Thấy người cho là thú
Phân biệt người và thú
Đó chỉ ở tên gọi
Trong các đại hòa hợp
Phân biệt cho là sắc
Nếu lìa khỏi các đại
Thể hoàn toàn không có
Như đức nương nơi bình
Bình nương danh cũng vậy
Bỏ danh mà lấy bình
Bình hoàn toàn không có
Bình không trụ thể bình
Danh nào trụ nơi danh!
Hợp hai sinh phân biệt
Lượng danh cũng chẳng có
Trụ nơi định như vậy
Tâm đó không lay động

Ví như vàng và đá
Tướng xưa nay không nước
Nếu hòa hợp với lửa
Liền có nước lưu động
Tạng thức cũng như vậy
Thể chẳng lưu chuyển pháp
Cùng các thức tương ưng
Nên cùng pháp lưu chuyển.
Như sắc do nam châm
Bị hút nên di chuyển
Cả hai không hề nghĩ
Như thế sẽ hiểu nhau
Lại-da cùng bảy thức
Nên biết, cũng như vậy
Tập khí trói bắt đi
Không người, mà như có
Đầy khắp thân hữu tình
Đến các nơi hiểm trở
Như sắc gặp nam châm
Hút nhau không tự biết.
Hoặc xa lìa hiểm trở
Được an trụ các Địa
Sức thần thông tự tại
Như huyễn Thủ-lăng-nghiêm
Cho đến Đà-la-ni
Thứ gì cũng thành tựu
Khen thật công đức Phật
Rồi lễ Phật cúng dường
Hoặc hiện vô lượng thân
Một thân vô lượng tay
Vai đầu miệng và lưỡi
Đều trở thành vô lượng
Đi đến mười phương cõi
Cúng dường các Như Lai
Mưa hoa và y phục
Mũ đội và chuỗi ngọc
Các thứ báu trang nghiêm
Chứa cao như Tu-di..

Cúng dường Tát-bà-nhã (Nhất thiết trí)
Phật và các Phật tử
Hoặc làm cung điện quý
Như mây đủ các màu
Hóa hiện các Thiên nữ
Vui chơi ở trong đó
Ca nhạc đủ tiếng hay
Cúng dường các Đức Phật
Hoặc cùng Phật, Bồ-tát
Sự vui thường đủ cùng
Tất cả các ma oán
Tự tại mà hàng phục
Được trí Thánh tự giác
Dùng chánh định trang nghiêm
Đã chuyển với sở y
Liền thấy pháp vô ngã
Năm pháp, ba tự tánh
Cùng với tám loại thức
Có thể thành các minh
Trụ định, luôn cúng dường
Hoặc hiện thân to lớn
Hoặc hiện như hạt bụi
Vô số các sắc thân
Cúng dường các Đức Phật
Hoặc thân vào các cõi
Vào trong cõi hạt cải
Biển lớn dấu chân trâu
Dấu trâu hoặc là biển
Các hữu tình trong đó
Không bị sự bức não
Bình đẳng bày vật dụng
Như đất và nhật, nguyệt
Như nước và gió lửa
Như cõi quý nhạc hay
Rộng làm các lợi ích
Nuôi lớn các hữu tình
Các pháp không sinh diệt
Không đoạn, cũng không thường

Không một, cũng không khác
Không đến, cũng không đi
Dối đặt đủ thứ tên
Đó là tánh Biến kế.
Các pháp giống như huyễn
Như mộng và Càn thành
Quáng nắng, trăng trong nước
Vòng lửa với điện chớp
Trong đó vọng sở thủ
Đó là tánh Biến kế.
Đủ thứ tên nêu ra
Để gọi đủ thứ pháp
Với nó không thể được
Đó là tánh Biến kế.
Tất cả pháp thế gian
Không lìa nơi danh sắc
Nếu lìa nơi năng thuyên
Sở thuyên, không thể có
Tánh Biến kế như vậy
Ta nói là thế gian
Nhãn với sắc làm duyên
Ba nhân hòa hợp, khởi
Tiếng theo dùi trống phát
Mộng từ đất mọc ra
Cung điện và bình áo
Đâu chẳng nhờ duyên khởi
Hữu tình và các pháp
Đều do tánh nương người
Nếu pháp là vô lậu
Nghĩa ấy không thể bỏ.
Cảnh Thánh trí tự giác
Đó là tánh chân thật
Tướng các pháp sai biệt
Nói nó là tự tánh
Nếu lìa tự tánh môn
Các pháp không rõ ràng
Như các vật hòa hợp
Hiện làm hình ảo thuật

Các sắc tuy không đồng
Tánh đều không quyết định
Việc đời đều như vậy
Tất cả đều chẳng thật
Do vọng tình sở chấp
Biến kế nào có gì!
Ví như ngọc Ma-ni
Theo sắc mà tượng hiện
Thế gian cũng như vậy
Chỉ tùy phân biệt có
Thể dụng không nơi trụ
Đó là tánh Biến kế
Như hành Càn-thát-bà
Chẳng thành mà thấy giống
Cũng chẳng phải không nhân
Mà hay thấy như vậy.
Các thứ vật thế gian
Nên biết, cũng như vậy
Nhật nguyệt các cung điện
Các núi và Bảo sơn
Tướng khói mây chạm nhau
Chưa từng có tạp loạn
Không cộng, không ta, người
Thể tánh đều chẳng có
Chỉ là sở phân biệt
Tự tánh của biến kế
Các vật chẳng nhân sinh
Cũng chẳng không có nhân
Hoặc có, hoặc chẳng có
Đều do tình nắm giữ
Danh nương tiếng mà có
Cả hai, phân biệt sinh
Chánh trí và Như như
Xa lìa nơi phân biệt
Tâm như tiếng hiện rõ
Tướng là chỗ ý nương
Ý cùng năm tâm sinh
Giống như sóng trên biển

Tập khí, không có đầu
Cảnh giới cũng như vậy
Tâm do tập khí sinh
Cảnh khiến tâm hoặc loạn
Nương tựa A-lại-da
Tất cả các chủng tử
Tâm hiện như cảnh giới
Nên nói là thế gian
Bảy thức, A-lại-da
Dần dần hỗ tương sinh
Tám loại thức như vậy
Không thường, cũng không đoạn
Tất cả các thế gian
Tựa như có sắp đặt
Các chúng sinh có chấp
Ngã, ba thứ hòa hợp
Phát sinh đủ thứ thức
Biết rõ nơi các cảnh
Hoặc có lời dối trá
Hoặc tạo nghiệp làm nhân
Được sinh nơi Phạm thiên
Trong ngoài các thế gian
Thế gian chẳng tác giả
Tạo nghiệp và vi trần
Chỉ là A-lại-da
Biến hiện tựa như cảnh.
Tạng thức chẳng duyên tạo
Tạng cũng chẳng tạo duyên
Các thức tuy lưu chuyển
Không có ba hòa hợp
Thể Lại-da thường trú
Cùng câu hữu các thức
Như bánh xe thủy tinh
Cũng như sao với trăng
Từ đó sinh tập khí
Tự tăng trưởng đổi mới
Lại tăng trưởng thêm ra
Thức khác cũng như vậy

Sinh tử chuyển như thế
Người ngộ, tâm không chuyển
Giống như lửa đốt cây
Dần dần mà chuyển dời
Cây này đã cháy xong
Lại cháy qua cây khác
Nương tựa A-lại-da
Tâm vô lậu cũng vậy
Trừ dần các hữu lậu
Chấm dứt pháp luân hồi.
Đó là hiện pháp lạc
Thành tựu Tam-ma-địa
Các Thánh từ đó sinh
Cõi này đến cõi khác
Ví như vàng rất đẹp
Tai mắt không thể thấy
Bậc trí khéo đào luyện
Mới trở thành vàng ròng
Tạng thức cũng như vậy
Bị tập khí đeo bám
Tam-ma-địa trừ sạch
Giác ngộ, thường thấy rõ.
Như dầu, sữa chưa trộn
Không thể có đề hồ
Cho nên các bậc Trí
Dầu sữa làm đề hồ.
Tạng thức cũng như vậy
Bị các thức bám che
Các bậc Định Mật nghiêm
Siêng quán mới đạt được
Mật nghiêm rất là sáng
Là diệu trí đặc thù
Phật tử siêng tu tập
Sinh vào trong cõi này
Cõi Sắc, cõi Vô sắc
Không thức, Phi phi tưởng
Với họ thường siêng tu
Mới sinh đến cõi đó

Các Phật tử trong ấy
Chói sáng như trời, trăng
Tu hành được chánh định
Diễn thuyết đạo tương ưng
Chư Phật, cùng quán đảnh
Truyền cho ngôi vị đó
Pháp Như Lai đã chứng
Hễ thấy liền chuyển y
Ở đạo tràng Mật nghiêm
Ứng vật mà biến hóa
Tùy người ưa thích pháp
Trụ trên không diễn nói.
Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Lại bảo đại chúng rằng
Lại-da từ vô thủy
Do hý luận huân tập
Bị các nghiệp trói buộc
Luân chuyển đến vô cùng
Cũng giống như biển cả
Gió làm nổi sóng lên
Mãi mãi sinh và diệt
Không đoạn cũng không thường
Do không ngộ tự tâm
Tùy thức hiện cảnh giới
Nếu hiểu rõ tự tâm
Như lửa đốt hết củi
Thông đạt với vô lậu
Mới gọi là Thánh nhân
Tạng thức biến các cảnh
Bao trùm cả thế gian
Ý chấp ngã, ngã sở
So nghĩ luôn lưu chuyển
Các loại thức sai khác
Chúng đều rõ tự cảnh
Tích tập nghiệp làm tâm
Rộng, chứa, nhóm, gọi ý
Hiểu rõ ràng gọi thức
Năm thức giữ lấy cảnh

Như mắt nhặm thấy hoa
Tùy thấy mà mê hoặc
Tựa như sắc trong tâm
Chẳng sắc, cho là sắc
Ví như ngọc Ma-ni
Ánh nhật, nguyệt chiếu sáng
Tùy đó mà ứng hiện
Hiển lộ ra từng loại
A-lại-da cũng vậy
Tạng thanh tịnh Như Lai
Hòa hợp nơi tập khí
Biến hiện khắp thế gian
Cùng vô lậu tương ưng
Mưa các pháp công đức
Ví như sữa biến khác
Thành dầu hay nước dầu
Tạng thức cũng như vậy
Biến tựa như các sắc
Như mắt nhặm thấy hoa
Hữu tình cũng như vậy
Tập khí ác lâu ngày
Trong mắt trụ tạng thức
Đối với các phi sắc
Thấy nó là các sắc
Giống như với quáng nắng!
Xa lìa sự có không
A-lại-da lại hiện
Nhân giả nương nhãn sắc
Sinh thức tựa như sắc
Như huyễn ở trong mắt
Biến động giống hơi nắng
Sắc đề là tạng thức
Cùng sắc, tập, tương ưng
Thể biến tựa phi hữu
Kẻ ngu phân biệt dối
Nên mê say buông thả
Ngồi, nằm hay điên chạy
Bỗng khởi các sự nghiệp

Đều là Lại-da thức
Giống như mặt trời nóng
Ánh sáng chiếu mặt đất
Bốc hơi như dòng nước
Thú khát nước chạy đến
Lại-da cũng như vậy.
Thể tánh chẳng phải sắc
Như in tuồng sắc hiện
Ác giác vọng sinh chấp
Như nam châm hút sắc
Bị di chuyển rất mau
Tuy là không tình thức
Tựa như tình thức động
Thức Lại-da như vậy.
Bị sinh tử thu nhiếp
Qua lại nơi các nẻo
Chẳng ngã, tựa như ngã
Như vật trôi trong biển
Không nghĩ trôi theo dòng
Lại-da không phân biệt
Nương thân mà vận động
Như hai voi đánh nhau
Bị thương vẫn không lùi
Lại-da cũng như vậy.
Dứt nhiễm, không lay chuyển
Ví như hoa sen sạch
Khỏi bùn liền sạch trong
Người trời đều thọ dụng
Ai cũng đều quý kính
A-lại-da cũng vậy
Ra khỏi bùn tập khí
Chuyển y được thanh tịnh
Phật Bồ-tát tôn trọng
Ví như ngọc thù thắng
Kẻ quê mùa xem thường
Nếu làm tua mũ miện
Là vật vua đội đầu
Như vậy thức Lại-da

Là Phật tánh thanh tịnh
Phàm phu mãi tạp nhiễm
Quả Phật luôn giữ gìn
Như ngọc đẹp trong nước
Áo rêu quấn chung quanh
Lại-da nơi sinh tử
Tập khí che không hiện
Với thức Lại-da này
Có hai thủ cùng sinh
Như rắn có hai đầu
Tùy thích, chúng cùng bò
Lại-da cũng như vậy
Cùng đủ các sắc tướng
Tất cả các thế gian
Ôm giữ, cho là sắc
Kẻ ác giác mê hoặc
Cho là ngã, ngã sở
Hoặc có, hoặc không có
Tự tại tạo thế gian
Lại-da, tuy biến hiện
Thể tánh thường sâu xa
Đối với người không biết
Tất không thể hiểu rõ
Ví như nhà ảo thuật
Giả làm đủ thứ thú
Hoặc đi hay hoặc chạy
Giống thật chẳng phải thật
A-lại-da cũng vậy
Thế gian là giả tạo
Tất cả các hữu tình
Thể tánh không chân thật
Phàm phu không thể hiểu
Vọng sinh mà ôm giữ
Khởi thắng tánh vi trần
Có, không khác, phân biệt
Cùng đối với Phạm thiên
Và trượng phu… các kiến
Phân biệt đều là ý

Phân biệt ở thế gian
Cái thấy phân biệt này
Xưa nay vốn không thật
Như chất trong tranh vẽ
Như màu sắc cầu vòng
Cùng với vật trong mây
Mắt nhặm thấy hoa đốm
Dáng người nữ soi gương
Như mộng thấy các màu
Như tiếng vang đế cung
Bóng cây và Càn thành
Lúc nóng thấy quáng nắng
Hình trăng sáng trong ao
Suy tính được như vậy
Với Lại-da vọng thủ!
Khi quán sát như thế
Hiểu rõ chỉ tạng thức
Liền đạt tướng thế gian
Làm chỗ nương các pháp
Là các kiến phân biệt
Đều chuyển diệt tức thì
Lại-da với ý này
Các pháp nương tập khí
Thường bị sự phân biệt
Nên tâm bị khuấy nhiễu
Nếu lìa sự phân biệt
Liền thành đạo vô lậu
Mãi luôn không biến đổi
Giống như là hư không
Nếu với tất cả Lại-da
Đạt được Tam-ma-địa
Liền sinh pháp vô lậu
Định Như ý giải thoát
Cùng với bốn Vô úy
Mười Lực và khéo léo
Tự tại với thần thông
Các công đức như vậy
Khởi mười nguyện rốt ráo

Ý thành thân vi diệu
Vĩnh viễn chuyên sở y
Thức giới luôn an trụ
Thể tánh đồng hư không
Không mất cũng không hết
Như Lai đều thấy rõ
Thế gian không tăng giảm
Hữu tình cũng không sinh
Niết-bàn cũng chẳng diệt
Cõi này và cõi khác
Đồng với một pháp tánh
Chư Phật hiện ở đời
Hay không hiện ở đời
Pháp tánh vốn luôn trụ
Không thường cũng không đoạn
Lại nếu người giải thoát
Mà cõi hữu tình diệt
Tức phá hoại Như Lai!
Trí tánh của hết thảy
Cảnh chư Phật ba đời
Không được sự bình đẳng
Lại nếu Bát-niết-bàn
Mà cõi hữu tình diệt
Thì ai lìa sự khổ!
Được hữu dư, vô dư
Hàng phục ma, tà kiến
Lẽ nào đều nói dối?
Cho nên phải biết rằng
Các bậc Thắng quán hạnh
Nếu chứng được giải thoát
Thân họ sẽ luôn trụ
Mãi lìa các thủ uẩn
Diệt trừ các tập khí
Ví như lấy sắc nóng
Bỏ vào trong nước lạnh
Sức nóng tuy đã hết
Thể của sắc không hoại
Các Nhân giả! Nên biết

A-lại-da như biển
Thường vì sự hý luận
Như gió mạnh kích động
Năm pháp, ba tự tánh
Liên tục thành sóng thức
Cái có ở cảnh giới
Tướng nó như lay động
Ở trong chỗ vô nghĩa
Giống nghĩa, không thật thể
Nếu biết tất đều không
Chuyển y mãi không hết
Như trăng nơi Mật nghiêm
Ảnh hiện khắp mười phương
Nên biết thức Lại-da
Hành ở rừng rậm uẩn
Mạt-na dẫn đường trước
Ý thức phải quyết định
Sắc với tất cả cảnh
Cùng với thân năm thức
Và căn cảnh hòa hợp
Hiểu cảnh giới đang vậy
Sở thủ của tự cảnh
Đều là A-lại-da
Tạng thức và thọ noãn
Cùng tánh, xúc hòa hợp
Mạt-na nương thức này
Thức lại trụ nơi ý
Năm chủng thức còn lại
Cùng trụ căn của mình
Tâm ý và các thức
Mà an trụ nơi uẩn
Bị nghiệp tập trói buộc
Lưu chuyển vô cùng tận
Như vậy tất cả nghiệp
Đều do nơi tham ái
Do vì nghiệp, thọ thân
Lại dùng thân tạo nghiệp
Khi xả thân này rồi

Lại thọ lấy thân khác
Vì nương nhân trước sau
Chậm chạp đi như đỉa
Tâm và các tâm sở
Liên tục sinh các nẻo
Lại tích tập dần dần
Ở rừng rậm các uẩn
Thọ noãn cùng với thức
Nếu xả bỏ nơi thân
Thân chắc không hay biết
Giống như cây trong đá
Tạng thức chính là tâm
Chấp ngã gọi là ý
Hay giữ các cảnh giới
Cho nên nói là thức
Gom chọn nghiệp là tâm
Ý gom chọn cùng khắp
Ý thức hiểu cùng khắp
Năm thức đang phân biệt
Tâm lại giữ nơi thân
Mạt-na cho các nẻo
Ý thức hiểu cùng khắp
Năm thức duyên tự cảnh
Lấp tạng thức làm chân
Từ đó sinh thức khác
Ý, sở duyên ý thức
Lưu chuyển không gián đoạn
Năm thức lại chờ đợi
Tăng thượng duyên để sinh
Đồng sự, tự căn sự
Đó chính là tăng thượng
Thân này như thây đứng
Như trời nóng thấy bóng
Tùy hành, nhân duyên chuyển
Chẳng giả, cũng chẳng thật
Nó bị thọ dẫn dắt
Tánh không, không có ngã
Ý và các thứ chuyển

Cùng với tâm cộng sinh
Năm thức lại nương tựa
Ý thức làn nhân khởi
Như vậy tất cả lúc
Đại địa đều cùng chuyển
Lại-da bị ái dục
Huân tập, nên tăng trưởng
Đã tự tăng trưởng rồi
Lại tăng thêm thức khác
Mãi mãi không đứt lìa
Giống như cái giếng tròn
Bởi vì có các thức
Nên sinh khởi các nẻo
Ở trong các nẻo này
Các thức lại tăng trưởng
Thức cùng pháp thế gian
Lại hỗ tương làm nhân
Giống như nước sông chảy
Trước sau không gián đoạn
Như mầm và hạt giống
Liên tục mà chuyển sinh
Đều có tướng sai biệt
Rõ ràng mà hiện ra
Hành thức cũng như vậy.
Cả ba đã hòa hợp
Rồi lại hòa hợp nữa
Tướng sai biệt mới sinh
Cứ vậy mà lưu chuyển
Luôn không bị đứt lìa
Tất cả pháp trong ngoài
Đều do vậy mà khởi
Ngu không biết do tâm
Các ngươi siêng quán sát.
Lúc đó vua Chúng Sắc
Lại hướng Kim Cang Tạng
Mà thưa lời như vầy:
Kim Cang Tạng Vô Úy
Khéo nhập vào Mật nghiêm

Hay diễn tất cả pháp
Phật và các Phật tử
Chánh định mà tư duy
Kỳ lạ không gì bằng
Hiện rõ nơi pháp tướng
Kim Cang Tạng Vô Úy
Đã thấy mới tuyên thuyết
Ngài ở cung Ma-ni
Ngồi tòa sư tử đẹp
Tối thắng tử vây quanh
Trụ trong định Mật nghiêm
Mong vì các Phật tử
Nói thắng pháp Du-già
Đây là Nguyệt Tràng Phật
Nơi giảng khai cho chúng
Chúng ấy đang đến đây
Mong diễn nói không mỏi
Như Lai Nguyệt Tràng ấy
Cũng hiện nhiều thần biến
Ở cung điện Dục giới
Và ở trong Sắc giới
Có Phật tử vây quanh
Chư Thiên đều hộ vệ
Đã nói về thắng lý
Pháp Mật nghiêm vô úy.
Các bậc Du-già ấy
Nghe nói như vậy xong
Được Thánh trí tự giác
Cảnh giới của nội chứng
Sợ hãi Ni-dạ-ma
Và cái vui chánh vị
Không trụ nơi thật tế
Trong định giúp quán sát
Mà đều nghĩ như vậy
Ai đã chứng thật tướng
Bậc đứng đầu quán hạnh
Mong được thấy người này
Chúng này đều một lòng.

Rồi lại suy nghĩ rằng:
Thế nào là định đúng
Sao gọi là định sai
Vả lại định cái gì?
Và lại dùng pháp gì?
Làm định phải chờ duyên?
Này tất cả Phật tử:
Lại định cái gì ư!
Dùng sức Tam-ma-địa
Thấy trong cõi Mật nghiêm
Tối thắng tử thanh tịnh
Vua của chúng Bồ-tát
Trên đầu đội nón báu
Đủ ba hai tướng tốt
Và vẻ đẹp dáng hình
Để dùng mà nghiêm sức
Các chúng Phật tử ấy
Thảy đều từ định khởi
Đeo ngọc báu vi diệu
Từ vô lượng cõi Phật
Mà đến với cõi này
Đều cùng đem một lòng
Chiêm ngưỡng Kim Cang Tạng:
Bậc Đại lực Du-già
Chúng ấy đều suy nghĩ:
Cầu cho được pháp lạc
Kim Cang Tạng thấy xong
Nhìn khắp cả bốn phương
Phát tiếng nói hòa nhã
Mỉm cười mà bảo rằng
Này hỡi các Phật tử,
Hãy một lòng lắng nghe!
Cảnh giới định Du-kỳ (Già)
Sâu xa không nghĩ bàn
Cái biết chẳng phân biệt
Định và duyên cũng vậy
Xa lìa ham muốn xấu
Càng các thứ tán động

Cầm tứ và hỷ lạc
Vắng lặng nhập Sơ thiền
Theo thứ lớp như vậy
Bốn, tám cho đến mười
Các ngoại đạo chấp ngã
Thường tu tập định này
Thanh văn, Bích-chi-phật
Cũng đều làm như vậy
Họ đều biết thế gian
Tự tướng của các Pháp
Uẩn xứ như tụ rỗng
Tất cả đều vô ngã
Không nghĩ, không tác động
Chỉ ba hòa hợp sinh
Như máy móc, thây đứng
Vốn không thể tạo ra
Ngoại đạo tu định này
Khởi thấy ở tánh không
Người này mê pháp tướng
Hủy hoại tất cả pháp
Nếu tu định Phật diệu
Khéo biết uẩn vô ngã
Liền phát thắng phước tụ
Diệt trừ các ác kiến
Tất cả đều do tâm
không năng tướng, sở tướng
Không giới, cũng không uẩn
Tất cả đều không tướng
Phân tích đến vi trần
Thảy đều không chỗ trụ
Kẻ ngu phân biệt dối
Những tánh của địa, thủy
Không biết tánh của nó
Ôm giữ tướng như vậy
Sắc đẹp và sắc xấu
Tợ sắc, đều như vậy
Như cầu vòng trên không
Mây, ráng, các màu sắc

Suy nghĩ như xương vụn
Đầy khắp cả thế gian
Và quán tưởng biến xứ
Xem xét khắp các đại
Thân có sắc, không sắc
Người định luôn nghĩ kỹ
Nếu duyên vào một tâm
Nói ngay duyên thanh tịnh
Nhưng lúc bị phân biệt
Chính nó thành sở duyên
Chẳng định, chẳng người định
Cứ dối cho là định
Người định, ở trong định
Biết đời đều tạng thức
Pháp và các pháp tướng
Tất cả đều bỏ đi
Đạt được thắng định này
Khéo nói về các định
Phá các người tu định
Trí vọng, pháp sở tri
Nếu người có tuệ kém
Ôm lấy pháp và ngã
Tự cho là thức đế
Khéo léo nói các pháp
Dính mắc các pháp tướng
Hại mình và hại người
Không năng tướng, sở tướng
Vọng sinh, kiến sai biệt
Nước lạnh trừ nóng bức
Đắng chua, mặn và lạt
Vị cay trừ khí lạnh
Mặn hay trừ bệnh phong
Đờm vàng rất đáng sợ
Đồng sinh bệnh sốt rét
Hoặc là chỉ do phong
Hoặc cả ba hòa hợp
Bệnh có nhiều sai biệt
Cổ tiên chế nhiều cách

Thạch mật… gồm sáu phần
Đường các và các vị
Hay trị thân hữu tình
Các thứ bệnh sốt rét
Nếu pháp có tự tánh
Cùng với các thứ tướng
Thuốc không thể trừ bệnh
Người bệnh không thể lành
Vì sao đời đều thấy
Uống thuốc bệnh tiêu trừ
Người định hiểu thế gian
Chỉ là A-lại-da
Biến khác mà liên tục
Thí như các thú giả
Không năng tướng, sở tướng
Không uẩn và uẩn giả
Đức cũng không chi phần
Vậy mà có chi phần
Thế gian không năng tác
Cũng không có sở tác
Thế gian không chứa bụi
Không phương xứ để đến
Ban đầu không chút bụi
Dần dần như ngón tay
Cho đến ba ngón tay
Vật thật hòa hợp, chuyển
Mạt-na đều sai biệt
Nghĩa như vậy đều không
Chẳng thắng tánh tạo chế
Diệt phi thời năng sinh
Cũng chẳng tánh ái lạc
Tới ba pháp sở tác
Cũng chẳng không có nhân
Tự nhiên mà được có
Do nghiệp tập khí này
Khuấy loạn nơi nội tâm
Nương tâm và nhãn căn
Đủ thứ vọng phân biệt!

Ý cùng với ý thức
A-lại-da hữu tình
Hiện khắp nơi thế gian
Như huyễn sư tạo vật
Nếu hay nhập duy thức
Tức là chứng chuyển y
Nếu nói về không tánh
Là biết tướng duy thức
Cái bình vốn không cảnh
Thể tướng do tâm tạo
Chẳng bình hiện tựa bình
Cho nên nói là không
Các cảnh sắc thế gian
Và cung điện chư Thiên
Biến khác nên thấy được
Đều là A-lại-da
Có được thân hữu tình
Từ đầu đến tay chân
Sinh liền hoặc dần dần
Đều là A-lại-da
Tập khí ô nhiễm tâm
Phàm phu không hiểu rõ
Tánh đó chẳng phải có
Cũng lại chẳng phải không
Như người dùng các vật
Đập phá cái bình vậy.
Vật thể nếu là không
Thì đập phá không thể
Ngã như núi Diệu cao
Cái thấy không ngăn ngại
Kiêu mạn mà chấp không
Lỗi ác này hơn núi
Tự xứ phải tương ưng
Phi xứ không nên nói
Nếu nói với phi xứ
Cam lộ liền bị độc
Tất cả các hữu tình
Sinh ra các thứ kiến

Vì muốn đoạn các kiến
Cho nên nói lý không
Nghe không, chấp là thật
Không thể đoạn các kiến
Kiến này không thể trừ
Như mắt nhặm đã lành
Ví như lửa đốt cây
Cây hết lửa không còn
Thấy cây đã cháy xong
Lửa rồi cùng phải diệt
Khi các kiến đã diệt
Sinh ra lửa trí tuệ
Thiêu hết củi phiền não
Tất cả đều thanh tịnh
Mâu-ni do trí này
Mật nghiêm được giải thoát
Không thấy sừng của thỏ
Xúc hoại nơi núi lớn
Thạch nữ không có con
Cầm mũi tên bắn vật
Chưa nghe muốn chiến đấu
Lại dùng cung sừng thỏ!
Huống gì con Thạch nữ
Mà tạo được nhà cửa.
Tất cả pháp tánh không
Thường đồng thể với pháp
Khi mới vào thai tạng
Sắc sinh liền hoại diệt
Lìa không, không có sắc
Lìa sắc, không có không
Như trăng và ánh sáng
Trước sau mãi không khác
Các pháp cũng như vậy
Không tánh cùng là một
Dần dần không sai biệt
Việc làm đều thành tựu
Thân này như tử thi
Xưa nay không tự tánh

Dây tham ái trói buộc
Bị cảnh giới dẫn đi
Nói lý vi diệu không
Để thanh tịnh các kiến
Người có trí tuệ ấy
Cần phải một lòng học
Ví như công huyễn sư
Dùng các sức chú thuật
Cây cả và các vật
Tùy ý tạo đủ thứ
Nương vào căn và ái
Sắc sáng và tác ý
Phát sinh ra thức sáng
Ánh lửa ảo, không thật
Thức này chẳng nơi đến
Cũng chẳng về phương nào
Tánh các thức là vậy
Đắm bất biến hữu vô
Như hoa đốm, sừng thỏ
Và con của Thạch nữ
Xưa nay không có thể
Giả tạo ra tên gọi
Sư tử, cọp và gấu
Ngựa lừa và lạc đà
Rùa trạch và đồi mồi
Tất cả đều không sừng
Vì sao không phân biệt
Chỉ nói thỏ không sừng!
Người đàm luận tối thắng
Vì sao không thành lập
Nhờ trí tuệ hiện rõ
Họ khỏi phân biệt sai
Bọn ngoại đạo mê hoặc
Như người câm điếc
Họ không trí siêu độ
Cũng không pháp nội chứng
Chỉ theo người ngữ chuyển
Dùng phân biệt làm gì?

Nếu vọng khởi phân biệt
Không sinh nơi Mật nghiêm
Người định được đẳng chí
Nên sinh về nước này
Ví như cung điện trời
Trời, trăng và các sao
Xoay quang núi Diệu cao
Đều do sức gió chuyển
Bảy thức cũng như vậy
Nương vào A-lại-da
Bị tập khí nắm giữ
Nơi nơi luôn lưu chuyển
Ví như nương đại địa
Các cây cỏ được sinh
Kể cả các hữu tình
Cho đến các châu báu
A-lại-da là vậy
Là chỗ nương các thức
Ví như chim Khổng tước
Lông có nhiều màu sắc
Trống mái cùng ái lạc
Hót múa cùng vui chơi
A-lại-da là vậy
Chủng tử và các pháp
Qua lại nương nhau trụ
Người định hay quán thấy
Ví như trăm sông chảy
Ngày đêm về biển cả
Các dòng nước chảy mãi
Biển cũng không phân biệt
A-lại-da là vậy
Sâu xa không bến bờ.
Tập khí của các thức
Ngày đêm thường trở về
Như đất có báu vật
Vô số sắc tướng đẹp
Các hữu tình thọ dụng
Tùy phước mà chiêu cảm

A-lại-da là vậy
Cùng với các phân biệt
Tăng trưởng sự sinh tử
Chuyển y thành Chánh giác
Khéo tu hạnh thanh tịnh
Vượt qua khỏi mười Địa
Nhập vào trong Phật địa
Mười Lực đều tròn đầy
Chánh trụ nơi thật tế
Mãi mãi không hoại diệt
Biến hóa hiện các thứ
Như đất không phân biệt
Mùa Xuân các hoa tươi
Người, chim đều vui thích
Nắm giữ thức cũng vậy
Người định, nhiều mê chấp
Như vậy các Phật tử
Không tuệ, lìa chân thật
Với nghĩa không khéo biết.
Lời dối, sinh quyết định
Lời phi pháp, ly gián
Mê hoặc dối hữu tình
Trụ các pháp dị biệt
Rồi cá biệt, nói năng.
Ví như nhà ảo thuật.
Khéo dùng các chú thuật
Hiện đủ các thứ hoa
Bông trái thật không có
Phật, Bồ-tát là vậy
Trí phương tiện khéo léo
Trụ riêng biệt thế gian
Riêng biệt mà biến hiện
Thuyết các thứ giáo môn
Khuyên dạy vô cùng tận
Quyết định pháp chân thật
Trong Mật nghiêm hiện rõ
Sáu cõi và mười tám
Mười hai xứ trượng phu

Bị dây ý trói buộc
Nên hữu tình lưu chuyển
Tám thức, các giới xứ
Cùng khởi mà hòa hợp
Do nơi ý trói chuyển,
Thân trước rồi thân sau
Trượng phu này lưu chuyển
Theo nhân đời, hiện ra
Với tất cả thân này
Sinh mãi không dứt sạch
Sáu cõi và trượng phu
Cùng với mười hai xứ
Ý hành, mười tám giới
Nói đó là tự tại
Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Bồ-tát Ma-ha-tát
Nói về các giới xứ
Và nghĩa trượng phu xong.
Cung thanh tịnh Tha hóa
Bảo Tạng điện Ma-ni
Các Phật tử không sợ
Thảy đều cúi đầu lạy
Phật Bồ-tát phương khác
Đến ở trong hội này
Thảy đều cùng nhau nói
Lời khen ngợi: Lành thay!
Lại có các Bồ-tát
Chư Thiên và Thiên nữ
Đều từ tòa đứng dậy
Chắp tay lòng cung kính
Và cùng nhau chiêm ngưỡng
Mới nói lời như vầy:
Bậc đứng đầu trong định
Khéo vì các Bồ-tát
Nói tốt nghĩa trượng phu
Lìa lý luận ngoại đạo
Tối thắng tử tuyên thị
Trượng phu sạch sáu giới

Chỉ là các giới hợp
Theo nhân mà lưu chuyển
Ví như các chim bay
Hiện dấu chân trong không.
Lại như lìa khỏi cây
Mà lửa được bốc cháy
Thấy dấu chim không trung
Lìa cây mà có lửa?
Ta và các thế gian
Chưa từng thấy việc này
Chim bay nhờ cánh đập
Không trung không dấu chân
Nhân giả nói trượng phu
Cũng giống dấu chân chim
Vì sao với các hữu
Có được nghĩa luân hồi
Mà nói giới, trượng phu
Thường lưu chuyển sinh tử
Thọ các quả khổ vui?
Nghiệp đã làm không mất
Như nông dân cày ruộng
Bỏ công không hề mất
Quả này đã thành thục
Có thể sinh quả sau
Thân ấy ở trong thân
Mà tu các hạnh thiện
Chỗ đời trước đời sau
Luôn thọ vui trời, người
Luôn tu hành phước đức
Chuẩn bị để thành Phật
Giải thoát và các Độ
Thành được vô thượng giác
Quả sinh trời Tự tại
Quán hành thấy chân ngã
Nếu bỏ đường trượng phu
Tất cả đều chẳng có
Với nghiệp, nghiệp quả báo
Đã làm không hư mất

Dưới đến ngục A-tỳ
Trên đến các cõi trời
Là con đường trượng phu
Lưu chuyển nơi sinh tử
Trong ngoài các thế gian
Giống hiện mầm sinh quả
Pháp này cũng như vậy
Kia từ nơi đây sinh
Nếu lìa đường trượng phu
Mà có sự luân hồi
Như nói con Thạch nữ
Oai nghi có tới lui
Sừng thỏ có vuốt nhọn
Từ cát ép ra dầu.
Trong hội các Bồ-tát
Chư Thiên và Thiên nữ
Nói lời như vậy xong
Cúng dường Bậc Ứng Cúng
Là ngài Kim Cang Tạng
Và các chúng Bồ-tát
Việc cúng dường đã xong
Đồng thưa lời như vầy
Bậc đầy đủ pháp nhãn
Nhân, dụ đều rõ ràng
Bẻ gãy các dị luận
Lỗi các tông, ngoại đạo
Đã hàng phục họ xong
Liền hiện ra tông mình
Thật là đại dũng mãnh
Xin ngài sớm khai diễn
Chúng con đều thích nghe
Bậc Đại Tuệ tuyên thuyết
Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Bồ-tát Ma-ha-tát
Thấy chư Thiên thưa hỏi
Liền bảo lời như vầy:
Này hỡi các Thiên nhân
Nên một lòng lắng nghe

Pháp này sâu, khó nghĩ
Phân biệt, không thể hiểu
Lý Du-già thanh tịnh
Nhân, dụ đã mở bày
Ta hiện nơi Mật nghiêm
Nay nói cho các ngươi
Mật nghiêm rất vi diệu
Chỗ thiền định thù thắng
Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Khi nói lời ấy xong
Lại bảo với Đại thọ
Vua Khẩn-na-la rằng:
Đại thọ Khẩn-na vương
Ngươi hãy nên quán sát
Vì sao các pháp tánh
Tánh không, không có được
Thấy tương ưng như vậy
Với định không mê hoặc
Như ăn hạt lúa chín
Liền biết những hạt khác
Các pháp cũng như vậy
Biết một, biết tất cả
Ví như khi khuấy sữa
Lấy ngón tay để nếm
Như vậy các pháp tánh
Lấy một, quán tất cả
Pháp tánh chẳng phải có
Lại cũng chẳng phải không
Tạng thức đã biến hiện
Tạng lấy không làm tướng.
Đại thọ Khẩn-na vương
Tức thời liền hỏi rằng:
Vì sao trong tâm lượng
Mà có giới trượng phu?
Vì sao sinh các cõi
Kiên thấp cập noãn động?
Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Bồ-tát Ma-ha-tát

Khi nghe lời ấy rồi
Mới bảo như thế này:
Lành thay! Đại thọ vương
Hỏi những lời sâu sắc
Khiến cho người tu định
Được đến chỗ chân thật
Nay ta sẽ nơi cho
Cầm sư nên lắng nghe
Xưa người hóa ta người
Cùng đủ các quyến thuộc
Trống nhạc từ hư không
Đi vào cung điện báo
Các bạn trời như vậy
Đều cùng đến Phật hội
Hòa tấu đờn báu đẹp
Âm thanh rất hòa nhã
Thanh văn ở trong hội
Cùng nói với nhau rằng:
Ta thích thấy Thọ vương
Chúng Khẩn-na vui chơi
Nơi cung điện đang ở
Trang nghiêm toàn ngọc báu
Ngươi tấu đàn lưu ly
Làm mọi người đều thích
Ca-diếp, chúng Thanh văn
Bất giác đứng dậy múa
Do âm nhạc hòa diệu
Không thể giữ được tâm.
Thì Bồ-tát Thiên Quan
Bảo với ngài Ca-diếp:
Các ông đã lìa dục
Vì sao lại nhảy múa?
Bấy giờ, Đại Ca-diếp
Bạch Thiên Quan Đại sĩ
Phật tử có lực lớn
Ví như gió Tỳ-lam
Trí Thanh văn không định
Như hắc sơn lay động

Tùy lìa mê phân biệt
Vẫn nhiễm bùn tập khí
Phần chứng nơi thật tế
Chưa đoạn trừ các tập
Nếu bỏ các thô trọng
Sẽ được chứng Bồ-đề
Ngài, với cảnh vi tế
Khéo đủ các luận, tuệ
Để Thích tỏ thế gian
Với pháp này, thông đạt
Và Khẩn-na-la luận
Lý Như Lai thanh tịnh
Giỏi về tướng các Địa
Hiểu rõ mà quyết định
Đoan nghiêm trong bảo điện
Cùng quyến thuộc vây quanh
Chói sáng đẹp tịnh nghiêm
Giống như trăng ngày rằm
Quán hạnh được tự tại
Giữa chúng hay hỏi đáp
Hỏi tôi giới trượng phu
Vì sao Từ tâm khởi
Ông và các Phật tử
Đều nên lắng lòng nghe
Như trong các giới ấy
Tâm là gọi là trượng phu
Các giới nhân đây sinh
Đó là nghĩa tôi nói
Tươi mát sinh ra nước
Nóng nhiều sinh ra lửa
Lay động các tác nghiệp
Nhân đó sinh ra gió
Từ ngằn mé của sắc
Có hư không và đất
Thức và các cảnh giới
Tập khí hay sinh thân
Nhãn cùng với các sắc
Tướng trạng đều không đồng

Nó không cửa, tạo cửa
Các hữu, mãi liên tục
Thì bảo tạng Ma-ni
Cung điện của tự tại
Đại Bồ-tát Trì Tấn
Cùng các Tối thắng tử
Đều từ tòa đứng dậy
Cúi đầu mà đảnh lễ
Họ đều cầm hương thơm
Cúng dường Kim Cang Tạng
Phủ lên thành lưới báu
Đồng thanh khen ngợi Phật:
Thánh giả, khéo an trụ
Bồ-tát, địa pháp vân
Ngộ nhập cảnh Như Lai
Ứng hiện thật khó lường
Hãy vì các Đại sĩ
Mở bày thấy biết Phật.
Lúc vua Khẩn-na-la
Cùng với các thể nữ
Cúng dường rồi tán thán
Vô úy Kim Cang Tạng
Cung điện báu Ma-ni
Đạo tràng rất nghiêm tịnh
Vì chúng con giảng nói
Pháp Như Lai vi diệu.

Bấy giờ, Thánh giả Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Từ Thị, Đại Bồ-tát Đắc Đại Thế, Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi Pháp vương tử, Đại Bồ-tát Thần Thông Vương, Đại Bồ-tát Bảo Kế, Đại Bồ-tát Thiên Quan, Đại Bồ-tát Tổng Trì Vương, Đại Bồ-tát Nhất Thiết Trí Nghĩa Thành Tựu… những Đại Bồ-tát như vậy và vô lượng những vị tu thắng định khác đều là Phật tử, oai đức tự tại, quyết định không sợ, khéo léo mở bày tâm quán hạnh; tất cả đều từ tòa đứng dậy, cùng giúp nhau quán sát, hỏi Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng bằng bài kệ:

Ngài Kim Cang Tự Tại
Hay chỉ bày pháp nhẫn
Được chư Phật gia hộ
Bồ-tát đều ngưỡng kính

Khéo đạt nơi địa tướng
Khéo léo mà tạo dựng
Chúng Phật tử sức lớn
Đều đồng tâm khuyên mời
Nguyện Định vương xót thương
Hiện rõ nơi Mật nghiêm
Phật và các đệ tử
Việc sâu xa kỳ lạ
Pháp này rất thanh tịnh
Xa lìa nơi lời nói
Phật, Bồ-tát biến hóa
Xưa chưa từng mở bày
Đã hành trí tự giác
Thấy cõi chân vô lậu
Hiện pháp lạc vi diệu
Thanh tịnh không gì bằng
Đầy đủ Tam-ma-địa
Vô lượng Đà-la-ni
Các giải thoát tự tại
Bảy loại ý thành thân
Sắc thanh tịnh thù thắng
Chiếu sáng cả pháp giới
Thiện Thệ! Không nghĩ bàn
Cõi trang nghiêm cũng vậy
Phật và các Bồ-tát
Thân lượng như cực vi
Đến như đầu sợi lông
Bằng phần trăm của nó
Cõi Mật nghiêm đẹp lạ
Nghiêm thắng trong các cõi
Như vậy bậc Quán hạnh
Đều sinh ở trong đó
Đó là do nhân gì
Xin Phật tử tuyên thuyết?
Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Bồ-tát Ma-ha-tát
Thân như sư tử chúa
Đủ hai ba tướng tốt

Các vẻ đẹp trang nghiêm
Sắp muốn rộng mở bày
Quán sát đại hội ấy
Giống như vua Sư tử
Biết chúng thích lắng nghe
Mật chỉ, cổ tiên Phật
Nay ta nói Pháp nhãn
Lìa xa năng, sở giác
Kim Cang Tạng liền nói
Âm thanh Phạm thanh tịnh
Tiếng Ca-lăng-tần-già
Tiếng tướng lưỡi rộng dài
Hay khéo không thô bạo
Tiếng thế gian xưng tụng
Tiếng tóm lược vui lòng
Tiếng giống như chuông ngân
Tiếng cao vút trong sáng
Tiếng như Càn-đà-la
Tiếng hùng dũng, thật thẳng
Kế Thi-ca ai thinh
Tiếng tương ưng ca vịnh
Tiếng mau và tiếng chậm
Tiếng hòa sướng sâu xa…
Đầy đủ các loại tiếng
Cùng tương ưng các đức
Nghe xong liền lìa chấp
Tâm không có mệt mỏi
Tất cả đều hân hoan
Thảy đều thông đạt hết
Tất cả tướng âm thanh
Tự nhiên mà ứng khắp
Không làm, không tốn công
Kim Cang Tạng Bồ-tát
Miệng chưa từng nói gì
Tất cả âm thanh đó
Chỉ do sức bản nguyện
Từ mày tráng và đỉnh
Chót mũi, vai và gối

Giống như sự biến hóa
Tự nhiên xuất tiếng hay
Vì khắp các đại chúng
Mở bày về pháp nhãn
Kim Cang Tạng dũng mãnh
Ở nơi cung Tự tại
Tối thắng tử vây quanh
Thanh tịnh mà nghiêm khiết
Như ngỗng chúa trong ao
Cả bầy ngỗng hầu hạ
Kim Cang Tạng đại định
Ngồi ở tòa Sư tử
Ánh sáng chiếu đến khắp
Tất cả người tu hành
Giống như trăng trên trời
Chiếu sáng các ngôi sao
Như trăng và ánh sáng
Vốn không có sai biệt
Oai đức Kim Cang Tạng
Cùng Phật giống như vậy.
Bấy giờ, Như Thật Kiến
Bậc Bồ-tát đại lực
Tối thắng trong tu hành
Ở nơi đạo Du-già
Liền từ tòa đứng dậy
Quán sát, bảo đại chúng
Lạ thay! Pháp Đại thừa
Cảnh Như Lai vi diệu
Tất cả Phật trong nước
Phật tử nên đảnh lễ
Pháp Vô tư ly cấu
Chư Phật đã quán sát
Rất cao đẹp, hiếm có
Lý Đại thừa thanh tịnh
Cảnh giới chẳng xấu ác
Đạo tốt của chuyển y.
Tám thứ thức sai khác
Ba tự tánh không đồng

Năm pháp, hai vô ngã
Thảy đều được mở bày
Năm loại tập sở duyên
Sinh các vọng phân biệt
Thấy pháp cao đẹp này
Trong sáng như vàng ròng
Người đạt được chân tánh
An trụ dòng giống Phật
Tánh Như Lai cao đẹp
Lìa Thanh văn ngoại đạo
Mật nghiêm cõi đẹp nhất
Người chứng mới đến được
Tôn giả Kim Cang Tạng
Đã chứng Đẳng trì gì?
Nói về pháp nhãn tịnh
Là cảnh Đẳng trì gì?
Vô lượng các Bồ-tát
Lại lạy Kim Cang Tạng
Bậc Đại trí Kim cang
Mong mở bày cho con
Trụ Tam-ma-địa gì?
Có thể nói pháp này
Với các Phật tử đây
Tất cả đều thích nghe
Bấy giờ, Kim Cang Tạng
Ở cung điện Tự tại
Quán sát trong đại hội
Trong tâm ngài nghĩ rằng:
Pháp này khó nghĩ bàn
Cảnh mười Lực thật đẹp
Nhờ tuệ mà thọ trì
Ai có thể lãnh thọ
Và thấy để thọ trì
Đều là con chư Phật
Tức thời liền bảo rằng:
Các ông nên lắng nghe!
Nay ta sẽ nói cho
Đạo đẹp của chuyển y

Ta vì các Phật tử
Chúng Tha hóa tự tại
Nhờ được Tam-ma-địa
Là oai đức Đại thừa
Trụ ở trong định này
Diễn pháp nhãn thanh tịnh.
Cũng thấy ức trần cõi
Bao nhiêu Đức Thiện Thệ
Nhiều Đức Na-dữu-đa
Ở trước mà khen ngợi
Lành thay! Lời Ngài dạy
Đó là đạo Du-già
Chúng con đều thực hành
Tam-ma-địa như vậy
Nhờ đó được tự tại
Thanh tịnh thành Chánh giác
Tất cả Phật, mười phương
Đều từ định này sinh
Nên biết rất thù thắng
Chẳng tư lương mà hiểu
Nếu có các Bồ-tát
Được ở trong định này
Liền trụ không nghĩ bàn
Cánh giới của chư Phật
Chứng được cảnh tự trí
Thấy Phật Tam-ma-địa
Biến hóa trăm ngàn ức
Cho đến như vi trần
Cảnh Thánh trí, tự giác
Chư Phật đã an lập
Pháp này không các tướng
Xa lìa nơi sắc thinh
Danh từ tướng sinh ra
Tướng từ nhân duyên khởi
Cả hai, sinh phân biệt
Tánh các pháp như như
Nơi đó, quan sát khéo
Gọi là bậc Chánh trí

Nói là tánh Biến kế
Tướng nương người khác khởi
Xa lìa nơi danh tướng
Gọi là Đệ nhất nghĩa
Tạng thức trụ ở thân
Tùy nơi mà lưu chuyển
Tập khí như quả núi
Bị ý nhiễm trói buộc
Mạt-na có hai cửa
Ý, thức đồng thời khởi
Năm cảnh hiện tiền chuyển
Các thức thân hòa hợp
Giống như có ngã nhân
Đang trụ ở trong thân
Tạng thức như dòng nước
Bị, gió cảnh giới thổi
Các sóng thức nổi lên
Liên tục mãi không dứt
Phật và các Phật tử
Hay biết pháp vô ngã
Đã được thành Như Lai
Lại tuyên thuyết người khác
Phân tích nơi các uẩn
Thấy người không ngã tánh
Không biết pháp vô ngã
Nên nói là Thanh văn
Chỗ Bồ-tát tu hành
Khéo đạt hai vô ngã.
Quán xong, liền xả bỏ
Không trụ nơi thật tế
Nếu trụ nơi thật tế
Liền bỏ tâm đại Bi
Công nghiệp đều không thành
Làm sao thành Chánh giác
Trí hiểm có khó nghĩ
Lợi khắp các hữu tình
Như sen ra khỏi bùn
Sắc tướng đều trong sạch

Chư Thiên và Thánh nhân
Thấy vậy sinh yêu kính.
Phật Bồ-tát là vậy
Ra khỏi bùn sinh tử
Thành Phật, thể trong sáng
Được chư Thiên kính ngưỡng
Lúc mới thành Bồ-tát
Hoặc làm chuyển luân vương
Hoặc vua Càn-thát-bà
Hoặc vua A-tu-la…
Tỏ ngộ pháp Đại thừa
Được thân hình như vậy
Dần dần mà tu hành
Nhất định được thành Phật
Cho nên, các Phật tử
Phải một lòng tu học
Bao nhiêu pháp tạp nhiễm
Cùng với pháp thanh tịnh
Mãi ở trong sinh tử
Đều do Lại-da chuyển
Nhân này mạnh vô cùng
Bậc chứng thật tuyên thị
Chẳng phải cùng năng tác
Tương tự như tự tại
Thế Tôn nói thức này
Để trừ các tập khí
Tỏ đạt sự thanh tịnh
Lại-da không thể được.
Nếu Lại-da mà được
Thanh tịnh ấy chẳng thường
Như Lai tạng thanh tịnh
Cũng gọi trí vô cấu
Thường trụ không đầu cuối
Lìa câu từ, lời nói
Phật nói tạng Như Lai
Chỉ vì A-lại-da
Tuệ ác không thể biết
Tạng tức thức Lại-da

Tạng thanh tịnh, Như Lai
A-lại-da thế gian.
Như vàng cùng với nhẫn
Cuối cùng không sai biệt
Ví như thợ làm vàng
Dùng vàng tốt sạch đẹp
Làm các đồ trang sức
Để trang điểm nơi tay
Hình tướng có sai khác
Đều nói là chiếc nhẫn
Thánh nhân hiện pháp lạc
Chứng cảnh tự giác trí
Công đức càng thêm lớn
Tự chứng không thể nói
Người hiện pháp các định
Hiểu rõ cảnh duy tâm
Đạt được Địa thứ bảy
Thảy đều được chuyển diệt
Sở duyên của tâm thức
Tất cả cảnh giới ngoài
Thấy các thứ sai biệt
Không cảnh chỉ có tâm
Bình, áo đều là giả
Tất cả đều chẳng có
Tâm biến in tuồng hiện
Có năng thủ, sở thủ
Ví như trăng với sao
Nương Tu-di vận hành.
Các thức cũng như vậy
Luôn lương Lại-da chuyển
Lại-da tức Mật nghiêm
Vốn thể tốt thanh tịnh
Không tâm cũng không giác
Sáng trong như vàng ròng.
Không thể phân biệt đặng
Tánh lìa sự phân biệt
Thật thể là viên thành
Bậc Du-già sẽ thấy

Ý thức duyên nơi cảnh
Trói buộc kẻ ngu si
Thánh kiến đều thanh tịnh
Giống như là quáng nắng…

Khi Đức Thế Tôn nói kinh này, Kim Cang Tạng và vô lượng Đại Bồ-tát… và vô số chúng nhiều như vi trần, từ các phương khác đến hội này, nghe Đức Phật thuyết xong, tất cả đều rất vui mừng tin tưởng, thọ nhận mà phụng hành.

-oOo-

SỐ 683

KINH CHƯ ĐỨC PHƯỚC ĐIỀN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn
Pháp Lập và Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trú tại khu rừng Kỳ-đà vườn Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, Bồ-tát mười ngàn vị, đại chúng vô số vây quanh nghe Phật giảng nói pháp.

Bấy giờ, trời Đế Thích cùng với các Thiên tử ở cõi Dục gồm ba mươi hai ngàn vị, đều dẫn theo vô số tùy tùng, đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát đất, rồi tất cả ngồi sang một bên.

Lúc này, trời Đế Thích xét thấy đại chúng đã an tọa ổn định, nên nương nơi thần lực của Đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, chắp tay quỳ dài, đảnh lễ, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi, cúi xin Đức Thế Tôn giảng nói rõ rủ lòng thương đối với phép tắc của thế gian.

Phật bảo Đế Thích:

–Ví như căn nhà tối tăm nếu không tìm kiếm đèn lửa thì làm sao thấy được. Lành thay! Ông cứ hỏi. Như Lai sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói.

Trời Đế Thích thưa với Đức Phật:

–Phu nhân Chủng Đức muốn tìm phước đức tốt đẹp, chẳng hay có ruộng tốt nào mà quả báo vô hạn, tức gieo trồng cây đức nhỏ như sợi tóc mà được phước vô lượng chăng? Cúi xin Đức Thế Tôn từ bi chỉ dạy, khiến kẻ ngu chúng con được phước báo vô lượng.

Đức Thế Tôn khen ngợi:

–Lành thay! Đế Thích đã hỏi về pháp Vô thượng để mở bày tâm ý. Hãy lắng nghe! Suy nghĩ kỹ! Như Lai sẽ diễn bày đầy đủ làm ông hoan hỷ.

Trời Đế Thích cùng đại chúng thọ giáo, lắng nghe.

Phật bảo trời Đế Thích:

–Trong chúng Tăng có năm đức thanh tịnh gọi là phước điền, cúng

dường thì được phước, tiến đến thì có thể thành Phật. Sao gọi là năm?

1. Phát tâm lìa tục có hoài bão về đạo.

2. Hủy bỏ hình tướng đẹp đẽ thích ứng với pháp phục.

3. Hoàn toàn cắt đứt mọi ân ái, quyến thuộc, không còn thân sơ.

4. Từ bỏ thân mạng vì thuận theo các pháp thiện.

5. Chí cầu Đại thừa, vì muốn cứu độ mọi người.

Do năm đức này nên gọi là phước điền, là tốt, là đẹp, vì không mai một, cúng dường thì đạt được phước, khó có thể nêu ví dụ:

Đức Thế Tôn nói kệ:

Hủy hình, giữ chí tiết
Cắt ái không còn thân
Xuất gia hoằng Thánh đạo
Nguyện độ hết mọi người.
Năm đức vượt việc đời
Là phước điền tối thượng
Cúng dường được yên mãi
Phước đó quý bậc nhất.

Phật bảo Đế Thích:

–Lại có bảy pháp bố thí rộng, gọi là phước điền. Hành giả được phước thì sinh nơi cõi Phạm thiên. Những gì là bảy?

1. Tạo lập chùa, phòng tăng, giảng đường.

2. Tạo lập vườn cây ăn trái, hồ tắm, cây bóng mát, nơi mát mẻ.

3. Bố thí thuốc men, chữa bệnh cho mọi người.

4. Làm thuyền, đò chắc chắn để cứu giúp dân chúng.

5. Bắc cầu giúp người ốm yếu qua lại.

6. Đào giếng gần đường để giúp người khát được uống.

7. Làm nhà xí, giúp đỡ việc vệ sinh tiện lợi.

Đó là bảy việc được sinh cõi trời Phạm thiên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Xây tháp, dựng tinh xá
Vườn cây trái, bóng mát
Cho thuốc cứu bệnh tật
Cầu thuyền giúp muôn dân.
Đường vắng đào giếng tốt
Kẻ khát được yên thân

Làm thức ăn cam lộ
Không bệnh, thường an ổn.
Tạo nhà xí sạch sẽ
Trừ uế, được vui yên
Vệ sinh, không gây bệnh
Không thấy mọi uế tạp.
Ví như năm sông chảy
Ngày đêm không dừng nghỉ
Đức này cũng như vậy
Mạng chung sinh Phạm thiên.

Lúc ấy, trong chúng hội có một Tỳ-kheo tên là Thính Thông, nghe pháp nên vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối, chắp tay lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật giảng dạy về chân đế thắm nhuần vô lượng. Vì sao? Con nhớ nơi vô số kiếp về đời trước, lúc sinh ở nước Ba-la-nại làm con của một trưởng giả, ở bên đường đi lớn cất một tinh xá nhỏ, các thứ giường nằm, thức ăn, nước uống đều cung cấp cho chúng Tăng. Người đi đường mệt nhọc cũng được dừng nghỉ. Nhờ công đức này nên mạng chung sinh lên cõi trời, làm trời Đế Thích, sau sinh xuống nhân gian làm Chuyển luân thánh vương, từng qua lại ba mươi sáu lần, thống lãnh hàng trời, người, chân không đụng đất, nương nơi hư không mà du hóa khắp, trải qua chín mươi mốt kiếp thọ hưởng phước tự nhiên. Nay gặp Đức Thế Tôn luôn đoái thương chúng sinh, dứt trừ uế trược tối tăm cho con, an ổn bằng trí tuệ, cắt đứt sinh tử hiệu là Chân Nhân, phước báo chân thật, chắc chắn. Sự việc là như vậy.

Bấy giờ, Thính Thông nói kệ:

Nhớ đến đời quá khứ
Cúng dường làm phước nhỏ
Phước báo hưởng nhiều đời
Phước còn gặp Thế Tôn.
Tịnh tuệ đoạn sinh tử
Tình si ái không còn
Ân Phật vô cùng khắp
Cho nên lại về nương.

Tỳ-kheo Thính Thông đảnh lễ rồi lui về chỗ ngồi.

Lại có một Tỳ-kheo tên là Ba-câu-lư, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, quỳ gối, chắp tay lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nhớ thọ mạng nơi kiếp trước, sinh tại Câu-di-na-kiệt, làm con của một trưởng giả. Bấy giờ, ở đời không có Phật, chúng Tăng giáo hóa, tổ chức đại hội thuyết pháp. Con đến nghe kinh, được nghe pháp sinh lòng hoan hỷ, tay đang cầm một trái cây thuốc tên là Ha-lê-lặc, dâng lên chúng Tăng. Nhờ quả báo này nên mạng chung sinh lên cõi trời sau sinh xuống thế gian, luôn ở nơi tôn quý, đoan nghiêm, tài trí hơn hẳn mọi người, trải qua chín mươi mốt kiếp, chưa từng bị bệnh, phước còn lại được gặp Phật, dùng ánh sáng dẫn dắt khỏi chốn si mê, tối tăm, trao cho con pháp dược, đạt được đạo quả Ứng chân (A-la-hán), sức có thể dời núi, trí tuệ có thể dứt trừ các ác.

Lành thay! Phước báo là chân thật.

Bấy giờ, Ba-câu-lư nói kệ:

Ân từ thấm cây khô
Đức cứu tế khổ nạn
Thiện vốn chỉ một quả
Hưởng phước đến nay còn.
Phật dạy nghĩa chân đế
Nhờ vậy thoát vực sâu
Thánh chúng giúp vô cùng
Lễ Phước điền Vô thượng.

Tỳ-kheo Ba-câu-lư đảnh lễ, rồi trở về chỗ ngồi.

Lại có một vị Tỳ-kheo tên là Tu-đà-da, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối, chắp tay lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tự nghĩ nhớ về đời trước, sinh tại nước Duy-na-ly, làm con một gia đình bình thường, gặp đời không có Phật, chúng Tăng thực hành việc giáo hóa. Khi ấy, con bưng váng sữa vào chợ để bán, gặp chúng Tăng tổ chức đại hội để giảng pháp, đi ngang qua đấy con đứng nghe giảng nói pháp môn vi diệu, nghe rồi thì hoan hỷ, nên đem bình váng sữa cúng dường chúng Tăng. Chúng Tăng chú nguyện, được lợi ích nên con lòng rất vui mừng. Nhờ phước báo này, mạng chung được sinh lên cõi trời, sau sinh xuống thế gian nơi nhà giàu có tài sản vô hạn, trải qua chín mươi mốt kiếp luôn được phú quý vinh hiển. Còn dư báo xấu nên đời sau cùng sinh ở thế gian, mẹ mang thai chỉ vài tháng, thì mắc bệnh qua đời, bị chôn trong mộ với mẹ, đủ tháng mới sinh ra, ở trong ấy bảy năm, uống sữa từ thây mẹ để tự nuôi sống, còn chút phước nhỏ nên được gặp Phật, mở bày pháp sáng để vượt qua biển khổ sinh tử, được quả vị Ứng chân (A-la-hán).

Quả nhiên, tội phước đúng như lời Phật dạy.

Bấy giờ, Tu-đà-da nói kệ:

Trước con làm tiểu gia
Bán sữa để tự sống
Vui mừng đem cúng dường
Được khỏi ba nạn khổ.
Tuy tội sinh trong mộ
Uống sữa sống bảy năm
Nhân duyên được giải thoát
Đảnh lễ Thánh Phước Điền.

Tỳ-kheo Tu-đà-da đảnh lễ rồi trở về chỗ ngồi.

Lại có một Tỳ-kheo tên là A-nan, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối, chắp tay lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nhớ kiếp trước sinh ở nước La-duyệt-kỳ, làm con nhà thường dân, mình mọc ghẻ dữ, chữa trị không hết, có người Đạo nhân là bạn thân của gia đình đến nói với con: "Chúng Tăng đang tắm, lấy nước tắm đó dùng rửa ghẻ có thể lành hẳn, lại còn được phước." Con liền hoan hỷ đi tới chùa, hết lòng cung kính, gắng sức đào một cái giếng mới, dầu thơm, bột tắm đầy đủ để chúng Tăng tắm rửa, rồi lấy nước đó rửa ghẻ, ghẻ liền lành hẳn. Do nhân duyên này, sinh đến đâu tướng mạo cũng đẹp đẽ, có sắc vàng chiếu sáng, không dính bụi dơ. Trải qua chín mươi mốt kiếp thường được tịnh phước của chúng Tăng hỗ trợ lâu dài. Nay lại gặp được Phật, tâm uế tiêu diệt, chứng được đạo quả Ứng chân.

Bấy giờ, A-nan trước Phật nói kệ:

Thánh chúng là lương y
Cứu giúp nạn khổ não
Tắm rửa cho trong sạch
Khỏi ghẻ dữ được yên.
Sinh đâu đều đoan nghiêm
Sắc diện vàng đặc biệt
Đức nhuận không bờ bến
Đảnh lễ phước điền tốt.

Tỳ-kheo A-nan đảnh lễ rồi trở về chỗ ngồi.

Lúc này trong chúng hội có vị Tỳ-kheo-ni tên là Nại nữ, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, quỳ gối, chắp tay lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nhớ đời trước sinh ở nước Ba-la-nại làm một người nữ nghèo. Thời ấy, ở đời có Đức Phật hiệu là Ca-diếp, con cùng với đại chúng vây quanh Phật để nghe thuyết pháp. Con ở chỗ mình ngồi, nghe

pháp nên vui mừng, ý muốn cúng dường nhưng chẳng có vật gì, nghĩ mình nghèo khổ nên đem lòng buồn bã, nên tìm đến vườn cây của người khác định xin quả dưa để cúng Phật thì được một quả táo lớn, thơm ngon. Con đem một bát nước và quả táo dâng lên Đức Phật Ca-diếp cùng chư Tăng. Phật biết tâm con chí thành nên chú nguyện nhận lấy, chia nước và táo cho tất cả chư Tăng. Nhờ phước này mà mạng chung sinh Thiên được làm Thiên hậu, về sau sinh xuống thế gian không bằng bào thai, trải qua chín mươi mốt kiếp, sinh trong hoa táo đều được xinh đẹp, đoan chánh, thường biết về kiếp trước. Nay được gặp Thế Tôn mở bày chỉ rõ về đạo nhãn.

Bấy giờ, Nại-nữ nói kệ:

Tam bảo Từ bi khắp
Trí độ hết nam nữ
Cúng nước trái táo lớn
Nhờ vậy thoát các khổ.
Đời đời sinh trong hoa
Trên trời làm Thiên hậu
Tự quy đức Thánh chúng
Phước điền rất sâu dày.

Tỳ-kheo-ni Nại-nữ đảnh lễ rồi trở về chỗ ngồi.

Khi đó trời Đế Thích từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con về đời trước, khi sinh tại nước lớn Câu-lưu, làm con nhà một trưởng giả, mặc áo xanh, vòng tay đi vào thành xe chơi, gặp chúng Tăng đang đi khất thực trên đường phố. Thấy dân chúng cúng dường chư Tăng rất nhiều, con liền tự nghĩ: "Mong được của báu cúng dường chúng Tăng không vui thích hay sao?" Con bèn cởi xâu chuỗi ngọc Anh lạc cúng dường lên chúng Tăng, chúng Tăng nhận rồi đồng tâm chú nguyện, hoan hỷ đi tiếp. Nhờ nhân duyên này, mạng chung được sinh lên cõi trời Đao-lợi làm Thiên đế Thích. Trải qua chín mươi mốt kiếp lìa hẳn tám nạn.

Lúc ấy, Thiên đế Thích nói kệ:

Đức cao không ai bằng
Bày phước dứt hiểm họa
Thần lực của Thánh chúng
Con trẻ sinh hoan hỷ.
Theo chúng vui ý thí
Thiên thần quản hai trời
Tự quy Đấng Tối Tôn

Đời đời nguyện phụng thờ.

Phật bảo trời Đế Thích và các đại chúng:

–Hãy lắng nghe! Như Lai tự nói về việc làm nơi đời trước của mình. Đời trước, ta sinh ở nước Ba-la-nại, gần bên đường lớn xây dựng nhà xí, giúp người vô số người dân trong nước được tiện lợi vui vẻ, nên ai nấy đều cảm nhớ ân nghĩa. Nhờ công đức này mà sinh vào nơi chốn nào cũng được thanh tịnh an lành, nhiều kiếp hành đạo không bị cấu nhiễm, công đức đầy đủ, cho đến thành Phật, thân vàng rực rỡ, bụi, nước không dính, đủ các tướng tốt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Chịu uế, tu việc phước
Ngã, nhân đều không nhơ
Xây nhà xí bố thí
Tiện lợi được khinh an
Đức này trừ cao ngạo
Nhờ đó thoát sinh tử
Tiến lên thành quả Phật
Bậc thanh tịnh cao tột.

Phật bảo Thiên đế Thích nơi chín mươi sáu loại đạo. Đạo Phật là tôn quý hơn hết. Chín mươi sáu loại pháp, pháp Phật là chân thật hơn hết. Chín mươi sáu loại Tăng, Tăng của Phật là chân chánh hơn hết. Vì sao? Vì Như Lai từ a-tăng-kỳ kiếp, phát nguyện chân thật chắc chắn, từ bỏ thân mạng, tích chứa công đức. Thệ vì chúng sinh mà bố thí cả đất nước, tài sản, vợ con, đầu, mắt, máu thịt không hề có tâm luyến tiếc. Tâm như hư không, bao trùm tất cả, bằng sáu Độ, bốn Tâm vô lượng... Các điều thiện đầy đủ, phước đức, trí tuệ viên mãn mới được thành Phật, sắc thân vàng ròng, tướng hảo không ai sánh bằng; mọi việc nơi quá khứ, vị lai, hiện tại đều thông suốt, ba cõi Tôn thiên chẳng thể bì kịp, lời thành tín đức cao dày, chấn động cả trời đất.

Nếu có chúng sinh nào một lần phát tâm thành kính hướng đến Như Lai, còn hơn là được châu báu của cả đại thiên thế giới. Giảng nói về ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười hai bộ kinh, phân biệt rõ tội phước, lời nói đều chí thành, mở bày giáo pháp của ba thừa khiến mọi người đều làm theo, người nghe hoan hỷ, thích hành hạnh Sa-môn, tin Phật, hành pháp, chí chuộng thanh cao, trong chúng Tăng, có bốn quả Thánh, mười hai bậc Hiền. Bỏ sự tham lam tranh chấp ở đời, dẫn dắt thế gian làm phước, làm con đường thông cả hàng trời, người đều do chúng Tăng.

Chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác và A-la-hán đều từ đây mà ra, giáo hóa tất cả, độ thoát muôn loài.

Khi Phật giảng nói về điều này, chúng trời Đế Thích đều phát tâm Bồ-đề, cầu đạt đạo quả Vô thượng chân chánh, vô số người đạt được pháp nhãn tịnh.

Lúc đó, Tôn giả A-nan quỳ gối chắp tay, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gọi là gì? Nên phụng hành như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này gọi là Chư Đức Phước Điền, nên như thế mà phụng trì, phải hiểu rõ truyền bá kinh này, đừng để thiếu sót.

Phật giảng nói kinh này xong, chư Thiên, Đế Thích và tất cả chúng hội đều rất vui mừng, đảnh lễ và lui ra.

-oOo-

SỐ 684

KINH ÂN CHA MẸ KHÓ BÁO ĐÁP

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao.

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ngụ tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

–Cha mẹ đối với con cái có ân đức rất lớn: Bú mớm dưỡng nuôi, theo thời để dạy bảo, thân bốn đại nơi con mới được thành hình. Như có người con vai bên phải cõng cha, vai bên trái cõng mẹ, trải qua hàng ngàn năm luôn thuận hợp như thế, không hề dấy tâm oán trách cha mẹ, thì người con ấy hãy còn chưa đủ để báo đáp ân đức của cha mẹ mình.

Nếu cha mẹ không có lòng tin thì chỉ dẫn khiến cha mẹ có lòng tin, đạt được sự an ổn. Cha mẹ không biết về giới luật thì dẫn dắt, chỉ bày về giới, khiến đạt được nơi chốn an ổn. Cha mẹ không biết nghe pháp thì khiến cha mẹ được nghe, đạt được chỗ an ổn. Cha mẹ tham lam, keo kiệt, thì nên vui vẻ khuyến khích, giúp cho cha mẹ ưa thích bố thí, đạt được sự an ổn. Cha mẹ không có trí tuệ thì gắng sức giáo hóa khiến có phương tuệ sáng, đạt mọi an ổn. Như thế là giúp cho cha mẹ tin nơi Phật là bậc Giác ngộ, gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Chỉ dẫn cho cha mẹ tin nơi pháp, đạt được chốn an ổn. Các pháp thâm diệu, Phật đã hiện thân chứng đạt quả. Nghĩa lý sâu xa người trí như vậy là phải thông tỏ, theo đấy mà hành hóa.

Lại chỉ dẫn cho cha mẹ tin tưởng nơi Thánh chúng. Thánh chúng của Như Lai, hạnh hết mực thanh tịnh, luôn hòa hợp, ngay thẳng, không dối trá, thành tựu về các pháp, thành tựu về giới, về định, về trí tuệ, về giải thoát và giải thoát tri kiến. Thánh chúng của Như Lai, đó là chư vị đã đạt được bốn hướng bốn quả (Hướng Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn. Hướng Tư-đà-hàm, quả Tư-đà-hàm. Hướng A-na-hàm, quả A-na-hàm. Hướng A-la-hán, quả A-la-hán). Chư vị là những bậc hết sức tôn quý, phải nên cung kính,

tôn phụng, là ruộng phước vô thượng của thế gian.

Các người con như thế là phải chỉ dẫn cho cha mẹ hành theo Từ bi. Chư vị Tỳ-kheo có hai nghĩa vụ làm con: Đó là nghĩa vụ đối với bậc sinh thành (cha mẹ) và nghĩa vụ làm con đối với nơi chốn đã dưỡng dục mình (Thầy, Tổ, chùa chiền). Vì vậy các Tỳ-kheo cần phải tu học để thực hiện nghĩa vụ làm con đối với cha mẹ. Miệng phát ra lời nói luôn mang đậm pháp vị. Các vị Tỳ-kheo cần phải tu học như thế.

Lúc này, các Tỳ-kheo, nghe Phật giảng nói đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 685

KINH VU-LAN-BỒN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trú tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, bấy giờ, Trưởng giả Đại Mục-kiền-liên mới chứng đắc sáu thứ Thần thông, muốn cứu độ cha mẹ để báo ân đức sâu dày dưỡng dục, bèn dùng Đạo nhãn quán sát khắp thế giới, thấy người mẹ đã qua đời của mình bị đọa trong loài ngạ quỷ, không được uống ăn nên thân hình chỉ còn da bọc lấy xương. Tôn giả Mục-liên thấy vậy vô cùng xót thương, buồn bã, liền lấy bát đựng đầy cơm và vận dụng Thần thông đem hiến dâng cho mẹ. Bà mẹ vừa nhận được bát cơm, liền dùng tay trái che đậy, tay phải bốc ăn, cơm chưa vào miệng đã hóa thành than hồng nên không thể ăn được. Tôn giả Mục-liên lớn tiếng kêu khóc trở về bạch Phật, thuật lại đầy đủ mọi sự việc như vậy.

Đức Phật bảo:

–Mục-liên! Thân mẫu của ông tội chướng sâu dày, không phải năng lực một mình ông có thể cứu được. Tuy lòng hiếu thảo của ông vang động trời đất, nhưng những Thiên thần, địa kỳ, tà ma ngoại đạo, đạo sĩ và bốn vị Thiên vương cũng không thể làm gì được. Nay ông phải nhờ vào oai lực của Tăng chúng ở mười phương thì mới có thể siêu thoát được.

Nay ta chỉ dạy cho ông phương pháp cứu tế để cho tất cả những kẻ khổ nạn cũng được siêu thoát.

Này Mục-liên! Ngày rằm tháng bảy là ngày Tự tứ của mười phương Tăng chúng, nên vì cha mẹ bảy đời, cha mẹ hiện tại, những người đang ở trong vòng khổ nạn luân hồi, mà sắm sửa đầy đủ cơm, thức ăn, năm thứ trái cây, bồn chậu múc nước, hương dầu đèn nến, giường chõng, đồ nằm đầy đủ, đều là loại tươi ngon, tốt đẹp ở đời để dâng cúng đại đức chúng Tăng ở khắp mười phương. Chính trong ngày này, các vị Hiền thánh tăng hoặc tu thiền định; hoặc thường đi kinh hành ở dưới gốc cây lớn; hoặc là hành Thanh văn, Duyên giác đầy đủ sáu Thần thông, giáo hóa tự tại. Hoặc những

vị Bồ-tát, Đại sĩ đã lên Địa thứ mười, mà lại phương tiện hiện tướng Tỳ-kheo. Tất cả đều quy tụ trong hàng chúng Tăng, đồng đẳng nhất tâm mà thọ Tự tứ. Vì giới pháp thanh tịnh đầy đủ, nên đạo đức của Tăng chúng sâu rộng mênh mông. Nếu có người dâng cúng chúng Tăng Tự tứ như vậy thì tất cả cha mẹ bà con quyến thuộc trong đời hiện tại đã quá vãng sẽ được siêu sinh trong ba đường khổ liền được đầy đủ áo cơm. Nếu cha mẹ lục thân quyến thuộc còn sống thì được hưởng phước lạc sống lâu trăm tuổi, còn cha mẹ quá khứ bảy đời thì được sinh lên cõi trời Tự tại hóa sinh ở trong cõi trời, hoa lệ chói sáng, hưởng vô lượng phước lạc.

Bấy giờ, Phật bảo chúng Tăng ở mười phương trước tiên phải chú nguyện cha mẹ bảy đời của tín thí rồi sau mới thọ thực. Lại nữa, trước án bàn thờ Phật sắp đặt mọi thứ; tại nơi Tăng chúng hoặc ở trong chùa tháp cũng vậy, chúng Tăng đều phải chú nguyện trước sau rồi mới thọ thực.

Khi ấy, Tôn giả Mục-liên cùng với chư vị Đại sĩ, Bồ-tát đều rất hoan hỷ, tiếng than khóc bi thương của ngài Mục-kiền-liên cũng tan biến. Thân mẫu của ngài cũng trong ngày ấy được thoát khổ trong loài ngạ quỷ.

Khi ấy ngài Mục-kiền-liên lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thân mẫu của con đã được siêu thoát, đó là nhờ năng lực công đức Tam bảo, trong đó cũng có uy lực của Tăng chúng. Nếu đời vị lai, tất cả đệ tử Đức Phật muốn hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ thì kinh Vu-lan-bồn này có thể cứu độ cha mẹ hiện tại cho đến cha mẹ bảy đời chăng?

Đức Phật nói:

–Này Mục-kiền-liên! Rất hay. Điều mà Như Lai muốn nói Tôn giả đã hỏi.

Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, quốc vương, vương tử, đại thần, tể tướng, tam công, bách quan cùng cả thảy dân chúng muốn thực hành đức từ hiếu, trước nên vì cha mẹ hiện tiền, kế đó cha mẹ bảy đời trong quá khứ là cứ đến rằm tháng bảy, ngày chư Phật hoan hỷ, ngày chư Tăng Tự tứ, nên sắp đặt đủ thứ các loại trái cây, thức ăn, nước uống vào bồn Vu-lan để dâng cúng chư Tăng ở mười phương. Ngày chư Tăng Tự tứ cầu nguyện cha mẹ hiện còn, sống lâu trăm tuổi, không bệnh tật. Cha mẹ trong bảy đời quá khứ thoát khỏi khổ đau trong loài ngạ quỷ, được sinh trong cõi trời, người phước lạc an vui.

Thiện nam, thiện nữ là đệ tử của Đức Như Lai phải nên thực hành chữ hiếu, trong mỗi niệm thường thương tưởng đến cha mẹ hiện tại, cho đến cha mẹ bảy đời trong quá khứ. Hằng năm đến ngày rằm tháng bảy, đem

lòng từ hiếu thương tưởng song thân hiện tiền, cha mẹ bảy đời quá khứ, sắm sửa bồn Vu-lan, hiến cúng Phật-đà, dâng cúng chúng Tăng để đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Nếu là đệ tử của Đức Phật thì phải tuân giữ những điều trên đây.

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng với bốn chúng đệ tử nghe Phật giảng dạy đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 686

KINH BÁO ÂN PHỤNG BỒN

Hán dịch: Mất tên người dịch,
phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ngụ tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mới chứng đắc sáu thứ Thần thông, muốn cứu độ cha mẹ để báo ân đức sinh thành, nuôi dưỡng, bèn dùng đạo nhãn quan sát khắp thế giới, thấy người mẹ đã qua đời của mình bị đọa trong cõi ngạ quỷ, không được ăn uống nên thân hình chỉ còn da bọc xương. Tôn giả Mục-liên thấy vậy thì vô cùng thương xót, buồn bã, liền lấy bát đựng đầy cơm vận dụng thần thông đem hiến dâng cho mẹ. Bà mẹ nhận được bát cơm, bèn dùng tay trái che cơm, tay phải vốc ăn, nhưng cơm chưa vào tới miệng đã hóa thành than lửa nên không thể ăn được. Tôn giả Mục-liên vội vàng trở về thưa với Đức Phật, thuật lại đầy đủ sự việc như vậy.

Phật nói:

–Thân mẫu của Tôn giả gốc rễ nơi tội chướng kết buộc đã quá sâu dày, không phải năng lực của một mình Tôn giả có thể giải cứu, mà phải nhờ vào diệu lực từ uy thần của chúng Tăng mới được giải thoát. Hôm nay, Như Lai sẽ chỉ dạy phương thức cứu vớt, khiến cho hết thảy những kẻ khổ nạn đều được lìa thoát.

Phật nói:

–Này Tôn giả Mục-liên! Rằm tháng bảy là ngày Tự tứ của chúng Tăng, nên vì cha mẹ nơi bảy đời, cha mẹ hiện tại, những kẻ đang ở trong vòng khổ nạn mà sắm sửa đầy đủ cơm, thức ăn, năm thứ trái cây, bồn chậu múc nước, hương dầu đèn nến, giường chõng, đồ nằm, đều là loại ngon, tươi, tốt đẹp ở đời, để hiến cúng chúng Tăng. Chính trong ngày ấy, tất cả Thánh chúng, hoặc tu tập thiền định nơi rừng núi, hoặc đã chứng đắc bốn đạo quả, hoặc thường kinh hành bên cội cây, hoặc là hàng Thanh văn, Duyên giác đạt được sáu Thần thông, vận dụng để giáo hóa, hoặc là Bồ-tát

Đại sĩ, theo phương tiện mà hiện tướng Tỳ-kheo, tất cả quy tụ nơi đại chúng, đều cùng nhất tâm thọ nhận Tự tứ. Do có đầy đủ giới pháp thanh tịnh, nên đạo đức của Thánh chúng ấy sâu rộng bao la.

Người nào hiến cúng cho chúng Tăng tự tứ đã nói trên đây, thì cha mẹ trong bảy đời cùng năm loại thân thuộc được ra khỏi cảnh khổ nơi ba đường dữ, tức thì đạt giải thoát, áo cơm tự nhiên.

Phật bảo chúng Tăng nên vì gia đình của thí chủ mà chú nguyện, chú nguyện cho đến cha mẹ trong bảy đời của họ, tập trung tâm ý để chú nguyện, rồi sau mới thọ thực.

Tôn giả Mục-liên cùng tất cả đại chúng đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 687

KINH HIẾU TỬ

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.

Phật hỏi các vị Sa-môn:

–Cha mẹ sinh con, mẹ thì mười tháng mang thai, thân như đang bị bệnh nặng. Đến ngày sinh con, mẹ thì nguy khổ, cha thì lo sợ, tình cảnh ấy thật khó nói hết.

Sau khi con ra đời, mẹ phải nhường chỗ khô ráo mà nằm chỗ ẩm ướt. Tinh huyết nơi lòng thương con của người mẹ đã hóa thành sữa trắng. Rồi nào xoa lau, tắm rửa, quần áo, thức ăn, đồ uống, bảo ban chỉ dạy. Rồi nào lễ lượt nơi thầy, bạn, cống nạp cho vua quan. Dung mạo của con tươi tắn thì cha mẹ cũng vui thích, còn nếu con buồn rầu thì tâm tư của cha mẹ như thể khô héo. Ra khỏi cửa thì nhớ thì thương, vào trong nhà thì gìn thì giữ, tâm lúc nào cũng lo lắng, chỉ sợ con mình làm điều bất thiện. Ân của cha mẹ như vậy làm thế nào để báo đáp?

Các vị Sa-môn thưa:

–Tất phải suốt đời lễ kính với tâm Từ để cung phụng, dưỡng nuôi nhằm báo đáp ân sâu của cha mẹ.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

–Người con phụng dưỡng cha mẹ: Trăm vị ngọt ngon luôn dâng nơi miệng không khi nào thiếu. Nhạc hay, lời đẹp với đủ loại cung bậc luôn làm vui bên tai. Áo tốt, quần sang lúc nào cũng sạch mới để cha mẹ mặc. Lại, hai vai cõng cha mẹ đi khắp mọi chốn, trọn đời như vậy để báo đáp ân sinh thành. Tất cả những việc làm như thế đáng gọi là hiếu chăng?

Các vị Sa-môn thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cái lớn lao của đạo hiếu hẳn không còn gì hơn được.

Đức Thế Tôn nói:

–Đấy chưa phải là hiếu trọn vẹn! Nếu cha mẹ ương bướng, tối tăm, không biết kính thờ Tam bảo, lại hung dữ, ưa giết hại, trộm cắp càn bậy không đúng lý, nặng theo dâm dục, lời nói hư dối trái đạo, rượu chè say

sưa... thì người con phải dốc sức khuyên can, giúp cho cha mẹ tỉnh ngộ. Nếu còn mù mờ, chưa chịu tỉnh ngộ, tức phải vì nghĩa mà khuyến hóa: Nêu dẫn các chốn lao ngục của vua chúa, kẻ tù phải chịu bao thứ hình phạt, đều là hạng phạm pháp vô đạo. Mạng chung thì thần thức bị đọa vào địa ngục: Nước sôi, lửa dữ, muôn thứ độc hại, riêng mình phải chịu, không ai cứu được. Giả như cha mẹ vẫn chưa chuyển đổi, thì người con phải gào khóc kêu la, tuyệt đường ăn uống. Cha mẹ tuy không sáng suốt, nhưng do thương con, sợ con phải chết, nên có thể gắng nhẫn chịu, chế ngự tâm ý quay về nẻo chánh. Nếu cha mẹ đã chuyển ý, tin kính Phật, pháp thì khuyên phụng trì năm giới: Có lòng nhân, thương người, vật nên không sát sinh. Trong sạch, khiêm cung, nên không trộm cắp. Trinh, khiết nên không dâm dật. Giữ lấy điều tín nghĩa nên không nói lời dối trá. Hiếu, thuận nên không rượu chè say sưa. Như thế thì trong tông môn, cha lành, con hiếu, chồng chánh vợ trinh, hàng họ thuận hòa, kẻ dưới luôn tuân phục, ân ích lan xa, muôn loài cùng nhờ. Chư Phật trong mười phương, tám bộ chúng, vua hành chánh đạo, quan trung thành, muôn dân vạn họ, không ai là không khen ngợi yêu kính... Cha mẹ như vậy là ở đời luôn được an lạc, mạng chung thì sinh lên cõi trời, cùng gặp chư Phật, nghe pháp, tu tập để giải thoát, dứt hẳn mọi khổ.

Đức Phật bảo các vị Sa-môn:

–Những điều mắt thấy ở thế gian chưa phải là hiếu. Chỉ có thực hành như thế mới là hiếu. Tức có thể khiến cho cha mẹ bỏ ác, theo thiện, quy kính Tam bảo, giữ năm giới. Nếu không dùng Tam bảo để khuyến hóa cha mẹ, thì người con tuy có hiếu dưỡng đủ đường cũng vẫn xem là bất hiếu...

Do đấy, các Sa-môn luôn sống nơi cảnh giới tĩnh lặng, tâm chí thanh khiết, lấy đạo pháp làm lẽ sống, vâng phụng giữ giới luật. Làm vua thì phải lo giữ gìn đất nước, che chở muôn dân, làm quan thì trung thành, luôn lấy nhân từ để dưỡng nuôi dân. Tức cha thì nêu pháp sáng, con thì hiếu, lành, chồng tín, vợ trinh. Hàng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hành trì như vậy thì đời đời gặp Phật, thấy pháp, đạt đạo.

Phật nêu giảng như thế, các đệ tử đều hoan hỷ, phụng hành.

-oOo-

SỐ 688

KINH VỊ TẰNG HỮU

Hán dịch: Đời Hậu Hán, mất tên người dịch.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan vào lúc sáng sớm đắp y mang bát vào thành Vương xá chánh niệm khất thực, thấy có một chỗ mới làm nhà lớn lầu gác cao đẹp, các cửa chạm trổ khéo léo, tường vách ngay thẳng, bóng loáng, không có bụi bặm nóng lạnh ôn hòa. Thấy như vậy, Tôn giả A-nan suy nghĩ: "Nếu có thiện nam, thiện nữ nào làm nhà to lớn, tráng lệ như thế này cúng dường cho Tăng chúng bốn phương. Hoặc sau khi Đức Như Lai diệt độ, lại có thiện nam, thiện nữ đem xá-lợi nhỏ như hạt cải xây tháp lớn như quả Am-ma-lặc, hình tháp nhọn như mũi kim, ở trên làm lọng che lại như lá táo. Hoặc làm tượng Phật thậm chí nhỏ như hạt lúa đại mạch thì hai công đức này cái nào là nhiều?"

Lúc này, Tôn giả A-nan khất thực xong trở về chỗ mình, thọ trai, thu xếp y bát, rửa chân rồi đi đến gặp Phật, nhất tâm cung kính đầu mặt đảnh lễ, ngồi qua một bên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sáng sớm nay con đắp y mang bát, vào thành Vương xá khất thực, thấy có chỗ mới làm ngôi nhà lớn, lầu gác cao đẹp, các cửa chạm trổ khéo léo tường vách ngay thẳng, ngăn che kỹ không có gió bụi, nóng lạnh ôn hòa, liền nghĩ: "Nếu có Thiện nam, thiện nữ nào có thể làm nhà đẹp đẽ đầy đủ tiện nghi như thế cúng dường cho bốn phương Tăng. Hoặc sau khi Phật nhập Niết-bàn, có thiện nam, thiện nữ nào, đem xá-lợi Phật nhỏ như hạt cải, xây tháp lớn như quả Am-ma-lặc hình tháp nhọn như mũi kim, ở trên làm lọng che lại như lá táo. Hoặc làm tượng Phật, thậm chí nhỏ như hạt lúa đại mạch thì công đức ấy cái nào là nhiều.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo trong A-nan:

–Lành thay! Lành thay! Này Tôn giả A-nan! Ông đã vì nhiều người, vì muốn tạo an lạc cho chúng sinh, vì thương xót thế gian, vì đại chúng vì

lợi ích của hàng trời người, nên đem ý nghĩa đó thưa hỏi Như Lai. Tôn giả A-nan hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Cõi Diêm-phù-đề đất rộng bảy ngàn do-diên, Bắc rộng Nam hẹp, người trong cõi đó mặt giống hình chiếc xe, trên mặt đất như thế đầy cả mía, mè, tre, lau, rừng rậm... đều giống nhau, không sót chỗ nào. Này Tôn giả A-nan! Các thứ cỏ cây đó thảy đều là người, đã chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, nếu có một người trọn đời cúng dường cho các vị ấy đầy đủ y, bát, thức ăn uống giường nằm, thuốc thang, phòng xá, các thứ cần dùng... cho đến sau khi chư vị diệt độ đều xây tháp cho mỗi mỗi vị, xây tháp rồi thì cung kính cúng dường, dùng hương, hoa, kỹ nhạc, cờ phướn, lọng báu hoàn toàn đầy đủ như thế, ý ông thế nào? Công đức như vậy có nhiều chăng?

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Thiện nam, thiện nữ đó đạt được công đức rất lớn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Hãy gác việc nói về cõi Diêm-phù-đề lại. Có cõi Cù-da-ni rộng tám ngàn do-diên, mặt người nơi cõi ấy giống như nửa mặt trăng, tất cả họ cũng tạo công đức lớn như thế.

Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Gác việc nói về cõi Cù-da-ni lại. Có cõi Phất vu đãi rộng chín ngàn do-diên, mặt người tròn trịa, toàn bộ người trong cõi đó cũng tạo công đức lớn như thế.

Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Gác việc nói về cõi Phất vu đãi qua một bên. Lại có Uất-đơn-việt rộng một muôn do-diên, mặt người ở đấy rất vuông vức, toàn bộ người trong cõi đó cũng làm công đức lớn như thế.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Cung điện của Thích Đề-hoàn Nhân rộng lớn trang nghiêm, chạm trổ khắc họa tinh vi đẹp đẽ lạ thường; có tám vạn bốn ngàn trụ báu, có tấm lưới bằng vàng ròng xen lẫn lưu ly xanh giăng phủ ở trên, nền đất bằng cát vàng hết sức khác lạ, lan can được làm bằng chiên-đàn.

Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Cung điện rộng lớn trang nghiêm của trời Đế Thích ấy lại có tám vạn bốn ngàn cửa sổ báu, cũng có tấm lưới bằng vàng ròng xen lần lưu ly giăng phủ ở trên, nền đất bằng cát vàng rất khác lạ, lan can làm bằng chiên-đàn.

Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Cung điện trang nghiêm rộng lớn của trời Đế Thích ấy lại có tám vạn bốn ngàn cửa sổ báu màu xanh, cũng được chạm trổ tinh vi khéo léo như trên. Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Cung điện

trang nghiêm rộng lớn của trời Đế Thích ấy lại có tám vạn bốn ngàn lầu gác đền đài vây quanh bốn phía cũng được trang hoàng bằng các thứ báu như trên.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, tạo dựng cung điện rộng lớn trang nghiêm như cung điện của trời Đế Thích để cúng dường cho Tăng chúng bốn phương thì ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ đó do nhân duyên ấy đạt được công đức lớn chăng?

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Thiện nam, thiện nữ này đạt được công đức hết sức lớn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–A-nan! Hãy tạm gác lại phần nói về công đức nơi bốn cõi thiên hạ và công đức nơi cung điện trang nghiêm rộng lớn của Thích Đề-hoàn Nhân qua một bên. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào tạo dựng hàng trăm ngàn ức cung điện trang nghiêm rộng lớn như của Thích Đề-hoàn Nhân để cúng dường Tăng chúng bốn phương. Lại có thiện nam, thiện nữ, sau khi Phật nhập diệt, đem xá-lợi Phật nhỏ như hạt cải xây dựng tháp lớn như quả Am-ma-lặc hình tháp nhọn như mũi kim, ở trên làm lọng che lại như lá táo. Hoặc làm hình tượng Phật thậm chí nhỏ như hạt lúa đại mạch, thì công đức sau này so với công đức trước gấp trăm lần không sánh kịp, gấp ngàn lần, muôn lần, trăm ngàn muôn ức lần đều không sánh kịp, không thể lường tính.

Tôn giả A-nan nên biết! Vô lượng công đức của Như Lai, ấy là phần giới, phần định, phần trí tuệ, phần giải thoát và phần giải thoát tri kiến. Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Vô lượng công đức của Như Lai gồm có đầy đủ vô lượng công đức của thần thông biến hóa cùng vô lượng công đức của Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật như thế.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nên xét kỹ để thọ trì kinh này.

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con xin lãnh thọ. Pháp này tên là gì? Trong giáo pháp Như Lai, chúng con phải thọ trì như thế nào?

Phật bảo:

–Pháp đây tên là Vị Tằng Hữu, đó là tất cả phương tiện của diệu pháp

thanh tịnh, ta đem pháp này ân cần phó chúc cho ông, phải thường giảng nói lưu truyền rộng khắp vì hàng Trời, Người, A-tu-la, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... phân biệt thuyết giảng. Phải gieo trồng chủng tử công đức căn lành của Như Lai, tất cả chúng sinh được nghe pháp này thì có thể nhập vào công đức thiện căn của Như Lai, do nhân duyên đó nên xa lìa mọi phiền não, được thành tựu quả vị Phật. Các Tỳ-kheo nghe Phật giảng nói rồi đều vui mừng, kính lễ phụng hành.

-oOo-

SỐ 689

KINH THẬM HY HỮU

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Huyền Trang.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật đang trú ngụ trên núi Thứu phong thuộc thành Vương xá cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người đông đủ và vô lượng Bồ-tát, chư Thiên, loài người... Lúc ấy, Tôn giả A-nan, vào sáng sớm được chia đi khất thực, cho nên cầm bát vào thành Vương xá tuần tự đi khất thực từng nhà, từ xa nhìn thấy có một lầu gác lớn, vừa xây cất xong, trang hoàng xinh đẹp, thật dễ thương. Thấy rồi liền suy nghĩ: "Nếu các thiện nam hay thiện nữ nào, có thể xây cất lầu gác cao rộng như thế và trang hoàng xinh đẹp tráng lệ như thế, đem dâng cúng cho chúng đại đức Tăng bốn phương, hoặc có thiện nam, thiện nữ nào, sau khi Đức Như Lai nhập Niết-bàn, xây dựng bảo tháp, kích cỡ như quả Am-ma-lặc, lấy hạt xá-lợi của Phật bằng hạt cải đặt trong đó, hình đáng trụ cây bằng cây kim lớn, phía trên đỉnh tháp để tướng luân nhỏ như lá táo, hoặc tạo tượng Phật thấp như cây lúa, phước đức phát sinh của hai việc này việc nào nhiều hơn?"

Lúc ấy, Tôn giả A-nan suy nghĩ như vậy rồi, ở nơi thành Vương xá tuần tự đi khất thực xong, lại trở về chỗ cũ, thọ thực xong xếp y bát, rửa chân xong, sau khi ăn xong, thì đi đến chỗ Như Lai, đến nơi liền đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, đứng qua một bên bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vừa rồi vào buổi sáng được phân chia đi khất thực, cho nên con mang y cầm bát vào thành Vương xá thứ tự đi khất thực, từ xa nhìn thấy có một lầu gác lớn, vừa xây cất xong, trang hoàng xinh đẹp. Thấy vậy con liền suy nghĩ: "Nếu thiện nam, hay thiện nữ nào có thể xây cất lầu gác cao rộng như vậy và trang hoàng đẹp đẽ, đem dâng cúng cho chúng đại đức Tăng bốn phương; hoặc có thiện nam, thiện nữ nào, sau khi Đức Như Lai nhập Niết-bàn, xây cất tháp lớn như quả Am-ma-lặc, đem xá-lợi Phật nhỏ như hạt cải đặt vào bên trong; hình dáng trụ cây như cây kim lớn, phía trên để tướng luân nhỏ như lá táo; hoặc tạo tượng Phật nhỏ như cây lúa,

như vậy phước đức của hai việc ấy việc nào nhiều hơn? Vì thế hôm nay con thưa hỏi Thế Tôn, xin Như Lai thương xót giảng nói rõ cho.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng tiếng Phạm vi diệu bảo Tôn giả A-nan:

–Lành thay! Lành thay! Hôm nay ông muốn làm lợi ích an vui cho vô lượng chúng sinh và thương xót hàng trời, người nơi thế gian, làm cho họ được lợi ích an vui lớn, cho nên thưa hỏi Như Lai về ý nghĩa lớn như vậy. Nay ông hãy lắng nghe và tư duy thật kỹ! Ta sẽ phân biệt giải thích cho ông.

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thưa vâng con rất muốn nghe!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Đối với Nam Thiệm-bộ châu ở phương này, diện tích ngang dọc bảy ngàn dặm, Bắc rộng, Nam hẹp, khu đất hình tròn, người ở trong đó cũng vậy, giả sử hợp hết tất cả lại làm thành một khoảng, hoặc cây mía, hoặc cây cỏ lau, hoặc rừng tre, hoặc ruộng lúa nước, hoặc ruộng mè, đầy đặc trong đó, không thiếu chỗ nào. Như vậy giả sử, khắp ở Thiệm-bộ châu, hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc quả Độc giác, ở trong đó đầy đặc không thiếu chỗ nào, cũng như cây mía... nếu có một người đối với Thánh chúng đó trọn đời cung kính phụng sự cúng dường, dâng cúng y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men tốt nhất và các đồ dùng khác và đối với mỗi vị ấy sau khi nhập Niết-bàn, đúng như pháp thiêu thân thu lấy xá-lợi, xây cất tháp lớn cao rộng, trang hoàng dùng hương xoa, hương bột, hương đốt, vòng hoa và các thứ, phướn lọng đẹp đẽ, cờ báu, âm nhạc, đèn đuốc thắp sáng, khen ngợi cúng dường, ý ông thế nào? Phước đức sinh ra do nhân duyên đó có nhiều không?

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ngoài châu Nam Thiệm-bộ phương này ra có châu Tỳ-đề-ha phương Đông, diện tích ngang dọc chín ngàn do-tuần, khu đất hình bán nguyệt, mặt người ở trong đó cũng vậy, giả sử hợp hết tất cả lại thành một khoảng, hoặc cây mía, hoặc cây cỏ lau, hoặc rừng tre, hoặc ruộng lúa nước, hoặc ruộng mè... đầy ắp không có chỗ hở. Như vậy, giả sử khắp cả châu Tỳ-đề-ha ở phương Đông ấy, hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc quả Độc giác, đầy đặc khắp nơi không thiếu chỗ nào cũng như cây mía... nếu có một người đối với Thánh chúng ấy trọn đời cung kính, phụng sự cúng dường, dâng cúng y phục, thức ăn

uống, đồ nằm, thuốc men thượng diệu và các đồ dùng khác, đối với mỗi vị ấy sau khi nhập Niết-bàn, đúng như pháp thiêu thân, thu lấy xá-lợi, xây cất tháp lớn, trang hoàng dùng hương thoa, hương bột, hương đốt, vòng hoa và các thứ, phướn lọng đẹp nhất, cờ báu, âm nhạc, đèn đuốc thắp sáng, khen ngợi cúng dường, ý ông thế nào? Phước đức sinh ra do nhân duyên đó có nhiều không?

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ngoài châu Tỳ-đề-ha ở phương Đông ra, ở phương Tây có châu Cù-đà-ni diện tích ngang dọc chín ngàn do-tuần, khu đất hình như mặt trời, mặt người ở trong đó cũng vậy. Giả sử hợp hết tất cả lại thành một khoảng, hoặc rừng mía, hoặc rừng cây cỏ lau, hoặc rừng tre, hoặc ruộng lúa nước, hoặc ruộng mè... đầy ắp không thiếu chỗ nào. Như vậy, giả sử khắp cả châu Cù-đà-ni ở phương Tây, hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc quả Độc giác, đầy đặc không có chỗ hở, cũng như cây mía... Nếu có một người đối với Thánh chúng đó suốt đời cung kính, phụng sự cúng dường, dâng cúng y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men thượng diệu và các đồ cần dùng khác và đối với mỗi vị ấy, sau khi nhập Niết-bàn, đúng như pháp thiêu thân, thu lấy xá-lợi, xây tháp lớn, trang hoàng, dùng hương thoa, hương bột, hương đốt, vòng hoa và các thứ, phướn lọng đẹp nhất, cờ báu, âm nhạc, đèn đuốc thắp sáng, khen ngợi cúng dường. Ý ông thế nào? Phước đức sinh ra do nhân duyên đó có nhiều không?

A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Ngoài châu Cù-đà-ni ở phương Tây, có châu Đại câu-lô ở phương Bắc, diện tích ngang dọc mười ngàn do-tuần, khu đất hình vuông vắn, mặt người ở trong đó cũng vậy. Nếu dồn hết tất cả lại thành một, hoặc rừng mía, rừng cây lau, hoặc rừng trúc, hoặc ruộng lúa, ruộng mè... đầy ắp trong đó không có chỗ hở. Cũng như vậy, giả sử khắp cả châu Đại câu-lô ở phương Bắc đó, hoặc quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc chư Độc giác cũng đầy đặc trong đó, không có chỗ hở như rừng mía... Nếu có một người đối với Thánh chúng đó, trọn đời cung kính, phụng sự cúng dường, dâng cúng y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men thượng diệu và các vật dụng khác và đối với mỗi vị ấy sau khi Niết-bàn,

đúng như pháp thiêu thân, thâu lấy xá-lợi, dựng tháp cao lớn, trang hoàng, dùng hương thoa, hương bột, hương xông, tràng hoa, cờ lọng đẹp nhất, cờ báu, âm nhạc, đèn đuốc thắp sáng, khen ngợi cúng dường, vậy theo ý ông thì sao? Phước đức phát sinh do nhân duyên này có nhiều chăng?

A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Ngoài châu Đại câu-lô ở phương Bắc này ra, Thiên chủ Đế Thích có đài lầu lớn. Đài này nương vào tám vạn bốn ngàn trụ báu đẹp. Mỗi trụ báu được che phủ bằng đủ loại lưu ly xanh, diệu bảo, dây ngọc cõi trời, dùng sỏi vàng để rải, dùng nước thơm để tưới. Đài này chung quanh có tám vạn bốn ngàn cửa sổ bằng diệu bảo. Mỗi cửa sổ đều có đủ các loại rèm bằng lưu ly xanh, ngọc báu đẹp rủ xuống, trải sỏi vàng, rưới nước hương. Đài này lại có tám vạn bốn ngàn gác canh; mỗi gác canh được che phủ bằng đủ loại lưu ly xanh, dây ngọc diệu pháp cõi trời, rải bằng sỏi vàng rưới bằng nước hương. Giả sử có thiện nam, thiện nữ nào tạo dựng gác lầu cao rộng đẹp đẽ giống như đài tầng báu đẹp của Thiên đế Thích cúng dường cho chúng đại đức Tăng bốn phương, thì theo ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ ấy, phước đức phát sinh do nhân duyên này có nhiều chăng.

A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Thế Tôn bảo A-nan:

–A-nan! Ngoài bốn châu và đài lầu báu của Thiên đế Thích ra, nếu hoặc có thiện nam, thiện nữ có thể tạo trăm ngàn ức gác lầu cao rộng đẹp đẽ đều như đài lầu báu đẹp của Thiên đế Thích, cúng dường chúng đại đức Tăng bốn phương; lại có thiện nam, thiện nữ, sau khi chư Như Lai Niết-bàn, xây dựng tháp, kích thước thấp như quả Am-ma-lặc, đem xá-lợi của Phật nhỏ như hạt cải đặt vào tháp, trụ chống như cây kim lớn, trên trụ đặt tướng luân như lá táo, hoặc tạo tượng Phật thấp như cây lúa, thì đối với phước trước so với phước này, trong trăm phần không bằng một phần, trong ngàn phần, trăm ngàn phần, số phần, nhiều phần, vạn phần, ví dụ phần cho đến Ô-ba-ni-sát-đàm phần, cũng không bằng một phần. Vì sao? Này A-nan! Vì phước trước tuy nhiều nhưng không thể bằng một phần, bởi các Đức Như Lai ở trong ba đại a-tăng-kỳ kiếp, tu tập vô lượng giới, định, tuệ và giải thoát, giải thoát tri kiến đều viên mãn, vì Như Lai đạt được vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả, ở trong mười phương, sáu cõi dùng Thần thông giáo hóa đều đầy đủ, vì Như Lai được vô lượng Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh

tấn, Thiền định, Trí tuệ và các công đức khác đều viên mãn, vì thế nên biết, nếu tạo hình tượng Phật và xây cất tháp lớn, thì phước đức đạt được không thể nghĩ bàn, không thể tỷ dụ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy cung kính thọ trì pháp môn này.

A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con xin cung kính thọ trì. Pháp môn vừa nói đó chưa được nói rõ tên là gì và con sẽ phụng hành như thế nào?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Pháp môn này tên là Thậm Hy Hữu, có thể làm cho chúng sinh gieo trồng tất cả các pháp thanh tịnh viên mãn. Ông hãy lấy danh hiệu này thọ trì. Này A-nan! Ta từ xưa đến nay đã từng giảng nói khắp cho vô số Trời, Rồng, Dạ-xoa, cho đến Nhân phi nhân... tuyên thuyết khai thị pháp môn như vậy. Vì sao? Vì Thế Tôn muốn làm cho các loài chúng sinh đó đối với Như Lai không điên đảo, cung kính gieo trồng các căn lành, đêm dài giữ gìn được lợi ích an vui, mau thành Vô thượng Bồ-đề.

Lúc ấy, Bạc-già-phạm nói kinh này xong, Tôn giả A-nan và chúng đại Tỳ-kheo, vô lượng Bồ-tát, Trời, Người, A-tu-la... nghe Đức Phật giảng nói, hết sức vui mừng, tin nhận phụng hành.

-oOo-

SỐ 690

KINH HY HỮU GIẢO LƯỢNG CÔNG ĐỨC

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Xà-na-luật-đa.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, vườn cây Kỳ-đà Cấp cô độc. Lúc ấy, Trưởng lão Tỳ-kheo A-nan đang ngồi một mình ở chỗ vắng vẻ suy nghĩ rằng: Nếu có những người thiện nam, thiện nữ nào có thể thọ trì ba pháp quy y và nói rằng: Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được bao nhiêu công đức? Khởi niệm như vậy rồi, Trưởng lão A-nan vào lúc mặt trời mới mọc, từ chỗ ngồi của mình đứng dậy sửa sang y phục, nhẹ nhàng đi đến chỗ Đức Phật. Đến chỗ Phật rồi đảnh lễ dưới chân, trịch áo bày vai bên phải, quỳ gối sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con ở chỗ vắng vẻ suy nghĩ như vầy: "Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào có thể nói lời rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được bao nhiêu công đức?" Con thật chưa rõ. Nguyện xin Như Lai phân biệt giảng nói, khiến cho các chúng sinh được tri kiến đúng.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

–Lành thay! Lành thay! Thiện nam! Có trí tuệ chân thật vi diệu hay khéo tư duy, có thể hỏi Như Lai ý nghĩa như vậy. Như ông đã suy nghĩ: Nếu những người thiện nam và thiện nữ kia phát tâm thanh tịnh nói rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì người ấy sẽ được bao nhiêu công đức? Ông hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ! Ta sẽ giảng nói rõ ràng cho ông.

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con rất mong được nghe.

Đức Phật bảo A-nan:

–Cõi Diêm-phù-đề này dài rộng đến bảy ngàn do-tuần, giống như cái hòm xe, phía Nam thì hẹp, phía Bắc thì rộng. Giả sử trong cõi nước ấy đầy khắp các bậc Tu-đà-hoàn, số đông như lúa, mè, tre, lau,… tất cả những bậc chứng quả Tu-đà-hoàn cũng nhiều như vậy. Ở cõi nước ấy có những người

thiện nam, thiện nữ suốt cả trăm năm đem tất cả những sự vui thích của thế gian hết lòng dâng cúng. Lại đem đầy đủ bốn thứ vật dụng cúng dường, cung kính, lễ bái. Cho đến sau khi những vị ấy diệt độ, thâu lấy xá-lợi xây tháp bảy báu để thờ. Mỗi một tháp ấy đều dùng hương hoa, đèn đuốc nhang dầu, ca hát kỹ nhạc, tơ lụa, phướn lọng đủ các thứ để cúng dường. Ý ông nghĩ thế nào? Những người thiện nam, thiện nữ ấy được phước nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Không bằng. Những người thiện nam, thiện nữ đem tâm thanh tịnh mà nói rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được công đức rất lớn mà phước đức của những người trước kia thì không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn vạn, thậm chí dùng toán số, thí dụ cũng không tính kể.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Tạm gác cõi Diêm-phù-đề, giả sử có cõi Tây Ngưu hóa châu dài rộng tám ngàn do-tuần. Cõi ấy hình dạng giống như nửa mặt trăng, trong cõi đó đầy các bậc Tư-đà-hàm số nhiều như lúa mè, tre, lau… Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào suốt cả hai trăm năm, đem mọi thứ vật dụng của thế gian cúng dường như trước. Cho đến sau khi những vị ấy diệt độ, thâu lấy xá-lợi xây bảy tháp báu, mỗi tháp đều dùng hương hoa, đèn đuốc âm nhạc, lụa gấm, cờ, lọng, phướn đủ thứ để cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Những thiện nam, thiện nữ ấy hưởng được phước báu nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo:

–Này A-nan! Chẳng phải vậy. Phước đức của những người ấy không bằng những người đem tâm thanh tịnh phát nguyện rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Những người này sẽ được công đức hơn phước đức của những người trước kia một trăm phần, ngàn phần, ức phần, trăm ngàn ức phần. Cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể tính kể.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Tạm gác cõi Nam Thiệm-bộ châu, một cõi Tây Ngưu hóa châu, giả sử có cõi Đông Thắng thần châu dài rộng chín ngàn do-tuần. Cõi ấy có hình dáng giống như mặt trăng tròn. Trong cõi đó đều là những vị A-na-hàm số

đông như lúa, mè, tre, lau… Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào suốt ba trăm năm, đem đủ bốn thứ vật dụng và các sự vui thích để cúng dường như trước. Cho đến lúc sau khi những vị ấy diệt độ, thâu lượm xá-lợi của họ xây bảy tháp báu, mỗi một tháp báu đều đem hương hoa, âm nhạc, phướn lọng, đủ các thứ để cúng dường. Này A-nan! Ý ông nghĩ sao? Thiện nam, thiện nữ ấy được phước nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Chẳng phải vậy. Nếu người ấy đem tâm thanh tịnh phát nguyện rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được công đức hơn trước gấp cả phần trăm, phần ngàn, ức, trăm ức, phần trăm ngàn ức. Phần cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể sánh bằng.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Này A-nan! Tạm gác cõi Nam Diêm-phù-đề, Tây Ngưu hóa châu, Đông Thắng thần châu. Giả sử ở cõi Bắc Câu-lô châu có chiều rộng dài mười ngàn do-tuần, cõi ấy hình dạng bốn phương ngay thẳng, xung quanh tề chỉnh. Trong đó toàn là những bậc A-la-hán các lậu đã dứt hết không còn phiền não, tâm được tự tại, đầy đủ chánh giải thoát, chánh trí giải thoát. Tâm của những vị ấy đã điều phục, là bậc Long tượng trong loài người, những việc làm đã làm xong, đặt bỏ gánh nặng xuống đạt được tự lợi không còn thọ thân đời sau. Phạm hạnh đã lập, thân tâm không chướng ngại, hiểu rõ tâm của chúng sinh, chứng sáu Thần thông, đầy đủ tám Giải thoát những vị ấy số đông ví như lúa, mè, tre, lau… Nếu có thiện nam, thiện nữ nào suốt cả bốn trăm năm, đem đủ bốn thứ vật dụng cung kính cúng dường, mọi thứ đầy đủ như trước. Cho đến sau khi những vị ấy diệt độ đều thâu lấy xá-lợi xây bảy tháp báu, mỗi một tháp đều dùng hương hoa, ca nhạc, đèn đuốc, lụa là, cờ, phướn, lọng đủ các thứ để cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Thiện nam, thiện nữ kia được phước báu nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Chẳng phải vậy. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đem tâm thanh tịnh mà nói rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được công đức hơn cả phước đức trước gấp cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, phần trăm ngàn ức cũng không bằng cho đến dùng thí dụ của toán số cũng không tính kể được.

Bấy giờ, Đức Phật bảo A-nan:

–Tạm gác lại Nam Diêm-phù-đề, Tây Ngưu hóa châu, Đông Thắng thần châu, Bắc Câu-lô châu, giả sử khắp cả bốn thiên hạ đầy cả Bích-chi-phật, Độc giác, đông ví như lúa, mè, tre, lau… Nếu có người thiện nam, thiện nữ trong mười ngàn năm cung kính cúng dường bốn thứ vật dụng, cung cấp đầy đủ tất cả như trước, cho đến sau khi những vị ấy diệt độ, thâu lấy xá-lợi xây tháp bảy báu, mỗi một tháp đều dùng hoa hương, âm nhạc, đèn đuốc, lọng, cờ, phướn đủ các thứ để cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Những thiện nam, thiện nữ ấy phước đức nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Chẳng phải như vậy. Nếu người thiện nam và thiện nữ này đem tâm thanh tịnh nói lời rằng: Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì sẽ được công đức hơn cả phước đức trước gấp cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, phần trăm ngàn ức cũng không sánh bằng, cho đến dùng toán số mà thí dụ cũng chẳng thể tính kể được.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Tạm gác lại Tứ thiên hạ, có một cõi chiếu sáng của mặt trời, mặt trăng, lại có một ngàn thế giới, một ngàn mặt trăng mặt trời, một ngàn nước bốn biển lớn, một ngàn núi chúa Tu-di, một ngàn cõi Nam Thiệm-bộ châu, Đông Thắng thần châu, Tây Ngưu hóa châu, Bắc Câu-lô châu, một ngàn cõi trời Tứ Thiên vương, một ngàn cõi trời Tam thập tam, Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa tự lạc, Tha hóa tự tại, một ngàn cõi Phạm thiên đều không bị hệ thuộc. Trong mỗi ngàn thế giới đều được tự tại. A-nan! Đây gọi là một tiểu thiên thế giới. A-nan! Từ một tiểu thiên thế giới, mỗi mỗi số lượng đủ cả một ngàn nên gọi là trung thiên thế giới. Này A-nan! Từ trung thiên thế giới, mỗi mỗi số lượng lại đủ cả ngàn, đó gọi là đại thiên thế giới. Này A-nan! Hợp tất cả tổng số như vậy gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Giả sử trong tam thiên đại thiên thế giới ấy đầy cả chư Phật Như Lai đông như lúa mè, tre, lau... Những Đức Phật Thế Tôn của các cõi ấy đã đạt được Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào trong hai vạn năm, thường đem tất cả những thứ vui thích, y phục, thức ăn, giường nệm thuốc men đủ thứ để cúng dường, cho đến sau khi các Đức Phật ấy diệt độ, thâu lấy xá-lợi xây tháp bảy báu, mỗi một tháp báu đều dùng hoa hương, kỹ nhạc, lọng lụa, cờ phướn, nhang dầu, đèn đuốc cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Thiện nam và thiện nữ kia được phước nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu có người thường cúng dường một Đức Phật, Thế Tôn suốt hai vạn năm, cung kính cúng dường đầy đủ bốn thứ vật dụng cho đến sau khi Đức Phật ấy diệt độ, thâu lấy xá-lợi của vị ấy xây tháp bảy báu, đều dùng hương hoa, kỹ nhạc, phan lọng hương đèn, nhang dầu tất cả đều đem đến cúng dường phước ấy rất nhiều vô lượng, vô biên không thể tính kể huống nữa là cúng dường chư Phật Thế Tôn trong khắp tam thiên đại thiên thế giới. Trong hai vạn năm thường đem bốn vật dụng cung cấp cúng dường, cho đến sau khi chư Phật ấy diệt độ, gom lấy xá-lợi xây tháp bảy báu, mỗi một tháp dùng hương hoa, kỹ nhạc phướn lọng và đèn dầu, mỗi thứ đều cúng dường, thì người ấy thật được vô lượng, vô biên phước đức không thể kể hết.

Này A-nan! Như vậy chẳng bằng có người thiện nam, thiện nữ đem tâm thanh tịnh nói rằng: Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng thì người ấy sẽ được công đức thù thắng hơn phước đức trước, gấp cả trăm ngàn vạn lần, không thể đem toán số thí dụ, lời nói mà có thể biết được.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

–Nếu có người quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi, cho đến trong một khoảnh khắc có thể lãnh thọ thập thiện, thọ rồi tu hành, do nhân duyên này nên được vô lượng, vô biên công đức. Này A-nan, nếu có người trong một ngày, một đêm thọ giới bát quan trai, như lời dạy mà tu hành thì công đức đạt được thù thắng hơn phước đức trước gấp cả ngàn vạn lần, trăm ngàn vạn lần cho đến nếu dùng toán số thí dụ cũng không thể tính kể hết được. Này A-nan! Nếu có người thọ trì năm giới đến trọn đời, như lời dạy tu hành sẽ được công đức thù thắng hơn phước đức trước cả trăm, ngàn, vạn, ngàn ức vạn phần chẳng thể dùng toán số thí dụ mà có thể biết được. Này A-nan! Nếu có người hay thọ trì giới Thức-xoa-ma-na lại được công đức thù thắng hơn phước đức trước gấp phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn vạn cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể tính được, huống gì là thọ trì giới Tỳ-kheo. Nương vào Ba-la-đề-mộc-xoa (giới) theo lời dạy mà tu hành. Huống nữa lại có người suốt đời thọ trì đại giới Tỳ-kheo, nương nơi giới Ba-la-đề-mộc-xoa như lời dạy mà tu hành không thiếu khuyết, không phạm, không có ô nhiễm, phạm hạnh thanh tịnh được vô lượng, vô biên công đức thù thắng gấp phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn vạn hơn trước, cho đến dùng toán số để thí dụ cũng không thể bằng được.

Bấy giờ, Trưởng lão A-nan nghe Đức Phật nói về ba pháp quy y này, cho đến người suốt đời phòng hộ gìn giữ đại giới Tỳ-kheo, Ba-la-đề-mộc-xoa và khen ngợi công đức vô lượng chưa từng có. A-nan liền bạch:

–Thật kỳ lạ! Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn! Kinh này vi diệu không thể nghĩ bàn, ý nghĩa rõ ràng thâm sâu, công đức rộng lớn khó có thể so sánh, tính kể, nên gọi tên là gì? Chúng con làm thế nào để phụng trì?

Đức Phật bảo A-nan:

–Kinh này đặt tên là Hy Hữu Kinh, các ông nên phụng trì. Vì sao? Vì trong kinh này nói về pháp hy hữu, diễn bày pháp thù thắng mà tất cả thế gian khó được nghe, cho nên gọi là Hy Hữu.

Đức Phật nói kinh này xong, Trưởng lão A-nan vâng theo lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 691

KINH TỐI VÔ TỶ

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại thành Thất-la-phiệt, rừng Thệ-đa, vườn Cấp cô độc cùng với vô lượng đại chúng Tỳ-kheo, vô lượng Bồ-tát, các hàng trời, người tụ hội đông đủ. Lúc ấy, Tôn giả A-nan ngồi một mình ở chỗ vắng vẻ, suy nghĩ như vầy: "Nếu có thiện nam hoặc thiện nữ nào đem lòng tin thanh tịnh thọ nhận ba pháp quy y và nói rằng: nay con tên là…… quy y Phật, Đấng Lưỡng Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn. Quy y như vậy sẽ được bao nhiêu phước đức?" Suy nghĩ rồi vào lúc mặt trời mọc, từ chỗ ngồi đứng dậy sửa sang y phục, thong thả đi đến chỗ Thế Tôn, đến rồi đảnh lễ dưới chân Phật, trịch áo vai bên phải, quỳ gối sát đất, chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con một mình ở chỗ vắng vẻ suy nghĩ rằng: "Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào đem lòng tin thanh tịnh thọ lãnh ba pháp quy y. Nói lời như vầy: Nay con tên là…… quy y Phật, Đấng Lưỡng Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn. Quy y như vậy sẽ được bao nhiêu phước đức.", con còn chưa biết rõ, xin Đức Thế Tôn thương xót giảng nói cho con, làm cho các chúng sinh được chánh tri kiến.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

–Nay ông nên biết! Cõi Thiệm-bộ châu xung quanh dài rộng đến bảy ngàn do-tuần. Phương Bắc rộng, Nam hẹp hình giống như thùng xe. Mặt người cũng như vậy. Giả sử trong đó hợp lại làm thành một chỗ, hoặc như rừng mía, hoặc như rừng cỏ lau, rừng tre. Hoặc như ruộng lúa, ruộng mè, xung quanh lấp kín dày đặc không có kẽ hở. Giả sử cõi Thiệm-bộ châu này các bậc Tu-đà-hoàn đầy khắp như lau mía ở trên vậy. Có thiện nam hay thiện nữ suốt một trăm năm, đem đến các thứ y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc thang, đủ các thứ tốt đẹp của thế gian cúng dường, cung kính lễ bái.

Đối với mỗi vị Tu-đà-hoàn ấy sau khi nhập Niết-bàn như pháp thiêu thân, gom lấy xá-lợi xây tháp cao lớn trang nghiêm đẹp đẽ, đem các thứ hương thơm, hương bột, vòng hoa tươi đẹp, phướn cờ, lọng báu, âm nhạc, ánh sáng đèn đuốc, tán thán cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Nhờ nhân duyên này mà người ấy được sinh phước nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào đem lòng tin thanh tịnh nói lời như vầy: Nay con tên… quy y Phật, Đấng Lưỡng Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn thì thiện nam hoặc thiện nữ này được phước vô lượng. A-nan nên biết phước đức cúng dường như đã nói ở trước so với phước đức của ba pháp quy y này không bằng một phần ở trong trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần, dùng lượng số tính kể, thí dụ cho đến số nhỏ nhất cũng không tính bằng.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Như ở phương Nam Thiệm-bộ châu có phương Đông Thắng thần châu dài rộng tám ngàn do-tuần giống như nửa mặt trăng, số người cũng như vậy. Giả sử ở trong đó hợp lại thành một đoàn, như rừng mía, rừng cỏ lau, rừng tre, ruộng lúa, ruộng mè,… xung quanh lấp đầy không có chỗ hở. Giả sử khắp cả cõi Đông Thắng thần châu, những vị Tư-đà-hàm nhiều khắp không có khoảng cách như mía, những vị Tư-đà-hàm cũng như vậy. Nếu có thiện nam hay thiện nữ suốt cả hai trăm năm đem đầy đủ các thứ y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang tốt đẹp nhất của thế gian cung kính lễ bái cúng dường. Mỗi một vị Tư-đà-hàm ấy sau khi nhập Niết-bàn như pháp thiêu thân thì những người ấy gom lấy xá-lợi xây tháp cao rộng, trang nghiêm, đẹp đẽ, dùng các thứ hương bột, hương thơm vòng hoa tươi đẹp, phướn cờ lọng báu, âm nhạc, đèn đuốc sáng rực tán thán cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Nhờ nhân duyên này mà người ấy sinh phước nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ đem lòng tin thanh tịnh nói rằng: nay con tên là….. quy y Phật, Đấng Lưỡng Túc Tôn, quy y Pháp, bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn thì thiện nam hay thiện nữ ấy được phước thù thắng. A-nan nên biết, phước đức cúng dường như trước đã nói so với phước đức của ba pháp quy y này không bằng phần một trăm, phần ngàn,

phần trăm ngàn, dùng toán số, thí dụ cho đến số cực vi tế nhất cũng không bằng.

Lúc ấy, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Này A-nan! Tạm gác lại cõi Đông Thắng thần châu có cõi Tây Ngưu hóa châu, chu vi dài rộng chín ngàn do-tuần hình như mặt trời, mặt người ở đó cũng vậy. Giả sử trong đó hợp lại làm thành một như rừng mía, cỏ lau, rừng tre hoặc như ruộng lúa, ruộng mè… đầy chật khắp không có chỗ hở, giả sử bậc A-na-hàm khắp cõi Tây ngưu hóa châu này đầy chật cũng không có khoảng cách như mía, những vị A-na-hàm cũng như vậy. Nếu có thiện nam hay thiện nữ suốt cả ba trăm năm, đem các thứ y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc thang tốt đẹp nhất của thế gian cung kính đảnh lễ cúng dường. Đối với mỗi một vị A-na-hàm này sau khi nhập Niết-bàn như pháp thiêu thân, liền thâu lượm xá-lợi xây tháp cao rộng đẹp đẽ trang nghiêm, đem hương thơm, hương bột, vòng hoa đẹp, phướn cờ, lọng báu, âm nhạc, đèn đuốc sáng ngời, tán thán cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Nhờ nhân duyên này mà vị ấy sinh phước nhiều không?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ đem lòng tin thanh tịnh nói như vầy: Nay con tên là…… quy y Phật, Đấng Lưỡng Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn thì thiện nam hay thiện nữ này sẽ được phước thù thắng. A-nan nên biết! Phước đức cúng dường đã nói ở trước so với phước đức của ba pháp quy y này không bằng trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần, nếu dùng toán số thí dụ cho đến cực số vi tế nhất cũng không sánh bằng.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Lại nữa, tạm gác lại cõi Tây Ngưu hóa châu ở phương Tây còn có Đại câu-lô châu ở phương Bắc, chu vi dài rộng mười ngàn do-tuần, mặt đất hình vuông, mặt người cũng như vậy. Giả sử ở trong đó hợp lại thành đoàn hoặc như rừng mía, cỏ lau, rừng tre, ruộng lúa, ruộng mè… đầy khắp không có kẽ hở. Giả sử các bậc A-la-hán khắp cả cõi Đại câu-lô châu ở phương Bắc này, các lậu đã hết, không còn phiền não, tâm được tự tại, đầy đủ chánh trí giải thoát, tâm được điều thuận, như bậc Đại long tượng, việc làm đã xong, thân tâm không còn chướng ngại, biết tánh chúng sinh, đầy đủ sáu Thần thông, chứng tám Giải thoát, cũng đầy khắp không có khoảng cách như mía, tất cả các bậc A-la-hán cũng như vậy. Nếu có thiện nam hay thiện

nữ nào đủ cả bốn trăm năm, đem các thứ y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc thang, đầy đủ các thứ tốt đẹp nhất của thế gian đảnh lễ cung kính cúng dường. Đối với mỗi một vị A-la-hán sau khi nhập Niết-bàn như pháp thiêu thân liền thâu lấy xá-lợi, xây tháp cao rộng trang nghiêm, đẹp đẽ, đem những thứ hương bột, hương thơm, vòng hoa đẹp đẽ, cờ phướn, lọng báu, âm nhạc, ánh sáng đèn đuốc, tán thán cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên này mà người ấy được sinh phước nhiều chăng?

A-nan liền bạch:

–Thưa Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật lại bảo A-nan:

–Nếu người thiện nam hay thiện nữ ấy đem lòng tin thanh tịnh nói lời rằng: Nay con tên là…. quy y Phật Đấng Lưỡng Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn. Thiện nam hay thiện nữ này được phước đức thù thắng. A-nan nên biết, ba pháp quy y này sẽ được phước đức hơn cả phước đức cúng dường như đã nói ở trước gấp cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, dùng số lượng thí dụ tính kể cho đến cực số vi tế nhất cũng không thể sánh bằng.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Lại nữa, tạm gác lại phương Bắc Đại câu-lô châu gồm bốn đại châu có núi Thiết luân bao bọc xung quanh, được một mặt trời, mặt trăng chiếu sáng. Giả sử trong cõi đó có tất cả các núi, biển lớn, trừ bờ, còn tất cả đều hợp lại làm một, hoặc rừng mía, rừng lau, rừng tre, hoặc ruộng lúa, ruộng mè dày đặc không có chỗ hở. Giả sử khắp trong các cõi ấy các vị Độc giác thành tựu vô số công đức hơn A-la-hán, đầy khắp cũng không có khoảng cách như mía. Tất cả những vị Độc giác cũng như vậy. Nếu thiện nam hay thiện nữ nào suốt mười ngàn năm, đem các thứ y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc thang, đầy đủ các vật tốt đẹp nhất của thế gian cung kính đảnh lễ cúng dường, đối với mỗi một vị Độc giác sau khi nhập Niết-bàn như pháp thiêu thân, đều thâu lấy xá-lợi xây tháp cao rộng đẹp đẽ trang nghiêm, dùng hương bột, hương thơm, vòng hoa phướn cờ lọng báu, âm nhạc, đèn đuốc, ánh sáng, tán thán cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Nhờ nhân duyên này mà người ấy sinh được phước nhiều chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Đấng Thiện Thệ, rất nhiều!

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ bằng lòng tin thanh tịnh nói rằng: Nay con tên là… quy y Phật Đấng Lưỡng Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục

tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn thì người thiện nam hay thiện nữ ấy được phước đức thù thắng. A-nan nên biết! Ba pháp quy y này sinh được phước đức so với phước đức cúng dường như đã nói ở trước thì hơn cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, dùng toán số, thí dụ phần cho đến cực số vi tế phần cũng không sánh bằng một phần.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Lại nữa tạm gác lại một Tứ đại châu, một mặt trời, một mặt trăng chiếu ánh sáng đến, lại có tiểu thiên thế giới, có núi Thiết luân bao bọc xung quanh. Trong núi ấy lại có cả ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn bốn biển lớn, ngàn núi Tô-mê-lư, Đại bảo sơn vương, ngàn bảy núi vàng, núi Luân vi ngàn Nam Thiệm-bộ châu, ngàn Đông Thắng thần châu, ngàn Tây Ngưu hóa châu, ngàn Bắc Câu-lô châu, ngàn cõi trời Tứ đại Thiên vương, ngàn cõi trời Tam thập tam, ngàn cõi trời Dạ-ma, ngàn cõi trời Đế Thích, ngàn cõi trời Hóa lạc, ngàn cõi trời Tha hóa tự tại, ngàn cõi Phạm chúng, một Đại phạm vương ở trong đó tự tại như vậy gọi là một tiểu thiên thế giới. Tiếp theo lại có trung thiên thế giới, có núi Thiết luân bao xung quanh, trong ấy có ngàn tiểu thiên thế giới, như vậy gọi là một trung thiên giới. Lại có đại thiên thế giới có núi Thiết luân bao xung quanh, trong ấy thiên trung thiên giới, đây gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Giả sử trong ấy có tất cả các núi, biển lớn đều hợp lại thành một, hoặc như rừng mía, rừng lau, rừng tre, hoặc như ruộng lúa, ruộng mè, đầy khắp thẳng hàng không có khoảng hở, giả sử trong ấy có các Đức Phật, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhiều khắp cũng không có khoảng cách như mía, tất cả chư Phật Như Lai cũng vậy. Nếu thiện nam hay thiện nữ nào suốt hai vạn năm, đem tất cả những vật tốt đẹp nhất của thế gian như y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang cung kính đảnh lễ cúng dường, mỗi một chư Phật Như Lai ấy sau khi nhập Niết-bàn, như pháp thiêu thân, thâu lấy xá-lợi Phật xây tháp cao đẹp, trang nghiêm, đem các thứ long bột, hương thơm, vòng hoa đẹp đẽ, phướn cờ, lọng báu, âm nhạc, ánh sáng đèn đuốc tán thán cúng dường. Ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên này mà người kia được sinh phước nhiều hay ít?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật bảo A-nan:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ này, đối với mỗi Đức Phật trong suốt hai vạn năm, đem tất cả những thứ tốt đẹp nhất của thế gian, y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang mà cung kính đảnh lễ cúng dường, sau

khi những vị ấy nhập Niết-bàn như pháp thiêu thân thì thâu lấy xá-lợi xây tháp cao rộng, đẹp đẽ, trang nghiêm, đem các thứ hương bột, hương thơm, vòng hoa đẹp đẽ, phướn, cờ, lọng báu, ánh sáng đèn đuốc tán thán cúng dường, phước ấy nhiều vô lượng, vô biên không thể kể hết, huống nữa là đối với chư Phật Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khắp trong tam thiên đại thiên thế giới, trải qua hai ngàn năm cúng dường như trước sẽ được sinh phước đức rất nhiều vô lượng vô biên không thể tính kể.

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ đem lòng tin thanh tịnh nói như vầy: Nay con tên là…… xin quy y Phật, Đấng Lưỡng Túc Tôn, quy y Pháp bậc Ly dục tôn, quy y Tăng chúng Trung tôn thì thiện nam hay thiện nữ ấy sẽ được phước đức thù thắng. A-nan nên biết! Ba pháp quy y này được sinh phước đức so với phước đức cúng dường như đã nói ở trước hơn gấp phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, toán số, thí dụ tính kể cho đến cực số vi tế cũng không sánh bằng.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ nào quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi cho đến trong một khảy móng tay thọ trì thập thiện, nhờ nhân duyên này mà được phước đức thù thắng. A-nan nên biết! Phước đức của người trong một khảy móng tay tu tập thọ thập thiện so với phước đức của người chỉ thọ ba pháp quy y như trước đã nói dù có cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn cho đến cực số vi tế phần cũng không bằng một phần.

Lúc ấy, Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ nào mà quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi, cho đến trong một ngày, một đêm thọ trì tám giới thì sẽ được phước đức rất thù thắng.

A-nan nên biết, phước đức của người trong một ngày, một đêm thọ trì tám giới so với phước đức của người trong một khoảnh khắc thọ thập thiện giới dù có cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn cho đến cực số vi tế phần cũng không sánh bằng một phần.

Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi cho đến suốt đời thọ trì năm giới sẽ được phước thù thắng.

A-nan nên biết! Phước đức của người suốt đời thọ trì năm giới so với phước đức một ngày một đêm giữ gìn tám giới dù có cả trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần cho đến cực vô số vi tế phần cũng không bằng một phần.

Đức Phật lại bảo A-nan:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng rồi lại suốt đời siêng năng thọ trì giới luật sẽ được phước đức thù thắng.

A-nan nên biết! Phước đức này so với phước đức như trước đã nói dù có cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn, cho đến cực số vi tế phần cũng chẳng bằng một phần.

Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ thọ trì Ni chánh học giới sẽ được phước đức thù thắng.

A-nan nên biết, phước đức này so với phước đức trước dù có cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn cho đến cực số vi tế phần cũng không sánh bằng một phần.

Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nếu có người hay suốt đời thọ trì giới Tỳ-kheo-ni thì sẽ được phước đức thù thắng. A-nan nên biết! Phước đức này so với phước đức trước dù có cả phần trăm, phần ngàn, phần trăm ngàn cho đến cực số vi tế phần cũng không bằng một phần.

Thế Tôn bảo A-nan:

–Nếu có người hay hết lòng thọ trì Đại giới Tỳ-kheo sẽ được phước đức rất thù thắng. A-nan nên biết! Công đức này so với công đức như trước đã nói dù có cả trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần… cho đến cực số vi tế phần cũng không bằng một phần.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào hay phát tâm Bồ-đề vô thượng cho đến tận đời vị lai thọ trì ba Tụ tịnh giới của Bồ-tát không thiếu khuyết, không phạm sẽ được phước đức vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn, không thể ví dụ so sánh, tối thắng tối tôn, tối thượng, tối diệu.

Lúc ấy, tôn giả A-nan nghe Đức Phật dạy thọ trì ba pháp quy y cho đến ba Tụ tịnh giới của Bồ-tát sẽ được phước đức vô lượng, vô biên, vui mừng hớn hở chưa từng có liền bạch:

–Thật kì lạ thay! Bạch Thế Tôn! Pháp môn này tối thắng, hy hữu không thể nghĩ bàn, ý nghĩa trong sáng thâm sâu, công đức rộng lớn, thật khó có thể so sánh. Kinh này tên gọi là gì? Con sẽ phụng trì.

Đức Phật bảo A-nan:

–Pháp môn này gọi là Tối Vô Tỷ, so sánh tất cả các thứ công đức chân thật, do vậy nên ông phụng trì. Vì sao? Vì trong kinh này nói về pháp

tối thắng không thể sánh bằng, tất cả thế gian thật khó nghe được.

Lúc Đức Phật nói kinh này rồi, Tôn giả A-nan và đại chúng Tỳ-kheo, vô lượng Bồ-tát, hàng Trời, Người, A-tu-la nghe Phật dạy đều tán thán chưa từng có, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 692

KINH TẠO HÌNH TƯỢNG PHẬT

Hán dịch: Đời Hậu Hán, mất tên người dịch.

Đức Phật đến nước Câu-diệm-duy, có các rừng cây, người chủ tên là Câu-dực. Lúc ấy, vua Ưu-điền mới mười bốn tuổi, nghe tin Đức Phật sắp đến, liền ra lệnh cho tất cả quần thần chuẩn bị xa giá để nghênh đón Đức Phật. Từ xa, trông thấy Đức Phật, vua vui mừng hớn hở, liền xuống xe đi bộ, các quần thần cầm lọng đi hầu hai bên. Nhà vua đi đến trước Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đi quanh ba vòng, quỳ xuống chắp tay tán thán Đức Phật:

–Trên trời dưới trời và nhân dân không ai bằng Phật. Hôm nay thân thể diện mạo của Phật phát ra ánh sáng lớn đến rực rỡ lạ thường, con nhìn Ngài mà không biết chán. Đức Phật là Bậc Thầy khắp cả cõi trời và loài người, Phật Từ Bi thương yêu tất cả chúng sinh.

Đức Phật im lặng không đáp. Vua lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người làm điều thiện sẽ được phước báu sinh vào cõi nào? Sau khi Đức Phật đi rồi con sẽ không còn được nhìn thấy Phật, nên con muốn tạo hình tượng của Phật để cung kính lễ bái cúng dường. Người tạo hình tượng của Đức Phật về sau sẽ được những phước đức gì? Xin Thế Tôn thương xót giảng nói, con rất muốn được nghe.

Đức Phật bảo:

–Này Tiểu vương! Ông hỏi rất hay! Hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ!

Nhà vua đáp:

–Dạ vâng! Bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo:

–Nếu tạo hình tượng Phật thì người ấy sẽ được rất nhiều phước đức. Nay ta sẽ giảng nói cho ông.

Nhà vua đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con xin lãnh thọ ân đức của Phật.

Đức Phật nói:

–Nếu có người trong thế gian tạo hình tượng Phật thì người ấy đời sau sinh ra ở đâu cũng được mắt trong sáng, diện mạo đoan nghiêm, thân thể tay chân đều đẹp, lúc chết sinh vào cõi trời cũng được thanh tịnh xinh đẹp như các vị trời không khác, mặt mày diện mạo tốt đẹp. Người tạo tượng Phật sẽ được phước báo như vậy.

Người tạo tượng Phật sẽ sinh vào cõi không có các điều ác, thân thể được hoàn hảo, sau khi chết được sinh vào cõi thứ bảy của Phạm thiên, phước đức thù thắng, thân đoan nghiêm tốt đẹp, các cõi Trời khác chẳng thể sánh bằng, được chư Thiên cung kính. Người tạo hình tượng Phật qua đời sau sẽ được sinh vào nhà giàu sang, người ấy khác hẳn với những người thế gian, không bị sinh vào những nhà nghèo cùng. Người tạo tượng Phật sẽ được phước đức như vậy.

Người tạo tượng Phật đời sau thân thể thường có màu sắc vàng tía sáng rực đẹp đẽ không ai sánh bằng, được sinh vào nhà giàu có, tiền tài của báu nhiều vô số, thường được cha mẹ anh em, họ hàng gần gũi yêu thương. Người tạo tượng Phật đời sau sẽ được sinh vào cõi Diêm-phù-đề đất đai tươi tốt, thường được sinh vào cung điện của Đế vương, hoặc sinh trong nhà vương hầu, những gia đình lương thiện. Người làm tượng Phật sẽ được phước báo như vậy.

Người tạo tượng Phật, đời sau sẽ làm bậc Đế vương của các nước lớn mạnh nhất, thường được các vua của các nước khác quy phục. Người tạo tượng Phật sẽ được phước báo như vậy. Người tạo tượng Phật sẽ được làm vua Chuyển luân bay lên trời sau lại bay xuống tự tại, không có chỗ nào không đến được. Người tạo tượng Phật sẽ được phước báo như vậy.

Người tạo tượng Phật đời sau sinh vào cõi thứ bảy của Phạm thiên, tuổi thọ được một kiếp, trí tuệ không ai bằng. Người tạo tượng Phật, sau khi chết không bị sinh vào đường ác, được sinh làm người, luôn giữ tâm mong cầu Phật đạo, người làm tượng Phật thì sẽ được phước báo như vậy.

Người tạo tượng Phật đời sau thường cung kính Phật, tôn trọng kinh điển, thường đem các thứ gấm vóc tốt đẹp, hương hoa đèn đuốc và các thứ quý báu của thế gian dâng cúng xá-lợi của Phật, người ấy vô số kiếp về sau sẽ được chứng đắc đạo quả Niết-bàn. Người có tâm đem vật quý báu dâng lên Đức Phật chẳng phải là hàng phàm phu mà do đời trước đã hành Phật đạo tạo hình tượng Phật thì được phước đức như vậy. Người tạo tượng Phật, đời sau được phước báo không thể kể hết được. Nước sông biển trong bốn thiên hạ còn có thể lường, phước đức của người tạo hình tượng Phật còn hơn thế nữa, không thể tính lường.

Người tạo hình tượng Phật đời sau sinh ra luôn được mọi người cung kính ủng hộ, ví như trời mưa, người có nhà chắc chắn thì không lo sợ.

Người tạo tượng Phật, đời sau chết không bị sinh vào ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được sinh lên cõi trời, tuổi thọ ở cõi trời hết lại sinh xuống nhân gian làm con trong nhà giàu có, của cải quý báu nhiều không thể tính kể, sau đó được gặp Phật chứng đạo quả Niết-bàn.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Người làm điều thiện tạo hình tượng Phật được phước đức như thế không bị hao tổn. Lúc ấy, vua Ưu-điền vui mừng đến trước Đức Phật đầu mặt lạy dưới chân cùng các quần thần đảnh lễ Phật và thoái lui. Những người ấy sau khi chết đều được sinh về cõi nước của Đức Phật A-di-đà.

-oOo-

SỐ 693

KINH PHẬT THUYẾT TẠO LẬP HÌNH TƯỢNG PHƯỚC BÁO

Hán dịch: Mất tên người dịch, biên chép vào sách đời Đông Tấn.

Đức Phật đến nước Câu-la-cù, nơi các vườn cây của vị chủ tên là Câu-dực. Khi ấy, nhà vua tên là Ưu-điền mới mười bốn tuổi nghe Đức Phật sắp đến, liền ban sắc lệnh sai các vị quan đại thần chuẩn bị xa giá trang nghiêm để đón tiếp Đức Phật. Từ xa trông thấy Đức Thế Tôn, vua hết sức vui mừng, dừng xe xuống đi bộ, dẹp bỏ các vị quan hầu cận và người cầm lộng, đến phía trước cúi đầu sát đất làm lễ rồi đi tiếp ba lần như vậy. Đức Phật bảo đến đây, nhà vua đi đến phía trước cúi đầu làm lễ nơi chân Phật, rồi đi quanh ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch:

–Trên trời, dưới đất, chư Thiên, loài người không ai sánh bằng Phật. Hôm nay mặt mày thân thể Đức Phật, ánh sáng rực rỡ tốt đẹp đến như vậy, nhìn Đức Phật, con không nhàm chán, Đức Phật là Bậc Đại Sư trên trời, dưới đất, chư Thiên và loài người, Phật đã Từ Bi thương xót cứu giúp rất nhiều.

Đức Phật im lặng không đáp.

Nhà vua lại bạch:

–Người tạo phước lành thì sẽ đạt được gì? Sau khi Phật tịch diệt con sợ không còn gặp Thế Tôn. Hôm nay, con muốn làm hình tượng Phật, phụng sự cúng dường thì được phước báu gì? Nguyện xin Phật thương xót giảng nói cho con, con muốn nghe biết.

Đức Phật liền bảo:

–Nhà vua còn nhỏ mà đã hỏi về điều thiện lớn như vậy. Hãy lắng nghe! Ta sẽ giảng nói rõ ràng!

Nhà vua liền cúi đầu thọ nhận lời chỉ dạy.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Nếu có làm hình tượng Phật sẽ đạt được nhiều phước đức. Hôm nay, Như Lai sẽ giảng nói tất cả cho nhà vua.

Nhà vua thưa:

–Xin nhận lời dạy của Phật.

Đức Phật nói:

–Người nào trong thế gian có thể tạo được hình tượng Phật thì sau đó đời đời được sinh ra nơi nào, cặp mắt sáng suốt, mặt mày sinh đẹp, thân thể tay chân mềm mại tốt đẹp, sinh vào cõi trời cũng được xinh đẹp sạch sẽ vượt hơn chư Thiên, mắt và mặt mày rất đẹp không ai sánh bằng. Đã tạo được hình tượng Phật thì có phước báo như vậy. Đã tạo hình tượng Phật sinh ở nơi nào cũng đều không gặp các điều ác, thân thể đầy đủ, sau khi chết được sinh lên cõi Phạm thiên bảy lần. Lại ở trong cõi chư Thiên, có thân hình đoan trang tuyệt đẹp không ai sánh bằng, được chư Thiên cung kính, nhờ làm hình tượng Phật phước báo như vậy. Làm hình tượng Phật đời sau luôn sinh vào nhà giàu có tôn quý, thế lực, được sức lực khác hẳn với đời, sinh ở chỗ nào cũng không rơi vào nhà nghèo khổ, làm hình tượng Phật được phước báo như vậy. Tạo hình tượng Phật, đời sau sinh ra có thân hình tuấn tú như vàng ròng, màu sắc đẹp đẽ không ai sánh bằng, luôn được mọi người cung kính ưa mến. Làm hình tượng Phật thì được phước báo như vậy. Làm hình tượng Phật đời sau sinh ra ở chỗ nào, luôn sinh ở trong nhà giàu có tài sản châu báu không thể kể xiết, luôn được cha mẹ, anh em dòng họ quý mến, tạo hình tượng Phật được phước báo như vậy. Tạo hình tượng Phật nếu đời sau sinh vào cõi Diêm-phù-đề, luôn được sinh vào trong nhà đế vương công hầu hiền thiện. Làm hình tượng Phật được phước báo như vậy. Làm hình tượng Phật đời sau được làm vua, đặc biệt tôn quý hơn các vị vua nước khác, sẽ làm nơi kính ngưỡng cho các vị vua khác. Làm hình tượng Phật được phước báo như vậy. Làm hình tượng Phật sẽ được làm vua Chuyển luân, các vị vua trong bốn thiên hạ đều phụ thuộc theo. Làm hình tượng Phật được phước báo như vậy. Làm hình tượng Phật đời sau sẽ được làm Chuyển luân vương bay lên cõi trời rồi tự do hạ xuống, hành hóa khắp các nơi, làm hình tượng Phật được như vậy. Làm hình tượng Phật thì đời sau sẽ sinh vào cõi Phạm thiên bảy lần, tuổi thọ một kiếp trừ trí tuệ vô thượng của Thế Tôn thì không ai có thể sánh bằng. Tạo hình tượng Phật được phước đức như vậy. Ở trong cõi Phạm thiên tuổi thọ hết thì sẽ trở lại nhân gian, sinh vào nhà có đạo pháp hiếu thuận. Tạo hình tượng Phật được phước đức như vậy. Tạo hình tượng Phật đời sau sinh vào chỗ nào cũng được cha mẹ cưng chiều, sau khi qua đời được sinh lên cõi trời, tạo hình tượng Phật được phước đức như vậy. Tạo hình tượng Phật sau khi chết không đọa vào ba đường ác, sẽ giữ gìn tâm ý thường muốn mong cầu gặp

Đức Phật. Tạo hình tượng Phật đời sau sinh ra chỗ nào đều tôn kính kinh điển, tâm luôn giữ gìn, đem các hoa thơm, lụa đẹp, đèn sáng, trân báu quý giá trong các thiên hạ mà dâng cúng Phật, vô số kiếp sau sẽ gặp được Phật vào đạo Niết-bàn. Người có phát tâm đem trân báu đẹp, vật rất ưa thích cúng dường Phật chẳng phải như phàm nhân khác, đều do đều trước làm hình tượng Phật, tu tập đạo Bồ-tát. Tạo hình tượng Phật được công đức như vậy. Tạo hình tượng Phật được phước đức vô lượng không cùng tận, không kể xiết, như nước sông, biển trong bốn thiên hạ còn có thể đo lường được, làm hình tượng Phật được phước đức rất nhiều, nhiều hơn mười lần nước sông biển trong bốn thiên hạ, đời sau sinh ra nơi nào cũng thường mong cầu Phật đạo. Làm hình tượng Phật ví như trời mưa, người ở trong nhà an ổn không lo lắng về ướt át, người làm hình tượng Phật sau khi chết không đi vào trong các con đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Những chúng sinh nào nhìn thấy hình tượng Phật sinh tâm cung kính, chắp tay hướng về tháp xá-lợi của Phật khi chết liền sinh lên cõi trời, ở cõi trời tuổi thọ hết thì sinh vào trong chốn nhân gian, ở nhà giàu có thế lực, thọ nhận phước báo không thể kể hết như vậy, sẽ được con đường Niết-bàn của Phật.

Đức Phật bảo vua Ưu-điền:

–Người làm điều thiện, tạo hình tượng Phật được phước báo công đức như vậy, chắc chắn không khổ đau.

Lúc ấy, vua Ưu-điền nói kệ tán thán Đức Phật:

Phật là đại Thánh nhân
Thuyết pháp cho chúng sinh
Vườn Câu thâm Cù sư
Ưu-điền chắp tay hỏi.
Nghe tiếng Phạm chân thật
Không động, thành trăm phước
Người tạo hình tượng Phật
Đạt được phước báo gì?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ đáp lại:

Vua lắng nghe ta nói
Phước rộng lớn như đất
Phước đức không ai bằng
Tạo hình tượng của Phật
Thường sinh nhà giàu có
Ngọc quý báu vô cùng
Quyến thuộc luôn tôn kính

Phước báo làm tượng Phật
Đời đời thân không bệnh
Thường đạt được Thiên nhãn
Mắt xanh không gì sánh
Làm hình tượng Đức Phật
Cha mẹ thấy vui mừng
Oai đức đoan nghiêm lớn
Ưa thích không nhàn chán
Phước báo làm tượng Phật
Ánh sáng thân màu vàng
Giống như hình sư tử
Chúng sinh thấy hoan hỷ
Phước báo làm tượng Phật
Diêm-phù-đề, họ lớn
Sát-lợi, Bà-la-môn
Phước sinh trong loài người
Phước báo làm tượng Phật
Không sinh nơi biên địa
Không mù, không xấu xí
Sáu căn luôn đầy đủ
Phước báo làm tượng Phật
Lâm chung biết đời trước
Thấy Phật ở trước mắt
Lúc chết không biết khổ
Phước báo tạo tượng Phật
Làm vua lớn danh tiếng
Xe vàng Chuyển luân vương
Làm chủ bốn thiên hạ
Phước báo làm tượng Phật
Làm Thích Đề-hoàn Nhân
Thần túc, cõi thứ hai
Cõi Tam thập tam thiên
Phước báo làm tượng Phật
Vượt ra khỏi cõi Dục
Chúng Phạm thiên cung kính
Phước báo làm tượng Phật
Thọ phước báo như vậy
Nếu có thể khắc vẽ

Trời đất còn làm được
Phước này không thể lường
Cho nên cúng dường Phật
Hoa thơm, hương, dầu xoa
Cúng dường bậc Đại sĩ
Được lậu tận vô vi.

Đức Phật nói kinh này xong, nhà vua rất vui mừng, liền đến trước cúi đầu làm lễ nơi chân Đức Phật, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và năm trăm vị quan hậu cận đều vui mừng đảnh lễ Đức Phật. Sau đó đều được vãng sinh về cõi nước Đức Phật A-di-đà làm Đại Bồ-tát đệ nhất tối thắng.

Vua Ưu-điền nghe Đức Phật nói, hết sức vui mừng, thọ nhận tin hiểu, liền chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.

-oOo-

SỐ 694

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TẠO TƯỢNG CÔNG ĐỨC

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Đề-cù-trí.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật đang ở nơi cõi Tam thập tam thiên, dưới cây Ba-lợi chất-đa-la cùng với vô lượng chúng đại Tỳ-kheo và vô lượng chúng Đại Bồ-tát hội đủ. Đại Bồ-tát Di-lặc làm thượng thủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trên cõi trời ấy ba tháng an cư thuyết pháp cho mẹ, làm nhiều lợi ích cho chư Thiên, làm cho vô lượng chư Thiên giải thoát xa lìa đau khổ vô lượng chư Thiên đều mong cầu pháp lợi ích được phước báo lớn. Lúc ấy, trong chúng có một Thiên tử, tuổi thọ sắp hết năm tướng si hiện ra, nhờ nghe được thần lực của giáo pháp, sau khi mạng chung sinh trở lại cõi trời này, vĩnh viễn xa lìa không rơi vào đường ác.

Bấy giờ, trong cõi Diêm-phù-đề không có Đức Như Lai, ví như đêm tối tăm không có mặt trăng, như nước không có vua, như nhà không có chủ, tất cả các thứ ưa thích đều ngừng lại. Lúc ấy, chúng sinh bơ vơ không nơi nương tựa, đều nghĩ đến Đức Như Lai, ôm lòng luyến mộ, sinh sầu lo lớn, như mất cha mẹ, như bị tên bắn vào tim, cùng đến chỗ Đức Thế Tôn từng ở, khu vườn, tinh xá đều vắng bóng Đức Phật, trong lòng họ dường như càng tăng thêm sự thương tiếc Như Lai.

Bấy giờ, vua Ưu-đà-diên ở trong cung điện luôn có lòng thương nhớ khát ngưỡng đối với Phật. Đối với phu nhân, thể nữ, những thứ ưa thích, nhà vua đều không để tâm. Vua lại suy nghĩ như vầy: "Hôm nay, ta lo buồn, không bao lâu nữa sẽ chết. Làm thế nào khi ta chưa bỏ mạng mạng sống cõi nhân gian mà gặp được Đức Phật. Lại suy nghĩ: Ví như có người tâm đã ưa thích mà không được thấy nếu được thấy chỗ ở và người giống như vậy thì có thể hết sầu não. Lại suy nghĩ: Hôm nay, ta đến chỗ Đức Phật ở

trước đây mà không gặp Đức Phật, nên buồn rầu thảm thiết muốn chết. Ta xem ở thế gian này không có người nào có trí tuệ, công đức, sắc tướng bằng Như Lai. Làm thế nào khiến cho ta gặp được vị ấy để dứt trừ sầu não?"

Nghĩ vậy rồi vua liền tư duy: "Hôm nay, ta phải tạo hình tượng Phật để lễ bái cúng dường. Lại sinh ra ý niệm này: "Nếu ta tạo hình tượng mà không giống Đức Phật thì sợ sẽ làm cho ta bị vô lượng tội. Lại suy nghĩ: Giả sử trong thế gian, những người có trí tuệ đều tuyên dương công đức của Như Lai thì vẫn không thể cùng tận. Nếu có người tùy theo khả năng khen ngợi sự uy nghi đẹp đẽ của Phật thì cũng được phước đức vô lượng. Hôm nay, ta cũng vậy, nên thuận theo việc làm ấy."

Lúc đó, liền ban sắc lệnh cho tụ tập những người thợ giỏi trong nước đến. Khi thợ đã đến rồi, vua liền nói:

–Ai có thể làm hình tượng Phật cho ta? Ta sẽ đem châu báu quý giá mà ban thưởng.

Những người thợ giỏi tâu với nhà vua:

–Hôm nay nhà vua đã ra lệnh làm một việc rất khó, tướng tốt của Đức Như Lai thế gian không sánh bằng. Hôm nay, thần làm sao có thể tạo hình tượng Phật. Giả sử trời Tỳ-thủ-yết-ma mà có thể làm được thì cũng không thể giống Đức Như Lai. Hạ thần nếu vâng lệnh tạo hình tượng Phật, thì chỉ có thể làm viên ngọc trên bói tóc giống như tướng bạch hào được một ít, còn các tướng tốt, ánh sáng, oai đức thì ai có thể làm được ư? Đức Thế Tôn sẽ từ trên cõi trời đi xuống. Sự tạo hình tượng nếu có thiếu sót sai lầm thì danh tiếng của chúng thần đều sẽ mất hết. Họ tính toán như vậy nên không dám làm.

Lúc ấy, nhà vua lại bảo:

–Ta đã hạ quyết tâm rồi, chớ có từ chối. Như người khát nước muốn uống nước sông, đâu có thể vì sự uống không hết mà không uống chăng?

Lúc ấy, mọi người nghe nhà vua nói, đều quỳ trước mặt tâu:

–Bệ hạ! Chúng thần sẽ tuân theo sắc lệnh đã ban hành nhưng xin nhà vua chấp nhận cho chúng thần đêm nay suy nghĩ kỹ rồi mới làm.

Họ lại tâu với vua:

–Hôm nay, nhà vua tạo hình tượng Phật nên dùng loại gỗ chiên-đàn tịnh khiết, thể chất của nó đẹp gọn chắc chắn nhưng hình tượng ấy ngồi hay đứng, cao thấp như thế nào?

Nhà vua đem lời này hỏi các quan thần. Có một vị quan trí tuệ đến trước vua thưa:

–Tâu đại vương! Nên làm tượng của Như Lai ngồi. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều chứng đắc đại Bồ-đề, chuyển bánh xe chánh pháp, thị hiện thần thông lớn, thu phục ngoại đạo, làm Phật sự lớn thảy đều là hình ngồi. Cho nên phải làm tượng Phật ngồi kiết già trên tòa sư tử.

Bấy giờ, trời Tỳ-thủ-yết-ma từ xa trông thấy việc ấy, biết rõ ý nhà vua muốn tạo hình tượng Phật. Ngay trong đêm ấy, vị trời ấy suy nghĩ: "Ta biết làm việc ấy bằng kỹ xảo nhất, trong thế gian không ai bằng ta. Nếu ta làm thì cũng được giống Phật phần nào."

Vị ấy biến hình làm người thợ mộc. Đem các vật dụng sáng sớm đi đến bên cửa của nhà vua, vị ấy nhờ người giữ cửa tâu lại với nhà vua:

–Hôm nay, tôi muốn tạo hình tượng Phật cho nhà vua, công nghệ kỹ xảo của tôi trong đời không ai bằng. Muôn tâu đại vương, chớ có sai người khác.

Nhà vua nghe nói như vậy rất vui mừng truyền lệnh cho vào xem mặt thì biết người này là thợ mộc giỏi. Vua suy nghĩ: "Trong thế gian làm gì có người này, hay là vị trời Tỳ-thủ-yết-ma hoặc là đệ tử của vị trời ấy đến đây chăng?"

Lúc ấy, nhà vua liền cởi chuỗi ngọc đang đeo trên thân ra, tự tay đeo vào cổ vị kia và hứa cho vô số, vô lượng các vật châu báu. Nhà vua cùng với vị quan chủ kho, ở trong kho cùng chọn lựa cây thơm, tự mình gánh vác, khiêng đỡ với vị thợ trời. Lại nói rằng:

–Lành thay! Nhân giả nên dùng cây này làm hình tượng Phật cho tôi, làm hình tượng cho giống Đức Như Lai.

Khi ấy, vị thợ Trời tâu với nhà vua:

–Công nghệ điêu luyện của tôi tuy nói là đệ nhất nhưng tạo hình tượng Phật thì hoàn toàn không thể trọn vẹn. Ví như có người dùng cục than vẽ mặt trời nói là giống, điều này không thật có. Giả như dùng vàng ròng để làm hình tượng Phật cũng như vậy. Có ngoại đạo Phạm chí tạo tất cả thế gian nhưng cũng không thể tạo hình tượng Phật với hết các tướng tốt. Nhưng công nghệ điêu luyện của tôi là hơn hết trong đời. Cho nên hôm nay tôi làm cho nhà vua. Sáng ngày mai, tức là ngày mồng tám tháng giêng, khi sao Phất-sa hợp với Tỳ-bà-ha-đề xuất hiện lúc Đức Phật Đản sinh thì có ứng hiện. Ngày này tốt lành rất thích hợp để làm tượng.

Nói lời này rồi, vị ấy liền cầm cái búa đẵn cây, tiếng vang thấu đến cõi Tam thập tam thiên, đến chỗ Đức Phật. Nhờ thần lực của Phật tiếng vang đến chỗ nào mà chúng sinh nghe được thì tội cấu phiền não đều tiêu trừ. Bấy giờ, Đức Như Lai liền mỉm cười, khen ngợi vô số công đức của vị

vua ấy, thậm chí từ xa thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, chủ cõi Tam thập tam thiên bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay ở nhân gian có còn người nào mà ở kiếp trước đã từng làm tượng Phật không?

Đức Phật bảo:

–Này Thiên chủ! Những người trong các cõi mà đã từng làm hình tượng Phật, thì trong quá khứ đã giải thoát, trong cõi trời không có huống chi là nơi khác. Chỉ có cửa phía Bắc có con Tỳ-sa-môn là Na-lý-sa-bà, thuở xưa đã từng tạo hình tượng Bồ-tát, nhờ phước đức này cho nên đời sau được làm vua, tên là Tần-bà-sa-la. Lại nhờ được gặp ta, hôm nay được sinh lên cõi trời có thế lực lớn, vĩnh viễn xa lìa đường ác. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Nan-đề Ca-diếp. Thuở xưa đã từng tu sửa giảng đường của Phật, nhờ nhân duyên này hoàn toàn được giải thoát. Kiều-phạm Bà-đề kiếp trước làm thân trâu tìm cỏ nước, quay quanh bên phải tinh xá ăn các thứ cỏ tre, nhờ thấy tôn dung của Đức Thế Tôn nên phát tâm hoan hỷ, nương vào phước ấy cho nên hôm nay được giải thoát. Thi-tỳ-la đã từng cầm lộng báu cúng dường tượng Phật. A-dật-lâu-đà chỉ thắp một cây đèn để cúng dường Phật. Thâu-tỳ-na đã từng quét dọn giảng đường của Phật. A-bà-ma-na ở trước tượng Phật thắp đèn bố thí sự sáng sủa. Tỳ-kheo Nan-đà ưa thích, tôn trọng dung nghi của Phật, dùng hương thơm tắm rửa. Có vô lượng các bậc A-la-hán như vậy, đều đã từng ở trước tượng Phật đem vật mọn cúng dường. Cho đến hàng thấp nhất như Na-ca-bà-la, ngồi trước tượng Phật dùng một ít màu vàng, màu đỏ vẽ một hình tượng Phật để cúng dường. Nhờ phước đức này mà các vị ấy xa lìa sự đau khổ, được giải thoát. Này Thiên chủ! Nếu có người có thể đối với giáo pháp của ta khi chưa diệt hết, nên tạo hình tượng Phật thì ở trong hội đầu tiên của Phật Di-lặc được giải thoát. Nếu có chúng sinh chẳng phải vì mình mà cầu giải thoát cho đến muốn đạt được Vô thượng Bồ-đề mà tạo hình tượng Phật thì nên biết đây là nhân của ba mươi hai tướng, có thể làm cho người ấy mau được thành Phật.

Bấy giờ, vua Ưu-đà-diên tự suy nghĩ: "Làm thế nào khiến cho việc ta tạo hình tượng Phật mau được thành tựu?" Suy nghĩ rồi, vua nói với người thợ mộc ấy:

–Ngươi có thể cố gắng thêm nữa, mau hoàn tất, để ta sớm được chiêm ngưỡng, lễ bái, cung kính.

Khi ấy, vị trời thợ mộc vận dụng công nghệ điêu luyện, chăm chú siêng năng ngay ngày ấy hoàn thành. Tượng ấy ngồi kiết già, chiều cao bảy

thước, mặt và tay chân đều là màu hoàng kim.

Lúc ấy, vua Ưu-đà-diên thấy tượng đã thành tựu, tướng tốt trang nghiêm nên sinh lòng tin thanh tịnh đạt được nhẫn nhu thuận, đã được nhẫn này rồi càng thêm sự lợi ích vui mừng. Những nghiệp chướng và các phiền não đều được tiêu trừ. Ví như mặt trời vừa xuất hiện, thì sương mù đều tan mất, chỉ trừ một nghiệp mà thân đang chịu, vì đã từng đối với Thánh nhân phát ra lời nói ác.

Bấy giờ, nhà vua liền đem các vật châu báu ban thưởng cho vị thợ mộc trời ấy. Khi đó, vị thợ mộc trời liền cung kính, tâu với vua:

–Tâu bệ hạ, hôm nay, nhà vua tạo hình tượng Phật tâm tôi rất tùy hỷ, nguyện cùng với đại vương đồng tu tập phước này. Hôm nay, những vật mà nhà vua đã ban cho, tôi không dám thọ nhận, nếu cần đem cho thì đợi qua ngày tốt khác. Nói lời này rồi, liền trong đêm ấy bay trở lại cõi trời.

Bấy giờ, các nước lớn như vua A-xà-thế… trước đây đều có lòng ngưỡng mộ Đức Phật, nghe vua Ưu-đà-diên tạo hình tượng Phật, công đức đã thành tựu đều phát tâm vui mừng cùng đến chỗ vua, đem vô lượng hoa thơm cúng dường tượng Phật. Lại dùng vô số các vật châu báu dâng tặng cho nhà vua. Họ đều cảm tạ nói:

–Đại vương đã làm hình tượng Phật thật là điều hiếm có, có thể nhổ được mũi tên độc hại ưu sầu cho tôi.

Lúc đó, Đức Như Lai đang ở trong cõi trời ấy thuyết pháp cho mẹ và làm cho chúng chư Thiên đều được lợi ích, an vui. Những việc làm này đều đã làm xong. Phật bảo các chúng trời:

–Này Thiên tử! Chư Phật Thế Tôn là thân thường trụ, đối với các chúng sinh có thể độ được thì liền xuất hiện giáo hóa giảng nói giáo pháp, nếu việc đã làm xong, lại không còn ai có thể thọ nhận giáo pháp thì Như Lai không xuất hiện nữa. Người không trí tuệ cho rằng Đức Phật quả thật đã diệt độ. Pháp thân của Như Lai là thân thường trụ, thân chân thật không có diệt độ. Này các Thiên tử! Tất cả các pháp của chư Phật đều như vậy. Vì giáo hóa chúng sinh nên có hiện hoặc không hiện.

Bấy giờ, Đức Như Lai lại nói:

–Các ông nên biết, các vị chư Thiên đáng được hóa độ thì đều đã được độ rồi. Hôm nay, Như Lai sẽ trở lại cõi Diêm-phù-đề. Các ông chư Thiên nếu có nhớ ta thì phải siêng năng tinh tấn chớ có buông lung. Vì sao? Vì tội buông lung sẽ làm cho các ông không đạt được quả Vô thượng Bồ-đề. Nhưng các ông nhờ đời trước đã gieo trồng căn lành, hôm nay được ở đây thọ nhận sự vui sướng của cõi trời, lại tham đắm buông lung, không tu

làm phước, thì các sự sung sướng này không thể thuận theo mãi, một khi đã bị tổn giảm thì đọa vào trong đường ác luân hồi. Lại nữa, chư Thiên các ông phiền não rất nặng, thấy có ai hơn mình lại sinh ganh ghét, chưa từng nghĩ rằng sự an vui thù thắng của vị trời ấy là nhờ cảm được rất nhiều phước nghiệp, nếu ta siêng năng tu tập, chắc chắn cũng được như vậy. Lại nữa, hôm nay các ông có ánh sáng của sắc thân như mặt trời mới mọc, nếu ôm tâm ganh ghét thì bị tối tăm giống như than cháy. Lại nữa, nó sẽ làm cho đọa vào địa ngục hắc ám, cho đến không thể thấy được lòng bàn tay của mình. Sau đó, các ông sẽ làm con quỷ ăn đồ nhơ uế. Lại nữa, chư Thiên các ông thọ các phước báo, thân tướng trang nghiêm thanh tịnh, oai lực dũng mãnh, do vì ganh ghét nên bị làm thân người nữa, vĩnh viễn bỏ mất cái năng lực mạnh mẽ của trượng phu. Này các Thiên tử! Ta nhớ lúc xưa có vô lượng các vị vua, đều bị tâm ganh ghét các ngươi, đã gây hại vô lý. Này các Thiên tử! Thuở xưa, có vị vua của loài A-tu-la tên là Ổ-la, tu hành khổ hạnh, giữ giới thanh tịnh, mà chư Thiên các ông, sai một Thiên nữ tên là Ổ-bà-thi làm mê hoặc tâm vị vua ấy, làm cho giảm bớt hạnh thanh tịnh. Vị vua ấy đã say đắm ô nhiễm, cho nên oai đức bị tổn giảm nên bị trời Na-la-diên sát hại và vô lượng chúng A-tu-la đồng thời bại diệt. Trời Na-la-diên ấy đã giết hại vị vua này. Sau khi giết chúng rồi, vị trời ấy liền thâu nhận Thiên nữ Ổ-bà-thi đem về cung trời. Lại có một vị vua tên là Na-ha-thọ, nghe lời chư Thiên các ông nói lời điên cuồng nên giúp cho các chư Thiên đi đánh dẹp A-tu-la. Sau khi đánh dẹp A-tu-la rồi, chư Thiên các ông lại giết hại vị vua ấy. Lại nữa, chư Thiên các ông vì phu nhân Xá-chi cho nên sinh giận dữ, ganh ghét, dèm pha, chê bai, làm cho Tiên nhân A-già-bà vô cớ bị chê bai nên khởi lên ý nguyện xấu ác. Lại nữa, chư Thiên các ông đã từng làm việc cuồng hoặc bảo vua Ê-trà rằng: "Chỗ của Tiên nhân có nhiều vàng."

Nhà vua tin lời đó, ép buộc đưa ra, do đó Tiên nhân sinh tâm giận dữ, tức thì lửa cháy mạnh thiêu đốt giết vị vua ấy. Thuở xưa, lại có một vị vua tên là Đề-bà từng thiết lập đại hội để cúng dường. Nhờ phước nghiệp đó nên được oai đức tự tại, ở cõi trời hưởng thọ sự vui sướng cõi trời. Chư Thiên các ông có tâm ganh ghét, làm cho từ trên cõi trời Đao-lợi các ông thoái lui xuống cõi Diêm-phù-đề, thế lực đã có đều bị tan mất, như mặt trăng không có ánh sáng, như dòng sông không có nước. Này các Thiên tử! Ở đời, có người được oai đức tự tại hoặc đạt được các thiền định, hoặc đạt được thần thông, hoặc đã thành tựu bốn Thần túc… Nếu tâm họ khởi lên một niệm ganh ghét thì công đức này tức thời bị mất, giống như Đề-bà-đạt-đa ngu si sâu dày, mới đối với ta sinh tâm ganh ghét, tức thời bị mất năm

thứ thần thông.

Bấy giờ, Thiên đế Thích bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con còn nghi ngờ, có điều muốn thưa hỏi. Làm thế nào gọi là ganh ghét.

Lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh thấy người khác hơn mình thì sinh tâm suy nghĩ: Làm thế nào khiến cho ta đạt được điều như của người ấy? Tâm như vậy gọi là ganh ghét chăng?

Phật bảo:

–Không phải. Đây gọi là tâm tham, không phải tâm ganh ghét.

Này Thiên chủ! Ganh ghét là do mình cầu danh lợi, không muốn người khác có. Đối với người đã có lại sinh tâm oán hận thì gọi là ganh ghét.

Lúc ấy, chúng chư Tiên từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, quỳ gối chắp tay hướng về Đức Phật đảnh lễ, thưa:

–Thưa Thế Tôn! Đức Phật đã chỉ dạy, chư Thiên chúng con đều phụng hành. Như Lai, Thế Tôn là bậc cha, là vị chủ, là bậc tôn trọng, là bậc tối thắng, có tâm Từ bi đối với chúng con nên mới đến nơi này. Hôm nay, chư Thiên chúng con đều đạt được lợi ích nhưng sở nguyện của chúng con vẫn chưa viên mãn. Có một việc muốn thưa thỉnh Đức Như Lai.

–Bạch Thế Tôn! Người ở thế gian đối với chư Thiên chúng con có nhiều khinh mạn. Vì sao? Vì chư Phật, Như Lai sinh trong loài người, lại thành Chánh giác trong loài người, ở trong loài người có nhiều vị chứng đắc các quả vị A-la-hán. Các vị có oai đức lớn như Bích-chi-phật, lại xuất hiện trong nhân gian. Hôm nay, Như Lai nếu không ở lại nơi đây mà trở về cõi Diêm-phù-đề, người ở nhân gian cho là chư Thiên chúng con không biết Như Lai có oai đức lớn đáng được chư Thiên cúng dường như pháp. Họ lại cho chư Thiên chúng con không thể cúng dường chư Phật Thế Tôn. Nguyện xin Như Lai ở lại thời gian ngắn thọ nhận sự cúng dường nhỏ mọn của chúng con, làm cho nhân gian biết sự cúng dường chư Thiên chúng con đối với Đức Phật.

Lúc đó Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Bấy giờ, Đức Phật bảo tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Ông có thể trở về cõi Diêm-phù-đề trước, thăm hỏi bốn chúng, nói như vầy: Tất cả chúng sinh chớ nghĩ đến ta đều nên tập hợp ở nước Tăng-ca-thi, sau bảy ngày sẽ gặp ta.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đảnh lễ nơi chân Phật, đảnh lễ nơi chân Phật rồi, trong khoảnh khắc đến cõi Diêm-phù-đề, đem lời Đức Phật dặn bảo cho bốn chúng. Lúc ấy, vua Ưu-đà-diên và tất cả chúng sinh nghe Đức Phật nói lời này, thân tâm hết sức vui mừng, đều hết trừ các sầu não, được thanh tịnh.

Bấy giờ, bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều cùng nhau đi đến nước Tăng-ca-thi. Trước hết họ đều vâng tập trong thành Vương xá, bàn với nhau:

–Như Lai Thế Tôn trở về cõi Diêm-phù-đề, ai có thể được phép cung kính lễ bái trước? Đến đời vị lai giáo pháp diệt tận thường làm vị thượng thủ. Bấy giờ, Đại Ca-chiên-diên nghe lời nói này rồi, tâm không vui, sợ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni làm bậc Thượng thủ. Vì sao? Vì trong chúng ấy có hai vị Tỳ-kheo-ni là Ưu-ba-nan-đà và Liên Hoa Sắc có thể thông đạt hoàn hảo tạng pháp của chư Phật. Vì cả hai đã đạt được thần thông, chỉ trừ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ra không ai sánh bằng. Nghĩ như vậy rồi, họ dùng nhiều lời chê trách chúng Tỳ-kheo-ni.

Lúc đó, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc bảo với chư ni rằng:

–Chư vị chúng ta đối với thế tục thường được tôn trọng, dù là người thuộc dòng họ thấp kém nhưng vẫn được người đàn ông cung kính, tôn trọng, phục vụ, cúng dường. Các Tỳ-kheo-ni ở trong giáo pháp của chư Phật thì phần nhiều cha mẹ, quyến thuộc đều thuộc dòng họ vua chúa, siêng năng giữ giới, không phạm oai nghi, đầy đủ các công đức nhưng vẫn lễ kính Tỳ-kheo mới thọ giới, mà nay lại bị Tôn giả Ca-chiên-diên dùng nhiều lời trách mắng. Vì các ngươi, ta bày các phương tiện, làm cho các Tỳ-kheo-ni vượt hơn ấy, nói lời này rồi, cùng bốn chúng liền đi đến thành Tăng-ca-thi.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, vua A-xà-thế và vua Nghiêm Xí… nước Tỳ-xá-ly đều dẫn bốn binh lính đi theo trước sau, dùng xe voi, xe ngựa có sức lực mạnh mẽ. Dùng vô số vật báu trang nghiêm, phướn, lọng, hoa thơm và các âm nhạc, oai nghi, dung mạo trang nghiêm giống như chư Thiên, đều cũng đến thành Tăng-ca-thi.

Bấy giờ, vua Ưu-đà-diên chuẩn bị bốn binh lính đi theo hầu, xe voi trắng lớn trang hoàng bằng châu báu tự mình cỡi voi trắng lớn trang sức vật báu và đội tượng Phật vừa làm ra với hoa, phướn, âm nhạc đem theo cúng dường từ nước của mình hướng về thành Tăng-ca-thi.

Bấy giờ, trời Tỳ-thủ-yết-ma và chúng chư Thiên biết Đức Phật sắp trở về cõi Diêm-phù-đề nên làm ba con đường báu nối từ thành Tăng-ca-

thi cho đến cõi trời Đao-lợi. Con đường ở giữa được làm bằng ngọc lưu ly. Đường hai bên đều làm bằng vàng ròng, dưới bước chân đi thì trải bằng bạc trắng, bảy báu của chư Thiên thì trang trí ở khoảng giữa.

Bấy giờ, Đế Thích sai sứ giả đi đến các trời Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa lạc, Tha hóa tự tại và đến cõi Phạm thế báo rằng:

–Như Lai chẳng bao lâu nữa sẽ trở về cõi Diêm-phù-đề, ai muốn cúng dường thì đem đến đây. Đế Thích lại sai sứ giả đến chỗ Tứ đại Thiên vương và những vị như vua rồng trong biển lớn, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Dạ-xoa… nói rằng:

–Hôm nay Đức Thế Tôn sắp trở lại cõi Diêm-phù-đề. Ai có thể đem các vật của mình đến đây cúng dường. Lúc ấy, chư Thiên sắp sửa trở về, tất cả chư Thiên trước sau vây quanh oai đức mạnh mẽ, ánh sáng rực rỡ, giống như trăng tròn giữa bầu trời có các vì sao bao quanh, giống như ánh sáng mặt trời mới mọc phát ra rực rỡ. Khi ấy, chúng hội của Phật cũng như vậy.

Bấy giờ, trong cõi Diêm-phù-đề, nhờ oai thần của Đức Phật, có năm việc hy hữu:

1. Làm cho chư Thiên không thấy đồ vật bất tịnh trong nhân gian.

2. Làm cho các người nữ thấy Thiên nam thì không có dục tưởng.

3. Cũng làm cho người nam thấy các Thiên nữ cũng không sinh tâm đắm nhiễm.

4. Làm cho nhân gian từ xa nhìn thấy các loại cúng dường của chư Thiên.

5. Thân của chư Thiên có ánh sáng trong suốt vi diệu mà người thường không nhìn thấy được nhưng nhờ thần lực của Đức Phật hiển bày rõ ràng đều có thể thấy được.

Khi Đức Thế Tôn từ cõi trời bắt đầu bước xuống bậc thềm báu thì Phạm vương ở bên tay phải cầm lọng trắng, Đế Thích bên tay trái cầm phất trần trắng, các chư Thiên khác đều nương vào hư không đi theo Đức Phật xuống. Cùng một lúc họ tấu lên vô số âm nhạc. Mỗi một người tự cầm cờ, phướn, lọng báu, rải hoa cúng dường, còn các vị trời ở cõi Tịnh cư đứng đầy hư không, có vô lượng trăm ngàn chư Thiên, thể nữ cầm chuỗi ngọc báu, tán thán công đức của Phật. Lại có chư Thiên ở giữa hư không mưa xuống vô số hương và vô số hoa, các rồng phun nước ra nước mưa nhỏ thơm. Lúc ấy, ở giữa hư không trong suốt sáng rực không có mây, vang lên tiếng sấm vi diệu người nghe đều ưa thích, thần Càn-thát-bà, thần Khẩn-na-la tấu lên những khúc nhạc vi diệu của Đề-bà-na-ca, ca ngợi sự ra đời

của Đức Như Lai. Lúc ấy, trong cõi Diêm-phù-đề, vua và thần dân cùng bốn chúng… vây quanh khắp thành Tăng-ca-thi, hoặc rải hoa thơm, hoặc cầm phướn lọng, thổi ốc tù và, vô số âm nhạc hướng về hư không để cúng dường chắp tay chiêm ngưỡng Đức Phật. Các loài hoa cõi trời, cõi người chen nhau rơi xuống, ngập đến đầu gối. Các chúng ngoại đạo thấy việc này đều phát tâm quy y đảnh lễ cung kính.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bước đi trên thềm báu dần dần đi xuống được nửa đường, có bốn chúng Thiên vương bày đồ cúng dường, lần cúng dường này rất thù thắng, từ trước đến nay chưa từng có.

Khi ấy, Đức Như Lai thọ nhận sự cúng dường của Thiên vương xong, cùng với đại chúng từ trên thềm báu bước xuống. Khi đến nơi bậc cuối sắp bước xuống mặt đất thì Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc liền biến thân hình mình làm Chuyển luân thánh vương thống lãnh bốn binh chủng, cầm bảy báu dẫn đường đi trước, từ hư không hạ xuống, nhanh chóng đến chỗ Đức Phật. Các quốc vương đều sinh ý nghĩ vị Chuyển luân vương này từ chỗ nào đến đây? Khi ấy, Tôn giả Tu Bồ-đề đang ở trong phòng của mình, thấy Đức Thế Tôn đi xuống, liền sửa y phục chỉnh tề, từ xa cúi mình đảnh lễ cung kính. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc bỏ thân Chuyển luân vương trở lại thân hình như cũ, vội vàng đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn. Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng vô số lời trách mắng, nói rằng:

–Hôm nay ngươi có biết không? Tu-bồ-đề đã đảnh lễ ta trước. Ngươi nghe lời ai chỉ dạy mà biến thành Chuyển luân vương dù ngươi xuất gia thọ giới Cụ túc, phần ấy đối với ngươi đã nhiều rồi nhưng trí tuệ thấp kém của ngươi thì giả dối vô biên, lòng Từ bi báo ân như một giọt sương móc, làm sao có thể ở trong giáo pháp của ta mà làm bậc Thượng thủ.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc nghe Đức Phật dạy sinh tâm hổ thẹn, thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Hôm nay, con biết lỗi của mình không phải là ít. Từ nay trở về sau con không dám tái phạm biến hiện thần thông.

Bấy giờ, trong cõi Diêm-phù-đề có quốc vương, đại thần và bốn chúng đều đã đem vô số đồ vật đến cúng dường lên Đức Thế Tôn. Lúc ấy trên đỉnh đầu vua Ưu-đà-diên đội một tượng Phật và các vật châu báu quý giá đến chỗ Đức Như Lai để cúng dường. Thân hình Phật tướng hảo đầy đủ trang nghiêm, sáng rực rỡ, ở giữa chư Thiên ví như mặt trăng tròn xa lìa các áng mây. Tượng Phật tạo đối với Đức Phật giống như đống cát lớn so với núi Tu-di không thể dụ được, nhưng có bối tóc xoắn ốc và viên ngọc ở giữa đôi chặng mày có hơi giống Đức Phật nên làm cho bốn chúng biết là

tượng Phật.

Bấy giờ, vua Ưu-đà-diên bạch:

–Bạch Thế Tôn! Quá khứ của Như Lai đã ở trong sinh tử, vì mong cầu đạo Bồ-đề cho nên tu hành vô lượng, vô biên khổ hạnh khó làm, đạt được thân vi diệu tối thượng này không ai sánh bằng. Con đã tạo hình tượng không giống Đức Phật, tự mình suy nghĩ là tội lỗi rất nặng.

Đức Thế Tôn bảo nhà vua:

–Chẳng phải là tội lỗi. Hôm nay, ngươi đã tạo hình tượng được vô lượng công đức, không ai sánh bằng ngươi, hôm nay ngươi đối với ta là người đầu tiên làm phép tắc trong Phật pháp. Do nhân duyên này cho nên làm vô lượng chúng sinh được lợi ích lớn, hôm nay ngươi đã đạt được vô lượng phước đức căn lành rộng lớn.

Lúc ấy, trời Đế Thích lại bảo nhà vua:

–Hôm nay, nhà vua đối với việc này chớ có lo sợ. Đức Như Lai, trước đây khi ở cõi trời, nay ở nhân gian này, đều khen ngợi công đức tạo hình tượng của nhà vua, các chư Thiên cũng đều hoan hỷ. Trong đời vị lai có người nào tin hiểu, nhờ nhà vua nên tạo hình tượng Phật thì nên đạt được phước báo. Hôm nay, nhà vua hết sức vui mừng.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA TẠO TƯỢNG CÔNG ĐỨC

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Đề-vân Bát-nhã.

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử nơi đạo tràng thuộc thành Tăng-ca-thi. Lúc ấy tâm của bốn chúng đều suy nghĩ: Chúng con nguyện Đức Như Lai diễn thuyết về công đức tạo hình tượng. Nếu có chúng sinh tạo hình tượng Phật, dù cho không giống thì được bao nhiêu phước?

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc biết được tâm niệm ấy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa áo bày vai bên phải, quỳ gối chắp tay bạch:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay vua Ưu-đà-diên làm hình tượng Phật, nếu Phật ở đời hoặc đã Niết-bàn, người có lòng tin có thể tạo theo tượng như vậy thì đạt được công đức. Nguyện xin Thế Tôn giảng nói rõ ràng về tướng ấy.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Hãy lắng nghe, lắng nghe! Ghi nhớ kỹ, ta sẽ giảng nói cho ông! Nếu thiện nam, thiện nữ nào có lòng tin thanh tịnh, đối với công đức của Phật chuyên cần buộc niệm, luôn quan sát công đức tự tại của Như Lai, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ đại Bi, trí của Nhất thiết trí, đủ ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp, mỗi mỗi lỗ chân lông đều có vô lượng màu ánh sáng sai khác, có trăm ngàn ức thứ công đức thành tựu trang nghiêm thù thắng, có vô lượng trí tuệ thông đạt sáng suốt, có vô lượng Tam-muội, vô lượng Pháp nhẫn, vô lượng Đà-la-ni, vô lượng Thần thông, có tất cả công đức như vậy đều không thể lường hết, xa lìa lỗi lầm không ai sánh bằng. Người này suy nghĩ kỹ như thế phát sinh lòng tin sâu xa, nương vào các tướng tốt để làm tượng Phật, công đức rộng lớn vô lượng, vô biên không thể kể xiết.

Này Bồ-tát Di-lặc! Nếu có người đem các màu sắc trang sức vẽ trên tấm lụa, hoặc đúc bằng các loại vàng, bạc, đồng, sắc, chì, thiết, hoặc còn điêu khắc gỗ thơm chiên-đàn, hoặc bằng ngọc trân châu thêu dệt vào lụa

trắng đủ năm màu, hoặc bằng đất đỏ, tro trắng, hoặc bùn hoặc gỗ, các vật như thế tùy theo năng lực của mình để làm tượng Phật, thậm chí nhỏ như một ngón tay cái, có thể làm cho người khác thấy biết là tôn dung Phật, thì phước báo của người ấy, ta sẽ giảng nói.

Này Bồ-tát Di-lặc! Người như vậy trong sinh tử tuy còn luân hồi, nhưng hoàn toàn không sinh vào nhà nghèo khổ thiếu thốn, không sinh vào nhà cõi biên địa thấp kém, gia đình cô quạnh, lại cũng không sinh vào những nhà làm nghề hung ác, buôn bán đắc giá, làm nghề mổ heo, cho đến không sinh vào nhà bần tiện làm nghề hèn hạ, giòng họ không trong sạch, ngoại đạo tà kiến khổ hạnh, ngoại trừ do năng lực phát nguyện ra đều không sinh vào nơi ấy. Người này luôn sinh ra nơi nhà Chuyển luân thánh vương, hoặc dòng họ có thế lực lớn, hoặc sinh vào nhà của Bà-la-môn tu hạnh thanh tịnh, hoặc nhà giàu có tự tại không có lỗi lầm, đã sinh vào những nơi ấy luôn gặp Đức Phật phụng sự cúng dường, hoặc được làm vua, có thể giữ gìn chánh pháp, đem chánh pháp giáo hóa cho người, không thực hành trái với đạo, hoặc cho Chuyển luân thánh vương, thành tựu bảy báu đầy đủ ngàn đứa con, như con chim đại bàng đi khắp bốn thiên hạ, đời sống tự do ưa thích vui cho đến khi qua đời; hoặc làm Đế Thích, vua Dạ-ma thiên, vua Đâu-suất thiên, vua Hóa lạc thiên, vua Tha hóa tự tại thiên, đều thọ nhận sự vui sướng của trời, người, phước báo như vậy nối nhau không gián đoạn, sinh ở nơi nào luôn làm bậc Trượng phu không thọ nhận thân người nữ, cũng không thọ thân Huỳnh môn nửa nam nửa nữ ty tiện, thọ nhận không có các điều xấu ác, mắt không mù lòa, chột, tai không điếc, mũi không cong quẹo, miệng không méo lệch, môi không trề ra, cũng không ngắn gãy, sần sùi, răng không thiếu gãy, không đen, không vàng, lưỡi không ngắn hẹp, trán không bướu nhọt, thân không gù lưng, nước da không xanh xao, tay không ngắn cụt, chân không đi cà thọt, không gầy ốm cũng không quá mập, không dài lắm, cũng không ngắn lắm, tất cả những tướng không đáng ưa này đều không thể có. Thân vị ấy đoan trang, mặt mày tròn trịa, tóc màu xanh biếc, mềm mại óng ánh, môi đỏ như trái Tần-bà, mắt như hoa sen xanh, tướng lưỡi dài rộng, răng trắng bằng khít, lời nói im dịu làm cho mọi người nghe đều ưa thích, cánh tay thon dài, bàn tay bằng phẳng, đùi chân tròn đầy, ngực rộng lớn, tay chân mềm mại như lụa Đâu-la, các tướng đầy đủ không chỗ nào khuyết giảm, như trời Na-la-diên có nhiều sức mạnh.

Này Bồ-tát Di-lặc! Ví như có người bị rơi vào hố nhà xí rồi được thoát ra sau đó dùng nước sạch tẩy rửa phân hôi thối, đem hương thơm xoa thân, mặc quần áo sạch sẽ. Người này sánh với người đang còn ở trong hầm xí vẫn chưa ra được thì sạch, nhơ, thơm, thối cách nhau như thế nào? Nhưng

việc này cách xa không bao nhiêu. Nếu người nào ở trong sinh tử, có thể phát tâm tin hiểu tạo hình tượng Phật, so với lúc chưa tạo tượng thì cách xa nhau, cũng như vậy; nên biết người này sinh bất cứ ở nơi nào đều thanh tịnh trừ hết các nghiệp chướng, đối với tất cả các kỹ thuật không có thầy dạy mà vẫn tự biết rõ, dù sinh vào cõi người cũng đạt được sáu căn của cõi trời, nếu sinh vào cõi trời thì vượt hơn chúng trời, đã sinh vào nơi nào cũng không có bệnh tật, khổ đau, không có ghẻ lở, bệnh hủi, không có ung thư, không bị ma quỷ dựa nhập, không có điên cuồng, khô gầy, các bệnh dịch tả, sốt rét, táo bón, mụt nhọt mọc cả thân, thổ tả, kiết lị, ăn uống quá điều độ bị thương hàn, bại liệt nửa thân, cử đông đau đớn, có bốn trăm lẻ bốn thứ bênh lác như vậy, đều không có, cũng không bị thuốc độc, binh lính, hổ, sói, sư tử, nước lửa, giặc cướp, các duyên như vậy gây hại, thường đạt được an ổn, không phạm các tội.

Này Bồ-tát Di-lặc! Nếu có chúng sinh đời trước đã tạo nghiệp ác, cho nên phải thọ nhận vô số các việc khổ não, do đó nên bị gông cùm xiềng xích trói buộc, đánh đập, mắng chửi, thiêu, nướng, lột da, nhổ tóc, treo ngược lên cao, thậm chí hoặc bị phân ra từng khúc, nếu phát tâm tin hiểu tạo hình tượng của Phật, đều không phải bị như vậy, nếu giặc cướp phá hoại xâm lấn thành ấp, các tinh biến hóa những điều quỷ quái, đói khát, bệnh tật, ung dịch thì người ấy không sinh vào những chỗ như vậy. Nếu nói người sinh vào đó thì đây là không thật.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai luôn giảng nói về thiện nghiệp và bất thiện đều không bị hoại mất. Nếu chúng sinh nào tạo các tội nặng thì sẽ sinh vào nhà dòng họ thấp hèn, nghèo cùng khốn khổ, bệnh tật hành hạ, mạng sống ngắn ngủi. Sau khi phát tâm tin hiểu tạo hình tượng Phật những tội báo này sẽ còn phải thọ lấy hay không?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Ông hãy lắng nghe! Ghi nhớ ta sẽ giảng nói cho ông. Nếu chúng sinh nào tạo các tội ấy rồi, phát tâm tạo hình tượng mong cầu thiết tha, bày tỏ ăn năn cương quyết chấm dứt hết, thề không có tái phạm thì tội đã tạo đều được tiêu diệt. Hôm nay ta vì ông mà giảng nói việc làm này rõ ràng.

Này Bồ-tát Di-lặc! Ví như có người đời trước keo kiệt, do nhân duyên đó mà chịu sự bần cùng khốn khổ, không có các thứ tài sản vật báu đắt giá. Bỗng nhiên, gặp vị Tỳ-kheo đang nhập Diệt tận định, rồi từ định ấy xuất ra, liền đem thức ăn uống cung kính cúng dường vị Tỳ-kheo ấy. Người này

đã cúng dường rồi thì không bao giờ bần cùng khốn khổ nữa, phàm có mong cầu gì cũng đều được như ý của mình. Này Bồ-tát Di-lặc! Nghiệp ác đời trước của người bần cùng ấy đã tạo nhưng hiện tại được quả báo tốt là do đâu?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Do cúng dường thức ăn cho nên nghiệp ác đời trước thảy đều tiêu diệt hết, vĩnh viễn xa lìa sự nghèo khổ, được giàu có đầy đủ.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Như lời ông đã nói, nên biết người này cũng như vậy, do tạo hình tượng cho nên các nghiệp xấu ác ấy đều dứt sạch không còn sót, sự thọ nhận báo ứng thì không còn nhận nữa. Này Bồ-tát Di-lặc! Nghiệp có ba loại:

1. Hiện thọ.

2. Sinh thọ.

3. Hậu thọ.

Ba loại nghiệp này, trong mỗi mỗi nghiệp đều có định và bất định. Nếu người tín tâm tạo hình tượng Phật thì chỉ có chịu định nghiệp của hiện tại một phần ít, ngoài ra đều không còn phải chịu.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai luôn giảng nói có năm loại nghiệp sâu nặng, chắc chắn phải đọa vào địa ngục Vô gián. Đó là tội giết cha, hại mẹ, giết A-la-hán, đem tâm ác nghịch làm thân Phật chảy máu, phá sự hòa hợp của Tăng chúng, nếu có chúng sinh đời trước đã tạo tội này đời sau đối với Đức Phật sinh tâm tin hiểu thanh tịnh, tạo hình tượng Phật, người này bị đọa vào địa ngục hay không đọa?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Hôm nay, ta sẽ giảng nói ví dụ này cho ông. Ví như có người tay cầm cung tên ở giữa rừng cây, bắn lên chiếc lá, mũi tên ấy xuyên suốt, chẳng bị trở ngại. Nếu có chúng sinh phạm tội nghịch này, đời sau tạo hình tượng Phật, thành tâm tỏ bày ăn năn đạt được "Vô căn tín", ngã tưởng mỏng cạn thì tuy đọa vào địa ngục, liền được ra khỏi, như mũi tên không dừng lại, cũng như vậy. Lại nữa, như Tỳ-kheo đạt được Thần túc thông, từ bờ bên này đến bờ bên kia, xoay vòng khắp bốn châu, cũng không bị ngăn ngại, người này cũng vậy. Do tội đời trước đã phạm, tạm thời đọa vào địa ngục, không phải nghiệp đời trước làm chướng ngại hẳn.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thân của chư Phật Như Lai là pháp tánh, chẳng phải là sắc tướng, nếu lấy sắc tướng làm thân Phật thì Tỳ-kheo Nan-đà cùng Chuyển luân thánh vương đều sẽ thành Phật, vì đều đầy đủ các tướng tốt, hoặc có chúng sinh hủy hoại Pháp thân của Phật, chánh pháp nói không phải chánh pháp, không phải chánh pháp nói là chánh pháp, nhưng sau đó phát tâm tin hiểu tạo hình tượng Phật, thì tội nặng này được tiêu diệt hay không tiêu diệt?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Nếu chúng sinh ấy đối với chánh pháp nói chẳng phải là chánh pháp, không phải là chánh pháp nói là chánh pháp, tuy nói bằng miệng mà không phá chánh kiến, sau đó tin thích tạo hình tượng Phật, thì nghiệp ác trước đây chỉ ở nơi thân hiện tại thọ quả báo nhẹ, không đọa vào đường ác nhưng vẫn còn ở trong sinh tử chưa được giải thoát.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh trộm cướp vật trong chùa chiền hoặc trộm cướp vật của chúng Tăng, vật của Tăng bốn phương, hoặc của Tăng hiện tiền, tự mình lấy dùng, đem cho người khác, tưởng như vật của mình.

Bạch Thế Tôn! Đã thường giảng nói người dùng vật của chùa chiền, vật của chúng Tăng thì tội rất nặng, nhưng chúng sinh ấy tạo tội này rồi lại tự mình hết sức ăn năn hối hận, phát khởi tâm tin thanh tịnh mà tạo hình tượng Phật. Những tội như vậy có tiêu diệt không?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Nếu chúng sinh ấy đã từng dùng vật này, sau đó tự mình quán sát rõ ràng có lòng hổ thẹn bày tỏ ăn năn, tùy theo số ấy mà đền trả lại gấp bội, thề không dám trái phạm. Hôm nay ta sẽ nói rõ một ví dụ cho ông. Như có một người nghèo khổ, đời trước bị thiếu nợ nhiều, bỗng gặp được kho của cải có vô số vật báu, đem về trả hết nợ ấy rồi, mà của cải ấy vẫn còn dư. Nên biết người này cũng như vậy, đã trả gấp bội lần ấy. Lại nữa, tạo hình tượng Phật là thoát khỏi các nạn khổ đau, vĩnh viễn được an vui.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã giảng nói ở trong giáo pháp của Phật, phạm Ba-la-di thì không còn được sống chung, hoặc có người đã tạo tội ấy rồi, nên phát tâm nhớ nghĩ công đức của chư Phật mà tạo hình tượng Phật, ở trong giáo pháp của Phật có được sống lại không? Lại nữa, trong đời sống này, được tái sinh lại lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư có chứng

đắc được pháp chăng?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Ví như có người thân bị năm dây trói ràng buộc, nếu được thoát ra như chim thoát ra khỏi lưới đến nơi an ổn không có ngăn ngại. Người này cũng vậy, nếu phát tâm tin hiểu mà nhớ nghĩ công đức của Phật, tạo hình tượng Phật, tất cả nghiệp chướng đều được tiêu trừ, ở trong sinh tử được thoát ra một cách mau chóng không bị chướng ngại. Bồ-tát Di-lặc nên biết! Xe có ba loại: Đó là xe của hàng Thanh văn, xe của hàng Độc giác, xe của chư Phật, người này thích nương vào xe nào thì phát khởi nguyện đó, liền nhờ xe đó mà được giải thoát, nếu chỉ cầu thành Phật mà không cầu quả báo gì khác thì tuy có tội chướng nặng vẫn mau được diệt trừ; tuy ở trong sinh tử mà không bị khổ nạn, cho đến sẽ được chứng quả Vô thượng Bồ-đề. Đạt được cõi thanh tịnh đầy đủ các tướng tốt, mạng sống và tuổi thọ được lâu dài.

Bấy giờ, ở trong hội chúng những người chưa phát tâm Đại thừa, đều sinh tâm nghi ngờ: Thời quá khứ Như Lai có tạo hình tượng Phật hay chưa tạo hình tượng Phật? Giả như đã tạo thì tại sao tuổi thọ sống có giới hạn, có bệnh tật, có khổ đau như thế? Ở trong cõi nước có nhiều thứ nhơ bẩn không được sạch sẽ.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nương theo oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con thấy các căn tướng tốt của Như Lai và các dòng họ đều là đệ nhất nên tâm đã chắc chắn không có điều gì nghi ngờ. Nhưng có lúc Đức Thế Tôn đã từng bị mảnh ván gỗ làm chân Phật bị thương. Lại có lúc bị Đề-bà-đạt-đa trên núi xô đá xuống làm chân Phật chảy máu, trước đây cũng có lúc Ngài nói có bệnh, sai Kỳ-bà-điều lấy thuốc chữa bệnh kiết lị, lại có lúc từng bị bệnh đau lưng, bảo Đại Ca-diếp tụng bảy lần pháp Bồ-đề phần để dứt trừ sự đau khổ ấy. lại có lúc từng có các bệnh hoạn, sai A-nan-đà đến nhà Bà-la-môn xin sữa bò, cũng có lúc trong thôn Bà-la-môn an cư ba tháng chỉ ăn lúa của ngựa ăn, lại có lúc đi khất thực mang bát không trở về. Như Thế Tôn nói: Nếu có người nào tạo hình tượng Phật thì các nghiệp chướng đã tạo đều được tiêu diệt, xa lìa các khổ não, không còn có bệnh tật. Đức Thế Tôn đời trước đã từng tạo tượng hay không? Nếu ở đời trước đã từng tạo tượng Phật, vậy vì sao lại có những việc như vậy?

Đức Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

–Hãy lắng nghe, lắng nghe! Ghi nhớ kỹ, Như Lai sẽ giảng nói rõ ràng cho Đại vương!

Này Đại vương! Ta ở đời trước vì mong cầu quả Bồ-đề, đem các vật báu bằng gỗ chiên-đàn họa vẽ tạo hình tượng Phật, vô số lượng ấy nhiều hơn trời người ở trong hội này, nhờ phước đức ấy, tuy ở trong sinh tử chưa dứt hết các hoặc nghiệp nhưng đã thọ thân vững chắc, giống như Kim cang không bị tổn hoại. Này Đại vương! Ta nhớ ở trong quá khứ vô lượng kiếp sinh tử đã tạo hình tượng Phật. Lúc ấy, tuy vẫn còn tham lam giận dữ, vô lượng phiền não xen lẫn, nhưng ta chưa từng lúc nào bị các nghiệp bệnh khổ, bốn đại không điều hòa và quỷ thần xấu ác, các vật cần dùng luôn luôn đầy đủ. Huống chi ngày nay, ta đã chứng đắc Vô thượng Bồ-đề mà còn có việc không vừa ý như vậy hay sao?

Này Đại vương! Nếu xưa kia ta đã tạo hình tượng Phật, nay còn chút dư nghiệp để thọ quả báo này thì làm sao ta tuyên bố bằng lời không sợ hãi rằng tạo hình tượng Phật chắc chắn có thể dứt hết các nghiệp ác.

Này Đại vương! Ở trong quá khứ ta đã bố thí vô lượng thức ăn uống, của báu. Vì sao hôm nay đi khất thực xin không được nên ăn lúa của ngựa. Nếu việc hôm nay có thật. Vì sao ta trong vô lượng kinh điển khen ngợi vô số Bố thí ba-la-mật? Giảng nói phước nghiệp ấy hoàn toàn có kết quả tốt. Này Đại vương! Ta là người nói lời chân thật, không nói lời dối, nếu ta mà nói dối thì người khác như thế nào? Này Đại vương! Từ lâu ta đã đoạn dứt nghiệp ác, đã xả bỏ những việc khó bỏ, có thể thực hành những điều khó làm, đã xả bỏ thân mạng qua hơn bảy trăm ngàn ức kiếp, đã tạo vô lượng hình tượng chư Phật, đã sám hối vô lượng các tội ác nghiệp báo, làm sao có thể bị nhưng việc như chê bai, thương tích, đau khổ, bệnh tật, đói khát và ăn lúa của ngựa? Nếu đã từng chứng đắc hôm nay lại thoái lui thì cần gì siêng năng tu tập các phước thiện này? Này Đại vương! Pháp thân thường trụ của chư Phật Như Lai, vì độ thoát chúng sinh cho nên hiện ra việc này mà chẳng phải là sự thật, bị thương ở chân, đau lưng, xin sữa uống thuốc cho đến Niết-bàn, phân chia xá-lợi lưu truyền xây dựng tháp đều là phương tiện quyền xảo của Như Lai nên làm cho các chúng sinh thấy tướng như vậy.

Này Đại vương! Ở trong thế gian, ta hiện ra các việc bệnh hoạn như vậy nhằm chỉ dạy nghiệp báo không mất của chúng sinh, làm cho họ lo sợ, để đoạn trừ các tội lỗi, tu tập các hạnh lành, nhưng sau đó biết rõ thân là thường còn, Pháp thân, tuổi thọ mạng sống không có giới hạn, ở nước thanh tịnh.

Này Đại vương! Chư Phật Như Lai không có hư vọng, đại Bi thuần nhất, trí tuệ thiện xảo, cho nên có thể dùng vô số sự thị hiện như vậy.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc nghe lời nói này rồi hết sức vui mừng, cùng vô lượng trăm ngàn chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có những người nữ, ý chí nhỏ hẹp, phần nhiều ôm lòng ganh ghét, sân giận, xem nhẹ, dua nịnh, còn ân hận không xả bỏ, nhận biết ân mà không báo đáp, dù mong cầu Bồ-đề những không thể bền chắc, luôn tham muốn, mê hoặc tất cả chúng sinh, cũng làm mê hoặc người khác.

Bạch Thế Tôn! Nếu người nữ này tạo hình tượng Phật, các nghiệp như vậy có được tiêu trừ không? Đời vị lai có được làm người nam mạnh mẽ mong cầu quả Phật không? Đối với pháp sinh tử có thể nhàm chán xa lìa không? Nếu không vì duyên nguyện lực thì sẽ không thọ thân người nữ như Cù-đàm-di và phu nhân Ma-gia mẹ của Phật không?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Nếu có người nữ nào có thể tạo hình tượng của Phật thì vĩnh viễn không còn thọ thân người nữ nữa, giả sử có thọ thân ấy, thì làm người nữ báu tôn quý đệ nhất. Các người nữ có năm thứ đức, nhưng người nữ này thì vượt hơn những người nữ kia. Những gì là năm?

1. Mang thai sinh con.

2. Dòng họ giàu có.

3. Bản tánh lương thiện.

4. Thân hình thể chất đặc biệt.

5. Dáng dấp xinh đẹp.

Này Bồ-tát Di-lặc! Tất cả người nữ có loại nhân duyên nên luôn làm thân người nữ. Những gì là tám?

1. Ưa thích thân người nữ.

2. Tham muốn về dục của người nữ.

3. Miệng luôn khen ngợi dung mạo đẹp đẽ của người nữ.

4. Tâm không chánh trực che giấu các hành động.

5. Chán thân chồng mình.

6. Nhớ đến người khác.

7. Biết người có ân với mình nhưng mình vẫn phản bội.

8. Tà ngụy trau chuốt nhằm mê hoặc người khác.

Nếu ai có thể vĩnh viễn đọa dứt tám việc này mà tạo hình tượng Phật thì cho đến thành Phật, luôn được làm bậc Trượng phu, nếu thọ lại thân nữ thì điều ấy không thật có.

Này Di-lặc! Có bốn loại nhân duyên làm cho người nam thọ thân người nữ. Những gì là bốn?

1. Giả tiếng người nữ, cười cợt gọi chư Phật, các Bồ-tát và tất cả Thánh nhân.

2. Đối với người nữ giữ giới thanh tịnh đem tâm chê bai nói là phạm giới.

3. Ưa thích việc dua nịnh làm dối trá mọi người.

4. Thấy người khác hơn mình sinh tâm ganh ghét.

Nếu có người nam làm bốn việc này thì sau khi mạng chung chắc chắn thọ thân người nữ, lại còn trải qua vô lượng các đường ác khổ đau. Nếu họ phát tâm tin hiểu sâu xa, bày tỏ ăn năn những gì trước đây đã làm, mà tạo hình tượng Phật thì tội ấy đều được tiêu diệt, nhất định không thọ quả báo người nữ.

Này Di-lặc! Có bốn loại nhân duyên, khiến cho các người nam thọ thân huỳnh môn. Những gì là bốn?

1. Giết hại người khác, cho đến loài súc sinh.

2. Giữ giới Sa-môn mà giận dữ, cười chê, hủy báng.

3. Tâm tánh phần nhiều là tham dục, cho nên tâm phạm giới.

4. Gần gũi với người phạm giới còn bảo người khác phạm giới.

Có người nam nào đời trước đã làm việc này, sau đó phát tâm tin hiểu tạo hình tượng Phật, cho đến khi thành Phật, không thọ quả báo này, luôn làm bậc Trượng phu các căn đều đủ.

Này Di-lặc! Có bốn loại nghiệp có thể làm cho người nam thọ thân hai hình trong tất cả loài người, làm người thấp hèn nhất. Những gì là bốn?

1. Đối với nơi tôn trọng cung kính gây nhơ uế.

2. Đối với thân người nam, đắm nhiễm nơi phi xứ.

3. Đối với thân mình làm việc dâm dục.

4. Buôn bán gái cho người khác.

Nếu những chúng sinh đã từng làm việc này, tự mình hối hận tỏ bày ăn năn trước đây đã sai phạm, khởi tâm tin thanh tịnh tạo hình tượng Phật và đến khi thành Phật, không thọ thân này.

Này Di-lặc! Lại có bốn duyên làm cho tâm của những người nam, luôn sinh tâm ưa muốn sự ái dục như người nữ, ưa thích người khác đối với mình làm việc của người nam. Những gì là bốn?

1. Hoặc hiềm khích, hoặc giễu cợt, hủy báng đối với người khác.

2. Thích làm người nữ mặc quần áo lộng lẫy.

3. Gần gũi với người nữ bà con mà làm điều dâm dật.

4. Quả thật không có phước đức mà nhận người lễ bái.

Vì nhân duyên này làm cho các người nam khởi lên phiền não khác biệt như vậy, nếu tỏ bày ăn năn những tội trước đây đã phạm, không dám tạo tội mới, sinh tâm tin thích tạo hình tượng Phật, tội ấy đã diệt thì tâm này cũng chấm dứt.

Này Bồ-tát Di-lặc! Có năm thứ keo kiết có thể làm hủy hoại chúng sinh. Những gì là năm?

1. Keo kiết đối với chỗ ở làng xóm, do đó sinh vào chốn hoang vắng.

2. Keo kiết chỗ ở, nhà cửa, nên phải làm côn trùng luôn ở trong phân nhơ.

3. Tham tiếc sắc đẹp đoan trang, phải cảm nhận thân hình xấu xí, vô tri.

4. Keo kiết của cải giàu có, sẽ thọ nhận sự bần cùng, cơm không đủ ăn áo không đủ mặc.

5. Keo kiết đối với pháp đã hiểu biết, sẽ thọ nhận quả báo ngu đần của loài súc sinh, nếu tỏ bày ăn năn nghiệp đời trước của mình mà tạo hình tượng Phật, thì vĩnh viễn xa lìa tâm keo kiết trước đây đã có.

Này Bồ-tát Di-lặc! Lại có năm loại duyên, làm cho các chúng sinh sinh vào nơi biên địa và chỗ không có Phật pháp. Những gì là năm?

1. Đối với Tam bảo là ruộng phước lành không tin thanh tịnh.

2. Trái với sự thật, ngược với lý lẽ, thực hành sai lầm theo lời dạy.

3. Sự không đúng như lý mà đem trao truyền.

4. Phá sự hòa hợp của chúng Tăng làm cho thành hai bộ.

5. Thậm chí ít nhất làm cho hai Tỳ-kheo, không hòa hợp.

Nếu vĩnh viễn đoạn dứt nghiệp này, tạo hình tượng Phật thì luôn gặp Đức Phật và thường nghe chánh pháp.

Này Bồ-tát Di-lặc! Chúng sinh có năm loại nhân duyên, thường bị người chán ghét, xua đuổi, thậm chí người chí thân cũng không thích gặp. Những gì là năm?

1. Hai lưỡi.

2. Ác khẩu.

3. Nhiều tranh cãi.

4. Nhiều giận dữ.

5. Lời nói khéo léo nhưng để hủy báng.

Sau đó, nếu phát tâm tạo hình tượng Phật, ăn năn hối cãi nghiệp ác đời trước, thề không dám làm những tội đã tạo thì được trừ diệt, làm cho tất cả mọi người ưa thích cung kính. Vì sao? Vì chư Phật có vô lượng, vô biên phước đức thù thắng, vô lượng, vô biên đại trí tuệ, vô lượng, vô biên Tam-muội giải thoát, vô số pháp công đức hiếm có.

Này thiện nam! Giả sử có người mang tam thiên đại thiên cõi nước nghiền thành vi trần, lại đập vụn từng hạt vi trần ấy. Vi trần của tam thiên đại thiên cõi nước và có số vi trần của tam thiên đại thiên cõi nước như vậy, nếu như có người lấy một hạt vi trần ấy, bằng diệu lực Thần thông đi đến phương Đông, trong khoảng một sát-na vượt qua hai lần, ba lần số tam thiên đại thiên cõi nước nhiều như số vi trần ấy, mỗi sát-na sau đó cũng đều như vậy, cho đến tận cùng kiếp số như số vi trần ấy, trong những kiếp đó, có bao nhiêu sát-na, mỗi một sát-na đều là một kiếp, trải qua nhiều kiếp sát-na sát-na như vậy, đều vượt qua như trước, vượt qua bằng số vi trần của tam thiên đại thiên cõi nước, mới thả một vi trần người này trở lại lấy một hạt vi trần, rồi đi đến phương Đông vượt qua gấp đôi lần trước, thả hạt vi trần đó trở lại, cho đến vi trần của lần thứ ba thì nhiều hơn lần thứ hai, lần lượt như vậy nhiều gấp bội số lần trước, cho đến hết số vi trần nghiền nát này.

Như nói phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc cũng đều như vậy những chỗ mà người này đã trải qua trong bốn phương, tất cả cõi nước nhiều như số vi trần. Các vi trần này tất cả chúng sinh cùng nhau tính toán đo lường cũng có thể biết hết. Nhưng với thân của Như Lai, công đức ở mỗi một lỗ chân lông thì không thể biết hết. Vì sao? Vì công đức của chư Phật Như Lai không có hạn lượng, không thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Giả sử trí tuệ của Xá-lợi-phất nhiều như những số vi trần như trước, nhưng vẫn không bằng trí trong một niệm của Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai ở trong mỗi niệm có thể phóng ra Tam-muội, Giải thoát, Tổng trì… hơn số vi trần như trước, vô số, vô lượng công đức thù thắng. Công đức của chư Phật đối với tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật cũng không thể biết được danh tự ấy cho nên nếu có lòng tin thanh tịnh tạo hình tượng Phật thì tất cả nghiệp chướng đều tiêu trừ, đạt được công đức vô lượng, vô biên, thậm chí sẽ thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhổ sạch tất cả khổ não của chúng sinh. Đức Phật giảng nói kinh này rồi, Bồ-tát Di-lặc, chư Thiên cõi Tam thập tam, vua Ưu-đà-diên, tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe Đức Phật đã giảng nói, đều hết

sức vui mừng tin hiểu phụng hành.

-oOo-

SỐ 695

KINH QUÁN TẨY PHẬT HÌNH TƯỢNG

Hán dịch: Tây Tấn, Sa-môn Thích Pháp Cự.

Bấy giờ, Phật bảo Ma-ha-sát-đầu, chư Thiên, loài người nhất tâm lắng nghe:

–Thân người khó được, đạo giải thoát cũng vậy. Phật xuất hiện ở đời khó gặp. Từ vô lượng kiếp xa xưa, ta làm Cư sĩ tích đức nhiều đời, thường sinh qua lại trong năm đường, không tham của cải, bỏ cả thân mạng để bố thí không chút luyến tiếc. Cho đến lúc làm Thái tử, ta chọn ngày mồng tám tháng tư, lúc sao mai vừa xuất hiện, sinh ra ở thế gian, đi bảy bước, đưa tay phải lên, nói: "Trên trời, dưới đất, chỉ có ta là tôn quý nhất. Ta sẽ vì hàng trời, người làm Bậc Đạo Sư Vô thượng."

Lúc Thái tử sinh ra, mặt đất chấn động. Tứ Thiên vương ở tầng trời thứ nhất cho đến Phạm thiên, Thiên vương Đao-lợi, chư Thiên trong ấy đều đem mười hai loại hương và các thứ nước hoa thơm để tắm Thái tử. Thái tử chứng đắc Phật đạo, diễn bày Thánh pháp, cứu độ chúng sinh. Phật bảo trời, người:

–Chư Phật mười phương đều chọn lúc rạng sáng ngày mồng tám, tháng tư để hạ sinh ở đời. Chư Phật mười phương đều chọn lúc rạng sáng ngày mồng tám, tháng tư để xuất gia, vào núi học đạo. Chư Phật mười phương đều chọn lúc rạng sáng ngày mồng tám, tháng tư để thành Phật. Chư Phật mười phương đều chọn lúc rạng sáng ngày mồng tám, tháng tư để nhập Niết-bàn.

Phật nói:

–Sở dĩ chọn ngày mồng tám, tháng tư là vì lúc Xuân, Hạ giao nhau, mọi thứ tội lỗi đều dứt sạch, vạn vật đều sinh, khí độc chưa hoành hành, khí hậu điều hòa, không nóng, không lạnh, chính là ngày Phật đản sinh. Sau khi Phật diệt độ, thiện nam, tín nữ nên chí tâm niệm sức công đức vô lượng của Phật, tắm tượng Phật như lúc Phật còn ở đời thì được phước vô lượng không thể tính kể. Lúc ta hành đạo Bồ-tát, ba mươi sáu lần qua lại làm Thiên vương, ba mươi sáu lần qua lại làm Chuyển luân thánh vương,

ba mươi sáu lần qua lại làm Phi hành Hoàng đế. Các vị Phật tử có tín tâm, thiện ý nên niệm công đức chư Phật ở mười phương, hoặc dùng các thứ hương, hoa tắm tượng Phật thì có mong cầu điều gì đều được thành tựu. Chư Thiên, Long thần đều ghi nhận và ủng hộ.

Phật bảo các đệ tử:

–Khó được làm thân người, khó được nghe giáo pháp. Vị trời, người nào có thể giảm bớt phần chi tiêu của vợ, con, năm loại tài vật trong nhà dùng để tắm hình tượng Phật như lúc Phật còn ở đời thì sự mong cầu được thành tựu: Mong vượt thoát thế gian, đạt đạo giải thoát, đời đời không gặp phải sự chết chóc, đều đạt được; mong cầu tinh tấn dũng mãnh như Phật Thích-ca thì có thể thành tựu; mong cầu, Bồ-tát Bất thoái chuyển như Văn-thù-sư-lợi đều đạt được; mong cầu làm Chuyển luân thánh vương, tự tại giáo hóa đều đạt được; mong cầu Bích-chi-phật, A-la-hán đều đạt được; mong cầu lìa khỏi ba đường ác đều đạt được, mong cầu sinh ở cõi trời, người giàu có, sung sướng đều đạt được; mong cầu con cháu đông đúc đều đạt được; mong cầu sống lâu không bệnh đều đạt được.

Tham muốn của người đời như biển, thà cắt một miếng thịt trên thân chứ không chịu bỏ ra một tiền, một vật cho người. Lúc sinh không đem theo một đồng, chết cũng không cầm theo một tiền. Của cải vẫn ở tại thế gian, người chết phải đơn độc ra đi trong sự luyến tiếc như thế. Người tắm hình tượng Phật thì lúc sống, lúc chết, công đức ấy luôn theo bên mình không bao giờ dứt mất. Người nào có một tâm niệm thiện, tạo công đức này thì chư Thiên, Thiện thần, Thiên, Long, Bát bộ, Tứ Thiên vương đều ủng hộ. Tắm tượng Phật được sinh phước báu, thường được thanh tịnh. Do nhân duyên này được thành Phật đạo.

Phật nói:

–Người dùng hương hoa tắm hình tượng Phật thì được phước, trí, hiện tại được thanh tịnh, danh tiếng, phước đức. Người dùng hoa thơm rải cúng dường Phật thì được phước báu đẹp đẽ, đoan chánh không ai sánh bằng. Người đem phướn lụa che trên Đức Phật thì được phước báo, tại chỗ sinh ra, tự nhiên thường có y phục đẹp vô cùng.

Từ muôn kiếp trước, ta tích chứa công đức, chí thành hành thiện, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cho đến lúc được thành Phật đạo. Ngày nay, các hành giả cùng dùng tâm Từ, ý tốt tin tưởng Phật đạo, mong cầu giải thoát thì nên đem các loại hương, hoa tắm hình tượng Phật, nên vì cha, mẹ bảy đời và quyến thuộc, vợ con, anh, em đang chịu khổ nạn, nên vì chúng sinh khốn khổ trong năm đường, ở mười phương, nên vì

những người ngu si không tin Phật đạo, làm cho họ đời sau được sinh làm người đẹp đẽ, thanh bạch, được mọi người tôn kính, không nhiễm bụi trần; ở chỗ sinh ra thường được gặp Phật, ở chỗ sinh ra thường được nghe pháp, ở chỗ sinh ra thường gặp Tỳ-kheo tăng làm cho các hiền giả trí tuệ sáng suốt, thông hiểu kinh điển: Mười hai bộ loại kinh văn, bốn bộ A-hàm, quán niệm hơi thở, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo. Người nào chí tâm cầu Phật đạo thì mau đạt được quả vị Bất thoái chuyển, làm cho họ có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân sắc vàng ròng như trái Ma-tử, có mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng; miệng phát ra tám loại âm thanh, bay đi, nhìn suốt ở chỗ đi đến. Quyến thuộc, chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, Quỷ tử mẫu đều ủng hộ, làm cho họ đi lại an ổn, hoặc đi trong núi thì không gặp thú dữ, hoặc vào quân trận thì không bị binh đao, hoặc đi trên sông ngòi thì không gặp sóng gió, làm cho họ không bị gầy ốm nằm trên giường, làm cho quan huyện không gọi họ đến. Nếu có vợ con khó sinh thì làm cho được an ổn. Nếu đi buôn bán thì tài lợi gấp trăm phần. Tà ma, ác khí không xâm nhập được. Nước, lửa, trộm cướp, oan gia trái chủ không gây tổn hại. Làm cho những kẻ miệng lưỡi đều điều phục, chừa bỏ, tinh tấn, ăn năn hối cải, hành như Bồ-tát, đắc đạo như Phật.

-oOo-

SỐ 696

KINH MA-HA SÁT ĐẦU

(Cũng gọi là Kinh Quán Phật hình tượng)

Hán dịch: Đời Tây Tần, Sa-môn Thích Thánh Kiên.

Tất cả chúng sinh, chư Thiên, muôn dân, trưởng lão đều nên lắng nghe:

–Phàm được làm người là khó, đạt được đạo Vô thượng cũng vậy. Mạng người khó được, Phật ra đời khó gặp. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trải qua vô số kiếp, lúc còn làm Bạch y, đã dày công tích đức, mỗi đời luôn tự chế ngự tâm ý, lần lượt nơi năm đường, không tham của cải, châu báu mà còn đem cả thân mình bố thí, cho đến khi làm Thái tử, nửa đêm ngày mồng tám tháng tư, lúc sao mai vừa mọc, hạ sinh liền đi bảy bước, đưa tay phải lên mà nói: "Trên trời dưới trời, ta sẽ vì muôn dân mà làm thầy". Khi Thái tử ra đời, trời đất đều chấn động lớn. Phạm thiên nơi tầng trời thứ bảy, Đế Thích, Thiên vương, nơi cõi trời Đao-lợi, tầng trời thứ hai *(trong sáu tầng trời cõi Dục)* và Tứ Thiên vương, tầng trời thứ nhất đều giáng hạ, cầm mười hai loại nước hương thơm và nhiều thứ hoa, để tắm rửa thân thể của Thái tử. Thái tử nguyện sẽ thành Phật, đem đạo pháp mở bày dẫn dắt cho hàng trời, người.

Đức Phật bảo muôn dân trong thiên hạ:

–Chư Phật nơi mười phương đều lấy ngày mồng tám tháng tư vào lúc nửa đêm làm ngày Đản sinh. Chư Phật nơi mười phương đều lấy ngày mồng tám tháng tư vào lúc nửa đêm làm ngày xuất gia vào núi tu hành học đạo. Chư Phật nơi mười phương đều lấy ngày mồng tám tháng tư vào lúc nửa đêm làm ngày đắc Phật đạo. Chư Phật nơi mười phương đều lấy ngày mồng tám tháng tư vào lúc nửa đêm làm ngày nhập Niết-bàn.

Phật lại nói:

–Sở dĩ dùng ngày mồng tám tháng tư, vì sự giao mùa giữa mùa Xuân và mùa Hạ, tai họa và oan chướng đều hết sạch, vạn vật sinh sôi nẩy nở khắp nơi, khí độc chưa chuyển động, thời tiết không lạnh không nóng, điều

hòa, dễ chịu, nên Phật sinh vào ngày ấy. Mọi người dân trong thiên hạ cùng nhớ nghĩ đến công đức của Phật thì nên tắm hình tượng Đức Phật như khi Phật còn tại thế, do đó nên chỉ rõ cho mọi người.

Phật nói:

–Khi ta còn làm Bồ-tát ở đời, ba mươi sáu lần trở lại làm Thiên vương, Đế Thích, ba mươi sáu lần trở lại làm Kim luân vương, ba mươi sáu lần trở lại làm Hoàng đế Phi Hành. Ngày nay, các Hiền giả, ai có tâm tốt, ý thiện, nhớ nghĩ ân đức của Phật Thích-ca Mâu-ni, thì hãy dùng hương hoa tắm rửa hình tượng Đức Phật, để cầu phước báo bậc nhất. Chư Thiên, Quỷ thần luôn chứng minh cho điều ấy.

Phật bảo:

–Thân người khó được, kinh Phật khó được nghe. Tự mình có thể làm giảm bớt tài sản của năm nhà, dùng để tắm rửa hình tượng Đức Phật, muốn cầu đạt đạo vô vi để độ đời sẽ được như ý nguyện, mãi mãi không cùng với sinh tử hội ngộ đều có thể được. Muốn cầu lập thân tinh tấn dũng mãnh như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thì có thể được. Muốn cầu như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, là bậc Không thoái chuyển, tướng mạo đầy đủ, bay đi khắp nơi để giáo hóa tất cả muôn loài thì có thể được. Muốn cầu chứng đắc A-la-hán, Bích-chi-phật đều chi có thể được. Muốn cầu cắt đứt, đóng kín gốc rễ nơi ba đường ác, sinh lên cõi trời, người đều có thể được. Muốn cầu làm Phạm thiên nơi tầng trời thứ bảy và Đế Thích Thiên vương nơi cõi trời Đao-lợi, tầng trời thứ hai đều có thể được. Muốn làm Hoàng đế Phi Hành có thể được. Muốn trở nên giàu sang ở thế gian, có thể được. Muốn cầu sinh trong nhà của cải giàu có trăm ngàn muôn ức, có thể được. Muốn cầu có trăm ngàn con cháu, có thể được. Muốn cầu sống lâu, không bệnh tật có thể được. Người đời thà mất một miếng thịt trên thân chứ không muốn mất một đồng tiền. Con người sinh ra không mang một đồng tiền theo, chết đi cũng không mang một đồng tiền ra đi. Của cải vật chất vẫn lưu giữ lại ở đời, chết phải nhận lấy khổ sở, phiền não. Giữ gìn tiền đó để dùng tắm rửa hình tượng Phật, khi chết hay sống thì phước đó không có đoạn tuyệt.

Đức Phật nói:

–Trong ngoài cõi Diêm-phù-đề có chư Thiên, Phạm thiên, Đế Thích, Quỷ thần, Long vương đều ủng hộ người tắm rửa hình tượng Phật. Do các nhân duyên ấy nên chứng được đạo Niết-bàn của Phật.

Phật nói:

–Đem các loại nước hương thơm để tắm rửa hình tượng Phật thì đạt được phước thanh tịnh, danh thơm khắp mười phương. Đem hoa tươi tốt

cúng dường Phật thì đạt được phước là dung mạo đẹp đẽ không ai thể so sánh. Đem cờ lụa cúng dường Phật thì đạt được phước là theo chỗ mình sinh tự nhiên được y phục tốt đẹp, vô giá.

Đức Phật bảo:

–Ta đã dày công tích đức, hành thiện chí thành như Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, nên mới được thành Phật. Tiền mà người tắm hình tượng Phật thu được nhiều hay ít phải chia ra làm ba phần:

1. Tiền Phật.

2. Tiền Pháp.

3. Tiền Tỳ-kheo Tăng.

Tiền Phật dùng tạo hình tượng Phật bằng vàng, bằng đồng, bằng gỗ, bằng đất, bằng cách đắp tượng hay bằng cách vẽ, dùng đồng tiền Phật để làm những việc đó. Tiền cúng dường Pháp là để xây dựng tháp, lầu, tinh xá, có phòng trong ngoài, tường vách, hàng rào, gọi là tiền Pháp. Tăng Tỳ-kheo có vạn đồng tiền mà, tới ngàn vị thì chia đều ra. Nếu không có chúng Tỳ-kheo thì đem một phần tiền đó góp vào tiền pháp. Nếu có vài người thì cũng phân tiền đó làm ba phần, lấy ra một phần cho họ, còn lại thuộc tiền pháp và tiền tăng. Thậm chí chỉ hơn một đồng cũng không nên dùng sai lạc. Dù lấy một đồng để giúp đỡ ân nhân, thì cuộc sống cũng bị bần hàn, cùng cực, đến đời sau mãi mãi khổ nghèo. Thà dùng dao bén cắt thịt để cho ân nhân, chứ không lấy một đồng tiền tắm Phật dùng riêng cho ân tuệ. Thà uống nước đồng sôi, chớ không lấy một đồng tiền tắm Phật để cho phần ân tuệ. Thà tự ném thân mình trong lửa, chứ không lấy một đồng tiền tắm Phật cho vợ con, hoặc đem dùng chúng trong sinh hoạt ăn uống hàng ngày, thì ngay nơi đời hiện tại, phải nhận lấy sợ hãi, đời sau thần hồn phải chịu thống khổ. Ở đời có nhiều người phát tâm cầu đạt chỗ nguyện hàng ngày bố thí không tính nhiều, ít, đều hướng tới khiến được thêm nhiều, nhưng khi lo công việc xong thì mọi người trong nhà mỏi mệt, bữa ăn thịnh soạn, nhiều món dùng không hết thì nên để đâu.

Phật bảo:

–Ít nhiều đều phải đưa đến cấp cho Sa-môn trì pháp trong chùa, chúng Tăng tự phân chia. Người đem vật bố thí luôn muốn sinh lợi. Vậy làm thế nào để gieo trồng phước đến nơi thức ăn vào mùa xuân được phát sinh? Nếu đem thức ăn ấy phân chia hết về cho vợ con như là gieo trồng trên đá, cây khô héo không thể sống được. Nếu bố thí muốn được nhiều phước thì phải đem cúng dường chúng Tăng. Như thế là cho một mà được gấp vạn.

Pháp tắm Phật vào ngày mồng tám tháng tư là dùng cây Đô lương,

Hoắc hương, Ngải nạp, hợp ba loại cỏ thơm đó mà giã rồi ngâm sẽ được nước màu xanh. Nếu ít thơm, có thể thêm vào bằng vỏ cây Cam đại tần, rồi lấy Uất kim hương bóp mà ngâm trong nước, cứ tiếp tục vò để tạo thành nước màu đỏ; nếu ít thơm hay không có đủ thì có thể dùng thêm vào bằng, Khưu long hương, đâm giã, sau đó ngâm trong nước, để tạo ra nước màu trắng, nếu ít thơm có thể dùng Hồ phấn làm cho đủ; nếu thiếu không đủ, có thể dùng bạch phấn thêm vào. Lấy Bạch phụ tử để thay vào, đâm giã, sau đó ngâm trong nước để tạo thành màu sắc vàng. Nếu Bạch phụ tử không đủ thì có thể dùng Chi tử thêm vào, để từ nước đen nhạt thành đen đậm, cuối cùng làm cho sạch sẽ. Bây giờ, được Tinh hoa thủy hay còn gọi là huyền thủy *(nước tím đen)*. Dùng nước năm màu quan trọng đó mà rửa một cách cung kính.

Sau cùng, dùng nước sạch rửa tượng. Lấy lụa trắng bằng bông mới mềm mại lau tượng. Rồi, rửa lại lần nữa, gọi là nước thanh tịnh, phước của sự việc này, cùng với phước thứ nhất không khác.

-oOo-

SỐ 697

KINH DỤC TƯỢNG CÔNG ĐỨC

Hán dịch: Đời Đường, Pháp sư Bảo Tư Duy, người nước Ấn Độ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại núi Linh thứu, thuộc thành Vương xá, cùng với đại chúng Tỳ-kheo và vô lượng các Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là Thanh Tịnh Tuệ, suy nghĩ: "Vì nhân duyên gì mà các Đức Phật Như Lai được thân thanh tịnh?" Lại nghĩ tiếp: "Như Đức Phật ở đời, được chúng sinh gần gũi cúng dường, sau khi nhập diệt thì cúng dường xá-lợi, hai hạng người cúng dường ấy, phước đức, công đức đạt được có như nhau chăng?". Suy nghĩ xong, liền nương theo oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các Đức Phật, Như Lai vì nhân duyên gì mà có thân tướng thanh tịnh? Như Đức Phật ở đời được chúng sinh gần gũi cúng dường, sau khi Phật nhập diệt thì cúng dường xá-lợi, hai hạng người cúng dường ấy, phước đức, công đức đạt được có như nhau không?

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Nay ông có thể vì các chúng sinh đời vị lai mà thưa hỏi như thế. Ông phải khéo lắng nghe, nay ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói.

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ bạch:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn! Con xin muốn nghe.

Đức Phật bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ:

–Các Đức Phật, Như Lai vì cầu đạo Bồ-đề vô thượng mà từ thời xa xưa đã tu tập hết thảy pháp Phật như Tam-muội, Giới, Định, Nhẫn nhục, Trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, Lực, Vô sở úy, Nhất thiết chủng trí đều thanh tịnh rốt ráo, do đó Như Lai được thân thanh tịnh. Lại dùng hương hoa, lọng, cờ để cúng dường, lại nước thơm để tắm rửa thân thể Như Lai; dùng lọng quý che khắp trên thân của Ngài, dùng các

món thức ăn, tấu nhạc, đàn ca, tán vịnh Đức Như Lai, đem công đức này hướng về Nhất thiết chủng trí thì đạt được công đức vô lượng, vô biên, thành tựu được đạo Bồ-đề vô thượng. Vì sao? Vì trí tuệ của Như Lai là vô lượng, vô biên không thể nghĩ bàn, phước đức mà Đức Phật có cũng lại như thế.

Này Thanh Tịnh Tuệ! Sau khi Như Lai nhập diệt, có hai loại xá-lợi:

1. Pháp thân.

2. Hóa thân.

Nếu các thiện nam, thiện nữ nào, cúng dường xá-lợi, tạo dựng hình tượng Đức Phật cho dù nhỏ như hạt lúa mạch, xây tháp giống như hình quả Am-la đỉnh tháp nhọn như mũi kim khâu, lọng che giống như bèo nổi, đặt viên xá-lợi của Phật nhỏ như hạt cải ở trong bảo tháp ấy thì công đức người đó đạt được cũng như người cúng dường khi Như Lai còn ở đời không khác. Người như thế thì được mười lăm loại công đức:

1. Tâm được tịnh niệm.

2. Tâm được thuận theo pháp.

3. Tâm luôn hổ thẹn.

4. Được thấy Đức Như Lai

5. Phát khởi lòng tin trong sạch.

6. Có thể giữ gìn chánh pháp.

7. Hành trì đúng như lời nói.

8. Được gần gũi các Đức Phật.

9. Tùy ý được sinh vào các cõi nước của chư Phật.

10. Nếu như sinh trong cõi người thì sinh vào dòng họ cao quý, tâm nhu hòa, dịu dàng, được mọi người kính trọng.

11. Vừa sinh trong cõi đời tâm liền nhớ nghĩ đến Đức Phật.

12. Các chúng ma quân không thể quấy nhiễu.

13. Vào thời mạt pháp có thể hộ trì chánh pháp.

14. Thường được các Đức Phật khắp mười phương luôn che chở, hộ trì.

15. Mau chóng thành tựu được năm phần Pháp thân.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Hãy dùng tâm thanh tịnh
Sau khi Như Lai diệt
Người cúng dường xá-lợi

Hoặc tạo các tháp miếu.
Và hình tượng Như Lai
Ở trước tháp tượng ấy
Quét, bày Mạn-đà-la
Dùng các loại hương hoa.
Trải khắp ở trên đó
Dùng các nước hương thơm
Mà tắm hình tượng Phật
Các món ăn thượng diệu.
Giữ sạch để cúng dường
Khen lạy công đức Phật
Khó nghĩ bàn vô lượng
Trí tuệ và thần thông
Các phương tiện thiện xảo
Thảy đều qua bờ giác.

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ nghe Đức Phật Thế Tôn nói kệ xong, liền bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật còn ở đời và sau khi diệt độ, các chúng sinh trong đời vị lai làm thế nào để thực hiện việc tắm rửa hình tượng Phật? Cúi xin Như Lai vì chúng sinh mà mở bày nói rõ.

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ! Khi Đức Phật còn ở đời, các chúng sinh phát khởi tâm trong sạch, sau khi Phật nhập diệt, cũng phải làm như thế, không nên chấp nơi tưởng có, không, đối với các pháp thiện, tâm phải mang sự khát ngưỡng cầu đạt được không sinh mệt mỏi, chán ghét. Vì sao? Vì nhằm để thành tựu Pháp thân, Báo thân như Như Lai đã thành tựu. Như Lai đã từng vì ông giảng nói bốn pháp Chân đế, mười hai Nhân duyên, sáu pháp Ba-la-mật. Nay Như Lai cũng vì ông mà nói về pháp tắm rửa hình tượng Phật là sự thù thắng nhất trong các sự cúng dường.

Này thiện nam! Nếu muốn tắm rửa tượng thì nên dùng cây Ngưu đầu chiên-đàn, Tử đàn đa-ma-la hương, Cam tùng, cỏ khung cùng Bạch đàn, Uất kim hương, Long não, Trầm hương, Xạ hương, Đinh hương, dùng các loại hương thơm như thế, tùy theo vật ấy mà lấy nấu với nước nóng, đựng trong đồ sạch. Trước tiên lập đàn tràng nơi chỗ đất vuông vức, trang hoàng sàn tọa đẹp đẽ, đặt tượng Đức Phật ở trên ấy, dùng thứ tự các nước hương thơm để tắm rửa hình tượng Ngài. Dùng các nước hương tắm hình tượng xong, lại lấy nước sạch tắm gội vài lần lên tượng đó, mỗi thứ chọn lấy một

ít nước để tắm rửa, đốt các loại hương đặt trên đầu mình để làm pháp cúng dường. Lúc đầu, dùng nước rưới từ trên đầu tượng cho tới xuống dưới, nên đọc bài kệ dưới đây:

Nay con rưới tắm thân Như Lai
Chứa trang nghiêm: Công đức, trí tịnh
Khiến chúng sinh xa lìa năm trược
Nguyện chứng Pháp thân Như Lai tịnh.

Khi đốt hương nên đọc bài kệ sau đây:

Hương giới, định, tuệ, giải, tri kiến
Khắp mười phương cõi hương thơm tỏa
Xin khói hương này cũng như thế
Hồi hướng năm thân cho tất cả.

Đức Thế Tôn giảng nói pháp ấy xong, trong chúng có vô lượng Đại Bồ-tát, chứng đắc Tam-muội thanh tịnh vô cấu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật, vô số hàng trời, người đạt được pháp Không thoái chuyển nơi đạo Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nên gọi kinh này là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào?

Phật dạy:

–Kinh này nên gọi là kinh Tắm Gội Hình Tượng Các Đức Phật, Được Thân Thanh Tịnh, nên phụng trì như thế.

Phật giảng nói kinh xong, tất cả hội chúng đều rất hoan hỷ, tin tưởng thọ nhận và phụng hành.

-oOo-

SỐ 698

KINH DỤC PHẬT CÔNG ĐỨC

Hán dịch: Đời Đại Đường,
Sa-môn Thích Nghĩa Tịnh.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn, ở tại đỉnh núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá cùng với chúng Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị, lại có vô lượng, vô biên chúng Đại Bồ-tát, tám bộ chúng, Thiên, Long, đều vân tập đầy đủ.

Bấy giờ, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ ngồi trong chúng hội, vì thương tưởng đến các hữu tình, nên khởi ý tư duy: "Vì nhân duyên gì, các Đức Phật Như Lai, được thân thanh tịnh, tướng tốt đầy đủ?"

Lại nghĩ tiếp: "Các loại chúng sinh được gặp Như Lai, gần gũi cúng dường, thì chỗ phước báo đạt được là vô lượng, vô biên. Chưa biết sau khi Đức Như Lai nhập diệt, các chúng sinh nên tạo sự cúng dường như thế nào, tu tập công đức gì để khiến cho các căn lành đó có thể mau chóng đạt đến đạo quả Bồ-đề vô thượng một cách trọn vẹn".

Suy nghĩ như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, đảnh lễ dưới chân Đức Phật, quỳ gối, chắp tay bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con xin muốn hỏi, xin Thế Tôn rủ lòng nghe và chấp thuận.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Tùy theo điều ông hỏi, ta sẽ giảng nói.

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ bạch:

–Các Đức Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác vì nhân duyên gì đạt được thân thanh tịnh, tướng tốt đầy đủ? Lại có các chúng sinh được gặp Như Lai, gần gũi cúng dường thì chỗ phước báo đạt được là vô lượng, vô biên. Chưa rõ là sau khi Như Lai nhập diệt thì các chúng sinh nên tạo sự cúng dường như thế nào, tu tập các công đức gì, để cho những căn lành kia có thể mau chóng đạt đến đạo quả Bồ-đề vô thượng một cách rốt ráo?

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Ông đã có thể vì chúng sinh nơi đời sau mà thưa hỏi như thế. Nay ông hãy lắng nghe, khéo nhớ nghĩ! Tu hành như lời nói. Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói rõ.

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ bạch:

–Dạ vâng, thưa Thế Tôn! Chúng con xin muốn nghe!

Phật bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ:

–Này thiện nam! Nên biết, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Tĩnh lự, Trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, lực Vô sở úy, Nhất thiết chủng trí, tất cả pháp Phật đều khéo thanh tịnh, cho nên Như Lai thanh tịnh. Nếu đối với chư Phật Như Lai như vậy dùng tâm thanh tịnh, cúng dường đủ các loại hương hoa, anh lạc, lọng, cờ, tòa ngồi, bày ra ở trước Đức Phật, mỗi mỗi loại đều bày biện nghiêm trang, dùng nước hương thượng diệu để tắm gội hình tượng Đức Phật, đốt hương, vận dụng tâm xông khắp pháp giới. Lại dùng thức ăn, thức uống, tấu nhạc, đàn ca, tán vịnh công đức bất cộng của Như Lai, phát nguyện thù thắng hồi hướng về biển Nhất thiết trí vô thượng, thì đạt được vô lượng, vô biên công đức, cho đến đạo quả Bồ-đề luôn khiến tương tục. Vì sao? Vì phước đức và trí tuệ của Như Lai là không thể nghĩ bàn, là vô số, không thể so sánh.

Này thiện nam! Các Đức Phật, Thế Tôn có đầy đủ ba thân: Pháp thân, Thọ dụng thân, Hóa thân. Sau khi Như Lai Niết-bàn, nếu ai muốn cúng dường ba thân này thì nên cúng dường xá-lợi. Có hai loại:

1. Thân cốt xá-lợi.

2. Pháp tụng xá-lợi.

Đức Phật liền nói kệ:

Các pháp từ duyên khởi
Như Lai nói việc này
Duyên hết, các pháp hết
Đại Sa-môn giảng nói.

Có thiện nam, tín nữ, Tỳ-kheo, năm chúng đệ tử muốn tạo hình tượng Phật, nếu không đủ sức thì làm nhỏ như hạt lúa mạch, tạo dựng tháp như hình quả táo, đỉnh tháp giống như kim khâu, vòm mái giống như mảnh trấu, xá-lợi như hạt cải, hoặc biên chép pháp tụng an trí vào trong đó. Dùng các loại châu báu, quý lạ để cúng dường, tùy theo sức của mình, luôn chí thành ân cần, như hiện thân của ta, không khác.

Này thiện nam! Nếu có chúng sinh, làm được sự cúng dường thù thắng như thế, thì thành tựu được mười lăm công đức để trang nghiêm thân mình:

1. Thường có hổ thẹn.

2. Khởi lòng tin thanh tịnh.

3. Tâm mình luôn ngay thẳng.

4. Gần gũi bạn lành.

5. Thể nhập vào trí tuệ vô lậu.

6. Thường được thấy các Đức Phật.

7. Luôn thọ trì chánh pháp.

8. Luôn làm đúng như lời nói.

9. Tùy ý sinh về cõi nước thanh tịnh của Phật.

10. Nếu sinh nơi loài người thì sinh trong dòng họ lớn, tôn quý, được mọi người sinh tâm hoan hỷ, kính trọng.

11. Sinh ở trong loài người tự nhiên nhớ nghĩ về Phật.

12. Các loại quân ma không thể làm tổn hại.

13. Có thể hộ trì chánh pháp ở đời mạt pháp.

14. Được mười phương chư không gia hộ.

15. Mau chóng thành tựu được năm phần Pháp thân.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Sau khi ta nhập diệt
Xá-lợi được cúng dường
Hay tạo dựng bảo tháp
Và hình tượng Như Lai.
Nơi chốn tượng tháp ấy
Quét bày Mạn-trà-la
Dùng các loại hương hoa
Bày biện khắp trên đó.
Dùng nước hương tinh khiết
Rưới lên thân tượng ấy
Dâng cúng các món ăn
Hết thảy để cúng dường.
Tán thán Đức Như Lai
Khó nghĩ bàn vô lượng
Trí thần thông phương tiện
Mau qua đến bờ kia.
Đạt được thân Kim cang
Đủ ba mươi hai tướng
Và tám mươi vẻ đẹp

Cứu giúp các quần sinh.

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ nghe kệ xong, liền bạch:

–Chúng sinh nơi đời vị lai nên tắm rửa tượng như thế nào?

Đức Phật bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ:

–Các ông nên khởi tâm chánh niệm đối với Như Lai, chớ nên vọng chấp nơi nhị biên có, không, đối với các pháp thiện nên có sự khát ngưỡng cầu đạt, không chán, nơi ba môn giải thoát khéo tu tập trí tuệ, chớ bám víu nơi sinh tử luôn cầu xa lìa, luôn khởi tâm đại Từ bi đối với các chúng sinh, nguyện được mau chóng thành tựu ba loại thân.

Này thiện nam! Ta đã vì ông giảng nói bốn Chân đế, mười hai Duyên sinh, sáu pháp Ba-la-mật. Nay cũng lại vì ông và các quốc vương, vương tử, đại thần, hoàng hậu, cung phi các chúng trời, người, quỷ, rồng, mà giảng nói về pháp tắm rửa tượng, là pháp tối thượng nhất trong các pháp cúng dường hơn hẳn việc dùng bảy báu, số lượng nhiều như cát sông Hằng để bố thí. Khi tắm rửa tượng thì nên dùng cây Ngưu đầu chiên-đàn, Bạch đàn, Tử đàn, Trầm thủy, Huân lục, Uất kim hương, Long não hương, Linh lăng, Hoắc hương... ở trên miếng đá sạch, mài làm bột hương, rồi chế ra nước hương đựng trong đồ sạch. Ở chỗ thanh tịnh, chọn nơi đất tốt, đắp đàn vuông hay tròn, tùy lúc hoặc lớn hoặc nhỏ, trên ấy tượng Phật nơi sàn tọa để tắm. Dùng các loại nước hương trong sạch, thanh khiết để tắm Phật, sau đó, dùng nước sạch tắm lại. Nước tắm rửa tượng Phật nên lọc sạch, chớ để làm tổn hại côn trùng. Nước tắm rửa tượng Phật còn lại trên đỉnh đầu, nhỏ giọt xuống hai ngón tay, gọi là nước an lành, nước chảy xuống đất sạch chớ để chân giẫm đạp, dùng khăn mềm lau tượng cho sạch, đốt các loại hương quý, thơm ngào ngạt tỏa khắp nơi, đặt hương thơm nơi trước tượng Phật.

Này thiện nam! Do việc làm tắm rửa tượng Phật như thế, nên có thể khiến cho các ông cũng như đại chúng trời, người, ngay nơi đời hiện tại được giàu sang, vui vẻ không bệnh, sống lâu thêm tuổi, mọi chỗ nguyện cầu đều được như ý, bạn bè, quyến thuộc, thân thích, đều được an ổn, chấm dứt hẳn tám nạn, xa lìa nguồn gốc của khổ đau, không còn thọ thân người nữ, mau chóng thành tựu Chánh giác. Sắp đặt như vậy xong, thì đốt các loại hương, đối diện trước tượng Phật, chắp tay thành kính đọc bài tán:

Nay con tắm các thân Như Lai
Nhóm trang nghiêm công đức trí tuệ
Nguyện loài chúng sinh năm trược kia
Mau chứng Pháp thân Như Lai tịnh.
Hương giới, định, tuệ, giải, tri kiến

Khắp cõi mười phương thoảng hương thơm
Xin khói hương này cũng như thế
Làm việc Phật vô lượng, vô biên.
Cũng xin dứt vòng khổ ba đường
Khiến được mát mẻ, dứt trừ nóng
Đều phát tâm Bồ-đề vô thượng
Xa lìa sông ái qua bờ kia.

Phật giảng nói bài kinh này xong, trong chúng hội có vô lượng, vô biên Bồ-tát đạt được Tam-muội Vô cấu; vô lượng chư Thiên được trí Bất thoái chuyển, các chúng Thanh văn dốc nguyện đạt quả Phật, tám vạn bốn ngàn chúng sinh đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thật may mắn được Bậc Đại Sư từ bi thương xót vì chúng con giảng dạy pháp tắm rửa hình tượng.

–Con nay xin sẽ hết sức khuyên bảo các hàng quốc vương, đại thần, tất cả những người có lòng tin ưa làm tạo các công đức hằng ngày, luôn tắm rửa thân tượng tôn quý của Như Lai, sẽ đạt được lợi ích lớn, thường nên đảnh lễ Phật, hoan hỷ tín thọ, phụng hành.

-oOo-

SỐ 699

KINH TẠO THÁP CÔNG ĐỨC

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư
Địa-bà-ha-la, tức Nhật Chiếu,
người Trung Ấn Độ.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại cung trời Đao-lợi, ngự trên tòa bạch ngọc cùng với vô lượng chúng đại Tỳ-kheo, chúng Đại Bồ-tát và Thiên chủ cõi trời ấy hội đủ.

Bấy giờ, có Đại phạm Thiên vương, trời Na-la-diên, trời Đại tự tại và năm loại Càn-thát-bà vương… cùng các quyến thuộc, đều vân tập đến chỗ Đức Phật. Họ muốn hỏi Như Lai về phương pháp tạo dựng tháp và số lượng công đức do tạo dựng tháp mà đạt được. Lúc này trong chúng hội có Bồ-tát Quán Thế Âm, biết ý của chư Thiên, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nay có các chư Thiên, Càn-thát-bà…, đã đến nơi đây, muốn thỉnh Như Lai giảng nói phương pháp tạo dựng tháp và số lượng công đức do tạo dựng tháp mà có được. Xin Thế Tôn vì họ mà giảng nói rõ cho hết thảy vô lượng chúng sinh được lợi ích.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Quán Thế Âm:

–Này Thiện nam! Nếu chư Thiên, hiện tại ấy và hết thảy chúng sinh ở đời vị lai, tùy địa điểm nào chưa có tháp thì có thể tạo dựng tháp ở nơi đó. Chiều cao của tháp vượt quá ba cõi, cho đến nhỏ nhất thì bằng quả Am-la, đỉnh tháp cao vút tới cõi trời Phạm thiên cho đến nhỏ nhất thì như kim khâu. Vòm che của tháp trùm che khắp đại thiên, cho đến nhỏ nhất thì như lá táo. Trong tháp cung trí xá-lợi của Như Lai như tóc, răng, râu, móng tay, nhỏ nhất là một phân, hoặc đặt để mười hai bộ kinh thuộc Pháp tạng của Như Lai, cho đến ít nhất là một bài kệ bốn câu, thì công đức của người tạo dựng ấy ngang bằng công đức trời Phạm thiên. Sau khi mạng chung sinh, lên cõi Phạm thế, hết thọ mạng thì sinh vào cõi trời Ngũ tịnh cư, cùng các chư Thiên nơi cõi ấy không khác.

Này thiện nam! Sự việc ta vừa giảng nói như vậy là nhân duyên về lượng công đức của việc tạo tháp. Ông cùng chư Thiên phải nên tu học.

Bồ-tát Quán Thế Âm lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Như Lai giảng nói về việc bày biện xá-lợi và pháp tạng, con đã thọ trì, nhưng con không hiểu ý nghĩa nơi bốn câu kệ của Như Lai đã nêu. Xin Như Lai vì con mà phân biệt giảng nói rõ.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Nhân duyên sinh các pháp
Ta nói là nhân duyên
Nhân duyên hết nên diệt
Ta đã nói như thế.

Này Thiện nam! Ý nghĩa của bài kệ như thế gọi là Pháp thân của Phật. Ông nên ghi chép trong tháp ấy. Vì sao? Vì hết thảy là nhân duyên và chính nơi ấy sinh ra pháp tánh vắng lặng, do đó ta nói là Pháp thân. Nếu có chúng sinh nào hiểu rõ về ý nghĩa của nhân duyên như thế, nên biết người ấy tức là thấy Phật.

Bấy giờ, Bồ-tát Quán Thế Âm, chư Thiên, hết thảy đại chúng, Càn-thát-bà…, nghe Đức Phật giảng nói đều rất hoan hỷ, tin thọ và phụng hành.

-oOo-

SỐ 700

KINH CÔNG ĐỨC NHIỄU BÊN PHẢI THÁP PHẬT

Hán dịch: Đời Đại Chu, Sa-môn Tam tạng Thật-xoa-nan-đà, người nước Vu-điền.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật tại tinh xá Kỳ hoàn thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo và vô lượng dân chúng trước sau vây quanh Phật. Khi ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, dùng kệ thưa:

Đại oai Đức Thế Tôn
Xin nói cho chúng con
Quả báo sẽ đạt được
Do hữu nhiễu tháp Phật.

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Những công đức có được
Do hữu nhiễu tháp Phật
Nay ta nói chút ít
Các ông khéo lắng nghe.
Tất cả các Trời, Rồng
Dạ-xoa, chúng Quỷ thần
Đều gần gũi cúng dường
Do nhiễu bên phải tháp.
Sống bất cứ nơi nào
Đều xa lìa tám nạn
Thường sinh nơi an ổn
Do nhiễu bên phải tháp.
Sống bất cứ nơi nào
Luôn luôn có trí tuệ
Đầy đủ sắc tướng đẹp
Do nhiễu bên phải tháp.

Sống trong cõi trời, người
Phước nhiều lại sống lâu
Thường được danh tiếng thơm
Do nhiễu bên phải tháp.
Ở cõi Diêm-phù-đề
Thường sinh nhà tôn quý
Thuộc dòng họ thanh tịnh
Do nhiễu bên phải tháp.
Dung mạo được xinh đẹp
Giàu có, nhiều của báu
Thường được phong ấp lớn
Do nhiễu bên phải tháp.
Của cải luôn có nhiều
Nhưng tâm không keo kiệt
Mạnh mẽ thường bố thí
Do nhiễu bên phải tháp.
Sắc tướng đẹp vô cùng
Ai thấy cũng thích nhìn
Thường sống nơi an lạc
Do nhiễu bên phải tháp.
Hoặc làm Sát-lợi vương
Có đủ vợ và con
Oai đức rất tự tại
Do nhiễu bên phải tháp.
Hoặc làm Bà-la-môn
Giữ giới, giỏi thông đạt
Chú thuật kinh Vệ-đà
Do nhiễu bên phải tháp.
Hoặc làm đại trưởng giả
Giàu sang nhiều tài sản
Kho lẫm luôn tràn đầy
Do nhiễu bên phải tháp.
Hoặc làm Chánh pháp vương
Tự tại vương Diêm-phù
Đâu-suất đều quy phục
Do nhiễu bên phải tháp.
Hoặc làm Chuyển luân vương
Quyền lớn, đủ bảy báu

Dùng mười thiện độ sinh
Do nhiễu bên phải tháp.
Được sinh lên cõi trời
Luôn có oai đức lớn
Luôn tin nơi pháp Phật
Do nhiễu bên phải tháp.
Tịnh tin sớm thành tựu
Không mê chấp các pháp
Thấy các hành đều không
Do nhiễu bên phải tháp.
Hết mạng sống trên trời
Sinh xuống chốn nhân gian
Vào thai không mê loạn
Do nhiễu bên phải tháp.
Lúc ở trong thai mẹ
Không nhiễm các cấu uế
Như ngọc Ma-ni sạch
Do nhiễu bên phải tháp.
Trong thai và khi sinh
Thân mẫu thường an lạc
Uống sữa cũng an nhiên
Do nhiễu bên phải tháp.
Cha mẹ và bà con
Mọi người đều nuôi dưỡng
Nhũ mẫu luôn bên cạnh
Do nhiễu bên phải tháp.
Quyến thuộc đều thương mến
Hơn cả cha mẹ mình
Tài sản ngày thêm nhiều
Do nhiễu bên phải tháp.
Dạ-xoa, các ác quỷ
Không hề làm kinh sợ
Cần gì tự nhiên được
Do nhiễu bên phải tháp.
Trải qua trăm ngàn kiếp
Thân thể thanh tịnh dần
Đầy đủ sắc tướng đẹp
Do nhiễu bên phải tháp.

Mắt sạch, dài, lại rộng
Giống như cánh sen xanh
Lại được Thiên nhãn tịnh
Do nhiễu bên phải tháp.
Sắc thân đẹp, đầy đặn
Các tướng tự trang nghiêm
Thành tụ oai lực lớn
Do nhiễu bên phải tháp.
Sinh vào cung Đế Thích
Thế lực lớn tự tại
Làm Thiên chủ Đao-lợi
Do nhiễu bên phải tháp.
Sinh cõi Tu-dạ-ma
Cõi trời Đâu-suất-đà
Hóa lạc và Tha hóa
Do nhiễu bên phải tháp.
Hoặc sinh nơi Phạm thiên
Phạm thế đại tự tại
Các trời thường cúng dường
Do nhiễu bên phải tháp.
Trải ức na-do kiếp
Thường được những người trí
Cung kính và cúng dường
Do nhiễu bên phải tháp.
Thân thể và y phục
Ức kiếp thường không nhơ
Đầy đủ pháp Bạch tịnh
Do nhiễu bên phải tháp.
Đủ sức tinh tấn lớn
Siêng tu các hành pháp
Chưa từng có lười, mỏi
Do nhiễu bên phải tháp.
Dũng mãnh, thường tinh tấn
Bền vững không thể hoại
Việc làm mau thành tựu
Do nhiễu bên phải tháp.
Tiếng vi diệu sâu xa
Người nghe đều vui mừng

An lạc, thường không bệnh
Do nhiễu bên phải tháp.
Theo lời ta giảng dạy
Chán bỏ khổ ba cõi
Thành tựu trí xuất thế
Do nhiễu bên phải tháp.
Thường sống trong giáo pháp
Bốn Niệm xứ, Chánh cần
Bốn Như ý, Thần túc
Do nhiễu bên phải tháp.
Hiểu rõ bốn Chân đế
Căn, Lực, bảy Giác chi
Chánh đạo và Thánh quả
Do nhiễu bên phải tháp.
Dẹp hết thảy phiền não
Đầy đủ oai đức lớn
Sáu Thần túc vô lậu
Do nhiễu bên phải tháp.
Dứt hẳn tham, sân, si
Và tất cả chướng ngại
Chứng Độc giác Bồ-đề
Do nhiễu bên phải tháp.
Được sắc thân vàng ròng
Tướng tốt trang nghiêm thân
Làm thầy của trời, người
Do nhiễu bên phải tháp.
Do đem thân, ngữ nghiệp
Khen ngợi và hữu nhiễu
Tháp của Phật Thế Tôn
Được lợi ích lớn này.
Công đức hữu nhiễu tháp
Các Đức Phật Thế Tôn
Ta theo lời thầy hỏi
Lược nói không thể hết.

Nghe Đức Phật nói kệ rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng hội chúng đều vui mừng khôn xiết, tin thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 701

KINH ÔN THẤT TẨY DỤC CHÚNG TĂNG

(Xây nhà tắm cúng tăng)

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao, người nước An Tức.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, nước Ma-kiệt-đà. Bấy giờ, trong thành có một Đại trưởng giả, con của Nại-nữ, tên là Kỳ-vực. Ông là thầy thuốc giỏi, chữa trị nhiều thứ bệnh.

Thuở nhỏ, Kỳ-vực hiếu học, tài nghệ hơn người, thông đạt ngũ kinh, thiên văn, địa lý, những người được ông ta chữa trị đều khỏi bệnh, người chết sống lại, người bị xe cán cũng lành. Công đức của ông ấy rất nhiều, không thể nói hết, tám nước đều tôn ngưỡng, ai thấy cũng vui mừng.

Một đêm nọ, bỗng nhiên Kỳ-vực nghĩ: "Ngày mai ta nên đến chỗ Phật, thưa hỏi những sự nghi ngờ." Sáng hôm sau, Kỳ-vực bảo mọi người trong nhà sửa soạn đi đến chỗ Phật. Tới cửa tinh xá, thấy Đức Phật oai nghiêm tươi sáng, hào quang chiếu khắp trời đất, bốn chúng ngồi xung quanh cả mấy vạn người, ai nấy đều nhất tâm lắng nghe Phật thuyết pháp. Kỳ-vực cùng quyến thuộc bèn xuống xe đi thẳng đến lạy sát chân Phật và ngồi qua một bên.

Đức Phật khen:

–Lành thay! Hãy đến đây, Y vương! Muốn hỏi gì cứ hỏi, đừng nghi ngờ.

Kỳ-vực quỳ gối thưa với Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tuy sống ở đời, nhưng làm người quê mùa, theo hàng thế tục, chưa từng làm phước. Hôm nay con xin thỉnh Phật cùng Tỳ-kheo Tăng và các Bồ-tát, Đại sĩ vào nhà ấm tắm rửa, nguyện cho chúng sinh trong cõi sinh tử luôn được thanh tịnh, trừ sạch nhơ uế, không gặp các hoạn nạn, xin Phật chấp nhận nguyện của con.

Đức Phật bảo Y vương:

–Hay thay! Ý kiến hay! Ông đã chữa bệnh cho mọi người xa gần đều

hết bệnh, ai cũng hoan hỷ. Nay lại thỉnh Phật và chúng Tăng vào nhà ấm tắm rửa, muốn cấp các thứ thuốc ở mười phương trị bệnh và tẩy trừ các thứ cấu uế, phước đó là vô lượng. Ông hãy nhất tâm lắng nghe! Ta sẽ giảng nói về phước báo của công đức xây nhà tắm cúng Tăng cho ông rõ.

Đức Phật bảo Kỳ-vực:

–Pháp tắm rửa là dùng bảy vật, trừ bảy bệnh, được bảy phước đức. Bảy vật ấy là gì?

1. Đốt lửa.

2. Nước sạch.

3. Táo đậu.*

4. Dầu thoa.

5. Tro.

6. Bàn chải.

7. Nội y.

Trừ bảy thứ bệnh:

1. Bốn đại an ổn.

2. Trừ bệnh gió.

3. Trừ bệnh tê liệt.

4. Trừ bệnh lạnh.

5. Trừ bệnh nhiệt khí.

6. Trừ nhơ uế.

7. Thân thể nhẹ nhàng, mắt sáng suốt.

Đó là trừ bảy bệnh cho của chúng Tăng.

Cúng dường như thế được bảy phước đức. Đó là:

1. Bốn đại không bệnh, sinh hoạt thường an ổn, khỏe mạnh, tráng kiện, mọi người kính ngưỡng.

2. Có cuộc sống thanh tịnh, thân thể đoan nghiêm, bụi nước không dính, được người tôn kính.

3. Thân thường thoảng mùi thơm, y phục sạch sẽ, ai thấy cũng vui mừng và tôn kính.

4. Da trơn mịn, đức lớn uy sáng, ai thấy đều cung kính khen ngợi, không ai bì kịp.

---

* *Một loại bột được làm bằng các loại đậu, dùng để tẩy sạch những vết dơ trên thân thể hoặc quần áo.*

5. Nhiều người hầu hạ, phủi dũ bụi nhơ, tự nhiên được phước, thường biết đời trước.

6. Răng trắng, ngay đẹp, thoảng mùi thơm, dạy bảo điều gì ai cũng nghe theo.

7. Sinh ở nơi đâu, y phục tự nhiên đầy đủ trang sức các vật báu, ai thấy cũng kính sợ.

Đức Phật lại bảo y vương Kỳ-vực:

–Người cúng dường việc tắm rửa cho chúng Tăng và các bậc khai sĩ được bảy phước đức như vậy. Nhờ nhân duyên này hoặc làm quan, vua, hoặc làm thần mặt trời, mặt trăng, Tứ Thiên vương, hoặc làm Đế Thích, Chuyển luân thánh vương, hoặc sinh lên cõi Phạm thiên, thọ vô lượng phước báo hoặc làm Bồ-tát phát tâm đạt địa đều thành tựu trọn vẹn, được thành Phật. Nhờ nhân duyên cúng dường chúng Tăng là ruộng phước vô lượng, nên mọi thứ lụt lội, hạn hán không gây hại được.

Lúc đó, Đức Thế Tôn lại đọc kệ tụng cho Kỳ-vực nghe:

Ta xem trong ba cõi
Trời người hưởng phước báo
Đạo đức không hạn lường
Lắng nghe ta giảng nói:
Người sống ở cõi đời
Đoan nghiêm được người kính
Thể tánh thường thanh tịnh
Do xây nhà tắm Tăng.
Hoặc làm bậc Đại thần
Của nhiều, thường an ổn
Trung dũng lại hiền lương
Ra vào không ngăn ngại.
Nói năng được người tin
Thân thể thường sạch thơm
Thong dong lại đẹp đẽ
Do xây nhà tắm Tăng.
Hoặc sinh nhà Thiên vương
Đời sống thường sạch sẽ
Tắm rửa bằng nước thơm
Xông thân bằng cỏ thơm.
Thân hình khác mọi người
Ai thấy cũng mừng vui

Đây là nhờ phước báo
Xây nhà tắm cúng Tăng.
Tứ Thiên vương đệ nhất
Thống lãnh cả bốn phương
Thân đoan nghiêm, sáng đẹp
Oai đức giữ bốn cõi.
Mặt trời, trăng, các sao
Soi chiếu trừ u tối
Do xây nhà tắm Tăng
Phước báu vang khắp nơi.
Trời Đao-lợi đệ nhị
Đế Thích tên Nhân-đà
Thành báu gồm sáu lớp
Bảy báu làm cung điện.
Bậc Tôn thiên dũng mãnh
Đoan nghiêm được sống lâu
Do xây nhà tắm Tăng
Phước ấy không gì sánh.
Hoặc làm Chuyển luân vương
Bảy báu dẫn đi trước
Đến khắp hết bốn biển
Tám vạn tư binh mã.
Báu sáng chiếu ngày đêm
Ngọc nữ thân xinh đẹp
Tùy thời cung cấp vật
Do xây nhà tắm Tăng.
Trời Hóa ứng đệ lục
Độc tôn trong Dục giới
Đầy đủ tướng trời sáng
Oai linh vang sáu trời.
Được cam lộ tự nhiên
Kỹ nữ thường ở bên
Phước đức khó khen hết
Do xây nhà tắm Tăng.
Phạm ma, Tam bát thiên
Cõi Tịnh cư tự tu
Tịnh hạnh không cấu uế
Không còn thọ thân nữ.

Phạm hạnh tự sửa mình
Chí hướng đến Nê-hoàn
Được sinh cõi trời ấy
Do xây nhà tắm Tăng.
Phật, tôn quý ba cõi
Tu đạo rất siêng năng
Chứa nhóm trong nhiều kiếp
Nay mới được chân đạo.
Thân thể như vàng ngọc
Bụi trần không bám vướng
Đầy đủ tướng tròn sáng
Do xây nhà tắm Tăng.
Chư Phật nhờ tu được
Siêng năng tu mọi hạnh
Bố thí khắp ba cõi
Không thiếu sót nơi nào.
Thánh tôn của chúng Tăng
Ruộng phước lành bốn đường
Đạo đức từ ấy sinh
Hạnh này thật vi diệu.

Nói kệ xong, Đức Phật lại bảo trưởng giả Kỳ-vực:

–Ta xem các hàng trời, người trong ba cõi cao thấp không đồng, phước đức có nhiều ít đều là do đời trước dụng tâm khác nhau nên thọ quả báo khác nhau như thế. Người hưởng được phước báo đều do xây nhà tắm cúng dường Tăng.

Đức Phật giảng nói kinh xong, Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gì? Làm thế nào để khuyên mọi người tu theo.

Đức Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan! Kinh này tên là Xây Nhà Tắm Cúng Tăng. Đó là kinh chư Phật đều giảng nói không phải chỉ mình ta. Người nào thực hành thị đạt được độ thoát, không phải do thần ban cho. Người nào cầu phước thanh tịnh thì nên phụng hành.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Trưởng giả Kỳ-vực và quyến thuộc đều vui mừng, chứng đạo Tu-đà-hoàn, đảnh lễ Phật, xin phép trở về chuẩn bị vật dụng. Mọi người trong chúng đều được Đạo tích, cùng lễ Phật, lui ra.

-oOo-

SỐ 702

KINH THÍ ĐĂNG CÔNG ĐỨC

(công đức cúng đèn)

Hán dịch: Đời Cao Tề, Đại sư Na-liên-đề da-xá, người nước Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, tại tinh xá Kỳ hoàn thuộc nước Xá-vệ, Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đức Phật có bốn pháp thiện thắng diệu có thể làm cho chúng sinh được vô lượng phước báo, vô lượng ánh sáng, vô lượng sắc đẹp, vô lượng tạng phước, vô lượng tạng lạc, vô lượng tạng: Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, biện tài và tất cả pháp vô lậu, dứt mọi chấp trước.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Bốn pháp đó:

1. Như Lai là Bậc Ứng Cúng Chánh Biến Tri, được Giới ba-la-mật, đủ vô lượng giới.

2. Được Định ba-la-mật, đủ vô lượng định.

3. Được Tuệ ba-la-mật, đủ vô lượng tuệ, trí tuệ rộng lớn, trí tuệ do quán xét thông đạt, trí tuệ như tánh, trí tuệ vô số, trí tuệ quyết định, thảy đều nhận biết.

4. Đạt được tâm không ô trược, tâm tạo tác các điều thiện thù thắng, đầy đủ giải thoát vi diệu, giải thoát đệ nhất.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đức Như Lai Chánh Biến Tri luôn xa rời tất cả pháp ác, thành tựu tất cả pháp thiện, đầy đủ các hạnh, thấy biết đúng như thật xa lìa tối tăm, làm ánh sáng lớn, đầy đủ vô lượng hành trang phước trí, bao trùm cả thế gian, không bị ánh sáng của thế gian che khuất, được Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, đạt được pháp lực của tất cả chư Phật, có thể gồm đủ pháp lực của chư Phật, đạt đủ lực đại Từ bi, lực biện tài của chư Phật. Phương tiện của bản nguyện đều được viên mãn, khéo tu bản nghiệp, đủ ngọc báu trí tuệ, tinh tấn không lường, chẳng hề dừng nghỉ, xa các buồn phiền không bị bức

não, không đắm chấp, khéo điều phục, là rồng chúa lớn, không có các tập khí, còn sót lại là ruộng phước vô thượng cho tất cả chúng sinh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phát tâm thanh tịnh vì cầu phước đức, vì ưa thích phước đức mà niệm tưởng Như Lai, là bậc có phương tiện vô thượng, đầy đủ bốn hạnh, hoàn toàn không còn sinh tử trong đời vị lai, đời hiện tại đã thành tựu vô lượng, vô số giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, cho đến chỉ niệm tưởng một loại công đức của Phật. Niệm tưởng về công đức mà Như Lai đã ở trong vô lượng ức na-do-tha, trăm ngàn kiếp tu tập thiện căn, ba minh, tạo phước điền, trì giới thanh tịnh, giới không gì sánh bằng, vượt hơn vô lượng công đức chân thật, cho nên đối trước tháp miếu, hình tượng, dâng cúng đèn sáng cho đến dùng một chút tim đèn hoặc dầu để đốt, dù ánh sáng đó chỉ chiếu rọi một lề đường, thì này Tôn giả Xá-lợi-phất! Phước đức ấy, tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác đều không thể nhận biết được, chỉ có Đức Như Lai mới có thể biết rõ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Phước đức của người cầu quả báo thế gian hãy còn như thế, huống gì là phước đức của thiện nam, thiện nữ dùng tâm thanh tịnh sâu xa, vui thích không mong quả báo, với sự cung kính, luôn luôn niệm tưởng đến công đức của Phật.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Phước đức chiếu rọi một lề đường hãy còn như vậy, huống chi là chiếu rọi một con đường, hai con đường, ba con đường, bốn con đường, hoặc chiếu một tầng, hai tầng... nhiều tầng của ngọn tháp, hoặc chiếu một mặt, hai mặc cho đến bốn mặt tháp và hình tượng Phật.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Cây đèn sáng ấy hoặc có lúc bị tắt nhanh hoặc bị tắt vì gió thổi, dầu hết, tim lụn, hay cả hai thứ cùng hết nên bị tắt. Ví những con rồng vì sân giận mà giăng mây khắp nơi, bên trong ấy phát sinh ánh chớp vừa sáng lên liền diệt.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và những người không thọ giới nào, vì thích pháp thiện, vì bảo hộ thân mình, tin Phật, Pháp, Tăng mà dâng cúng đèn sáng ở tháp miếu Phật, dù chỉ một khoảng thời gian ngắn, thì ruộng phước đức dâng cúng một chút đèn sáng đó sẽ được là vô lượng, phước đức ấy chỉ có chư Phật mới nhận biết, tất cả hàng Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến Thanh văn, Bích-chi-phật cũng không thể biết được. Phước báo nhận được từ công đức thắp một đèn sáng nhỏ thật không thể nói hết.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Cảnh giới của chư Phật là không thể nghĩ

bàn, chỉ có chư Phật Như Lai mới nhận biết diệu nghĩa ấy.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Phước đức của người cúng đèn là vô lượng, vô biên, không thể tính đếm, chỉ có chư Phật Như Lai mới có thể thấu tỏ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thắp một ngọn đèn nhỏ mà đạt được phước đức hãy còn không thể tính kể như thế, huống gì là sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người nào tự thắp, hoặc bảo người thắp một ngọn đèn, hai ngọn đèn cho đến nhiều ngọn đèn, cùng đem hương hoa, anh lạc, cờ phướn, lọng báu và những vật thù thắng vi diệu khác để cúng dường chùa tháp Phật.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Có bốn pháp nên tín thọ đó là:

1. Pháp Phật khôn lường nên tín thọ.

2. Tu tập chút ít căn lành mà được phước báo không lường nên tín thọ.

3. Người kính tin Tam bảo, tu tập nghiệp thiện đạt phước báo, cho dù hàng Thanh văn các ông hiện được thấy ta hãy còn không thể biết hết, cũng không thể suy lường được, huống gì là sau khi ta diệt độ, hàng đệ tử Thanh văn cách xa ta mà có thể biết và so lường được sao? Không thể có sự kiện ai có thể nhận biết và suy lường được việc này, nên phải tín thọ.

4. Các Thanh văn không thể nhận biết và suy lường được những hạnh nghiệp và quả báo của tất cả chúng sinh đã tạo tác và thọ nhận.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Các Thanh văn đối với sự việc ấy là không nên suy lường. Vì sao? Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai thường nói hạnh nghiệp và quả báo của tất cả chúng sinh là không thể nghĩ bàn. Các Đức Phật Ứng Cúng Chánh Biến Tri đời quá khứ đã nói: Nghiệp báo của chúng sinh là không thể nghĩ bàn. Các Đức Phật Ứng Cúng Chánh Biến Tri đời vị lai sẽ nói: Nghiệp báo của chúng sinh là không thể nghĩ bàn. Tín tâm và tự tánh nơi tâm của chúng sinh cũng không thể nhận biết và nghĩ bàn. Việc này nên tín thọ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Hàng Thanh văn các ông trụ trong hạt giống Thánh còn không có mắt thật và phương tiện khéo léo để nhận biết nghiệp báo của hết thảy chúng sinh, huống gì là những kẻ tâm khinh suất, yếu kém khác, những kẻ lìa giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, những kẻ mất chánh niệm, những kẻ bị vô minh ngu tối che dày cả mắt, ngay cả các pháp bên trong và bên ngoài thân mình còn không thể biết được. Ta chính là ai? Ta do ai sinh? Ta sống ở đâu? Công đức của ta nhiều hay ít? Làm sao ta sống tương ưng với giới, không tương ưng với giới? Ta là người chánh niệm giới hay thất niệm giới? Những hạnh nghiệp ta làm là của người trí hay của kẻ ngu? Ta từ đâu đến và đi về đi?

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Những kẻ phàm phu hiểu biết điên đảo, ngay cả những việc như vậy của bản thân hãy còn không thể biết được, làm sao có thể biết được những loại nghiệp báo của tất cả chúng sinh. Nếu ai nhận biết được, thì không có trường hợp ấy.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và sắc tướng của Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri là không tổn giảm.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri có giới vô lượng, giới vô ngại, giới không thể nghĩ bàn, giới không gì sánh, giới cứu cánh, giới thanh tịnh nên Như Lai nhận biết một cách đúng như thật về nghiệp và nghiệp báo của tất cả chúng sinh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì sao Như Lai nhận biết một cách đúng như thật về nghiệp báo của tất cả chúng sinh?

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai biết một cách đúng như thật có chúng sinh nghiệp thiện hết, nghiệp ác tăng, có chúng sinh nghiệp ác hết, nghiệp thiện tăng, có chúng sinh nghiệp thiện sẽ sinh, nghiệp ác sẽ diệt, có chúng sinh nghiệp ác sẽ sinh, nghiệp thiện sẽ diệt.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai thấu triệt và biết một cách đúng như thật về các loại nghiệp và nghiệp báo sai biệt của tất cả chúng sinh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Những chúng sinh đó có người không hiểu biết, có kẻ ngu tối, có người lành, có kẻ dữ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai có trí tuệ và phương tiện thiện xảo như thế nên có thể nói nói trước về các loại nghiệp báo không thể nghĩ bàn của những chúng sinh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu chúng sinh nào thành tựu tín tâm thì có thể tin ta, còn chúng sinh nào không có tín tâm, rời xa pháp của ta, không tin lời ta, hủy báng ta thì mãi mãi không có lợi ích, bị đọa trong khổ não.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu chúng sinh ấy dâng cúng ngọn đèn sáng ở tháp miếu Phật thì nhờ nghiệp thiện đó mà được quả báo an ổn và vui vẻ. Khi chúng sinh đó làm việc lành, cúng dường đèn sáng thì sự hoan hỷ tương ưng với tín tâm mà sinh khởi nên ngay đời này được ba tâm thanh tịnh:

Những thiện nam, thiện nữ ấy nghĩ: Ta đã thiết lễ cúng dường Đức Như Lai, biết thân không bền chắc nên tưởng đến Pháp thân, biết tiền tài là tai họa nên nghĩ đến Thánh tài. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là tâm thanh tịnh thứ nhất do cúng dường tháp Phật.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Những thiện nam, thiện nữ đó phát tâm như vầy: Ta đã cúng dường vào ruộng phước vô thượng tối thắng của Như Lai, là nơi đáng nhận sự cúng dường tối thắng. Nay ta không lo sợ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Với thiện căn này, ta sẽ gây tạo nhân của đường lành nơi cõi nhân, thiên, được sắc thân tốt đẹp, đầy đủ tài sản, lại được trí tuệ, diệu lạc an ổn, còn có thể đạt được đạo quả Bồ-đề. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là tâm thanh tịnh thứ hai do cúng dường tháp Phật.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ đó nghĩ: Ta đã làm việc bố thí, cúng dường chư Phật, đã tạo phước đức, đã bỏ tham lam keo kiệt, đã trừ tội lỗi bỏn sẻn. Nghĩ như thế rồi thì phát triển tâm bố thí không hề tham tiếc. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là tâm thanh tịnh thứ ba do cúng dường tháp Phật.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Những thiện nam, thiện nữ đó đã cúng dường đèn sáng nơi tháp miếu Phật, thì khi lâm chung được ba sự sáng suốt:

Thiện nam, thiện nữ đó khi lâm chung thì phước đức đã tạo từ trước đều hiện tiền, nên nhớ hết pháp thiện không quên. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là sự sáng suốt thứ nhất, nhờ đó mà biết được mình từ trước đã gieo trồng nghiệp thiện nơi Đức Phật.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ khi mạng chung nghĩ là mình đã từng cúng dường trước tháp miếu và hình tượng Phật. Nghĩ như thế nên tâm sinh vui mừng. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là sự sáng suốt thứ hai, nhờ đó mà khởi tâm niệm về sự giác ngộ của Phật.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ đó khi mạng chung thấy chúng sinh khác hành pháp bố thí thì suy nghĩ ta cũng từng đèn nơi chùa Phật. Nay ta phải tập nên tu hạnh bố thí, nghĩ đến bố thí thì được tâm hoan hỷ, được tâm hoan hỷ thì không có sự khổ về chết. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là sự sáng suốt thứ ba, nhờ đó mà có được tâm nghĩ đến giáo pháp.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ dâng cúng đen sáng nơi tháp miếu Phật thì khi lâm chung thấy được bốn thứ ánh sáng:

1. Thấy được vầng mặt trời tròn đầy xuất hiện.

2. Thấy được vầng trăng tròn sáng xuất hiện.

3. Thấy được chư Thiên cùng ngồi một nơi.

4. Thấy được Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri ngồi nơi cội cây Bồ-đề mới thành tựu quả vị Chánh đẳng giác. Thấy mình tôn kính Đức Như Lai, chắp tay cung kính.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là cúng dường đèn sáng nơi tháp miếu Phật thì khi lâm chung thấy được bốn thứ ánh sáng như thế.

Khi ấy, Đức Thế Tôn giảng giải ý nghĩa này rồi nói kệ:

Pháp vương, Đại Tiên nhân vô thượng
Người nào dâng cúng tháp miếu ngài
Người tạo nghiệp ấy bằng trí tuệ
Đạt được vô biên vui tối thắng.
Đến lúc mạng chung luôn chánh niệm
Biết được ngày xưa dâng cúng đèn
Được bốn tâm hỷ lìa các tội
Cho nên lúc chết không mê loạn.
Thấy được ánh sáng ở mười phương
Mặt trời, mặt trăng, từ đất hiện
Thấy được na-do-tha chư Thiên
Giảng giáo pháp Phật cho chư Thiên.
Cha mẹ, vợ con, cùng quyến thuộc
Hết thảy vây quanh Đấng Đại bi
Không niệm không thấy đến cái chết
Người kia chánh niệm không mê loạn.
Hiện tiền thấy được cung điện trời
Đối với thiện nữ tâm an ổn
Lại thấy rừng vườn rất trang nghiêm
Đầy đủ năm dục thật thù thắng.
Thấy Phật ngồi nơi cội Bồ-đề
Trời, Người, Tu-la đều vây quanh
Thấy mình chắp tay đứng trước Phật
Cúng dường Đức Mâu-ni tối thắng.
Đã thấy đạo sư càng kính trọng
Tâm tư hoan hỷ thỉnh Như Lai
Tâm họ hoan hỷ thỉnh Thế Tôn
Tùy thuận họ thỉnh Ngài hiện đến.
Người này thỏa nguyện vui sung mãn
Đến lúc lâm chung không khổ não
Tâm đã vui mừng nơi Đức Phật
Không hề kinh sợ lúc lâm chung.
Lại không thất niệm trong lúc chết
Thấy khắp mười phương cùng sáng chói
Sắc thân thắng diệu chưa từng có

Đây là quả báo dâng cúng đèn.
Chết rồi chắc chắn sinh lên trời
Thấy mình ngồi giường nơi cõi đó
Có các Thiên nữ vây xung quanh
Nhờ cúng dường Phật được quả ấy.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Cúng dường đèn sáng nơi tháp miếu Phật thì sau khi chết được sinh lên cõi trời Tam thập tam, được năm thứ thanh tịnh ở cõi trời. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Cõi trời đó được năm thứ thanh tịnh gì?

1. Thân thanh tịnh.
2. Được oai đức thù thắng trong các hàng trời.
3. Thường được niệm tuệ thanh tịnh.
4. Thường được nghe tiếng vừa ý.
5. Được bà con khen ngợi nên tâm ý được hoan hỷ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ:

Vị trời này được thân sáng chói
Đây đủ công đức người tôn trọng
Là vị đứng đầu ngàn Thiên tử
Nhờ cúng dường đèn nơi chùa Phật.
Nghe tiếng trời khen thường vừa ý
Âm thanh hòa nhã hơn trời khác
Đầy đủ thắng niệm tuệ bậc nhất
Lại được quyến thuộc thù thắng nhất.
Vị Thiên tử ấy đi đến đâu
Tất cả chư Thiên đều kính ngưỡng
Ngày xưa tu tập những nghiệp gì
Mà nay được thân hình sáng rực.
Có cây tên là Thượng hoan hỷ
Bao quanh chiếu sáng như mặt trăng
Trời kia có được cây quý ấy
Trang hoàng nơi vườn của cung điện.
Vô lượng chúng trời đều kinh ngạc
Hoa của cây này tên là gì?
Giống như ánh sáng đèn chiếu rọi
Tỏa ra hương thơm thật như ý.
Các hàng quyến thuộc cõi trời này
Lấy cây hoa ấy trang điểm thân

Trong vô lượng ức các cõi trời
Sáng soi rực rỡ như mặt trời.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nhờ cúng dường đèn sáng nơi tháp miếu Phật nên được sinh lên cõi trời Tam thập tam. Vị trời ấy tự biết: Hiện nay ta đang sống ở đây, đến lúc nào thì ta qua đời. Lúc sắp chết, Thiên tử thù thắng đó thuyết pháp khuyến hóa quyến thuộc và chư Thiên để họ được hoan hỷ. Sau khi chết không bị đọa vào đường ác, sinh xuống cõi người, trong gia đình tin Phật pháp, thuộc dòng họ tôn quý. Dù thời không có Phật cũng không sinh vào nhà tà kiến, xem thường việc tốt xấu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ:

Vị trời ấy được trí như vậy
Biết được thời gian sống cõi trời
Vị trời ấy cũng tự biết mình
Lại biết không lâu mạng sẽ hết.
Khi năm tướng chết vừa xuất hiện
Tuổi thọ vị này cũng sắp dứt
Liền nói chánh pháp cho chư Thiên
Xa lìa ngu si, tâm không buồn.
Nói với chư Thiên lời như vầy
Các hành vô thường, cũng không vui
Đã có sinh ra đều phải chết
Không nghĩ sắp chết vẫn nói pháp.
Các hàng quyến thuộc đều buồn khổ
Vô lượng chúng trời cũng như vậy
Tuy đã thấy được năm tướng hiện
Tự niệm công đức không lo rầu.
Tuổi thọ đã hết ở cõi trời
Tức thời sinh xuống chốn nhân gian
Vào thai ra thai niệm không loạn
Thưởng hưởng an lạc không khổ não.
Sinh ra liền được Túc mạng thông
Có thể nhớ được nơi đã đến
Nghĩ khổ con người không ham thích
Bỗng chốc đã kề bên cái chết.
Nghĩ đến quả báo ở cõi trời
Cõi nhân gian này chẳng phải vui
Cõi trời còn khổ huống loài người?
Các hành không bền thường biến động.

Vị ấy vừa đến tuổi lớn khôn
Bỏ nhà xuất gia, tu học đạo
Tâm thường không hành giác quán ác
Liền được quả báo như thế này.
Đời đời luôn được Túc mạng thông
Cũng thường không tạo các nghiệp ác
Nhất định xuất gia giữ giới tịnh
Đó là quả báo cúng đèn sáng.
Luôn luôn không mù, không tật nguyền
Đôi mắt luôn thấy biết sáng suốt
Thân không có bệnh, tiếng hòa nhã
Tâm thường thông tỏ không ngu si.
Mắt thường không bệnh không bị chột
Sinh vào loài nào mắt cũng sáng
Không bị chột mắt hay đui mù
Hai mắt cũng thường không nhơ loạn.
Mắt dài, đen trắng rất rõ ràng
Sạch đẹp tựa như cánh sen xanh
Mắt sáng thấy được vật nhỏ nhiệm
Như châu ma-ni không tỳ vết
Trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp.
Được nhục nhãn sáng, không hư hoại
Lại không có các bệnh về mắt
Đó là quả báo cúng đèn sáng
Dòng dõi, tướng tốt khác biện luận.
Hiểu rõ tất cả các công nghệ
Người có trí tuệ hay quán sát
Diệu tuệ hiểu được Đệ nhất nghĩa
Khéo quán các hành không chủ tể.
Thường được hiếu sáng trong pháp Phật
Thấy được tất cả Phật Thế Tôn
Cung kính thực hành pháp cúng dường.
Đời đời được sắc thân đoan nghiêm
Bà con, quyến thuộc, đều kính mến
Được của cải báu, uy lực lớn
Và được bà con luôn thân cận.
Như đèn sáng kia trừ tối tăm
Rực rỡ soi sáng khắp mười phương

Ánh sáng người đó cũng như vậy
Không bị u tối che khuất mất.
Ai có tín tâm với tháp Phật
Dâng cúng đèn sáng, ngọc anh lạc
Khi cúng đèn sáng tâm thanh tịnh
Thành bậc Tối thắng trong nhân gian.
Xinh đẹp đặc biệt thật đáng yêu
Tất cả thế gian đều ưa thích
Tâm không xem thường điều tốt xấu
Cũng không ham thích các tà đạo.
Không hề tin theo đám tà giáo
Và những ác kiến ở thế gian
Nếu làm quốc vương thường biết đủ
Không tham nước người gây chiến tranh.
Thường không khổ não, không tham ái
Và cũng không có các phiền não
Không có tất cả những sa đọa
Không có tiếng xấu, không buồn phiền.
Nếu làm đại thần nói điều chi
Vua và dân chúng đều tin tưởng
Thân không có những bệnh suy yếu
Không làm huỳnh môn, không trái đạo.
Đầy đủ thân tướng sống an lạc
Khổ hoạn không sao vướng đến thân
Không hề thấy những điềm mộng xấu
Thức ngủ mọi lúc đều an ổn.
Đời đời thường được các kho báu
Cúng dường tất cả chùa tháp Phật
Công đức chư Phật không biên giới
Người kia được phước cũng như vậy.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có chúng sinh nào cúng dường đèn sáng nơi tháp miếu Phật thì được bốn pháp đáng ưa thích:

1. Sắc thân.
2. Của cải.
3. Thiện nghệ.
4. Trí tuệ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chúng sinh nào thắp đèn sáng cúng dường

tháp miếu Phật thì được bốn pháp đáng ưa thích như thế.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lập lại ý nghĩa trên nên nói kệ:

Thân hình tròn đầy, đủ đại lực
Không gây chiến tranh với người khác
Đi khắp mọi nơi không phiền muộn
Do cúng dường đèn nơi tháp Phật.
Sinh nhà quý tộc, giàu có nhất
Đầy đủ công đức người tôn kính
Đời đời luôn được Trí túc mạng
Do cúng dường đèn nơi tháp Phật.
Luôn luôn thương tưởng các chúng sinh
Nói năng được bà con kính thọ
Tâm không gây hại, luôn nhu hòa
Không hề tạo những nghiệp đạo ác.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu có chúng sinh cúng dường nơi tháp Phật thì được bốn thứ thanh tịnh:

1. Thân nghiệp thanh tịnh.
2. Khẩu nghiệp thanh tịnh.
3. Ý nghiệp thanh tịnh.
4. Thiện hữu thanh tịnh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào là được thân nghiệp thanh tịnh? Nếu thiện nam, thiện nữ nào sống ở mọi nơi xa lìa sát sinh, không có ý giết hại, xa lìa trộm cắp, tà dâm, đối vợ mình còn không tà hạnh, huống gì là dối với vợ người khác, không uống rượu và buông lung phóng đãng, không dùng dao gậy và những dụng cụ gây khổ để áp bức chúng sinh, xa lìa pháp bất thiện và các nghiệp ác, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Xa lìa các nghiệp thân tịnh gọi là thân nghiệp thanh tịnh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào gọi là khẩu nghiệp thanh tịnh? Người đó đời đời không nói dối, nếu không thấy nghe thì không nói dối, còn nếu thấy nghe thì hợp thời được hỏi mới nói, vì lợi mình lợi người mà không nói khác. Giả sử có người bảo nói dối, nhưng vì giữ gìn lời nói chân thật nên không hề nói dối, không đem lời người này nói cho người kia, không đem việc người kia nói cho người này. Hai người bạn gây hại nhau từ trước thì không làm cho tăng thêm, nói ra điều gì thì nhằm hòa giải sự tranh luận, lại xa lìa những lời nói đau lòng, lời thô tục, ác khổ, lời không vui, không thích, lời không dịu dàng, lời khó nghe, lời gây khổ người khác, lời kết oán thù. Nói những lời nhu hòa dịu dàng, vừa ý, không thô tục, làm

êm tai, lời hay dễ nghe, lời nhiều người mến thích, lời đáng yêu, đáng thích, lời trừ bỏ oán thù, xa lìa lời thêu dệt, không nghĩ khác, nói khác, không trái hẹn, không che ngăn sự thật, không phiền nói nhiều, không nói lời trái thời, luôn nói lời rốt ráo. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Xa lìa khẩu nghiệp không thanh tịnh như thế thì thành tựu khẩu nghiệp thanh tịnh. Xá-lợi-phất, đó gọi là khẩu nghiệp thanh tịnh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào là ý nghiệp thanh tịnh? Không tham vướng tài sản vật báu của người khác, không sinh tâm sân giận, xa lìa tâm gây hại, xa lìa tà kiến, không có ác kiến.

Xá-lợi-phất! Xa lìa các nghiệp như vậy gọi là ý nghiệp thanh tịnh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào là được thiện hữu thanh tịnh?

Nếu các thiện hữu xa lìa vọng ngữ, không uống rượu, lìa các thô ác, được điều phục, chánh kiến, đến nơi đâu đều được người gần gũi thăm hỏi, tín thọ. Lại đến chỗ các Đức Phật, các vị Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác để gần gũi, cúng dường, học hỏi những điều chưa nghe. Xá-lợi-phất! Đó là thiện hữu thanh tịnh. Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ cúng đèn sáng nơi chùa Phật thì được bốn thứ thanh tịnh như thế.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa trên nên nói kệ:

Vì muốn tháp sáng nên cúng đèn
Khéo điều phục nghiệp thân, khẩu, ý
Xa lìa tà kiến đủ giới tịnh
Do đó có được mắt như ý.
Giống như mặt trời sáng mười phương
Mau được thành tựu, các lậu hết
Có trí tuệ lớn, đủ oai đức
Được Thiên nhãn tịnh, trừ trần cấu.
Kẻ trí hiểu được tâm chúng sinh
Cũng được thông minh và biện tài
Dễ dàng đạt được đạo Nhị thừa
Do cúng đèn Phật được quả ấy.
Cầu quả Bồ-đề Phật vô thượng
Thiên nhãn trí tuệ và tài vật
Đối ba việc này không tổn giảm
Do cúng dường đèn nơi tháp Phật.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu thiện nam, thiện nữ nào mà trụ trong pháp Đại thừa mà cúng dường đèn nơi tháp miếu Phật thì đời đời được tám thắng pháp đáng vui:

1. Được nhục nhãn thù thắng.

2. Được niệm thù thắng không thể suy lường.

3. Được phần Thiên nhãn thù thắng, tột bậc.

4. Không thiếu giới, nhờ tu tập đạo đầy đủ

5. Được trí viên mãn chứng Niết-bàn.

6. Được nơi chốn không tai nạn nhờ làm việc lành từ trước.

7. Được gặp chư Phật nhờ làm việc lành, hay làm mắt sáng cho chúng sinh.

8. Nhờ căn lành nên thiện nam, thiện nữ có được xe báu của Chuyển luân thánh vương, không bị người khác gây chướng ngại, thân hình đoan nghiêm hoặc làm Đế Thích có oai lực lớn, có đủ ngàn mắt, hoặc làm Phạm vương được đại thiền định, khéo biết mọi việc của trời Phạm vương.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nhờ hồi hướng căn lành lên quả vị Bồ-đề mà được tám thắng pháp đáng vui ấy.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ nào trụ trong pháp Đại thừa thì được tám pháp thù thắng khôn lường.

1. Được vô lượng Phật nhãn.

2. Được vô lượng Thần thông của Như Lai.

3. Được vô lượng giới của Như Lai.

4. Được vô lượng Tam-muội của Như Lai

5. Được vô lượng trí tuệ của Như Lai.

6. Được vô lượng giải thoát của Như Lai.

7. Được vô lượng giải thoát tri kiến của Như Lai.

8. Được hội nhập nhận biết về chỗ ưa thích nơi tâm của hết thảy chúng sinh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Thiện nam, thiện nữ nào cúng dường đèn sáng nơi tháp miếu Phật thì được tám pháp thù thắng khôn lường như thế.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có chúng sinh nào thấy pháp sư liền nghĩ: "Làm sao để pháp sư luôn giảng nói chỉ dạy pháp Phật? Nên cúng dường dầu đèn cho Pháp sư. Do cúng đèn mà pháp sư bố thí đèn pháp." Nghĩ xong liền đem đèn dâng cúng. Nhờ căn lành mà được tám thứ tư lương (hành trang) khôn lường:

1. Được tư lương là vô lượng chánh niệm.

2. Được tư lương là vô lượng đại trí.

3. Được tư lương là vô lượng tín tâm.

4. Được tư lương là vô lượng tinh tấn

5. Được tư lương là vô lượng đại tuệ.

6. Được tư lương là vô lượng Tam-muội.

7. Được tư lương là vô lượng biện tài.

8. Được tư lương là vô lượng phước đức.

Đồng thời được bốn biện tài và vô ngại tuần tự được Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Nếu chúng sinh nào thấy người cúng đèn trước Đức Như Lai mà khởi tín tâm thanh tịnh, chắp tay, phát tâm tùy hỷ thì nhờ căn lành ấy đạt được tám pháp tăng thượng:

1. Được sắc thân tăng thượng.

2. Được quyến thuộc tăng thượng.

3. Được giới tăng thượng.

4. Được đời sống tăng thượng trong hàng trời, người.

5. Được tín tâm tăng thượng.

6. Được biện tài tăng thượng.

7. Được Thánh đạo tăng thượng.

8. Được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Xá-lợi-phất! Đó là tám pháp tăng thượng. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì sao đạt được tám pháp tăng thượng ấy?

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì Phật có vô lượng giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Nếu cúng dường Phật thì đạt được quả báo, lợi ích cũng lại vô lượng.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa trên nên nói kệ:

Thực hành hạnh xuất ly
Siêng tu giáo pháp Phật
Trừ bỏ chúng ma chết
Như voi phá rừng cây.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tuệ mạng Xá-lợi-phất:

–Có năm pháp rất khó đạt được:

1. Được thân người là khó.

2. Tin thích pháp Phật là khó.

3. Vui thích pháp Phật được xuất gia là khó.

4. Đầy đủ giới tịnh là khó.

5. Dứt hết các lậu là khó.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Các chúng sinh khó đạt được năm pháp này, nhưng các thầy đã đạt được.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa trên để khuyên bảo Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo nên nói kệ:

Tu pháp bố thí nơi tháp Phật
Vì lợi chúng sinh cầu Bồ-đề
Kẻ trí tu đạo thắng nhân này
Đời đời thường được quả tối thắng.
Sống đời thù thắng trong trời, người
Được các hàng trời kính, cúng dường
Như núi Tu-di không lay động
Ánh sáng soi chiếu khắp mười phương.
Thiên chúng thấy được đều cung kính
Lại được mến yêu sinh lòng tin
Tu pháp cúng dường và khen ngợi
Tất cả đều thường thích gặp.
Lạ thay Thiên tử tướng phước đức
Như ánh sáng trời chiếu Phạm cung
Vị này từng tu những nghiệp gì
Mà được thân hình sáng rực thế.
Thấy vậy ai mà không tu thiện
Và không tu học giới Thánh hiền?
Bởi lẽ gặp Phật sinh nhàm chán
Nghe pháp vi diệu lại buông lung?
Người ấy đời trước ở nhân gian
Thường dâng cúng đèn nơi tháp Phật
Thiết lễ cúng dường trong pháp Phật
Khéo được phước lợi sinh cõi trời.
Tôi nguyện luôn luôn được thân người
Phát tịnh tâm tín giáo pháp Phật
Sống trong Phật đạo không buông lung
Thà bỏ thân mạng không bỏ pháp.
Có được người thân thật là khó
Kẻ ngu vì sao không làm phước
Hao phí tiền tài không đúng pháp
Chết thì đọa vào hầm hiểm lớn.
Thấy trời Vô cấu có oai đức

Tâm tự hối trách, phát lời nguyện
Nguyện thường được sinh ở cõi người
Siêng năng tu tập các phạm hạnh.
Nguyện lúc lâm chung được tịnh tín
Ở trong chánh pháp của Như Lai
Nguyện được chánh niệm, không tán loạn
Được thấy vô lượng Đức Như Lai.
Được ngàn ức trời kính, cúng dường
Vui hưởng thỏa thích cùng Thiên nữ
Các hàng Thiên nữ đều kính mến
Thiên nữ trang hoàng vườn vui thú.
Các trời đem hương đến xông ướp
Tai nghe tất cả các tiếng hay
Vị trời này đi đến nơi đâu
Đều thấy được các sắc thượng diệu.
Những màu sắc ấy thật đáng yêu
Thường không thấy những sắc màu xấu
Lại thường tiếp xúc vật thắng diệu
Đều do đem đèn dâng cúng chùa.
Sau khi bỏ thân, sinh cõi người
Chánh niệm ở trong thai của mẹ
Sinh ra nhớ được việc cõi trời
Oai lực, trí tuệ, không bị mất.
Vị này đã tạo việc như thế
Được làm đại đức Chuyển luân vương
Thân hình, dung mạo, thật đoan nghiêm
Do cúng dường đèn được quả ấy.
Nhờ tu nghiệp này được sống lâu
Luôn trụ thanh tịnh và an lạc
Thân thể không hề bị bệnh đau
Cúng đèn có được quả báo ấy.
Không có nạn vua, nạn oán giặc
Người khác không dám xâm phạm vợ
Không bị kẻ ác gây não loạn
Do đem đèn sáng cúng dường Phật.
An ổn, giàu có, không lo sợ
Sang cả uy lực, nhiều của báu
Được ngọc anh lạc và vườn rừng

Là nhờ đốt đèn dâng cúng Phật.
Lại được thấy các Đức Thế Tôn
Thấy rồi tâm niệm sinh cung kính
Vì cúng dường Phật bằng tâm hỷ
Bỏ cả ngôi vua để xuất gia.
Trí vô lượng, cứu cánh của Phật
Đầy đủ đức tốt, giáo hóa người
Cúng dường đèn sáng nơi tháp Phật
Thân hình rực rỡ như đèn chiếu.
Mắt Mâu-ni trâu chúa thanh tịnh
Đem đèn soi sáng nơi tháp này
Đạt được đạo vô lậu, vô thượng
Thân hình sáng chói chiếu mười phương.
Thấy bốn chân đế, đủ mười Lực
Các pháp bất cộng cũng trọn vẹn
Được mắt thấy khắp thành Thiện thệ
Quả này là do cúng dường đèn.
Giả sử tất cả các chúng sinh
Xưa từng cúng dường vô lượng Phật
Đủ oai đức lớn thấy thật nghĩa
Ức kiếp sẽ thành đạo Duyên giác.
Tất cả thế giới trong mười phương
Đều bày đèn sáng không hề sót
Đem những đèn sáng nơi các cõi
Tín tâm cúng dường cho vị ấy.
Người thực hành pháp cúng dường này
Trong vô lượng kiếp thường không dứt
Nếu đem một đèn dâng cúng Phật
Được phước vô lượng hơn người trước.
Dầu đèn nhiều như nước biển cả
Tim đèn lớn bằng núi Tu-di
Nếu ai đốt được đèn như thế
Soi khắp tất cả các thế giới.
Giữ lòng kính tín thật sâu xa
Chí nguyện chỉ cầu đạo Duyên giác
Mười phương đều đặt đèn như thế
Nhất tâm cung kính mà cúng dường.
Nếu người phát khởi tâm Bồ-đề

Tay cầm đuốc đỏ cúng dường Phật
Người này được phước hơn người kia
Ta hiểu nghĩa thật nói như thế.
Tất cả chúng sinh trong mười phương
Ai nấy đều cúng đủ như trên
Trải qua vô lượng hằng sa kiếp
Tâm chí chỉ cầu đạo Duyên giác.
Nếu người đốt một ngọn đèn sáng
Hoặc lễ một lạy tháp miếu Phật
Cầu đạo vô thượng vì chúng sinh
Phước này nhiều hơn trước vô lượng.
Khó thấy, khó lường cảnh giới Phật
Người trí nghe qua sinh hoan hỷ
Kẻ không tín tâm nghe chẳng vui
Ma ngu si kia hoại chánh pháp.
Thật khó chứng được tịnh pháp giới
Tất cả thế gian chỉ có Phật
Vì thế các người nên hoan hỷ
Nên mong cầu được công đức Phật.

Nghe Đức Phật giảng nói pháp này, Tuệ mạng Xá-lợi-phất... cùng vô lượng chúng Trời, Người, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân Phi nhân đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề, vui mừng khôn xiết, đảnh lễ, lui ra.

-oOo-

SỐ 703

KINH ĐĂNG CHỈ NHÂN DUYÊN

Hán dịch: Đời Dao Tần, Tam tạng
Pháp sư Cưu-ma-la-thập.

Nếu gieo trồng một ít hạt giống thiện vào ruộng phước thù thắng, thì được hưởng cái vui nơi cảnh trời, người, sau chứng đắc Niết-bàn. Là người có trí tuệ phải nên hết lòng siêng năng tu tập nghiệp thiện. Phước điền tức là Phật. Hào quang nơi thân Phật như ánh sáng vàng ròng hội tụ, dùng công đức trí tuệ tự trang nghiêm, nên được Thiên nhãn viên mãn, khéo quan sát các căn của chúng sinh. Vì thế gian u ám mà làm đèn sáng, vì chúng sinh ngu si mà làm người thân thiện. Các thiện đầy đủ, danh tiếng vang lừng, Thế Tôn Mâu-ni là chỗ nương tựa của chúng trời, người. Nếu ai đem tâm chí thành tu phước đều được phước báo.

Thuở xưa, thành Vương xá nằm giữa năm ngọn núi cũng là một trong năm thành lớn của nước Ma-già-đà. Thành Vương xá là một đô thành gồm nhiều nhà cửa sầm uất, đường sá ngang dọc thênh thang, đền đài, nhà cửa tráng lệ với vòm mái cao ngất, thoáng rộng, lan can bao quanh có rừng, hồ tuyệt đẹp, dòng nước chảy đi, chảy về giao nhau lưu chuyển. Rừng cây rậm rạp, cành lá sum suê, hoa trái đầy cành phản chiếu cả ánh sáng nhật nguyệt. Mùi hương ngào ngạt của rừng hoa, theo làn gió thổi bay đi bốn phương. Khắp cả thành, những bậc Thắng trí tu hành phạm hạnh từ xa đến đây, tất cả đều cho vùng đất này là trang nghiêm thù thắng nên tâm được hỷ lạc. Vua A-xà-thế là người trị vì ngôi thành này, ông lấy chánh pháp trị nước, dùng đạo giáo hóa nên được mọi người xa gần kính trọng, tập trung về đây sinh sống. Người người tu thiện, dân chúng trong nước đông đúc hưởng cuộc sống ấm no, an lạc.

Bấy giờ, trong thành có một Trưởng giả rất giàu có, kho tàng đầy ắp như Tỳ-sa-môn, nhưng không có con nối dõi, nên thường làm lễ cầu đảo Thần thánh để xin một mụn con. Không bao lâu, vợ ông mang thai, tròn đầy mười tháng hạ sinh một nam nhi. Túc duyên nơi đời trước của đứa bé có phước đức, nên ngày mới sinh ra, một ngón tay của nó đã phát ra ánh sáng lớn, chiếu xa mười dặm. Cha mẹ đứa bé quá vui mừng, liền thiết bày

đại hội, mời thân tộc và các thầy tướng đến để đặt tên cho con. Vì ngón tay của đứa bé có hào quang nên đặt tên là Đăng Chỉ. Mọi người trong hội thấy đứa bé có tướng khác lạ nên khen ngợi là chưa từng có. Một Bà-la-môn tên Bà Tu vốn bác học đa văn thông hiểu mọi việc, thuộc lòng bốn quyển kinh Vệ-đà cũng có mặt nơi đại hội. Thấy đứa bé dáng vẻ kỳ lạ, tướng tá phi thường, nên mỉm cười nói: "Đứa bé này có thể là trời Na-la-diên, Thích Đề-hoàn nhân, hay Thiên tử của mặt trời, hoặc các Đại đức Thiên thị hiện hạ sinh."

Cha mẹ đứa bé nghe vậy càng hoan hỷ bội phần, thiết bày đại hội bảy ngày, bảy đêm bố thí làm phước, do vây tiếng đồn lan khắp cả nước đều nghe biết về Trưởng giả sinh phước tử. Lời đồn tốt đẹp đã thấu đến tai vua. Nhà vua nghe vậy liền hạ lệnh triệu đứa bé vào cung, Trưởng giả vâng lệnh ẵm đứa bé vào vương cung, đúng lúc nhà vua đang có yến hội với đủ loại đàn nhạc, nên không ai bẩm báo. Trưởng giả không dám vào, còn đứng ở phía trước, ngón tay của đứa bé tỏa ra ánh sáng chiếu thấu vào hậu cung, sáng chói đỏ rực, chiếu đến thân vua và sáng cả hậu cung, hết thảy mọi thứ ở đấy đều được phủ màu vàng ròng. Ánh sáng chiếu khắp vương cung giống như chìm sâu nơi biển nước mênh mông. Nhà vua lấy làm lạ hỏi:

–Ánh sáng ấy từ đâu đến, bỗng nhiên chiếu vào cung ta? Há phải là Đức Thế Tôn muốn giáo hóa chúng sinh nên đến hoàng cung chăng? Hay là Đại đức, chư Thiên, Thích Đề-hoàn Nhân, Nhật Thiên tử,... giáng hạ?

Nhà vua bèn sai người ra ngoài cổng xem sao. Người ấy ra xem rồi quay vào bẩm:

–Tâu Đại vương! Đứa bé mà Đại vương cho gọi đang đứng trước cửa. Bàn tay của nó để trên vai nhũ mẫu, có một ngón phóng ra hào quang chiếu thấu đến đây, nên mới có ánh sáng này.

Vua sắc lệnh:

–Hãy mau ẵm đứa bé đến đây.

Nhà vua thấy đứa bé kỳ lạ, liền nắm tay nó xem tướng, nói:

–Lục sư ngoại đạo cho là không có nhân quả, chính là dối gạt mê lầm. Nếu không có nhân quả thì sao có đứa bé này? Từ lúc sinh đến giờ dung mạo siêu tuyệt, ngón tay tỏa ánh sáng, chiếu khắp. Lấy đó mà xét: Những kẻ ngoại đạo hãm hại chúng sinh sẽ bị đọa vào cõi ác. Theo ta nhận biết, đứa bé này không phải từ cõi trời Tự tại hóa sinh xuống, cũng chẳng phải là Thần linh tự nhiên mà có ngón tay phát ra ánh sáng, tất nhân nơi phước đức từ đời trước nên đạt được quả báo thiện, vì sớm nhận biết lời giảng nói của Phật là chân thật, không hư dối. Phật thuyết giảng về vô số nghiệp

duyên, trang nghiêm thế gian, tất cả chúng sinh mắt thấy báo ứng mà không chịu tu phước, hoàn toàn là chuyện lạ.

Nhà vua nói tiếp:

–Nay ta còn nghi ngờ, không biết ánh sáng ấy do mặt trời hay là hào quang chiếu rọi của ngón tay kia, ta muốn xét kỹ sự việc này.

Sau khi mặt trời lặn, đợi đến nửa đêm, nhà vua và các quần thần đem đứa bé đặt lên lưng voi, dẫn ra phía trước, vào trong khu vườn. Ánh sáng từ nơi ngón tay của đứa bé chiếu sáng rực rỡ phá tan màn đêm, nhìn thấy chim thú, hoa quả trong khu vườn không khác gì ban ngày. Nhà vua thốt lên khen ngợi:

–Lời Phật thuyết giảng vi diệu biết bao! Ngày hôm nay tâm ta đối với nhân quả lòng tin càng thêm vững chắc và xem nhẹ các lục sư vì quá ngu tối mê muội, do đấy đối với Phật ta càng tôn ngưỡng gấp bội.

Khi ấy, Kỳ-vực thưa với nhà vua:

–Tâu Đại vương! Trong kinh Đức Phật nói: Nếu không thấy rõ nghiệp nên tham lam keo kiệt. Còn nếu thấy rõ nghiệp thì tham lam keo kiệt vĩnh viễn chấm dứt. Nay thấy Đăng Chỉ có phước báo đó, giả sử khiến bị khốn cùng khánh kiệt, vẫn còn tu nghiệp thiện, huống chi là giàu có mà không chịu tác phước sao?

Kỳ-vực vừa dứt lời thì trời cũng vừa sáng, mọi người dẫn Đăng Chỉ hồi cung. Nhà vua rất vui, ban tặng nhiều châu báu rồi cho phép đưa Đăng Chỉ trở về nhà.

Theo năm tháng Đăng Chỉ dần dần lớn khôn. Trưởng giả thân phụ đã dò hỏi nhiều nhà quyền quý, muốn tìm người sánh vai để cầu hôn chọn vợ cho Đăng Chỉ. Gia đình trưởng giả đã giàu có lại gồm đủ các mặt như lễ giáo, gia phong, khuê môn hòa thuận, tài sản vật báu thịnh vượng. Nhưng ở đời hễ có thịnh thì có suy, hội hợp thì có biệt ly. Vợ chồng trưởng giả đều qua đời! Giống như mặt trời vừa lặn, ánh sáng nhường chỗ cho màn đêm. Như vầng trăng bị lu mờ khi bình minh ló dạng. Như ngọn lửa hồng lụi tàn chỉ còn lại đống tro than. Tráng kiện, sắc đẹp bị hủy hoại khi bệnh tật hoành hành. Thiếu niên, trai trẻ, sẽ bị già nua xâm nhập, mến yêu thân thể này rồi tử thần cũng đoạt mạng. Sau khi cha mẹ quá vãng, cuộc sống gia đình dần dần hao tổn, mà Đăng Chỉ thuở thiếu thời do giàu có nên xa xỉ, không giữ gia nghiệp, giao du với bạn xấu, tâm ý phóng đãng, đam mê tửu sắc, tiền của tiêu phí vô độ, kho tàng dự trữ, tích chứa không còn ai lo liệu, như trăng tròn khuyết dần rồi mất hẳn.

Bấy giờ, nước này có phong tục một năm lễ hội một lần. Mọi người

tập hợp, quây quần xung quanh núi. Đăng Chỉ cũng đến dự hội, anh ta ăn mặc trang sức một cách xa hoa phung phí, mang đàn nhạc, dẫn theo kỹ nữ tất cả đều lọng lẫy, không khác gì một vương giả, khiến hầu hết các người trong hội ai cũng kính nể khen ngợi. Họ cùng nhau ăn uống, vui chơi thỏa ý, trống chuông đua nhau trỗi dậy, đàn ca vang lừng, cả một vùng rộng lớn hiện đầy sự nhảy múa ca hát, âm thanh vang dội gần như "lay chuyển núi lấp che hang."

Khi bọn giặc cướp biết Đăng Chỉ đi dự hội trong thời gian chưa về, chúng bèn đến nhà anh ta rình rập, không thấy người, liền xông vào lấy hết tiền của không còn một thứ gì. Trời tối, Đăng Chỉ trở về, thấy nhà cửa bị giặc cướp vơ vét sạch, chỉ ngổn ngang cây, đá, gạch, ngói,... trước sự tình như vậy Đăng Chỉ tuyệt vọng ngã quỵ xuống đất, người nhà bên cạnh lấy nước phun vào mặt mới tỉnh lại, khóc lóc ưu sầu suy nghĩ: "Xưa cha ta đã làm nhiều công việc luôn có phương pháp thích hợp để tu trị gia nghiệp, lao nhọc tích chứa của cải vật báu đầy kho. Cha ta sinh con nuôi dưỡng lớn khôn là thấy đã có người để ủy thác, giao phó, cớ sao ta không chịu giữ gìn sự nghiệp của cha mình lại làm một kẻ dối lừa, biếng nhác chạy theo cảnh phù phiếm? Tài sản kho đụn của phụ thân chỉ trong một sớm một chiều là tan biến, trống rỗng, gia súc thì chạy tán loạn, ngó quanh quẩn trong nhà chỉ còn con ta đeo anh lạc và một vài bộ đồ, nếu đem đổi lấy miếng cơm để độ nhật trong lúc cấp thời thì cũng sẽ hết sạch, vậy làm sao đây."

Lúc này, ánh sáng nơi ngón tay của Đăng Chỉ cũng biến mất. Vì quá túng quẩn, người vợ khinh rẻ anh ta nên đã bỏ đi, nô tỳ, tôi tớ cũng trốn hết. Thân bằng quyến thuộc, chỗ quen biết, tình cảm ngày trước luôn thắm thiết, giờ thì quay lưng, đoạn tuyệt như oán thù. Họ thấy anh ta bần cùng sợ theo nhờ vả nên trở mặt giận dữ. Vợ hãy còn ruồng bỏ huống chi là người dưng. Nên biết, cảnh đói nghèo giống như là địa ngục, bần cùng tạm bợ so với cái chết không khác nhau. Trước đây đời sống sung túc luôn an vui giờ gặp cảnh khốn cùng thì không còn chỗ cậy nhờ, chẳng nơi nương tựa. Lửa tâm ưu phiền đốt cháy, chất độc sầu muộn càng hừng hực. Sắc diện suy hao, dung mạo tiều tụy, chuyển đổi rõ rệt. Thân thể ốm gầy, đói khát mòn mỏi. Đôi mắt bị mờ dần, tất cả xương cốt lồi ra. Da mỏng bao bọc, gân huyết lộ bày. Đầu tóc bù xù, tay chân teo ốm. Sắc da trắng bệch hình hài bẩn thỉu, lại không có mảnh áo che thân, nên Đăng Chỉ phải vào trong đống rác hôi thối, lượm nhặt từng miếng lớn, miếng nhỏ chắp vá để mặc, mới có thể che được tấm thân gầy. Đăng Chỉ ăn ngủ gần nơi đống rác lớn, không có giường chiếu, nhiều người thân quen cũ trông thấy mà không biết, phải lê la đi khắp các ngõ hẻm xin ăn như con quạ đói. Một hôm, Đăng

Chỉ biết bên kia đường có nhà người bạn, bèn đến xin miếng cơm, bị người giữ cổng ngăn cản không cho, nhưng Đăng Chỉ không nghe cứ rình chờ để đột nhập vào nên bị một trận đòn nhục nhã. Chủ nhà chạy ra lấy roi muốn đánh thêm, Đăng Chỉ vội cúi mình quỳ lạy van xin, chủ nhà càng khinh miệt, không đoái hoài đến tuy cũng cho vào nhà, nhưng coi anh ta không ra gì, không nói một lời, không mời ngồi, chỉ thí cho một ít thức ăn không đủ no quăng ném vào bát.

Bấy giờ, trong nước ấy có tục khi cưới vợ, sinh con, cạo tóc đều tổ chức lễ hội, Đăng Chỉ lân la đến các nơi ấy, hy vọng xin được miếng cơm thừa, nhưng đều bị khinh khi đã không hề cho ngồi, lại xua đuổi ra ngoài, cố gắng van nài lắm thì chỉ được một ít thức ăn dư đựng trong bát của bọn đầy tớ. Đăng Chỉ suy nghĩ: "Sao ta đến nông nỗi này, nghèo khốn và cô độc." Lại thầm nghĩ: "Hôm nay, tinh thần ta như bị hôn mê, tâm trí hết nhận biết được nữa. Không rõ ta bây giờ ngày xưa là hình hài gì tạo tác gì mà phải thọ thân như thế này? Sự đời khổ não cay đắng không phải là ngẫu nhiên. Ví như rừng cây không hoa nên loài ong xa lánh. Như cỏ lá bị sương móc làm héo úa, tàn rụng, ao hồ khô cạn thì chim hồng, nhạn không còn lai vãng, rừng rậm bị thiêu đốt thì đám hươu nai đâu còn lui tới, ruộng lúa cắt xong thì không còn người thâu giữ. Bây giờ ta nghèo khổ khốn khó nếu kể lể trước đây từng giàu có, thì chẳng ai tin, nói ra cũng vô ích thôi! Người đời tuy đông đảo, nhưng không ai thèm biết đến ta, do ta nghèo khổ nên tương lai mù mịt. Ví như đồng hoang lửa bốc cháy, chẳng có ai muốn ngó ngàng tới. Như cây khô không còn tàng lá, nên không ai dừng chân nương bóng. Như lúa mạ bị mưa đá, sương móc làm hư hại thất thâu. Như nhà có rắn độc nên mọi người xa lánh. Như thức ăn có chất độc lẫn lộn nên không có người thưởng thức. Như mồ mả hoang vắng không người trông coi. Như nhà xí dơ dáy, bẩn thỉu, đầy dẫy hôi thối. Như kẻ đồ tể bị người đời khinh ghét. Như kẻ thường trộm cắp bị mọi người nghi ngờ. Ta bây giờ cũng giống với những hoàn cảnh như vậy. Nhất cử nhất động đều bị khinh ngờ, chỗ có thể nói ra mở lời thì chỉ thêm lỗi, nói ra có đúng họ cũng cho là sai, tạo nghiệp thiện thì cũng cho là làm điều xấu. Đôi khi lợi dụng được chút thời cơ để nhanh chân thì lại bị chê khinh là vội vã, hấp tấp, nếu được lúc thảnh thơi, thì bị quở là cái thứ đáng bỏ đi, nếu mở miệng khen ngợi thì bảo là dua nịnh, còn như không khen thì bị dè bỉu: "Hạng người bần cùng đó thường không có lời hay." Nếu có lời chỉ dạy thì bị mắng là dối gạt theo sự hiểu biết của các bậc Trưởng thượng, kỳ cựu, còn nói năng có chút hoạt bát thì bảo nhiều lời. Hoặc im lặng không nói thì cho là ẩn tình. Còn nói năng thẳng thắn thì bảo là thô lỗ cộc cằn. Nếu cầu theo ý người, lại cho là dua

nịnh, quanh co. Nếu có ý định thân cận nương tựa thì bảo là huyễn hoặc. Còn như không gần gũi thì nói là kiêu mạn ngông láo. Nếu thuận theo lời nói của người khác thì bảo là "giả vờ giữ lấy ý người." Còn không tùy thuận thì nói là tự chuyên. Hoặc cần phải "ôm chân núp bóng" thì bị mắng là khiếp nhược, ty tiện. Nếu không ngã theo ý họ, thì bị mắng là bần cùng mà còn có tự ngã. Còn tự ý phóng khoáng một chút thì cho là kẻ ngu si không biết dè dặt. Nếu mình khiêm tốn, thì họ nói: "Hắn không thô lỗ như thế chẳng qua là trá hình tướng đàng hoàng, chín chắn." Nếu lại vui vẻ, an nhàn đôi chút thì họ dùng lời mắng nhiếc: "Hình tướng ấy khác nào thằng điên." Còn như buồn thảm thì bảo: "Vậy là từ trước tới nay tâm nó không bao giờ vui, là thứ ngậm độc." Nếu nghe theo lời người khác nói thì bảo là: "Hắn bị sai khiến là lấy ngu thay trí nên chịu nhiều hổ thẹn." Nếu im lặng thì lại nói là ngu xuẩn, không biết đạo lý. Nếu ít tranh luận biện bạch thì là nói không tin tội phước. Như có tìm tòi thì bảo là: "Tùy tiện mà được chứ không biết liêm sỉ." Nếu không đòi hỏi thì lại nói "Nay tuy không cầu, nhưng sau này sẽ mong muốn nhiều hơn." Nếu dẫn chứng kinh sách để nói thì bảo giả vờ thông minh. Còn như nói lời mộc mạc thì lại khinh chê là khờ khạo, ngu độn. Nếu luận bàn rõ về sự thật thì lại bảo là nói năng ồn ào. Còn chỉ thì thầm việc riêng tư, dù có nói lời đúng đắn cũng cho là gièm pha, nịnh hót. Nếu mặc áo mới thì nói mượn đồ để trang sức. Còn mặc áo rách thì lại chế giễu là nghèo hèn thấp kém. Nếu ăn uống nhiều thì nói là đói khát, tham ăn. Còn như ăn uống ít thì bảo: "Trong bụng thực ra là đói mà giả vờ từ tốn." Nếu nói bàn về kinh luận thì bảo: "Hắn muốn hiển bày cái hiểu biết của mình, ý phô trương ta đây không hề ngu muội." Còn như không nói về kinh luận thì bảo là đồ ngu tối không biết gì, đáng cho đi chăn bò. Nếu kể lể về sự nghiệp ngày xưa thì nói tự đề cao là khoác lác. Còn như im lặng thì nói gia môn tài sản của nó đúng là đã cạn kiệt."

Những người nghèo khổ đi, đứng, qua lại, nói năng, ngẩng lên cúi xuống hết thảy là lỗi lầm, sai sót. Còn người giàu sang thì nhất cử nhất động làm việc gì cũng đều đúng, nếu có gây ra những điều phi pháp cũng không có tội. Người bần cùng như thây quỷ di chuyển khiến tất cả đều sợ; như gặp bệnh nan y khó có thể trị liệu. Như nơi hoang vắng, nguy hiểm, tuyệt nhiên không có một chút nước uống hay ngọn cỏ. Như rơi vào biển lớn, chìm đắm trong vô số lớp sóng cuồn cuộn. Như người bị ấn yết hầu hơi thở không phát ra được. Như đôi mắt bị nhặm, không biết chỗ hướng đến. Như đống rác uế tạp cao dày khó có thể tẩy, khử. Như oan gia tuy cùng nhau sinh hoạt, nhưng không bỏ được tâm ác. Như vào mùa hè giếng nước khô cạn, nếu rơi xuống sẽ bị chết ngộp. Như vào trong đầm lầy sâu lún

không thể bước ra. Như núi lở, nước chảy ào ạt. Như gió lốc thổi tràn cây cối bị gãy đổ. Nghèo khổ cũng như thế. Những khổ cực nơi bần cùng đều có thể hủy hoại: Sắc đẹp, trai tráng, khí lực, danh tiếng, chủng tộc, nhà cửa, trí tuệ, trì giới, bố thí, hổ thẹn, nhân nghĩa, tín hạnh, uy dũng, ý chí đều mất hết. Lại sinh ra đói lạnh, oán ghét, thô lỗ, hẹp hòi, sầu muộn, độc ác, oán trách, mắc tội, những cái khổ như vậy đều từ bần cùng sinh ra. Ví như chỗ cất giấu có nhiều thứ tạp vật, nên núp giấu bên trong cái nghèo cùng là thân tâm có đủ loại khổ não. Phàm là người giàu sang thì oai đức cao quý, dung mạo đàng hoàng, tâm ý độ lượng, quảng đại, khoan dung, lễ nghĩa đủ đầy, có thể sinh trí dũng, tăng trưởng gia nghiệp, quyến thuộc hòa thuận, tiếng lành đồn xa. Đăng Chỉ suy nghĩ: "Ta nay quá nghèo khốn ở đời không ai hơn nữa, đã không thể tự sát để bỏ thân này, vậy phải có phương pháp gì để tạo sự sống còn." Lại nghĩ: "Người đời luôn tệ bạc! Bất quá ta đi vác tử thi, việc đó tuy đồng hàng với việc ác nhưng đời sau không thọ nghiệp khổ, còn hơn là làm những việc khác như sát sinh, hay những điều bất thiện. Cứ theo ý nghĩ này mà xin làm công việc vác xác ấy."

Bấy giờ, có người nghe Đăng Chỉ xin việc làm, nên thuê vác xác chết. Đăng Chỉ nhận lời, theo như người hướng dẫn vác một xác chết đến nghĩa địa, tới nơi Đăng Chỉ muốn ném xuống, nhưng xác chết lại ôm lấy Đăng Chỉ, ghì chặt không gỡ ra được, như đứa bé ôm lấy cha mẹ. Đăng Chỉ cố gắng hết sức để bung chạy nhưng cũng không thể thoát thân. Thây chết bấu xương sống như chất keo gắn buông chẳng được, tháo không ra. Đăng Chỉ quá sợ hãi, suy nghĩ: "Bây giờ ta tìm đến chỗ nào đó để nhờ kẻ khác cứu mình." Bèn vội vã chạy vào thôn Chiên-đà-la, la lên:

–Nếu ai có thể gỡ giùm thây chết trên lưng tôi, tôi sẽ trả tiền giá gấp đôi.

Những người Chiên-đà-la nghe rõ, tất cả cùng xúm lại kéo thây chết, nhưng cũng không ra. Có một người đứng ngoài thấy thế mắng Đăng Chỉ:

–Thằng điên, hà cớ gì vác thây chết chạy vào thôn xóm người ta.

Rồi họ xúm nhau lấy cây đánh, lượm đá ném. Thân thể Đăng Chỉ đầy thương tích, đau đớn xen lẫn sợ hãi. Có người thương xót, đưa anh đến thành. Vừa dìu tới dưới cổng thành thì người giữ cửa ngăn lại, đánh Đăng Chỉ không cho đến gần cửa. Đâu có ai ngu si gì mà vác tử thi đi vào thành? Đăng Chỉ nhìn lại thân phận mình, thân thể đầy thương tích do gậy gộc. Tràn trề ảo não Đăng Chỉ khóc lớn, nói:

–Ta chính vì miếng ăn nên phải làm việc thô bỉ này, hôm nay bỗng nhiên gặp khổ lớn. Cũng vì bần khốn, không tìm được việc làm, vì vậy phải

làm nghề đê tiện ấy. Mình chỉ mong kiếm tiền lấy đó để tự sinh nhai, sao mới một ngày lại gặp chuyện cay đắng? Nhưng thà vác xác chết khác chớ không chịu mang mãi thây sống.

Vừa khóc vừa kể lể, người giữ cổng quá cảm động nên cho Đăng Chỉ trở về nhà. Bản thân không nhà, nên trước tiên xin ăn cùng những người nghèo khổ, sống chung với họ, nhưng khi trông thấy xác chết trên lưng anh ta, tất cả đều bỏ đi. Về đến nhà rồi thì thây chết tự rớt xuống đất, khi ấy Đăng Chỉ càng thêm khiếp sợ, sầu muộn tuyệt vọng ngã quỵ xuống đất, hồi lâu mới tỉnh lại, thấy thây chết kia cả cánh tay thuần là vàng ròng. Tuy còn sợ nhưng thấy màu vàng ròng đẹp, liền đến bên cạnh thây chết lấy dao chém thử thì đúng là vàng ròng thật. Được vàng, Đăng Chỉ lòng vui mừng bèn dùng dao cắt đầu, tay, chân, vừa cắt xong trong khoảnh khắc thì tay, chân, đầu bằng vàng lại mọc ra như cũ y hệt con người lúc trước.

Như ông vua mất nước, trở lại ngôi vị. Như người mù, nay mắt lành thấy được ánh sáng. Như nhớ thương người con gái nọ lâu ngày, nay gặp nhau, giao hoan. Như người học thiền bỗng nhiên được chứng đạo. Đăng Chỉ hiện tại vui mừng cũng như thế. Đăng Chỉ có kho tàng châu báu nhiều hơn trước gấp bội, oai đức danh tiếng hơn ngày xưa. Họ hàng, bằng hữu, vợ con, tôi tớ tất cả đều trở lại. Đăng Chỉ than:

–Chao ôi! Quái lạ thay, giàu có tột đỉnh nhiều uy lực nên có thể sai khiến người ta mau chóng quay về. Còn nghèo hèn thì cũng có thể làm cho những người thân lẹ làng bỏ đi. Trước đây ta bần hàn, thăm hỏi người thân thiết, họ đoạn tuyệt giao du, hầu như không một ai thèm nói chuyện với ta. Hôm nay, tất cả đều nghiêm chỉnh vâng lời, chắp tay cung kính. Giả sử sinh nơi như Đế Thích, dũng lực như La-ma, thấy biết như Thiên sư, nếu không có tiền tài thì cũng không được như vậy. Ai giàu có, không cần biết là trí hay ngu đều tôn xưng họ là tốt. Nếu thực chất họ không biết gì, thì người đời cứ cho là trí, cũng được oai thế, nhiều danh thơm tiếng tốt. Mặc dù già nua, xấu xí nhưng cũng có phụ nữ trẻ đẹp yêu mến, cận kề người ấy.

Bấy giờ, nghe Đăng Chỉ giàu sang trở lại vua A-xà-thế liền hạ lệnh cho người đến thâu giữ tất cả tài sản của Đăng Chỉ, chỉ còn mỗi một thây chết họ ném bỏ lại trong nhà. Nhưng xác chết lại biến thành vàng thật, Đăng Chỉ biết vua muốn được bảo vật này, liền lấy đầu, tay, chân bằng vàng đem dâng cho vua. Nhà vua được vàng rồi hồi cung. Sau đó, Đăng Chỉ suy nghĩ nói kệ:

Năm dục dễ lay động
Như ánh chớp, rắn độc

Sang giàu chẳng dừng lâu
Nên sinh tâm chán bỏ.

Đăng Chỉ lấy châu báu bố thí cho mọi người, đoạn xuất gia cầu đạo theo giáo pháp của Như Lai, tinh tấn tu tập chứng đạo quả A-la-hán. Tuy đắc đạo quả nhưng cái xác bằng vàng cứ ám ảnh mãi.

Một hôm, có vị Tỳ-kheo hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Tỳ-kheo Đăng Chỉ từ khi sinh đến nay có ngón tay phát sáng? Vì nhân duyên gì phải chịu cảnh nghèo khốn? Và vì nhân duyên gì mà có thây bằng vàng thường theo ám ảnh?

Phật bảo:

–Này Tỳ-kheo! Hãy chí tâm lắng nghe, ta sẽ vì ông nói rõ về túc duyên đó!

Vào thời xa xưa, Tỳ-kheo Đăng Chỉ sinh tại nước Ba-la-nại, trong gia đình Đại trưởng giả, lúc nhỏ lấy xe ra ngoài dạo chơi, chiều tối mới trở về thì cửa bên ngoài nhà đã đóng, bèn gọi lớn: "Mở cửa!" nhưng không một ai ra mở cửa. Hồi lâu, người mẹ mới ra mở cửa cho con, Đăng Chỉ giận dữ mắng người mẹ: "Cả nhà đi vác thây chết rồi hay sao, hoặc là bọn cướp đến giết cả nên chẳng có mạng nào ra mở cửa cho tôi." Do nghiệp duyên đó nên Đăng Chỉ sau khi chết bị đọa vào địa ngục, lúc sinh trở lại làm người, dư báo của nghiệp cũ còn lại nên phải thọ nhận cảnh nghèo khổ ấy. Còn chuyện ánh sáng nơi ngón tay và thây chết bằng vàng ta sẽ nói cho ông nghe:

Thời quá khứ, chín mươi mốt kiếp về trước có vị Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi, giáo hóa độ sinh rồi nhập Niết-bàn, chánh pháp trụ mãi ở đời. Bấy giờ, Đăng Chỉ là một Đại trưởng giả, gia đình rất giàu có. Một hôm, Đăng Chỉ đi chùa tháp để cung kính lễ bái, nhân thấy một pho tượng bằng đất gãy rớt một ngón tay. Đăng Chỉ bèn lượm ngón tay ấy sửa lại và lấy vàng lá thếp lên pho tượng kia, đoạn phát nguyện: "Tôi xin dùng hương hoa, kỹ nhạc để cúng dường và nhờ công đức tu sửa tượng này, xin nguyện: Nếu được sinh lên cõi trời hay sinh vào cõi người luôn được ở chỗ giàu có tôn quý, còn giả như bị rơi rớt thì vẫn được trở lại như vậy, lại khiến tôi ở trong giáo pháp của Như Lai xuất gia tu tập đắc đạo."

Vì Đăng Chỉ tu bổ ngón tay nơi tượng Phật và thếp vàng pho tượng ấy nên được phước báo ngón tay có hào quang và được tử thi toàn vàng. Còn do ác khẩu nên khi ra khỏi địa ngục thì bị quả báo bần cùng.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh về chuyện Đăng Chỉ, có chư Thiên, dân chúng tung rải các loại hoa, tấu nhạc trời, chư Thiên cúng dường xong

thì trở về thiên cung. Đó là nhân duyên đối với hình tượng Phật chỉ gieo trồng một ít phước nghiệp mà chỗ phước báo đạt được là rất lớn, cho đến chứng đắc quả vị Niết-bàn. Tu sửa hình tượng Phật hãy còn như thế huống gì là đối với Pháp thân của Như Lai? Ở nơi giáo pháp của Phật mà tu hành đúng như lời chỉ dạy thì công đức đó là không hạn lượng. Nếu muốn sinh lên cõi trời, hay làm người, thọ hưởng những hạnh phúc thì phải chí tâm lắng nghe pháp. Còn Đăng Chỉ phải thọ quả báo đại khổ là do ác khẩu. Phải nên sợ hãi mọi sự khổ não, xa lìa ác khẩu, các nghiệp bất thiện. Theo đấy mà xét tất cả vinh hoa phú quý nơi người đời không nên tham đắm, còn đối với sự tôn quý của chư Thiên cũng chẳng nên ham thích. Nên biết bần cùng là hội tụ của những khổ lớn, muốn đoạn trừ bần cùng thì không nên tham lam, keo kiệt. Như lời trong kinh dạy: "Người bần cùng là đại khổ."

-oOo-

SỐ 704

KINH LÂU CÁC CHÁNH PHÁP CAM LỘ CỔ

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Sa-môn Thiên Tức Tai, Tây Thiên Trúc của Ấn Độ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan-đà phát khởi tâm chân thật, đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, Tôn giả đầu mặt đảnh lễ sát chân Phật, kính lễ xong, đứng sang một bên, rồi Tôn giả A-nan-đà bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là gieo trồng thiện căn thanh tịnh? Thế nào là tạo Mạn-noa-la? Thế nào là quy y thọ trì học giới? Thế nào là chắp tay cúng kính Như Lai, thành tựu nghiệp thiện gì?

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là thiện căn luân hồi chẳng diệt? thế nào là nghiệp dứt hết, chứng đắc được Niết-bàn? Và tạo hình tượng Như Lai thì đạt được công đức ra sao?

Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan-đà! Hiện tại đối với năm đức phải tu tập, gìn giữ cho thanh tịnh. Lại nói dùng những gì gọi là phát tự tâm, phát tha tâm khiến bậc Hiền thánh được tâm hoan hỷ, nghiệp thiện hiển bày rõ ràng, mọi chỗ mong cầu đều đạt được, sau khi thân hoại mạng chung sinh về trời Thiện thệ.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có người phát tâm đối với Phật nên chí thành cúng dường, làm Mạn-noa-la bốn phương, thì ta nói người đó về đời vị lai, ở Bắc Câu-lô châu làm người chủ giàu sang, sau khi thân hoại mạng chung được sinh về cung trời Đao-lợi?

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có người phát tâm đối với Phật nên chí thành cúng dường, làm Mạn-noa-la như hình bán nguyệt, thì ta nói người đó vào đời vị lai, ở Đông Thắng thân châu làm bậc chủ giàu sang, sau khi mạng chung được sinh về cõi trời Dạ-ma.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có người phát tâm đối với Phật nên chí thành cúng dường, làm Mạn-noa-la hình chiếc xe, thì ta nói người vào đó

vào đời vị lai, ở Tây Ngưu hóa châu làm bậc chủ giàu sang, sau khi thân hoại mạng chung được sinh về cung trời Đâu-suất.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có người phát tâm vì Phật mà chí thành cúng dường, làm Mạn-noa-la hình tròn, thì ta nói người đó đời vị lai, ở Nam Diêm-phù châu làm bậc chủ phú quý, sau khi thân hoại mạng chung được sinh về cõi trời Hóa lạc.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có người quy y Phật, Pháp, Tăng và hộ trì tịnh giới, thì ta nói thiện căn, phước đức của người đó là vô lượng, vô biên. Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác chứng đắc tận cùng về cảnh giới Niết-bàn cũng không thể so sánh được.

Bấy giờ, Thế Tôn lại bảo Tôn giả A-nan-đà:

–Tùy ý ông nên biết, hoa sen hồng kia mềm mại không nhơ. Cây Vô-ưu lá sắc đỏ vi diệu. Lưỡi ta cũng như thế, dài ra phủ cả diện môn cho đến mái tóc như ông đã thấy.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nói lời vọng ngữ, nói thêu dệt, ác khẩu, hai lưỡi thì làm gì có được điều đó? Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác duy chỉ nói lời chân thật mới có tướng lưỡi như vậy. Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có người đem thân mạng quy y, chắp tay, đảnh lễ Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thì chúng sinh đó được ta cứu độ. Vì sao? Vì pháp giới của Như Lai luôn quyết định như vậy. Nếu có người thành tâm chắp tay lễ bái và thực hành bố thí. Lại có người như lúc rửa tay, rửa sạch những đồ đựng và trong khoảnh khắc ấy phát tâm lợi sinh và nguyện cho hết thảy chúng sinh hiện có đều được an lạc, thì ta nói người đó đã mở cửa phước đức, đóng cửa đường ác tránh khỏi ba kiếp. Thế nào là ba kiếp? Là kiếp đao binh, kiếp bệnh tật, kiếp đói khổ. Này Tôn giả A-nan-đà! Lại có người trong một ngày gìn giữ giới pháp, xa lìa sự sát sinh thì người ấy không sinh vào kiếp đao binh. Nếu dùng các thứ váng sữa sống, chín, mật, dầu, đường phèn cúng dường cho chúng Tăng, thì người ấy không sinh vào kiếp bệnh tật. Nếu đem một bát thức ăn, nước uống cúng dường cho chúng Tăng, thì người ấy sẽ không sinh vào kiếp đói khổ. Này Tôn giả A-nan-đà! Có ba thiện căn vô tận vô biên ở trong chốn luân hồi cũng không bị diệt tận, mà còn đến được Niết-bàn. Những gì là ba? Nghĩa là đối với Đức Như Lai gieo trồng thiện căn, là vô tận vô biên nên ở trong chốn luân hồi cũng không bị diệt tận, rốt cuộc là chứng đắc quả vị Niết-bàn. Đối với Pháp, đối với Tăng cũng gieo trồng thiện căn, thì cũng là vô tận vô biên, ở trong cõi luân hồi cũng không bị diệt tận và đời vị lai tất đạt đến Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng công đức của mình bảo Tôn giả A-nan-

đà:

–Ông có thấy Nam Diêm-phù châu kia không?

–Bạch Thế Tôn, con đã thấy!

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có thiện nam, tín nữ nào lấy bảy báu tạo nên Nam Diêm-phù châu hình bánh xe dài rộng đúng bảy ngàn do-tuần, đem bố thí, cúng dường cho tăng chúng tứ phương và các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, cho đến Duyên giác... Nếu có người, sau khi Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết-bàn, dùng khối đất bùn làm tháp dù chỉ lớn bằng quả Am-ma-lặc, trên đỉnh tháp đặt hình bánh xe pháp dù nhỏ như cây kim, tạo cái lọng để che hình giống lá táo, rồi bên trong tháp tôn tượng Phật như hạt lúa mạch, đặt xá-lợi như hạt cải trắng ở phía dưới, thì ta nói phước đức người này đạt được là rộng lớn, hơn hẳn những người đã nói ở trước. A-nan-đà, hãy gác lại việc nói về Nam Diêm-phù châu.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có thiện nam, tín nữ nào lấy bảy báu làm Đông Thắng thân châu, xung quanh, bốn mặt như hình bán nguyệt, chiều dài rộng đúng tám ngàn do-tuần, bố thí, cúng dường cho chúng Tăng ở bốn phương và các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cho đến Duyên giác. Hoặc nếu có người, sau khi Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết-bàn, dùng khối đất bùn làm tháp dù nhỏ như quả Am-ma-lặc, trên đỉnh tháp tạo hình bánh xe pháp, nhọn như cây kim, làm cái lọng che hình lá táo, bên trong an trí tượng Phật bằng hạt lúa mạch, lại đặt xá-lợi như hạt cải trắng phía dưới, thì ta nói phước đức người này là rộng lớn hơn hẳn những người đã nói ở trước. A-nan-đà! Hãy gác lại việc nói hai Nam Diêm-phù châu và Đông Thắng thân.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có thiện nam, tín nữ nào có lòng tin, lấy bảy báu làm châu Tây-ngưu-hóa tròn như mặt trăng, dài rộng đúng chín ngàn do-tuần, đem cái đó cúng dường chúng tăng tứ phương và các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cho đến Duyên giác. Hoặc có thiện nam, thiện nữ, sau khi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết-bàn, dùng khối đất bùn làm tháp dù chỉ như quả Am-ma-lặc, mũi tháp nhọn như cây kim, hình căm xe pháp luân, trên có lọng che như lá táo, bên trong an trí tượng Phật bằng hạt lúa mạch, phía dưới đặt xá-lợi như hạt cải trắng, thì ta nói phước đức người này là rộng lớn hơn hẳn những người trước. A-nan-đà! Hãy gác lại việc nói về ba châu kể trên.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có thiện nam, tín nữ nào lấy bảy báu làm Bắc Câu-lô châu, tất cả bốn mặt đều vuông rộng mười ngàn do-tuần, đem cúng dường cho chúng tăng bốn phương và các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất

hoàn, A-la-hán cho đến Duyên giác. Hoặc có thiện nam, thiện nữ, sau khi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết-bàn, dùng khối đất bùn làm tháp dù chỉ nhỏ như quả Am-ma-lặc, đỉnh tháp nhọn như cây kim, hình pháp luân, trên có lọng che như lá táo, bên trong tháp tôn trí tượng Phật bằng hạt lúa mạch, phía dưới đặt xá-lợi như hạt cải trắng, thì ta nói phước đức người này đạt được là rộng lớn hơn hẳn những người trước.

A-nan-đà! Hãy gác lại việc nói về bốn châu nêu trên. Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có thiện nam, tín nữ nào lấy bảy báu làm thiên pháp đường của thiên chủ Đế Thích đem bố thí cúng dường cho chúng Tăng ở bốn phương và các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán cho đến Duyên giác. Hoặc có thiện nam, thiện nữ, sau khi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết-bàn, dùng khối đất bùn làm tháp dù chỉ như quả Am-ma-lặc, trang nghiêm đủ loại, làm đỉnh tháp kiểu pháp luân, lọng che ở trên, tôn trí hình tượng Phật và đặt xá-lợi, giống như trước không khác, thì ta nói phước đức người này đạt được là rộng lớn hơn hẳn những người trước.

A-nan-đà! Hãy gác lại việc nói về bốn châu và Thiện pháp đường.

Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu có thiện nam, tín nữ nào có lòng tin, cho đến lấy bảy báu làm tam thiên đại thiên thế giới, đem bố thí cúng dường cho chúng tăng bốn phương và các bậc đã chứng đắc tứ quả, cả Duyên giác. Hoặc có thiện nam, thiện nữ, sau khi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhập Niết-bàn, dùng khối đất bùn làm tháp dù chỉ như quả Am-ma-lặc, trang nghiêm đủ loại, tướng pháp luân, lọng che tôn trí hình tượng Phật và đặt xá-lợi, giống như trước không khác, thì ta nói phước đức người này đạt được là rộng lớn hơn hẳn những người trước. Vì sao? Này Tôn giả A-nan-đà! Vì Như Lai hành trì Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Nhất thiết trí là vô lượng, vô biên, cho đến mười Lực, bốn Trí, ba pháp Bất cộng và bốn Niệm xứ; thậm chí tâm đại Bi cũng vô lượng, vô biên là do Như Lai có công đức như vậy. Này Tôn giả A-nan-đà! Khi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thuyết pháp thì khắp cả tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan-đà bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Chánh pháp hiện được nêu giảng tên là gì? Và thọ trì như thế nào?

Phật bảo A-nan-đà:

–Kinh này tên là Chánh Pháp Cam Lộ Cổ, cũng gọi là Vị Tằng Hữu Chánh Pháp, nên thọ trì như vậy.

Tôn giả A-nan-đà với tâm hy hữu, vâng theo sự chỉ dạy của Phật tín

thọ phụng hành, đảnh lễ và lui ra.

-oOo-

SỐ 705

KINH BỐ THÍ

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Hiền, người Tây Thiên.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo, nhân đó, Phật thuyết giảng pháp bố thí có ba mươi bảy loại:

1. Đem lòng tin kiên cố hành trì pháp bố thí, sẽ xa lìa được tất cả sự ganh ghét và được mọi người tôn kính.

2. Bố thí đúng thời được ba nghiệp thanh tịnh, bốn thời an ổn.

3. Thường hành Bố thí thì thân tâm luôn được an vui, không bị tán loạn.

4. Chính tay mình Bố thí thì sẽ được ngón tay thon dài, thân tướng đoan nghiêm.

5. Vì người khác Bố thí lại được người khác hành Bố thí, xả bỏ nhiều hơn.

6. Dựa theo pháp Bố thí, thì tâm lìa mọi sự chấp giữ về tướng, được phước vô vi.

7. Dùng tất cả hình sắc thượng diệu Bố thí thì được sắc thân đoan nghiêm, mọi người đều yêu mến.

8. Đem đủ loại hương thơm vi diệu Bố thí, thì luôn được thọ dụng sự cúng dường là hương Chiên-đàn.

9. Đem các vị thượng diệu Bố thí thì các vị bậc nhất trong mọi thứ vị, bổ ích toàn diện cho thân thể.

10. Đúng như pháp tôn quý Bố thí thì được mọi an ổn, diệu lạc, ai ai cũng thích gặp.

11. Đem tâm rộng lớn Bố thí thì được phước rộng lớn vô lượng.

12. Đem thức ăn ngon Bố thí thì luôn tránh khỏi cảnh đói khổ, kho lẫm luôn đầy ắp.

13. Đem nước uống Bố thí thì đi đến bất cứ nơi đâu không bao giờ bị đói khát.

14. Dùng y phục Bố thí thì được y phục thượng diệu, thân tướng trang nghiêm.

15. Đem trú xứ Bố thí thì được ruộng vườn nhà cửa thênh thang, lầu các tráng lệ.

16. Dùng ngọa cụ Bố thí thì được sinh trong nhà quý tộc, mọi thứ vật dụng cần thiết đều sạch đẹp.

17. Đem voi, ngựa, xe cộ Bố thí thì được bốn thần túc với diệu dụng vô ngại.

18. Dùng thuốc thang bố thí thì được an ổn diệu lạc, tất cả bệnh tật đều không có.

19. Đem kinh pháp cúng dường bố thí thì được thần thông như Túc mạng thông...

20. Đem hoa quả cúng dường thì được hoa bảy Giác chi.

21. Đem tràng hoa cúng dường thì giải thoát khỏi ba thứ cấu uế tham, sân, si.

22. Đem hương cúng dường thì xa lìa khỏi các thứ phiền não, cấu uế.

23. Đem dù lọng cúng dường thì đạt được pháp tự tại.

24. Đem chuông linh cúng dường thì được âm thanh, lời nói êm dịu.

25. Đem âm nhạc cúng dường thì được Phạm âm thâm diệu.

26. Đem đèn sáng cúng dường thì được Thiên nhãn thanh tịnh.

27. Đem tơ lụa đủ màu cúng dường thì được y phục giải thoát.

28. Lấy nước hương rưới rửa tháp miếu của Như Lai;

29. Lấy nước tắm gội thân tướng Như Lai;

30. Lấy dầu thơm thoa xức nơi tượng Phật, cả ba trường hợp cùng được ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

31. Đem nước hương cúng dường cho chúng Tăng tắm, thì được sinh vào gia đình phú quý, ít bệnh, an vui.

32. Đem tâm Từ bố thí thì được dung mạo hiền hòa, dứt hết mọi sân hận.

33. Đem tâm Bi bố thí thì xa lánh được sự sát hại.

34. Đem tâm Hỷ bố thí thì đạt được vô sở úy, xa lìa ưu não.

35. Đem tâm Xả bố thí thì được xa lìa mọi sự chướng quái ngại, chứng đạt tịch diệt an vui.

36. Đem nhiều thứ bố thí thì được vô số chủng loại phước đức.

37. Lấy tâm vô trụ, vô tướng bố thí thì được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

–Đó là ba mươi bảy loại, là hạnh Bố thí vi diệu của người trí, các ông nên thọ trì.

Bấy giờ, quốc vương nước Xá-vệ bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Chúng con nên thực hành Bố thí như thế nào?

Phật bảo:

–Nếu Đại vương khi hành Bố thí để cầu phước báo thắng diệu thì dấy khởi tâm Từ, không sát hại, lìa bỏ các ganh ghét, tương ưng chánh kiến, lánh xa điều bất thiện, kiên trì giữ gìn giới cấm, thân cận thiện hữu, đóng cửa hướng ác, mở đường sinh Thiên, tự lợi, lợi tha, tâm luôn bình đẳng. Bố thí như vậy là bố thí, đích thực là ruộng phước lớn.

Lại nữa, thực hành bố thí thì luôn được báo ứng theo tâm nguyện của mình. Nếu chính tay mình dùng màu sắc đẹp, hương thơm, vị thượng diệu, sự tiếp xúc mềm mại bố thí thì được phước báo là mọi người tôn trọng, quyến thuộc đông đúc, giàu có, an lạc. Hoặc đem thức ăn, nước uống bố thí thì được sức mạnh. Hoặc đem sữa, dầu, đèn bố thí thì được Thiên nhãn. Hoặc dùng âm nhạc bố thí thì được Thiên nhĩ. Hoặc đem thuốc thang bố thí thì được trường thọ. Hoặc đem trú xứ bố thí thì được lầu gác ruộng vườn. Hoặc dùng pháp nêu giảng đem bố thí thì được cam lộ.

Phật lại bảo:

–Nếu Đại vương dùng mười pháp thiện hành thí thì được mười loại báo ứng.

Mười pháp thiện là:

1. Không sát sinh.
2. Không trộm cắp.
3. Không dâm dục.
4. Không vọng ngữ.
5. Không nói thêu dệt.
6. Không nói ác khẩu.
7. Không nói hai lưỡi.
8. Không tham.
9. Không sân.

10. Không si.

Thì mạng sống không bị chết yểu, tài sản không hề tán thất, quyến thuộc đông đảo, trong sạch. Lời nói thành thật, xa lìa mọi thứ ganh ghét, người người thấy đều vui, thân hữu hòa thuận, không bị cảnh nghèo túng, dung mạo đoan nghiêm, trí tuệ tương ưng, nói chung là đạt được các quả báo như thế.

Phật bảo:

–Này Đại vương! Nếu đem các thứ thức ăn, nước uống thượng diệu cúng dường Tam bảo thì được năm loại lợi ích:

1. Thân tướng đoan nghiêm.

2. Khí lực tăng thịnh.

3. Thọ mạng lâu dài.

4. An ổn diệu lạc.

5. Thành tựu biện tài.

Như thế, tất cả chúng sinh nơi Nam Thiệm-bộ châu, cha mẹ, vợ con, nam nữ, quyến thuộc, hành trì các việc bố thí như trên thì tùy theo chỗ nguyện cầu, không việc gì là không viên mãn.

Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp này xong, tất cả đại chúng đều hoan hỷ, đảnh lễ và lui ra.

-oOo-

SỐ 706

KINH NGŨ ĐẠI THÍ

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

Một thời, Đức Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có năm loại đại thí, nay ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Những gì là năm?

1. Không sát sinh là đại thí.

2. Không trộm cắp.

3. Không tà dâm.

4. Không vọng ngữ.

5. Không uống rượu, là đại thí.

Vì ý nghĩa gì mà nói giữ giới không sát sinh là đại thí? Vì không sát sinh là bố thí vô úy cho vô lượng hữu tình. Nhờ bố thí ấy nên không oán, không ghét, không hại, vì vô lượng hữu tình kia được vô úy rồi thì không oán, không ghét, không hại, khi sinh thiên hay ở nhân gian đều an ổn, hạnh phúc. Do đó không sát sinh gọi là đại thí. Không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu cũng lại như vậy.

-oOo-

SỐ 707

KINH XUẤT GIA CÔNG ĐỨC

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Tỳ-xá-ly. Lúc này, đến giờ thọ trai, Đức Phật vào thành khất thực.

Bấy giờ, trong thành Tỳ-xá-ly có một Lê-xa tên Tỳ-la-tiện-na *(ý dịch là Dũng quân).* Ví như và các Thiên nữ đồng vui đùa, thì vương tử này và các thể nữ ở trên lầu vui chơi, đắm đuối trong sắc dục cũng lại như vậy. Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng Nhất thiết trí nghe rõ âm thanh hoan lạc ấy rồi bảo Tôn giả A-nan:

–Ta biết người này tham đắm năm thứ dục lạc, sau bảy ngày nữa thì mạng chung. Như vậy, anh ta sẽ xa lìa mọi sự hoan lạc bên người thân, nhất định phải chết. A-nan! Nếu người này không bỏ dục lạc, không xuất gia thì khi mạng chung có thể bị đọa vào địa ngục.

Khi đó vâng lời chỉ dạy của Đức Phật, muốn đem lại lợi ích cho vương tử ấy, nên Tôn giả A-nan đi đến nhà anh ta. Vương tử nghe Tôn giả A-nan ở bên ngoài, liền đi ra nghênh đón, do tâm tôn kính nên thỉnh Tôn giả A-nan vào nhà an tọa. Tôn giả A-nan vừa an tọa thì vương tử cung kính thưa:

–Quý hóa thay! Người bạn tốt đã đến đây. Hôm nay, thật đúng lúc, tôi gặp được Tôn giả là hết sức vui mừng. Nếu Tôn giả hoan hỷ, có thể dạy bảo tôi về giáo pháp của Phật, giúp tôi được an lạc.

Vương tử thưa thỉnh ba lần như vậy. Tôn giả A-nan vì muốn cho vương tử được nhiều lợi ích nên im lặng không nói. Vương tử lại thưa:

–Đại tiên Tỳ-đà-a Mâu-ni, luôn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, có hiềm hận gì mà mặc nhiên không nói. Không thấy bảo ban gì dù đã thưa đến lần thứ ba. Tôn giả là người giữ gìn pháp tạng của Phật, luôn đem lại lợi ích cho thế gian.

Tôn giả A-nan buồn bã nói:

–Xin hãy lắng nghe! Sau bảy ngày nữa bạn sẽ qua đời. Nếu bạn cứ ở mãi trong năm dục không giác ngộ, không xuất gia tu tập thì khi mạng chung bạn sẽ bị đọa vào địa ngục. Phật là Bậc Nhất Thiết Trí, lời nói đúng đắn, thuyết giảng đúng đắn, đã nói về bạn như thế. Ví như ngọn lửa thiêu đốt mọi vật, thảy đều không sai, bạn nên suy nghĩ cho kỹ.

Vương tử nghe nói vậy thì lo sợ, buồn rầu, không vui, nói:

–Theo lời chỉ dạy của Tôn giả A-nan, tôi phải xuất gia, nhưng tôi muốn thọ hưởng hoan lạc thêm sáu ngày nữa, đến ngày thứ bảy tôi sẽ giã từ người thân, quyết định xuất gia. Tôn giả A-nan đồng ý.

Đến ngày thứ bảy, Tỳ-la-tiện-na sợ sinh tử nên cầu Phật xuất gia, Đức Phật liền chấp thuận. Qua một ngày một đêm, Tiện-na tu trì tịnh giới rồi mạng chung. Sau khi lo liệu việc hỏa thiêu và cung kính xong, Tôn giả A-nan cùng họ hàng của Tiện-na đến hỏi Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Tỳ-la-tiện-na ấy nay đã mạng chung, thần thức sinh về đâu?

Bấy giờ, Đức Phật Thế Tôn bậc Thầy của hàng trời người, Bậc Nhất Thiết Trí dùng đại Phạm âm hơn tiếng sấm vang, hơn các tiếng hót vi diệu của chim Ca-lăng-tần-già, đã dùng tám thứ âm thanh bảo Tôn giả A-nan:

–Này Tôn giả A-nan! Tỳ-kheo Tỳ-la-tiện-na ấy do sợ khổ của sinh tử nơi địa ngục nên đã xả bỏ dục lạc xuất gia, trong một ngày một đêm hạnh trì tịnh giới, xả bỏ cõi đời này, sinh về cõi trời Tứ Thiên vương, làm con Thiên vương Tỳ-sa-môn ở phương Bắc. Vốn buông tâm thọ hoan lạc nơi năm dục, cũng tham đắm với năm dục nơi các thể nữ cùng vui chơi thọ lạc, thọ mạng ở cõi trời này là năm trăm năm, qua đời thì sinh về cõi trời Tam thập tam, làm con Đế Thích thọ hưởng đầy đủ năm dục, sung sướng bậc nhất nơi cõi trời, thọ mạng một ngàn năm, sau khi mạng chung được sinh nơi cõi Diệm thiên làm vương tử của Diệm Thiên vương, buông tâm thọ hưởng sắc, thanh, hương, vị, xúc nơi cõi trời, thọ mạng hai ngàn năm, qua đời ở đây thì sinh về cõi trời Đâu-suất làm vương tử, tiếp tục thọ hưởng năm dục. Khi mắt thấy rõ về tướng dục, tâm tự nhàm chán, thường bàn luận về chánh pháp, về trí tuệ giải thoát. Nơi cõi trời có tuổi thọ hơn hết, mãn bốn ngàn năm, mạng chung sinh lên cõi trời Tự tại, làm con của Thiên vương, lại thọ hưởng vô số các thứ dục lạc, ứng hóa theo tâm niệm kéo dài tám ngàn năm, qua đời thì sinh về cõi trời Tha hóa tự tại, cũng được làm con Thiên vương. Cõi trời thứ sáu này, mọi dục lạc ở đây thì năm cõi trời phía dưới đều không thể so sánh. Thọ mạng nơi cõi trời này là một vạn sáu ngàn năm, với đủ loại dục lạc bậc nhất trong sáu cõi trời. Thọ lạc như vậy

qua lại bảy lần trong sáu tầng trời cõi Dục. Tỳ-la-tiện-na ấy do một ngày một đêm xuất gia hành trì tinh tấn nên mãn hai mươi kiếp, không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thường sinh nơi cõi trời, cõi người, thọ phước báo tự nhiên. Kiếp sau cùng nơi cõi người sinh vào nhà giàu có, tài sản phong phú, châu báu đầy đủ. Khi tuổi tráng niên đã qua, các căn suy yếu, lo sợ họa hoạn nơi sinh, lão, bệnh, tử, nên Tiện-na nhàm chán ở đời, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, thân mang pháp phục, siêng năng tinh tấn tu tập, giữ bốn oai nghi, thường hành chánh niệm, quán xét về năm ấm là khổ, không, vô ngã, hiểu rõ về pháp nhân duyên, thành Bích-chi-phật hiệu là Tỳ Lưu Đế, lúc ấy phóng hào quang lớn, có nhiều chư Thiên, người phát sinh thiện căn, khiến cho các chúng sinh gieo trồng nhân duyên giải thoát nơi ba thừa.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Nếu có người hóa độ cho kẻ khác xuất gia, người xuất gia ấy tu tập hoàn thành được mọi việc cần thiết thì phước đức đạt được như thế nào? Nếu lại có người hủy phá nhân duyên xuất gia của người khác thì thọ tội báo gì? Xin Thế Tôn chỉ dạy rõ.

Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan! Nếu ông sống đủ trong một trăm năm để hỏi ta việc này, ta cũng dùng trí tuệ vô tận đủ trong một trăm năm, trừ những lúc ăn uống, để vì ông mà giảng nói rộng về công đức của người ấy vẫn không thể hết được. Người do luôn được sinh nơi cõi trời, cõi người, thường làm quốc vương, thọ hưởng mọi sự an lạc. Nếu có người, đối với pháp Sa-môn ấy giúp khiến kẻ khác xuất gia, hoặc lại tạo nhân duyên giúp đỡ kẻ kia xuất gia, thì người đó, dù ở trong sinh tử cũng thường thọ nhận diệu lạc. Dù ta có đủ một trăm tuổi để nói về công đức ấy cũng không thể hết. Như vậy, này Tôn giả A-nan! Ông có đủ một trăm năm dành hết cả tuổi thọ đó để hỏi ta, còn ta sống đến khi nhập Niết-bàn, giảng nói về công đức này cũng không thể hết.

Phật lại bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu lại có người phá hoại nhân duyên xuất gia người khác tức là cướp mất kho tàng phước đức, tài sản pháp thiện vô tận, hủy hoại nhân Niết-bàn của ba mươi bảy pháp Bồ-đề. Hoặc có người muốn phá hoại nhân duyên xuất gia thì phải khéo quán sát sự việc như vậy. Vì sao? Vì tội báo đó sẽ bị đọa nơi địa ngục, thường bị mù mắt, thọ khổ cùng cực. Nếu làm súc sinh, khi sinh ra cũng bị mù mắt bẩm sinh. Nếu sinh trong cõi ngạ quỷ, sinh ra cũng bị mù bẩm sinh, bị đọa trong ba đường ác khổ ấy không biết

bao giờ mới được giải thoát. Nếu sinh làm người, ngay trong thai mẹ cũng lại bị mù. Này Tôn giả A-nan! Ông ở trong một trăm năm luôn hỏi về nghĩa đó, còn ta cũng trong một trăm năm dùng trí tuệ vô tận giải thích về tội báo ấy cũng không thể hết. Người ấy ở trong bốn cõi sinh ra luôn bị mù mắt. Ta rốt cuộc cũng không thể biết người ấy lúc nào thì được thoát khỏi. Vì sao? Vì đã phá hủy sự xuất gia với vô lượng, vô biên công đức được thành tựu từ sự xuất gia ấy. Do phá thiện duyên ngăn cản sự việc xuất gia như thế, nên phải thọ vô lượng tội. Nếu ở trong tấm kính trí tuệ thanh tịnh này thì giúp họ có được các pháp thiện, giải thoát. Nếu thấy người xuất gia tu trì tịnh giới, hướng đến nẻo giải thoát, mà phá công việc xuất gia của người ấy là tạo chướng ngại lớn, do nhân duyên đó nên sinh ra luôn bị mù, không thấy Niết-bàn là do hủy hoại sự việc xuất gia. Luôn quán về mười hai nhân duyên như vô minh nên được giải thoát. Do phá hoại sự xuất gia, hủy hoại con mắt trí tuệ của họ, nên mắt tuệ của mình bị che mờ, từ đời này qua đời khác sinh ra luôn bị mù mắt không thấy rõ về ba cõi là do tạo chướng ngại đối với sự xuất gia. Người xuất gia nên nhận biết rõ về năm ấm, hai mươi kiến chấp nơi ngã nhân hướng tới chánh đạo, mà phá nhân xuất gia là hủy hoại chánh kiến, do đó sinh ra thường bị mù mắt, không thấy chánh đạo. Người xuất gia nên nhận biết tất cả pháp tụ và trụ xứ của pháp thiện, nên quán xét Pháp thân thanh tịnh của chư Phật. Do phá nhân duyên thiện của việc xuất gia nên sinh ra luôn bị mù mắt, không thể thấy được Pháp thân của Phật. Do nhân nơi người xuất gia đã có đủ hình tướng của bậc Sa-môn cùng trì giới thanh tịnh là hạt giống phước điền nơi Phật đạo, nên nguyên nhân phá hoại sự việc xuất gia ấy thì ở trong pháp thiện bị đoạn tất cả hy vọng. Do tội duyên ấy nên đời đời thường bị mù mắt. Người xuất gia nên khéo quán sát tất cả thân tâm đều là khổ, vô thường, vô ngã, bất tịnh, mà phá hoại người xuất gia ấy, là tạo chướng ngại lớn tức như phá hủy đôi mắt của người đó, phá hủy đôi mắt ấy nên không còn thấy bốn Đạo, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Chánh đạo, hướng đến thành Niết-bàn. Do tội duyên như vậy nên sinh ra luôn bị mù, cho đến không thấy các nẻo Không, Vô tướng, Vô tác thanh tịnh, pháp thiện hướng đến thành Niết-bàn. Vì thế người có trí tuệ biết rõ người xuất gia sẽ thành tựu các pháp thiện như thế, nên không phá hoại nhân duyên của pháp thiện đó, như vậy sẽ không bị tội. Ai hủy phá hoại việc xuất gia của kẻ khác là nhân duyên của vị Sa-môn chánh kiến thì mãi mãi không thể thấy được thành Niết-bàn, sinh ra thường bị mù. Nếu có người nào nơi một cõi khác, xuất gia tu trì tịnh giới hơn một trăm kiếp; lại có người ở nơi cõi Diêm-phù-đề này xuất gia trì giới chỉ trong một ngày

một đêm, thậm chí chỉ trong khoảnh khắc xuất gia thanh tịnh thì được mười sáu phần, còn người xuất gia trì giới nơi cõi kia chỉ bằng một phần mười sáu người xuất gia ở Diêm-phù-đề. Như có người điên đảo hành dâm chị em nữ, không phải là chỗ hành dâm, bị chồng cự rồi sinh ra căm ghét, thì tội báo đó không thể tính kể hết. Hoặc như có người tư duy đúng, có tâm xuất gia, nhắm xả bỏ các thứ xấu ác. Nếu lại có người khác phá hoại nhân duyên xuất gia của người này, không để được mãn nguyện, thì nhân duyên của tội báo đó tăng trưởng hơn trước cho đến trăm kiếp.

Tôn giả A-nan lại bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Tỳ-la-tiện-na này nhờ chỗ gieo trồng thiện căn sinh ra ở chốn tôn quý, thọ hưởng phước lạc là vì đời quá khứ cũng có hành thiện, hay chỉ nhờ vào công đức xuất gia một ngày một đêm nơi hiện tại mà thọ hưởng nhiều phước báo như thế?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông không cần phải quan sát về nhân duyên quá khứ, chỉ đối với một ngày một đêm ấy xuất gia thanh tịnh, thiện căn đạt được đủ để trong sáu tầng trời cõi Dục bảy lần qua lại thọ hưởng phước báo, nơi hai mươi kiếp thường chịu cảnh sinh tử. Đời sau cùng sinh nơi loài người cũng được thọ hưởng cảnh an lạc nhất, cũng sinh trong nhà giàu có, tuổi tráng niên trôi qua các căn suy yếu dần do sợ cái khổ nơi sinh lão bệnh tử nên Tỳ-la-tiện-na xuất gia trì giới, thành Bích-chi-phật.

Phật lại bảo A-nan:

–Ta sẽ nói ví dụ, ông nên khéo lắng nghe. Ví như nơi bốn cõi thiên hạ: Đông Phất-bà-đề, Nam Diêm-phù-đề, Tây Cù-da-ni, Bắc Uất-đan-việt, các bậc A-la-hán trong bốn cõi ấy nhiều như lúa, mè, rừng rậm. Nếu có một người đủ trong một trăm năm tận tâm cúng dường các vị A-la-hán ấy những thứ như y phục, thức ăn, nước uống, thuốc thang trị bệnh, phòng xá, ngọa cụ; cho đến sau khi các vị ấy nhập Niết-bàn lại xây dựng tháp miếu dùng đủ loại châu báu, hoa hương, anh lạc, cờ phướn, lọng báu, kỹ nhạc, giăng treo các loại chuông báu, quét rưới nước hương, dùng những câu kệ tụng tán thán, cúng dường thì công đức đạt được tất nhiên là rất nhiều. Nếu có người vì nhằm giải thoát mà xuất gia thọ giới, dù chỉ một ngày một đêm hành trì tinh tấn, thì công đức này được mười sáu phần, công đức nơi người trước chỉ bằng một phần. Do nhân duyên như vậy các thiện nam nên xuất gia, tu trì tịnh giới.

–Các thiện nam, những người cần tạo công đức, cầu pháp thiện, tự thọ pháp, thì không nên tạo chướng ngại đối với nhân duyên xuất gia mà

cần phải tạo phương tiện khuyến khích, giúp họ thành tựu.

Khi ấy, cả đại chúng nghe Phật thuyết giảng pháp thảy đều nhàm chán cảnh đời, đều xuất gia trì giới, có người chứng đắc Tu-đà-hoàn, thâm chí có người chứng đắc quả vị A-la-hán, có người gieo hạt giống thiện căn nơi quả vị Bích-chi-phật, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Mọi người rất vui mừng, đảnh lễ nguyện hết lòng phụng hành.

-oOo-

SỐ 708

KINH LIỄU BẢN SINH TỬ

(Kinh biết rõ nguồn gốc sinh tử)

Hán dịch: Đời Đông Ngô Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi.

Đức Phật giảng nói như vầy: "Nếu Tỳ-kheo nào thấy duyên khởi thì thấy pháp, đã thấy pháp thì thấy Như Lai."

Lúc ấy, Hiền giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo rằng:

–Này các Hiền giả! Đức Phật nói: "Nếu các Tỳ-kheo thấy Duyên khởi thì thấy Pháp, đã thấy Pháp thì thấy Như Lai." Lời dạy ấy có ý nghĩa gì? Nghĩa là nói về hữu duyên.

Nếu thấy duyên khởi không có mạng, chẳng phải mạng thì thấy pháp. Thấy pháp không có mạng, chẳng phải mạng là thấy Như Lai. Nên tùy theo trí tuệ ấy. Ở đây có hai điều thấy được duyên khởi bên ngoài và có hai điều thấy được duyên khởi bên trong công lại là bốn.

Thế nào là hai điều thấy được duyên khởi bên ngoài? Đó là tướng nhân trói buộc và tướng duyên trói buộc.

Tướng nhân trói buộc là những gì? Là do từ hạt giống sinh ra rễ, từ gốc rễ sinh ra lá, từ là sinh ra nhánh cành, từ nhánh cành sinh ra đốt đoạn, từ đốt đoạn sinh ra hoa, từ hoa kết thành quả. Đó là tướng nhân trói buộc.

Sao gọi là tướng duyên trói buộc?

Là địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng. Từ nhân duyên có các chủng ấy nên sinh ra các thứ. Đất là thể nắm giữ, nước là thể ẩm ướt, lửa là thể nóng ấm, gió là thể lay động, hư không là thể không có chướng ngại. Như vậy thì đúng thời tiết, hội đủ duyên, khiến hạt giống sinh. Hạt giống kia chẳng biết mình sinh ra gốc rễ. Gốc rễ chẳng biết mình từ hạt giống mà có. Gốc rễ chẳng biết mình sinh ra lá. Lá chẳng biết do gốc rễ mà có mình. Lá chẳng biết mình sinh ra thân cây. Thân cây chẳng biết mình từ lá mà có. Đốt cây, nụ hoa, quả cũng chẳng tự biết mình chuyển tướng mà có. Đất chẳng biết mình sinh ra hạt giống. Hạt giống cũng chẳng biết đất nắm giữ lấy mình. Nước cũng chẳng biết mình làm ẩm ướt hạt

giống. Hạt giống cũng chẳng biết nước làm thấm nhuần mình. Cho đến lửa, gió, hư không đều chẳng cùng biết nhau.

Này các Hiền giả! Từ nhân duyên nên có được cơ hội để hạt giống nảy sinh, chẳng phải tự mình tạo, chẳng do cái khác tạo, cũng chẳng phải là không nhân sinh ra nên dùng năm điều để thấy được duyên khởi bên ngoài.

Sao gọi là năm?

1. Chẳng thường.

2. Chẳng đoạn.

3. Không thường không đoạn.

4. Hạt giống chẳng tiêu mất.

5. Hình dáng và tướng trạng chẳng cố định.

Hạt giống kia đã hư hoại thì chẳng phải là thường còn. Có gốc rễ mọc ra là chẳng đoạn diệt. Phần gốc rễ, hạt giống sai khác nên thời gian chẳng dài chẳng ngắn. Hạt giống ít mà sinh nhiều quả thì chẳng tiêu mất. Quả được sinh ra như hạt giống lúc đầu, nhưng hình dáng và tướng trạng của hạt giống chẳng cố định.

Nên biết hai việc ấy thấy được duyên khởi bên trong tướng nhân trói buộc và tướng duyên trói buộc.

Sao gọi là tướng nhân trói buộc?

Là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ não. Như thế chính là khối khổ lớn được tạo thành. Vô minh kia chẳng biết mình tạo ra hành, hành chẳng biết mình từ vô minh mà có. Hành chẳng biết mình tạo ra thức, thức chẳng biết mình do hành mà có. Thức chẳng biết mình tạo ra danh sắc, danh sắc chẳng biết do thức mà có, lục nhập, xúc, thọ ái, thủ, hữu, sinh cho đến lão tử, lại cùng lưu chuyển mà chẳng biết nhau. Đó là từ vô minh có hành, do hành có thức, do thức có danh sắc, do danh sắc có lục nhập, do lục nhập có xúc, do xúc có thọ, từ thọ có ái, do ái có thủ, do thủ có hữu, do hữu có sinh, do sinh có lão tử, ưu, bi, khổ, não như trên đã nói. Đó là tính khổ lớn, nhóm đủ duyên mà thành có bệnh. Nếu cái kia không sinh thì không có lão tử, ưu, bi, khổ não.

Này các Hiền giả! Nhân duyên khởi nên duyên là pháp sinh. Có duyên khởi chẳng duyên nơi pháp sinh. Có duyên pháp sinh chẳng duyên khởi. Có duyên khởi duyên nơi pháp sinh. Có chẳng duyên khởi chẳng

duyên nơi pháp sinh.

Sao gọi là duyên khởi chẳng duyên nơi pháp sinh?

Là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, cho đến lão tử. Đó là khối khổ lớn hội đủ duyên mà thành hữu, như nói ở trên. Ấy gọi là duyên khởi chẳng có duyên nơi pháp sinh.

Sao gọi là duyên pháp sinh chẳng phải là duyên khởi? Như là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Đó gọi là duyên pháp sinh, chẳng phải là duyên khởi.

Sao gọi là duyên khởi, duyên nơi pháp sinh? Nếu sinh ra, an trụ không dứt bỏ sự sống của già, chết thì sự sinh ra, an trụ là cùng gần với nhân duyên, cùng gần với nhân tồn tại, cùng gần với nhân vi tế, cùng gần với nhân chân thật, cùng gần với nhân chân như, cùng gần với nhân không sai biệt, cùng gần với nhân không cuồng loạn, cùng gần với nhân duyên khởi. Do duyên sinh các pháp như thế với hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành. ấy gọi là duyên khởi, duyên nơi pháp sinh.

Sao gọi là chẳng duyên khởi, chẳng duyên nơi pháp sinh? Đó là người chứng đắc đạo.

Do đâu vô minh kia được xem như sáu chủng? Sáu chủng giữ lấy như người nữ, người nam.

Những gì là sáu? Là địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng, thức chủng. Thân kia được an trú là nhờ địa chủng. Như nắm giữ, chẳng để tiêu mất, đó là thủy chủng. Ăn uống, thưởng thức, ngủ nghỉ được an lạc là nhờ hỏa chủng. Hơi thở vào ra nơi thân, đó là phong chủng. Bốn đại kia với chỗ không thể nắm giữ là không theo đấy mà chuyển như mũi tên bắn ra, đó là thức chủng. Như địa chủng kia, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải người, chẳng phải sĩ phu, chẳng phải thân, chẳng phải đối tượng của thân, chẳng phải đời sống con người, chẳng phải thiếu niên, chẳng phải tạo tác, hay không tạo tác, không phải trú hay vô trú, chẳng phải trí hay vô trí, chẳng phải chúng sinh, chẳng phải ta, chẳng phải cái của ta, chẳng phải từ kia có vị không có chủ. Thủy, hỏa, phong, không chủng cũng lại như thế. Thức chủng chẳng phải nam chẳng phải nữ, chẳng phải người, chẳng phải sĩ phu, chẳng phải là thân, chẳng phải là đối tượng của thân, chẳng phải đời sống con người, chẳng phải thiếu niên, chẳng tạo tác hay không tạo tác, chẳng trú hay vô trú, chẳng phải trí hay không trí, chẳng phải chúng sinh, chẳng phải ta, chẳng phải cái của ta, chẳng phải từ kia có vị không có chủ. Như thế, chỉ từ sáu chủng mà tạo ra các tưởng như tưởng đồng nhất, tưởng bất hợp, tưởng là nữ, tưởng là nam, tưởng là vọng, tưởng

là thân, tưởng là tự tại, gắng gượng cho là tự tại, thọ nhận không biết bao nhiêu loại nên gọi là vô minh.

Lúc ấy cho rằng: "Do tánh si nên tưởng là tịnh, tưởng là thường, tưởng là lạc, tưởng là thân (ngã) rồi nghi ngờ khởi vọng tưởng, chẳng phải là chỗ chính yếu. Đức Phật gọi đó là vô minh, cũng là nhận thức sai lầm về vật, không có trí tuệ phát sinh. Vọng tưởng nên gọi là vô minh. Vọng tưởng nên gọi là hành. Nhận biết về vật nên gọi là thức. Năm tánh nên gọi là danh sắc. Nương nơi gốc của danh sắc mà có lục nhập. Hợp đủ ba yếu tố nên gọi là xúc. Vì hành của xúc nên gọi là thọ. Thọ mà ưa thích nên gọi là ái. Ái được dàn trải rộng nên gọi là thủ. Thủ nên lại có hành nên là hữu. Năm tánh thành tựu đủ nên gọi là sinh. các chủng tử đã thành thục nên gọi là lão). Mạng căn kết thúc nên gọi là tử. Trong sự bực bội nóng nảy là ưu. Nói năng cuồng loạn là bi. Năm thức nơi thân cùng hợp lại làm năm khổ. Tâm thức thân hợp lại là buồn bã. Tâm niệm bị quấy nhiễu là não. Hữu nên có sinh. như vậy sở tri chướng hiện rõ, đó gọi là gồm đủ khối khổ lớn, từ đó nhận lấy những sự xấu kém. Do từ đó tham đắm nên lại sinh. Điều ấy ban đầu chẳng thể thấy biết, chẳng thể lường tính. Lại tối tăm là nghĩa của vô minh. Tạo thành là nghĩa của hành. Nhận biết là nghĩa của thức. Duyên trụ nơi thức. Thức đó cùng nương vào nhau là nghĩa của danh sắc. Trú nơi đó mà chẳng giữ riêng là nghĩa của lục nhập. Thay đổi rồi hợp lại là nghĩa của xúc. Từ đó nhận biết là nghĩa của thọ. Khao khát muốn được vật, như lửa thiêu đốt không biết chán là nghĩa của ái. Nắm giữ là nghĩa của thủ. Phải có sự hiện hữu là nghĩa của hữu. Dốc hướng tới năm tánh là nghĩa của sinh. Thành thục là nghĩa của lão. Các hành tan hoại là nghĩa của tử. Nói về nghĩa như thế cũng là tướng của mười hai duyên khởi. Lại từ vô minh tạo ra phước đức, cũng từ vô minh tạo ra tội lỗi. Đó là duyên nơi vô minh. Hành có các hành động tạo ra phước đức, có hành động tạo ra phi phước đức, do đó có thức, tức là hành làm duyên cho thức do thức tạo tánh hành nơi danh sắc thành tựu đầy đủ đó là thức duyên danh sắc. Duyên sinh ấy luôn luôn tạo ra để thọ nhận, đó là danh sắc duyên lục nhập. Nhãn thức hợp với xúc, đó gọi là lục nhập duyên xúc. Như xúc, thọ nhận biết cũng vậy, đó gọi là xúc duyên thọ. Do từ không nhận biết về thọ là hành sai biệt. Từ nơi hình tượng tham ái liền giữ lấy, đó gọi là thọ duyên ái. Theo hình tượng của ái lại chiếm lấy đó là ái duyên thủ. Có thủ vì ba hành nơi thân, khẩu, ý. Đó là thủ duyên hữu. Hành của hữu càng khó nhọc nên lại có đủ yếu tố để thành sinh, đó là hữu duyên sinh. Năm tánh đã thành nên có lão tử, đó là mười hai duyên khởi tiếp nối nhau lưu chuyển lần lượt tạo ra ruộng nghiệp. Thức tạo ra hạt giống cho hành. Vô minh tạo ra sự đối đãi nơi hành. Như đất năm

giữ hạt giống, nước làm hạt giống không tan, lửa làm hạt giống thành thục, gió làm hạt giống sinh trưởng, hư không làm hạt giống không bị ngăn ngại. Hành tạo ra ruộng nghiệp cũng lại như thế. Ái tạo sự thấm nhuần cho hành. Hành kia chẳng biết mình tạo ra ruộng nghiệp. Ái chẳng biết mình làm thấm nhuần hành. Thức chẳng biết mình làm hạt giống cho hành. Vô minh chẳng biết mình làm sự đối đãi nơi hành. Như đất chẳng biết mình nắm giữ hạt giống. Nước, lửa, gió, hư không như trên đã nói. Từ có hành khó nhọc nên lại có đủ yếu tố để thành sinh, đây cũng không có từ đời này là sự bức bách, chỉ là nhân duyên cùng nắm giữ. Ví như tấm gương trong thì càng sáng rõ, nhờ duyên bên trong, ngoài mới sinh hình tượng của mặt. Cái mặt cũng chẳng mất ở đây mà sinh ra ở kia. Trong gương từ chỗ có nhân duyên của mặt chẳng thiếu. Nên đấy chẳng phải chết ở đây, sinh ở kia. Vì có nhân duyên của tình khổ không thiếu từ đó có thọ nhận. Như ngọn lửa do thọ nhận nên cháy mãi ngày đêm không gián đoạn, ngọn lửa ấy cũng không đi đâu. Thức cũng như thế, không bị thân tướng trói buộc phải qua lại trong năm đường, có duyên thì sinh, là pháp vô chủ. Ví như vầng trăng cách mặt nước bốn mươi chín do-tuần, mà hình tròn hiện rõ ở dưới nước đầy đủ không thiếu, chẳng phải mặt trăng lặn ở kia mà sinh ở nơi này. Quán về sinh tử cũng phải như thế. Đó là sự trói buộc của tướng nhân.

Sao gọi là tướng duyên trói buộc? Như Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: "Nhãn căn duyên nơi sắc trần sinh ra nhãn thức. Nhãn căn kia chẳng biết mình tạo ra duyên nương tựa. Sắc trần chẳng biết mình làm đối tượng cho thức. Ánh sáng chẳng biết mình làm sự chiếu sáng cho thức. Hư không chẳng biết mình không làm chướng ngại cho thức. Thức chẳng biết mình sinh tạo sự hiện hữu ấy. Nhãn căn, sắc pháp, ánh sáng, hư không, nhớ nghĩ tạo đủ duyên cho nhãn thức gồm đủ yếu tố sinh. Tai, mũi, miệng, thân, tâm, duyên với các pháp nên tâm thức sinh. Nhãn căn kia chẳng biết mình làm cho thức nương tựa. Sắc pháp chẳng biết mình làm cho thức hành động. Tâm chẳng biết mình làm cho thức tỏa ánh sáng. Hư không chẳng biết mình khiến cho thức không bị chướng ngại. Thức cũng chẳng biết mình thành tựu được từ nhân duyên này."

Này Tôn giả A-nan! Duyên nơi tâm pháp, ánh sáng, hư không, ý niệm, tạo đủ duyên cho tâm thức phát sinh, ở đây chẳng phải tự tạo ra, chẳng do cái khác tạo, chẳng phải tự tha cùng tạo, chẳng phải là không nhân sinh ra, chẳng phải ngã, chẳng phải đối tượng của ngã, chẳng phải không nhân mà có. Nên dùng năm điều ấy nơi thấy được duyên khởi bên trong.

Sao gọi là năm? Là chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng đi, tạo tác ít

quả báo nhiều, hình dáng và tướng trạng chẳng cố định. Người kia nếu đã chết, thân hư hoại thì chẳng phải là thường, ra đời có thân phận là chẳng đoạn; hoặc cùng đi, hay đi khác, phần khác nên là chẳng đi. Tạo tác ít quả báo nhiều nghĩa là các hành chẳng tiêu mất, như quả báo của các hành sinh ra, chẳng phải là hình tượng. Nếu thấy duyên khởi này không có mạng, chẳng phải là mạng là thấy pháp. Thấy pháp không có mạng, chẳng phải là mạng thì thấy bốn Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ví như người sáng suốt thấy bức tranh của họa sĩ khen bức tranh đẹp, họa sĩ giỏi. Người thấy bốn Đế cũng như vậy. Phật biết tất cả, thấy tất cả, do đó được sự hoan hỷ không lìa Phật, đạt được các pháp, cho đến cái vui của giới chân thật không thể xa lìa.

-oOo-

SỐ 709

KINH ĐẠO VU

(Kinh nói về cây lúa cây khoai)

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và chúng Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ kinh hành của Bồ-tát Di-lặc. Bồ-tát Di-lặc và Tôn giả Xá-lợi-phất cùng ngồi trên tảng đá.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Di-lặc:

–Hôm nay, Đức Thế Tôn trông thấy cây lúa cây khoai, rồi nói thế này: "Này chư Tỳ-kheo! Thấy mười hai Nhân duyên tức là thấy pháp. Thấy pháp tức là thấy Phật." Khi ấy, Đức Thế Tôn đã nói như thế rồi an trú trong im lặng.

Thưa Bồ-tát Di-lặc! Vì sao Thế Tôn đã nói lời kinh ấy? Lại vì ý nghĩa gì mà nói: Thấy mười hai Nhân duyên tức là thấy pháp. Thấy pháp tức là thấy Phật? Sao gọi là mười hai Nhân duyên? Sao gọi là thấy nhân duyên tức là thấy pháp? Sao gọi thấy pháp tức là thấy Phật?

Bồ-tát Di-lặc nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đức Phật Thế Tôn thường nói: "Thấy mười hai Nhân duyên tức là thấy pháp. Thấy pháp tức là thấy Phật".

Mười hai Nhân duyên là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ, não. Mọi thứ khổ tập hợp lại là do khổ ấm lớn làm nhân duyên, cho nên Phật nói mười hai nhân duyên.

Sao gọi là pháp? Là tám Chánh đạo và quả Niết-bàn. Như Lai nói vắn tắt về pháp ấy.

Sao gọi là Phật? Là vị có khả năng giác ngộ về tất cả pháp, nên gọi

là Phật. Nếu dùng Tuệ nhãn thấy Pháp thân chân thật thì có thể thành tựu pháp tu học Bồ-đề.

Sao gọi là thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp. Thấy pháp tức là thấy Phật? Đức Phật đã nói thế này: "Mười hai Nhân duyên thường tiếp nối nhau khởi lên, thấy như thật, vô sinh, thấy không điên đảo, không sinh khởi, không tạo tác, chẳng phải hữu vi, không trụ vô vi, chẳng phải là cảnh giới của tâm, vắng lặng vô tướng. Vì thế nên thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp, thường tiếp nối nhau khởi lên, không sinh, thấy như thật, chẳng điên đảo, không khởi sinh, không tạo tác, chẳng phải hữu vi, không trụ vô vi, chẳng phải cảnh giới của tâm, vắng lặng vô tướng. Vì thế, cho nên thấy mười hai Nhân duyên tức là thấy đạo Vô thượng, đầy đủ Pháp thân.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Di-lặc:

–Sao gọi là mười hai Nhân duyên?

Bồ-tát Di-lặc đáp rằng:

–Có nhân có duyên, gọi là pháp Nhân duyên. Đây là Phật nói vắn tắt về tướng nhân duyên. Do nhân này có thể sinh quả ấy. Như Lai ra đời pháp từ Nhân duyên sinh. Như Lai không ra đời pháp cũng từ nhân duyên sinh. Tánh và tướng thường trụ, không có các phiền não, rốt ráo như thật, chẳng phải là chẳng như thật. Đó là pháp chân thật, xa lìa pháp điên đảo.

Lại nữa, pháp mười hai Nhân duyên từ hai loại sinh ra.

Những gì là hai? Một là nhân; hai là quả. Pháp do nhân duyên sinh lại có hai loại: Một là nội nhân duyên; hai là ngoại nhân duyên.

Pháp ngoại nhân duyên (nhân duyên bên ngoài) do đâu mà sinh? Như từ hạt giống có thể sinh mầm, từ mầm sinh lá, từ lá sinh đốt, từ đốt sinh thân, từ thân cây sinh nụ, từ nụ sinh hoa, từ hoa sinh quả. Không có hạt thì không có mầm, cho đến không có hoa, quả. Có hạt nên mầm sinh, cho đến có hoa nên có quả, nhưng hạt chẳng nghĩ mình có thể sinh mầm, mầm cũng chẳng nghĩ mình từ hạt mà sinh, cho đến hoa cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh quả, quả cũng chẳng nghĩ mình do hoa mà sinh. Nhưng kỳ thật hạt có thể sinh mầm. Như thế gọi là pháp từ nhân bên ngoài sinh ra.

Những gì gọi là pháp từ duyên bên ngoài sinh? Đó là đất, nước, lửa, gió, không, thời. Địa chủng thì giữ vững, thủy chủng thì thấm nhuần, hỏa chủng thì thành thục, phong chủng thì phát khởi, không chủng chẳng tạo sự chướng ngại, lại nhờ thời tiết biến đổi, khí hậu điều hòa, đầy đủ sáu duyên như thế mới sinh. Nếu sáu duyên không đầy đủ thì vật không thể sinh. Đất, nước, lửa, gió, không, thời, sáu duyên phải điều hòa, chẳng tăng,

chẳng giảm, thì vật mới sinh được. Đất cũng chẳng nói mình có thể nắm giữ. Nước cũng chẳng nói mình có thể thấm nhuần. Lửa cũng chẳng nói mình có thể thành thục. Gió cũng chẳng nói mình có thể phát khởi. Hư không chẳng nói mình có thể không làm chướng ngại. Thời tiết cũng chẳng nói mình có thể làm cho sinh. Hạt giống cũng chẳng nói mình nhờ sáu duyên sinh được mầm. Mầm cũng chẳng nói mình do một số duyên sinh. Tuy chẳng nghĩ từ một số duyên kia sinh, nhưng kỳ thực do các duyên hòa hợp mà mầm sinh, cũng chẳng do tự sinh, cũng chẳng do cái khác sinh, cũng chẳng do tự tha hợp lại sinh, cũng chẳng do trời Tự tại sinh, cũng chẳng do thời gian, phương hướng sinh, cũng chẳng do bản tánh sinh, cũng chẳng do vô nhân sinh. Đó là thứ tự của pháp sinh. Như thế pháp từ duyên bên ngoài sinh nhờ năm tính chất, nên biết: Chẳng đoạn cũng chẳng thường, cũng chẳng từ đây đến kia, như hạt ít mà quả rất nhiều, giống nhau, tiếp nối nhau chẳng sinh vật khác.

Sao gọi là chẳng đoạn? Do hạt, mầm, rễ, thân, thứ tự tiếp nối nhau nên chẳng đoạn diệt.

Sao gọi là chẳng thường? Mầm, thân, hoa, quả, mỗi loại tự khác nhau nên chẳng thường, cũng chẳng do hạt diệt rồi sau mầm mới sinh, cũng chẳng phải hạt chẳng diệt mà mầm lại sinh, mà do pháp nhân duyên nên mầm nẩy thì hạt vắng mặt, thứ tự mà sinh khởi nên chẳng thường. Danh tướng của hạt và mầm mỗi thứ khác biệt, nên chẳng phải từ đây đến kia; hạt ít quả nhiều cho nên phải biết chẳng phải là một. Đó là hạt ít mà nhiều quả. Như hạt chẳng sinh quả khác với nó, nên gọi là giống nhau, tiếp nối nhau. Do năm loại duyên bên ngoài này mà các pháp được sinh.

Pháp nội nhân duyên (nhân duyên bên trong) do hai loại sinh.

Sao gọi là nhân? Từ vô minh cho đến lão tử, vô minh diệt tức hành diệt, cho đến sinh diệt tức lão tử diệt. Vì vô minh nên có hành, cho đến vì có sinh nên có lão tử, nhưng vô minh chẳng nói mình có thể sinh hành, hành cũng chẳng nói từ vô minh mà sinh, cho đến lão, bệnh tử cũng chẳng nói mình từ sinh mà sinh. Nhưng kỳ thực, có vô minh thì có hành, có sinh thì có lão tử. Đó là nội nhân thứ tự mà sinh pháp.

Sao gọi là pháp từ duyên bên trong sinh? Đó là sáu giới địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

Sao gọi là địa? Vì nó có thể nắm giữ, kiên cố nên gọi là địa giới.

Sao gọi là thủy? Vì nó có thể làm ẩm ướt, thấm nhuần nên gọi là thủy giới.

Sao gọi là hỏa? Vì nó có thể làm thành thục nên gọi là hỏa giới.

Sao gọi là phong? Vì nó có thể tạo hơi thở vô hơi thở ra nên gọi là phong giới.

Sao gọi là không? Vì nó có thể không tạo sự ngăn che nên gọi là không giới.

Sao gọi là thức? Bốn ấm, năm thức cũng gọi là danh, cũng gọi là thức. Như thế các pháp hòa hợp thì gọi là thân. Tâm hữu lậu thì gọi là thức. Như thế bốn ấm là năm tình căn gọi là sắc. Sáu duyên như thế gọi là thân. Nếu sáu duyên đầy đủ, không tổn hại thì mới thành thân thể. Duyên ấy nếu giảm thì thân chẳng thành. Đất cũng chẳng nghĩ mình có thể giữ gìn, kiên cố. Nước cũng chẳng nghĩ mình có thể làm thấm nhuần. Lửa cũng chẳng nghĩ mình có thể làm thành thục. Gió cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo hơi thở vô, hơi thở ra. Hư không cũng chẳng nghĩ mình có thể không tạo sự chướng ngại. Thức cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo sự sinh trưởng. Thân cũng chẳng nghĩ mình do một số duyên sinh. Nếu không có sáu duyên này thì thân cũng chẳng sinh. Đất cũng vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ mạng, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, cũng chẳng phi nam, chẳng phi nữ, chẳng phải đây chẳng phải kia. Nước, lửa, gió cho đến thức… cũng đều vô ngã… vô chúng sinh, vô thọ mạng, cho đến cũng chẳng phải đây, chẳng phải kia.

Sao gọi là vô minh? Vô minh là ở trong sáu giới, khởi lên tưởng về một, tưởng tụ tập, tưởng thường còn, tưởng bất động, tưởng bất hoại, tưởng niềm vui bên trong, tưởng chúng sinh, tưởng thọ mạng, tưởng nhân, tưởng ngã, tưởng ngã sở, khởi lên muôn vàn các loại tưởng như thế, gọi là vô minh. Như thế trong năm căn của chúng sinh khởi lên tham dục, sân hận; hành và tưởng cũng như thế. Đắm chấp theo tất cả pháp giả danh thì gọi là thức. Bốn ấm là danh, sắc ấm là sắc, đó gọi là danh sắc. Danh sắc tăng trưởng phát sinh lục nhập. Lục nhập tăng trưởng phát sinh xúc. Xúc tăng trưởng phát sinh thọ. Thọ tăng trưởng phát sinh ái. Ái tăng trưởng phát sinh thủ. Thủ tăng trưởng phát sinh hữu. Hữu tăng trưởng nên có thể phát sinh hậu ấm gọi là sinh. Sinh tăng, trưởng, biến hoại gọi là già; thọ ấm hư hoại nên gọi là chết; thường phát sinh sự bực bội, ganh ghét, nên gọi là ưu, bi, khổ, não. Năm căn chống trái, hư hại thì gọi là thân khổ. Ý chẳng hòa thuận ưa thích thì gọi là tâm khổ. Sự tụ tập của các khổ như thế thường ở trong tối tăm thì gọi là vô minh. Tạo ra các nghiệp thì gọi là hành. Phân biệt các pháp thì gọi là thức. Có chỗ kiến lập thì gọi là danh sắc. Sáu căn mở ra thì gọi là lục nhập. Gặp duyên tiếp trần thì gọi là xúc. Cảm biết được khổ vui thì gọi là thọ. Như khát nước mong cầu được uống thì gọi là ái. Có sự nắm

giữ thì gọi là thủ. Khởi tạo các nghiệp thì gọi là hữu. Thân sau mới sinh thì gọi là sinh. Sống ở đời bị thay đổi, suy kém thì gọi là già. Cuối cùng tan rã thì gọi là chết. Theo đuổi luyến tiếc việc làm, lời nói, âm thanh,… đã qua thì gọi là ưu khổ, sự việc đem đến chỗ bức bách nơi thân thì gọi là khổ não. Theo đuổi sự thương nhớ tiếp nối nhau gọi là bi. Phiền não buộc trói thì gọi là não. Tà kiến, hiểu sai thì gọi là vô minh. Dùng sự hiểu biết sai lầm này mà phát khởi ba nghiệp thì gọi là hành. Các nghiệp thiện, ác… có thể thọ nhận quả báo thì gọi là thức. Do nghiệp ô uế, vô ký sinh thức ô uế vô ký, nghiệp bất động sinh thức bất động. Từ thức phát sinh danh sắc. Từ danh sắc phát sinh Lục nhập. Từ lục nhập phát sinh xúc. Từ xúc phát sinh thọ. Từ thọ phát sinh ái; từ ái phát sinh thủ; từ thủ phát sinh hữu, từ hữu phát sinh sinh; từ sinh có lão tử, ưu, bi, khổ, não.

Bồ-tát Di-lặc nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Mười hai Nhân duyên mỗi thứ đều có quả, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải hữu vi, chẳng lìa hữu vi, chẳng phải pháp tận, chẳng phải pháp lìa dục, chẳng phải pháp diệt, có Phật hay không có Phật, pháp ấy vẫn nối tiếp nhau chẳng đoạn diệt, giống như dòng nước sông chảy hoài không bao giờ dừng.

Bồ-tát Di-lặc lại nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Mười hai Nhân duyên mỗi thứ đều có nhân, mỗi thứ đều có duyên, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải hữu vi, chẳng lìa hữu vi, chẳng phải pháp tận, chẳng phải pháp lìa dục, chẳng phải pháp diệt, có Phật hay không có Phật, pháp ấy vẫn luôn tiếp nối nhau, chẳng đoạn tuyệt, giống như dòng nước sông chảy hoài chẳng bao giờ dừng. Có thể dùng bốn duyên làm tăng trưởng mười hai duyên.

Những gì là bốn? Đó là vô minh, ái, nghiệp, thức. Thức là thể của hạt giống, nghiệp là thể của đám ruộng, vô minh và ái là thể của phiền não, có thể nuôi lớn thức. Nghiệp là ruộng của thức, ái là sự ẩm ướt thấm nhuần, vô minh che lấp hạt giống của thức. Nghiệp chẳng nghĩ mình có thể phát sinh hạt hạt giống của thức. Ái cũng chẳng nghĩ mình có thể làm ẩm ướt, thấm nhuần. Vô minh cũng chẳng nghĩ mình có thể che lấp hạt giống của thức. Thức cũng chẳng nghĩ mình từ một số nhân duyên sinh ra.

Lại nữa, nghiệp là đám ruộng của thức, vô minh là phân, nước tham ái là sự thấm nhuần, mới phát sinh mầm danh sắc… mà mầm danh sắc cũng chẳng do tự sinh, cũng chẳng do cái khác sinh, cũng chẳng do tự tha hợp lại sinh, cũng chẳng do trời Tự tại sinh, cũng chẳng do thời tiết, phương hướng sinh, cũng chẳng do bản thể sinh, cũng chẳng do vô nhân duyên

sinh.

Lại nữa, do các duyên nơi dục lạc và tinh khí của cha mẹ hòa hợp nên phát sinh mầm danh sắc, vốn là cái không có chủ thể, không có ngã, không có tạo tác, không có thọ mạng, giống như hư không, như huyễn hóa, do các duyên hòa hợp mà sinh.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nhãn thức do năm nhân duyên phát sinh.

Những gì là năm? Đó là nhãn căn, sắc pháp, ánh sáng, hư không, tác ý, nhờ đó thức mới phát sinh được. Nhãn thức nương nơi nhãn căn, lấy sắc pháp làm cảnh giới, duyên nơi ánh sáng để chiếu soi, hư không chẳng tạo ra sự chướng ngại, tác ý phát khởi nên sinh nhãn thức. Như thế nếu các duyên không hòa hợp thì nhãn thức không thể sinh, nhưng nhãn thức cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo ra thể tướng. Sắc pháp cũng chẳng nghĩ mình có thể làm cảnh giới. Ánh sáng cũng chẳng nghĩ mình có thể chiếu soi. Hư không cũng chẳng nghĩ mình có thể không làm ngăn ngại. Tác ý cũng chẳng nghĩ mình có thể phát khởi nhãn thức. Nhãn thức cũng chẳng nghĩ mình do một số duyên mà phát sinh. Nhưng nhãn thức này thật sự là nhờ các duyên hòa hợp mà phát sinh. Như thế, các căn sinh ra các thức, thứ tự cũng nói như vậy.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Không có pháp từ đời này đến đời khác, chỉ có nghiệp quả mang theo và các duyên hòa hợp mới sinh.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ví như gương sáng có thể hiện rõ cảnh vật bên ngoài mặt gương để ở mỗi chỗ khác nhau, dù các vật không đi đến, nhưng thấy cùng một chỗ.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Giống như mặt trăng trên bầu trời, cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, dòng nước ở dưới, trăng chiếu ở trên. Mặt trăng tuy chỉ có một nhưng hiện trong nhiều dòng nước. Thể của mặt trăng không rơi xuống nước, chất nước cũng chẳng đi lên. Như thế, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chúng sinh chẳng do từ đời này đến đời sau, chẳng do đời sau đến đời này, nhưng có nghiệp quả theo nhân duyên báo ứng, chẳng thể tổn giảm.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như lửa gặp củi thì cháy, củi hết thì tắt. Như thế nghiệp kết sinh thức biến khắp các cõi có thể phát khởi quả danh sắc, không có ngã, không có chủ thể, cũng không có người thọ nhận như hư không, như khi lửa bốc cháy, như huyễn, như mộng, không có pháp thật, nhưng nhân duyên nơi quả báo thiện ác của nó, tùy theo nghiệp chẳng mất đi.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Mười hai Nhân duyên cũng do năm nhân duyên sinh, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng đến, chẳng đi, ít nhân nhiều quả, cũng giống nhau, tiếp nối nhau, thứ tự mà sinh khởi.

Sao gọi là chẳng thường? Một ấm diệt thì một ấm khác sinh, diệt chẳng phải sinh, sinh chẳng phải là diệt, nên gọi là chẳng thường.

Sao gọi là chẳng đoạn? Giống như cái cân, khi cao khi thấp, ở đây thì diệt, ở kia thì sinh. Cho nên gọi là chẳng đoạn, đã thấy biết như thật.

Sao gọi là chẳng đến, chẳng đi? Hạt không có đi và đến chỗ mầm, cũng vậy, mầm không đi và đến chỗ hạt. Vì lẽ đó nên không có từ đây đến kia. Nhưng kỳ thực, dùng ít hạt có thể gặt được nhiều quả.

Sao gọi là tương tự sinh? Như nhân bất thiện thì sinh quả bất thiện, như nhân thiện thì sinh quả thiện. Vì thế gọi là tương tự, tiếp nối nhau mà sinh.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Phật đã nói, thường quán sát mười hai nhân duyên thì gọi là chánh kiến. Nếu người quán sát một cách chân chánh về mười hai nhân duyên thì đối với thân trong quá khứ không sinh tưởng có, đối với thân trong đời vị lai cũng không sinh tưởng không. Chẳng nghĩ là chúng sinh từ đâu đến và đi về đâu? Nếu Sa-môn, Bà-la-môn và người đời tạo thành các kiến chấp: Kiến chấp về nhã, về chúng sinh, về thọ mạng, về trượng phu, về an lành không an lành, mà thấy đúng về mười hai nhân duyên như cây Đa-la chặt đứt đầu thì không thể sinh lại được tức kiến chấp về ngã liền đoạn trừ. Nếu người thấy đúng về mười hai nhân duyên thì được tâm tư như vậy.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu chúng sinh nào có thể nhận rõ được pháp ấy thì chắc chắn được Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Bồ-tát Di-lặc giảng nói như thế rồi hoan hỷ lui ra, còn tám bộ chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la và các đại chúng đảnh lễ Bồ-tát Di-lặc, hoan hỷ tín thọ, phụng hành.

-oOo-

SỐ 710

KINH TỪ THỊ BỒ-TÁT SỞ THUYẾT ĐẠI THỪA DUYÊN SINH ĐẠO CÁN DỤ

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Sa-môn Bất Không.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại núi Thứu phong thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và chúng Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Tuệ mạng Xá-lợi Tử đi đến chỗ kinh hành của Đại Bồ-tát Từ Thị. Bồ-tát Từ Thị và Tuệ mạng Xá-lợi Tử cùng ngồi trên tảng đá. Khi ấy, Tuệ mạng Xá-lợi Tử hỏi Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Ngày nay, Đức Thế Tôn xem xét về gốc cây lúa, bảo các vị Tỳ-kheo thế này: "Này các Tỳ-kheo! Nếu ai thấy duyên sinh tức là thấy pháp. Nếu ai thấy pháp tức thấy Phật". Đức Bà-già-phạm đã nói thế rồi an trú trong im lặng. Câu kinh mà Như Lai nói đó có ý nghĩa gì? Sao gọi là duyên sinh? Sao gọi là pháp? Sao gọi là Phật? Sao gọi là thấy duyên sinh tức là thấy pháp? Sao gọi thấy pháp tức là thấy Phật?

Đại Bồ-tát Từ Thị bảo Tuệ mạng Xá-lợi Tử:

–Đức Thế Tôn thường vì các Tỳ-kheo nói nghĩa thế này: "Nếu thấy duyên sinh tức thấy pháp; nếu thấy pháp tức thấy Phật." Duyên sinh nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử. Như Lai nói đây chính là duyên sinh.

Sao gọi là pháp? Như Lai nói tóm lược là tám Thánh đạo chứng đắc quả Niết-bàn. Đó gọi là pháp.

Sao gọi là Phật? Vị giác ngộ tất cả các pháp, dùng Tuệ nhãn của bậc Thánh chứng Niết-bàn, thấy được pháp cần tu học để đạt Bồ-đề. Đó gọi là Phật.

Sao gọi là thấy duyên sinh? Như Lai nói duyên sinh này thường trụ,

không có nhân, không có ngã, không có chúng sinh, không có thọ mạng, không có điên đảo, vô sinh, vô tác, vô vi, vô đối, vô ngại. Thấy tự tánh vắng lặng tức thấy pháp. Nếu thấy các chủng loại như thế thường trụ, không có nhân, không có ngã, không có chúng sinh, không có thọ mạng, chẳng điên đảo, vô sinh, vô đối, vô ngại thì đó là thấy pháp. Từ đấy về sau liền thấy Pháp thân, thấy được Như Lai hiện chứng chánh trí.

Lại hỏi:

–Duyên sinh nghĩa là gì?

Đáp:

–Có nhân, có duyên, chẳng phải không nhân duyên, gọi là duyên sinh. Nhưng ở trong đấy, Như Lai nói tóm lược về tướng của duyên sinh: Do nhân này nên có thể sinh quả này. Dù Như Lai ra đời hay không ra đời thì pháp tánh, pháp trụ, pháp vị thuận theo duyên sinh, chân như, chẳng điên đảo, chẳng khác, như chân thật, chẳng khác, chân thật chẳng điên đảo, chẳng lầm lẫn, đúng là như thế…

Lại nữa, duyên sinh là hai loại nhân phát khởi. Những gì là hai? Một là hệ thuộc nhân; hai là hệ thuộc duyên.

Pháp duyên sinh ấy nên biết có hai loại. Đó là trong và ngoài. Duyên bên ngoài sinh hệ thuộc nhân thế nào? Nghĩa là do hạt giống sinh ra mầm, do mầm sinh ra lá, do lá sinh cành, do cành sinh thân, do thân sinh nhánh, do nhánh sinh hoa, do hoa sinh quả. Nếu không có hạt giống thì mầm không do đâu sinh, cho đến không có hoa thì quả cũng không có chỗ để sinh. Có hạt nên sinh mầm cho đến có hoa nên sinh quả. Nhưng hạt chẳng nghĩ mình có thể sinh mầm, mầm cũng chẳng nghĩ mình do hạt sinh, cho đến hoa cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh quả, quả cũng chẳng nghĩ mình do hoa sinh. Có hạt nên mầm mới sinh, cho đến có hoa thì sinh quả. Như thế là ngoại duyên sinh, nên biết là hệ thuộc với nhân.

Sao gọi là duyên bên ngoài sinh hệ thuộc với duyên? Nghĩa là sáu giới hòa hợp với duyên sinh, hệ thuộc với duyên.

Sao gọi là sáu giới? Đó là địa, thủy, hỏa, phong, không, thời hòa hợp duyên sinh, hệ thuộc với duyên.

Sao gọi là địa, thủy, hỏa, phong, không, thời giới? Khiến hạt giống được bảo trì gọi là địa giới, khiến hạt giống thấm nhuần gọi là thủy giới, khiến hạt giống thành thục gọi là hỏa giới, khiến hạt giống tăng trưởng gọi là phong giới, khiến hạt giống không có chướng ngại gọi là không giới, khiến hạt giống biến đổi gọi là thời giới. Nếu không có các duyên thì hạt giống chẳng nẩy mầm; nếu không thiếu địa giới, không thiếu thủy, hỏa,

phong, không, thời giới, tất cả hòa hợp thì hạt giống nảy mầm. Địa giới ấy chẳng nghĩ mình có thể bảo trì hạt giống. Thủy giới chẳng nghĩ mình có thể làm thấm nhuần hạt giống. Hỏa giới chẳng nghĩ mình có thể làm chín hạt giống. Phong giới chẳng nghĩ mình có thể làm tăng trưởng hạt giống. Không giới chẳng nghĩ mình có thể khiến hạt giống phát triển, không có chướng ngại. Thời giới chẳng nghĩ mình có thể biến đổi hạt giống. Hạt giống đó cũng chẳng nghĩ mình do các duyên mới sinh được mầm. Nhưng nhờ các duyên như thế mà hạt giống nảy mầm, mầm đó chẳng tự tạo, chẳng do cái khác tạo, chẳng do cả hai cùng tạo, chẳng do trời Tự tại tạo, chẳng do thời gian biến đổi tạo, chẳng do tự tánh sinh, chẳng hệ thuộc người tạo tác hay vô nhân sinh. Như thế hạt giống nhờ đất, nước, lửa, gió, hư không, thời tiết hòa hợp lại mà sinh. Pháp ngoại duyên sinh này nên biết có năm tính chất: chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng di chuyển, nhân ít, quả nhiều, tương tự, tương tục, chẳng sinh vật khác.

Sao gọi là chẳng thường? Vì hạt và mầm khác nhau nên chẳng phải là hạt mầm, cũng chẳng do hủy hoại hạt rồi mầm mới sinh, nhưng kỳ thực hạt chết nên mầm sinh. Vì hạt chết, mầm sinh nên gọi là chẳng thường.

Sao gọi là chẳng đoạn? Trước thì hạt giống chẳng hoại để sinh mầm, cũng chẳng phải là chẳng hoại. Như thế hạt giống hoại, hòa hợp sinh ra mầm gọi là chẳng đoạn.

Chẳng di chuyển là hạt giống và mầm khác nhau. Nhân ít quả nhiều là hạt giống ít mà quả hột lại nhiều. Tương tự, tương tục là tùy theo trồng hạt giống nào thì thu quả cũng thế. Như vậy, nên biết đó là năm tính chất của pháp ngoại duyên sinh.

Sao gọi là nội duyên sinh? Có hai loại được sinh.

Những gì là hai loại? Một là hệ thuộc nhân; hai là hệ thuộc duyên.

Pháp nội duyên sinh hệ thuộc với nhân nào? Đó là vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử. Nếu không có vô minh thì không có hành, nhưng có vô minh nên có hành, cho đến có sinh làm điều kiện cho lão tử được sinh. Vô minh đó chẳng nghĩ mình có thể tạo ra hành, hành chẳng nghĩ mình do vô minh tạo ra, cho đến sinh chẳng nghĩ mình có thể sinh lão tử. Nhưng có vô minh thì có hành sinh cho đến có sinh thì có lão tử sinh. Như thế là pháp nội duyên sinh hệ thuộc với nhân.

Sao gọi là pháp nội duyên sinh liên hệ với duyên? Đó là sáu giới hòa hợp mà sinh.

Sao gọi là sáu giới hòa hợp? Đó là địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới hòa hợp làm duyên sinh hệ thuộc với duyên.

Sao gọi là địa giới? Thể cứng khiến cho thân hợp lại gọi là địa giới.

Sao gọi là thủy giới? Khiến cho thân được thâu giữ gọi là thủy giới.

Sao gọi là hỏa giới? Khiến cho các thức ăn uống trong thân tiêu hóa, gọi là hỏa giới.

Sao gọi là phong giới? Khiến tạo ra hơi thở vô ra trong thân gọi là phong giới.

Sao gọi là không giới? Khiến tạo ra khoảng trống trong thân gọi là không giới.

Sao gọi là thức giới? Khiến chuyển danh sắc như bó cỏ lau, năm thức tương ưng, có ý thức hữu lậu gọi là thức giới.

Nếu không có sáu giới thì thân người chẳng thành. Nếu chẳng thiếu nội địa giới, chẳng thiếu thủy, hỏa, phong, không, thức giới thì tất cả hòa hợp có thể sinh thân. Địa giới đó chẳng nghĩ mình là chất cứng có thể khiến cho thân tụ hợp. Thủy giới chẳng nghĩ mình có thể khiến cho thân tạo sự giữ gìn. Hỏa giới chẳng nghĩ mình có thể làm tiêu hóa thức ăn, uống trong thân. Phong giới chẳng nghĩ mình có thể khiến thân tạo hơi thở vào ra. Không giới chẳng nghĩ mình có thể khiến tạo thành khoảng trống trong thân. Thức giới cũng chẳng nghĩ mình có thể chuyển được danh sắc giống như bó cỏ lau. Thân cũng chẳng nghĩ mình do các duyên kia mà sinh. Nhưng mà có các duyên như thế mới sinh thân. Địa giới ấy không ngã, không nhân, không mạng, không thọ mạng, không ý sinh, không nho đồng, không nam, không nữ, không phi nam nữ, không ngô, ngã, cũng không gì khác. Thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng không ngã, không nhân, không mạng, không thọ mạng, không ý sinh, không nho đồng, không nữ, không nam, không phi nam nữ, không ngô, ngã, không gì khác.

Sao gọi là vô minh?

Đối với sáu giới này, khởi lên tưởng một, tưởng hợp, tưởng thường, tưởng vững chắc, tưởng thường hằng, tưởng vui, tưởng yên lặng, tưởng chúng sinh, tưởng mạng, tưởng thọ mạng, tưởng ý sinh, tưởng nho đồng tưởng ngô, ngã, tưởng tác giả. Khởi các loại tưởng như thế mà không biết, gọi là vô minh. Từ cảnh giới có vô minh như thế sinh tham, sân, si; từ tham, sân, si kia, sinh ra hành. Từ hành kia bày ra các việc gọi là thức. Thức ấy sinh bốn uẩn. Danh sắc kia nương tựa vào các căn, cùng sáu xứ ba pháp hợp gọi là xúc; xúc sinh thọ; thọ tham đắm nên sinh ái; ái phát triển mạnh nên gọi là thủ; thủ lại sinh hữu, nghiệp hữu làm nhân sinh uẩn; uẩn chín mùi gọi là lão, uẩn hư hoại nên gọi là chết. Đối với ái mê hoặc, tham chấp tạo nhiệt não gọi là sầu; theo đuổi thương nhớ việc làm, lời nói, âm thanh

đã qua gọi là than thở. Năm thức thân tương ưng gọi là khổ; ý chẳng vui gọi là ưu; tùy phiền não nên gọi là não; ngu si đen tối gọi là vô minh; tạo tác gọi là hành; phân biệt rõ ràng gọi là thức; hỗ tương nhau, thâu giữ gọi là danh sắc; nương nơi xứ sở gọi là lục xứ; gặp cảnh nên gọi là xúc; lãnh nạp nên gọi là thọ; khát ái nên gọi là ái; nắm giữ nên gọi là thủ, thủ lại sinh hữu nên gọi là hữu; có thể sinh ra nên gọi là sinh; căn chín nên gọi là già; hoại diệt nên gọi là chết; thương nhớ nên gọi là sầu; buồn bã, tấm tức gọi là than thở; ý không vui gọi là ưu; bức bách nơi thân thể nên gọi là khổ; chẳng vừa ý nên gọi là não; chẳng tu hạnh chân thật gọi là tà hạnh; không biết nên gọi là vô minh. Có vô minh nên tạo tác các loại hành; phước cận hành, phi phước cận hành, bất động cận hành. Khi phát khởi hành phước cận hành và hành phi phước cận hành nên gọi là thức. Vì thế gọi là vô minh duyên hành. Khi khởi hành phi phước cận hành và hành phi phước cận hành cũng gọi là thức. Vì thế gọi là hành duyên thức. Khi khởi hành bất động cận hành và hành bất động cận hành cũng gọi là thức. Vì thế gọi là thức duyên danh sắc. Danh sắc tăng trưởng tạo ra môn lục xứ, cho nên gọi là danh sắc duyên lục xứ. Thân lục xứ chuyển nên gọi là lục xứ duyên xúc. Cùng loại xúc sinh cùng loại thọ, nên gọi là xúc duyên thọ. Đối với thọ đắm chấp cái vui sai biệt cho nên gọi là thọ duyên ái. Ái đắm đuối nơi hoan lạc nên ái chẳng thể xả bỏ, luôn luôn vui vẻ cầu tìm, cho nên gọi là ái duyên thủ. Như thế mưu cầu được sinh lại, nên hữu khởi nghiệp nơi thân, khẩu, ý. Vì thế gọi là thủ duyên hữu. Do nghiệp nên sinh trong vòng năm uẩn, gọi là hữu duyên sinh. Do uẩn sinh nên phải chịu suy héo, hoại diệt gọi là sinh duyên lão tử. Như thế gọi là mười hai duyên sinh. Lần lượt thay đổi làm nhân, chẳng thường, chẳng tạo tác, chẳng có suy tư, cũng không có duyên sinh, không có pháp tận cùng, không có pháp lìa dục, không có pháp diệt, từ vô thủy đến nay lưu chuyển không ngừng như dòng nước sông chảy xiết. Nếu duyên sinh chẳng gián đoạn, chuyển dịch như dòng sông thì đó là mười hai duyên sinh hòa hợp với bốn chi mà tạo ra nhân chuyển động.

Những gì là bốn? Đó là vô minh, ái, nghiệp, thức. Tự tánh nơi hạt giống của thức kia là nhân; tự tánh của ruộng nghiệp là nhân; tự tánh của phiền não là ái, vô minh là nhân. Nghiệp, phiền não, thức có thể sinh hạt giống. Như thế nghiệp, thức tạo ra ruộng của hạt giống; ái, thức làm hạt giống thấm nhuần; vô minh, thức làm hạt giống phát sinh. Nhưng nghiệp đó chẳng nghĩ là mình và hạt giống thức tạo ra ruộng; ái chẳng nghĩ là mình và hạt giống thức tạo sự thấm nhuần; vô minh chẳng nghĩ là mình làm cho hạt giống thức phát sinh; hạt giống thức chẳng nghĩ là mình do các duyên mà sinh. Nhưng kỳ thực hạt giống thức an lập nghiệp phiền não, dùng ái

làm cho thấm nhuần, dùng vô minh che đất, sinh ra mầm non danh sắc. Mầm non danh sắc đó chẳng tự tạo, chẳng do cái khác tạo, chẳng do cả hai cùng tạo, chẳng do trời Tự tại tạo, chẳng do biến dịch thời gian tạo, chẳng do tự tánh sinh, chẳng liên hệ ở nhân, không có nhân cũng chẳng sinh. Nhưng lại do lúc cha mẹ hòa hợp tương ưng và các duyên khác tương ưng, tiếp nối nhau sinh. Hạt giống thức ấy ở trong bụng mẹ, mầm non của danh sắc sinh, từ vô chủ (vô sinh), vô ngã mà trao tướng của pháp như huyễn, nhân duyên chẳng thiếu. Do năm loại duyên sinh nhãn thức.

Những gì là năm? Nhãn duyên sắc, ánh sáng và hư không, từ đó sinh tác ý. Nhãn thức nương nơi sắc làm đối tượng duyên; ánh sáng dùng để chiếu sáng; hư không tạo chỗ không chướng ngại, do đó sinh tác ý, để rồi nghĩ kỹ. Nếu không có các duyên thì nhãn thức chẳng sinh. Nếu thiếu nhãn xứ bên trong như là sắc, ánh sáng hư không, tác ý thì nhãn thức chẳng sinh. Như thế năm duyên chẳng thiếu, tất cả hòa hợp lại thì sinh nhãn thức. Nhãn căn kia chẳng nghĩ là mình và nhãn thức tạo ra chỗ dựa. Sắc pháp kia chẳng nghĩ là mình và nhãn thức làm đối tượng duyên. Ánh sáng chẳng nghĩ là mình và nhãn thức tạo ra duyên chiếu sáng. Hư không chẳng nghĩ là mình và nhãn thức tạo ra duyên không chướng ngại. Ý sinh ra chẳng nghĩ là mình và nhãn thức tạo ra sự suy nghĩ kỹ. Nhãn thức lại chẳng nghĩ là mình được nhiều duyên sinh ra. Vì có nhiều duyên nên nhãn thức mới sinh. Bốn căn còn lại, nên biết như trước. Kỳ thật không có pháp, chẳng do đời này di chuyển đến đời kia vì có nghiệp báo thiết lập ra nhân duyên chẳng thiếu sót. Ví như gương sáng hiện rõ khuôn mặt trong đó. Khuôn mặt đó chẳng di chuyển vào nơi gương, mà ở trong gương này có khuôn mặt trong đó, vì nhân duyên chẳng thiếu. Như thế, chẳng do ở đây diệt đi đến chỗ kia, do có nhân duyên nghiệp báo chiêu cảm nên chẳng thể thiếu sót. Ví như vầng trăng cách mặt đất bốn vạn do-tuần, ở trong các đồ vật kim loại mà có ít nước, thì thấy hiện bóng trăng trong đó. Nhưng thật ra chẳng do ở đó rơi xuống rồi hiện ở trong đồ vật kim loại đựng ít nước kia, mà do có các duyên hòa hợp nên ảnh hiện như thế, chẳng do diệt ở đây rồi sinh ở chỗ kia, vì có tướng nghiệp báo chiêu cảm theo nhân duyên nên chẳng thiếu. Ví như không có củi thì lửa chẳng sinh, có củi thì lửa mới sinh. Hạt giống thức do nghiệp phiền não sinh, từ chỗ sinh đó, tiếp nối nhau lưu chuyển thành mầm non danh sắc. Như thế là vô chủ, là pháp vô ngã, pháp không có chỗ nắm giữ, thay đổi với nhau làm nhân duyên như là huyễn tướng, vì tự tánh nơi pháp là nhân duyên chẳng thiếu. Nên biết năm loại pháp nội duyên sinh là chẳng thường chẳng đoạn chẳng di chuyển, ít nhân nhiều quả, tương tự, tiếp nối nhau mà sinh.

Sao gọi là chẳng thường? Uẩn bên này chết thì ở nơi kia uẩn khác sinh, chẳng phải uẩn này chết tức là uẩn sinh kia. Nhưng uẩn chết diệt thì ở nơi kia uẩn sinh hiện khởi. Đó là chẳng thường.

Sao gọi là chẳng đoạn?

Chẳng phải trước diệt uẩn tử, rồi sau mới khởi lên uẩn sinh, cũng chẳng phải không diệt uẩn tử và ngay khi đó có uẩn sinh như cái cân chẳng hạ thấp chẳng giơ cao gọi là chẳng đoạn.

Sao gọi là chẳng di chuyển? Vì các loại sai biệt khác chuyển sinh, nên gọi là chẳng di chuyển.

Sao gọi là ít nhân nhiều quả? Đối với thân này tạo nghiệp thiện ác ít, đối với thân đời sau thọ nhận quả báo thiện ác nhiều.

Sao gọi là giống nhau, tiếp nối nhau? Giống như hiện tại thọ thân tạo nghiệp tức là ở đời sau thọ quả báo. Nếu pháp duyên sinh này là như thật dùng Tuệ nhãn chân chánh trong thời gian dài tu pháp vô nhân, vô ngã, chẳng điên đảo, chẳng sinh, chẳng diệt, vô tác, vô vi, không có ngăn che, không có đối tượng duyên, vắng lặng, vô úy, không đoạt lấy, không cùng tận, tự tánh như huyễn, không tịch chẳng vững chắc, như đau đớn, như ung nhọt, chất ngại, tánh vô thường, tánh khổ, tánh không, tánh vô ngã, thì đời trước chẳng lưu chuyển. Nếu ta ở đời quá khứ đã từng hiện hữu thì ta là ai đã từng hiện hữu ở quá khứ? Ta ở quá khứ tại sao lại hiện hữu? Lại còn lưu chuyển ở đời sau, nghĩa là ta ở vị lai sẽ hiện hữu? Ta là ai ở vị lai sẽ hiện hữu? Ta sẽ hiện hữu ở vị lai như thế nào? Ta ở vị lai chẳng hiện hữu? Ta là ai ở vị lai không hiện hữu? Ta ở vị lai tại sao không hiện hữu? Lại ở hiện tại chẳng lưu chuyển? Ở hiện tại ta có hiện hữu không? Ta là ai có mặt ở hiện tại? Tại sao ta có mặt ở hiện tại? Hữu tình chết ở đây lại sinh đến chỗ nào? Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn ở trong thế gian có kiến chấp đó là trói buộc nơi các kiến chấp về ngã, về chúng sinh, về thọ mạng và các kiến chấp khác là hy vọng được tốt lành. Nếu khi ấy dùng chánh kiến tương ứng thì ắt đoạn được các trói buộc, chứng được biến tri, như chặt cây Đa-la, không có tánh sở hữu, nhập vào thắng nghĩa. Trong thời gian lâu dài ở trong các cõi, giác ngộ bất sinh, bất diệt, thành tựu được tính nhẫn nhục, tạo vô biên việc lợi lạc cho hữu tình. Nếu có người nam, người nữ tốt nào, đối với kinh này hoặc trong một khoảnh khắc xem xét kỹ về lý duyên sinh, thì tức khắc có thể tức thì diệt được nghiệp chướng rất nặng từ thời vô thủy đến nay, nhóm hợp nhiều phước đức, trí tuệ thông đạt, dứt hẳn tà kiến, nói pháp vô úy. Đại đức Xá-lợi Tử cùng người nam, người nữ tốt kia được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đại Bồ-đề.

Cụ thọ Xá-lợi Tử và tám bộ chúng Trời, Rồng, Dược-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, người và chẳng phải người, nghe Bồ-tát Từ Thị giảng nói xong kinh ấy, tâm rất hân hoan, vô cùng tùy hỷ, rời chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Bồ-tát Từ Thị, hoan hỷ làm theo.

-oOo-

SỐ 711

KINH ĐẠI THỪA XÁ-LÊ-SA-ĐAM-MA

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ở tại đỉnh núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá, cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, lại còn có chúng Đại Bồ-tát, đứng đầu là Bồ-tát Từ Thị.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn quán sát Xá-lê-sa-đam-ma rồi, bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có Tỳ-kheo nào đối với mười hai duyên sinh, có thể thấy rõ, đó là thấy pháp. Đã thấy pháp tức là thấy Phật.

Đức Thế Tôn nói thế rồi an trú trong im lặng.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi Tử liền nghĩ: "Nay Đức Thế Tôn của ta nói pháp như thế nghĩa là gì? Làm sao để biết rõ?" Rồi Tôn giả liền đi tới chỗ Bồ-tát Từ Thị, đến nơi, cùng gặp nhau, dùng lời nhu hòa thăm hỏi, rồi cùng ngồi xuống nơi tảng đá lớn.

Xá-lợi Tử bạch Bồ-tát Từ Thị:

–Nay, Đức Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà nói kinh Xá-lê-sa-đam-ma rằng: "Vị Tỳ-kheo nào đối với mười hai duyên sinh có thể nhận thấy rõ đó gọi là thấy pháp. Đã thấy pháp tức là thấy Phật."

Thưa Bồ-tát! Nay tôi không hiểu rõ ý nghĩa đó. Những gì gọi là mười hai duyên sinh? Sao gọi là pháp? Sao gọi là Phật? Cầu xin Bồ-tát giảng nói vắn tắt.

Bồ-tát Từ Thị bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Như Lai Pháp Vương đầy đủ Nhất thiết trí, tùy theo việc mà giảng nói pháp thâm diệu. Nay tôn giả hỏi tôi, thì tôi xin nói vắn tắt.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Như Đức Thế Tôn nói:

–Nếu có Tỳ-kheo nào đối với mười hai duyên sinh có thể nhận thấy rõ, đó là thấy pháp. Nếu thấy pháp, tức là thấy Phật.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Mười hai duyên sinh nghĩa là vô minh duyên

hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ, não. Sinh khởi như thế tức là một khối khổ lớn hình thành.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Vô minh kia diệt tức hành diệt, hành diệt tức thức diệt, thức diệt tức danh sắc diệt, danh sắc diệt tức lục nhập diệt, lục nhập diệt tức xúc diệt, xúc diệt tức thọ diệt, thọ diệt tức ái diệt, ái diệt tức thủ diệt, thủ diệt tức hữu diệt, hữu diệt tức sinh diệt, sinh diệt tức lão tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Diệt như thế tức là một khối khổ lớn diệt.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Như thế, Đức Thế Tôn nói là mười hai duyên sinh.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Sao gọi là pháp?

Bồ-tát bảo:

–Tám Thánh đạo, đó gọi là pháp, gồm có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần (chánh tinh tấn), chánh niệm, chánh định. Quả báo của tám Thánh đạo đó là Niết-bàn. Cho nên Đức Thế Tôn đã nói vắn tắt gọi là pháp.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Sao gọi là Phật?

Bồ-tát bảo:

–Nếu biết tất cả các pháp thì gọi là Phật. Như thế là chứng đắc mắt trí tuệ của bậc Thánh, thấy pháp Bồ-đề phần, mới chứng được Pháp thân. Lại nữa, thế nào là thấy mười hai duyên như Đức Phật nói? Nếu người nào thường thấy mười hai duyên này vô sinh, vô diệt, vô tác, vô vi, không lấy, không chấp, như thật, chẳng điên đảo, vắng lặng, không sợ hãi, thì đó là bậc Đại Thánh vô tận vắng bặt tất cả đều là vô tánh. Nếu thấy như thế là người thấy Pháp. Nếu thường thấy vô sinh, vô diệt, vô tác, vô vi, không lấy, không chấp, như thật, chẳng điên đảo, vắng lặng, không sợ hãi, thì đó là bậc Đại thánh vô tận vắng bặt thấy pháp là vô tánh. Người kia thấy được Pháp thân vô thượng. Đức Phật là vị chứng đắc chánh pháp, chánh trí, Tam-muội vắng lặng.

Tôn giả Xá-lợi Tử bạch:

–Vì sao gọi là mười hai duyên?

Bồ-tát bảo:

–Vì có nhân có duyên nên gọi là mười hai duyên.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Pháp ấy cũng chẳng phải nhân, chẳng phải duyên, cũng chẳng phải không nhân duyên, lại từ duyên mà có. Nay tôi nói vắn tắt về tướng của nó. Dù Đức Như Lai ra đời hay không ra đời thì pháp nhân duyên ấy vẫn thường trụ, bình đẳng, như thật, chẳng hư dối, là pháp chân thật, lìa điên đảo.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi Tử! Như thế duyên sinh phân làm hai nghĩa. Những gì là hai? Một là, do nhân; hai là, do duyên. Hai loại nghĩa này phân làm bên trong và bên ngoài.

Duyên bên trong do nhân sinh ra, nghĩa là do hạt sinh mầm, do mầm sinh cây non, do cây non sinh thân cây, do thân cây sinh cành lá, do cành lá sinh hoa quả. Nếu không có hạt giống thì chẳng sinh cây non, cho đến hoa quả cũng không có được. Nếu có hạt giống thì cây non, thân cây sinh ra, cho đến hoa quả không thể không có.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Hạt giống kia chẳng nghĩ mình có thể sinh mầm. Mầm cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh cây non, thân cây. Như thế cho đến hoa cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh quả, quả cũng chẳng nghĩ mình có thể do hoa sinh. Như thế, có thể thấy ngoại duyên từ nhân sinh ra.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi Tử! Nhân bên ngoài do duyên sinh ra, nghĩa là phải duyên với sáu giới tập hợp.

Sáu giới là gì? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, hư không giới, thức giới. Địa giới kia có khả năng đứng yên; thủy giới có khả năng thấm nhuần; hỏa giới có khả năng làm nóng ấm; phong giới có khả năng dao động; không giới có khả năng không ngăn ngại; thức giới có thể tạo sự thành tựu. Sáu giới như thế tùy theo các duyên mà hòa hợp. Hạt giống được sinh mầm, cây non, hoa, quả, không gì là không đầy đủ. Như thế, một trong sáu giới không hòa hợp thì hạt giống không thể sinh, cho đến hoa quả cũng không thể có được. Nhưng sáu giới kia mỗi thứ không có ngã. Đất kia chẳng nói ta có thể đứng yên; nước cũng chẳng nói ta có thể thấm nhuần; lửa cũng chẳng nói ta có thể làm nóng ấm; gió cũng chẳng nói ta có thể dao động; hư không cũng chẳng nói ta có thể không ngăn ngại; thời cũng chẳng nói ta có thể thành tựu, nhưng hạt giống kia chẳng nói ta có thể sinh mầm, mầm cũng chẳng nói ta do các duyên mà sinh được. Mầm… kia sinh ra chẳng phải tự tạo, chẳng do cái khác tạo, cũng chẳng do tự tha cùng tạo, chẳng do trời Tự tại hóa ra, cũng chẳng do thời gian hóa ra, cũng chẳng do duyên sinh ra, cũng chẳng do một việc sinh ra, cũng không phải không do nhân sinh ra. Nhưng các phần đất, nước, lửa, gió, hư không, thời kia và hạt giống, hoa quả từ đó mà sinh, chẳng tức, chẳng lìa,

vì không có tận diệt. Ngoại duyên sinh này lại có năm tính chất.

Những gì là năm? Đó là chẳng thường, chẳng đoạn, tuy diệt mà chẳng tận, nhân ít, quả nhiều, làm đối tượng duyên cho nhau.

Sao gọi là chẳng thường? Nghĩa là tên hạt giống và mầm khác nhau.

Sao gọi là chẳng đoạn? Nghĩa là do hạt giống mới có mầm, mầm sinh cành lá.

Sao gọi là tuy diệt chẳng tận? Tuy diệt là hạt giống hoại giống như tiêu mất. Bất tận là truyền hạt giống thành mầm.

Sao gọi là nhân ít quả nhiều? Nghĩa là một hạt giống làm nhân mà quả nhiều gấp bội.

Sao gọi là cùng nhau làm đối tượng duyên? Nghĩa là nhân nơi hạt giống mà có mầm cho đến hoa quả, giống như dây chuyền, rồi lại làm hạt giống.

Lại nữa, sao gọi là mười hai duyên bên trong? Mười hai duyên này lại có hai nghĩa.

Những gì là hai? Một là do nhân; hai là do duyên.

Sao gọi là do nhân làm? Nhân vô minh mới có hành, cho đến sinh, lão tử, ưu, bi, khổ, não. Nếu không có vô minh thì hành cũng không, cho đến không có lão tử, ưu, bi, khổ, não. Nhưng vô minh kia chẳng nghĩ mình có thể sinh hành, hành cũng chẳng nghĩ mình do vô minh sinh, cho đến sinh cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh già, chết, ưu, bi, khổ não. Lão tử… cũng chẳng nghĩ mình do sinh mà sinh khởi. Đó là tướng do nhân sinh khởi.

Sao gọi là do duyên sinh? Nghĩa là duyên nơi sáu giới thì được hòa hợp.

Những gì là sáu? Đó là đất, nước, lửa, gió, hư không và thức. Khi sáu giới này hòa hợp thì gọi là do duyên sinh.

Sao gọi là địa giới? Đó là chất cứng rắn của thân thì gọi là địa giới; chất thấm nhuần của thân thì gọi là thủy giới; hơi thở vào ra thì gọi là phong giới; chỗ không chướng ngại của thân thì gọi là không giới; nhãn thức cho đến thức thứ tám thì gọi là thức giới. Vì duyên sáu giới như thế hòa hợp nên mới sinh thân. Nhưng địa giới kia chẳng nghĩ mình có thể chắc thật, thủy giới cũng chẳng nghĩ mình có thể thấm nhuần, hỏa giới cũng chẳng nghĩ mình có thể làm nóng ấm, phong giới cũng chẳng nghĩ mình có thể thở vào ra, không giới cũng chẳng nghĩ mình có thể không chướng ngại, thức giới cũng chẳng nghĩ mình có thể thành tựu, thân cũng chẳng nghĩ mình do các duyên sinh, nhưng không có các duyên thì thân cũng chẳng

thành. Mà địa giới kia thì không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ mạng, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, cũng không tự, không tha, cho đến thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ mạng, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, cũng không tự, không tha.

Lại nữa, nếu đối với sáu giới như thế mà khởi tưởng một, tưởng phàm phu, tưởng thường, tưởng thật, tưởng lâu dài, tưởng vui, tưởng ngã, tưởng nhân, tưởng chúng sinh, tưởng thọ mạng, tưởng loài máy động, là do không có trí tuệ nên tạo ra nhiều loại tưởng như thế, cho nên nói là vô minh. Do vô minh nên sinh tham dục, sân hận. Vô minh duyên hành. Hành cũng như thế đắm chấp theo giả danh, sinh ra các vọng tưởng gọi là thức. Thức sinh danh sắc, danh sắc sinh lục nhập, lục nhập sinh xúc, xúc sinh thọ, thọ sinh ái, ái sinh thủ, thủ sinh hữu. Vì hữu nên sinh uẩn sau gọi là sinh; sinh đã suy biến thì già, uẩn bại hoại nên phải chết. Vì ngu si nên phát sinh ưu, bi, khổ, não. Lại vì các khổ ấy tích tụ lại bức bách thân tâm ở chỗ rất tối tăm gọi là vô minh, tạo tác là hành, phân biệt là thức, tướng đứng yên là danh sắc, sáu căn môn là lục nhập đối trần cảnh gọi là xúc, khổ vui gọi là thọ, khao khát gọi là ái, tìm cầu gọi là thủ, lại sinh nghiệp là hữu, uẩn sau sinh là sinh, uẩn sinh là già, uẩn bại hoại là chết, lo nghĩ là ưu, thảm thiết là bi, các khổ là khổ, quấy rối là não.

Lại nữa, đối lập chân thật là hư vọng, dùng tà kiến làm chánh kiến, vì vô trí nên gọi là vô minh. Hành có ba loại là phước hành, phi phước hành, vô tướng hành, tạo phước hành được trí phước hành; tạo phi phước hành được trí phi phước hành; tạo vô tướng hành được trí vô tướng hành; như thế cho đến lão tử, ưu, bi, khổ, não. Mười hai duyên này mỗi thứ có nhân có quả, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng hữu vi, chẳng rời hữu vi, chẳng phải tâm pháp, chẳng phải tận pháp, chẳng phải diệt pháp, xưa nay tự nó sinh ra chẳng đoạn, ví như dòng nước sông chảy hoài không bao giờ dừng.

Bấy giờ, Bồ-tát Từ Thị lại bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Mười hai duyên kia lại dùng bốn duyên tăng trưởng. Đó là vô minh, ái, nghiệp, thức…, hạt giống của thức kia dùng tự tánh làm nhân, dùng nghiệp làm đất vì vô minh, ái, phiền não, che giấu nên hạt giống thức phát sinh; nghiệp kia cùng thức làm đất, ái và thức làm thấm nhuần, vô minh che lấp thức được thành tựu. Nghiệp kia chẳng nghĩ mình có thể cùng hạt giống thức làm đất. Ái cũng chẳng nghĩ mình có thể cùng hạt giống thức làm sự thấm nhuần. Vô minh cũng chẳng nghĩ mình có thể cùng hạt giống

thức làm sự che lấp. Vì duyên ấy nên hạt giống thức thành tựu mà thức cũng chẳng nghĩ mình do các duyên sinh. Lại nữa, nghiệp là đất của thức, ái là sự thấm nhuần, vô minh che lấp nên hạt giống mới sinh. Ở trong thai mẹ là mầm non danh sắc. Mầm non danh sắc kia chẳng phải tự sinh, chẳng phải do cái khác sinh, chẳng tự tha hòa hợp sinh, cũng chẳng phải trời Tự tại sinh, cũng chẳng phải thời gian hóa sinh, cũng chẳng do gốc sinh, cũng chẳng phải không có nhân duyên sinh, pháp đó thật do cha mẹ hòa hợp với các duyên mà sinh. Nhưng mầm của danh sắc kia vốn vô chủ, cũng không có nắm giữ, xả bỏ, tự tánh nhân duyên như hư không, huyễn hóa.

Lại nữa, nhãn thức sinh, có năm loại nhân duyên. Những gì là năm? Đó là nhãn, sắc, ánh sáng, hư không, ý niệm, do năm duyên này mà sinh nhãn thức, dùng nhãn căn làm chỗ an trú, dùng sắc làm chỗ bám vào, dùng ánh sáng để chiếu sáng, dùng hư không để không ngăn ngại, cho nên ý niệm khởi các sự tác động. Vì duyên ấy nên nhãn thức phát sinh. Nếu nhãn, sắc, ánh sáng, hư không, ý niệm… các duyên không hòa hợp thì nhãn thức chẳng sinh. Nhưng nhãn căn chẳng nghĩ mình có thể làm nhãn thức sinh. Sắc cũng chẳng nghĩ mình có thể làm chỗ vin dựa của thức. Ánh sáng cũng chẳng nghĩ mình có thể chiếu sáng cho thức. Hư không cũng chẳng nghĩ mình có thể khiến thức không có sự ngăn che. Ý cũng chẳng nghĩ mình có thể khiến thức khởi dậy sự tạo tác. Thức cũng chẳng nghĩ mình có thể do các duyên sinh. Nhưng nhãn thức thật là do các duyên hòa hợp mà sinh. Như thế, các căn thứ tự mà sinh, đều cũng như vậy.

Lại nữa, không có pháp từ đời này đến đời sau, chỉ do nhân duyên, nghiệp quả, vọng tưởng mà sinh, lại như gương sáng soi mặt, mặt hiện ở trong gương, thật không có mặt vào bên trong gương, do nhân duyên vọng tưởng mà hiển hiện. Lại như trăng tròn ở cao trên hư không, cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, ảnh hiện dưới các mặt nước, chẳng phải mặt trăng tiêu mất ở đó mà sinh xuống mặt nước này, cũng do nhân duyên vọng tưởng nên xuất hiện. Lại như lấy lửa thì đốt củi, củi hết thì lửa tắt.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi Tử! Không có chúng sinh từ đời này đến đời sau, cũng chẳng phải từ đời sau đến đời này, chỉ do nghiệp kết thành hạt giống thức, được sinh ra mọi nơi, gá vào thai tạng của mẹ sinh ra mầm danh sắc. Pháp nhân duyên này xưa nay vốn vô chủ, vô ngã, không có nắm giữ, không có xả bỏ, như hư không, như huyễn hóa, không có thật pháp mà do báo ứng của nghiệp thiện ác nên chẳng mất đi.

Lại nữa, mười hai duyên lại dùng năm việc để nói. Những gì là năm? Đó là vô thường, chẳng đoạn, không diệt, nhân ít quả nhiều, tương tự.

Sao gọi là vô thường? Nghĩa là uẩn này diệt thì uẩn kia sinh, diệt tức chẳng phải sinh, sinh tức chẳng phải diệt, vì sinh diệt khác nhau, cho nên gọi là vô thường.

Sao gọi là chẳng đoạn? Nghĩa là như cái cân khi cao khi thấp, đây diệt thì kia sinh. Cho nên gọi là chẳng đoạn.

Sao gọi là chẳng diệt? Nghĩa là nghiệp nhân đã gây ra ở cõi chúng sinh thì đều chẳng thể diệt.

Sao gọi là nhân ít quả nhiều? Nghĩa là việc tạo nhân, cũng như việc làm ruộng, hễ chuyên tâm, nỗ lực, siêng năng thì thu hoạch kết quả rất nhiều.

Sao gọi là tương tự? Nghĩa là nghiệp đã đã tạo thì chẳng thu được quả báo khác được. Cho nên gọi là tương tự.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi Tử! Như Đức Phật đã nói:

–Nếu có thể quán sát mười hai Nhân duyên thì gọi là người chánh quán chánh trí tuệ.

Sao gọi là chánh quán chánh trí tuệ? Nghĩa là quan sát sự sinh khởi trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, chẳng khởi tưởng có không, không từ đâu đến, không đi về đâu. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn và người thế gian có thể quán sát pháp ấy là bất sinh, bất diệt, vô tác, vô vi, không lấy, không bỏ, chẳng điên đảo, vắng lặng, đình chỉ, vô tánh và nếu có thể thấy pháp như thế thì được vắng lặng, biết rõ, không có bệnh, không có ung nhọt, như bệnh hoa mắt hết, ngã kiến liền trừ, như đầu cây Đa-la bị chặt thì không sinh lại được. Đó là chứng đắc được pháp bất sinh, bất diệt.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Đó là người đạt được pháp nhẫn đầy đủ sẽ được Như Lai, Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Bồ-tát Từ Thị đã giảng nói xong pháp ấy. Tôn giả Xá-lợi Tử và các chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… hoan hỷ tín thọ, đảnh lễ rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 712

KINH ĐẠI THỪA ĐẠO VU

Hán dịch: Mất tên người dịch.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn, ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và các Đại Bồ-tát hội đủ.

Bấy giờ, Cụ thọ Xá-lợi Tử đi đến chỗ kinh hành của Đại Bồ-tát Di-lặc, đến nơi cùng nhau hỏi han vui vẻ, rồi ngồi trên tảng đá lớn. Lúc ấy, Cụ thọ Xá-lợi Tử hướng về Đại Bồ-tát Di-lặc nói:

–Bạch Bồ-tát Di-lặc! Hôm nay Đức Thế Tôn xem thấy cây lúa, cây cỏ, gọi các Tỳ-kheo đến và nói: "Này các Tỳ-kheo! Nếu ai thấy nhân duyên thì người đó thấy pháp. Nếu thấy pháp thì thấy được Phật." Phật giảng nói như thế rồi im lặng không nói.

Bạch Bồ-tát Di-lặc! Vì sao Đức Thiện Thệ nói như vậy? Việc ấy là thế nào? Cái gì là nhân duyên? Cái gì là pháp? Sao gọi là Phật? Sao gọi là thấy nhân duyên thì thấy được pháp? Vì sao thấy pháp thì thấy được Phật?

Đại Bồ-tát Di-lặc trả lời Cụ thọ Xá-lợi Tử:

–Hôm nay, Đức Phật, Bậc Pháp Vương Chánh Biến Tri bảo các Tỳ-kheo: "Nếu ai thấy nhân duyên thì thấy được pháp. Nếu thấy pháp thì thấy được Phật."

Trong ấy cái gì là nhân duyên? Nói nhân duyên là: "Ở đây có nên ở kia có, ở đây sinh nên ở kia sinh. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não từ đó mới sinh khởi. Như thế là hình thành toàn bộ khổ uẩn rất lớn." Ở đây, nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sinh diệt, sinh diệt nên lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não phải diệt. Như thế diệt trừ toàn bộ khổ uẩn

rất lớn. Đây là pháp nhân duyên mà Đức Thế Tôn giảng nói.

Cái gì là pháp? Là tám phần Thánh đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là tám Thánh đạo, quả là Niết-bàn. Đức Thế Tôn nói đó là pháp.

Sao gọi là Phật? Tức là vị nhận biết tất cả pháp, gọi là Phật. Dùng Tuệ nhãn đó với Pháp thân thì thấy được pháp Bồ-đề nơi bậc Hữu học và Vô học.

Vì sao thấy nhân duyên? Như Phật đã nói. Nếu ai thấy được pháp nhân duyên là thường, không thọ mạng, lìa thọ mạng, tánh như thật, tánh không sai lầm, vô sinh, vô khởi, vô tác, vô vi, không chướng ngại, không cảnh giới, vắng lặng, không sợ, không xâm đoạt, chẳng phải tướng vắng lặng là thấy đúng. Nếu đạt được như thế, đối với pháp cũng thấy thường, không thọ mạng, lìa thọ mạng, tánh như thật, tánh không sai lầm, vô sinh, vô khởi, vô tác, vô vi, không chướng ngại, không cảnh giới, vắng lặng, không sợ, không xâm đoạt, chẳng phải tướng vắng lặng thì chứng đắc chánh trí, tỏ ngộ được thắng pháp, dùng Pháp thân vô thượng mà thấy được Phật.

Hỏi:

–Vì sao gọi là nhân duyên?

Đáp:

–Có nhân có duyên gọi là nhân duyên, chẳng phải là vô nhân, vô duyên. Cho nên gọi là pháp nhân duyên. Đức Thế Tôn nói vắn tắt về tướng của nhân duyên. Đó là duyên kia sinh. Như Lai xuất hiện hay không xuất hiện thì pháp tánh vẫn thường trụ, cho đến pháp tánh, pháp tánh trụ, pháp tánh định, khởi lên tánh nhân duyên tương ứng, tánh chân như, tánh không sai lầm, tánh không thay đổi, tánh chân thật, tánh thực tế, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng điên đảo… Nói như vậy, tức pháp nhân duyên này dùng hai loại nhân duyên mới sinh khởi được.

Sao gọi là hai? Đó là nhân tương ứng và duyên tương ứng. Mỗi cái còn có hai phần là trong và ngoài.

Ở đây, cái gì là nhân tương ứng với pháp nhân duyên bên ngoài? Đó là từ hạt sinh mầm, từ mầm sinh lá, từ lá sinh thân cây, từ thân cây sinh đốt cây, từ đốt cây sinh nụ, từ nụ sinh hoa, từ hoa sinh quả. Nếu không có hạt thì mầm chẳng sinh, cho đến nếu không có hoa thì quả cũng chẳng sinh. Có hạt nên mầm sinh, như thế có hoa thì quả cũng được sinh. Hạt đó chẳng nghĩ mình có thể sinh mầm, mầm cũng chẳng nghĩ mình do hạt sinh, cho đến hoa cũng chẳng nghĩ mình sinh được quả, quả cũng chẳng nghĩ mình do hoa sinh. Tuy nhiên, có hạt nên mầm mới sinh. Như thế, có hoa thì quả

mới thành tựu. Nên quán về nghĩa nhân tương ứng với pháp nhân duyên bên ngoài như thế.

Nên quán như thế nào nghĩa duyên tương ứng với pháp nhân duyên bên ngoài? Quán về sáu giới hòa hợp.

Những gì là sáu giới hòa hợp? Đó là đất, nước, lửa, gió, không, thức giới… hòa hợp thì pháp ngoại nhân duyên mới được sinh khởi. Nên quán nghĩa duyên tương ứng với pháp ngoại nhân duyên như thế. Địa giới có thể nắm giữ hạt, thủy giới làm thấm nhuần hạt, hỏa giới có thể làm nóng ấm hạt, phong giới làm dao động hạt, không giới thì không ngăn che hạt, thời giới có thể làm thay đổi hạt. Nếu không có các duyên này thì hạt chẳng thể sinh mầm được, cũng như ngoại địa giới thì không thể không đầy đủ. Như thế cho đến nước, lửa, gió, không, thời… không thể không đầy đủ. Tất cả đều phải hòa hợp. Khi hạt giống diệt thì mầm mới nảy sinh. Ở đây địa giới chẳng nghĩ mình có thể nắm giữ hạt giống. Như thế thủy giới cũng chẳng nghĩ mình có thể làm thấm nhuần hạt giống. Hỏa giới cũng chẳng nghĩ mình làm nóng hạt giống. Phong giới cũng chẳng nghĩ mình có thể làm dao động hạt giống. Không giới cũng chẳng nghĩ mình không ngăn che hạt giống. Thức giới cũng chẳng nghĩ mình có thể làm thay đổi hạt giống. Hạt giống cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh mầm, mầm cũng chẳng nghĩ mình do các duyên ấy mà sinh. Tuy nhiên có các duyên này tới khi hạt diệt thì mầm mới sinh. Như thế khi có hoa thì quả mới sinh. Mầm kia cũng chẳng tự tạo, cũng chẳng do cái khác tạo, cũng chẳng do tự tha cùng tạo, chẳng do trời Tự tại tạo, cũng chẳng phải thời biến, chẳng phải tự tánh sinh, cũng chẳng phải không có nhân mà sinh. Tuy nhiên, địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới… hòa hợp khi hạt giống diệt thì mầm mới sinh. Cho nên phải quán nghĩa duyên tương ứng với pháp nhân duyên bên ngoài như thế. Nên dùng năm loại quán pháp nhân duyên bên ngoài kia.

Những gì là năm? Đó là chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng di chuyển, từ nơi nhân nhỏ mà sinh quả lớn, tương tự cùng cái kia.

Sao gọi là chẳng thường? Vì mầm và hạt mỗi cái khác nhau, mầm kia chẳng phải hạt, chẳng phải khi hạt hư rồi mầm mới sinh, cũng chẳng phải không diệt rồi mới sinh khởi. Khi hạt hư rồi mầm mới sinh. Đó là chẳng thường.

Sao gọi là chẳng đoạn? Chẳng phải hạt lúc trước hư rồi mầm mới sinh, cũng chẳng phải không diệt rồi mới sinh khởi, hạt giống cũng hư. Nên lúc ấy như cái cân khi cao khi thấp mà mầm sinh được. Đó là chẳng đoạn.

Sao gọi là chẳng di chuyển? Mầm và hạt khác nhau. Mầm chẳng phải

hạt. Cho nên chẳng di chuyển.

Sao gọi nhân nhỏ sinh quả lớn? Từ hạt giống nhỏ mà sinh quả to. Cho nên từ nơi nhân nhỏ mà sinh quả lớn.

Sao gọi tương tự với cái kia? Như hạt được trồng sinh quả giống nó. Cho nên tương tự cùng cái kia. Đó là dùng năm loại quán về pháp nhân duyên bên ngoài.

Như thế pháp nhân duyên bên trong cũng dùng hai loại mà được sinh khởi.

Những gì là hai? Đó là nhân tương ứng và duyên tương ứng.

Cái gì là nghĩa nhân tương ứng với pháp nhân duyên bên trong? Đó là bắt đầu từ vô minh duyên hành cho đến sinh duyên lão tử. Nếu vô minh chẳng sinh thì hành cũng chẳng có, cho đến nếu không có sinh thì lão tử chẳng có. Như thế có vô minh nên hành mới sinh được, cho đến có sinh nên lão tử có được. Vô minh cũng chẳng nghĩ mình sinh được hành, hành cũng chẳng nghĩ mình do vô minh sinh, cho đến sinh cũng chẳng nghĩ mình có thể sinh lão tử, lão tử cũng chẳng nghĩ mình do sinh mà có. Tuy nhiên, có vô minh nên hành mới sinh. Như thế có sinh nên lão tử có mặt. Vì vậy nên quán nghĩa nhân tương ứng với pháp nhân duyên bên trong như thế.

Phải quán như thế nào việc duyên tương ứng với pháp nhân duyên bên trong? Nên quán sáu giới hòa hợp.

Những gì là sáu giới hòa hợp? Đó là địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới… hòa hợp. Nên quán việc duyên tương ứng với pháp nhân duyên bên trong như thế.

Cái gì là tướng của địa giới nơi pháp nhân duyên bên trong? Đó là cái tạo sự bền vững, chắc chắn ở trong thân này gọi là địa giới; là cái khiến cho thân này kết dính gọi là thủy giới; là những cái mà thân ăn, uống, nhai, nuốt, có thể tiêu hóa được gọi là hỏa giới; là sự tạo hơi thở vào trong ra ngoài trong thân này gọi là phong giới; là cái tạo ra khoảng trống trong thân này gọi là không giới; ngũ thức thân (năm thức trước) tương ứng với ý thức hữu lậu giống như bó lau (lục căn, lục trần), thành tựu được thân này là mầm danh sắc gọi là thức giới. Nếu không có các duyên ấy thì thân chẳng sinh, như nội địa giới không thể không đầy đủ; như thế cho đến thủy, hỏa, phong, không, thức giới… không thể không đầy đủ. Tất cả hòa hợp thì thân được sinh. Địa giới kia cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo sự bền chắc trong thân; thủy giới cũng chẳng nghĩ mình làm cho thân được kết dính; hỏa giới cũng chẳng nghĩ mình có thể tiêu hóa những thứ mà thân ăn, uống, nhai, nuốt; phong giới cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo được cái khoảng trống

trong thân; thức giới cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo thành tựu mầm danh sắc nơi thân này; thân cũng chẳng nghĩ mình do các duyên mà sinh. Tuy nhiên, khi có các duyên này thì thân mới sinh. Địa giới kia, cũng chẳng phải là ta, chẳng phải là chúng sinh, chẳng phải là thọ mạng, chẳng phải là sự sinh, chẳng phải là nho đồng, chẳng phải là tác giả, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải hoàng môn, chẳng phải trời Tự tại, chẳng phải ngã sở, cũng chẳng phải cái gì khác. Như thế cho đến thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới, cũng chẳng phải là ta, chẳng phải là chúng sinh, chẳng phải là thọ mạng, chẳng phải là sự sinh, chẳng phải là nho đồng, chẳng phải là tác giả, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải hoàng môn, chẳng phải trời Tự tại, chẳng phải ngã sở, cũng chẳng phải cái gì khác.

Cái gì là vô minh? Đối với sáu giới này khởi lên tưởng một, tưởng nhiều, tưởng thường, tưởng bền chắc, tưởng chẳng hoại, tưởng an lạc, tưởng chúng sinh, thọ mạng, sinh khởi, dưỡng dục, sĩ phu, nho đồng, tác giả, ngã, ngã sở… và còn chẳng biết nhiều thứ. Đây là vô minh. Có vô minh nên đối với các cảnh giới khởi lên tham, sân, si. Đối với các cảnh giới khởi lên tham, sân, si, đây là vô minh duyên hành, mà đối với các việc có thể phân biệt rõ, gọi đó là thức. Thức cùng sinh với bốn thủ uẩn thì đó là danh sắc. Các căn nương nơi danh sắc gọi là lục nhập. Ba pháp hòa hợp gọi là xúc. Biết thọ nhận xúc ấy gọi đó là thọ. Thọ tham chấp gọi đó là ái. Ái tăng trưởng gọi đó là thủ. Từ thủ sinh ra nghiệp gọi đó là hữu. Rồi nhân đó uẩn sinh gọi đó là sinh. Đã sinh rồi uẩn thành thục gọi đó là lão. Đã già rồi thì uẩn hoại diệt gọi đó là tử. Khi lâm chung, nội tâm đầy tham đắm và bức bách thân tâm gọi đó là sầu. Do sầu não nên sinh ra các ngôn từ gọi đó là bi ai. Năm thức trước chịu khổ gọi đó là khổ, ý thức tác ý chịu các khổ gọi đó là ưu, đầy đủ như thế cùng với tùy phiền não gọi đó là não. Tối tăm dày đặc nên gọi là vô minh. Tạo tác nên gọi là hành. Phân biệt nên gọi là thức. Nương nhau nên gọi là danh sắc. Làm cửa sinh gọi là lục nhập. Tiếp xúc và chạm nên gọi là xúc. Thọ nhận nên gọi là thọ. Khao khát nên gọi là ái. Chấp giữ nên gọi là thủ. Có sự sinh đời sau đó gọi là hữu. Năm uẩn được sinh gọi là sinh. Uẩn thành thục gọi là lão. Uẩn hư hoại gọi là tử, sầu muộn gọi là sầu. Bi thán gọi là bi ai. Thân phiền não gọi là khổ. Tâm phiền não gọi là ưu, phiền não quấy nhiễu nên gọi là não.

Lại nữa, chẳng rõ về chân tánh, điên đảo, không biết gọi là vô minh. Như thế có vô minh nên tạo được ba hành: Phước hành, tội hành, bất động hành. Từ nơi phước hành mà sinh thức phước hành, đó là vô minh duyên hành. Từ nơi tội hành mà sinh thức tội hành, thì đó gọi là hành duyên thức.

Từ nơi bất động hành mà sinh thức bất động hành thì đó gọi là thức duyên danh sắc. Danh sắc phát triển nên từ trong cửa lục nhập thành tựu được mọi việc, đó là danh sắc duyên lục nhập. Từ nơi lục nhập mà sinh lục xứ đó là lục nhập duyên xúc. Từ nơi xúc sinh cảm thọ đó thì đó gọi là xúc duyên thọ. Đã biết thọ rồi sinh nhiễm ái, tham đắm, đó gọi là thọ duyên ái. Biết rồi mà sinh nhiễm ái tham đắm chẳng muốn xa rời sắc đẹp, sự an vui và cùng đắm các vui nơi ấy, đó là ái duyên thủ. Đã cầu được cái vui đó, từ thân miệng, ý tạo ra nghiệp cho thân sau này, đó gọi là thủ duyên hữu. Từ nơi nghiệp đó sinh ra uẩn, đó là hữu duyên sinh. Đã sinh, rồi các uẩn thành thục và hoại diệt thì đó gọi là sinh duyên lão tử. Cho nên mười hai pháp Nhân duyên đó hỗ tương làm nhân, hỗ tương làm duyên, chẳng thường, chẳng vô thường, chẳng hữu vi, chẳng vô vi, chẳng vô nhân, chẳng vô duyên, chẳng có thọ nhận, chẳng có pháp tận cùng, chẳng có pháp hoại, chẳng có pháp diệt. Từ vô thủy đến nay như dòng nước chảy mạnh không bao giờ dừng. Tuy nhiên, pháp mười hai phần nhân duyên này, hỗ tương làm nhân, hỗ tương làm duyên chẳng thường, chẳng vô thường, chẳng hữu vi, chẳng vô vi, chẳng vô nhân, chẳng vô duyên, chẳng có thọ nhận, chẳng phải pháp tận cùng, chẳng phải pháp hoại, chẳng phải pháp diệt. Từ vô thủy đến nay như dòng nước chảy mạnh không bao giờ dừng. Có bốn phần của chúng có thể thâu tóm pháp mười hai Nhân duyên.

Những gì là bốn? Đó là vô minh, ái, nghiệp, thức. Thức là dùng tánh của chủng tử làm nhân. Nghiệp là dùng tánh của ruộng làm nhân. Vô minh và ái dùng tánh của phiền não làm nhân. Trong ấy, nghiệp và phiền não có thể sinh thức của hạt giống. Nghiệp thì có thể tạo ra đám ruộng thức của hạt giống. Ái có thể làm thấm nhuần thức của hạt giống. Vô minh có thể gieo trồng thức của hạt giống. Nếu không có các duyên này thì thức của hạt giống không thể thành. Nghiệp kia cũng chẳng nghĩ mình có thể tạo ra đám ruộng thức của chủng tử (hạt giống). Ái cũng chẳng nghĩ mình có thể làm thấm nhuần thức của chủng tử. Vô minh cũng chẳng nghĩ mình có thể gieo trồng thức của chủng tử. Thức của hạt giống kia cũng chẳng nghĩ mình do các duyên này mà sinh. Tuy nhiên, thức của hạt giống nương nơi đám ruộng nghiệp kia và sự thấm nhuần của ái, là nơi chốn được sinh từ sự hoại nát của vô minh. Vào nơi thai mẹ có thể sinh mầm của danh sắc. Mầm của danh sắc kia cũng chẳng tự tạo, cũng chẳng phải tha tạo, chẳng phải tự tha cùng tạo, chẳng phải trời Tự tại biến hóa, cũng chẳng phải thời biến, chẳng phải tự tánh sinh, chẳng phải nhờ tạo ra, cũng chẳng phải vô nhân mà sinh. Tuy nhiên, lúc cha mẹ hòa hợp và lúc các duyên khác hòa hợp, nên pháp vô ngã, không có ngã, ngã sở, giống như hư không. Các pháp huyễn hóa ấy, nhân

và các duyên không thể không đầy đủ, y vào đó mà sinh, vào thai mẹ thì thức của chủng tử thành tựu chấp thọ nơi mầm của danh sắc. Như khi nhãn thức sinh, nếu đầy đủ năm duyên thì sinh được.

Những gì là năm? Đó là nương vào nhãn, sắc, ánh sáng, hư không, nương vào tác ý nên nhãn thức được sinh. Trong đấy nhãn thì có thể tạo chỗ dựa của nhãn thức, sắc làm cảnh cho nhãn thức. Ánh sáng làm cho vật hiện rõ. Hư không làm cho các vật không bị chướng ngại. Tác ý thì phóng tâm đến các việc. Nếu không có các duyên này thì nhãn thức chẳng sinh. Như bên trong mắt không thể không đầy đủ, như thế cho đến, sắc, ánh sáng, hư không, tác ý không thể không đầy đủ. Lúc tất cả các thứ ấy hòa hợp thì nhãn thức sinh. Mắt kia cũng chẳng nghĩ mình làm chỗ dựa cho nhãn thức. Sắc kia cũng chẳng nghĩ mình làm cảnh cho nhãn thức. Ánh sáng cũng chẳng nghĩ mình làm các vật hiện rõ cho nhãn thức. Hư không cũng chẳng nghĩ mình làm các vật không bị chướng ngại cho nhãn thức. Tác ý cũng chẳng nghĩ mình tạo suy nghĩ cho nhãn thức. Nhãn thức kia cũng chẳng nghĩ mình do các duyên này mà có. Tuy nhiên, có các duyên ấy, nhãn thức mới sinh, cho đến các căn còn lại, tùy loại mà biết. Như thế không có pháp nhỏ ít nào mà từ đời này di chuyển đến đời khác. Tuy nhiên, nhân và các duyên không thể không đầy đủ nên nghiệp quả cũng hiện. Ví như nơi tấm gương sáng hiện hình dáng của mặt. Tuy hình dáng của mặt kia không di chuyển vào trong gương, nhưng nhân và các duyên không thể không đầy đủ thì hình dáng của mặt cũng hiện. Như thế không có pháp nhỏ bé nào được cho là từ nơi này diệt để sinh ở chỗ khác. Nhân và các duyên không thể không đầy đủ nên nghiệp quả cũng hiện. Như vầng trăng cách bốn vạn hai ngàn do-tuần mà hiện bày ở đây. Hình tượng của vầng trăng kia hiện rõ trong các đồ vật nhỏ có chứa nước. Vầng trăng kia cũng chẳng từ nơi đó di chuyển đến nơi đồ vật có nước. Tuy nhiên, nhân và các duyên không thể không đầy đủ, nên vầng trăng cũng hiện. Như thế không có pháp nhỏ ít nào cho là từ nơi này diệt mà sinh ra ở chỗ khác. Nhưng nhân và các duyên không thể không đầy đủ nên nghiệp quả cũng hiện. Ví như lửa kia, nhân và các duyên nếu không đầy đủ thì không thể thiêu đốt. Khi nhân và các duyên đầy đủ mới có thể đốt thiêu được. Pháp vô ngã như thế là không có ngã, ngã sở, giống như hư không, nương nơi pháp huyễn đó, nhân và các duyên không thể không đầy đủ. Nơi chốn được sinh ra, vào thai mẹ thì có thể thành tựu được thức của chủng tử. Nghiệp và phiền não sinh ra mầm của danh sắc. Cho nên phải quán việc duyên tương ứng với pháp nội nhân duyên như thế. Phải dùng năm loại pháp để quán nhân duyên bên trong.

Những gì là năm? Đó là chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng di chuyển,

từ nơi nhân nhỏ mà sinh quả lớn tương tự với cái khác.

Sao gọi là chẳng thường? Tức là uẩn kia sau khi diệt cùng với phần uẩn sinh kia, mỗi thứ khác nhau. Vì uẩn kia sau khi diệt chẳng phải là phần uẩn sinh. Uẩn kia sau khi diệt cũng diệt thì phần uẩn sinh mới được hiện hữu, nên là chẳng thường.

Sao gọi là chẳng đoạn? Chẳng phải nương vào lúc hoại diệt của uẩn kia sau khi diệt mà uẩn của phần sinh được có, cũng chẳng phải là không diệt. Uẩn kia sau khi diệt cũng diệt, nên lúc đó, uẩn của phần sinh giống như cái cân khi cao khi thấp mà được sinh, nên là chẳng đoạn.

Sao gọi là chẳng di chuyển? Vì các hữu tình, từ chỗ không có chúng đồng phận, có thể sinh nơi chúng đồng phận, nên chẳng di chuyển.

Sao gọi là từ nơi nhân nhỏ mà sinh quả lớn? Tạo nơi nghiệp nhỏ mà chiêu cảm quả báo lớn, nên từ nơi nhân nhỏ mà sinh quả lớn.

Như chỗ tạo nhân nào thì gặt được quả đó tức tương tợ cùng với cái kia. Cho nên phải dùng năm loại pháp để quán nhân duyên bên trong.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Như lại có người, có thể dùng chánh trí, thường quán pháp nhân duyên mà Như Lai đã giảng nói là: Không có thọ mạng, xa lìa thọ mạng, tánh như thật, tánh không sai lầm, vô sinh, vô khởi, vô tác, vô vi, không chướng ngại, không cảnh giới, vắng lặng, không sợ, không xâm đoạt, không tận cùng, tướng chẳng vắng lặng, không có hư dối, không chắc thật, như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên, lầm lỗi, vô thường, khổ, không, vô ngã. Ta ở quá khứ có sinh chăng hay không sinh chăng? Chẳng phân biệt biên vực của quá khứ. Ở đời vị lai sinh ở nơi chốn nào? Cũng chẳng phân biệt biên vực của vị lai. Đây là đâu? Sao ta lại ở đây? Tạo ra vật gì? Các hữu tình này do đâu mà đến? Từ nơi này diệt thì sinh vào chỗ nào? Cũng chẳng phân biệt sự hiện hữu của hiện tại, lại có thể diệt. Ở thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn chẳng đồng nơi các kiến chấp. Kiến chấp về ngã, về chúng sinh, về thọ mạng, về người, về sự hy hữu, về chỗ an lành, về sự chia hợp, thảy đều khéo biết rõ, như cây đa-la biết rõ đoạn trừ sạch các gốc rễ, thì đời vị lai chứng được pháp vô sinh, vô diệt.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Nếu lại có người đạt đầy đủ Vô sinh pháp nhẫn như thế, khéo biết rõ được pháp nhân duyên này thì được Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn liền thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc đã giảng nói như thế. Tôn giả Xá-lợi Tử và tám bộ chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe Đại Bồ-tát Di-

lặc giảng nói thảy đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 713

KINH BỐI ĐA HẠ TƯ DUY THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc ấy, Đức Phật gọi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo liền đáp:

–Dạ vâng! Tỳ-kheo xin nghe theo lời Phật dạy.

Phật liền giảng nói:

–Này các Tỳ-kheo! Khi xưa ta chưa đạt được Phật đạo, còn làm Bồ-tát có ý nghĩ: "Ôi! Thế gian là trò đùa lớn. Vì sinh, lão, tử, vì thường thọ nhận nhiều thống khổ, nên vào lúc nào thì lão, tử được dứt trừ?"

Các Tỳ-kheo nên tự tư duy để được ý đó. Vì đâu mà có lão tử? Và lão tử lại do từ nhân duyên gì? Tỳ-kheo nên nghĩ, vốn được hợp ý: Do sinh nên có lão tử và lão tử lại do sinh làm nhân duyên.

Tỳ-kheo nên tư duy tiếp: Vì đâu mà có sinh? Và sinh lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo nên tự tư duy xét suy, bèn được như ý. Vì hữu mà có sinh và sinh do hữu làm nhân duyên. Tỳ-kheo bèn tư duy ý đó: Vì đâu mà có hữu? Hữu lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo liền tư duy xét suy, bèn sinh ưng ý: Vì thọ nên có hữu, hữu cũng lại do thọ làm nhân duyên. Tỳ-kheo liền tư duy: Vì đâu mà có thủ? Thủ lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo liền tư duy suy xét, được ngay ý đó: Vì ái nên có thủ và thủ cũng do ái làm nhân duyên. Tỳ-kheo bèn tư duy tiếp: Vì đâu mà có ái? Ái lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo liền tư duy suy xét, được như ý: Vì thọ nên có ái và ái cũng do thọ làm nhân duyên. Tỳ-kheo bèn tư duy tiếp: Vì đâu mà có thọ? Và thọ lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo bèn tư duy suy xét kỹ, được hợp ý. Vì có xúc nên có thọ và thọ do xúc làm nhân duyên. Tỳ-kheo bèn tư duy tiếp: Vì đâu mà có xúc? Và xúc do nhân duyên gì? Tỳ-kheo liền tư duy suy xét đó, bèn được ưng ý, do lục nhập nên có xúc và xúc lại do lục nhập làm nhân duyên.

Tỳ-kheo liền tư duy tiếp: Vì đâu có lục nhập? Và lục nhập lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo bèn tư duy xét kỹ đó, được hợp ý: Do danh sắc nên có lục nhập và lục nhập do danh sắc làm nhân duyên. Tỳ-kheo liền tư duy tiếp: Vì đâu có danh sắc? Và danh sắc lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo bèn tư duy xét suy, được hợp ý. Do thức nên có danh sắc và danh sắc do thức làm nhân duyên. Tỳ-kheo bèn tư duy tiếp: Vì đâu mà có thức? Và thức lại do nhân duyên gì? Tỳ-kheo liền tư duy xét kỹ, có được như ý. Do Danh sắc mà có Thức và thức lại do danh sắc làm nhân duyên. Tỳ-kheo bèn tư duy, nảy sinh ý đó. Đó là những gì? Đó là sự hoàn lại của thức, chẳng còn như trước, thức do danh sắc làm nhân duyên và ngược lại danh sắc do thức làm nhân duyên, lục nhập do danh sắc làm nhân duyên, xúc do lục nhập làm nhân duyên, thọ do xúc làm nhân duyên, ái do thọ làm nhân duyên, thủ do ái làm nhân duyên, hữu do thủ làm nhân duyên, sinh do hữu làm nhân duyên, lão tử, ưu, sầu khổ do sinh làm nhân duyên. Sầu là do không như ý mà có. Như vậy chỉ là do năm ấm. Tất cả khổ do tụ hợp mà sinh.

Tỳ-kheo liền tư duy: Vì đâu không có lão tử? Cũng vì sao lão tử tận diệt? Tỳ-kheo liền tư duy xét kỹ, thì được vừa ý: Không có sinh thì lão tử cũng không có, sinh đã tận thì lão tử cũng tận.

Tỳ-kheo liền tư duy tiếp: Vì đâu mà chẳng có sinh? Cũng vậy, sinh lại do nhân duyên gì mà diệt? Tỳ-kheo bèn tư duy suy xét, vừa được như ý: Không có hữu thì sinh cũng chẳng có, hữu tận diệt thì sinh tận diệt.

Tỳ-kheo liền tư duy: Không có những gì thì hữu không có? Đoạn diệt những gì thì hữu đoạn diệt?

Các Tỳ-kheo liền tư duy xét kỹ: Ý được thỏa mãn tức là không có thủ thì hữu cũng không có, thủ đã tận diệt nên hữu mới tận diệt.

Các Tỳ-kheo liền tư duy: Không có những gì thì thủ không có? Cũng vậy, đoạn diệt những gì thì thủ đoạn diệt? Các Tỳ-kheo liền tư duy xét kỹ, được như ý: Không có ái nên cũng không có thủ, ái đã tận diệt, thủ mới tận diệt.

Các Tỳ-kheo liền tư duy tiếp: Không có những gì thì ái không có? Tận diệt gì thì ái tận diệt? Các Tỳ-kheo liền tư duy xét kỹ. Được mãn nguyện không có thọ nên ái mới không có. Thọ đã tận thì ái cũng tận.

Các Tỳ-kheo liền tư duy tiếp: Không có những gì thì không có thọ. Tận diệt những gì thì thọ tận diệt, Tỳ-kheo liền tự tư duy, được như ý: Không có xúc (cánh lạc) thì thọ không có. Xúc đoạn diệt thì thọ cũng đoạn diệt.

Các Tỳ-kheo lại tư duy tiếp: Không có những gì thì xúc không có?

Tận diệt những gì thì xúc tận diệt? Lại tư duy xét kỹ, được như ý: Không có lục nhập thì xúc không có, đoạn diệt lục nhập thì xúc đoạn diệt.

Lại liền tư duy tiếp: Không có những gì thì lục nhập không có? Đoạn tận những gì thì đoạn tận lục nhập? Lại tư duy xét kỹ, thì có được như ý: Không có danh sắc thì không có lục nhập, tận diệt danh sắc thì tận diệt lục nhập.

Lại liền tư duy tiếp: Không có những gì thì không có danh sắc? Lại đoạn tận những gì thì đoạn tận danh sắc? Lại tư duy xét kỹ, có được như ý: Thức không có thì danh sắc cũng không có. Lại diệt đoạn thức thì đoạn diệt danh sắc.

Lại liền tư duy tiếp: Không có những gì thì không có thức? Lại đoạn tận những gì thì thức đoạn tận? Lại liền tư duy xét kỹ, được như ý muốn: Không có ương chủng (hành) thì thức cũng không có, ương chủng (hành) đã diệt thì thức cũng diệt.

Lại liền tư duy tiếp: Không có những gì thì không có hành? Tận diệt những gì thì hành tận diệt? Lại liền tư duy xét kỹ, được ưng ý: Không có si (vô minh) thì cũng không có hành. Si (vô minh) đã diệt thì hành cũng diệt. Hành đã diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử diệt. Sầu, khổ, não đều diệt. Như thế, cuối cùng toàn bộ khổ ấm đều diệt.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Khi ấy ta lại nghĩ: Vì ta gặp được nơi đạo, từ đó, mà ta mới đi theo được. Đã đi theo nên biết lão tử, cũng biết nguyên nhân của lão tử, cũng biết sự vắng mặt của lão tử, cũng biết con đường đi qua để vượt khỏi lão tử. Sinh cũng thế, hữu cũng thế, thủ cũng thế, ái cũng thế, thọ cũng thế, xúc cũng thế, lục nhập cũng thế, danh sắc cũng thế, thức cũng thế, hành cũng thế. Mới biết được si (vô minh) cũng biết được nguyên nhân của vô minh, cũng biết sự diệt trừ của vô minh, cũng biết được con đường tu tập để diệt trừ của vô minh. Ví như có Tỳ-kheo hay người đời, ở nơi đầm trống vắng đi dạo, liền gặp con đường xưa, thấy có dấu vết của hành giả, người đó liền theo dấu vết, đã theo dấu vết mới gặp thành xưa, có đầy đủ vườn đẹp, cây đẹp, ao đẹp, sông đẹp, núi đẹp, cái nào cũng đẹp, vườn đầy đủ phong phú, vui vẻ. Người đó liền nghĩ: "Nếu nay ta phải đi đến bạch vua thì ta đi ở giữa đầm trống, chỗ dạo chơi, mới gặp con đường cũ, nên người đó đi đến nơi ấy, đã đi theo thì gặp được thành cũ, đầy đủ vườn đẹp, đầy đủ cây đẹp,

đầy đủ ao đẹp, đồng đẹp, núi đẹp, hào thành cũng đẹp, vườn cảnh phong phú, tươi tốt, an lạc. Vua có thể ở đó. Vua liền đóng đô ở đó. Về sau, tăng trưởng, thịnh vượng, dân chúng đông đúc, đời sống phát đạt.

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Ta cũng như thế, gặp được chỗ đường cũ, Phật xưa theo đấy làm hành giả, nên đã đi theo đường cũ, đã đi theo mới biết chỗ của lão tử, cũng biết nhiều nguyên nhân của lão tử, cũng biết sự dứt trừ lão tử, cũng biết con đường vượt thế gian của lão tử, biết sinh cũng thế, biết hữu cũng thế, biết thủ cũng thế, biết ái cũng thế, biết thọ cũng thế, biết xúc cũng thế, biết lục nhập cũng thế, biết danh sắc cũng thế, biết thức cũng thế, biết hành cũng thế, biết vô minh, nguyên nhân của vô minh, cũng biết sự diệt trừ của vô minh, cũng biết con đường tu tập để diệt trừ vô minh trong thế gian.

Phật liền nói với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di:

–Nếu Tỳ-kheo nên thọ trì đúng như vậy thì mới đắc đạo, đạo chẳng mất, là đạo vi diệu. Tỳ-kheo-ni cũng thế, Ưu-bà-tắc cũng thế, Ưu-bà-di cũng thế. Nếu hành đúng, thọ trì chân chánh thì mới theo đạo và đắc đạo, có thể hành đúng như pháp. Như vậy là người hành pháp vô vi, tăng trưởng đến mọi phương. Chư Thiên cũng như người, đã thấy Phật giảng nói như thế, các Tỳ-kheo nắm giữ trước ý nghĩa đã giảng nói, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 714

KINH DUYÊN KHỞI THÁNH ĐẠO

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Huyền Trang.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn cùng với một ngàn hai trăm mươi vị đại Tỳ-kheo và vô lượng chúng Đại Bồ-tát, cư ngụ tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo với đại chúng:

–Khi chưa chứng đắc Tam-bồ-đề, ta ngồi một cách an nhiên, tự tại ở nơi vắng vẻ, suy nghĩ: "Lạ thay! Thế gian chìm đắm trong bể khổ, đều không hiểu biết pháp xuất ly, thật đáng buồn thay. Nghĩa là, tuy có sinh có già có chết, mất nơi này sinh nơi khác, nhưng các hữu tình không thể biết một cách đúng như thật về pháp xuất ly khỏi sinh lão tử."

Ta lại nghĩ: "Do đâu mà có già chết (lão tử), vậy già chết lại phát sinh từ đâu?" Khi theo lý suy nghĩ về việc ấy, ta liền sinh ra sự nhận xét một cách như thật như vầy: Vì có sinh nên mới có già chết; như vậy, già chết là do sinh làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có sinh? Vậy, sinh lại từ đâu mà có? Ta liền theo ý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét đúng đắn: Vì có hữu nên mới có sinh; như vậy, sinh là do hữu làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có hữu? Vậy, hữu lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét đúng đắn sau: Do có thủ nên mới có hữu; như vậy, hữu là do thủ làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có thủ? Vậy, thủ lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do có ái nên mới có thủ; như vậy, thủ là do ái làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có ái? Vậy, ái lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do có thọ nên mới có ái; như vậy, ái là do thọ làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có thọ? Vậy, thọ lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do có xúc nên mới có thọ; như vậy, thọ là do xúc làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có xúc? Vậy, xúc lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc

này mà có nhận xét chính xác sau: Do có lục xứ nên mới có xúc; như vậy, xúc là do lục xứ làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có lục xứ? Vậy, lục xứ lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do có danh sắc nên mới có lục xứ; như vậy, lục xứ là do danh sắc làm duyên. Ta lại nghĩ: Do đâu mà có danh sắc? Vậy, danh sắc lại do đâu mà có? Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do có thức nên mới có danh sắc; như vậy, danh sắc là do thức làm duyên. Ta nghĩ tới thức, ý liền trở lại, không tiếp tục nữa. Ta cho rằng: Thức làm duyên mà có danh sắc, danh sắc làm duyên mới có lục xứ, lục xứ làm duyên mới có xúc, xúc làm duyên thọ, thọ làm duyên ái, ái làm duyên thủ, thủ làm duyên hữu, hữu làm duyên sinh, sinh làm duyên mà có già, chết, buồn rầu, đau khổ, phiền não phát sinh. Như thế, nhóm họp lại chỉ toàn là những đâu khổ lớn lao.

Ta lại nghĩ: "Vì không có nguyên nhân nên không có già chết; nguyên nhân diệt nên lão tử diệt theo." Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có sinh nên không có già chết; do sinh diệt nên lão tử cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân nên không có sinh; nguyên nhân diệt nên sinh cũng diệt. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có hữu nên không có sinh; do hữu diệt nên sinh cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân nên không có hữu; nguyên nhân diệt nên hữu cũng diệt. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có thủ nên không có hữu; do thủ diệt nên hữu cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân nên không có thủ; nguyên nhân diệt nên thủ cũng diệt. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có ái nên không có thủ; do ái diệt nên thủ cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân gì nên không có ái; nguyên nhân gì diệt thì ái cũng diệt. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có thọ nên không có ái; do thọ diệt nên ái cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân gì nên không có thọ; nguyên nhân gì diệt nên thọ cũng diệt. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác rằng: Không có xúc nên không có thọ; do xúc diệt nên thọ cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân gì nên có xúc; nguyên nhân gì diệt nên xúc diệt theo. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có lục xứ nên không có xúc; do lục xứ diệt thì xúc cũng diệt. Ta lại nghĩ: Vì không có nguyên nhân gì nên không có lục xứ; nguyên nhân gì diệt thì lục xứ diệt theo. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Không có danh sắc nên không có lục xứ; do danh sắc diệt nên lục xứ cũng diệt. Ta lại

nghĩ: Do không có nguyên nhân gì nên không có danh sắc; nguyên nhân gì diệt thì danh sắc diệt theo. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác rằng: Do không có thức nên không có danh sắc; do thức diệt nên danh sắc cũng diệt. Ta lại nghĩ: Do không có nguyên nhân gì nên không có thức; nguyên nhân gì diệt thì thức diệt theo. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác sau: Do không có hành nên không có thức; do hành diệt nên thức cũng diệt. Ta lại nghĩ: Do có nguyên nhân gì mà có hành; nguyên nhân gì diệt thì hành diệt theo. Ta liền theo lý suy nghĩ về việc này mà có nhận xét chính xác rằng: do không có vô minh nên không có hành, do vô minh diệt nên hành cũng diệt, do hành diệt cho nên thức diệt, do thức diệt cho nên danh sắc diệt, do danh sắc diệt nên lục xứ diệt, do lục xứ diệt nên xúc diệt, do xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt nên ái diệt, do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sinh diệt, do sinh diệt nên già chết, sầu buồn, đau khổ, phiền muộn đều diệt theo. Cứ như vậy, diệt trừ hoàn toàn mọi khổ đau lớn lao.

Ta lại nghĩ: "Ta nay chứng đắc được dấu vết của đạo xưa, đi theo con đường xưa, là dấu vết hành hóa từ xưa của các bậc Tiên đã đi qua." Ví như có người đi giữa nơi rừng rậm hoang vắng nguy hiểm, đột nhiên bắt gặp dấu vết của đạo xưa, con đường xưa, là dấu vết hành hóa của các bậc tu tập từ xưa đã từng đi. Anh ta vội lần theo. Khi lần theo dấu vết, anh ta thấy thành quách xưa, nơi đóng đô của vua xưa. Nơi ấy có đủ vườn tược, ao rạch sạch sẽ, tươi tốt, thật đáng ưa thích. Thấy như vậy, anh ta suy nghĩ: Ta phải mau về báo cho vua biết việc này. Khi ấy, người nọ liền đến gặp vua, thưa: Đại vương! Đại vương nên biết! Do có việc đi ở nơi rừng rậm hoang vắng nguy hiểm, đọt nhiên thần gặp được dấu vết từng đi của đạo xưa, đường xưa, là dấu vết hành hóa của người xưa, thần vội lần theo dấu vết thì bắt gặp thành quách xưa, kinh đô của vua thời xưa. Nơi ấy, vườn tược, ao rạch đầy đủ, sạch đẹp, huy hoàng, thật đáng ưa thích. Tâu Đại vương, nếu như nay Đại vương đóng đô ở thành ấy, nhất định sẽ khiến cho đất nước được hưng thịnh, rộng lớn, yên ổn, giàu có, dân chúng sung túc. Khi đó, vua liền cho đóng đô ở thành ấy. Về sau, kinh đô nơi vua ở được hưng thịnh, rộng lớn, yên ổn, giàu có, muôn dân sung túc.

Ta cũng như vậy, nay cũng đã chứng đắc được dấu vết của đạo xưa, lối đi xưa là dấu vết hành hóa từ xưa của các bậc Tiên. Vậy, thế nào là dấu vết của đạo xưa, lối đi xưa là dấu vết hành hóa từ xưa của các bậc Tiên. Nên biết rằng: Đây chính là tám chi Thánh đạo. Đầu tiên là chánh kiến, kế đến là chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần (chánh tinh tấn), chánh niệm, chánh định, chỉ đến thứ tám. Như vậy, đây

gọi là dấu vết của đạo xưa, lối đi xưa là dấu vết hành hóa từ xưa của các bậc Tiên mà khi xưa ta đã lần theo. Khi lần theo dấu vết, ta từng thấy lão tử, thấy nguyên nhân của lão tử, thấy sự diệt trừ lão tử, thấy được con đường tu tập để diệt trừ lão tử. Như thế, ta đã từng thấy sinh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục xứ, danh sắc, thức, hành; đã từng thấy nguyên nhân của hành, thấy hành diệt, từng thấy con đường tu tập để diệt trừ hành. Đối với pháp này, ta tự nhiên thông đạt.

Khi đã bày tỏ sự chứng đắc của mình rồi, Đức Thế Tôn bảo với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cùng với các hàng ngoại đạo, Sa-môn, các Bà-la-môn và những hàng xuất gia khác cùng vô lượng đại chúng:

–Này các Tỳ-kheo! Trong giáo pháp của ta, nếu ai có khả năng tu hành một cách nghiêm túc, thành tựu, chủ thể chứng đắc thì liền có khả năng chứng đắc chánh lý pháp thiện. Này các Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, vô lượng đại chúng! Như trong giáo pháp của ta, nếu ai có khả năng tu hành một cách nghiêm túc, thành tựu, chủ thể chứng đắc thì liền có khả năng chứng đắc chánh lý pháp thiện. Như vậy, mới có khả năng làm tăng trưởng phạm hạnh và cũng sẽ tạo lợi ích lớn cho vô lượng chúng sinh, vì các hàng trời, người mà mở bày chỉ rõ nẻo thiện, đúng.

Khi ấy, các Tỳ-kheo và chư Đại Bồ-tát, vô lượng đại chúng nghe những lời Phật giảng nói, khen ngợi cho là chưa từng có, thảy đều hết sức vui mừng, tín thọ, phụng hành.

-oOo-

SỐ 715

KINH CỰU THÀNH DỤ

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Tam tạng
Pháp sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng hội đủ.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo rằng:

–Này Tỳ-kheo! Vào thuở trước, khi ta chưa chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở đơn độc một chỗ, tâm sinh nghi vấn: Nhân gì mà tất cả chúng sinh nơi thế gian phải chịu khổ não theo luân hồi? Vì sinh, lão, tử, diệt rồi lại sinh, do các chúng sinh đó chẳng biết như thật, nên không thể xuất ly khỏi cái khổ nơi sinh, lão tử. Nay ta suy tư về cái khổ của lão tử ấy do nhân gì mà có? Lại do duyên gì có lão tử này? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa các duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ, mới biết như thật. Nay, lão tử này do từ nhân sinh mà có, lại do duyên sinh mà có lão tử, ta đã biết pháp này. Lại còn tư duy: Nhân gì có sinh? Lại vì duyên gì có pháp sinh ấy? Đã suy nghĩ rồi, liền lìa các duyên dựa định tâm mà quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật: Sinh là do nhân hữu mà khởi, lại do duyên hữu mà phát khởi pháp sinh ấy, ta đã biết pháp này. Lại còn tư duy: Nhân gì phát khởi hữu? Lại vì duyên gì mà có pháp hữu ấy? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa các duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật, hữu do nhân thủ mà phát khởi, lại do duyên thủ phát khởi pháp hữu ấy. Ta đã biết pháp này. Lại còn tư duy, nhân gì có thủ? Lại do duyên gì có pháp thủ ấy? Đã tư duy vậy, liền lìa các duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ, mới biết như thật, thủ do nhân ái mà có, lại do duyên ái mà có pháp thủ ấy. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Nhân gì có ái? Lại vì duyên gì có pháp ái ấy? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa các duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Ái do nhân thọ mà có, lại do duyên thọ mà có pháp ái ấy. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy. Nhân gì có thọ? Lại vì duyên gì có pháp thọ ấy? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật. Thọ do nhân

xúc mà có, lại do duyên xúc mà có pháp thọ ấy. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Nhân gì có xúc? Lại vì duyên gì có pháp xúc ấy? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật, xúc do nhân lục xứ mà có, lại do duyên lục xứ mà có pháp xúc ấy. Ta đã biết pháp này. Lại còn tư duy: Nay, nhân gì mà có lục xứ ấy? Lại do duyên gì có pháp lục xứ? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật, lục xứ là do nhân danh sắc mà có, do duyên danh sắc mới có pháp lục xứ. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Nay, nhân gì mà danh sắc ấy có? Lại do duyên gì có danh sắc ấy? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật, danh sắc kia do nhân thức mà có, lại do duyên thức mới có pháp danh sắc. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Nhân gì có thức? Lại do duyên gì có pháp thức ấy? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật. Như thế pháp thức do nhân danh sắc mà có, do duyên danh sắc mới có pháp thức ấy. Do duyên thức này nên sinh được các hành. Do đó danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ, não, cho nên hình thành đại khổ uẩn. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Do nhân gì nên không có được lão tử? Pháp gì đã được diệt thì lão tử diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp sinh tức là không có lão tử, pháp sinh đã diệt thì lão tử cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Pháp gì không có thì pháp sinh không có? Pháp gì đã diệt thì pháp sinh được diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm mà quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp hữu thì không có pháp sinh, nếu pháp hữu diệt thì pháp sinh cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy; pháp gì không có thì pháp hữu không sinh? Pháp gì đã diệt thì pháp hữu diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát. Đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp thủ thì pháp hữu cũng không có, pháp thủ đã diệt thì pháp hữu cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy. Pháp gì không có thì pháp thủ không có? Pháp gì đã diệt thì pháp thủ được diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp ái thì không có pháp thủ. Pháp ái đã diệt thì pháp thủ cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy. Pháp gì không có thì pháp ái không? Pháp gì đã diệt thì pháp ái diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp thọ thì pháp ái cũng

không có. Pháp thọ diệt thì pháp ái cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy. Pháp gì không có thì pháp thọ không có? Pháp gì đã diệt thì pháp thọ được diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp xúc thì pháp thọ cũng không có. Pháp xúc đã diệt thì pháp thọ cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Pháp gì không có thì pháp xúc chẳng có? Pháp gì đã diệt thì pháp xúc được diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm mà quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có lục xứ thì pháp xúc cũng không có được. Lục xứ đã diệt thì pháp xúc cũng diệt. Ta đã biết pháp này lại còn tư duy: Pháp gì không có thì pháp lục xứ không có? Pháp gì đã diệt thì lục xứ cũng diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm mà quán sát. đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có danh sắc thì lục xứ chẳng có. Danh sắc đã diệt, lục xứ cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Pháp gì không có thì danh sắc chẳng có? Pháp gì đã diệt thì danh sắc cũng diệt. Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp thức thì danh sắc cũng không. Pháp thức diệt thì danh sắc cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy: Pháp gì không có thì pháp thức cũng chẳng có? Pháp gì đã diệt thì pháp thức cũng diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có pháp hành thì pháp thức cũng không có. Nếu pháp hành diệt thì pháp thức cũng diệt. Ta đã biết pháp này, lại còn tư duy. Pháp gì không có thì pháp hành cũng chẳng có? Pháp gì đã diệt thì pháp hành được diệt? Đã suy nghĩ vậy, liền lìa mọi duyên dựa định tâm để quán sát, đã quán sát kỹ mới biết như thật. Nếu không có vô minh thì pháp hành chẳng có. Vô minh đã diệt thì pháp hành cũng diệt. Do đó vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục xứ diệt, lục xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Do vậy một khổ uẩn lớn diệt, mỗi mỗi đều biết rõ về pháp đã như vậy.

Lại còn tư duy: Nay ta đã theo dấu tích con đường mà chư Phật đi, đã mặc áo giáp người xưa mặc, đã đến thành Niết-bàn của người xưa.

Đức Phật lại bảo:

–Này các Tỳ-kheo! Ví như có người muốn đến chỗ xa thì theo dấu tích con đường mà người xưa đi, lại mặc áo giáp người xưa mặc, mới tìm thấy đô thành cũ của người xưa, hoặc đi vào núi sâu, hoặc đi vào đồng rộng, đi mãi chẳng dừng, nên đến thành cũ kia. Thành ấy rộng lớn, mới là đô

thành của nhà vua thuở trước. Đô thành này uy nghiêm, tráng lệ, thanh tịnh, ao hồ, vườn cây, cung điện đều rất đẹp. Người đó trông thấy thì lòng không muốn rời. Người đó đã thấy liền tự tư duy: "Nay ta về trở lại nơi bản quốc, đem đầy đủ việc này khởi tấu lên vua." Đã về bản quốc rồi liền tấu lên vua: "Đại vương nên biết! Thần mặc áo giáp người xưa mặc, theo dấu tích nơi con đường người xưa đi, hoặc đi vào núi sâu, hoặc đi vào đồng rộng, đi mãi chẳng dừng, nên đến một thành cũ, thành ấy rộng lớn là đô thành của vua thuở trước, đô thành kia uy nghiêm, tráng lệ, thanh tịnh, ao hồ, vườn cây, cung điện đều rất đẹp. Người ta trông thấy tâm không chán bỏ. Đại vương nên dời đô đến nơi đó." Vua nghe tâu, liền chuẩn tấu, bèn giao cho cận thần lo liệu công việc dời đô, vua ngự trị nơi thành đô càng trở nên uy nghiêm, tráng lệ, dân chúng đông đúc, đời sống sung túc bội phần.

Này các Tỳ-kheo! Ta cũng như vậy, theo dấu tích nơi con đường cũ chư Phật đi, mặc áo giáp cũ chư Phật đã mặc, đi đến thành Niết-bàn cũ của chư Phật.

Này các Tỳ-kheo! Con đường cũ là gì? Áo giáp cũ là gì? Thành cũ là gì? Tức là tám con đường chánh mà chư Phật quá khứ đã đi, nghĩa là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này các Tỳ-kheo! Tám con đường chân chánh ấy tức là con đường cũ, tức là áo giáp cũ, tức là thành cũ. Chư Phật trước đã đi, ta cũng đi theo dấu tích đó mới có thể thấy được nguyên nhân của lão tử. Cho nên ta chứng được sự diệt trừ lão tử, cho đến quán thấy sinh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục xứ, danh sắc, thức… đều diệt. Lại quán nguyên nhân của hành cũng hành diệt. Pháp hành đã diệt, Vô minh cũng diệt. Vô minh đã diệt tức là không có chỗ quán. Lúc ấy, ta tự dùng lực Thần thông thành tựu Chánh đẳng Chánh giác.

Này các Tỳ-kheo! Ta đã thuyết giảng rõ chánh pháp như thế. Các ông phải siêng năng, nên học như thế, nên hành như thế, ghi nhớ, tu tập mới thành tựu các phạm hạnh, truyền bá giáo pháp khắp cả Trời, người, độ khắp chúng sinh tạo nhiều lợi ích. Cho đến các Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Bà-la-môn, ngoại đạo, Ni-kiền-tử… cũng nên tu tập lưu truyền như thế, để độ khắp chúng sinh tạo nhiều lợi ích.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn giảng nói kinh ấy xong, tất cả đại chúng nghe Đức Phật giảng nói thảy đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 716

KINH DUYÊN SINH SƠ THẮNG PHẦN PHÁP BẢN

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư Đạt-ma-cấp-đa, người nước Thiên Trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Bà-già-bà ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo.

Lúc đó, tại giảng đường có rất nhiều Tỳ-kheo đang tập hợp bàn luận:

–Này các vị! Đức Thế Tôn thường dùng vô lượng các môn để nói về mười hai phần duyên sinh. Trong mười hai chi đó, trước tiên diễn nói vô minh dùng làm thể của duyên. Do nhân duyên gì, trong tất cả phiền não nơi các hành duyên chỉ nói vô minh dùng làm thể của duyên? Đối với vô minh này thấy được điều thù thắng gì?

Các Tỳ-kheo này đang tụ tập bàn luận về vấn đề đó chưa xong. Cũng ngay hôm ấy, Đức Thế Tôn nhập định, dùng Thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn người thường, nghe sự nghị luận của các Tỳ-kheo ấy. Về xế chiều, Đức Thế Tôn xả định, đến nơi giảng đường, đến rồi đứng trước chúng Tỳ-kheo và ngồi vào tòa vừa được bày biện. Ngồi xong, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo! Cớ gì các vị tụ tập nơi đây và đang bàn luận dở dang về vấn đề gì?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thưa Đại Đức! Chúng Tỳ-kheo các con tụ tập nơi đây nghị luận thế này:

–Này các vị! Đức Thế Tôn từng dùng vô lượng các môn để nói về mười hai phần duyên sinh. Trong mười hai chi đó, trước hết diễn nói vô minh dùng làm thể của duyên. Do nhân duyên gì trong tất cả phiền não nơi các hành duyên chỉ nói vô minh dùng làm thể của duyên. Đối với vô minh

này thấy được sự thù thắng gì?

–Thưa Đại Đức! Chúng Tỳ-kheo các con tập trung nơi đây và đang bàn luận chưa xong về vấn đề đó.

Các Tỳ-kheo vừa thưa xong, Đức Thế Tôn liền bảo:

–Này các Tỳ-kheo! Có pháp môn tên là Duyên Sinh Sơ Thắng Phần, các vị hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì các vị mà giảng nói!

Này các Tỳ-kheo! Thế nào là pháp môn Duyên Sinh Sơ Thắng Phần? Có mười một pháp thù thắng trong sự thù thắng, an lập vô minh làm duyên đầu tiên cho duyên sinh. Những gì là mười một?

1. Phan duyên thù thắng.

2. Chủng loại thù thắng.

3. Do tự thù thắng.

4. Đẳng khởi thù thắng.

5. Chuyển sinh thù thắng.

6. Điên đảo thù thắng.

7. Tướng thù thắng.

8. Nghiệp thù thắng.

9. Chướng ngại thù thắng.

10. Thuận phược thù thắng.

11. Đối trị thù thắng.

Khi ấy, có Tỳ-kheo khác, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, bày vai phải, hướng lên Đức Thế Tôn, chắp tay cúi mình bạch:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là Phan duyên thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nhân, quả đều là lỗi lầm, tất cả phần nhiễm nơi nhân quả, cùng với tất cả phần tịnh của công đức, cả hai đều là chỗ duyên dựa của vô minh.

Này Tỳ-kheo! Đó là Phan duyên thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là Chủng loại thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Che lấp chân thật, hiển bày cái không chân thật.

Này Tỳ-kheo! Đó là Chủng loại thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là Do tự thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với tất cả Phiền não nhiễm, Nghiệp nhiễm, Sinh nhiễm làm đầu mối cho trụ xứ căn bản.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tất cả Phiền não nhiễm?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói có ba thứ phiền não là tất cả phiền não nhiễm. Đó là phiền não không trí tuệ, phiền não nghi tuệ và phiền não tà tuệ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tất cả Nghiệp nhiễm?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói về tự tướng nơi ba thứ sai biệt là thân, miệng, ý và tướng chướng ngại đối trị nơi ba thứ sai biệt *(chướng ngại không phải là phước; đối trị là phước và bất động)* thâu tóm chung mọi Nghiệp nhiễm.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tất cả thứ Sinh nhiễm?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói về chỗ nương dựa của ba thọ. Đó là thọ khổ, thọ vui và thọ không khổ không vui.

Ba khổ là khổ khổ, hoại khổ và hành khổ, thâu tóm chung mọi Sinh nhiễm.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tất cả thứ phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm và sinh nhiễm đều do vô minh làm đầu mối cho trụ xứ căn bản?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ở trong thật đế có hai thứ ngu: Chưa sinh phiền não nhiễm liền khiến nó sinh. Nếu đã sinh rồi thì làm cho nó dần dần tăng trưởng. Chưa sinh nghiệp nhiễm thì khiến nó sinh, nếu đã sinh rồi lại theo đó mà tích tập. Chưa sinh sinh nhiễm thì khiến nó sinh, nếu đã sinh rồi thì không thể di chuyển. Thế nên nói tất cả thứ phiền não nhiễm, nghiệp nhiễm và sinh nhiễm đều do vô minh làm đầu mối của trụ xứ căn bản.

Này Tỳ-kheo! Đó là Đầu mối (do tự) thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là Đẳng khởi thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh này đối với Khổ đế nơi đời vị lai thâu giữ thân sinh do ngu lầm nên không rõ. Đối với Khổ đế của hiện tại, thâu giữ thân đã đạt được cũng do ngu lầm nên không hiểu. Do ngu lầm cho nên thâu chứa duyên sinh và chuyển xuất duyên sinh, thâu chứa hòa hợp cùng chuyển xuất hòa hợp. Hai thứ duyên sinh này và hai thân vị lai, hiện tại ngu lầm, đều do vô minh làm duyên đẳng khởi.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là thâu chứa duyên sinh, hòa hợp nơi thâu chứa?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Thứ nhất, vô minh duyên hành, hành duyên thức. Cũng như vậy danh sắc, lục nhập, xúc duyên thọ. Đó gọi là thâu chứa duyên sinh, hòa hợp nơi thâu chứa.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là Chuyển xuất duyên sinh hòa hợp Chuyển xuất?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Thứ hai, trong duyên của vô minh thì thọ duyên ái, ái duyên thủ. Cũng giống như vậy, hữu duyên sinh, cho đến sinh duyên lão tử. Đó gọi là chuyển xuất duyên sinh hòa hợp chuyển xuất.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là vô minh đứng đầu, đối với sự thâu chứa duyên sinh hòa hợp nơi thâu chứa mà khởi lên duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh này đối với thân sinh trở lại do ngu lầm không hiểu, liền cầu sinh tử lại. Do ngu lầm cầu sinh trở lại ấy nên ở trong chỗ sinh lại ấy đã thấy toàn việc tốt. Nhưng ở nơi ái của hiện tại không ái cảnh giới, do chấp trước phân biệt tạo ra hạnh phi phước. Nghĩa là đối với các vật dụng sinh ra bần cùng, đối với chỗ tổn não sinh ra sân hận tương ưng, đối với tốt xấu không giữ được sự suy nghĩ so lường, liền khởi các hành buông lung, mê lầm, suy nghĩ về việc ác của đời khác lại không hay biết. Thế nên tạo hành phi phước, vô minh làm duyên. Nếu ở trong chỗ sinh trở lại hoặc thấy việc tốt, hoặc thấy nẻo xuất ly, liền tạo hành phước và

hành bất động, hoặc nhân nơi chỗ giảng nói pháp mà hiểu biết, hoặc tự tu tập tĩnh niệm. Trong sự giác niệm ấy tuy có tâm thiện nhưng chẳng phải là suy nghĩ chân chánh. Vì lý do đó cho nên bị sự sinh trở lại mê hoặc dắt dẫn. Đó là đối với sự sinh trở lại chỉ thấy việc tốt, không có khiếp nhược, thấy nẻo xuất ly không khiếp nhược, nơi phước, phi phước đều hành bất động, tướng ác, đối được đối trị... trong sáu thức thân cùng sinh cùng diệt, tức ở trong quả báo hiện tại Thức sinh diệt, đặt để các hạnh được huân tập ấy, sau mới sinh ra mọi chủng tử hiện có thâu giữ tương ưng, mọi chủng tử hiện có đều đã thâu giữ, sau nếu phát sinh tức là có thứ lớp. Nghĩa là thâu tóm danh sắc, lục nhập, xúc... dần dần phát sinh, danh sắc... ở trong quả báo hiện tại nơi thức ấy sinh ra tướng nhân, chưa phải là tướng quả. Thế nên nói là thâu chứa duyên sinh.

Này Tỳ-kheo! Đó là vô minh thứ nhất đối với những sự thâu chứa duyên sinh hòa hợp nơi sự thâu chứa mà khởi duyên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là vô minh sau, đối với chuyển xuất duyên sinh hòa hợp chuyển xuất ấy mà khởi duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nơi thân hiện tại này khởi lên mê lầm, do lục nhập, xúc làm duyên thọ sinh, liền được mùi vị ấy. Do được mùi vị ấy cho nên đời vị lai trở lại tìm cầu thọ nhận loại này. Khi cầu liền khởi lên thủ, ở trong lạc thọ khát ái làm duyên nên sinh ra dục thủ.

Dục thủ là dục phân biệt, dục ấy đứng đầu nên mới có phiền não của cõi Dục. Nếu lại cùng thọ mới làm duyên liền sinh không có khát ái, cùng hạnh chán lìa, nó tương ưng với sự nhàm chán, xa lìa chưa là đạo lý. Nó dựa vào khát ái, chẳng phải phương tiện, tìm cầu không có thời hạn tức có xuất ly khởi tà kiến, quyết định là tà kiến và nương tựa vào hai tà kiến đó (nương tựa cũng có hai hợp làm bốn thứ), do nó khiến khát ái ấy duyên vào thủ. Nếu lấy thủ ấy làm chỗ nương tựa thì chưa được lìa dục. Như vậy, lúc chết, bốn thứ kiến chấp ấy cùng với phiền não của cõi Dục, do dục khát ái làm duyên sinh thủ. Nếu lại lìa dục, lìa sắc thì khát ái của cõi Sắc, cõi Vô sắc sinh ra thường hữu. Nếu ở trong cõi Sắc, cõi Vô sắc khi sinh phiền não thì nơi hai cõi ấy liền khởi thủ. Phiền não của hai cõi ấy và các cái kiến chấp này, hoặc do khát ái của cõi Sắc làm duyên sinh thủ; hoặc do khát ái của cõi Vô sắc làm duyên sinh thủ. Như vậy là khát ái duyên thủ, đã được quả báo của các hành huân tập nơi thức cùng thủ mà sinh. Thủ ấy thâu tóm rồi, trước đã tích tập các hành hiện có, khát ái hiện có chưa diệt, mỗi mỗi

xứ ấy được hiện tiền, vì khiến tự thân chuyển xuất. Do nhân duyên ấy, hữu đối với xuất sinh, cho nên nói hành ấy là hữu. Vì lực của thủ ấy nên hành là hữu, đối với tử này trước đã thâu chứa, nên sự xuất sinh làm duyên chuyển xuất, do đó gọi là hữu duyên sinh. Ở trong sự chuyển xuất, khi xuất sinh tướng hoại khác với đời trước. Lại đến giai đoạn ấy, cái chết tới gần, thọ mạng hết, thế nên gọi là sinh duyên lão tử.

Này Tỳ-kheo! Đó là Vô minh thứ hai đối với chuyển xuất duyên sinh hòa hợp chuyển xuất dấy khởi làm duyên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Vì sao trong chuyển xuất duyên sinh chỉ nói đến hai thứ khát ái, thủ mà không nói là các hành duyên.

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Khát ái, thủ nơi cảnh giới của mình, theo sự sai biệt mà đoạn trừ. Như khát dục và thủ, không nên tạo nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc với hành bất động, duyên chẳng phải là cảnh giới. Như khát dục, đối với hành bất động như là sắc khát, ở trong cõi Vô sắc là vô sắc khát, ở trong cõi Dục, cõi Sắc là sắc khát, ở trong cõi Dục cũng giống như vậy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Vì sao dục khát cùng thủ không làm duyên với hành phước và hành phi phước?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với cảnh giới đang có hiện tiền này, ái cùng với không ái làm duyên tăng thượng. Do có dục khát khởi lên căn bất thiện, tạo hành phi phước. Vì ở trong nhân quả nơi hành phi phước không biết được cái ác ấy, đó là tâm ác và chỗ làm ác... Vì không biết nên khởi hành phi phước. Mà tâm và chỗ làm ác... ấy chỉ do vô minh làm duyên, chẳng phải khát ái làm duyên, cùng với căn bất thiện nhưng không cùng với cảnh giới. Nếu do dục khát tạo hành phước, nương vào lòng tin mà làm. Nghĩa là tin chết rồi sinh, sinh ắt phải nhờ vào duyên. Do tin thâu tóm nên mọi khát thủ được hiện bày. Ta chỉ nêu bày về chỗ làm che lấp vô ký, nếu pháp che lấp vô ký thì không thể dấy khởi hành. Do ở trong nhân quả hành phước không biết xuất ly, mong cầu có thể sinh ái liền tạo hành phước. Thế nên, tuy nói hành phước cũng do vô minh làm duyên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Vì sao khát thủ của cõi Sắc không cùng với cõi Sắc làm duyên cho hành bất động?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Người chưa lìa dục, sắc khát chưa sinh, chưa được trụ xứ, vì chưa có thời, chưa được trụ xứ, nên không thể làm duyên cho hành bất động của cõi Sắc khiến nó được khởi. Như Sắc giới khát ở trong hành bất động của cõi Sắc. Do vậy, cõi Vô sắc khát ở trong hành bất động của cõi Vô sắc cũng như vậy. Do ở trong thân cõi Sắc, thân cõi Vô sắc có lỗi lầm xấu ác, thấy được việc tốt ấy tưởng niệm suy nghĩ, hoặc nhân nói pháp, hoặc nhân dạy dỗ trao truyền pháp, nên có sự suy nghĩ không chân chánh này, cùng với hành ấy làm duyên. Nhưng sự suy nghĩ không chân chánh này do vô minh dẫn dắt, không suy nghĩ quả chân chánh cùng với vô minh hòa hợp và hành bất động làm duyên, thế nên hành bất động ấy cũng do vô minh làm duyên.

Tỳ-kheo nên biết! Lại không có một khát ái làm nương tựa, tạo các hành phước và hành bất động. Do không có khát ái cho nên thấy sự lỗi lầm của các hữu, thế thì đâu cần cầu hữu, nhưng lại không biết như thật về vô hữu. Do không biết như thật, lại chưa được đạo đối trị, cho nên mê lầm chỗ chẳng phải đối trị làm tưởng đối trị, liền tạo hành phước và hành bất động.

Này Tỳ-kheo! Do nhân duyên đó cho nên biết chỉ do vô minh duyên hành, chẳng phải khát thủ làm duyên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu hành đối với sáu thức thân hòa hợp cùng sinh thì vì sao nói hành duyên với thức?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong sáu thức thân này, hành bất động phước, phi phước... hòa hợp cùng sinh cùng diệt, tức đối với quả báo nơi thức nêu bày các hành huân tập, đối với cái mới và cái khác xuất sinh sau quả báo nơi thức, tạo phương tiện dẫn dắt. Thế nên nói hành duyên thức.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, các phần như thế đối với thức đồng thời thâu chứa chủng tử thì vì sao nói thời tùy theo thứ lớp mà nêu bày?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Là do thứ lớp của vị lai sinh chuyển.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Do đâu nói danh sắc, lục nhập, xúc, thọ... là thiền ma, theo nghĩa dịch là sinh. Tức là quả báo chưa chết, tên gọi chung đã nêu

ở trước, chẳng phải là mới thọ sinh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Cùng nhân nơi sự nương dựa của thọ dụng và cùng nhân thọ dụng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chỉ gọi là sinh, không sắc thì sẽ có lỗi gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu danh không trụ trong sắc thì thiền ma (sinh) tiếp tục chuyển thì không tương ưng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chỉ có sắc sinh, không danh thì sẽ có lỗi gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu sắc không cùng hợp với danh, không được thâu giữ thì sẽ hoại mất, không được tăng trưởng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chỉ có thức duyên lục nhập thì sẽ có lỗi gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lúc đầu chưa đủ lục nhập, chỉ có thân căn và ý căn, khi nó chuyển sinh thì chưa có hữu. Hai căn thể này, chỉ có danh sắc là có mặt từ lúc đầu dùng làm thứ lớp cùng với lục nhập ấy làm duyên đầy đủ. Thế nên nói danh sắc duyên lục nhập.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chỉ có lục nhập đầy đủ tức là thiền ma (sinh) đã rốt ráo, vì sao lại nói xúc và thọ?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lục nhập và thiền ma rốt ráo này là chỗ nương tựa thọ dụng rốt ráo nhưng chưa thọ dụng. Phải có thọ dụng rốt ráo, mới là nhân chung để lãnh thọ. Do đó chỗ nương dựa của thọ dụng rốt ráo và thọ dụng rốt ráo mới được gọi là thiền ma (sinh) rốt ráo. Nên biết như thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Đó là do vô minh duyên khát ái cũng nói là thọ duyên. Nếu chỉ vô minh duyên khát ái không dùng thọ duyên thì sẽ có lỗi lầm gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ba thứ khát, ba thứ hữu nhất thời chuyển sinh. Quả

nhiên là do thọ duyên nơi khát cùng nhau làm lực thì không có chuyển sinh. Thế nên không chỉ có vô minh duyên khát ái.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chỉ thọ duyên khát ái thì sẽ có lỗi gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Tất cả các khát đều dùng thọ làm duyên, nhưng lại có thọ chẳng phải là duyên của các thứ khát nên cùng với các khát làm diệt duyên. Thế nên không chỉ có thọ duyên với khát.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chỉ có khát duyên với hữu không dùng thủ duyên, thì sẽ có lỗi gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Khát gọi là cầu, đối với đường ác kia, ắt không có cầu, nhưng lại tạo hành phi phước. Tuy cầu đường thiện nhưng lại trái nhau. Khi quả chuyển sinh chẳng phải khát làm duyên, tự dùng thủ làm duyên nên khiến nó chuyển sinh.

Tỳ-kheo nói:

–Người không có khát gọi là không mong cầu. Người này không mong cầu, tuy là trái nhau, nhưng tạo hành phước hành bất động thì quả cũng chuyển sinh.

Này Tỳ-kheo! Do nhân duyên đó cho nên không chỉ khát duyên với hữu.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu thủ duyên hữu, hữu duyên sinh thì do đâu không nói thủ ấy và hữu dùng làm Tập đế?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do khát nên có thể tạo ra bốn thứ nghiệp.

1. Đối với tự thân thọ cảnh giới, tham đẹp bị nghiệp trói buộc.

2. Đối với khát thủ tạo ra nghiệp đẳng khởi.

3. Đối với hành hữu tạo nghiệp dắt dẫn.

4. Đối với khi chết rồi gây ra nghiệp trói buộc liên tục.

Thế nên nói khát là Tập đế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Có sinh, có già và có chết thì vì sao danh sắc, lục nhập, xúc, thọ cùng tướng của sinh đều hiển bày, gọi là già chết?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Chỗ có phát sinh ra tướng ấy, do thuận với ba khổ trói buộc thị hiện.

Tỳ-kheo bạch với Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Sinh biểu hiện cái khổ nào?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Biểu hiện hành khổ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Già biểu hiện cái khổ nào?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Biểu hiện hoại khổ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Chết biểu hiện cái khổ nào?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Biểu hiện khổ khổ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Bốn tướng phát sinh cùng với sinh, già, bệnh, chết có gì sai khác?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Bốn thứ tướng phát sinh ấy tùy theo thứ tự mà sinh. Nếu sinh thì tùy theo chỗ tương tợ mà sinh, trong chỗ phát sinh ấy, nên biết tướng sinh là như vậy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Tướng phát sinh sinh theo thứ tự, vậy nó giống cái gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Khi mới gieo giống tức sẽ mọc, rồi dần dần phát triển. Thứ tự nơi chỗ xuất thai sinh kia cùng với thứ lớp tăng trưởng, tăng trưởng rồi nên có thể được thọ dụng sinh của thế tục, nó sinh theo thứ tự vậy cái gì là đối tượng được sinh? Các giới nhập sinh mà không có ngã. Vì sao? Vì năm chúng (uẩn) tăng trưởng dời đổi. Do vô thường và sức của mạng căn, thời, trụ có hạn lượng, cũng là chỗ sinh của vô thường.

Này Tỳ-kheo! Bốn thứ tướng phát sinh bị thời phần hủy hoại liền tạo ra năm thứ suy xấu nên gọi là già.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Những gì là năm tướng suy xấu?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo!

1. Tóc suy xấu, là tóc bạc.

2. Chỗ nương tựa suy xấu (nương tựa tức là thân) thịt, sắc lực suy xấu.

3. Nghiệp suy xấu, nghĩa là khi nói năng bị ho hen đứt quãng; lúc đứng thì cong như lưng bò; lúc ngồi thì thân nặng nề chồm về phía trước, khi đi phải chống gậy, ý chí rối bời, suy niệm càng yếu ớt.

4. Thọ dụng suy xấu, nghĩa là đối với các thứ cần dùng trong hiện tại lại dùng rất ít. Đối với các việc vui chơi thích thú lại không còn hứng thú nữa. Đối với sắc căn nơi cảnh giới của mình không thể đi nhanh chóng và cũng không thể đi được.

5. Mạng căn suy xấu, tức tuổi thọ hết, cái chết tới gần, duyên ít dần đi, chết là điều không thể tránh khỏi.

Này Tỳ-kheo! Trong bốn tướng phát sinh ấy cũng có sáu thứ chết sai khác, nên biết:

1. Tận cánh tử.

2. Bất tận cánh tử.

3. Tự tướng tử.

4. Bất tận cánh tử phần.

5. Tận cánh tử phần.

6. Phi thời thời tử.

Này Tỳ-kheo! Nơi số đó, Tự tướng tử là thức ở trong thân, dời đổi, phát xuất phần khác cùng với sắc căn diệt mất, nên biết như vậy.

Này Tỳ-kheo! Tướng phát sinh của danh sắc cùng với sinh, già, chết có sự sai khác như thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Ba thứ khát ái đều nói là duyên sinh cùng với sinh tạo nhân, vì sao chỉ nói sinh của cõi Dục.

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do sinh của cõi Dục là thô nên không thể tán thán cũng không thể chỉ dạy. Vì quay trở lại chẳng phải là thể của pháp giải thoát.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu thâu chứa duyên sinh này cùng với chuyển xuất để nói về mười hai phần thì trong mười hai phần đó, bao nhiêu là phần của chủ thể thâu chứa, bao nhiêu là phần của đối tượng được thâu chứa, bao nhiêu là phần của chủ thể chuyển xuất, bao nhiêu là phần của đối tượng được chuyển xuất?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh cùng với hành và một phần của thức là phần của chủ thể thâu chứa. Một phần thức ấy và danh sắc, lục nhập, xúc, thọ là phần của đối tượng được thâu chứa.

Này Tỳ-kheo! Một phần thọ ấy và khát ái, thủ, hữu là phần của chủ thể chuyển xuất. Sinh, già, chết là phần của đối tượng được chuyển xuất. Nên biết, một phần danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, cũng là phần của đối tượng được chuyển xuất.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Phần của chủ thể thâu chứa này và phần của chủ thể chuyển xuất ấy là một thời sinh có thể thấy, hay là theo thứ tự?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Một thời sinh, cũng nói là theo thứ tự.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Phần của chủ thể thâu chứa và phần của chủ thể chuyển xuất đã là một thời sinh thì vì sao lúc đầu nói phần của chủ thể thâu chứa, sau nói phần của chủ thể chuyển xuất?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do đối tượng được thâu chứa có chuyển xuất, cho nên không thể không do đối tượng được thâu chứa.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Vô minh duyên với suy nghĩ không chân chánh thì do đâu nói cùng với vô minh làm duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do vô minh ấy bị suy nghĩ không chân chánh dắt dẫn cùng với hành làm duyên, từ vô minh sinh xúc, thọ và khát ái làm duyên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Có bao nhiêu tướng khi lược nói về duyên sinh, có thể nhận biết?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói có ba tướng duyên sinh có thể nhận biết:

1. Tướng duyên sinh bất động *(Nê-lê đời Hạ dịch là bất động, tức là nghĩa không. Do không cho nên không có động tác).*

2. Tướng duyên sinh vô thường.

3. Tướng duyên sinh kham năng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Có bốn thứ duyên như Đức Thế Tôn đã nói như nhân duyên, vô gián duyên *(xưa gọi là Thứ đệ duyên),* phan duyên và tăng thượng duyên *(cũng gọi là sinh duyên).*

Thưa Đại Đức! Trong đó do những duyên gì vô minh cùng hành làm duyên, cũng do những duyên gì sinh cùng với lão tử làm duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do các hành chuyển sinh đồng tướng cho nên ta nói bốn thứ duyên. Trong nghĩa này chỉ có tăng thượng duyên. Ý ta nói là vô minh duyên hành cho đến sinh duyên lão tử thì tăng thượng duyên ấy lại đắm chấp nơi không tướng và đắm chấp nơi tướng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là không đắm chấp tướng tăng thượng duyên? Thế nào là đắm chấp tướng tăng thượng duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong chỗ chưa sinh suy nghĩ không chân chánh thì vô minh thuận với tùy miên, cùng với các hành không đắm chấp nơi tướng làm duyên. Nếu sinh rồi thì là đắm chấp nơi tướng.

Này Tỳ-kheo! Suy nghĩ không chân chánh ấy hòa hợp cùng với hành, đối với lục thức thân hòa hợp cùng sinh, sinh rồi nhưng chưa diệt, cùng với Thức không đắm chấp nơi tướng làm duyên. Nếu sinh diệt rồi tức là đắm chấp nơi tướng.

Này Tỳ-kheo! Nếu thức chưa đến lúc chết cùng với danh sắc không đắm chấp nơi tướng làm duyên *(thức cùng danh sắc đắm chấp nơi tướng làm duyên, trong bản Phạm không có câu này),* thì như thức đối với danh sắc như vậy. Thâu chứa danh sắc đối với chuyển xuất danh sắc cũng vậy. Như danh sắc đối với danh sắc, như thế đối với lục nhập, xúc đối với xúc, thọ đối với thọ cũng lại như vây. Như vô minh đối với hành, như vậy vô minh đối với khát ái, khát ái đối với thủ, thủ đối với hữu cũng như vậy. Như thức đối với danh sắc…, đối với danh sắc… như thế hữu đối với sinh cũng vậy.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Thai nhi còn trong thai, sinh ra em bé, đến lúc thiếu niên, cùng với già chết không đắm chấp nơi tướng làm duyên. Nếu đến lúc căn tàn, tuổi thọ hết thì trong cái đắm chấp tướng làm duyên cũng vậy, nên biết như thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu Đức Thế Tôn đã từng ở nơi nhân chung duyên chung cùng do pháp môn, nhân nơi khát ái cho nên nói về nghiệp, trong đó có mật ý gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do có chỗ thâu tóm nghiệp, nhân nơi khát ái cho nên giảng nói. Đấy là mật ý.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nhân nơi nghĩa nào để nhận thấy, duyên nơi nghĩa nào để nhận thấy, do dùng nghĩa nào để nhận thấy?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Chính ở chỗ gieo trồng chủng tử nơi đời sau, nhân nơi nghĩa ấy để nhận thấy. Quyết định giữ vững chỗ chuyển xuất của sinh ấy, duyên nơi nghĩa này để thấy. Chết rồi, hướng đến chỗ sinh cùng với sinh, do nơi nghĩa ấy để thấy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Duyên sinh thì cú nghĩa là gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đều tự có duyên, đồng tích tụ tương tục, cho nên sinh ra các phần này.

-oOo-

KINH DUYÊN SINH SƠ THẮNG
PHẦN PHÁP BẢN

QUYỂN HẠ

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Chỉ phát sinh duyên sinh liên tục này hay là riêng có duyên sinh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ta nói tám môn Duyên sinh:

1. Thọ dụng thế tục. Như nhãn duyên sắc sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp có xúc, xúc duyên thọ như vậy...

2. Nói trợ trì, duyên sinh như bốn thứ thức ăn làm duyên, căn lớn lên được trụ sẽ có tăng ích.

3. Nói nhân trợ trì, duyên sinh như mầm trong các thứ lúa, một khi ruộng có đầy đủ yếu tố như nước... gieo hạt liền nảy mầm.

4. Nói xuất sinh tục hệ, duyên sinh như phần của chủ thể thâu giữ và phần của chủ thể chuyển xuất, đối với xuất sinh thâu chứa và đối tượng được chuyển xuất.

5. Nói đối với xuất sinh chỗ tương tục gắn với duyên sinh. Như thế giới hoặc nhân hoặc duyên chuyển thành, chuyển hoại có thể biết.

6. Xuất sinh nhập là duyên sinh như nghiệp bất thiện và thiện hữu lậu. Ba đường ác và hàng trời, người... sai khác có thể biết.

7. Nói thanh tịnh là duyên sinh, như dùng âm thanh khác và tự suy nghĩ chân chánh làm nhân, do chánh kiến sinh nên vô minh diệt, vô minh diệt nên hành diệt.

Như vậy cho đến sinh diệt cho nên lão tử diệt.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Như vô minh thứ tự duyên hành... sinh... ngược lại diệt cũng theo thứ tự phải không?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Không phải thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Vậy sao phải nói diệt theo thứ tự?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Phần trước không sinh chủ thể, phần sau không sinh pháp thị hiện.

Này Tỳ-kheo! Không có tướng bất sinh, tức có diệt chuyển. Tám là nói tự tại, là duyên sinh như Tỳ-kheo khéo suy nghĩ, tu định làm duyên, nếu muốn như vậy thì tùy theo sự tin hiểu, tức là sự sai khác giữa đây có, kia không.

Này Tỳ-kheo! Đây là ta nói tám môn duyên sinh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Như Đức Thế Tôn từng nói, nhân nơi nghiệp cho nên thọ sinh, nhân nơi khát ái cho nên chuyển xuất, có mật ý gì khi nói như thế?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do Vô minh duyên cho nên mỗi mỗi hành phước, hành phi phước hành bất động ở trong cái hữu thuở xưa đã làm, đã tích tập, mỗi mỗi chủng tử của nhân thọ sinh tích tụ mà thâu giữ. Trong đó khát ái còn chưa trừ diệt. Do khát ái cho nên lại đối với hữu mà thân kia chuyển xuất. Hành hữu ấy có thể chẳng phải là không khát ái. Thế nên nói nhân nơi nghiệp nên thọ sinh, nhân nơi khát ái nên chuyển xuất.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu nhân nơi khát ái mà chuyển xuất thì do đâu thủ duyên hữu, chẳng phải khát ái duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Có khát ái này như không thủ kia, không thể duyên nơi hành phi phước ở trong đường ác mà xuất sinh và không có khát ái như không thủ kia, không thể duyên nơi hành phước, hành bất động, đối với thân phi định địa và thân định địa trong hai đường thiện mà xuất sinh. Thế nên chẳng phải chỉ khát ái duyên hữu mà thủ cũng duyên hữu.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Như Đức Thế Tôn từng đối với đại do trong pháp môn, nói rằng: "Này A-nan-đà! Các chúng sinh ấy ở trong chủng loại chúng sinh, hoặc không có sinh nhưng cũng có sinh. Nếu tất cả các chủng loại đó đều không có sinh duyên lão tử thì cũng có thể biết."

Bạch Thế Tôn! Có mật ý gì mà Thế Tôn nói như thế?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Mật ý ta nói là sinh của thâu chứa và sinh của chuyển xuất, đối với tăng thượng duyên của lão tử không đắm chấp tướng và đắm chấp tướng, là mật ý này.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế Tôn đã nói cú nghĩa của duyên sinh, nhưng chưa nói nghĩa của duyên sinh, làm thế nào để thấy nghĩa đó?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói có mười một thứ nghĩa duyên sinh có thể nhận thấy. Đó là nghĩa không tác giả là nghĩa duyên sinh, nghĩa cộng nhân giả, nghĩa không chúng sinh, nghĩa tha sinh, nghĩa bất động, nghĩa vô thường, nghĩa niệm niệm không, nghĩa nhân quả liên tục không gián đoạn, nghĩa chủng chủng nhân quả, nghĩa nhân quả tương tự, nghĩa quyết định nhân quả, nghĩa duyên sinh này có thể nhận thấy như thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Đức Thế Tôn từng nói duyên sinh ấy rất là thâm diệu nhưng làm sao để thấy sự thâm diệu của duyên sinh ấy?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do mười một nghĩa thâm diệu như vậy cho nên có thể thấy năm thứ thâm diệu. Đó là nhân, tướng, sinh, chuyển trụ, phát chuyển thâm diệu.

Này Tỳ-kheo! Lại có năm thứ duyên sinh thâm diệu có thể thấy: Tướng thâm diệu, nhiếp chủng thâm diệu, nhân thâm diệu. Quả thâm diệu, chuyển xuất nhân quả sai khác đối trị thâm diệu.

Này Tỳ-kheo! Lại có năm thứ Duyên sinh thâm diệu có thể thấy: Nhiếp thâm diệu, thuận thâm diệu, nghịch thâm diệu, thủ thâm diệu, cảnh giới thâm diệu.

Này Tỳ-kheo! Đó là Đẳng khởi thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là Chuyển trụ thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói vô minh có bốn thứ chuyển trụ: Thuận miên chuyển trụ (xưa gọi là Sử). Khởi xứ chuyển trụ (xưa gọi là Phược, cũng gọi là thượng tâm). Tương ưng chuyển trụ. Độc bất cộng chuyển trụ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Cái gì là chỗ chuyển trụ làm duyên cho vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ngoài cái này ra, phàm phu do không suy nghĩ chân chánh dắt dẫn bốn thứ vô minh cùng với hành phước, hành phi phước hành bất động làm duyên.

Này Tỳ-kheo! Ngoài cái này ra, phàm phu nếu cùng phước, bất động tương ưng với tâm tạo nghiệp thiện, thì vẫn còn là nơi cần thiết của suy nghĩ không chân chánh.

Này Tỳ-kheo! Pháp bên trong ấy nơi hàng phàm phu buông lung, lại do không cùng với vô minh. Còn phần vô minh khác thì buông lung dắt dẫn kia cùng với hành làm duyên.

Này Tỳ-kheo! Pháp bên trong ấy nơi hàng phàm phu không buông lung hàng tu học theo bậc Thánh, vọng niệm dắt dẫn ba thứ vô minh cùng với phi phước làm duyên, nhưng phi phước ấy không thể tạo ra hữu nơi cõi ác. Thế nên, phi phước ấy không phải là vô minh duyên hành. Ta thường nói về vô minh bất cộng, pháp bên trong ấy, nơi hàng phàm phu hàng tu học buông lung chưa đoạn, nhưng Thánh học giả đã đoạn. Phàm phu không buông lung ấy, nếu phát sinh hành phước hành bất động, đối với chánh pháp phát sinh suy nghĩ chân chánh tương ưng với tâm, đồng thời nhân giải thoát và hướng giải thoát đều cũng phát sinh. Vì chỗ tăng thượng ấy, nên hai đường thiện phát sinh tức sẽ chuyển xuất, nhưng chưa đoạn bốn thứ vô minh tăng thượng.

Này Tỳ-kheo! Nhưng Thánh học giả do đoạn vô minh bất cộng, không tạo nghiệp mới, mọi nghiệp cũ do thuận theo sức của tùy miên. Nếu chưa trừ đoạn thì xúc ấy cũng có thể dứt hết. Như vậy vô minh ấy duyên hành sinh, sinh dần dần diệt không lại tăng trưởng. Vì nhân duyên đó cho nên biết bậc tu hóa nơi pháp bên trong ấy không tạo vô minh duyên hành.

Này Tỳ-kheo! Vì ngoài pháp phàm phu ấy cho nên phát khởi, ta nói tùy thuận đầy đủ. Duyên sinh nhiễm ô chẳng phải là pháp bên trong ấy.

Này Tỳ-kheo! Đó là Chuyển trú thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là điên đảo thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Bốn thứ vô minh này ở trong đế thì không nhưng cho là có và có thì lại hủy báng là không là hai thứ điên đảo.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là không mà cho là có và có mà hủy báng là không là hai thứ điên đảo?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do bốn thứ nhân duyên: Đó là phi pháp thấy là pháp, pháp thấy là phi pháp. Cõi trời và giải thoát, không phải là phương tiện thấy là phương tiện. Đó là điên đảo: Không mà cho là có hoặc do tà kiến nên đều hủy báng cho là không. Nghĩa là có mà hủy báng là không.

Này Tỳ-kheo! Đó là Điên đảo thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng mạo thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Có hai thứ có thể nhận thấy.

1. Tự tướng vi tế sai biệt.

2. Ái không ái và cảnh giới của hai thứ điên đảo, đồng tướng sai biệt.

Này Tỳ-kheo! Mọi thứ vô minh hiện có khởi lên như vậy, vi tế, khó nhận biết, khó thấy, huống nữa là thuận theo tùy miên. Tất cả những gì tương ưng với vô minh đều vi tế khó biết, khó thấy huống nữa là bất cộng. Các ái, không ái cùng trong cảnh giới của hai thứ điên đảo che lấp tướng chân thật nên chỉ thấy mỗi tướng điên đảo, cùng nhau chuyển hành, còn các phiền não khác thì không như thế. Nếu thân kiến khác cùng với đồng tướng phiền não, cũng lại do vô minh ấy làm chỗ nương tựa mới được chuyển sinh.

Này Tỳ-kheo! Đó là tướng mạo thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tác nghiệp thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nên biết, lược nói về vô minh có hai thứ nghiệp.

1. Tất cả các thứ phát chuyển, cùng nương tựa nơi nghiệp là vô minh.

2. Tất cả các thứ bội chuyển cùng tạo nghiệp chướng ngại là vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tất cả các thứ phát chuyển?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu xứ chuyển sinh, hoặc chuyển sinh như chuyển sinh thì đó là tất cả các thứ phát chuyển.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Xứ nào chuyển sinh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong đạo lưu chuyển, do tự ngã phân biệt.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Pháp nào chuyển sinh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Các nhập trong ngoài, do tự ngã thâu lấy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chuyển sinh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghiệp và báo phát chuyển liên tục, do tự ngã phân biệt và phân biệt tà.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tất cả các thứ bội chuyển?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói về bốn thứ bội chuyển:

1. Bội chuyển nương tựa.

2. Bội chuyển duyên vin.

3. Bội chuyển tư niệm.

4. Bội chuyển quả thành.

Này Tỳ-kheo! Đó là tác nghiệp thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là ác đối (chướng ngại) thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ác đối thắng pháp nơi vô minh và ác đối quảng pháp nơi vô minh, nên thấy hai thứ chướng ngại nơi vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là ác đối thắng pháp nơi vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong năm căn ấy, dùng để thâu lấy hoặc dùng để hòa hợp thì gọi là tuệ căn. Gây chướng ngại điều này tức là vô minh. Thế nên gọi là ác đối thắng pháp.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là ác đối quảng pháp nơi vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Mọi trí do văn, tư, tu tạo nên, tạo chướng ngại đối với điều ấy tức là vô minh. Thế nên gọi là ác đối quảng pháp.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu nói vô trí là vô minh thì há cho vô hữu kia là vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Không phải thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu cho trí vô hữu là vô minh thì sẽ có lỗi gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Tướng vô minh như vậy là không thể an lập. Vì sao? Này Tỳ-kheo! Vì văn tuệ không có tư tuệ; tư tuệ không có tu tuệ. Tu tuệ thế gian không có tu tuệ xuất thế gian. Học trí xuất thế gian không có vô học trí. Trí của bậc Thanh văn vô học không có Trí của Như Lai. Như vậy thì kia cũng là có trí, kia cũng là vô trí. Như thế là có vô minh nên có thể lập tướng ấy.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Trong ba thiện căn ta nói không có si. Trong đó si không có mà có không si, chẳng phải do si không có mà là không si. Nay cũng chẳng phải do minh không mà là vô minh. Lại các pháp của tâm không biết chân thật nên gọi là vô minh; cũng như các pháp của tâm nhận biết chân thật cho nên gọi là trí.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu cho vô hữu là vô minh thì trong mười một thứ vô minh thù thắng ấy, đây tức là vô hữu. Thế nên chẳng phải là minh không có mà là vô minh.

Này Tỳ-kheo! Đó là ác đối thù (chướng ngại) thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là thuận phược thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Cho đến cõi trời Hữu đảnh... chúng sinh trong ba cõi đối với Đế ấy nếu chưa có trí thì nó là không, không thiếu chỗ thuận theo tùy miên luôn bị trói buộc, cũng do sự trói buộc đó nên các chúng sinh kia bị đủ sự trói buộc. Hoặc phần nhân quả trong cõi thiện, cõi ác cũng chưa có trí, thì sự vi tế ấy là chúng sinh nơi cõi Vô sắc, kế đến là cõi Sắc, tăng thượng là cõi Dục. Nhưng vi tế, trung bình tăng thượng, nơi vị lai có pháp

sinh như thế là thuận theo sự trói buộc.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu A-la-hán dứt hết các lậu thì nên biết chướng ngại ấy, cũng là thuận theo sự trói buộc của vô minh. Như thế thuận theo sự trói buộc từ hành… của vô minh, cũng có thể thấy.

Này Tỳ-kheo! Đó là thuận phược thù thắng của vô minh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là đối trị thù thắng của vô minh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Có hai thứ trí dùng để đối trị vô minh:

1. Nhân nơi âm thanh khác hoặc là chẳng nhân, là thiểu phần nơi trí pháp giới.

2. Nhân nơi âm thanh khác mà không phải là thiểu phần, là trí pháp giới vô lượng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Tất cả thiểu phần nơi trí pháp giới, duyên vin thế nào, chủng tướng thế nào, tạo nghiệp thế nào, làm sao để nhận thấy?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Thiểu phần nơi trí pháp giới ấy, duyên vin nơi bốn niệm có mười sáu thứ tướng, cùng với vô minh kết hợp, đối với phiền não, nghiệp sinh khởi các nhiễm, tạo nghiệp xa lìa. Nên nhận thấy như thế.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Sinh khổ, vậy làm thế nào để thấy?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nương tựa nhân khổ bên trong, nương tựa nhân khổ bên ngoài và nương tựa nơi hai thứ khổ ấy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là nhân khổ bên trong?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Là bệnh khổ, già khổ và chết khổ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là nhân khổ bên ngoài?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Không thương yêu gặp nhau là khổ. Yêu thương phải chia lìa là khổ; mong cầu không được là khổ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là nương tựa hai thứ khổ ấy?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nói về năm thọ ấm.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là khát ái?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu thân trong hiện tại có tham ái.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là lại có khát ái?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu ở nơi thân vị lai có mong cầu.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là ưa muốn cùng hành với khát ái?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu đối với bản thân có thể thân lấy thọ dụng trong cảnh giới hiện tại mà có tham đắm vị.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là xứ xứ ưa muốn khát ái?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu chưa được cảnh giới thì truy cầu mọi thứ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Khát ái này làm thế nào để đoạn trừ hết sa chỉ?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Bậc Kiến đạo nên đoạn trừ. Đoạn trừ phiền não, đoạn trừ thượng phần hạ phần kết sử, quả khổ nơi vị lai nên đoạn khát ái, quả khổ hiện tại nên đoạn khát ái. Vì thế cho nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là xả?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Hoặc nói bậc Kiến đạo nên đoạn, đoạn trừ phiền não nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là bờ bến rốt ráo?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Hoặc nơi bậc Tu đạo nên đoạn, đoạn trừ phiền não, nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tận?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu đoạn trừ hạ phần kết sử, nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là lìa?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do đoạn trừ thượng phần kết sử nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là diệt?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do đoạn trừ rốt ráo nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là vắng lặng?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Quả khổ nơi vị lai là khát ái cần đoạn trừ nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là dứt bặt?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Quả khổ nơi hiện tại là khát ái cần đoạn trừ nên đoạn.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh kiến?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Hoặc lúc chứng biết về hành trí ở trước, hoặc lúc chứng đắc về trí, hoặc chứng đạt Hậu đắc trí, siêu việt hơn chỗ nhận biết nơi phương tiện hành giáo.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là phân biệt chân chánh (chánh tư duy)?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu đối với Tam bảo có sự hiểu biết đúng đắn rồi, thì nơi vào lòng tin chân chánh, đối với công đức ấy nhớ nghĩ, phân biệt

thuận hợp, siêu việt hơn các các giáo pháp nơi những dị luận...

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh ngữ?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Là bậc Thánh đã yêu kính giới, thâu nhận pháp vô lậu, suy nghĩ vô lậu cùng chuyển, xa lìa bốn nghiệp của miệng, thoát khỏi đường ác.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh nghiệp?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Là bậc Thánh yêu kính giới, thâu nhận pháp vô lậu, suy nghĩ vô lậu cùng chuyển, xa lìa ba nghiệp của thân, thoát khỏi đường ác.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh mạng?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Là bậc Thánh yêu kính giới, thâu nhận pháp vô lậu, suy nghĩ vô lậu cùng chuyển, xa lìa chỗ dấy khởi nghiệp nơi thân miệng của tà mạng, thoát khỏi đường ác.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh tinh tấn?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu đối với giải thoát vô thượng, nương tựa ưa thích, phát khởi tinh tấn, xa lìa chướng ngại, đầy đủ đối trị.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh niệm?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu khi tương ưng, hợp với chỉ, quán, ba thứ cùng tạo chỗ nương tựa rồi, lúc nào cũng ở trong ba thứ tướng ấy, do không buông lung, cùng nhập nơi chánh trụ, đối với cảnh duyên tâm luôn không quên. Ở trong tu đạo siêu việt, chẳng tương ưng.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là chánh định?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu ở nơi bảy thứ định này tu hành đối trị đầy đủ rồi

thì nhất tâm chuyên hướng, cho đến bảy thứ ấy cùng với hành sai biệt làm chỗ nương tựa, cùng với công đức thù thắng phát sinh làm chỗ nương tựa.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu niệm xứ như vậy cùng với các Giác trợ pháp (bảy Giác chi) đều thâu tóm làm đạo, vì sao chỉ nói tám phần đạo của bậc Thánh, dùng làm tướng của đạo?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Do tám phần đạo của bậc Thánh, nên mọi sở hữu còn lại nơi các giác trợ pháp đều được thâu nhận.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu cái khổ này có bốn thứ tướng, thì trong đó thế nào là tướng vô thường?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong cái khổ, nếu thấy được pháp sinh diệt thì đó là tướng vô thường.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng khổ?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Dùng pháp sinh diệt kia làm chỗ nương tựa rồi, nếu thấy chỗ thuận theo sự trói buộc của ba khổ thì đó là tướng khổ.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng không?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong khổ, nếu thấy lìa nơi ngã, vật, thì đó là tướng không.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng vô ngã?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong khổ, nếu thấy ngã tự lìa tướng, thì đó là tướng vô ngã.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu nơi bốn thứ dùng làm tướng tập, thì trong đó cái gì là tướng nhân?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với khát ái, nếu thấy được thể của nhân nơi chủng

tử của các khổ thì đó là tướng nhân.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng tập?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với khát ái, nếu thấy được thể của sinh nhân tương tục thì đó là tướng tập.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng sinh?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ở nơi khát ái nếu thấy thể của sinh nhân năm sai biệt nơi năm cõi thì đó là tướng sinh.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng duyên?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Ở trong khát ái nếu thấy được thể của nhân chấp trì nơi duyên sai biệt khác thì đó là tướng duyên.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu Diệt đế này có bốn thứ tướng, thì trong đó cái gì là tướng diệt?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với giải thoát, nếu thấy phiền não diệt thì đó là tướng diệt.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng chỉ (dừng dứt)?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với giải thoát, nếu thấy khổ chấm dứt thì đó là tướng dừng dứt.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng vi diệu?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với giải thoát, nếu thấy vô tội, thanh tịnh, an lạc thì đó là tướng vi diệu.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng xuất?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với giải thoát, nếu thấy ra khỏi vô thường, thì đó là tướng xuất.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu bốn thứ ấy dùng làm tướng đạo thì trong đó cái gì là tướng đạo?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với đạo ấy, nếu thấy chỗ nhận thức tương ưng và không điên đảo thì đó là tướng đạo.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng như?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với đạo ấy, nếu thấy được pháp xuất thế vô lậu, thì đó là tướng như.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng dấu vết?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với Thánh đạo nếu thấy được hành ở nơi thuận hành thì đó là tướng dấu vết.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Thế nào là tướng thừa?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với đạo ấy, nếu thấy được chỗ vô thượng thì đó là tướng thừa.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Do đâu chỉ có bốn Thánh đế?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Cùng nhân quả nhiễm tịnh đều thâu tóm (cùng nhân quả là nhiễm tức nhân quả cùng nhiễm, tịnh tức nhân quả cùng tịnh, nên gọi là cùng).

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Các đế như khổ… do đâu lần lượt nói đế?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Bệnh là do thoát dược là pháp tương tợ *(Bênh nghĩa*

là khổ. Do nghĩa là tập. Thoát nghĩa là diệt. Dược nghĩa là đạo).

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Bốn Thánh đế này là chứng đắc cùng một lúc hay là chứng đắc theo thứ tự?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Có đạo lý nên chứng đắc trong một lúc. Có đạo lý nên chứng đắc theo thứ lớp *(Đạo lý cũng gọi là nhân duyên, cũng gọi là phương tiện).*

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu chứng đắc trong một lúc thì đạo lý ấy là gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Bên trong tự nhận biết cảnh giới của chân trí nơi đế, duyên dựa chẳng phải là nghĩa an lập, do duyên dựa chung nên chứng đắc trong một lúc.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Còn những đạo lý nào chứng đắc theo thứ tự?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Người đã có trí tu trị và trí hậu đắc nên nơi tự tướng, nhân quả đã quán sát tướng ấy, vì chẳng phải là duyên vào nhau nên chứng đắc theo thứ lớp.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nay Đức Thế Tôn đã nói bốn Thánh đế rồi, vì sao lại nói hai đế là Thế đế và Tối thắng nghĩa đế?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với bốn Thánh đế ấy, nếu là cảnh giới của trí pháp trụ thì đó là Thế đế. Còn nếu bên trong tự có cảnh giới của trí tối thắng nghĩa, chẳng phải là cảnh giới của trí an lập, thì đó là Tối thắng nghĩa đế. Nên thấy như vậy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Nếu bốn Thánh đế chẳng phải là Thánh, cũng là đế nơi Thánh cũng là đế, thì vì sao lấy Thánh gọi về đế ấy. Vì Thánh đế là do Đức Thế Tôn đã giảng nói?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Tuy chẳng phải là Thánh, nhưng cũng ở trong pháp thể của đế ấy, không trí mà tin. Còn bậc Thánh, đối với thể của pháp ấy thì

tin bằng trí tuệ. Vì ý nghĩa đó, cho nên đây gọi là Thánh đế. Nên thấy như vậy.

Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Bạch Đại Đức! Chẳng phải là thiểu phần mà là trí pháp giới vô lượng, thì duyên vin như thế nào, chủng tướng nào, tạo nghiệp gì?

Đức Phật nói:

–Này Tỳ-kheo! Cũng là bốn Thánh đế dùng làm chỗ duyên vào, tướng đế thanh tịnh là tướng, tất cả thứ nhập đế là tướng, cùng với hết thảy chúng sinh tạo tất cả nghĩa lợi làm tướng.

Lại thiểu phần trí pháp giới là Thanh văn, không trái với nghĩa lợi của chúng sinh, không hiện tiền là tướng. Duyên giác trái với nghĩa lợi của chúng sinh làm tướng.

Lại trí pháp giới vô lượng là xa lìa tạo nghiệp, nghĩa là xa lìa tất cả phiền não chướng và sở tri chướng, cùng với chỗ nương tựa tạo nghiệp. Tức là cùng đạt được Nhất thiết chủng biến trí pháp giới thanh tịnh, làm chỗ nương tựa, che chở cứu giúp làm nghiệp. Nghĩa là che chở cứu giúp tất cả các chúng sinh... các nơi chốn bức não.

Này Tỳ-kheo! Đó là sự đối trị thù thắng của vô minh.

Các Tỳ-kheo tán thán:

–Hay thay! Thưa Đại Đức!

Các Tỳ-kheo ấy nghe lời Đức Thế Tôn giảng dạy đều vui mừng im lăng, tâm rất thích thú, hoan hỷ.

-oOo-

SỐ 717

KINH PHÂN BIỆT DUYÊN KHỞI SƠ THẮNG PHÁP MÔN

Hán dịch: Đại Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc Xá-vệ.

Lúc đó, có rất nhiều chúng đại Tỳ-kheo tập hội tại giảng đường An thích cùng nhau luận bàn:

–Này các Đại đức! Đức Thế Tôn từng dùng vô lượng môn sai khác để giảng nói về mười hai phần duyên khởi sâu xa. Trong mười hai chi đó đầu tiên nói về vô minh dùng làm tánh của duyên. Vì nhân duyên gì trong tất cả phiền não, các hành duyên chỉ nói vô minh dùng làm tánh của duyên? Đối với vô minh này thấy được những sự thù thắng gì?

Do nhân duyên đó nên khởi lên tranh luận.

Lúc đó, Đức Thế Tôn đang du hóa ở cõi trời, dùng Thiên nhĩ thanh tịnh hơn cả người thường, nghe được sự việc như vậy. Về xế chiều, Đức Thế Tôn xả định, đi đến trước đại chúng, nơi giảng đường An thích, rồi ngồi xếp bằng trên tòa vừa được trải bày. Đức Thế Tôn dùng âm thanh vi diệu bảo các đại chúng:

–Vì sao các vị tập hợp tại nơi này cùng nhau tranh luận? Vì bàn luận việc gì mà tập hợp nơi đây?

Đức Thế Tôn vừa hỏi xong, các đại chúng liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con tập hợp nơi đây bàn luận về việc như thế này: "Này các Đại đức! Đức Thế Tôn thường dùng vô lượng môn sai khác để giảng nói về mười hai phần duyên khởi sâu xa. Trong mười hai chi đó, trước hết nói vô minh dùng làm tánh của duyên. Vì nhân duyên gì trong tất cả phiền não, các hành duyên chỉ nói vô minh dùng làm tánh của duyên?

Đối với vô minh này thấy được những sự thù thắng gì?"

Bạch Thế Tôn! Vì vấn đề đó mà chúng con khởi lên tranh luận. Hôm nay chúng con bàn luận việc này nên tập hợp nơi đây.

Các Tỳ-kheo vừa thưa xong, Đức Thế Tôn liền bảo:

–Này đại chúng! Ta có pháp môn Phân Biệt Duyên Khởi Sơ Thắng như vầy, các vị nên lắng nghe và tác ý cực tốt, ta sẽ vì các vị mà giảng nói!

Thế nào là pháp môn Phân Biệt Duyên Khởi Sơ Thắng? Là mười một việc thù thắng, đối với duyên khởi trước hết nói vô minh dùng làm tánh duyên. Những gì là mười một?

1. Sở duyên thù thắng.
2. Hành tướng thù thắng.
3. Nhân duyên thù thắng.
4. Đẳng khởi thù thắng.
5. Chuyển dị thù thắng.
6. Tà hành thù thắng.
7. Tướng trạng thù thắng.
8. Tác nghiệp thù thắng.
9. Chướng ngại thù thắng.
10. Tùy phược thù thắng.
11. Đối trị thù thắng.

Lúc đó, trong chúng có một vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai phải, chắp tay lễ Đức Phật rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Sở duyên thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối tượng được duyên (Sở duyên) của vô minh tức là tất cả hoặc nhân hoặc quả, có các lỗi lầm tạp nhiễm, cho đến tất cả hoặc nhân hoặc quả có các công đức thanh tịnh. Đó gọi là Sở duyên (đối tượng được duyên) thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Hành tướng thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh này che lấp chân thật, hiển bày hư vọng, dùng điều ấy làm hành tướng. Đó gọi là Hành tướng thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Nhân duyên thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh này bao trùm tất cả phiền não tạp nhiễm, các nghiệp tạp nhiễm, các sinh tạp nhiễm, có khả năng làm chỗ nương tựa căn bản cho nhân duyên.

Thế nào là tất cả phiền não nhiễm? Lược nói có ba loại phiền não, thâu tóm hết tất cả phiền não tạp nhiễm. Đó là phiền não vô tri, phiền não do dự và phiền não điên đảo.

Thế nào là tất cả các nghiệp tạp nhiễm? Nghĩa là lược nói có ba tự tướng sai biệt, là nghiệp nơi thân, miệng, ý và ba đối trị chướng ngại sai biệt là phước, phi phước và nghiệp bất động, thâu tóm hết tất cả các nghiệp tạp nhiễm.

Thế nào là tất cả các sinh tạp nhiễm? Lược nêu có ba thứ nương tựa nơi ba thọ. Đó là vui, khổ và không khổ không vui, là chỗ khởi lên ba khổ: Hoại khổ, khổ khổ và hành khổ, thâu tóm hết tất cả các sinh tạp nhiễm.

Thế nào là vô minh bao trùm tất cả phiền não tạp nhiễm, các nghiệp tạp nhiễm, có khả năng làm chỗ tựa căn bản cho nhân duyên? Nghĩa là đối với các đế có hai thứ ngu có khả năng khiến tất cả phiền não tạp nhiễm chưa sinh làm cho sinh, sinh rồi làm cho tăng trưởng, cũng khiến cho tất cả các nghiệp tạp nhiễm chưa sinh liền sinh, sinh rồi càng thêm tích tập, cũng khiến cho tất cả các sinh tạp nhiễm chưa sinh liền sinh, sinh rồi không chuyển. Thế nên, ta nói vô minh này bao trùm hết tất cả phiền não tạp nhiễm, các nghiệp tạp nhiễm, các sinh tạp nhiễm có khả năng làm chỗ nương tựa căn bản cho nhân duyên. Đây gọi là nhân duyên thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đẳng khởi thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là vô minh này, hoặc ngu đối với Khổ đế nơi vị lai, là chỗ thâu tóm thọ tự thể của đời sau. Hoặc ngu đối với pháp Khổ đế nơi hiện tại, là chỗ thâu giữ được tự thể. Như vậy là người ngu, hoặc có chủ thể dẫn đối tượng được dẫn làm duyên khởi; hoặc có chủ thể sinh đối tượng được sinh làm duyên khởi. Hai duyên khởi này do ngu tối nơi pháp vị lai và hiện tại, tự thể vô minh tạo duyên cùng khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chủ thể dẫn đối tượng được dẫn làm

duyên khởi?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Thứ nhất là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ. Đó là chủ thể dẫn đối tượng được dẫn làm duyên khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chủ thể sinh đối tượng được sinh làm duyên khởi?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Thứ hai là vô minh duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử. Đây gọi là chủ thể sinh đối tượng được sinh làm duyên khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là thứ nhất vô minh cùng với chủ thể dẫn đối tượng được dẫn làm duyên khởi tạo duyên cùng khởi?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Có một loại, nghĩa là ngu muội nơi vị lai, nơi tự thể đời sau, tức liền phát khởi mong cầu về đời sau. Do ngu về chỗ sinh nên mới mong cầu đời sau, đối với đời sau chỉ thấy công đức thù thắng. Hoặc đối với pháp hiện tại chấp trước cảnh có thể yêu thích, hoặc không yêu thích, do phân biệt tà vạy nên tạo ra hành phi phước. Người ấy đối với vật dụng của đời sống sinh ra chấp trước tham đắm. Hoặc đối với chỗ oán ghét sinh ra sân hận và tương ưng ấy không thể xác định. Công đức, lỗi lầm, buông lung, ngu muội nên tạo ra hạnh ác này, tức đời sau sẽ có lỗi lầm, không thể suy nghĩ, không thể hiểu rõ. Hành tướng nơi vô minh hay tạo ra duyên của hành phi phước như vậy. Nếu đời sau thấy công đức thù thắng, hoặc thấy nẻo xuất ly liền tạo hành phước, hoặc hành bất động. Người ấy nương vào giáo pháp hoặc nương nơi pháp được chỉ dạy phát khởi suy nghĩ, lựa chọn và tu tập, nên có khả chủ thể tạo ra hạnh này, nên biết như vậy mà suy nghĩ, lựa chọn, tu tập. Tuy tại tâm thiện, nhưng lại tác ý tư duy không đúng lý, nên đời sau bị ngu si dắt dẫn. Nghĩa là nơi đời sau chỉ thấy công đức thù thắng, bị si che lấp và thấy nẻo xuất ly bị si che lấp. Như vậy, hành phi phước, hành phước, hành bất động, chướng ngại, đối trị và sáu thức thân cùng sinh cùng diệt, có khả chủ thể ở hiện tại đã được sinh diệt, trong quả báo nơi thức, sắp đặt các hành, ba thứ Tập khí do phương tiện này thâu nhận chủng tử mới sinh của đời sau. Do thâu nhận chủng tử mới của đời sau, cho nên ở trong đời hiện tại đã là chỗ dấy khởi đời sau, là chỗ thâu tóm

danh sắc, lục xứ, xúc, thọ theo thứ lớp mà sinh. Đây gọi là sắc... ở trong hiện tại đã được quả báo nơi thức, chỉ khởi tánh nhân chưa có tánh quả. Do đó chỉ gọi là duyên khởi của đối tượng được dẫn. Như vậy gọi là vô minh thứ nhất cùng với chủ thể dẫn đối tượng được dẫn làm duyên khởi tạo duyên đẳng khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là vô minh thứ hai cùng với chủ thể sinh đối tượng được sinh làm duyên khởi tạo duyên đẳng khởi?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Có một loại ngu tối nơi hiện tại, đã được tự thể, đối với nơi chốn của lục xúc làm duyên sinh thọ, liền khởi đắm chấp nơi vị. Do đắm chấp vị nên mong cầu vị lai. Thọ do mong cầu như vậy nên khi truy cầu liền khởi lên Thủ, lạc thọ khởi lên thì ái làm duyên, phát sinh dục thủ. Nói dục thủ nghĩa là đối với các dục vọng phân biệt tham chấp, đây là thượng thủ, đây là tiền hành, liền có tất cả phiền não của cõi Dục. Nếu lại do khổ thọ làm duyên, sinh không có ái, chán lìa cùng hành, phi lý dắt dẫn, chán lìa tương ưng, nương vào ái ấy, phương tiện không chân chánh, khi cầu không có liền phát khởi ác kiến xuất ly, ác kiến định kỳ và hai thứ này là chỗ nương của ác kiến. Do nghĩa này, cho nên gọi là ái duyên thủ. Nếu đem thủ ấy làm chỗ dựa, không lìa dục tham mà mạng chung. Do các kiến chấp lấy cùng với tất cả phiền não ở cõi Dục, gọi là có ái của cõi Dục làm duyên thủ. Nếu lìa tham dục, hoặc lìa tham sắc, thì ái nơi cõi Sắc hoặc ái nơi cõi Vô sắc ấy liền được nơi sinh. Người ấy ở cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc lúc phiền não được chuyển, phát khởi thủ nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc. Do các phiền não nơi sắc, vô sắc ấy và các kiến chấp kia, gọi là có ái của cõi Sắc làm duyên thủ và ái của cõi Vô sắc làm duyên thủ. Do làm duyên thủ như vậy, nên trước được vô số các hành là chỗ huân tập của thức nơi quả dị thục, gọi là hữu thủ. Do như vậy nên thủ là chỗ thâu tóm thọ, trước là nơi tích tập chủng tử của hành. Nếu mỗi mỗi xứ kia các ái chưa đoạn, tức mỗi mỗi xứ ấy công năng hiện tiền có thể sinh ra đời sau. Do các hành... ấy có thể có sinh nơi vị lai, hay khiến sinh hữu cùng nhập hiện tại. Nên gọi là hữu. Do sức mạnh của thủ ấy nên hành... hành hữu lấy đó làm duyên, từ đấy mạng chung, trước đã dẫn phát lần lần sinh khởi. Do nghĩa đó nên gọi là hữu duyên sinh. Sinh tức đã sinh ra, trước khởi thời phần biến đổi gọi là già, đến cuối cùng mạng hết gọi là chết. Do đó nên gọi là sinh duyên lão tử. Như vậy gọi là vô minh thứ hai cùng với chủ thể sinh đối tượng được sinh làm duyên đẳng khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì không nói hai thứ ái thủ là chủ thể sinh duyên khởi cùng hành làm duyên?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Hai thứ ái thủ tự nơi cảnh giới của mình là chỗ hành có sai biệt. Vì sao? Vì cõi Dục ái thủ của cõi Dục, cùng với các hành bất động nơi cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc ấy làm duyên đẳng khởi không ứng hợp với đạo lý, nên chẳng phải là cảnh giới. Như nói hai thứ ái thủ ở cõi Dục đối với hành bất động; hai thứ ái thủ ở cõi Sắc đối với các hành bất động nơi cõi Vô sắc cũng vậy. Hoặc hai thứ ái thủ ở cõi Vô sắc đối với hành nơi cõi Dục hoặc hành nơi cõi Sắc, cho đến hai thứ ái thủ ở cõi Sắc đối với hành của cõi Dục, nên biết cũng như vậy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì hai thứ ái thủ ở cõi Dục không cùng với hành phi phước, hành phước làm duyên?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vì các hữu hiện tiền, các cảnh giới của ái, chẳng phải ái là sức tăng thượng, nên phát sinh dục ái, khởi lên căn bất thiện, tạo ra hành phi phước, tất cả đều do nhân và quả, trong hành phi phước không biết lỗi lầm, do ý vui nên có lỗi lầm, hoặc do gia hạnh nên có lỗi lầm, khởi lên hành phi phước. Ý vui, gia hành với lỗi lầm như vậy, chỉ do vô minh dùng làm thắng duyên, chẳng phải là cảnh giới nơi ái và căn bất thiện. Nếu do dục ái tạo các hành phước thì sự tin đó làm chỗ nương tựa mới tạo ra hành này, đối với tử và sinh, khởi lên định tín ái. Thủ ấy do tín thâu phục ngã nếu bày làm hữu phú vô ký. Nếu pháp nơi cõi Dục là hữu phú vô ký thì đối với chỗ phát khởi các hành không có công năng tối thắng. Vì đối với nhân quả và hành phước không biết nẻo xuất ly, cầu sinh khả ái, tạo ra hành phước này. Hành phước này cũng chỉ có vô minh dùng làm thắng duyên.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì hai thứ ái thủ ở cõi Sắc không làm duyên cho hành bất động của cõi Sắc?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Các hữu chưa lìa tham nơi cõi Dục, ái... ở cõi Sắc chưa được nơi sinh. Nếu không xứ sinh thì không gánh vác, cho nên không phải là duyên của hành bất động ở cõi Sắc. Như nói hai thứ ái thủ ở cõi Sắc

đối với các hành bất động ở cõi Sắc; như vậy hai thứ ái thủ ở Vô sắc đối với các hành bất động ở cõi Vô sắc, nên biết cũng như vậy. Người ấy ở cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc, có thân lỗi lầm, khởi có công đức tác ý tạo tưởng kiến chấp, hoặc nương giáo pháp, hoặc nương nơi pháp được chỉ dạy phát khởi phi lý như vậy, tác ý có thể làm duyên cho hành bất động ở cõi ấy. Khởi lên tác ý phi lý như vậy nên bị vô minh dắt dẫn. Vô minh như thế do khởi tác ý phi lý này và quả làm bạn, hay làm duyên cho hành bất động ở cõi ấy. Vì thế nên biết hành bất động ấy cũng chỉ có vô minh dùng làm thắng duyên. Lại có một loại nương nơi không có ái, tạo các hành phước hoặc hành bất động. Do không có hữu ái như vậy cho nên đối với các hữu thấy nhiều lỗi lầm, lẽ nào lại mong cầu các hữu nơi vị lai, nhưng đối với chỗ không có hữu thì không biết như thật. Do không biết cho nên không được các hữu nơi đạo đối trị chân thật. Lại do không biết nên đối với chỗ không phải đối trị, khởi lên tưởng đối trị, tạo các hành phước hoặc hành bất động đều do đạo lý ấy. Các hành như vậy nên biết chỉ dùng vô minh làm duyên chứ chẳng phải ái và thủ làm các hành duyên.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Các hành hiện có cùng với thân lục thức tương ưng cùng hiện hữu, đồng sinh đồng diệt thì do đây nói hành là duyên thức?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là do thân lục thức cùng hành phước, hành phi phước và hành bất động tương ưng cùng hiện hữu, đồng sinh đồng diệt, trong thức dị thục nêu bày các hành, huân tập chủng tử dẫn dắt phát sinh ra thức dị thục mới khác, đều do đạo lý này. Vì thế nên nói hành duyên thức.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, các phần chủng tử trong thức dị thục đồng thời dẫn phát mà lại nói có thứ tự trước sau?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Chúng đối với vị lai có thứ tự trước sau mà sinh khởi, nên nói như vậy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì danh sắc, lục xứ, xúc, thọ gọi là tướng của sinh thân nơi vị lai?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Do chúng là nhân nương tựa của thọ dụng và thể của

nhân thọ dụng ấy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ gọi là sinh, đều không có sắc ấy thì điều đó có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu trong một đời chỉ có danh ấy mà không nương nơi sắc trụ, sinh khởi tương tục thì không ứng với đạo lý.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ sắc sinh, đều không có danh ấy thì điều đó có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu chỉ có sắc không danh để giữ lấy thọ nhận tức là ứng hợp với tan hoại không thể được tăng trưởng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ nói thức duyên lục xứ thì điều đó có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Khi mới thọ sinh, lục xứ chưa đủ, chỉ có thân căn và ý căn chuyển, cho nên không thể được, do đó hai căn làm thể. Vì đầu tiên có danh sắc nên theo thứ lớp tăng trưởng, về sau đầy đủ lục xứ làm duyên, cho nên nói danh sắc duyên lục xứ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu lục xứ đầy đủ, sinh thân rốt ráo thì duyên gì lại nói hai thứ xúc, thọ?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu ở nơi sinh thân lục xứ đã đầy đủ, thì tuy là chỗ dựa nương rốt ráo của thọ dụng, nhưng chưa được gọi là thọ dụng rốt ráo. Do nhân và thọ mới được gọi là thọ dụng rốt ráo. Vì thế nên biết cần phải có chỗ dựa rốt ráo của thọ dụng và cùng thọ dụng nơi thể của nhân rốt ráo thì mới được gọi là sinh thân rốt ráo.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như nói vô minh làm duyên sinh ái. Lại nói thọ làm duyên ái? Nếu chỉ có vô minh là duyên ái, không duyên nơi thọ thì có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Ái có ba thứ, cùng một lúc ba thứ đều khởi lên, do ái

quán đợi thọ làm duyên, chẳng phải một lúc khởi, do đạo lý này, chẳng phải chỉ vô minh cùng ái làm duyên.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như thế ái này chỉ có thọ làm duyên thì điều ấy có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Tất cả thọ đều là duyên ái, nhưng lại có thọ chẳng phải là duyên ái, nó hay làm duyên đoạn diệt các ái. Thế nên chẳng phải có thọ làm duyên ái.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ nói ái cùng hữu làm duyên, không duyên với thủ, thì đây có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Mong cầu gọi là ái, đối với cõi hiểm ác không có mong cầu, nhưng do chỗ tạo tác chẳng phải là hành phước, tuy cầu cõi thiện nhưng trái với quả sinh, quả sinh ấy đâu duyên với ái, chỉ nên dùng thủ ấy làm duyên. Lại như đã nói không có ái, mong cầu không có, khi cầu không có, do tạo hành phước, hành bất động, cho nên trái nhau với quả sinh, quả sinh này đâu duyên với ái, chỉ nên nói thủ ấy làm duyên. Do đạo lý này chẳng phải chỉ dùng ái cùng hữu làm duyên.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu thủ duyên hữu, hữu duyên sinh thì do duyên gì không nói thủ cùng với hữu dùng làm Tập đế?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Ái có thể tạo ra bốn thứ nghiệp:

1. Ái này, ở trong thọ của cảnh giới nơi thể ấy hay tạo ra nghiệp tham vị bị trói buộc.

2. Ái này hay phát khởi các nghiệp thủ.

3. Ái này có thể tạo tác khiến chỗ dẫn dắt hành ở trước cùng thành có nghiệp.

4. Ái này sau khi chết hay tạo ra nghiệp sinh liên tục. Do nhân duyên này cho nên chỉ nói ái ấy dùng làm Tập đế.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu sinh, lão, tử, danh sắc, lục xứ, thọ làm tướng, đối với sinh thân này thì do duyên gì mà hiển bày tên gọi của sinh lão tử?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vì hiển bày tướng của sinh thân như vậy có ba thứ khổ thành tánh của khổ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Sinh biểu hiện khổ nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Sinh biểu hiện hành khổ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Lão biểu hiện khổ nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Lão biểu hiện hoại khổ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Tử biểu hiện khổ nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Tử biểu hiện về khổ khổ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Bốn thứ tướng của sinh thân như vậy, do sinh, lão tử có sai biệt gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Bốn thứ tướng của sinh thân ấy hoặc là theo thứ lớp sinh, hoặc thuộc theo kia mà sinh, hoặc như vậy sinh. Nên biết đó gọi là sinh thân sinh tướng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là thứ lớp sinh thân sinh tướng?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Trước hết có hạ chủng sinh, từ chỗ vô gián này có tạm tăng sinh, từ vô gián này có xuất thai sinh, từ vô gián này có tạm trưởng sinh, khi lớn rồi thọ dụng ngôn thuyết có thể được đẳng sinh. Phẩm loại như vậy gọi là thứ lớp sinh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Cái tùy thuộc ấy ai sinh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! uẩn giới xứ sinh đều không có ngã. Vì sao? Vì các uẩn... lần lần tăng trưởng, tánh nó là vô thường, tức pháp vô thường nên có

tướng sinh này.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là sinh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Do sức của mạng căn nên có trụ tạm thời, pháp phần hạn, tánh nó là vô thường, pháp vô thường nên như vậy mà sinh, tức là bốn thứ tướng của sinh thân ấy theo thời phần biến đổi, nên biết có thể tạo ra năm thứ suy tổn gọi là lão (già):

1. Râu tóc suy tổn, do màu sắc nơi râu tóc suy hoại.

2. Thân tướng suy tổn, nghĩa là hình sắc da dẻ sức lực đều suy tổn.

3. Tác nghiệp suy tổn, khi nói ra thì ho hen, thân thể rã rời, đứng thì lưng khòm, do lưng eo không còn đủ sức lực, ngồi thì khòm thấp, thân thể yếu gầy, đi phải chống gậy, thân hư liệt, mỗi khi suy nghĩ trí thức ngu tối chậm chạp, ý niệm hỗn loạn.

4. Thọ dụng suy tổn, đối với vật dụng hiện tại, thọ dụng yếu kém, đối với các thứ vật dụng vui chơi, tất cả không còn ham thích thọ dụng, đối với cảnh giới của chỗ hành nơi các sắc căn không thể mau chóng, lanh lẹ, hoặc không còn đi được nữa.

5. Mạng căn suy tổn, tuổi thọ sắp hết, cái chết đến gần, gặp duyên chết yểu thì không thể kham nổi.

Tức ở trong bốn thứ tướng sinh thân này, lại có sáu tướng tử sai khác:

1. Tử cứu cánh.

2. Tử không cứu cánh.

3. Tử tự tướng.

4. Tướng sai khác của phần tử không cứu cánh.

5. Tướng sai khác của phần tử cứu cánh.

6. Tử thời phi thời.

Nên biết trong ấy tử tự tướng là thức lìa thân, là tướng diệt mất sai khác của sắc căn. Như vậy gọi là trong tướng sinh thân, tướng danh sắc... do sinh, lão, tử mà có sai khác.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Ở trong duyên khởi nói có ba thứ ái, tất cả đều là duyên sinh thân, thì do duyên gì, chỗ nào cũng phần nhiều chỉ nói sinh thân của cõi Dục?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Tướng sinh thân ở cõi Dục rất thô, dễ hiển lộ, chẳng phải là con đường giải thoát vĩnh viễn mà là thoái lùi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như trước đã nói các thứ dẫn dắt duyên khởi, các sinh duyên khởi có mười hai phần, trong các phần đó cái nào là chủ thể dẫn, cái nào là đối tượng được dẫn, cái nào là chủ thể sinh, cái nào là đối tượng được sinh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nên biết trong mười hai phần này, vô minh cùng với hành và một phần của thức gọi là chủ thể dẫn.

Lại có một phần của thức và danh sắc, lục xứ, xúc, thọ gọi là đối tượng được dẫn.

Lại có một phần thọ, ái, thủ, hữu gọi là chủ thể sinh. Sinh và lão tử gọi là đối tượng được sinh.

Nên biết, một phần danh sắc, lục xứ cùng với xúc, thọ cũng gọi là đối tượng được sinh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Các phần như vậy hoặc dẫn hoặc sinh là dấy khởi một lúc, hay là dấy khởi theo thứ tự?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Khởi cùng một lúc nhưng cũng nói là theo thứ tự.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Các phần như vậy nếu khởi một lúc thì vì nhân duyên gì trước nói dẫn sau nói sinh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Cốt yếu là do có dẫn sau mới có sinh, chứ chẳng phải là không dẫn.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Vô minh cũng dẫn với tác ý phi lý, thì do đâu chỉ nói vô minh làm duyên?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh cũng dẫn tác ý phi lý, cùng hành làm duyên. Lại từ vô minh sinh ra xúc, thọ làm duyên sinh ra ái. Thế nên nói lệch một bên.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Lược do bao nhiêu tướng mới biết là duyên khởi?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược do ba tướng để biết về duyên khởi:

1. Do không động tác để biết tướng duyên khởi.
2. Do tánh vô thường để biết tướng duyên khởi.
3. Do có thể nhận lấy nên biết tướng duyên khởi.

-oOo-

KINH PHÂN BIỆT DUYÊN KHỞI SƠ THẮNG PHÁP MÔN

QUYỂN HẠ

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như các chỗ khác nói duyên có bốn thứ:

1. Nhân duyên.

2. Đẳng vô gián duyên.

3. Sở duyên duyên.

4. Tăng thượng duyên.

–Bạch Thế Tôn! Nay nương vào duyên nào để nói vô minh duyên hành, nương vào duyên nào để nói về thứ tự, cho đến sinh duyên lão tử?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Ta nương vào tổng tướng của các hành mà nói rõ có bốn thứ duyên. Nay trong nghĩa này ta chỉ nương vào một duyên tăng thượng để nói vô minh duyên hành, theo thứ lớp cho đến sinh duyên lão tử. Duyên tăng thượng này lại có hai thứ: Một xa; hai gần.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Duyên tăng thượng này thế nào là xa, thế nào là gần?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Lúc tác ý phi lý nếu chưa sinh thì vô minh, tùy miên hay vì các hành xa làm duyên tăng thượng, khi sinh rồi lại tạo duyên tăng thượng gần, tác ý phi lý để dắt dẫn các hành, cùng với thân lục thức tương ưng cũng có đồng sinh đồng diệt. Nếu lúc chưa sinh nó có thể vì thức tạo duyên tăng thượng xa, sinh rồi liền có thể vì thức tạo duyên tăng thượng gần. Khi chưa chết thức vì danh sắc làm duyên tăng thượng xa, đã chết rồi thức cũng vì danh sắc tạo duyên tăng thượng gần. Như do thức ấy kỳ vọng nơi danh sắc kia, như thế, do chỗ dẫn dắt danh sắc thì kỳ vọng về chỗ sinh ra nơi danh sắc ấy cũng vậy. Như do danh sắc kỳ vọng nơi danh sắc kia. Do thế, lục xứ kỳ vọng nơi lục xứ ấy, xúc kỳ vọng với xúc, thọ kỳ vọng với thọ, cũng lại như vậy. Như do vô minh kỳ vọng nơi các hành, vô minh kỳ

vọng nơi ái, ái kỳ vọng với thủ, thủ kỳ vọng với hữu, cũng lại như thế. Như do thức ấy kỳ vọng nơi danh sắc, do danh sắc... kỳ vọng nơi danh sắc... Như vậy do hữu vọng sinh cũng thế. Nếu ở trong thai tạng lần lần thành em bé, đồng tử, thiếu niên, sinh có thể vì lão tử làm duyên tăng thượng xa, các căn thành thục khi mạng sắp hết, nên biết đến lúc đó có thể làm duyên tăng thượng gần.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như có nhân, có duyên, có lý do, kinh Pháp Môn nói ái là nhân của nghiệp, vậy có mật ý gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Đã có chỗ thâu tóm nghiệp dùng ái làm nhân, đó là mật ý mà ta muốn nói.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nhân duyên này do ba thứ nghĩa riêng, làm sao để biết?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Các chủ thể dẫn phát sinh chủng tử của sinh sau, đó là nghĩa của nhân. Nếu cùng với sinh ấy làm chỗ nương tựa, làm chỗ nắm giữ khiến được sinh khởi. Đó là nghĩa duyên. Mạng đã hết dắt dẫn sinh gần khiến được phát khởi, đó là nghĩa của lý do. Nên biết ba nghĩa sai biệt như vậy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nói duyên khởi là cú nghĩa gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Các phần như vậy đều do tự duyên hòa hợp không khiếm khuyết, khởi lên liên tục. Như thế gọi là cú nghĩa của duyên khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ có sinh này là duyên khởi liên tục hay là còn có duyên khởi nào khác?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Ta nói duyên khởi, lược có tám môn:

1. Duyên khởi nói có thọ dụng cảnh giới thế tục. Nghĩa là từ duyên nơi nhãn, sắc sinh ra nhãn thức, ba việc hòa hợp liền có xúc, xúc là duyên thọ, nói rộng như vậy.

2. Duyên khởi nói có nhậm trì. Nghĩa là duyên vào bốn thứ ăn mà các

căn nơi đại chủng an trụ, tăng trưởng.

3. Duyên khởi nói có thực nhân. Nghĩa là mong cho hạt giống gieo xuống ruộng, nhờ đủ các yếu tố như nước nên nảy mầm...

4. Duyên khởi nói có tất cả sinh thân tương tục. Nghĩa là, do chủ thể dẫn chủ thể sinh nơi các phần sinh riêng tất cả các đối tượng được dẫn đối tượng được sinh.

5. Duyên khởi nói có tất cả sinh thân được nương tựa, giữ gìn. Nghĩa là, các thế giới do các nhân duyên nêu bày thành hoại.

6. Duyên khởi nói có tất cả sinh thân sai biệt. Nghĩa là do nghiệp bất thiện, thiện, hữu lậu nêu bày sự khác biệt giữa ba đường ác, trời người.

7. Duyên khởi nói có thanh tịnh. Nghĩa là dựa vào âm thanh khác và nương vào chính mình, tác ý đúng như lý, phát sinh sự nhận thức đúng đắn có thể diệt trừ vô minh. Do vô minh diệt cho nên các hành theo đó mà diệt. Nói rộng cho đến do sinh diệt cho nên lão tử cũng theo đó mà diệt.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như vô minh... thứ tự làm duyên, rồi sinh hành... như vậy khi diệt có theo thứ tự không?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Không phải vậy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì theo thứ lớp để nói về diệt?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vì muốn hiển bày chỉ rõ do các phần trước không sinh công năng khiến các phần sau được pháp bất sinh, cho nên nói theo thứ lớp. Nhưng không phải vì sinh tướng pháp diệt mà có thứ lớp chuyển.

8. Duyên khởi nói có tự tại. Nghĩa là, khéo tu sửa, tĩnh lự (định) làm duyên, các người tu định tùy chỗ nguyện vui, như vậy đều thành tựu trọn không sai khác. Đó là ta lược nói về tám môn duyên khởi.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói: "Nhân nơi nghiệp cho nên sinh, nhân nơi ái cho nên chuyển", là dựa vào mật ý gì mà nói như thế?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vô minh làm duyên, trước đối với các hữu, tạo tác, tăng trưởng các thứ hành phước, hoặc hành phi phước, hoặc hành bất động, dẫn phát thâu nhận vô số các thứ chủng tử sai biệt của sinh thân, trong cái

hữu ấy hoặc là ái chưa đoạn. Do ái này cho nên hay khiến hành... chuyển thành hữu, hữu khởi lên hữu sau có công năng của tự thể. Như vậy, công năng không lìa ái. Ta dựa vào mật ý ấy cho nên nói như vầy: Nhân nơi nghiệp cho nên sinh, nhân nơi ái cho nên chuyển.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Đức Thế Tôn nói ái là nhân chuyển thì do duyên gì chỉ nói thủ là duyên hữu, chẳng phải ái duyên hữu?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu lìa thủ thì hữu ái không thể làm duyên chuyển biến chẳng phải là hành phước... khiến thành chi hữu sinh nơi các đường ác. Lại nếu lìa thủ thì không có các ái, không thể làm duyên chuyển biến hành phước, hành bất động... khiến thành chi hữu, đối với địa bất định và địa định sinh nơi các cõi thiện. Thế nên chẳng phải chỉ có ái làm duyên hữu, nhưng chỉ hữu nhất định duyên đối với thủ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như kinh Pháp môn đại nhân duyên nói: "Này Tôn giả A-nan-đà! Nếu đối với các loại hữu tình kia không có sự sinh nên không có loại sinh như vậy như vậy. Nếu tất cả sinh đều không có thì không nên nêu bày sinh duyên lão tử." Nương vào mật ý gì mà Phật nói như vậy?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Ta dựa vào hai thứ mật ý là sinh của đối tượng được dẫn và sinh của đối tượng được sinh để nói ra như vậy. Lại nương vào hai mật ý là lão tử là duyên tăng thượng xa và nương vào lão tử là duyên tăng thượng gần mà nói ra như vậy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trước vì lược nói về cú nghĩa duyên khởi, nghĩa của duyên khởi ấy chưa nói, vậy nên biết như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Các nghĩa của duyên khởi lược nói có mười một, nên biết như vầy:

1. Không tác giả là nghĩa duyên khởi.

2. Có nhân sinh là nghĩa duyên khởi.

3. Lìa hữu tình là nghĩa duyên khởi.

4. Y tha khởi là nghĩa duyên khởi.

5. Không động tác là nghĩa duyên khởi.

6. Tánh vô thường là nghĩa duyên khởi.

7. Sát-na diệt là nghĩa duyên khởi.

8. Nhân quả tương tục không gián đoạn là nghĩa duyên khởi.

9. Vô số phẩm loại sai biệt của nhân quả là nghĩa duyên khởi.

10. Nhân quả hỗ tương thuận hợp là nghĩa duyên khởi.

11. Nhân quả quyết định không tạp loạn là nghĩa duyên khởi.

Nên biết nghĩa tóm lược của duyên khởi là như vậy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như các kinh khác nói: "Duyên khởi hết sức thâm diệu." Vậy làm sao để biết tướng duyên khởi thâm diệu như vậy?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Dựa vào nghĩa tóm lược của mười một duyên khởi, nên biết duyên khởi có năm tướng thâm diệu:

1. Nhân thâm diệu.

2. Tướng thâm diệu.

3. Sinh thâm diệu.

4. Sai biệt thâm diệu.

5. Lưu chuyển thâm diệu.

Nên biết tướng duyên khởi là thâm diệu.

Lại có năm thứ:

1. Tướng thâm diệu.

2. Dẫn nghiệp các phần nhân quả thâm diệu.

3. Sinh khởi các phần nhân quả thâm diệu.

4. Sai biệt thâm diệu.

5. Đối trị thâm diệu.

Nên biết duyên khởi lại có năm thứ tướng thâm diệu:

1. Thâu tóm thâm diệu.

2. Thuận thứ thâm diệu.

3. Nghịch thứ thâm diệu.

4. Nắm giữ thâm diệu.

5. Sở hành thâm diệu.

Đây gọi là Đẳng khởi thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Chuyển dị thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Lược nêu có bốn thứ vô minh chuyển dị:

1. Vô minh nơi tùy miên chuyển dị.

2. Vô minh nơi triền phược chuyển dị.

3. Vô minh nơi tương ưng chuyển dị.

4. Vô minh nơi bất cộng chuyển dị.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người có những vô minh chuyển dị mà nói vô minh là duyên sinh hành?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Ngoại pháp dị sinh với tác ý phi lý là chỗ dẫn khởi bốn thứ vô minh chuyển dị. Do đó làm duyên, sinh hành phước, hành phi phước và hành bất động. Như vậy đã nói ngoại pháp dị sinh, mọi hành phước và hành bất động tương ưng với tâm thiện. Tất cả đều là tác ý phi lý làm chỗ dẫn dắt cùng phát khởi. Nội pháp dị sinh, nếu người buông lung, trừ một thứ vô minh bất cộng, ngoài ra, vô minh còn lại dẫn phát buông lung, làm duyên sinh hành nơi nội pháp dị sinh. Nếu người không buông lung, siêng chủ thể tu học và bậc Thánh hữu học thì ba thứ vô minh, dẫn đến vọng niệm làm duyên phi phước. Nhưng phi phước này không thể làm duyên tạo nên ba đường ác. Cho nên phi phước ấy, ta không nói là vô minh duyên hành. Như vậy chỗ nói về vô minh bất cộng nơi nội pháp dị sinh tuy không buông lung, nhưng người tu học cũng chưa có thể đoạn. Các bậc Thánh hữu học nên biết là đã vĩnh viễn đoạn. Lại nơi nội pháp dị sinh không buông lung, nếu tạo hành phước và hành bất động thì đó là tác ý như lý chánh pháp, dẫn đến tương ưng với tâm thiện giải thoát làm chỗ tựa cho hồi hướng giải thoát mà dẫn phát. Tuy đối với cõi thiện cảm sinh thù thắng, nhưng chẳng phải là vô minh khởi duyên tăng thượng nhưng có thể tạo ra bốn thứ vô minh kia, đoạn duyên tăng thượng nơi các bậc Thánh hữu học, đã vĩnh viễn đoạn trừ vô minh bất cộng, không tạo nghiệp mới, mọi nghiệp cũ hiện có do sức mạnh của tùy miên nên chưa đoạn diệt vĩnh viễn, tạm xúc rồi lại nhả ra. Như vậy mọi vô minh duyên hành, đời đời tạm diệt, không lại tăng trưởng. Do đạo lý ấy, nên biết nội pháp nơi các vị hữu học không duyên vô minh, lại tạo các hạnh. Thế nên chỉ nương nơi ngoại pháp dị sinh ta nói thuận theo thứ lớp duyên khởi tạp nhiễm, đạt viên mãn tột bậc, chẳng phải trụ nơi nội pháp. Đây gọi là Chuyển dị thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tà hạnh thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Bốn vô minh ấy, đối với các đế đều có thể phát khởi hai thứ tà hạnh tăng ích, hay tổn giảm.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là hai thứ tà hạnh tăng ích, tổn giảm?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Do bốn thứ điên đảo: Đối với phi pháp lại thấy là pháp; hoặc đối với pháp thấy là phi pháp. Hoặc đối với đường giải thoát sinh thiên chẳng phải phương tiện lại thấy là phương tiện; phương tiện lại thấy chẳng phải phương tiện. Như vậy gọi là tà hạnh tăng ích. Tất cả tà kiến bài báng các hữu, như vậy gọi là tà hạnh tổn giảm. Đây là tà hạnh thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng trạng thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nên biết vô minh có hai thứ tướng:

1. Tự tướng vi tế thù thắng.

2. Đối với khắp cả ái và không ái đều chẳng phải là cảnh giới thù thắng của cộng tướng. Vì sao? Vì vô minh trói buộc hãy còn là vi tế khó biết khó hiểu, huống nữa là chỗ có tùy miên nơi vô minh.

Tương ưng vô minh hãy còn là vi tế khó biết, khó hiểu, huống nữa là chỗ có vô minh bất cộng, đối với tất cả ái không ái đều chẳng phải là cảnh giới, che lấp thật tướng, lộ tướng hư vọng, cộng tướng chuyển chẳng phải phiền não khác có tướng như vậy, thế nên nó thù thắng. Các thân kiến khác cùng với cộng tướng phiền não cũng dùng vô minh làm chỗ nương tựa mà chuyển. Đây gọi là tướng trạng thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tác nghiệp thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nên biết vô minh lược có hai thứ là chỗ tạo tác sự nghiệp:

1. Vô minh bao quát hết, có thể tạo tác tất cả chỗ dựa cho sự nghiệp lưu chuyển.

2. Vô minh bao quát hết, có thể chủ thể tạo tác tất cả chỗ vắng lặng hay làm chướng ngại sự nghiệp.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là tất cả lưu chuyển?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Hoặc là Xứ chuyển, hoặc là Sự chuyển, hoặc như vậy chuyển, ta nói chung là tất cả đều lưu chuyển.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Xứ chuyển?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với nơi chốn của ba đời do ngã phân biệt.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Sự chuyển?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Lục xứ trong ngoài do ngã chấp giữ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là như vậy chuyển?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Các nghiệp dị thục lưu chuyển tương tục, do ngã phân biệt, do tà phân biệt.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tất cả vắng lặng.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Tất cả vắng lặng lược có bốn thứ:

1. Chỗ nương dựa vắng lặng.

2. Đối tượng được duyên vắng lặng.

3. Tác ý vắng lặng.

4. Quả thành vắng lặng.

Đây gọi là Tác nghiệp thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Chướng ngại thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nên biết vô minh làm chướng ngại pháp thù thắng, làm chướng ngại pháp rộng lớn.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Vô minh làm chướng ngại pháp thù thắng như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nói pháp thù thắng là có khả năng thâu tóm năm căn khiến chúng hòa hợp. Nếu làm chướng ngại tuệ căn thì đấy tức là vô minh. Thế nên gọi là làm chướng ngại pháp thù thắng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Vô minh làm chướng ngại pháp rộng lớn như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nói pháp rộng lớn nghĩa là do văn thành trí (văn tuệ), do tư thành trí (tư tuệ) và do tu thành trí (tu tuệ). Làm chướng ngại ba trí này tức là vô minh. Thế nên nói là tạo chướng ngại pháp rộng lớn.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như nói không trí gọi là vô minh, thì chỉ trí ấy không có, gọi là vô minh chăng?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Chẳng phải chỉ trí ấy không có, gọi là vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ trí ấy không có gọi là vô minh thì có lỗi gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nếu như thế thì vô minh ấy thật không thể lập Thể tướng quyết định. Vì sao? Vì trên thể tánh của văn tuệ không có tư tuệ. Trên thể tánh của tư tuệ không có tu tuệ. Trên thể tánh của tu tuệ nơi tất cả thế gian tu không có tất cả Tu tuệ của xuất thế gian. Trên trí của bậc hữu học xuất thế gian không có trí của các bậc Vô học. Trên trí của bậc Thanh văn vô học không có đẳng trí của Như Lai. Nếu như vậy nên tức là trí, tức là vô trí. Thế thì vô minh không thể lập thể tướng quyết định. Lại nữa ta đối với ba thiện căn kia nói có vô si, nên chỉ là si không nói là vô si, nhưng chẳng phải là si không có mới gọi là vô si. Cho nên không phải là minh không có gọi là vô minh, nhưng riêng có nhất tâm nơi pháp hiện có, không biết chân thật nên gọi là vô minh. Như riêng có nhất tâm nơi pháp hiện có, hiểu biết chân thật nên gọi là trí. Lại chỉ minh không có gọi là vô minh, thì không có điều ấy. Tất cả vô minh với mười một thứ thù thắng. Do đấy nên biết chẳng phải là chỉ minh không có nên gọi là vô minh. Đây gọi là Chướng

ngại thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Tùy phược thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Hữu tình trong ba cõi, cho đến cõi trời Hữu đảnh, đối với các đế, mọi thứ vô trí, tùy miên hiện có đều theo sự trói buộc chưa khuyết, chưa giảm, do chỗ hữu tình ấy nên nói là bị trói buộc hoàn toàn.

Lại nữa vô trí này nơi đường thiện, đường ác theo nhân quả sai khác. Hữu tình nơi cõi Vô sắc có hạ phẩm ấy; hữu tình nơi cõi Sắc có trung phẩm ấy; hữu tình nơi cõi Dục có thượng phẩm ấy. Thành tựu ba phẩm Vô minh như vậy, các loại hữu tình nơi vị lai có thể sinh. Mỗi mỗi pháp như vậy, ba phẩm tùy theo đó mà trói buộc, đó gọi là dị sinh (phàm phu). Nếu các bậc Thánh dần dần theo thứ lớp đoạn trừ vĩnh viễn. Hoặc đầy đủ phẩm thượng trung thì nhất định có trung hạ, hoặc có trung hạ nhưng không có thượng trung. Lại các bậc A-la-hán, tuy dứt hết các lậu, thoát khỏi phiền não chướng nên còn biết hãy còn sở tri chướng, thâu tóm vô minh theo đó mà trói buộc. Vô minh như vậy, nên biết nó đeo đuổi hữu tình mãi mãi, chỉ trừ chư Phật, ngoài ra đều bị trói buộc. Đó gọi là Tùy phược thù thắng của vô minh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đối trị thù thắng của vô minh?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Có hai Trí vi diệu nhằm đối trị vô minh:

1. Trí vi diệu của pháp giới còn có hạn lượng, nương vào âm thanh khác, hoặc không nương vào.

2. Trí vi diệu pháp của giới vô lượng toàn phần nương vào âm thanh khác.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trí vi diệu của pháp giới còn có phần, hạn lượng là duyên gì? Có hành tướng gì? Tạo sự nghiệp gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Trí vi diệu của pháp giới còn có phần, hạn lượng, duyên vào bốn Thánh đế, có mười sáu hành tướng, tạo nghiệp với các... phiền não như vô minh… sinh tất cả tạp nhiễm, lìa sự nghiệp trói buộc.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao biết được tướng sinh khổ?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Đây là duyên khổ bên trong nương tựa vào tánh, duyên khổ bên ngoài nương tựa vào tánh, cả hai duyên khổ đều nương tựa vào tánh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Duyên khổ bên trong, tướng trạng như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Duyên khổ bên trong là bệnh khổ, già khổ và chết khổ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Tướng trạng của duyên khổ bên ngoài như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Khổ vì chẳng phải ái mà hòa hợp, khổ vì yêu thương lại chia ly, khổ vì cầu không được.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Tướng trạng của cả hai duyên khổ như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là lược nói về khổ của năm thủ uẩn.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ái?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là ở trong hiện tại tham chấp nơi tự thể.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Tướng trạng của ái đời sau như thế nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là ở đời vị lai mong cầu nơi tự thể.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tham lam cùng hành với ái?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là đối với của cải đã được thâu nhận nơi cảnh giới hiện tiền, tham đắm sâu xa nơi vị.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tham ái theo từng đối tượng.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là đối với của cải chưa được thâu nhận, chẳng phải là cảnh giới hiện tiền, lại truy cầu đủ thứ.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là ái này được đoạn trừ vĩnh viễn, không còn gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là chỗ đoạn trừ phiền não của bậc Kiến đạo, tu đạo, đoạn trừ các kết sử nơi hạ phần, thượng phần, đoạn trừ rốt ráo, đoạn trừ quả khổ nơi các ái ở vị lai, đoạn trừ quả khổ nơi các ái ở hiện tại. Đó gọi là đoạn trừ vĩnh viễn các ái, không còn gì.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là trừ bỏ?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là chỗ đoạn trừ các thứ phiền não của bậc Kiến đạo.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là biến đổi hoàn toàn?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là chỗ đoạn trừ các phiền não của bậc tu đạo.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là vĩnh viễn dứt hết?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là đoạn trừ vĩnh viễn các kết sử hạ phần.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là xa lìa?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là đoạn trừ vĩnh viễn các kết sử thượng phần.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là vĩnh viễn diệt trừ.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là đoạn trừ tận gốc.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tịch tĩnh.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là đoạn trừ vĩnh viễn quả khổ nơi ái ở vị lai.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chìm ẩn?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là đoạn trừ vĩnh viễn quả khổ nơi ái ở hiện tại.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh kiến.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là dùng phương tiện tuệ để quán hiện tiền, tuệ hiện quán đúng đắn cùng hiện quán với hậu đắc tuệ, siêu việt hơn chỗ hiểu biết theo phương tiện Thánh giáo và các thứ hiểu biết tà vạy.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh tư duy?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là đối với Tam bảo đã đạt được chứng tịnh, làm chỗ nương tựa, đối với công đức ấy theo niệm suy nghĩ, siêu việt hơn sự quy y nơi thầy ngoại đạo.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh ngữ?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là đối với chỗ yêu kính thâu tóm các giới pháp vô lậu của bậc Thánh, tác ý vô lậu đồng thời chuyển đổi, nơi bốn ngữ nghiệp có khả chủ thể xa lìa một cách đúng đắn, thoát khỏi mọi đường hiểm ác.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh nghiệp?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là chỗ yêu kính thâu tóm giới pháp vô lậu của bậc Thánh, tác ý vô lậu đồng thời chuyển đổi, nơi ba thân nghiệp có khả chủ thể xa lìa một cách đúng đắn, thoát khỏi mọi đường hiểm ác.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh mạng.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Nghĩa là chỗ yêu kính thâu tóm giới pháp vô lậu của bậc Thánh, tác ý vô lậu đồng thời chuyển đổi, đối với tà mạng khởi lên hai nghiệp nơi thân, miệng, có khả chủ thể xa lìa một cách đúng đắn, thoát khỏi mọi đường hiểm ác.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh cần (chánh tinh tấn)?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Đối với giải thoát tối thượng, ham thích làm chỗ nương tựa, phát khởi sự siêng chủ thể tinh tấn, xa lìa mọi chướng ngại, đối trị viên mãn.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh niệm?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Siêng tu tập Chỉ Quán, nơi các sự Du-già, nương tựa ba tướng, luôn ở trong ba thứ tướng và không buông lung, cùng hiện hành nơi cảnh giới, tâm hiện rõ ràng, siêu việt, xa lìa nẻo gia hạnh của tu đạo.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chánh định?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Là do hội đủ bảy thứ định như vậy, hỗ trợ tạo sự tốt đẹp cho tâm cảnh làm một tánh, cho đến có thể tạo ra làm chỗ nương tựa cho bảy chi thắng tiến như thế, cùng dẫn phát làm chỗ nương tựa cho các công đức thù thắng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp Bồ-đề phần hiện có như bốn Niệm trụ... đều thâu tóm Thánh đạo, thì do đâu chỉ nói tám chi Thánh đạo dùng làm Đạo đế?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Chỗ giảng nói tám chi Thánh đạo như vậy là thâu tóm khắp tất cả pháp phần Bồ-đề.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Ở trong Khổ đế có bốn hành tướng. Vì sao ban đầu gọi là hành tướng vô thường? Nghĩa là đối với Khổ đế, tánh của các pháp là sinh diệt phải chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ hai gọi là hành tướng khổ? Nghĩa là đối với Khổ đế tức dùng tánh của các pháp sinh diệt làm chỗ nương tựa, nơi ba thứ khổ theo đuổi pháp tánh phải chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ ba gọi hành tướng không? Nghĩa là đối với Khổ đế, lìa tánh thật ngã, phải chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ tư gọi hành tướng vô ngã? Nghĩa là đối với Khổ đế, tánh chẳng phải là tướng ngã, phải chánh quán hành tướng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trong Tập đế có bốn hành tướng. Vì sao thứ nhất gọi hành tướng nhân? Nghĩa là ở trong chỗ có thể gieo trồng chủng tử của các khổ, ái là nhân duyên, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ hai gọi hành tướng tập? Nghĩa là ở trong dấy khởi tương tục nhân duyên là ái, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ ba gọi hành tướng sinh? Nghĩa là ở trong năm cõi sai biệt, Ái là nhân duyên sinh khởi, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ tư gọi hành tướng duyên? Nghĩa là ở trong chỗ có thể tạo ra duyên khác để dẫn khởi, ái là nhân duyên, nên chánh quán hành tướng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trong Diệt đế có bốn hành tướng. Vì sao thứ nhất gọi hành tướng diệt? Nghĩa là ở trong sự đoạn trừ vĩnh viễn các phiền não được vắng lặng, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ hai gọi hành tướng tịch tĩnh? Nghĩa là ở trong chỗ đoạn trừ vĩnh viễn các khổ được tịch tĩnh, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ ba gọi hành tướng vi diệu? Nghĩa là ở trong chỗ đoạn trừ vĩnh viễn không còn tội lỗi, tánh thanh tịnh an lạc, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ tư gọi hành tướng lìa? Nghĩa là ở trong chỗ đoạn trừ vĩnh viễn tánh thường trụ, nên chánh quán hành tướng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trong Đạo đế có bốn hành tướng. Vì sao thứ nhất gọi là hành tướng đạo? Nghĩa là đối với Thánh đạo cùng với cảnh giới tương ưng, tánh không tánh điên đảo, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ hai gọi hành tướng như? Nghĩa là đối với Thánh đạo hoàn toàn xuất thế gian, tánh lìa các lậu, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ ba gọi hành tướng hành? Nghĩa là đối với Thánh đạo, Thánh trước Thánh sau cùng đi trên một con đường, nên chánh quán hành tướng.

Vì sao thứ tư gọi hành tướng xuất? Nghĩa là ở trong Thánh đạo, tánh là vô thượng, nên chánh quán hành tướng.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì Thánh đế chỉ có bốn thứ?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Bốn Đế như vậy là thâu tóm hết tất cả nhân quả nhiễm tịnh với tánh sai biệt.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì bốn Đế được nêu giảng theo thứ tự trước sau như vậy?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Do vì thế gian có các thứ bệnh, cho nên phải dùng pháp giống như thuốc hay để biết được nguyên nhân của bệnh và diệt trừ bệnh.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Khi nhập Kiến đạo, đối với bốn Đế này là hiện quán tức thì hay là hiện quán dần dần?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Có đạo lý riêng gọi là hiện quán tức thì có đạo lý riêng gọi là hiện quán dần dần.

Đạo lý riêng nào gọi là hiên quán tức thì? Là Thánh trí tự nội chứng đắc chân đế, đối với cảnh giới chân trí là nghĩa phi an lập, vì duyên nơi tổng tướng nên gọi là hiện quán tức thì.

Đạo lý riêng nào gọi là hiên quán dần dần? Là trí sơ nghiệp và trí hậu đắc, quán sát tự tướng và tướng nhân quả. Do tạo duyên nơi biệt tướng của hành tướng nên gọi là hiện quán dần dần.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Đã có bốn Thánh đế như vậy do đâu Đức Thế Tôn lại nói hai đế: Thế tục đế và Thắng nghĩa đế?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Trong bốn Thánh đế như vậy, nếu là cảnh giới nơi đối tượng được hành hóa của trí pháp trụ, thì đó là Thế tục đế. Nếu là cảnh giới nơi đối tượng được hành hóa của trí Tối thắng nghĩa tự nội chứng đắc, chẳng phải là cảnh giới nơi đối tượng được hành hóa của trí phi nhập, thì đó là Thắng nghĩa đế.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Đế như vậy đối với Thánh, chẳng phải Thánh thảy đều là đế, thì duyên gì Như Lai chỉ nói Thánh đế?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Bốn Đế như vậy, đối với chẳng phải Thánh, chỉ do pháp như thế mà nói là đế, không do chánh trí quyết định tin, để gọi là đế. Đối với các Thánh, cũng do pháp như vậy mà gọi là đế, nhưng cũng do chánh trí quyết định tin, nên gọi là đế. Do đấy Như Lai chỉ nói bốn thứ gọi là Thánh đế.

Lại thưa Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Trí vi diệu pháp giới toàn phần vô lượng đối tượng được duyên là gì? Có hành tướng gì? Tạo sự nghiệp gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Trí này cũng dùng bốn Đế như vậy làm đối tượng được duyên, trừ hành tướng, thanh tịnh nơi tưởng của tướng đế nhập vào hành tướng tất cả các đế, đối với hữu tình tạo tác mọi thứ nghĩa lợi, hướng đến hành tướng nơi trí vi diệu của pháp giới còn có hạn lượng. Nếu là các Thanh văn, đối với hữu tình tạo tất cả nghĩa lợi, không có sự từ bỏ hành tướng hướng đến. Nếu là các Độc giác, đối với hữu tình tạo tất cả nghĩa lợi, xả bỏ hành tướng. Còn trí vi diệu của pháp giới vô lượng, toàn phần có thể tạo ra sự nghiệp làm chỗ nương dựa để lìa mọi trói buộc của tất cả hai thứ chướng là phiền não và sở tri. Lại tạo ra sự nghiệp làm chỗ nương dựa để chứng đắc Nhất thiết chủng trí với pháp giới thanh tịnh trọn vẹn. Lại tạo ra sự nghiệp làm chỗ nương dựa để cứu giúp, diệt trừ mọi tai họa của hết thảy chúng sinh. Đó gọi là sự Đối trị thù thắng của vô minh.

Khi Đức Thế Tôn giảng nói kinh này rồi, các chúng Tỳ-kheo đều im lặng lãnh ngộ, thâm tâm tùy hỷ, khen ngợi là chưa từng có, nghe lời Đức Phật dạy đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 718

KINH PHÂN BIỆT DUYÊN SINH

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Pháp Thiên

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn an tọa nơi cội cây Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liên cạnh hồ Ô-lư-vĩ-loa sau khi thành Phật chưa lâu, một mình ở đây, Ngài tư duy: "Pháp khổ trong thế gian không một ai thoát khỏi, nhưng chẳng ai lo sợ, thật sự là vậy. Quán sát như thế là lợi ích lớn. Pháp lạc của thế gian cũng thế, không ai muốn tránh, không ai nhàm chán, thật sự là vậy. Quán sát như thế là lợi ích lớn." Ngài lại suy nghĩ: "Tất cả hàng Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn… trong thế gian, không ai hiểu rõ về pháp này. Nếu ai tư duy đúng đắn, hiểu rõ khổ và lạc, thấu đạt rõ ràng như vậy thấy đó chẳng phải là pháp cứu cánh. Còn như luôn suy nghĩ và y theo pháp để tu hành thì người này sẽ đạt được đầy đủ các pháp giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến… Tất cả chư Phật ở quá khứ, vị lai đều biết rõ về khổ, lạc nơi thế gian, biết một cách tận tường, theo pháp tu hành, bằng sức tu hành của chính mình để chứng thành đạo quả Chánh giác. Vì sao? Vì pháp này rất hy hữu, không ai có thể hiểu rõ được. Tất cả Đức Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đối với pháp này hiểu rõ tường tận, như pháp tu hành nên chứng thành Chánh giác. Đối với pháp khổ, lạc trong thế gian, các Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời vị lai đều biết rõ tường tận, như pháp tu hành nên đạo quả được viên mãn."

Bấy giờ, Đại phạm Thiên vương, chủ cõi Ta-bà, nhờ oai lực của Phật nên biết được tâm niệm của ngài. Ví như vị đại lực sĩ trong khoảng co duỗi cánh tay, vị ấy rời khỏi cõi Phạm thiên đến chỗ Đức Phật, cung kính lễ lạy và ở trước Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng như những điều Thế Tôn đã suy nghĩ, khổ, vui trong thế gian không ai tránh khỏi suy tư như thế là lợi ích lớn, dù ở quá khứ hay vị lai cũng đều như vậy. Trong cõi Trời, Người, Ma, Phạm, chỉ có Đức Phật, Thế Tôn mới hiểu rõ một cách rốt ráo là tăng hay giảm, là thiện

hay ác…, phân biệt rõ ràng về pháp duyên sinh. Chỉ với trí tuệ và năng lực của Phật mới biết một cách đúng như thật.

Đức Phật bảo Phạm vương:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Với tất cả pháp, chúng sinh trong thế gian không đủ trí tuệ, không nhận thức được thì không hiểu rõ, vì bị vô minh si ám che lấp. Đó là vô minh. Từ vô minh làm duyên mà sinh ra hành. Hành có ba. Đó là thân hành, khẩu hành và ý hành.

Lại từ hành làm duyên mà sinh ra thức. Thức có sáu. Đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Do thức làm duyên mà sinh ra danh sắc. Danh thì trừ sắc ra còn bốn, đó là thọ, tưởng, hành và thức. Sắc, đó là bốn đại. Tất cả sắc pháp đều do bốn đại sinh ra. Như vậy cả hai sắc uẩn và danh uẩn gọi là danh sắc.

Do danh sắc làm duyên mà sinh ra sáu xứ. Có sáu xứ bên trong, đó là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ.

Do sáu xứ làm duyên mà sinh ra xúc. Xúc có sáu, đó là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc.

Do xúc làm duyên mà sinh ra thọ. Thọ có ba, đó là thọ lạc, thọ khổ và thọ không khổ không lạc.

Do thọ làm duyên mà sinh ra ái. Ái có ba, đó là dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

Do ái làm duyên mà sinh ra thủ. Thủ có bốn, đó là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã ngữ thủ.

Do thủ làm duyên mà sinh ra hữu. Hữu có ba, đó là dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

Do hữu làm duyên có pháp sinh. Pháp sinh đó là cảnh giới của chúng sinh, theo uẩn sinh khởi nên mỗi chỗ mỗi khác. Pháp sinh, dị, diệt luôn biến đổi. Do sinh làm nguồn gốc mà có uẩn, xứ, giới cho đến các pháp thuộc mạng căn. Đó gọi là sinh.

Do Sinh làm duyên mà có lão tử. Lão nghĩa là tâm thức ở trong trạng thái mê muội, khí lực suy yếu, tóc bạc mặt nhăn, rên rỉ, thở thoi thóp, thân thể yếu ớt cho đến các căn đều suy bại. Đó là lão (già).

Còn tướng tử như thế nào? Tử nghĩa là cảnh giới khác biệt của các chúng sinh đã thay đổi, tất cả đều quy về vô thường, tuổi thọ đến kỳ hạn thì chấm dứt, không còn cảm xúc và hơi nóng. Khi mạng căn đã diệt hết thì các uẩn cũng xả bỏ, bốn đại đều tan. Đó là chết.

Trên đã nói về hai pháp lão và tử. Nói như vậy, ta gọi là phân biệt về

pháp duyên sinh. Ai hiểu rõ về điều này thì sẽ được năm phần Pháp thân.

Nghe Đức Phật giảng nói về pháp duyên sinh, Phạm vương hoan hỷ lạy Phật rồi trở về cõi Phạm thiên.

-oOo-

SỐ 719

KINH THẬP NHỊ DUYÊN SINH TƯỜNG THỤY

(Điềm lành của mười hai nhân duyên)

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngồi kiết già ở giữa đại chúng, tất cả đang cung kính ngồi vây quanh chiêm ngưỡng Đức Như Lai và trước Phật nói kệ:

Đảnh lễ Phật biển trí
Chánh biến tri chân thật
Quá khứ và vị lai
Diễn giảng pháp duyên sinh.
Thấy thế gian hư vọng
Điên đảo luân hồi khổ
Nghiệp phiền não vô biên
Xin Phật hãy giảng nói.

Bấy giờ, trong chúng hội, vô lượng trăm ngàn người, trời, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đại chúng hiện nay và cả đời vị lai đều thích nghe pháp thâm diệu. Cúi xin Thế Tôn hãy giảng nói.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Lành thay! Các ông hãy lắng nghe cho rõ. Vì các ông, ta sẽ giảng nói! Này các thiện nam! Ai muốn thấu rõ điềm lành của mười hai duyên sinh, nghĩa là từ vô minh đến lão tử, luân chuyển theo thứ lớp, tức là ở trong mười hai tháng đều có điềm lành nhưng lại khác nhau. Bắt đầu từ tháng mười đến tháng chín. Lại từ ngày mùng một cho đến ngày mười lăm, so sánh điềm lành thì vui sướng và lo buồn rất nhiều chẳng phải một.

Này các thiện nam! Mười hai chi này bắt đầu từ tháng mười (Bảo sa = 10, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Vô minh.

Mùng hai: Lão tử.
Mùng ba: Chi sinh.
Mùng bốn: Chi hữu.
Mùng năm: Chi thủ.
Mùng sáu: Chi ái.
Mùng bảy: Chi thọ.
Mùng tám: Chi xúc.
Mùng chín: Lục nhập.
Mùng mười: Danh sắc.
Mười một: Chi thức.
Mười hai: Chi hành.
Từ tháng mười một (Ma khư = 11, ma tẩy = tháng)
Mùng một: Chi hành.
Mùng hai: Vô minh.
Mùng ba: Lão tử.
Mùng bốn: Chi sinh.
Mùng năm: Chi hữu.
Mùng sáu: Chi thủ.
Mùng bảy: Chi ái.
Mùng tám: Chi thọ.
Mùng chín: Chi xúc.
Mùng mười: Lục nhập.
Mười một: Danh sắc.
Mười hai: Chi thức.
* Từ tháng mười hai (Phả-la-ngu-na = 12, ma tẩy = tháng)
Mùng một: Chi thức.
Mùng hai: Chi hành.
Mùng ba: Vô minh.
Mùng bốn: Lão tử.
Mùng năm: Chi sinh.
Mùng sáu: Chi hữu.
Mùng bảy: Chi thủ.
Mùng tám: Chi ái.

Mùng chín: Chi thọ.
Mùng mười: Chi xúc.
Mười một: Lục nhập.
Mười hai: Danh sắc.
Từ tháng giêng (Tải-đát-la = Nhị hợp chánh, ma tẩy = tháng)
Mùng một: Danh sắc.
Mùng hai: Chi thức.
Mùng ba: Chi hành.
Mùng bốn: Vô minh.
Mùng năm: Lão tử.
Mùng sáu: Chi sinh.
Mùng bảy: Chi hữu.
Mùng tám: Chi thủ.
Mùng chín: Chi ái.
Mùng mười: Chi thọ.
Mười một: Chi xúc.
Mười hai: Lục nhập.
Từ tháng hai (Phệ-xá-khư = 2, ma tẩy = tháng)
Mùng một: Lục nhập.
Mùng hai: Danh sắc.
Mùng ba: Chi thức.
Mùng bốn: Chi hành.
Mùng năm: Vô minh.
Mùng sáu: Lão tử.
Mùng bảy: Chi sinh.
Mùng tám: Chi hữu.
Mùng chín: Chi thủ.
Mùng mười: Chi ái.
Mười một: Chi thọ.
Mười hai: Chi xúc.
Từ tháng ba (Nhĩ-sắt-trá = 3, ma tẩy = tháng)
Mùng một: Chi xúc.
Mùng hai: Lục nhập.

Mùng ba: Danh sắc.
Mùng bốn: Chi thức.
Mùng năm: Chi hành.
Mùng sáu: Vô minh.
Mùng bảy: Lão tử.
Mùng tám: Chi sinh.
Mùng chín: Chi hữu.
Mùng mười: Chi thủ.
Mười một: Chi ái.
Mười hai: Chi thọ.
Từ tháng tư (A-sa-sá = 4, ma tẩy = tháng)
Mùng một: Chi thọ.
Mùng hai: Chi xúc.
Mùng ba: Lục nhập.
Mùng bốn: Danh sắc.
Mùng năm: Chi thức.
Mùng sáu: Chi hành.
Mùng bảy: Vô minh.
Mùng tám: Lão tử.
Mùng chín: Chi sinh.
Mùng mười: Chi hữu.
Mười một: Chi thủ.
Mười hai: Chi ái.
Từ tháng năm (Thất-la-phược-na = 5, ma tẩy = tháng)
Mùng một: Chi ái.
Mùng hai: Chi thọ.
Mùng ba: Chi xúc.
Mùng bốn: Lục nhập.
Mùng năm: Danh sắc.
Mùng sáu: Chi thức.
Mùng bảy: Chi hành.
Mùng tám: Vô minh.
Mùng chín: Lão tử.

Mùng mười: Chi sinh.
Mười một: Chi hữu.
Mười hai: Chi thủ.
Từ tháng sáu (Bà-nại-la-bà-nại = 6, ma tẩy = tháng)
Mùng một: Chi thủ.
Mùng hai: Chi ái.
Mùng ba: Chi thọ.
Mùng bốn: Chi xúc.
Mùng năm: Lục nhập.
Mùng sáu: Danh sắc.
Mùng bảy: Chi thức.
Mùng tám: Chi hành.
Mùng chín: Vô minh.
Mùng mười: Lão tử.
Mười một: Chi sinh.
Mười hai: Chi hữu.
Từ tháng bảy (A-thấp-phược-dụ-nhược = 7, ma tẩy = tháng)
Mùng một: Chi hữu.
Mùng hai: Chi thủ.
Mùng ba: Chi ái.
Mùng bốn: Chi thọ.
Mùng năm: Chi xúc.
Mùng sáu: Lục nhập.
Mùng bảy: Danh sắc.
Mùng tám: Chi thức.
Mùng chín: Chi hành.
Mùng mười: Vô minh.
Mười một: Lão tử.
Mười hai: Chi sinh.
Từ tháng tám (Ca-lị-để-ca = 8, ma tẩy = tháng)
Mùng một: Chi sinh.
Mùng hai: Chi hữu.
Mùng ba: Chi thủ.

Mùng bốn: Chi ái.

Mùng năm: Chi thọ.

Mùng sáu: Chi xúc.

Mùng bảy: Lục nhập.

Mùng tám: Danh sắc.

Mùng chín: Chi thức.

Mùng mười: Chi hành.

Mười một: Vô minh.

Mười hai: Lão tử.

Từ tháng chín (Ma-lăng-nga-thi-lị-sa = 9, ma tẩy = tháng)

Mùng một: Lão tử.

Mùng hai: Chi sinh.

Mùng ba: Chi hữu.

Mùng bốn: Chi thủ.

Mùng năm: Chi ái.

Mùng sáu: Chi thọ.

Mùng bảy: Chi xúc.

Mùng tám: Lục nhập.

Mùng chín: Danh sắc.

Mùng mười: Chi thức.

Mười một: Chi hành.

Mười hai: Vô minh

Mỗi tháng ngày mười ba cũng như mùng ba. Mỗi tháng ngày mười bốn như mùng bốn, ngày mười lăm mùng năm chuẩn theo lý cũng vậy.

Mùng một tháng mười năm Hợi thuộc chi vô minh.

Mùng một tháng mười một năm Tý thuộc chi hành.

Mùng một tháng mười hai năm Sửu thuộc chi thức.

Mùng một tháng giêng năm Dần thuộc chi danh sắc.

Mùng một tháng hai năm Mão thuộc chi lục nhập.

Mùng một tháng ba năm Thìn thuộc chi xúc.

Mùng một tháng tư năm Tỵ thuộc chi thọ.

Mùng một tháng năm năm Ngọ thuộc chi ái.

Mùng một tháng sáu năm Mùi thuộc chi thủ.

Mùng một tháng bảy năm Thân thuộc chi hữu.

Mùng một tháng tám năm Dậu thuộc chi sinh.

Mùng một tháng chín năm Tuất thuộc chi lão tử.

Chú thích:

Chi hữu chuyển thuận, lâu ngày chảy ngược, còn tháng Hắc-bạch, như kinh nói rõ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các đại chúng:

–Với mười hai chi, người nào quán sát chu đáo, nhớ nghĩ không quên, thì biết rõ vui hay buồn.

Sinh vào ngày vô minh: Mùng chín tháng chín năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì sung sướng có tài của, quyến thuộc không biết, không bệnh hoạn, nói nhiều. Sống tám mươi mốt tuổi. Chết vào ngày hành.

Sinh vào ngày hành: Mùng tám tháng tám năm thứ tám bị nạn. Nếu không qua đời thì được phú quý, chỉ có hai anh em, sống lâu ít bệnh, có đức hạnh, biết chánh pháp, rất nhiều bạn bè, giỏi tay nghề. Sống tám mươi tám tuổi. Chết vào ngày thức.

Sinh vào ngày thức: Mùng năm tháng năm năm thứ năm bị nạn. Nếu không qua đời thì lanh lợi dũng mãnh, luôn thiếu thốn vật quý, ai thấy đều hoan hỷ. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày danh sắc.

Sinh vào ngày danh sắc: Mùng sáu tháng sáu năm thứ chín, thứ mười gặp hoạn nạn. Nếu không qua đời thì ít bệnh, nhiều oán thù, con bị chết yểu, nghèo khổ, thiếu thốn, sợ sệt. Về sau được phú quý, ưa thích bố thí. Sống tám mươi tuổi, chết vào ngày lục nhập.

Sinh vào ngày lục nhập: Mùng năm trong tháng ba tháng tư, năm thứ tám thứ chín gặp tai nạn. Nếu không qua đời thì bị ganh ghét, nhiều bệnh, bần cùng khốn khổ, keo kiệt, tham đắm ái. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày xúc.

Sinh vào ngày xúc: Ngày hai mươi lăm, trong tháng ba tháng chín, năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì luôn luôn bệnh hoạn, ăn nói khéo léo biết phương pháp, cố chấp ngã kiến, có tài sản, đố kỵ sắc đẹp. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày thọ.

Sinh vào ngày thọ: Mùng hai, mùng mười, tháng hai tháng tám, năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì ở chỗ rất tôn quý, rất giàu sang, có hai vợ, nhiều của cải, giỏi tay nghề. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày ái.

Sinh vào ngày ái: Mùng mười, tháng ba tháng năm, năm thứ chín gặp

nạn. Nếu không qua đời thì giàu sang số một, con cháu đầy đàn, ít bệnh, nhiều thù oán. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày thủ.

Sinh vào ngày thủ: trong mùng chín, hai tháng tám và chín, năm thứ chín gặp nạn. Nếu không qua đời thì khinh mạn khó điều phục, bạn bè bạo ác, rất nhiều oan gia, làm điều sai trái phạm giới. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày hữu.

Sinh vào ngày hữu: Mùng chín, tháng hai tháng tám, năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì ham vợ người, ít ngủ, giòng họ giàu sang, đứng đầu trong quân đội. Sống sáu mươi tuổi. Chết vào ngày chi sinh.

Sinh vào ngày chi sinh: Mùng năm, tháng chín, năm thứ chín, mười bị nạn. Nếu không qua đời thì giàu có, nhiều bệnh, giữ gìn đất nước, tôn sùng đạo đức. Sống bảy mươi tuổi. Chết vào ngày lão tử.

Sinh vào ngày lão tử: Mùng hai, trong tháng chín, năm thứ chín bị nạn. Nếu không qua đời thì ngu si mê loạn, tham lam trộm cướp, thông minh lanh lợi, quyến thuộc hòa thuận, rất nhiều oan gia. Sống sáu mươi bốn tuổi. Chết vào ngày vô minh.

Trên đã so sánh xong về điềm lành.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Ai bệnh vào ngày vô minh thì đó là nạn Dạ-xoa, nên giữ gìn cẩn thận. Tối mùng năm khỏi bệnh.

Bệnh vào ngày hành: Mùng ba mùng bảy bị nạn, tối mùng hai lành bệnh.

Bệnh vào ngày thức: Mùng năm bị nạn, tối mùng bảy hết bệnh.

Bệnh vào ngày danh sắc: Vào mùng ba mùng năm bị nạn, ngay đêm ấy sống chết bấp bênh.

Bệnh vào ngày lục nhập: Vào mùng ba mùng bốn gặp nạn, tối mùng mười hết bệnh.

Bệnh vào ngày xúc: Mùng ba gặp nạn, mùng tám hết bệnh; thường bệnh nhưng sống lâu.

Bệnh vào ngày thọ: Mùng năm gặp nạn, mùng chín hết; tháng mười gặp nạn.

Bệnh vào ngày ái: Mùng tám mùng mười bị nạn, ngày mười chín sống chết bấp bênh.

Ngày thủ bị hoạn nạn: Nếu bị nạn ngày ấy, mùng mười chết.

Ngày hữu bị hoạn nạn: Mùng ba mùng chín bị nạn, tai nạn không bao giờ khỏi.

Ngày chi sinh bị tai hoạn: Mùng năm gặp nạn, mùng tám bớt, cho đến ngày hai mươi được khỏi nạn.

Ngày chi sinh bị tai nạn: Mùng ba mùng bảy bị nạn. Xảy ra tai nạn rồi được khỏi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Nếu người nào khi ra đi mà quán sát mười hai chi thì sẽ biết lành hay xấu.

Ngày vô minh: Đi về phương Đông thì an lạc tốt đẹp; đi thật xa về phương Nam tranh cãi kiện tụng đều được như ý; đi về phương Tây: Nghe chuyện không vừa ý; đi phương Bắc: Nghe tiếng hòa nhã êm dịu.

Ngày chi hành đi về phương Đông: Đi xa bình an không chướng ngại; đi phương Nam: Lo buồn, trở về an vui; đi phương Tây: Trên đường được ăn uống đầy đủ; đi phương Bắc: Trở về bình an.

Ngày chi thức đi về phương Đông: Trên đường đi rất khổ sở; đi phương Nam: Được trở về chỗ cũ; đi phương Tây: Gặp tranh cãi kiện tụng, bị lừa gạt; đi phương Bắc: Mắc tội trở về chỗ cũ.

Ngày danh sắc đi về phương Đông: Được tốt lành giàu có; đi phương Nam: Mọi việc đều viên mãn; đi phương Tây: Được sự mong cầu; đi phương Bắc: Trên đường nhiều khổ sở.

Ngày lục nhập đi về phương Đông: Được nhiều tài lợi; đi phương Nam: Tốt lành, trở về theo ý muốn; đi phương Tây: Ước nguyện đều đầy đủ, tất cả đều thành tựu; đi phương Bắc: Được theo sự mong cầu.

Ngày xúc đi về phương Đông: Tài của bị mất mát; đi phương Nam: An ổn; đi phương Tây: Tranh cãi, sợ hãi; đi phương Bắc: Mau trở về, tài lợi phát đạt.

Ngày chi thọ đi về phương Đông: Lo buồn sợ hãi, đi qua khỏi được thoát; đi phương Nam: Sợ hãi tranh cãi; đi phương Tây: Nghe tin người mất; đi phương Bắc: Được lợi theo ý muốn, nghe tin không vui.

Ngày chi ái đi về phương Đông được tài lợi; đi phương Nam: Tài lợi ít, mau về lại chỗ cũ; đi phương Tây: Nghe tin người mất; đi phương Bắc: Tự do vui sướng.

Ngày chi thủ đi về phương Đông: Sợ hãi, trên đường đi gặp nhiều khổ sở; đi phương Nam: An lạc; đi phương Tây: ít lo sợ; đi phương Bắc: Được như ý muốn, mau trở về chỗ cũ.

Ngày chi hữu đi phương Đông: khổ sở lo sợ; đi phương Nam: Mau về chỗ cũ, được lợi ích theo ý muốn; đi phương Tây: Mọi việc tiến triển,

mau về lại chỗ cũ; đi phương Bắc: Được lợi ích, mau trở về chỗ cũ.

Ngày chi sinh đi về phương Đông: Tài sản bị phá hoại; đi phương Nam: Hợp ý; đi phương Tây: Được về chỗ cũ; đi phương Bắc: Có tài lợi.

Ngày Lão tử đi về phương Đông: Mau chóng trở về; đi phương Nam: Được nghe lời thương mến; đi phương Tây: Sợ hãi; đi phương Bắc: Trở về bình an, vui vẻ tốt đẹp.

Bấy giờ, đại chúng lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đời có giặc cướp thì sao biết rõ được?

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Nếu muốn biết rõ những việc của giặc cướp thì cần xét kỹ mười hai chi hữu.

Này các thiện nam! Nếu ngày vô minh có giặc cướp đến, của cải ở phương Bắc bị tổn thất, giặc đi vào phương Đông của nhà, tâm giặc độc ác, tóc ít; ở đó không lâu, đến mùng chín chắc chắn lấy lại được tài của.

Ngày chi hành có giặc cướp, với tướng mạo màu đỏ sậm, mặc áo cũ, giặc ấy bị tội. Nếu đến phương Đông thì việc ấy tự hết.

Ngày chi thức có giặc cướp, từ nhà họ đi ra, tóc ít màu đỏ sậm, nghe người ngoài nói được lấy lại tài vật.

Ngày chi danh sắc có giặc cướp, tuy hai anh em nhưng có một người không tốt, đứng đầu trong tay nghề, đến ngày hai mươi mốt thì lấy lại được của cải quý báu.

Ngày lục nhập có giặc cướp, ra khỏi nhà họ, thân thể màu vàng sậm, ganh ghét xấu ác, mắt to dữ tợn, đi dọc theo ven sông, đồ đạc cất giấu trong nhà gần chỗ ở quyến thuộc, đến mùng hai được mất không rõ, của cải không xác định.

Ngày chi xúc có giặc cướp, ra khỏi nhà, thân cao tóc đen, vui vẻ rồi lại si ám giống như khóc lóc. Nếu có tranh cãi thì lấy lại được tài vật.

Ngày chi thọ có giặc cướp, có một người trong xóm làng, chó trong nhà màu đen, đến ngày hai mươi chắc chắn bắt được cướp.

Ngày chi ái có giặc cướp, họ từ phương Tây đến ở riêng một làng, thân cao đẹp, chân chó trong nhà màu đen, tranh cãi và bàn luận với người ấy chắc chắn được việc.

Ngày chi thủ có giặc cướp từ phương Nam đến, tranh cãi và bàn luận với một người trong số đó chắc chắn lấy lại được tài sản.

Ngày chi hữu có giặc cướp từ phương Đông đến, biện luận lanh lợi, gian trá nhiều nghi ngờ, từ quyến thuộc mà ra.

Ngày chi sinh có giặc cướp, cùng đi ba người, trong đó hai người lạ, một người quen thân, vội vàng tìm kiếm, cuối cùng lấy lại được tài của quý báu.

Ngày chi lão tử có giặc cướp đến từ phương Bắc, hình dáng gọn gàng, răng hư đầu tóc bạc, đến ngày hai mươi lăm thì lấy lại được tài sản.

Bấy giờ, trong chúng hội bạch:

–Bạch Thế Tôn! Với các chi, khi mắt bị nháy động thì sự việc xảy ra như thế nào?

Đức Phật bảo đại chúng:

–Nếu người nào muốn biết việc này cần phải xét kỹ mười hai duyên sinh thì biết rõ tất cả buồn vui ở vị lai, chắc chắn không hư dối.

Thiện nam nào ở chi vô minh khi mắt trái nháy động thì cha mẹ kinh sợ.

Ngày chi hành, mắt trái nháy động thì vui vẻ.

Ngày chi thức, mắt trái nháy động: Mong muốn hay xả bỏ đều vừa ý.

Ngày chi danh sắc, mắt trái nháy động: Thu hoạch được tài lợi.

Ngày chi lục nhập, mắt trái nháy động: Cha mẹ không vui vẻ.

Ngày chi xúc, mắt trái nháy động: Chắc chắn có tranh luận.

Ngày chi thọ, mắt trái nháy động: Mong cầu điều gì đều vừa ý.

Ngày chi ái, mắt trái nháy động: Có người thân cốt nhục đến.

Ngày chi thủ, mắt trái nháy động: Xảy ra tranh luận.

Ngày chi sinh, mắt trái nháy động: Có thư từ, tin tức ở xa.

Ngày lão tử, mắt trái nháy động: Sở cầu đều thuận theo ý muốn.

–Nếu ai quán sát mười hai chi nhân duyên thì đều biết rõ:

Ngày chi vô minh, mắt phải nháy động: Cha mẹ kinh sợ.

Ngày chi hành, mắt phải nháy động: Mọi việc đều đạt theo ý muốn.

Ngày chi thức, mắt phải nháy động: Xảy ra tranh luận.

Ngày chi danh sắc, mắt phải nháy động: Có áo mới.

Ngày chi lục nhập, mắt phải nháy động: Tài sản bị phá tan.

Ngày chi xúc, mắt phải nháy động: Có tài vật.

Ngày chi thọ, mắt phải nháy động: Có việc đau buồn khóc than.

Ngày chi ái, mắt phải nháy động: Tài sản ít bị mất.

Ngày chi thủ, mắt phải nháy động: Thu hoạch nhiều trân bảo.

Ngày chi hữu, mắt phải nháy động: Tranh luận, mất tài của kiếm lại

được.

Ngày chi sinh, mắt phải nháy động: Mong đợi người đến hay cầu tài vật chắc chắn có.

Ngày chi lão tử, mắt phải nháy động: Có sự vui mừng, hòa hợp thành tựu.

Việc mắt nháy động đã nêu xong.

-oOo-

KINH THẬP NHỊ DUYÊN SINH TƯỜNG THỤY

(Điềm lành của mười hai nhân duyên)

QUYỂN HẠ

Mùng một tháng mười năm Hợi thuộc chi vô minh.

Mùng một tháng mười một năm Tý thuộc chi hành.

Mùng một tháng mười hai năm Sửu thuộc chi thức.

Mùng một tháng giêng năm Dần thuộc chi danh sắc.

Mùng một tháng hai năm Mão thuộc chi lục nhập.

Mùng một tháng ba năm Thìn thuộc chi xúc.

Mùng một tháng bốn năm Tỵ thuộc chi thọ.

Mùng một tháng năm năm Ngọ thuộc chi ái.

Mùng một tháng sáu năm Mùi thuộc chi thủ.

Mùng một tháng bảy năm Thân thuộc chi hữu.

Mùng một tháng tám năm Dậu thuộc chi sinh.

Mùng một tháng chín năm Tuất thuộc chi lão tử.

Pháp nói:

Chi hữu chuyển thuận, lâu ngày chảy ngược, còn tháng hắc, bạch, như kinh giảng nói.

Bấy giờ, trong chúng hội có vô lượng trời, người bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chim quạ kêu thời gian đến bất thường, làm sao biết rõ, cúi xin Ngài giảng nói.

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Với mười hai chi duyên sinh, ai quán sát thật kỹ thì biết được vui hay buồn.

Ngày vô minh quạ kêu bên phải thì vợ con vui vẻ; quạ kêu bên trái thì chắc chắn có người ở xa đến.

Ngày chi hành quạ kêu bên phải thì an vui; kêu bên trái có tài.

Ngày chi thức quạ kêu bên phải mong muốn được như ý; quạ kêu bên trái: Hy vọng không thành tựu.

Ngày chi danh sắc quạ kêu bên phải được tài; quạ kêu bên trái bị ngồi tù.

Ngày chi lục nhập quạ kêu bên phải thì sợ hãi; quạ kêu bên trái thì tranh cãi kiện tụng.

Ngày chi xúc quạ kêu bên phải: sợ hãi; kêu bên trái có người nhà đến.

Ngày chi thọ quạ kêu bên phải: hợp ý; kêu bên trái được tin, mất mát tài sản.

Ngày chi ái quạ kêu bên phải: an lành; kêu bên trái có tin vui.

Ngày chi thủ quạ kêu bên phải bị khổ sở; kêu bên trái được an vui.

Ngày chi hữu quạ kêu bên phải có người đến thăm; kêu bên trái an lành.

Ngày chi sinh quạ kêu bên phải cầu gì được nấy; kêu bên trái được tin, tài sản bị phá hoại.

Ngày chi lão tử quạ kêu bên phải không có hoạn nạn; kêu bên trái tài sản bị phá hoại còn ít.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy chúng hội:

–Người nào vào ngày vô minh quạ kêu phương Bắc chắc chắn có lợi.

Ngày chi hành, quạ kêu phương Bắc có sự an lành.

Ngày chi thức, quạ kêu phương Bắc may mắn hợp ý.

Ngày chi danh sắc, quạ kêu phương Bắc nghe những điều vui vẻ.

Ngày chi lục nhập, quạ kêu phương Bắc được việc đi xa, tài sản cách xa chắc chắn không lấy lại được.

Ngày chi xúc, quạ kêu phương Bắc xảy ra sự tranh cải kiện tụng.

Ngày chi thọ, quạ kêu phương Bắc an lành.

Ngày chi ái, quạ kêu phương Bắc không còn sự lệ thuộc.

Ngày chi thủ, quạ kêu phương Bắc có tin người chết.

Ngày chi hữu, quạ kêu phương Bắc chắc chắn có y phục tài vật.

Ngày chi sinh, quạ kêu phương Bắc có người đến thăm hỏi.

Ngày chi lão tử, quạ kêu phương Bắc tất cả an lành.

Bấy giờ, đại chúng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tâm và nướu của răng trên động thì biết được những gì?

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Với mười hai chi duyên sinh, người nào nhớ nghĩ không quên thì

đều thấu đạt rõ ràng.

Ngày chi vô minh, nướu của răng trên động có bậc Đại thánh đến.

Ngày chi hành, nướu của răng trên động, người chủ trong nhà hòa thuận.

Ngày chi thức, nướu của răng trên động chắn chắn có bậc Thánh đến.

Ngày chi danh sắc, nướu của răng trên động có nhiều tài vật.

Ngày chi lục nhập, nướu của răng trên động gặp phiền não.

Ngày chi xúc, nướu của răng trên động toại ý, vui vẻ.

Ngày chi thọ, nướu của răng trên động có điều sợ hãi.

Ngày chi ái, nướu của răng trên động gia tài phát triển.

Ngày chi thủ, nướu của răng trên động có người trong nhà chết yểu.

Ngày chi hữu, nướu của răng trên động, có bậc Thánh đến.

Ngày chi sinh, nướu của răng trên động, chắn chắn có trộm cướp.

Ngày chi lão tử, nướu của răng trên động trong nhà hòa hợp.

–Nếu ai quán mười hai chi thì biết rõ vui hay buồn.

Ngày vô minh tâm hồi hộp có tranh cãi kiện tụng phiền não.

Ngày chi hành tâm hồi hộp có tài vật.

Ngày chi thức tâm hồi hộp có sự sợ hãi.

Ngày chi danh sắc tâm hồi hộp, cha mẹ vui vẻ.

Ngày chi lão tử tâm hồi hộp sở cầu đều hợp ý có ngay.

Ngày chi xúc tâm hồi hộp cha mẹ sợ hãi.

Ngày chi thọ tâm hồi hộp đi về phương Nam cúng tế mới thích nghi an lành.

Ngày chi ái tâm hồi hộp bị nhiều phiền não.

Ngày chi thủ tâm hồi hộp có người xấu đến.

Ngày chi hữu tâm hồi hộp có sự lo buồn.

Ngày chi sinh tâm hồi hộp, chắn chắn lo sợ.

Ngày chi lão tử tâm hồi hộp nhất định có người già chết.

Bấy giờ, đại chúng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mười hai chi này có điềm lành như vậy. Đối với những việc dùng hằng ngày chưa có thể biết rõ thì làm như thế nào, cúi xin Ngài giảng nói.

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Nếu người nào đối với ngày chi vô minh và ngày chi hành: Nhóm

họp tiệc tùng, tu sửa ruộng vườn nhà cửa, hỏi việc gặp người sang trọng, gội đầu đều tốt, tắm rửa, may y phục nên cẩn thận.

Ngày chi hành: Tìm mọi cách để nghe pháp, học tập cung tên, thu phục oán thù giặc cướp, tắm rửa đều nên sử dụng, gội đầu gặp nạn, may y phục hư hoại dùng phải cẩn thận.

Ngày chi thức: Vua nhận quán đảnh, thu phục quân thù, sửa sang xóm làng quận huyện nhà cửa đều thành tựu tốt lành, gội đầu xúc miệng may y phục nên dùng; tắm rửa sợ hãi, nhất thiết nên cẩn thận.

Ngày chi danh sắc: Làm việc luôn thành công, cắt bỏ tóc, móng tay, tài của thâu đầy tràn đều nên dùng, gội đầu đổi sắc, tắm rửa sợ hãi. Nếu may y phục vui vẻ nhưng mau hư.

Ngày chi lục nhập: Vua thọ quán đảnh, sửa sang xóm làng viên mãn thành tựu, đừng cho người khác lễ bái, dời đổi nhà mới, của cải mau hết, thu hoạch mắc tội; tắm rửa cha mẹ sợ hãi, gội đầu được khen không sợ.

Ngày chi xúc: Làm việc thiện không thành tựu; việc ác hại người, mau bị phạm tội.

Ngày chi thủ: Làm việc gì cha mẹ đều sợ hãi, tắm rửa may y phục, người thương không bao lâu, chắc chắn bị bệnh huyết quang, may y phục chưa giặc chớ mặc.

Ngày chi thọ: Tìm cầu việc gì đều may mắn, giao dịch bố thí, tu sửa tịnh xá, vui vẻ nên dùng, gội đầu sợ hãi, đạt được không vừa ý; may y phục, mong muốn không khó khăn lắm, gặp bạn được may mắn.

Ngày chi ái: Của cải trân báu thu hoạch tốt lành, nhẹ nhàng mau chóng, việc làm rất may mắn, gội đầu không tốt, may y phục đầy đủ.

Ngày chi thủ: Cạo tóc trẻ con, làm việc nhẹ nhàng đều nên dùng. Thầy độ đệ tử, cạo bỏ râu tóc, điều chế thuốc thang, tiễn khách cưới gả, vui vẻ phú quý, tắm rửa được tài lợi, may y phục vui vẻ.

Ngày chi hữu: Kết giao bạn tri thức, tránh xa tất cả việc tranh cãi kiện tụng, không nên gội đầu, may y phục, tắm rửa đều may mắn.

Ngày chi sinh: Sửa sang nhà cửa, yên ngựa kho chứa; gặp quan sang trọng đều dùng tốt, tắm rửa đi xa cũng nên dùng; gội đầu vui vẻ, may y phục nên mặc ngay ngày ấy.

Ngày chi lão tử: Có việc không tốt xảy ra, sang giàu nhiều của cải, làm lợi ích và việc bàn luận xa lìa các điều quấy, gội đầu mau kết quả, ăn uống ngon ngọt, tắm rửa buồn phiền, may y phục rất lâu.

Khi ấy chúng hội bạch:

–Bạch Thế Tôn! Khi chân bị giật, đất động, quạ kêu, chó sủa, dầu, lửa, chuột làm hại, tốt xấu chưa hiểu rõ như thế nào, cúi xin Ngài giảng nói.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Với mười hai chi duyên sinh, người nào nhớ nghĩ quán sát kỹ thì sẽ biết được tốt hay xấu. Vì sao? Vì ngày chi vô minh, chân bị giật có tin vui.

Ngày chi hành, chân bị giật việc của chủ không tốt đừng dùng.

Ngày chi thức, danh sắc chân bị giật xảy ra tranh luận.

Ngày chi lục nhập, chân bị giật có người chết.

Ba ngày chi xúc, thọ, ái, chân bị giật xảy ra sự tranh cãi.

Ngày chi thủ, chân bị giật có người chết.

Ngày chi hữu, chân bị giật được y phục.

Ngày chi sinh, sợ hãi nạn cướp bệnh tật.

Ngày chi lão tử, chân bị giật có sự đau buồn.

–Lại nữa quán sát mười hai hữu chi:

Ngày chi vô minh chân bị giật: Có giặc cướp đến nhà; chó sủa thì có người xa đến thăm hỏi; áo bị cháy không sao; áo bị chuột cắn bị tai nạn; quạ kêu có người nhà đến thăm; áo bị bẩn dầu có tin người chết; đất động được ân vua.

Ngày chi hành chân bị giật: Ra đi được may mắn; chó rủa có chút việc quan trọng; quạ kêu chắc chắn có tin mừng hoặc thấy bệnh huyết quang; áo bị cháy thì an lành; áo bị chuột gậm được giàu có lớn; áo bị bẩn dầu được nhiều của cải; đất động bị đói khát, giặc cướp sát hại, người nước ngoài đến xâm lăng.

Ngày chi thức chân bị giật: Có phi nhân đến; chó sủa có giặc cướp đến được lấy lại của cải; quạ kêu xảy ra tranh cãi; áo bị cháy thì có lại; áo bị gậm của cải mất lấy lại được; áo bị bẩn dầu cha mẹ sợ hãi; đất động hai vua thôn tính nhau.

Ngày chi danh sắc chân bị giật được tài lợi không cầu mà tự nhiên đến; chó sủa có người chết; quạ kêu có người thân đến; áo bị gậm bị mất của, có cướp đến; áo bị cháy được vui vẻ; áo bị bẩn dầu có đại nhân nhớ nghĩ; đất động có xảy ra oán giặc, dẹp trừ sự tranh giành cho đất nước.

Ngày chi lục nhập nếu chân bị giật có bạn từ xa đến, gia đình an vui; chó sủa có tranh cãi; quạ kêu có người đến, làm việc hòa hợp; áo bị chuột cắn có người chết đuối; áo bị cháy bị tổn hại, tranh cãi được tài lợi; áo bị bẩn dầu có việc sợ hãi; đất động người già chết.

Ngày chi xúc chân bị giật được nghe tin vui; chó nhà sủa có giặc cướp

đến; quạ kêu sợ hãi; áo bị chuột cắn được tài vật; áo bị cháy biểu hiện có người chết; áo bị bẩn dầu quyến thuộc vui vẻ; đất động có tranh cãi.

Ngày chi thọ chân bị giật ra đi vui vẻ; chó nhà sủa có Thánh giả đến; áo bị chuột gậm được gặp chủ; áo bị cháy có việc nhỏ xảy ra; áo bị dơ dầu không vừa ý; đất động chắn chắn có tin xa đến.

Ngày chi ái chân bị giật có tài; chó sủa không đúng lúc chắc chắn có kiện tụng giận dữ; quạ kêu nghe tin của con; áo bị chuột cắn nhất định có người chết; áo bị cháy có tài vật; áo bị bẩn dầu may mắn; đất động chắn chắn có oán giặc và có sứ mạng từ phương Đông đến.

Ngày chi thủ chân bị giật mắc tội, có tin người chết; chó sủa không đúng lúc có xảy ra tranh cãi; quạ kêu có quyến thuộc chết; áo bị chuột cắn có nạn đói khát; áo bị cháy chắc chắn được lợi; áo bị dơ dầu bị mất mát của cải; đất động có kẻ bên ngoài đến xâm hại.

Ngày chi hữu chân bị giật nghe tin giặc đến; chó sủa không đúng lúc đất đai không an ninh; áo bị chuột gậm nhà có kẻ giặc đến; áo bị cháy được ăn uống ngon; áo bị bẩn dầu vui vẻ; đất động được phồn thịnh.

Ngày chi sinh chân bị giật người ở xa mau về; chó sủa không đúng lúc có việc vui vẻ; quạ kêu an vui hòa hợp; áo bị chuột cắn nhiều tài lợi; áo bị lửa cháy đồ đạt tăng trưởng; áo bị bẩn dầu chắn chắn có tin vui; đất động có quân binh kéo đến.

Ngày chi lão tử chân bị giật tranh luận không thật; chó sủa không đúng lúc có bạn ở xa đến; quạ kêu có tranh cải; áo bị chuột cắn mất mát của cải; áo bị cháy gặp nạn ở tù; áo bị bẩn dầu xảy ra tranh luận; đất động có nạn ở phương Đông.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Đối với mười hai hữu chi duyên sinh, người nào nhớ nghĩ không quên thì chắc chắn thấu rõ những việc buồn vui.

Ngày chi vô minh: Đạt được tài vật.

Ngày chi hành: Lượm nhặt tài vật.

Ngày chi thức: Học tay nghề.

Ngày chi danh sắc: Quyến thuộc vui vẻ.

Ngày chi lục nhập: Kết bạn được tốt.

Ngày chi xúc: Nên phá dẹp quân oán thù.

Ngày chi thọ: Nên cưới hỏi.

Ngày chi ái: Vâng lệnh vua ngăn chặn điều phi pháp.

Ngày chi thủ: Nên biết việc của người trên.

(Bản Hán thiếu hai chi hữu và sinh)

Ngày chi lão tử: Xảy ra nghiệp phi pháp, chánh hạnh không dùng.

Bấy giờ, đại chúng bạch Thế Tôn:

–Mười hai chi này khi bói hỏi phải làm thế nào?

Thế Tôn bảo đại chúng:

–Người nào với ngày vô minh muốn xin bói hỏi thì được tài vật, yên ngựa may mắn, quyến thuộc hòa hợp, không mong cầu chớ được dùng.

Ngày chi hành: Việc nên bói hỏi, ra đi được ăn uống, nhớ con nghĩ đến bạn, nói pháp đều tốt đẹp.

Ngày chi thức: Nếu bói hỏi gặp việc chớ vội vui, kết bạn tri thức, không buồn phiền, nói năng thành công, tai nạn được tiêu trừ.

Ngày chi danh sắc: Nếu bói hỏi sợ sệt phiền não, việc làm không thành công, cốt nhục ly biệt.

Ngày chi lục nhập: Đi bói hỏi đạt được tài lợi, gia thất an vui, con cái giàu sang.

Ngày chi xúc: Bói hỏi có tranh cãi, lo buồn sợ giặc, hoạn nạn vô cớ, quyến thuộc không hòa.

Ngày chi thọ: Muốn bói hỏi được nhiều vật báu, thức ăn uống y phục, gia thất an hòa, trang hoàng đầy đủ.

Ngày chi ái: Muốn bói hỏi tâm ý phân rẽ, sở cầu không thành, tất cả đều thành tựu.

Ngày chi thủ: Bói hỏi ai thấy đều hoan hỷ khen ngợi hộ trì, được phục vụ ngay tại chỗ, được tài lợi vui vẻ.

Ngày chi hữu: Muốn bói hỏi sợ bị tội pháp vua, phá hoại lo buồn, cốt nhục ly tan.

Ngày chi danh: Muốn bói hỏi được nhiều tài vật, ai nấy hài hòa, viên mãn thành tựu, bạn tốt vui mừng, trân trọng khen ngợi.

Ngày chi lão tử: Muốn bói hỏi thiện ác không chính xác, gặp sao hung không tốt đẹp, việc hư hao rất lo âu, luôn tham lam, sân hận.

Nói pháp này xong, Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Nếu người nào quán kỹ mười hai duyên sinh thì hiểu rõ thiện ác, vui buồn, được mất. Nên vẽ bản đồ bánh xe quay viết rõ ràng vào đó. Nghĩa là từ vô minh đến lão tử. Ghi ngày tháng rõ ràng, sắp xếp theo thứ tự mười hai tướng trạng là chuột, bò, cọp, thỏ, rồng, rắn, ngựa, dê, khỉ, gà, chó, heo (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi). Hãy đem

bản đồ bánh xe quay theo thứ tự mà giảng nói cho người.

Nghe Phật giảng nói vậy, đại chúng rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 720

KINH VÔ MINH LA-SÁT TẬP

Hán dịch: Mất tên người dịch (Nay dựa vào bản sao lại đời Tần).

QUYỂN THƯỢNG

Mười hai Nhân duyên là gốc của sinh tử, là hang sâu, nhà ở của tất cả chúng sinh, là cảnh giới cư ngụ của Thiên ma Ba-tuần. Nếu ai có trí tuệ quán xét tất cả những tội lỗi, hoạn nạn của nhân duyên thì vĩnh viễn không còn sa vào sinh tử. Cảnh giới của ma là Thiên ma.

Bấy giờ, phát sinh lo buồn lớn, biển cả nhân duyên sâu rộng không bờ bến. Người trí vào biển này giống như chủ buôn, quán sát tánh tướng thì có thể hiểu biết rõ ràng đạt được châu báu vô thượng là Nhất thiết chủng trí. Trong các Thần chú đây là tối thượng vi diệu. Trong vô lượng kiếp, chư Phật Thế Tôn tu hành sáu pháp Ba-la-mật, tích chứa các hạnh lành, đoạn trừ các kết sử và ma năm ấm, ma chết cùng ma phiền não, lập vững những lời thệ nguyện mong cầu đoạn trừ sinh tử để thoát khỏi ba cõi, thành tựu mười Lực, bốn Vô sở úy. Nơi tất cả pháp đạt được Trí vô ngại, làm ngọn đèn sáng cho tất cả chúng sinh. Người chứng đắc tịch diệt là bạn lành rất thân thiện của chúng sinh trong ba cõi, có thể chuyển bánh xe chánh pháp, thổi loa đại pháp, giương cao buồm pháp lớn, đánh trống đại pháp, thắp đèn đại pháp, dựng cầu đại pháp, chèo thuyền đại pháp, cất cao tiếng pháp, cứu độ người qua bờ bên kia, hoàn thành các nguyện rộng lớn, thu phục tất cả hàng ngoại đạo, cứu độ tất cả những ai có duyên, làm cho các hàng trời, người đều có lòng tin hiểu. Bậc Đại nhân như vậy đối với các pháp khác đều không sinh tâm cho là chưa từng có, đối với pháp nhân duyên lại khởi tưởng sâu xa cho là hiếm có. Chỉ có Phật Như Lai mới có thể hiểu tận tường nghĩa thâm diệu, còn những người trí khác không ai có thể hiểu được. Những hàng đại tiên đầu vàng cậy mình có trí tuệ rất kiêu mạn còn bị vô minh che lấp, đem trí hữu lậu tạo ra các bộ kinh luận cũng không thể thoát khỏi những tà kiến điên đảo, mê hoặc. Dù mặc áo bằng cỏ, đoạn thực, ở nơi thanh vắng với trăm ngàn khổ hạnh nhưng cuối cùng vẫn ở trong sinh tử

không chút giải thoát. Tất cả chúng sinh bị vô minh che lấp nên sinh tham. Do tham làm nhân duyên nên vào trong biển lớn bị gió dữ xoáy sâu, băng lội qua đường sá xa xôi cách trở mạo hiểm suýt chết. Nơi chiến trường tàn hại lẫn nhau, chịu đựng vô lượng khổ não. Nếu ai hiểu mười hai nhân duyên một cách sâu xa thì thấy năm đường trong ba cõi này do nhân duyên ấy tạo ra các nghiệp, thọ đủ loại thân. Ví như thế gian, ai khéo tạo nhạc thì sử dụng tám âm, cung thương hài hòa, thanh, luật hợp nhau phát cùng một lượt. Lại như thợ vẽ giỏi trình bày khéo léo các màu sắc, khắc họa hình tượng tươi sáng đẹp đẽ. Mười hai nhân duyên cũng lại như vậy, có thể kết hợp tạo ra các quả của nghiệp, luân hồi trong sinh tử không cùng tận. Như con trùng Khẩn-na biến đổi màu sắc theo ba thời kỳ. Đầu tiên biến màu đất, giữa chừng biến màu đỏ và cuối cùng biến thành màu vàng. Mười hai nhân duyên cũng lại như vậy, có thể biến các chúng sinh nơi ba thời gian thành già, bệnh và chết. Ba cõi, năm đường, rắn độc bốn đại, giặc cướp năm ấm, làng trống sáu nhập, lại có thể biến làm Chuyển luân thánh vương, Thích, Phạm, Tứ thiên và các vua nhỏ thọ hưởng diệu lạc.

Hoặc làm người nghèo giàu, sang hèn, ngu dốt, trí tuệ, sống lâu, chết yểu. Hoặc làm thân trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu đủ các khổ sở không thể tính kể. Không có thầy mà Đức Thế Tôn tự giác ngộ. Dùng thuốc trí tuệ để mở màng mắt vô minh của Kiều-trần-như…. Dùng mưa đại pháp để dập tắt ngọn lửa phiền não của Ưu-lâu Ca-diếp…. dùng thuốc trí tối thượng là nhận biết nhân duyên để điều trị bệnh kết sử của Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên…. Dùng móc câu trí này đưa Ma-ha Ca-diếp vào đường chân chánh của Phật. Dùng thang chánh pháp để các Bà-la-môn đại danh bước lên nhà giải thoát. Dùng búa trí ấy chặt đứt cây thân kiến của các đại A-la-hán: Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, A-nâu-lâu-đà, Phú-lâu-na, Ma-ha Câu-hy-la, Nan-đà, Tôn-đà-la Nan-đà…. Dùng chân trí ấy để diệt trừ tâm niệm nơi Phạm vương cho rằng mình có tưởng Nhất thiết trí. Dùng diệu lực của trí này làm cho Thiên đế cầu xin làm đệ tử. Dùng pháp tài ấy phân chia cho tám vạn bốn ngàn người đi theo vua Tần-bà-sa-la được đầy đủ không bị hao tổn. Dùng chánh trí này khiến cho vua Bạch Tịnh làm Pháp vương tử. Dùng đại trí ấy cứu vớt nỗi khổ A-tỳ của Ương-quật-ma-la cực ác, trí ấy có thể làm cho Bà-la-môn, cư sĩ quay về với chánh đạo, có thể tạo sự trang nghiêm lớn để người nữ trí cạn cợt thâm nhập vào giác ý. Dùng sức như thế để thu phục Phạm chí móng tay dài, để có thể phá trừ sức mạnh của Tát-già-ni-kiền, có thể làm cho Bà-la-môn Am-mộc-tra sợ hãi, làm dứt tư tưởng của Bà-la-môn Thi-la-bặc cho mình có đại trí. Dùng nước cam lộ ấy cho người ngu ám uống để được đại trí. Dùng năng lực của chú nguyện

này làm cho rắn độc bốn đại không thể cắn được. Rút đao ra khiến cho giặc cướp không ai có thể đuổi theo kịp. Dùng pháp nhãn ấy để thấy rõ sáu nhập là xóm làng trống vắng. Dùng quân của pháp này phá tan oán địch là năm triền cái, có thể đạt được trí đứng đầu không sợ năm dục. Dùng trí thuyền pháp ấy để vượt qua biển cả sóng gió kết sử đến bờ Niết-bàn. Dùng trí tuệ này vượt qua sông tro lớn, không bị thiêu đốt do các nhập trong và ngoài. Có thể khiến cho mũi nhọn kết sử khổ não không hề đâm trúng được. Có thể ở trong chỗ rất tối tăm là vô minh nhưng không mê muội. Nếu chúng sinh nào quán sát, làm ánh sáng chiếu rực rỡ để an lập chúng sinh nơi đất bằng phẳng của giới đạt được Niệm xứ để làm sự nghỉ ngơi, băng qua đường chánh cần lên ngôi nhà như ý, leo lên lầu năm căn vào phòng năm lực, ngửi mùi thơm bảy Giác chi, uống nước tám Chánh đạo, ngồi nơi giường Niết-bàn hữu dư, tiếp xúc ngọn gió mát vô lậu của bốn Thiền. Ai làm được như vậy tức là tri thức thiện chân chánh của chúng sinh. Không phá giới thanh tịnh, tu tập thiền định, làm tăng trưởng tuệ giác, phá trừ các cõi ác, đạt được đạo giải thoát, quán sát bốn phương là bốn Đế, đốt cỏ là các kiến chấp, phá tan đá thân kiến, bẻ gãy đại A-tu-la giới thủ, thấy rõ lưới của ma năm dục, vượt qua đường nguy hiểm đồng hoang đến thành Niết-bàn, cắt đứt lưới tham dục, phá tan quỷ ganh ghét Tỳ-xá-già, rửa sạch tham keo, nhổ ra ngã mạn, triệt hạ ngã, ngã sở, nhổ gốc ba độc, diệt các kết sử, chấm dứt vòng sinh tử, đoạn trừ dây thọ thân, phá bỏ vòng xích sắt nhân duyên, làm ngã cây đại thọ um tùm ba cõi, thoát khỏi hẳn bào thai, vượt qua biển khổ lớn già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não.

Muốn biết nhân duyên
Thể tánh vi tế
Nếu ai thiếu trí
Nói thật tướng nó.
Như người đem đầu
Muốn chọi núi đá
Là lưới rất rộng
Bao quanh ba cõi.
Đây là rừng tà
Mê hoặc hành giả
Đây là bẫy xấu
Bẫy nai phàm phu.
Ai lọt bẫy này
Pháp lành bị diệt
Ma chiên-đà-la

Bị trúng tên độc.
Đây là khoan trí
Khoan biển vô minh
Ai khoan biển duyên?
Thích-ca Mâu-ni
Thành tựu đại trí
Cam lộ Niết-bàn.

Mười hai nhân duyên này chỉ có Đức Phật có thể thấy, có thể trừ diệt sự mê hoặc nơi chính mình và còn đem giáo hóa cho người khác. Như xưa kia, được nghe vua Chiết-trá ở thành Uất-thiền-na siêng năng tu tập bố thí, hạnh tốt nhẫn nhục, cung kính các bậc tôn túc, có sức mạnh lớn, binh chúng hùng dũng, oai lực thu phục bốn biển, sáng suốt trong việc trị vì, xét xử an ủi vỗ về, thương dân chúng giống như bò mẹ thương nghé con. Thời gian sau, dân chúng ở thành Uất-thiền-na bị bệnh dịch rất nặng, người chết hơn nửa. Số dân trong thành ít dần. Mặc dù dùng thuốc thang để giảm bớt tai nạn, nhưng lại càng cháy dữ dội hơn giống như thêm dầu vào lửa. Người chết đến nỗi trên các ngả đường chỉ còn ít dấu chân người. Chó sói, dã can đầy khắp các ngõ hẻm và còn xâm nhập vào nhà người. Chim diều hâu, chim thứu bay từng đàn che cả mặt trời, mặt trăng. Cả thành đau thương, kêu khóc gào thét khắp các nẻo đường. Thây chết trong thành gom lại giống như nghĩa địa.

Thấy dân chúng trong nước chết quá nhiều như vậy, vua Chiết-trá lòng đau như cắt, khổ não giống như vào trận chiến bị địch bắt trói, đau buồn lo sợ quên cả tánh mạng. Vào đêm yên tĩnh, một mình suy nghĩ về phương kế, lập chí kiên cường bằng cách nào để đuổi con quỷ bệnh dịch ấy. Vua lấy thuốc A-già-đà thoa khắp thân, đọc chú hộ thân, mặc áo giáp châu như ý, cầm kiếm bén nhọn một mình ra khỏi cung điện, đến miếu nơi đầu đường ở ngã tư trong thành, vua nhìn khắp nơi lòng giếng, dưới cầu, rừng cây, chợ búa, bến đò, thấy những con quỷ với những thân tướng và giọng nói khác nhau, đang tàn hại, rất hung ác, giết người vô đô, thây chết nằm la liệt ở trước mặt chúng. Chúng lấy đầu lâu làm vật đựng máu tủy người, tay móc ruột phổi lòi phân nhơ nhớp, hoặc lấy ruột người quấn trên thân, giật thây người chết ăn rồi cãi vả, tranh giành, xô đánh nhau. Ác quỷ yêu mị tai ác như vậy đầy khắp trong thành.

Thấy vậy, như chim cánh vàng muốn bắt rồng, vua liền xâm nhập trong bọn quỷ nói với con quỷ Đát sất:

–Vì sao ngươi làm như thế?

Rồi vua dùng kệ hỏi:

Vì sao dùng ruột người
Quấn xen vào thân ngươi
Tay cầm vật đầu lâu
Đựng đầy máu tủy não?
Sống gây bệnh tật dữ
Luôn cướp mạng căn người
Ăn nuốt máu thịt người
Để no nê đầy đủ?

Các con quỷ dùng kệ trả lời:

Tôi là quỷ đi đêm
Pháp ăn thịt tủy người
Phèo phổi và năm tạng
Như được nếm cam lộ
Nay dân ông bị họa
Chính do tôi gây ra.

Vua hỏi:

–Tai họa như vậy thật sự là do ngươi gây ra?

La-sát đáp:

–Chính do tôi tạo ra.

Vua lại hỏi:

–Ngươi nay tại sao không mau bỏ việc này?

Các quỷ đáp:

–Tôi không thể bỏ được. Vì sao?

Thép đâm đầu nhọn
Thể tánh lửa nóng
Tánh của La-sát
Pháp ăn thịt người.

Vua lại hỏi:

–Vì sao ngươi không buông bỏ việc làm này? Người không thấy đao sắc của ta như mây xanh, như hoa Ưu-bát, như rắn độc lúc giận dữ sao? Với sức lực của cánh tay, ta cầm cây kiếm bén này đủ để khiến ngươi từ bỏ việc làm ác.

La-sát trả lời:

–Ông là vua trong thiên hạ có quyền lực, bày dùng sức lực và đao bén để cắt thân tôi thì giống như hạt mè. Mặc dù có thể như lửa gây ra tai

họa nhưng cũng không thể diệt được tôi.

Vua hỏi:

–Vì sao ngươi biết không diệt được?

La-sát liền chỉ cây đại thọ ở phía Nam rồi trả lời:

–Dưới cây ấy có đại La-sát mặt gồm bốn mắt, ngó liếc dữ tợn, tướng mạo hung ác, tay chụp mắt nhìn, có thể gây tai họa lớn giết chết người. Tật bệnh này do La-sát ấy gây nên khiến cho chúng sinh chết chóc cùng tận. Ông là đại trượng phu, trước tiên hãy đến thu phục nó thì chúng tôi sẽ theo ông.

Nghe nói vậy, vua vội vàng đến nói với đại La-sát:

–Tên ngươi là gì?

–Tôi tên Thùy Phúc (Ruột thòng) muốn hiện hình lúc nào cũng được. Với sức lực của mình tôi có thể làm cho dân chúng của ông bị tai họa.

Nghe vậy, vua nói:

–Nay ta có thể khiến tai họa chấm dứt.

La-sát hỏi:

–Nói chấm dứt là thế nào?

Vua bảo:

–Lâu nay ta suy nghĩ về những kẻ nào đã làm cho thế gian này đau khổ. Hiện nay mới biết là chính ngươi, ta không để cho dân chúng bị đau khổ nữa.

La-sát hỏi:

–Ông định làm gì?

Vua nói:

–Cây kiếm bén này của ta chưa hề nếm máu. Vì muôn dân trong nước, chắc chắn hôm nay ta phải dùng kiếm này để uống máu ngươi giống như uống cam lộ.

La-sát nói:

–Việc ấy thật uổng công, không thể nào giải quyết được những khổ nhọc của ông được đâu.

Vua hỏi:

–Vì sao không giải quyết được?

La-sát trả lời:

–Ông hãy nhìn kỹ về ba cửa nơi phía Nam, ở đó có La-sát tên Đại cổ (trống lớn), cần phải có sức mạnh mới có thể thu phục được nó. Tôi đứng

đây không chạy trốn, ông hãy đến thu phục nó trước.

Nghe nói vậy, vua ở trong chỗ tối bèn rút kiếm ra đi thẳng đến cửa phía Nam thấy La-sát ấy ngồi dang hai chân, ngã ngửa ngó lên, thân có ba đầu, mặc áo giáp dạ rất dày, cây chĩa ba màu đen sậm trông rất dễ sợ.

Vua nghĩ: "Con quỷ này hôm nay, sau khi đã gây tội ác rồi thì lại thanh thản quá. Chỉ có ta là đau khổ. Dùng oai vũ của mình ta sẽ bảo các vị vua nhỏ dưới quyền phải vâng lời khiến La-sát-này sẽ bị trừng trị." Thấy vua có oai đức vũ dũng, La-sát hoảng sợ đứng dậy, chắp tay giơ sát đỉnh đầu nói:

–Xin hãy đến đây Đại vương! Oai đức của Ngài rất đáng kính trọng giống như Đế Thích, xin rủ lòng thương cứu giúp người trên thế gian mà đến chỗ con.

Vua nói:

–Ngươi đã gây cho dân chúng ta bị tai họa chết chóc, nay giả vờ khen ngợi ta nhưng lại tạo các việc ác tày trời.

La-sát nói:

–Vua hãy tin lời tôi, hãy nghe những gì tôi đã nói. Tai họa ở thế gian đều chẳng do tôi gây ra. Ngoài thành có quỷ tên Ma-ha-xá-niết ung dung đi trong ban đêm, có bốn đầu, bốn mặt, oai lực rất lớn và cũng chính là chủ của tôi. Nếu thu phục được nó thì vua được tiếng tốt đồn xa.

Nghe nói vậy, vua vội chạy thật mau ra khỏi thành, thấy La-sát ấy dùng đầu lâu làm vòng hoa cột trên bốn đầu, dùng da ướt của voi lớn làm y phục, dùng trăn rắn quấn quanh lưng, dùng đủ loại rắn độc làm chuỗi ngọc, hai răng bén như cái cưa chìa ra để móc ruột người, thân nó to lớn lấy máu xoa khắp, những đốt tay chân như chiên-đàn đỏ. Lại lấy đầu lâu đựng đầy máu mủ rồi đặt ở phía trước hít vô thở ra, nếm ăn no nê, tay cầm kích nhọn đi quanh thây người chết.

Thấy như vậy, với oai lực, vũ dũng khiến tim vua bị kích động giống như nhọn gió dữ thổi ngã cây đại thọ, như hai con sư tử khi gặp nhau càng hăng hái mạnh bạo, vua quát lớn:

–Này chủ quỷ đi đêm kia! Ngươi coi thường ta đến thế sao? Dù ngươi có tung hoành, độc ác, làm tổn hại dân chúng, dù đã chế thuốc thang trị liệu cũng giống như rót dầu vào lửa, hôm nay, giờ chết của ngươi đã đến.

La-sát nói:

–Thưa chúa đất! Ông chớ vội tức giận mà hãy nghe tôi nói. Nếu bị tai họa thì trước hết phải hỏi tội rồi sau mới kết tội. Trăm họ bị tai họa

chẳng phải do tôi tạo ra. Vì tôi yếu ớt, không có quyền lực nên bị người khác sai khiến. Phía trước con đường này có nữ quỷ, tôi bị nó sai khiến, khống chế, chứ chẳng phải do tôi làm.

Vua hỏi:

–Nữ quỷ ấy tên gì?

La-sát trả lời:

–Rất ác, bên ngoài giả vờ tỏ vẻ hiền hòa nhưng trong lòng độc ác tàn bạo. Chỉ trong chốc lát nó biến hiện rất nhiều thân. Nếu ông thu phục được nó thì tôi sẽ đi theo ông.

Vua suy nghĩ: "Con quỷ này không có quyền gì cả, phải tìm bắt con quỷ kia."

Bấy giờ, La-sát nữ hóa thân biến làm phu nhân mà vua yêu mến. Nó đi sau vua nói:

–Thiếp luôn được vua yêu chuộng, vậy sao ban đêm lại bỏ thiếp để đi đến đây? Hay là đã yêu thương người nào rồi?

Nghe nói vậy, vua không biết sự thể thật giả ra sao, liền quay đầu lại, nhìn biết ngay đó là con quỷ.

Vua nói:

–Đại đức hãy đứng lại! Ngươi đã ăn nuốt bao nhiêu là dân chúng trong thành rồi nay muốn ăn luôn ta sao? Như sức của lượng nước xoáy chảy dữ có thể nhận chìm hoặc làm trôi nhưng không thể khiến cho đá lớn, núi nặng phải trôi nổi.

Vua nắm tay nữ quỷ nói:

–Hãy từ bỏ các huyễn hóa của ngươi mà hiện nguyên hình đi, ngươi đã gây ra tội ác khủng khiếp, ta bắt ngươi thật chẳng oan uổng gì cả.

La-sát lập tức chắp tay lạy, nói:

–Tôi xin chí thành đảnh lễ vua.

Lúc này, nghe có tiếng lạ, vua nhìn ngó bốn phía.

La-sát hỏi:

–Vì sao vua nhìn ngó vậy?

Vua hỏi lại:

–Đó là tiếng gì?

La-sát trả lời:

–Tôi muốn được chỉ dạy nên phát ra tiếng ca hát ấy. Tiếng đàn đó là của tôi. Tất cả tai họa do nữ quỷ ấy gây ra, nó bắt tôi ở đây.

Biết La-sát này bị kẻ khác sai sử, vua bắt ca nữ này và hỏi:

–Tên ngươi là gì?

La-sát trả lời:

–Tôi tên Tam Thùy Phát *(Ba lọn tóc rũ)*.

Lại nói tiếp:

–Tôi có chủ tên Tứ Nha *(Bốn răng)*.

Nghe vậy, vua liền thả ca nữ, tìm bắt La-sát Tứ Nha.

Tứ nha nói với vua:

–Chẳng phải lỗi của tôi. Cách đây không xa lắm có sáu con La-sát:

1. Vân lư.
2. Sơn khâu.
3. Ung phúc.
4. Kim cang chủ.
5. Kiến độc.
6. Trịch quyến.

Sáu con La-sát-này là chủ của tôi.

Nghe nói vậy, vua vội đến chỗ ấy và bắt được sáu La-sát.

La-sát nói:

–Tôi cũng bị người khác sai khiến.

Vua hỏi:

–Ai đã sai khiến các ngươi?

Sáu La-sát nói:

–Có hai La-sát, một tên Ngưu Nhĩ và một con có tên Thủ Kích, chúng đã sai khiến chúng tôi. Vua hãy đến thu phục chúng.

Vua bắt hai con La-sát ấy, chúng nói:

–Chúng tôi không có quyền lực. Chúng tôi còn có chủ nữa.

Vua hỏi:

–Chủ của các ngươi là ai?

La-sát trả lời:

–Tên là Tốc Tật Kim sí điểu (chim Cánh vàng mau chóng).

Tức thì vua bắt Chim cánh vàng.

Chim cánh vàng nói:

–Có ba nam tử là chủ của tôi, một tên là Cực Ác, hai tên là Hỏa Phát và ba tên là Chiên-đàn.

Vua liền suy nghĩ: "Ta nay tìm bắt quỷ là nhằm để diệt trừ tai họa, nhưng các con quỷ này cứ lần lượt chỉ những nơi xa xôi hiểm trở, hoang vắng. Mặc dù xa xôi, nếu không tìm được nó thì mối tai họa không bao giờ chấm dứt."

Vua bèn tiến về phía trước thấy có ba con La-sát. Từ xa thấy vua, bọn La-sát ấy liền bỏ chạy lẫn trốn.

Vua bảo:

–Hãy đứng lại, ngọn kiếm bén này của ta chưa hề đem ra dùng, vì bảo vệ cho dân chúng trong nước mà ta phải băng lội đường sá xa xôi đến đây. Làm sao các ngươi có thể chạy trốn?

Nghe vua an ủi như vậy, bọn La-sát quay trở lại, chắp tay nói:

–Cách đây không xa, có một nghĩa địa rộng lớn rậm rạp, ở đấy có nhiều hang ổ của các loài chim thú dữ, nào hổ, sói, dã can, hùm beo, diều hâu, chim ưng giành ăn lẫn nhau phát ra tiếng kêu rất kinh hãi, chúng chạy tung hoành đầy khắp.

Vua hỏi:

–Ở đó có vật gì?

La-sát trả lời:

–Ở đó có La-sát, hình dáng thô xấu luôn phình trướng đói khát, trầy da, da như mây đen, hai mắt sáng như điện chớp, răng mọc nhọn chồng lên chìa ra ngoài môi trông rất hung dữ. Có các quỷ thần làm quyến thuộc và đều tuân theo nó, những việc phi pháp trên thế gian đều do nó tạo ra. Bè đảng của nó hung ác, một khi nổi dậy rất khó điều phục. Nếu thu phục được con quỷ có sức lực ấy thì oai đức của vua đồn khắp thiên hạ. Khi ấy chúng tôi sẽ xin cúi đầu phục tùng.

Nghe nói vậy, vua càng phấn chấn trở nên hăng hái mạnh mẽ vô cùng. Giống như ngọn sóng lớn của biển, lập tức vua đến chỗ con quỷ kia. Chỗ đó sương bụi mịt mù, gió dữ nóng rực thổi thây người chết che lấp cả vùng khiến càng tối tăm chẳng thấy gì cả. Chỉ thấy quỷ La-sát ấy với hình thù, tướng mạo như vừa nói. Xung quanh đấy thì hôi thối bịt bùng, nơi nào cũng có đầu lâu, tóc tai xương móng thì nhiều như gò núi. Vì hư hoại nên y phục mục nát bày la liệt trên đất, vò hư bị bể vung vãi tứ tung không chỗ nào có thể đi được. Hoặc thấy thây phình trướng, giòi trùng rỉa nát. Tiếng thú dữ gào rú vang khắp giống như binh đao, giặc cướp rất đáng ghê sợ. Lại có các loài quỷ chỉ toàn ăn máu, thịt người để sống. Chúng đều là loài hung dữ tàn bạo, mắt như điện chớp, trên đầu lửa cháy đỏ rực, mũi to lồi lên, hai răng nanh nhọn hoắt chìa ra, tai như cái sọt. Hình thù xấu ác không thể nói

hết, lấy da hổ sói làm y phục, lấy đầu lâu đựng mỡ để trong tay phải rẩy vào lửa. Thấy vậy, vua âu sầu nói:

–Chao ôi! Vì sao tự ỷ mình có sức mạnh mà bạo ác đến thế? Nếu không tiêu diệt được chúng thì ta không còn ở ngôi vua nữa. Hoặc dùng năng lực của thuốc thì bọn quỷ đều phải chạy tán loại. Ta nên đi mau đến trước tóm lấy tóc của quỷ La-sát kia. Vì muôn dân trong nước, ta phải diệt trừ con đầu sỏ của bọn La-sát-này.

Nói vậy xong, vua nhìn khắp bốn phía, rồi lập tức nhảy vọt lên như sư tử gầm quay hướng về Thần kỳ bốn phương của chư Thiên, nói:

–Gốc của cây độc tai họa cho cả nước ta sẽ trừ khử, chặt đến tận chân tóc.

Ỷ mình có sức mạnh, La-sát cười khà khà nói:

–Ai dám vào dòng thác để ngăn chặn dòng nước? Ai dám vào miệng cọp để đếm răng của nó? Ai dám đụng đến rắn độc hung dữ? Dù đấng Trượng phu anh hùng mạnh mẽ trong tất cả thế gian nhiều đến ngàn ức vạn ta cũng tiêu diệt. Vì sao dám nhổ tóc của ta? Thôi ngươi đừng nói nhiều, những người anh hùng dũng mãnh trong đời không ai có thể chống cự lại được ta, chỉ trừ Chiết-trá. Ngươi là ai mà dám nhổ tóc ta?

Vua nghe những lời tự xưng như vậy, liền vui vẻ trả lời:

–Lành thay! Hiền sĩ! Chiết-trá chính là ta đây.

Nghe nói vậy, con quỷ vừa mừng vừa sợ nói:

–Xin hãy tha lỗi cho tôi! Xin vua rũ lòng thương xót đừng nổi giận nữa. Từ nay về sau tôi sẽ diệt trừ tai họa cho vua.

Nói xong, quỷ bèn biến mất. Nhờ oai lực của vua nên đám quỷ thần ở đấy đều thoái tán. Dân chúng trong nước ngày càng hưng thịnh, không còn những tai họa, cuộc sống giống như chư Thiên.

-oOo-

KINH VÔ MINH LA-SÁT TẬP

QUYỂN TRUNG

Lại nữa, vì ý nghĩa gì mà đưa ra ví dụ này? Đây không phải là lời nói thêu dệt, không phải là nói không đúng lúc. Vì sao? Vì muốn phát triển rộng lớn ý nghĩa thâm diệu của pháp Phật. Vì muốn làm sáng tỏ lý nhân duyên nên đưa ra nhiều cách thí dụ.

Nói về thành của vua là dụ cho ba cõi. Trong thành ba cõi có khổ về sinh già, bệnh, chết, ưu bi khổ não, khổ vì yêu thương mà xa lìa, khổ vì cầu không được, khổ vì oán ghét mà gặp nhau, hủy báng mắng nhiếc, bêu xấu, giữ giới, phá giới,… vô số các khổ như vậy không thể nào kể hết. Bệnh dịch phiền não làm tan mất các căn lành, Bồ-tát thương yêu họ giống như bò mẹ thương yêu nghé con. Lại còn làm bạn thân thiện với chúng sinh, lập lời thề dũng mãnh cứu vớt hết thảy. Biết rõ sinh tử do nhân quả kết tập, hiểu rõ về chánh pháp hay phi pháp, có đầy đủ bốn nhiếp pháp, thành tựu nhất thừa, có tâm rộng lớn với chúng sinh, quán sát đau khổ vì mãi bị luân hồi nơi năm đường, luôn bị rắn độc bốn đại, oán giặc năm ấm, xóm trống sáu nhập, bị hại do sự yêu thương, dối trá, thân thiện, ngu si, cố chấp vào ngã và ngã sở. Những chúng sinh ấy bị phiền não trói buộc, vì sao không cứu vớt họ?

Sau khi suy nghĩ như vậy, Bồ-tát rời khỏi cung điện xuất gia, mặc áo giáp tinh tấn, dùng thần chú bốn nhiếp để tự hộ vệ, dùng thuốc hay thân Niệm xứ để xoa thân, lấy công đức nhẫn nhục để làm mâu giáo, ở trong vô lượng kiếp luôn tu tập trí tuệ giống như kiếm bén, chuyên tâm chánh niệm, giống như đường lớn của vua. Khi ngồi nơi đạo tràng, quán sát các căn nguyên đau khổ của tất cả chúng sinh, phát thệ nguyện rộng lớn quyết nhổ bỏ gốc đau khổ ấy. Nguồn gốc khổ này bức bách muôn loài, là khổ não rất lớn, đứng đầu nơi các tai họa; bị chín mươi sáu loại ngu si che lấp nên không biết rõ về nguyên nhân hoạn nạn sinh già, bệnh, chết. Khi Bồ-tát quán sát đúng đắn thì thấy vô lượng khổ não của sinh già, bệnh, chết. Hiểu nghĩa ấy rồi, Bồ-tát hỏi già:

–Ngươi tên là gì?

Già trả lời:

–Tôi tên là già.

Bồ-tát hỏi:

–Ngươi làm già thế nào?

Già trả lời:

–Già tôi có thể làm già cả ba cõi.

Bồ-tát hỏi:

–Ngươi đã làm gì?

Già trả lời:

–Tôi không làm gì cả.

Bồ-tát hỏi:

–Ngươi vì ái lạc mà bị đói khát, ngươi luôn nhớ nghĩ giống như sóng nắng cây chuối, cuối cùng đều bị tan hoại. Ngươi là sóng nắng hiện lên giữa đường hiểm trở có thể diệt bỏ sự vui thích của sáu căn, hủy hoại thân mạnh khỏe như mưa đá làm hoại hoa, dời đổi sức mạnh, làm khô cạn sáu tình. Tại sao nói rằng không làm gì?

Già trả lời:

–Việc này đúng thật là như vậy.

Bồ-tát hỏi:

–Hai chữ già và chết, trong ba cõi đều nghe mà không hiểu về ý nghĩa?

Già nói:

–Ông đã hiểu biết rất rõ về tôi.

Bồ-tát hỏi:

–Người thứ hai kia là gì?

Già trả lời:

–Nó tên là chết.

Bồ-tát hỏi chết:

–Tên của ngươi sao thô ác quá vậy?

Chết trả lời:

–Không những cái tên thô ác mà việc làm của tôi càng rất thô ác. Tất cả các loài trong thế gian như Trời, Người, A-tu-la, cả đến Dạ-xoa, Quỷ thần tôi đều giết sạch. Như đại La-sát có thể phá hoại đất nước, tôi cũng vậy, có thể phá hoại mạng sống của tất cả hữu tình.

Bồ-tát hỏi:

–Kỳ quái thay! Ngươi rất ác, chẳng có chút lòng Từ bi. Ngươi đi tới khắp mọi nơi chốn, với nghiệp ác độc hèn hạ không gì hơn ngươi.

Chết trả lời:

–Việc ấy chính là bản chất của tôi.

Bồ-tát hỏi:

–Bản chất của ngươi mặc dù là như vậy, nhưng với tâm và sức mạnh của ta, ta sẽ đánh bại được ngươi. Dù khó thu phục ngươi nhưng ta sẽ tinh tấn, quyết chiến thắng ngươi. Giống như sóng lớn nơi biển cả không thể xô đẩy được núi, cũng vậy, ngươi đừng hòng giết được ta.

Chết nói:

–Tuy ông nghĩ như vậy nhưng e rằng ông chưa thể chế phục được tôi.

Bồ-tát hỏi:

–Vì sao ngươi nghi ngờ ta không có khả năng thu phục ngươi?

Chết trả lời:

–Nếu ai tinh tấn, có phương tiện thiện xảo mới có thể thu phục được tôi. Tôi nghi ngờ ông chưa có đủ tinh tấn, dũng mãnh.

Bồ-tát nói:

–Ngươi hãy quán sát ta. Ở trong vô lượng kiếp, ta dùng phương tiện Từ bi đã đem thân mạng mình thay thế cho các chúng sinh, kể cả phải gặp oán thù sâu nặng. Giả sử dùng kiếm bén chẻ thân thể ta ra từng mảnh, nhưng ta luôn có lòng Từ bi với họ, phương tiện ấy đủ tiêu diệt ngươi không?

Chết trả lời:

–Cần gì nói nhiều về những chuyện đã qua đến thế, đâu đủ để trấn áp khiến tôi phải khổ não. Tôi sẽ thật lòng nói rõ nguồn gốc cho ông. Nguồn gốc ấy chính là sinh. Sinh tức sinh ra vô lượng khổ não cho tất cả thế gian. Rắn độc bốn đại, giặc oán năm ấm, đồ đựng sáu tình, luân hồi trong năm đường đều do sinh gây ra. Sinh này ban đầu đã sinh ra tất cả khổ, huống chi là chặng giữa và sau cùng. Ai thọ sinh thì cũng khổ giống như chúng tôi, không thể tính đếm. Nếu ai xả bỏ sinh thì không còn tai họa. Tất cả tai họa đều do sinh gây ra. Ví như không có củi thì không bị lửa thiêu đốt, nếu không có rừng thì không bị búa chặt, nếu không có bình thì không bị chày đập vỡ, như không có hoa thì không bị sương phá phá hoại. Với những ví dụ này đủ biết sinh tạo ra quá nhiều tai họa. Nay ông nhất quyết thề nguyện muốn tiêu diệt chết thì hãy trừ diệt sinh trước. Vì có sinh này nên có già, bệnh, chết ưu bi khổ não. Trong các tai họa, nó đều có thế lực.

Bồ-tát nói:

–Ta hiểu việc này, nếu có núi thì Kim cang sẽ làm hoại. Nếu không có núi thì Kim cang dù cứng nhưng làm sao hoại được? Phàm có thân tất có các khổ. Nếu không có thân thì khổ ở đâu?

Bấy giờ, Bồ-tát liền buông bỏ già và chết nhưng bắt sinh lại hỏi:

–Ngươi tên gì?

Sinh trả lời:

–Tôi có rất nhiều tên. Nhưng trong đó, tên nổi tiếng, thù thắng nhất là sinh.

Bồ-tát hỏi:

–Vì sao đặt tên sinh?

Sinh trả lời:

–Ông hãy tự quán sát.

Bồ-tát liền tự quán sát sinh rồi nói:

–Rõ ràng là sinh này đã có mặt trong tất cả cõi. Từ hai nghĩa hợp lại mà sinh ra nghĩa sinh.

Sinh nói:

–Trí tuệ của ông chân thật, chẳng điên đảo, hiểu rất đúng.

Bồ-tát hỏi:

–Sinh này sinh ra tất cả khổ. Vì sao không đặt tên là Phát Sinh Tất Cả Khổ mà chỉ đặt tên sinh?

Sinh trả lời:

–Tôi có lỗi đúng như ông đã nói.

Bồ-tát hỏi:

–Ngươi không biết rằng ta có lời thề nguyền kiên cố để đoạn trừ ngươi sao? Ta dùng lòng Từ bi để diệt trừ tất cả khổ trong thế gian.

Sinh trả lời:

–Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông đã nêu. Tôi không có quyền lực, chỉ theo người khác, hữu bắt tôi làm theo. Nam tử nơi các hữu được thế lực đó có thể sinh ra tất cả khổ của sinh tử. Nếu không tin sao ông không tự quán xét.

Bồ-tát suy nghĩ: "Nếu ta quán sinh thì sẽ biết hữu. Ba hữu này là ba con rồng lớn có thể mưa dữ trút xuống sông sinh rồi chảy vào biển chết. Do sông làm nhân duyên nên đẩy chúng sinh chìm đắm trong biển khổ." Bấy giờ, Bồ-tát liền thả sinh mà bắt hữu, quở trách:

–Vì tất cả các loài ta nguyện làm bậc cứu vớt, cầm kiếm trí tuệ chém quân thù. Vì sao ngươi dám buông lung bồi thêm sức cho sinh?

Hữu trả lời:

–Móc câu bốn thủ kéo tôi bỏ trong hữu. Bốn thủ mạnh mẽ nên luôn bắt những kẻ ngu dại. Tôi làm sao không thể nghe lời.

Bồ-tát liền bỏ hữu để quở trách bốn thủ:

–Ngươi nếu có gì để cho hữu? Ngươi chỉ làm cho các khổ tăng trưởng thì đâu có gì là cho hữu?

Thủ trả lời:

–Ví như hư không chẳng thể mọc cây cối, phải có đầy đủ nhân duyên là đất nước thì mới mọc cây cối. Nếu không có nước ái thì làm gì sinh cây hữu? Ông không nên quở trách tôi.

Bồ-tát bèn thả bốn thủ rồi bắt ái. Ái nói với Bồ-tát:

–Con vua Tịnh Phạn! Xin hãy đến đây! Trong vô lượng kiếp ông đã tạo nhiều công đức, tu tập các hạnh lành. Oai lực của ông hơn hẳn Phạm thiên, Đế Thích. Ông nên định tâm lại để nhận chút cúng dường của tôi.

Bồ-tát hỏi:

–Ông lấy gì cúng dường?

Ái trả lời:

–Tôi cúng dường bằng thú vui nơi năm căn thọ nhận năm dục.

Bồ-tát hỏi:

–Năm căn này có gì mà mời ta?

Ái trả lời:

–Tôi lấy sắc, hương, vị, xúc để mời ông.

Bồ-tát hỏi:

–Ngươi lấy sự thơm ngon của quả độc để mời ta sao?

Ái nói:

–Vì sao nói độc?

Bồ-tát:

–Năm dục này ví như bắt con dê quăng trong lửa, như người mù rớt xuống hang sâu. Nó xa lìa đường giải thoát, lấp bít cửa Niết-bàn. Người có trí thậm chí trong mộng còn xa lìa năm dục huống chi là khi thức.

Ái nói:

–Năm dục của chư Thiên không vượt trội sao?

Bồ-tát nói:

–Nó như huyễn như mộng. Dù Thiên nữ Tôn-đà-la đẹp đẽ như mặt trời, ở trên cõi trời ca hát vui chơi nơi cung điện, khi phước hết, qua đời rồi trở lại trong địa ngục, đâu phải chuyện để lừa gạt.

Ái nói:

–Ông chê cõi Dục, còn chư Thiên ở cõi Sắc chẳng lẽ không vui sao? Trong cõi Sắc ấy chú tâm thiền định, ít bị hoạn nạn.

Bồ-tát:

–Ta biết rõ những khổ hoạn trong cõi Sắc ấy.

Ái hỏi:

–Ông quán sát thế nào mà biết được?

Bồ-tát trả lời:

–Mặc dù thiền định sinh vào cõi Phạm thế, nhưng khi phước hết thì qua đời cũng có thể bị đọa vào ba đường ác. Ví như bị đốt nóng lại lấy nước lạnh tưới vào. Chúng sinh vì phước mỏng nên chịu khổ não trong luân hồi.

Ái nói:

–Như chỗ ông hiểu thì cõi Hữu đảnh là tối thượng, nhưng tâm ông quê mùa như cỏ lau.

Bồ-tát hỏi:

–Sao gọi là Hữu đảnh?

Ái thưa:

–Bốn cõi nơi cõi Vô sắc tên là Hữu đảnh.

Bồ-tát hỏi:

–Bốn cõi nơi cõi Vô sắc có thể là tướng ra sao?

Ái đáp:

–Tất cả chư Thiên trong cõi Vô sắc ấy định tuổi thọ là tám vạn đại kiếp.

Bồ-tát hỏi:

–Đại kiếp ấy khi hết thì được những gì?

Ái trả lời:

–Tám vạn kiếp hết gọi là chấm dứt.

Bồ-tát nói:

–Ô hô! Lạ thay! Quán cõi Dục thì khổ não vô lượng. Quán cõi Sắc thì thể tánh tất bị hư hoại, đến bốn cõi nơi cõi Vô sắc thì cũng không thoát

khỏi cái chết. Trong thế gian vui ít khổ nhiều, thật đáng thương thay.

Ái nói:

–Nếu ông muốn ra khỏi cảnh giới của tôi thì tìm cầu hoan lạc ở đâu?

Bồ-tát hỏi:

–Cảnh giới của ngươi hiện hữu ở nơi chốn nào?

Ái trả lời:

–Tất cả các pháp hữu vi là cảnh giới của tôi.

Bồ-tát nói:

–Tất cả các pháp hữu vi luôn thao túng cái chết là cảnh giới của ngươi. Còn ta nay dốc vượt khỏi cảnh giới hữu vi, nơi mà chết không đến được, vĩnh viễn xa lìa chỗ chết, không còn chỗ yêu thương mà phải xa lìa, oán ghét mà phải gặp nhau, không có chỗ cho sinh, già, bệnh, ưu, bi, khổ não, chỗ tận cùng của năm ấm, chỗ diệt bỏ năm căn, chỗ các căn không được tác dụng, chỗ bình Nhất thiết trí phát cam lộ. Những chỗ như vậy lẽ nào chẳng phải là ra khỏi cảnh giới của ngươi sao?

Nghe vậy, ái cười to nói:

–Vô lượng bậc Đại tiên như Tỳ-du-mật-đa-la, Bà-sất… đều nói như vậy nhưng chưa có ai đạt được.

Bồ-tát nói:

–Mặc dù họ mong cầu nhưng vì họ không biết cách.

Ái hỏi:

–Còn ông có cách gì?

Bồ-tát nói:

–Ngươi hãy bỏ thói làm mê hoặc chúng sinh và sự kiêu mạn to lớn. Ta sẽ tiêu diệt ngươi giống như voi lớn nhổ cỏ con.

Ái nói:

–Lành thay! Ông có lòng Từ bi lớn với chúng sinh. Tôi chỉ nương vào thọ nên trước hết ông hãy nắm bắt lấy thọ.

Bồ-tát nói:

–Ta nay quán xét tất cả hữu, sinh rất kỹ. Ai cũng đều sợ hãi thể tướng của khổ. Các căn giong ruổi lay động mong cầu nơi lạc, lạc không tự tại, chỉ do người khác mà có lạc, nó là pháp dối trá, hư vọng, tạm có. Kẻ ngu si mặc dù luôn bị lạc tạo tình mà không biết nhàm chán. Lạc tạo mọi buông lung, có thể cướp mất các căn, mê hoặc lòng người, rơi vào hang sâu phàm phu. Như ruồi rớt trong mật, được vị ngọt rất ít mà tổn thất rất nhiều. Không

phân biệt được tốt xấu, hễ thấy thì sinh ái. Như lấy dầu rót vào lửa lớn thì lửa cháy càng dữ dội hơn. Ái hãy đứng đây, đợi ta bắt thọ về rồi sau sẽ trị ngươi. Tội lỗi của ngươi và thọ như nhau nên cần phải trị tội ngươi.

Ái nói:

–Con vua Tịnh Phạn! Mặc dù ông mạnh mẽ, có ý muốn như vậy nhưng e rằng cũng không thể ngăn chặn được tôi. Vì sao? Vì thuở xưa, có đại Tiên nhân đầu vàng ra đời vào thời kỳ an lành, sống tám vạn tuổi, đạo đức sâu dày vậy mà không thể làm tổn hại được tôi, huống chi là ông ở vào đời sau cùng, xấu ác, tuổi thọ ngắn ngủi không đầy một trăm.

Bồ-tát hỏi:

–Ta xuất hiện vào đời ác sao?

Ái nói:

–Đúng là xuất hiện vào đời ác.

Bồ-tát:

–Hôm nay dẫu có bị phiền não quấy nhiễu, ra đời vào thời kiếp ô trược xấu ác nhưng nếu không phá trừ cửa vô minh của ngươi thì làm sao được gọi là Đại trượng phu?

Ái nói:

–Xin hãy dừng lại, chớ tự đề cao mình.

Bồ-tát bảo:

–Ta khen ngợi đúng thời chứ chẳng phải là phi thời… Đúng lúc đúng nơi là lời nói chân thật, lời nói có nghĩa. Ví như không thể che ánh sáng mặt trời mới mọc, cũng vậy, khó che được ánh sáng của bậc Trí đại nhân.

Ái nói:

–Tôi quan sát chí của ông, mặc dù mạnh mẽ, tinh tấn, nhưng chưa thành tựu. Lại tự khen mình, giống như mây sấm giáng trận mưa lớn làm chim chóc vui mừng. Còn ông chỉ nổi mây sấm mà chẳng thấy nước mưa. Như vậy trời hạn hán mà sấm chớp thì có lợi ích gì. Lấy ý này mà lường thì lời nói của ông là không thật.

Bồ-tát nói:

–Ta sẽ kể ngươi nghe việc không hư dối. Trong vô lượng kiếp, ta đã tô bồi những hạnh lành, nhất tâm định ý. Với kiếm bén trí tuệ, ta sẽ chém ngươi.

Ái nói:

–Làm sao chết được?

Bồ-tát nói:

–Ai quấy nhiễu ta bằng những tiếng ca hát này thì kẻ ấy bắt tay với nghiệp phiền não, sờ vào cây đàn ba cõi làm não loạn, mê hoặc tất cả chúng sinh dua nịnh.

Ái nói:

–Thật sự tôi muốn hướng dẫn như người ca hát này muốn đánh đàn. Vì đây là sở trường của tôi. Hiện nay tôi bị hắn bắt làm, bị hắn sai sử.

Bồ-tát hỏi:

–Đó là ái phải không?

Ái đáp:

–Đúng vậy!

Bồ-tát hỏi:

–Ái là ngọn lửa dữ thiêu cháy khắp mọi nơi. Ái ấy đắm vào lạc thì đều rơi trong ái. Kẻ ngu dại rơi vào đó giống như con thiêu thân đâm đầu vào lửa.

Ái nói:

–Ông quán sát rất tận tường.

Bồ-tát nói:

–Ta biết mọi sự ham thích các vui trong sinh tử chắn chắn đều do ái làm hại. Cũng như các loài chim thú vì ham mùi vị nên tất bị sập bẫy.

Ái nói:

–Ông thật sự biết rất rõ. Nhưng tôi có thể làm cho các kẻ phàm phu đắm vào thú vui của hữu, đời sau sẽ bị đau khổ. Chúng sinh ham thú vui của hữu đều do tôi tạo ra. Cho đến sinh lên cõi trời Hữu đảnh còn phải trở lại bị đọa lạc.

Bồ-tát:

–Ngươi nói chẳng đúng sự thật. Trên thế gian khao khát nhất không gì hơn ái. Giống như khát mà uống nước muối thì càng khát gấp bội. Cũng vậy, uống nước hữu thì càng tăng thêm ái.

Ái nói:

–Ông đừng giết tôi.

Bồ-tát:

–Mặc dù ngươi nói điều tốt lành nhưng trong lòng đầy độc ác. Nếu không trừ khử ngươi thì ta làm sao an ổn? Dầu vậy nhưng ngươi hãy đợi đấy, ta sẽ đến bắt thọ.

Bồ-tát suy nghĩ: "Do đâu có thọ?" Thế rồi Bồ-tát tận lực cố gắng, thân tâm dũng mãnh không chút khiếp sợ, từ bỏ sự ồn náo đạt được tịch định, vào quả vị Nhất thiết trí liền thấy thọ và nói với nó:

–Từ lâu xa đến nay ngươi dối gạt chúng sinh, ta là người bạn không mời của chúng sinh. Từ nay trở về sau ngươi không được quấy nhiễu họ nữa.

Thọ nói:

–Tôi quấy nhiễu họ những gì?

Bồ-tát:

–Ai thọ thân thì thể tánh đều khổ, giả vờ hiện tướng vui vẻ để làm mê hoặc kẻ phàm ngu. Mặc dù hiện người thân thiện nhưng thật ra là kẻ thù lớn.

Thọ nói:

–Thật sự có lỗi ấy nhưng các chúng sinh vẫn tham đắm vào tôi, giống như ong lấy hoa chỉ ham mùi vị nhưng lại quấy nhiễu không dừng.

Bồ-tát nói:

–Ngươi nói rất đúng. Giống như vì thích vào biển mà người ta phải gặp đủ mọi tai nạn, vì thích xông vào trận chiến, cung tên như mưa tuyết, nào mâu giáo để tàn hại nhau, vì do ham muốn mà băng qua nơi xa xôi hiểm trở, đồng hoang đói khát nhiều gian nan. Vì do ham muốn mà gây các hạnh khổ, nào đâm đầu xuống vực sâu, nhảy vào lửa, năm thứ nóng đốt thân, nằm trên gai góc bỏ ăn uống, ngồi trên gai cỏ, mặc bằng vỏ cây và cỏ, ăn rau trái, vì ham muốn mà làm các khí cụ cày ruộng, đào đất, trồng cây, xây nhà cửa, may y phục. Những việc như vậy cho là vui nên gây vô lượng khổ.

Thọ nói:

–Đúng như vậy. Nhưng tôi có thể làm cho tất cả chúng sinh vì do ham muốn mà chịu vô lượng khổ. Tôi rất thô tháo, không khi nào đứng yên. Những chúng sinh đắm chìm vào lạc thọ nói rằng tôi luôn như vậy.

Bồ-tát nói:

–Tất cả chúng sinh thật đáng thương. Lúc nào cũng bị ngươi làm mê hoặc. Vì chúng sinh ngu ám nên bị ngươi quấy nhiễu.

Thọ nói:

–Tội lỗi của tôi không chỉ bằng chừng ấy mà còn nặng hơn thế nữa. Nó vận động lưu chuyển từ vô thủy đến giờ. Tất cả chúng sinh luôn thọ nhận tôi mà không biết nhàm chán. Giống như đem dầu quăng vào lửa thì

lửa vẫn không biết đủ. Tất cả đều tham đắm vào lạc. Tôi không có lỗi gì cả.

Bồ-tát nói:

–Hôm nay, ta đến gần bên oán tặc ái Bồ-tát lớn tiếng hô to và rút kiếm trí tuệ muốn đến chém ngay.

Ái nói:

–Nhưng do thọ chứ đâu phải lỗi của tôi. Xét theo lời ông thì hãy chém thọ. Vì nếu không có thọ thì không có ái.

Thọ nói:

–Tôi không có quyền gì cả vì bị xúc sai khiến. Dù ông có hại tôi thì ông cũng không có lợi gì cả.

Bấy giờ, Bồ-tát đã hiểu về thứ lớp, dùng tay trí tuệ rờ vào xúc, nói:

–Ngươi tên là gì mà gây khổ đau cho chúng sinh đến thế? Do ngươi mà có thọ, làm cho hai chân sinh tử càng tăng trưởng, bít lấp cửa Niết-bàn?

Xúc nói:

–Vấn đề sinh ra thọ thì thật đúng như vậy nhưng nhờ ba nhân duyên mà xúc mới được sinh. Giống như phải có dùi, lửa và công của người hợp lại mới phát ra lửa. Tôi cũng vậy, có đủ ba việc nhãn, thức, duyên hòa hợp lại mới sinh ra xúc, do xúc làm duyên mà sinh ra thọ. Nếu không có lục nhập thì làm sao có tôi?

Bồ-tát nói:

–Ngươi nói đúng. Nếu lìa ba nhân duyên thì không có xúc. Nguồn gốc sinh ra xúc thì gần với sáu căn. Xúc! Ngươi hãy đợi đây, ta phải đi bắt sáu căn, kẻ đồng tội với ngươi.

Khi đã rõ tướng của xúc rồi, Bồ-tát lại tìm sáu căn, nói:

–Sáu căn này là tổ yến, như bọt nước, như mụt nhọt mới mọc, không bao lâu sẽ bị vỡ tan, có sức mạnh gì mà tự cao như vậy?

Sáu căn nói:

–Vì sao ông nói như vậy?

Bồ-tát nói:

–Vì có ngươi nên làm xúc thêm năng lực. Đã từ mình sống tung hoành còn làm duyên sinh ra các khổ. Ta đã dẹp bỏ sự tranh cãi, đâu thèm tranh cãi với ngươi.

Sáu nhập nói:

–Dù tôi nhỏ bé nhưng có thể sinh ra xúc.

Bồ-tát nói:

–Ta quán nguồn gốc của xúc là do ngươi. Sáu nhập là ngôi nhà lớn chứa vô lượng khổ não. Ngươi luôn buông lung, điên cuồng tâm không bao giờ tịch tĩnh, luôn thô tháo không hòa thuận, cứ chạy theo duyên không biết nhàm chán. Sáu căn ngu dại tham lam sáu xúc để tìm kiếm sáu trần.

Sáu nhập nói:

–Tâm chúng sinh rộng lớn, ông muốn điều phục tôi thì phải chiến thắng danh sắc trước. Nếu ông cố sức khổ nhọc để ngăn cản tôi thì trước hết nên thu phục danh sắc.

-oOo-

KINH VÔ MINH LA-SÁT TẬP

QUYỂN HẠ

Sau khi thu phục sáu nhập, Bồ-tát lại quán sát danh sắc. Biết được thể tướng của nó, Bồ-tát nói:

–Do ngươi mà sinh ra bao thứ khổ lớn cho chúng sinh. Ngươi hãy mau quay trở lại nghiệp của chính mình.

Danh sắc nói:

–Tôi thấy mình không có lỗi.

Bồ-tát:

–Vì sao ngươi không thấy có lỗi. Ngươi là kẻ dối trá, bản thể rất ác. Do ngươi mà sinh sáu tình của tất cả chúng sinh nơi thế gian.

Danh sắc nói:

–Việc này đúng như vậy. Tôi giống như cây có thể sinh ra cành lá. Vì đã có tôi thì có cành lá sáu tình.

Bồ-tát nói:

–Ta sẽ dùng búa bén trí tuệ chặt đứt cội gốc của ngươi thì cành lá sáu tình kia tự nhiên rơi rụng.

Danh sắc nói:

–Ông không thể nào chặt giết được thức của tôi đâu. Với sức mạnh của cánh tay thức, nó sẽ bảo vệ tôi. Loại thức này nếu không rơi trong đất danh sắc thì sẽ không có các khổ.

Bồ-tát nói:

–Đúng vậy! Nếu thức không ở trong thai mẹ, sống trong Ca-la-la thì thân chúng sinh không bao giờ sinh trưởng. Nếu thức không ở trong Ca-la-la thì Ca-la-la này liền bị hư hoại, nếu hư hoại thì làm sao có thân chúng sinh? Do đó, ta sẽ dùng lửa trí tuệ thiêu đốt hạt giống thức.

Xả bỏ danh sắc, Bồ-tát lại quán sát thức, rồi nói:

–Ngươi giống như huyễn hóa, thể tánh mê muội. Giống như khỉ vượn luôn thô tháo không đứng yên, như điện chớp không ngưng nghỉ, như ngựa không điều phục thì không đi vào đường chính, như voi say tung hoành khó

cấm, chế.

Thức nói:

–Tôi lấy thân làm thành, sáu nhập làm cửa. Tôi chính là chủ của thành ấy. Tất cả các pháp đều phải tuân theo, đưa tôi lên hàng đầu. Vậy chẳng phải là vua sao?

Bồ-tát nói:

–Trong trăm ngàn kiếp, ta đã mài kiếm trí tuệ. Hôm nay ta phải tiêu diệt ngôi vua của ngươi.

Thức nói:

–Kỳ lạ thay, tôi đã không có lỗi mà lại vô cớ oán ghét tôi.

Bồ-tát nói:

–Vì sao nói oán ghét vô cớ? Ngươi đã tạo ra hoạn nạn danh sắc, chẳng lẽ không phải là đáng oán ghét sao?

Thức nói:

–Tôi và danh sắc thật sự cùng nương vào hữu. Nếu không có thức thì không có danh sắc, nếu không có danh sắc thì không có thức.

Bồ-tát nói:

–Lạ thay! Danh sắc và thức đúng là bạn thâm giao với nhau, là nguồn gốc luân hồi của tất cả chúng sinh.

Thức nói:

–Danh sắc đích thực là người bạn thâm giao của tôi. Vì bị hành sai sử nên bỏ tôi trong nghiệp không được tự do. Tôi theo nghiệp thiện ác thọ thân nơi năm đường.

Bồ-tát nói:

–Ngươi bị hành sai khiến mà còn đến như vậy, thật sự là ngươi có lỗi nhưng hãy đợi ta làm sáng tỏ. Ta sẽ dùng Tuệ nhãn quán sát hành rồi sau đó hỏi tội ngươi.

Bấy giờ, Bồ-tát thả thức ra rồi đến chỗ hành. Hành kinh sợ nói:

–Ông là ai mà mạnh mẽ nhanh nhẹn, mặc áo giáp không hư hoại, tay cầm kiếm Bồ-đề bén nặng? Chúng sinh ngu si ở mãi trong đêm u ám mà chấp ngã, ngã sở, một mình đi trong tối tăm, buông lung thật đáng khiếp sợ.

Bồ-tát nói:

–Ngươi thọ thân đã lâu rồi, hôm nay ta quán sát thấu rõ rốt ráo về ngươi.

Hành sợ hãi nói:

–Làm thế nào để thấu đạt?

Bồ-tát nói:

–Từ xa xưa ta đã phát lời thề nguyện kiên cố, cúng dường cung kính Phật Đại Thích-ca Mâu-ni từ sự tắm rửa, ăn uống, đi ở, hết sức rất tinh tấn mãi đến ngày hôm nay. Từ đó ta luôn tô bồi công đức, chưa bao giờ biếng nhác.

Hành nói:

–Tôi thấy ông trang nghiêm công đức chưa được bao lâu!

Bồ-tát:

–Đừng nói như vậy. Ở a-tăng-kỳ kiếp đầu tiên ta chưa được thọ ký, đủ hai a-tăng-kỳ kiếp mới được thọ ký thành tựu đạo quả để cứu giúp chúng sinh.

Hành nói:

–Kỳ lạ thay! Ông có thể yêu thương chúng sinh.

Bồ-tát:

–Ta yêu thương chúng sinh với lòng Từ bi, yêu thương mà không đắm nhiễm để sinh luyến ái. Giống như có đàn voi trong rừng bốn bên toàn là lửa, ai thấy nguy ách ấy mà lại không thương xót. Cuối cùng con voi lớn nhất trong đàn kéo cành cây dập lửa để dẫn đường băng qua thoát khỏi nạn lửa. Cũng vậy, tất cả chúng sinh bị sinh già, bệnh, chết quấn kết quanh thân, người trí nào lại không thương xót, muốn cứu họ thoát khỏi nạn.

Hành nói:

–Ông có lòng Từ bi yêu thương chúng sinh như vậy, sao vào rồi bỏ đi?

Bồ-tát:

–Ta cứu vớt chúng sinh chưa bao giờ xả bỏ. Ta theo một bên thức để quán sát sinh tử. Các tai họa lớn ấy là do ngươi gây ra. Vì để diệt ngươi nên ta đến bên ngươi. Do ngươi mà được sinh lên cõi trời thứ hai làm Đế Thích ham muốn không nhàm chán. Cũng do ngươi mà được sinh nơi cõi Phạm thế, ngồi tòa sen nhập thiền định, lần lượt lên tới cõi trời Hữu đảnh phi tưởng, đến lúc qua đời lại sinh xuống ba cõi ác. Những việc như vậy đều do ngươi gây ra.

Hành nói:

–Đúng như điều ông đã nói. Dẫn đường vua thức chính là tôi. thức đi đâu tôi luôn làm người chỉ đường, giúp đỡ đến nơi đến chốn.

Bồ-tát:

–Ta sẽ dùng đá chánh kiến, mài kiếm trí tuệ để chẻ ngươi ra từng mảnh.

Hành nói:

–Xin ông đừng làm như vậy, chỉ mệt nhọc chứ chẳng bổ ích gì.

Bồ-tát hỏi:

–Vì sao không bổ ích?

Hành nói:

–Tất cả dù lửa kết sử là mẹ của khổ lớn, đó là Vô minh, nơi chứa đầy dẫy các khổ não ô uế. Tất cả tai họa đều do nó tạo ra, ông lại muốn bắt tôi thì đâu có bổ ích gì.

Bồ-tát nói:

–Vô minh ấy ở đâu?

Hành nói:

–Vô minh ấy bị La-sát phiền não Tỳ-xá-xà bao quanh, khó có thể thu phục được nó. Hiện nay nó ở nghĩa địa nhiều bạo ác của kết sử ngu si.

Nhờ hành, biết được chỗ của vô minh, Bồ-tát phấn chấn mạnh mẽ tìm đến chỗ nó, quát lớn:

–Những con quỷ La-sát phiền não kết sử kia, nếu chiến thắng được ta thì ta chịu chết, còn như ta chiến thắng thì các ngươi chắc chắn bị tan nát. Những La-sát kết sử phiền não kia, ta sẽ tiêu diệt không cho sống sót một mạng nào cả.

Hành nói:

–Nếu ông dũng mãnh tinh tấn thì hãy nhập Tam-muội Đại vô úy kim cang. Cửa giải thoát được mở ra và diệt trừ vô minh đâu có gì là khó.

Bấy giờ, Bồ-tát dũng mãnh nhìn bốn phía, bắt được vô minh và hỏi:

–Sao hôm nay ngươi không ở nơi nghĩa địa kết tập phiền não đủ các thứ ác, bụi trần phiền não, gió dữ phiền não làm che lấp Tuệ nhãn khiến cho không thấy gì cả. Là chỗ chứa phân cỏ nghi hối, dua nịnh, thây phá giới chết vì năm dục, thân người mục nát bày ra bừa bãi, hôi thối đầy dẫy trong nghĩa địa ấy. Gió dữ giác quán thổi ba độc, lửa cháy hừng hực, những dục ác, ngã mạn, trạo cử không ngừng cất tiếng cười vang nơi đống xương. Thây chết buông lung, máu mủ dơ dáy của các luật nghi ác chảy đầy trên mặt đất. Bình gốm ba cõi chứa đựng chất cấu uế phá bỏ các căn lành, những đồ đựng bị phá vỡ tan nát trên đất. Tóc đoạn kiến, thường kiến bị gió thổi rối tung, áo không hổ không thẹn rách bẩn bày đầy khắp nơi mồ mả; cát đá

kết sử phiền não thì khô cứng thô rít. Chín mươi sáu loại quạ thứu, các loại chim tà kiến đậu ngủ đêm khắp vùng. Hoặc có lúc có chúng sinh chó sói, chồn cáo, mèo chuột do tham hữu làm hang nơi đây. Có kẻ giới thủ mặc vỏ lá cây rơi rụng khô héo trong gò mả, có việc xử đoán phi pháp phá hư giường rồi đem bỏ bừa tại đây. Hoặc có người khổ hạnh đâm đầu xuống vực sâu, chạy vào hầm lửa, nằm trên gai góc như lửa đốt thiêu nướng tại đây. Hoặc có người tự ỷ mình nhiều sức lực, sắc đẹp, tài trí của thân mạng mà kiêu mạn làm ô uế đầy ắp. Hoặc có gai góc oán hận ganh ghét đầy dẫy. Hoặc có những con nhặng, ruồi giác quán phá hại các căn lành, sâu giòi bất tịnh hôi thối dơ nhớp dồn nơi tử thi. Hoặc có giặc oán phiền não năm cái dừng nghỉ khắp chỗ. Hoặc có kẻ chấp ngã và ngã sở, các thầy chú thuật tu tập nơi đây. Hoặc có những tà luận dị kiến như cáo, cú mèo kêu la inh ỏi khắp chốn. Lại có La-sát-nắm bẫy ái. Hoặc có La-sát cầm chày thùy miên vui chơi theo năm dục. Hoặc cầm cây chĩa ba bén nhọn đủ màu sắc ghê tởm của bất thiện điên cuồng kêu la, cười lớn không sợ sệt. Hoặc có La-sát lắc đầu lay thân trợn mắt kêu gào, nhảy nhót, lung lay, vỗ đùi, hò hét, hoặc thổi sáo, ca hát, nhảy múa. La-sát sân hận, La-sát oán thù, La-sát xem thường việc ác, coi nặng sự báo thù, La-sát bạo ác, La-sát tham lam, mạn, mạn mạn, ngã mạn, tà mạn, đại mạn, ham muốn phi pháp, những cái tham về dục, tham về điều ác. Những La-sát phiền não kết sử hung hiểm như vậy nhiều không thể tính kể.

Đến gò mả kết sử, Bồ-tát thấy những tội lỗi hung ác của Vô minh là che lấp Tuệ nhãn, cản trở nguồn thân làm cho chúng sinh không thấy Bốn Đế, bị đọa vào đường ác, nên Bồ-tát nói:

–Vô minh ấy làm người dẫn đường đi đến đồng hoang sinh tử, làm đống lửa dữ thiêu đốt sinh già, bệnh, chết, là cha mẹ của nghiệp kết sử phiền não, làm bít lấp cửa Niết-bàn, mở rộng các cõi ác. Nó đi khắp nơi trong ba cõi, đầu lớn buông lung, trán rộng nghi ngờ, mặt xấu huyễn hoặc, nhớ nghĩ tà vạy, mũi bệnh hoạn, mắt tà kiến, mắt có con ngươi chớp bốn điên đảo, rình rập giặc ác, lông nhiều, tai to thòng xuống, ganh ghét, tà mạng, dua nịnh, hư dối, ích kỷ, kiêu căng, ham muốn lợi dưỡng để làm răng nhọn, sáu mươi hai tà kiến làm tóc, tham ăn, ba ái làm cổ dài, các luật nghi ác làm móng tay dài, thọ lấy kết sử và nghiệp làm hai vú, phình trướng to lớn không biết đủ làm bụng, thùy miên, trạo hối sâu đen làm rún, nhiều tham ái làm âm tàng, mười tám giới làm hai đùi, những tham muốn phi pháp ác làm hai đầu gối, ngã kiến, nhân kiến làm hai bắp chân, voi lớn da dẻ nhơ nhớp không xấu hổ làm y phục, lấy áo vải to hôi hám không biết thẹn làm mền, ngồi giường kết sử, La-sát các kiết lại làm người hầu. Trong

số các La-sát phiền não ấy ai dù có một ngàn lưỡi cũng không thể nào nói hết tội lỗi của nó.

Lại thấy La-sát vô minh đứng bên cạnh và đang quay bánh xe, người trí ở thế gian nhìn mà phát sợ.

Bấy giờ, Bồ-tát càng tinh tấn hơn, liền chứng đắc Định ý tăng thượng nhất tâm, hết sức vui mừng tâm thanh tịnh lần lần đạt được ngôi Bất động, vững vàng đi đến chỗ La-sát vô minh. Đến chỗ bằng phẳng đất không phiền não, dẹp trừ cát đá gai góc của tâm độc ác, hiềm hận, giận dữ, lấy nước mưa Từ bi làm thấm nhuần đất bụi tám pháp, rồi rẩy lên đất để sinh các căn lành xanh tốt, căn lành an lạc làm pháp Nhị túc (phước đức, trí tuệ), bốn nhiếp, giữ gìn cẩn thận pháp nhị túc vượt qua các dị luận, dùng tay phải Định nắm gọn đầu tóc rối loạn lớn của sáu mươi hai kiến, dùng tay trái Trí tuệ rút kiếm bén, làm tâm không mời cho chúng sinh rồi gầm tiếng sư tử:

–Trong vô lượng trụ xứ của Phật, ta đã thu thập các pháp lành, dùng xe Đại thừa thề cứu vớt tất cả chúng sinh. Nhờ thành quả tinh tấn trong vô lượng kiếp ấy nên ngày nay được thành tựu. Tất cả chúng sinh bị lửa lớn sinh tử thiêu đốt, hôm nay ta sẽ vì họ mà tiêu diệt và chiến thắng quân giặc kết sử, đoạn tận mạch máu các hành, tạo con đường ra khỏi thế gian, nhổ sạch những nguy nan hiểm trở.

Nghe tiếng gầm ấy, La-sát vô minh vỗ tay cười lớn và nói:

–Đại phạm Thiên vương, Ma-hê-thủ-la-tỳ-nữu, Đế Thích, Tứ thiên, mặt trời, mặt trăng, những vì sao còn quỳ trước ta, bị ta khống chế. Vô lượng chư Tiên: Bà-tẩu tiên, Bà-tẩu-ưu-lưu, Quật-bà-lê dùng trí đức để mong ra khỏi cảnh giới của ta, nhưng đều bị ta làm mê hoặc nên không biết lối thoát. Tất cả chúng sinh đều bị buộc chặt trong vòng sinh tử, xoay tròn nơi hữu, không chút sức lực, những việc như vậy do ta làm ra. Thật là ngu không tự xét mình mà lại dám nắm tóc ta. Tất cả chúng sinh, Trời, Người, A-tu-la, do sức mạnh của ta nên luôn làm cho họ hao mòn không thôi. Ông là ai mà vội vàng đến đây dám la lớn trước mặt ta, đề xướng căn lành như mặt trời mới mọc? Điều này xưa nay ta chưa hề nghe thấy bao giờ. Tất cả chúng sinh bị mù tối nên không hay biết, với Tuệ nhãn của ông đã giúp họ thấy rõ, sáng vi diệu đến như vậy. Ai ở trong sóng gió dữ dội của biển khổ não sinh tử chỉ dạy vượt qua để đến bờ bên kia? Tất cả phàm phu si ám trong con đường tà, ai dẫn họ vào con đường chánh? Nhà vô minh đen tối ai cầm ngọn đuốc sáng chiếu rọi? Tôi mà ra lệnh thì cả ba cõi đều tuân theo, không ai dám chống trái. Các hàng chư Thiên, ngoại đạo đều vui thích. Đại phạm Thiên vương, Ma-hê-thủ-la… nhờ sức của ta mà sinh khởi tưởng

thường. Người tối thắng vô úy nào mà không sợ ta? Lại dám nắm tóc của ta? Lành thay! Lành thay! Nhất định ông sinh trong dòng họ Đức Phật. Diệu lực từ chánh quán, công đức đại Bi không gì sánh bằng làm thể, tức là Bồ-tát thương yêu chúng sinh, đức ấy tôn nghiêm như núi chúa Tu-di. Ngoài người thù thắng này, tất cả thế gian không ai dám giơ tay nắm tóc ta cả!

Bồ-tát nói:

–Những lời ngươi nói thật chính xác. Từ xưa đến nay ta luôn tu tập các hạnh lành với mục đích là để cứu đô tất cả chúng sinh. Như lời ngươi nói, vị Bồ-tát ấy chính là ta đây.

Vô minh nói:

–Ông có lòng từ bi thương yêu chúng sinh, với trí quyết định, bất động, mà cứu giúp họ. Đối với oán, thân đều bình đẳng một vị. Như lửa hừng hực đốt cháy lá tươi, cũng vậy, trí tuệ của ông đã thiêu cháy tôi. Ông vững vàng chân chánh, tôi sẽ vâng theo lời dạy của ông, trọn không dám chống trái.

Bồ-tát nói:

–Ta dùng khổ, không, vô thường, vô ngã để ấn chứng. Ta khuyên ngươi hãy đi mau không nên chậm trễ.

Bồ-tát nói ấn ấy xong, La-sát vô minh bèn dẫn bọn phiền não ác chạy trốn vào chín mươi sáu tà luận và chúng ở yên trong ngu si.

Bấy giờ, Bồ-tát tập hợp rộng khắp các tư lương đạo phẩm, không thầy mà tự giác ngộ, diệt trừ vô minh. Cho nên đại chúng phải tu tập sáu độ chứa giữ đủ các pháp lành.

Quán sát kỹ về lời Phật dạy
Sau đạt vui lớn, hiểu nghĩa sâu
Xưa ta từng nghe có người mù
Trong nhà trống nhìn ngắm chày gỗ.
Đầu chày nghiêng đâm vào tổ ong
Nghe tiếng ong, người mù chạy trốn
Lừa trong nhà trống bị ong chích
Đau quá, lừa rớt xuống hố sâu.
Trong hố, rồng ác đang giận dữ
Bủa mây sấm sét mưa đá lớn
Trong không trung sét đánh ầm ầm
Trong xóm quỷ ác rất dữ tợn.
Mưa lửa lớn phủ khắp đất nước

Thế giới chúng sinh bị lửa bức
Cùng nhau chạy trốn vào sông sâu
Dưới đáy sông là cung điện La-sát.
Nuốt máu, tinh khí của chúng sinh
Ai vào sông đến cung điện ấy
Bị đau đớn không thể ra được
Vào núi đá chỉ một lỗ trống.
Chúng sinh ra khỏi lỗ vào biển
Nước biển mặn tiêu tan thân thể
Khóc lóc kêu gào gọi mẹ cha
Chư thần ai đến cứu giúp tôi.

Khi ấy, trong biển lớn có vua Ngựa thần, thường ăn gạo cám chín rục, mập, khỏe đẹp. Nghe chúng sinh bị khổ não, vua ngựa nói:

–Ai muốn vượt qua bờ bên kia để đến cõi Diêm-phù-đề.

Những người rơi trong biển đều giơ tay phải kêu:

–Cứu tôi, cứu tôi.

Lập tức, vua ngựa phấn chấn, làm cho tám vạn bốn ngàn lông tự nhiên dài ra, kéo mọi người đều được cứu thoát.

Vì sao đưa ra ví dụ này?

Nói về người mù là dụ cho tất cả chúng sinh vô minh. Con ong là dụ cho hành. Con lừa là dụ cho thức. Lừa rơi xuống vực sâu là dụ thức bị đọa nơi danh sắc. Mưa đá sấm sét là dụ cho hoạn nạn vô thường trong sáu tình. Quỷ ác là dụ cho xúc. Mưa và lửa là dụ cho các thọ. Đâm đầu xuống sông là dụ cho ái. Trong biển, La-sát ăn tinh khí người là dụ cho bốn thủ. Chìm đắm không ra khỏi là dụ cho ba cõi. Lỗ núi đá là dụ cho sinh. Biển lớn là dụ cho lão tử ưu bi khổ não. Vua ngựa thần là dụ cho Phật, thân mập khỏe, chân thật, kiên cố với đầy đủ công đức lành, dùng tám vạn bốn ngàn lông của chánh niệm định, vì chúng sinh khởi tâm Từ bi thương xót. Tất cả chúng sinh đều bị khổ lớn: Bị sinh làm sinh, bị già làm già, bị chết làm chết. Nhưng tất cả chúng sinh không ai biết dùng phương pháp nào để tìm con đường giải thoát. Chư Phật dẫn dắt chúng sinh ra khỏi khổ nạn. Người cỡi con ngựa tức là hành giả cỡi pháp luân.

Năm vị Tỳ-kheo như Kiều-trần-như… năm người như Da-xá… năm mươi người, con của Trưởng giả… sáu mươi người của Hiền ấp… một ngàn người của anh em Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp… hai trăm năm mươi vị của hai Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-kiên… tám vạn bốn ngàn người của vua Tần-bà-sa-la… cuối cùng là Tu-bạt-đà-la, cho đến tám vạn bốn ngàn

tạng pháp sâu xa để lại.

Nếu có chúng sinh nào nghe một câu một kệ, đều là nhân duyên để đến cửa Niết-bàn.

-oOo-